

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
(1930 - 2020)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
(1930 - 2020)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020**

Chỉ đạo biên soạn

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước các khóa VI, VIII, X

Ban Biên soạn

Nguyễn Thị Lan Hương

Hà Anh Dũng

Đoàn Tấn Dũng

Nguyễn Huỳnh

Phạm Quốc Hùng

Trần Văn Quân

Trần Tuyết Minh

Vũ Sỹ Thắng

Thiếu tướng Phùng Đình Ấm

Nguyễn Công Khanh

Trương Quang Phúc

Nguyễn Thanh Danh

Cố vấn khoa học

Phó Giáo sư Hồ Sĩ Khoách

Tiến sĩ sử học Lê Hữu Phước

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bình Phước là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Theo số liệu thống kê năm 2019, Bình Phước có dân số là 997.766 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 17,9% dân số toàn tỉnh. Đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết, anh dũng, kiên cường, cần cù, sáng tạo trong đấu tranh giải phóng và xây dựng quê hương.

Những năm cuối thế kỷ XIX, sau khi thiết lập xong bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa ở nước ta. Là địa bàn có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây cao su nên thực dân Pháp đã nhanh chóng xây dựng ở Bình Phước các đồn điền cao su. Dưới sự áp bức, bóc lột dã man của bọn chủ đồn điền, công nhân và đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã nổi dậy đấu tranh. Ban đầu, các cuộc đấu tranh chỉ mang tính tự phát, nhằm đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ. Trước sự phát triển của phong trào công nhân, ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào cách mạng trên địa bàn tỉnh. Ngay từ khi mới ra đời, Chi bộ đã lãnh đạo công nhân cao su tiến hành sự kiện “Phú Riềng đỏ” làm rung chuyển cả hệ thống “địa ngục cao su Đông Dương”, gây chấn động dư luận trong nước và nước Pháp. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, thực dân Pháp điên cuồng đàn áp, bắt bớ, tù đày, sát hại dã man nhiều cán bộ, đảng viên, quân chúng ưu tú. Vượt qua gian khổ, hy sinh, quân và dân Bình Phước đã kiên trì đứng lên đấu tranh, đồng thời khôi phục và phát triển lực lượng. Ngày 24/8/1945, đồng bào các dân tộc thiểu số cùng công nhân cao su ở Lộc Ninh, Hớn Quản, Bà Rá (địa bàn Bình Phước hiện nay) đã vùng lên giành chính quyền thắng lợi.

Hòa bình chưa được bao lâu thì ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Với quyết tâm “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, cùng với quân dân Sài Gòn và cả Nam Bộ, quân dân Bình Phước nhất tề đứng lên, quyết tâm ngăn chặn âm mưu xâm lược của thực dân Pháp. Các “đội quân áo nâu”, “đội quân cung tên” đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài.

Những địa danh như Chiến khu Đ, căn cứ Truong Ba Trường, Đường 14... gắn liền với lịch sử vẻ vang của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, mãi là niềm tự hào của quân và dân Bình Phước.

Chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” ngày 07/5/1954 của quân dân ta đã đập tan dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (1954).

Tuy nhiên, ngay khi thực dân Pháp bị đánh bại, đế quốc Mỹ đã nhắm nhe nháy vào miền Nam Việt Nam, dựng nên chính quyền tay sai nhằm thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng. Mỹ - ngụy ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, tiến hành chính sách “tố cộng, diệt cộng”, ban hành Luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam sát hại các chiến sĩ cách mạng và người dân yêu nước. Phong trào cách mạng miền Nam nói chung và ở địa bàn Bình Phước nói riêng rơi vào tình thế vô cùng ngặt nghèo. Trước tình hình đó, Nghị quyết Trung ương 15 ra đời (7/1959) đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương 15, cùng với quân dân toàn miền Nam, quân dân Bình Phước đã làm nên phong trào Đồng khởi. Tiếp đó, quân dân Bình Phước cùng với quân dân miền Nam và quân dân cả nước đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh thâm độc của đế quốc Mỹ. Mùa hè năm 1972, Chiến dịch Nguyễn Huệ thắng lợi, các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập (thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước hiện nay) được giải phóng, góp phần mở rộng vùng căn cứ, mở ra cục diện mới trên chiến trường. Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Lúc này, Lộc Ninh trở thành thủ phủ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, nơi diễn ra hội nghị bốn bên để bàn về việc thi hành Hiệp định Pari. Ngày 06/01/1975, quân và dân ta giành thắng lợi trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long, giải phóng hoàn toàn Phước Long. Thắng lợi của chiến dịch Đường 14 - Phước Long đã giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975. Ngày 02/4/1975, Bình Phước hoàn toàn giải phóng. Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất. Đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày giải phóng, hai tỉnh Bình Phước, Thủ Dầu Một và một số xã của huyện Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh) sáp nhập thành tỉnh Sông Bé. Đảng bộ và Nhân dân Sông Bé bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

trong bộn bề khó khăn, thiếu thốn. Phát huy truyền thống hào hùng trong kháng chiến, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, thách thức, từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi sản xuất. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân từng bước được ổn định. Là tỉnh giáp với Campuchia, nên trong giai đoạn này, quân dân Sông Bé phải trực tiếp đương đầu và cùng với quân dân cả nước giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Xary, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Bước sang thập niên 1980, tình hình kinh tế - xã hội đất nước gặp nhiều khó khăn, rơi vào khủng hoảng. Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ tỉnh Sông Bé đã đề ra chủ trương, mục tiêu, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, từ đó thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, an ninh quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố ngày càng vững mạnh.

Năm 1997, tỉnh Bình Phước được tái lập, mở ra thời kỳ phát triển mới. Ngay sau khi tái lập tỉnh, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, chăm lo đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội. Bằng sự đoàn kết, quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh, sau hơn 20 năm đổi mới, bộ mặt Bình Phước đã có nhiều khởi sắc. Bình Phước trở thành “thủ phủ” cây điều của cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức khá cao. Cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng và ngày càng hoàn thiện. Cùng với sự phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng được giữ vững, đời sống nhân dân ngày một nâng cao.

Nhằm tái hiện chặng đường 90 năm đấu tranh giải phóng, xây dựng và phát triển của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước (1930-2020); tri ân những cống hiến, hy sinh của các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, quần chúng nhân dân tiêu biểu; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao lòng tự hào về quê hương Bình Phước anh hùng; động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là thế hệ trẻ không ngừng phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới; đúc rút những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước (khóa X) đã tổ chức biên soạn và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)***.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng, nhưng do những hạn chế về tư liệu, nhiều nhân chứng lịch sử đã mất, số còn lại thì tuổi cao sức yếu không cung cấp được nhiều thông tin, nên cuốn sách không tránh khỏi một số hạn chế, thiếu sót. Ban Biên soạn và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Bình Phước là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ. Từ bao đời nay, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã xây dựng được truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Chính những phẩm chất cao quý đó đã tôi luyện, hun đúc nên con người Bình Phước ngày hôm nay.

Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã nhiều lần đứng lên kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương, đất nước. Bình Phước là nơi có chi bộ Đảng Cộng sản sớm nhất ở miền Đông Nam Bộ. Đó là Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng “Phú Riêng đỏ” được thành lập ngày 28/10/1929. Sau khi được thành lập, Chi bộ đã lãnh đạo công nhân cao su làm nên sự kiện “Phú Riêng đỏ” vào đầu năm 1930, ghi một dấu son chói lọi trong lịch sử vẻ vang của Đảng ta. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở Bình Phước phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Các tổ chức đảng, cơ sở cách mạng, lực lượng vũ trang, dân quân du kích được hình thành, đã ngày đêm bám đất, giữ làng, trường kỳ kháng chiến, bảo vệ quê hương; đoàn kết, chung tay cùng với lực lượng bộ đội chủ lực lần lượt tiêu diệt các mục tiêu, cơ quan đầu não của địch đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giải phóng quê hương, góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Hòa bình lập lại, toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh nhanh chóng bắt tay vào khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới; chủ động, sáng tạo thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo, góp phần xây dựng quê hương Bình Phước ngày càng giàu đẹp, Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc theo mục tiêu, lý tưởng, con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Trong suốt quá trình đó, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã lãnh đạo các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh kề vai, sát cánh cùng với Nhân dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Nhân dân cả nước bước đầu quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Quá trình phát triển và lãnh đạo các phong trào cách mạng của Đảng bộ tỉnh Bình Phước từ khi ra đời đến nay đã trải qua hơn 90 năm. Trong suốt chặng đường

lịch sử vẻ vang đó, đã xuất hiện biết bao tấm gương sáng về tinh thần “tận trung với nước, tận hiếu với dân”, trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng; nhiều sự kiện lịch sử to lớn, nhiều chiến công oanh liệt đã khắc ghi dấu ấn không thể nào quên trong lòng Nhân dân tỉnh Bình Phước và cả nước.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng; nhằm ghi lại và phản ánh chân thực những chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Bình Phước; tổng kết những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng của Đảng bộ tỉnh; biểu dương những tấm gương tiêu biểu trong chiến đấu, lao động, học tập, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng; bồi dưỡng và nâng cao niềm tin, lòng tự hào về Đảng, về đất nước, về quê hương Bình Phước anh hùng; động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là thế hệ trẻ không ngừng phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước (khóa X) quyết định tổ chức biên soạn và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)*.

Cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)* được biên soạn dựa trên cơ sở kế thừa nội dung của hai cuốn sách: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-1975)* xuất bản năm 2000 và *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1975-2005)* xuất bản năm 2008; đồng thời sưu tầm, khai thác tư liệu và nghiên cứu để viết tiếp lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2005-2020.

Đây là một công trình khoa học được biên soạn khá công phu, với sự đóng góp tâm huyết, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương trong và ngoài tỉnh, nhất là sự tận tình của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí đã từng giữ các chức vụ chủ chốt của tỉnh và sự nghiên cứu nghiêm túc của những người làm công tác nghiên cứu khoa học. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến quý báu của tất cả các đồng chí, nhà khoa học trong quá trình biên soạn và xuất bản cuốn sách này.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-2020)* với Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, cùng bạn đọc gần xa.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

Nguyễn Văn Lợi

PHẦN MỞ ĐẦU

BÌNH PHƯỚC - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI
VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG

Chương I

ĐẶC ĐIỂM VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

Bình Phước là tỉnh biên giới thuộc miền Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 6.876,76km², dân số là 997.766 người¹, mật độ dân số là 145 người/km², trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 17,9% dân số toàn tỉnh. Địa giới hành chính của tỉnh như sau: Phía đông giáp các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông và Đồng Nai; phía tây giáp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Tbong Khmun (Campuchia); phía bắc giáp tỉnh Kratié và Mondulkiri (Campuchia) và phía nam giáp tỉnh Bình Dương. Bình Phước có đường biên giới tiếp giáp Campuchia dài 260,433km. Trong suốt quá trình lịch sử, Bình Phước luôn có vị trí hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế và an ninh quốc phòng.

Về đất đai, Bình Phước có vùng đất đỏ bazan chiếm một nửa diện tích toàn tỉnh, còn lại là đất đỏ trên đá phiến, đất xám và đất vàng nâu. Vùng đất đỏ bazan chủ yếu tập trung ở các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Hớn Quản, Phú Riềng, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long và chiếm một phần nhỏ diện tích thành phố Đồng Xoài và các huyện còn lại. Đất đai Bình Phước rất thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như tiêu, điều, cà phê, cao su. Đặc biệt, cây cao su trồng trên đất đỏ bazan có chu kỳ khai thác kéo dài, sản lượng mủ cao hơn nhiều so với cây cao su trồng trên đất xám. Bên cạnh những loại cây công nghiệp dài ngày, đất bazan còn thích hợp với nhiều loại cây màu, lương thực. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất đối với việc trồng trọt các loại cây ngắn ngày ở Bình Phước là thiếu nguồn nước tưới vào mùa khô, nên chỉ phát triển được vào mùa mưa.

1. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước: *Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2019*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr.46.

Cũng như các tỉnh Nam Bộ, Bình Phước thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa ổn định. Khí hậu trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kéo dài đến cuối tháng 10 dương lịch. Những tháng đầu mùa mưa thường là mưa rào và mưa đều vào những tháng 7, 8 và 9, ít có ngày mưa dầm. Đặc biệt, ở Bình Phước hầu như không có bão, mà chỉ chịu ảnh hưởng của những cơn bão gần. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 24.000mm, rải đều trong nhiều tháng, nên ít khi gây ra lũ lụt. Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình khoảng 29°C. Những tháng cuối mùa mưa sang đầu mùa khô, thời tiết thường se lạnh về đêm. Mùa khô thường có gió từ Tây Trường Sơn thổi tới nên khí hậu khô hanh. Mỗi ngày có trung bình từ 5 đến 7 giờ nắng. Vào mùa khô, nhiệt độ ban ngày có nơi lên đến 35-37°C. Nhưng thời gian nóng bức nhất này thường chỉ kéo dài khoảng hơn một tháng. Sau đó, nhiệt độ giảm dần để chuẩn bị đón nhận những cơn mưa đầu mùa.

Bình Phước có tài nguyên phong phú, trước hết là rừng. Đầu thế kỷ XX, Bình Phước vẫn còn những khu rừng bạt ngàn trải dài từ bắc đến nam, chiếm gần 100% diện tích toàn tỉnh. Trong đó, có những khu rừng già, những khu rừng nguyên sinh với nhiều loại gỗ quý của rừng nhiệt đới như cẩm lai, gỗ đỏ, gỗ nu, sao, bằng lăng; có nhiều loại cây dược liệu quý dùng làm thuốc chữa bệnh; nhiều loại song mây, tre, lồ ô... dùng làm bột giấy và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Rừng Bình Phước có nhiều loại cây lấy củ và hạt như củ nân, củ mài, củ chụp, củ nho, hạt gắm, hạt bông... và nhiều loại rau rừng như lá nhep, lá nhàu, đọt mây, măng, môn dóc, tàu bay. Đây là nguồn lương thực, thực phẩm quan trọng đã từng góp phần nuôi sống lực lượng cách mạng trong những năm kháng chiến gian khổ, ác liệt. Cùng với các loại cây rừng, thú rừng ở Bình Phước cũng khá phong phú với các loại thú lớn, quý hiếm như voi, tê giác, trâu rừng, nai...; các loại thú vừa và nhỏ như mễn, khỉ, nhím, chồn, cheo và các loại chim, gà rừng...

Khi tư bản Pháp tiến hành phá rừng lập đồn điền cao su thì rừng Bình Phước bị thu hẹp lại. Với địa thế hiểm trở, trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, rừng Bình Phước là nơi xây dựng những căn cứ địa cách mạng. Hiện nay, rừng Bình Phước bị thu hẹp lại do bom đạn, chất độc hóa học trong chiến tranh tàn phá cùng với việc khai thác bừa bãi của bọn lâm tặc và dân di cư tự do. Tuy vậy, đến nay, ở Bình Phước, rừng và đất rừng vẫn còn khá phong phú, với trên 359.899ha, chiếm hơn 52% diện tích toàn tỉnh.

Về sông ngòi, sông Bé là phụ lưu của sông Đồng Nai nhưng là dòng sông lớn chảy trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sông Bé dài khoảng 350km, đoạn chảy qua tỉnh Bình Phước dài khoảng 280km¹. Ở phía bắc, đoạn chảy qua vùng cư trú của đồng bào Xtiêng, Mnông, sông Bé được gọi là sông Đắc Lung; đoạn xuôi về phía nam được gọi là sông Bé. Sông Bé có một số nhánh sông quan trọng như ở thượng nguồn có sông Đắc Quýt, Đắc Rấp bắt nguồn từ vùng Nam Tây Nguyên và Đông Bắc Campuchia. Vào mùa khô, ở vùng thượng lưu có chỗ mực nước hạ thấp còn khoảng 1m, người dân có thể lội qua sông. Nói chung, sông Bé đoạn chảy qua địa bàn tỉnh Bình Phước không thuận lợi cho giao thông đường thủy do có bờ dốc đứng, lòng sông có nhiều đá ngầm, ghềnh thác. Vào mùa mưa, nước từ các núi đồi, suối, rạch dồn dập đổ về khiến mực nước dâng cao đột ngột. Dòng sông hiền hòa trở nên hung dữ, nước cuộn cuộn chảy. Thượng nguồn sông đoạn ở Thác Mơ², độ dốc lòng sông rất lớn, lắm ghềnh thác, quanh năm nước chảy ào ạt. Thác Mơ không chỉ là một cảnh đẹp thiên nhiên thơ mộng mà còn có giá trị kinh tế. Tại đây, ta đã xây dựng nhà máy thủy điện Thác Mơ. Điện Thác Mơ được hòa vào mạng lưới điện quốc gia để phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và đời sống của Nhân dân cả nước, trong đó có phần ưu tiên cho Nhân dân Bình Phước. Ngoài sông Bé, phía tây Bình Phước còn có sông Sài Gòn, bắt nguồn từ phía bắc Lộc Ninh, đoạn chảy qua địa phận Bình Long gần 50km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Bình Long và Tây Ninh. Ngoài ra còn có nhiều sông, suối nhỏ, hồ, bưng, bầu thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản và góp phần làm cho khí hậu của Bình Phước trở nên ôn hòa.

Trong lòng đất của Bình Phước chứa đựng nhiều khoáng sản phong phú. Các nhà địa chất đã phát hiện ở Bình Phước có vôi đá vôi trải dài từ Bình Long qua Lộc Ninh, là thứ đá vôi rỗng gần như không lẫn tạp chất, dễ khai thác và vận chuyển. Tuy trữ lượng không lớn bằng ở Hà Tiên nhưng đá vôi ở Bình Phước có chất lượng tốt hơn, giá trị kinh tế cao hơn. Bình Long có loại đá vôi biến chất thành đá hoa, màu sắc và cấu trúc đẹp, có độ cứng 3, rất có giá trị về nghệ thuật và kinh tế, dùng để trang trí trong xây dựng, tạc tượng, làm đồ lưu niệm và trang sức.

Bình Phước có trữ lượng các loại đá xây dựng khá lớn như: Đá bazan có trữ lượng 100,7 triệu mét khối, đá andesit có trữ lượng 67,5 triệu mét khối, đá granodiorit có trữ lượng 25,9 triệu mét khối... Ngoài ra, Bình Phước còn có

1. Xem Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước: *Địa chí Bình Phước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.1, tr.83.

2. Thác Mơ là tên do các tù chính trị phạm Bà Rá đặt.

các loại đất sét ở Mã Đà, Đồng Xoài, Tà Thiết, Phước Long, Bù Gia Mập... dùng để làm gạch ngói.

Tài nguyên nước ngầm của Bình Phước cũng có giá trị kinh tế. Các mũi khoan địa chất ở Bình Long, Lộc Ninh cho thấy nguồn nước ngầm của Bình Phước khá phong phú.

Bình Phước có hai trục đường giao thông chiến lược quan trọng là Quốc lộ 14 và Quốc lộ 13 nối liền Bình Phước với Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và nước bạn Campuchia. Bên cạnh hai con đường chiến lược đó, trên địa bàn tỉnh còn có đường ĐT 741, ĐT 748, ĐT 749, ĐT 750..., các đường lộ dọc ngang ở từng huyện, xã, tạo thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân. Tổng chiều dài các con đường (không kể đường đất) trên địa bàn tỉnh là 1.233km.

Hiện nay, các con đường đang tiếp tục được làm mới, sửa chữa, nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại giữa Bình Phước với các tỉnh Nam Tây Nguyên và Nam Bộ. Trong tương lai, khi đường xuyên Á được xây dựng và tuyến đường sắt Lộc Ninh - Sài Gòn được khôi phục sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và giao thông ở Bình Phước. Các tuyến đường liên huyện, liên xã cũng đang được làm mới, sửa chữa, nâng cấp để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống của Nhân dân.

II. KINH TẾ

Bình Phước là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; là cửa ngõ kết nối khu vực Tây Nguyên với Thành phố Hồ Chí Minh; tiếp giáp với Campuchia, các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Đắk Nông. Phát huy lợi thế đó, những năm gần đây, diện mạo kinh tế của tỉnh Bình Phước đã có những thay đổi tích cực, luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Với tổng quỹ đất nông nghiệp trên 177.452ha, chiếm gần 26% diện tích toàn tỉnh, chủ yếu là đất đỏ bazan, tỉnh chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, điều, cà phê, tiêu và đang hình thành các vùng sản xuất tập trung, có khả năng cung cấp số lượng lớn sản phẩm cho công nghiệp chế biến tại chỗ và xuất khẩu. Bình Phước là “thủ phủ” cây điều của cả nước.

Hiện nay, cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh đang chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Thành phần kinh tế thay đổi theo hướng gia tăng khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Vốn đầu tư xã hội tăng nhanh cả về quy mô, tốc độ và cơ cấu đầu tư. Chính sách mở rộng thu hút đầu tư trong và ngoài nước đã giúp Bình Phước đạt tỷ trọng vốn đầu tư/GDP tương đương với tỷ trọng chung của cả nước. Nhờ kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người được nâng cao, năm 2019 đạt 61,63 triệu đồng/người/năm.

III. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ

Dưới thời phong kiến nhà Nguyễn, Bình Phước thuộc trấn Biên Hòa. Đến giữa thế kỷ XIX, sau khi đặt ách đô hộ tại sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp chia Nam Kỳ thành bốn khu vực lớn là Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát Xắc. Vùng đất Bình Phước thuộc khu vực Sài Gòn, trong đó vùng đất phía đông thuộc tiểu khu Biên Hòa, vùng đất phía tây nam và phía nam thuộc tiểu khu Thủ Dầu Một. Năm 1889, thực dân Pháp đổi các tiểu khu thành các tỉnh, một phần vùng đất Bình Phước thuộc địa phận tỉnh Biên Hòa và một phần thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Từ đó cho đến hết thời Pháp thuộc, địa giới, bộ máy hành chính cơ bản không thay đổi.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên địa bàn Bình Phước có hai hệ thống chính quyền cùng song song tồn tại. Về phía chính quyền Việt Nam Cộng hòa, vùng đất Bình Phước bị chia cắt, sáp nhập nhiều lần. Về phía chính quyền cách mạng, tháng 6/1960 ta thành lập Đảng bộ tỉnh Phước Long, tháng 10/1961 thành lập Đảng bộ tỉnh Bình Long. Trải qua nhiều lần thay đổi, lúc thuộc Khu 1, lúc thuộc Khu 6, Khu 10, đến ngày 30/01/1971, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập Phân khu Bình Phước. Cuối năm 1972, phân khu Bình Phước giải thể, tỉnh Bình Phước chính thức được thành lập.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, để đáp ứng yêu cầu phát triển, ngày 02/7/1976, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định thành lập tỉnh Sông Bé bao gồm các tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và 4 xã thuộc huyện Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh). Tháng 02/1978, một số xã của huyện Bình Long và huyện Phước Long được tách ra để thành lập huyện Lộc Ninh. Năm 1988, huyện Phước Long được chia thành 2 huyện là Bù Đăng và Phước Long. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước được tái lập, bao gồm 5 huyện phía bắc thuộc tỉnh Sông Bé cũ là: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Bù Đăng và Phước Long, tỉnh lỵ đặt tại thị trấn Đồng Xoài. Ngày 01/9/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 90/1999/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Đồng Xoài và các phường, xã thuộc thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ngày 01/01/2000, thị xã Đồng Xoài chính thức đi vào hoạt động. Ngày 20/02/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2003/NĐ-CP về việc thành lập các huyện

Chơn Thành, Bù Đốp thuộc tỉnh Bình Phước. Ngày 11/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc huyện Chơn Thành, huyện Bình Long, huyện Phước Long; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bình Long, huyện Phước Long để thành lập thị xã Bình Long, thị xã Phước Long; thành lập các phường trực thuộc thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa 13) ban hành Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH13 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập huyện Phú Riêng. Năm 2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa 14) ban hành Nghị quyết số 587/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thị trấn Tân Khai thuộc huyện Hớn Quản; thành lập phường Tiến Thành thuộc thị xã Đồng Xoài và thành phố Đồng Xoài thuộc tỉnh Bình Phước. Hiện nay, tỉnh Bình Phước có 11 đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long và 8 huyện: Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Chơn Thành, Đồng Phú, Hớn Quản, Lộc Ninh và Phú Riêng; với 111 xã, phường, thị trấn.

IV. DÂN CƯ VÀ VĂN HÓA

Từ xa xưa, vùng đất Bình Phước đã có con người sinh sống. Các hiện vật khai quật được tại các di chỉ khảo cổ đã chứng minh bề dày lịch sử của Bình Phước. Các nhà khảo cổ học đã thu thập được ở Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long, Bù Đăng những rìu đá mài nhẵn bốn mặt mà các nhà khảo cổ gọi là “rìu tứ diện”. Loại rìu này được phân bố ở nhiều nơi trên đất nước ta và các nước Đông Nam Á. Những “thành tròn” phát hiện ở Bình Long, Lộc Ninh chứng tỏ đây là những khu vực cư trú tạm thời của các đoàn săn bắn tập thể của cư dân miền Đông Nam Bộ vào thời kỳ đồ đá chuyển sang đồ đồng cách đây 2.000-3.000 năm. Tuy trong các “thành tròn”, tầng văn hóa khảo sát không rõ rệt, hiện vật thưa thớt nhưng nó là cơ sở chứng minh sự có mặt của những tộc người cổ trên đất Bình Phước. Tại Lộc Ninh, người ta đã phát hiện được một trống đồng nằm sâu trong lòng đất. Bằng phương pháp khoa học, các nhà khảo cổ kết luận trống đồng Lộc Ninh có niên đại cùng thời với trống đồng Đông Sơn ở miền Bắc nước ta. Ngày 24/4/1998, hai trống đồng được phát hiện ở Thọ Sơn (Bù Đăng) và Long Hưng (Phước Long) cũng thuộc dòng trống đồng Đông Sơn, có niên đại cách đây khoảng 1.900 đến 2.200 năm.

Cuộc sống của những con người thời cổ trên vùng đất Bình Phước diễn ra như thế nào, tới nay vẫn chưa được làm rõ. Chỉ biết rằng, cho đến thế kỷ XVI, chủ nhân của vùng đất này là cư dân thuộc các dân tộc thiểu số Xtiêng, Chơ Ro, Mnông, Tà Mun... Họ sống chủ yếu bằng săn bắn, hái lượm, làm nương,

tría lúa theo phương thức du canh du cư; sống rải rác theo từng buôn, sóc. Người Xtiêng có công khai phá vùng đất từ núi Bà Đen đến thượng nguồn sông Sài Gòn. Vùng núi Bà Rá và vùng hữu ngạn sông Đồng Nai là vùng đất xưa của người Chơ Ro. Sang đầu thế kỷ XVII, vùng đất này dần dần đón nhận những dân cư mới: Người Khmer lập làng ở vùng Nha Bích, người Kinh di cư từ các tỉnh phía Bắc vào. Trong số những người di cư từ phía Bắc vào, có những người vì không chịu nổi sự áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến Trịnh - Nguyễn cũng như cảnh lầm than, chết chóc do chiến tranh phong kiến gây ra phải rời bỏ quê hương, có người mắc tội “nghịch mạng với triều đình” bị lưu đày, có người trốn tránh sưu thuế, binh dịch phải chạy vào đây tìm chốn nương thân. Cùng với đó, một số người Hoa cũng bắt đầu du nhập vào địa bàn Bình Phước. Trong thời kỳ đầu, người Kinh, người Hoa sống chủ yếu ở ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Về sau, dân số phát triển, họ mở rộng địa bàn cư trú lên các huyện phía bắc Bình Phước.

Cuối thế kỷ XVIII, sự tiếp xúc giữa người Kinh và người Xtiêng ở Bình Phước diễn ra tương đối thường xuyên thông qua những binh lính lưu đồn nhà Nguyễn và gia đình của họ. Những người Kinh này phần đông là dân cư vùng Trị Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Từ năm 1832, dân số người Kinh gia tăng rõ rệt. Người Kinh đã cư trú tập trung thành từng làng ở khu vực phía nam tỉnh. Thời kỳ này, những thống kê hành chính địa phương đã ghi tên các làng người Xtiêng và người Khmer ở vùng Hớn Quản theo tên gọi Hán - Việt do Nhà Nguyễn đặt như An Lộc, Bình Tây, Đông Phát, Đông Nơ, Xuân La, Nha Bích...

Đến thời Pháp thuộc, qua những lần khai thác thuộc địa, bọn tư bản thực dân mở đồn điền cao su, một bộ phận nông dân bị bán cùng hóa ở các tỉnh phía Bắc được thu hút về đây làm phu đồn điền. Do đó, số lượng người Kinh ở Bình Phước tiếp tục tăng lên rõ rệt, hình thành tầng lớp công nhân bị bóc lột hết sức nặng nề. Do tính chất tập trung và kỷ luật, công nhân cao su trở thành thành phần giác ngộ giai cấp sớm nhất.

Sang thời Mỹ - ngụy, một bộ phận tín đồ Thiên Chúa giáo di cư từ miền Bắc vào được ngụy quyền đưa lên khu vực Bình Phước lập ra các khu dinh điền, khu trừ mật nhằm tạo cơ sở xã hội cho sự thống trị của chúng. Năm 1956, khi Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Phước Long, tỉnh Bình Long, số dân bị ép buộc di cư từ các tỉnh Trị Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định vào ngày càng nhiều, dẫn đến cơ cấu dân cư có sự thay đổi lớn... Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, khối liên minh công - nông được hình thành, làm nòng cốt cho Mặt trận Dân tộc thống nhất tỉnh đoàn kết, lãnh đạo Nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi, giải phóng quê hương, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, dân số Bình Phước tiếp tục tăng nhanh, trong đó phần lớn là đồng bào các tỉnh đông dân di xây dựng kinh tế mới. Một số khác là cán bộ tập kết trở về, bộ đội phục viên, công nhân cao su được tuyển từ nơi khác đến để khôi phục và phát triển các nông trường cao su. Từ ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước chính thức được tái lập, dân số Bình Phước lại tăng lên do nhiều người dân ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước đến lập nghiệp, xây dựng kinh tế và công tác.

Có thể nói, Bình Phước hiện nay là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam với bản sắc văn hóa đa dạng thống nhất. Nói đến văn hóa truyền thống ở Bình Phước, trước hết phải nói đến nền văn hóa truyền thống lâu đời của cư dân bản địa, mà tiêu biểu là truyền thống văn hóa của người Xtiêng. Một trong những nét văn hóa truyền thống nổi tiếng mà đồng bào Xtiêng và các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đến nay vẫn còn bảo tồn được, đó là văn hóa công chiêng. Công chiêng có vị trí hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa của đồng bào Xtiêng. Qua bao biến động, thăng trầm của lịch sử, văn hóa công chiêng vẫn được duy trì và lưu truyền cho tới ngày nay. Đối với người Xtiêng, công chiêng là vật gia bảo cha truyền con nối, thể hiện sự giàu có của từng gia đình, từng dòng tộc hay cộng đồng. Nhiều bộ công chiêng được lưu truyền hàng trăm năm. Về mặt âm nhạc, đây là nhạc cụ tiêu biểu, chủ đạo của đồng bào Xtiêng cũng như của hàng chục dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Công chiêng gắn bó mật thiết với đời sống từng con người, từng cộng đồng; gắn bó với cả một dân tộc trong quá trình lao động sản xuất, săn bắn, chiến đấu, trong những ngày lễ hội. Đặc biệt, do cách biểu diễn tập thể nên văn hóa công chiêng có tác dụng giáo dục tính cộng đồng tương thân tương ái và đoàn kết rất cao. Tuy nhiên, hiện nay, trong kho tàng văn hóa của người Xtiêng, có một số loại hình sinh hoạt văn hóa đã bị mai một như hát đối đáp, hát dẹt vãi...

Bản sắc văn hóa của người Xtiêng còn thể hiện rõ nét trong cấu trúc nhà ở; tục đâm trâu; lễ dựng làng, lễ nghi cưới xin, chọn đất làm rẫy... Người Xtiêng có kỹ thuật rèn đúc khá sắc sảo.

Đặc điểm văn hóa của các dân tộc bản địa ở Bình Phước là có sự giao thoa và ảnh hưởng văn hóa của các dân tộc khác. Người Xtiêng ở Bình Phước giữ được phong tục, tập quán đặc thù, bản sắc văn hóa riêng nhưng cũng chịu ảnh hưởng văn hóa của người Việt, Chăm, Khmer, Mnông...

Tín ngưỡng truyền thống của đồng bào Xtiêng, Khmer, Mnông, Tà Mun, Châu Ro... ở Bình Phước là tín ngưỡng đa thần. Đến khi những cư dân người Kinh đến sinh sống thì ở Bình Phước xuất hiện các tôn giáo mới như đạo Phật,

Thiên Chúa giáo, Tin Lành... Đặc biệt, dưới thời Ngô Đình Diệm, có một số tôn giáo ở Bình Phước do Mỹ - Diệm chủ tâm phát triển nhằm phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng. Sau khi thành lập các tỉnh Phước Long, Bình Long, Mỹ - Diệm đưa dân cư từ các tỉnh miền Trung vào, đặc biệt là đồng bào Thiên Chúa giáo từ miền Bắc di cư vào được Mỹ - Diệm đưa về Bình Phước ngày càng đông làm hậu thuẫn chính trị và để làm lá chắn phòng thủ bảo vệ chúng ở các khu vực trung tâm và những nơi quan trọng. Cư dân các xứ đạo Long Điền (Phước Bình), Chu Ninh (Bù Đốp), Bù Đăng đều là dân công giáo miền Bắc di cư. Địch còn phát triển đạo Tin Lành trong đồng bào Xtiêng, lập nhà thờ ở Sơn Giang (Phước Long) và Bù Đăng để quy tụ đồng bào dân tộc thiểu số vào sinh hoạt. Chúng cho lập thánh thất Cao Đài ở Phước Long và tổ chức đưa tín đồ từ các vùng đồng bằng ở Nam Bộ lên định cư ở đây. Từ đầu thập niên 1990 trở lại đây, đạo Tin Lành phát triển khá mạnh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhìn chung, đồng bào các tôn giáo luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân.

*

* *

Tỉnh Bình Phước nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gần kề các tỉnh, thành phố năng động, có tốc độ phát triển cao như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Đó là lợi thế để Bình Phước có thể hòa nhập, kêu gọi đầu tư. Đồng thời, sự phát triển nhanh của các tỉnh, thành phố lân cận có tác dụng thúc đẩy, kích thích, tạo sự cạnh tranh lành mạnh với Bình Phước.

Bình Phước có nguồn lao động dồi dào, với gần 300.000 người, trong đó người trong độ tuổi từ 16 đến 40 chiếm 40% tổng số lao động. Người dân Bình Phước có đức tính cần cù, chịu khó. Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước có bề dày lịch sử, qua các cuộc kháng chiến đã tôi luyện bản lĩnh chính trị vững vàng; có nhiều cán bộ trẻ có trình độ văn hóa, chuyên môn, chính trị cao, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Mặc dù còn phải nỗ lực phấn đấu để khắc phục khó khăn, hạn chế, song với những tiềm năng, thế mạnh nêu trên, hứa hẹn trong tương lai Bình Phước sẽ trở thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, Nhân dân có đời sống ấm no và hạnh phúc.

Chương II

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở BÌNH PHƯỚC TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

I. CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NGÀNH CAO SU

1. Sự ra đời của ngành cao su ở Bình Phước

Sau khi thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị ở xứ Nam Kỳ, năm 1882, Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume (Paul Doumer) bắt đầu tổ chức thực hiện kế hoạch bình định vùng phía nam Bà Rá, Hớn Quản, phía nam Đắk Lắk, phía đông Campuchia. Đến năm 1892, thực dân Pháp thiết lập được bộ máy cai trị ở 6 tổng và 50 buôn làng phía bắc Thủ Dầu Một. Năm 1898, chúng lập ra một số đồn bót nhỏ ở các vùng Bù Đốp, Chơn Thành, Bà Rá, Hớn Quản, do binh lính người Việt trú đóng.

Từ năm 1899 trở về sau, thực dân Pháp tiếp tục tổ chức nhiều cuộc thám sát trên vùng đất Bình Phước, trong đó phải kể đến đoàn thám sát của Pôn Pátte (Paul Patte) đã tiến hành một chuyến đi dài ngày nhằm khám phá thêm vùng đất của đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 1904, đoàn thám sát của Pôn Pátte gồm một bác sĩ, một nhân viên cầu đường, một viên đội người Pháp cùng 13 lính người Việt đã tiến hành thám sát hai bên bờ sông Bé, vùng Bà Rá và Hớn Quản.

Sau khi thâm nhập sâu vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực dân Pháp tiếp tục tổ chức nhiều cuộc hành quân do các tên Đại úy Giênanh, Bá tước Batêlêmi (Barthélémy), Trung tá Cariê (Carrier) chỉ huy tiến hành đàn áp và bắt dân ở lưu vực sông Bé, dưới chân núi Bà Rá đưa về làm lao dịch. Thực dân Pháp dùng chính sách lừa mị kết hợp với biện pháp vũ lực để cướp đất của đồng bào dân tộc thiểu số, buộc họ phải rời bỏ buôn làng, nương rẫy.

Thâm hiểm hơn, chúng gây chia rẽ những cộng đồng bộ lạc, khơi lại nỗi hận thù xa xưa giữa các dân tộc thiểu số với người Kinh. Chúng xóa bỏ chế độ tù trưởng và dựng lên tầng lớp tay sai ở các làng, tổng.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chính sách khai thác thuộc địa ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam, được hình thành với tinh thần cơ bản là: Thuộc địa Đông Dương phải được đặc biệt dành riêng cho thị trường Pháp; nên sản xuất ở thuộc địa này chỉ được thu gọn trong việc cung cấp cho chính quốc; về kỹ nghệ, nếu cần được khuyến khích thì cũng chỉ sản xuất ra những gì nước Pháp cần. Chiếm Việt Nam để làm thị trường tiêu thụ hàng hóa, để khai thác tài nguyên là chính sách kẻ cướp của thực dân Pháp lúc đó.

Với chủ trương đó, ngay từ năm 1888, tức là chỉ sau 4 năm hoàn thành công cuộc đánh chiếm bằng quân sự đối với Việt Nam, toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định cho phép bọn địa chủ thực dân được quyền lập đồn điền ở những vùng đất mà chúng gọi là “vô chủ”. Cái gọi là “đất hoang”, “đất vô chủ” thực chất là do chúng tìm cách đuổi người dân đi để chiếm đoạt. Việc cướp đoạt đất đai diễn ra trắng trợn, tàn bạo, gây nên những thảm cảnh khốn cùng cho người dân đã từng sinh sống bao đời trên mảnh đất quê hương.

Trong công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, ngành cao su ở Việt Nam nói chung và Bình Phước nói riêng đã hình thành. Ngành cao su ra đời trước tiên và chủ yếu là ở Nam Kỳ, gắn liền với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương của thực dân Pháp. Bắt đầu từ năm 1897, Toàn quyền Pôn Đume cho lập vườn thí nghiệm Ông Yệm ở Thủ Dầu Một do một dược sĩ người Pháp là Raun (Raul) phụ trách và Suối Dầu ở Nha Trang do bác sĩ Yécxanh (Yersin) phụ trách. Cả hai vườn thí nghiệm này đều thành công. Sau khi thử nghiệm thành công, tư bản Pháp đã hùn vốn để chuẩn bị thành lập đồn điền. Các công ty cao su lần lượt ra đời theo chính sách khai thác thuộc địa của nhà cầm quyền Pháp. Các chủ nhà băng (ngân hàng), các nhóm tư bản tài phiệt Pháp đều có phần hùn vào các công ty lớn. Dùng mãnh lực đồng tiền và thế lực chính quốc, chúng nắm bọn viên chức thuộc địa từ Toàn quyền Đông Dương đến Thống đốc Nam Kỳ, chủ tỉnh. Vì vậy, bao nhiêu bất công, áp bức, đánh đập, giết chóc, bóc lột tàn bạo mà chúng gây ra đối với người dân đều được bao che, dung túng. Mỗi công ty là một vương quốc nhỏ, nắm quyền sinh sát.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, công cuộc khai thác cao su càng diễn ra ồ ạt vì lúc này nền công nghiệp Pháp mỗi năm cần đến 10 vạn tấn cao su, nhưng thứ hàng chiến lược này Pháp chưa tự túc được mà phải nhập của Anh.

Nắm được nhu cầu của thị trường Pháp, bọn tư bản thực dân tranh nhau đầu tư vào ngành cao su. Vốn đầu tư vào ngành cao su tăng vọt, diện tích trồng cao su cũng tăng. Các đồn điền cao su trên khắp miền Đông Nam Kỳ được thành lập. Trong đó, ở Bình Phước, các công ty cao su đã lập những đồn điền lớn như:

- Công ty cao su Đất Đỏ liên tiếp lập ra những đồn điền lớn như Quán Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát và nhiều đồn điền khác ở Biên Hòa, Bà Rịa. Không những thế, trong quá trình phát triển, công ty này còn mở rộng diện tích cao su sang tận Campuchia. Từ năm 1916 đến năm 1937, riêng ở đồn điền Quán Lợi đã phát triển thêm được 5.372,35ha, đồn điền Xa Cam được 3.100,63ha, đồn điền Xa Trạch được 1.613,51ha.

- Công ty Mitsolanh từ năm 1917 đến năm 1935 đã xây dựng hai đồn điền cao su lớn là Dầu Tiếng và Phú Riêng (sau đổi thành đồn điền Thuận Lợi).

- Công ty Cao su Xétxô (S.C.C.E.O) thành lập hai đồn điền cao su lớn là Lộc Ninh và Đa Kia.

Như vậy, gắn liền với quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp đã thành lập một loạt đồn điền cao su trên đất Bình Phước. Chính tại các đồn điền cao su này, đội ngũ công nhân cao su Bình Phước đã hình thành và trở thành lực lượng cách mạng quan trọng có sức mạnh to lớn góp phần vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sau này.

2. Sự ra đời của đội ngũ công nhân và ách cai trị tàn nhẫn của thực dân Pháp trong các đồn điền cao su

Cùng với sự ra đời của các đồn điền cao su trên vùng đất Bình Phước, đội ngũ công nhân cao su cũng bắt đầu xuất hiện. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng công nhân cao su chuyên nghiệp chưa nhiều vì lúc bấy giờ công việc chủ yếu của các công ty là phá rừng, dọn đất để lập đồn điền, việc trồng cao su mới chỉ bắt đầu và còn mang tính thăm dò. Do đó, đại bộ phận nhân công lúc này được thuê mướn tạm thời hoặc là những nông dân người địa phương hoặc người dân tộc thiểu số được các đồn điền tuyển dụng. Đa số những công nhân này hết hợp đồng lại trở về nhà với ruộng đồng và nương rẫy.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng công nhân cao su trên địa bàn Hớn Quản, Bà Rịa tăng lên rất nhanh. Nguồn gốc của công nhân đồn điền cao su cũng có sự thay đổi cùng với sự phát triển của ngành cao su. Do yêu cầu phát triển của ngành cao su, dân địa phương không đủ để cung cấp cho các đồn điền, buộc bọn chủ tư bản Pháp phải ra miền Bắc, miền Trung tuyển mộ. Chúng gọi việc này là “mộ phu”. Có một số đồn điền mộ phu từ

các thuộc địa của Hà Lan do thiếu công nhân chuyên nghiệp. Đến năm 1922, đồn điền cao su Lộc Ninh vẫn sử dụng công nhân người Chàvà (Javanais) - tức phu mộ từ Indônêxia, thuộc loại công nhân có tay nghề cao. Về sau, số công nhân này trở về vì không quen với môi trường xa lạ. Mặt khác, thực dân Hà Lan ở Indônêxia cấm xuất khẩu công nhân cao su để chống lại sự cạnh tranh của tư bản Pháp ở Việt Nam.

Đối tượng tuyển mộ của tư bản Pháp ở miền Bắc và miền Trung vào thời điểm trước và sau năm 1929 cũng có sự khác nhau. Trước năm 1929, đối tượng tuyển mộ chủ yếu là những thanh niên trai trẻ chưa lập gia đình. Sau năm 1929, chủ yếu là mộ cả gia đình nhằm bảo đảm nguồn lực lâu dài cho các đồn điền, đồng thời hạn chế sự đấu tranh chống đối của công nhân. Bằng các thủ đoạn dụ dỗ và cưỡng ép, từ năm 1919 đến năm 1929, thực dân Pháp đã mộ được hàng chục ngàn công nhân vào làm trong các đồn điền thuộc các quận Hón Quán, Bà Rá. Riêng năm 1929, số công nhân được tuyển mộ đi làm đồn điền cao su tụt xuống nhiều là do có phong trào tẩy chay mạnh mẽ việc mộ phu đồn điền cao su do các tổ chức cách mạng trong nước phát động. Mặt khác, vụ ám sát Badanh (Bazin) - tên trùm mộ phu gian ác làm xôn xao dư luận khiến người đi mộ giảm hẳn.

Trong việc mộ phu cao su, thực dân Pháp khoanh vùng mộ phu cho các công ty để tránh sự tranh chấp. Các công ty trên địa bàn Hón Quán, Bà Rá chủ yếu mộ phu từ các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nội. Đối với người nông dân nghèo khổ, việc mộ phu đi các đồn điền cao su trở thành tội ác xấu xa, gieo bao tai họa cho họ. Tờ báo *La Volonté Indochinoise* (Ý chí Đông Dương) ra ngày 10/8/1927 đã viết “Đó là sự tái bản giữa thế kỷ XX này của cái chợ buôn nô lệ”. Bọn mộ phu dùng mọi thủ đoạn để tuyển được nhiều phu cho đồn điền. Cứ mỗi người phu mộ được thì kẻ mộ phu được hưởng một khoản tiền hoa hồng. Vì thế, bọn mộ phu đổ xô đến các vùng dân cư ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ để đánh lừa dân nghèo, hứa hẹn đủ điều. Song thủ đoạn này chỉ có tác dụng thời gian đầu. Về sau, chúng phải dùng thủ đoạn tinh vi và trắng trợn hơn trước. Trần Tử Bình - người phu công tra thuộc lớp đầu tiên ở đồn điền cao su Phú Riêng, sau trở thành nhà hoạt động cách mạng đã kể lại: “Có người còn bị lừa ký hợp đồng bằng một cách thế này: chúng bảo phải chụp hình để trình Nhà nước. Có thể sau này sẽ xảy ra chuyện gì chính phủ mới bênh vực cho. Thế rồi chúng đưa người phu đi chụp ảnh. Chụp nghiêng, chụp thẳng đủ kiểu. Sau đó chúng đưa giấy bảo người ấy điếm chỉ để sau nhận ảnh. Sau mới biết té ra giấy đó

lại chính là một tờ hợp đồng in sẵn. Cái người bị lừa ấy không bao giờ biết là mình đã điếm chỉ vào giấy bán đứt tính mạng và tự do của mình cho chủ tư bản”¹.

Người dân phu được tuyển mộ phải chịu sự quản lý chặt chẽ ngay từ khi ký tên vào giấy giao kèo. Bọn cai mộ tập trung dân phu đưa lên tàu hỏa hoặc tàu thủy, ô tô về các đồn điền. Chủ đồn điền phân bố họ về các làng. Chúng thường bố trí làng theo địa phương, quê quán của người dân phu. Tỉnh nào đông dân phu thì xếp thành làng riêng, các tỉnh ít dân phu thì ghép chung vào với nhau gọi là làng “tứ xứ”.

Hệ thống cai trị của giới chủ đồn điền hết sức chặt chẽ và khắc nghiệt. Đứng đầu một đồn điền là chủ đồn điền (bao gồm cả chủ nhất và chủ nhì). Chủ đồn điền có bộ phận chuyên môn giúp việc. Dưới chủ đồn điền là các chánh giám thị (xuvâyđăng sếp). Các chánh giám thị điều khiển các giám thị viên. Các giám thị viên (xuvâyđăng) chỉ huy các cai và các cai theo dõi giám sát các kíp sản xuất.

Một kíp sản xuất có khoảng 10 công nhân do một cai trông coi. Mỗi tên giám thị viên quản lý 3 kíp sản xuất và cứ ba kíp sản xuất được lập thành một đội sản xuất. Mỗi tên chánh giám thị chỉ huy ba tên giám thị viên. Trong mỗi đồn điền có nhiều chánh giám thị, những tên này chịu sự điều khiển của chủ nhất. Cai thì hầu hết là người Việt Nam, mức sống của cai khá hơn công nhân. Giám thị viên được ở nhà riêng, có một dân phu phục dịch. Do lối đối xử phân biệt nên trong hàng ngũ cai có sự phân hóa. Một số cai muốn ngoi lên giám thị viên để được hưởng quyền lợi cao hơn nên đã thẳng tay đàn áp công nhân, sẵn sàng quỳ gối làm theo mọi mệnh lệnh của bọn chủ. Một số khác thì lại đứng về phía công nhân trong các cuộc đấu tranh giành quyền dân sinh hàng ngày.

Để giữ chân công nhân, chúng dùng cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện nhằm móc hết tiền lương làm cho họ trắng tay, suốt đời không thể về quê hương bản xứ.

Đặc biệt thâm hiểm là bọn chủ Pháp thường lợi dụng đồng bào dân tộc thiểu số để kiểm soát công nhân. Đồng bào dân tộc thiểu số là dân bản địa, các phum sóc của họ nằm rải rác xung quanh các đồn điền. Họ sống rất nghèo khổ, bản chất lại thật thà, chất phác. Lợi dụng điều đó, bọn chủ tư bản Pháp đã thưởng muối, vải, tiền cho người Thượng nào bắt được công nhân chạy trốn. Nhiều công nhân ở đồn điền Phú Riêng, Quản Lợi, Lộc Ninh... đã bị người dân tộc thiểu số bắt lại đem nộp cho chủ Pháp để lãnh thưởng. Ngoài

1. Trần Tử Bình: *Phú Riêng đỏ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1965, tr.241.

những thủ đoạn trên, bọn chủ đồn điền còn tìm mọi cách chia rẽ giữa công nhân có đạo và công nhân không có đạo hoặc gây mối hiềm khích giữa dân phu cũ và dân phu mới. Chúng thường đưa dân công tra mới ở xen vào xóm dân công-tra cũ để thực hiện ý đồ nham hiểm “lính mai cai lính tối”.

Vào đồn điền, người công nhân cao su bị áp bức, bóc lột hết sức nặng nề và bị đối xử vô cùng tàn nhẫn. Họ phải làm việc mỗi ngày 10-12 giờ, tiền lương thì rẻ mạt, tiền thưởng không có, đau ốm không dám nghỉ vì sợ bị trừ lương. Ngày này qua ngày khác, từ 3 giờ 30 phút sáng, khi nghe tiếng keng vang lên, người phu cao su liền tất tả chạy đến sân điểm danh. Tại đây, việc điểm danh đi liền với những trận roi mây, roi gân bò, cù nèo đánh lên đầu, lên cổ. Đi chậm: đánh, ngồi không ngay hàng: đánh, trả lời chậm: đánh, trong thùng có cát: đánh, dao lặt: đánh, gọi không dạ mà ừ: đánh. Điểm danh xong, dân phu phải ra lô làm việc ngay, làm xong về tới nhà đã 8-9 giờ đêm. Công nhân cao su thường truyền nhau câu nói chua chát: “Con không biết mặt cha, chó không biết mặt chủ nhà”.

Ngoài bị đánh đập, lao động nặng nhọc, người công nhân còn phải đối mặt với muỗi, mòng, vắt, kiến lửa, mối... Muỗi gây bệnh sốt rét, mòng gây bệnh sâu quảng... Vì không có thuốc điều trị nên lâu ngày dẫn đến tàn phế, tử vong.

Chế độ làm việc đã vậy, chế độ ăn uống lại càng cơ cực hơn. Mỗi ngày một người phu cao su được chia 400g gạo mốc, mục cùng mấy con cá khô mục. Ăn uống đã khổ cực, chỗ ở cũng không hơn gì. Sáu người chen chúc nhau trong một căn nhà lá lụp xụp, tối tăm khoảng 24m². Nhà không có bếp, người công nhân phải đun nấu ngay cạnh giường nằm, khói bụi đầy nhà.

Lao động cực nhọc, ăn ở tồi tàn mà lương thì rẻ mạt. Cách tính lương của chúng là làm sao cho hết tháng là công nhân cũng hết tiền. Lao động vất vả, ăn uống khổ cực, tiền lương chết đói chưa phải là tất cả nỗi thống khổ của công nhân. Các hình phạt tàn nhẫn, vô nhân đạo của bọn chủ đồn điền còn không ngừng trút lên đầu công nhân.

Sự áp bức, bóc lột, đối xử tàn nhẫn của bọn chủ đồn điền làm nhiều công nhân cao su bị chết. Ở các đồn điền thuộc Công ty cao su Đất Đỏ, tính ra cứ 100 công nhân thì có 19 người chết và 37 người bị bệnh nặng. Tại đồn điền An Lộc, tuổi thọ bình quân của nam công nhân ở đây không quá 30, có 95% nữ công nhân bị sẩy thai và ốm đau. Nhiều trẻ em mới 2-3 tuổi đã mắc bệnh sưng lá lách và phù thận.

Ngoài nỗi khổ nhục chung như mọi công nhân đồn điền cao su, nữ công nhân còn nỗi khổ nhục riêng không thể nào tả xiết. Nữ công nhân nào có

chút nhan sắc bị bọn cai, giám thị nhìn thấy thì lập tức bị điều lên nhà riêng của chúng để tưới hoa, quét nhà, coi vườn rồi giày vò chị em. Đến khi thấy chán chúng mới thả ra. Có gia đình, chồng đi làm ngoài lò, vợ ở nhà bị bọn cai, giám thị mò đến cưỡng hiếp. Trong hồi ký *Phụ Riềng đỏ*, Trần Tử Bình kể lại: “Nữ công nhân nom sạch mắt một chút lại càng tội nghiệp. Hết xuvâyđăng sếp đến xuvâyđăng thường, rồi cai tây, cai ta gọi lên. Chỉ qua vài tuần, thân đã tàn tạ chẳng khác nào chiếc lá héo. Nếu người ấy có chồng còn liên lụy đến cả chồng. Ai chống cự cưỡng lại chúng nó thì chúng nó đánh người chồng đến chết, còn vợ thì vẫn bị cướp đi mất, đến lúc nó giày vò chán chê rồi thả cho về là đã ra ma”. Sự tủi nhục này đã được công nhân đúc kết trong câu ca dao:

*“Vợ mình là thật vợ mình
Xu, sếp muốn lấy mặc tình chẳng kiêng”.*

Tóm lại, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp lúc này ở đồn điền cao su đã dồn những người công nhân vào tình cảnh khốn cùng. Chính sự áp bức, bóc lột vô cùng dã man ấy là yếu tố thúc đẩy công nhân cao su đứng lên đấu tranh với bọn chủ đồn điền để bảo vệ quyền lợi, cuộc sống của mình. Với truyền thống anh dũng quật cường, đồng bào các dân tộc thiểu số và công nhân cao su ở Bình Phước đã đứng lên đấu tranh chống lại ách thống trị của thực dân Pháp.

II. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở BÌNH PHƯỚC TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

1. Đồng bào dân tộc thiểu số khởi nghĩa vũ trang chống Pháp

Trong lịch sử Bình Phước, đồng bào các dân tộc thiểu số là chủ nhân đầu tiên của vùng rừng núi bao la, hoang vắng với đất đai màu mỡ và gỗ quý bập ngàn. Từ thuở xa xưa, họ đã phải đấu tranh liên tục với thiên nhiên để tồn tại và phát triển cuộc sống của mình. Điều kiện sống nơi thiên nhiên hoang dã đã hun đúc nên bản tính tự lực, tự cường, tự do, phóng khoáng, thật thà, trọng tín nghĩa của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Sau khi đặt ách cai trị lên vùng đất Bình Phước, thực dân Pháp đã cướp đoạt trắng trợn đất đai, nương rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số để thành lập các đồn điền cao su. Đồng bào phải rời bỏ buôn làng, phum sóc thân yêu của mình, bỏ lại những vùng đất bằng phẳng, màu mỡ cho bọn chủ tư bản Pháp mà chuyển vào rừng sâu. Tại nơi ở mới, họ cũng không được yên thân. Đồng bào phải gồng một nắm đất mang về nộp cho chủ đồn điền, nếu là đất đỏ, chúng lại tìm mọi cách xua đuổi họ để chiếm đất mở rộng đồn điền.

Chính sách mị dân của cái gọi là “Đất Thượng của người Thượng” mà thực dân Pháp rêu rao dần dần đã bộc lộ sự giả dối trước đồng bào dân tộc thiểu số. Sự mất mát những quyền lợi thiết thân hằng ngày cùng nhiều đau khổ do giặc Pháp gây ra đã tạo nên mối thù sâu sắc trong đồng bào dân tộc thiểu số làm bùng nổ những cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại thực dân Pháp.

Lúc đầu, tù trưởng các bộ lạc là những người đề xướng các cuộc chiến đấu chống Pháp lẻ tẻ. Ngay từ năm 1908, ở vùng Hón Quản, dưới sự lãnh đạo của ông Điểu Dố - người Xtiêng ở sóc Thủ Bồn, Xa Trạch, quận Hón Quản, đông đảo đồng bào các dân tộc Xtiêng, Chơ Ro, Tà Mun, Mnông đã đứng lên cùng nhau đánh đuổi giặc Pháp. Cuộc khởi nghĩa này được đông đảo đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực Hón Quản hưởng ứng. Ông Điểu Dố quy tụ được nhiều người khỏe mạnh, hăng hái vào lực lượng khởi nghĩa. Mỗi lần ra trận, ông Điểu Dố và nghĩa quân dưới quyền chỉ có giáo mác, cung tên, cây rừng vạt nhọn, nhưng tinh thần chiến đấu thì vô cùng anh dũng. Ông Điểu Dố lập căn cứ tại Núi Gió (Quản Lợi), chỉ huy nghĩa quân đánh các bót Hón Quản, Bù Đốp và hoạt động ở nhiều nơi khác. Thực dân Pháp hoảng sợ, nhiều lần mở các cuộc càn quét đàn áp cuộc khởi nghĩa. Trước sức mạnh quân sự của Pháp và do lực lượng quá chênh lệch, ông Điểu Dố và nghĩa quân rút về xóm Mát, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát. Đến năm 1918, trong một cuộc chiến đấu ở vùng ngã ba Nhà Mát, xã Long Nguyên, ông Điểu Dố bị giặc Pháp bắn chết. Không còn người chỉ huy nhưng đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây vẫn tiếp tục cuộc chiến đấu chống lại ách thống trị của thực dân Pháp. Trong nhiều năm liền, từ năm 1919 đến năm 1923, nghĩa quân người dân tộc Xtiêng vẫn hoạt động và có lúc mở rộng địa bàn sang cả đất Campuchia ở vùng Xơráy Khotum (Srey Khtum) và Xơráy Chia (Srey Chia). Thực dân Pháp mở nhiều cuộc tấn công và kêu gọi nghĩa quân đầu hàng nhưng không có kết quả.

Từ năm 1912 trở đi, dưới sự lãnh đạo của N’Trang Long¹, đồng bào các dân tộc vùng núi Bà Rá, Phú Riềng, Hón Quản, Lộc Ninh... đã tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa chống lại giặc Pháp. Cầm đầu các cuộc khởi nghĩa là những người được đồng bào dân tộc thiểu số gọi là “Tướng lĩnh” như các ông R’Đinh - Chủ làng Xtiêng ở sóc Bù Kơn, ông R’Ônglen - Chủ làng Mnông ở khu vực sông Đắc Lung, sóc Bom Bu Nờ... Đội quân của họ thường có từ 150 đến 170 người, có lúc lên đến 400-500 người, gồm cả dân làng.

1. N’Trang Long (còn gọi là P’Trang Long, 1870-1935) là người Mnông, thủ lĩnh của phong trào chống Pháp ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ từ năm 1912 đến năm 1935.

Đầu năm 1912, trong một trận mở màn, nghĩa quân N'Trang Lơng đã phục kích bất ngờ, tấn công vào tòa đại lý Pu Sra tiêu diệt một số lính khố xanh và tên quan đồn. Sở chỉ huy của chúng ở chân núi Nam Lia cũng bị tiêu diệt cùng lúc. Phát huy thắng lợi vừa giành được, ngay sau đó, nghĩa quân lại phục kích các đơn vị tiếp tế của Henri Maike từ Kratié tới. Sau những chiến thắng đó, thanh thế của nghĩa quân ngày càng lớn mạnh. N'Trang Lơng lấy núi Nam Lung ở phía nam Đắc Mil làm căn cứ hoạt động.

Năm 1914, tiếp tục phát huy thế chủ động, N'Trang Lơng chỉ huy nghĩa quân tiêu diệt đồn Bu Mira. Tên Đại úy Đồn trưởng Henri Maike là kẻ có nhiều nợ máu với đồng bào dân tộc thiểu số. Chính hắn đã hãm hiếp, giết cả vợ và con của N'Trang Lơng. Đồn được xây dựng kiên cố với hai trung đội lính ngự được trang bị đầy đủ vũ khí nên N'Trang Lơng phải dùng kế trá hàng. Ông cho hai chỉ huy thân tín là R'Ônglen và R'Đinh dẫn một số nghĩa quân ra trá hàng.

Ngày 02/4/1914, lễ “đầu thú” được tổ chức long trọng tại Bu No - một địa điểm cách đồn Bu Mira hơn nửa ngày đường. Nghĩa quân kéo về dự rất đông. Lợi dụng việc bọn Pháp không biết mặt mình, N'Trang Lơng trà trộn vào một số thủ lĩnh ra “đầu thú”, chờ có cơ hội thuận tiện sẽ nhanh chóng tiêu diệt Henri Maike cùng những tên lính đi theo, sau đó sẽ tập kích đồn Bu Mira tiêu diệt số lính còn lại. Về phía Henri Maike, hắn tới địa điểm làm lễ “đầu thú” cùng 40 lính với súng ống đầy đủ.

Lễ “đầu thú” được tiến hành vào lúc xế chiều. Theo phong tục của đồng bào thì khi đình chiến hoặc liên minh quân sự với nhau, vũ khí của hai bên đều phải mang ra tế thần để cầu thần chứng giám. Giáo, mác, cung, nỏ của nghĩa quân cùng tất cả súng ống của giặc đều được bó lại và chất thành đống. Henri Maike cũng phải cỡi cây súng ngắn và đặt trên sàn nhà bên cạnh các cây kiếm của thủ lĩnh nghĩa quân. Lúc “làm phép vũ khí”, N'Trang Lơng ngồi trước mặt Henri Maike mà hắn không biết vì được giới thiệu là một “Đầu làng”. Nhanh như chớp, N'Trang Lơng chồm lên đâm chết Henri Maike. Sau khi tiêu diệt xong bọn lính Pháp tại lễ đầu thú, nghĩa quân dùng kế nghi binh tiêu diệt đồn Bu Mira.

Sau thất bại cay đắng ở Bu Mira, thực dân Pháp tập trung lực lượng quân sự truy lùng ráo riết hòng bắt sống N'Trang Lơng. Trong hoàn cảnh đó, N'Trang Lơng cùng ban lãnh đạo khởi nghĩa tạm lánh sang vùng phía tây Di Linh (thuộc tỉnh Lâm Đồng ngày nay) hoạt động bí mật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài. Trong thời gian đó, Bu Luk Amprak vốn là

chủ làng người Mnông ở lưu vực sông Đắc Huýt, một tướng lĩnh tài giỏi được N'Trang Lơng giao cho việc lãnh đạo đồng bào Xtiêng, Mnông trên địa bàn rộng lớn thuộc toàn bộ vùng đất tỉnh Bình Phước ngày nay.

Mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội nhưng phong trào đấu tranh của các dân tộc thiểu số ở vùng Bà Rá, Hớn Quản vẫn được duy trì. Năm 1925, thực dân Pháp mở con đường 14 nối liền Sài Gòn với Đắc Lắc đến miền biển Trung Kỳ.

Đồng bào dân tộc thiểu số quanh vùng bị đẩy vào tình cảnh vô cùng khốn khổ: Thanh niên và người khỏe mạnh bị bắt đi làm phu cho Pháp, nhà cửa bị phá, dân phải bỏ đi ở nơi khác xa nguồn nước, nương rẫy đang mùa thu hoạch cũng không gặt hái được... Căm phẫn trước hành động tước đoạt tàn ác của giặc, đồng bào các dân tộc đã chống lại lệnh của tên quận trưởng, tổ chức lực lượng nghĩa quân do ông Rít Đinh - tướng lĩnh của N'Trang Lơng chỉ huy, chặn đánh một số lính đi đàn áp đồng bào. Tên Quận trưởng Gatille đã bị nghĩa quân và đồng bào ở Bù Đốp tổ chức phục kích tiêu diệt. Thực dân Pháp đàn áp dã man nhưng cuộc đấu tranh của Nhân dân không vì thế mà bị dập tắt, khiến cho việc làm con đường này có lúc bị ngưng trệ. Tên Morie về thay làm Quận trưởng Bà Rá vẫn thực hiện chính sách thực dân, kềm kẹp. Đồng bào dân tộc thiểu số lại tiếp tục đấu tranh tìm cách tiêu diệt hắn.

Tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường của nghĩa quân và đồng bào các dân tộc vùng Hớn Quản, Bà Rá là niềm tự hào của Nhân dân Bình Phước. Truyền thống đó tiếp tục được phát huy trong những năm dài theo Đảng kháng chiến để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

2. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su

Trong thời Pháp thuộc, giai cấp công nhân nói chung và đội ngũ công nhân cao su nói riêng, luôn bị áp bức, bóc lột hết sức nặng nề. Trước sự áp bức và bóc lột tàn bạo của bọn chủ đồn điền và tay chân của chúng, người công nhân không có con đường nào khác là phải đứng lên đấu tranh chống lại để bảo vệ quyền sống của mình.

Trong thời kỳ đầu, do chưa có sự giác ngộ về giai cấp, chưa có nhận thức đúng đắn về phương hướng và mục tiêu đấu tranh nên những cuộc đấu tranh của công nhân cao su đều là những cuộc đấu tranh tự phát đòi tăng lương, cải thiện đời sống hoặc chống bóc lột, đàn áp. Những hình thức phản kháng tự phát khá phổ biến lúc bấy giờ là bỏ trốn, tự tử, nổi dậy giết những tên giám thị, cai độc ác, chém Tây, lãn công, triệt hạ cây trồng...

Bỏ trốn là một kiểu phản ứng thường thấy của những người phu trong giai đoạn đầu mới thành lập đồn điền. Nhưng trong số những người đi trốn, thì số trốn thoát được rất ít. Đa số họ, hoặc làm mồi cho thú dữ, hoặc bị những người dân tộc thiểu số bị Pháp mua chuộc bắt đem về nộp cho địch lĩnh thưởng, hoặc bị bọn lính đồn bắt lại trừng phạt, hành hạ đến thừa sống thiếu chết như trường hợp 7 người phu trốn bị lính bắt lại ở đồn điền Phú Riêng mà Trần Tử Bình đã kể lại trong hồi ký *Phú Riêng đở*: “Thằng chủ hạ lệnh cho lính mang giày đinh đá vào người, bắt dần người xuống đất, cho lính giẫm giày đinh lên lồng ngực, người đứng ngoài nghe thấy tiếng xương gãy kêu rau rầu. Giẫm giày đinh xong, chúng còn đánh tiếp một trận gậy “thừa sống thiếu chết” nữa rồi bỏ vào nhà tối cùm lại. Một tuần sau, nhân có chuyện phạt cùm một công nhân khác, chúng mở cửa nhà tối ra thì 7 người bữa đó đã chết hết, chân vẫn còn tra chéo trong cùm”. Đối với hình thức đấu tranh này của công nhân cao su, trở ngại lớn nhất là số đồng bào dân tộc thiểu số bị bọn chủ tư bản đồn điền Pháp vừa dọa dẫm, vừa dụ dỗ theo chúng để lũng bắt những công nhân chạy trốn. Có một số công nhân đồn điền cao su thoát khỏi bọn cai, bọn lính khố xanh nhưng lại không thoát khỏi tay một số người Thượng bị mua chuộc. Do đó, muốn chạy trốn được, anh em công nhân phải phá vỡ được âm mưu chia rẽ dân tộc bằng cách cảm hóa và xây dựng tình thương yêu, đoàn kết với đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là phải làm cho họ thấy được người Kinh và người dân tộc thiểu số tuy cảnh ngộ khác nhau nhưng đều là bạn, là anh em ruột thịt và đều có kẻ thù chung là thực dân Pháp. Trong quá trình đấu tranh tự phát chống bọn chủ tư bản đồn điền, công nhân cao su đã dần dần làm thất bại âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp. Số công nhân chạy trốn và thoát được ngày càng tăng.

Do số phu đồn điền bỏ trốn ngày càng nhiều nên năm 1927, thực dân Pháp phải thành lập “Sở những người kiểm soát lao động” (Service de controleurs de travail) với quyền hạn đặc biệt để bắt lại những công nhân chạy trốn. Do đó, từ những năm 1928-1929, chúng bắt được nhiều người bỏ trốn hơn so với thời gian trước.

Tự tử cũng là hình thức phản kháng tự phát, mang tính tiêu cực ở thời kỳ đầu. Do cuộc sống đen tối và đầy bi thảm, không có lối thoát, không hy vọng, không còn tha thiết gì với tương lai, công nhân đồn điền cao su đã dùng cách tự sát để chấm dứt nỗi khổ cực của mình. Cũng có người tự sát vì bị ô nhục, tinh thần bị tổn thương, phẩm giá bị nhơ nhuốc. Những trường hợp tự tử như vậy không phải là ít ở các đồn điền cao su trong những ngày đầu khi chưa có cách mạng dẫn dắt đấu tranh.

Nguyễn Mạnh Hồng - một công nhân cao su kỳ cựu từ năm 1930 ở đồn điền Phú Riềng nói về tình hình tự tử của phu đồn điền như sau: “Tự sát thì nhiều vì con đường đánh Tây để về Bắc rất khó nên người đau ốm chỉ giải quyết bằng cách tự sát: Tự sát trong nhà, tự sát ở suối nước. Từ nhà ra rừng cao su lúc nào cũng có mùi hôi thối của người tự sát treo cổ”¹.

Trong cuốn hồi ký *Phú Riềng đỏ*, Trần Tử Bình cũng nói: “Công nhân thì quá cực đến nỗi có người ra rừng mượn sợi dây treo cổ lên cành cây cho thoát nợ”.

Nổi dậy chém giám thị, cai ác ôn và Tây là hình thức phản kháng quyết liệt nhất trong thời kỳ đầu. Uất ức đến cùng cực, lại cảm thấy không còn con đường sống nào khác, một số công nhân cao su đã chọn một hình thức phản kháng quyết liệt là vùng dậy chém bọn chủ Tây độc ác. Tiêu biểu nhất là tháng 10/1927, anh Nguyễn Đình Tư cầm đầu 120 công nhân làng 2 đồn điền cao su Phú Riềng nổi dậy chém chết tên Môngtây (Monteil). Thường xuyên chứng kiến cảnh công nhân bị đánh đập tàn nhẫn và hành động dâm dăng của bọn giám thị, cai, nhất là tên Môngtây, anh Nguyễn Đình Tư cùng một số anh em công nhân đã đồng lòng quyết trả thù bọn Tây, mà đối tượng đầu tiên là tên Môngtây khét tiếng tàn ác. Vào một buổi sáng điếm danh như thường lệ, lợi dụng lúc Môngtây đang mải mê hạch sách, nạt nộ công nhân, anh Nguyễn Đình Tư đột ngột đứng lên vung cao lưỡi búa nguyệt bổ xuống người hắn. Tiếp theo là hàng loạt lưỡi búa chứa chất căm hờn của công nhân làng 2 bổ tới tấp vào người tên ác ôn. Mặc dù bị tấn công bất ngờ và bị thương nặng nhưng hắn vẫn cố chạy về buồng riêng lấy súng. Tuy nhiên, mới tới chân cầu thang, Môngtây đã bị 9 nhát búa vào thân thể. Nhát búa cuối cùng bửa mất một nửa mặt của hắn. Những tên cai khác bị anh em công nhân dùng dao, cuốc, rựa đuổi chạy tán loạn.

Cuộc nổi dậy đã đạt được mục tiêu, Môngtây bị giết chết, nhưng ngay sau đó, anh em công nhân bị đàn áp khốc liệt. Tên chủ sở Triai (Trie) huy động lính vây tròn bốn phía, bắt đi khoảng 40-50 công nhân, đích thân Triai giương súng bắn chết một số người. Một số công nhân chạy thoát ra rừng nhưng họ bị bọn lính cùng người Thượng đuổi bắt đem về nộp lấy thưởng. Một số khác trúng đạn bị thương, bị lính lôi về nhưng không được cứu chữa theo lệnh chủ sở nên cũng chết. Những người chết bị vùi xác luôn ngoài rừng, cả những người còn ngắc ngoải cũng bị chôn sống. Sở Mật thám Biên Hòa tra tấn dã

1. Trích bài nói chuyện của đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng, tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Bình Dương.

man tất cả số công nhân bị bắt để tìm ra người chủ mưu. Anh Nguyễn Đình Tư bị Tòa án Biên Hòa kết án tử hình, hai công nhân khác bị xử tù chung thân. Sau vụ này, tên chủ sở Triai càng khủng bố, đàn áp công nhân dữ dội hơn. Cuộc nổi dậy này tuy bị tổn thất, do anh em công nhân chưa thấy được kẻ thù chính cần phải đánh đổ để tự giải phóng là toàn thể bọn chủ tư bản và bè lũ tay sai trong đồn điền, là chủ nghĩa thực dân Pháp đang nô dịch cả dân tộc, song đã tạo ra tiếng vang rất lớn. Báo chí tiếng Việt, tiếng Pháp xuất bản tại Sài Gòn đều đưa tin về sự việc này.

Kiện ra tòa và tố cáo tội ác của bọn chủ đồn điền cũng là một hình thức phản kháng tự phát của công nhân cao su trong thời kỳ đầu khi chưa có Đảng lãnh đạo. Tiêu biểu là vụ kiện ra tòa tên Valăngtanh (Valentin) đánh chết anh Nguyễn Văn Chánh ở đồn điền cao su Phú Riêng vào cuối năm 1927¹.

Cầm phần trước hành động tàn ác của Valăngtanh, một số công nhân tiến bộ đã vận động mọi người cùng vợ anh Chánh làm đơn kiện ra Tòa án Biên Hòa. Chiếu theo đơn kiện, Tòa án Biên Hòa đã cử người về đồn điền lấy khẩu cung và khám nghiệm tử thi nhưng bọn chủ sở đã đút lót để chạy tội cho tên giết người. Vì vậy, kết quả xét xử thật chua chát. Tòa án Biên Hòa cho rằng Valăngtanh chỉ phạm tội ngộ sát và bắt hấn bồi thường 5 đồng cho vợ anh Chánh. Điều đó làm cho công nhân vừa phẫn uất, vừa bi quan nhưng đây cũng là bài học lớn đối với họ: Không bao giờ có sự công bằng và bình đẳng giữa kẻ đi xâm lược và người bị thống trị.

Cùng với việc kiện ra tòa, công nhân cao su đồn điền Phú Riêng còn khéo léo tố cáo tội ác của bọn chủ sở với thanh tra Pháp và thanh tra Việt khi họ về thanh tra đồn điền. Lần đầu, công nhân cao su tố cáo tội ác của bọn chủ sở với Đòlama (Delamarre) - Thanh tra lao động người Pháp vào cuối năm 1927; lần thứ hai công nhân tố cáo tội ác của bọn chủ đồn điền với Bùi Bằng Đoàn - Thanh tra của Chính phủ Nam Triều vào cuối năm 1928. Cả hai lần, công nhân đều khéo léo để các viên thanh tra này tận mắt chứng kiến tội ác man rợ của bọn chủ đồn điền. Song, việc tố cáo này của công nhân cũng không đem lại kết quả. Đòlama trong khi thu thập tư liệu đã ăn nhập

1. Anh Nguyễn Văn Chánh là cai làng 2. Tuy làm cai nhưng anh Chánh là người tốt, không vào hùa với bọn cai, giám thị ác ôn hành hạ công nhân. Những vụ lãn công của anh chị em công nhân thường được anh Chánh che chở, hỗ trợ. Việc làm của anh không qua mắt được những tên do thám, chỉ điểm và làm cho tên chủ sở bực bội. Một buổi sáng, Valăngtanh ra lô sục sạo, kiểm chuyện với anh Chánh. Anh Chánh cãi lại, thế là nó đá vào mạng mỡ anh khiến anh ngã xuống ngất lịm. Thấy thế, nó cho là anh Chánh nằm vạ bèn đá bồi thêm mấy cái nữa. Anh Chánh chết ngay tại chỗ, bỏ lại vợ và hai đứa con còn nhỏ dại.

chè chén, nhận quà đút lót của chủ sở rồi lạng lẽ ra về. Còn Bùi Bằng Đoàn, với tính tình khảng khái, cũng thu thập được nhiều tư liệu nhưng không làm được gì vì triều đình Huế đã quá yếu thế, chỉ còn là công cụ để bọn thực dân đế quốc sai khiến.

Trong các hình thức đấu tranh tự phát của công nhân cao su trước khi Đảng ra đời còn có hình thức lãn công, triệt hạ cây. Hình thức đấu tranh này cũng giống hình thức đấu tranh phá hoại máy móc của công nhân công nghiệp phương Tây. Người công nhân trút căm thù lên tài sản của bọn chủ đồn điền. Hình thức đấu tranh này cũng gây ra cho bọn chủ đồn điền thiệt hại đáng kể về mặt kinh tế. Vì vậy, chúng buộc phải thay đổi cách đối xử và phương thức bóc lột. Ở đồn điền Phú Riềng, khi Vasê (Vachet) về thay cho Triai. Vừa đặt chân đến đồn điền (1928), hấn đã tuyên bố: “Cấm xuvâyđăng đánh đập công nhân”. Vasê còn bỏ tiền ra mua sắm quần áo, mũ mào, nhị, trống cho công nhân lập phường chèo, phường nhạc cổ. Bằng cách đó, Vasê cho rằng sẽ xoa dịu được công nhân để họ khỏi nổi loạn. Ngoài ra, Vasê còn đặt ra chế độ khoán công việc nhưng lương vẫn cố định để hạn chế việc công nhân lãn công.

Như vậy, ngay trong những ngày đầu tư bản thực dân Pháp khai thác đồn điền cao su, công nhân đã đứng lên chống lại chế độ hà khắc, chống lại sự đối xử dã man, tàn bạo của bọn chủ tư bản đồn điền với nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Các cuộc đấu tranh này thực chất là đấu tranh giai cấp nhưng nhìn chung mới chỉ là những phản kháng mang tính tự phát. Một vài hình thức đấu tranh còn mang tính chất tiêu cực, ý thức giác ngộ giai cấp chưa cao. Mặt khác, những cuộc đấu tranh này diễn ra lẻ tẻ ở nơi này, nơi khác, chưa kết hợp thành phong trào đấu tranh chung, do vậy, hầu hết bị thất bại và nhiều trường hợp bị đàn áp đẫm máu. Tuy nhiên, qua những cuộc đấu tranh thời kỳ này, công nhân càng yêu thương, hiểu biết và gắn bó với nhau hơn. Nhận thức của họ về kẻ thù, về giai cấp ngày càng được nâng cao, kinh nghiệm đấu tranh cũng được tích lũy phong phú hơn.

Sau một thời kỳ đấu tranh dưới các hình thức tự phát chống lại chế độ hà khắc và sự dã man ở các đồn điền, cuối những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với phong trào công nhân cả nước, phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở Bình Phước bắt đầu có những chuyển biến mới mang tính tự giác.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sau là Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở đồn điền Phú Riềng, công nhân cao su Bình Phước bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh

tự giác, ý thức giai cấp và phong trào đấu tranh của công nhân cao su có sự trưởng thành vượt bậc, góp phần to lớn vào phong trào đấu tranh cách mạng của Nhân dân cả nước.

*

* *

Từ khi thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, đồng bào các dân tộc thiểu số đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống lại sự cướp đoạt trắng trợn và tàn bạo của bọn tư bản thực dân. Các cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số làm cho tư bản thực dân Pháp phải mất nhiều năm mới thành lập được các đồn điền cao su và dựng lên tầng lớp tay sai thân Pháp để đàn áp Nhân dân.

Cùng với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, các đồn điền cao su được thành lập và đội ngũ công nhân cao su ra đời. Khi chưa có Đảng lãnh đạo, công nhân cao su phải chịu bao cảnh cơ cực, lầm than do sự bóc lột tàn khốc của tư bản đồn điền Pháp. Không cam chịu kiếp sống nô lệ, buổi đầu, công nhân cao su phản ứng chống lại bọn chủ tư bản Pháp nhưng chỉ là những cuộc đấu tranh tự phát, đơn lẻ, không đem lại thắng lợi. Trái lại, bọn chủ tư bản đồn điền kết hợp với bộ máy thống trị thực dân đã đàn áp công nhân vô cùng dã man. Cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số và công nhân cao su cực kỳ đen tối, tưởng như không có lối thoát.

Việc Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sau đó là Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời ở đồn điền Phú Riêng đã tạo một luồng sinh khí mới cho phong trào cách mạng của Nhân dân địa phương. Chi bộ cộng sản ở đồn điền Phú Riêng là một trong những chi bộ ra đời sớm nhất ở miền Đông Nam Bộ. Đó là kết quả quá trình đấu tranh anh dũng của đồng bào các dân tộc thiểu số và công nhân cao su, là kết quả của quá trình tuyên truyền vận động, xây dựng tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Đông Dương Cộng sản Đảng. Với truyền thống anh dũng quật cường, vùng đất Bình Phước chính là một trong những nơi ươm trồng những hạt giống cách mạng của Đảng. Từ khi có chi bộ cộng sản, công nhân cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số được tuyên truyền, giác ngộ và tổ chức lại. Họ đã nhận rõ bản chất, bộ mặt thật của bọn tư bản thực dân, từng bước giác ngộ giai cấp và nhận thức phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính vì vậy, phong trào đấu tranh của công nhân cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số trong những năm 1928-1930 đã chuyển dần từ tự phát sang tự giác. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phong trào đấu tranh cách mạng của Nhân dân Bình Phước bước vào giai đoạn mới: Đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

PHẦN I

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BÌNH PHƯỚC
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA
GIÀNH CHÍNH QUYỀN
(1930-1945)**

Chương I
SỰ RA ĐỜI CỦA CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN
VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG
TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THÀNH LẬP ĐẢNG
(1930-1939)

I. CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CUỘC
ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN CAO SU PHÚ RIÊNG (1929-1930)

Tháng 6/1925, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời ở Quảng Châu (Trung Quốc), do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập và lãnh đạo. Đây là tổ chức tiền thân chuẩn bị cho sự ra đời một đảng mácxít ở Việt Nam. Nhiều hội viên sau khi học, tập huấn luyện ở đây đã trở về nước hoạt động.

Năm 1927, Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ được thành lập. Năm 1928, thực hiện chủ trương “Vô sản hóa”, nhiều hội viên của Kỳ bộ đã đi làm phu, làm thợ ở các nhà máy, đồn điền miền Đông Nam Kỳ để tuyên truyền, vận động và xây dựng tổ chức cách mạng, đồng thời cũng tự rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân. Một trong những hội viên tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (tức Nguyễn Văn Vĩnh) được cử “vô sản hóa” ở đồn điền cao su Phú Riềng. Đồng chí Cừ quê ở Bắc Ninh, học sinh trường Bưởi Hà Nội, có bằng tú tài, nói tiếng Pháp thông thạo, sớm giác ngộ cách mạng. Đồng chí đến thực hiện “vô sản hóa” ở cao su Phú Riềng vào khoảng đầu năm 1928.

Làm công nhân ở Phú Riềng, đồng chí rất thận trọng khi thâm nhập vào công nhân. Trước khi tuyên truyền cho ai, đồng chí đều điều tra, nghiên cứu kỹ người đó. Đồng chí tuyên truyền những kinh nghiệm, cũng như phương pháp đấu tranh cụ thể, chỉ ra cho họ thế nào là một cuộc đấu tranh có tổ chức (phải đề ra khẩu hiệu, yêu sách đấu tranh, phải lập ban lãnh đạo, phải có tổ chức bảo hộ, phải tích trữ lương thực...). Đồng chí kể cho họ nghe về nước Nga Xôviết, về phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân thế giới... Quan trọng hơn cả là đồng chí thường giảng giải kỹ vấn đề lý luận cách mạng có

quan hệ trọng đại đến phong trào cách mạng như thế nào và nêu lên những phương pháp đấu tranh mới. Những vấn đề đó hoàn toàn mới mẻ đối với những người công nhân ở đây, có tác dụng lớn đối với phong trào công nhân Phú Riềng. Người đầu tiên đồng chí tìm đến liên lạc là Trần Tử Bình, lúc đó đang làm công nhân quét dọn, giặt giũ ở trạm xá, người nổi tiếng trong các cuộc đấu tranh trước đây. Sau một thời gian vận động, tuyên truyền, nhiều công nhân dần dần nảy sinh tình cảm đối với cách mạng và ít lâu sau họ xin vào tổ chức.

Tháng 4/1928, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồn điền Phú Riềng được thành lập gồm 5 hội viên Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng, Tạ và Hòa; do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản đầu tiên, đã lãnh đạo công nhân Phú Riềng cho đến cuối tháng 10/1929.

Ngày 20/10/1929, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, một cuộc đình công lớn với 2.000 công nhân tham gia đã nổ ra ở Phú Riềng. Đây là cuộc đình công đông đảo nhất so với trước đó. Anh em công nhân cử đại diện lên gặp tên chủ sở Xumanhắc (Soumagnac) đưa các yêu sách đòi tăng lương, chống đánh đập, không ăn gạo ảm, gạo mục, nữ công nhân nghỉ đẻ vẫn được hưởng lương... Đầu tiên, tên chủ sở cho lính đến đàn áp và bắt một số công nhân đánh đập dã man. Anh em công nhân kiên trì đấu tranh không manh động, buộc chủ chấp nhận giải quyết các yêu sách. Thắng lợi này đã cổ vũ phong trào công nhân địa phương trong bối cảnh các tổ chức cộng sản đang hình thành trên cả nước.

Sau khi được thành lập, khoảng tháng 8/1929, Trung ương lâm thời Cộng sản Đảng ở Bắc Kỳ cử đồng chí Ngô Gia Tự và một số đồng chí khác vào Sài Gòn xây dựng 3 cơ sở trọng yếu của Đảng ở 3 nơi trên đất Nam Kỳ đó là: Vĩnh Kim (Mỹ Tho), Ba Son (Sài Gòn) và Phú Riềng. Sau một thời gian ở Sài Gòn, đồng chí Ngô Gia Tự liên lạc được với đồng chí Nguyễn Xuân Cừ ở Phú Riềng. Lúc này, đồng chí Cừ bên trong là Bí thư Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Phú Riềng, bên ngoài lại là Thư ký cho tên giám thị Lobông ở làng 3, nên được chủ sở cấp giấy đi lại tự do. Nhờ vậy, đồng chí Cừ đi lại nhiều lần lên Sài Gòn - Chợ Lớn, lấy cớ đi thăm họ hàng, nhưng thực chất là lên gặp đồng chí Ngô Gia Tự để báo cáo tình hình và nhận sự chỉ đạo.

Thực hiện chủ trương phát triển tổ chức của Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng, đồng chí Ngô Gia Tự đã chỉ đạo cho đồng chí Nguyễn Xuân Cừ thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng. Vào đêm

28/10/1929, tại bờ suối trong khu rừng sau lưng làng 3, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập, gồm có 6 đảng viên là: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng, Tạ, Hòa và Doanh. Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ được cử làm Bí thư Chi bộ. Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên của Bình Phước và cũng là chi bộ đầu tiên của ngành cao su Việt Nam.

Sau khi thành lập, Chi bộ phân công các đồng chí đảng viên phụ trách các mặt công tác: Đồng chí Trần Tử Bình phụ trách Đội Thanh niên xích vệt, đồng chí Tạ phụ trách làng 2, đồng chí Hồng phụ trách nghiệp đoàn, đồng chí Doanh phụ trách làng 3, đồng chí Hòa cùng làm ở gara ô tô để giúp đồng chí Hồng trong công tác vận động công nhân lái xe và cơ khí ở đó. Các đảng viên trong chi bộ khẩn trương bước vào cuộc chiến đấu mới, nhằm đáp ứng yêu cầu của phong trào công nhân, đồng thời nhằm đối phó với những âm mưu và hành động nham hiểm của kẻ thù.

Các đảng viên được học tập về chủ trương của Đảng, trong đó có các vấn đề đem lại ruộng đất cho dân cày, công nhân phải tiến lên giành lại nhà máy, đồn điền và giải phóng dân tộc, được đọc báo *Thanh niên giải phóng* của Đông Dương Cộng sản Đảng, báo *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp.

Về phương hướng đấu tranh, Chi bộ chủ trương đi ngay vào việc tổ chức đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thực như tăng lương, cải thiện chỗ ăn, chỗ ở, điều kiện sinh hoạt văn hóa, tinh thần của công nhân, đấu tranh không được cúp phạt, đánh đập...

Trên cơ sở Nghiệp đoàn công nhân đã được thành lập tháng 6/1928, đến lúc này, Chi bộ chú ý xây dựng một nghiệp đoàn bí mật, đông đảo và vững mạnh hơn. Nghiệp đoàn do đồng chí Hồng làm thư ký. Tháng 11/1929, đồng chí Hồng đã tổ chức thành công cuộc đấu tranh đưa yêu sách cho bọn cai quản xưởng cơ khí đòi tăng lương, chống đánh đập, trợ cấp cho phụ nữ hậu sản... Công nhân tham gia nghiệp đoàn rất đông. Thông qua nghiệp đoàn vận động, mọi chủ trương của Chi bộ đều được công nhân ủng hộ. Chính nhờ tổ chức này mà Chi bộ Phú Riềng dù chưa đến 10 đảng viên nhưng vẫn đủ sức lãnh đạo các cuộc đấu tranh từ nhỏ đến lớn.

Nghiệp đoàn còn ra tờ báo *Giải thoát* nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức cách mạng, hướng dẫn công nhân đấu tranh theo đường lối của Đảng. Tờ báo được in bí mật và phân phát cho công nhân chuyền tay nhau xem. Nội dung báo sát với tình hình, phê phán những thói hư tật xấu trong công nhân do chế độ thực dân gây ra, nêu kinh nghiệm đấu tranh của công nhân các nơi, nêu lên đạo đức mới của công nhân, thông tin hoạt động nghiệp đoàn ở các đồn điền,

thời sự, chính trị quốc tế... Tờ *Giải thoát* được đồng chí Ngô Gia Tự thường xuyên theo dõi và chỉ dẫn. Đây là tờ báo đầu tiên của công nhân ngành cao su Việt Nam. Tờ *Giải thoát* cùng với những tờ báo, tài liệu do cấp trên chuyển đến và sự hoạt động tích cực của các đảng viên cộng sản, các cán bộ nghiệp đoàn đã góp phần nâng cao sự giác ngộ của giai cấp công nhân và chỉ cho họ biết con đường để đấu tranh giành thắng lợi.

Ngoài tổ chức nghiệp đoàn, Chi bộ còn có một đội thanh niên xích vệt rất mạnh, do đồng chí Trần Tử Bình phụ trách. Chi bộ tổ chức ở mỗi làng một tiểu đội gồm 40 thanh niên công nhân, vũ trang bằng nhiều thứ vũ khí tự tạo. Tổ chức này có nhiệm vụ bảo vệ Chi bộ, bảo vệ công nhân trong các cuộc đấu tranh, lúc bình thường thì canh gác xóm làng. Đội vũ trang này đã phát huy vai trò rất lớn trong cuộc nổi dậy “Phú Riềng đỏ” vào tháng 02/1930.

Chi bộ Phú Riềng rất chú trọng công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới. Đêm ngày 07/11/1929, Chi bộ bí mật tổ chức kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga và kết nạp đảng viên mới là đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng. Ngoài ra, Chi bộ còn góp phần vào việc đào tạo “hạt giống đỏ” cho các đồn điền khác. Đến cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ - Bí thư Chi bộ bị thực dân Pháp đui khỏi đồn điền vì chúng nghi ngờ đồng chí làm chính trị. Đồng chí phải thôi việc, về Sài Gòn hoạt động bất hợp pháp. Đồng chí Trần Tử Bình thay thế làm Bí thư Chi bộ và tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh trong tình hình mới.

Cuối tháng 01/1930, Chi bộ phát động một cuộc đấu tranh lớn, được tuyệt đại đa số anh em công nhân ủng hộ. Mục đích của cuộc đấu tranh này là đòi quyền lợi kinh tế cho nhiều đối tượng. Để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh, đêm ngày 28 Tết (tức ngày 27/01/1930), Ban Chấp hành Nghiệp đoàn cao su, theo chỉ thị của Chi bộ cộng sản, đã mở Hội nghị đại biểu công nhân của 5 trong số 10 làng công nhân, thảo luận nhiều lần và nhất trí với các yêu sách: Cấm đánh đập, cấm cúp phạt lương, miễn sưu thuế, trả lương cho công nhân nghỉ đẻ, bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động, trả về quê cũ những người hết hạn giao kèo, trả tự do cho những người bị bắt...; đồng thời, kiểm tra lại tình hình chuẩn bị, thống nhất yêu sách đề ra, thống nhất đánh “đòn thị uy ra quân” vào dịp chúc Tết chủ sở vào sáng mồng 1 Tết.

Sáng mồng 1 Tết Canh Ngọ (tức ngày 30/01/1930), cuộc đấu tranh mở đầu bằng “đòn thị uy ra quân”. Công nhân lợi dụng việc chúc Tết, đưa các yêu sách lên chủ sở, nhưng không được trả lời. Trước tình hình đó, các đảng viên và cán bộ nghiệp đoàn tăng cường tuyên truyền, giải thích cho công nhân hiểu rõ vì sao họ bị cực khổ, đồng thời kêu gọi anh em đồng tâm hiệp lực kiên trì

đấu tranh đòi cho được quyền lợi. Được đông đảo công nhân đồng tình ủng hộ, Chi bộ quyết định tiến tới bãi công sau 3 ngày Tết.

Ban Chấp hành Nghiệp đoàn, được sự chỉ đạo của Chi bộ, đã bí mật thông báo cho công nhân ở đâu cứ ở yên đó, đến bao giờ bọn chủ giải quyết những yêu sách của mình, Ban Chấp hành Nghiệp đoàn sẽ thông báo cho anh em đi làm.

Ngày 03/02/1930 (mùng 5 Tết) - ngày trở lại làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ Tết, 5.000 công nhân thực hiện tổng bãi công.

Về phía chủ sở, thấy hết hạn nghỉ mà toàn thể phu, thợ không ai đi làm, chúng bèn ra lệnh cho bọn cai, lính đến thúc ép công nhân đi làm. Tên cai Tây Đờcát Ly đã đánh chết anh Cảo ở làng 9, bắt giam anh cai Lự... Công nhân lập tức phản kháng, đánh đuổi và sau đó đưa đơn kiện lên chủ sở.

Nhảy bén với sự kiện nóng hổi vừa xảy ra, Chi bộ giao cho Nghiệp đoàn phát động biến cảm thù bằng một cuộc thị uy trực diện với chủ sở và đưa những yêu sách mới: Phải bồi thường tính mạng anh Cảo, trả tự do cho cai Lự, đuổi tên cai Tây giết người..., đồng thời đổi khẩu hiệu mới là “Chủ sở không chấp nhận yêu sách, quyết không đi làm”. Cuộc đấu tranh đã được đại đa số công nhân đồng tình ủng hộ.

Sáng ngày 04/02/1930, nghiệp đoàn tổ chức một cuộc biểu tình lớn bao gồm công nhân 10 làng tham gia, có các đội tự vệ hỗ trợ. Quận trưởng Bà Rá Morie trực tiếp dẫn 25 lính khố đỏ đến đàn áp công nhân. Nhưng đối mặt với khoảng 800 công nhân cùng khí thế áp đảo, bọn chúng phải nhượng bộ, rút lui. Ta bắt được 5 tên, thu 7 khẩu súng, trang bị cho đội tự vệ. Đoàn biểu tình hiện ngang kéo thẳng vào gặp Chủ sở Xumanhắc. Chủ sở sợ quá phải mở cửa điều đình. Công nhân cử 2 đồng chí là Hồng và Tạ đưa yêu sách đã vạch ra từ trước. Tên Chủ sở Xumanhắc sợ hãi phải chấp nhận yêu sách mà không dám chần chừ. Biên bản được ký kết giữa chủ sở và công nhân, cam kết thực hiện những yêu sách của công nhân. Đây là điều có một không hai ở Phú Riềng vào lúc đó. Lần đầu tiên trong lịch sử, tư bản đồn điền cao su Pháp ở Việt Nam ký vào biên bản chấp nhận yêu sách của công nhân.

Sau thắng lợi của công nhân, đại diện Ban Chấp hành Nghiệp đoàn tuyên bố giải tán lực lượng để ngày mai đi làm. Tuy nhiên, chủ trương đúng đắn này không được chấp hành nghiêm chỉnh. Anh em công nhân vì quá say sưa với chiến thắng, một số cán bộ, đảng viên nảy sinh tư tưởng manh động, nên trên đường về làng đã biểu dương lực lượng, hoạt động công khai. Họ tổ chức diễn văn nghệ, luyện tập quân sự, diễn thuyết, bắn súng thị uy làm khơi dậy tinh thần khởi nghĩa. Bọn cai, lính hoang mang bỏ chạy, không dám chống cự.

Tình hình đó càng làm cho anh em công nhân tưởng rằng ngày đấu tranh giành chính quyền ở Phú Riêng đã đến. Do đó, ở nhiều làng, bà con công khai treo cờ đỏ búa liềm, các tổ chức nghiệp đoàn, thanh niên tự vệ, Chi bộ đảng từ chỗ hoạt động bí mật chuyển ra hoạt động công khai. Công nhân làm chủ các làng và làng 3 trở thành trung tâm hoạt động công khai. Họ tổ chức đi phá kho gạo, kho thực phẩm... lấy chia cho công nhân, còn lại đem vào rừng dự trữ, phòng khi cuộc đấu tranh kéo dài thì vẫn có lương thực để sống.

Đến đây, một vấn đề cấp bách đặt ra là cuộc đấu tranh sẽ được phát triển như thế nào và sẽ đi tới đâu? Một cuộc tranh luận đã diễn ra ở Hội nghị Chi bộ đảng. Có hai luồng ý kiến khác nhau: Một luồng ý kiến của đa số đảng viên là đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh; còn một luồng ý kiến của các đồng chí Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng và một số đảng viên khác thì không đồng ý, đề nghị giải tán để bảo toàn lực lượng.

Trong lúc đang có hai luồng ý kiến như vậy, Xứ ủy Nam Kỳ đã cử đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (lúc này ở Sài Gòn) đến Phú Riêng để kịp thời chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh. Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ đã nắm tình hình và cùng Chi bộ, cán bộ nghiệp đoàn thuyết phục công nhân chấp hành chủ trương của Đảng: Trở về gia đình, trở lại lao động, trả vũ khí cho chủ.

Ngày 06/02/1930, công nhân tổ chức biểu tình ngòi. Riêng tại làng 3 và làng 9, nhiều tình huống căng thẳng giữa ta và địch đã diễn ra.

Trong khi đó, tên Xumanhắc tìm biện pháp đối phó mạnh. Một mặt, hấn tập trung 10 nhân viên người Tây và một số cai, sếp lính người Việt có vũ khí để bảo vệ dinh cơ; mặt khác báo về cho Tỉnh trưởng Biên Hòa, Thống đốc Nam Kỳ ở Sài Gòn xin giải cứu.

Nhận được điện báo của Xumanhắc, địch cấp tốc huy động một lực lượng lớn gồm có Thống đốc Nam Kỳ, Chánh mật thám Đông Dương, Công sứ Biên Hòa cùng 500 lính bộ binh, xe bọc thép, 3 máy bay đến uy hiếp tinh thần công nhân và sẵn sàng nổ súng. Tuy nhiên, chúng không thực hiện được ý đồ vì ta đã chủ động đấu tranh ôn hòa nên địch không có lý do gì để đàn áp. Chúng chỉ dọa rằng cứ đi làm việc ngày mai thì được lãnh gạo, còn ai đình công thì bị phạt.

Tất cả công nhân đều ngòi chính tề và cử đại diện đứng ra đối đáp với chủ sở, rồi đưa yêu sách. Riêng ở làng 9, lúc đầu chánh mật thám hạ lệnh bắt 25 công nhân lên xe, ta đấu tranh quyết liệt nên chúng phải thả hết. Rồi hai bên tiếp tục đấu lý với nhau và sau đó, bọn chúng đành phải nhượng bộ và hứa sẽ giải quyết những yêu sách của công nhân...

Sau 8 ngày đấu tranh anh dũng (từ ngày 30/01 đến ngày 06/02/1930), “Phú Riêng đỏ” đã giành được thắng lợi to lớn, gây ảnh hưởng rộng rãi và để lại nhiều bài học sâu sắc. Cuộc đấu tranh này đã làm rung chuyển cả hệ thống “địa ngục cao su Đông Dương”, làm chấn động dư luận trong nước và nước Pháp.

Sự kiện “Phú Riêng đỏ” chứng tỏ rằng một khi phong trào đấu tranh của công nhân có sự lãnh đạo của tổ chức đảng Cộng sản thì sẽ phát huy được bản chất sáng tạo của lực lượng quần chúng, làm xuất hiện những nhân tố mới, khả năng mới; đồng thời cũng chứng minh năng lực lãnh đạo, uy tín lãnh đạo của Chi bộ Phú Riêng đỏ - Chi bộ Đảng của giai cấp công nhân.

II. ĐẤU TRANH CHỐNG KHỦNG BỐ TRẮNG, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1930-1935)

1. Khủng bố trắng của thực dân Pháp sau năm 1930

Trước làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ khắp nơi trong cả nước, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố những người cộng sản và tổ chức cơ sở đảng. Chúng thẳng tay đàn áp dã man những chiến sĩ cách mạng, nhiều cơ sở đảng bị tan vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị chúng sát hại. Phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như trong cả nước lâm vào tình thế khó khăn nghiêm trọng.

Trên phạm vi cả nước, chỉ trong 3 ngày tháng 5/1931, thực dân Pháp đã bắt giam 246.532 người, kết án tử hình 8 người và kết án tù chung thân 98 người. Tại Sài Gòn, tính đến năm 1935, chúng đã giết hại 833 người. Tháng 4/1931, đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú và hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng đều bị địch bắt. Xứ ủy Nam Kỳ cũng tan rã.

Từ năm 1932 đến tháng 5/1935, Xứ ủy Nam Kỳ 4 lần bị thực dân Pháp đánh tan. Nhưng với truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, Nhân dân cả nước vẫn tìm cách bảo vệ những cơ sở cách mạng. Các cơ sở cách mạng vẫn khéo léo tiếp tế cho các chiến sĩ cách mạng bị cầm tù và đấu tranh hợp pháp giữ vững quyền lợi kinh tế hàng ngày và giữ vững tấm lòng son sắt với cách mạng.

Về tình hình trong tỉnh, phong trào cách mạng cũng gặp khó khăn vì hệ thống trạm kiểm soát, mạng lưới mật vụ, chỉ điểm thực dân Pháp hoạt động ráo riết. Ở Phú Riêng, sau cuộc đấu tranh của công nhân vào tháng 02/1930, theo lệnh Chánh mật thám Đông Dương, tên Quận trưởng Bà Rá Morie đã đưa 10 lính “sen đầm” và 120 nhân viên an ninh Việt gian tiến hành khủng bố

những công nhân tham gia đấu tranh. Chúng bắt đồng chí Bí thư Chi bộ, nhiều đảng viên cộng sản và hơn 100 công nhân, trong đó có nhiều thanh niên tự vệ và cán bộ nghiệp đoàn.

Sở dĩ có tổn thất lớn này là do ta chưa có kinh nghiệm hoạt động bí mật. Do quá say sưa trong thắng lợi của những ngày nổ ra cuộc đấu tranh nên đa số các đồng chí trong Chi bộ và Ban Chấp hành Nghiệp đoàn đều bị địch phát hiện. Những người bị bắt bị địch đem về giam ở nhà tù Bà Rá, sau chuyển sang khám Biên Hòa. Ở hai nơi này, họ phải chịu nhiều đòn tra tấn dã man, nhưng hầu hết đều giữ vững khí tiết, không chịu khai báo. Không những thế, họ đều chuẩn bị tư tưởng trước khi ra trước tòa án đế quốc.

Ở Tòa án Biên Hòa, các đồng chí Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng, Tạ, Doanh... đấu lý với bọn quan tòa quyết liệt, đã dũng cảm vạch trần tội ác của chúng với những lý lẽ đanh thép, hùng hồn. Tư thế vững vàng, bất khuất của họ đã tạo được tiếng vang lớn, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân và tầng lớp lao động ở Biên Hòa, nhất là công nhân nhà máy cửa BIF Biên Hòa. Trước tình hình đó, bọn quan tòa vội vàng tuyên án cho xong.

Đến tháng 5/1930, vụ án Phú Riềng lại tiếp tục được đưa ra tòa án đại hình ở Sài Gòn. Được sự hậu thuẫn của công nhân và Nhân dân Sài Gòn có mặt trong phiên tòa, cùng với sự khích lệ của phong trào đấu tranh sôi nổi nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5 trong cả nước, một lần nữa, những người cộng sản và công nhân Phú Riềng đã thể hiện tư thế vững vàng, đầy dũng khí làm cho mọi tầng lớp nhân dân Sài Gòn khâm phục.

Thực dân Pháp âm mưu qua vụ xử án công khai này để làm ô danh Đảng ta và ngăn chặn các cuộc nổi dậy của quần chúng cách mạng, nhưng chúng đã thất bại. Các đồng chí của ta đã biến phiên tòa thành diễn đàn tố cáo tội ác của bọn thực dân ngay tại Sài Gòn - trung tâm chính trị, kinh tế của xứ Đông Dương lúc bấy giờ.

Cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp ở nước ta diễn ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế của tư bản chủ nghĩa đã ảnh hưởng trực tiếp đến Đông Dương. Vì vậy, Nhân dân Nam Bộ nói chung và Nhân dân Bình Phước nói riêng càng chịu những hậu quả rất nặng nề, bi thảm. Thực dân Pháp tưởng rằng những chính sách đàn áp đẫm máu của chúng có thể tiêu diệt được Đảng Cộng sản và dập tắt phong trào cách mạng, nhưng chúng đã lầm. Từ năm 1932, phong trào cách mạng bắt đầu được khôi phục trên phạm vi cả nước.

2. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su

Mở đầu cho sự khôi phục phong trào cách mạng ở Đông Nam Bộ là cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng vào giữa tháng 12/1932.

Cuộc đấu tranh này vừa chấm dứt thì tháng 02/1933, ở Dầu Tiếng lại nổ ra một cuộc đấu tranh mới. Trước tình hình các cuộc đấu tranh ở Dầu Tiếng nổ ra liên tiếp, Thành ủy Sài Gòn đã cử đồng chí Văn Công Khai¹ đến đây tổ chức Công hội đở đỡ làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh và chuẩn bị xây dựng chi bộ đảng.

Những cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng, Dầu Tiếng đã ảnh hưởng sâu rộng đến các đồn điền cao su khác. Công nhân các đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia đã thấy rõ vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh giành quyền sống và giải phóng giai cấp, từ đó hướng theo ngọn cờ của Đảng đứng lên đấu tranh. Tháng 5/1935, hơn 500 công nhân các làng, sở thuộc đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia đã bãi công, biểu tình đòi chủ sở không được tự tiện giảm lương công nhân từ 46 xu/ngày xuống 30 xu/ngày, không được uy hiếp công nhân. Bọn chủ sở viện lý do đó là quyết định của chính phủ bảo hộ nên chúng không chấp nhận yêu sách. Công nhân các đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia, dưới sự lãnh đạo của Ban Tổ chức đấu tranh, đã mang gậy, giáo mác ùn ùn kéo đến văn phòng chủ sở. Đoàn đấu tranh lúc đầu có khoảng 500 người, nhưng về sau đông lên gần gấp đôi, có cả công nhân người Thượng cầm xà gạt, cung tên, ná, nỏ tham gia. Đoàn người đến điểm tập trung, đồng thanh hô khẩu hiệu: “Không được giảm lương của công nhân”.

Đại diện công nhân gặp chủ sở đưa tận tay bản yêu sách, buộc chúng phải giải quyết ngay. Trước khí thế sôi sục của công nhân, một mặt chủ sở phải cử người nhận yêu sách của công nhân và xoa dịu bằng cách bảo rằng chờ nghiên cứu giải quyết; mặt khác điều cấp tốc mấy chục quân lính với trang bị vũ khí đầy đủ đến đàn áp, nổ súng nhằm uy hiếp công nhân. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt. Anh em công nhân xông tới đánh nhau với bọn lính. Bọn lính bắn vào đoàn biểu tình làm chết 1 người và bắt đi gần 40 người. Trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, chủ sở buộc phải chấp nhận yêu sách, điều bọn lính đàn áp đi nơi khác và thả số công nhân vừa bị bắt.

Cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền cao su Lộc Ninh, Đa Kia đã giành được thắng lợi. Tối hôm đó, công nhân các làng tổ chức truy điệu, an táng công nhân đã hy sinh và chăm sóc những người bị thương.

1. Đồng chí Văn Công Khai quê ở quận Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một, đã từng làm công nhân ở Dầu Tiếng từ năm 1927.

Phối hợp với đấu tranh phản đối giảm lương, số anh em mãn hạn giao kèo đã đưa đơn đòi trở về quê quán cũ, kiên quyết không chịu tái đăng ký. Bọn chủ dùng thủ đoạn khuyến giải anh em ở lại làm thêm nhưng không có kết quả nên chúng phải chấp nhận cho 43 người trở về quê cũ.

Các cuộc đấu tranh của công nhân cao su các đồn điền cùng phong trào cách mạng trong cả nước đã ảnh hưởng đến công nhân cao su Hớn Quản (Bình Long). Khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ trong các đồn điền tiếp tục được phát động buộc chúng phải giải quyết những yêu sách chính đáng của công nhân. Mặc dù bị đàn áp dã man nhưng công nhân các đồn điền Quán Lợi, Xa Cam, Xa Trạch thuộc Công ty Đất Đỏ vẫn lần lượt nổi dậy đấu tranh trực diện với chủ đồn điền, buộc chúng phải giải quyết yêu sách của công nhân như: Không phát gạo mứt, cá thối, giảm lương của công nhân.

Thông qua các cuộc đấu tranh này, đội ngũ công nhân được củng cố, kinh nghiệm đấu tranh được tích lũy. Nhiều công nhân qua thử thách đã trở thành những cán bộ ưu tú của Đảng. Từ sau năm 1933, dân công tra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào đông. Anh em công nhân cũ xiết chặt hàng ngũ với anh em dân phu mới đoàn kết đấu tranh, làm cho phong trào càng mạnh. Trước sức mạnh phong trào đấu tranh của công nhân, bọn chủ nhiều đồn điền ở Hớn Quản, Lộc Ninh, Thuận Lợi... buộc phải hủy bỏ chế độ ăn chung, ở chung, phát gạo cho công nhân về nhà nấu ăn riêng. Một số đồn điền đã bắt đầu mở trường dạy học cho con em công nhân.

3. Phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số

Cùng chung số phận với công nhân, đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú ở vùng Hớn Quản, Bà Rá (Bình Phước ngày nay) cũng chịu chung ách thống trị của bọn thực dân Pháp. Với truyền thống yêu nước, lòng căm ghét áp bức bất công và sự tác động mạnh mẽ từ các cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh..., đồng bào dân tộc thiểu số đã đứng dậy tự tổ chức nhiều cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp. Trong đó, đáng chú ý là vụ giết tên Quận trưởng Bà Rá Morie vào tháng 10/1933 và cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số trên vùng đất Phước Long, Bù Đăng ngày nay vào năm 1934.

Tên Quận trưởng Morie khét tiếng gian ác đã gây nhiều tội ác đối với công nhân và đồng bào dân tộc thiểu số vùng Bà Rá. Hắn thi hành nhiều chính sách thâm độc như “lấy người Thượng trị người Thượng”, “dùng người Kinh đàn áp người dân tộc thiểu số”; áp dụng chế độ lao dịch 5-6 tháng trong

một năm để bắt dân đi làm đường bộ, xây dựng đồn bót, làm phu cho các sở cao su..., trong khi đó lương thực phải tự túc, mà gia cảnh luôn thiếu đói, đau ốm không có thuốc trị, nhiều người đã chết do lao động quá sức. Hấn còn có những hành vi rất ngang ngược như bắt những cô gái đẹp về hãm hiếp, làm tôi tớ... Không chịu nổi những thủ đoạn tàn bạo đó, hai anh em Điều Môn và Điều Mốt vốn là nghĩa quân của phong trào N'Trang Lơng ở sóc Bù Xum, được dân tin cậy, đã đứng ra vận động lập đội nghĩa quân và kết hợp cùng 200 dân trong các làng Bù Xum, Bù Kế, Bù Tó, Bù Tung... bàn mưu kế tiêu diệt tên Quận trưởng Morie.

Sau một thời gian xây dựng lực lượng và tìm hiểu kẻ địch, vào gần cuối tháng 10/1933, nghĩa quân phục kích trên Đường 14 đoạn gần sóc Bù Xum (nay là xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng). Nghĩa quân chờ suốt hai ngày liền mà chúng không đến, nên đành giải tán. Riêng hai ông Môn và Mốt vẫn kiên trì ở lại phục kích và còn vận động thêm vài người nữa như ông Nhím, ông Giang... cùng tham gia. Do nắm chắc quy luật, mỗi tuần, tên Quận trưởng Morie sẽ cưỡi ngựa cùng bọn lính từ Bà Rá sang Đường 14 để kiểm tra việc làm đường của dân làm xấu. Đến ngày thứ ba (25/10/1933), tên Morie cùng với mấy tên lính hộ vệ đã lọt vào trận địa phục kích. Ông Điều Mốt giả vờ xin lửa hút thuốc rồi nhanh như chớp dùng xà gạc chém chết tên Morie, sau đó rút lui an toàn.

Ngày hôm sau, thực dân Pháp tập trung càn quét, bắn phá dữ dội vùng Bù Xum, bắn chết nhiều dân làng. Trước cảnh đàn áp thảm khốc, đồng bào các dân tộc phải rút lui vào rừng sâu, cấm chông ngăn địch đàn áp, lùng sục.

Đồng thời với cuộc nổi dậy giết chết tên Morie, đồng bào dân tộc thiểu số còn nổi dậy tiêu diệt đồn Bù Có. Đồn này được lập vào năm 1933, do tên Gebe làm Đồn trưởng. Đây là nơi xuất phát của lực lượng đi càn quét, gây tội ác với đồng bào các buôn làng ở nhiều vùng như Hón Quán, Lộc Ninh, Bà Rá... Cuộc tấn công nổ ra ngày 02/01/1934, với sự tham gia của hơn 300 nghĩa quân người Xtiêng, phần nhiều được trang bị cung tên tẩm thuốc độc, giáo mác, xà gạc và một ít súng săn. Trước khi tấn công, những người chỉ huy đã tổ chức hạ cây cản đường nhằm chặn viện binh địch từ Bù Na qua. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Do kế hoạch thiếu chu đáo, bị địch phát hiện và tấn công nên nghĩa quân buộc phải rút lui. Tuy ta chỉ bắn chết và làm bị thương hai tên, nhưng đã làm cho địch khiếp vía, bỏ đồn Bù Có về co cụm ở Bù Đăng.

Sau trận này, các thủ lĩnh nghĩa quân ở Bù Đốp, Bà Rá và lưu vực sông Đồng Nai liên hệ với nhau khá chặt chẽ. Dựa vào thế hiểm trở và không gian

rộng lớn của núi rừng với diện tích rộng lớn gần 3.000km², các nghĩa quân gần như làm chủ khu vực, địch tấn công nhiều lần nhưng vẫn không kiểm soát được. Ngoài ra, đồng bào còn tổ chức cấm chông, bảo vệ buôn, sóc, ngăn địch lùng sục. Phong trào này lan rộng từ vùng đồng bào Xtiêng đến các địa bàn cư trú lân cận của người Mnông, Mạ, Chơ Ro, đến cả đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Bên cạnh đó, đồng bào còn hết lòng đùm bọc, che chở cho một số công nhân, cán bộ trốn đồn điền, vượt ngục Bà Rá, Tà Lài... Cuộc chiến đấu kéo dài đến năm 1935 mới tạm ngưng khi ông N'Trang Long - thủ lĩnh nghĩa quân ở Tây Nguyên bị địch bắt.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn Bình Phước trong giai đoạn này chỉ dừng lại ở mức độ tự phát. Các cuộc đấu tranh chỉ tập trung vào mục đích bảo vệ quyền tự chủ núi rừng, chưa có ý thức sâu sắc về chính trị. Hơn nữa, lúc này, lực lượng đảng viên Đảng Cộng sản trên địa bàn Bình Phước rất ít, chưa đủ điều kiện làm công tác vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nên ảnh hưởng của Đảng đến khu vực này chưa lớn. Tuy vậy, đó là những bước tập dượt đầu tiên đặt tiền đề cho chặng đường đấu tranh chống thực dân đế quốc của đồng bào dân tộc thiểu số dưới sự lãnh đạo của Đảng sau này.

III. ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1936-1939

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, chủ nghĩa phátxít trở thành nguy cơ lớn đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế. Trước tình hình đó, tháng 7/1935, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII được tổ chức. Đại hội đã chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân quốc tế là đấu tranh chống chủ nghĩa phátxít và nguy cơ chiến tranh do chúng gây ra. Do vậy, giai cấp công nhân quốc tế phải thống nhất hàng ngũ của mình và lập mặt trận thống nhất rộng rãi với các giai cấp và tầng lớp khác để hoàn thành nhiệm vụ trước mắt.

Sau Đại hội này, Mặt trận Bình dân Pháp do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4/1936, Chính phủ Mặt trận Bình dân lên cầm quyền, do Lêông Blum - lãnh tụ Đảng Xã hội làm Thủ tướng. Chính phủ do Lêông Blum làm Thủ tướng đã thi hành một số điều khoản trong Cương lĩnh Mặt trận Bình dân Pháp đã vạch ra, trong đó có những chủ trương tiến bộ, nhân đạo như thả tù chính trị ở các thuộc địa Pháp, thành lập Ủy ban điều tra tình hình thuộc địa ở Bắc Phi và Đông Dương, thay

đổi một số chế độ lao động đối với công nhân. Những điều đó đã tạo thuận lợi cho cách mạng nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp đã diễn ra sôi nổi ở ba miền đất nước. Phong trào Đông Dương Đại hội, phong trào “đón” Gôđa sang Đông Dương, những cuộc mít tinh nhân ngày Quốc tế Lao động... đã thu hút hàng nghìn, hàng vạn quần chúng tham gia và những cuộc đấu tranh dân quyền cũng giành được những thắng lợi bước đầu. Chính phủ Pháp phải ra lệnh ân xá tù nhân chính trị.

Giữa lúc tình hình thế giới, trong nước có sự chuyển biến tích cực, ở Thủ Dầu Một, phong trào quần chúng lên cao, kết nạp thêm được nhiều đảng viên mới, thành lập thêm nhiều chi bộ, cơ sở đảng. Tình hình này cho phép thành lập Tỉnh ủy.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố, kiện toàn công tác tổ chức, thực hiện Chỉ thị của Xứ ủy Nam Kỳ, cuối năm 1935, đồng chí Trương Văn Nhâm - Xứ ủy viên và đồng chí Trương Văn Bang - Ủy viên Liên tỉnh ủy miền Đông đến gặp Tỉnh ủy Gia Định bàn việc tách các chi bộ của Thủ Dầu Một (đang sinh hoạt hoặc ghép trong Đảng bộ Gia Định) để thành lập Đảng bộ mới.

Đầu năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một ra đời với cấp ủy gồm 5 đồng chí (4 nam, 1 nữ), đồng chí Trương Văn Nhâm được cử làm Bí thư. Việc thành lập Tỉnh ủy lâm thời vào mùa Xuân năm 1936 đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân nói riêng và Nhân dân Thủ Dầu Một nói chung.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, trong năm 1936, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, thầy giáo, công chức... đã liên tiếp nổ ra ở khắp nơi trong tỉnh, do Công hội đỏ và Nông hội đỏ làm nòng cốt. Sau đó, phong trào tiếp tục phát triển. Các tầng lớp quần chúng sôi nổi tham gia cuộc vận động Đông Dương Đại hội và đấu tranh trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tận dụng tình hình thuận lợi đòi Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp phải thi hành những cải cách dân chủ và cải thiện đời sống cho Nhân dân.

Hớn Quản và Bù Đốp là phần đất thuộc tỉnh Thủ Dầu Một, nơi có nhiều đồn điền cao su, đội ngũ công nhân đã lớn mạnh, đang cùng chung sống với các tầng lớp nhân dân người Kinh, Xtiêng, Chơ Ro, Tà Mun, Nùng, Chăm, Khmer và một số Hoa kiều. Tuy xa xôi, đất rộng, người thưa nhưng Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một đã quan tâm chỉ đạo sâu sát địa bàn này.

Cuối năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời mở hội nghị nhằm đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ sát hợp với phong trào và bầu Ban Chấp hành mới gồm 7 đồng chí. Tháng 01/1937, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được cấp trên chuẩn y và công nhận chính thức. Đồng chí Hồ Văn Cống giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy.

Cũng trong năm 1936, ở Biên Hòa, phong trào đấu tranh đòi địch bỏ thuế thân, giảm các khoản sưu cao thuế nặng, đòi quyền tự do cư trú, tự do đi lại làm ăn... nổ ra liên tiếp. Đặc biệt, cuộc vận động hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội và tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương có phần sôi nổi hơn.

Phong trào đấu tranh của quần chúng lên cao, và từ đó, tổ chức đảng cũng được phát triển. Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang được Liên tỉnh ủy miền Đông cử về Biên Hòa để lãnh đạo phong trào, củng cố xây dựng cơ sở đảng và thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa. Tháng 01/1937, Tỉnh ủy Biên Hòa được cấp trên công nhận chính thức. Đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư Tỉnh ủy.

Việc thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa đã đánh dấu bước phát triển có ý nghĩa về chất trong phong trào đấu tranh của quần chúng trong tỉnh, đặc biệt là đối với công nhân các đồn điền cao su trên địa bàn.

Quận Bà Rá là vùng đất phía bắc tỉnh Biên Hòa, có dân cư thưa thớt, nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc Xtiêng, Mnông, Chơ Ro, Mạ, là một vùng “rừng thiêng nước độc”. Từ năm 1925, thực dân Pháp đã cho lập nhà tù Bà Rá để đày ải các chiến sĩ cách mạng. Đồn điền cao su Thuận Lợi (Phú Riềng cũ) đã đi vào khai thác, nhưng đời sống công nhân vẫn lầm than, đói khổ. Sau sự kiện “Phú Riềng đỏ”, địch tiến hành khủng bố trắng, nhiều đảng viên bị bắt, chi bộ bị phá, phong trào công nhân tạm lắng.

Sau khi Tỉnh ủy Biên Hòa được thành lập, Đảng đã chỉ đạo Tỉnh ủy quan tâm và cử cán bộ về đồn điền Thuận Lợi để tổ chức lại phong trào. Ngày 01/5/1938, công nhân đồn điền Thuận Lợi đã tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động công khai, hợp pháp. Lần đầu tiên sau 7 năm thoái trào, đồn điền Thuận Lợi mới tổ chức lại được phong trào công nhân đấu tranh có ý nghĩa chính trị.

Bà Rá của Biên Hòa và Hớn Quản của Thủ Dầu Một (địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay) là hai quận rộng lớn, nằm sát biên giới, là nơi xa xôi cách trở, phương tiện đi lại, liên lạc khó khăn. Vì còn thiếu cán bộ, đồng thời phải tập trung sức chỉ đạo phát triển phong trào cách mạng, phát triển Đảng ở vùng đông dân cư phía nam nên Tỉnh ủy Biên Hòa và Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đều cử

cán bộ đi về để triển khai chỉ thị, nghị quyết và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy đến các nòng cốt và các hội quần chúng, chứ không bám trụ lại. Do các hội, các tầng lớp nhân dân, kể cả công nhân, thiếu sự diu dặt, chỉ đạo cụ thể, thường xuyên của tổ chức đảng nên phong trào cách mạng của quần chúng phát triển không đều, tốc độ phát triển chậm. Hai quận này chưa phát triển được đảng viên tại chỗ, chưa thành lập được chi bộ. Đây là một hạn chế rất lớn của phong trào cách mạng trên địa bàn.

Tuy nhiên, nhờ tình hình chung trên thế giới, đặc biệt là ở nước Pháp, tình hình sôi động trong nước và các quận phía nam của hai tỉnh, chủ trương của hai Tỉnh ủy được phổ biến đến công nhân nòng cốt và các hội quần chúng, nên phong trào cách mạng vẫn liên tiếp nổ ra trên địa bàn.

Ngày 04/5/1938, cuộc biểu tình của 150 công nhân Thuận Lợi diễn ra. Công nhân cử đại diện lên gặp chủ sở đưa ra yêu sách: Chống đánh đập, ngày làm 8 giờ, chống bán gạo mục, bán đắt... Sự kiện này nổ ra còn có sự tác động từ phong trào đấu tranh của công nhân cao su Dầu Tiếng, cao su Lộc Ninh. Lúc đó, Dầu Tiếng đã có Chi bộ Đảng và Hội Ái hữu hoạt động mạnh. Các đồng chí ta lợi dụng việc công nhân hai đồn điền Dầu Tiếng và Thuận Lợi qua lại bình thường, đã bí mật tuyên truyền và gây dựng cơ sở cách mạng ở Thuận Lợi.

Tiếp đó, cuộc bãi công của công nhân đồn điền cao su Quán Lợi nổ ra để phản đối hành động đánh đập của bọn cai. Trong cuộc bãi công này, 4 công nhân bị bắt, nhưng cũng đã làm cho bọn cai, xếp chùn tay.

Ngày 21/12/1938, hơn 300 công nhân các làng của đồn điền cao su Lộc Ninh tổ chức bãi công, biểu tình và cử đại diện đưa yêu sách cho tên Đòlălăng - Chủ Công ty Xétxô, với nội dung: Tăng lương cho công nhân, thi hành ngày làm việc 8 giờ, giảm phần cạo từ 400 cây xuống 350 cây/ngày, công nhân bị bệnh phải có thuốc uống. Công nhân đã tổ chức thành đội ngũ, từng đoàn đi diễu hành từ làng đến văn phòng sở, vừa đi vừa hô to khẩu hiệu: “Hoan hô Mặt trận Bình dân Pháp giành được thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử”. Được tin báo công nhân nổi dậy biểu tình, Đòlălăng cấp tốc tập hợp bọn tay sai bàn cách đối phó. Hắn cho điều lính gác sở và đám tay sai người dân tộc thiểu số do tên Tổng Mé cầm đầu bố trí trong khu vực văn phòng sở. Khoảng 9 giờ sáng ngày 21/12/1938, hai đoàn người từ hai hướng tiến về văn phòng sở. Đại diện công nhân đi thẳng đến văn phòng sở. 15 phút trôi qua vẫn chưa thấy đại diện công nhân trở ra, còn bọn lính từ phía sau văn phòng thì ào tới chỗ đoàn biểu tình, xô đẩy công nhân bắt phải giải tán. Nhưng bọn chúng không giải tán

được đoàn biểu tình. Được sự chỉ đạo của Ban Tổ chức, anh chị em ào lên vây đánh bọn chúng, đòi để tất cả mọi người kéo vào văn phòng. Trước tình hình ngày càng căng thẳng, bọn chủ đành hứa sẽ giải quyết những yêu sách của công nhân. Cuộc bãi công do Hội Ái hữu đứng ra tổ chức đã giành được thắng lợi (lúc này ở đây chưa có chi bộ, chưa có đảng viên cộng sản). Đoàn biểu tình phấn khởi, tiếp tục diễu hành, sau đó giải tán trở về các làng.

Nhìn chung, trong thời kỳ 1936-1939, các tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã nhạy bén, sáng tạo thực hiện đường lối cách mạng của Đảng, tập hợp quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ Mặt trận Dân chủ Đông Dương; xây dựng được nhiều tổ chức quần chúng vừa công khai, bán công khai dưới nhiều hình thức, đấu tranh từ thấp đến cao với khẩu hiệu dân sinh, dân chủ thiết thực, phù hợp với nguyện vọng bức thiết của quần chúng lao động. Trong thời kỳ này, công nhân ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Cát, Xa Trạch, Lộc Ninh, Đa Kia... cùng nông dân và các tầng lớp nhân dân khác trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng, đã nổi dậy đấu tranh, góp phần vào phong trào chung của cả nước. Qua các phong trào đấu tranh, quần chúng nhân dân hiểu hơn về Đảng Cộng sản, nhận thức rõ Đảng là tổ chức cách mạng chân chính, vì lợi ích của người lao động mà đấu tranh. Tuy nhiên, ở một số vùng (đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số), quần chúng nhân dân chưa hiểu rõ về Đảng, phong trào cách mạng chưa phát triển mạnh vì thiếu sự tuyên truyền, giác ngộ của lực lượng đảng viên.

*

* *

Ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở đồn điền Phú Riềng được thành lập. Kể từ đây, phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước chống thực dân Pháp đã có sự lãnh đạo của tổ chức đảng Cộng sản. Vừa mới ra đời, Chi bộ lãnh đạo công nhân đấu tranh chống lại chính sách hà khắc, tàn bạo của bọn chủ đồn điền, đòi các quyền lợi về kinh tế, đặc biệt là làm nên sự kiện “Phú Riềng đỏ” vào tháng 02/1930.

Trong giai đoạn 1930-1935, trước làn sóng đấu tranh cách mạng diễn ra ở nhiều nơi, thực dân Pháp đã tiến hành đàn áp dã man nên nhiều cơ sở đảng, tổ chức quần chúng trên địa bàn tỉnh bị tan rã, nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng ưu tú bị địch bắt, sát hại. Nhưng với truyền thống đấu tranh anh dũng, bất chấp gian khổ, hy sinh, quân và dân Bình Phước đã kiên trì đứng lên đấu tranh, gây cho địch nhiều tổn thất.

Sau khi giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4/1936, Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp lên nắm quyền đã ban hành những chính sách, chủ trương tiến bộ đối với nhân dân các nước thuộc địa, tạo điều kiện thuận lợi cho các phong trào đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực của các tầng lớp nhân dân. Trên địa bàn tỉnh Bình Phước, dưới sự lãnh đạo của Đảng phong trào đấu tranh công khai hợp pháp, bán hợp pháp diễn ra rầm rộ. Theo đó nhiều chi bộ, cơ sở đảng được thành lập. Để chỉ đạo kịp thời phong trào cách mạng, năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một ra đời, đến đầu năm 1937 Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập. Sự ra đời của các tổ chức đảng cấp tỉnh là nền tảng vững chắc đưa phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân ngày càng phát triển, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trên địa bàn tỉnh.

Chương II

THỰC HIỆN CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945)

I. CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA KHỞI NGHĨA NAM KỲ ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở BÌNH PHƯỚC (1939-1940)

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Để phục vụ cho chiến tranh đế quốc, ở Đông Dương, thực dân Pháp đã ra lệnh tổng động viên, vơ vét tiền bạc của Nhân dân, bắt lính, xóa bỏ các quyền tự do dân chủ. Chúng tấn công vào Đảng Cộng sản, các tổ chức quần chúng; đóng cửa báo chí tiến bộ; xóa bỏ các tổ chức dân chủ và những quyền lợi mà quần chúng đã giành được trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939. Ngày 28/9/1939, Toàn quyền Đông Dương Catoru (Catroux) ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn, tịch thu giấy tờ và tài sản của các tổ chức đó.

Cuộc chiến tranh đế quốc đã đặt đất nước ta vào tình thế mới. Đấu tranh hợp pháp giành các quyền dân sinh, dân chủ không còn khả năng, mà cũng không phải là mục tiêu trực tiếp của cách mạng lúc này. Đảng ta quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tiếp tục hoàn chỉnh việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân.

Từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu (khóa I) họp tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Cừ. Tham dự hội nghị có các đồng chí: Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu... Hội nghị quyết định chuyển hướng sự chỉ đạo chiến lược cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với hoàn cảnh mới: Xác định kẻ thù chủ yếu của cách mạng Đông Dương lúc này là chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai phản bội dân tộc, xác định cuộc cách mạng Đông Dương là cuộc cách mạng

giải phóng dân tộc. Về hình thức đấu tranh, Hội nghị nêu rõ cần được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ mới và chuẩn bị điều kiện để “bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc”¹, “Song phải hết sức tránh những cuộc tranh đấu non, tranh đấu không phương pháp, vô chuẩn bị”².

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu (11/1939) đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược, đánh giá một cách toàn diện vấn đề dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc, coi phong trào giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới, đã giải quyết đúng đắn những vấn đề chiến lược và phương pháp cách mạng nhằm đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai, mở ra một thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam.

Lúc này, mặc dù bị khủng bố ác liệt, nhiều cán bộ Trung ương và Xứ ủy bị bắt, song các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn Bình Phước vẫn tồn tại. Sách báo và truyền đơn của Đảng vẫn được lưu hành và phổ biến rộng rãi, các đội tuyên truyền vẫn thâm nhập vào quần chúng để giải thích tinh thần Nghị quyết Trung ương 6. Đặc biệt, phong trào chống bắt lính nổ ra sôi nổi và rộng khắp. Những đợt tuyên truyền, cổ động binh lính chống chiến tranh đế quốc và ủng hộ cách mạng được tổ chức ở nhiều nơi trong tỉnh.

Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng Đức, nước Pháp bị phátxít Đức chiếm đóng. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp, nhiều cơ sở cách mạng bị phá, lực lượng cán bộ cách mạng bị tổn thất, nhưng phong trào đấu tranh của Nhân dân vẫn tiếp tục được duy trì, nhất là ở các vùng nông thôn.

Trước tình hình đó, tháng 7/1940, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập hội nghị mở rộng tại ấp Tân Thuận, làng Tân Hương, tỉnh Mỹ Tho. Tham dự hội nghị có 24 đại biểu của Xứ ủy, các liên tỉnh ủy, tỉnh ủy và các ngành công vận, nông vận, binh vận. Sau nhiều ngày thảo luận, hội nghị đi đến nhất trí thông qua chủ trương, kế hoạch khởi nghĩa và thành lập Ủy ban khởi nghĩa của Xứ ủy và Ban Quân sự các cấp. Hội nghị bầu ra Xứ ủy mới do đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư và đề cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc dự Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (11/1940), xin chỉ thị của Trung ương về chủ trương khởi nghĩa, trong khi đó vẫn chuẩn bị sẵn sàng theo kế hoạch.

Từ ngày 21 đến ngày 25/9/1940, Xứ ủy Nam Kỳ tiếp tục mở hội nghị tại Hóc Môn (Gia Định) để quyết định về một số vấn đề công tác trọng yếu: Quyết định khởi nghĩa, chuẩn bị tích cực về mọi mặt và giao cho Thường vụ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.552, 554.

Xứ ủy quyền quyết định ngày tiến hành khởi nghĩa và ban bố lệnh khởi nghĩa. Ngoài ra, hội nghị còn quyết định mẫu cờ là nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Sau hội nghị 10 ngày, ngày 03/10/1940 Ban Thường vụ xứ ủy lại họp để uốn nắn những sai lầm, lệch lạc về tư tưởng cũng như hành động xuất hiện trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, nhắc nhở thêm một số công việc mà hội nghị lần trước chưa đề cập. Hội nghị quyết định khởi nghĩa; lệnh khởi nghĩa được gửi đi các nơi, quyết định toàn xứ ủy thống nhất khởi nghĩa vào đêm 22/11/1940. Trong lúc đó, sau khi dự Hội nghị Trung ương 7, đồng chí Phan Đăng Lưu mang chỉ thị của Trung ương hoãn cuộc khởi nghĩa về Sài Gòn thì bị địch bắt nên chưa kịp phổ biến, hơn nữa lệnh khởi nghĩa đã xuống tận cơ sở nên không thể hoãn được.

Thực hiện chủ trương của xứ ủy, ở tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hòa, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương. Ở tỉnh Thủ Dầu Một, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Nhân dân một số nơi trong tỉnh đã đứng lên hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Ban Khởi nghĩa của tỉnh do đồng chí Hồ Văn Cống - Bí thư Tỉnh ủy phụ trách. Ở Biên Hòa, Tỉnh ủy giao cho đồng chí Huỳnh Liễu tổ chức một đội vũ trang trên 30 người ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) luyện tập võ nghệ chuẩn bị khởi nghĩa.

Dù kế hoạch khởi nghĩa bị lộ nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra. Ngày 23/11/1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, chủ yếu là ở vùng nông thôn đông dân. Trung tâm khởi nghĩa ở miền Tây Nam Kỳ là Cai Lậy, Vĩnh Kim của Mỹ Tho. Chính quyền cách mạng ở Mỹ Tho tồn tại được 40 ngày, đã tịch thu ruộng đất của địa chủ phân động chia cho dân nghèo, lập tòa án nhân dân trừng trị những tên phản cách mạng. Đây là một thành tích quan trọng của khởi nghĩa Nam Kỳ. Ở miền Đông Nam Kỳ, trung tâm khởi nghĩa là vùng Hóc Môn - Bà Điểm, tỉnh Gia Định.

Ở Thủ Dầu Một, khởi nghĩa đã nổ ra ở các nơi: Dầu Tiếng, Dĩ An, thị xã Thủ Dầu Một, Bến Súc, ấp Kiến Điền (Bến Cát)... Ở Biên Hòa, khởi nghĩa nổ ra ở các làng Mỹ Lộc, Uyên Hưng, Thường Lang... Tại cảng¹ Bà Rá (Phước Long), ngày 12/12/1940, 4 chiến sĩ cách mạng bị giam cầm tại trại C đã nổi dậy giết 1 tên lính gác, lấy 1 súng, 5 viên đạn rồi bỏ trốn, làm cho Pháp phải lo sợ. Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, ở Hớn Quản - Bà Rá tuy không có nổi dậy như các nơi khác nhưng những tấm gương chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ cách mạng đã gây ảnh hưởng sâu sắc đến công nhân cao su nơi đây.

1. Cảng: Tức nhà tù.

Theo gương các chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa, công nhân các đồn điền cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi... đã nổi dậy đấu tranh chống đế quốc và tư bản Pháp, đòi quyền dân sinh với các yêu sách như: Chấm dứt việc đánh đập, cúp phạt, không được trì hoãn việc trả lương công nhân; cho công nhân về quê theo đúng thời hạn; không được phát gạo mứt, cá thối cho công nhân; mở thêm trường học cho con em công nhân học, mở thêm bệnh viện để chữa trị...

Sau thất bại của khởi nghĩa Nam Kỳ, các đồn điền cao su và vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Hớn Quản - Bà Rá đã trở thành nơi ẩn náu của cán bộ, đảng viên trước sự truy lùng, bắt bớ của thực dân Pháp, trở thành miếng đất giữ gìn và ươm trồng hạt giống cách mạng. Trong hai năm 1941-1942, một số đảng viên đã từng tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương và khởi nghĩa Nam Kỳ ở các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, Sài Gòn, Chợ Lớn... như đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Nguyễn Xang, đồng chí Nguyễn Văn Tảng... lần lượt quy tụ về các đồn điền cao su Hớn Quản, Lộc Ninh. Từ khi các đồng chí đảng viên cộng sản về hoạt động trong phong trào công nhân, các cơ sở cách mạng được xây dựng và phát triển mạnh. Nhiều cuộc đấu tranh đã mang đậm màu sắc dân tộc và giai cấp với khẩu hiệu “Tổ quốc và sự giải phóng cần lao”. Tại các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Đa Kia, công nhân đòi thực dân Pháp rút về nước, trả lại đồn điền cho người Việt Nam quản lý.

Khởi nghĩa Nam Kỳ bị thất bại, nhưng qua đó, phong trào đấu tranh của công nhân cao su lại dâng cao hơn nhờ những hoạt động của số cán bộ, đảng viên chuyển vùng về các đồn điền.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại vì nổ ra không đúng thời cơ, điều kiện chưa chín muồi, nhưng vẫn gây được tiếng vang trong cả nước, cho thấy rõ tinh thần quật khởi và quyết tâm của Nhân dân ta không bỏ lỡ cơ hội nào để nổi dậy đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học xương máu về nắm thời cơ khởi nghĩa, về sự phối hợp đồng bộ giữa địa phương và cả nước, giữa thành phố và nông thôn, giữa phát động quần chúng nhân dân nổi dậy với vận động binh lính quay súng chống lại quân thù, về tinh thần cảnh giác cách mạng... Đó là những kinh nghiệm quý báu cho giai đoạn cách mạng tiếp theo.

II. CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHO KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1941-1945)

Ngay sau khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, tháng 12/1940, Xứ ủy liên tiếp mở hai hội nghị ở xã An Phú Tây và xã Đa Phước thuộc huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay), để rút kinh nghiệm, cử ra Xứ ủy mới.

Hội nghị cũng quyết định một số chủ trương xuất phát từ tình hình mới sau khi khởi nghĩa thất bại: Đưa Nhân dân ra sống hợp pháp với địch nhằm hạn chế sự hy sinh, tổn thất; cán bộ, đảng viên về bám cơ sở, bám dân, chống khủng bố, người nào bị lộ thì chuyển vùng hoạt động, phân tán và giấu súng. Các tỉnh, quận, có cơ sở cách mạng phải lo củng cố và phát triển lực lượng quần chúng cách mạng là chính, không được bộc lộ lực lượng. Hội nghị cũng quyết định phân công các xứ ủy viên đi về các tỉnh để chấp nối lại tổ chức, duy trì phong trào, quyết định ra tờ báo *Giải phóng* để hướng dẫn các cấp bộ đảng và quần chúng cách mạng về đường lối, nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài và tìm mọi cách liên lạc với Trung ương.

Những năm 1941-1943 là giai đoạn đầy khó khăn của Đảng bộ Nam Bộ. Xứ ủy, liên tỉnh ủy, tỉnh ủy bị phá vỡ, phải lập đi lập lại nhiều lần. Phần lớn đảng viên bị bắt cầm tù. Riêng Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ còn lại khoảng 20 cán bộ, đảng viên¹, phải chuyển vùng về nông thôn, các đồn điền cao su... để ẩn náu, tạo dựng cơ sở, tạo thế đứng chân để khôi phục phong trào cách mạng và coi việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

Trong thời gian này, bọn thực dân Pháp ở thuộc địa phân hóa thành hai phái: Phái Pétanh (Pétain) đầu hàng phátxít Đức và phái Đờ Gôn (De Gaul) kháng chiến chống phátxít.

Những chuyển biến ấy đã tác động đến tình hình cách mạng Việt Nam. Riêng ở trên địa bàn Bình Phước, những người cộng sản trung kiên bắt đầu có những hoạt động mới.

Năm 1942, cãng Bà Rá² giam giữ gần 400 quần chúng yêu nước và những người cộng sản, trong đó phần lớn bị bắt vì tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ. Các đồng chí bí mật liên lạc thông báo tin tức cho nhau. Riêng ở trại Công tác, các đồng chí tổ chức “Hội người cùng quê” để làm công tác binh vận, liên lạc với người nhà để nhận sách báo và tin tức đấu tranh ở các tỉnh.

1. Trước khởi nghĩa Nam Kỳ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một có 80 đảng viên, sau khởi nghĩa còn lại 20 đảng viên. Số quần chúng tham gia và ủng hộ khởi nghĩa bị thực dân Pháp bắt và thủ tiêu hàng trăm người. Đồng chí Hồ Văn Cống - Bí thư Tỉnh ủy bị bắt, đày đi Côn Đảo và hy sinh tại đó.

2. Cãng Bà Rá ở núi Bà Rá thuộc phường Sơn Giang, thị xã Phước Long ngày nay. Cãng có trước năm 1925, đến năm 1941 mang tên mới “Trại tập trung đào tạo những người lao động đặc biệt”. Cãng có 3 trại A, B và trại Công tác. Trại A nhốt thường phạm, trại B nhốt nữ và trại Công tác nhốt chính trị phạm cộng sản, những người nghi là cộng sản, phần tử Tờrốtkit, tín đồ Cao Đài, Hòa Hảo.

Cuối năm 1942, ở đồn điền Lộc Ninh, hơn 100 công nhân cao su các làng 4, 9 và 10 đã biểu tình thị uy, đòi chủ sở phải giảm giờ làm, ngày làm 8 tiếng, không được cúp lương. Thực dân Pháp và chủ sở đáp lại bằng cách nổ súng đàn áp, làm gần 10 người chết và bị thương, bắt đi một số người khác. Hành động này càng làm tăng thêm lòng căm thù bọn thực dân của hai vạn công nhân cao su đang sống ở 11 làng. Lúc này, đồng chí Lê Đức Anh đang hoạt động hợp pháp ở Lộc Ninh, đã lập ra nhóm “công nhân nông cốt” để củng cố và phát triển phong trào đấu tranh.

Qua cuộc đấu tranh đó, các đảng viên và công nhân đã rút được kinh nghiệm, củng cố lại tổ chức. Vào đầu năm 1943, hơn 300 công nhân của 4 làng thuộc đồn điền cao su Lộc Ninh kéo đến văn phòng chủ sở đòi giảm giờ làm, không được cúp lương, tăng lương cho công nhân. Lần này, đội ngũ công nhân đã tổ chức ra một lực lượng thanh niên để bảo vệ đoàn biểu tình, được trang bị dao, gậy và nhiều vũ khí khác giấu sẵn trong người, chuẩn bị tinh thần chống trả đàn áp. Đoàn người kéo đến cổng dinh chủ sở hô to: “Không được cúp lương, phải tăng lương”, “phải thi hành luật ngày làm việc 8 giờ”. Mặc dù địch đàn áp dã man, bắn xối xả vào đám đông làm chết 2 người và nhiều người bị thương, nhưng công nhân vẫn kiên cường vượt chướng ngại vật đi thẳng đến bao vây nhà tên Chủ sở Đờ Lalăng. Hoảng sợ trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, Đờ Lalăng buộc phải nhượng bộ, tiếp đón đại diện công nhân. Hấn hứa sẽ giải quyết theo nội dung yêu sách của công nhân, đồng thời chấp nhận thay số lính ác ôn vừa đàn áp công nhân đi nơi khác. Cuộc đấu tranh của công nhân giành thắng lợi. Tối hôm đó, công nhân các làng tập trung về làng 4 dự lễ truy điệu, an táng cho 2 công nhân đã anh dũng hy sinh.

Cuối năm 1942, các nhóm đảng viên hoạt động ở Quán Lợi, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Thuận Lợi đã vài lần hội họp với các đảng viên hoạt động ở Lái Thiêu, thị xã Thủ Dầu Một để thành lập Tỉnh ủy, kết thúc thời kỳ tạm lảng.

Từ năm 1943, sau khi Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công. Với chiến thắng lịch sử Xtalingrát và đập tan cuộc phản công của quân Hítler ở vòng cung Cuốcxơ, Chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn mới: Hồng quân Liên Xô phản công, sự sụp đổ của phátxít Đức bắt đầu. Trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, phátxít Nhật tuy còn khá mạnh, nhưng không còn hùng hổ như trước.

Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp từ ngày 25 đến ngày 28/02/1943 ở Võng La (Đông Anh, Hà Nội). Hội nghị nhận định: “Năm 1943 này là năm phe dân chủ sẽ đánh phe phátxít một cách

quyết liệt hơn để sửa soạn điều kiện cho bước thắng lợi cuối cùng”¹; cách mạng Việt Nam có thể tiến lên bằng những bước nhảy vọt; toàn bộ công tác của Đảng phải nhằm vào chỗ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Hội nghị chủ trương phát triển Mặt trận Dân tộc thống nhất trên cơ sở không ngừng củng cố và phát triển các tổ chức của công nhân và nông dân, bảo đảm quyền lãnh đạo của Đảng; thành lập Mặt trận Dân chủ chống phátxít Nhật ở Đông Dương nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống phátxít Nhật bao gồm cả ngoại kiều và bất tay có điều kiện với phái Đờ Gôn (Pháp).

Những chủ trương đúng đắn đó đã tạo điều kiện đưa cách mạng trong cả nước không ngừng phát triển mạnh mẽ.

Trong bối cảnh chung đó, việc phục hồi cấp ủy tỉnh cũng diễn ra gấp rút. Năm 1943, tại làng 1 đồn điền cao su Dầu Tiếng, Ban Cán sự Đảng (tức Tỉnh ủy lâm thời) tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập gồm các đồng chí: Văn Công Khai, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trung, Lê Đức Anh và Vũ Văn Hiến. Đồng chí Văn Công Khai được cử làm Bí thư; các đồng chí Nguyễn Văn Trung, Lê Đức Anh phụ trách vấn đề các dân tộc thiểu số. Theo sự phân công của Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Trung, Lê Đức Anh về hoạt động ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh để chỉ đạo các phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc thiểu số. Các đồng chí còn bàn bạc về các công tác cụ thể như: Phục hồi các chi bộ đảng trên cơ sở những đảng viên đủ phẩm chất; lựa chọn quần chúng tốt trong các tổ chức hợp pháp đang hoạt động, làm nòng cốt để lập ra các hội cứu quốc; móc nối liên lạc với các đồng chí trong Xứ ủy, Thành ủy Sài Gòn, Tỉnh ủy Gia Định để nắm tình hình chung và tiếp nhận tài liệu của Trung ương.

Cuối năm 1943, vì chưa biết ở Thủ Dầu Một đã thành lập Tỉnh ủy, Xứ ủy Tiên phong² cử đồng chí Dương Quang Đông (Dung Văn Phúc) - Ủy viên Thường vụ Xứ ủy, đến gặp đồng chí Văn Công Khai và 3 người khác đang công tác tại thị xã Thủ Dầu Một. Đồng chí Dương Quang Đông truyền đạt chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và chỉ định đồng chí Văn Công Khai làm Bí thư. Lúc này, ở Thủ Dầu Một, nhiều chi bộ đã được lập lại, một số

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.279.

2. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, nhiều đồng chí trong Xứ ủy bị địch bắt. Vì chưa liên lạc được với nhau nên nhóm đồng chí Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông vượt ngục Tà Lài (3/1941) đã bắt được liên lạc với một số đồng chí liên tỉnh ủy lập ra Xứ ủy mới do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư, xuất bản tờ báo *Tiên phong* nên gọi là Xứ ủy Tiên phong. Trong lúc đó, đồng chí Nguyễn Thị Thập cũng tổ chức ra Xứ ủy mới và cử đồng chí Trần Văn Di làm Bí thư, xuất bản tờ báo *Giải phóng* nên gọi là Xứ ủy Giải phóng. Sau đó, theo chỉ đạo của Trung ương, hai xứ ủy hợp nhất thành Xứ ủy Nam Kỳ.

đảng viên ở các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quán Lợi, Lộc Ninh đều tập trung vào công tác phục hồi phong trào quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh, do đó phong trào cách mạng trong năm 1944 có bước phát triển mới.

Tháng 02/1944, Chi bộ Lộc Ninh được thành lập gồm 3 đảng viên¹. Đồng chí Lê Đức Anh - Ủy viên Ban Cán sự Đảng tỉnh Thủ Dầu Một phụ trách vấn đề dân tộc thiểu số làm Bí thư. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc thành lập Mặt trận Việt Minh, Chi bộ đã phổ biến sâu rộng Điều lệ Việt Minh trong công nhân và Nhân dân vùng này. Ngoài ra, Chi bộ còn thành lập nhóm trung kiên gồm các ông Mé, Ký Thịnh, Khiêm, Ba Đền, Cai Loại và Hai Đình (con ông Ba Đền) làm nòng cốt vận động phong trào Việt Minh, tạo cơ sở cho các hội cứu quốc ra đời.

Đầu năm 1944, tại đồn điền cao su Lộc Ninh, khoảng 300 dân công tra tiền hành bãi công. Cuộc bãi công bị đàn áp nặng nề. Các anh Dậu, Cần, Ngân bị địch sát hại; hàng chục người bị đánh đập, bắt giam.

Ở đồn điền cao su Quán Lợi, nhiều công nhân do nhóm thợ sơn, thợ nguội cầm đầu đã đứng lên chống lại bọn cai xếp gian ác.

Ở nhà tù Bà Rá (Phước Long), các đồng chí của ta nhiều lần đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi thuốc chữa bệnh... Chi bộ ở đây tích cực chuẩn bị gạo, muối... cho cuộc vượt ngục. Tại trại Công tác nhà tù Bà Rá, giữa những người cộng sản như Hồ Bá Phúc, Tô Ký, Trương Văn Bang... và nhóm Tờốtkit do Lê Văn Thủ cầm đầu cũng diễn ra nhiều cuộc tranh luận về vấn đề “Nga, Đức ai thắng ai”. Các đồng chí ta dùng nhiều lý lẽ chứng minh Nga thắng, Đức thua. Nhóm Tờốtkit thì nói ngược lại. Quan điểm của các đồng chí của ta được anh em tù chính trị và một số anh em trong “Hội người cùng quê” đồng tình.

Đầu năm 1945, các hội cứu quốc lần lượt ra đời và hoạt động rộng khắp. Hội cứu quốc hoạt động ở Quán Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Bà Rá phát triển mạnh. Đến giữa năm 1945, phần lớn công nhân đều là hội viên cứu quốc. Các hội cứu quốc này lại cử người đến các làng, sóc vận động đồng bào dân tộc Xtiêng, Khmer, Mạ... tham gia tổ chức của đồng bào dân tộc thiểu số với tên gọi “Tổ chức những người Việt Nam mới”. Tổ chức này thu hút rất đông Nhân dân tham gia, lập ra các đội tự vệ, mỗi đội vài chục người với trang bị thô sơ như cung, nỏ, súng săn... Sau khi được thành lập, các hội cứu quốc tích cực vận động đồng bào tham gia đấu tranh chống lại Pháp, Nhật và chuẩn bị giành chính quyền.

1. Gồm đồng chí Lê Đức Anh, 1 đồng chí làm việc trên tuyến xe lửa Lộc Ninh - Sài Gòn và 1 đồng chí là con trai của đồng chí Nguyễn Văn Tạo (Sau này là Bộ trưởng Bộ Lao động).

III. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT, CỨU NƯỚC TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa

Từ cuối năm 1944 đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển qua giai đoạn kết thúc. Quân đội Xôviết và liên quân Anh - Mỹ mở những cuộc tiến công như vũ bão về phía Béclin, lần lượt giải phóng các nước Trung Âu, Đông Âu.

Ở Đông Dương, trước những chuyển biến mới của cuộc chiến tranh, đúng như Đảng ta đã dự đoán, tình trạng tạm thời hòa hoãn giữa hai tên phátxít Nhật, Pháp đã chấm dứt, mâu thuẫn giữa chúng ngày càng gay gắt. Nhìn thấy triển vọng chiến thắng của quân Đồng minh đang đến gần, lực lượng Pháp theo Đờ Gôn ở Đông Dương đã hoạt động ráo riết, chuẩn bị kế hoạch tái chiếm Đông Dương khi quân Đồng minh đổ bộ vào tiến công quân Nhật.

Âm mưu và hành động đó không lọt qua được tai mắt phátxít Nhật. Chúng đưa thêm quân đội vào Đông Dương và quyết định hành động trước để tiêu diệt quân Pháp. Ngày 09/3/1945, Nhật đưa tối hậu thư đòi Pháp phải trao tất cả quyền hành cho chúng và bắt giam Toàn quyền Đờ Cu (Decoux) ở Sài Gòn. Trên toàn Đông Dương, Nhật nổ súng tấn công, quân Pháp không chống cự nổi và đã đầu hàng nhanh chóng.

Đảng ta theo dõi tình hình rất sát. Ngay trong đêm Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Hội nghị chủ trương “phát động một cao trào *kháng Nhật cứu nước* mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa”¹. Nội dung của hội nghị được trình bày trong bản chỉ thị lịch sử ngày 12/3/1945: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị quan trọng này thể hiện rõ sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời và sáng tạo của Đảng ta. Nó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng trong cao trào chống Nhật, cứu nước, dẫn đến thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Dưới ánh sáng Chỉ thị của Trung ương và tác động của tình hình mới, từ sau tháng 3/1945, phong trào đấu tranh cách mạng trên địa bàn tỉnh phục hồi nhanh chóng. Nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên bị giặc bắt giam đã thoát khỏi nhà tù trở về hoạt động, bắt lại liên lạc với các đồng chí còn lại ở địa phương,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.367.

nhanh chóng khôi phục tổ chức đảng, khôi phục phong trào. Nhiều đồng chí đảng viên các nơi khác cũng quy tụ về địa bàn tỉnh, một số đảng viên phá trại giam Bà Rá về cũng nhanh chóng móc nối, hòa nhập vào phong trào. Số đảng viên tăng lên nhanh, phần lớn các đồng chí có năng lực tổ chức lãnh đạo. Các nhóm cộng sản đều có sự liên lạc và kết hợp với nhau trên một số mặt công tác. Tất cả các nhóm đều ra sức phát triển tổ chức đảng, mở rộng cơ sở, ráo riết chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.

Về phía kẻ thù, sau khi Nhật đảo chính Pháp, bộ máy thống trị vẫn được duy trì nguyên vẹn, chỉ có một điều khác trước là phátxít Nhật thay Pháp làm toàn quyền, khâm sứ, thống đốc, công sứ nắm toàn bộ quyền lợi. Nhật đưa Trần Trọng Kim lên lập ra chính phủ bù nhìn.

Trên địa bàn tỉnh, từ sau tháng 3/1945, Nhật ra sức xây dựng bộ máy cai trị của chúng, đồng thời tìm mọi cách đàn áp phong trào cách mạng. Chúng sử dụng lại tên ác ôn đầu sỏ Lương Sơ Khai làm tỉnh trưởng, Đỗ Văn Công làm quận trưởng..., cùng với bè lũ tay sai. Chúng giữ nguyên hệ thống hành chính cũ bao gồm tỉnh, quận (4 quận), tổng (12 tổng) và làng (123 làng). Ngoài ra, chúng còn bố trí nhiều trung đoàn bộ binh chiếm đóng các vị trí quan trọng về quân sự, kinh tế và chính trị như thị xã, các thị trấn, các đồn điền cao su lớn Lộc Ninh, Hớn Quản, Dầu Tiếng, Thuận Lợi..., đồn biên phòng ở biên giới Việt Nam - Campuchia, nhà ga xe lửa Lộc Ninh - Sài Gòn.

Các tổ chức, đảng phái thân Nhật như Thanh niên ái quốc đoàn, Thanh niên bảo quốc đoàn, Võ sĩ đoàn, Nghĩa đạo thực hành đoàn... đẩy mạnh các hoạt động lừa bịp Nhân dân, tuyên truyền về nền độc lập giả hiệu của Chính phủ Trần Trọng Kim, thuyết “Đại Đông Á”, thuyết “Đồng văn, đồng chủng”, tuyên truyền Nhật sẽ ủng hộ Việt Nam độc lập. Bọn Tờốtkít cũng làm tay sai cho Nhật.

Cùng với việc xây dựng và củng cố bộ máy cai trị, bọn quân phiệt Nhật còn ra sức vơ vét của cải để nuôi dưỡng và kéo dài chiến tranh. Chúng xây dựng một hệ thống gồm hàng trăm kho tàng ở những nơi bảo đảm bí mật và ở 10/22 đồn điền (Quản Lợi, Lộc Ninh, Đa Kia, Thuận Lợi, Xa Cam, Dầu Tiếng, Phước Hòa...), tích trữ hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, dược liệu, nguyên vật liệu... mà chúng ăn cướp từ nhiều tỉnh, thành ở Nam Kỳ. Chúng định mức thuế cao đối với các loại hàng xuất; bắt hàng ngàn dân công đi xây dựng hệ thống hầm kho, hầm trú ẩn, hào chiến đấu, công trình bảo vệ phi trường, các đồn lính Nhật ở khắp nơi trên địa bàn tỉnh như Phú Hòa, thành Săng Đá (thị xã), Tân Uyên, Chơn Thành, Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp, Lộc Ninh...

Dĩ man nhất là chúng đã thủ tiêu tất cả những người đào hầm cất giấu vũ khí, các mặt hàng chiến lược cho chúng ở tất cả các nơi để bịt đầu mối¹.

Tình cảnh vô cùng khốn đốn đó đã làm cho các tầng lớp nhân dân nhận ra bộ mặt thật của phátxít Nhật. Được Đảng Cộng sản tuyên truyền, giáo dục và tổ chức, nên các tầng lớp nhân dân, nhất là quần chúng lao động, sục sôi tinh thần cách mạng, quyết tâm vùng lên đánh đổ phátxít Nhật và tay sai để giành lại đất nước của mình.

Cao trào chống Nhật, cứu nước của Nhân dân trong tỉnh được mở đầu bằng cuộc nổi dậy “tự giải thoát” của 200 tù chính trị ở cảng Bà Rá vào lúc 7 giờ ngày 10/3/1945. Cuộc “tự giải thoát” đã thành công nhờ có sự chuẩn bị từ trước và nhân cơ hội Pháp bỏ chạy, binh lính Nhật (1 đại đội) mới đến, chưa kịp vào cai quản. Ngoài việc tự giải thoát, các đồng chí còn vận động binh lính người Việt và người Pháp bỏ trại và giấu súng². Sau khi ra khỏi cảng, các đồng chí đã tổ chức một cuộc mítting bên bờ sông Bé gồm 40 người, trong đó có các đồng chí Nguyễn Thành A, Hồ Bá Phúc, Trương Văn Bang, Liên, Giáo, Nữ, Xuân, Hồng, Thơm... Tại cuộc mítting, đồng chí Nguyễn Thành A thay mặt đoàn đọc bản Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh và nhắc nhở mọi người khi về địa phương hãy góp phần cùng Đảng bộ và Nhân dân chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền³.

Tiếp theo cuộc nổi dậy của tù chính trị tại cảng Bà Rá, công nhân, nông dân ở nhiều vùng khác trên địa bàn tỉnh cũng phá kho thóc của Nhật để cứu đói cho Nhân dân trong vùng.

Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang bắt đầu phát triển, đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một triệu tập hội nghị Tỉnh ủy tại nhà anh Nguyễn Thiện Hành (Sáu Trọng) ở làng Mỹ Phước, với sự có mặt của đồng chí Nguyễn Văn Trấn - phái viên của Xứ ủy Tiền phong phụ trách các tỉnh ủy miền Đông.

Hội nghị nhận định Nhật là kẻ thù chính, trước mắt; đồng thời đề ra chủ trương phải đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và hội cứu quốc, lập ra đội tự vệ, sắm sửa vũ khí để giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

1. Ở vùng Bà Rá còn 1 người sống sót đã tố cáo tội ác dã man này của Nhật với cách mạng. Sau ngày 30/4/1975, ta còn thu được những thùng phuy xăng máy bay của Nhật ở phía nam chân núi Bà Rá.

2. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các đồng chí Lâm Quốc Dũng, Tô Ký đến lấy số súng đó về trang bị cho tự vệ vùng Gia Định.

3. Có 20 đồng chí về lại 14 tỉnh, thành, hầu hết tham gia cấp ủy địa phương.

Chủ trương đúng đắn đó của Tỉnh ủy được phổ biến đến tận chi bộ, các nhóm đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Sau khi dự hội nghị ở tỉnh về, đồng chí Lê Đức Anh đã tổ chức thực hiện chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa trên tất cả các làng ở đồn điền Lộc Ninh, Hớn Quản, Đa Kia... đến các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền được đẩy mạnh với hàng loạt các tổ chức đoàn thể ra đời và bắt đầu hoạt động công khai. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa cũng lan rộng trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Tháng 5/1945, dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Tiên phong, tổ chức Thanh niên Tiên phong được thành lập tại Sài Gòn do Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương làm thủ lĩnh. Trong thời gian ngắn vận động và tổ chức, với sự hoạt động tích cực của cán bộ, đảng viên, đoàn viên công đoàn, đội ngũ Thanh niên Tiên phong đã phát triển nhanh chóng ở hầu hết các tỉnh Nam Kỳ.

Ở Thủ Dầu Một, tổ chức Thanh niên Tiên phong được thành lập, do đồng chí Trịnh Kim Ảnh¹ làm thủ lĩnh. Hoạt động của Thanh niên Tiên phong rất sôi nổi. Anh chị em Thanh niên Tiên phong ngày đêm học tập, canh gác, giữ gìn trật tự đường phố, đi dạy các lớp bình dân học vụ... Khí thế sục sôi cách mạng bao trùm thị xã, thị trấn, nông thôn đến đồn điền cao su. Không chỉ có thanh niên mà thiếu niên, người già, phụ nữ cũng tham gia tích cực. Hàng ngày, trên khắp nẻo đường, những lời hát “Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi”, “Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng...” vang lên, hun đúc tinh thần yêu nước, nâng cao tinh thần đấu tranh cho tự do, độc lập của dân tộc.

Bên cạnh các hoạt động chính trị, văn hóa để chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa, tháng 5/1945, Liên tỉnh ủy miền Đông đã triệu tập hội nghị tại Biên Hòa, với sự tham dự của các đại biểu của đảng bộ các tỉnh Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Biên Hòa để phổ biến tình hình và nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng, phát triển cả lực lượng chính trị và vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Đây là cuộc họp quan trọng, là cơ sở để đoàn kết các đảng viên cộng sản, tạo sự thống nhất hành động trước thời cơ mới.

Sau Hội nghị Liên tỉnh ủy miền Đông, tỉnh, cấp ủy đảng chủ trương phát động phong trào sắm sửa vũ khí, lập đội tự vệ, trang bị vũ khí và huấn luyện

1. Đồng chí Trịnh Kim Ảnh sau này là Giáo sư, Bác sĩ, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy; hiện nay đã từ trần.

quân sự cho thanh niên. Trong các tổ chức Thanh niên Tiên phong, Thanh niên Cứu quốc, hầu hết đoàn viên đều tự trang bị gậy tầm vông, dao găm, luyện tập võ nghệ. Hàng trăm thợ rèn ở khắp nơi trong tỉnh coi việc rèn dao, gươm cho Việt Minh là hành động yêu nước. Ngoài ra, ta còn tổ chức lấy được hàng trăm khẩu súng của bọn Nhật, Pháp và ngụy quân đem trang bị cho thanh niên, công nhân, nông dân.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi, khẩn trương của quần chúng cách mạng đã lôi cuốn những người đang lừng chừng, do dự, bàng quan trong giai cấp tư sản, địa chủ ngả theo Việt Minh, ngăn chặn được những hoạt động của bọn tay sai thân Nhật.

2. Khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 trên địa bàn Bình Phước

Sau khi đánh tan quân phátxít Đức, ngày 09/8/1945, Hồng quân Liên Xô tổ chức tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật. Ngày 13/8/1945, phátxít Nhật đầu hàng không điều kiện các nước Đồng minh. Sự kiện này làm cho quân đội Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, hoang mang, rệu rã, Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt từ trên xuống dưới.

Từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào khẳng định: Điều kiện tổng khởi nghĩa đã chín muồi, Đảng phải lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương¹. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng ban. Được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, ngay trong đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh Tổng khởi nghĩa.

Ngày 16/8/1945, cũng tại Tân Trào, Đại hội Quốc dân khai mạc, có hơn 60 đại biểu của ba miền Bắc, Trung, Nam tham dự. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh; quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội cũng quy định quốc kỳ, quốc ca của nước Việt Nam mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 25 triệu đồng bào ta đã nhất tề vùng dậy “đem sức ta mà giải phóng cho ta”. Sức mạnh của cuộc Tổng khởi nghĩa như triều dâng, thác đổ, nhấn chìm lũ cướp nước và bán nước.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Kỳ về Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy tổ chức

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.424-430.

ngay cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng đến bí thư chi bộ¹ bàn việc thực hiện Nghị quyết của Xứ ủy và lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương. Hội nghị quyết định:

- 1) Thành lập Ủy ban khởi nghĩa ở tỉnh do đồng chí Văn Công Khai phụ trách.
- 2) Các cơ sở lập ngay Ủy ban khởi nghĩa.
- 3) Ngày 25/8/1945, tập trung lực lượng trong toàn tỉnh giành chính quyền tại thị xã.
- 4) Các thị trấn, đồn điền cao su đồng loạt khởi nghĩa, hoặc sớm hơn tùy tình hình cụ thể.

Hội nghị chủ trương hết sức tránh những vụ khiêu khích của địch. Nếu chúng chống lại thì ta dùng lực lượng tự vệ chiến đấu và huy động quần chúng đấu tranh. Hội nghị khẳng định dù tình thế khó khăn thế nào cũng phải khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, Nhân dân trên địa bàn tỉnh đã nhất tề đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong khí thế tiến công sôi sục.

Tại Lộc Ninh, sáng sớm ngày 24/8/1945, nông dân và công nhân các đồn điền cao su Lộc Ninh, Đa Kia với nòng cốt là lực lượng thanh niên quyết chiến, tự vệ, lực lượng của tổ chức “những người Việt Nam mới” nhất tề nổi dậy. Từng đoàn người với gậy tầm vông vạt nhọn, xà beng, giáo mác, cung ná tiến vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cao su và các cơ sở sản xuất. Đoàn người ồ ạt vượt rào, leo tường, giương cao cờ đỏ sao vàng, căng khẩu hiệu “chính quyền về tay Nhân dân”, “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”. Bọn lính Nhật đa số đầu hàng, những tên không đầu hàng thì bị bắt hoặc bị trừng trị.

Riêng tại nhà chỉ huy của phátxít Nhật, viên chỉ huy Nhật ra lệnh bắn vào lực lượng thanh niên quyết chiến đang tiến tới. Tình hình trở nên khó khăn. Đồng chí Lê Đức Anh chọn ra một đội gồm những chiến sĩ cảm tử và đích thân chỉ huy đánh chiếm mục tiêu. Địch bắn xối xả, nhiều chiến sĩ ngã xuống, song người này ngã, người khác tiếp bước xông lên đánh chiếm mục tiêu. Sau 15 phút, ta chiếm được mục tiêu, 18 lính Nhật bị giết, trong đó có 2 tên chỉ huy, những tên còn lại đầu hàng. Ta thu 40 khẩu súng và toàn bộ quân trang, quân dụng.

1. Hội nghị họp tại chợ Bưng Cầu, làng Tương Bình Hiệp.

Trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại Lộc Ninh, 22 chiến sĩ, công nhân đã hy sinh anh dũng. Lộc Ninh trở thành một trong những nơi giành chính quyền sớm nhất trong tỉnh Thủ Dầu Một. Sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi, đồng chí Lê Đức Anh cùng các đồng chí Ba Quyên (lái xe), Ba Ánh (công nhân), Ba Đền, Cầu, Kỳ, Ngân - những người lãnh đạo phong trào trở thành những người phụ trách chính quyền. Đó là chính quyền độc lập đầu tiên ở Lộc Ninh.

Tại Bù Đốp, lực lượng khởi nghĩa gồm có nông dân, công nhân với dao, gậy... bao vây đánh địch, chiếm được kho súng, trong đó có cả súng máy. Đây là nguồn súng góp phần trang bị cho lực lượng vũ trang địa phương.

Tại Hớn Quản, sáng ngày 25/8/1945, đông đảo công nhân và Nhân dân các đồn điền Quán Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát... nổi dậy tổ chức mítting rồi chuyển sang biểu tình, mang xẻng, cuốc, gậy gộc, xà beng, búa, cả súng trường và lựu đạn, kéo nhau đi chiếm nơi ở và làm việc của bọn chủ, giành lại quyền làm chủ đồn điền. Đối với bọn Nhật, công nhân và nông dân với gậy tầm vông vọt nhọn, dao găm và một ít súng tới vây các đồn bót có lính Nhật chiếm đóng. Các đại biểu công nhân hùng dũng tiến vào tận sào huyệt địch. Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng cách mạng, bọn tư bản Pháp và bọn chỉ huy quân Nhật đều run sợ, chúng vội vàng giao chìa khóa tủ sắt, công xưởng, các kho tàng, máy móc, đồn bót cho đại biểu nhân dân, trả lại đồn điền cho công nhân.

Sau khi giành được quyền quản lý các đồn điền, đông đảo công nhân cùng với nông dân và đồng bào dân tộc thiểu số, mà nòng cốt là lực lượng thanh niên, kéo về chợ Hớn Quản tổ chức mítting lớn nhằm biểu dương lực lượng cách mạng, đồng thời giành chính quyền ở quận lỵ. Tại cuộc mítting, đồng chí Nguyễn Văn Trung - Tỉnh ủy viên được cử làm lãnh đạo khởi nghĩa, đã nói chuyện trước Nhân dân, giải thích rõ cuộc cách mạng đồng thời kêu gọi Nhân dân ủng hộ cách mạng giữ vững chính quyền vừa giành được. Cuộc mítting mà thực chất là cuộc nổi dậy biểu dương lực lượng giành chính quyền đã diễn ra với khí thế vô cùng rầm rộ, náo nức.

Cũng trong sáng ngày 25/8/1945, cùng với việc khởi nghĩa giành chính quyền ở quận, xã, các đồn điền, Ủy ban khởi nghĩa cử khoảng 100 công nhân Lộc Ninh, Hớn Quản và 50 nông dân người dân tộc thiểu số, với trang bị chừng 30-40 khẩu súng kéo xuống thị xã Thủ Dầu Một tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ở đồn điền Thuận Lợi, tin khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn, thị xã Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Lộc Ninh, Hớn Quản..., nhanh chóng truyền đến làm cho hàng ngàn công nhân và nông dân phấn khởi. Chớp thời cơ thuận lợi đó,

đồng chí Nguyễn Đình Kính (công nhân cao su) đứng ra thành lập Đoàn Thanh niên Tiên phong cùng với Hội Phụ nữ Cứu quốc giữ vai trò nòng cốt bảo vệ đồn điền và cử người ra thành lập chính quyền cách mạng tại đồn điền. Trụ sở ủy ban là nhà của chủ đồn điền cao su trước đây.

Ở Bà Rá (Phước Long), lúc này, bọn sĩ quan, binh lính Nhật vẫn còn đóng ở quận lỵ Bà Rá không dám đi khùng bố, chờ quân Đồng minh (quân Anh) đến để giao nộp vũ khí. Bọn hội tề các làng, xã tự tan rã, bọn tay sai Nhật, Pháp lần trốn không dám hoạt động. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bọn cai tổng đã bỏ việc từ mấy ngày trước, trốn ở nhà để tránh sự tấn công của quần chúng.

Ở thị xã Thủ Dầu Một, đúng theo kế hoạch, rạng sáng ngày 25/8/1945, hàng chục ngàn đồng bào các nơi trong tỉnh, với gậy gộc, gươm giáo, súng, cờ, biểu ngữ kéo vào tràn ngập thị xã. Khí thế cách mạng như triều dâng, thác đổ. Đến sáng ngày 25/8/1945, lực lượng khởi nghĩa đã chiếm được toàn bộ các cơ quan trong thị xã.

7 giờ sáng ngày 25/8/1945, một cuộc mítting lớn, gồm đủ các giai cấp, tầng lớp (công nhân, nông dân, dân tộc, tôn giáo, trí thức...) tham gia được tổ chức trước dinh tỉnh trưởng. Đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Khởi nghĩa tỉnh thay mặt Ủy ban khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền phản động thân Nhật, thành lập chính quyền cách mạng. Hơn năm vạn đồng bào thay mặt cho hơn 15 vạn Nhân dân trong tỉnh chứng kiến một sự kiện quan trọng chưa từng có trong lịch sử của tỉnh là xóa bỏ chính quyền cũ của quân Nhật và bẻ lũ tay sai, dựng lên chính quyền mới - chính quyền của Nhân dân. Sau cuộc mítting, quần chúng tổ chức tuần hành thị uy, hô vang các khẩu hiệu “Việt Nam độc lập muôn năm”, “chính quyền thuộc về tay Nhân dân”.

Kết thúc cuộc tuần hành, dưới sự hướng dẫn của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, các đoàn phân công đi tiếp quản các cơ quan hành chính, tòa án, đồn cảnh sát, trại giam, kho bạc, bưu điện... Như vậy là, trong ngày 25/8/1945, Nhân dân Thủ Dầu Một đã giành chính quyền thắng lợi.

*

* *

Để tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh đã đấu tranh liên tục và bền bỉ, vượt qua nhiều thử thách, cam go. Ngoài những nguyên nhân chung, còn có những nguyên nhân riêng dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám trên địa bàn tỉnh. Đó là:

Qua 15 năm vận động cách mạng, các cấp ủy đảng đã lãnh đạo Nhân dân đấu tranh quyết liệt với kẻ thù. Chính đạo quân chính trị đó ngày càng trưởng thành, trở thành lực lượng có sức mạnh áp đảo đối với bộ máy thống trị, đàn áp của kẻ thù. Cuối cùng, dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng, Nhân dân trong tỉnh đã giành được chính quyền. Đó là kết quả của quá trình vận động cách mạng từ năm 1929, khi tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời ở Phú Riềng, trải qua cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong cao trào cách mạng 1936-1939 và trực tiếp là cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945. Những cuộc đấu tranh đó thực sự là những cuộc tổng diễn tập chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Qua đó, cấp ủy đảng và Nhân dân trong tỉnh đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về nhiều mặt, nhất là về vận động và phát động quần chúng, về nghệ thuật giành chính quyền.

Cấp ủy đảng đã lãnh đạo Nhân dân nhanh chóng, kịp thời chớp thời cơ trong Cách mạng Tháng Tám. Bằng nhiều hình thức tuyên truyền vận động, cấp ủy đảng đã xây dựng được khối đoàn kết toàn dân, gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, trong đó lấy lực lượng công - nông làm nòng cốt. Với lực lượng đông đảo đó, tranh thủ thời cơ thuận lợi, ta chủ yếu dùng bạo lực chính trị của quần chúng, có lực lượng tự vệ vũ trang hỗ trợ, liên tiếp tấn công kẻ thù trên nhiều mặt, làm cho địch tan rã từng bộ phận, dẫn đến tan rã hoàn toàn một cách nhanh chóng. Xuất phát từ Lộc Ninh, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng phát triển và giành được thắng lợi ở khắp các địa phương trong tỉnh mà không phải đổ máu.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám trên địa bàn tỉnh còn là kết quả của quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên làm lực lượng lãnh đạo cách mạng. Từ chỗ chỉ có một tổ chức cộng sản ở Phú Riềng, trải qua 15 năm đấu tranh xây dựng trong sự khủng bố, đàn áp vô cùng ác liệt của kẻ thù, với những bước thăng trầm, lực lượng cách mạng mỗi ngày một lớn mạnh và khi thời cơ đến đã kịp thời đứng lên lãnh đạo quần chúng nổi dậy đồng loạt giành chính quyền về tay Nhân dân, góp phần tô thắm thêm trang sử hào hùng của địa phương, dân tộc.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra trang sử mới cho các dân tộc trên địa bàn tỉnh, tạo tiền đề để từng bước tiến lên giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975).

PHẦN II

**LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN BÌNH PHƯỚC
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(9/1945-7/1954)**

Chương I
XÂY DỰNG, CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN
VÀ TÍCH CỰC KHÁNG CHIẾN TRONG NĂM ĐẦU TIÊN
SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
(9/1945-12/1946)

I. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, THAM GIA CHI VIỆN CHO MẶT TRẬN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH VÀ CHUẨN BỊ TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU

1. Xây dựng chính quyền cách mạng

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đánh dấu sự biến đổi vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam - đưa dân tộc ta bước sang kỷ nguyên mới: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, cùng với Nhân dân cả nước, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn Bình Phước đã thực sự làm chủ bản thân mình và tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

Nhiệm vụ chính trị cấp bách của địa phương lúc bấy giờ là bảo đảm ổn định an ninh trật tự, nhanh chóng xây dựng chính quyền mới, tổ chức ổn định đời sống cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tổ chức sản xuất, ổn định đời sống cho công nhân các đồn điền cao su khi chưa có điều kiện phục hồi sản xuất cao su.

Để thực hiện chính sách mở rộng mặt trận đoàn kết và khắc phục tình hình thiếu cán bộ trong những ngày đầu giành chính quyền, nhiều nơi đã giữ lại một số người tiến bộ trong bộ máy chính quyền cũ, đưa thêm cốt cán, cán bộ cách mạng vào làm nòng cốt tổ chức thành chính quyền cách mạng.

Ở Hớn Quản, khi thiết lập chính quyền mới, ta coi đây là một quận và tạm cử Phạm Văn Tốt (Út Tốt) là Thư ký hành chính quận thời Pháp thuộc lên làm Chủ tịch, Nguyễn Văn Lân (Cò Lân) làm Phó Chủ tịch, Mai Tác làm Ủy viên thư ký, đồng chí Nghĩa là đảng viên làm Ủy viên quân sự. Một thời gian sau, Út Tốt về nhận nhiệm vụ mới tại quận Châu Thành, Cò Lân lên thay làm Chủ tịch, đồng chí Vũ Đình Thính làm Phó Chủ tịch. Sau đó, Cò Lân xin từ chức, đồng chí Vũ Đình Thính lên làm Chủ tịch.

Ở Lộc Ninh, ta thành lập Ủy ban hành chính Lộc Ninh do đồng chí Lê Đức Anh cùng các đồng chí Ba Quyên, Ba Ánh, Ba Đền, Ngàn, Cầu, Kỳ Năm phụ trách.

Ở Bà Rá lúc này chưa có cơ sở cách mạng. Mãi đến năm 1947, ta mới xây dựng được cốt cán và thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính cấp huyện.

Ở các làng (sau này thống nhất gọi là xã), Ủy ban hành chính do quần chúng địa phương bầu công khai. Người có uy tín trong xã, không liên quan đến chính quyền cũ được cử làm chủ tịch. Thành phần ủy ban có thể có một số ít người trong ban hội tế cũ, song phải là những người trước đây không hà hiếp Nhân dân.

Ở đồn điền Thuận Lợi, văn phòng chủ sở người Pháp, nơi trước đây công nhân đi qua không dám ngẩng mặt nhìn, đã trở thành trụ sở của Ủy ban kháng chiến hành chính.

Tình hình Sài Gòn trở nên phức tạp khi quân đội Anh thay mặt Đồng minh kéo vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào. Từ tháng 9/1945, quân đội Anh đã có những hành động lấn át chính quyền cách mạng của ta như chiếm một số bốt cảnh sát do lực lượng cách mạng chiếm giữ, ra thông cáo cấm Nhân dân ta tụ họp... Chúng còn trang bị súng ống cho người Pháp bằng cách mở cả kho vũ khí của Nhật ở Thị Nghè hoặc giao cho Pháp số vũ khí tước của Nhật.

Trước tình hình đó, thi hành chỉ thị của Trung ương, Ủy ban hành chính Nam Bộ hết sức kìm chế, cố tránh những vụ khiêu khích, tranh thủ hòa hoãn, nhanh chóng xây dựng lực lượng để đối phó với tình huống xấu nhất sẽ xảy ra.

Tình hình chiến sự ở Sài Gòn ảnh hưởng rất nhanh đến các tỉnh lân cận. Được sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một rất quan tâm đến việc xây dựng lực lượng quân đội và quốc gia tự vệ (cuối năm 1946 đổi tên thành công an).

Ở Lộc Ninh, chính quyền cách mạng phân công đồng chí Lê Đức Anh phụ trách quân sự, trực tiếp tổ chức lực lượng vũ trang. Lực lượng này thu hút hàng ngàn thanh niên tích cực trong các làng cao su, bố trí thành các tiểu đội, trung đội, đại đội. Lực lượng vũ trang có quân phục là quần áo bà ba màu nâu, giày được làm bằng mủ tờ (mủ cao su) sơ chế, mũ calô vải xanh. Do lực lượng này mặc đồng phục màu nâu nên được gọi là “bộ đội áo nâu” hay “đội quân áo nâu”. Phần lớn được trang bị vũ khí thô sơ như súng gỗ gắn dao, giáo mác, tầm vông vạt nhọn có dây trời đeo ở đầu gậy.

Ở các đồn điền cao su Hớn Quản, Thuận Lợi, lực lượng “những người Việt Nam mới” của đồng bào các dân tộc thiểu số như Xtiêng, Chơ Ro được duy trì và trang bị thêm vũ khí, song hầu hết vẫn là cung tên, nên lực lượng này được gọi là “đội quân cung tên”.

Ngay trong tháng 9/1945, Xứ ủy Nam Bộ điều đồng chí Nguyễn Văn Tiết về Thủ Dầu Một làm Bí thư Tỉnh ủy. Tỉnh ủy chủ trương tích cực xây dựng bộ máy chính quyền, đặc biệt là tổ chức Việt Minh và các đoàn thể quần chúng. Đồng chí Nguyễn Đức Nhân được cử làm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh. Tổ chức Việt Minh ở các quận, xã nhanh chóng được thành lập làm chỗ dựa cho chính quyền cách mạng. Hai đoàn thể Thanh niên và Phụ nữ cũng được tổ chức ở hầu hết các xã trong tỉnh.

Các đội thanh niên cách mạng ở Hớn Quản đều có đội trưởng, đội phó và liên lạc, được trang bị dao găm, gậy tầm vông, dây thừng, súng gỗ gắn dao thường xuyên luyện tập. Đội thanh niên có nhiệm vụ tuần tra, canh gác, khi có vấn đề gì xảy ra thì báo động.

Ở Thuận Lợi, đồng chí Nguyễn Đình Kính - công nhân cao su đã vận động thành lập đội thanh niên. Lực lượng này tự trang bị vũ khí thô sơ, hằng hái luyện tập quân sự. Hội Phụ nữ Cứu quốc do chị Mai làm Hội trưởng đã vận động được nhiều chị em tham gia bảo vệ đồn điền dưới sự điều hành của Ủy ban hành chính Thuận Lợi.

Khí thế cách mạng lan truyền khắp các đồn điền cao su. Công nhân cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Đa Kia... tham gia vào tổ chức công đoàn tiếp quản toàn bộ cơ sở vật chất do tư bản Pháp để lại, lấy lương thực, thực phẩm, tiền bạc còn lại trong kho phát cho công nhân, động viên công nhân sản xuất lương thực, thực phẩm, bước đầu ổn định đời sống cho công nhân và gia đình của họ.

Giữa tháng 9/1945, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập Trường Huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở miền Đông, bấy giờ gọi trại du kích Vĩnh Cửu. Các chiến sĩ được huấn luyện vừa biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị, vừa biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận. Hầu hết các học viên của trường sau này đều là những cán bộ nòng cốt trong xây dựng lực lượng vũ trang ở các địa phương, trong đó có các quận Bà Rá, Hớn Quản.

Chỉ trong gần một tháng, kể từ Tổng khởi nghĩa đến nửa cuối tháng 9/1945, bộ mặt của tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một nói chung và các địa phương thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay nói riêng, đã có những thay đổi quan trọng. Chính quyền, lực lượng vũ trang và các đoàn thể cách mạng ra đời và hoạt động sôi nổi.

Nhân dân trực tiếp làm chủ cuộc sống, vườn cây, nhà máy. Những nhân tố mới của cuộc sống độc lập, tự do đang từng bước được hình thành.

2. Tham gia chi viện cho mặt trận Sài Gòn - Gia Định và chuẩn bị trực tiếp chiến đấu

Đêm 22 rạng sáng ngày 23/9/1945, được quân Anh yểm trợ, thực dân Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa.

Sáng ngày 23/9/1945, Xứ ủy và Ủy ban hành chính Nam Bộ họp, quyết định phát động Nhân dân đứng lên tiến hành ngay cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và ra lời kêu gọi: “Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp và tay sai của chúng”¹.

Tại thành phố Sài Gòn, công nhân, viên chức các công sở, nhà máy cùng với Nhân dân thực hiện triệt để chủ trương không hợp tác với địch. Ngoài mặt trận nội ô, xung quanh Sài Gòn dần dần hình thành bốn mặt trận bao vây, đánh địch. Cuộc chiến đấu diễn ra ngày càng ác liệt và lan rộng.

Tin tức về hành động tái xâm lược của thực dân Pháp và cuộc chiến đấu của Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định nhanh chóng lan khắp các địa phương Nam Bộ. Nhận thức rõ tình hình đất nước có chiến tranh, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương thực hiện một số việc cấp bách là: Tuyên truyền, khơi dậy trong quần chúng lòng căm thù sâu sắc quân cướp nước, sẵn sàng chiến đấu với địch, khẩn trương củng cố và xây dựng thực lực về mọi mặt. Đặc biệt, đối với các đơn vị vũ trang, Tỉnh ủy chỉ đạo phải có kế hoạch cụ thể tiếp sức với Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định về người và của để ngăn chặn hành động xâm lược của địch, chuẩn bị sẵn sàng đánh địch tại chỗ nếu chiến sự lan đến địa phương.

Những diễn biến mới của tình hình đã đặt ra nhiệm vụ mới cho Đảng bộ và Nhân dân các địa phương. Đó là nhiệm vụ xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng của Nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho Nhân dân cả về tinh thần lẫn vật chất để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

Sáng ngày 23/9/1945, từ Lộc Ninh, Hớn Quản, chính quyền cách mạng đã điều một đoàn xe tải chở thanh niên theo Quốc lộ 13 tiến về Sài Gòn chi viện

1. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.1 (1945-1954), tr.237.

cho mặt trận nóng bỏng. Đây là những chiến sĩ được tuyển chọn từ “đội quân áo nâu” và “đội quân cung tên” do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy. Với số lượng chiến sĩ tương đương một tiểu đoàn, vũ khí thiếu thốn, chỉ có một ít súng lấy được của Nhật, Pháp trong thời gian khởi nghĩa, còn phần lớn là súng gỗ gắn dao và cung tên, song đội quân lên đường với lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí quyết chiến đấu đến cùng.

Khi giặc Pháp từ nội ô Sài Gòn mở rộng phạm vi lấn chiếm, quân ta chặn địch ở cầu Bến Phân (Hóc Môn), thì sự chi viện của đội quân áo nâu, đội quân cung tên của Hớn Quản, Lộc Ninh cho mặt trận này càng trở nên có hiệu quả thiết thực, kịp thời.

Song song với công tác chi viện cho mặt trận, việc chuẩn bị đánh địch tại chỗ được xúc tiến mạnh mẽ ở khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Cuối năm 1945, cơ quan quân sự của Chiến khu 7 cử một đơn vị vũ trang do đồng chí Vũ Đức làm Tư lệnh trưởng về đóng ở đồn điền Thuận Lợi. Nếu An Sơn là chiến khu đầu tiên của Chi đội 1 ở phía nam tỉnh Thủ Dầu Một, thì Thuận Lợi là chiến khu đầu tiên ở phía bắc tỉnh Biên Hòa. Trong thời gian này, lực lượng vũ trang của Chiến khu 7 đã giúp Thuận Lợi củng cố tổ chức, luyện tập quân sự để chuẩn bị kháng chiến ở địa phương. Từ căn cứ Thuận Lợi, hàng trăm công nhân cao su của đồn điền được tuyển vào bộ đội, đem theo nhiều máy móc, lương thực đến vùng Mỹ Lộc, Lạc An, Tân Tịch lập chiến khu Lạc An để cùng quân và dân tỉnh Biên Hòa chống thực dân Pháp.

Ở các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Xa Cam, Xa Cát, Thuận Lợi, lực lượng tự vệ và công nhân tích cực chuẩn bị vũ khí và phương án chặn đánh địch.

Trên Quốc lộ 13 đoạn từ Chơn Thành đến Lộc Ninh, chính quyền cách mạng huy động hàng ngàn dân đào đường, đốn cây, lập chiến lũy phục kích địch. Công nhân chuyển kho tàng ra rừng đồng thời phá hủy các cơ sở sản xuất còn lại và đưa Nhân dân ra khỏi các vị trí trung tâm có khả năng địch sẽ tới chiếm, vận động bà con tản cư vào các làng xã ven đồn điền hoặc các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam Bộ để làm ăn. Cuộc vận động này được đông đảo Nhân dân hưởng ứng. Phong trào bắt hợp tác với địch phát triển rầm rộ và lan nhanh khắp các đồn điền.

Lực lượng “đội quân áo nâu” (trừ số do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy đi chi viện cho mặt trận cầu Bến Phân) còn lại ở Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp tiếp tục hoạt động, tổ chức lực lượng lập 2 phòng tuyến chống địch ở Tà Bái và Bù Ka (phía đông sông Bé).

II. QUÂN VÀ DÂN BÌNH PHƯỚC BUỔI ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Từ trung tuần tháng 10/1945, theo lệnh của quân Anh, quân đội Nhật đã giao lại cho Pháp những cứ điểm quân sự, một số đồn bót.

Ngày 23/10/1945, ở Sài Gòn, quân Anh, Pháp phá vỡ phòng tuyến Thị Nghè, tiến lên chiếm Biên Hòa. Ngày 25/10/1945, chúng từ Biên Hòa theo đường Tân Ba đánh lên Thủ Dầu Một. Tuyến ngăn chặn của quân ta ở cầu Bến Phân sau nhiều lần tổ chức đánh địch thắng lợi, đã được lệnh rút về Chánh Phú Hòa để bảo toàn lực lượng.

Ngày 25/12/1945, hai tháng sau ngày chiếm Thủ Dầu Một, quân Pháp được quân Anh yểm trợ chia thành hai mũi tiến công lên địa bàn Bình Phước: Một mũi từ thị xã Thủ Dầu Một lên; một mũi từ Tây Ninh đánh vào các đồn điền cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi. Chúng tưởng sẽ nhanh chóng chiếm lại được một vùng cao su rộng lớn. Song đi đến đâu chúng cũng đều bị Nhân dân địa phương chuẩn bị sẵn trận địa, mai phục chặn đánh quyết liệt. Chúng phải tạm lui quân mấy lần để củng cố lực lượng. Hàng chục tên địch đã bị diệt bởi vũ khí thô sơ của Nhân dân. Tuy nhiên, do chênh lệch lực lượng, cuối cùng, thực dân Pháp cũng chiếm lại được Hớn Quản, Lộc Ninh, Bà Rá.

Sau khi tái chiếm, thực dân Pháp đẩy mạnh khủng bố và tăng cường các tổ chức tề điệp. Chúng tập hợp tay chân là bọn chủ đồn điền, tay sai ác ôn bị Nhật bắt nhốt trước đây, tổ chức lại bộ máy cai trị địa phương và thi hành hàng loạt các cuộc bắn giết trả thù, lùng bắt công nhân trở lại sở và khủng bố những người tích cực hoạt động trong Tổng khởi nghĩa. Tại chợ Lộc Ninh, thực dân Pháp đã giết 4 công nhân cốt cán đang đảm trách các công việc quan trọng của chính quyền.

Dã man nhất là trận trả thù hèn mạt của tên chủ Đờ Lalăng ở Công ty Xétxô (Lộc Ninh). Hắn kéo bọn tay chân lên đồi canh Kinkýna xả súng bắn vào làng. Trong vài giờ, chúng đã bắn chết hàng trăm người, hàng trăm căn nhà bị đốt cháy trụi. Cả làng công nhân chỉ còn lại một phụ nữ và một cháu bé 11 tuổi. Vụ thảm sát này là một trong hàng loạt hành động giết sạch, đốt sạch, phá sạch của địch ở vùng nông thôn. Các phần tử phản động ngóc đầu dậy hung hăng trả thù. Tên Tổng Mé ác ôn đã dẫn đường cho địch tiến hành hàng loạt đợt càn quét ở Lộc Ninh.

Đọc Đường 13, Đường 14 đoạn từ Đồng Xoài đến quận lỵ Bà Rá, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, thực dân Pháp tăng cường đồn bót, lập tề xã để kìm kẹp Nhân dân. Ở Hớn Quản, tên Mai Tác làm Ủy viên Ủy ban kháng chiến

hành chính đã phản bội, chỉ điểm nên Pháp đã bắn chết một số cán bộ cách mạng chủ chốt của địa phương như đồng chí Vị là đảng viên phụ trách Quận bộ Việt Minh, đồng chí Nghĩa là Ủy viên quân sự Ủy ban kháng chiến hành chính. Tại Đồng Xoài, chúng thường xuyên duy trì trên một đại đội cơ động để ứng chiến cho các vùng xung quanh. Riêng đồn điền Thuận Lợi, chúng có trên một trung đội lính để bảo vệ cho chủ sở. Cả ba làng công nhân ở đồn điền Thuận Lợi đều có đồn bót và lính Maroc được trang bị đầy đủ súng đạn trực chiến. Đồn điền Thuận Lợi trở thành một căn cứ quân sự của địch, có nhiều đồn bót xung quanh, sẵn sàng chi viện cho địa bàn khác.

Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực dân Pháp xây dựng những đội quân địa phương để bảo vệ cầu đường và các đồn bót. Chúng vừa bóc lột đồng bào, vừa khoét sâu mâu thuẫn Kinh - Thượng, kích động đồng bào dân tộc thiểu số bán giết cán bộ người Kinh để đổi lấy muối, vải. Ban đầu, chúng treo giá 3 lít muối và một ít vải xấu cho một cán bộ bị giết. Sau đó, chúng nâng lên thành 20 lít muối rồi cả bao muối, vải.

Cùng với âm mưu chia rẽ về chính trị, tăng cường quân sự, thực dân Pháp còn bao vây về kinh tế hòng làm cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta thiếu lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhiều nhu yếu phẩm khác.

Tất cả các hoạt động nêu trên của địch đã gây khó khăn lớn cho ta. Song, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quân và dân trên địa bàn Bình Phước đã kiên cường chịu đựng mọi gian khổ, từng bước vượt qua những khó khăn, duy trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngay từ những ngày 21 - 22/10/1945, do nắm được ý đồ Pháp sẽ đánh chiếm tỉnh lỵ, các cơ quan tỉnh đã rút khỏi thị xã, dời ra vùng nông thôn để bảo toàn lực lượng và tổ chức chiến đấu.

Thực hiện Chỉ thị “triệt để bãi chợ, bãi công và tiêu thổ kháng chiến” của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ và chỉ đạo của Tỉnh ủy, hầu hết các gia đình công nhân, nông dân đều tản cư vào các xóm ấp ven đồn điền hoặc các vùng rừng lân cận. Công nhân đồn điền Thuận Lợi chuyển về Phước Sang, An Linh. Công nhân đồn điền Quản Lợi di chuyển đến các điểm ở phía đông sông Bé. Công nhân cao su Xa Cam, Xa Cát chuyển vào khu vực giáp phía đông sông Sài Gòn. “Đội quân áo nâu” của các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch chuyển về phía đông sông Bé, đóng ở hai điểm Bù Nho và Tà Bái. Sau khi Nhân dân tản cư, tự vệ các đồn điền chuyển hết lương thực, gia súc ra khu rừng sát nơi đóng quân. Các máy móc tốt được đưa về khu, về tỉnh để làm xưởng công binh. Máy móc, nhà xưởng còn lại bị

đập phá, tháo tung, có nhà máy bị phá hủy đến 90% (như ở Thuận Lợi), các kho chứa mủ cao su bị đốt, lửa cháy âm ỉ suốt cả tuần lễ, vườn cây bỏ hoang trong nhiều tháng.

Diễn biến chiến sự ở Nam Bộ ngày càng nóng bỏng. Ngày 15/10/1945, Xứ ủy tổ chức hội nghị tại Cái Bè (Mỹ Tho). Tham dự hội nghị có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, đại diện Xứ ủy và một số cán bộ của các tỉnh, thành phố ở Nam Bộ.

Hội nghị đã bàn và quyết định nhiệm vụ, phương hướng giải quyết những vấn đề cấp bách là chấn chỉnh tổ chức, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong từng cấp ủy địa phương. Qua đó, các cấp ủy đảng tăng cường sự lãnh đạo về mọi mặt, trước hết là chỉ đạo các lực lượng vũ trang. Hội nghị xác định nguyên tắc: Quân đội cách mạng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Ngày 20/11/1945, đồng chí Nguyễn Bình chủ trì hội nghị quân sự họp tại xã An Phú (Hóc Môn, Gia Định). Đồng chí đặt vấn đề thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang, tránh tình trạng phân tán, cục bộ. Hội nghị quyết định tổ chức các lực lượng vũ trang Nam Bộ thành 25 chi đội (mỗi chi đội tương đương một trung đoàn). Mỗi chi đội chịu trách nhiệm một tỉnh. Chi đội vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một lấy tên là Chi đội 1 được thành lập và đã làm lễ ra mắt ở chiến khu An Sơn vào tháng 11/1945.

Cuối tháng 12/1945, lực lượng ta ở Tà Bái đưa 2 trung đội vào đánh Nhật ở Sóc Xiêm thuộc đồn điền Quán Lợi. Do ta bí mật áp sát rồi nổ súng nên địch bị bất ngờ, phải bỏ chạy. Ta thu được 1 súng, 3 lựu đạn và một số vật dụng khác. Sau đó, lực lượng ở Tà Bái tiếp tục đánh phục kích địch tại bìa sở cao su Xa Cô 28. Tiếp đó, ta đánh quân Pháp tại bến sông Tà Bái, diệt được 3 tên, buộc địch phải rút quân.

Thời gian này, “đội quân áo nâu” của công nhân cao su Lộc Ninh do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy đi chi viện cho mặt trận Sài Gòn trấn giữ ở cầu Bến Phân theo lệnh đã rút về xã Chánh Phú Hòa. Đơn vị vũ trang ở Quán Lợi, Bù Ka nhận lệnh về Khu bộ Khu 7 - vùng Lạc An. Sau đó, tất cả “đội quân áo nâu” cùng với một bộ phận bộ đội Nam tiến tập hợp về căn cứ ở Đất Cuốc, Lạc An, Thường Lang, tổ chức thành Trung đội A. Đơn vị hỗn hợp này có khoảng 300 quân, do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Chỉ huy trưởng¹, đồng chí Lê Đức Anh làm Chính trị viên, các đồng chí Nguyễn Văn Hội và Lê Anh Cát làm Chỉ huy phó.

1. Theo nhân chứng Trần Quang Sang, Chỉ huy trưởng là đồng chí Nguyễn Đình Kính.

Sau đó, Trung đội A là đơn vị hỗn hợp của Hớn Quản được tách ra do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy được phân công về Hớn Quản - Lộc Ninh hoạt động. Về địa bàn này, đồng chí Lê Đức Anh liên kết với lực lượng vũ trang Bến Cát tổ chức thành Đại đội 3¹ do anh Qùy (tức Nguyễn Văn Ngo) làm Đại đội trưởng, đồng chí Lê Đức Anh làm Chính trị viên.

Trong thời gian cuối năm 1945 và cả năm 1946, quân dân Hớn Quản, Lộc Ninh phải chiến đấu, sinh hoạt trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Là địa bàn ruộng ít, rừng nhiều, lại bị địch càn quét, phá hoại liên tiếp, do vậy khả năng ủng hộ cho kháng chiến của Nhân dân trên địa bàn còn rất hạn chế. Tuy nhiên, Nhân dân cũng đã có một số đóng góp nhất định cho cách mạng. Phong trào “hũ gạo nuôi quân”, quyên góp tiền, gạo, thuốc men cho bộ đội, lấy cấp máy móc, nguyên liệu chuyển ra vùng căn cứ, xây dựng công binh xưởng, vũ trang phá rối địch phát triển ở khắp các đồn điền, các xóm ấp ở Hớn Quản, Lộc Ninh, Thuận Lợi.

Nhằm ngăn chặn việc công nhân tiếp tế cho kháng chiến, bọn chủ đồn điền đã lập ra nhà ăn công nhân, thực chất là để tránh phát gạo cho công nhân. Công nhân bị bệnh, trước khi chúng cho uống thuốc, phải chịu một trận đòn. Sau khi bị đánh, người bị bầm dập mới được coi là bệnh thật. Chúng bắt người bệnh há miệng rồi tự tay bỏ thuốc cho nuốt. Thủ đoạn này để công nhân dù bệnh nhưng sợ bị đánh mà không dám đến xin thuốc, đồng thời ngăn chặn việc công nhân xin thuốc gửi cho bộ đội.

Mặc dù bị kìm kẹp như vậy nhưng công nhân cao su Hớn Quản, Lộc Ninh vẫn khéo léo tìm cách lừa bọn chủ sở để tiếp tế thuốc men, gạo cho cách mạng. Nhiều chị em giả bệnh để xin thuốc ký ninh. Bị buộc phải uống tại chỗ nhưng các chị ngậm thuốc ra ngoài cho vào khăn đem về phơi khô gửi cho các chiến sĩ Phân đội 3. Ngay ở nhà ăn công nhân, nhiều người đã bớt phần cơm của mình mang về nhà phơi khô, tích trữ lại chờ ngày chuyển vào căn cứ. Đây là những món quà thấm đượm tinh thần yêu thương đùm bọc của Nhân dân đối với lực lượng cách mạng.

Đầu năm 1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận được Xứ ủy Nam Bộ phái đến Thủ Dầu Một công tác. Tháng 3/1946, đồng chí được điều về làm Bí thư Khu ủy miền Đông. Trước khi về trên, đồng chí Nguyễn Đức Thuận chỉ định

1. Đại đội 3 có 3 trung đội: trung đội 1 và 2 hoạt động tại địa bàn Bến Cát; Trung đội 3 phụ trách địa bàn Hớn Quản - Lộc Ninh, do đồng chí Lê Đức Anh - Chính trị viên đại đội trực tiếp chỉ huy.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Tiết làm Bí thư, đồng chí Văn Công Khai làm Phó Bí thư. Các đồng chí trong Tỉnh ủy lấy bí danh theo 7 chữ: Chánh, Phủ, Cộng, Hòa, Dân, Chủ, Việt. Đồng chí Lê Đức Anh là Tỉnh ủy viên mang bí danh Hòa.

Tỉnh ủy bàn việc phát triển Đảng trong quân đội, chủ trương chọn lựa những cán bộ, chiến sĩ xuất sắc nhất của đơn vị, tuyên truyền giáo dục về Đảng và tiến hành kết nạp từng người một. Trong các chiến sĩ, phải quan tâm bồi dưỡng và kết nạp sớm các chiến sĩ sử dụng súng trung liên. Tỉnh ủy còn quyết định thành lập Đảng ủy trong Chi đội 1, lấy tên là Chi đội ủy, gồm 5 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Bí thư, đồng chí Lê Đức Anh làm ủy viên.

Chấp hành quyết định của trên, đồng chí Lê Đức Anh đưa Trung đội A về xây dựng căn cứ Truong Ba Trường. Căn cứ này là vùng rừng núi thuộc các làng Minh Thạnh, Tân Thành, Tân Khai. Nơi đây dần dần trở thành địa điểm đứng chân của các cơ quan huyện Hớn Quản và lực lượng vũ trang Đại đội 3 phụ trách địa bàn Bến Cát, Hớn Quản, Lộc Ninh. Buổi đầu, căn cứ Truong Ba Trường chỉ là những căn nhà lợp bằng lá mây rừng, xung quanh có hào hầm hào để chiến đấu.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Đức Anh, Trung đội A đã tìm cách xây dựng cơ sở ở các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Lộc Ninh, các xã Tân Quan, Tân Lập Phú, Minh Thạnh và thị trấn Hớn Quản và ở các sóc đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong tháng 4/1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận thay mặt Khu ủy Khu 7 chỉ định thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa do đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư. Tháng 6/1946, Chi đội 10 - đơn vị vũ trang của tỉnh Biên Hòa được thành lập do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm Chi đội trưởng. Lực lượng của Chi đội lúc này lên tới 1.000 người, với trang bị 380 súng trường, chục súng máy, tiểu liên và 1 súng cối. Chi đội 10 được chia làm 3 phân đội A, B, C. Từ đây, quận Bà Rá tiến hành cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo trực tiếp, sâu sát hơn của Tỉnh ủy Biên Hòa. Trên cơ sở đó, công tác xây dựng lực lượng tiếp tục được đẩy mạnh.

Chi đội 10 - Biên Hòa phân tán thành từng đơn vị nhỏ xuống đứng chân, hoạt động tại các xóm ấp, dựa vào sự tiếp tế của Nhân dân. Ban Chỉ huy Chi đội 10 đề nghị và được sự đồng ý của Ủy ban Kháng chiến hành chính Biên Hòa đã chuyển các quận quân sự thành các ban công tác liên thôn. Dưới ban công tác liên thôn là ban công tác xã. Đây là cơ quan quân sự địa phương

giúp việc cho Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quân sự trên địa bàn mình do Chi đội 10 thống nhất chỉ huy.

Thực hiện theo chủ trương trên, vào thời điểm này, trên địa bàn từ Bình Mỹ đến Bà Rá có Ban Công tác liên thôn 7 của tỉnh Biên Hòa hoạt động, do đồng chí Đỗ Bông Long làm Trưởng ban, đồng chí Lý Quới làm Phó ban (sau đó, tổ chức này phát triển thành một phân đội trực thuộc Chi đội 10). Ban Công tác liên thôn 7 tổ chức ban công tác xã trực tiếp hoạt động ở khu vực Đồng Xoài, Thuận Lợi. Với gần 1 trung đội trang bị 19 súng trường, ban công tác thường xuyên đánh quấy rối địch, xây dựng được cơ sở cách mạng ngay tại trung tâm đồn điền Thuận Lợi làm nơi tiếp tế lương thực và cung cấp tin tức cho ta.

Tháng 8/1946, Trung đội A mở trận đánh đầu tiên vào các nơi đóng quân của địch ở Hớn Quản. Mục tiêu tấn công là hàng loạt các địa điểm như dinh quận trưởng, đồn cảnh sát, nhà ga... Ta đã đốt phá được một số địa điểm trên, diệt được 1 tên Việt gian gây nhiều tội ác với Nhân dân và thu được mấy khẩu súng, đạn dược. Trận đánh có tác dụng thôi thúc tinh thần cách mạng, gây dựng niềm tin vào kháng chiến trong Nhân dân vùng cao su và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thắng lợi của trận đánh ở Hớn Quản đã tạo điều kiện xây dựng thêm một số cơ sở cách mạng ở khắp các đồn điền.

Mặc dù thực dân Pháp ra sức thực hiện âm mưu phá vỡ khối đoàn kết Kinh - Thượng bằng thủ đoạn lừa mị, dụ dỗ, mua chuộc nhưng hầu hết đồng bào dân tộc thiểu số vẫn không làm theo giặc. Ở Phú Riềng, Nha Bích, các đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng được nhiều cán bộ người dân tộc thiểu số như bà Diệu Thị Bách người Chơ Ro, bà Lâm Chung người Khmer... Nhờ sự giúp đỡ của đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều thanh niên công nhân đã trốn vào rừng nhập vào các đơn vị bộ đội vệ quốc đoàn. Đồng bào còn tham gia phá đường, dựng chướng ngại vật, rào làng và dùng vũ khí thô sơ đánh Pháp rất anh dũng.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở ở các “vùng trắng” trong đồn điền, thị trấn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hình thức và phương pháp xây dựng cơ sở lúc này không dừng lại ở mức độ sâu chuỗi như trước mà là xây dựng ở các xã những đoàn thể cách mạng như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Mặt trận Việt Minh; các đồn điền xây dựng nghiệp đoàn, đồng thời tranh thủ nắm cho được các thầy xu, thầy ký tiến bộ. Công tác tuyên truyền kháng chiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được đẩy mạnh.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở khắp các địa phương, các đồn điền, giặc Pháp hết sức hoảng sợ. Chúng bèn tiến hành khủng bố, tàn sát dã man, lùng bắt cán bộ hòng dập tắt làn sóng đấu tranh của Nhân dân. Ngày 20/12/1946, tại Chơn Thành, chúng vây ráp, giết hại một số đồng bào. Sau đó, chúng tiếp tục vây ráp từ Hớn Quản xuống, từ Chơn Thành lên, tạo thành gọng kìm xiết chặt các xã Tân Khai và Tân Thành buộc lực lượng Thanh niên cứu quốc của xã phải rút vào rừng để bảo toàn lực lượng. Chúng đánh phá ác liệt căn cứ Truong Ba Trường, phong tỏa nguồn tiếp tế của ta suốt 6 tháng liền. Dù gặp nhiều khó khăn nhưng các lực lượng trong vùng vẫn kiên cường hoạt động. Ta nhiều lần đột nhập vào sở cao su Xa Cam, vào nhà tên Chủ sở Xa Cát tước súng, đột nhập trừng trị tên Tư Trọng ác ôn...

Đến tháng 12/1946, theo chủ trương của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Ban Cán sự Đảng quận Hớn Quản - tức Quận ủy lâm thời được thành lập, gồm 5 đồng chí. Đồng chí Lê Đức Anh làm Bí thư, đồng chí Trần Quang Sang làm Phó Bí thư. Việc thành lập Quận ủy lâm thời Hớn Quản đánh dấu bước phát triển vượt bậc của phong trào kháng chiến ở vùng này. Quận ủy đề ra nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ Hội Nông dân, củng cố và phát triển thêm các cơ sở cách mạng, vận động thanh niên vào bộ đội, đồng thời mở “Mặt trận cao su chiến”¹. “Mặt trận cao su chiến” trở thành khẩu hiệu đấu tranh của công nhân cao su với nội dung: Biến đồn điền cao su thành chiến trường diệt địch.

Về xây dựng tổ chức của công nhân, ngay từ tháng 6/1946, các tổ chức công đoàn đã gây dựng được cơ sở trong hầu hết các đồn điền ở miền Đông Nam Bộ. Tuy tên gọi không thống nhất như: Ủy ban công nhân, Công nhân cứu quốc, Nghiệp đoàn nhưng các tổ chức đều cùng một mục đích là vận động, tổ chức công nhân cao su đấu tranh đòi quyền dân sinh và ủng hộ kháng chiến. Các công đoàn của công nhân cao su Hớn Quản, Lộc Ninh, Thuận Lợi lần lượt ra đời. Các tổ chức của công nhân đến cuối năm 1946 đã thống nhất thành Tổng Công đoàn Nam Bộ, sau đổi tên thành Liên hiệp Nghiệp đoàn Nam Bộ, do Đảng ta lãnh đạo.

*

* *

Kể từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, trải qua hơn 14 tháng chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, thiếu thốn trăm bề, Đảng bộ, chính quyền các tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một nói chung và các quận, huyện thuộc

1. “Cao su chiến” là hình thức ta ngấm ngầm phá hoại ngành cao su của địch như làm chết cây, phá hoại việc khai thác mủ và các cơ sở sản xuất, chế biến cao su của địch.

tỉnh Bình Phước ngày nay nói riêng, tuy còn rất non yếu nhưng đã không ngừng phấn đấu vươn lên, tích lũy được kinh nghiệm về nhiều mặt. Cơ sở chính trị được xây dựng trên diện rộng, các tổ chức đảng ở các địa phương từng bước được củng cố và trưởng thành.

Đây cũng là quãng thời gian nóng bỏng, căng thẳng nhất, chất chứa nhiều biến cố quan trọng. Vừa thoát khỏi kiếp nô lệ, chưa kịp bắt tay xây dựng cuộc sống mới, quân và dân trên địa bàn Bình Phước đã một lần nữa phải đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của cấp ủy đảng, nông dân, công nhân cao su, đồng bào dân tộc thiểu số hăng hái tham gia cách mạng, phong trào kháng chiến ở địa phương đã tiến bộ và giành được nhiều thắng lợi.

Chỉ mấy tháng sau khi bị Pháp tái chiếm, ta đã tập hợp lực lượng, sớm xây dựng được các đơn vị vũ trang cách mạng, ở Thủ Dầu Một là Chi đội 1, ở Biên Hòa là Chi đội 10. Dựa vào lực lượng vũ trang, ta đã trấn áp, tiêu diệt được nhiều kẻ thù. Đến cuối năm 1946, trên địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay, ta đã xây dựng được 2 căn cứ cách mạng là Thuận Lợi và Truong Ba Trường. Các căn cứ dựa vào nhau, tăng cường thế phòng thủ và là địa bàn xuất phát khi tiến công quân địch. Cũng như căn cứ Chiến khu Đ, các căn cứ Thuận Lợi và Truong Ba Trường đều dựa vào địa hình rừng núi hiểm trở và đặc biệt là tinh thần cách mạng của Nhân dân - hai yếu tố cơ bản để căn cứ tồn tại lâu dài, bảo đảm được yêu cầu tiến có thể đánh, lui có thể giữ.

Tất cả những thành tựu trên là tiền đề cơ bản để phong trào kháng chiến ở địa phương tiến thêm một bước mới trong những năm tiếp theo.

Chương II

TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN TIẾN LÊN MẠNH MẼ (1947-1950)

I. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TỪNG BƯỚC LÀM CHỦ CHIẾN TRƯỜNG

Đầu năm 1947, trong khi chờ viện binh để mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Việt Nam, giặc Pháp phải rút bỏ một số đồn bót, điều một bộ phận ra ứng chiến ở miền Bắc và bộc lộ những sơ hở ở miền Nam. Tuy nhiên, trên chiến trường Nam Bộ, chúng vẫn quyết tâm thực hiện âm mưu thâm độc “dùng người Việt trị người Việt”, “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” hòng dập tắt cuộc kháng chiến của Nhân dân ta.

Thực dân Pháp vạch ra chương trình bình định Nam Bộ trong thời gian từ đầu năm đến mùa thu năm 1947, coi đó là khâu then chốt trong chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của chúng. Về chính trị, chúng dùng thủ đoạn lôi kéo, tập hợp các đảng phái phản động, phe phái tôn giáo, lập mặt trận quốc gia giả hiệu nhằm chia rẽ hàng ngũ kháng chiến. Về quân sự, chúng bố trí lại chiến trường, bỏ bớt đồn bót lẻ, tập trung lực lượng ở xung quanh các đường giao thông, các cơ sở kinh tế và khu dân cư đông. Về kinh tế, chúng duy trì, phát triển các cơ sở kinh tế ở Sài Gòn, củng cố, đẩy mạnh hoạt động khai thác cao su ở miền Đông Nam Bộ và lúa gạo miền Tây Nam Bộ. Khai thác cao su trở thành một trong những chính sách quan trọng trong chương trình bình định Nam Bộ của thực dân Pháp.

Thực hiện chiến lược trên, ở các đồn điền Thuận Lợi, Lộc Ninh, Bù Đốp, Quản Lợi..., thực dân Pháp đều tăng cường lực lượng quân nguy và trang bị thêm vũ khí cho các đồn bót để bọn lính trấn giữ các cửa rừng cao su, các trung tâm đồn điền, hỗ trợ cho tư bản Pháp đẩy mạnh sản xuất. Các công ty cao su ở Pháp cũng tăng cường đầu tư sang Việt Nam để mở rộng sản xuất cao su, xây dựng mới công sở, kho hàng, nhà máy chế biến, trồng mới và mua sắm trang thiết bị sản xuất. Riêng Công ty Michelin (công ty mẹ của các đồn điền cao su

Dầu Tiếng, Thuận Lợi), tiên đầu tư sang Việt Nam trong năm 1947 đã cao gấp hai lần so với năm 1946.

Sau khi được Xứ ủy Nam Bộ quán triệt nội dung cơ bản của Chỉ thị Toàn dân kháng chiến ngày 12/12/1946 của Trung ương Đảng và căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đề ra các chủ trương:

- Ra sức tuyên truyền, phát động tinh thần yêu nước, ý chí căm thù quân cướp nước và bán nước trong các tầng lớp nhân dân, động viên mọi người tích cực tham gia, ủng hộ sức người, sức của cho kháng chiến, mở rộng khối đoàn kết toàn dân, phát triển các lực lượng chính trị, vận động thanh niên tòng quân, phát triển mạnh mẽ lực lượng vũ trang ở các cấp.

- Đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, tiêu hao, tiêu diệt địch và bồi dưỡng lực lượng ta; tiến hành thường xuyên việc phá hoại cơ sở kinh tế của địch, nhất là các đồn điền cao su, xây dựng, mở rộng các khu căn cứ kháng chiến, quấy rối địch ở vùng tạm chiếm.

- Xúc tiến công tác kinh tế - tài chính, vận động Nhân dân đi lại, mua bán giữa vùng tạm chiếm và vùng căn cứ, phá thế bao vây kinh tế của địch, tìm mọi cách chuyển vào căn cứ lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác.

- Củng cố giao thông liên lạc giữa tỉnh với cấp trên và các cấp dưới, bảo đảm sự chỉ đạo thông suốt, kịp thời.

- Từng bước phát triển phong trào xóa nạn mù chữ, phong trào văn hóa - văn nghệ, tổ chức hoạt động y tế để chữa bệnh cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ.

- Về công tác xây dựng Đảng, tuy chưa tiến hành công khai song cần được quan tâm đặc biệt. Nơi nào có cơ sở quần chúng, có phong trào kháng chiến là phải xây dựng cho được cơ sở đảng để làm nòng cốt và lãnh đạo vững chắc phong trào kháng chiến ở địa phương.

Trong công tác phát triển đảng viên mới, Tỉnh ủy chủ trương: ủy viên các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, giới thiệu quần chúng tích cực để kết nạp Đảng. Các tỉnh ủy viên, huyện ủy viên được phân công đi công tác ở các xã phải có nhiệm vụ củng cố tổ chức cơ sở đảng và phát triển Đảng ở xã đó. Người thay mặt Đảng đứng ra kết nạp đảng viên mới nhất thiết phải là ủy viên cấp tỉnh, huyện.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ đạo việc kết nạp đảng viên mới cần chú trọng các đơn vị bộ đội, các ngành, đoàn thể ở xã; đặc biệt chú ý đến thành phần công - nông song không hẹp hòi với những cán bộ thuộc thành phần tiểu tư sản, miễn

là số cán bộ này thể hiện lập trường tư tưởng vững vàng, tư cách, phẩm chất đạo đức tốt, được quần chúng thương yêu, tín nhiệm.

Với chủ trương về xây dựng Đảng đúng đắn, phù hợp với tình hình của Tỉnh ủy, trong năm 1947, các địa phương đã kết nạp được nhiều đảng viên mới.

Ở huyện Hớn Quản, đầu năm 1947 đã kết nạp được 3 đảng viên là cán bộ chủ chốt: đồng chí Tám Ngân - Trưởng Công an huyện, đồng chí Đoàn Văn Mỹ - Phó Công an huyện, đồng chí Trần Văn Canh (Mười Canh) - Chính trị viên Phân đội 3. Đến giữa năm 1947, Hội nghị Đảng bộ Chi đội 1 họp tại sở cao su Bác Vật (xã Tân Long), bàn về vấn đề tổ chức lực lượng vũ trang và xây dựng Đảng ở Chi đội 1 và các đại đội. Những chiến sĩ tham gia hội nghị này được học bồi dưỡng về Đảng. Đến cuối năm 1947, Chi đội 1 đã kết nạp được hàng chục đảng viên.

Riêng các xã thuộc huyện Hớn Quản, ngay từ đầu năm 1947 đã phát triển được đảng viên, về sau hình thành được chi bộ như ở các xã Tân Khai, Tân Thành, Minh Thạnh, Tân Lập Phú. Các đồn điền Xa Cát, Quản Lợi cũng phát triển được hai đảng viên là công nhân cao su.

Về công tác tư tưởng, từ tháng 6/1947, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một phát hành “Bản tin nhận định thời cuộc” để tổng hợp tin tức trong tỉnh, trong nước và trên thế giới, giáo dục về vai trò, vị trí của chi bộ và nhiệm vụ của đảng viên. Cùng thời gian này, Công đoàn Nam Bộ cũng phát hành tờ báo *Cảm tử*, bí mật gửi đến các đồn điền cao su để tuyên truyền, động viên, giáo dục các cơ sở cách mạng ngay trong lòng địch.

Nhờ những tài liệu này, niềm tin vào sức mạnh của công cuộc kháng chiến trong cán bộ, chiến sĩ được nâng lên một bước. Nhiều đảng viên mới được kết nạp, tuy hiểu biết về Đảng, về công tác Đảng còn chưa sâu sắc nhưng tất cả đều phấn khởi khi được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Giữa năm 1947, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa cử đội công tác lên vùng Bà Rá để tổ chức, xây dựng cơ sở cách mạng trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đội công tác có 3 người: Đồng chí Ngô Văn Long, đồng chí Lê Đình Ngũ và đồng chí Thái làm liên lạc. Đồng chí Ngô Văn Long đã tuyên truyền, thuyết phục, cảm hóa được một số người, vận động họ đi theo cách mạng. Cuối năm 1947, từ những cơ sở cách mạng do Đội Công tác Biên Hòa gây dựng lên, Ủy ban kháng chiến hành chính vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Bà Rá được thành lập. Ta tiếp tục vận động được một số cai tổng như Thạch Tam, Tổng Nhiêu, xây dựng thêm hàng chục cơ sở cách mạng ở vùng này.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng, Đội Công tác đề nghị Tỉnh ủy Biên Hòa cho thành lập Quận ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính quận. Cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, tỉnh Biên Hòa thành lập huyện Sông Bé (Bà Rá cũ) giáp với Chiến khu Đ, bao gồm Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Long và một phần Lộc Ninh, Bù Đốp ngày nay. Huyện ủy đầu tiên của vùng Bà Rá lấy tên là Huyện ủy Sông Bé được thành lập do đồng chí Ngô Văn Long làm Bí thư. Ủy ban Kháng chiến hành chính huyện cũng ra đời, do đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch huyện, 2 phó chủ tịch là người dân tộc thiểu số.

Sau khi ổn định tổ chức, Huyện ủy Sông Bé cử nhiều cán bộ đi xây dựng phong trào du kích trong các buôn, sóc và đồn điền cao su. Nhờ vậy, lực lượng tự vệ buôn, sóc được thành lập và tổ chức thành từng tiểu đội với trang bị là vũ khí tự tạo như cung tên, nỏ ná, hầm chông, chà gạc để bảo vệ xóm làng. Mỗi sóc đều có hàng rào chiến đấu góp phần cản bước địch trong các trận càn quét, giúp cán bộ của ta ở trong sóc có thời giờ thoát ra rừng lẩn tránh. Tại đồn điền cao su Phước Hòa, ta xây dựng được 1 đội du kích với trang bị 3 súng và một số lựu đạn. Đội du kích này đã tổ chức được nhiều tổ, phá hoại được hàng chục hécta cao su, gây thiệt hại đáng kể cho bọn chủ tư bản Pháp.

Với sự chỉ đạo linh hoạt, khéo léo trong công tác xây dựng Đảng, lấy lực lượng cơ sở đảng lãnh đạo quần chúng, phong trào kháng chiến chống Pháp ở các địa phương thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay đã phát triển sôi nổi. Nhiều xã đã có cơ sở đảng. Ở cấp huyện, đảng viên ở các cơ quan được sinh hoạt trong chi bộ ghép. Nghiệp đoàn ở các đồn điền cao su tổ chức các cuộc đấu tranh, lãn công, biểu tình đòi quyền dân sinh, dân chủ, các đợt phá hoại cao su cũng diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Công nhân tìm mọi cách để chặt cây, đổ mủ nước, vứt bỏ mủ bèo, mủ dăm, đập chén đựng mủ, đốt mủ thành phẩm, đốt nhà kho, xưởng chế biến. Trong năm 1947, công nhân cao su các đồn điền Hớn Quản, Minh Thạnh, Xa Cam, Xa Cát, Thuận Lợi đã chặt và vạc vỏ hơn 1 ngàn hécta cao su, phá hủy hàng trăm ngàn chén đựng mủ, hàng chục kho lương thực, kho chứa mủ. Riêng ở đồn điền Hớn Quản, công nhân đã phá hủy 450 tấn mủ, gây thiệt hại nặng nề về kinh tế cho địch¹.

Các hoạt động quân sự đánh địch cũng được tăng cường. Tháng 4/1947, lực lượng bộ đội Hớn Quản được bộ đội Bến Cát tăng cường (khoảng 150 người), do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy đã đánh vào trung tâm các đồn điền Xa Trạch,

1. *Sinh hoạt và thành tích công nhân Nam Bộ*, tài liệu lưu tại Công đoàn Cao su Việt Nam, cập tài liệu năm 1947.

Xa Cát¹, Xa Cam, làng Sóc Gòn (Quản Lợi) nơi có đồn Pháp đóng giữ, phá được nhiều kho tàng, nhà máy chế biến mủ, thu lương thực, thực phẩm. Dù bị tấn công nhưng địch ở Hớn Quản không dám tiếp viện. Sau đó, ta rút quân.

Cùng với tiếng súng đánh Pháp ở Hớn Quản, bộ đội chủ lực miền Đông đánh một số trận trên Đường 14 - Đồng Xoài và thắng giòn giã, có tác dụng lớn đối với phong trào kháng chiến ở địa phương. Tiêu biểu là trận đánh ngày 19/12/1947, Chi đội 1 và Chi đội 10 phối hợp tổ chức đánh một đoàn xe của địch ở Đồng Xoài. Ta đã thiêu hủy 1 xe chở xăng, 9 xe GMC chở lính; diệt 60 tên, bắt sống nhiều tù binh, trong đó có 11 lái xe; thu 2 khẩu trung liên, 10 tiểu liên và súng trường, 1 máy vô tuyến điện. Thắng lợi của trận đánh đã chứng tỏ bộ đội địa phương có bước tiến bộ cơ bản về trình độ chiến thuật, kỹ thuật, tổ chức chỉ huy và kỷ luật chiến trường, đủ sức đánh tiêu diệt những đoàn xe ô tô lớn của địch.

Những chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng và một số thắng lợi về quân sự đã tạo ra bước phát triển tốt trong công cuộc kháng chiến năm 1947. Các nhóm vũ trang tuyên truyền đã vận động, tổ chức được đồng bào ủng hộ muối, gạo cùng với lương thực, thực phẩm thu được qua các trận đánh nên bộ đội đã ăn đủ no, có thêm chút ít lương thực dự trữ. Cuối năm 1947 đầu năm 1948, Chi đội 1 bắt đầu tổ chức cơ sở sản xuất tự túc có quy mô lớn phục vụ hậu cần cho đơn vị, sau giao lại cho Đại đội 3 quản lý. Riêng Đại đội 3 đã tổ chức được một cơ sở sản xuất cá mắm tại Xa Cát phục vụ hậu cần cho bộ đội. Cơ sở sản xuất này còn giúp cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Xà Náp, Tà Bái một số dụng cụ và phương pháp làm rẫy để có thu hoạch cao hơn.

Bên cạnh công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một còn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác quần chúng. Tỉnh ủy chỉ thị cho các huyện ủy gấp rút khôi phục các đoàn thể cứu quốc như Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ; đồng thời điều động một số cán bộ trong Tỉnh bộ Việt Minh về làm công tác xây dựng các đoàn thể. Tỉnh thành lập Phòng Dân tộc thiểu số và đồng chí Trần Quang Sang được giao trách nhiệm vận động, tổ chức đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh. Giữa năm 1947, Tỉnh bộ Việt Minh cử hai chị Lưu Mai Lan và Bình Minh về công tác ở Hớn Quản. Sau đó, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một cử tiếp chị Duyên, chị Hạnh, chị Hương (vợ đồng chí Cao Thành Sâm), chị Năm (vợ đồng chí Trần Quang Sang) về công tác ở Hớn Quản. Các chị đã tích cực tuyên truyền vận động, xây dựng được một số cơ sở phụ nữ ở đồn điền Xa Cát và một số sóc của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Nha Bích,

1. Đồn điền Xa Cát là nơi bị thiệt hại nặng nhất.

Tà Bái, Xà Nạp, Sóc Ứng, đặc biệt là củng cố, xây dựng tổ chức Hội Phụ nữ ở các xã người Kinh.

Trong năm 1947, ta đã đạt nhiều tiến bộ trong công tác xây dựng cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đầu năm 1948, Hớn Quản thành lập được 2 đội công tác vũ trang tuyên truyền ở phía đông và phía tây Đường 13. Nhiệm vụ chung của các đội công tác là tuyên truyền, phát động đồng bào xây dựng cơ sở, nắm tình hình phục vụ chiến đấu theo kiểu “vết dầu loang”, xây dựng xong cơ sở ở nơi này lại tiếp tục đi nơi khác. Đội công tác phía đông Đường 13 đã tiếp xúc được với bà con người Khmer ở Nha Bích, Xa Trạch, Quán Lợi. Nhờ đồng bào và cơ sở cách mạng giúp đỡ, ta phát triển lên phía bắc rồi mở đường liên hệ sang vùng Tà Bái, hướng lên Bù Nho, Bù Đinh, Đông Nam Lộc Ninh. Đội công tác phía tây Đường 13 đã tuyên truyền trong các sóc Phú Lố, Bình Phú ven đồn điền Xa Cam, các sóc phía tây thị trấn Hớn Quản.

Ở Thuận Lợi, Đồng Xoài, phong trào tiết kiệm gạo nuôi quân được đồng bào nhiệt tình hưởng ứng. Trung bình mỗi gia đình tiết kiệm được 2kg gạo/tháng. Có những gia đình nghèo nhưng hết lòng vì cách mạng như gia đình má Điểu Khế, chị Nguyễn Thị Xiêm..., mỗi tháng tiết kiệm được 3kg gạo.

Với sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, công tác xây dựng Đảng, đoàn thể đã phát huy tốt tác dụng, góp phần tuyên truyền, động viên mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc trực tiếp tham gia kháng chiến hoặc ủng hộ kháng chiến với hình thức và mức độ thích hợp. Cuộc kháng chiến mang tính toàn dân ngay từ những ngày đầu, lúc này càng tỏ rõ tính chất ấy ở một mức độ cao hơn và toàn diện, rộng lớn hơn.

Trên cơ sở khối đoàn kết toàn dân được củng cố và phát triển, bộ máy chính quyền các cấp cũng được tăng cường, phát triển khá nhanh. Trong năm 1947, tỉnh lần lượt thành lập các cơ quan như Ty Giáo dục, Ty Y tế, Ty Giao thông liên lạc, Chi Văn hóa kháng chiến.

Phong trào dân quân của tỉnh Thủ Dầu Một đã phát triển nhanh chóng, tạo thành phong trào quần chúng sôi nổi. Lực lượng dân quân ở cơ sở gồm dân quân tự vệ và dân quân du kích, bước đầu hình thành mạng lưới chiến tranh nhân dân rộng khắp. Dân quân được trang bị súng, lựu đạn, mã tấu và thường xuyên luyện tập. Do được tổ chức và huấn luyện chu đáo, đến cuối năm 1947, các địa phương đã xây dựng được nhiều đội dân quân mạnh. Ở khu vực tỉnh Bình Phước ngày nay, trong năm 1947, nổi bật nhất trong phong trào dân quân là đội dân quân du kích các xã Tân Khai và Tân Thành.

Với hai tiểu đội được trang bị 3 khẩu súng và một số mìn, lưu đạn, du kích Tân Khai và Tân Thành kết hợp với Đại đội 3 đã tổ chức đánh địch và thắng nhiều trận giòn giã. Tháng 7/1947, đoàn xe của Pháp gồm 10 chiếc đi qua các xã Tân Khai và Tân Thành đã bị du kích bất ngờ tấn công, tiêu diệt 3 xe và 30 tên địch. Ngoài ra, du kích Tân Khai còn kết hợp với lực lượng quốc vệ đội phá cầu, phá đường, đánh đoàn xe địch trên 60 chiếc tại cầu Bà Và, bắt được 3 tên lính Pháp.

Từ tháng 11/1947, Phòng Dân quân Nam Bộ được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm Trưởng phòng. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ chỉ thị cho các tỉnh thành lập ngay tỉnh đội bộ dân quân. Đồng chí Nguyễn Văn Tiết - Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được đề cử đảm nhiệm chức vụ Ủy viên dân quân Ủy ban kháng chiến hành chính kiêm Tỉnh đội trưởng dân quân. Các huyện, xã đều lập huyện đội, xã đội bộ dân quân.

Lực lượng vũ trang trên địa bàn Bình Phước lúc bấy giờ, ngoài Chi đội 1, Chi đội 10, còn có lực lượng công an xung phong và quốc vệ đội. Các lực lượng trên cùng bộ đội địa phương huyện và du kích xã đã kết hợp đánh quấy rối, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, thu nhiều vũ khí để trang bị cho ta. Các lực lượng gắn bó máu thịt với Nhân dân, được đồng bào thương yêu giúp đỡ, chia sẻ từng miếng cơm, manh áo trong những lúc gian khổ nhất. Đảng, chính quyền, quân và dân đoàn kết, thống nhất là nguồn sức mạnh của chiến tranh nhân dân, không một thế lực thù địch nào, với loại vũ khí hiện đại nào có thể chiến thắng được.

Sau thất bại trong chiến dịch Việt Bắc, từ năm 1948, thực dân Pháp bắt đầu chuyển hướng chiến lược chiến tranh. Chúng điều quân từ miền Bắc vào bình định chiến trường miền Nam; dành một bộ phận lớn quân đội đóng thêm đồn bót, cứ điểm, chi khu quân sự ở các đồn điền và các đường giao thông chạy qua vùng cao su, xây dựng các đơn vị ứng chiến cơ động, sẵn sàng càn quét, đánh phá vào vùng căn cứ, vùng đứng chân của các nhóm công tác vũ trang, ngăn chặn hoạt động của ta ở các đồn điền.

Đến giữa năm 1948, số lính Pháp và lính đánh thuê ở các đồn điền cao su đã tăng lên 1,5 lần so với đầu năm 1947. Riêng đồn điền Quản Lợi có 5 bót với 200 tên.

Tháng 01/1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng. Hội nghị nhận định: Tương quan lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi; các khả năng kháng chiến của ta đã và sẽ ngày càng tăng lên. Hội nghị đề ra những phương hướng và biện pháp lớn để đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới.

Ngày 27/3/1948, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc nhằm động viên toàn dân, toàn quân nâng cao nhiệt tình cách mạng và trí sáng tạo, ra sức thi đua kháng chiến, kiến quốc.

Cũng trong tháng 3/1948, Hội nghị toàn Quân khu 7 đề ra nghị quyết xây dựng cho được 10 trung đoàn và 1 tiểu đoàn chủ lực. Theo đó, Chi đội 1 của tỉnh Thủ Dầu Một trở thành Trung đoàn 301, Chi đội 10 của tỉnh Biên Hòa trở thành Trung đoàn 310 theo biên chế thống nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trung đoàn 301 tổ chức thành 3 tiểu đoàn: Tiểu đoàn 901 ở Lái Thiêu; Tiểu đoàn 902 ở Châu Thành; Tiểu đoàn 903 phụ trách Bến Cát, Hớn Quản, Lộc Ninh. Trung đoàn bộ có cơ quan tham mưu, chính trị, quân nhu, quân y, công binh xưởng. Ban Chỉ huy Trung đoàn gồm: Đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Trung đoàn trưởng, đồng chí Đoàn Hữu Hòa và đồng chí Nguyễn Văn Ngọ làm Trung đoàn phó, đồng chí Lê Đức Anh phụ trách lực lượng vũ trang Hớn Quản được điều về làm Chính trị viên Trung đoàn 301.

Tiểu đoàn 903 có 3 đại đội (2707, 2708, 2709), trong đó Đại đội 2709 do đồng chí Trần Quang Sang - Tiểu đoàn phó 903 kiêm Đại đội trưởng, đồng chí Trần Văn Canh làm Chính trị viên đại đội kiêm Huyện đội trưởng Hớn Quản. Đại đội này bám chiến trường Hớn Quản, Lộc Ninh; tuy không đủ quân số nhưng vẫn phân tán lực lượng thành nhiều tổ, đội vũ trang bám vùng đồn điền và đồng bào dân tộc thiểu số để xây dựng, mở rộng cơ sở.

Việc thành lập Trung đoàn 301 của tỉnh Thủ Dầu Một là bước trưởng thành vượt bậc của lực lượng vũ trang tập trung: Mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, chỉ huy và kinh nghiệm chiến đấu. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, quân và dân trong tỉnh, trong đó có quân và dân các quận phía bắc tỉnh (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) đã thu được nhiều kết quả bước đầu trong hoạt động quân sự.

Đầu năm 1948, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thành lập Phòng Quốc dân thiểu số do đồng chí Trần Quang Sang làm Trưởng phòng. Phòng Quốc dân thiểu số có nhiệm vụ đi sâu vào các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, công nhân cao su, thành lập các mũi xung kích để vận động Nhân dân, xây dựng cơ sở cách mạng. Cùng thời gian này, Phòng Quốc dân thiểu số của tỉnh Biên Hòa cũng được thành lập, hoạt động trên địa bàn huyện Sông Bé. Các hoạt động tuyên truyền kháng chiến được đẩy mạnh ở mọi nơi. Phổ biến nhất là hình thức tuyên truyền miệng trong từng nhóm gia đình. Với phương thức vận động

linh hoạt này của ta, đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng nhận rõ hơn bộ mặt kẻ thù và tham gia kháng chiến chống Pháp mạnh mẽ hơn.

Ban Công tác liên thôn 7 thành lập từ năm 1946 của tỉnh Biên Hòa liên tục bám trụ và hoạt động mạnh ở Thuận Lợi. Ban công tác đã chú trọng xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân cao su. Anh bếp Du và anh Vũ Khiêm là 2 cơ sở mật của ta ở ngay trung tâm đồn điền. Anh bếp Du là người nấu ăn cho tên chủ sở. Do được chủ sở tin cậy nên anh đã nắm được thông tin và kịp thời báo cho ta biết tình hình và âm mưu của địch. Anh Vũ Khiêm lúc đó là giám thị nhưng có cảm tình với công nhân. Các cơ sở này có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu của ta, đồng thời tổ chức tiếp tế, đấu tranh vũ trang trong đồn điền. Dần dần, ta đã xây dựng được cơ sở ở khắp ba làng của đồn điền Thuận Lợi. Trong những năm 1947-1948, tên Sale - chủ đồn điền Thuận Lợi vẫn bí mật đóng thuế cho cách mạng. Khoản thu này đều được anh bếp Du và anh Vũ Khiêm nhận chuyển cho ta. Hai cơ sở mật này trở thành căn cứ điểm của cán bộ, đội viên Ban Công tác liên thôn 7. Giữa năm 1948, Ban Công tác liên thôn 7 phát triển thành Phân đội 10 huyện Sông Bé, trực thuộc Trung đoàn 310 của tỉnh Biên Hòa. Các hoạt động vũ trang tiêu biểu trong thời gian này là trận tiêu diệt tên phó chủ sở gian ác thường trực đánh đập công nhân. Trong lần hấn đi xe đến sân bay Thuận Lợi nhận tiếp tế, lực lượng Phân đội 10 kết hợp với công nhân giết chết hấn ngay trên đường về. Hàng loạt những tên xu, cai ác ôn làm tay sai cho chủ sở đều bị ta cảnh cáo, giáo dục.

Các hoạt động vũ trang ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được đẩy mạnh, điển hình là trận bao vây đồn Bù Có của đồng bào dân tộc thiểu số ấp 8, với lực lượng gần 200 người, do các ông Xơn, Tư, Long lãnh đạo, đã chiếm được kho súng của đồn.

Cuối năm 1948, ở đồn điền Quán Lợi, nhờ cơ sở là đồng bào dân tộc thiểu số sóc Xiêm và nội ứng ở đồn điền cung cấp tin tức, Đại đội 2709 đã bố trí phục kích trên đường Quán Lợi đi Trà Thanh, bắt sống tên chủ Gácsa (Gachard), giết chết 3 tên lính hộ tống. Dân quân du kích các xã An Long, An Linh kết hợp với bộ đội đánh đoàn xe quân sự của Pháp trên Đường 13, diệt nhiều xe chở quân trang, quân dụng của địch. Nổi tiếng nhất là trận đánh ở nhà máy chế biến mủ cao su Quán Lợi. Sau khi nghiên cứu chi tiết 5 máy đèn (máy phát điện) của nhà máy, ta đã sản xuất loại mìn đặc dụng đánh tan 4 máy đèn và 5 bồn xăng dầu hàng triệu lít, gây nên vụ cháy lớn trong xưởng cơ khí, gara xe, xưởng chế biến mủ, văn phòng, nhà kho... Bọn chủ sở phải cho ngừng sản xuất gần 3 tháng.

Đại đội 2709 ở Hớn Quản và Phân đội 10 huyện Sông Bé thường tổ chức đánh nhỏ lẻ trên các đường 13, 14. Lực lượng vũ trang của ta thường bố trí mỗi tổ 3 người, phân chia hoạt động trên từng đoạn đường để tấn công địch.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, giặc Pháp đã tăng cường đối phó. Sau khi bổ sung thêm lực lượng, từ mùa khô năm 1948, chúng liên tiếp tổ chức nhiều cuộc càn quét vào các khu căn cứ, khu tập trung đông dân cư.

Sau khi phát hiện ra căn cứ Truong Ba Trường là nơi đóng quân của Đại đội 2709 thuộc Tiểu đoàn 903, thực dân Pháp càn quét quyết liệt, cho xe ủi khu rừng này ra thành từng khu vực nhỏ, làm đường Xa Cát - Dầu Tiếng, âm mưu đánh bật lực lượng của ta bám trụ tại đây.

Trên tuyến đường 14 đoạn ở Nha Bích, địch tổ chức lực lượng Commăngđô (biệt kích) chuyên đi lùng sục. Ý đồ của chúng là đánh phá liên tục vùng căn cứ để ép đồng bào vào đồn điền cho chúng dễ kiểm soát. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chúng dồn bà con vào các sóc nằm xung quanh đồn điền ven thị trấn Hớn Quản. Đồng thời, chúng cho lính đi theo canh gác công nhân làm ngoài lô cao su để ngăn chặn họ tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Các cuộc càn quét, phá hoại của địch làm thiệt hại hàng chục hécta ruộng của đồng bào và của các cơ quan huyện Hớn Quản.

Sự tăng cường càn quét, đánh phá của địch đã gây cho ta nhiều tổn thất. Nhân dân bị thiệt hại nhiều về người và tài sản. Bộ đội hy sinh khá nhiều. Ở Thuận Lợi, tên chủ đồn điền Sale bị vu là “Pháp gian” nên bị triệu về Pháp, ta bị mất nguồn thuế mà tên này hàng năm vẫn đóng. Một số cơ sở mật ở đồn điền bị vỡ, anh bếp Du bị địch sát hại.

Trước tình hình đó, tháng 11/1948, Hội nghị Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một đã họp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Như Khương - Bí thư Khu ủy miền Đông. Tham dự hội nghị, ngoài các đồng chí tỉnh ủy viên, mỗi huyện cử 3 đồng chí đại diện. Ở Hớn Quản có đồng chí Trần Quang Sang - Bí thư Huyện ủy về dự hội nghị. Hội nghị kiểm điểm tình hình từ đầu thời kỳ kháng chiến và đề ra nhiệm vụ công tác năm 1949, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mới. Đồng chí Vũ Duy Hanh được bầu lại làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Oanh được bầu lại làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Lê Đức Anh được bầu làm Tỉnh ủy viên.

Cuối năm 1948, sau khi nghiên cứu, ta tổ chức diệt đồn Bù Đốp. Được các cơ sở mật cung cấp tin tức, Đại đội 2709 cùng với công an xung phong và 2 đại đội của Tiểu đoàn 903 do đồng chí Nguyễn Văn Cẩm chỉ huy, đã nhanh chóng đánh vào 2 trại lính và dinh quận trưởng Bù Đốp. Bị đánh bất ngờ, hầu hết

người dân tộc thiểu số đi lính cho Pháp bị thương hoặc tháo chạy. Ta thu được 60 súng và phá nhà tù, giải thoát cho hàng chục đồng bào, chiến sĩ bị chúng giam giữ. Trận đánh giành thắng lợi rực rỡ nhờ sự giúp đỡ tích cực của đồng bào Xtiêng và Khmer. Nhiều người được giải thoát đã xin gia nhập bộ đội.

Cùng thời gian này, Phân đội 10 huyện Sông Bé tiến công đồn giặc ở làng 3, Thuận Lợi làm cho quân Pháp và bọn chủ sở khắp vùng từ Thuận Lợi đến Phước Vĩnh hoảng sợ.

Để có lực lượng địa phương làm nòng cốt cho chiến tranh du kích và có bộ đội tập trung đủ mạnh, Quân khu 7 đã tổ chức các đơn vị thành các liên trung đoàn. Trung đoàn 301 và Trung đoàn 310 được tổ chức thành Liên trung đoàn 301 - 310, do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Liên trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Quang Việt công tác ở miền Tây Nam Bộ được Xứ ủy điều về làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một kiêm Chính trị viên Liên trung đoàn 301 - 310. Liên Trung đoàn này hoạt động trên hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Các tiểu đoàn khác phân tán làm nhiệm vụ của các đại đội độc lập hoạt động ở các huyện. Đến thời điểm này, lực lượng vũ trang của tỉnh đã hình thành rõ rệt. Tỉnh có tiểu đoàn chủ lực cơ động, huyện có đại đội độc lập và du kích tập trung, xã có du kích và tổ chức dân quân rộng rãi.

Năm 1949, công tác xây dựng Đảng được quan tâm đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng. Ở tỉnh, các cơ quan quân sự, công an, chính quyền, đoàn thể đều có chi bộ riêng. Tất cả các chi bộ này đều chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy. Ở huyện, các đơn vị bộ đội thành lập chi bộ riêng, còn chính quyền, khối dân vận và huyện đội sinh hoạt chung trong một chi bộ. Một số xã thuộc Hớn Quản có chi bộ đảng từ cuối năm 1947 nay lớn mạnh hơn, đã kết nạp thêm nhiều đảng viên mới. Các đảng viên thực sự là những người nòng cốt, tích cực, được Nhân dân địa phương yêu mến, tín nhiệm.

Trong những năm 1948-1949, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, công nhân các đồn điền cao su đẩy mạnh hoạt động phá hoại sản xuất cao su của tư bản Pháp. Trước tháng 4/1948, phong trào phá hoại cao su ở các đồn điền còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng kháng chiến ở địa phương, công nhân chưa được trang bị vũ khí để tự vệ và khi cần thiết có thể tác chiến tiêu diệt địch. Đến tháng 5/1948, Hội nghị công nhân toàn Nam Bộ được triệu tập. Hội nghị chủ trương tăng cường cán bộ có năng lực từ tổ chức công đoàn tỉnh về các liên đoàn cao su, trang bị vũ khí cho công nhân, xây dựng các đội dân quân cao su chuyên trách nhiệm vụ phá hoại. Từ mùa thu năm 1949, các liên trung đoàn trên địa bàn miền Đông Nam Bộ đều thành lập một đại đội chuyên trách phá hoại cao su và hỗ trợ cho phong trào công nhân tại các đồn điền.

“Đại đội cao su” của Liên trung đoàn 301 - 310 có quân số 100 người, thành phần chủ yếu là công nhân cao su gia nhập Vệ quốc đoàn từ sau ngày Tổng khởi nghĩa, được trang bị súng máy. Lúc này, bộ phận thường trực của Liên đoàn Cao su Thủ Dầu Một về đóng tại Hớn Quản. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy và Liên đoàn Cao su, Ban Lãnh đạo Công đoàn các đồn điền Thuận Lợi, Xa Cam, Quản Lợi, Lộc Ninh hướng dẫn công nhân tham gia tổ chức công đoàn bí mật, vừa tổ chức đấu tranh chính trị đòi quyền lợi, vừa đẩy mạnh phá hoại sản xuất cao su của địch. Trong năm 1949, ở các đồn điền cao su trên toàn tỉnh Thủ Dầu Một, ta đã phá hoại được 212ha với 74.180 cây cao su.

Tháng 5/1949, thi hành chỉ thị của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thành lập các ban chuyên môn của cấp ủy: Ban Văn thư, Ban Tuyên huấn, Ban Tài chính. Ban Tuyên huấn đã soạn một số tài liệu học tập bắt buộc cho tất cả đảng viên, in thành cuốn sách *Cộng sản sơ khai*. Nội dung của tài liệu viết về vấn đề giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, về công tác Đảng. Tài liệu được phát hành định kỳ hàng tháng đến các chi bộ góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên. Ngoài ra, tỉnh còn tái bản cuốn *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh, xuất bản các tờ báo *Việt Nam tiến*, *Thông tin dân chính*, các cuốn sách *Tự vệ Hòa Lân*; *Nguyễn Văn Tiết - tiểu sử để phục vụ công tác tuyên truyền kháng chiến*. Một số tài liệu, sách báo trên được chuyển đến Hớn Quản, Sông Bé.

Để đẩy mạnh công tác vận động nông dân ủng hộ và tham gia kháng chiến có hiệu quả hơn, tỉnh đã thành lập Hội Nông dân tỉnh. Ở Hớn Quản và Sông Bé, tuy chưa hình thành hội nông dân ở cấp huyện nhưng ở một số xã và đặc biệt là các ấp đã hình thành hội nông dân. Bà con nông dân bằng mọi hình thức đã chống địch đánh phá sản xuất, canh gác bảo vệ ruộng rẫy, xóm làng, phòng gian bảo mật và ủng hộ lúa gạo, thực phẩm cho bộ đội. Đồng thời, nông dân còn tham gia phá hoại đường giao thông, cầu cống, phá hoại cao su. Sau mỗi đợt huy động bà con nông dân đi phá hoại, các cán bộ, chiến sĩ trong đội vũ trang tuyên truyền thường tổ chức mítting, nói về ý nghĩa của các ngày kỷ niệm lớn, kết hợp với sinh hoạt văn nghệ để động viên bà con.

Lực lượng thanh niên trong công nhân, nông dân và các tầng lớp khác luôn đứng ở tuyến đầu trong các cuộc chiến đấu. Đoàn thanh niên sớm ý thức được một phần sứ mạng cao cả của mình, lại được Đảng dìu dắt nên đã ra sức tuyên truyền, vận động đông đảo thanh niên phục vụ đắc lực cho kháng chiến. Phong trào tòng quân tham gia công tác hậu cần phục vụ chiến đấu, phá hoại, tiêu diệt địch được thanh niên sôi nổi tham gia. Thành phần chủ yếu của lực lượng vũ trang là thanh niên công nhân cao su. Nguồn tiếp tế gạo, thực phẩm,

máy móc, nguyên vật liệu trong các công binh xưởng phần lớn đều lấy ở các đồn điền cao su, mà lực lượng thanh niên luôn đóng vai trò xung kích trong công tác tiếp tế.

Hội Phụ nữ cứu quốc đã có nhiều đóng góp đáng kể cho kháng chiến. Ngoài công tác phục vụ chiến đấu, nhiều chị em đã thoát ly gia đình trực tiếp tham gia kháng chiến, tham gia dân quân, du kích xã. Trong thời gian cuối năm 1948, đầu năm 1949, Tỉnh bộ Việt Minh điều 10 cán bộ nữ về công tác tại Phòng Quốc dân thiểu số của tỉnh đặt tại Hớn Quản. Các chị được bố trí theo các đội, tổ vũ trang tuyên truyền, vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chịu đựng mọi gian khổ bám trụ để làm công tác tuyên truyền, vận động bà con.

II. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG VŨ TRANG, THAM GIA CHIẾN DỊCH BẾN CÁT

Tháng 01/1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp, quyết định gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công. Tổ chức chỉ huy ở chiến trường Nam Bộ có một số thay đổi. Theo chỉ đạo của Trung ương, Xứ ủy quyết định sáp nhập khu Sài Gòn - Chợ Lớn vào Khu 7, Sở Chỉ huy đặt tại Chiến khu Đ.

Theo chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ và Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã triệu tập hội nghị vào đầu tháng 01/1950 tại xã Vĩnh Tân, huyện Châu Thành. Hội nghị có sự tham dự của gần 150 đại biểu, trong đó mỗi huyện cử 3 đại biểu, mỗi xã cử 1 đại biểu. Hội nghị đã thông qua chương trình hành động trong năm 1950, trong đó có những điểm rất mới trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 11 đồng chí ủy viên chính thức, do đồng chí Nguyễn Quang Việt làm Bí thư.

Sau hội nghị, tỉnh đã tổ chức củng cố lại các ban Đảng, thành lập Ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Từ tháng 4/1950, Tỉnh ủy cho xuất bản tờ nội san *Xây dựng* do đồng chí Vũ Duy Hanh - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm. Tờ nội san này là cơ quan ngôn luận của Tỉnh ủy, góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, giáo dục và định hướng tư tưởng cho đảng viên và Nhân dân.

Cũng trong năm 1950, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Thủ Dầu Một biên soạn thêm tài liệu "*Những điều người cộng sản phải biết và phải làm*" cho đảng viên học tập. Các huyện đều tổ chức học tài liệu, làm bài kiểm tra, gửi về Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy chấm điểm, nhận xét rồi công bố kết quả cho các Đảng bộ trong tỉnh biết.

Nhờ những chuyển biến trong công tác xây dựng Đảng, từ giữa năm 1950, công tác phát triển đảng viên có bước phát triển đáng kể. Số lượng đảng viên mới được kết nạp ngày càng nhiều. Ở Hớn Quản, các xã đã thành lập được chi bộ nay được củng cố và có hướng kết nạp đảng viên mới để lãnh đạo phong trào kháng chiến địa phương. Các cơ quan Ủy ban kháng chiến hành chính, Công an huyện, Phòng Quốc dân thiểu số và các đội công tác ở đồn điền cao su và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đều có chi bộ và phát triển thêm nhiều đảng viên. Nghiệp đoàn Cao su, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân đều được củng cố và tăng cường cán bộ.

Đầu năm 1950, Khu 7 lập ra Khoa Quốc dân thiểu số do đồng chí Mười Thìn làm Khoa trưởng, đồng chí Trần Quang Sang làm Khoa phó, đóng tại bến Cây Chanh. Nhiệm vụ của khoa là tổ chức các lực lượng vũ trang tuyên truyền trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức cho đồng bào tham gia kháng chiến. Khoa Quốc dân thiểu số thành lập 5 đội vũ trang tuyên truyền, lấy quân số từ các đại đội và tiểu đoàn của Liên trung đoàn 301 - 310.

Về phía địch, trong những năm 1948-1950, chúng thực hiện chiến thuật Đờ Latua (De Latour), thiết lập ở miền Đông Nam Bộ mạng lưới cứ điểm nhỏ dày đặc, tháp canh chằng chịt nhằm xiết chặt vùng chúng chiếm đóng, bảo vệ đường giao thông, ngăn chặn tiếp viện của ta, khống chế, chia cắt và bao vây các căn cứ của ta. Trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một, hàng trăm tua, tháp canh được dựng lên, cách nhau chừng 1km với nửa tiểu đội lính đóng giữ. Những cứ điểm này là nơi đóng quân và xuất phát hành quân càn quét gây tội ác của địch.

Một yêu cầu cấp bách đối với ta lúc này là phải tìm mọi cách để diệt được tháp canh của địch, đánh mạnh vào giao thông của chúng và giải tỏa, mở rộng vùng căn cứ. Bộ Tư lệnh Khu 7 giao nhiệm vụ cho Tỉnh đội Biên Hòa tổ chức đánh tháp canh, chỉ thị cho Ban Quân giới khu sản xuất loại mìn có khả năng đánh sập tường tháp. Tháng 3/1950, sau quá trình nghiên cứu, thử nghiệm vũ khí đánh phá cứ điểm nhỏ, loại mìn đặc dụng đánh tua, bót được sử dụng đồng loạt đạt kết quả tốt. Thành công này được Bộ Tư lệnh Quân khu, Liên trung đoàn 301 - 310 và Tỉnh đội bộ dân quân 2 tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một tiếp tục nghiên cứu, rút kinh nghiệm để hoàn thiện cách đánh mới. Sau thắng lợi này, Quân khu 7 phát động chiến dịch mùa xuân, thực hiện tiến công sâu vào vùng địch, buộc chúng phải rút lực lượng về đối phó. Thực hiện chỉ đạo của Quân khu, ngay trong tháng 3/1950, du kích Đồng Xoài kết hợp với Đại đội 10 đánh đồn Tà Bé gần Đồng Xoài; sau đó phối hợp với lực lượng vũ trang tuyên truyền huyện Sông Bé diệt đoàn xe vận tải 3 chiếc tại cống Bó Mua - Bàu Ké, thu được 2 xe tải và toàn bộ chiến lợi phẩm.

Tháng 6/1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới. Để phối hợp với chiến trường chính, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 quyết định mở chiến dịch Bến Cát. Đây là chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực ta trên chiến trường miền Đông. Khắp mọi nơi, từ Lộc Ninh, Hớn Quản, Thuận Lợi đến Đồng Xoài, Phước Vĩnh đều tham gia chuẩn bị mọi mặt cho chiến dịch.

Mục tiêu của chiến dịch Bến Cát là tiêu diệt hệ thống tháp canh, đồn bót nằm trong phân chi khu Bến Súc và sẵn sàng đánh trả khi địch ứng cứu. Tham gia chiến dịch có Tiểu đoàn 302, Tiểu đoàn 303, Liên trung đoàn 301 - 310, 4 đại đội độc lập của Hớn Quản, Bến Cát, Châu Thành, Trảng Bàng, 3.000 dân công hỏa tuyến của 3 huyện thuộc tỉnh Thủ Dầu Một và 2 huyện của tỉnh Gia Định, Tây Ninh. Ngoài ra, tinh đội bộ dân quân của 4 tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Gia Định, Tây Ninh còn huy động các đại đội độc lập, dân quân du kích huyện, xã phá hoại giao thông, chặn đánh địch không cho chúng ứng cứu chiến trường Bến Cát.

Đêm ngày 07 rạng sáng ngày 08/10/1950, chiến dịch Bến Cát mở màn. Sau 7 ngày đêm chiến đấu, trong đó có 3 đợt tấn công, chiến dịch kết thúc thắng lợi vào ngày 15/11/1950. Ta đã diệt được trên 500 tên địch, làm bị thương trên 100 tên, bắt 120 tên, đánh tan hàng chục tháp canh, đồn bót, phá hủy 12 cầu cống, 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, đánh chìm 7 tàu chiến, thu nhiều vũ khí, đạn và đồ dùng quân sự của địch.

Ngay trong chiến dịch Bến Cát, Đại đội 3 của Tiểu đoàn 903 do đồng chí Tạ Minh Khâm chỉ huy tổ chức đánh vào làng 9, đồn điền Thuận Lợi, diệt 2 trung đội bảo an, thu toàn bộ vũ khí của địch và đưa khoảng 350 công nhân làng 9 về Chiến khu Đ.

Thắng lợi của việc đẩy mạnh các hoạt động quân sự, đặc biệt là chiến dịch Bến Cát và trận đánh ở làng 9 đã khép lại năm 1950 với nhiều diễn biến mới có lợi cho quân và dân các huyện thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay, góp phần đưa phong trào cách mạng địa phương chuyển sang giai đoạn mới.

Chương III

VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, CÙNG CẢ NƯỚC TIẾN HÀNH CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI (1951-7/1954)

I. TỔ CHỨC LẠI CHIẾN TRƯỜNG, Củng cố lực lượng, làm thất bại kế hoạch “bình định gấp rút, phản công quyết liệt” của địch (1951-1952)

Sau khi bị thất bại nặng trong chiến dịch Biên giới, quân Pháp càng lâm vào tình trạng khó khăn, cách mạng Việt Nam thoát khỏi thế bao vây của địch. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân Pháp ngày càng phát triển mạnh mẽ. Mâu thuẫn trong nội bộ giới cầm quyền Pháp diễn ra ngày càng gay gắt. Vì phải chi phí nhiều cho chiến tranh, nền kinh tế của Pháp ngày càng sa sút, đời sống nhân dân Pháp ngày càng khó khăn. Nhưng với dã tâm xâm lược, chúng vẫn ngoan cố theo đuổi cuộc chiến tranh cướp nước ta. Nhờ sự tiếp sức của Mỹ, chúng tăng cường quân viễn chinh trên chiến trường Đông Dương từ 239.000 tên lên 338.000 tên vào cuối năm 1950, chưa kể khoảng 100.000 quân ngụy các loại.

Sau khi bị thua trận trong chiến dịch Biên giới, Chính phủ Pháp cử Đờ Lát Đờ Tátxinhi, Tổng chỉ huy lực lượng quân khối Bắc Đại Tây Dương (NATO), sang làm Cao ủy kiêm Tổng Tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch của Đờ Lát Đờ Tátxinhi là tập trung binh lực để “bình định gấp rút, phản công quyết liệt” vùng chúng đã tạm chiếm, rồi sau đó lấn ra vùng tự do của ta để giành lại quyền chủ động. Đờ Lát Đờ Tátxinhi đẩy mạnh việc thực hiện âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”, xây dựng hệ thống phòng thủ kiên cố ở những nơi trọng yếu.

Trên chiến trường Thủ Dầu Một, Biên Hòa (trong đó có địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay), tình hình có chiều hướng khó khăn hơn so với những năm 1948-1950.

Đầu năm 1951, lực lượng cách mạng và kháng chiến của 3 nước Đông Dương trưởng thành một bước. Trong bối cảnh đó, Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II họp từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951 tại Tuyên Quang. Đại hội quyết định tách 3 Đảng bộ Đảng Cộng sản ở 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia, lập ra mỗi nước một đảng cách mạng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định lấy tên đảng là Đảng Lao động Việt Nam và thông qua chính cương, điều lệ mới của Đảng. Đại hội xác định nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là “*tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới*”¹.

Về mặt quân sự, Đại hội chỉ ra nhiệm vụ phải tích cực xây dựng bộ đội chính quy, củng cố bộ đội địa phương và dân quân du kích; coi trọng giáo dục bản chất cách mạng, tăng cường kỷ luật, không ngừng rèn luyện về kỹ năng, chiến thuật. Phương châm tác chiến vẫn là lấy chiến tranh du kích làm chính, vận động chiến làm phụ, nhưng phải đẩy mạnh vận động chiến tiến lên, tiến tới giữ vai trò chủ yếu.

Sau Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương mở Hội nghị lần thứ nhất và bàn việc quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng và triển khai các nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới. Sau đó, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt thành một mặt trận duy nhất là Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) được tổ chức, từ đó đã tăng cường củng cố khối liên minh công - nông vững chắc, mở rộng khối đại đoàn kết các dân tộc.

Chấp hành chỉ thị của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một tổ chức phát động phong trào thi đua giết giặc lập công, chào mừng Đảng ta ra hoạt động công khai, phổ biến cuốn sách *Đề hiểu Đảng Cộng sản Đông Dương*, phổ biến Chính cương, Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam, danh sách Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Những nội dung cơ bản trong cương lĩnh chính trị như: Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn; đưa Đảng ra hoạt động công khai; nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thực sự cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội...² đã được các cấp bộ đảng thảo luận kỹ và triệt để chấp hành.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.32-33, 75.

Ngay từ đầu năm 1951, Bộ Tư lệnh Nam Bộ chỉ đạo: Chủ động khống chế địch trên chiến trường Nam Bộ và nêu rõ nhiệm vụ của Khu 7 là “Giữ vững và nâng cao sức chiến đấu của nhân dân và quân đội, phát triển mạnh mẽ và sâu rộng chiến tranh du kích toàn khu, đặc biệt xung quanh Sài Gòn và dọc các đường giao thông, xây dựng hệ thống căn cứ cho cả Nam Bộ đến các vùng các địa phương, bảo toàn và phát triển lực lượng chủ lực, tiến hành công tác Cao Đài vận, thiếu số vận, địch nguy vận” (Nghị quyết quân sự của Bộ Tư lệnh Nam Bộ).

Sau Đại hội Đảng lần thứ II, Trung ương Đảng chủ trương tổ chức lại chiến trường Nam Bộ thật gọn và mạnh, đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới. Theo đó, giải thể 3 quân khu 7, 8, 9, Nam Bộ được chia thành 2 phân liên khu: Phân liên khu miền Đông và Phân liên khu miền Tây. Các tỉnh Nam Bộ cũng sắp xếp lại thành những tỉnh có quy mô lớn hơn với bộ máy Đảng, chính quyền, quân sự mạnh hơn trước.

Thi hành chủ trương của trên, hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên. Diện tích của tỉnh Thủ Biên rất rộng, chiếm gần 1/4 diện tích của Nam Bộ, với một vùng cao su rộng lớn chiếm 2/3 diện tích cao su ở miền Đông.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thủ Biên gồm 21 đồng chí. Ban Thường vụ có 5 đồng chí là: Nguyễn Quang Việt - Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội; Phạm Thuận - Phó Bí thư, phụ trách công tác dân vận; Võ Duy Hanh - Phó Bí thư, phụ trách công tác tuyên huấn; Huỳnh Văn Nghệ - Ủy viên Ban Thường vụ, Tỉnh đội trưởng; Lê Thái - Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính kiêm Bí thư Đảng - Đoàn - chính quyền.

Ủy ban kháng chiến hành chính gồm: Đồng chí Nguyễn Minh Chương - Chủ tịch, Lê Minh Thành - Phó Chủ tịch và một số ủy viên khác.

Về Tỉnh đội, ngoài đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - Tỉnh đội trưởng, còn có đồng chí Nguyễn Quang Việt - Chính trị viên; các đồng chí Nguyễn Văn Tư, Đinh Quang Ân, Tùng Lâm - Tỉnh đội phó; Lê Hồng Lĩnh - Chính trị viên phó.

Ủy ban Mặt trận Liên Việt gồm có: Đồng chí Võ Văn Đợi (Võ Minh Đức) - Chủ tịch, đồng chí Phạm Thuận - Phó Chủ tịch và các ủy viên khác.

Về các đoàn thể, đồng chí Lê Văn Nhiễm làm Thư ký Liên hiệp Công đoàn, đồng chí Nguyễn Văn Khoa làm Thư ký Hội Nông dân cứu quốc, đồng chí Lưu Hồng Thoại làm Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ.

Các ban chuyên môn của Đảng, các ty trực thuộc chính quyền đều được chỉ định theo quy ước: Nếu là cán bộ Thủ Dầu Một làm trưởng thì cán bộ Biên Hòa

làm phó và ngược lại. Đồng chí Lê Văn Chí - nguyên Phó trưởng Ty Công an Thủ Dầu Một được cử đi làm chuyên trách tòa án với chức vụ là ủy viên công tố, đồng chí Nguyễn Minh Chương - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh kiêm Chủ tịch Tòa án Nhân dân tỉnh. Một số cán bộ các ban Đảng và tổ chức quần chúng được cử làm luật sư biện hộ.

Về lực lượng quân sự, giải thể Liên trung đoàn 301 - 310. Sau khi đã rút lực lượng hình thành các đội vũ trang tuyên truyền, tỉnh thành lập Tiểu đoàn 303 là tiểu đoàn tập trung cơ động của tỉnh. Đây là một tiểu đoàn chính quy với 764 cán bộ, chiến sĩ, được trang bị vũ khí tương đối đầy đủ và có nhiều kinh nghiệm đánh vận động, do đồng chí Lê Văn Ngọc làm Tiểu đoàn trưởng, sau đó đồng chí Thanh Tâm lên thay đồng chí Ngọc. Ngoài tiểu đoàn tập trung, Tỉnh đội còn có một đội biệt động làm nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan của tỉnh, một đội trinh sát nắm tình hình địch, một đại đội pháo binh và 4 đội bảo vệ giao thông.

Ở huyện Hớn Quản, Lộc Ninh và một số huyện khác trong tỉnh, các đại đội độc lập sáp nhập với đội du kích tập trung thành bộ đội địa phương huyện nhằm diệt tề, trừ gian, đánh tiêu hao lực lượng địch, củng cố các tổ chức cơ sở và phát động phong trào đấu tranh chính trị của Nhân dân địa phương. Khoảng tháng 02/1953, đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh hoạt động trên địa bàn Hớn Quản - Lộc Ninh đã kết hợp với Tiểu đoàn 303 đánh trận mở màn tại làng 9, đồn điền Thuận Lợi diệt một số tên địch, thu được nhiều chiến lợi phẩm. Sau trận này, hàng trăm thanh niên công nhân đã xin tham gia bộ đội, góp phần làm cho lực lượng Hớn Quản - Lộc Ninh mạnh thêm.

Từ đó về sau, trên địa bàn Thuận Lợi thường xuyên có các đội vũ trang tuyên truyền của Lộc Ninh (do đồng chí Nguyễn Đình Kính phụ trách) và của Sông Bé (do đồng chí Trần Liên Xô và Hoàng Minh Chánh phụ trách) hoạt động. Các đội vũ trang tuyên truyền này kết hợp chặt chẽ với công nhân và đồng bào dân tộc thiểu số để nắm tình hình hoạt động của địch, xây dựng cơ sở cách mạng và hoạt động vũ trang. Tại làng 2, đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Nguyễn Đình Kính phụ trách đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trên khắp đồn điền cao su Thuận Lợi.

Ở Đồng Xoài, đội vũ trang tuyên truyền đánh phục kích trên đường giao thông từ Bố Mưa đến An Bình, bắt một tên quan hai Pháp... Bị thua đau sau những đòn tấn công quân sự của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương, thực dân Pháp tăng cường các biện pháp bảo vệ những vùng quan trọng, đàn áp những người mà chúng tình nghi tham gia cách mạng hoặc

nuôi giấu cán bộ cách mạng. Song hành động tàn bạo của kẻ thù không làm cho Nhân dân nao núng, ngược lại họ tham gia kháng chiến ngày càng đông. Từ đó, bọn tổng lý người dân tộc thiểu số bắt đầu run sợ và có một số người giác ngộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Sau này, chính họ đã vận động nhiều binh sĩ ngụy trở về với cách mạng, với Nhân dân. Một số binh lính người dân tộc thiểu số theo Pháp ngày càng thờ ơ với nhiệm vụ. Để giải quyết vấn đề này, bọn Pháp phải điều các đội biệt kích, lính lê dương đến đóng đồn ở những khu vực trọng yếu và phòng thủ nghiêm ngặt trên Đường 14.

Lúc này, bộ máy Đảng, chính quyền, dân vận, quân sự, tỉnh Thủ Biên được sắp xếp xong, dời về Chiến khu Đ. Trung ương Cục chỉ đạo cho tỉnh Thủ Biên phải quy hoạch lại toàn bộ nhằm xây dựng, củng cố và bảo vệ chiến khu Đ vừa là căn cứ vững chắc của tỉnh, vừa là căn cứ kháng chiến của Nam Bộ, vừa là ngọn cờ hiệu triệu, đồng thời là bàn đạp tiến công địch trên các hướng. Để làm được điều đó, trước mắt phải củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, kiện toàn du kích xã, củng cố bộ đội địa phương huyện, phân chia khu vực đóng quân giữa lực lượng tỉnh và huyện, lập phương án tác chiến, tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm lương thực, thực phẩm cho Nhân dân và các cơ quan, đơn vị đóng tại chiến khu, chủ động sản xuất để tự túc về lương thực, tuyên truyền giáo dục Nhân dân phòng gian bảo mật, đảm bảo hành lang đi từ chiến khu ra các vùng xung quanh.

Để thực hiện chủ trương này, Trung ương Cục chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Trí là Ủy trưởng căn cứ địa. Tỉnh ủy Thủ Biên cử đồng chí Vũ Duy Hanh làm Trưởng ban Căn cứ địa của tỉnh. Trung ương Cục điều đồng chí Lê Đình Nhơn - nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh về Thủ Biên bổ sung vào Tỉnh ủy, làm Trưởng ban Tuyên huấn thay đồng chí Vũ Duy Hanh.

Theo kế hoạch củng cố căn cứ, tỉnh chủ trương sáp nhập huyện Tân Uyên và huyện Hớn Quản thành huyện Đồng Nai và điều đồng chí Lê Thái - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Tư - Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội phó làm Huyện đội trưởng. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn điều thêm một số cán bộ tăng cường cho Huyện ủy Đồng Nai, đưa nhiều huyện ủy viên về làm bí thư một số xã mới nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy.

Song song với việc xây dựng Ban Căn cứ địa của tỉnh, tỉnh sáp nhập nhiều cơ quan lại thành các nhóm:

Nhóm I: Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính.

Nhóm II: Khối Kinh tế - Tài chính và Dân vận, bao gồm Ty Kinh tế, Ty Tài chính, Ty Canh nông, Ủy ban Mặt trận Liên Việt, Ban Chấp hành các đoàn thể quần chúng.

Nhóm III: Tuyên huấn Đảng, Ty Thông tin, Ty Giáo dục, bộ phận Tuyên huấn của Mặt trận và các đoàn thể.

Nhóm IV: Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Ngành quân sự và công an vẫn giữ nguyên.

Việc sắp xếp các nhóm đã bảo đảm được tinh giản bộ máy, lề lối làm việc quy củ hơn, lại có cán bộ tăng cường cho các huyện, xã.

Về mặt kinh tế - tài chính, từ đầu năm 1951, địch ra sức tìm kiếm, vơ vét của cải của dân vùng tạm chiếm, đánh phá liên tục các vùng căn cứ. Đồng bào bị gom vào các khu tập trung, việc sản xuất gặp nhiều khó khăn nên nguồn thu của cách mạng giảm sút rõ rệt. Từ đó, lương thực cấp cho cán bộ dân - chính - Đảng mỗi người chỉ có 10 lít gạo/tháng; các chi phí cho hoạt động cũng bị giảm đáng kể; tờ nội san của Tỉnh ủy cũng phải ngừng xuất bản; Trường Đảng của tỉnh tạm thời ngưng hoạt động...

Trước tình hình khó khăn đó, Tỉnh ủy kịp thời lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ và nhân viên các ngành, các cấp tăng cường đoàn kết nội bộ kiên trì vượt qua khó khăn, thiếu thốn, bám sát quần chúng cách mạng, đẩy mạnh sản xuất lương thực, giải quyết kịp thời những khó khăn trước mắt và có kế hoạch ổn định lương thực cho cán bộ, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trung tuần tháng 9/1951, Hội nghị cán bộ lần thứ nhất tỉnh Thủ Biên họp tại Suối Sâu. Đồng chí Lê Duẩn - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục miền Nam trực tiếp chỉ đạo.

Tham dự hội nghị có cán bộ Đảng từ tỉnh đến huyện. Hội nghị đã góp phần nâng cao một bước nhận thức về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ, về phương châm hoạt động quân sự của ta để đẩy lùi những trận càn của địch trước mắt cũng như lâu dài, về đấu tranh kinh tế với địch, đẩy mạnh sản xuất lương thực của các vùng căn cứ, về công tác phòng gian bảo mật, chống địch tổ chức gián điệp chui vào lực lượng của ta.

Sau hội nghị, Tỉnh ủy củng cố lại công tác tổ chức, phân công cán bộ từ tỉnh đến cơ sở bám địa bàn để đối phó với kế hoạch “Bình định gấp rút, phản công quyết liệt” của địch. Tỉnh ủy quyết định giải thể Ban Căn cứ địa để giảm bớt được một tổ chức và làm tăng thêm trách nhiệm của các ban, ngành khác trong tỉnh.

Cuối năm 1951, huyện Tân Uyên và huyện Hớn Quản được tách thành hai huyện như cũ, huyện Tân Uyên lấy tên là huyện Đồng Nai.

Lúc này, trên địa bàn Hớn Quản, Lộc Ninh, Bà Rá, lực lượng vũ trang được kiện toàn tạo nên một thế trận mới của chiến tranh toàn dân, toàn diện, lập nên những chiến công mới, từng bước đập tan các âm mưu của địch. Cùng với việc phát triển rộng khắp lực lượng dân quân du kích và bộ đội huyện, Đảng bộ tỉnh đã cố gắng xây dựng và phát triển nhanh bộ đội tỉnh nên đã đáp ứng yêu cầu đánh lớn, đánh tập trung. Đây là một thành công lớn của Đảng bộ tỉnh trong sự nghiệp xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang theo chỉ đạo của Trung ương.

Thực hiện kế hoạch “Bình định gấp rút, phản công quyết liệt” của Săngxông, địch đẩy mạnh đánh phá vùng tạm chiếm, lấn chiếm, gom dân vùng căn cứ hòng cắt đứt mối quan hệ giữa cách mạng và quần chúng nhân dân, đồng thời bao vây các vùng căn cứ du kích.

Chống lại kế hoạch đánh phá mới của địch, các huyện đã tiến hành chống những trận càn với quy mô lớn của địch, vận động Nhân dân trở về vùng căn cứ. Chỉ tính riêng ở Hớn Quản, trong nửa cuối năm 1951, bộ đội địa phương huyện cùng các đội du kích đã đánh 25 trận, diệt nhiều tên địch, phá hủy một số tháp canh như Thamrót, Xa Cát...

Bước sang năm 1952, thực dân Pháp tiếp tục thực hiện chính sách “Bình định gấp rút, phản công quyết liệt”. Ở Thủ Biên, địch tập trung bao vây lấn chiếm vào khu căn cứ, chiếm đóng các vùng du kích và nỗ lực “bình định” vùng chiếm đóng. Chúng dùng biện pháp chủ yếu là càn quét vừa và nhỏ, càn quét ngăn ngày kết hợp với dài ngày, bao vây chia cắt kết hợp với càn đi quét lại. Song song với việc càn quét, chúng sử dụng nhiều biện pháp thâm độc để lôi kéo quần chúng, nói xấu cách mạng, gây khó khăn cho những gia đình có người tham gia cách mạng...

Thực hiện âm mưu chia cắt chiến trường thành từng mảnh, địch đóng thêm bót, tua ở dọc các đường giao thông trọng yếu nhằm ngăn chặn cán bộ ta đi công tác từ căn cứ đến các địa phương trong tỉnh. Nhiều đồng chí bị địch phục kích và hy sinh trên đường đi công tác. Song song đó, quân địch tổ chức càn quét dữ dội vào các căn cứ. Chỉ trong tháng 01/1952, chúng tiến hành 12 trận càn với lực lượng từ 1 đại đội đến 2 tiểu đoàn vào các huyện trong đó có huyện Hớn Quản. Cùng với càn quét lớn, chúng thường xuyên tổ chức các đội biệt kích bất ngờ thọc sâu vào căn cứ đánh phá rồi rút nhanh. Chúng chà đi xát lại các khu rừng vùng căn cứ để tìm diệt cán bộ cách mạng.

Lúc này, nhiều nơi trên địa bàn tỉnh, các cấp lãnh đạo không thể bám được địa bàn, cán bộ các xã cũng phải điều lắng để tránh sự lũng lạc của địch, thỉnh thoảng mới trở về địa bàn hoạt động nên vừa không sát cơ sở, vừa bị tổn thất khi trở về địa phương công tác. Điều này tác động không nhỏ đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và phong trào của các địa phương.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đề ra chủ trương là cán bộ, đảng viên bằng mọi cách phải trở về xây dựng lại cơ sở ở địa phương mình và dựa vào đó để công tác. Để thực hiện tốt việc này, về mặt tổ chức phải tinh giản bộ máy ở huyện, xã. Ở huyện, nhập tất cả các ngành của Đảng, chính quyền và đoàn thể thành Ủy ban quân - dân - chính. Số cán bộ già yếu, ốm đau không thể tiếp tục công tác thì được trở về địa phương làm ăn, sinh sống. Số cán bộ có sức khỏe nhưng ngại chiến đấu, hy sinh thì tập trung tổ chức thành lập nông trường, bám Chiến khu Đ sản xuất lương thực. Lực lượng vũ trang được tổ chức gọn nhẹ hơn. Một số cán bộ, chiến sĩ được bổ sung tăng cường cho lực lượng tỉnh hoặc các huyện khác.

Về phương thức hoạt động, lãnh đạo tỉnh chia các xã thành hai loại: xã tạm chiếm và xã du kích để có phương châm hoạt động thích hợp. Ở xã tạm chiếm, nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng cơ sở chính trị, hướng dẫn cho cơ sở biết cách lãnh đạo quần chúng đấu tranh cho quyền lợi thiết thực, chống địch bóc lột, vơ vét, đàn áp những gia đình có người tham gia cách mạng. Cán bộ hoạt động theo phương thức hợp pháp hoặc nửa hợp pháp. Lực lượng du kích mật làm nhiệm vụ nắm tình hình hoạt động của địch, phục vụ cho yêu cầu của cấp trên, các du kích bị lộ được điều về trên bổ sung vào các đơn vị vũ trang. Xã du kích thì tích cực tổ chức quần chúng đấu tranh hợp pháp, chống địch càn quét, bắt bớ, tra tấn người vô cố; về mặt vũ trang thì tổ chức một, hai tổ du kích bám địa phương chiến đấu tiêu hao từng bộ phận của địch, đẩy mạnh phong trào diệt ác, trừ gian.

Trong tình thế hết sức khó khăn của ta, việc tinh giản các tổ chức theo phương châm “tinh binh, tinh cán” là sát hợp với tình hình lúc bấy giờ. Việc kiên quyết đưa lực lượng cán bộ về bám địa bàn là đúng, song ta đã phạm khuyết điểm coi nhẹ hoạt động vũ trang và hình thức hoạt động bất hợp pháp. Do đó, nhiều xã du kích không dám đánh địch. Ngay ở các xã tạm chiếm, do nặng phương thức đấu tranh hợp pháp mà không biết kết hợp với nửa hợp pháp nên chưa tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh hợp pháp.

Từ những sai lầm của ta nên địch chẳng những “bình định” được vùng địch tạm chiếm và vùng du kích, quản lý một số lượng dân đông ở nhiều xã mà còn

cắt đứt nguồn cung cấp sức người, sức của cho ta. Trước tình hình khó khăn này, tinh thần cán bộ, đảng viên dao động, giảm sút ý chí công tác, đặt nặng về cuộc sống gia đình.

Để khắc phục tình trạng đó, Tỉnh ủy chủ trương củng cố về tổ chức đảng, chú trọng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ ngoài Đảng để chọn nhân tố tốt kết nạp vào Đảng. Sau đó, công tác phát triển đảng viên mới được tiến hành chặt chẽ, chú trọng đến chất lượng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy mới có quyền ra quyết định kết nạp đảng viên mới.

Trong thời gian này, Tỉnh ủy mở liên tiếp nhiều cuộc họp để thảo luận chủ trương đưa các đồng chí cấp ủy ly hương trở về bám địa bàn hoạt động, xây dựng lại cơ sở trong quần chúng. Trong thời gian đầu, cán bộ lãnh đạo chỉ về địa phương vài ba hôm, lo xây dựng cơ sở thì ít mà chủ yếu là lo vận động quần chúng ủng hộ tiền bạc cung cấp cho số cán bộ ly hương đang ở chiến khu Đ. Tỉnh ủy đã trực tiếp chỉ đạo nhằm khắc phục tình trạng trên. Trước hết phải có kế hoạch tỉ mỉ, từng bước tạo điều kiện cho các chi ủy ly hương trở về. Một số đồng chí có sáng kiến là tìm cách móc nối số quần chúng cốt cán hoặc người thân trong gia đình vào chiến khu gặp anh em và từ đó tìm hiểu kỹ tình hình hoạt động ở địa phương, tâm trạng, tư tưởng của quần chúng, gợi ý việc xây dựng cơ sở cụ thể, dặn dò những công việc cần thiết như đào hầm bí mật để tránh giặc, chọn những gia đình tốt để nuôi giấu cán bộ khi giặc ruồng bố dài ngày...

Những kinh nghiệm hay ở từng địa phương được Tỉnh ủy nghiên cứu và phổ biến để các nơi thực hiện. Tuy bị địch khống chế nhưng quần chúng, nhất là những gia đình có người tham gia cách mạng, đã tích cực giúp đỡ cán bộ cách mạng trở về bằng những việc làm cụ thể như cung cấp lương thực, thuốc men và những mặt hàng thiết yếu khác, cũng như kịp thời thông báo tình hình hoạt động của địch để anh em có hướng đối phó. Nhờ vậy, anh em về bám trụ hoạt động ít bị tổn thất.

Song song với việc đưa các chi bộ ly hương về xã, Tỉnh ủy tập trung củng cố các chi bộ thuộc vùng căn cứ du kích ở các huyện Đồng Nai, Hớn Quản và Bến Cát. Từ kinh nghiệm thực tế ở các nơi, Tỉnh ủy chủ trương sáp nhập các xã nhỏ thành các xã lớn và đưa các huyện ủy viên hoặc cán bộ huyện có năng lực về làm bí thư xã mới để tăng cường sự chỉ đạo trực tiếp của huyện đến các xã. Cụ thể, ở huyện Bến Cát, hai xã Tân Thành và Minh Thạnh sáp nhập thành xã Tân Minh, xã Kiến An và xã Lai Hưng sáp nhập thành xã Kiến Hưng; ở huyện Hớn Quản, hai xã Phước Sang và An Linh sáp nhập thành xã Phước An, xã Tân Khai và xã An Long sáp nhập thành xã Tân Long. Tỉnh ủy còn lập nhiều

đội công tác về xây dựng tổ chức đảng để xuống các xã yếu củng cố tổ chức đảng, từ đó rút kinh nghiệm để phổ biến trong toàn tỉnh. Từ thực tiễn đó, Tỉnh ủy chủ trương đề ra phương châm củng cố các chi bộ vùng căn cứ du kích cả về tư tưởng và tổ chức; củng cố chi bộ phải đi đôi với việc củng cố các cơ quan quân - dân - chính ở xã; củng cố chi bộ về tư tưởng và tổ chức gắn liền với nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ của chi bộ phải gắn liền với phong trào của quần chúng trong sản xuất và chiến đấu. Chi bộ tạo mọi điều kiện phát huy sản xuất ở các địa phương nhằm ổn định đời sống của Nhân dân và lấy phong trào chiến đấu, sản xuất tại địa phương để củng cố chi bộ. Từ chủ trương đúng đắn đó, sau một thời gian củng cố, nhiều chi bộ vững mạnh hơn, chủ động trong công tác lãnh đạo trên địa bàn, không trông chờ cấp trên. Nhiều kinh nghiệm tốt được phổ biến đến cấp ủy từ huyện đến xã để nhân rộng ra các địa phương trong toàn tỉnh. Cũng từ phương châm đó, chi bộ các cơ quan, đơn vị chiến đấu cũng được củng cố cả về số lượng, chất lượng, đáp ứng nhiệm vụ chính trị lúc bấy giờ.

Nhờ chỉ đạo của các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở và sự quán triệt cao của đảng viên nên đã dần giải quyết được những khó khăn và đưa phong trào địa phương từng bước đi lên. Lực lượng vũ trang vùng địch tạm chiếm và vùng du kích trong tỉnh đã có những hoạt động tốt về công tác dân vận, địch vận và diệt địch ở nhiều nơi. Lúc này, ở một số nơi trong tỉnh, du kích đã có nhiều sáng kiến dùng mìn, bom lếp của địch, bộc phá... để diệt giặc, đánh phá đường giao thông gây cho chúng nhiều khó khăn.

Trước tình hình địch mở nhiều cuộc càn quét vào vùng căn cứ, ta đã tổ chức nhiều trận chống càn có hiệu quả. Tại Bến Cát, Hớn Quản, Dầu Tiếng, Đại đội 60 và Đại đội 65, Tiểu đoàn 303 cùng Tiểu đoàn chủ lực 302, Đại đội Lê Hồng Phong và các đội vũ trang tuyên truyền của huyện Hớn Quản, Dầu Tiếng đã tổ chức nhiều đợt chống càn gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ở Bù Đăng, ngay từ cuối năm 1951, việc giác ngộ đồng bào dân tộc thiểu số kết hợp với tiêu diệt bọn chỉ điểm, tay sai cho giặc trong các buôn, sóc đã được chú trọng. Lúc đầu, việc tuyên truyền, giác ngộ cách mạng còn rất khó khăn do bất đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán khác nhau giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số, nhưng với quyết tâm xây dựng cơ sở cách mạng trong đồng bào dân tộc thiểu số, cán bộ cách mạng kiên trì tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ, ra sức tranh thủ các chủ sóc, già làng, khơi dậy tinh thần dân tộc, vạch rõ những âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, giải thích để đồng bào biết chống giặc là để giữ nương rẫy, núi rừng. Đối với các tên tổng xã, thông qua gia đình của họ, ta giáo dục, nêu rõ tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng để họ

hiếu và giảm bớt những hành động tàn ác đối với cách mạng. Đối với những tên ngoan cố, ta đe dọa buộc chúng không được quấy nhiễu Nhân dân, không được làm hại cách mạng.

Đối với tầng lớp bên dưới, ta hướng vào các đối tượng nghèo khổ để giáo dục, thuyết phục họ tham gia hoặc giúp đỡ cho cách mạng chiến đấu chống giặc và giải thích cho họ khi cách mạng thành công thì họ và gia đình sẽ được hưởng tự do, sung sướng. Trong quá trình cùng ăn, cùng ở, cùng làm với đồng bào, nhiều cán bộ cách mạng đã tổ chức kết nghĩa ăn thề nên đã cảm hóa, thuyết phục được đồng bào. Vì vậy, họ tích cực ủng hộ sức của, sức người cho cách mạng, điển hình là ông Kriêng ở Bù Coh, ông Đình Phong ở Bù Rừng, ông Diên ở Bù Tôn...

Lúc đầu, ta sử dụng phương thức “Lấy quân chúng vận động quần chúng”, dựa trên mối quan hệ họ hàng thân quen để tuyên truyền đường lối, chính sách của cách mạng. Phương thức này đạt hiệu quả ở các buôn, làng vùng Bù Na và vùng sông Đồng Nai. Về sau, nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc giác ngộ cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tháng 02/1952, tỉnh thành lập thêm đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Nguyễn Văn Phú (Ba Phú) chỉ huy.

Vượt qua nhiều khó khăn, đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng được cơ sở cách mạng trong 9 làng dân tộc thiểu số là Bù Ka Rá, Bù Klôn, Đak Có, Bù Đạch, Bù Khiu, Ban Ranh, Bù Tinh, Bù Na và Phụng Hà. Đặc biệt, từ năm 1952 trở đi, trong các lễ hội hoặc trong khi đồng bào dân tộc thiểu số ở Bà Rá - Bù Đẳng lao động, ta đã cử cán bộ cách mạng trực tiếp giác ngộ đồng bào, giác ngộ những thân nhân có người thân đi lính, tuyên truyền về chiến thắng của ta, vận động họ kêu gọi con em bỏ súng trở về với Nhân dân.

Năm 1952, ở Hớn Quản, địch gom dân ở tập trung ven các đồn điền, thị trấn để kiểm soát, cách ly quần chúng nhân dân với cách mạng, ngăn chặn sự tiếp tế lương thực, thực phẩm, dược phẩm của Nhân dân cho lực lượng cách mạng. Khó khăn lớn nhất của ta ở vùng này lúc bấy giờ là lương thực nên các cơ quan, các đội vũ trang tuyên truyền, ngoài thực hiện nhiệm vụ chính trị, còn phải tăng gia sản xuất. Mặc dù khó khăn nhưng đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Nguyễn Đình Kính phụ trách đã hoạt động có hiệu quả (địa bàn hoạt động của đội là từ phía đông Đường 13 đến phía bắc Bù Đốp).

Ở vùng Hớn Quản - Lộc Ninh, bọn chủ đồn điền cao su bóc lột thậm tệ làm cho đời sống công nhân ngày càng bần cùng. Tháng 02/1952, cuộc đấu tranh quy mô lớn của công nhân các đồn điền cao su Mi Mốt, Chúp, Xà Lưu, Tà Pao,

Mai Long, Ngọc Bích, Lộc Ninh, Minh Thạnh, Xa Cam, Xa Cát, Quán Lợi, Xa Trạch diễn ra. Công nhân đề ra yêu sách ngày làm 8 giờ theo luật; tăng lương để bù đắp cho giá cả đắt đỏ; gạo ăn phải trắng, không trấu không mục; những người bị tai nạn lao động phải được nuôi dưỡng; những người đã làm tù 20 năm đến 30 năm phải được về quê hương vì đã quá hạn giao kèo... Tuy cuộc đấu tranh không giành được thắng lợi nhưng đây là một cuộc biểu dương lực lượng của công nhân buộc các chủ đồn điền phải bớt hà khắc đối với công nhân.

Song song với các cuộc đấu tranh của công nhân, lực lượng vũ trang 2 huyện Hớn Quản, Bà Rá đã tập kích đánh các đoàn xe quân sự trên Quốc lộ 13, thu nhiều súng, hàng hóa, tiền mặt.

Tại các đồn điền cao su, ta thực hiện 5 vụ phá hoại lớn, đốt cháy 1 kho xăng dầu hơn nửa triệu lít, phá 1 máy phát điện, 4 nhà máy chế biến mủ, 1 lô chén hứng mủ và nhiều tài sản khác của chủ sở.

Từ sau hội nghị cán bộ tỉnh Thủ Biên tháng 9/1951, Tỉnh ủy đề ra nhiều biện pháp cụ thể để chống lại chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch. Kết hợp công tác tư tưởng với công tác tổ chức, các cơ quan công an và quân báo đã theo dõi và phát hiện một số gián điệp của địch chui vào nội bộ ta để phá hoại. Được cơ quan chuyên môn Nam Bộ giúp sức, ta lần lượt bắt được những tên gián điệp như: tên Được, tên Khôi, tên Tông, Mai Văn Hảo... và xử lý thích đáng. Từ đó về sau, nội bộ ta được trong sạch, hạn chế được tình trạng bị địch đánh phá từ bên trong.

II. PHỤC HỒI, PHÁT TRIỂN CƠ SỞ QUÂN CHÚNG, TĂNG CƯỜNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG (1952-1953)

Tình hình cách mạng đang có nhiều chuyển biến có lợi cho ta thì bất ngờ cuối tháng 10/1952, một trận lũ lụt lớn ập đến tàn phá cả tỉnh Thủ Biên. Vùng cao như Hớn Quản, Bà Rá bị mưa to như trút tạo nên lũ quét cuốn trôi hoa màu, nhà cửa và cả gia súc. Vùng thấp ở các quận phía nam ngập chìm trong nước. Mực nước có nơi cao hơn cả mái nhà, chảy xiết, có nơi bị ngập kéo dài đến gần 10 ngày. Thiên tai đã phá hoại nhiều tài sản, hoa màu. Nhân dân trong vùng cũng như các cơ quan, đơn vị đều đứng trước thảm cảnh đói, đau, dịch bệnh.

Trong lúc đó, địch lợi dụng thiên tai phong tỏa mọi nẻo đường tiếp tế, cho quân càn quét vào vùng căn cứ của ta. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy một mặt cử cán bộ đi miền Trung, miền Tây Nam Bộ xin cứu viện, một mặt động viên sản xuất lấy ngắn nuôi dài và bằng mọi cách chống địch càn quét thắng lợi, đánh địch lấy của địch trang trải cho dân, làm công tác tư tưởng cho dân.

Tỉnh ủy đã đưa ra lời kêu gọi: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy người chiến sĩ cách mạng cũng phải kiên định lập trường chiến đấu đến cùng, ổn định tinh thần, nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ chặt chẽ, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau và tìm mọi biện pháp vượt qua nạn đói để tồn tại, tiếp tục chiến đấu chống kẻ thù”.

Đầu năm 1953, Tỉnh ủy mở hội nghị đánh giá lại tình hình và bàn kế hoạch khẩn trương đưa cán bộ về bám chiến trường để đưa phong trào kháng chiến ở địa phương tiến lên. Các chiến sĩ cách mạng cùng Nhân dân kiên cường bám trụ, từng bước khắc phục khó khăn do thiên tai, địch họa gây ra, lực lượng ta dần dần được củng cố và tiếp tục chiến đấu.

Đầu năm 1953, vùng căn cứ của các huyện Bến Cát, Hớn Quản, Tân Uyên, Bà Rá được hình thành tạo tuyến liên hoàn vững chắc. Dựa vào hệ thống căn cứ vừa xây dựng và củng cố lại, các lực lượng vũ trang đã bung ra diệt địch trên các hướng khá thuận lợi. Tháng 4/1953, một đơn vị thuộc Tiểu đoàn 303 diệt 20 tên lính Âu - Phi trên Đường 13, thu nhiều súng và nhiều quân trang, quân dụng.

Từ tháng 5/1953, thực hiện sự chỉ đạo của trên, ta chuyển hướng công tác ở vùng du kích và vùng địch tạm chiếm. Tư tưởng chỉ đạo chung là: “Trường kỳ mai phục, súc tích lực lượng, chờ đợi thời cơ, đấu tranh có lý, có lợi, đúng mức”. Tuy nhiên, việc thi hành chủ trương đó có nhiều sai lầm, lệch lạc. Tỉnh rút lực lượng vũ trang vùng địch tạm chiếm về bổ sung cho bộ đội địa phương, giải tán xã đội, chuyển du kích, một số cán bộ quân sự đưa sang công tác dân vận hoặc công tác khác, do đó hoạt động của ta ở vùng du kích trở nên yếu và vùng địch tạm chiếm bị ngưng trệ...

Bọn thực dân Pháp và tay sai lợi dụng sai lầm này để tập trung lực lượng tiến công mạnh vùng căn cứ và vùng du kích, đặc biệt ở Đường 14 và Đường 13 nhằm chia nhỏ một số căn cứ của ta và bao vây Chiến khu Đ, khống chế các hoạt động của ta ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh.

Trước tình hình đó, tháng 9/1953, Tỉnh ủy họp hội nghị kiểm điểm việc chuyển hướng công tác ở vùng du kích và vùng địch tạm chiếm, chỉ ra những lệch lạc trước đó và bàn các biện pháp khắc phục. Tỉnh cử các đoàn cán bộ quân - dân - chính - đảng xuống các huyện để triển khai chỉ thị của Tỉnh ủy.

Theo chủ trương trên, Tiểu đoàn 303 tỏa ra các huyện hỗ trợ cho cán bộ, bộ đội địa phương chống địch càn quét, lấn chiếm. Bộ đội địa phương huyện cùng du kích các xã vùng du kích và vùng địch tạm chiếm đẩy mạnh các hoạt động tiêu hao sinh lực địch buộc chúng phải dồn lực lượng đối phó. Các đội vũ trang

tuyên truyền cùng với 2 đoàn công tác của Phân liên khu ủy đi sâu vào các xã, móc nối, xây dựng lại cơ sở quần chúng và đội du kích. Phong trào ở các vùng dần dần được hồi phục, tình hình chiến trường thay đổi ngày càng có lợi cho ta.

III. PHỐI HỢP CÙNG QUÂN VÀ DÂN CẢ NƯỚC TRONG CHIẾN DỊCH ĐÔNG - XUÂN 1953-1954, KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Thu - Đông năm 1953, cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết định. Tương quan lực lượng của ta và địch thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta. Từ phản công cục bộ bắt đầu từ chiến dịch Biên giới, quân ta đang tiến lên phản công lớn.

Bọn xâm lược và tay sai ở trong tình thế ngày càng nguy ngập, thiếu hẳn một lực lượng tập trung để đối phó với quân chủ lực của ta. Tháng 5/1953, tướng Nava - Tham mưu trưởng lực lượng quân khối Bắc Đại Tây Dương được cử làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Nava định ra một kế hoạch chiến lược quy mô lớn, tập trung quân để đánh quân chủ lực của ta trong vòng 18 tháng, buộc ta phải thương lượng theo những điều kiện của chúng sắp đặt. Kế hoạch này đã được đế quốc Mỹ chuẩn y và hà hơi tiếp sức.

Trước tình hình đó, nhiệm vụ chiến đấu đặt ra cho quân và dân ta hết sức nặng nề. Kế hoạch tác chiến Đông - Xuân của ta đặt ra mục tiêu là phá tan kế hoạch Nava, làm thất bại âm mưu của Pháp và Mỹ kéo dài và mở rộng chiến tranh. Chủ trương của ta là tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng hơn nữa để đối phó với ta trên những địa điểm xung yếu. Phương châm chiến lược của ta là tích cực, chủ động, linh hoạt. Đối với chiến trường Nam Bộ, Bộ Chính trị chủ trương đẩy mạnh du kích chiến tranh, tiêu hao, tiêu diệt dần sinh lực địch, đẩy mạnh công tác địch nguy vận, mở rộng vùng căn cứ, đánh địch trên cả hai mặt trận rừng núi và phía sau lưng địch.

Phân liên khu ủy miền Đông đã có những chủ trương và kế hoạch tác chiến để phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, phát động phong trào “thi đua yêu nước, giết giặc lập công”, giành giải thưởng của Hồ Chủ tịch trong các tỉnh của Phân liên khu.

Thực hiện kế hoạch Nava, từ tháng 9/1953, trên chiến trường Đông Nam Bộ, nhiều đơn vị tinh nhuệ của địch được rút đi. Tại Thủ Biên, chúng rút hai tiểu đoàn, 2 đại đội, 5 trung đội lính Âu - Phi và một số đơn vị quân nguy. Đến tháng 11/1953, địch rút thêm một tiểu đoàn chính quy. Đến cuối năm 1953, quân số

địch trên toàn tỉnh Thủ Biên chỉ còn 26.000 tên, giảm nhiều so với năm 1952. Do thiếu quân và bị ta tấn công nên địch phải rút bỏ một số bót và tháp canh, tổ chức thành những đơn vị cơ động trấn giữ Đường 13, Đường 14 với lực lượng thường xuyên từ 1 đến 2 tiểu đoàn để bảo vệ giao thông. Lực lượng quân Pháp và quân ngụy giảm đã gây hoang mang, dao động tinh thần số quân ngụy còn lại, tạo điều kiện cho ta tiến công và phát huy công tác địch ngụy vận.

Lúc này, Tỉnh ủy khẩn trương tổ chức thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông với 3 nhiệm vụ chính: giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng vùng căn cứ du kích, mở rộng công tác địch ngụy vận. Từ cuối năm 1953 đến những tháng đầu năm 1954, phong trào chiến tranh du kích phát triển đều khắp, công tác địch, ngụy vận thu được nhiều thắng lợi.

Từ tháng 9/1953 đến tháng 3/1954, trên địa bàn các quận phía bắc Thủ Biên (tỉnh Bình Phước ngày nay), ta đã xây dựng được nhiều đội du kích xã, số đội viên du kích tăng nhanh. Bộ đội tỉnh, huyện cùng dân quân du kích thực hiện đánh lẻ, tiêu hao lực lượng địch trên Đường 13, Đường 14.

Nhịp độ hoạt động quân sự mạnh của ta đã ảnh hưởng lớn đến phong trào kháng chiến ở vùng địch tạm chiếm và vùng du kích. Nhân dân hăng hái tham gia diệt tề, trừ gian, cung cấp nhiều tin tức quan trọng cho cách mạng, vận động binh sĩ ngụy trở về với Nhân dân thông qua gia đình và người thân của họ, vận động thanh niên tòng quân giết giặc. Nổi bật nhất là phong trào đấu tranh chống địch gom dân, bắt lính, bắt xâu. Từ các trại gom dân và vùng địch hậu, Nhân dân đấu tranh đòi trở về làng cũ với những lời lẽ có lý, có tình nên buộc bọn tề làng phải chấp nhận.

Đồng bào đã hỗ trợ các đội vũ trang tuyên truyền vận động trên 100 thanh niên không đi lính cho Pháp, một số tình nguyện tham gia vào lực lượng du kích, bộ đội. Các cuộc đấu tranh chống nộp thuế, chống chủ Tây đánh đập công nhân, đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi làm việc mỗi ngày đúng 8 giờ... ở Hớn Quán, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Đa Kia thu được thắng lợi.

Lợi dụng sự khó khăn của quân Pháp và tinh thần hoang mang của quân ngụy, ta đẩy mạnh hơn nữa công tác địch ngụy vận, phát triển thành một phong trào lớn trong toàn tỉnh, hàng trăm binh lính ngụy đã trở về với Nhân dân. Với tấm lòng nhân đạo, ta đã tạo điều kiện cho binh lính ngụy sum họp với gia đình, làm ăn lương thiện.

Từ đó, đồn bót địch bị lung lay, thu hẹp, một số xã vùng địch tạm chiếm trở thành vùng du kích, vùng du kích chuyển lên vùng giải phóng... Các căn cứ địa trên địa bàn tỉnh được củng cố và ngày càng mở rộng. Chiến khu Đ

phát triển và mở rộng lên đến các huyện của Bình Phước ngày nay. Cùng với những căn cứ nhỏ của huyện, xã đã hình thành một hệ thống căn cứ địa kháng chiến rộng lớn, liên hoàn. Hệ thống tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể kháng chiến được xây dựng vững mạnh. Các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa trong căn cứ và vùng giải phóng từng bước được xây dựng và phát triển.

Trên chiến trường Bắc Bộ, ta tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, buộc địch phải gấp rút điều động lực lượng tăng cường. Ở chiến trường Lào, quân giải phóng Pathét Lào, cùng với bộ đội tình nguyện Việt Nam, đã tiến công giải phóng nhiều nơi trên đất Lào buộc địch phải gấp rút điều động lực lượng từ đồng bằng Bắc Bộ đi tăng viện.

Như vậy, vào thời gian đầu của cuộc tấn công Đông - Xuân 1953-1954, ta đã mở các cuộc tiến công vào những hướng quan trọng và sơ hở của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó, bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava.

Đặc biệt ở Nam Bộ, các lực lượng vũ trang của ta tranh thủ lúc địch điều quân đi cứu nguy ở Bắc Bộ và Liên khu V, đã liên tục tấn công địch, bẻ gãy các cuộc càn quét của chúng. Công tác vận động binh sĩ và ngụy quyền trở thành một phong trào quần chúng sâu rộng, làm hàng vạn binh sĩ bỏ ngũ, rã ngũ và bộ máy ngụy quyền cơ sở suy sụp nặng nề.

Lúc này, Tỉnh ủy Thủ Biên đã chủ trương mở đợt tiến công quân sự dồn dập vào các vùng địch tạm chiếm, tiêu hao sinh lực địch. Lực lượng vũ trang kết hợp du kích đánh địch trên Đường 13, Đường 14, diệt hàng trăm tên, phá hủy nhiều xe quân sự. Nhiều vùng bị địch chiếm trở thành vùng du kích, vùng du kích trở thành vùng tự do, các đường hành lang Hớn Quản, Lộc Ninh, Bà Rá, Đồng Xoài, Bù Đăng mở ra thông suốt.

Ngày 07/5/1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của thực dân Pháp thất thủ hoàn toàn. Tin thắng trận lan nhanh trong tỉnh làm nức lòng mọi người.

Tháng 6/1954, đồng chí Lê Duẩn và đoàn cán bộ miền Nam từ Việt Bắc vào Chiến khu Đ. Đồng chí chuyển lời thăm hỏi ân cần của Trung ương Đảng và Bác Hồ đến đồng bào, cán bộ, chiến sĩ tỉnh Thủ Biên và đã động viên quân dân tỉnh Thủ Biên lập thành tích xuất sắc hơn nữa để cùng cả nước làm tròn nhiệm vụ cách mạng mà Đảng giao cho.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Điều khoản của Hiệp định quy định thực dân Pháp buộc phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; quy định việc tập kết chuyển quân, tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước.

Những ngày cuối tháng 7/1954, Phân liên khu ủy mở hội nghị hướng dẫn học tập nội dung Hiệp định Giơnevơ và những việc cần làm trước mắt để thi hành Hiệp định. Tỉnh ủy Thủ Biên kịp thời truyền đạt những nội dung cơ bản của Hiệp định xuống từng đơn vị, cơ sở, phổ biến nhiệm vụ sắp tới, chỉ đạo kế hoạch thực hiện việc tập kết chuyển quân, cất giấu vũ khí, sắp xếp cán bộ ở lại tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định.

Ngày 13/8/1954⁽¹⁾, Tỉnh ủy tổ chức cuộc mít tinh lớn, với sự tham gia của hàng ngàn người tại Nhà Nai (Chiến khu Đ) để chào mừng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Cuộc kháng chiến đã giành thắng lợi, nhưng nửa đất nước còn do thực dân Pháp tạm thời chiếm đóng. Đế quốc Mỹ lăm le nhảy vào miền Nam. Nhiệm vụ cách mạng phía trước còn rất nặng nề. Cuộc mít tinh trở thành cuộc chia tay lưu luyến giữa người đi tập kết và người ở lại, quyết tâm chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đấu tranh sắp tới vì sự nghiệp giải phóng quê hương, thống nhất đất nước.

*
* * *

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), quân và dân Bình Phước đã chịu đựng gian khổ, vượt qua thiên tai, địch họa để liên tục đấu tranh quyết liệt với địch, chống càn quét và bao vây kinh tế, phát triển phong trào đấu tranh du kích, giữ vững, mở rộng căn cứ địa, đẩy mạnh công tác địch vận và tiến công quân sự, chính trị trên tất cả các địa bàn, góp phần vào thắng lợi chung trong sự nghiệp kháng chiến của toàn dân tộc.

Từ chặng đường đầy gian khổ và vẻ vang ấy, Đảng bộ tỉnh rút ra một số bài học kinh nghiệm là:

Một là, cần vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, xây dựng các đội vũ trang tuyên truyền và cán bộ phong trào bám dân.

Trong hoàn cảnh thực dân Pháp đã tổ chức bộ máy cai trị chặt chẽ, Đảng bộ đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng các đội vũ trang tuyên truyền và đưa cán bộ phong trào tiến hành bám dân, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng. Việc lập các đội vũ trang tuyên truyền và tổ chức cán bộ phong trào đi vào các đồn điền, vùng nông thôn người Kinh, vùng đồng bào dân tộc thiểu số bám dân để phát động quần chúng đã làm thay đổi tương quan lực lượng giữa

1. Một số tài liệu viết là ngày 15/8/1954, còn theo nhân chứng Nguyễn Văn Phú là ngày 23/8/1954.

ta và địch tại chỗ, vận động thanh niên từ buôn, làng tham gia vào lực lượng vũ trang cách mạng, nhận được sự chi viện, nuôi dưỡng của Nhân dân.

Thứ hai, dựa vào dân, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở chính trị vững mạnh cho phong trào chiến tranh nhân dân.

Để tồn tại và phát triển, Đảng bộ đã chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Thông qua Mặt trận Việt Minh, khối đoàn kết các dân tộc ngày càng được củng cố và phát triển rộng khắp, đã thu hút được đông đảo các tầng lớp, các thành phần tham gia đóng góp máu xương, tiền của cho cuộc kháng chiến, góp phần làm tăng sức mạnh của cuộc kháng chiến. Dù phải chiến đấu với kẻ thù dã man, tàn bạo, nhưng Nhân dân một lòng theo Đảng, bền gan, vững chí thì cuộc kháng chiến nhất định sẽ thắng lợi.

Thứ ba, vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng vững chắc cũng là một yếu tố không kém phần quan trọng để góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Ngay từ đầu, Đảng bộ đã nhận thức được vấn đề này. Vùng Hón Quản, Bà Rá có điều kiện thuận lợi để xây dựng căn cứ cách mạng. Qua quá trình hoạt động, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, hàng loạt căn cứ địa cách mạng ra đời như: Trường Ba Trường, An Linh, An Long, Thuận Lợi, Bù Cháp, Lý Lịch... Nhưng quan trọng và vững chắc nhất vẫn là “căn cứ trong lòng dân”. Dân yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ, chở che cho cách mạng thì không một kẻ thù nào có thể tiêu diệt được. Kinh nghiệm xây dựng căn cứ địa cách mạng và “căn cứ trong lòng dân” là một kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thứ tư, xây dựng Đảng vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo, tổ chức thắng lợi công cuộc kháng chiến ở địa phương là yêu cầu bức thiết.

Đảng bộ luôn luôn coi trọng, củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu lãnh đạo trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến. Quá trình tiến hành lãnh đạo kháng chiến cũng là quá trình tự phấn đấu, rèn luyện về chính trị, tư tưởng, tổ chức của tổ chức đảng các cấp. Kiên định với đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng, ra sức xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, tin ở dân và dựa vào dân là nhân tố có ý nghĩa quyết định sự trưởng thành của Đảng bộ tỉnh. Đứng trước mọi thử thách, cán bộ, đảng viên luôn sẵn sàng chiến đấu, hy sinh, luôn trung thành với Đảng, với sự nghiệp kháng chiến. Vì thế, Đảng được dân tin yêu và đoàn kết xung quanh Đảng, tạo nên sức mạnh to lớn trong cuộc đọ sức với quân thù.

PHẦN III

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO QUÂN DÂN BÌNH PHƯỚC
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC
(1954-1975)**

Chương I

LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI (THÁNG 7/1954 ĐẾN CUỐI NĂM 1960)

Hiệp định Giơnevơ mở ra bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta sau gần một thế kỷ chống thực dân Pháp xâm lược. Từ đây, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào công cuộc lao động hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Tuy nhiên, ngay khi Hiệp định vừa ký kết, đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định, đi ngược lại nguyện vọng và lợi ích của Nhân dân ta, âm mưu xâm chiếm và chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Cùng với Nhân dân miền Nam, Nhân dân Bình Phước bước vào cuộc đấu tranh mới đầy gian lao thử thách và khốc liệt.

I. SẮP XẾP LỰC LƯỢNG, LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH, DÂN CHỦ, THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ

Đế quốc Mỹ đã có âm mưu thôn tính Việt Nam và Đông Dương từ lâu nhằm khống chế vùng Đông Nam Á, ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản, bao vây Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng. Lợi dụng lúc thực dân Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương và đang đà suy yếu, đế quốc Mỹ hất cẳng Pháp chiếm toàn bộ miền Nam Việt Nam lập ra chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của chúng.

Để thực hiện mưu đồ trên, từ tháng 4/1954, cơ quan viện trợ quân sự Mỹ (gọi tắt MAAG) được thành lập ở miền Nam Việt Nam do Lanien cầm đầu.

Tháng 7/1954, cố vấn Mỹ tấp nập đến Sài Gòn. Cùng lúc này, Mỹ gạt Bửu Lộc khỏi ghế Thủ tướng, đưa Diệm lên thay. Tháng 11/1954, Mỹ cử tướng Colin sang làm đại sứ đầu tiên bên cạnh chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm để trực tiếp điều khiển cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam. Mỹ - Diệm loại trừ vây cánh tay sai thân Pháp, buộc tướng Nguyễn Văn Hinh rời ghế tham mưu trưởng quân đội sang cư trú chính trị bên Pháp. Tháng 10/1955, chúng bày trò “trưng cầu dân ý” để truất phế Bảo Đại với thuyết “bài phong, đả thực, diệt cộng”, đưa Diệm lên ghế Tổng thống của cái gọi là “Việt Nam cộng hòa”, dưới lớp sơn độc lập giả hiệu.

Trong khi đó, tuy không hoạt động càn quét lấn chiếm nhưng quân Pháp vẫn còn đang chiếm đóng một số nơi quanh thị xã Thủ Dầu Một, Biên Hòa và các thị trấn khác thuộc tỉnh Thủ Biên¹, làm chỗ dựa cho bọn tay sai thân Pháp.

Về phía ta, từ khi có Hiệp định Giơnevơ, một không khí vừa vui mừng, vừa lo âu, day dứt bao trùm khắp nơi. Vui mừng vì cuộc kháng chiến chống Pháp chín năm giành được thắng lợi, hòa bình đã được lập lại theo Hiệp định. Lo âu vì lực lượng cách mạng phải chuyển quân tập kết ra Bắc, Nhân dân miền Nam còn sống dưới sự kiểm soát của địch, phải tiếp tục đấu tranh để tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Trước tình hình mới, ngày 30/7/1954, Tỉnh ủy Thủ Biên đã tổ chức họp hội nghị bất thường tại vùng Bà Đã, Chiến khu Đ để bàn biện pháp thực hiện chỉ thị của trên và đề ra chủ trương phương hướng lãnh đạo. Hội nghị tập trung bàn về việc chuyển hướng từ đấu tranh toàn diện (quân sự, chính trị, kinh tế, binh vận) sang đấu tranh chính trị đơn thuần và lãnh đạo tốt cuộc chuyển quân tập kết trên địa bàn tỉnh. Về nhận định tình hình sắp tới, Hội nghị đánh giá rằng: Thực dân Pháp bị thất bại, phải ký Hiệp định chấm dứt chiến tranh xâm lược, nhưng tình hình ở miền Nam vẫn tồn tại hai khả năng: *Một là*, địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, hòa bình được vãn hồi và ta sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước. *Hai là*, địch ngoan cố không thi hành Hiệp định, rắp tâm chống phá miền Nam, kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược. Từ đó, Hội nghị đề ra những nhiệm vụ cấp bách trước mắt:

- Các đảng bộ khẩn trương sắp xếp lại lực lượng (bố trí cán bộ ở lại hoạt động và cán bộ đi tập kết).

1. Năm 1951, ta sáp nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên. Địa bàn Bình Phước ngày nay thuộc tỉnh Thủ Biên lúc ấy.

- Từng bước chuyển căn cứ vào gần dân để chuẩn bị lãnh đạo Nhân dân đấu tranh.

- Tổ chức mítting mừng hòa bình và triển khai rộng rãi trong dân học tập văn bản pháp lý của Hiệp định.

- Các tổ chức đảng rút vào bí mật, đưa một bộ phận lớn cán bộ ra công khai hoạt động hợp pháp để trực tiếp lãnh đạo và cùng quần chúng tham gia đấu tranh¹.

Theo Hiệp định, các đơn vị vũ trang các tỉnh Đông Nam Bộ sẽ tập trung tại Hàm Tân - Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa) để chuyển quân tập kết ra Bắc trong thời hạn 80 ngày, kể từ khi Hiệp định có hiệu lực². Sau Hội nghị Tỉnh ủy, các địa phương khẩn trương sắp xếp lại lực lượng ở địa phương mình. Các đơn vị bộ đội, các đội vũ trang công tác, vũ trang tuyên truyền hoạt động vùng Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Phú Riềng, Thuận Lợi... lần lượt rút về Chiến khu Đ chuẩn bị tập kết. Lúc này trong nội bộ cán bộ có người phân vân, băn khoăn giữa đi tập kết và ở lại, nhưng Tỉnh ủy đã kịp thời đả thông tư tưởng, nhận thức về thắng lợi của Hiệp định, làm cho nội bộ thông suốt. Sau khi hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, ngày 13/8/1954³ Tỉnh ủy tổ chức cuộc mítting lớn tại Chiến khu Đ, làm lễ tiễn đưa đoàn quân lên đường đi tập kết với bao lưu luyến tình đồng đội, đồng chí (có người ở lại cõng dép, tư trang của mình tặng đồng đội lên đường). Số người ở lại gồm cán bộ dân chính đảng, một số cán bộ quân sự, công an, bộ đội địa phương và dân quân du kích được phân công về địa phương với nhiệm vụ bám cơ sở, duy trì, giữ vững phong trào, hướng dẫn và cùng quần chúng đấu tranh chính trị. Một số lo chôn giấu vũ khí, đạn dược được lực lượng tập kết để lại, một số làm căn cước giả tìm cách hòa lẫn trong quần chúng, một số trở về địa phương từng quen biết tạo thế hợp pháp để hoạt động... Tuy nhiên, việc đấu tranh chính trị còn rất mới mẻ, việc chuyển quân tập kết làm cho lực lượng cách mạng bị mỏng. Những nơi có cơ sở, có phong trào cũng chỉ còn có tổ chức Đoàn Thanh niên lao động tồn tại bên tổ chức đảng, các đoàn thể cách mạng khác như Mặt trận Liên Việt, Nông dân, Phụ nữ cứu quốc... đều giải thể. Đứng trước tình hình đó, việc sắp xếp cán bộ,

1. Theo Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé: *Lịch sử Đảng bộ Sông Bé*, tập 2 (1954-1975), Sông Bé, 1996, tr. 7 - 8.

2. Lực lượng tỉnh Thủ Biên tập trung ở Bà Rịa đã chỉ trong 25 ngày thì hành quân xuống Hàm Tân - Xuyên Mộc.

3. Có tài liệu ghi là ngày 23/8/1954, tài liệu *Lịch sử Chiến khu Đ* (do Bộ Tư lệnh Quân khu 7 - Tỉnh ủy Sông Bé - Tỉnh ủy Đồng Nai biên soạn, Nxb. Đồng Nai, 1997) thì lại ghi là ngày 15/8/1954.

đảng viên, củng cố tổ chức đảng cho phù hợp với nhiệm vụ lãnh đạo đấu tranh chính trị của quần chúng được đặt ra hết sức khẩn trương.

Lúc bấy giờ về phía địch, thì cơ cấu hành chính địa bàn của tỉnh Bình Phước hiện nay thuộc hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một, nhưng về phía ta địa bàn này là hai huyện miền núi là Hớn Quản và Sông Bé và cùng đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thủ Biên¹. Cơ sở cách mạng thời kỳ kháng chiến để lại chủ yếu trong các đồn điền cao su, các làng công nhân và một số làng nông thôn người Kinh. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trừ vùng Bù Cháp, Lý Lịch có chi bộ đảng, cơ sở kháng chiến mạnh, các nơi khác cơ sở còn quá ít và yếu, nhất là vùng phía bắc, giáp nam Tây Nguyên hầu như chưa có. Để đáp ứng tình hình, Tỉnh ủy chủ trương nhanh chóng đưa cán bộ, đảng viên về bám địa phương, nắm lại tổ chức đảng hiện có để duy trì sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào quần chúng. Ở Hớn Quản (sau này là Bình Long), Huyện ủy được củng cố ngay sau ngày hòa bình được lập lại do đồng chí Chín Thính (Vũ Đình Thính) làm Bí thư, đồng chí Tám Cường (còn gọi là Năm Điền) là Phó Bí thư và đồng chí Năm Thành (Nguyễn Khắc Thành) là Ủy viên Thường vụ. Đầu tháng 02/1955, Hớn Quản được bổ sung thêm một số ủy viên, gồm các đồng chí: Chín Chúc, Sáu Quyền (Ngô Tôn Quyền, còn gọi là Sáu Xu), Bảy Nghi (Lê Sắc Nghi)². Huyện ủy Hớn Quản lúc này chia làm hai bộ phận: Công tác bên trong và bên ngoài (công khai và bí mật). Phương thức hoạt động khác nhau nhưng chung nhiệm vụ là xây dựng, duy trì cơ sở, tuyên truyền, giáo dục, vận động, lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống mọi âm mưu của kẻ thù.

Đi đôi với củng cố Huyện ủy, các chi bộ đảng và cơ sở cách mạng cũng được sớm xây dựng lại. Ở vùng nông thôn, các xã Minh Thạnh, Tân Khai, Tân Thành, Tân Quang, Tân Lập Phú đều có chi bộ đảng. Ở đồn điền Hớn Quản, Chi bộ Đảng được thành lập từ đầu tháng 11/1954 gồm 4 đồng chí Sa, Hỷ, Nghi, Hoàng, do đồng chí Bảy Nghi (Lê Sắc Nghi) làm Bí thư. Tháng 02/1955 Chi bộ Đảng ở đồn điền Lộc Ninh được thành lập có 3 đồng chí Bình, Chúc, Tuyết (Nguyễn Văn Tuyết) do đồng chí Tuyết làm Bí thư. Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tuy không đều khắp nhưng có một số sóc có đảng viên đơn tuyến lãnh đạo quần chúng như ở Sóc Tó có đồng chí Điều Do, ở sóc Thu Bồn có đồng chí Điều Don, Sóc Lớn có đồng chí Lùi, ở Nha Bích có các đồng chí Điều Minh, Lâm Nét...

1. Năm 1951, ta sáp nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên.

2. Huyện ủy viên còn một người nữa là Năm Nhẫn, hoạt động được một năm thì ra hàng giặc, nên bị xóa tên trong cấp ủy.

Lúc đầu, các cán bộ, đảng viên được phân công về các vùng chưa bóc lột được cơ sở nên phải phải sống xa dân, lương thực thiếu thốn phải vào rừng đào củ chụp để ăn, đốn củi bán lấy tiền mua gạo, chịu đựng gian khổ để kiên trì bám trụ. Về sau, dần dần bóc lột được cơ sở bám rễ trong dân, được Nhân dân đùm bọc, che chở, làm tai mắt cho ta. Cá biệt, có người không chịu đựng nổi đã ra hàng giặc như trường hợp Năm Nhẫn (Huyện ủy viên).

Ở hướng vùng Biên Hòa, sau khi huyện Sông Bé đã giải thể, Tỉnh ủy Thủ Biên phân công một số cán bộ bám trụ, duy trì cơ sở ở một số nơi do đồng chí Hai Đính phụ trách. Ở vùng đồn điền, Chi bộ Đảng ở Thuận Lợi được thành lập để nắm và xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân cao su sở Thuận Lợi, Bù Ca. Chi bộ có 3 đồng chí: Út Lộc, Ba Đấu, Ba Tuyên do đồng chí Út Lộc làm Bí thư. Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có Đội vũ trang công tác gồm các cán bộ, chiến sĩ: Hồng, Hảo, Lập và Lộc¹ do đồng chí Nguyễn Văn Phú (Ba Phú) làm Đội trưởng và Bí thư Chi bộ, bám sát quần chúng và dựa vào Chi bộ Đảng xã Bù Cháp, Lý Lịch hoạt động từ vùng căn cứ kháng chiến cũ: Bù Cháp, Lý Lịch, Bù Rưng, Bù Tôn phát triển cơ sở lên vùng Bù Tếch 1, 2, Bù Nho, Bù Na, Tân Thuận. Lực lượng ít, địa bàn rộng, hoạt động trong điều kiện cực kỳ khó khăn, nhưng anh em vẫn kiên trì bám trụ. Đây là vốn quý để phát triển cho hướng Phước Long sau này.

Ngay khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, khắp nơi Nhân dân tổ chức mít tinh mừng hòa bình, mừng chiến thắng. Công nhân các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát, Minh Thạnh... kéo ra vùng kháng chiến để hỏi tin tức chiến thắng và việc thi hành Hiệp định Giơnevơ. Tại nhà máy Lộc Ninh, cờ đỏ sao vàng được trưng lên cùng với các khẩu hiệu “Hoan hô Hiệp định Giơnevơ!”, “Hồ Chủ tịch muôn năm!”, “Việt Nam độc lập muôn năm!”. Ở các đồn điền Bù Đốp, Đa Kia, Phú Riềng, tuy trong công nhân chưa có cơ sở cách mạng, nhưng quần chúng rất hân hoan, tập trung biểu tình, trong đó dân “công tra” đòi chủ trả về xứ là nơi đã có tự do, độc lập. Vùng Tân Thuận cũ như Bù Tếch 1, 2, Bù Cát, Bù Nho, Bù Tưng là vùng tranh chấp trong kháng chiến chống Pháp, tuy có lo ngại địch trả thù, nhưng cũng tràn ngập không khí vui mừng, phấn khởi. Nhưng niềm vui chưa được bao lâu, thì tháng 8/1954, địch bắt đầu tiếp quản vùng giải phóng và chọn người để tái lập lại bộ máy chính quyền phản động các cấp. Lúc đầu địch chưa nắm được tình hình và đang cố

1. Đồng chí Lộc trong Đội vũ trang công tác khác với đồng chí Lộc (Út Lộc - Bí thư Chi bộ Đảng ở Thuận Lợi). Đồng chí Lộc trong Đội vũ trang công tác là dân công tra cao su, trốn đồn điền ra làm con nuôi đồng bào Thượng, cũng “cà răng cặng tai” như đồng bào và đi theo cách mạng.

gắng lừa mị quần chúng, nên ở những nơi chuẩn bị xây dựng bộ máy chính quyền, Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương bí mật cài người vào bộ máy của địch. Khi chúng tổ chức lại lực lượng bảo an, dân vệ, ta tìm cách đưa người vào xây dựng cơ sở nội tuyến. Cơ sở trong bộ máy hành chính và binh lính địch đã cung cấp cho ta những giấy tờ cần thiết để cán bộ đi lại hợp pháp, hoặc báo tin cho ta tránh khi địch càn quét, khủng bố...

Trong khi lực lượng cách mạng tổ chức, sắp xếp lại để chuẩn bị lãnh đạo Nhân dân bước vào cuộc chiến đấu mới, thì địch cũng bắt tay vào việc kìm kẹp, khống chế Nhân dân. Chúng đưa những tên gian ác nắm bộ máy chính quyền các cấp để đàn áp Nhân dân, khủng bố những người kháng chiến.

Tháng 10/1954, Xứ ủy họp ra nghị quyết xác định: Trong thời kỳ này hình thức đấu tranh chủ yếu là chính trị. Tất cả công tác của Đảng ta đều nhằm động viên, tập hợp quần chúng chủ yếu đấu tranh bằng chính trị, không được sử dụng vũ trang. Sử dụng lực lượng vũ trang là manh động, phải chống manh động. Nghị quyết trên được các Đảng bộ thực hiện một cách nghiêm túc, mặc dù trước mắt gặp nhiều khó khăn, vướng mắc...

Tháng 01/1955, do yêu cầu của tình hình mới, trên quyết định tách Thủ Biên thành hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Đảng bộ huyện Hớn Quản đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một.

Bước sang năm 1955, địch càng siết chặt hơn sự kìm kẹp quần chúng. Ngày 10/10/1954, Mỹ - ngụy điều 2 sư đoàn chủ lực ngụy lên đóng trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một. Sư đoàn 13 đứng chân ở Lai Khê hoạt động vùng Dầu Tiếng và phía bắc thị xã. Sư đoàn 5 gồm người dân tộc Tày, Nùng chiếm đóng ở Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh và một phần Bến Cát. Địch xây dựng hàng loạt đồn bót ở các đồn điền, làng, xã và trục lộ giao thông, kiểm soát đường 13, 14 chiến lược. Tại tỉnh lỵ Thủ Dầu Một và Biên Hòa, chúng thành lập tiểu khu quân sự với 1, 2 tiểu đoàn bảo an. Mỗi quận chúng thành lập một chi khu quân sự với 1, 2 trung đội bảo an chiếm giữ và một chi cảnh sát với vài chục tên kìm chặt quần chúng.

Để kiểm soát Nhân dân, ngoài việc thành lập các “ngũ gia liên bảo”, địch sử dụng các đoàn “công dân vụ” tung xuống xã, ấp vừa tuyên truyền nói xấu cách mạng nhằm ly gián cách mạng với quần chúng, vừa truy tìm cán bộ kháng chiến cũ và gia đình họ. Chúng đặc biệt chú trọng đánh phá phong trào cách mạng trong các đồn điền cao su. Tại đây, ngoài chủ tư bản Pháp và một đội ngũ cai, xu, xếp kìm kẹp, công nhân còn chịu thêm một bộ máy cai trị của ngụy quyền Mỹ - Diệm. Chúng cấu kết với nhau tổ chức cai trị đồn điền theo

chế độ quân quản, phân chia bộ máy hành chính trong đồn điền giống như cấp quận, có đầy đủ tổng, xã, hội đồng xã, trưởng ấp, liên gia trưởng... mỗi xã còn tăng cường thêm một đội dân vệ từ 7 đến 10 người, được trang bị từ 5 đến 7 súng, để kiểm soát và trấn áp công nhân.

Đi đôi với kìm kẹp, khống chế, địch còn tăng gia sự bóc lột, đẩy công nhân vào cảnh bần cùng. Chúng lập ra cái gọi là “cộng đồng kế ước”, “nghiệp đoàn chủ nhân” để bảo vệ quyền lợi cho bọn chủ. Do đó, đời sống công nhân đã khổ cực lại càng thêm khổ cực, nạn thất nghiệp trở thành mối đe dọa thường xuyên của công nhân. Lợi dụng tình hình nhiều người đang tìm việc làm ở xung quanh các đồn điền và từ các nơi khác kéo về do nạn đói nhà, đuổi chợ của chính quyền Diệm, bọn chủ ra sức bóc lột công nhân bằng nhiều hình thức như mướn công nhân “tùy dịp” với đồng lương rẻ mạt, chia lại phần cây, mở thêm miệng cạo, cho làm khoán, nhưng ăn lương công nhật, kéo dài thời gian lao động thực tế buộc công nhân làm 11 đến 12 giờ/ngày và sa thải công nhân bất cứ lúc nào. Đời sống vật chất của công nhân ngày càng khó khăn, đời sống chính trị ngày càng căng thẳng.

Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, với chính sách vừa dụ dỗ mua chuộc, vừa khủng bố, địch thành lập một hệ thống tổ chức sắc tộc từ Trung ương đến tỉnh, quận, tề, tổng, chủ sóc, kết hợp thân quyền và ngục quyền để kìm kẹp quần chúng, chia rẽ Kinh - Thượng, chống cộng sản...

Nhìn chung, thời kỳ đầu Mỹ - Diệm còn phải tập trung lực lượng để dẹp các giáo phái thân Pháp và các thế lực không ăn cánh với chúng, mặt khác chúng còn đang dùng thủ đoạn mị dân để xoa dịu phong trào đấu tranh của quần chúng, nên chưa thẳng tay đàn áp. Lợi dụng tình hình đó, Tỉnh ủy Thủ Biên (về sau là hai Tỉnh ủy Thủ Dầu Một và Biên Hòa) đã chỉ đạo các địa phương lãnh đạo Nhân dân nổi dậy đấu tranh đòi hòa bình, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Hớn Quản, ngay từ khi hòa bình mới lập lại, công nhân các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát, Minh Thạnh... đã đấu tranh bằng nhiều hình thức như đình công, biểu tình đưa kiến nghị. Riêng ở Lộc Ninh, Chi bộ Đảng đã vận động Nhân dân viết đơn tố cáo hành động đàn áp dân chúng, vi phạm Hiệp định của chính quyền Diệm với Ủy ban Quốc tế Giám sát và Kiểm soát đình chiến (ICCS), Tổ Kiểm soát Quốc tế đặt trụ sở tại thị trấn Lộc Ninh. Đồng bào các sở cao su không ngừng đấu tranh kết hợp hai khẩu hiệu: đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ với đấu tranh đòi chính quyền Diệm phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ. Mở đầu là cuộc đấu tranh ngày 01/8/1954, công nhân cao su bãi công 3 ngày, vừa chào mừng ký kết Hiệp định Giơnevơ vừa

nêu các yêu sách khác, như đòi trả tự do cho tù chính trị, trao trả hết tù binh, đòi bãi bỏ thuế đảm phụ chiến tranh, đòi tăng lương 20%...

Tháng 11/1954 nổ ra cuộc đấu tranh sôi nổi của hơn 40.000 công nhân các sở Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Dầu Tiếng đòi chủ bỏ chế độ cấp phát gạo mục, cá ươn, chống đánh đập, cúp phạt, sa thải công nhân, đòi được chăm sóc chữa trị đối với công nhân đau ốm, đòi tăng lương, giảm giờ làm. Đầu tháng 12/1954, Chi bộ Đảng ở sở Quản Lợi đã vận động và tổ chức 7.200 công nhân của sở đấu tranh với chủ, cùng với các yêu sách đòi bỏ chế độ cấp phát gạo mục, đòi cấp phát gạo trắng loại 2, đòi trả lương cho công nhân người dân tộc thiểu số ngang với lương công nhân người Kinh, đòi tăng khẩu phần ăn cho công nhân và khi ốm đau phải có thuốc chữa bệnh... Đây là cuộc đấu tranh có tổ chức lãnh đạo chặt chẽ. Ngày 16/12/1954, theo kế hoạch của Chi bộ và Ban chỉ huy đấu tranh, cuộc đấu tranh bùng nổ. Công nhân từ các làng Sóc Trào, Sóc Gòn, Xa Cô Đơ, Xa Cô Xít, Xa Cô 28, Trà Thanh và Nhà máy Quản Lợi kéo về trung tâm chợ Quản Lợi. Bọn chủ đồn điền và ngụy quân đóng tại địa phương hốt hoảng, chúng vội vã điều Tiểu đoàn bảo an và chi cảnh sát ra đối phó. Chi bộ Quản Lợi kiên quyết lãnh đạo công nhân đối phó với địch, vừa kiên trì đấu tranh, vừa làm công tác binh vận, lôi kéo binh lính đồng tình với cuộc đấu tranh, đồng thời mở cuộc đấu tranh diện rộng sang các đồn điền lân cận (Xa Trạch, Xa Cam, Xa Cát) nhằm tập hợp lực lượng làm hậu thuẫn. Trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, bọn chủ phải giải quyết một số yêu sách:

- Đồng ý bỏ việc cấp phát gạo mục, chấp nhận phát gạo trắng loại 2, trong đó gạo tấm trắng chiếm 35%.

- Hủy bỏ chế độ đánh đập công nhân.

- Tăng lương từ 17 đồng lên 26 đồng/người/tháng.

- Tăng khẩu phần của người bệnh nằm ở nhà thương từ 6 đồng lên 8 đồng/ngày.

Phát huy thắng lợi, cũng trong tháng 12/1954, gần 4.000 công nhân ở đồn điền cao su Phú Riềng - Thuận Lợi nổi dậy đấu tranh. Cán bộ lãnh đạo đấu tranh còn lôi kéo thêm hàng ngàn công nhân ở các đồn điền khác, vận động được cả một số binh lính và đồng bào dân tộc thiểu số ở xung quanh làm hậu thuẫn, sẵn sàng chi viện. Thấy lực lượng quần chúng kéo đến ngày càng đông, tên chủ đồn điền phải nhượng bộ và chấp nhận yêu sách.

Cuộc đấu tranh thắng lợi của công nhân Quản Lợi và khu vực xung quanh đã tác động mạnh đến phong trào công nhân cao su Lộc Ninh. Ngày 13/3/1955, Chi bộ Lộc Ninh dựa vào tổ chức hợp pháp vận động 12.000 công nhân toàn

đồn điền CEXO kéo về thị trấn Lộc Ninh đưa ra một loạt yêu sách, buộc tên chủ Đờ Lalăng phải chấp nhận và giải quyết.

Đầu năm 1955, Mỹ - Diệm giải tán các ban hội đồng xã, chúng thành lập hội đồng hương chính do những người thân tín của chúng nắm giữ. Để đối phó với âm mưu mới của địch, các đảng bộ chủ trương một mặt lãnh đạo quần chúng đòi địch tiến hành bầu cử dân chủ, mặt khác tích cực đưa người của ta vào tranh cử. Do đó, một số hội đồng hương chính có người của ta tham gia. Sau khi thành lập hội đồng cơ sở, Mỹ - Diệm tiến hành kiểm tra dân số bằng cách đổi giấy căn cước có dán ảnh. Thông qua cơ sở trong bộ máy chính quyền của địch, cán bộ, đảng viên ta cũng có giấy căn cước hợp lệ để đi lại hợp pháp.

Đi đôi với củng cố chính quyền, Diệm thành lập “Đảng Cần lao nhân vị” làm cơ sở chính trị cho chế độ hiện hành. Được Mỹ tài trợ, chúng tiến hành tổ chức nghiệp đoàn theo nguyên tắc “đa nguyên” để nắm và phân hóa lực lượng giai cấp công nhân, tiêu biểu là “Tổng Liên đoàn Lao động” do Nguyễn Văn Cửa cầm đầu và “Tổng Liên đoàn Lao công” do Trần Quốc Bửu, Phó Chủ tịch Đảng Cần lao nhân vị làm Chủ tịch. Tháng 3/1955, đích thân Trần Quốc Bửu và Nguyễn Văn Cửa xuống vùng cao su Lộc Ninh và Quản Lợi, đi vào tận CEXO và Đất Đỏ là hai công ty cao su lớn ở Thủ Dầu Một và Bắc Biên Hòa, để vận động tổ chức Tổng Liên đoàn Lao công và Tổng Liên đoàn Lao động. Chúng hô hào cho thuyết “Lao tư lưỡng lợi”, “Đồng tiến xã hội”, “Hòa nhập giai cấp”, chúng kêu gọi “nghiệp đoàn không làm chính trị”, “Tổng Liên đoàn Lao động là một đoàn thể quốc gia, được cộng đồng thế giới tự do ủng hộ, được nhiều lợi ích”, v.v., để dụ dỗ, lôi kéo công nhân vào tổ chức các liên đoàn. Ngoài ra, Diệm còn tập hợp công nhân trong giáo dân di cư để tổ chức cái gọi là “Tập đoàn công nhân giáo dân”, “Thanh niên thánh nghiệp”... để phân biệt đối xử, chia rẽ công nhân có đạo và không có đạo nhằm hạn chế sức đấu tranh của công nhân.

Trước tình hình đó, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo Ban Công vận vận động công nhân các đồn điền, lợi dụng chủ trương của địch để lập các tổ chức hợp pháp, đưa cán bộ ta vào các nghiệp đoàn đó để tập hợp lực lượng và hướng dẫn công nhân đấu tranh. Hưởng ứng chủ trương trên, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Huyện ủy Hớn Quản đã lãnh đạo và vận động công nhân các đồn điền Lộc Ninh, Quản Lợi lập ra nghiệp đoàn “Lao công tương tế” (tháng 3/1955), tập hợp hầu hết công nhân cao su lúc bấy giờ, nhất là ở Lộc Ninh, các chi hội “Lao công tương tế” phát triển mạnh ở các làng công nhân, thu hút cả một số công chức như Cai Minh, Ký Dương, v.v., vào Ban Chấp hành. Ngày 25/3/1955, tại Lộc Ninh, Trần Quốc Bửu lên án “Hội Lao công tương tế” do

công nhân lập ra là bất hợp pháp. Hội Lao công tương tế đã cử đại biểu đấu tranh trực diện, đòi Trần Quốc Bửu phải công nhận “Hội Lao công tương tế” do công nhân tổ chức là một bộ phận trong tổ chức “Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam”. Cuộc đấu tranh giằng co quyết liệt, địch tiến hành khủng bố. Tên Quận trưởng, Chi khu trưởng Lộc Ninh đưa lực lượng quân sự ra đàn áp. Chúng bắn chết anh Hợp và làm bị thương nhiều người khác. Công nhân đã khiêng xác người chết và người bị thương vào trụ sở quận đấu tranh, đòi bồi thường nhân mạng và đòi chữa trị thương tật. Tháng 7/1955, chính quyền Hớn Quản bắt 2 đại biểu của “Hội Lao công tương tế” ở Xa Cò 2, lập tức 3.000 công nhân đồn điền Quản Lợi đình công đòi thả đại biểu bị bắt. Bất chấp cảnh sát cản đường, công nhân kéo vào Quản Lợi, biến cuộc đình công thành cuộc biểu tình. Tên Quận trưởng Hớn Quản buộc phải trả tự do cho 2 đại biểu công nhân. Thắng lợi của cuộc đình công đã thúc đẩy phong trào đấu tranh đòi tự do nghiệp đoàn sôi nổi ở các đồn điền.

Nhận thấy phong trào công nhân cao su không thể tách rời với phong trào công nhân đô thị và phong trào các đồn điền trà, cà phê ở Tây Nguyên, Xứ ủy chỉ đạo cần có một tổ chức hợp pháp chung để thống nhất lãnh đạo phong trào đấu tranh chống địch, đòi dân sinh, dân chủ ở các đồn điền.

Theo chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Huyện ủy Hớn Quản cử 3 đảng viên (Hà Xuân Thọ, Nguyễn Văn Sa, Trần Văn Lưu) và 2 đoàn viên (Đình Kim Thoa, Trần Thị Thuần) ra hoạt động công khai. Đồng chí Hà Xuân Thọ, một cán bộ công vận lâu năm được cử về Sài Gòn trực tiếp vận động Bộ Lao động, Bộ Nội vụ và “Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam” của ngụy quyền đồng tình với chủ trương và hợp thức hóa các thủ tục tổ chức đại hội thành lập “Liên đoàn đồn điền Việt Nam”. Đại hội được tổ chức tại trung tâm nghiên cứu cao su của Pháp tại Lai Khê vào ngày 18/12/1955, có 250 đại biểu các đồn điền cao su, trà, cà phê ở các tỉnh Đông Nam Bộ và Tây Nguyên dự, có cả Trần Quốc Bửu, Trần Hữu Quyền là Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao công Việt Nam tham gia. Đại hội đã bỏ phiếu kín bầu Ban Chấp hành Liên đoàn đồn điền Việt Nam gồm 15 người, hầu hết là người của ta nắm, riêng đồng chí Trần Văn Lưu đại biểu công nhân Dầu Tiếng đạt 80% số phiếu, đồng chí Hà Xuân Thọ đạt số phiếu tuyệt đối 100% và được cử làm Tổng thư ký Liên đoàn đồn điền Việt Nam. Các đại biểu do Tổng Liên đoàn Lao công đưa ra tranh cử đều thất bại, nhưng trong tình thế bất buộc, Trần Quốc Bửu phải đứng ra thừa nhận kết quả cuộc bầu cử. Liên đoàn đồn điền Việt Nam là một tổ chức công khai của công nhân các đồn điền do Đảng ta lãnh đạo, nhưng về danh nghĩa là một tổ chức thuộc hệ thống của

Liên đoàn Lao công để tạo thế hợp pháp hoạt động. Đây là một thắng lợi lớn trong cuộc đấu tranh của công nhân miền Nam.

Sau khi ra đời, Ban Chấp hành Liên đoàn thấy đến lúc đủ điều kiện để tổ chức cuộc đấu tranh quy mô lớn, gồm hầu hết lực lượng cao su toàn miền Đông, buộc chủ sở và chính quyền Diệm phải thi hành một chính sách mới phù hợp với quyền lợi của công nhân.

Để đạt mục tiêu trên, nhân ngày Quốc tế Lao động 01/5/1955, liên đoàn đã huy động 3.000 công nhân, đại diện cho 40.000 công nhân cao su toàn miền Đông, đội ngũ chỉnh tề kéo về Sài Gòn kết hợp với công nhân Sài Gòn biểu tình thị uy, đưa ra 16 điều yêu sách đòi Bộ Lao động, Bộ Nội vụ của chính quyền Diệm phải giải quyết. Tập đoàn Ngô Đình Diệm lúc này vừa lo củng cố bộ máy hành chính, vừa phải tập trung lực lượng để chống các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, nên trước sức ép của công nhân, chúng phải chấp nhận 16 yêu sách trên bằng một văn bản “Cộng đồng kế ước cao su Việt Nam” có cả ngụy quyền, các chủ công ty toàn miền Đông và đại diện công nhân đồng ký tên¹. Cuộc đấu tranh này giành được thắng lợi chưa từng có trong lịch sử đấu tranh của công nhân cao su từ trước đến bấy giờ, trong đó có thắng lợi của công nhân cao su trên địa bàn Bình Phước.

Tháng 7/1955, nhân kỷ niệm một năm ngày ký Hiệp định Giơnevơ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương phát động phong trào quần chúng. Các cuộc đấu tranh lớn nhỏ của đồng bào các giới, các dân tộc, đông nhất là lực lượng phụ nữ nổ ra khắp nơi đưa yêu sách, kiến nghị đòi hiệp thương giữa hai miền, chuẩn bị cho tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Những cuộc đấu tranh này được đông đảo binh lính địch tham gia. Kết hợp đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ với đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, công nhân Thuận Lợi đã đòi chủ nâng lương 15% cho số công nhân có mức lương dưới 1.000 đồng/tháng. Cùng với các công nhân đồn điền, đồng bào các dân tộc Mnông, Xtiêng cũng tham gia đấu tranh. Yêu sách của đồng bào là đòi được tự do ở yên buôn, sóc cũ để làm ăn.

Thời gian này Mỹ - Diệm chưa công khai đàn áp khủng bố phong trào, nhưng tay chân của chúng theo dõi, lập danh sách vào sổ bìa đen những người

1. 16 yêu sách được viết thành một văn bản gồm 21 điều, gọi là “Cộng đồng kế ước cao su Việt Nam” gồm các khoản: Đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập, cúp phạt, không được sa thải công nhân, không được phát gạo mục, cá thối... Bản cộng đồng kế ước này được chủ các công ty cao su toàn miền Đông, đại diện chính quyền ngụy và đại diện công nhân ký tại Sài Gòn. Cuộc đấu tranh kéo dài 7 ngày, mỗi ngày gây thiệt hại cho các công ty cao su 490.000 USD.

chúng tình nghi là cơ sở cách mạng. Thông qua cơ sở cách mạng hoặc quần chúng tốt với cách mạng, ta biết được những người chúng tình nghi để chuyển hướng hoạt động hoặc cảnh giác đề phòng. Tuy nhiên, từ giữa năm 1955, một số đảng viên của ta bị lộ, bị bắt. Cuộc đấu tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt.

II. KIÊN QUYẾT CHỐNG CHÍNH SÁCH “TỔ CỘNG, DIỆT CỘNG”, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TẠO THẾ, TẠO LỰC TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI

Sau khi dẹp xong các giáo phái thân Pháp, để tạo cho chế độ tay sai Mỹ cái vỏ “hợp hiến”, “hợp pháp”, ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm bày trò bỏ phiếu “trưng cầu ý dân”, truất phế Bảo Đại để lên cầm quyền. Để thực hiện ý đồ này, từ tháng 10/1955, chúng đưa các đoàn “công dân vụ” xuống xã, áp tập hợp dân, tuyên truyền, vận động, ca ngợi công đức Diệm. Chúng đi vào các đồn điền, công sở cao su, thôn xóm, vào sâu tận các buôn, sóc đồng bào dân tộc thiểu số, ngụ trang là các “đội xịt muỗi” để nắm tình hình. Đoàn công dân vụ số 316 xuống đồn điền Quản Lợi, kết hợp với tề triệu tập dân, cưỡng bức công nhân đến nhà “xẹt”¹ để nghe chúng phổ biến đường lối “cách mạng quốc gia”, “trưng cầu ý dân”. Bà con đã kịch liệt phản đối sự lừa bịp của chúng nên cuộc họp không thành, bọn chúng không dám ở lại Quản Lợi mà phải rút về Hớn Quản.

Trò hề “trưng cầu ý dân” của chúng bị Nhân dân chống lại bằng mọi cách. Nhiều nơi, Nhân dân biến cuộc tập trung tuyên truyền của địch thành cuộc đấu tranh chính trị công khai, hợp pháp, đưa ra lý lẽ vạch mặt bọn tay sai bán nước. Được sự phát động và lãnh đạo của Ban Lãnh đạo cao su miền Đông Nam Bộ và Đảng bộ các địa phương, công nhân các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Cam, Xa Cát, Lộc Ninh, Phước Bình, Thuận Lợi đã đứng lên đấu tranh chống cuộc “trưng cầu ý dân”, kết hợp với đấu tranh đòi tăng lương 50%. Nhân dân kiên quyết tẩy chay không đi bỏ phiếu, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu phản đối. Ngoài ra công nhân còn tổ chức đình công, biểu tình. Trước sức mạnh của quần chúng, các chủ đồn điền buộc phải đồng ý tăng lương từ 25 đồng lên 37 đồng một ngày.

Trước sự chống đối của Nhân dân, Mỹ - Diệm đã dùng lực lượng quân sự để cưỡng bức tiến hành “trưng cầu ý dân”. Chúng cho quân chủ lực ngăn chặn khắp các nẻo đường, bọn bảo an, dân vệ lưng sục vào từng nhà để phát thẻ, bắt dân đi bỏ phiếu. Tại nơi bỏ phiếu, Nhân dân cũng bằng mọi cách tẩy chay, làm rách phiếu, gạch chéo, bỏ phiếu trắng...

1. Câu lạc bộ công nhân.

Cuộc bỏ phiếu mặc dù bị Nhân dân phản đối và chống lại, nhưng với những thủ đoạn gian lận, bịp bợm, Diệm vẫn “đắc cử”.

Sau khi lên nắm quyền, Diệm bắt đầu công khai thực hiện chiến dịch “tố cộng”. Tháng 5/1955, chúng phát động chiến dịch tố cộng giai đoạn 1. Sau cuộc “trưng cầu ý dân”, chúng bắt tay tiến hành “tố cộng, diệt cộng” một cách ác liệt. Chúng gấp rút xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền tay sai các cấp từ Trung ương đến tận cơ sở bằng cách gọi là “thanh lọc nội bộ”. Những người trước đây tham gia trong các ban đại diện hoặc hội đồng hương chính mà chúng tình nghi lập tức bị bắt giam hoặc truy lùng ráo riết. Những người kháng chiến cũ có tên trong sổ “bìa đen” của bọn mật vụ đều bị chúng bắt giữ, đánh đập, tra tấn dã man. Những gia đình có người thân tập kết thường xuyên bị theo dõi, rình rập, hù dọa, khủng bố. Ở xóm ấp, bộ máy địch ngày càng kìm chặt. Chúng tổ chức các gia đình thành liên gia, mỗi liên gia gồm 5 gia đình gọi là “ngũ gia liên bảo” để kiểm soát lẫn nhau. Để nuôi dưỡng bọn tay sai đắc lực, ở nhiều nơi, Mỹ - Diệm chủ trương cướp lại ruộng đất trước đây cách mạng đã tạm cấp cho nông dân để cấp lại cho bọn này.

Để tô thêm lớp sơn độc lập giả hiệu, ngày 04/3/1956, Mỹ - Diệm tổ chức cuộc bầu cử riêng lẻ để lập ra “Quốc hội” bù nhìn nhằm tạo ra thế hợp pháp, hợp hiến cho chính quyền tay sai. Cũng như khắp miền Nam, dưới sự lãnh đạo của cơ sở đảng, Nhân dân nhiều nơi ở Bình Long - Phước Long biểu tình phản đối, chống cuộc bầu cử, bằng lời lẽ đanh thép đòi hiệp thương tổng tuyển cử giữa hai miền, đòi thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ. Đặc biệt là ở các đồn điền cao su, nơi tập trung đông dân cư, rất nhiều người không đi bầu, kiên quyết tẩy chay, không đi xem tranh cổ động. Trong ngày bầu cử, Mỹ - Diệm cho lính đi lùng gom dân lại, nhưng khi bị bắt thì đồng bào bôi bẩn, làm phiếu mất giá trị...

Từ sau cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn, bọn công dân vụ, công an, mật vụ... càng tích cực hoạt động. Chúng tích cực bắt giam những người tình nghi đánh đập, điều tra để khai thác tin tức làm cho tình hình mỗi ngày càng thặng hơn.

Ngày 07/7/1956, Diệm chính thức lên nắm quyền, công khai tuyên bố “không hiệp thương tổng tuyển cử”, “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”, “Biên giới Hoa Kỳ đến vĩ tuyến 17”... Mặt khác, Diệm tăng cường bắt lính, đôn quân, hô hào “lấp sông Bến Hải, chuẩn bị Bắc tiến”, đẩy mạnh chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”..., thẳng tay mở những cuộc “khủng bố trắng” khắp nơi.

Mỹ - Diệm sử dụng toàn bộ Sư đoàn 5, hai trung đoàn độc lập, một giang đoàn cùng với bộ máy kìm kẹp, hệ thống ngục quyền, tề điệp, mật vụ, tay sai các cấp để mở Chiến dịch Trương Tấn Bửu (10/7/1956) do tên Mai Hữu Xuân trực tiếp chỉ huy, nhằm càn quét vùng nông thôn, vùng căn cứ cũ và đặc biệt là các đồn điền cao su, coi như trọng điểm của chiến dịch.

Kết hợp với thủ đoạn đánh phá bằng quân sự, trên các đường giao thông địch lập những trạm gác, bố trí bọn phản bội đầu hàng chỉ điểm nhận dạng cán bộ ta đi lại hoạt động. Ở xóm, ấp, làng, sở, bọn công dân vụ, mật vụ, tề điệp sục sạo khắp nơi để phát hiện cán bộ ta ẩn náu trong dân. Ở những vùng kháng chiến cũ, vùng tiếp giáp các làng công nhân cao su, chúng liên tục xua quân chà đi, xát lại nhiều lần. Đến đâu, chúng cũng gom dân lại để tuyên truyền chiến tranh tâm lý, vu khống cách mạng, nói xấu cán bộ, đảng viên, xuyên tạc cộng sản. Chúng tổ chức những cuộc đấu tố cộng sản rất ác liệt, kết hợp kêu gọi với lừa mị, dụ dỗ, mua chuộc để Nhân dân đấu tố cách mạng, đảng viên. Những đảng viên và người kháng chiến cũ chẳng may bị bắt, sau những trận đòn tra tấn dã man, chúng bắt ký tên ly khai Đảng, ly khai “Việt cộng”, bắt quỳ trước đèn cao áp suốt đêm để “sám hối”. Chúng đề ra khẩu hiệu “không đánh cho có, có đánh cho chữa”, “thà giết lầm, hơn thả lầm”. Ai không chịu ly khai, thì chúng tiếp tục tra tấn bằng mọi cực hình, công khai bắn giết hoặc thủ tiêu bí mật, gây nên tình hình vô cùng căng thẳng, thậm chí có người bị giết mà người thân không dám nhận xác, con không dám khóc cha, vợ không dám khóc chồng. Với những gia đình có người thân đi tập kết, chúng liên tục bắt bớ, khủng bố đi, khủng bố và thâm độc hơn, hằng ngày bọn công dân vụ, mật vụ, tay sai ác ôn luôn rình rập, dụ dỗ, hù dọa, chiếm đoạt hoặc cưỡng hiếp vợ con họ nhằm bôi nhọ gia đình cách mạng, gây nghi kị, chia rẽ trong quần chúng.

Cùng với hoạt động trên, chúng tiếp tục “thanh lọc” bộ máy chính quyền các cấp khiến hầu hết cán bộ cơ sở ta cấm trước đây đều bị đánh bật ra. Một số cán bộ thực hiện chủ trương “điều lắng” chuyển vùng đi nơi khác, một số bị bắt và bị tra tấn dã man... Cảnh bắt bớ giam cầm, tra tấn, tù đày diễn ra khắp nơi. Trong những ngày đầu tháng 7/1957, chỉ một đêm ở Quản Lợi, địch bắt đi 82 người. Ở Xa Cam, Xa Trạch, Minh Thạnh, mỗi nơi chúng bắt từ 40 đến 50 người. Chúng lùng sục các làng, xông vào nhà, vào cơ sở bắt đi nhiều cán bộ cốt cán của Đảng, trong đó có một số đồng chí lãnh đạo “Liên đoàn đồn điền Việt Nam” đang công tác tại Quản Lợi, Chi bộ Đảng ở Tân Khai có 9 đảng viên thì 7 người bị bắt, v.v.. Trong suốt thời gian tiến hành Chiến dịch Trương Tấn Bửu, địch tiến hành “tố cộng, diệt cộng” trong khắp các đồn điền ở Bình Long,

không có ngày nào là không có người bị bắt. Đa số cán bộ giữ vững lòng trung thành với Đảng, nhưng có một số không giữ được khí tiết, dao động, đầu hàng làm tay sai cho địch như Tám Thương ở Lộc Ninh, Tám Quang ở Hớn Quản. Tám Thương không chịu nổi cực hình đã khai báo cho địch bắt trên 50 cán bộ, đảng viên và cơ sở của Lộc Ninh. Tên Tám Quang (Phó văn phòng Huyện ủy Hớn Quản) bị địch bắt đã đầu hàng, chỉ điểm cho địch đánh phá cơ quan Huyện ủy, bắt hết một chi bộ đảng, một chi đoàn thanh niên ở Lộc Ninh, một chi bộ đảng, một chi đoàn thanh niên ở Hớn Quản, 200 cơ sở giao liên công khai và một số đảng viên, cán bộ, cơ sở khác, làm cho tình hình hoạt động của Đảng bộ thêm nhiều khó khăn gay gắt. Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo Huyện ủy Hớn Quản chuyển cơ quan về cây đa Tân Thành, tổ chức móc nối lại cơ sở đảng, kết nạp đảng viên mới, đoàn viên mới, xây dựng lại chi bộ, chi đoàn để tiếp tục lãnh đạo phong trào.

Lợi dụng tình hình địch đánh phá cách mạng ác liệt, ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát, Minh Hòa, Minh Thạnh, Thuận Lợi, Phú Riềng, Lộc Ninh..., bọn Tây chủ sở cấu kết với ngụy quân, ngụy quyền để đàn áp các cuộc đấu tranh và lần lượt tước đoạt lại những quyền lợi mà trước đây công nhân đã đấu tranh quyết liệt giành được, như Tổ chức nghiệp đoàn, Hội tương tế ái hữu, các phong trào văn hóa - văn nghệ, bình dân học vụ đều bị cấm hoạt động. Các chế độ khắc nghiệt ở các đồn điền đã bị quần chúng đấu tranh xóa bỏ nay dần dần được phục hồi, các tên xu, xếp, cai ác ôn tiếp tục đánh đập, chửi mắng công nhân (ở Quản Lợi có các tên Tám Linh, Tư Kha, Trọng thẳng tay bức hiếp công nhân). Nạn cúp phạt trở nên phổ biến, chế độ bệnh đi nhà thương, khám bác sĩ đều bị bãi bỏ. Thâm độc hơn, chúng in truyền đơn giả, ban đêm lén nhét vào nhà người dân, sáng ra cho cảnh sát đến bắt chủ nhà, vu cho là cộng sản. Những người bị chúng nghi là phần tử tích cực, nòng cốt trung kiên của cách mạng đều bị sa thải vô có. Địch phát hiện 3 cán bộ nghiệp đoàn (ông Cánh, ông Ban, ông Điều) là người của cách mạng. Nghi họ là đầu mối của các cuộc đấu tranh nên địch bắt giam và tra tấn đến chết.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Đảng bộ vẫn kiên trì giữ vững đường lối đấu tranh chính trị (không có vũ trang) và tìm mọi cách hạn chế sự thiệt hại lực lượng của Đảng và quần chúng. Trước sự đàn áp, khủng bố, kìm kẹp ác liệt của Mỹ - ngụy, Thường vụ Huyện ủy Hớn Quản nhận định vấn đề cấp bách là phải chuyển hướng hoạt động thích hợp với tình hình, rút số cán bộ bị lộ và có nguy cơ bị lộ ra ở khu rừng Minh Thạnh, đặt kế hoạch móc rập với cơ sở bên trong. Xã Minh Thạnh là nơi có cơ sở vững vàng, rừng Minh Thạnh là nơi nuôi dưỡng cán bộ thoát ly đầu tiên của Bình Long trong những

ngày đầu chống Mỹ¹. Còn lại những cán bộ đang nắm cương vị lãnh đạo trong các tổ chức công khai mà chưa bị lộ thì tiếp tục dựa vào dân, dựa vào công nhân để giữ thế hợp pháp duy trì hoạt động, hết sức khéo léo tránh sự khủng bố của địch. Cơ quan Huyện ủy cũng chấn chỉnh lại về tổ chức và có phương thức hoạt động phù hợp với tình hình mới. Nhờ đó, phong trào đấu tranh của công nhân tuy có gay go, phức tạp hơn, nhưng vẫn tiếp tục được giữ vững và có lúc nổ ra mạnh mẽ. Ngày 01/5/1956, dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng, công nhân cao su Quản Lợi tổ chức bãi công phản đối bọn chủ sa thải người. Cuối năm 1956, đông đảo công nhân và Nhân dân kéo xuống Thủ Dầu Một đấu tranh đòi Tỉnh trưởng phải thả 40 đại biểu công nhân cao su Hớn Quản bị bắt, bị giam giữ. Tháng 10/1956, hàng ngàn công nhân ở các đồn điền Quản Lợi, Xa Trạch, Xa Cam, Sóc Trào, Túc Ních đình công một tuần lễ đòi tăng lương, giảm giờ làm, hạ giá sinh hoạt, nâng lương công nhân nữ từ 36, 37 đồng lên 45 đồng, bằng lương công nhân nam. Tháng 11/1956, công nhân Quản Lợi lại kéo xuống tỉnh đấu tranh đòi thả 8 đại biểu công nhân bị bắt giam tại nhà lao Thủ Dầu Một. Các cuộc đấu tranh diễn ra giằng co, gay gắt và cuối cùng ta đều giành được thắng lợi.

Cuối năm 1956, tại làng sở cao su Xa Cô 28 (thuộc đồn điền Quản Lợi), địch lại bắt 4 công nhân (các anh Đại, Hữu, Hậu, Mười Ba) buộc sau xe jeep kéo lê trên đường. Chúng bắt công nhân ra xem để trấn áp tinh thần. Trước hành động tàn ác đó, toàn thể công nhân Quản Lợi lại đình công đòi chấm dứt bắt người và khủng bố Nhân dân. Cuộc đình công kéo dài 6 ngày, chủ và ngụy quyền vẫn không giải quyết. Chi bộ lãnh đạo công nhân tiếp tục đình công với khí thế quyết liệt hơn. Cuộc đình công của Quản Lợi được công nhân cao su Lộc Ninh ủng hộ, gửi giúp hàng trăm bao gạo. Trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, cuối cùng chủ sở Quản Lợi phải chấp nhận thực hiện yêu sách, đồng ý tăng lương thêm 1,5 đồng một ngày và bồi thường một ngày đình công.

Ở hướng bắc Biên Hòa (sau này thuộc huyện Phước Long) cơ sở công nhân trong các đồn điền còn yếu và ít, nhưng đã phối hợp với các đồn điền phía Hớn Quản - Thủ Dầu Một. Trong những năm 1954-1956, Chi bộ Đảng được phân công đã bám sát các đồn điền Thuận Lợi, Phú Riêng, Bù Ca, đảng viên hòa mình trong quần chúng, len lỏi trong công nhân để duy trì và phát triển cơ sở, lãnh đạo Nhân dân đấu tranh, liên tục hưởng ứng các cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền ở miền Đông Nam Bộ, trực tiếp là các cuộc đấu tranh

1. Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Minh Thạnh ngày 20/12/1978.

đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Có những cuộc đấu tranh huy động đến 4.000 công nhân của đồn điền Thuận Lợi, Phú Riêng vào cuối tháng 12/1954 và tháng 5/1955, có liên kết với quần chúng, buộc bọn chủ phải chấp nhận thực hiện các yêu sách, bỏ chế độ cấp phát gạo mục, phát gạo trắng loại 2, tăng khẩu phần người bệnh, tăng 15% lương cho số công nhân lương dưới 1.000 đồng/tháng và một số yêu sách khác...

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ở phía này nhiều nơi hầu như chưa có cơ sở cách mạng, hoặc có nhưng còn rất yếu. Đội công tác của đồng chí Ba Phú bám sát dân, lúc đầu chỉ có các đồng chí Tuyên, Lộc, Hải về sau bổ sung các đồng chí Hảo, Hồng, Lộc, Tư Quý, Tư Bốn... dựa vào vùng căn cứ kháng chiến cũ như Lý Lịch, Bù Cháp, Bù Rung, Bù Tôn phát triển cơ sở lên vùng Bù Téch 1, Bù Téch 2, Bù Na, Bù Nho dọc lộ 14 lên Đồng Xoài, Bù Đăng. Hoạt động của Đội chủ yếu là tuyên truyền, giáo dục đồng bào đoàn kết đấu tranh chống xâm, chống thuế, chống bọn tề tổng hà hiếp và gây dựng cơ sở cách mạng. Đội công tác đã xây dựng được nhiều cơ sở trong buôn, sóc nói trên, là chỗ dựa vững chắc cho sự phát triển tiếp theo và sự hình thành của chính quyền cách mạng tỉnh Phước Long sau này.

Để thực hiện âm mưu bao vây, xé nhỏ tiến đến tiêu diệt căn cứ kháng chiến của ta, đồng thời nắm chắc vùng rừng núi nối liền Đông Nam Bộ với Nam Tây Nguyên, một địa bàn chiến lược án ngữ phía bắc Sài Gòn. Ngày 22/10/1956, Diệm ký Sắc lệnh số 143/NV thay đổi địa giới các tỉnh. Chúng tách tỉnh Thủ Dầu Một thành hai tỉnh: Bình Dương và Bình Long. Tách Biên Hòa thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Phước Thành và Phước Long¹. Tỉnh Bình Long gồm các huyện, quận Hớn Quản, Lộc Ninh, Chơn Thành và thị xã An Lộc. Tỉnh Phước Long gồm các quận Phước Bình, Đức Phong (Bù Đăng), Đôn Luân (Đồng Xoài), Bó Đức (Bù Đốp), Phước Hòa (Bù Gia Mập) và thị xã Phước Long. Mỹ - Diệm quân sự hóa bộ máy hành chính cấp tỉnh, quận. Các chức danh tỉnh trưởng, quận trưởng đồng thời kiêm chỉ huy trưởng các tiểu khu và chi khu quân sự

1. Bình Long - Phước Long là tiền thân của tỉnh Bình Phước ngày nay, được địch thành lập từ tháng 10/1956. Nhưng về phía ta, hệ thống tổ chức đảng phía Hớn Quản vẫn trực thuộc Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, đến giữa 1959 mới thành lập Đảng ủy Cao su Bình Long và đến tháng 10/1961 mới thành lập Ban Cán sự đảng tỉnh Bình Long trực thuộc Liên Tỉnh ủy miền Đông. Ở hướng Phước Long vẫn là các chi bộ Đội công tác độc lập, đến tháng 12/1956 có Ban Cán sự vùng Tân Thuận và vẫn chịu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa. Đến tháng 6/1960, Ban Cán sự đảng tỉnh Phước Long mới được thành lập, tách khỏi Biên Hòa và trực thuộc Liên Tỉnh ủy miền Đông.

do bọn sĩ quan gian ác nắm giữ; lực lượng cảnh sát, bảo an, dân vệ và bộ máy kìm kẹp các ấp sẵn sàng càn quét, đàn áp, bắt bớ, khủng bố, giam cầm, bắn giết Nhân dân, đánh phá phong trào cách mạng.

Bình Long, Phước Long là hai tỉnh miền núi. Ngoài công nhân và đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, Mỹ - Diệm đã dùng súng đạn, lưỡi lê cưỡng ép Nhân dân các tỉnh Trị Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, vùng tự do của Liên khu 5 thời kỳ kháng chiến di dân vào nhằm mục đích tách dân ra khỏi Đảng. Chúng bố trí sống xen kẽ giữa đồng bào di dân với đồng bào Bù Chu - Phát Diệm (giáo dân miền Bắc di cư), hình thành hệ thống dinh điền xung quanh các trung tâm tỉnh, quận lỵ, các căn cứ quân sự và trên các trục lộ giao thông để bảo vệ vòng ngoài cho chúng¹. Chúng coi dinh điền là hệ thống bảo vệ, ngăn chặn “Việt cộng” có hiệu quả và chúng lấy các giáo dân di cư trong dinh điền làm nòng cốt. Trong dinh điền, chúng phân chia quần chúng thành các loại thân cộng, lưng chừng, thân chính phủ, kiểm soát chặt dân bằng tổ chức “ngũ gia liên bảo”, mật vụ, công an với bộ máy quản lý dinh điền, cùng các hình thức kìm kẹp khắc nghiệt. Chúng quân sự hóa hệ thống dinh điền, lập đồn bót, rào kẽm gai, bố trí lực lượng bảo an và tổ chức phòng vệ dân sự canh giữ... Đi đôi với hệ thống dinh điền, chúng ra sức gom dân, buộc đồng bào Mnông, Xtiêng ở vùng sâu rời bỏ buôn, sóc cũ vào trong các khu tập trung “ấp Tân Sinh” thực chất là các trại giam trá hình theo các trục lộ giao thông, sát quận lỵ để chúng dễ kiểm soát và cách ly đồng bào với lực lượng cách mạng, thực hiện âm mưu gọi là “tát nước bắt cá”. Khu vực Tân Thuận, Bù Na, Phùng Hà... là vùng tranh chấp hồi kháng chiến chống Pháp, giờ bị chúng o ép rất dữ. Để đánh vào căn cứ ta, địch cho cơ giới phá rừng, mở đường mang tên Trần Lệ Xuân, con đường từ Đồng Xoài mở sâu vào Mã Đà, v.v., thọc sâu vào rừng núi, nhằm mục đích vừa lấy gỗ, vừa kiểm soát, ngăn chặn lực lượng cách mạng.

Việc thành lập các tỉnh mới, địch hình thành một hệ thống căn cứ quân sự liên hoàn: Phước Vĩnh, Đồng Xoài, Bình Long, Phước Long tạo thành tuyến phòng thủ bảo vệ phía bắc và đông bắc Sài Gòn, giữ con đường chiến lược 14

1. Các khu dinh điền Cầm Xe, Cầu Bà Và, Trung Lợi, Trục Đạo, Xóm Ruộng, Đồng Hưu, Thủ Chánh, Minh Thạnh, Xà Vát và các khu trù mật Đồng Phát, Tổng Cui, Văn Hiến, Ấp 23, Bò Com, Nhà Bò được xây dựng lên ở Bình Long và một loạt các dinh điền Vĩnh Thiện, Vi Thiện, Thọ Sơn, Sơn Hà, Sơn Trung, Đak Sơn, Đak U, Bù Xia, Bù Nho, Đúc Bồn, Đúc Hạnh, Đúc Liễu, Phú Văn, Thuận Kiệt, Chu Ninh, Khắc Khoan, Phú Nghĩa, Bù Rạt, Lê An, Phước Quả 1, 2, 3, Phước Tín, Bù Na 1, 2, 3, Thuận Kiệt 1, 2, 3, 4, Hữu Phong, Long Điền được dựng lên ở Phước Long.

nối liền với Tây Nguyên, phục vụ cho cuộc chiến tranh lâu dài, đánh phá cách mạng miền Nam quyết liệt hơn.

Bước vào năm 1957, mặc dù địch tăng cường đánh phá cách mạng, khủng bố Nhân dân ác liệt hơn, cuộc đấu tranh giữa Nhân dân ta với Mỹ - Diệm phải trải qua thử thách quyết liệt, nhưng nói chung phong trào vẫn được duy trì và tiếp tục phát triển, nhiều cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống khủng bố vẫn diễn ra. Ngày 01/5/1957, 4.000 công nhân Xa Trạch tiến hành cuộc bãi công kéo dài đến tháng 6/1957, được sự ủng hộ của 8.000 công nhân Quản Lợi, buộc bọn chủ phải chấp nhận yêu sách. Ngày 15/12/1957, công nhân Quản Lợi tiếp tục tổ chức biểu tình và đình công 8 ngày để đòi các quyền lợi thiết thân. Đi đôi với các cuộc đấu tranh chống khủng bố, đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, công nhân và Nhân dân Bình Long còn đấu tranh chống chính sách chia rẽ giữa dân di cư và dân địa phương của địch. Khẩu hiệu “Lương - giáo đoàn kết”, “Lương - giáo đồng tâm” được đề cao trong các nhà thờ ở các đồn điền thuộc Bình Long lúc bấy giờ¹.

Cùng với phong trào đấu tranh của công nhân cao su, phong trào đấu tranh của nông dân người Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số để giữ đất, chống thu thuế, bắt xâu, bắt phu cũng diễn ra rộng rãi và quyết liệt. Do đặc điểm riêng, đồng bào dân tộc thiểu số không tiến hành đấu tranh trực diện lớn với địch. Đồng bào thường sử dụng những hình thức linh hoạt như thỉnh nguyện (cầu xin, hẹn khát) hoặc làm lơ không chấp hành. Tuy vậy, cuộc đấu tranh của đồng bào vẫn diễn ra dai dẳng và không kém phần quyết liệt, nhất là trong cuộc đấu tranh chống dồn dân, chống cướp đất. Nhiều vùng đồng bào đã giữ được đất không cho địch biến thành đồn điền cao su như vùng An Khương, An Quý 1, An Quý 2, Sóc Soài..., một số nơi ở Bù Đăng đồng bào vùng sâu không chịu đi gom dân, đã bỏ làng chạy vào rừng bất hợp tác với địch. Ở các đồn điền, công nhân người dân tộc cũng tham gia các cuộc đình công, biểu tình, cũng cử đại biểu vào các hội nghị công nhân người Kinh, nhờ đó địch đã phải nhượng bộ trả lương công nhân người Thượng ngang với lương công nhân người Kinh. Ở các nơi như Thủ Bản, Sóc Xoài, Xa Cô 28, Sóc Trào, Phú Miêng, Bò Com, Phú Lố, An Lộc, bọn chủ đã buộc phải tăng lương từ 12 đồng lên 25 hoặc 28 đồng/ngày.

1. Tháng 3/1975, Tổng Di cư ngụy đưa 200 gia đình giáo dân di cư vào sống trong Sở Cao su Quản Lợi. Được tin này, Ban lãnh đạo đấu tranh chủ trương vận động công nhân đến thăm hỏi, giúp đỡ đồng bào di cư từ tấm chăn, chiếc chiếu..., chăm sóc khi ốm đau, nói rõ tình hình khốn khổ ở đồn điền, vạch rõ âm mưu chia rẽ lương - giáo của địch. Tất cả việc làm đó đã mang lại kết quả tốt đẹp, tranh thủ được sự ủng hộ của một số chức sắc tôn giáo.

Nói chung, trong những năm 1956-1957, phong trào đấu tranh của Nhân dân Bình Long, Phước Long vẫn được duy trì. Tuy nhiên, trước sự đánh phá ác liệt, khủng bố dã man của quân thù, lực lượng cách mạng bị tổn thất hy sinh nặng nề. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị giết hại, bị bắt giam cầm, tù đày, tra tấn. Nhiều quần chúng nòng cốt, cơ sở bị tiêu hao, phong trào cách mạng trải qua bước thử thách nghiêm trọng. Cuộc sống của Nhân dân, công nhân, của đồng bào các dân tộc khó khăn, điêu đứng. Cũng như khắp miền Nam, Nhân dân Bình Phước sống trong bầu không khí tối tăm, ngột thở.

Trước tình hình đó, tháng 6/1956, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và xác định đường lối, phương châm chung: “Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang hay tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định”¹. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn lúc bấy giờ, nên chủ trương trên của Đảng không được quán triệt đến các cấp ủy Đảng ở miền Nam.

Tháng 8/1956, đồng chí Lê Duẩn - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, căn cứ vào đường lối của Trung ương Đảng, xuất phát từ quy luật và thực tiễn cách mạng ở miền Nam thảo ra “Đường lối cách mạng miền Nam” làm phương hướng chỉ đạo cho các cấp bộ Đảng, chỉ rõ: “Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường nào khác”².

Đến tháng 12/1956, Xứ ủy Nam Bộ nhận định đánh giá tình hình và đề ra nghị quyết, nói rõ thêm: “do yêu cầu của cách mạng miền Nam trong chừng mực nào đó, cần có lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm... tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ rừng núi, tranh thủ vận động, cải tạo, tập hợp lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan, đứng vào hàng ngũ nhân dân, lợi dụng danh nghĩa giáo phái ly khai để diệt ác ôn...”³. Chủ trương này đã hé mở ánh sáng cho toàn Đảng bộ Nam Bộ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd*, t.17, tr.225.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd*, t.17, tr.785.

3. Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ tháng 12/1956 (xem *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr.33).

Đầu năm 1957, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một họp tại rừng An Điền (Bến Cát) học tập “Đường lối cách mạng miền Nam” và Nghị quyết của Xứ ủy. Được quán triệt đề cương và Nghị quyết nói trên, Đảng bộ Hớn Quản (Bình Long) bắt tay ngay vào việc xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang để hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Sau thời gian xây dựng, các đội mũi công tác ra đời và được phân vùng hoạt động”¹.

Các đội mũi này, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy đã bám trụ cơ sở hoạt động ở khắp các vùng nông thôn, đồn điền, dưới mọi hình thức: Hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng, bảo vệ cán bộ và cơ sở, gài mìn, đánh bọn tuần tra, cảnh cáo, ám sát một số ác ôn, trong đó có tên ấp trưởng Hai Trước, v.v.. Tuy lực lượng các mũi vũ trang ít (từ 3 đến 5 người), trang bị thiếu và thô sơ (chỉ có súng Lapel, Carbine) nhưng bước đầu đạt được thành tích đáng kể. Bọn ác ôn sau mỗi lần bị ta trừng trị, chỉ đi lại lúng lúng cho có lệ chứ không dám hung hăng như trước, ban đêm co lại trong đồn, không dám ra ngoài. Nổi bật là trận tấn công vào Minh Thạnh. Mục đích cuộc tấn công này là nhằm giải quyết vấn đề hậu cần cho lực lượng ta, trước hết là vấn đề lương thực đang gặp khó khăn do sự đánh phá, kiểm soát gắt gao của địch, đồng thời gây tiếng vang hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, từng bước chuyển hóa lực lượng giáo phái Cao - Hòa - Bình ly khai thành lực lượng vũ trang cách mạng². Đêm ngày 10/8/1957, lực lượng của Liên tỉnh miền

1. Các đội mũi công tác được phân vùng hoạt động như sau:

- Ở Minh Thạnh có mũi của đồng chí Năm Sách.
- Ở Chơn Thành có mũi của đồng chí Lê Năm, Tám Cường.
- Ở Xa Trạch có mũi của đồng chí Út Quẹo.
- Ở Lộc Ninh có mũi của đồng chí Bảy Nguyệt, Sáu Xu (còn gọi là Sáu Quyên).

2. Trong kháng chiến, các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên là các giáo phái thân Pháp, chống lại cách mạng. Sau Hiệp định Giơnevơ các giáo phái nói trên đem quân lực của mình về đầu hàng Mỹ - Diệm. Để bảo vệ chế độ gia đình trị, Diệm tìm cách thanh trừng. Bọn cầm đầu giáo phái một số bị Diệm lừa để giết, một số chạy theo Diệm, lóp ra nước ngoài. Lực lượng của chúng hoang mang tan rã. Được chỉ thị của Xứ ủy, Liên tỉnh miền Đông cử một số cán bộ của ta thâm nhập vào lôi kéo, giáo dục số phần tử tốt, biến lực lượng các giáo phái thành lực lượng của ta, ly khai chống Diệm. Điển hình như đơn vị Bình Xuyên của ông Bảy Môn, ta cử 3 đồng chí: Phạm Thuận (Ba Thu) vào làm Chính trị viên, Lâm Quốc Đăng làm Tiểu đoàn phó, Nguyễn Văn Thâm (Bảy Cỏ) làm Phó Chính trị viên. Trong khi tuân thủ nghiêm túc đường lối đấu tranh chính trị, chưa được phép đấu tranh vũ trang, các lực lượng cách mạng của ta mượn danh nghĩa các giáo phái ly khai để tiến hành vũ trang diệt ác, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng. Trong các đội mũi công tác ban đầu của ta ở Hớn Quản, hay lực lượng mở đường liên lạc ra Bắc của Liên tỉnh miền Đông cũng có một số lực lượng giáo phái ly khai giác ngộ cách mạng tham gia như Hai Luận, Tư Khánh, v.v., về sau trở thành cán bộ chí cốt của ta.

Đông có sự phối hợp với đội vũ trang tuyên truyền tại chỗ, lấy danh nghĩa “quân giáo phái ly khai”, do đồng chí Lâm Quốc Đăng chỉ huy đã tấn công đồn Minh Thạnh. Sau 30 phút tấn công, ta làm chủ đồn, diệt nhiều tên ác ôn, thu nhiều vũ khí, lương thực và một triệu đồng tiền miền Nam. Đây là trận đánh đầu tiên ở Bình Long, ảnh hưởng trực tiếp đối với phong trào cách mạng địa phương lúc bấy giờ.

Ở Phước Long, tuy địch vẫn tiếp tục bao vây phong tỏa vùng căn cứ ta, tình hình còn nhiều khó khăn nhưng đã có những thuận lợi mới, cơ sở cách mạng không bó hẹp trong vùng căn cứ mà đã mở rộng ra hướng Đồng Xoài, Bù Đăng theo trục lộ 14. Tháng 4/1956, Tỉnh ủy Biên Hòa bổ sung thêm đồng chí Sáu Hải, Ba Hỷ, Hai Tuấn, chị Tư Huệ để tăng cường đội công tác hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào vùng cao su. Tháng 12/1956, bằng con đường hợp pháp, đồng chí Hai Đính và Ba Dục chuyển Nghị quyết của Tỉnh ủy Biên Hòa lên thành lập 3 chi bộ trên địa bàn mới: Chi bộ ở Tân Thuận - Bù Na do đồng chí Ba Phú làm Bí thư cùng các đảng viên Sáu Hải, Tư Quý. Riêng đồng chí Ba Hỷ và chị Tư Huệ hoạt động công khai hợp pháp ở Đồng Xoài, sinh hoạt đơn tuyến với đồng chí Hai Đính - Tỉnh ủy viên Biên Hòa. Chi bộ 2 ở sở Thuận Lợi do đồng chí Ba Đấu làm Bí thư, cùng đồng chí Hai Tuấn và 2 đảng viên trong công nhân của sở. Chi bộ 3 ở sở Bù Ka do đồng chí Tuyên làm Bí thư cùng các đảng viên Hai Lạc, Sáu Xê, Bảy Hát...

Từ khi các chi bộ được thành lập, hoạt động của phong trào đi vào nền nếp hơn, nhưng địch cũng đánh hơi được sự có mặt của ta nên tăng cường kiểm soát, kìm chặt quần chúng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn về đời sống. Có đồng chí vì thiếu thốn lương thực, thực phẩm đã bị ngộ độc nấm và trúng cóc mà chết. Tuy nhiên, cơ sở ở cả vùng cao su và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đều phát triển và mở rộng. Để thuận lợi cho việc phát triển và chỉ đạo phong trào, Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng ở vùng Tân Thuận - Bù Na. Tháng 6/1957, tại rừng Bàu Chúc (cách Đồng Xoài 1,5 km), hai đồng chí Hai Đính, Ba Dục thay mặt Tỉnh ủy Biên Hòa chủ trì Hội nghị thành lập Ban Cán sự Đảng vùng Tân Thuận - Bù Na. Ban Cán sự Đảng vùng Tân Thuận - Bù Na được thành lập do đồng chí Ba Phú làm Bí thư, Ba Tuyên làm Phó Bí thư và Ba Đấu làm Ủy viên. Về sau bổ sung Hai Tuấn, Tư Quý làm Ủy viên.

Việc thành lập Ban Cán sự Đảng vùng Tân Thuận mở ra thuận lợi mới. Nhiệm vụ của Ban Cán sự vùng lúc này là: Lãnh đạo và phát động phong trào rộng rãi trong công nhân cao su và các dân tộc thiểu số đấu tranh đòi địch thực hiện quyền dân sinh, dân chủ, chống bắt xâu, bắt lính, đòi địch cứu đói

cứu đau, đòi được ở nguyên chỗ cũ làm ăn; đấu tranh chống mọi luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, xây dựng tình đoàn kết Kinh - Thượng chống Mỹ, cứu nước. Hướng từ Bù Na lên Bù Đăng, phong trào phát triển đến đâu, ta xây dựng và củng cố thực lực cách mạng đến đó. Ban Cán sự vùng rất chú ý phát triển Đảng và xây dựng các tổ chức du kích nhất là ở Tân Thuận - Bù Na.

Thời gian này, cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển tương đối tốt, một số nòng cốt trung kiên được tổ chức, sẵn sàng đi với cách mạng đấu tranh chống địch đến cùng như các ông Tế, ông Tiêng, ông K'Lư, cùng các anh Điều Mác, Điều Ong, Điều Ma Rách, Điều Hồng, Điều Groi, Điều Nhông, Điều Thịnh... Sau này họ đều trở thành cán bộ cốt cán trong mặt trận và các đơn vị vũ trang dân tộc thiểu số của tỉnh Phước Long.

Bên cạnh đồng bào dân tộc thiểu số và công nhân cao su, khối quần chúng trong các dinh điền rất quan trọng đối với địa bàn Phước Long. Hầu hết đồng bào trong các dinh điền là người của các tỉnh vùng tự do Liên khu 5, có truyền thống cách mạng và kháng chiến, một số nơi là cán bộ thôn, xã, đảng viên, đoàn viên, hội viên các tổ chức quần chúng, bị địch o ép, cưỡng chế di dân vào đây, bị kìm kẹp nặng nề nên đêm ngày đồng bào vẫn hướng về quê hương và cách mạng. Một số người vì sợ địch nên nằm im, nhưng một số người tích cực tìm cách móc nối với cách mạng. Đầu năm 1958, đồng chí Võ Đức Hòa (Hai Một) được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở trong dinh điền. Với danh nghĩa “thợ cưa gỗ”, đồng chí tích cực đeo bám dinh điền Vĩnh Thiện (Dak War). Đến giữa năm 1958, đồng chí Võ Đức Hòa móc nối được với đồng chí Võ Tân là đảng viên quê Quảng Nam di dân vào. Qua đồng chí Võ Tân, đồng chí Võ Đức Hòa móc nối được với một số đồng chí khác như Phan Công Có, Nguyễn Tửu, Đinh Sâm... Sau thời gian thử thách, các đồng chí tổ chức lại thành hai chi bộ, hoạt động hợp pháp ở thôn 2 và thôn 3 dinh điền Vĩnh Thiện dưới sự lãnh đạo đơn tuyến của đồng chí Võ Đức Hòa (Hai Một).

Từ khi có chi bộ bên trong, các đảng viên đã hướng dẫn Nhân dân dinh điền Vĩnh Thiện đấu tranh với địch đòi tăng thêm thời gian cung cấp lương thực, thực phẩm, v.v.. Nhân dịp tên tỉnh trưởng Phước Long đến thăm dinh điền, Nhân dân đã trực tiếp đấu tranh đòi được tự do làm kinh tế tư nhân, tên Tỉnh trưởng phải chấp nhận. Đây là cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ đầu tiên có tổ chức của đồng bào dinh điền Vĩnh Thiện. Qua đấu tranh, một số cơ sở cách mạng mới được tập hợp thêm, như gia đình ông Đinh Thân, Đinh Mới, chị Năm Thuyết...

Do thực tế tình hình lúc bấy giờ, ở hướng Phước Long, ta chủ trương luôn sâu, bí mật xây dựng cơ sở, nhen nhóm phong trào, mở rộng địa bàn hoạt động.

Ở hướng Bình Long, ta tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của các đội mũi vũ trang công tác để đưa phong trào đấu tranh lên bước mới, nhất là sau cuộc tiến công đồn Minh Thạnh gây tiếng vang mạnh mẽ lúc bấy giờ.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phong trào công nhân, đầu năm 1958, Hội nghị cán bộ được tổ chức do đồng chí Sáu Chí (còn gọi là Sáu FM) đại diện Liên Tỉnh ủy miền Đông chủ trì, phổ biến chủ trương và thành lập Đảng ủy cao su Thủ Dầu Một nhằm thống nhất sự chỉ đạo phong trào đấu tranh của công nhân cao su: Dầu Tiếng, Lai Khê, Hớn Quản, qua Phú Riêng lên Lộc Ninh, Đa Kia... Đảng ủy gồm 11 đồng chí, đồng chí Tám Cường, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được chỉ định làm Bí thư, phụ trách chung; đồng chí Bảy Nghi (Lê Sắc Nghi) làm Phó Bí thư được phân công phụ trách tuyên huấn, đào tạo cán bộ đồng thời đặc trách sở cao su Minh Thạnh và hai vùng nông thôn Minh Thạnh và Tân Thành; đồng chí Bảy Niên, Ủy viên phụ trách cao su vùng Hớn Quản; đồng chí Sáu Quyền (Ngô Tôn Quyền, còn gọi là Sáu Xu) và đồng chí Sáu Sáng, Ủy viên phụ trách vùng Lộc Ninh; nữ đồng chí Năm bị lộ ở Lộc Ninh được chuyển về hoạt động ở Lai Khê và dọc Quốc lộ 13.

Sau Hội nghị này, Huyện ủy Hớn Quản (Bình Long) cũng được tách thành hai bộ phận công tác trực thuộc Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, để chỉ đạo sát phong trào, gồm: Ban Cán sự cao su vận do đồng chí Tám Cường phụ trách, Ban Cán sự dân tộc vận do đồng chí Năm Thành (Nguyễn Khắc Thành) phụ trách.

Nhờ có sự chỉ đạo sát sao của Ban Cán sự Đảng, phong trào đấu tranh của Nhân dân Bình Long đi vào nền nếp. Các cuộc đấu tranh có sự lãnh đạo chặt chẽ, chuẩn bị chu đáo, có lực lượng dự bị, có kế hoạch vận động Nhân dân và công nhân các vùng ủng hộ và giúp đỡ.

Ngày 15/01/1958, 4.000 công nhân đồn điền Xa Trạch bắt đầu cuộc đấu tranh đòi tự do nghiệp đoàn, đòi phụ cấp đất đỏ. Một giờ sau khi cuộc đấu tranh ở Xa Trạch bắt đầu, chi bộ lãnh đạo công nhân đồn điền Quản Lợi nghỉ việc hưởng ứng. Buổi chiều tiếp theo đồn điền Xa Cam và các vùng gần đó cũng tham gia. Ba ngày sau đó có thêm 8 đồn điền khác bãi công ủng hộ cuộc đấu tranh, như Sóc Tranh, Sóc Xiêm, Sóc Trào, Sóc Gòn, An Lộc, Phú Lố, Phú Riêng. Công nhân Đà Nẵng và Liên đoàn nông dân miền Nam cũng gửi gạo, tiền ủng hộ. Ngay trong ngày bãi công đầu tiên, công nhân cao su đã làm cho bọn chủ thiệt hại trên một triệu đồng tiền miền Nam. Ngày 11/11/1958, công nhân đồn điền Bình Long bãi công 4 ngày tiếp tục phản đối khủng bố nghiệp đoàn, cuộc đấu tranh thắng lợi. Các cuộc đấu tranh lớn nhỏ liên tục đều khắp của quần chúng, có sự hoạt động vũ trang của các đội mũi công tác hỗ trợ đã

tạo ra khí thế mới. Ở các đồn điền cao su, các tổ chức quần chúng trước đây bị địch xóa bỏ (trong những năm 1956 - 1957) nay lần lượt được nhen nhóm tổ chức lại dưới hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp như Hội tương tế, Hội nhà giáo, Hội ban, Hội chùa, v.v.. Khí thế đấu tranh của quần chúng dâng lên rất cao.

Giữa lúc đó, để gây thanh thế hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng và giải quyết khó khăn về vật chất cho lực lượng vũ trang tập trung của Liên tỉnh miền Đông, đêm ngày 10 rạng ngày 11/8/1958, bộ đội của Liên tỉnh miền Đông và của Xứ ủy tấn công vào chi khu quân sự Dầu Tiếng, nơi đặt chỉ huy sở các chiến dịch Trương Tấn Bửu, Nguyễn Trãi của địch. Ta làm chủ suốt đêm, thu nhiều chiến lợi phẩm gồm cả súng đạn, thuốc men, lương thực, tiền bạc, v.v.. Khi rút quân, ta còn bắt theo tên chủ đồn điền Ăngđéclanh (Enderlin) và Vôghen (Vogel) để giáo dục, bắt chúng cam kết không được đàn áp, đánh đập công nhân.

Bị thất bại về chính trị, thua đau về quân sự qua các trận tấn công của ta ở Bến Củi (Tây Ninh), Minh Thạnh, Dầu Tiếng, Mỹ - Diệm điên cuồng khủng bố trả thù. Chúng tăng cường càn quét, chà đi xát lại nhiều nơi, truy lùng, bắt bố giam cầm bất cứ ai chúng tình nghi thân cộng mà không cần xét xử. Với khẩu hiệu “thà bắt lầm hơn bỏ sót”, từ những tháng cuối năm 1958, các cuộc “khủng bố trắng” liên tục diễn ra. Hàng trăm cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng bị chúng bắt tra tấn dã man, phơi nắng, bỏ đói, đánh đập đến tàn phế. Vụ sát hại những người kháng chiến điển hình là ngày 01/12/1958 tại nhà giam Phú Lợi. Mỹ - Diệm đã tổ chức đầu độc gần 6.000 tù nhân, hàng ngàn người chết. Trước tội ác tày trời của Mỹ - Diệm, Đảng ủy đồn điền cao su Bình Long đã cử 200 đại biểu công nhân do các đồng chí Sáu Xu, Kim Anh, Năm Thiều phụ trách kéo xuống Bình Dương đấu tranh, đến tận dinh Tỉnh trưởng đòi được thăm nạn nhân Phú Lợi (lấy lý do đòi được thăm chồng, con bị ngộ độc). Yêu sách cuộc đấu tranh tuy không được giải quyết, nhưng cùng với Nhân dân miền Nam, công nhân Bình Long đã biểu dương sức mạnh của mình, gây tiếng vang lớn. Sự kiện thăm sát ở nhà tù Phú Lợi đã thổi lên ngọn lửa căm thù của Nhân dân ta trong cả nước và thúc tỉnh lương tri hàng trăm triệu người yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới.

Sau vụ thăm sát ở nhà tù Phú Lợi, Mỹ - Diệm càng gây nhiều tội ác, đánh phá phong trào cách mạng ác liệt hơn. Tháng 3/1959, một lần nữa chúng tuyên bố “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”. Tháng 4/1959, chúng mở chiến dịch “đồng tâm diệt cộng”. Ngày 06/5/1959, chúng ban hành luật 10/59, lê máy chém đi khắp miền Nam giết hại người yêu nước, khủng bố đẫm máu khắp nông thôn, thành thị...

Giữa lúc cách mạng miền Nam đứng trước bước ngoặt lịch sử và đang trải qua thời kỳ đen tối, tháng 01/1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) Hội nghị lần thứ 15, thảo luận và ra Nghị quyết về đánh giá tình hình, xác định đường lối, phương châm cách mạng Việt Nam ở miền Nam. Nghị quyết đã chỉ rõ: “con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân... *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của Nhân dân*”¹.

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời đáp ứng được đòi hỏi của cách mạng và nguyện vọng thiết tha của cán bộ, đảng viên và Nhân dân miền Nam và Nhân dân cả nước, mở đường cho cách mạng miền Nam chuyển lên thế tiến công, bước sang giai đoạn mới. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, Đảng bộ và Nhân dân miền Nam giải tỏa được bế tắc về đường lối đấu tranh, chấm dứt thời kỳ đấu tranh chính trị đơn thuần, đẩy lên không khí mới, phấn khởi và hăng hái với khí thế mạnh mẽ, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới: Chính trị, vũ trang kết hợp bằng cả chính trị, quân sự và binh vận, vừa khẩn trương mở rộng địa bàn, xây dựng căn cứ chiến lược ở miền núi, xây dựng lực lượng vũ trang, vừa duy trì, phát triển đấu tranh chính trị, chuẩn bị cho một cuộc Đồng khởi quyết liệt...

Luật 10/59 của Mỹ - Diệm ra đời là đỉnh điểm của chính sách “tố cộng, diệt cộng”. Tuy tình hình địch đánh phá ác liệt, căng thẳng nhưng không vì thế mà phong trào đấu tranh của quần chúng bị lắng xuống. Ở Bình Long, trong năm 1959 phong trào đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ vẫn liên tục diễn ra.

Giữa năm 1959, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy miền Đông, Đảng ủy cao su Bình Long được thành lập gồm các đồng chí Tám Cường, Sáu Xu, Út Queo, Mười Báo, Tám Lên, Năm Sao, do đồng chí Tám Cường làm Bí thư. Ở Lộc Ninh, từ giữa năm 1958, các cơ sở đảng, tổ chức quần chúng hầu như bị đánh tê liệt. Đảng viên phần lớn bị bắt, số còn lại quần chúng không liên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.20, tr.82. Theo “Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân Bình Long”, thì tuy chưa được phổ biến rộng rãi, nhưng tháng 7/1959, Nghị quyết 15 của Trung ương về đến Bình Long và được Đảng ủy cao su tiến hành triển khai tại Suối Lạnh (Tân Khai). Nghị quyết 15 đã là nguồn động viên, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của toàn thể cán bộ, đảng viên... Ban vận động dân tộc thiểu số do đồng chí Năm Thành, Tư Mạo, Năm Kính, Chín Bần phụ trách gấp rút có kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang, hướng dẫn hoạt động...

hệ được. Ban Cán sự Đảng huyện Lộc Ninh tổ chức hai đội công tác len lỏi trở về địa phương nắm lại cơ sở, khôi phục phong trào. Đội công tác nông thôn do Út Nhỏ và Ba Dừa phụ trách được giao nhiệm vụ từ Minh Thạnh len lỏi bám làng, sở, phum, sóc nhen nhóm lại phong trào. Sau một thời gian cực kỳ khó khăn, móc nối được quần chúng, cơ sở đảng được khôi phục dần, tổ chức được lực lượng quần chúng nòng cốt và Chi đoàn Thanh niên... chuẩn bị tư thế bước vào cuộc đấu tranh mới.

Tháng 11/1959, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập cuộc họp các Bí thư Tỉnh ủy tại Trảng Chiên (Rùm Đuôn - Tây Ninh) để học tập quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Tiếp theo, ngày 31/01/1960, tại căn cứ Giếng Chảo, rừng An Điền (Bến Cát), Tỉnh ủy Thủ Dầu Một tổ chức Hội nghị bất thường để quán triệt Nghị quyết 15 và bàn kế hoạch Đồng khởi trong toàn tỉnh. Đồng chí Nguyễn Văn Chí đại diện Liên Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo. Hội nghị đã đánh giá tình hình và nhận định: Tuy qua đợt khủng bố trắng và nhất là Luật 10/59, Mỹ - Diệm gây cho ta nhiều tổn thất, nhưng tinh thần cách mạng của quần chúng vẫn được giữ vững, lòng tin của Nhân dân đối với Đảng không bị giảm sút. Sau khi kiểm tra lại lần cuối, Tỉnh ủy quyết định lấy ngày 25/02/1960 làm ngày Đồng khởi trong toàn tỉnh. Nơi nào không Đồng khởi được, thì các tổ vũ trang phải đẩy mạnh diệt ác, trừ gian để uy hiếp tinh thần địch, hưởng ứng phong trào chung. Tin chiến thắng của quân ta ở Tua Hai, Tây Ninh ngày 26/01/1960 đã tạo thêm làn sóng phấn khởi, thúc đẩy công tác chuẩn bị cho ngày Đồng khởi.

Từ Hội nghị của Tỉnh ủy về, Đảng ủy cao su Bình Long bắt tay ngay vào việc lãnh đạo nội bộ và Nhân dân gấp rút chuẩn bị mọi mặt để hưởng ứng và tham gia Đồng khởi. Chủ trương của Đảng ủy cao su là phát động cao độ tinh thần của quần chúng, thực hiện cho được nổi dậy đồng loạt nhằm uy hiếp địch, tạo thế cho Nhân dân đấu tranh, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, chuẩn bị cho những bước đấu tranh tiếp theo. Cơ quan chỉ đạo đặt tại Bưng Xôm (xã Minh Hòa) để theo dõi tình hình và đôn đốc thực hiện.

Đúng ngày 25/02/1960 với vũ khí ít ỏi, lực lượng vũ trang tuyên truyền đã hỗ trợ Nhân dân Bình Long nổi dậy phá kìm, diệt ác. Từ các làng đến các đồn điền cao su, Nhân dân đồng loạt đánh trống, gõ mõ, gõ thùng, rải truyền đơn, treo băng rôn, biểu ngữ, dùng ống tre nhét khí đá đốt tạo ra tiếng nổ để uy hiếp và phân tán lực lượng địch, không cho chúng tập trung phản kích. Trước sức mạnh của quần chúng, bọn dân vệ, cảnh sát địa phương tuy đông (mỗi xã có một trung đội dân vệ cùng nhiều công an, cảnh sát canh giữ) nhưng không dám khủng bố và bỏ chạy. Kết quả cuộc Đồng khởi đạt được mục tiêu ta đề ra, gây thổi động mạnh trong hàng ngũ địch. Ở các xã Minh Thạnh, Tân Khai,

đồn điền Xa Trạch, Xa Cát, ta diệt được nhiều địch, thu 50 súng và đạn được. Quần chúng phấn khởi, reo mừng: “Đảng cho ta cầm súng đánh giặc rồi!”.

Sau Đồng khởi, bộ mặt nông thôn Bình Long thay đổi hẳn. Cờ đỏ búa liềm được giương cao trong những cuộc mít tinh, họp mặt. Qua đó, cán bộ tuyên truyền giải thích đường lối cách mạng, chính sách của Đảng và vạch mặt bọn xâm lược, phản động Mỹ - Diệm.

Để bảo vệ thành quả đạt được của Đồng khởi, việc xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang được khẩn trương tiến hành. Theo lời kêu gọi của cách mạng, nhiều gia đình chuẩn bị sẵn quần áo, võng, ni lông... chờ các mũi công tác đến để đưa con em mình đi thoát ly tham gia cách mạng. Ở Hớn Quản có 50 thanh niên xung phong vào căn cứ. Các chi bộ đảng bên trong các xã đồn điền được củng cố, cơ sở quần chúng nhiều nơi phát triển. Ở Tân Khai, xây dựng thêm một chi bộ 4 đảng viên, một chi đoàn 3 đoàn viên. Ở Lợi Hưng xây dựng một chi bộ phát triển 3 đảng viên mới. Ở Lộc Ninh, phát triển đảng viên mới, thành lập chi bộ đảng ở phố chợ Lộc Ninh, 3 đảng viên do đồng chí Bảy Nguyệt làm Bí thư và đồng chí Ba Tân (tức Ba Tan), Út Nhỏ - Bí thư chi đoàn xóm Bưng mới được kết nạp. Sau khi thành lập, chi bộ đã vận động tổ chức các chi đoàn thanh niên ở các làng cao su, như làng 2, 3, 5, 11 và Cốc Rười. Các mũi công tác của các đồng chí Tư Phê, Ba Gia, Út Nhỏ, đồng chí Tảo... bám các làng sở và vùng đồng bào dân tộc thiểu số móc rập cơ sở, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ.

Địa bàn Phước Long có những đặc thù riêng. Đây là địa bàn tập trung đông đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số, cơ sở cách mạng chưa có hoặc có thì quá ít và yếu, lực lượng thoát ly quá mỏng..., nên không có phong trào Đồng khởi diễn ra đồng loạt, sôi nổi, rầm rộ như vùng đồng bằng hoặc nơi có cơ sở mạnh, mà chỉ hưởng ứng phong trào bằng tranh thủ thời cơ đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, mở mảng, mở vùng, phát triển cơ sở, xây dựng lực lượng trong quần chúng dân tộc...

Trong khi ta gây dựng được lực lượng, phát triển cơ sở và mở đường lên phía bắc, thì ở phía nam, địch xua quân mở cuộc càn quét lớn và dài ngày đánh vào vùng căn cứ cũ (Mã Đà, Bù Cháp, Lý Lịch) hòng tiêu diệt lực lượng và đánh tróc vùng căn cứ kháng chiến cũ của ta. Chúng huy động lực lượng chủ lực và địa phương hàng vạn tên càn quét trên một diện rộng, từ giáp Phú Giáo dọc theo trục lộ 14 đến cây số 22 Đồng Xoài - Bù Đăng, qua vùng Cây Gáo, Túc Trưng, Định Quán, chủ yếu là khu vực Đồng Xoài, tập trung đánh vào vùng căn cứ Mã Đà. Chúng tuyên bố “Mã Đà còn Sài Gòn mất”. Suốt 6

tháng trời, kể từ ngày 09/6/1959, Mỹ - Diệm liên tục bao vây phong tỏa. Dưới đất chúng chia ô lòng sục, trên không máy bay trinh sát quần đảo, phát loa kêu gọi “Việt cộng” và Nhân dân đầu hàng. Chúng kết hợp hoạt động quân sự với triệt để bao vây kinh tế, cắt đứt mọi đường liên lạc của ta giữa bên trong và bên ngoài, giữa phía nam và phía bắc, sử dụng mọi thủ đoạn để gom dân vào các trại tập trung, gây tình hình cực kỳ căng thẳng. Mặc dù một số dân vùng Bù Na, Tân Thuận, Bù Téch 1, Bù Téch 2, Phùng Hà... bị địch lừa hốt vào các trại tập trung ở Long Khánh, Định Quán, Gia Kiệm, nhưng Nhân dân hai xã Bù Cháp và Lý Lịch vẫn kiên cường bám trụ “một tác không đi, một ly không rời”, sát cánh cùng lực lượng cách mạng quần bám đánh địch. Thậm chí có phụ nữ trở dạ, vừa hành quân lánh địch vừa sinh con. Đồng bào không nao núng. Địch bao vây dài ngày, lực lượng cách mạng thiếu lương thực, đồng bào chỉ khu vực nhiều củ chụp trong rừng Mã Đà và hướng dẫn cách đào làm lương thực. Nguồn lương thực đó đã nuôi sống được hàng ngàn người, cả lực lượng cách mạng và Nhân dân hai xã trong 4, 5 tháng trời. Cuối cùng địch phải rút, cuộc hành quân dài ngày của chúng thất bại. Nhân dân hai xã Bù Cháp, Lý Lịch vẫn đứng vững, xứng đáng là cái nôi cách mạng của vùng này. Ngày nay cả hai xã Bù Cháp và Lý Lịch thuộc tỉnh Đồng Nai, được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau cuộc càn quét dài ngày của địch, Ban Cán sự vùng Tân Thuận - Bù Na nhanh chóng ổn định tình hình, sắp xếp lại các tổ chức cơ sở quần chúng. Đầu năm 1960, tại Nước Sông (Sóc Bu Rô)¹, ban cán sự vùng đã tổ chức Hội nghị cán bộ cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số với khoảng 50 người dự. Nội dung Hội nghị nhằm xây dựng khối đoàn kết dân tộc Thượng - Kinh, phát động tinh thần cách mạng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống địch bắt lính, bắt trâu, cưỡng quyết chống dồn dân và tổ chức người móc nối với số dân bị địch gom về Long Khánh, kêu họ trở về buôn làng cũ. Hội nghị đã cử Ban Chấp hành Mặt trận Dân tộc do ông K'Lu làm Chủ tịch, các ông Gó, Tế, Tiêng, Sơ Rúc làm Ủy viên. Sau Hội nghị, phong trào đồng bào vùng Nước Sông có chuyển biến mới. Một số thanh niên xung phong thoát ly, lập đội vũ trang tuyên truyền của vùng gồm 9 người, trong đó có Điều Ong (sau này được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân). Cuộc họp này tuy nhỏ nhưng rất quan trọng, tạo điều kiện mở rộng cơ sở tiến tới thành lập Tỉnh ủy Phước Long.

Cũng những tháng đầu năm 1960, cấp trên bổ sung một số cán bộ như các đồng chí Tư Thân, Hai Cao, Ba Thọ, Hai Hùng, Bảy Chiến, Ba Kim, Bảy Màng,

1. Theo nhân chứng Võ Đình Tuyền, còn gọi là “bàn cá rô”.

Chín Bần và hai cán bộ cấp tỉnh là đồng chí Phạm Thuận (Ba Thu), Hai Đính cùng một số lực lượng bảo vệ và quyết định tách vùng Tân Thuận khỏi Đảng bộ tỉnh Biên Hòa, thành lập Đảng bộ Phước Long trực thuộc Liên Tỉnh ủy miền Đông, hoạt động theo địa giới hành chính của địch.

Tháng 6/1960, tại căn cứ vùng suối Đak Có¹, Ban Cán sự Đảng bộ tỉnh Phước Long được thành lập. Đồng chí Phạm Thuận (Ba Thu) được cấp trên chỉ định làm Bí thư, đồng chí Ba Phú làm Phó Bí thư và đồng chí Hai Đính làm Ủy viên.

Việc thành lập Đảng bộ Phước Long có ý nghĩa rất quan trọng đối với phong trào cách mạng của tỉnh. Nhiệm vụ chủ yếu lúc bấy giờ là lãnh đạo thống nhất lực lượng, nhanh chóng mở rộng địa bàn, phát triển cơ sở, xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng trong đồng bào dân tộc thiểu số, trong các dinh điền và đồn điền cao su; xây dựng vùng căn cứ nối liền với Chiến khu Đ và tiếp tục mở đường liên lạc với Trung ương. Đồng chí Phạm Thuận (Ba Thu) phụ trách chung và trực tiếp chỉ đạo công tác mở đường, đồng chí Ba Phú phụ trách khối dân tộc, đồng chí Hai Đính phụ trách khối cao su.

Lực lượng Đảng bộ lúc đầu còn nhỏ bé, có tất cả 10 chi bộ với hơn 30 đảng viên, đa số là cán bộ, hình thành văn phòng Ban Cán sự và một số đội mũi công tác. Ban Cán sự quyết định tổ chức các K (tương đương cấp huyện). K1 (vùng Bù Đốp) do đồng chí Năm Thành làm Bí thư². K2 bao gồm các sở cao su và thị trấn Đồng Xoài do đồng chí Hai Đính làm Bí thư. K3 gồm thị trấn Bù Đăng và dinh điền Vĩnh Thiện, lúc đầu do đồng chí Võ Đức Hòa (Hai Một) làm Bí thư. K4 (vùng Đak Nhau - Bom Bo) do đồng chí Tư Quý làm Bí thư. Đồng chí Tư Quý còn được tỉnh giao nhiệm vụ tìm bắt liên lạc với cánh mở đường của đồng chí Lâm Quốc Đăng, mua lúa gạo trong dân để dự trữ cho tỉnh chuyển căn cứ về K4 và chuẩn bị cung cấp cho khách từ miền Bắc về khi con đường Nam - Bắc được khai thông.

Tháng 8/1960, Ban Cán sự tỉnh Phước Long liên lạc được với cánh mở đường, chuyển căn cứ về Bù Liên - Đăk Nhau. Đồng chí Lâm Quốc Đăng về Liên Tỉnh ủy miền Đông, đồng chí Bảy Cổ được bổ sung vào Ban Cán sự tỉnh. Tỉnh thống nhất lực lượng mở đường và lực lượng ở Biên Hòa lên hình thành các cơ quan tỉnh và thành lập Đại đội C270 (thực chất lực lượng lúc đầu chỉ có một trung đội). Địa bàn mới, cơ sở quần chúng vừa phát triển, lực lượng đông,

1. Suối Đak Có thuộc buôn Bù Có, nằm trong xã Thống Nhất huyện Bù Đăng.

2. Ở K1, lúc đầu, đồng chí Nguyễn Khắc Thành (Năm Thành) trong đoàn mở đường của đồng chí Lâm Quốc Đăng làm Bí thư. Tháng 6/1961, đồng chí Năm Thành về Bình Long, đồng chí Hai Công Chánh thay.

rất khó khăn về lương thực. Tại căn cứ Đak Liên, khẩu phần gạo mỗi ngày của mỗi cán bộ, chiến sĩ, nhân viên cơ quan chỉ được nửa lon/đầu người. Địa danh “căn cứ nửa lon” ra đời từ đây là để kỷ niệm những ngày đầu gian khổ của Phước Long.

Để phối hợp với phong trào Đồng Khởi và tạo thế hỗ trợ cho đội mũi công tác hướng Phước Long nhanh chóng mở rộng địa bàn, Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy miền Đông chủ trương đưa lực lượng lên hoạt động trên địa bàn Đồng Xoài - Bù Đăng tổ chức tấn công chi khu Đồng Xoài. Lực lượng tham gia gồm các đơn vị C200, C59, C250 do các đồng chí Tư Việt Hồng (Nguyễn Việt Hồng) làm Chỉ huy trưởng, các đồng chí Hai Phong, Hồng Sơn, Năm Hoa làm Chỉ huy phó¹. Ngày 28/01/1960, bộ đội kết hợp với lực lượng địa phương tấn công chi khu Đồng Xoài. Ngày 20/2/1960, bộ đội cùng lực lượng mở đường của đồng chí Lâm Quốc Đăng đánh chiếm kho gạo Sở Phú Riêng² và đêm ngày 28 rạng ngày 29/6/1960, tấn công vào quận lỵ Đức Phong, dinh điền Vĩnh Thiện. Bị tấn công bất ngờ, địch hốt hoảng bỏ chạy, ta diệt một số tên và thu nhiều chiến lợi phẩm, đặc biệt ta thu được kho gạo Phú Riêng 18 tấn, đã giải quyết một phần khó khăn lương thực cho lực lượng ta, phục vụ cho công tác mở đường và cứu đói cho đồng bào vùng Tân Thuận (số gạo ta dùng xe chở vào rừng nhưng bị địch truy kích phá hủy một số). Sau các trận đánh, khí thế quần chúng lên cao, thuận lợi cho các đội mũi công tác bám dân, phát triển cơ sở.

Cuối năm 1960, việc mở mảng, mở vùng ra phía bắc và tây bắc để nối liền cơ sở cách mạng giữa Đông Nam Bộ và Nam Tây Nguyên đòi hỏi rất khẩn trương. Theo yêu cầu của Tỉnh ủy Phước Long, lực lượng cơ động của Liên tỉnh miền Đông do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc) trực tiếp chỉ huy lên hoạt động hỗ trợ cho địa phương. Mục tiêu của lực lượng là tấn công vào chi khu Bù Gia Mập, nhưng vì bị lộ bí mật, nên không thực hiện được. Tuy nhiên, sự có mặt của lực lượng vũ trang đã hỗ trợ đắc lực cho phong trào. Tỉnh ủy chỉ đạo các đội mũi công tác đi sâu vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát động quần chúng đứng lên tham gia cách mạng. Ở hàng loạt buôn, sóc của đồng bào vùng sóc Bom Bo - Đak Nhau nối liền với Bù Gia Mập và Kiến Đức, các tề sóc, tề xã đã bị giải tán, ách kìm kẹp bị xóa bỏ trên một diện rộng với hơn 3.000 dân. Đồng bào hăng hái tham gia cách mạng, về sau xây dựng vùng này thành căn cứ của Tỉnh ủy Phước Long (sau này xã Đak Nhau được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

1. Về sau đồng chí Nguyễn Trọng Tâm làm Chính trị viên.

2. Có ý kiến cho rằng trận Phú Riêng ngày 20/3/1960.

Trong thời gian này, một chủ trương lớn có tính chất quyết định được triển khai. Đó là việc mở đường hành lang, lưu thông Nam - Bắc. Để thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, quyết tâm đánh thắng Mỹ - Diệm, việc mở con đường hành lang nối liền “hậu phương lớn” miền Bắc xã hội chủ nghĩa với “tiền tuyến lớn” ở miền Nam là một trong những nhiệm vụ chiến lược quan trọng và cấp bách của cả hai miền. Để đáp ứng yêu cầu trên, ở miền Bắc, ngày 15/5/1959, Bác Hồ và Bộ Chính trị quyết định thành lập Đoàn 559 (sau này là Bộ đội Trường Sơn) để đảm đương nhiệm vụ ấy. Nhưng ở cuối dãy Trường Sơn, khu vực tiếp giáp giữa Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, từ những ngày kháng chiến chống Pháp đến lúc bấy giờ vẫn còn là một vùng trắng, chưa có cơ sở cách mạng trong quần chúng. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị và của Bác Hồ, Bộ Quốc phòng và Ban Thống nhất Trung ương tổ chức Đoàn B90 ngày 25/5/1959 tại Hà Nội, gồm 25 đồng chí trong kháng chiến đã từng hoạt động ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ do đồng chí Trần Quang Sang làm Trưởng đoàn, đồng chí Phùng Đình Ấm và Phạm Lạc làm phó đoàn về miền Nam, cùng với Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk vừa gây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng, vừa xoi mở đường, bắt liên lạc với lực lượng của Xứ ủy Nam Bộ.

Ở miền Nam, tháng 9/1959, sau Hội nghị quán triệt Nghị quyết 15, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo Khu ủy miền Đông tổ chức các đoàn vũ trang công tác, vừa làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở mở rộng căn cứ địa cách mạng miền núi, vừa mở đường ra bắt liên lạc với lực lượng miền Bắc mở vào.

Đoàn thứ nhất dựa vào lực lượng C200, lúc đầu do đồng chí Hai Hồng Sơn, về sau tăng cường đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (Bảy BK) phụ trách, từ Chiến khu Đ mở ra hướng Đồng Nai Thượng (thuộc tỉnh Lâm Đồng).

Đoàn thứ hai do đồng chí Lâm Quốc Đảng chỉ huy, lực lượng chủ yếu rút từ các đơn vị C240, C250 của bộ đội Liên tỉnh miền Đông (trong đó có lực lượng Bình Xuyên ly khai) và số chiến sĩ, cán bộ biết tiếng Khmer, Xtiêng như các đồng chí Hai Sẻ, Tám, Lợi, Tư Thành Công. Đoàn nhận lệnh từ sau cuộc học tập quán triệt Nghị quyết 15 do Xứ ủy giao (tháng 9/1959) nhưng đến tháng 02/1960 mới xuất phát từ Suối Đá 1, còn gọi là suối Dênh Dênh ở Chiến khu Đ (nay thuộc xã Tân Phước, huyện Đồng Phú), vượt lộ 14, cùng lực lượng liên tỉnh tập kích Phú Riêng lấy gạo, phục vụ cho đoàn mở đường tiến qua vùng Lệ An, Bù Rạt, Đak R'láp, Đak Nhai mở về hướng biên giới.

Các đoàn mở đường đã trải qua bao gian lao vất vả, địa bàn mới lạ, không có cơ sở quần chúng, lương thực thực phẩm thiếu thốn phải dựa vào củ nân, củ chụp, rau rừng, măng để sống. Có lúc phải ăn lạt, chia nhau từng hạt muối,

đau ốm thiếu thuốc điều trị, nhất là bị bệnh sốt rét rừng hoành hành, anh em vẫn chịu đựng vượt qua. Cho đến giữa năm 1960, sau khi Ban Cán sự Đảng tỉnh Phước Long thành lập, đồng chí Bí thư Phạm Thuận (Ba Thu) chuyển căn cứ từ Nước Sông sang vùng Đak Nhau (tây Quốc lộ 14) thì bắt liên lạc được với Đoàn mở đường của đồng chí Lâm Quốc Đăng ở vùng Bù Min, Bu Rhum. Đồng chí Lâm Quốc Đăng được lệnh về lại miền Đông, giao lại toàn bộ lực lượng. Đồng chí Phạm Thuận tiếp nhận và thống nhất các lực lượng, lấy C270 (do đồng chí Ba Nhân làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Hai Hùng (mắt kiếng) làm Chính trị viên) làm nòng cốt, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự Đảng tỉnh Phước Long, tiếp tục làm nhiệm vụ mở đường.

Cùng với phương thức vừa gây dựng cơ sở vừa xoi mở đường, đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn, có lần mũi mở đường do đồng chí Mười Thuộc phụ trách bị lộ, địch tung một tiểu đoàn biệt kích lùng sục gắt gao, nên mũi mở đường phải tạm lùi về căn cứ. Cho đến ngày 04/11/1960, lúc 20 giờ theo hẹn qua điện đài, tại Km số 4 đường 14 bis (đoạn từ ngã ba Đak Song vào Gia Nghĩa), tổ vũ trang của Phước Long do đồng chí Hai Hùng (mắt kiếng) và các đồng chí Chín Châu, Bé, Chiến bắt tay liên lạc được với tổ mở đường của Đoàn B90 do đồng chí Ấm, Kính, Quai và Ama Sa phụ trách. Hai bên gặp nhau, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử mà Đảng giao cho. Từ đó, một nhánh của con đường hành lang chiến lược Bắc - Nam ở đoạn cuối Trường Sơn được khai thông¹ và đi qua Phước Long, nối liền liên lạc từ Trung ương về đến Xứ ủy Nam Bộ. Hàng vạn con em đồng bào Nam Bộ tập kết ra Bắc về lại chiến trường, các khung cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự miền Nam, Bộ Chỉ huy các quân khu thuộc Nam Bộ, các đoàn thực binh, các đơn vị chủ lực và phương tiện, khí tài - miền Bắc chi viện cho chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ những năm đầu chống Mỹ, cứu nước đều đi qua con đường này (1961-1965), góp phần đưa cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới. Con đường mòn chiến lược về sau được mang tên con đường Hồ Chí Minh, đã trở thành huyền thoại đi vào lịch sử dân tộc ta của thời kỳ chống Mỹ, cứu nước².

Tiếp theo thắng lợi Đồng khởi và khai thông con đường hành lang chiến lược Bắc - Nam nối liền hậu phương lớn với tiền tuyến lớn, ngày 20/12/1960,

1. Đoàn B90 vào đến nam Quảng Đức chia thành 2 cánh. Một cánh mở đường về hướng sông Đồng Nai. Các đồng chí Lạc, Nhường, Độ bắt liên lạc được với cánh mở đường của C200 gồm các đồng chí Tâm, Tư, Cột tại vàm sông Đak Tih - Đồng Nai Thượng vào lúc 16 giờ ngày 30/10/1960. Một cánh mở về hướng Ba Biên Giới bắt liên lạc được với Phước Long lúc 20 giờ ngày 04/11/1960.

2. Con đường được Nhà nước quyết định đặt tên là “Đường Hồ Chí Minh”.

Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đánh dấu sự kiện lịch sử trọng đại của cách mạng miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Bình Long - Phước Long nhiệt liệt chào mừng và nguyện sát cánh dưới lá cờ của Mặt trận, góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm, cứu nước chuyển sang giai đoạn mới.

*
* *

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, lịch sử cách mạng Việt Nam miền Nam trải qua bước ngoặt quan trọng. Từ cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện (đấu tranh cả quân sự, chính trị, kinh tế...) chuyển sang đấu tranh chính trị đơn thuần, đòi đối phương thi hành Hiệp định, hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước.

Mỹ - Diệm trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, thực hiện mưu đồ xâm lược của Mỹ. Chúng thẳng tay đàn áp, khủng bố Nhân dân yêu nước, tàn sát người kháng chiến cũ, sát hại đảng viên, đánh phá cách mạng miền Nam vô cùng ác liệt. Đảng bộ và Nhân dân trên địa bàn Bình Phước cùng với miền Nam trải qua thời kỳ đầy thử thách hy sinh chưa từng có. Nhưng Nhân dân một lòng tin tưởng Đảng; Đảng tin tưởng dân, dựa vào dân, Đảng bộ đã lãnh đạo Nhân dân kiên trì, nghiêm túc thực hiện đường lối đấu tranh của Đảng. Mặc dù phải gánh chịu nhiều tổn thất, hy sinh, nhưng tuyệt đại đa số đảng viên đã nêu cao tinh thần bất khuất, giữ vững khí tiết của người cộng sản.

Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng như ánh sáng soi đường cho cách mạng miền Nam, đáp ứng nguyện vọng của đảng viên, cán bộ và quần chúng, giải tỏa vướng mắc, bế tắc về phương pháp đấu tranh, đã thổi bùng lên phong trào sục sôi cách mạng. Từ chỗ giữ gìn lực lượng đã chuyển lên thế tấn công, tiến tới phong trào Đồng khởi, làm phá sản chiến lược “chiến tranh đơn phương” của địch, đưa cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

Cùng với sự kiện hình thành hệ thống lãnh đạo hai Đảng bộ Bình Long - Phước Long và khai thông đoạn cuối con đường hành lang chiến lược ở cuối dãy Trường Sơn, nối liền Trung ương với chiến trường Nam Bộ, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, càng cổ vũ Đảng bộ và Nhân dân Bình Long - Phước Long mạnh mẽ, tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn.

Chương II

XÂY DỰNG THỂ TRẬN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY (1961-1965)

I. HÌNH THÀNH THỂ TRẬN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN SAU ĐỒNG KHỞI

Phong trào Đồng khởi của Nhân dân miền Nam đã dồn dịch vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Diệm diễn ra gay gắt. Binh lính ngụy hoang mang, dao động, tinh thần chiến đấu giảm sút, tổ chức rối loạn. Dịch mất quyền kiểm soát nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Âm mưu áp đặt chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ đang đứng trước nguy cơ bị sụp đổ. Đế quốc Mỹ bị lúng túng về chiến lược, buộc phải thừa nhận thực tế ở miền Nam là: “Tình hình Nam Việt Nam hết sức nghiêm trọng” và “Vấn đề miền Nam Việt Nam không còn đơn thuần là vấn đề chính trị và tình báo, cảnh sát, mà đã trở thành vấn đề chứa nhiều nhân tố quân sự. Cuộc chiến tranh ở Việt Nam thực chất là cuộc nổi dậy, nên hướng chiến lược mới của Mỹ phải là *chống nổi dậy*”¹.

Để cứu vãn tình thế, ngay khi bước chân vào Nhà trắng, Kennơđi đã quyết định chuyển hướng chiến lược chiến tranh ở miền Nam Việt Nam từ chiến tranh đơn phương “tố cộng, diệt cộng” sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Cuộc chiến tranh này được tiến hành chủ yếu bằng quân đội tay sai với phương tiện, vũ khí do Mỹ cung cấp, cố vấn Mỹ trực tiếp huấn luyện và chỉ huy, được sự yểm trợ của không quân, hải quân Mỹ, là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới, được tiến hành trong khuôn khổ chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt” của Mỹ nhằm đánh bại phong trào cách mạng đã phát triển thành chiến tranh du kích. Để thực hiện loại chiến tranh này ở miền Nam, đế quốc Mỹ tăng cường

1. Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ.

quân đội nguy cả về số lượng và chất lượng. Chúng ra sức phát triển lực lượng quân sự địa phương như bảo an, biệt động quân, biệt kích, dân vệ. Quân đội nguy đặt dưới sự huấn luyện, điều khiển của cố vấn Mỹ và trang bị, vũ khí hiện đại của Mỹ. Đối tượng chủ yếu nhằm đánh bại lực lượng vũ trang, lực lượng du kích và hạ tầng cơ sở của cách mạng miền Nam.

Giữa năm 1961, đế quốc Mỹ thông qua kế hoạch Xtalây - Taylo nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, tiêu diệt lực lượng cách mạng miền Nam, mở đường cho việc kết thúc chiến tranh, hoàn thành mục tiêu xâm lược của chúng.

Để thực hiện mục tiêu trên, Mỹ - nguy tiến hành song song hai biện pháp: Bình định gom dân lập “ấp chiến lược”, nhằm tách lực lượng cách mạng ra khỏi Nhân dân và triển khai các cuộc hành quân càn quét, vừa tiêu diệt lực lượng cách mạng, quân giải phóng và du kích vừa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động gom dân, lập ấp chiến lược. Địch tổ chức lại chiến trường, giải tán các quân khu, chia lại lãnh thổ miền Nam theo từng vùng chiến thuật, khu chiến thuật, kiện toàn các tiểu khu (tỉnh), chi khu (quận) nhằm tạo điều kiện phục vụ cho việc càn quét, gom dân ở từng địa phương có hiệu quả hơn.

Lúc bấy giờ, địa bàn Bình Phước cùng với Thủ Dầu Một và Biên Hòa nằm trong Khu chiến thuật 31, Vùng 3 chiến thuật của địch. Chúng sử dụng lực lượng Sư đoàn 5 cùng quân địa phương liên tục mở các cuộc càn quét, bắt lính, đồn quân, xây dựng bót ở những nơi xung yếu và chiếm lại vùng nông thôn do ta làm chủ trong phong trào Đồng khởi.

Song song với hoạt động quân sự, chúng gấp rút củng cố lại mạng lưới tình báo, gián điệp, mật vụ, tề xã, tề ấp. Củng cố bộ máy chính quyền quân sự, bổ nhiệm những tên sĩ quan khét tiếng gian ác nắm giữ vị trí quan trọng¹.

Với âm mưu, thủ đoạn và lực lượng như trên, Mỹ - nguy hy vọng giành thắng lợi trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trong một thời gian ngắn.

Căn cứ vào tình hình phát triển của cách mạng miền Nam và nắm bắt được âm mưu, kế hoạch của địch, tháng 01/1961 tại Hà Nội, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta tổ chức Hội nghị để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng về phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng ở miền Nam nhằm đánh bại chiến lược

1. Ở Phước Long có Thiếu tá Mã Sinh Nhơn, ở Bình Long có tên Thiếu tá Nguyễn Thành Thông làm Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng.

“Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Hội nghị nhận định: “*Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng bắt đầu*”¹. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị vạch ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: “*đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự*” và “*ra sức xây dựng mau chóng lực lượng của ta cả về hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta*”². Bộ Chính trị cũng chỉ rõ: “*ở các vùng rừng núi lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu... Ở các vùng đồng bằng, đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự có thể ngang nhau... Ở các vùng đô thị thì lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu*”³ và tiến hành đấu tranh với địch bằng ba mũi giáp công: Chính trị, quân sự và binh vận. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, Bộ Chính trị nêu rõ việc cần thiết phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc chiến tranh cách mạng, xây dựng nhanh chóng lực lượng chính trị, lực lượng quân sự, tăng cường khối đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc giải phóng.

Ngày 15/02/1961, tại Chiến khu Đ, Trung ương Cục triệu tập Hội nghị quân sự đặc biệt để thống nhất các lực lượng vũ trang toàn miền thành “*Quân giải phóng miền Nam Việt Nam*”. Sự kiện Quân giải phóng ra đời cùng với hệ thống chỉ huy các cấp đã thúc đẩy thêm một bước phong trào đấu tranh của Nhân dân miền Nam.

Quán triệt chỉ đạo của trên, Đảng bộ và Nhân dân Bình Long - Phước Long ra sức bảo vệ thành quả đã giành được và khẩn trương củng cố, phát triển thực lực chính trị, nỗ lực xây dựng lực lượng vũ trang. Ở những vùng ta làm chủ (cả ở vùng đồn điền cao su và vùng đồng bào dân tộc thiểu số), khí thế cách mạng của Nhân dân lên rất cao, nhất là ở vùng đồn điền cao su. Được Chi bộ Đảng và cơ sở cách mạng bên trong cùng các đội mũi công tác phối hợp vận động, thanh niên tình nguyện thoát ly tham gia hoạt động cách mạng ngày càng đông. Ở Lộc Ninh, Xa Cam, Xa Trạch, Quán Lợi, Phú Riềng, Thuận Lợi, dinh điền Vĩnh Thiện, hơn 200 thanh niên tình nguyện vào bộ đội giải phóng. Lực lượng này được huấn luyện, tăng cường cho các đội mũi công tác và đội vũ trang bảo vệ cơ quan lãnh đạo tỉnh, huyện. Ở Bù Đăng, sau trận tập kích của ta, một số đồng bào di dân ở dinh điền Vĩnh Thiện đã

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, sdd, t.22, tr.153, 158-159, 158.

kéo nhau vào vùng căn cứ ở Nước Sông (Đồng Nai) lập làng chiến đấu (gọi là làng Quảng Nam). Ở Lộc Ninh (Bình Long), công tác diệt ác, trừ gian được xúc tiến mạnh mẽ. Sau vụ cơ sở mật của đồng chí Tư Phê phối hợp 9 chiến sĩ C75 tập kích vào bọn bảo an ngay trong nhà câu lạc bộ công nhân làng 1, lực lượng vũ trang đồng chí Tư Lớn diệt tên ác ôn Vĩnh ở Brêlin, cơ sở của ta (anh Hùng) diệt tên gian ác khét tiếng trong đồng bào di cư đã gây tiếng vang ở Lộc Ninh... Quân chúng cao su được tổ chức vào “Hội công nhân giải phóng” ngày càng đông, hội viên đều là cơ sở cách mạng tích cực. Mũi công tác của đồng chí Năm Hồng đã phát triển được cơ sở đảng ở xã Lộc Khánh trong đồng bào dân tộc thiểu số, làm nòng cốt lãnh đạo phong trào người Thượng. Tiêu biểu là hai đảng viên Tư Cười và Chiến Thắng.

Về củng cố cơ quan lãnh đạo của Đảng, ở Bình Long, tháng 9/1959, sau khi đồng chí Tám Cường, Bí thư Đảng ủy cao su hy sinh, Ban Chấp hành được củng cố lại, đồng chí Sáu Xu được cử làm Bí thư, Ủy viên gồm các đồng chí Mười Bào, Út Queo, Năm Cánh để tiếp tục chỉ đạo phong trào.

Đến năm 1961, đồng chí Bùi Đoàn (Ba Nghệ) Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được phân công về phụ trách Bình Long. Đến tháng 5/1961, Trung ương Cục có ý định mở rộng vùng căn cứ do Trung ương Cục trực tiếp chỉ đạo, nên quyết định sáp nhập C150 (an toàn khu của R) vào Bình Long và bổ sung cho Bình Long một số cán bộ, gồm các đồng chí Tư Mai, Tám Ba, Tư Huỳnh, Tư Hưng và một tiểu đội giao liên. Đến tháng 10/1961 thì Bình Long được trên quyết định tách khỏi Thủ Dầu Một thành tỉnh riêng theo địa giới tỉnh Bình Long của địch. Trung ương Cục quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng tỉnh Bình Long, mang mật danh số C35, căn cứ đầu tiên đóng ở Sóc Run, gồm các đồng chí: Bùi Đoàn (Ba Nghệ) làm Bí thư, đồng chí Tư Mùi làm Phó Bí thư và đồng chí Năm Thành là Ủy viên¹.

Để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh và xây dựng thực lực cách mạng, Ban Cán sự tỉnh quyết định nhập đồn điền, nông thôn lại và lập ra 3 quận, mỗi quận mang một mật danh để giữ bí mật về tổ chức, gọi là C, gồm:

- C.45 tương ứng với quận Chơn Thành của địch do đồng chí Hai Luận phụ trách, về sau đồng chí Tư Huỳnh thay.

1. Cùng với đồng chí Năm Thành (Nguyễn Khắc Thành) được điều động từ Bù Đốp về để củng cố tỉnh Bình Long, Ban Cán sự còn có một số cán bộ như đồng chí Chín Hùng, Năm Hồng, Tư Thành Công, Năm Trực, Hai Sẻ.

- C.55 tương ứng với quận Hớn Quản (bao gồm cả thị xã An Lộc) do đồng chí Năm Béo phụ trách. Sau đó, đồng chí Năm Béo về phụ trách Trưởng ban Quân sự tỉnh, đồng chí Ba Nhẫn thay.

- C.65 tương ứng quận Lộc Ninh do đồng chí Sáu Xu phụ trách.

Tháng 8/1961, Miền bổ sung cho Bình Long một số cán bộ quân sự tập kết ra Bắc vừa trở về miền Nam, gồm các đồng chí: Tô Hiến Thìn, Lê Cho, Tô Thanh Việt, Nguyễn Quang Thuởng, Lê Văn Tựu, v.v.. Đội ngũ cán bộ quân sự được tăng cường, Ban Quân sự tỉnh được thành lập, gồm các đồng chí: Ba Nghệ - Trưởng ban, các đồng chí phó ban phụ trách tham mưu: Tô Hiến Thìn và Lê Hùng, các ủy viên phụ trách chính trị và hậu cần: Lê Cho (Sáu Dư), Hai Thuởng, Hai Sinh.

Cuối 1961, Trung ương Cục điều 10 cán bộ từ Bến Tre bổ sung cho Bình Long, trong đó có các đồng chí Tám Nhất, Năm Phong... để tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào.

Do yêu cầu của tình hình, tháng 02/1962, Trung ương Cục quyết định sáp nhập C150 vào Tây Ninh, tách Bình Long khỏi Đảng bộ miền Đông, thành lập Khu 10 gồm 4 tỉnh: Bình Long, Phước Long, Lâm Đồng và Quảng Đức. Tỉnh ủy Bình Long được chính thức thành lập tại mũi “Kennodĩ”¹. Đồng chí Ba Nghệ về làm Khu ủy viên Khu 10. Đồng chí Ba Phước (Trần Quang Sang) được cử làm Bí thư, đồng chí Năm Thành (Nguyễn Khắc Thành) làm Phó Bí thư, các đồng chí Năm Béo, Ba Hùng, Tư Nam, Sáu Xu, Tư Huỳnh, Ba Nhẫn làm Ủy viên. Đồng chí Năm Béo (Lê Văn Hai) thay đồng chí Ba Nghệ làm Trưởng ban Quân sự tỉnh.

Ở các quận cũng được củng cố về mặt tổ chức. Chú trọng tăng cường các đội mũi công tác bám cơ sở, hỗ trợ phong trào².

1. Mũi “Kennodĩ” là một địa danh do các chiến sĩ Quân giải phóng đặt ra trong thời kỳ chống Mỹ, nằm ở biên giới tiếp giáp Bình Long và Campuchia. Nhìn vào bản đồ, địa hình nơi ấy có mũi nhọn, anh em gọi là mũi “Kennodĩ” lâu mãi thành địa danh.

2. Ở Hớn Quản (C55) có 3 mũi:

- Mũi hoạt động Quản Lợi, Xa Cam, Sóc Trào, thị xã Hớn Quản do đồng chí Út Queo phụ trách.

- Mũi hoạt động vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã An Khương, An Quý A, An Quý B, Phú Lố, Bình Quới do đồng chí Hai Sẻ phụ trách.

- Mũi hoạt động vùng Phú Miêng do đồng chí Mười Bào, sau là nữ đồng chí Mười Tân phụ trách.

Ở quận Chơn Thành (C45) có 7 mũi:

- Mũi hoạt động vùng Xa Trạch, Bò Com, Văn Hiên, Sóc Tranh, Sóc Lớn, Sóc Tó, Tổng Cui, Sóc Đây do đồng chí năm Thiệu phụ trách.

Các đồng chí phụ trách mũi trưởng đều là Bí thư Chi bộ Đảng của mũi đó. Mỗi mũi có từ 3 đến 8 đồng chí. Mặc dù vũ khí thiếu thốn, nhưng các mũi hoạt động rất tích cực, vừa đánh địch, vũ trang tuyên truyền hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng, vừa móc rập cơ sở xây dựng Đảng, Đoàn, các tổ chức chính trị bên trong các sở cao su, dinh điền, buôn, sóc. Ở hầu hết các vùng, các đội mũi công tác đều xây dựng được thực lực cách mạng, phát triển được đảng viên, đoàn viên. Ở Quản Lợi, các đồng chí phát triển thêm được 10 đảng viên và ở Sóc Trào phát triển được 13 đảng viên mới. Ở Chơn Thành, từ đầu năm 1961, cả huyện có 37 đảng viên, đến năm 1962 đã phát triển lên 140 đảng viên. Có nơi vừa xây dựng chi bộ bên trong vừa xây dựng chi bộ bên ngoài, như ở Tân Khai, Lợi Hưng. Có nơi, đảng viên, đoàn viên của chi bộ, chi đoàn bên trong đều là nữ¹. Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các địa phương từ Sóc Tranh, Sóc Quả đến Sóc Bù Dinh, Càlabon, các mũi vừa củng cố, vừa phát triển được 11 chi bộ với 46 đảng viên. Ở Lộc Ninh, trên cơ sở tổ chức chính trị trong quần chúng, các mũi đã phát triển được đảng viên người dân tộc thiểu số trong phum sóc, ở Lộc An, Lộc Khánh (trong đó có Điều Cưới - sau này là Huyện ủy viên), xây dựng được chi bộ ở Phước Thiện, v.v.. Nhờ có đội mũi công tác bám sát địa bàn, xây dựng cơ sở chính trị và Đảng, Đoàn làm nòng cốt bên trong, nên mặc dù địch càn quét, đánh phá gom dân, lập ấp chiến lược ác liệt,

- Mũi hoạt động vùng Xa Cát, Minh Đức, Sở Nhất do đồng chí Tám Lên phụ trách.

- Mũi hoạt động vùng Minh Hòa, sở Minh Thạnh, Sóc số 5 do đồng chí Bảy Nguyệt phụ trách (đây là mũi mạnh nhất).

- Mũi hoạt động vùng Tân Khai, Tàu Ô, dọc Quốc lộ 13 do đồng chí Năm Ân phụ trách.

- Mũi hoạt động vùng nông thôn Minh Thạnh, dinh điền Cầm Xe, Cầu Bà Và, Cây Dừng do đồng chí Chín Thu phụ trách.

- Mũi hoạt động vùng thị trấn Chơn Thành, dinh điền Đồng Hưu, Xóm Ruộng do đồng chí Một Sai phụ trách.

- Mũi hoạt động vùng Nha Bích, sóc Xà Nạp, Sóc Ứng, Sóc Ruộng do đồng chí Năm Kính phụ trách.

Ở Lộc Ninh (C65), Ban Cán sự do đồng chí Sáu Xu (Ngô Tân Quyên) làm Bí thư, cuối tháng 12/1961 được củng cố một bước. Một số cán bộ được điều động, sắp xếp lại. Đội công tác Lộc Ninh do đồng chí Út Nhỏ làm Đội trưởng, Năm Hồng làm Đội phó, chia thành 4 mũi: Mũi hoạt động ở thị trấn do Út Nhỏ (Đội trưởng) làm mũi trưởng; Mũi bắc Lộc Ninh gồm Lộc An, Lộc Hòa, Brêlin, Cốc Rươi do đồng chí Năm Trục làm mũi trưởng; Mũi hoạt động ở đông Lộc Ninh gồm Lộc Quang, Lộc Khánh do đồng chí Năm Hồng (Đội phó) làm mũi trưởng, đồng chí Ba Minh làm mũi phó (sau này đồng chí Ba Minh tăng cường cho mũi phía tây); Mũi tây Lộc Ninh hoạt động vùng Tà Tê, Cầm Giệt, Tà Thiết do đồng chí Ba Tâm làm mũi trưởng...

1. Chi bộ mật ở Tân Khai, nữ đồng chí Huỳnh Thị Chuỗi làm Bí thư và ba đảng viên đều là nữ: Trần Thị Dó, Trần Thị Ký, Năm Kiều và chi đoàn do nữ đoàn viên Trần Thị Lài làm Bí thư, hai đoàn viên là Nguyễn Thị Duyên và Lâm Thị Tuyết.

phong trào đấu tranh của Nhân dân kết hợp trong - ngoài vẫn được duy trì, giữ vững và phát triển...

Về xây dựng lực lượng vũ trang, đầu năm 1961, ngay sau khi có quyết định tách Bình Long khỏi Thủ Dầu Một, Trung ương Cục điều đồng chí Ba Nghệ về phụ trách Bình Long, đồng thời bổ sung cho Bình Long một đại đội vũ trang đầu tiên có phiên hiệu C70 (nhưng thực chất chỉ có một trung đội) do đồng chí Tám Dân, Sáu Bàng phụ trách. Đơn vị này tinh phân tán bổ sung cho các quận làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang. Khoảng tháng 10/1961, Miền bổ sung thêm một đơn vị nữa có phiên hiệu C75 (thực chất cũng chỉ có một trung đội). Khi Bình Long sáp nhập về Khu 10, địa bàn C150 cùng với C75 sáp nhập về Tây Ninh, Ban Quân sự tỉnh xin giữ lại một tiểu đội để làm nòng cốt, do đồng chí Xước phụ trách. Tiểu đội này trở thành tiên thân C75 của tỉnh về sau. Lúc đầu lực lượng ít, nhưng vừa bám đánh địch vừa tích cực vận động thu nhận tân binh huấn luyện, đến năm 1962, tỉnh xây dựng được hai trung đội độc lập: B70 - hoạt động phía tây đường 13, do đồng chí Ba Yên làm Chỉ huy trưởng (về sau là đồng chí Bảy Hùng); B75 - hoạt động phía đông đường 13, Tiểu đội trinh sát phát triển thành đơn vị trinh sát đặc công tỉnh. Tổ quân giới của tỉnh lúc đầu được phát triển thành Công trường của Tỉnh đội và tỉnh cũng xây dựng được Trường huấn luyện tân binh của Tỉnh đội ở Suối Bò do đồng chí Tô Minh Việt phụ trách.

Ngay từ lúc đầu mới thành lập, các đơn vị vũ trang B70 và B75 đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang và du kích các xã chiến đấu, hỗ trợ phong trào quần chúng diệt ác, phá kìm, đánh tiêu hao sinh lực địch, hoạt động trong điều kiện rất khó khăn, nhất là thiếu thốn về lương thực. Tỉnh quy định mỗi trung đội phải sản xuất tự túc lương thực 8 ha rẫy, lúc thời vụ phải sử dụng 2/3 lực lượng vào sản xuất, 1/3 bám địa bàn chiến đấu. Các đơn vị đã hoàn thành được nhiệm vụ đề ra.

Cùng với xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh, ở các quận (các C) bộ đội địa phương cũng được xây dựng. Mỗi quận có một trung đội vũ trang, mỗi đội công tác cũng có từ một đến hai tổ vũ trang. Ở Chơn Thành, quận có trung đội vũ trang mạnh do đồng chí Tư Xê chỉ huy và tiểu đội giao liên do đồng chí Năm Đô phụ trách, 32 thanh niên dân tộc thiểu số tổng quân (có 7 nữ) được bổ sung cho giao liên, kinh tài và lực lượng vũ trang quận.

Ở Phước Long, Đảng bộ vừa hình thành, cơ sở mới mở ra. Căn cứ tỉnh chuyển từ vùng Đồng Nai sang Đak Nhay, vừa ổn định tổ chức vừa chỉ đạo lực lượng bung ra hoạt động. Tháng 6/1961, Trung ương Cục quyết định

sáp nhập vùng bắc Kiến Đức vào Phước Long, địa bàn Phước Long kéo dài ra tận đường 14 bis của Quảng Đức. Cũng tháng 6/1961, Liên Tỉnh ủy miền Đông quyết định thành lập Tỉnh ủy Phước Long, đồng chí Phạm Thuận làm Bí thư, Ba Phú làm Phó Bí thư, đồng chí Bảy Cổ (Nguyễn Văn Thâm) làm Thường vụ, các đồng chí Hai Đình, Ba Khanh và Ba Cung (Phùng Đình Ấm) làm Ủy viên. Được trên bổ sung một số cán bộ tập kết từ miền Bắc về như Năm Tròn, Sáu Mai, Ba Thành, v.v., Tỉnh ủy quyết định củng cố Ban Quân sự. Lúc đầu, đồng chí Ba Khanh làm Trưởng ban, sau đồng chí Hai Phong thay, số cán bộ mới về phụ trách tham mưu, chính trị, hậu cần...

Ở các K (tương đương huyện) cũng có sự điều chỉnh về tổ chức. Ở K1 (Bù Đốp), đồng chí hai Công Chánh làm Bí thư (thay đồng chí Năm Thành về Bình Long). Ở K3 (Bù Đăng), đồng chí Ba Kim thay Hai Một làm Bí thư. K5 (vùng Bắc Kiến Đức) được thành lập, đồng chí Ba Cung làm Bí thư (khi Ba Cung về Ban Tuyên huấn tỉnh, đồng chí Bảy Tu (Lê Văn Tây) thay).

Năm 1961 là năm diễn ra tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch trên địa bàn Phước Long. Thực hiện nhiệm vụ trên giao, Tỉnh ủy chủ trương:

- Vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Nhanh chóng mở rộng vùng làm chủ, tập trung xây dựng cơ sở chính trị, tiến tới tổ chức chi bộ đảng, Mặt trận, du kích và lực lượng vũ trang người dân tộc thiểu số, xây dựng thành vùng căn cứ kháng chiến vững chắc.

- Xây dựng, bảo vệ và phục vụ hành lang.

- Ở vùng địch kiểm soát: Xây dựng cơ sở trong các đồn điền, dinh điền, khu tập trung, hỗ trợ quần chúng phá kìm tiến tới làm chủ từng nơi theo nhiều mức độ và hình thức.

Ở các K, các lực lượng vũ trang và đội mũi công tác triển khai thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy với tinh thần nỗ lực. Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tranh thủ những nơi địch còn sơ khoán, ta phát động quần chúng nổi dậy, xóa bỏ hệ thống chủ làng, chủ sóc, đứng lên lập các ban tự quản, tổ chức mặt trận, du kích, mở ra vùng làm chủ trên diện rộng ở nông thôn miền núi, hình thành vùng căn cứ kháng chiến liên hoàn từ vùng Ba Biên Giới¹ về đến Chiến khu Đ.

Nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ và cung cấp cho hành lang là một trong những nhiệm vụ quan trọng lúc bấy giờ. Để thống nhất chỉ huy lãnh đạo, Tỉnh ủy

1. Vùng Ba Biên Giới giáp Trung Bộ, Nam Bộ và Đông Bắc Campuchia.

quyết định thành lập C280 hành lang do đồng chí Năm Công (Nguyễn Văn Kiêm) phụ trách. Suốt năm 1961 và những năm tiếp theo, đơn vị đã tổ chức các trạm giao liên, đưa đón, bảo đảm an toàn và khai thác lúa gạo trong dân, mở cửa khẩu trên Quốc lộ 14 cung cấp cho hàng vạn cán bộ, chiến sĩ tập kết về và các khung cơ quan binh đoàn chủ lực đi trên hành lang qua Phước Long về căn cứ của Miền.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, các đội công tác đã bám sát, tích cực xây dựng cơ sở trong vùng địch kiểm soát, đã vận động, rút hàng trăm thanh niên trong các đồn điền cao su Thuận Lợi, Bù Ca, Phú Riêng và dinh điền Vĩnh Thiện để bổ sung xây dựng Đại đội 270 cơ động do các đồng chí Ba Nhân, Hai Hùng (mất kiếng) phụ trách và xây dựng C15 đặc công tỉnh. Tháng 3/1961, đội vũ trang tuyên truyền người dân tộc thiểu số gồm 9 anh em quê ở Nước Sông (Điểu Mác, Điểu Ông, Thịnh, Khâm, v.v., do anh Ba Phú và Tư Ngụ trực tiếp giúp đỡ) lên hoạt động vùng Bắc Bù Đăng đã bắt liên lạc và cảm hóa được Điểu Đích ở Đăng Lâu, chỉ huy đồn dân vệ Km81 trên Quốc lộ 14 để làm nội ứng cho ta đánh đồn. Ta nổ súng, địch bỏ chạy, ta thu 7 súng và bộ chiêng đồng¹. Điểu Đích cùng em vợ là Điểu Lốp bỏ hàng ngũ dân vệ về theo cách mạng. Trận đánh nhỏ nhưng có tác động lớn tới tình hình trong vùng. Anh em chiến sĩ dân tộc thiểu số tin tưởng tự mình có thể đánh địch bằng vũ trang kết hợp binh vận. Tỉnh ủy chủ trương vận động thanh niên dân tộc thiểu số vùng căn cứ nhập ngũ và thành lập Đại đội 290, cử đồng chí Cầm - cán bộ của Đại đội 270 sang giúp đỡ xây dựng. Đại đội 290 do Điểu Mác làm Đại đội trưởng là đại đội người dân tộc thiểu số đầu tiên của tỉnh, vừa tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số giỏi, vừa là đơn vị tác chiến tốt.

Ở các K (huyện), Tỉnh ủy chỉ đạo quan tâm xây dựng lực lượng từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội và nhiều đội mũi công tác bám sát các vùng áp chiến lược, đồn điền, dinh điền. Đội có lực lượng mạnh là Đội công tác đồn điền Thuận Lợi - 16 đội viên (trong đó có 10 đảng viên). Lúc đầu, Đội công tác này do đồng chí Chín Hàng làm Đội trưởng. Khi đồng chí Hàng hy sinh, thì đồng chí Hai Thu lên thay, đã xây dựng bên trong được hai chi bộ đảng (một ở Đồng Xoài - Nha Bích, gồm 4 đảng viên, có 1 dự bị; một ở Thuận Lợi, gồm 3 đảng viên), một chi đoàn, một tổ công đoàn giải phóng và một tổ du kích mật. Đội đã nắm và xây dựng được một trung đội thanh niên chiến đấu làm nội tuyến, kết hợp trong và ngoài diệt tên Xu Lập ác ôn, ảnh hưởng tốt đối với

1. Bộ chiêng đồng (gọi là bộ Mã La). Hiện nay, đồng chí Điểu Mác (chỉ huy trận đánh) còn cất giữ tại nhà ở xã Đak Nhau.

phong trào, thế kìm kẹp của địch bị lỏng, ban đêm ta làm chủ trong một số làng công nhân của đồn điền.

Để củng cố vững chắc căn cứ địa, tập hợp khối đoàn kết dân tộc, phát huy tiềm năng to lớn của đồng bào tham gia kháng chiến. Tháng 12/1961, Tỉnh ủy Phước Long chủ trương mở Đại hội Mặt trận dân tộc lần thứ nhất tại Đìêng Rơ Bang, trên bờ suối Đak Lung (nay là xã Đak Nhau), 250 đại biểu các già làng và nam, nữ thanh niên các buôn, sóc toàn tỉnh về dự. Qua hai ngày Đại hội, các đại biểu thảo luận sôi nổi, uống rượu cần, thề đoàn kết các tầng lớp dân tộc, động viên con em tham gia du kích, vào bộ đội, động viên đóng góp phục vụ cách mạng đánh thắng giặc Mỹ. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Mặt trận dân tộc tỉnh do ông Báp Long làm Chủ tịch (tên thật là Sân Tú), các Phó Chủ tịch là các ông Hai Ky, K'Lư, Bó Đơm Bri, Xơ Rúc, Tiêng và các ủy viên gồm các ông Tế, Gó, Beo, Móp, Mác, chị Tư Đệ và đồng chí Ba Phú làm Ủy viên thư ký kiêm thường trực Ủy ban.

Địch cũng nhận ra rằng “Phong trào đồng bào Thượng có một giá trị chiến lược quan trọng” nên chúng đề ra “Mục đích chiến lược là nắm dân. Nắm được dân là thắng, không nắm được dân là bại...”. Về phía ta, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thắng lợi của Đại hội Mặt trận dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng có ý nghĩa rất lớn về mặt chính trị và tổ chức. Sau Đại hội, phong trào đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng căn cứ phát triển mạnh mẽ, hàng loạt buôn, sóc ở K5, K4 phá bỏ các khu tập trung bưng về làng cũ làm ăn, lập làng chiến đấu chống địch. Từ các làng chiến đấu, phong trào đánh địch bằng vũ khí thô sơ, hầm chông cạm bẫy, bảo vệ sản xuất, bảo vệ buôn, sóc bùng lên mạnh mẽ. Một số cán bộ cốt cán được kết nạp vào Đảng, một số chi bộ dự bị được thành lập như Chi bộ Rơ Nga (3 đảng viên, đồng chí Bó Đơm làm Bí thư), Chi bộ Đìên Đu (3 đảng viên, đồng chí Điểu Beo làm Bí thư), Chi bộ vùng căn cứ Nước Sông (đồng chí Gó là Bí thư). Ngoài ra, có một số (3 đồng chí) đảng viên sinh hoạt đơn tuyến ở các vùng Đak Nhau, Bom Bo đã lãnh đạo quần chúng người dân tộc thiểu số rất hiệu quả.

Tóm lại, sau Đồng khởi và từ khi Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, cách mạng miền Nam ở thế tiến công mạnh mẽ, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng. Đứng trước nguy cơ sụp đổ, Mỹ - ngụy buộc phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Nhân dân miền Nam bước vào giai đoạn đấu tranh mới đầy gay go, quyết liệt. Với thế mới, lực mới và trong thế trận chung cả miền Nam, Đảng bộ và Nhân dân Bình Long - Phước Long sẵn sàng đánh bại mọi mưu mô thâm độc và hành động tàn bạo của kẻ thù.

II. KẾT HỢP 3 MŨI GIÁP CÔNG, ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁ ÂM MƯU BÌNH ĐỊNH GOM DÂN, LẬP ÁP CHIẾN LƯỢC CỦA ĐỊCH

Hốt hoảng trước phong trào Đồng khởi của Nhân dân toàn miền Nam, Mỹ - Diệm gấp rút tập trung lực lượng để vừa đối phó với ta, vừa từng bước thực hiện âm mưu gom dân, lập ấp chiến lược. Ngay từ giữa năm 1960, địch đã tăng cường sử dụng lính bảo an, dân vệ kết hợp với Sư đoàn 5 liên tục mở những cuộc càn quét sâu vào tận vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chuẩn bị cho những cuộc gom dân, hốt dân vào ấp chiến lược.

Sang năm 1961, Mỹ - ngụy triển khai và quyết thực hiện bằng được kế hoạch Xtalây - Taylo trong khuôn khổ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Ở Bình Long cũng như Phước Long, chúng đều tăng cường lực lượng, mở những cuộc hành quân gom dân, lập ấp chiến lược. Mặc dù bị quân chúng chống lại ngay từ đầu, nhưng là chiến lược có tính “quốc sách” hàng đầu, nên bằng mọi cách, mọi biện pháp địch quyết tâm thực hiện kỳ được.

Dựa vào sức mạnh dân sự, ở Bình Long bước vào năm 1961, địch tăng cường một lực lượng khá mạnh gồm 1 trung đội chủ lực, 3 đại đội bảo an, 16 trung đội dân vệ cùng với tề điệp, bộ máy kìm kẹp dày đặc, tiến hành các cuộc càn quét, gom dân. Đầu tiên chúng xây dựng các ấp chiến lược ở Tân Lập Phú, Phú Lạc, Minh Thạnh, Phú Miêng, Núi Gió, Thanh Lương, Thanh Bình, Thanh Tâm, trong đó Phú Miêng là nơi chúng xây dựng ấp chiến lược kiểu mẫu đầu tiên ở Bình Long. Đến năm 1962, địch mở diện rộng xây dựng ấp chiến lược trên toàn tỉnh, khắp các vùng ở nội ô, thị trấn, thị xã, vùng đồn điền, vùng nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tổng Cui, Phú Lố, v.v.. Tính chung cả tỉnh, số ấp chiến lược lên đến 75 ấp. Ở Phước Long, kết hợp lực lượng Sư đoàn 5 với quân địa phương, chúng liên tục càn quét vào vùng sâu để gom đồng bào dân tộc thiểu số vào xây dựng các ấp chiến lược ven thị xã, thị trấn, trên các trục lộ giao thông. Ngoài hệ thống dinh điền cũ, địch đã cưỡng bức gom dân xây dựng 25 ấp chiến lược trên trục lộ 14 từ Km22 đến Km94, trong đó có 19 buôn, sóc ở vùng sâu bị chúng bắt buộc rời bỏ rừng núi gom vào ấp chiến lược. Dinh điền Bù Na là một trong những khu ấp chiến lược kiểu mẫu ở Phước Long lúc bấy giờ.

Bị gom dân vào các ấp chiến lược thực chất là những trại giam trá hình, đồng bào sống trong cảnh cá chậu, chim lồng. Ấp lập đến đâu địch giăng đồn bót bảo an, dân vệ kìm kẹp đến đó. Ở mỗi ấp, chúng bố trí một trung đội phòng vệ dân sự, 1 trung đội thanh niên chiến đấu có trang bị vũ khí ngày đêm

canh gác, tuần tra bên trong và bên ngoài ấp. Nhiều ấp có hào sâu, rào kẽm gai, hàng rào chông, bãi mìn và hệ thống tháp canh kiểm soát nghiêm ngặt. Địch tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu cách mạng, lừa dối quần chúng về việc gom dân, lập ấp chiến lược là để bảo vệ đồng bào không bị “Việt cộng” quấy nhiễu. Chúng bắt thanh niên tập luyện quân sự, gia nhập lực lượng phòng vệ dân sự, thanh niên chiến đấu. Nhân dân trong ấp chiến lược bị kìm kẹp gắt gao, mọi quyền tự do bị tước đoạt, người Thượng không được tự do vào rừng kiếm rau, kiếm củi, công nhân không được tự do đi lại, cảnh bị tình nghi xét hỏi diễn ra hàng ngày. Ở các đồn điền, địch còn bắt công nhân phải đóng góp vật liệu, nộp lon, bàn chông để xây dựng ấp, ai không nộp thì phải nộp tiền, ai cưỡng lại thì bị chúng bắt (như ở Quản Lợi, Phú Miêng). Cuộc sống trong ấp chiến lược vô cùng ngột ngạt.

Trước tình hình trên, Tỉnh ủy Bình Long chủ trương: Phát động quần chúng nổi dậy chống phá âm mưu bình định gom dân, lập ấp chiến lược của địch bằng cả 3 mũi quân sự, chính trị và binh vận, diệt ác, trừ gian, phá ách kìm kẹp của địch, giải phóng dân...

Các C (huyện) lên kế hoạch thực hiện chủ trương của tỉnh, chỉ đạo các đội mũi công tác kết hợp chặt chẽ với lực lượng chính trị bên trong đẩy mạnh hoạt động. Tháng 01/1961, ta đã vận động hơn 4.000 công nhân các đồn điền Minh Thạnh, Xa Cát, Xa Cô 2, Trà Thanh, Xa Trạch, Phú Miêng... kéo vào thị xã An Lộc đấu tranh trực diện với Tỉnh trưởng Bình Long đòi bãi bỏ kế hoạch Xtalây - Taylo, bãi bỏ ấp chiến lược. Cuộc đấu tranh đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ các tầng lớp Nhân dân thị xã, của đồng bào dân tộc thiểu số và một số binh sĩ địch. Trước sức mạnh của quần chúng, tên Toán (Tỉnh trưởng Bình Long) phải nhận kiến nghị và hứa giải quyết yêu cầu của Nhân dân.

Phát huy khí thế của quần chúng, các lực lượng vũ trang đánh địch, hỗ trợ đồng bào diệt ác, phá lỏng thế kìm kẹp của địch, tiến tới giải phóng ấp chiến lược. Tại Lộc Ninh, từ tháng 6/1961, đơn vị vũ trang của Lộc Ninh kết hợp các đội du kích của các làng công nhân tổ chức chống càn, diệt ác, trừ gian và vũ trang tuyên truyền. Nổi nhất là trận chống càn vào giữa tháng 6/1961. Ta đột nhập vào trung tâm quận lỵ Lộc Ninh, treo cờ Mặt trận ngay giữa chợ, rải truyền đơn cảnh cáo bọn tay sai ác ôn. Sáng hôm sau, địch tập trung lực lượng càn quét vào các làng cao su. Nắm được ý đồ địch, đội vũ trang Lộc Ninh và C70 của tỉnh tổ chức phục kích chống càn. Kết quả ta diệt gọn một trung đội lính bảo an, thu 10 súng và bẻ gãy cuộc càn, hạn chế sự hung hăng gom dân, lập ấp chiến lược của địch.

Tháng 10/1961, các đội mũi công tác phối hợp với chi bộ bên trong, vận động đồng bào Minh Hòa, Minh Thạnh nổi dậy phá hết hàng rào, diệt tên ấp trưởng, giải phóng làng 2, làng 3 Minh Thạnh. Ở các nơi khác như Xa Cát, Xa Trạch, Tân Khai, Nha Bích..., được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng nổi dậy phá rã, phá lỏng bộ máy kìm kẹp của địch. Ở Xa Trạch, ta diệt 2 tên ấp trưởng, trong đó có tên Xu Tuấn khét tiếng gian ác. Ở Tân Khai, ta diệt tên hương chủ Dân và tên tay sai Nguyễn Văn Tấn. Tại Tàu Ô, ta diệt các tên ác ôn Tám Ai, Tư Đón, Bảy Hoa, Bảy Dung. Ở Nha Bích, ta diệt tên cán bộ bình định Lâm Hen và tên Cương ác ôn ở Sóc Lớn... Trên đường 13, ta liên tục phục kích và bắt được tên Đại úy Trần Văn Giàu là Dinh điền trưởng Bình - Ninh (Bình Long - Tây Ninh). Các cuộc diệt ác, trừ gian nói trên là kết quả của việc phối hợp giữa lực lượng vũ trang với cơ sở bên trong và được sự ủng hộ của lực lượng chính trị quần chúng. Sự tấn công mạnh mẽ của ta làm cho địch hốt hoảng, chúng phải bỏ một số ấp chiến lược, co cụm lại ở vùng trung tâm thị trấn, thị xã. Vùng giải phóng ta mở rộng, các ấp chiến lược còn lại ở Bình Long thì sự kìm kẹp của địch cũng nói lỏng một phần.

Tại Phước Long, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và các K, cuộc đấu tranh chống phá âm mưu bình định gom dân, lập ấp chiến lược của địch trong Nhân dân diễn ra gay gắt ngay từ đầu. Tùy theo thế địch, thế ta, mà đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều hình thức đấu tranh rất phong phú. Một số buôn, sóc đồng bào chạy vào rừng sâu, lập thế chiến đấu chống địch. Một số sóc, nửa chấp nhận vào ấp chiến lược, nửa ở nguyên làng cũ làm ăn. Số vào ấp chiến lược vẫn thường xuyên tìm cách liên lạc với đội mũi công tác, giữ mối quan hệ bên trong, bên ngoài. Giữa năm 1961, số đồng bào ở vùng Tân Thuận - Bù Na, các sóc Bu Téch 1, Bu Téch 2, Phùng Hà, Bù Tin, Bù Cho, Bù Đâu, Bù Có, Bù Mía, Bù Mười, Bù Tôm, Bù Cốtôl, Bù Lo... bị địch gom qua xây ấp "tân sinh", ấp chiến lược ở Định Quán, Gia Kiệm (Long Khánh) đã liên lạc được với số cốt cán, đảng viên không bị gom để bàn kế hoạch phá ấp chiến lược trở về rừng cũ. Đồng bào tích cực vận động số dân vệ người dân tộc thiểu số canh giữ ấp, tranh thủ được sự đồng tình của họ và chỉ trong một đêm, đồng bào đã bí mật thoát khỏi ấp chiến lược, dìu dắt nhau trở về quê cũ. Được đội mũi công tác giúp đỡ, đồng bào sơ tán về vùng Nước Sông, lập làng chiến đấu chống địch. Cuối năm 1961, được sự hỗ trợ của đội vũ trang công tác, một loạt các khu tập trung như Yôk Tung, Diên Vía, Diêng R'Hach, Đãng Lâu, Bu Lum, v.v., đã bị đồng bào phá bỏ. Mọi người kéo nhau về rừng cũ lập làng chiến đấu. Qua mấy cuộc càn quét của địch gom ra đường 10, đồng bào sóc Bom Bo 2 dưới sự lãnh đạo của các anh Điều Kroi, Điều Lên vẫn kiên cường đấu tranh, dời làng, né tránh, ở nguyên rừng cũ.

Nhờ đó, một số dân ở buôn, sóc khác bị gom vào ấp chiến lược trốn chạy về có chỗ dựa. Do đó số dân Bom Bo 2 lúc đầu chỉ 80 người sau tăng lên 150 người.

Đối với các ấp chiến lược địch đã xây dựng được, chúng kiểm soát gắt gao, ta chưa có điều kiện phá thì các đội mũi công tác bám sát xây dựng cơ sở bên trong, hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi được tự do đi lại, sản xuất làm ăn. Ở các ấp chiến lược Vĩnh Thiện 1, 2, 3, 4, Long Cơ, Bom Ría, Hòa Đồng, ta luôn có hoạt động vũ trang tuyên truyền, đột áp, móc rập xây dựng được cơ sở đảng bên trong, thành lập được 2 chi bộ đảng ở Bom Ría, Bu Gia Rá...

Để đánh một đòn phủ đầu vào ấp chiến lược và “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy trên chiến trường miền Đông, Khu ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự miền Đông quyết định đêm ngày 17/9/1961 mở trận tấn công tiêu diệt tỉnh lỵ Phước Thành, làm cho bọn cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền choáng váng, tinh thần binh lính hoang mang, dao động. Tiếng vang của chiến thắng Phước Thành ảnh hưởng lớn đối với chiến trường Nam Bộ. Nhân đà thắng lợi chung, Tỉnh ủy Bình Long chủ trương tiếp tục phát động quần chúng phá ấp chiến lược, chỉ đạo các đội mũi công tác đẩy mạnh hơn nữa mũi công tác binh vận, kết hợp với mũi chính trị vũ trang phá kìm, phá ấp, giải phóng dân.

Tình hình bấy giờ, ở một số xã, ấp như Phú Lố, Thanh Lương, An Lộc, Ấp 1 và Ấp 3 của Tân Khai, các đội công tác cùng với cơ sở bên trong đã xây dựng được nội tuyến trong hàng ngũ bảo an, dân vệ, chính quyền xã, ấp, biến lực lượng này thành du kích canh gác khi ta đột nhập ấp. Thế kìm kẹp của các ấp trên bị phá lỏng.

Cuối 1961, được cơ sở nội tuyến bên trong xã Thanh Lương, do đồng chí Nam Sao tổ chức cung cấp tin, nắm được quy luật trung đội dân vệ giữ ấp, thường ngày, cứ 4 giờ chiều là chúng tập trung chơi thể thao, đánh bóng chuyền, chủ quan không phòng bị, B70 của tỉnh kết hợp đội công tác đồng chí Tám Dần đã dùng hai xe của sở Phú Lố chở quân vào tập kích bất ngờ. Ta bắt sống phần lớn địch, chỉ một số ít chạy thoát, thu toàn bộ vũ khí. Thừa thắng, cơ sở bên trong đã phát động quần chúng nổi dậy phá ấp, bọn địch trong vùng càng hoang mang. Những tháng cuối năm 1961, nhiều đồn điền cao su ở Quán Lợi, Lộc Ninh, Xa Cát... được giải phóng. Hầu hết các sóc vùng sâu, hẻo lánh ở Lộc Ninh, Hớn Quán do ta làm chủ, sóc nào cũng có Ủy ban Cách mạng. Ở Lộc Quang, Lộc Hòa (Lộc Ninh), nhiều nơi đồng bào còn làm “rẫy cách mạng” để ủng hộ lực lượng kháng chiến, có rẫy rộng đến 6 mẫu như ở Thomo Đa, Lâm Bụt, v.v..

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh đánh bại kế hoạch Xtalây - Taylo, chống phá áp chiến lược của địch là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, lặp đi lặp lại nhiều lần và phải trải qua nhiều hy sinh, tổn thất.

Cuối năm 1961, Mỹ - Diệm đánh giá công tác bình định thời gian qua dưới các hình thức “khu trừ mật”, “áp tự vệ”, “khu dinh điền” đều không thành công. Bước vào năm 1962, chúng chủ trương đẩy mạnh chương trình bình định nông thôn trên toàn miền Nam, nâng “chiến dịch xây dựng nông thôn” thành “quốc sách áp chiến lược” và tuyên bố đạp lên dư luận để thực hiện bằng đượ¹.

Với chủ trương trên, từ đầu 1962, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng quy mô cấp sư đoàn, phối hợp giữa chủ lực và quân địa phương mở chiến dịch “Mặt trời mọc” đánh phá các tỉnh miền Đông, lấy Bến Cát làm trọng điểm. Bình Long - Phước Long nằm trong diện của chiến dịch nói trên. Địch đã tập trung quân càn quét, ráo riết thực hiện chính sách bình định nông thôn, củng cố các ấp chiến lược còn lại và gom dân xây dựng lại các ấp chiến lược đã bị quần chúng và lực lượng vũ trang ta phá banh, phá rã. Ở Bình Long, ngoài Phú Miêng là ấp chiến lược kiểu mẫu của làng công nhân cao su, chúng xây dựng thêm ấp kiểu mẫu Phú Lạc ở nông thôn vùng người Kinh và Lộc Hưng (Lộc Ninh) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trước âm mưu mới của kẻ thù, ngày 26/02/1962, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, nhận định tình hình cách mạng miền Nam như sau: “Sự chuyển hướng chiến lược mới của chúng với sự thực hiện kế hoạch Xtalây - Taylo tuy rất độc ác nguy hiểm, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn. Bộ máy chính quyền và quân đội của Diệm, công cụ chủ yếu để đàn áp cách mạng ngày càng tỏ ra hoang mang, dao động, suy yếu. Nội bộ của chính quyền Diệm và quân đội của chúng đã phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Giữa Mỹ - Diệm, mâu thuẫn cũng ngày càng phát triển”².

Từ đó Bộ Chính trị chủ trương: “*Kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự, giành và giữ vững thế chủ động, đẩy địch vào thế bị động hơn nữa, tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, ra sức phá kế hoạch Xtalây - Taylo*”³ và “*Phá áp chiến lược, phá thế kìm kẹp của địch... Đây là nhiệm vụ có tính chất cấp bách đồng thời là một nhiệm vụ lâu dài...*”⁴.

1. Quốc sách áp chiến lược đượ Diệm chính thức thông qua vào tháng 8/1962.

2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, t.23, tr.141, 146, 151.*

Tháng 5/1962, Hội nghị Trung ương Cục nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam: "... phải tăng cường đấu tranh vũ trang, kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận của quần chúng để đập tan âm mưu bình định của kẻ thù..."¹.

Quán triệt nhiệm vụ của Bộ Chính trị, chủ trương của Trung ương Cục, Khu ủy Khu 10 chỉ đạo Tỉnh ủy Bình Long và Tỉnh ủy Phước Long: Toàn Đảng bộ quyết tâm lãnh đạo quần chúng và các lực lượng vũ trang tiếp tục đẩy mạnh tiêu diệt, tiêu hao địch và đấu tranh chống địch gom dân, đánh phá áp chiến lược bằng sức mạnh tổng hợp của ba thứ quân, ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận). Coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng các đội du kích mật và cơ sở chính trị bên trong các ấp chiến lược...

Thực hiện chủ trương trên, ở Bình Long, Tỉnh ủy chỉ đạo Huyện ủy Lộc Ninh - Bù Đốp² kiên quyết chống cuộc càn quét của địch từ tháng 3/1962, không cho chúng gom công nhân cao su làng 10 và Nhân dân Brêlin, Cốc Rươi để lập 3 ấp chiến lược mới. Brêlin, Cốc Rươi có hơn phân nửa số hộ gia đình là cơ sở cách mạng nên Huyện ủy Lộc Ninh chọn hai nơi này làm điểm để tập trung chỉ đạo đánh phá áp chiến lược. Tháng 4/1962, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang huyện và du kích, đồng bào nổi dậy đốt nhà, phá banh hệ thống rào gai, bung về xóm cũ làm ăn sinh sống. Sau đó, địch lại càn quét gom dân và lập lại ấp chiến lược. Tuy ta chưa xóa được hai ấp chiến lược này, nhưng qua những cuộc đấu tranh giằng co ác liệt với địch khí thế cách mạng của quần chúng lên cao, ta tổ chức thêm được nhiều cơ sở cốt cán và thành lập được chi bộ mật, đội tự vệ mật ngay trong ấp, tích cực hướng dẫn và hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị và binh địch vận của quần chúng.

Tháng 4/1962, Hội nghị công vận đồn điền toàn miền Đông được triệu tập. Hội nghị chủ trương vận động công nhân tích cực tham gia phong trào phá áp chiến lược của địch, vận động thanh niên tòng quân giết giặc... Tháng 8/1962, Đại hội Công nhân cao su đồn điền Bình Long họp bàn triển khai những phương hướng và nhiệm vụ của Hội nghị công vận đồn điền toàn miền Đông do đồng chí Ba Phước chủ trì. Đại hội bàn sâu về phương thức tổ chức, xây dựng cơ sở, vận động phong trào đấu tranh, kết hợp lực lượng chính trị, binh vận bên trong với lực lượng vũ trang bên ngoài phá áp chiến lược. Đặc điểm của phong trào đồn điền ở Bình Long là trải qua mấy năm đấu tranh gay go,

1. Nghị quyết Trung ương Cục tháng 5/1962. Tài liệu số 7790BM. Lưu trữ tại Ban Khoa học Quân sự tỉnh Sông Bé cũ.

2. Thời kỳ này, Bù Đốp được sáp nhập vào huyện Lộc Ninh.

quyết liệt với địch nhưng tổ chức đảng và cơ sở cách mạng bên trong với lực lượng bên ngoài vẫn giữ vững, nhờ đó phong trào đấu tranh và lực lượng chính trị, vũ trang vẫn tồn tại và phát triển trong mọi tình huống.

Để xây dựng, củng cố và đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chỗ dựa của lực lượng cách mạng Bình Long, tháng 8/1962, Tỉnh ủy chủ trương mở Đại hội Dân tộc toàn Bình Long do đồng chí Năm Thành và Hai Sẻ thay mặt Tỉnh ủy chủ trì. Khoảng hơn 100 đại biểu của các ấp, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số về dự. Đại hội biểu dương thành quả đấu tranh đã đạt được và sôi nổi thảo luận tình hình, nhiệm vụ, nội dung chủ yếu xoay quanh các vấn đề về quán triệt quyết tâm đánh Mỹ, vấn đề đoàn kết dân tộc kháng chiến, cứu nước, vấn đề xây dựng làng, xã chiến đấu, đấu tranh chống bắt lính, chống gom dân, lập ấp chiến lược, vận động thanh niên tòng quân, xây dựng lực lượng.

Trước sự càn quét gom dân, thực hiện “quốc sách ấp chiến lược” của kẻ thù, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Đại hội Công nhân cao su đồn điền Bình Long và Đại hội Dân tộc toàn Bình Long đã vạch ra phương hướng mới phù hợp với sự thay đổi chiến lược của địch, tạo ra bước phát triển mới của tình hình. Những cuộc đấu tranh đòi bảo vệ quyền lợi, bảo vệ cuộc sống hằng ngày, chống đi sâu, chống đóng góp, vợ vét, bóc lột, chống bắt lính, tập quân sự, v.v., tuy quy mô không lớn, nhưng được các chi bộ và cơ sở bên trong lãnh đạo, hướng dẫn và liên tục diễn ra trong các đồn điền, buộc địch phải luôn bị động đối phó. Phong trào đấu tranh của đồng bào ở các xã dân tộc chống gom dân, lập ấp, chống bán phá bừa bãi vào nương rẫy, đòi tự do đi lại sản xuất cũng phát triển mạnh. Nổi bật là phong trào của đồng bào xã Sóc Tó, cho đến cuối năm 1963 vẫn kiên quyết đấu tranh không chịu vào ấp chiến lược. Đầu năm 1963, Mỹ - Diệm đã dùng bom xăng, bom miếng hủy diệt Sóc Tó làm tắt cả nhà cửa, tài sản bị cháy sạch, giết hại gần 50 người, buộc đồng bào phải vào các ấp Tổng Cui, Đồng Phát, Ấp 23. Ta tổ chức 200 phụ nữ dân tộc thiểu số, có cơ sở làm nòng cốt, kéo lên gặp Quận trưởng Hớn Quản đòi bồi thường thiệt hại về nhà cửa, tài sản và nhân mạng. Địch phải chấp nhận yêu sách. Ở Hớn Quản, Chơn Thành cũng như ở Lộc Ninh, địch càn quét ác liệt, đồng bào bị gom vào ấp chiến lược, các đội mũi công tác vẫn bám sát, kết hợp với cơ sở bên trong vận động, đồng bào liên tục đấu tranh đòi trở về làng cũ, đòi bung ra sản xuất làm ăn. Ở nhiều ấp, địch phải làm đi làm lại nhiều lần vì bị đồng bào nhỏ rào, tự đốt nhà, phá ấp như ở Tân Khai, Lộc An, làng 9, v.v.. Mặc dù bị gom vào ấp chiến lược, bị kiểm tra nghiêm ngặt, nhưng Nhân dân vẫn tìm mọi cách ngụy trang che mắt địch để liên lạc và tiếp tế cho cách mạng từ hạt

muối, bát gạo, viên thuốc... Có những chị phụ nữ độn bụng giả có bầu, pha muối vào nước đựng trong can nhựa mang ra lô cao su cho bộ đội, hoặc bỏ gạo, thực phẩm vào thùng đại liên đem giấu ngoài rừng, hẹn cho cán bộ cách mạng đến lấy... Nhờ đó, tuy địch gây cho ta nhiều khó khăn, nhưng cơ sở, phong trào vẫn được giữ vững và phát triển.

Ở Phước Long, sau các cuộc họp rút kinh nghiệm chống chính sách bình định, Tỉnh ủy chỉ đạo cán bộ các K đi sát đội mũi công tác ở vùng xung yếu, bám sát áp chiến lược, đồn điền, dinh điền, tích cực xây dựng cơ sở cách mạng bên trong như chính trị, binh vận, kinh tế hậu cần, xây dựng chi bộ và du kích mật trong các ấp chiến lược. Ở Bù Đăng, ngoài nhiệm vụ xây dựng 5 xã vùng căn cứ kháng chiến vững chắc, ta còn tổ chức 4 đội vũ trang tuyên truyền phụ trách hoạt động trên khu vực 4X (từ X1-X4) gồm 37 xóm vùng tranh chấp. Đến năm 1963, X nào cũng xây dựng được chi bộ đảng (mỗi chi bộ từ 4 đến 10 đảng viên). Ở các ấp Bù Đăng, Srây 1, 2, Bù Lố, Đãng Gơ, nhờ có cơ sở bên trong, nhất là có đảng viên người dân tộc thiểu số làm nòng cốt, phong trào diệt ác, trừ gian phát triển mạnh. Những tên ác ôn khét tiếng như tổng Khắc, tổng Xarây, xã Tôn, xã Dân nhiều lần được các đội công tác X1, X2 gặp gỡ giáo dục đã từng bước giác ngộ và tổ chức ăn thề, hứa hẹn với cán bộ. Thế kìm kẹp của địch bị nổi lỏng. Tháng 8/1963, đội công tác của đồng chí Bảy Lê phối hợp với bộ đội K58 đột áp chiến lược Bu B'Lanh giữa ban ngày, diệt tên tổng K'Lang - Quận phó quận Kiến Đức¹ gây tác động lớn, làm dao động hệ thống kìm kẹp của địch trên một vùng rộng từ Kiến Đức đến Bù Đăng.

Tháng 10/1962, Bộ Chính trị họp bàn về công tác trước mắt của cách mạng miền Nam, đã nhận định: “Sau một năm kiên quyết chống lại sự can thiệp vũ trang và loại “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, chống kế hoạch khủng bố càn quét đẫm máu của Mỹ - Diệm, *phong trào cách mạng miền Nam đã trải qua những thử thách và những khó khăn mới, có nơi có lúc có bị động, lúng túng, nhưng vẫn bảo tồn và phát triển được lực lượng, đã gây cho địch nhiều thiệt hại hơn và đã giành thêm được những thắng lợi mới...* Thực tiễn của những thắng lợi đó chứng tỏ ta có khả năng giữ vững và phát triển được phong trào, giữ vững và mở rộng được vùng giải phóng, chứng tỏ ta có thể phá được chính sách lập ấp chiến lược và làm thất bại chiến thuật biệt kích bằng trực thăng vận của địch”². Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới: “*Động viên chính trị toàn dân, tiến hành một cuộc chiến tranh toàn diện và trường kỳ, hết sức mở rộng*

1. Lúc này Kiến Đức sáp nhập vào Phước Long.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, t.23, tr.814-815.*

lực lượng quân sự và chính trị, phát động du kích chiến tranh rộng khắp tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh bại kế hoạch lập ấp chiến lược của địch, trước mắt làm thất bại kế hoạch tấn công của địch trong năm 1963...¹.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị, được sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Khu ủy Khu 10, Tỉnh ủy Bình Long - Phước Long tổ chức Hội nghị cấp ủy các K và các đội công tác rút kinh nghiệm, đẩy mạnh hơn nữa công tác binh vận. Ở Bình Long, hầu hết các ấp chiến lược của địch đều có cơ sở chính trị bên trong của ta, một số nơi đã có chi bộ đảng nên khá thuận lợi cho việc phát triển lực lượng và tấn công binh vận như Tân Khai, Phú Lố, Lợi Hưng, v.v., nay tiếp tục được mở rộng, xây dựng thêm được nhiều cơ sở nội tuyến phục vụ cho công tác địch tình và tạo thời cơ, tham gia đánh phá ấp chiến lược. Ở Lộc Ninh, đội công tác của đồng chí Ba Minh ở mảng Lộc Hòa xây dựng được rất nhiều cơ sở nội tuyến trong binh sĩ ở đồn Lộc Bình, nên hạn chế được sự hung hăng của tên Đồn trưởng và có lợi cho hoạt động của ta. Đội công tác của đồng chí Năm Trục đã giáo dục được đơn vị lính dân vệ đồn Tích Thiện tích cực ủng hộ ta, đánh lạc hướng khi địch cần vào căn cứ... Ở Phước Long, Đội công tác Đồng Xoài xây dựng được cơ sở binh vận ở xã Đồng Tiến, móc nối với số sĩ quan địch trong chi khu Đồng Xoài, như tiểu đoàn trưởng biệt động quân và trung đội trưởng nghĩa quân Tám Cọp, để nắm tình hình. Thông qua cơ sở bên trong đội công tác nắm được trung đội dân vệ ở làng 2, Thuận Lợi và xây dựng cơ sở mật ở Thuận Hòa. Đến năm 1963, dựa vào nội tuyến ta đã phát động trung đội dân vệ làng 2 nổi dậy, gom súng theo cách mạng. Một số tình nguyện vào Quân giải phóng, sau này trở thành cán bộ chiến đấu dũng cảm như Hoàng Cháy, Mười Kỳ, Hoàng Mai, Bảy Phụng. Năm 1964, tổ du kích mật hiệp đồng với đội công tác đột áp ban ngày thu 7 súng, 12 lựu đạn của thanh niên chiến đấu...

Vừa tấn công phía trước, vừa củng cố phía sau, vùng 6 xã căn cứ kháng chiến giáp sông Đồng Nai được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy, Khu 10, K59, đã liên tục phát động quần chúng xây dựng làng, xã chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất và xây dựng lực lượng cách mạng. Hầu hết ở 6 xã đều có ủy ban tự quản, có các đoàn thể Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ giải phóng và dân quân du kích ngày càng được củng cố. Về xây dựng Đảng, ở 6 xã Đồng Nai Thượng có 77 đảng viên và 43 đoàn viên². Tinh thần chiến đấu của Nhân dân rất cao,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd*, t.23, tr.822.

2. Theo *Quân dân du kích xã Đồng Nai Thượng anh hùng*, Đảng bộ xã Đồng Nai, tháng 12/1997, vùng Đồng Nai Thượng có 7 xã với 86 đảng viên, mỗi xã có chi đoàn (tư liệu do đồng chí Hai Tuyển cung cấp).

sẵn sàng đánh địch bảo vệ hành lang. Năm 1963, địch càn vào tập kích trạm hành lang. Du kích ở đây đã kết hợp hầm chông bố phòng chặn địch, gây cho chúng một số thiệt hại¹.

Ở vùng căn cứ tỉnh Phước Long, đi đôi với phát động quần chúng, xây dựng làng chiến đấu và thực lực cách mạng Đảng, Đoàn..., Tỉnh ủy chỉ đạo các K quan tâm xây dựng các mặt về văn hóa, kinh tế, xã hội. Mở các lớp đào tạo nữ cứu thương và tổ chức đội văn nghệ dân tộc thiểu số để phục vụ cho đồng bào. Tỉnh ra tờ tin *Sông Bé*, tổ chức phiên âm và dạy thí điểm chữ Mnông - Xtiêng². Năm 1961-1962, sản xuất được mùa, mỗi nhà chỉ giữ lại một phần lương thực cho gia đình, số còn lại đồng bào đóng góp và bán cho cách mạng để nuôi bộ đội, cung cấp cho hành lang. Năm 1962, lực lượng của ta đi trên hành lang ngày càng đông, sự đóng góp của đồng bào vùng căn cứ là rất lớn.

Giữa năm 1962, địch càn quét đánh trúng căn cứ Tỉnh ủy Phước Long, các đồng chí Mười Thuộc và Mười Quang hy sinh. Tiếp theo, địch đánh vào căn cứ C280 - hành lang và vùng rẫy sản xuất của K5, gây tình hình căng thẳng trong căn cứ. Tỉnh ủy và K ủy kịp thời củng cố, ổn định. Để hỗ trợ cho phong trào, cuối năm 1962, một tiểu đoàn của Trung đoàn 2 chủ lực miền do đồng chí Mười Cộng chỉ huy, từ Chiến khu Đ lên phối hợp với lực lượng tỉnh Phước Long tấn công đồn Bu Prăng. Kết quả, ta chiếm được đồn, thu vũ khí, bắt tù binh (có tên Đồn trưởng), nhưng ta cũng chịu thiệt hại nặng nề (gần 20 đồng chí hy sinh, có Tiểu đội của Phước Long hy sinh gần hết và hơn 20 đồng chí bị thương). Trận đánh đạt kết quả thấp, ta tổn thất nặng, nhưng lại gây được tiếng vang lớn. Lần đầu tiên ở vùng này có trận công đồn. Phong trào đồng bào vùng căn cứ, vùng áp chiến lược đều lên cao, đặc biệt, làng Bu Rơ Nga là làng đầu tiên có chi bộ lãnh đạo, có rất đông người đã đi dân công phục vụ hỏa tuyến.

Đầu năm 1963, Tỉnh ủy Phước Long có những thay đổi. Đồng chí Phạm Thuận về làm Khu ủy viên Khu 10, đồng chí Bảy Cổ là quyền Bí thư. Sau đó Khu 10 điều động đồng chí Đỗ Văn Nướng (Tư Nguyễn) từ Lâm Đồng về

1. Từ 1963 về trước, K59 trực thuộc K10. Các xã căn cứ kháng chiến vùng này sau thuộc Bù Đăng và giữ vững đến miền Nam hoàn toàn giải phóng, được thống nhất lại thành xã Đồng Nai Thượng (1977) và được Nhà nước tặng danh hiệu Xã Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 19/12/1981, Quốc hội quyết định xã Đồng Nai Thượng sáp nhập vào huyện Đạ Hoai, Lâm Đồng. Đến ngày 9/4/1986, xã Đồng Nai Thượng chính thức được Quốc hội quyết định sáp nhập vào huyện Cát Tiên thuộc tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

2. Đồng chí Ba Cung - Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy phiên âm tiếng Mnông - Xtiêng ra chữ Quốc ngữ. Tỉnh mở một lớp nội trú thí điểm dạy cho 20 em học sinh dân tộc thiểu số.

thay đồng chí Bảy Cổ làm Bí thư. Đồng chí Hai Đình, Ba Cung và Bảy Kính là Ủy viên Thường vụ, đồng chí hai Phong, Bảy Chiến vào Tỉnh ủy (đồng chí Bảy Cổ từ trần vào mùa mưa 1963).

Tỉnh ủy lúc này dời căn cứ về đóng ở Đak La sông Đak Huýt giáp biên giới Campuchia. Tỉnh chủ trương sáp nhập K1, K2 và K7 thành K127, phạm vi hoạt động từ Bù Đốp, Phước Bình đến Đồng Xoài, do đồng chí Bảy Kính làm Bí thư. Giữa tháng 6/1962, tỉnh tách K5 cũ lập thêm K8, mục đích mở đường hành lang phía bên kia biên giới. Đầu tháng 3/1963, ta tạm ngưng mở đường, K8 nhập trở lại K5 thành K58, do đồng chí Ba Cung là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy kiêm Bí thư.

Để tăng cường khối đoàn kết và đẩy mạnh phong trào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tháng 02/1963 tại Bù Du Nga, vùng sông Đak Huýt, Đại hội Mặt trận dân tộc tỉnh Phước Long lần thứ II được triệu tập, khoảng 300 đại biểu tham dự. Qua hai ngày làm việc Đại hội đã kiểm điểm công tác năm 1961-1962, đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ năm 1963-1964 là tập trung xây dựng vững chắc vùng căn cứ về mọi mặt. Đại hội bầu lại Ban Chấp hành, ông Báp Long tái đắc cử Chủ tịch, đồng chí Ba Phú làm Phó Chủ tịch Thường trực.

Đến năm 1963, với thắng lợi của Ấp Bắc, Nhân dân và lực lượng vũ trang Mỹ Tho đã đánh bại chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận” của địch. Ngày 01/3/1963, Trung ương Cục phát động phong trào “Thi đua với Ấp Bắc, giết giặc lập công” trong toàn Miền, nhằm đánh bại quân ngụy và phá “quốc sách áp chiến lược” của địch. Hưởng ứng phong trào thi đua do Trung ương Cục phát động, các Tỉnh ủy Bình Long và Phước Long đã lãnh đạo Nhân dân và lực lượng vũ trang đẩy lên phong trào đánh địch và phá áp chiến lược.

Ở Phước Long, đầu năm 1963, Đại đội 270 cùng với đơn vị trinh sát của Khu 10 phục kích một đơn vị ngụy càn quét, dùng xe ủi đất phá địa hình nhằm thành lập một điểm áp chiến lược mới ở Bù Xay, diệt 10 tên, thu 5 súng. Địch hoảng sợ bỏ chạy. Đến giữa năm 1963, các lực lượng vũ trang phối hợp với đồng bào phá các áp chiến lược Đak Ổ, Đak Sơn 1, Đak Sơn 2, Bù Xia, Phú Văn, hệ thống kìm kẹp của chúng bị phá hỏng. Ở ấp Bom Ria, phát huy thắng lợi trận chống địch càn quét gom dân của lực lượng vũ trang K19, đồng bào đã tự đốt nhà trong áp chiến lược, bung về làng cũ.

Giữa năm 1963, để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng, C270 của Phước Long phối hợp lực lượng vũ trang K127 phục kích đánh hai xe biệt kích địch trên đoạn đường Đa Kia đi Bù Đốp, gần cầu Sông Bé. Xe địch lọt vào trận địa, ta nổ súng diệt xe đi đầu, địch trên xe thứ 2 tổ chức phản kích,

ta tiếp tục chiến đấu, diệt 35 tên địch (có 1 tên Mỹ), thu 10 súng. Đồng chí Ba Nhân, người chỉ huy đã gắn bó với đơn vị từ những ngày mở đường lên chiến trường Phước Long, đã anh dũng hy sinh cùng 4 đồng chí khác. Giải quyết xong hậu quả chiến trường, quân ta rút về tạm nghỉ ở Sóc Nê. Đại bộ phận đi lấy gạo, chỉ còn số ít ở lại bảo vệ thương binh. Bị địch tập kích bất ngờ, ta chống trả quyết liệt diệt 12 tên địch, ta hy sinh 2 đồng chí. Trong trận này, đồng chí Điều Ông một mình với khẩu trung liên đã kiên cường chiến đấu, chặn đứng nhiều đợt xung phong của địch, tạo điều kiện cho đồng đội di chuyển thương binh an toàn. Năm 1974, đồng chí được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng chí là lớp chiến sĩ dân tộc thiểu số đầu tiên của Phước Long.

Tháng 11/1963, lực lượng vũ trang tỉnh Phước Long cùng với lực lượng K4 và đội mũi công tác đột nhập vào ấp chiến lược Đak Ô, kết hợp với cơ sở bên trong để phát động quần chúng phá toàn bộ ấp chiến lược. Ấp chiến lược Đak Ô được giải phóng, đồng bào bung về làng cũ, căn cứ ta được mở rộng.

Những tháng đầu năm 1963, Bình Long có một vài thay đổi trong bộ máy lãnh đạo. Cuối tháng 12/1962, Bộ Chỉ huy Miền điều động đồng chí Nguyễn Soái về phụ trách Chỉ huy trưởng Ban Quân sự thay đồng chí Năm Béo. Tháng 6/1963, Trung ương Cục điều động đồng chí Ba Nghệ trở lại Bình Long làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Ba Phước làm Phó Bí thư, đồng chí Năm Thành là Ủy viên Thường vụ, các Tỉnh ủy viên khác gồm đồng chí Năm Béo, Ba Hùng, Tư Nam.

Rút kinh nghiệm hoạt động của thời gian trước, từ đầu năm 1963, Tỉnh ủy phân công cán bộ lãnh đạo chủ chốt bám từng địa bàn để củng cố các đội mũi công tác và chỉ đạo các lực lượng phối hợp với Nhân dân chặt chẽ trong chống phá ấp chiến lược. Một cuộc hội nghị chuyên đề về phát huy ba mũi giáp công đánh phá ấp chiến lược được tổ chức tại Suối Bò để triển khai cụ thể về Nghị quyết đánh phá ấp chiến lược của tỉnh. Song song với các mũi vũ trang đã được thành lập từ trước, một đoàn công tác An Lợi thuộc C45 (Chơn Thành) ra đời, gồm 30 thành viên do đồng chí Sáu Ít làm Trưởng đoàn phụ trách một cụm xã (An Ninh, Anh Thạnh, An Lợi). Các đội này đã xây dựng được cơ sở trung kiên trong đồng bào dân tộc thiểu số để làm nòng cốt cho việc vận động quần chúng phá ấp chiến lược, đặc biệt có đồng chí Ba Lùn là người đảng viên dân tộc rất kiên cường dũng cảm.

Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 3/1963, Bình Long mở đầu đợt đánh phá ấp chiến lược. Lực lượng B75 của tỉnh phối hợp với đội vũ trang của C45 (Chơn Thành) và du kích xã Lợi Hưng, tiến công đồn Lợi Hưng do một

trung đội bảo an đóng giữ, phối hợp với Nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược Sóc Xuê. Trung đội bảo an của địch bị tan rã. Sau đó, quân tiếp viện của địch từ tỉnh đến, ta tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng. Trận đánh tuy không thành công như kế hoạch đề ra, nhưng có tiếng vang lớn, đã làm cho hệ thống tề xã, ấp và bọn ngụ quân hoang mang, dao động, quần chúng phấn khởi. Sau trận này, ta rút được một số thanh niên bổ sung lực lượng vũ trang. Cũng trong tháng 3/1963, lực lượng vũ trang Bình Long phục kích trên đường 13 (khoảng dưới Tàu Ô) đánh thiệt hại tiểu đoàn ngụ đi càn, diệt tại chỗ nhiều tên, thu nhiều vũ khí đạn dược, bắt sống được tên Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thanh Tuyên.

Tiếp theo các trận đánh trên, phát huy thắng lợi, quân dân Bình Long liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào ấp chiến lược. Có ấp có cơ sở bên trong, cũng có ấp chưa có cơ sở phải dùng lực lượng vũ trang đánh vào, rồi phát động quần chúng phá ấp. Có ấp bị ta phá đi phá lại nhiều lần, có ấp bị ta đánh cả ban đêm và đánh cả ban ngày làm cho bộ máy kìm kẹp rệu rã. Lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với đội mũi phá rã khu vực Phú Lố, làng 7, làng 8, làng 6, mảng phía tây Bình Long. Ở đây, ấp Phú Lạc là ấp kiên cố, lực lượng vũ trang phải dùng B40 mở rào, đánh bọn địch canh giữ hỗ trợ đồng bào phá banh ấp, bung ra làm ăn. Đến giữa năm 1963, mặc dù địch ra sức xây dựng, củng cố nhưng hệ thống ấp chiến lược ở Bình Long đã bắt đầu xộc xệch. Ta tổ chức được nhiều cơ sở mật bên trong ấp chiến lược và một số cơ sở nội tuyến trong binh lính địch. Nhờ vậy mà trong nhiều ấp chiến lược ta vẫn ra vào được thường xuyên để hoạt động mua lương thực, thực phẩm, thuốc men chuyển ra vùng căn cứ. Ở các đồn điền cao su, công nhân cũng liên tục đấu tranh đòi chủ can thiệp với ngụ quân, ngụ quyền để công nhân được đi sớm, về muộn, v.v..

Trong khi đó ở Lộc Ninh, phong trào chống phá ấp chiến lược vẫn liên tục diễn ra khắp nơi. Về phía địch, chúng cũng quyết tâm tập trung lực lượng thực hiện âm mưu bình định gom dân, xây dựng và củng cố lại hệ thống ấp chiến lược đã bị phá rã từ năm 1962. Brêlin và Cốc Rười là hai ấp chiến lược có vị trí quan trọng nằm trên trục đường giao thông 14A nối liền Lộc Ninh với Bù Đốp nên địch quyết tâm xây dựng cho kỳ được. Trước sự chống phá quyết liệt của quân và dân Lộc Ninh, mãi đến tháng 4/1963, chúng mới xây dựng được hai ấp trên. Về phía ta, Tỉnh ủy Bình Long cũng tiếp tục chỉ đạo cho Lộc Ninh ra sức phá tan cho được hai ấp chiến lược Brêlin, Cốc Rười, nên cuộc đấu tranh giữa ta và địch ở đây diễn ra liên tục và khá quyết liệt. Ngoài ra còn nhiều ấp chiến lược khác ở Lộc Ninh nằm trên các trục lộ giao thông, hoặc các làng công nhân đang còn bị địch kìm kẹp nặng nề, khắc nghiệt,

các đội mũi công tác tiếp tục bám sát xây dựng cơ sở bên trong. Đồng chí Tư Cươi - đảng viên người dân tộc thiểu số, đội viên đội công tác Lộc Tấn đã cải trang vào cùng sống với dân trong ấp chiến lược để gây dựng cơ sở mặt bên trong và lãnh đạo Nhân dân đấu tranh chống phá ấp. Các đội mũi công tác đẩy mạnh công tác binh vận, xây dựng cơ sở nội tuyến ở đồn Tích Thiện, Lộc Bình. Đồng chí Năm Hồng đã vận động được Lâm Côm và Lâm Khanh là hai ngụy binh người Khmer mang 2 súng tôm-xông ra nộp cho cách mạng. Cuộc đấu tranh chống địch xây dựng ấp chiến lược ở Brêlin và Cốc Rươi và làng 10 vẫn tiếp tục, bộ đội huyện phối hợp với du kích liên tục chặn đánh bọn địch bảo vệ xe ủi đất, tiêu hao nhiều địch. Cuối năm 1963, địch thất bại hoàn toàn, không gom dân, lập ấp chiến lược được ở khu vực này. Một mảng phía tây Quốc lộ 14A và đông Quốc lộ 13 từ Brêlin đến ngã ba Cầu Trắng đã được giải phóng. Ngày 19/10/1963, Sư đoàn 5 ngụy dùng trực thăng đổ quân xuống Lộc Tấn nhằm mở cuộc càn quét hỗ trợ cho bọn địch ở ấp chiến lược. Bộ đội địa phương và du kích Lộc Ninh phối hợp với lực lượng tỉnh về tăng cường đánh bại cuộc hành quân của địch, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, bắn rơi 4 máy bay.

Để đẩy mạnh phong trào phá ấp chiến lược, tháng 10/1963, Tỉnh ủy Bình Long họp đánh giá tình hình, rút kinh nghiệm phong trào vừa qua, đã chủ trương tập trung chỉ đạo và lực lượng phá ấp chiến lược kiểu mẫu Phú Miêng. Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, đồng bào Phú Miêng đã nổi dậy phá banh ấp chiến lược, diệt 4 tên địch, thu 4 súng. Ấp chiến lược kiểu mẫu Phú Miêng được địch đầu tư xây dựng mấy năm trời đã bị quần chúng phá banh. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng đối với Bình Long. Tiếp đó, ngày 18/10/1963, được lực lượng Miền phối hợp, lực lượng ta đã tấn công bót Cây Trường do lực lượng bảo an đóng giữ, nằm án ngữ trên trục lộ 13 kìm kẹp Nhân dân, khống chế các dinh điền Cái Sắn, Cầm Xe, Suối Cạn, Văn Hiên. Ta diệt gọn địch, thu toàn bộ vũ khí. Trong trận này xuất hiện tấm gương dũng cảm hy sinh của liệt sỹ Trừ Văn Thố. Anh đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai để đồng đội xung phong diệt địch. Thương tiếc và ca ngợi đồng chí, Quân giải phóng gọi đồng chí là “Phan Đình Giót miền Nam”. Đồng chí được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau chiến thắng Cây Trường, bọn địch trong các ấp chiến lược gần đó hoang mang, một số ra đào ngũ, một số khác co lại không dám bung ra hoạt động như trước. Các đội mũi công tác có điều kiện thuận lợi tổ chức đột nhập vào ấp, xây dựng cơ sở, vũ trang tuyên truyền, vận động thanh niên tòng quân, phát động quần chúng đòi về xóm làng cũ...

Đứng trước nguy cơ thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và thất bại kế hoạch Xtalây - Taylo với âm mưu bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, mâu thuẫn trong ngũ quân, ngũ quyền và mâu thuẫn giữa Mỹ với chế độ độc tài gia đình trị của Diệm ngày càng gay gắt. Ngày 01/11/1963, đế quốc Mỹ thay ngựa giữa dòng, Diệm bị lật đổ và bị sát hại. Bọn tay sai Mỹ lên thay lại tiếp tục đấu đá nhau khiến mâu thuẫn nội bộ của chúng càng gay gắt hơn, tinh thần binh lính địch sa sút nghiêm trọng.

Trước tình hình trên, Trung ương Cục và Khu ủy Khu 10 chỉ đạo các cấp ủy Đảng tận dụng thời cơ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động vũ trang để hỗ trợ tích cực phong trào quần chúng phá ấp chiến lược.

Thực hiện chỉ đạo của trên, ngày 11/11/1963, lực lượng vũ trang B75 của Bình Long cùng với đội công tác và du kích xã đột kích vào ấp chiến lược Tổng Cui, kết hợp với cơ sở bên trong vận động đồng bào phá toàn bộ ấp chiến lược, cùng nhau trở về làng cũ làm ăn. Phát huy thắng lợi, ở Quản Lợi, ta đánh một trung đội dân vệ, diệt 7 tên, bắt sống hai tên. Ở Tân Khai, Chi bộ Đảng bên trong hợp đồng với lực lượng bên ngoài hướng dẫn Nhân dân phá banh hàng rào ấp chiến lược và tiếp tục lãnh đạo đồng bào đấu tranh không chịu rào lại, đến cuối năm 1963 địch phải bỏ luôn. Để chào mừng ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng, ngày 23/12/1963, lực lượng vũ trang ta đột nhập vào khu dinh điền Xóm Ruộng, địch hốt hoảng bỏ chạy. Bộ đội và 2.000 đồng bào hợp mĩttinh chào mừng thắng lợi và làm chủ dinh điền suốt đêm. Bọn địch ở Bình Long tiếp viện đến bị ta chặn đánh ở cầu Cần Đâm, 27 tên bị diệt, 6 tên bị bắt sống. Ta thu nhiều súng đạn. Từ đó, dinh điền Xóm Ruộng ta làm chủ ban đêm, đội mũi công tác thường xuyên ra vào củng cố và xây dựng cơ sở. Có lần do ta sơ hở, địch nắm được quy luật phục kích bất ngờ khiến ta bị thiệt hại nặng, hy sinh 6 trong số 9 đồng chí vào ấp, trong đó có đồng chí Hai Luận - Huyện đội trưởng.

Để phù hợp tình hình, cuối năm 1963, Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền quyết định điều chỉnh chiến trường. Tháng 10/1963, Bình Long tách khỏi Khu 10 đặt dưới sự lãnh đạo của Khu ủy Miền Đông (T1) và của Miền. Nhập tỉnh Phước Long vào Khu 6, tạo thành một vùng nối liền từ cực Nam Trung Bộ đến tận biên giới Campuchia. Thực hiện quyết định điều chỉnh chiến trường của Miền, Khu ủy và Quân khu 6 dời căn cứ về đứng ở vùng Bãi Cát Tiên. Từ đó, Phước Long đặt dưới sự lãnh đạo của Khu ủy Khu 6.

Tháng 12/1963, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ chín (khóa III) đánh giá thắng lợi trên chiến trường, nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ

trước mắt cho cách mạng miền Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khóa III) nêu rõ: “để chiến thắng quân địch, chúng ta phải thấu suốt phương châm chiến lược: chiến đấu lâu dài, dựa vào sức mình là chính, đồng thời phải thấu suốt phương châm đấu tranh: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, vận dụng linh hoạt phương châm hoạt động ở ba vùng; phải đánh địch bằng ba mũi chính trị, quân sự và binh vận; phải động viên mọi lực lượng cách mạng tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện và trường kỳ tiến tới tổng công kích và tổng khởi nghĩa”¹. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng miền Nam là “*tích cực xây dựng và mở rộng căn cứ địa, đặc biệt là ở những địa bàn chiến lược và cơ động của quân chủ lực; tiến lên đánh tiêu diệt và làm tan rã từng bộ phận quân đội địch; phá phân lớn các ấp chiến lược*”².

Tháng 3/1964, Trung ương Cục họp Hội nghị lần thứ hai để cụ thể hóa Nghị quyết 9 của Trung ương, chỉ đạo các địa phương: đẩy mạnh công tác phá ấp chiến lược của địch để tạo ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn tiếp giáp với vùng căn cứ, “... Giữ vững, xây dựng và mở rộng các khu căn cứ ở rừng núi và đồng bằng theo kịp yêu cầu phát triển của cách mạng nhất là trên các địa bàn chiến lược...”³.

Dưới sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 1 và Khu 6, Tỉnh ủy Bình Long và Phước Long khẩn trương thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, ra Nghị quyết chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tiến công địch cả bằng quân sự, chính trị và binh vận, tập trung làm tốt nhiệm vụ phá banh, phá rã từng mảng ấp chiến lược của địch và nhanh chóng xây dựng về mọi mặt, hình thành những mảng vùng giải phóng liên hoàn, tạo điều kiện cho chủ lực cơ động đánh địch có hiệu quả khi có thời cơ⁴. Ở Bình Long, đợt hoạt động đánh phá từng mảng ấp chiến lược ở Chơn Thành bắt đầu từ ngày 27/01, mở màn cho năm 1964. Bộ đội huyện kết hợp với đội mũi công tác hỗ trợ cho Nhân dân đồng loạt nổi dậy phá banh 4 dinh điền Suối Cạn, Cắm Xe, Bàu Tây, cầu Bà Và. Bọn lính trong đồn bót bỏ chạy, một số nộp vũ khí đầu hàng, trụ sở hành chính của địch bị san bằng. Sau đó, Nhân dân Chơn Thành phối hợp với lực lượng vũ trang tổ chức cuộc mítting lớn, căng biểu ngữ, cờ Mặt trận giải phóng, rải truyền đơn tố cáo tội ác của địch. Trong buổi mítting, quần chúng đã phẫn nộ lên án đế quốc Mỹ và tay sai đã giam hãm đồng bào trong các trại tập trung. Cán bộ cách mạng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd*, t.24, tr.837, 839.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd*, t.25, tr.724-725.

4. Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử Khu 6 kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: *Khu 6 kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.120.

đã kêu gọi đồng bào, không phân biệt Kinh - Thượng, đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng để phá tan các dinh điền và âm mưu lập ấp chiến lược của địch. Sau đó, ta công bố lịch ngưng bắn 7 ngày trong dịp tết Nguyên đán, đồng bào hứa kêu gọi con em mình trong hàng ngũ binh lính địch trở về với gia đình...

Ở Lộc Ninh, Bù Đốp, những tháng cuối 1963 đầu 1964, phong trào đánh phá ấp chiến lược diễn ra mạnh mẽ và sôi nổi. Nhờ ta đưa đảng viên vào và xây dựng cơ sở mật bên trong một số ấp, đẩy mạnh công tác binh - địch vận tranh thủ sự đồng tình của binh sĩ, nhất là lực lượng dân vệ “thanh niên cộng hòa” người Thượng, kết hợp với hoạt động của lực lượng vũ trang, đội mũi công tác, nên từ chỗ đấu tranh quyết liệt đòi địch nói lỏng kìm kẹp, buộc địch phải cho tự do đi sớm về muộn để làm ăn sinh sống, đồng bào đã nổi dậy, phá banh ấp chiến lược ở Lộc Tấn, Lộc An... Sau khi giải phóng mảng tây lộ 14A và đông Quốc lộ 13, từ Brêlin qua đến ngã ba Cầu Trắng, Nhân dân tiếp tục đấu tranh làm thất bại âm mưu của địch càn quét gom dân xây lại các ấp chiến lược. Tháng 3/1964, địch đưa hai tiểu đoàn bảo an có pháo binh, xe tăng yểm trợ, càn quét trên khu vực làng 10 để lập ấp chiến lược và đồn bót án ngữ hành lang của ta. Đồng bào đã đấu tranh, kết hợp với bộ đội huyện và du kích đánh liên tục trên đường hành quân của chúng. Lực lượng bị tiêu hao nhiều, chúng phải rút quân bỏ dở kế hoạch. Ở Chu Ninh, Thuận Kiệm, Đa Kia, các đội công tác kết hợp với du kích và cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch tạo điều kiện cho Nhân dân tiếp tục phá rã từng mảng ấp chiến lược.

Song song với đánh phá ấp chiến lược, trong khu vực đồn điền, được sự lãnh đạo của Đảng, công nhân cao su đã đấu tranh trực diện với chủ Tây đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống việc chủ cúp phạt hoặc sa thải công nhân khi chưa có ý kiến của công đoàn và ủy ban tự quản do công nhân tổ chức. Trước uy thế của cách mạng, bọn chủ Tây phải chấp nhận yêu sách của công nhân.

Đầu năm 1964, Trung ương Cục ra chỉ thị, chỉ đạo cụ thể phong trào đấu tranh của công nhân cao su. Chỉ thị nêu rõ: “Phát động phong trào công nhân cao su sản xuất lương thực, chống đói, chống giặc, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang vững mạnh, làm tốt công tác binh vận, địch vận, kiên quyết bám trụ các đồn điền giải phóng...”. Thực hiện Chỉ thị trên, Đảng bộ Lộc Ninh phát động phong trào “tay dao, tay súng”, vừa sản xuất vừa chiến đấu. Sáng sáng công nhân ra lô, vai mang súng đạn, mìn, hễ giặc đến thì đánh, giặc rút thì sản xuất lương thực, cạo mủ cao su, quyết tâm giữ vững vùng giải phóng.

Tháng 5 và tháng 6/1964, Khu ủy và Bộ Chỉ huy Quân khu 6 mở Hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ mới. Tại Hội nghị, Khu ủy đã phê phán tư tưởng co thủ, hữu khuynh ở một số địa phương, thông qua chủ trương hoạt động Thu Đông 1964. Chiến trường Phước Long được chọn là hướng hoạt động chính của Quân khu và theo hướng dẫn của Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền, Thường vụ Khu ủy và Bộ Chỉ huy Quân khu 6 quyết định trọng điểm của chiến trường Phước Long là khu vực đường 10. Tiểu đoàn cơ động của Quân khu (D840) được điều động sang từ tháng 4/1964 để hỗ trợ cho Phước Long. Nhiệm vụ của Phước Long là: Đẩy mạnh 3 mũi giáp công, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, bồi dưỡng xây dựng lực lượng ta, đẩy mạnh phong trào đánh phá áp chiến lược, giành dân, mở rộng căn cứ, bảo đảm hành lang chiến lược...¹.

Tiếp thu chỉ đạo của trên, Tỉnh ủy Phước Long mở Hội nghị cán bộ, nghiêm khắc phê phán tư tưởng hữu khuynh co thủ trong nội bộ Đảng bộ, quyết định đẩy mạnh tấn công địch cả bằng quân sự, chính trị, binh vận ra phía trước. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy chỉ đạo các K: “Nguồn bổ sung lực lượng, lương thực bảo đảm hoạt động và chiến đấu của địa phương phải lấy từ trong các dinh điền, áp chiến lược, vùng địch tạm thời kiểm soát”. Quán triệt tinh thần trên, từng K đều có chuyển biến, khí thế vươn lên rõ rệt. Tháng 10/1964, cơ quan Tỉnh ủy và Tỉnh đội chuyển từ Đak Huýt (sát biên giới Campuchia) trở lại vùng căn cứ Đak Nheu để trực tiếp chỉ đạo chiến trường trọng điểm. Đảng ủy và Ban Chỉ huy đường 10 được thành lập do đồng chí Hai Phong, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Quân sự tỉnh Phước Long làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy. Tiểu đoàn trưởng và Chính trị viên Tiểu đoàn 840 làm Phó quân sự và chính trị. Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ địa phương, phát huy thắng lợi về mặt quân sự, kết hợp kịp thời và hiệu quả tấn công địch về mặt chính trị, binh vận và xây dựng thực lực cách mạng, Tỉnh ủy Phước Long cũng đồng thời quyết định thành lập K ủy K10 do đồng chí Ba Anh làm Bí thư².

Đầu tháng 12/1964, Chiến dịch đường 10 mở màn. Ta đánh chiếm áp chiến lược Tổng Lôông và phục kích chặn đánh địch từ Phước Long đi giải tỏa, diệt một bộ phận quân địch. Hai ngày sau ta bao vây áp chiến lược Bom Ria, địch cắt rừng tháo chạy. Đội công tác phát động quần chúng nổi dậy phá áp chiến lược, xóa ách kìm kẹp của địch, lập Ủy ban Giải phóng tự quản của Nhân dân.

1. Nội bộ gọi đây là cuộc hành quân “chống co thủ”.

2. Tháng 7/1966, đồng chí Tư Quý làm Bí thư K10.

Tiếp theo thắng lợi Bom Ria, ngày 24/12/1964, ta đánh bót Bù Na. Địch ở dinh điền Bù Na 1, Bù Na 2 bỏ chạy. Ta tấn công binh vận, kêu gọi đơn vị binh lính nghĩa quân đóng ở Bù Na 3 mang súng ra hàng. Tiếp theo địch đóng ở dinh điền Bù Na cũng rút chạy. Toàn bộ dinh điền Bù Na được giải phóng. Ngày 26/12/1964, ta tiếp tục tấn công dinh điền Đức Hạnh, diệt một số tên địch, số còn lại rút chạy. Địch từ Phước Long đến phản kích, hai đại đội của Tiểu đoàn 840 trụ lại đánh địch suốt ngày, làm thiệt hại nặng 5 đại đội địch, bắn rơi 1 máy bay, phá hủy 2 xe bọc thép. Ta làm chủ chiến trường, thu nhiều vũ khí. Đây là trận đánh có ý nghĩa quyết định trong việc giải phóng đường 10, uy hiếp tiểu khu Phước Long. Tiểu đoàn 840 bố trí Đại đội 54 hỗ trợ cho Đội công tác K10 tiếp tục phát động quần chúng, xây dựng thế làm chủ dinh điền Đức Hạnh.

Trong khi quân ta đang tập trung tấn công địch ở đường 10 thì bộ đội địa phương cùng du kích và Nhân dân các xã vùng căn cứ đã anh dũng chống cuộc càn quét của tiểu đoàn ngụy thuộc Trung đoàn 5, Sư đoàn 5 có xe tăng, pháo và máy bay yểm trợ đánh vào Đak O, Đak Nhau... nhằm thực hiện kế hoạch gom dân vào ấp chiến lược. Tuy cuộc chiến đấu diễn ra không cân sức, nhưng lực lượng ta dựa vào địa hình hiểm trở và hệ thống làng, xã chiến đấu để bám đánh địch từ nhiều hướng. Kết quả, 30 tên địch bị diệt, 1 xe tăng bị phá hủy, ta thu 7 súng. Cuộc càn quét bị bẻ gãy, địch không gom được dân vào ấp chiến lược.

Tiếp tục phát triển phong trào phá ấp chiến lược, ở Bình Long, ngày 13/11/1964, lực lượng du kích Chơn Thành phối hợp với đơn vị D700 của trên đánh vào các ấp chiến lược khu dinh điền Hiếu Văn 1, Hiếu Văn 2, Trung Lợi giải phóng được 3 dinh điền này cùng với hơn 3.000 dân. Cùng với giải phóng các dinh điền, một số đồn điền cao su như làng 2 (Lộc Ninh), Xa Cô Đơ (Hớn Quản), Xa Cát cũng được giải phóng. Giữa năm 1964, tại Hội nghị công đoàn cao su miền Đông, đồng chí Trần Nam Trung thay mặt Trung ương Cục miền Nam nhiệt liệt biểu dương phong trào ở các đồn điền giải phóng ở Bình Long.

Ở Phước Long, phát huy thành quả đạt được và phối hợp tích cực với chiến trường Bình Giả, đêm 5 rạng 06/01/1965, Tiểu đoàn 840 của Quân khu 6 phối hợp với lực lượng vũ trang Bù Đăng tiến công chi khu quân sự Đức Phong, diệt hai đại đội ngụy. Chi khu Đức Phong bị tiêu diệt đã tác động đến tình hình trong tỉnh, địch hoang mang, lo sợ, dân vệ tan rã ở nhiều nơi. Ở K127 (Bù Đốp - Phước Bình - Đồng Xoài), lực lượng K được một đơn vị sản xuất của R do anh Hai Minh Chánh phụ trách phối hợp tấn công bọn dân vệ ở Bù Nho, làm lỏng thế kìm kẹp. Một số dân vệ sợ nên ra hàng, số còn lại cam kết không

hành quân khỏi cổng ấp chiến lược 500m và để đồng bào tự do đi lại làm ăn. Được nội tuyến báo cáo, ta tiếp tục tấn công vào bắt tên Địa điểm trưởng ở dinh điền Thuận Kiệm 2. Địch ở các dinh điền Thuận Kiệm 1, 2, 3, 4 hoảng hốt chạy về Phước Long, ta phá banh ấp chiến lược của các dinh điền này. Tháng 01/1965, được lực lượng tỉnh do đồng chí Tỉnh đội phó Năm Hòa trực tiếp chỉ đạo hỗ trợ, kết hợp với cơ sở nội tuyến bên trong, K27 tiếp tục phá banh mảng ấp chiến lược ở ngã ba Phú Riềng, ngã ba Bù Nho. Tính chung, chỉ mấy tháng cuối năm 1964 và đầu năm 1965, ta đã phá banh một mảng rộng lớn các ấp chiến lược, khu dinh điền Thuận Kiệm 1, 2, 3, 4 và ba khu tập trung ấp chiến lược ở Bù Nho, Phú Riềng, tạo điều kiện thuận lợi để vận động vật chất phục vụ cho Chiến dịch Phước Long, Đồng Xoài sau này.

Ở khu vực đường 10, lực lượng vũ trang tiếp tục hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá rã, phá banh một loạt ấp chiến lược ở Bù Yàm, Bù Gia Phúc, Khắc Khoan, Phú Nghĩa, Đức Liễu... Toàn bộ ấp chiến lược trên đường 10 được giải phóng với 15.000 dân. Vùng ta làm chủ hoàn toàn hoặc làm chủ có mức độ được mở rộng đến tận nam chân núi Bà Rá, một số xã xây dựng làng chiến đấu áp sát tiểu khu Phước Long như Phú Văn, Đức Hạnh, Bù Xia, v.v..

Cùng với thắng lợi giải phóng đường 10, ở Bù Đăng các dinh điền Vĩnh Thiện, Bù Đăng Srây, Bù Đăng Gơ, Bù Đăng Lang 1,2 dọc Quốc lộ 14 cũng được bộ đội địa phương và đội công tác hỗ trợ và phát động quần chúng nổi dậy phá lỏng, phá rã và làm chủ, khí thế cách mạng lên cao, tạo ra cục diện mới trên địa bàn. Địch co cụm lại về chi khu Đức Phong lo phòng thủ. Hàng ngàn đồng bào dân tộc thiểu số bỏ ấp chiến lược chạy về buôn làng cũ làm ăn. Ở các đồn điền nằm trên Tỉnh lộ 2 như Thuận Lợi, Phú Riềng, Đa Kia..., các đội mũi công tác và du kích liên tục đột nhập diệt ác, phá kìm, giải tán tề vệ. Ở Lộc Ninh, đoạn đường Brêlin đến cầu Trắng, ta phát động công nhân và Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ cho đến năm 1969.

III. CHIẾN THẮNG PHƯỚC LONG - ĐỒNG XOÀI, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY

Những tháng cuối 1964, đầu năm 1965, phong trào đấu tranh chống phá ấp chiến lược của Nhân dân ta ở miền Nam nói chung và ở Bình Long - Phước Long nói riêng có bước phát triển mới. Sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam cũng thuận lợi và hiệu quả, tạo điều kiện cho ta liên tục tấn công đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy. Tháng 02/1965, Bộ Chính trị chỉ đạo cho Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy Miền: “... phải căng địch ra bằng phong trào chiến tranh du kích thật mạnh và rộng khắp, đồng thời tập trung

bộ đội chủ lực để mở những chiến dịch tấn công, đánh những đòn tiêu diệt lớn ở những chiến trường có lựa chọn và được chuẩn bị tốt, những đòn có ý nghĩa quyết định ở những thời điểm quyết định”¹.

Qua thời gian nghiên cứu, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài. Chiến dịch được triển khai trên diện rộng bao gồm nhiều tỉnh, nhưng hướng chính là Phước Long, Bình Long vì địch ở đây không mạnh và là địa bàn quan trọng, nối liền với Tây Nguyên và Campuchia, có nhiều đường giao thông chiến lược, có phong trào du kích chiến tranh mạnh. Mục đích của Chiến dịch nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân tinh nhuệ của địch, kết hợp với phá hệ thống ấp chiến lược, đưa phong trào địa phương lên cao, mở rộng căn cứ, hành lang và phong trào cách mạng dọc biên giới Campuchia. Đây là chiến dịch lớn đầu tiên trên chiến trường B2² được diễn ra trên địa bàn Bình Long và Phước Long³.

Việc cấp trên chọn Phước Long - Bình Long làm hướng chính của Chiến dịch Hè 1965 là vinh dự và thời cơ lớn cho Đảng bộ hai tỉnh. Để bảo đảm thắng lợi, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đã có nghị quyết lãnh đạo Nhân dân và lực lượng vũ trang hai tỉnh đem hết sức mình phục vụ Chiến dịch, đồng thời tranh thủ sức mạnh của quân chủ lực, kết hợp chặt chẽ với tấn công chính trị và binh vận, phát huy nội lực của ba thứ quân, ba mũi giáp công của địa phương để đẩy mạnh phong trào đánh phá ấp chiến lược, dành dân, mở rộng vùng giải phóng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang nhanh chóng lớn mạnh theo kịp tình hình của chiến trường.

Ở Bình Long, do yêu cầu của nhiệm vụ, đồng chí Bùi Đoàn (Ba Nghệ) được Trung ương Cục điều động về R. Đồng chí Nguyễn Khắc Thành (Năm Thành) được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Quang Sang (Ba Phước) làm Phó Bí thư. Các đồng chí Hai Sẻ, Ba Vinh, Ba Sơn được bổ sung vào Tỉnh ủy để chuẩn bị tham gia Chiến dịch. Song song với việc củng cố lực lượng vũ trang, thành lập Đại đội C70 (đủ 3 trung đội bộ binh và trung đội trợ chiến) do đồng chí Sáu Hùng phụ trách. Tỉnh ủy đã củng cố, tăng cường các Huyện ủy và các đội mũi công tác, củng cố các chi bộ đảng ở cơ sở, trực tiếp lãnh đạo các

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Hà Nội, 1985, tr.70, 75.

2. B2: tính từ Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng và các tỉnh, thành phố thuộc Nam Bộ.

3. Chiến dịch này, trận then chốt là trận công kiên chi khu Đồng Xoài, nên thường gọi là “Chiến dịch Đồng Xoài” (xem *50 năm lực lượng vũ trang Quân khu 7*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 93) và Chiến dịch này mang tên “Chiến dịch Đồng Xoài” (xem *Lịch sử Khu 6 chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.137).

địa phương tham gia phục vụ chiến dịch. Riêng Nhân dân vùng An Khương, An Quý đã đóng góp cho cách mạng 100 tấn lúa gạo, hàng ngàn lượt người đi dân công chiến trường, phục vụ tốt, được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì.

Ở Phước Long, chiến trường trọng điểm của hướng chính chiến dịch, Tỉnh ủy vừa lãnh đạo phong trào địa phương, vừa tập trung lãnh đạo quân dân phục vụ chiến dịch, nhất là về mặt hậu cần. Nhân dân Phước Long đã tích cực đóng góp sức người, sức của, đặc biệt là về lương thực, thực phẩm. Chỉ trong thời gian ngắn, Nhân dân ở Đồng Xoài, các sở Bù Nho, Phú Riềng, Thuận Lợi và các ấp chiến lược, dinh điền được giải phóng đã giúp thu mua và đóng góp hàng trăm tấn gạo. Đồng bào dân tộc ở Bom Bo, Đak Nhou vùng căn cứ đã ủng hộ 2.000 xá lúa (1 xá bằng 3 thúng), 8.000 gốc mì để nuôi quân. Ngoài việc tham gia hàng chục ngàn ngày công để gửi tải đạn dược, thuốc men, lương thực, đường sữa dự trữ cho chiến dịch, phong trào giã gạo tiếp tế cho bộ đội rộ lên trong vùng căn cứ, nổi nhất là các sóc Bom Bo, Bù Tung, Diên R'bang, v.v., trẻ già trai gái liên tục ngày đêm giã gạo phục vụ kịp thời cho tiền tuyến. Bài ca “Tiếng chày trên sóc Bom Bo” của Xuân Hồng - nhạc sĩ của Cục chính trị Quân giải phóng, ghi lại sự tích anh hùng của đồng bào Bom Bo ra đời từ đây và mãi mãi sống với thời gian¹.

Đêm 10/5/1965, mở màn Chiến dịch, quân ta đánh vào thị xã và tiểu khu quân sự Phước Long, chiếm một số mục tiêu và diệt gọn chi khu Phước Bình. Sau một ngày chiến đấu quân ta làm chủ một vùng rộng xung quanh Phước Long. Lực lượng tỉnh Phước Long và các đội mũi công tác Phước Bình được Tiểu đoàn 840 hỗ trợ đã phát động quần chúng phá banh một loạt 19 ấp chiến lược, giải phóng hơn 20.000 công nhân cao su, đồng bào dinh điền và dân tộc thoát khỏi ách kìm kẹp của địch².

Sang đợt 2 Chiến dịch, đêm ngày 9 rạng ngày 10/6/1965, ta nổ súng tiến công chi khu Đồng Xoài, làm chủ đại bộ phận chi khu. Liên tiếp ngày 10 và ngày 11/6/1965, các đơn vị chủ lực ta chặn đánh các đơn vị quân tiếp viện đổ bộ đường không của ngụy, trong đó có Tiểu đoàn 52 biệt động quân và Tiểu đoàn dù số 7 cùng một đại đội của Sư đoàn 5, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

1. Bài ca *Tiếng chày trên sóc Bom Bo* là do nhạc sĩ Xuân Hồng phổ nhạc dựa theo bài thơ cùng tên của tác giả liệt sĩ Võ Hồng Sơn.

2. Các ấp chiến lược được giải phóng trong đợt này là: Bù Xía, Phú Nghĩa, Đức Hạnh, Phú Văn, Nhân Lý, Phước Tín, Đức Bốn, Bù Rạc, Lê An, Bù Nho Kinh, Bù Nho Thượng, Phú Riềng, Hiếu Phong 1, 2, 3, 4, Phước Quả 1, 2, 3.

Phối hợp với Đồng Xoài, đêm ngày 09/6/1965, Tiểu đoàn 840 phối hợp với bộ đội tỉnh Phước Long đánh địch ở Sơn Giang (cách thị xã 3km). Ở Đồng Xoài, các đội công tác đã phát động công nhân kêu gọi một trung đội dân vệ và một cảnh sát ra hàng, nộp cho cách mạng 41 súng, có 1 trung liên và 3 súng ngắn. Với hệ thống áp chiến lược trên đường liên tỉnh 2, quân chúng được các đội công tác phát động đã phá banh, phá rã toàn bộ.

Để phối hợp với chiến trường Phước Long, lực lượng vũ trang Bình Long cùng chủ lực Miền chặn đánh quân tiếp viện nguy từ Bình Dương (Lai Khê) lên Nha Bích, từ Chơn Thành lên Suối Cát, diệt nhiều tên. Ta vận động Nhân dân phối hợp với du kích đắp mô, làm chướng ngại vật trên đường 14A Lộc Ninh - Bù Đốp, đánh sập cầu Suối Cát, không cho địch đi tiếp ứng Đồng Xoài - Phước Long. Với những chiến công này, lực lượng vũ trang Bình Long được Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền biểu dương.

Sau thất bại ở Đồng Xoài, liên tiếp 4 ngày (từ ngày 12 đến ngày 15/6/1965) giặc Mỹ và tay sai đã cho nhiều máy bay đến ném bom và điên cuồng bắn phá bừa bãi vào hai đồn điền cao su Thuận Lợi và Phú Riềng, giết hại 350 đồng bào vô tội (nhà đồng chí Chín Hàng, trong 9 người chỉ 2 người đi vắng là còn sống sót), thiêu hủy hàng ngàn ngôi nhà khiến Nhân dân phải sống cảnh màn trời chiếu đất. Được tin vụ thảm sát, Mặt trận Giải phóng tỉnh Phước Long tổ chức vận động Nhân dân quyên góp tiền bạc, lương thực để ủng hộ các gia đình bị nạn. Các đồng chí Tỉnh ủy cùng với các cơ sở đã vận động hàng ngàn đồng bào kéo đến Tòa hành chính tỉnh Phước Long đấu tranh, đòi bồi thường nhân mạng và tài sản, đòi cứu chữa người bị thương. Từ cuối tháng 6 và đầu tháng 7/1965, Nhân dân toàn tỉnh Phước Long tích cực tham gia phong trào vận động cứu tế cho Phú Riềng, Thuận Lợi. Nhiều thanh niên hăng hái tòng quân để trả thù cho Nhân dân bị sát hại. Nhân dân lập bia căm thù tại đồn điền Thuận Lợi. Hiện nay, ở Phú Riềng, hàng năm đồng bào vẫn tổ chức giỗ tập thể để nhớ mãi mối thù này.

Ngày 15/7/1965 vào đợt 3 chiến dịch, quân chủ lực ta tấn công Bù Đốp. Địch hốt hoảng rút khỏi cứ điểm Bù Gia Mập. Một mảng tây bắc Phước Long giáp biên giới Campuchia được giải phóng. Ta lập K20 do đồng chí Tám Điển (Huỳnh Văn Điển) làm Bí thư.

Kết thúc Chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài, 64 ngày đêm quyết liệt, bộ đội chủ lực và địa phương đã tiêu diệt gần 4.500 tên địch (có 73 cố vấn Mỹ), bắn hạ 31 máy bay và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Thắng lợi của Chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài có ý nghĩa to lớn trên nhiều mặt, đã đánh thẳng vào hệ thống tiểu khu, chi khu địch, mà vấn đề lớn

là ta đã đánh mạnh vào chính sách bình định của địch, hàng loạt ấp chiến lược, dinh điền của địch nhiều năm xây dựng đã bị phá banh, phá rã, mở ra vùng giải phóng rộng lớn. Ở Bình Long, 58 ấp trong số 75 ấp chiến lược địch xây dựng lên đã bị ta phá banh, phá rã, số còn lại trong tình trạng hỗn loạn. Ở Phước Long, 21 ấp chiến lược, dinh điền và 6 khu tập trung người dân tộc thiểu số đã bị ta phá banh, phá rã, giải phóng khoảng 20.000 dân (nếu tính chung với số ấp được giải phóng trong Chiến dịch Đường 10 thì đã lên đến 56.000 trong số 67.000 người bị gom vào ấp chiến lược, dinh điền).

Qua Chiến dịch, tình hình Bình Long - Phước Long có bước phát triển mới. Các đảng bộ đều trưởng thành và có kinh nghiệm hơn trong chỉ đạo đấu tranh đánh địch bằng quân sự, chính trị và binh vận, kết hợp chặt chẽ giữa tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, phá vỡ hệ thống phòng thủ của chúng với đẩy mạnh phong trào phá ấp chiến lược, giải phóng dân, đưa du kích áp sát nách địch. Giải phóng đến đâu, ta đẩy mạnh xây dựng về mọi mặt đến đó. Trong đợt này, ở cả hai tỉnh đã có hơn 1.000 thanh niên xung phong bổ sung cho lực lượng vũ trang. Ở các vùng mới giải phóng, xã nào cũng xây dựng từ một tiểu đội đến một trung đội du kích, một số đội đánh địch chống càn, bảo vệ dân có hiệu quả như ở Minh Thạnh, Xa Cát, Brêlin, Đức Hạnh, Phú Văn, Bù Xia, v.v., nổi bật là du kích Phú Văn, một xã mới giải phóng cách tiểu khu Phước Long 4 km đường chim bay đã hoạt động hiệu quả cao, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét của địch. Về chính trị, chính quyền tự quản và các đoàn thể quần chúng như Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ... cũng được xây dựng ở hầu hết các xã mới giải phóng, đã tập hợp đông đảo quần chúng xung quanh Mặt trận dân tộc giải phóng, đoàn kết sản xuất, chống địch. Đặc biệt, qua phong trào cách mạng của quần chúng hàng trăm đảng viên mới được kết nạp, nhiều chi bộ đảng ở xã mới giải phóng được thành lập¹ để lãnh đạo phong trào. Riêng ở Phước Long, 8 chi bộ mới được tổ chức ở các xã Bù Na, Bù Rạt, Đức Bồn, Đức Hạnh, Phước Tín, Bù Ria, Phú Văn... là cơ sở vững chắc lãnh đạo Nhân dân tại chỗ đấu tranh quyết liệt chống địch.

*

* *

Sau thắng lợi của phong trào Đồng khởi, Đảng bộ, quân và dân Bình Long, Phước Long được rèn luyện và từng bước trưởng thành trong cuộc đấu tranh

1. Một số đảng viên ở Liên khu 5 bị địch cưỡng bức vào các dinh điền, nay có thời cơ đã tìm cách móc rập với các đội công tác, qua điều tra sàng lọc, một số được kết nạp lại và hoạt động rất tích cực, như chi bộ Phú Văn có 8 đồng chí.

chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và kế hoạch Xtalây - Taylo với âm mưu bình định miền Nam trong vòng 18 tháng của địch.

Do yêu cầu của tình hình, Trung ương Cục và Quân ủy Miền có sự điều chỉnh chiến trường. Hai tỉnh Bình Long, Phước Long lúc ở Khu 10, khi tách ra về Khu 1 và Khu 6, nhưng hai Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo Nhân dân và các lực lượng vũ trang thực hiện thắng lợi các nghị quyết, chủ trương của Đảng, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, phối hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân, vận dụng phương châm đấu tranh hai chân (quân sự, chính trị) và ba mũi giáp công (quân sự, chính trị và binh vận), kiên quyết đánh bại kế hoạch bình định, càn quét gom dân, lập ấp chiến lược của địch.

Suốt những năm 1961-1965, phong trào đấu tranh chống phá ấp chiến lược, mở mảng, mở vùng của quân dân Bình Long, Phước Long liên tục diễn ra một cách quyết liệt trên khắp địa bàn đồn điền cao su, dinh điền, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ở cả vùng nông thôn và trong nội ô. Địch gom dân, lập ấp chiến lược; ta phá địch lại gom, cuộc đấu tranh chống phá ấp chiến lược lặp đi lặp lại nhiều lần và ta phải trả qua nhiều hy sinh, ác liệt. Phong trào Nhân dân ngày càng mạnh và có hiệu quả. Từ phá lỏng, phá rã đến phá banh hoàn toàn, nhất là có những nơi, những lúc với sự hỗ trợ đặc lực của lực lượng vũ trang, điểm cao là Chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài (Hè năm 1965): số ấp chiến lược địch xây dựng trên địa bàn Bình Long, Phước Long bị phong trào quần chúng phối hợp với các lực lượng vũ trang phá banh, phá rã, đất đai vùng nông thôn, rừng núi được giải phóng với dân số hàng chục ngàn người, mở ra một vùng ta làm chủ rộng lớn, nối liền Nam Tây Nguyên với Đông Nam Bộ và từ giáp cực Nam Trung Bộ đến biên giới Campuchia.

Trong đấu tranh có hy sinh tổn thất, nhưng lực lượng ta ngày càng mạnh, đặc biệt là cơ sở chính trị vũ trang mật trong các đồn điền, dinh điền, ấp chiến lược được duy trì và phát triển. Chiến thắng Phước Long - Đồng Xoài của quân và dân Bình Long, Phước Long đã tạo thêm thế mới, lực mới, góp phần cùng với cả miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy.

Chương III
QUYẾT TÂM ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC,
GÓP PHẦN LÀM PHÁ SẢN CHIẾN LƯỢC
“CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ - NGỤY
(1965-1968)

I. GIỮ VỮNG THẾ TIẾN CÔNG, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CÁC CUỘC HÀNH QUÂN “TÌM DIỆT VÀ BÌNH ĐỊNH” CỦA ĐỊCH TRONG HAI CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ 1965-1966 VÀ 1966-1967

1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của địch và đối sách của ta

Bước vào năm 1965, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta giành thắng lợi to lớn trên khắp chiến trường, đã đẩy chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của địch đứng trước nguy cơ tan rã, sụp đổ. Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ đã vứt bỏ chiếc mặt nạ “thực dân mới” của chúng, bị động chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ và chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam.

Mục tiêu bao trùm của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là dùng sức mạnh quân sự tiến hành các cuộc phản công chiến lược với biện pháp hai gọng kìm chiến lược “Tìm diệt và bình định” nhằm đánh phá căn cứ cách mạng, tiêu diệt cơ quan đầu não, tiêu diệt bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang ta, đánh chiếm lại các vùng đã mất, kiểm soát toàn bộ vùng nông thôn, giành thế chủ động trên chiến trường để thực hiện mưu đồ xâm lược của chúng.

Thực hiện âm mưu đó, bắt đầu từ tháng 5/1965, Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam. Những đơn vị sừng sỏ như Lữ đoàn dù 173, Sư đoàn 1 bộ binh “Anh cả đỏ”, Sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới” đã có mặt cùng với quân đội chư hầu¹. Tính đến cuối năm 1965, trên toàn miền Nam, số quân Mỹ lên đến

1. Quân chư hầu của Mỹ lúc đó gồm: Úc, Tân Tây Lan, Philíppin, Thái Lan và Nam Hàn (Hàn Quốc).

184.314 tên và số quân Úc, Tân Tây Lan, Nam Hàn lên đến 20.500 tên, được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ lúc bấy giờ.

Với chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sự tham chiến của quân Mỹ và chư hầu ở miền Nam làm cho cuộc chiến tranh trở nên ác liệt hơn. Điều đó không vượt ngoài dự kiến của Đảng ta. Hội nghị lần thứ 11 (tháng 9/1965) và Hội nghị lần thứ 12 (tháng 12/1965) Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nghiên cứu tình hình, âm mưu mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam và nhận định: “Về tính chất và mục đích chính trị vẫn là chiến tranh xâm lược nhằm thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới, song cuộc chiến tranh đó *từ chỗ dựa vào lực lượng nguy quân, nguy quyền là chủ yếu đã phát triển thành một cuộc chiến tranh dựa vào hai lực lượng chiến lược là quân đội viễn chinh Mỹ và nguy quân, nguy quyền*”¹ và “Do những thất bại nặng nề của địch, do những thắng lợi to lớn của ta, ngày nay mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân đội viễn chinh, *lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn*”².

Trung ương Đảng nêu cao quyết tâm: “*Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào*”³. Đó là quyết tâm sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trên cả hai miền Nam-Bắc, được thể hiện trong *Lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước ngày 20/7/1965* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hay lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn!”⁴.

Đương đầu với tên sen đầm quốc tế hùng mạnh, có tham vọng lớn và rất tàn bạo, cùng với huyền thoại “Một đội quân chưa hề nếm mùi thất bại bất cứ cuộc chiến tranh nào trước đây”, đã khiến nhiều người lo ngại ta không chống chọi nổi bão lửa sắt thép và phương tiện khoa học quân sự tân kỳ của Mỹ. Để khẳng định ý chí của Nhân dân ta, Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi: “Chúng ta đang tiến hành một cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại nhất của lịch sử nước nhà... mỗi cán bộ, đảng viên cũng như toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải có tinh thần chiến đấu cao, dũng cảm phi thường, phải có chí khí anh hùng và quyết tâm dời non lấp biển, đập bằng bất cứ trở ngại nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, đánh bại bất cứ kẻ thù nào”⁵. Cuộc chiến tranh chống Mỹ của Đảng ta, dân tộc ta nhất định gặp nhiều khó khăn

1, 2, 3, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.26, tr.625, 633, 635, 650.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.577.

gian khổ, ác liệt hy sinh. Vấn đề quan trọng hơn cả là, dám đánh Mỹ. Từ dám đánh Mỹ, ta sẽ từng bước tìm ra cách đánh và thắng Mỹ...

Đáp lại lời kêu gọi của Bác Hồ và của Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp và chặt chẽ của Trung ương Cục và của Khu ủy Khu 6, Tỉnh ủy Bình Long và Phước Long có nghị quyết lãnh đạo toàn Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và Nhân dân hai tỉnh chuẩn bị sẵn sàng về tư tưởng, lực lượng và vật chất thực hiện kỳ được quyết tâm chiến lược của Trung ương, cùng Nhân dân và lực lượng vũ trang miền Nam kiên quyết đánh bại âm mưu chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Sau khi quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam, địch phân chia lại chiến trường theo tinh thần là quân nguy giữ vai trò “bình định”, quân Mỹ và chư hầu làm nhiệm vụ “tìm diệt”. Ở chiến trường miền Đông, chúng giải tán tỉnh Phước Thành và đặc khu Phước Bình Thành¹, tổ chức lại thành hai khu chiến thuật 32 và 33. Bình Long và Phước Long là hai tỉnh nằm trên địa bàn khu chiến thuật 32 của chúng. Tại đây, quân nguy bố trí Sư đoàn 5 chủ lực cơ động. Nhiệm vụ của đơn vị này là phối hợp với quân Mỹ mở các cuộc hành quân càn quét, đánh phá căn cứ cách mạng, cùng với quân địa phương đẩy mạnh bình định, gom dân, lập ấp chiến lược. Về phía Mỹ, chúng sử dụng các lực lượng Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, Sư đoàn 1 “Kỵ binh bay”, Sư đoàn dù 101, các Lữ đoàn 173, 196, 199 chuyên hoạt động ở vùng rừng núi để phối hợp từng lúc trong các cuộc càn “tìm diệt”.

Ở Bình Long, chúng bố trí các căn cứ Mỹ, nguy đan xen nhau, chốt giữ các vị trí xung yếu, các trục lộ giao thông quan trọng, Mỹ đầu tư mở rộng, nâng cấp các cơ sở của Pháp thành các khu căn cứ quân sự kiên cố. Ở phía đông bắc An Lộc, chúng xây dựng Túc Ninh, từ một cơ sở thí nghiệm của đồn điền cao su Quản Lợi thành một căn cứ quân sự của Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” của Mỹ, về sau Sư đoàn 1 “Kỵ binh bay” thay Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”. Ở đây, với một hệ thống công sự kiên cố, kho tàng, một trận địa pháo hạng nặng và một phi trường có thể tiếp nhận máy bay từ trực thăng đến C.130. Một đơn vị pháo binh Tân Tây Lan đóng trong thị xã. Ở các hướng khác, chúng xây dựng và bố trí các căn cứ quân sự như trung tâm biệt kích của Sông Bé, trung tâm biệt kích và sân bay Minh Hòa, căn cứ Tống Lê Chân... vừa làm nơi ngăn chặn ta, vừa làm nơi xuất phát các cuộc càn quét của chúng. Đi đôi với việc mở rộng căn cứ chiếm đóng của quân Mỹ, địch củng cố lại quân nguy. Chúng chia Bình Long thành 1 tiểu khu và 3 chi khu, mỗi

1. Đặc khu Phước Long - Bình Long - Phước Thành.

chi khu có 2 đại đội bảo an, 1 chi cảnh sát và từ 3 đến 4 trung đội dân vệ. Từ các chi khu, địch bung ra đóng chốt tại các khu vực gom dân, vừa hỗ trợ cho các đoàn bình định, vừa phối hợp với bộ máy cai trị để khống chế, kìm kẹp Nhân dân.

Phong trào du kích chiến tranh và làng chiến đấu ở vùng giải phóng là một cản ngại lớn cho việc thực hiện chiến lược hai gọng kìm “tìm diệt và bình định” của địch, nên vừa đặt chân lên Bình Long, trong lúc đang ráo riết xây dựng hệ thống phòng thủ, chúng đã tiến hành ngay hoạt động bình định, nhằm gom dân, lập ấp chiến lược trở lại. Bằng những thủ đoạn tàn bạo, dùng máy bay rải chất độc hóa học phá hoại mùa màng. Ở vùng ven, vùng giải phóng, chúng dùng bom đạn chà xát tạo thành vành đai trắng, buộc dân phải tập trung vào ấp chiến lược, ngăn chặn sự liên lạc giữa dân với lực lượng cách mạng. Ở những nơi địch gom dân, lập ấp chiến lược (với tên gọi “ấp đòi mới”), chúng thực hiện chính sách hai mặt. Một mặt xây dựng thêm trường học, bệnh xá với chiêu trò giả tạo chăm sóc đời sống của Nhân dân, thậm chí có nơi chúng đưa cả cố vấn Mỹ vào ấp để lừa bịp quần chúng như ở Lộc Hưng, Sóc Bế, v.v., mặt khác, chúng dùng súng đạn với bộ máy kìm kẹp, khống chế quần chúng. Chúng chia hộ dân thành 3 loại: Thân cộng, thân chính quyền và loại lưng chừng để dễ theo dõi và kiểm tra¹. Cùng với hệ thống đồn bót dân vệ, bảo an, thanh niên chiến đấu, rào kẽm gai kiểm soát chặt quần chúng, Nhân dân bị tước hết tự do và đời sống vô cùng cơ cực. Nhiều nơi Nhân dân đã đấu tranh quyết liệt chống lại chính sách phản động của địch. Ở những nơi đó, chúng thẳng tay tàn sát, các sóc Chàng Hai, Bù Nôm, Bù Tam bị chúng đốt sạch, riêng sóc Bù Do Tó máy bay hủy diệt không còn sót một người. Ở Lộc Ninh, một số đồng bào dân tộc thiểu số buộc phải chạy vào rừng sâu lập “làng kháng chiến”.

Để đối phó với âm mưu và hành động của địch, tiếp tục đẩy mạnh phong trào cách mạng và kháng chiến của Nhân dân, Tỉnh ủy Bình Long họp đánh giá tình hình và ra nghị quyết, chủ trương: Đẩy mạnh hoạt động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh, kiên quyết ngăn chặn các cuộc hành quân lấn chiếm, giành dân của địch, động viên lực lượng để giữ thế tiến công, tiến công liên tục, không cho địch giành lại thế chủ động trên chiến trường, tích cực đánh địch bằng phương thức hai chân ba mũi² để tiêu diệt

1. Chúng gắn trước cửa những hộ thân “Việt cộng” bảng đỏ, còn hộ thân chính quyền bảng xanh, hộ lưng chừng bảng vàng.

2. Đánh cả trên hai mặt trận chính trị - vũ trang, bằng cả 3 mũi tiến công: quân sự, chính trị và binh vận.

sinh lực địch, đồng thời chú trọng công tác xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng tại cơ sở để làm hạt nhân lãnh đạo, phát động quần chúng đấu tranh chống chính sách bình định của địch, giải phóng dân, giải quyết khó khăn về hậu cần và xây dựng lực lượng cho cách mạng.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, quân dân Bình Long phối hợp với lực lượng chủ lực thực thành tiến công tiêu diệt địch, từng bước đánh bại âm mưu bình định và tìm diệt của địch, giải phóng dân, xây dựng lực lượng ta. Các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện khẩn trương củng cố, xây dựng về mọi mặt. C70 và C75 được tăng cường quân số, bổ sung trang bị vũ khí, tổ chức huấn luyện nâng cao chất lượng chiến đấu. Các đảng bộ huyện cũng được củng cố, các Huyện ủy viên phân công phụ trách từng đội mũi công tác, từng xã để chỉ đạo xây dựng lực lượng, xây dựng các đội du kích sẵn sàng chiến đấu. Ở Lộc Ninh, Tỉnh ủy chỉ đạo thống nhất hai Ban Cán sự đang chỉ đạo các đội mũi công tác vùng nông thôn và thị trấn lại thành một cấp ủy Đảng bộ huyện Lộc Ninh. Đầu năm 1966, tại căn cứ Lá Buông, sóc Cần Giuộc (Lộc Thành), Hội nghị thành lập Đảng bộ huyện được tổ chức. Hội nghị đã bầu ra Huyện ủy gồm 15 đồng chí do đồng chí Tư Thành Công làm Bí thư¹. Đảng bộ huyện Lộc Ninh được thành lập đã lãnh đạo quân dân Lộc Ninh đấu tranh vũ trang, chính trị và binh vận, tạo ra bước phát triển mới của phong trào Lộc Ninh và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực Miền và Quân khu phối hợp thực hành tiến công tiêu diệt địch trên địa bàn huyện, qua đó đưa phong trào địa phương tiến bộ về mọi mặt.

Ở Phước Long, sau Chiến thắng Phước Long - Đồng Xoài (Hè 1965), Sư đoàn 5 ngụy rút về phòng ngự ở các căn cứ quân sự, tiểu khu, bọn bảo an dân vệ co cụm lại không dám bung ra hoạt động. Các trục lộ giao thông như lộ 14, đường Đức Liễu - Phước Long, Phước Bình - Bù Đốp... bị ta cắt đứt từng đoàn hoặc phong tỏa. Hàng loạt ấp chiến lược, dinh điền như Đa Kia, Thuận Kiệm, Đức Bồn, Bù Na, Bù Rạt, Phước Tín, Phú Văn, Đức Hạnh, Bù Xia, Khắc Khoan, Nhơn Lý, Phước Quả, v.v., ta giải phóng hoàn toàn và làm chủ, có chi bộ đảng, có chính quyền tự quản, các đoàn thể quần chúng và lực lượng du kích, phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh. Ở Vĩnh Thiện, Hiếu Phong..., ta và địch xen nhau, ban đêm ta làm chủ. Riêng Thuận Lợi, Phú Riêng sau cuộc ném bom hủy diệt của Mỹ, bọn chủ sở chạy về Dầu Tiếng,

1. Huyện ủy viên có 14 đồng chí, gồm các đồng chí: Năm Trục, Ba Minh, Bảy Sang, Út Nhỏ, Năm Hồng, Ba Yển, Sáu Sơn, Hai Tân, Sáu Hương, Tư Cười, Điểu Nhé, Tư Phê, Tư Tâm, Việt Bình.

đồn điền bỏ trống, công nhân tự canh tác lúa và hoa màu để sống và tham gia công tác cách mạng. Vùng căn cứ kháng chiến của đồng bào dân tộc thiểu số từ Bom Bo, Đak Nhou, Bù Gia Mập lên tận biên giới Campuchia và vùng các buôn, sóc ở Nước Sông (K59 cũ), Nhân dân làm chủ núi rừng, xã nào cũng có chi bộ đảng, chi đoàn, chính quyền tự quản và các tổ chức quần chúng như Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ và dân quân du kích¹. Nhờ Đảng bám rễ được trong quần chúng ở vùng người Kinh cũng như người dân tộc thiểu số, nên phong trào có bước đi vững chắc. Với chủ trương làm trong sạch địa bàn, Tỉnh ủy chỉ đạo K ủy K20 giáo dục công tác bảo vệ, phát động quần chúng tố giác các phần tử xấu. Ở xã Đak O có 200 phần tử xấu còn quan hệ với địch ra tự thú với cách mạng. Ngoài lãnh đạo Nhân dân vùng căn cứ đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm tại chỗ, Tỉnh ủy còn có kế hoạch khai thác các cửa khẩu dọc biên giới Campuchia và ở nội địa như Đồng Xoài, Thuận Lợi, Phú Riêng để mua lương thực, thực phẩm, thuốc men, v.v., dự trữ, đáp ứng yêu cầu của lực lượng vũ trang.

Đến cuối 1965, được sự hà hơi tiếp sức của quân Mỹ, địch củng cố lại lực lượng. Chúng sử dụng Sư đoàn 5, bảo an, dân vệ liên tục mở nhiều cuộc càn quét để bình định, gom dân, giành lại những vùng đã mất. Cũng như ở Bình Long, địch áp dụng những thủ đoạn tàn bạo, càn quét đến đâu, chúng đốt phá nhà cửa, hoa màu của đồng bào đến đó. Có nơi chúng dùng trực thăng đổ chụp bắt ngờ, hốt dân chở đi tập trung. Bị ta đánh trả quyết liệt, chúng dùng máy bay đánh phá xóm làng, kể cả B52, để hủy diệt và uy hiếp tinh thần quần chúng. Một số dân bị chúng bắt gom về các ấp chiến lược ở Phước Bình, xung quanh thị xã Phước Long. Chúng chiếm lại dinh điền Bù Na để xây dựng thành yếu khu quân sự, có sân bay, có trận địa pháo, mở rộng diện càn quét..., hốt dân dinh điền Khắc Khoan và một số dân ở Đức Hạnh, Phú Nghĩa.

Để đánh bại âm mưu của địch, Tỉnh ủy Phước Long đã họp đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ trọng tâm cấp bách cho toàn Đảng bộ là: “Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh kiên quyết đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược. Trước mắt, tập trung lực lượng chống địch càn quét đánh phá, bảo vệ vững chắc vùng căn cứ và các vùng mới giải phóng. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống phá ấp chiến lược, bình định gom dân của địch. Ra sức xây dựng làng, xã chiến đấu, bảo vệ dân, bảo vệ sản xuất. Tích cực xây dựng lực lượng cách mạng, phát triển ba thứ quân, sẵn sàng đối phó với địch trong mọi tình huống.

1. Vùng căn cứ kháng chiến 8 xã phía tây, 5 xã phía đông Bù Đăng xây dựng được 13 chi bộ, 98 đảng viên, 13 chi đoàn với hàng trăm đoàn viên.

Tỉnh ủy nhận định: Mỹ - ngụy tuy bị thất bại nặng, nhưng chúng không chịu bỏ chiến trường Phước Long, tuyến phòng thủ ở cửa ngõ Bắc Sài Gòn. Sắp tới, chúng sẽ tập trung lực lượng tối đa để chiếm lại vùng đã mất, quân dân Phước Long tiếp tục đương đầu với những khó khăn, phức tạp mới.

Tỉnh ủy chủ trương củng cố địa bàn các K (tương đương huyện), các đơn vị vũ trang, nhất là các đội mũi công tác để đáp ứng với tình hình. Ngoài việc củng cố C270, C290 hiện có, vận động thanh niên tòng quân xây dựng thêm các đơn vị C271, C273 bộ binh, C14 trợ chiến, C15 đặc công trinh sát. Lực lượng vũ trang các K và các đội mũi công tác cũng được tăng cường và củng cố. Đội mũi công tác vùng núi Bà Rá, lúc đầu do đồng chí Tám Lực phụ trách, về sau nữ đồng chí Bảy Tuyết phụ trách; Đội công tác Phước Bình do đồng chí Thành phụ trách; Đội công tác An Lương - Nhơn Hòa do đồng chí Hai Thu phụ trách (sau này, khi đồng chí Hai Thu bị thương, đồng chí Siêng thay); Đội công tác Đức Hạnh do đồng chí Sáu Non phụ trách; Đội công tác Phước Quả, Phước Tín do đồng chí Bảy Phụng phụ trách; Đội công tác Bù Giảm do đồng chí Mười Lòng phụ trách; Đội công tác Phú Văn do đồng chí Bảy Châu (Nguyễn Thanh Châu) phụ trách. Trong các đội mũi công tác, Tỉnh ủy rất quan tâm củng cố cả về lực lượng và phương thức công tác của hai đội công tác ở núi Bà Rá và Phước Bình đang đứng chân áp sát thị xã. Đội công tác ở núi Bà Rá, nhiều lúc bị địch bao vây, phong tỏa phải sống nhờ củ rừng, nước suối, nhưng đội vẫn kiên trì chịu đựng, móc ráp được cơ sở và phát động quần chúng đấu tranh.

Do được chuẩn bị trước về tinh thần và lực lượng, nên Đảng bộ và Nhân dân Bình Long và Phước Long không bị bất ngờ trước sự thay đổi âm mưu chiến lược của Mỹ.

2. Giữ vững thế tiến công, kiên quyết đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 của Mỹ - ngụy

Đầu năm 1966, mặc dù liên tiếp bị thất bại nặng nề ở Đất Cuốc, Dầu Tiếng, Bà Bàn, địch vẫn ngoan cố thực hiện cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966), lấy địa bàn miền Đông Nam Bộ làm chủ yếu. Bình Long và Phước Long là một trong những mục tiêu cần quét, “bình định” của chúng.

Để đánh bại âm mưu của địch, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đã lãnh đạo Nhân dân và lực lượng vũ trang vững vàng trong tư thế sẵn sàng đánh Mỹ, thực hiện thắng lợi Nghị quyết của hai tỉnh đề ra trước khi bước vào mùa khô.

Ở Bình Long, ngày 03/5/1966, địch phát hiện có chủ lực ta tập trung tại đây, chúng vội vàng chấm dứt cuộc hành quân ở đông nam Dầu Tiếng, đưa một lực lượng lớn quân Mỹ và ngụy lên chiến trường Bình Long “để tìm diệt”. Ngày 03/6/1966, chúng mở cuộc hành quân Alvaro II đánh phá vùng ven Hớn Quản, Chơn Thành, Minh Thạnh. Để chủ động đối phó với cuộc hành quân này, Bộ Chỉ huy Miền phối hợp lực lượng chủ lực với địa phương mở Chiến dịch Bình Long. Trong suốt Chiến dịch, các đơn vị bộ đội tỉnh, huyện, du kích ấp, xã được sự hỗ trợ của đồng bào đã phối hợp với Sư đoàn 9 chủ lực liên tiếp tấn công địch, đánh vào các cứ điểm quân sự, phục kích giao thông, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Ngày 06/6/1966, Chiến dịch Bình Long mở màn. C70 và đặc công tỉnh, có cơ sở bên trong báo cáo tình hình, đã đồng loạt tiến công cứ điểm quân sự Đồng Long, một cứ điểm quan trọng án ngữ phía bắc An Lộc. Mục đích của ta là tiêu diệt sinh lực địch và phục kích diệt quân tiếp viện của địch từ Lộc Ninh xuống, và từ An Lộc lên để tạo khí thế, niềm tin cho quân dân Bình Long. Tương quan lực lượng trận đánh này rất chênh lệch nghiêng về quân địch, nhưng quân dân ta thắng lớn, C70 vượt chỉ tiêu diệt địch được Miền tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì¹.

Cùng lúc với tấn công cứ điểm Đồng Long, các mũi vũ trang công tác cùng với cơ sở bên trong đã vận động Nhân dân áp chiến lược Đồng Long nổi dậy diệt ác, phá kìm, toàn bộ hệ thống hàng rào xung quanh ấp bị quần chúng nhổ sạch. Quân địch từ Lộc Ninh xuống ứng cứu bị du kích Sóc Bé chặn đánh trên đường 13, 1 xe GMC bị diệt và tiêu hao nhiều sinh lực.

Trong khi địch tiến hành cuộc hành quân tìm diệt, thì lực lượng ta lại hoạt động ngay giữa lòng địch. Chiến thắng Đồng Long có tiếng vang lớn, làm nức lòng Nhân dân Bình Long. Trên đà thắng lợi, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và du kích liên tiếp tấn công địch, nhiều lần đập mô, đánh mìn trên Quốc lộ 13, buộc quân Mỹ phải đi giải tỏa. Lực lượng tiếp viện cũng bị ta diệt thêm hàng trăm tên. Ngày 09/7/1966, C70 và du kích Xa Cát phục kích đánh thiệt hại nặng bọn địch từ Chơn Thành lên Bình Long. Ngày 11/6/1966, tại ấp chiến lược làng 3 và khu vực Lộc Thiện, lực lượng vũ trang huyện Lộc Ninh và du kích xã đã phối hợp với Tiểu đoàn 7 chủ lực đánh địch lấn chiếm. Quần nhau

1. Chỉ tiêu giao cho lực lượng vũ trang tỉnh Bình Long trong thời gian này là diệt được một trung đội địch. Trong trận này, quân số địch đóng ở Đồng Long có một tiểu đoàn chủ lực, một đại đội bảo an, thì số quân chúng bị diệt đã lên đến 200 tên.

với địch 10 giờ liền, ta đã bẻ gãy 13 đợt xung phong của địch, diệt 350 tên Mỹ thuộc Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 173, thu 25 súng các loại.

Song song với hoạt động vũ trang suốt 32 ngày đêm của Chiến dịch, trên mặt trận chống phá bình định, quân dân Bình Long giành được nhiều thắng lợi. Mặc dù địch dùng mọi biện pháp, thủ đoạn tàn bạo để gom xúc dân, nhưng các đội mũi công tác của ta vẫn kiên trì, ngày bám lô cao su, đêm đột nhập vào ấp chiến lược, tuyên truyền vận động móc nối xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang mật bên trong, đặc biệt tổ chức cơ sở đảng. Lợi dụng tình hình địch phân tán đối phó hoạt động vũ trang của ta và tinh thần binh lính địch hoang mang, dao động, các đội mũi công tác được sự hỗ trợ của các đơn vị vũ trang đã vận động, lãnh đạo Nhân dân các ấp An Lợi, Bình Phú, Phú Lố, Sóc Bé, các làng 4, 5, 6, 7, 8, 9, Xa Cát nổi dậy diệt ác, trừ gian, đấu tranh phá vỡ ấp chiến lược. Từ đó, cơ sở bên trong được phát triển. Ở Quản Lợi, mũi công tác chỉ có 3 đồng chí đã xây dựng được cơ sở đảng, du kích mật bên trong và vận động hàng chục thanh niên nhập ngũ như các anh Tư Bi, anh Đông, anh Hai Chánh, v.v.. Xa Cô 2, Xa Cô 28 là nơi có cơ sở mạnh của ta, nên dù bị địch hốt vào ấp, nhưng Nhân dân vẫn liên tục đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, thường xuyên liên lạc với đội mũi công tác, giúp cách mạng giải quyết khó khăn như mua và cung cấp cho bộ đội lương thực, thực phẩm, thuốc men và các nhu yếu phẩm khác. Mặc dù địch kiểm soát chặt chẽ, đồng bào vẫn tìm cách tiếp tế cho ta. Ở Lộc Ninh, các chiến sĩ du kích và cơ sở bên trong tích cực đi dẫn đường cho ta, có người đã ngã xuống trên đường làm nhiệm vụ như Điều Sáu (dân tộc Xtiêng), Lâm Khanh (dân tộc Khmer) hy sinh ở làng 10 và Lộc Hiệp, 100% bà con ở Brêlin, Cốc Rười đều là cơ sở cách mạng. Với sự vận động của đội mũi công tác, Nhân dân xóm Bưng hết lòng giúp đỡ bộ đội, nên đây được coi là “xóm hậu cần”. Địch đã liệt làng 2 là “đồn điền Việt Cộng”, v.v.. Đó là điều kiện bảo đảm cho phong trào du kích chiến tranh phát triển.

Kết thúc Chiến dịch Bình Long, trong toàn tỉnh, các lực lượng huyện kết hợp với đội mũi công tác đã phát động quần chúng phá vỡ 11 ấp chiến lược, giải phóng gần 2 vạn dân, làm thất bại gọng kìm “bình định” của địch. Mặc dù quân Mỹ đã trực tiếp tham chiến nhưng thế và lực của ta vẫn được giữ vững và phát triển. Tiếp theo thắng lợi Vạn Tường, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, chiến thắng của Chiến dịch Bình Long một lần nữa khẳng định ta có khả năng đánh Mỹ, dù cho chúng được trang bị với phương tiện chiến tranh hiện đại nào.

Ở Phước Long, cuối tháng 3/1966, Mỹ điều một bộ phận lực lượng từ Đông Nam Bộ ra, phối hợp lực lượng ngụy quân tiến hành các cuộc càn quét

đánh phá, hòng đánh bật lực lượng chính trị, vũ trang ta và giành lại những vùng đã mất. Căn cứ vào nghị quyết trước khi bước vào mùa khô, Tỉnh ủy Phước Long đề ra khẩu hiệu hành động cho toàn Đảng bộ “Quyết tâm đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, kiên cường bám trụ giữ vững vùng giải phóng, vùng căn cứ...”. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Phước Long, các K, các đội mũi công tác bám các xã mới giải phóng đẩy mạnh phong trào xây dựng làng, xã chiến đấu, củng cố các tổ chức chính trị, các ban chính quyền tự quản, các đội du kích chiến đấu sẵn sàng chống địch. Đồng bào tích cực đi dân công phục vụ chiến trường, mua công phiếu kháng chiến ủng hộ bộ đội. Nổi bật là phong trào xã Phú Văn. Trong 3 tháng, quân dân xã Phú Văn liên tục chống càn, đánh địch 17 trận, diệt địch hàng chục tên, bắn bị thương nhiều tên khác, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét của địch, trong đó có cuộc càn của tiểu đoàn bảo an do đích thân tên Tỉnh trưởng Mã Sinh Nhơn - Chỉ huy trưởng Tiểu khu Phước Long chỉ huy. Bị thua đau, chúng cho pháo bắn bừa bãi vào xã làm hư hại nhà cửa, tài sản và chết 2 người dân. Đồng bào Phú Văn tổ chức hàng trăm người khiêng 2 xác của đồng bào bị địch giết hại vào thị xã Phước Long đấu tranh trực diện với tên Tỉnh trưởng, đòi bồi thường nhân mạng và chống địch bắn pháo bừa bãi giết dân. Địch phải nhượng bộ và chấp nhận yêu sách của đồng bào. Song song với phong trào đấu tranh của Nhân dân vùng mới giải phóng, ở Đồng Xoài, Đội công tác của đồng chí Hai Thu đã bám sát dân, xây dựng cơ sở trong một số ấp chiến lược như Đồng Tâm, Đồng Tiến, Tân Phước, cùng với bộ đội huyện trừng trị tên ác ôn Thật Nhẫn, diệt tên Xu Lập là ấp trưởng làng 2, đã tác động mạnh với phong trào vùng địch kiểm soát.

Tháng 5/1966, địch huy động phần lớn Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, Lữ 1 (Sư đoàn 101) dù Mỹ và 6 tiểu đoàn quân ngụy, có máy bay và phi pháo yểm trợ dày đặc, mở cuộc càn mang tên Austin, đánh sâu vào vùng căn cứ Bù Gia Mập lên tận dọc biên giới Campuchia. Cuộc càn quét kéo dài 17 ngày đêm (từ ngày 1 đến ngày 17/5/1966) với mật độ bom đạn ác liệt. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh, các đơn vị bộ đội tỉnh, huyện, du kích các xã Đak Nhau, Đak Ó, Bù Gia Mập, các thôn Bu Nung, Bù Du Nga... đã hợp đồng chặt chẽ với bộ đội chủ lực của Khu 6 và 2 trung đoàn chủ lực Miền đóng quân trên địa bàn quần bám đánh nhau với địch. Lần đầu tiên chạm trán với quân lực Mỹ, lúc đầu có đơn vị có bộ phận lúng túng, nhưng sau hơn nửa tháng chiến đấu, các lực lượng ta đã diệt và làm bị thương hơn 200 tên Mỹ - ngụy, bắn rơi, bắn hỏng hàng chục máy bay, phá hủy 2 xe tăng và nhiều pháo. Cuối cùng địch phải dùng máy bay đến giải tỏa và trực thăng hốt quân, kết thúc cuộc càn. Trong trận chống càn này xuất hiện những

gương điển hình của du kích như Điểu Úp, Điểu Brao ở xã Đak O dùng súng AK bắn rơi máy bay Mỹ tại chỗ, Điểu K'Rú ở xã 9 mặc dù bị thương vẫn chống gậy đi đánh giặc, đồng chí Điểu Sách - Bí thư xã 10 công con trên lưng đi chống càn... Qua thử thách của cuộc chống càn dài ngày, tinh thần đoàn kết chiến đấu của Nhân dân vùng căn cứ được nâng lên, một số cán bộ và du kích ưu tú được kết nạp vào Đảng, các chi bộ được củng cố thêm một bước.

Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966) của Mỹ trên chiến trường Đông Nam Bộ nói chung, Bình Long - Phước Long nói riêng, hoàn toàn thất bại. Chúng đã tung ra hầu hết các đơn vị sừng sỏ của Mỹ có mặt trên chiến trường cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, kể cả máy bay chiến lược B52, chất độc hóa học, nhưng không đạt được mục tiêu “tìm diệt và bình định” như kế hoạch đã đề ra.

Bị thất bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất, đế quốc Mỹ tiếp tục ráo riết leo thang chiến tranh ở miền Nam, đồng thời mở rộng chiến tranh bằng không quân, hải quân ra miền Bắc. Chúng ào ạt đưa thêm quân Mỹ vào miền Nam, với quân số gần 40 vạn quân Mỹ và chư hầu cùng với 56 vạn quân ngụy, tăng cường phương tiện chiến tranh tối đa, chúng gấp rút chuẩn bị mở tiếp cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966-1967). Hướng chính vẫn là chiến trường Đông Nam Bộ (trong đó có Bình Long - Phước Long với mục tiêu “tìm diệt và bình định” lớn hơn, mức độ chiến tranh cao hơn, ác liệt hơn.

Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng: Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được ý chí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân Việt Nam anh hùng...”¹. Bác khẳng định: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do...”².

Lời kêu gọi thiêng liêng của Bác Hồ nung sôi thêm lòng yêu nước, căm thù giặc Mỹ của Nhân dân cả nước. Lực lượng vũ trang và Nhân dân Bình Long - Phước Long, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã tiếp tục đẩy mạnh thế tiến công, sẵn sàng cùng quân dân miền Nam vượt qua mọi hy sinh, gian khổ và ác liệt, quyết tâm đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ - ngụy.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, sđd*, t.15, tr.131.

Trước khi bước vào mùa khô, tháng 10/1966, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền có quyết định điều chỉnh chiến trường, tách Bình Long khỏi T1 (miền Đông), tách Phước Long, Quảng Đức khỏi Khu 6; tái thành lập Khu 10 gồm 3 tỉnh: Bình Long, Phước Long và Quảng Đức. Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy Khu 10, các Tỉnh ủy Bình Long - Phước Long được bổ sung, tăng cường và củng cố để đáp ứng với yêu cầu mới của tình hình¹. Riêng Phước Long, được sự chấp thuận của Khu ủy, Tỉnh ủy quyết định điều chỉnh, sắp xếp lại tổ chức, cơ cấu một số K (tương đương huyện) cho phù hợp². Sau khi ổn định tổ chức, các đồng chí tỉnh ủy viên phân công nhau phụ trách từng vùng để chỉ đạo. Các Huyện ủy và K ủy viên phân công đi về các xã, các đội mũi công tác để trực tiếp vừa xây dựng cơ sở chính trị vũ trang, vừa phát động quần chúng đấu tranh tiến công địch bằng kết hợp hai chân, ba mũi ở cơ sở.

Ở Bình Long, để nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo phong trào, cuối tháng 10/1966, Tỉnh ủy chủ trương mở Hội nghị cán bộ các cấp, tiến hành đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ, nhằm quán triệt nghị quyết của Hội nghị chiến tranh du kích lần thứ ba của Quân ủy Miền và Nghị quyết của Tỉnh ủy. Hội nghị xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu của toàn Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và Nhân dân tỉnh Bình Long lúc bấy giờ là: Tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, kết hợp các lực lượng tỉnh, huyện, du kích phối hợp với chủ lực của cấp trên, kiên quyết đánh bại các cuộc hành quân của địch, giữ vững vùng căn cứ, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, đánh phá được kế hoạch bình định của địch, mở rộng vùng giải phóng. Cũng trong đợt sinh hoạt

1. Tỉnh ủy Bình Long lúc này gồm các đồng chí: Nguyễn Khắc Thành - Bí thư, Trần Quang Sang - Phó Bí thư, Tư Bình, Hai Soái, Ba Hùng, Năm Bé, Sáu Xu, Hai Sẻ, Tư Huỳnh, Tư Nam, Ba Sơn, Ba Nhẫn, Ba Vinh và chị Sáu Sơn là Tỉnh ủy viên. Tỉnh ủy Phước Long gồm các đồng chí Đỗ Văn Nướng (Tư Nguyên) - Bí thư, Ba Khanh - Phó Bí thư, Bảy Kính, Ba Võ, Ba Minh, Ba Thiều, Út Lộc, Hai Tiến, Ba Anh, Tám Điển, Tám Lực, Mười Đông là Tỉnh ủy viên.

2. K59 thuộc Khu 6 cũ giải thể, địa bàn K9 cũ giao lại Quảng Đức (đồng chí Năm Nhường - Bí thư K59 về Quảng Đức). Giải thể K58 cũ, đại bộ phận về Kiến Đức (K8) thuộc Quảng Đức, một bộ phận nhập về K20 thành lập K28 trực thuộc Khu 10. Địa bàn Phước Long giải thể K127, lập lại các K gồm có: K16 vùng Bù Đốp do Hai Tiên làm Bí thư, K11 vùng Phước Bình do Bảy Kính làm Bí thư, K17 vùng Đồng Xoài do Ba Kim làm Bí thư, K14 Bắc Phước Long do Lê Văn Mạo làm Bí thư (sau đó đồng chí Út Lộc lên thay), K10 vùng Bù Đăng - đường 10 do Ba Anh làm Bí thư, K19 vùng từ cầu 38 đến cầu 11, nam Quốc lộ 14 đến sông Đồng Nai do Ba Minh làm Bí thư. Cuối 1968, K10 và K19 nhập lại thành K29 do Ba Minh làm Bí thư, Ba Anh làm Phó Bí thư. Khi đồng chí Ba Anh hy sinh, đồng chí Ba Vinh rồi đến đồng chí Tám Điển, đồng chí Võ Đình Tuyến làm Bí thư (Theo các tài liệu lịch sử của các cấp ủy của Đảng bộ Phước Long).

chính trị này, tỉnh đã phát động phong trào thi đua đạt danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ và Dũng sĩ diệt cơ giới Mỹ trong toàn thể lực lượng vũ trang.

Trong lúc ta đang củng cố lực lượng, thì địch tiến hành cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai. Ngày 16, 17/10/1966, được tin quân Mỹ theo đường Minh Thạnh từ Chơn Thành lên Tây Ninh hỗ trợ cho cánh quân càn quét vào Chiến khu Dương Minh Châu, lực lượng vũ trang Chơn Thành và mũi công tác thị trấn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Năm Phong, đã phối hợp với lực lượng Q763 của Sư đoàn 9, phục kích trên đường đò Xa Cát - Minh Thạnh. Địch lọt vào trận địa phục kích, quân ta đồng loạt nổ súng, xung phong chia cắt đội hình chúng ra từng mảnh và diệt gọn 39 xe cơ giới, tiêu diệt 300 tên Mỹ, trong đó một trung tá và một thiếu úy Mỹ đền tội.

Thời gian này, các đội mũi công tác tiếp tục phát triển cơ sở, đặc biệt là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ở những vùng này, bên cạnh những biện pháp tàn ác, địch còn ra sức lừa mị Nhân dân. Chúng sử dụng bọn chiêu hồi, thám báo để lung lạc hàng ngũ cách mạng và Nhân dân, sử dụng bọn lính dân tộc gây mâu thuẫn giữa đồng bào Kinh và đồng bào Thượng, nhưng chúng không sao giải quyết được mâu thuẫn cơ bản giữa đời sống nhân dân với chính sách gom dân, lập ấp chiến lược. Đời sống đồng bào cơ cực và bị kìm kẹp nặng nề, vì thế, khi được đội mũi công tác tuyên truyền vận động, đồng bào đã liên tiếp nổi dậy đấu tranh, đòi về làng, sóc cũ làm ăn. Sự đấu tranh kiên trì của quần chúng buộc địch phải nhượng bộ. Chúng phải để đồng bào ban ngày về làng cũ sản xuất, các đội mũi công tác có điều kiện thuận lợi thâm nhập vào xây dựng cơ sở. Do ta hiểu đúng đồng bào và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, nên tình đoàn kết, gắn bó giữa người Thượng và người Kinh ngày càng bền chặt, hầu hết ở các buôn, sóc đều có cơ sở khá mạnh. Ở An Lợi, Xa Cô Lết, sóc Sọc Lay, các đội mũi đã phát triển được đảng viên người dân tộc như Điều Biên, Điều Cư, Điều Do... Theo sự hướng dẫn của đội mũi công tác, Chi bộ Đảng người dân tộc thiểu số hoạt động mạnh, vận động Nhân dân đóng góp lương thực, tích cực sản xuất, theo dõi tình hình báo cáo và bảo vệ cán bộ. Nhiều cơ sở không sợ hiểm nguy đã làm tốt công tác tiếp tế cho cách mạng. Ở sóc Tó Lớn có chị Điều Thị Ba, tuy nhà hết gạo ăn, chị vẫn đi chợ mua gạo tiếp tế cho du kích. Có lần, chị bị địch theo dõi và bắt giam. Chúng dùng mọi cực hình tra tấn và dụ dỗ, nhưng chị một mực không khai báo. Khi được tha, chị lại tiếp tục băng rừng, đội mưa để tiếp tế cho du kích và bộ đội. Chị Huỳnh Thị Dân, cơ sở mật của làng 10 (Lộc Ninh) đã phục rượu lính bảo an rồi bố trí cho ba thanh niên cơ sở lấy ba súng và lựu đạn của chúng ra rừng tham gia lực lượng vũ trang. Chị bị địch tình nghi bắt đưa về Bình Long tra tấn đến

tàn phế, nhưng vì không khai thác được gì, chúng phải thả. Dù bị thương tật chị vẫn tiếp tục hoạt động. Chị Tý có chồng hy sinh, một mình nuôi năm con dại vẫn tích cực móc nối đội công tác hoạt động (đầu năm 1968 chị được kết nạp vào Đảng rồi làm Bí thư Chi bộ). Anh Lâm Khanh, người dân tộc Khmer, bám áp chiến lược Khánh Hưng, đã vận động hai anh và hai cháu ruột tham gia cơ sở cách mạng. Khi hai người anh của anh bị địch bắn giết, anh vẫn không dao động, tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Song song với công tác tuyên truyền, đội mũi công tác còn kết hợp với du kích và lực lượng huyện làm công tác diệt ác, phá kìm, gỡ thế kìm kẹp cho quần chúng và hỗ trợ phong trào đấu tranh của Nhân dân. Đặc biệt, ở Xa Cô 2, đội mũi phối hợp với tổ vũ trang C70 phục kích để diệt tên Trưởng ấp Bầu nổi tiếng ác ôn. Mặc dù không diệt được hắn, nhưng ta đã khiến hắn hoảng sợ, không dám hống hách, đe dọa quần chúng như trước.

Đối với làng, xã đã giải phóng, đội mũi công tác hướng dẫn xây dựng làng, xã chiến đấu, tổ chức xây dựng du kích bảo vệ Nhân dân, bảo vệ sản xuất. Du kích Trà Thanh đã chặn đánh diệt được 2 xe cơ giới địch. Đồng bào từ Sóc Tranh đến Tổng Cui đã xây dựng hàng rào chiến đấu dài 10 km, cứ 10 mét có hầm chống pháo, ngoài ra còn có giao thông hào chiến đấu, hệ thống hầm chông dài hàng chục cây số, ngăn chặn được địch càn quét bảo vệ vùng giải phóng.

Sự hoạt động tích cực của các đội mũi công tác đã dần khôi phục lại các cơ sở cách mạng bị mất liên lạc do chính sách gom dân, lập ấp chiến lược của địch. Ngay cả các ấp ở nội thị như Phú Hòa, Phú Đức, Ấp 2 thị trấn Chơn Thành, các đội mũi đều móc nối được cơ sở. Đến cuối 1967, hầu hết các làng, ấp đều xây dựng được đội du kích mật và có cơ sở nòng cốt. Ở Sóc Tranh, ta đã xây dựng được 3 chi bộ, 8 đảng viên, và 6 đoàn viên, ngoài ra còn có tổ chức quần chúng khác như tổ công đoàn, phụ nữ, thanh niên, v.v..

Khôi phục được cơ sở và phát triển được phong trào là một thắng lợi của Bình Long, tuy không đều hoặc có nơi còn yếu, nhưng cũng chứng minh đường lối chiến tranh nhân dân được Đảng bộ Bình Long thực hiện một cách đúng đắn. Âm mưu bình định, chia cắt lực lượng cách mạng với quần chúng của địch cơ bản bị thất bại.

Không giành được thắng lợi trong các cuộc hành quân càn quét “tìm diệt và bình định”, ngày 22/02/1967, địch huy động 45.000 quân với các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại mở cuộc hành quân Gianxon Xity, càn quét vào Chiến khu Dương Minh Châu - Tây Ninh, nhằm mục tiêu diệt cho được Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền và bộ đội chủ lực ta. Đây là cuộc hành quân

lớn nhất trong kế hoạch phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai ở miền Nam của Mỹ. Chúng triển khai 3 mũi tiến công cùng một lúc, trong đó có một mũi triển khai trên chiến trường Bình Long, đánh lên hướng Tống Lê Chân, sóc Con Trăn, Cà Tum, Bồ Túc. Tuy là mũi thứ yếu nhưng rất quan trọng, chịu trách nhiệm tiếp tế về hậu cần và viện quân cho hai mũi ở hướng chính.

Trước cuộc hành quân hơn hai tháng, hằng ngày địch dùng hai máy bay Đacôta rải một lượng lớn chất độc hóa học, chủ yếu là hướng tây và đông sông Sài Gòn, nhằm khai quang địa hình, phát hiện và triệt hạ các địa điểm trú quân của ta, biến nơi đây thành vùng trắng làm bàn đạp để chúng tiến sâu vào chiến khu. Toàn bộ cây và thú rừng hầu như bị hủy diệt, địa hình xác xơ, trống trải. Tiếp theo, chúng dùng bom xăng đặc thả xuống để đốt cháy rụi những gì còn sót lại rồi mới đổ quân, tiến hành cuộc càn quét.

Để phối hợp với chiến trường chính, ngay từ lúc địch bắt đầu cuộc hành quân, Tỉnh ủy Bình Long đã chủ trương mở đợt hoạt động trong toàn tỉnh. Các lực lượng vũ trang cùng du kích bám đánh địch, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, chặn đường tiếp tế, quyết tâm góp phần bẻ gãy cuộc càn chiến lược này. Vì thế, ngay lúc Mỹ vừa đổ quân, các lực lượng vũ trang Bình Long cùng du kích triển khai ngay kế hoạch phản kích địch. Dịp này, vừa được Bộ Chỉ huy Miền trang bị cho súng AK, B40, súng trường bá đờ, sức mạnh của lực lượng vũ trang tăng lên đáng kể. Được sự giúp đỡ của Nhân dân, các lực lượng vũ trang địa phương và du kích Bình Long đã bám sát địch mà đánh. Từng tiểu đội, từng tổ phục kích suốt dọc đường từ Bình Long đến Tống Lê Chân, dùng mìn và B40 liên tục diệt xe tăng địch trên đường tiến quân, buộc chúng phải co lại.

Tại vùng sóc Con Trăn và lộ 13, từ ngày 07/3/1967 đến ngày 21/3/1967, đơn vị C70 cùng lực lượng huyện Hớn Quản và du kích liên tục phục kích, pháo kích vào bãi đổ quân, vị trí trú quân và các đoàn quân Mỹ tiếp ứng cho chiến trường chính. Với trên 30 trận đánh, ta diệt và làm bị thương 328 tên Mỹ, phá hủy 20 xe tăng M41, xe bọc thép M113, M118, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng, phá hủy 2 khẩu pháo tự hành.

Tập trung lực lượng lớn, càn sâu vào căn cứ ta với nhiều tham vọng, Mỹ phải trả giá rất đắt cho hành động liều lĩnh của mình. Không diệt được cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực ta, mà ngược lại, chúng bị tổn thất nặng nề trên tất cả các hướng, mất thế chủ động chiến lược. Ngày 15/4/1967, Mỹ buộc phải kết thúc cuộc hành quân. Quân dân Bình Long đã góp phần đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xity của Mỹ - ngụy.

Đi đôi với đánh địch bằng vũ trang, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận tấn công địch. Thực hiện chủ trương trên, các đội mũi công tác cùng các Chi bộ Đảng ở cơ sở đã vận động và hướng dẫn nhiều cuộc quần chúng đấu tranh trực diện chống địch bắn pháo vào các lô cao su và nương rẫy, đòi bồi thường thiệt hại tính mạng, tài sản và hoa màu bị bom đạn, chất độc hóa học tàn phá... với hàng trăm lượt người tham gia. Ở Tân Khai, pháo địch bắn vào rẫy làm chết bà Tám Biên, Chi bộ Tân Khai lập tức vận động gia đình nạn nhân và bà con khiêng xác lên chốt địch đấu tranh, buộc chúng phải ngừng bắn pháo và bồi thường nhân mạng. Chi bộ cũng hướng dẫn Nhân dân Tân Khai làm kiến nghị lên Tỉnh trưởng Bình Long đòi chấm dứt rải chất độc hóa học, bồi thường hoa màu để Nhân dân yên ổn làm ăn. Trước áp lực của quần chúng, địch buộc phải chấp nhận yêu cầu và tổ chức đợt cứu trợ cho Nhân dân. Trong đấu tranh trực tiếp với địch, công tác vận động binh sĩ trở về với cách mạng cũng được xúc tiến. Các ban binh vận, các đội công tác, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang bằng mọi biện pháp tuyên truyền, giải thích chính sách của Mặt trận đối với người lầm đường cho binh sĩ và gia đình binh sĩ, vận động đồng bào kêu gọi chồng, con em bỏ hàng ngũ địch. Tại thị xã, các thị trấn, đồn điền cao su, đồng bào đã phân phát hàng ngàn truyền đơn của Mặt trận về kêu gọi hưởng ứng lệnh ngừng bắn trong dịp tết cổ truyền dân tộc. Tính chung toàn Bình Long đã có 3.000 binh lính nguyện đào rã ngũ. Nổi bật là Chi bộ xã Tân Khai, đảng viên và cơ sở mật tích cực trong công tác tuyên truyền binh sĩ địch. Tại Chơn Thành và chốt Phước Hòa có 350 lính bỏ ngũ. Ở Minh Đức, một tiểu đội dân vệ mang toàn bộ vũ khí ra hàng cách mạng. Cán bộ người dân tộc và Chi bộ Đảng trong các buôn, sóc đã giáo dục vận động, tranh thủ, lôi kéo số binh sĩ người dân tộc trở về với Nhân dân, một số ít gia nhập vào lực lượng du kích để bảo vệ làng sóc...

Ở Phước Long, sau thất bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất, quân Mỹ tập trung vào chiến trường chính. Sư đoàn 5 và bọn bảo an, dân vệ co về phòng thủ. Đến tháng 10/1966, địch đưa một đơn vị Mỹ thuộc Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đờ” lên phối hợp với Sư đoàn 5 nguyện và quân bảo an Phước Long, bao vây phong tỏa chân núi Bà Rá, mở rộng sân bay Phước Bình để thành lập và mở rộng căn cứ quân sự. Cả Mỹ lẫn nguyện phối hợp nhau xua quân càn quét khu vực xung quanh thị xã, hòng gom dân, lập ấp chiến lược, hình thành vành đai an toàn bảo vệ căn cứ bên trong của chúng. Chủ động trước tình hình, Tỉnh ủy Phước Long họp đề ra chủ trương: “Kiên quyết đánh chặn các cuộc hành quân gom dân của địch. Tích cực đẩy mạnh chống phá bình định. Kết hợp chặt chẽ ba mũi tiến công vũ trang, chính trị và binh vận

phá rã, phá lỏng từng mảng áp chiến lược, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đồng thời ra sức xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ, mở rộng vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh. Phát triển và củng cố cơ sở trong lòng địch, chăm lo xây dựng lực lượng cả ba thứ quân, sẵn sàng thắng địch trong mọi tình huống”.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các K, các đơn vị vũ trang có kế hoạch hoạt động. Chỉ trong vòng 7 ngày (từ ngày 15 đến ngày 21/12/1966), Nhân dân và du kích vùng tiếp giáp, vùng mới giải phóng như Phú Văn, Đức Hạnh, Đức Bốn, Bù Xia, Phước Quả... đã đẩy lui và bẻ gãy 10 cuộc càn quét bình định gom dân, cướp lúa của địch, diệt gần trăm tên, có 2 tên Mỹ. Nổi bật là trận ngày 15/12/1966 du kích Đức Bốn phối hợp lực lượng vũ trang K đã quần bắn nhiều đợt máy bay địch đến bắn phá gây tội ác, và đã bắn rơi 1 máy bay phản lực, 1 trực thăng, bắn bị thương 1 trực thăng, 2 máy bay trinh sát, 2 giặc lái đền tội.

Những ngày cuối năm 1966, một bộ phận Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” và một bộ phận Sư đoàn dù 101 Mỹ, 2 tiểu đoàn Nam Hàn, cùng lực lượng Sư đoàn 5 ngụy đổ quân càn quét vào vùng căn cứ ở Bom Bo, Đak Nhou và khu vực đường 309 đi Bù Gia Mập. Cuộc càn mang tên “Phượng Hoàng bay” với hàng ngàn tên Mỹ - ngụy, chũm hũ, có máy bay, pháo binh yểm trợ càn đến đâu đều bị bộ đội địa phương du kích phối hợp với lực lượng Sư đoàn 7 chủ lực Miền đứng chân trên địa bàn chặn đánh đến đó. Do lực lượng bị tiêu hao nhiều và phải tập trung cho chiến trường chính trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai ở Đông Nam Bộ, nên địch vội vã rút quân, kết thúc cuộc càn sớm hơn thời gian hạn định. Trong cuộc chống càn ở xã Đak Nhou nổi lên tấm gương anh dũng bất khuất của liệt sĩ Điểu Xiêng, Xã đội trưởng du kích, đảng viên. Một mình anh chống trả nhiều tên địch. Súng hết đạn, anh bị địch bắt đem về thị trấn Đức Phong. Chúng tra tấn vô cùng dã man, mổ bụng, moi gan, nhưng cho đến hơi thở cuối cùng, anh vẫn không một lời khai báo. Tấm gương oanh liệt của anh sống mãi cùng đồng bào, đồng đội¹.

Sau khi đánh bại cuộc càn quét của Mỹ - ngụy, các lực lượng vũ trang bung ra hoạt động tiến công địch. Theo số liệu sơ kết chưa đầy đủ, ba tháng đầu năm 1967, bộ đội tỉnh, huyện và du kích Phước Long đã tác chiến 16 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 122 tên địch (có 3 tên Mỹ), bắn rơi 1 máy bay vận tải C130, phá hủy 5 xe quân sự, hỗ trợ và phát động đồng bào đứng lên phá rã 23 ấp chiến lược, phá lỏng 12 ấp khác, quần chúng bung ra vùng giải phóng

1. Theo *Truyện thống đấu tranh cách mạng của quân và dân xã Đak Nhou anh hùng*, Đảng bộ Đak Nhou, tháng 12/1998.

ngày càng đông. Thanh niên hăng hái nhập ngũ, bổ sung quân số cho bộ đội tỉnh và các K. Phong trào du kích chiến tranh phát triển rộng rãi và mạnh mẽ. Ở vùng sâu căn cứ Đak Ô, Đak Nhau, Bù Gia Mập, đồng bào dân tộc thiểu số đã cắm hàng chục triệu cây chông, hố chông, các làng chiến đấu bảo vệ căn cứ, bảo vệ hành lang, xây dựng lực lượng du kích. Có xã có từ 1 đến 2 trung đội du kích, được trang bị một số súng, lựu đạn, v.v.. Các xã mới giải phóng ở vùng ven, vùng tiếp giáp thị xã, thị trấn như các xã Bù Xia, Đức Hạnh, Đức Bồn, Phú Văn, v.v., ta lập thế trận chiến đấu tại chỗ, sẵn sàng chống địch càn quét, tiêu biểu nhất là xã Phú Văn, xã đã xây dựng được chi bộ 8 đảng viên, có ủy ban xã, các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nông dân và 2 trung đội du kích với 60 đội viên, có tổ chức hậu cần chiến đấu và bộ phận hướng dẫn Nhân dân lánh cư khi chiến sự diễn ra ác liệt... Nhân dân đã đóng góp 6.000 ngày công xây dựng tuyến phòng thủ quanh xã, đào 5.500 m giao thông hào chiến đấu, cắm 1.500.000 cây chông tre, 2.000 bàn chông sắt, 9.000 cọc phòng không, 715 cọc sắt chống cơ giới. Là một xã giải phóng nằm sát nách tiểu khu Phước Long chỉ 4km đường chim bay, như cái gai trước mắt địch, Phú Văn trở thành khu vực oanh tạc và pháo kích tự do của địch, cực kỳ ác liệt. Tuy nhiên, Nhân dân và du kích Phú Văn vẫn bám trụ kiên cường, ba năm liền bẻ gãy 19 cuộc càn quét của địch, diệt 384 tên (có 230 tên Mỹ), bắn rơi 18 máy bay (chủ yếu là trực thăng), bắn bị thương 4 chiếc khác, phá hủy 3 xe quân sự. Trong Hội nghị tổng kết phong trào bảo vệ vùng giải phóng, Phú Văn được tỉnh Phước Long tặng “Lá cờ đầu phong trào du kích chiến tranh” và được Bộ Tư lệnh Miền tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng Hạng Hai.

Thi đua với du kích Phú Văn, lực lượng vũ trang K và đội mũi công tác phối hợp du kích tăng cường hoạt động nhiều nơi ở Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Bình, Bù Đốp, v.v..

Đi đôi với hoạt động vũ trang, công tác binh vận và đấu tranh chính trị là hai mũi tiến công địch được các cấp ủy chỉ đạo kết hợp chặt chẽ với mũi vũ trang.

Trong những tháng cuối năm 1966 đầu năm 1967, trong toàn tỉnh Phước Long có 38 cuộc đấu tranh chính trị với 4.233 lượt người tham gia đấu tranh trực diện với đồn bót, với Quận trưởng, Tỉnh trưởng đòi chấm dứt việc bắn pháo, máy bay oanh tạc và rải chất độc hóa học bừa bãi. Hàng chục lần quần chúng khiêng xác người chết, người bị thương vì bom đạn Mỹ, đòi bồi thường nhân mạng, tài sản hoa màu, cứu chữa người bị thương. Trước chứng cứ rõ ràng và khí thế đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, dù ngoan cố, địch cũng phải xoa dịu, nhượng bộ và chấp nhận yêu sách của đồng bào. Quần chúng tích cực tham gia mũi tấn công binh vận. Sau khi được giáo dục về chính sách

của Mặt trận đối với người làm đường lạc lối cầm súng làm bia đỡ đạn cho Mỹ - ngụy và phát động tư tưởng, các gia đình binh sĩ đã lên tận đồn bót kêu gọi con em, có hàng trăm binh sĩ người dân tộc quay về với đồng bào, một số tình nguyện vào các đội du kích xã, bộ đội huyện giết giặc, cứu nước...

Tháng 5/1967, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ năm đánh giá tình hình thất bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của địch (1965-1966 và 1966-1967), cho rằng: đế quốc Mỹ không những không đạt được mục tiêu đề ra, mà còn càng lâm vào thế bị động, khủng hoảng trầm trọng cả về chiến thuật, chiến lược, cả về quân sự và chính trị, mặc dù chúng có hàng triệu quân Mỹ - ngụy và chũu hầu trong tay. Trung ương Cục đề ra nhiệm vụ, kêu gọi toàn miền Nam tiếp tục tiến công địch trong mùa mưa, đẩy địch vào thế bị động lúng túng hơn nữa. Cuối tháng 5/1967, Khu ủy Khu 10 họp ra Nghị quyết kêu gọi toàn Đảng, toàn quân giữ vững thế tiến công, kiên quyết giành ưu thế quân sự và chính trị, buộc địch chuyển về thế phòng ngự, bị động đối phó.

Quán triệt tinh thần trên, tháng 10/1967, Tỉnh ủy Bình Long mở đợt hoạt động Thu Đông 1967. Trong không khí thi đua với Bình Giã, các đơn vị chủ lực và bộ đội địa phương chủ động tấn công địch. Bộ đội các huyện Chơn Thành, Hớn Quản đã liên tục nã pháo vào sân bay Túc Ninh, chi khu An Lộc, các đồn điền đóng quân của địch ở đông nam Chơn Thành, tây - tây nam và đông - đông nam Cầm Xe, Cầm Lê, tập kích cụm cơ giới địch đóng chốt ở Tân Khai, trên đường 13... Cùng lúc, bộ đội địa phương Hớn Quản và du kích đột nhập áp chiến lược Quân Lợi và một số chiến lược xung quanh, hỗ trợ Nhân dân diệt ác, phá kìm...

Đồng thời với hoạt động ở Hớn Quản và Chơn Thành, Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Lộc Ninh - Bù Đốp (từ ngày 27/10 đến ngày 29/11/1967). Suốt thời gian chuẩn bị và tiến hành chiến dịch, đồng bào Lộc Ninh đã hăng hái đi dân công phục vụ chiến trường. Hàng ngàn người tham gia đi tải lương, tải đạn, chuyển thương. Bà con Xóm Bưng, làng 2 đã mua hàng tấn thực phẩm, đường sữa, thuốc men dự trữ cung cấp cho bộ đội, v.v..

Phối hợp với quân chủ lực, đêm ngày 28/10/1967, ta tấn công vào chi khu Lộc Ninh và vị trí Lộc Tấn. C70 của tỉnh phối hợp với bộ đội huyện, du kích và một bộ phận của Sư đoàn 9 làm chủ hoàn toàn thị trấn Lộc Ninh trong 3 ngày đêm liền¹. Ngày 07/11/1967, du kích Brêlin phối hợp với bộ đội huyện Lộc Ninh, bất ngờ tập kích vào tiểu đoàn Mỹ đóng quân trong sở cao su, diệt một đại đội và làm trọng thương tên Tiểu đoàn trưởng.

1. Có nhân chứng cho rằng ta chỉ làm chủ thị trấn Lộc Ninh đến hết ngày 29/10/1967.

Ở Bù Đốp, bộ đội địa phương (K16) được sự giúp đỡ của Nhân dân và cơ sở đã độc lập tác chiến, nhiều lần diệt gọn ba trung đội dân vệ ở Phước Hưng và làng 3, Đa Kia được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công. Một số gương sáng nổi lên như chiến sĩ Lâm, Trường Sơn, xung phong nhận nhiệm vụ trinh sát những nơi khó khăn nguy hiểm. Chiến sĩ Trường Sơn đã anh dũng hy sinh trong trận tấn công vào Thuận Kiệm lúc vừa tròn 15 tuổi...

Kết thúc Chiến dịch Lộc Ninh - Bù Đốp, quân ta diệt hàng ngàn tên Mỹ - ngụy. Lực lượng vũ trang và Nhân dân Lộc Ninh - Bù Đốp đã đóng góp nhiều công sức cho sự thành công của Chiến dịch, được Bộ Chỉ huy Miền gửi thư khen ngợi.

Ở Phước Long, triển khai chỉ thị của Trung ương Cục và của Khu ủy Khu 10, Tỉnh ủy chỉ đạo các K liên tục tấn công địch, phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng trong mùa mưa. Ngay từ những ngày đầu tháng 7/1967, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện (K) đã đẩy mạnh hoạt động. Kết hợp với mũi vũ trang, quần chúng và cơ sở ở các xã vùng ven đã tấn công địch bằng binh vận, vận động được 230 binh sĩ địch trở về với Nhân dân, một số mang súng nộp cho cách mạng. Được cơ sở mật hướng dẫn, Đội du kích Bù Xia dùng mìn định hướng tập kích cụm quân Mỹ, diệt hơn 40 tên. Địch hoảng sợ bắn loạn xạ và kêu trực thăng đến lấy xác. Trực thăng lại bị du kích dùng vũ khí bộ binh bắn rơi ba chiếc tại chỗ.

Phối hợp với Chiến dịch Lộc Ninh, cuối tháng 10/1967, bộ đội tỉnh, huyện phối hợp với du kích, pháo kích vào chi khu Phước Bình (ngày 27/10/1967) và tấn công đồn Phước Quả diệt gần trăm tên và trụ lại đánh địch từ Phước Bình chi viện đến. Đơn vị Mỹ đóng gần chi khu Phước Bình hoảng hốt đốt trại, phá công sự và rút chạy. Nhân dân Phước Quả kéo lên tỉnh lỵ Phước Long đấu tranh đòi trở về quê cũ. Một số người bỏ ấp chiến lược chạy ra vùng giải phóng. Đúng như dự đoán ngày 4 và 5/11/1967 (nhờ có đồng bào báo tin và che chở), bộ đội ta đã phục kích ban ngày, đánh tan tiểu đoàn biệt động địch từ chi khu Phước Bình đến hòng chiếm lại Phước Quả, diệt hàng trăm tên.

Phát huy thắng lợi, ngày 07/11/1967, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, hơn 3.000 dân trong ấp chiến lược Hiếu Phong nổi dậy diệt ác, phá kìm, bao vây bức rút đồn do một đại đội thuộc Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 9, Sư đoàn 5 và hai trung đội dân vệ đóng giữ, giải phóng ấp. Ta tiếp tục bao vây đồn Đak Sơn, địch hoảng hốt cho máy bay oanh tạc bừa bãi vào ấp chiến lược, giết hại và làm bị thương người dân vô tội, thiêu rụi gần 200 nóc nhà. Nhân dân Đak Sơn

kéo lên tòa hành chính tỉnh đấu tranh, đòi bồi thường nhân mạng và tài sản. Dịch phải nhượng bộ, hứa bồi thường thiệt hại của dân. Đến ngày 8/12/1967, lực lượng Khu 10, Phước Long, K11 phối hợp chặt chẽ với lực lượng bên trong tấn công tiêu diệt đồn Đak Son, diệt 80 tên, bắt sống 15 tên, thu toàn bộ vũ khí. Đồng bào Đak Son nổi dậy san bằng đồn bót, truy lùng ác ôn, phá banh ấp chiến lược.

Sau thắng lợi đánh bại cuộc càn quét Gianxon Xity của Mỹ, tiếp theo thắng lợi của Chiến dịch Lộc Ninh và các nơi trên địa bàn 2 tỉnh, quân dân Bình Phước đã góp phần vào thắng lợi chung của toàn Miền, đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ - ngụy và giành thắng lợi liên tiếp trong mùa Đông 1967. Những chiến công đó đã đánh dấu sự trưởng thành, phát triển lên một bước mới của các lực lượng vũ trang và phong trào đấu tranh của Nhân dân.

II. THỰC HIỆN TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ

Trên chiến trường miền Nam, sau thất bại liên tiếp của hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, đế quốc Mỹ phải chuyển từ phản công sang thế phòng ngự chiến lược. Đó là thất bại nghiêm trọng của đế quốc Mỹ khi chúng đã sa lầy trong việc đẩy cuộc chiến tranh cục bộ lên bước cao nhất. Đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: “Tình hình trên đây cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang thời kỳ giành thắng lợi quyết định”¹.

Tháng 01/1968, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 đã nghiên cứu tình hình biến động mới nhất trên chiến trường, tình hình thế giới và bản thân tình hình chính trị ở nước Mỹ. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của cách mạng nước ta là “... *động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định*”².

Thực hiện ý đồ chiến lược của Trung ương, được sự chỉ đạo cụ thể của Trung ương Cục và Khu ủy Khu 10, từ những tháng cuối năm 1967, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đã bí mật và ráo riết chuẩn bị về mọi mặt, để phối hợp cùng toàn Miền mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy.

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, sđd, tr.191.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.29, tr.50.

Do địa bàn Phước Long có vị trí quan trọng, là vùng rừng núi, nối liền đường Trường Sơn, tiếp giáp cực Nam Trung Bộ với biên giới Campuchia, nên Phước Long được giao nhiệm vụ xây dựng kho hậu cần chiến lược tại chỗ để phục vụ cho yêu cầu của các chiến trường. Thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, hậu cần tỉnh đã cùng Đoàn hậu cần 86 của R tổ chức móc nối cơ sở để mua lương thực từ các cửa khẩu Campuchia và nội địa. Suốt thời gian dài từ cuối năm 1967, Tỉnh ủy đã huy động mỗi ngày hàng ngàn dân công để vận chuyển hàng về căn cứ. Nhiều buôn, sóc đồng bào tích cực đi dân công hỏa tuyến, có những cụ già 50, 60 tuổi cũng tình nguyện tham gia. Đặc biệt, đồng bào đã sử dụng hàng chục con voi chuyên làm nhiệm vụ vận chuyển hàng từ cửa khẩu về cất giấu trong vùng căn cứ. Được sự vận động của Đảng bộ, nhiều gia đình người Kinh và người dân tộc đã ủng hộ lúa gạo, cho cách mạng mượn vàng, tiền để mua lương thực, thực phẩm, muối, thuốc men... dự trữ. Nhờ vậy, khi bước vào đợt Mậu Thân 1968, trên địa bàn Phước Long đã có khối lượng hàng hóa dự trữ lớn cung cấp cho các chiến trường theo yêu cầu của trên và của lực lượng địa phương tại chỗ sử dụng cho Chiến dịch.

Cùng với việc chuẩn bị về vật chất, Tỉnh ủy chỉ đạo toàn Đảng bộ khẩn trương chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, về tư tưởng và tổ chức, đặc biệt là công tác tư tưởng. Được sự chấp thuận của Quân khu 10, ngày 11/01/1968, Tỉnh ủy quyết định thành lập Tiểu đoàn 168 trên cơ sở sáp nhập 4 đại đội bộ binh, 1 đại đội đặc công và đại đội trợ chiến đã có, với quân số hơn 600 tay súng do đồng chí Ba Huệ làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Tư Cần làm Chính trị viên. Tiểu đoàn 168 là lực lượng chủ công của tỉnh trong đợt tấn công và nổi dậy. Ở các K, bộ đội địa phương cũng được củng cố, rút người ở cơ quan ra tăng cường, tổ chức thành những đơn vị tập trung và các đội vũ trang công tác, vũ khí trang bị đầy đủ. Các xã, ấp, buôn, sóc đều củng cố đội ngũ du kích, ở thôn nào cũng có từ 1 đến 2 tiểu đội. Có xã, đội du kích lên đến hàng trăm đội viên như ở vùng căn cứ kháng chiến Đak Ô, Đak Nhau, 13 xã đông Bù Đăng¹, vùng mới giải phóng: Phú Văn, Bù Xia, Đức Hạnh, v.v.. Về lực lượng chính trị, ở vùng căn cứ cũng như vùng mới giải phóng, xã nào cũng có tổ chức Ủy ban tự quản, một số xã có chi bộ lãnh đạo, các đoàn thể quần chúng, lực lượng tấn công binh vận đều được giáo dục và củng cố, nhất là về tổ chức đảng ở cơ sở vùng xung quanh tỉnh lỵ Phước Long. Vùng núi Bà Rá và Phước Bình tổ chức được 3 chi bộ bên trong: Chi bộ

1. Ở Bù Đăng, 13 xã vùng căn cứ kháng chiến đã xây dựng và củng cố hầu hết các Ban Chỉ huy Xã đội, 26 thôn đội với 367 du kích (2/3 trang bị súng), 500 dân quân (1/3 trang bị súng).

Vườn Cam, Chi bộ Xóm Mới, Chi bộ Thái Bình. Các chi bộ đã bí mật hướng dẫn cơ sở nòng cốt may cờ, bí mật chuẩn bị lực lượng chính trị tham gia nổi dậy, v.v.. Đặc biệt, K28 là vùng hậu cứ do Khu 10 chỉ đạo trực tiếp, nhưng từng lúc phối hợp thực hiện chủ trương của tỉnh Phước Long. Nhiệm vụ chủ yếu của K28 là bảo vệ vùng căn cứ của Khu ủy Khu 10, nay cũng tập trung lực lượng hầu hết là chiến sĩ, cán bộ người dân tộc Xtiêng, Mnông thành lập Đại đội 568 (hai trung đội bộ binh nam, một trung đội trợ chiến nữ) để sẵn sàng tham gia vào cuộc tấn công nổi dậy¹.

Hướng trọng điểm chính tấn công nổi dậy của Phước Long là thị xã Phước Long và thị trấn Phước Bình. Mỗi K (cấp huyện) đều có mục tiêu trọng điểm của mình.

Để tăng cường chỉ huy, lãnh đạo, Khu ủy Khu 10 phân công đồng chí 6H (Nguyễn Trọng Xuyên) - Tư lệnh Khu 10 xuống trực tiếp chỉ đạo Phước Long. Bộ Chỉ huy tiền phương tỉnh được thành lập do đồng chí Tư Nguyễn - Bí thư Tỉnh ủy phụ trách chung, đồng chí Hai Phong - Chỉ huy trưởng Tỉnh đội làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Năm Hòa - Phó Chỉ huy Tỉnh đội làm Chỉ huy phó, Chỉ huy sở đặt tại Lệ An bám sát địa bàn để kịp thời chỉ đạo thực hành tấn công và nổi dậy.

Ở Bình Long, quán triệt nghị quyết Bộ Chính trị và Trung ương Đảng, được sự chỉ đạo cụ thể của Trung ương Cục và Khu ủy, Tỉnh ủy Bình Long có nghị quyết lãnh đạo và vạch ra kế hoạch chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc tổng tiến công nổi dậy.

Là nơi tập trung các cơ quan đầu não của địch tại Bình Long, An Lộc được chọn là một địa điểm tấn công chính của Chiến dịch. Hỗ trợ cho mục tiêu chính ở An Lộc, bộ đội huyện Chơn Thành, du kích các làng, xã phải thực hiện cho được nhiệm vụ diệt ác, trừ gian, cùng Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, khoanh địch từng nơi, không cho chúng thực hiện tiếp cứu lẫn nhau.

1. K28 nằm trên đất Phước Long. Tháng 10/1966 về trước thuộc tỉnh. Sau khi Khu 10 tái lập, Khu 10 quyết định K28 thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy 10. Nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng phong trào du kích chiến tranh, xây dựng thực lực cách mạng, bảo vệ căn cứ của Khu ủy và Khu 10. Hướng tấn công chính của K28 là Trung tâm biệt kích Bu Prăng về phía bắc. K28 đã xây dựng thành một vùng căn cứ kháng chiến rộng lớn từ Bù Gia Mập lên đến biên giới Campuchia vững chắc. Đi đôi với đánh địch, xây dựng lực lượng, K28 đã phát động quần chúng cải cách dân chủ, làm ăn tập thể, có phong trào văn hóa và sản xuất mạnh, với 2.000 dân trồng hàng triệu gốc mì, giải quyết việc thiếu lương thực trong vùng căn cứ...

Sau khi có kế hoạch, công tác chuẩn bị tiến hành rất khẩn trương, Khu ủy 10 cử đồng chí Đỗ Quang Thắng (Năm Thắng - Phó Bí thư Khu ủy trực tiếp xuống địa bàn chủ yếu cùng Tỉnh ủy chỉ đạo. Bộ Chỉ huy tiền phương tỉnh được thành lập, đồng chí Ba Phước - Phó Bí thư Tỉnh ủy chỉ đạo chung và phụ trách mũi tiến công vào thị xã, đồng chí Ba Hải (Trần Văn Chúng) là Chỉ huy trưởng, đồng chí Ba Hùng là Chỉ huy phó.

Đối với lực lượng vũ trang tích cực xây dựng cả về tổ chức và tư tưởng, trước hết là xây dựng tư tưởng ý chí quyết tâm cao, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp giải phóng. C70, C75 được bổ sung quân số, tăng cường trang bị, củng cố tổ chức và học tập, nâng cao trình độ tác chiến và làm công tác vận động quần chúng, binh địch vận. Công trường tỉnh tích cực sản xuất đạn lựa đạn... cung cấp cho Chiến dịch. Lực lượng du kích được phát triển và củng cố, ở các ấp, xã đều có từ một tiểu đội đến một trung đội, một số đội du kích mạnh như sở Sóc Bé, Minh Thạnh, Xa Cát... tác chiến có hiệu quả. Đi đôi với chuẩn bị lực lượng quân sự, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các huyện củng cố, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng, đoàn, hội quần chúng trong các sở, ấp chiến lược địch đang kiểm soát; vận động cơ sở và quần chúng bên trong may cờ mặt trận, tích trữ lương thực, phục vụ công tác dẫn đường cho bộ đội điều nghiên chiến trường. Trong đợt vận động này, tại An Lộc, trong thời gian giáo dục, giao việc, cuối năm 1967, đội mũi công tác của đồng chí Năm Sao đã phát triển thêm một chi bộ bên trong với 5 đảng viên do nữ đồng chí Hai Việt làm Bí thư Chi bộ đi tuyên truyền giáo dục cơ sở và Nhân dân thị xã giúp mua thuốc tây, lương thực dự trữ để tiếp tế, đào hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ, chăm sóc cứu chữa thương binh.

Ngoài các đội dân công đông đảo do tỉnh huy động tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí theo yêu cầu của Chiến dịch, Ban Hậu cần Tỉnh đội còn thành lập một đội xe thô do chị Hai Ánh làm Đội trưởng. Đội có 22 chị em trong độ tuổi 17 đến 22, rút từ các cơ quan xung quanh tỉnh ra. Mặc dù trải qua bao khó khăn nguy hiểm, kể cả dưới bom đạn của B52, chị em vẫn vượt qua, có khi phải vận chuyển một khối lượng hàng hóa nặng hàng tấn, chị em vẫn bảo đảm được an toàn, cung cấp đầy đủ cho bộ đội đánh giặc. Đội đã được Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Nét độc đáo của chiến trường Bình Long là dựa vào cơ sở trong các đồn điền cao su làm "hậu cần tại chỗ". Lòng yêu nước vô tận của Nhân dân là yếu tố thắng lợi của ta.

Để phục vụ cho phong trào nổi dậy của quần chúng, các đội mũi công tác trên các địa bàn cũng được sắp xếp lại, để phối hợp chặt chẽ với lực lượng

vũ trang tấn công địch. Ở Chơn Thành, Lộc Ninh, ta vẫn duy trì các đội mũi hiện có. Riêng ở Hớn Quản, đội mũi công tác được thay thế bằng 4 mũi tiến công vào An Lộc¹.

Ở Lộc Ninh, đồng chí Lê Văn Hai (Năm Béo) - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy được phân công về phổ biến nhiệm vụ và trực tiếp chỉ đạo đợt tấn công và nổi dậy đồng loạt ở huyện. Mọi việc chuẩn bị sẵn sàng, chờ mệnh lệnh của trên.

Thực hiện Quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng, đêm ngày 30 rạng ngày 31/01/1968, tức đêm giao thừa Tết Mậu Thân, quân dân miền Nam đã tiến hành đòn tiến công chiến lược trên toàn chiến trường, đánh đồng loạt vào các cơ quan đầu não, các sào huyệt, căn cứ Mỹ - ngụy, mở màn cho cuộc Tổng công kích, tổng khởi nghĩa². Mặc dù công việc chuẩn bị rất khẩn trương nhưng mệnh lệnh tổng công kích, tổng khởi nghĩa được giữ bí mật tuyệt đối. Đến giờ phút được phổ biến thì triệu người như một, với khí thế “Trường Sơn chuyển mình, Cửu Long dậy sóng”, quân chúng sục sôi cách mạng và tin tưởng tuyệt đối ở thắng lợi, ai nấy đều hăng hái, nô mức xông ra mặt trận trong tinh thần: “Cơ hội ngàn năm có một”.

Đêm ngày 30/01/1968, các mũi tiến công đều áp sát mục tiêu. Đúng 0 giờ ngày 31/01/1968, cùng với quân dân toàn miền, quân dân Bình Long, Phước Long đồng loạt nổ súng tiến công. Tại Bình Long, lực lượng C70, C75, C đặc công, B pháo kết hợp với 4 mũi công tác đồng loạt tiến công, tập trung đánh vào phía bắc thị xã An Lộc. Địch hoàn toàn bất ngờ không kịp trở tay đối phó. Từ các hướng, quân ta ồ ạt tiến công vào thị xã, tấn công mãnh liệt một loạt vị trí quan trọng của địch như dinh Tỉnh trưởng, nhà quận Tân Tây Lan, tòa hành chính, ty cảnh sát và trại giam. Ta đánh từng bước rất chặt, cắt giữa đường Thánh Mẫu, chiếm giữ và làm chủ toàn bộ phía bắc thị xã An Lộc, liên tục pháo kích vào tổng đoàn bảo an... Địch hết sức hoang mang. Chúng báo cho nhau: *Bình Long có thể rơi vào tay Việt Cộng*. Gần sáng ta lui ra ngoài và lập thế trụ lại đánh phản kích.

1. - Mũi 1 (K1) chịu trách nhiệm toàn bộ khu vực thị xã An Lộc, Quản Lợi, đồng chí Ba Phước trực tiếp chỉ đạo mũi này.

- Mũi 2 (K2) phụ trách các làng, Sở Cao su Xa Cô 2, Xa Cô Suýt, Xa Cô 28, do đồng chí Chín Hùng làm mũi trưởng.

- Mũi 3 (K3) vùng Xa Cam, Xa Cát do đồng chí Tư Đạt làm mũi trưởng.

- Mũi 4 (K4) bao gồm vùng Xa Trạch, Sóc Tranh do đồng chí Chín Chúc làm mũi trưởng.

2. Do tính toán sai lệch ngày Âm lịch nên mặt trận Thừa Thiên Huế nổ súng trước, nhưng toàn miền Nam vẫn giữ được yếu tố bí mật bất ngờ của Chiến dịch.

Ở nội thị, phối hợp với tấn công quân sự, các chi bộ mật của ta hướng dẫn cơ sở treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi binh lính địch. Ở các sở cao su, vùng ấp chiến lược, dinh điền các đội mũi công tác đã phối hợp chặt chẽ với du kích đồng loạt tấn công vào bọn bảo an, dân vệ, hướng dẫn Nhân dân nổi dậy truy lùng, diệt ác, giành quyền làm chủ.

Trước khí thế tấn công và nổi dậy của quân dân ta, địch điên cuồng phản ứng. Ở nội thị, chúng ra lệnh thiết quân luật, đồng thời mở các cuộc hành quân càn quét bằng công an, cảnh sát dã chiến để truy bắt cơ sở và lùng bắt cán bộ, chiến sĩ ta. Nhờ sự khéo léo và gan dạ của cơ sở, các cán bộ hoạt động nội thị của ta như các đồng chí Năm Sao, Ba Phước, Mười Tân, Hồng Vân, v.v., đều được bảo vệ an toàn, tiếp tục bám trụ, theo dõi chỉ đạo chiến dịch. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phối hợp giữa bên trong Nhân dân “bãi thị”, bên ngoài quần chúng ở các làng sở Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Sóc Trào, Quản Lợi tổ chức “nhập thị”, xếp thành đội ngũ bằng hình thức đi chợ kéo vào An Lộc, cùng Nhân dân thị xã đấu tranh đòi bồi thường thiệt hại, đòi bỏ lệnh thiết quân luật, đòi cung cấp lương thực cho bà con di tản vì chiến tranh, đòi chôn cất người chết. Sự hiệp đồng bên trong và bên ngoài rất chặt chẽ và đấu tranh quyết liệt. Bất chấp đạo lý, địch tăng cường đàn áp nhân dân, chúng bắt giam người hàng loạt. Tại An Lộc, ngoài số hơn 300 người bị bắt giam và ở ấp Vườn Rau, địch còn bắt bỏ tù hàng trăm người khác.

Không dứt điểm được An Lộc, sáng ngày 01/02/1968, quân ta lui ra ngoài tổ chức đánh phục kích, bẻ gãy các mũi phản kích của địch. Cuộc chiến đấu trên đoạn đường Bình Long - Quản Lợi liên tục diễn ra rất quyết liệt. Hiệp đồng với mục tiêu chính ở An Lộc, bộ đội địa phương huyện, du kích ở Chơn Thành thực hiện nhiệm vụ bao vây, pháo kích, tấn công đồng loạt vào chi khu, chi cảnh sát và một số mục tiêu khác, gây cho địch nhiều thiệt hại. Ngày 06/02/1968, một bộ phận B29 bộ đội huyện do đồng chí Hai Sáng chỉ huy cùng với đội mũi công tác và du kích mật đánh phá ấp Chơn Thành 2. Bọn tề ấp bỏ chạy, Nhân dân giành quyền làm chủ. Ở Lộc Ninh, có một bộ phận chủ lực Sư đoàn 7 phối hợp, lực lượng vũ trang huyện và du kích tấn công, pháo kích vào căn cứ địch ở chi khu, thị trấn Lộc Ninh và các đồn xung quanh, đánh mạnh ở làng 5 (Lộc Tấn), làng 2, Lộc Thiện, Lộc An, Lộc Hòa. Tính đến ngày 04/02/1968, quân dân Lộc Ninh đã giải phóng và làm chủ một vùng căn cứ từ làng 5 sang làng 2 (Ninh Thuận), Lộc An, Lộc Hòa, uy hiếp các ấp còn lại xung quanh chợ. Địch hoảng sợ lo cố thủ chi khu. Cũng như ở An Lộc, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, 15.000 dân từ các làng, sở cao su và phum, sóc của đồng bào dân tộc thiểu số hàng ngũ chính tề, mang theo

cờ Mặt trận, khẩu hiệu đòi Mỹ rút về nước đổ về thị trấn. 5.000 người tràn vào chợ Lộc Ninh, chị em phụ nữ mang đơn tố cáo địch khủng bố đồng bào xông vào nhà Quận trưởng đấu tranh. Ở sở Brêlin, 47 thanh niên xung phong nhập ngũ.

Cùng với cuộc tấn công, nổi dậy đồng loạt ở Bình Long và toàn miền Nam, đúng giờ G ngày 31/01/1968, ở Phước Long, Tiểu đoàn 168 và lực lượng đặc công của tỉnh cùng các đội mũi công tác bằng mọi hình thức đồng loạt tấn công vào tỉnh lỵ Phước Long, quận lỵ Phước Bình, áp chiến lược Chu Ninh, đánh sập 2 lô cốt, phá hủy nhiều hầm ngầm, công sự, chiếm khu phố Kiến Thiết, làm chủ tình hình suốt trong ngày 01/02/1968.

Ngày 01/02/1968, Tiểu đoàn 168 tiếp tục vây chi khu, chiếm thị trấn Phước Bình, vận động quần chúng nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn, phổ biến chính sách Mặt trận, cử cơ sở là bà Năm Dẹo mang thư của Mặt trận giải phóng tỉnh Phước Long vào thị xã đưa cho tên Tỉnh trưởng Phước Long là Lưu Yểm, kêu gọi hãn gia chính quyền cho cách mạng¹. Đồng bào Phước Bình giúp vật liệu, dụng cụ cho ta làm công sự, ủng hộ lương thực, thực phẩm để bộ đội trụ lại đánh địch. Địch phản kích ra giải tỏa thị trấn, ta trụ lại suốt 5 ngày chặn đánh quyết liệt, có ngày đẩy lùi 7 cuộc phản kích của địch, diệt 80 tên, loại khỏi vòng chiến đấu một đại đội Mỹ, diệt 2 xe M113... Ta hy sinh 30 đồng chí, nhưng tinh thần chiến đấu kiên cường của bộ đội đã có tác động lớn trong đồng bào, hỗ trợ trực tiếp các mũi tấn công chính trị, binh vận của quần chúng.

Ngày 01/02/1968, ta phát triển đánh chiếm khu vực xung quanh Sơn Trung, Sơn Hà, Sơn Giang, Trại Cửa, Tư Hiền. Ta tiếp tục đánh áp chiến lược Bù Giai, giải phóng Ấp 2, Ấp 3, Chu Ninh, địch chống trả yếu ớt và bỏ chạy. Ta bám giữ trận địa, phát động quần chúng nổi dậy hưởng ứng phá rào kẽm gai, đập tan trụ sở tề ngụy và truy lùng bắt ác ôn.

Chiều ngày 01/02/1968, Nhân dân các làng 4, 5, 7, 8 của Phước Bình mới được nghe cán bộ đọc mệnh lệnh tổng khởi nghĩa, tổng công kích, khí thế quần chúng sục sôi, mỗi làng lập Ủy ban giải phóng gồm 5 người, du kích mật lấy súng cất dưới hầm lên tập hợp thanh niên tổ chức du kích, có đội lên đến 14 đội viên. Đồng bào đốt thẻ kiểm tra của địch, may cờ, băng rôn chuẩn bị xuống đường nhận nhíp. Sáng ngày 02/02/1968, gần 200 đồng bào xuống đường, chở đầy 4 xe chạy vào thị xã Phước Long. Xe vừa chạy, đồng bào

1. Bà Năm Dẹo là cơ sở nòng cốt gan dạ, về sau được kết nạp vào Đảng.

vừa hô: “Mỹ rút về nước, lật đổ chính quyền Thiệu-Kỳ, giành chính quyền về tay nhân dân” và kêu gọi binh lính ngụy không chống lại Nhân dân “Mỹ thua về Mỹ, binh sĩ về đây”, v.v.. Liên tiếp các ngày 03, 04 và 06/02/1968, đồng bào vẫn tiếp tục xuống đường. Mặc dù các đoàn xe chở người bị chặn lại không vào được trung tâm thị xã, đồng bào đã trương cờ mặt trận, biểu ngữ, băng rôn và hô to khẩu hiệu “Mỹ rút về nước, đả đảo Thiệu-Kỳ”, bọn địch không dám đàn áp, khí thế quần chúng sôi nổi chưa từng có...

Đồng thời với tiến công các mục tiêu ở tỉnh lỵ Phước Long, quận lỵ Phước Bình, C10 đặc công và C102 của Tiểu đoàn 168 tiến công vào sân bay Phước Bình, diệt 180 tên ngụy, 60 tên Mỹ, bắn cháy 2 máy bay trực thăng. Đến ngày 06/02/1968, lực lượng đặc công Khu 10 do đồng chí Bảy Phạm chỉ huy phối hợp với đội mũi công tác núi Bà Rá đánh thọc sâu vào thị xã Phước Long, chiếm khu vực chùa và trụ lại đánh phản kích. Bất chấp hy sinh, quân ta chiến đấu rất mãnh liệt¹.

Liên tục từ ngày 04 đến ngày 10/02/1968, ta tổ chức đánh địch ở nhiều nơi quanh thị xã và đánh địch phản kích diệt nhiều tên, tạo thế cho quần chúng đấu tranh trực diện với địch. Không khí chiến trường sôi động, binh lính địch hoang mang, dao động mạnh, đồng bào đã vận động hàng trăm tên bỏ ngũ trở về với Nhân dân. Trước sức tấn công dồn dập của quân ta, ngày 20/02/1968, Tiểu đoàn 2, Sư đoàn 5 ngụy và Tiểu đoàn 31 biệt động quân đóng ở Phước Long tuyên bố phản chiến tập thể, án binh bất động.

Ở các nơi khác trong tỉnh, hiệp đồng theo tiếng súng, lực lượng vũ trang các K cũng đồng loạt pháo kích vào các quận lỵ, chi khu Bù Đốp, Đồng Xoài, Đức Phong... Ở Bù Đăng, ta tiến công vào yếu khu Bù Na và dinh điền Vĩnh Thiện, Bù Môn, phát động quần chúng nổi dậy.

Sau khi củng cố lại lực lượng, Mỹ - ngụy phản kích cùng với bom đạn, phi pháo ác liệt. Để bảo toàn lực lượng và chuẩn bị cho những đợt tiến công tiếp theo, ta tổ chức lực lượng lùi về phía sau, các mũi công tác vẫn bám sát chiến trường, hướng dẫn phong trào quần chúng đấu tranh.

Để chuẩn bị lực lượng cho đợt 2 Chiến dịch, tháng 3/1968, ở Bình Long, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội chủ trương rút quân số từ lực lượng vũ trang các huyện bổ sung, lấy C70, C75 làm nòng cốt thành lập Tiểu đoàn 368 tập trung cơ động của tỉnh do đồng chí Sáu Hùng làm Tiểu đoàn trưởng. Tiểu đoàn 368

1. Trong trận tấn công này, gần 30 em thiếu niên từ 12 đến 15 tuổi đã tình nguyện mang đạn từ kho đường 10 đến Phước Long tiếp tế cho bộ đội tấn công địch.

có 3 đại đội bộ binh, 1 trung đội trinh sát, 1 trung đội pháo cối nữ. Tuy là nữ nhưng trung đội pháo cối là một đơn vị giỏi, bắn trúng mục tiêu, trợ chiến đắc lực cho bộ binh chiến thắng nhiều trận. Cũng giữa đợt 1 và đợt 2, Bộ Chỉ huy Chiến dịch của tỉnh có sự thay đổi, đồng chí Ba Hải về Khu 10 nhận công tác, đồng chí Ba Hùng thay và phụ trách Chỉ huy trưởng Chiến dịch.

Tuy mới thành lập, nhưng Tiểu đoàn 368 vào đợt 2 với khí thế sôi nổi, quyết tâm cao. Ngay trận đầu Tiểu đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt gọn Đại đội số 214 của Liên đoàn bảo an Bình Long tại Quán Lợi. Qua chiến đấu, Tiểu đoàn nhanh chóng trưởng thành. Trận phục kích giao thông đánh đoàn xe cơ giới 100 chiếc của địch từ thị xã lên Thanh Lương, 17 xe tăng địch đi đầu đã bị Tiểu đoàn chặn diệt tại trận. Đây là trận thắng lớn thứ hai của Tiểu đoàn.

Sau các trận chiến thắng trên, Tiểu đoàn 368 áp sát, bám trụ vùng ven thị xã An Lộc, thường xuyên tổ chức những trận tấn công địch và rút ra phục kích đánh địch phản kích, duy trì thế giằng co giữa ta và địch một thời gian dài. Tuy nhiên, càng về sau yếu tố bất ngờ không còn nữa, địch lại tập trung được lực lượng, chi viện thêm về hỏa lực nên thường xuyên phản công lại ta. Để đối phó, ta đẩy mạnh hoạt động của các đội du kích, kim chân, gây khó khăn cho chúng ở khắp nơi.

Tại Xa Trạch, địch cố phản công ta, bắt liên lạc với bọn ở Bình Long. Nắm được ý đồ của địch, lực lượng vũ trang của K4 dưới sự lãnh đạo của đồng chí Sáu Dư tổ chức các trận đánh không cho chúng bung ra, vừa tiến công quân sự vừa kết hợp với quần chúng nổi dậy. Lực lượng K4 và du kích Sóc Tranh buộc địch phải co lại, ta diệt phần lớn bọn tề điệp xã, ấp, số còn lại bỏ chạy về Bình Long. Ta làm chủ cả vùng Vân Hiên, Bò Com, Xa Trạch. Trên đường Quốc lộ 13 và đường Chơn Thành đi Minh Thạnh, lực lượng vũ trang Chơn Thành (B193) phối hợp du kích chặn đánh, phá đường, không cho địch phát triển về phía Bình Long. Ở các trận phục kích cầu Bà Và, Cây Cây, ta diệt được một bộ phận lớn sinh lực địch và nhiều phương tiện chiến tranh của chúng.

Ở Phước Long, sau đợt 1, ta nhanh chóng củng cố lực lượng. Tỉnh ủy động viên toàn Đảng bộ ra sức tham gia tiến công, nổi dậy đợt 2 vào ngày 08/6/1968. Các lực lượng vũ trang Phước Long đồng loạt pháo kích vào thị xã Phước Long, dinh tỉnh trưởng, ty cảnh sát, sân bay Phước Bình gây cho chúng nhiều thiệt hại, đồng thời Tiểu đoàn bộ binh 168 đánh chiếm quận lỵ Phước Bình và trụ lại. Đồng bào Phước Bình hăng hái tham gia cùng Quân giải phóng truy lùng ác ôn, bắt sống nhiều tên tề điệp và tổ chức mítting giữa chợ ban ngày, mừng chiến thắng.

Tháng 5/1968, Tỉnh ủy quyết định nhập K10 và K19 thành lập K29 (toàn bộ huyện Bù Đăng) và thống nhất lực lượng vũ trang 2K thành lập C290 tăng thêm sức tiến công địch. Vừa thành lập xong, bước vào đợt chiến đấu, C290 pháo kích chi khu Đức Phong, tiến công phá 5 ấp chiến lược thuộc hệ thống ấp chiến lược Vĩnh Thiện. Tính chung đến tháng 8/1968, quân dân Bù Đăng tác chiến 46 trận lớn nhỏ, diệt và làm bị thương 157 tên địch.

Qua đợt Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân trên toàn Miền, tuy ta có bị tổn thất, nhưng thắng lợi rất to lớn, vang dội năm châu. Đây là một đòn chiến lược đánh vào tận sào huyệt kẻ thù, diệt một bộ phận quan trọng sinh lực Mỹ - ngụy và phương tiện chiến tranh của chúng, làm sụp đổ ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Tổng thống Giôn-xơn ngày 13/5/1968 phải chịu cử đại diện của Mỹ đến Pari, mở đầu cuộc đàm phán giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bộ Chính trị quyết định mở tiếp đợt 3 để đẩy mạnh địch vào thế bị động chiến lược hơn nữa. Thời gian đợt 3 được ấn định từ ngày 17/8 đến tháng 9/1968.

Thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương Cục, Quân ủy Miền và Khu ủy 10, Tỉnh ủy động viên quân dân Phước Long tiếp tục mở đợt tiến công mới. Ngày 20/8/1968, Tiểu đoàn 168 và các đội mũi công tác, lực lượng vũ trang Phước Bình pháo kích vào tỉnh lỵ Phước Long, chi khu quân sự Phước Bình và sân bay Phước Bình. Sau loạt pháo kích, bộ binh xung phong đánh vào một số mục tiêu, san bằng một lô cốt, đánh sập khu nhà ở của Mỹ ở chi khu Phước Bình, đốt cháy các bồn xăng và kho tàng của chúng trong sân bay. Địch phản công quyết liệt. Sáng ngày 21/8/1968, địch đưa hai đại đội hành quân giải tỏa. Ta chặn địch diệt một số tên. Chúng dùng máy bay trực thăng và pháo bắn bừa bãi xung quanh thị trấn, làm hư hại một số nhà cửa, làm một số đồng bào chết và bị thương. Ngày 22/8/1968, Ủy ban Mặt trận Giải phóng tỉnh Phước Long ra tuyên bố tố cáo tội ác của Mỹ - ngụy và kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh vùng lên tấn công địch mạnh mẽ để trả thù hành động dã man của địch.

Ở Bình Long, vào đợt 3, Tiểu đoàn 368 chặn đánh tiểu đoàn Mỹ từ căn cứ Túc Ninh lấn ra khu vực Phú Miêng, diệt 4 xe bọc thép, bắt sống 1 xe. Ta xung phong truy kích địch chạy về hướng Túc Ních, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn Mỹ, trong đó có một đại đội bị diệt gọn. Trong trận này đồng chí Cầu, một thiện xạ B41 của tỉnh, người từng diệt nhiều xe tăng địch, đã anh dũng hy sinh. Trong nội thị, ta sử dụng du kích mật (anh Hai Minh) dùng mìn định giờ đánh bên trong chi khu An Lộc gây tiếng vang trong thị xã.

Ở Lộc Ninh, sau đợt 2 Đại đội 31 bộ đội địa phương huyện được thành lập với 86 tay súng gồm nhiều cán bộ, chiến sĩ là người các dân tộc Xtiêng, Khmer và một trung đội nữ súng cối 60 ly đều là con em công nhân cao su Lộc Ninh¹. Đơn vị bước vào đợt 3 với khí thế mới. Trận đầu chặn đánh một đại đội Mỹ càn vào hướng tây nam Lộc Ninh, diệt nhiều tên, bắn cháy 3 xe bọc thép, bắn rơi một máy bay lên thẳng. Ngày 18/10/1968, Đại đội 31 tiếp tục tấn công địch ở làng 4, Lộc Tấn, Lộc Thiện diệt 40 tên bảo an và bình định, hỗ trợ 4.000 đồng bào phá banh áp chiến lược, ta làm chủ hoàn toàn làng 3, làng 5, Lộc Thiện. Ngoài ra, Đại đội 31 và du kích Lộc Ninh còn phối hợp với quân chủ lực Miền tác chiến hàng chục trận khác, diệt hàng trăm tên địch, phá hủy nhiều xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi hàng chục máy bay. Trong lực lượng du kích Lộc Ninh, nổi bật là du kích Lộc Tấn, tính chung các đợt tổng tấn công và nổi dậy năm 1968, du kích Lộc Tấn đã tác chiến 48 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 162 tên Mỹ - ngụy, hạ một máy bay trực thăng (năm 1978, xã Lộc Tấn và Đại đội 31 được Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân).

Lúc này, địch đã củng cố và tăng cường lực lượng, mở nhiều cuộc hành quân tập trung đánh phá vào vùng sâu của ta. Đánh đến đâu chúng tiến hành bình định đến đó. Ở nội thị và một số vùng xung yếu, qua các đợt nổi dậy, một số lực lượng bên trong đã bị lộ phải tạm lánh để củng cố. Trước những thay đổi của tình hình, tỉnh chủ trương vận động đối phó một cách phù hợp, chỉ đạo các huyện, các đội mũi công tác phát động quần chúng đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị tiến công địch. Lực lượng vũ trang tạm thời hạn chế các hoạt động quy mô lớn, chuyển sang đánh tập kích, đánh lẻ từng toán quân địch, vừa tiêu diệt, tiêu hao lực lượng chúng, vừa bảo toàn lực lượng ta, bám giữ địa bàn, tạo thế đứng chân để phản công địch khi có điều kiện.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, cán bộ và các lực lượng vũ trang vừa đánh địch hỗ trợ phong trào, vừa phát động quần chúng đấu tranh chống địch gom dân vào lập các khu tập trung, áp chiến lược, chống địch bắt lính, chống bắn pháo và oanh kích bừa bãi vào các làng, sở, lô cao su, nương rẫy. Riêng An Lộc, từ tháng 5/1968, Tỉnh ủy đã quyết định thành lập đơn vị thị xã An Lộc. Thị ủy do đồng chí Năm Chi làm Bí thư, Năm Sao làm Phó Bí thư. Các đồng chí

1. Dốc 31 (còn gọi là dốc Năm Ông) nằm trên lô cao su 31, nơi đã diễn ra trận đánh nổi tiếng của Trung đội vũ trang Lộc Ninh phối hợp với một bộ phận Sư đoàn 7 phục kích diệt 200 tên Mỹ trong đợt 1 Tổng tấn công và nổi dậy tết Mậu Thân. Đại đội tập trung đầu tiên của Lộc Ninh do các đồng chí Sơn, Liên, Bài chỉ huy, lấy tên địa danh dốc 31 đặt làm phiên hiệu đơn vị là Đại đội 31.

ở hầm bí mật, bám trụ thị xã để lãnh đạo phong trào nội thị. Do đó, tuy tình hình căng thẳng gay go nhưng sau các đợt tổng tấn công nổi dậy, cơ sở chính trị trong nội thị đã kịp thời được củng cố và giữ vững, mặc dù có một số tổn thất, một số bị lộ phải chuyển ra ngoài. Tính chung, đến tháng 9/1968, tỉnh Bình Phước đã có 360 cuộc đấu tranh của Nhân dân, với 150.000 lượt người tham gia. Địch dùng dây kẽm gai, bùng nhùng để ngăn chặn, nhưng càng ngăn chặn, phong trào đấu tranh của quần chúng càng lên cao, càng bùng lên mạnh mẽ. Trong lúc tinh thần binh lính địch hoang mang, dao động sau cuộc tổng công kích và nổi dậy của quân dân ta, đồng bào đã tuyên truyền giải thích chính sách khoan hồng của cách mạng cho trên 350 gia đình binh sĩ nguy, vận động họ kêu gọi con em bỏ hàng ngũ địch quay về với Nhân dân và gia đình, phát trên 5.000 truyền đơn, 65 thư tay cho binh sĩ, nhiều nơi đồng bào đem truyền đơn thư tay lên tận đồn bót trao cho binh lính địch. Trong đợt này có 57 binh sĩ bỏ hàng ngũ địch về với Nhân dân.

Kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh. Đồng bào tích cực xây dựng các làng sở chiến đấu, rào trên 200.000m rào chiến đấu, kết hợp gài, cắm chông tre, chông sắt, bom bi, mìn tự tạo, có cả mìn chống tăng, đào hầm chống phi pháo dọc lô cao su, quanh nhà giữ trẻ, trường học, v.v., sẵn sàng chống địch càn quét. Ở Xa Cát, Mỹ càn vào hàng rào chiến đấu bị mìn nổ 1 xe tăng bị diệt, chúng hoảng sợ rút lui, 11 tên nguy khác bị diệt ngay trước tuyến phòng thủ. Ở Xa Trạch, quần chúng đã đưa 70 con em gia nhập lực lượng vũ trang. Ở nhiều nơi như Quản Lợi, Xa Cam, các làng sở ở Lộc Ninh, phum, sóc kháng chiến của đồng bào dân tộc thiểu số, các đội tự vệ, du kích được xây dựng và củng cố để bảo vệ đồng bào, xã, ấp. Cùng với Lộc Tấn, Brêlin, Cốc Rươi, Xóm Bưng cũng là nơi có đội du kích mạnh của Lộc Ninh.

Ở Phước Long, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Giải phóng tỉnh, tố cáo tội ác ném bom bừa bãi ở thị trấn Phước Bình ngày 22/8/1968, nhiều cuộc đấu tranh chống địch khủng bố trong các cuộc càn quét, bắn pháo bừa bãi, chống bắt lính, v.v., diễn ra nhiều nơi ở Đồng Xoài - Phước Bình - Bù Đăng, hơn 3.000 đồng bào dân tộc thiểu số bỏ ấp chiến lược bung về làng, sóc cũ làm ăn. Sau cuộc phản chiến tập thể của hai tiểu đoàn địch ở Phước Bình, đồng bào tiếp tục tiến công binh vận bằng nhiều hình thức phong phú, hàng trăm binh sĩ nguy ở Phước Long đã bỏ ngũ trở về với Nhân dân. Phong trào du kích chiến tranh vẫn giữ vững và phát triển, mặc dù sau đợt 3 địch phản kích quyết liệt, nhiều nơi đánh trả có hiệu quả, bẻ gãy nhiều cuộc càn

của địch, nổi bật là phong trào du kích chiến tranh ở Phú Văn, Đúc Hạnh, Bù Xia... Riêng Phú Văn, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, toàn dân tham gia phong trào du kích chiến tranh mạnh mẽ. Trong vòng 10 ngày (từ ngày 14 đến ngày 24/11/1968), Nhân dân và du kích Phú Văn đã tác chiến 40 trận, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét, giết chết và làm bị thương 180 tên địch (chủ yếu là Mỹ), bắn rơi, bắn bị thương 14 trực thăng. Với thành tích xuất sắc đó, Bộ Chỉ huy Miền đã tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất cho quân dân Phú Văn.

Sau đợt 3 tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, từ tháng 10/1968 trở đi, Mỹ - ngụy đã hồi phục lực lượng. Trên toàn chiến trường B2, chúng đã liên tục mở các cuộc hành quân phản kích quy mô lớn. Chúng sử dụng cả lực lượng quân thù bị ngụy cùng với quân Mỹ thực hiện chiến lược “Phòng ngự từ xa” với kế hoạch “Quét và giữ”. Chúng tập trung đánh phá từng vùng, từng khu vực hòng đẩy lực lượng cách mạng ra xa các vùng đô thị, thị xã, thị trấn và đánh bật các lực lượng cách mạng ra khỏi Nhân dân. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy Khu 10, Tỉnh ủy Phước Long, Bình Long chỉ đạo các lực lượng chính trị, vũ trang, toàn Đảng bộ và Nhân dân kiên quyết bám trụ chiến trường, bám trụ địa bàn, vượt qua khó khăn ác liệt, dũng cảm, mưu trí sáng tạo, quần nhau với địch, bám ấp duy trì và củng cố các lực lượng chính trị, vũ trang, tổ chức cơ sở đảng, du kích tự vệ mật bên trong các ấp chiến lược, các dinh điền, đồn điền, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Những tháng cuối năm 1968, cuộc chiến đấu bước vào thời kỳ gay go và quyết liệt mới đây thử thách.

*

* *

Sau hơn ba năm đương đầu với giặc Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đầy ác liệt, gian khổ, hy sinh, Đảng bộ và Nhân dân hai tỉnh Bình Long - Phước Long luôn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi tất yếu và chân lý “Không gì quý hơn độc lập, tự do”, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Từ niềm tin đó, Đảng bộ Bình Long - Phước Long đã luôn quán triệt và vận dụng đường lối chủ trương của Đảng phù hợp với tình hình địa phương, để lãnh đạo phong trào đấu tranh của Nhân dân hai tỉnh tiến lên.

Thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và chư hầu cùng khối lượng khổng lồ phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam Việt Nam, đã làm cho cường độ chiến tranh tăng cao và ác liệt hơn.

Nhân dân miền Nam nói chung, Nhân dân Bình Phước nói riêng chẳng những phải đương đầu với sức mạnh của Hoa Kỳ bằng bộ binh mà còn phải đương đầu với cuộc chiến tranh hủy diệt bằng bằng không lực và chất độc hóa học hết sức dã man.

Tuy nhiên, trải qua hơn ba năm, quân và dân Bình Long - Phước Long cùng với quân dân miền Nam đã vượt qua hy sinh, ác liệt, chiến đấu kiên cường, chịu đựng khó khăn, gian khổ, giữ vững thế tiến công, liên tục đánh địch bằng phương châm hai chân, ba mũi giáp công, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, chống phá kế hoạch bình định gom dân, lập ấp chiến lược của địch, mở rộng vùng giải phóng, phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh. Quân dân Bình Long - Phước Long đã cùng quân dân Đông Nam Bộ, Khu 6, Khu 10 và cả miền Nam, góp phần đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966, 1966-1967), bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt và bình định” của Mỹ - ngụy.

Quán triệt quyết tâm chiến lược của Trung ương, nghiêm chỉnh và triệt để chấp hành mệnh lệnh của Đảng, cùng quân dân cả miền Nam thực hiện cuộc Tổng công kích, tổng khởi nghĩa Xuân Mậu Thân (1968). Tuy do điều kiện chủ quan, khách quan nhất định mà cuộc Tổng công kích, tổng khởi nghĩa kéo dài và không đạt được mục tiêu chiến lược của Đảng đề ra lúc đầu. Tuy lực lượng vũ trang, chính trị của ta có bị tổn thất, nhưng thắng lợi của ta đạt được có tầm chiến lược rất quan trọng, gây tác động chính trị rất lớn, chẳng những ở trong nước mà còn tác động mạnh đến dư luận trên thế giới và ngay chính bản thân nước Mỹ, đánh sục ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, góp phần làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc chúng phải tính đến “xuống thang chiến tranh” và chịu ngồi vào bàn đàm phán với ta.

Những tháng cuối năm 1968, trước sự phản kích quyết liệt của kẻ thù, tình hình hai tỉnh bước vào thời kỳ khó khăn mới, nhưng Đảng bộ Bình Long - Phước Long quyết tâm lãnh đạo Nhân dân và các lực lượng vũ trang bám trụ chiến trường, duy trì và tiếp tục đưa phong trào cách mạng tiến lên.

Chương IV
KIÊN CƯỜNG VƯỢT QUA GIAN KHỔ,
BÁM SÁT ĐỊA BÀN KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI
CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH”
(CUỐI 1968 - 27/01/1973)

I. TÌNH HÌNH BÌNH LONG - PHƯỚC LONG SAU MẬU THÂN 1968

Sau Mậu Thân 1968, Mỹ xuống thang chiến tranh, chuyển chiến lược “Chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Âm mưu của Mỹ là vẫn tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược song từng bước rút dần quân Mỹ và chư hầu, nâng cao chất lượng quân nguy bằng viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh, tài chính và chỉ đạo cuộc chiến tranh thông qua hệ thống cố vấn quân sự, dân sự. Chúng chỉ “thay đổi màu da trên xác chết” để cuối cùng Mỹ vẫn thống trị theo kiểu thực dân mới và biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự của chúng.

Để thực hiện âm mưu đó, Mỹ đề ra 4 mục tiêu:

- Xây dựng quân đội nguy hùng mạnh đủ sức đối đầu với cách mạng.
- Bình định cho được nông thôn, kiểm soát được tuyệt đại đa số đất đai và dân số.
- Ra sức củng cố nguy quyền vững mạnh, kết hợp với ổn định tình hình kinh tế, chính trị trong nội địa Nam Việt Nam.
- Thực hiện bóp nghẹt các bàn đạp chiến lược của cách mạng ở Campuchia, Trường Sơn và các khu bàn đạp trong nội địa.

Vấn đề bình định nông thôn, kiểm soát tuyệt đại bộ phận đất đai và dân số là mục tiêu quan trọng. Coi đó là nhân tố sống còn của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Kế hoạch bình định được các lực lượng quân sự và dân sự cùng thực hiện trong biện pháp chiến lược quét và giữ.

Ở chiến trường trọng điểm Bình Long, Phước Long chúng quyết quét sạch lực lượng cách mạng ra khỏi vùng biên giới, quyết kiểm soát toàn bộ các vùng thị xã, thị trấn, đồn điền và các vùng nông thôn.

Từ tháng 8/1968, Mỹ - ngụy mở nhiều đợt càn quét với quy mô lớn và dồn dập, nhằm thực hiện chương trình bình định cấp tốc trên diện rộng. Đến đầu năm 1969, chúng đã lập lại phần lớn các ấp chiến lược mới giải phóng trong thời kỳ tấn công và nổi dậy năm 1968. Có nơi, chúng đã lấn sâu vào vùng giải phóng đánh phá căn cứ và kho tàng, xây dựng và củng cố tuyến biên giới phòng thủ từ xa cho Sài Gòn.

Tháng 02/1969, Mỹ - ngụy huy động một lực lượng lớn cùng với bọn bình định mở cuộc hành quân “Đại bàng” càn quét vùng biên giới Tây Ninh, Bình Long, Phước Long¹.

Ở Bình Long, Phước Long, chúng đổ quân xuống Thuận Kiệm, Bù Đốp, Lộc Ninh, Hớn Quản. Càn quét ác liệt vào Bù Nâu (căn cứ của Huyện ủy Lộc Ninh), đánh phá xơ xác các vùng Bù Nôm, Chàng Hai, Đất Đỏ, Sóc Lớn, Tà Thiết (Lộc Ninh), làng 7, làng 8 (Xa Cát), Xa Cô Suýt, Sóc Tranh, Tần Hách, Phú Lố... (Hớn Quản), Minh Hòa (Chơn Thành). Nhiều nơi, địch ủi phá địa hình làm trở ngại cảnh quan như ở Phước Thiện, Bù Núi, Bù Min, Khánh Hưng... Những nơi dân kiên quyết bám trụ, chúng đánh bom, bắn phá, càn quét vây ráp bằng bộ binh. Có cánh quân chúng dùng cả trăm xe quân sự để xúc dân. Những buôn, sóc ở sâu chúng sử dụng B52, chất độc hóa học hủy diệt và phục kích, chốt giữ, ngăn chặn các đường dân ta thường qua lại ở vùng biên giới Đông Bắc Campuchia².

Mỹ - ngụy xác định năm 1969 là năm quyết định thắng lợi của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Bình Long, Phước Long là địa bàn phải đạt mục tiêu quét và giữ, dứt điểm ổn định việc bình định nông thôn.

Để thực hiện ý đồ đó từ tháng 3/1969, chúng cấm chốt ở Bình Long, Phước Long nhiều đơn vị thuộc các Sư đoàn 5, 25 ngụy, Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, Sư đoàn dù 101, Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 (Sư đoàn 1 “Kỵ binh bay”), Trung đoàn thiết giáp 11, Lữ đoàn 196, 199, 173 và một bộ phận biệt kích Mỹ. Các đơn vị đó được tăng cường phương tiện chiến tranh hiện đại cùng với máy bay chiến thuật và B52 thường xuyên đánh phá Bình Long,

1. Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước: *Địa chí Bình Phước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tập II, tr. 432.

2. Giữa năm 1969, B52 rải bom hàng đêm dọc biên giới gây cho ta một số tổn thất.

Phước Long suốt thời kỳ 1969-1970. Đi đôi với lực lượng quân sự, chúng tăng cường bạo tình báo, mật vụ, cảnh sát chìm, cán bộ nhân viên tâm lý chiến, Thiên Nga, chiêu hồi, Phượng Hoàng...

Cả guồng máy quân sự, dân sự (bọn bình định) gắn với nhau, được trang bị mạnh, cung cấp tiền của phục vụ cho cuộc phản kích trên cả 3 mặt trận: Chiến tranh giành dân (bình định nông thôn), chiến tranh hủy diệt (quét và giữ), chiến tranh bóp nghẹt (bao vây phong tỏa, kinh tế). Bằng mọi sức mạnh quét và giữ, bằng mọi thủ đoạn bình định, cấp tốc, bình định đặc biệt, chúng đã gom được hơn 100.000 dân, lập được một hệ thống áp chiến lược trên các trục lộ huyết mạch và bao quanh các đồn bót, các tiểu khu, chi khu, các thị xã, thị trấn, các cụm cứ điểm vừa để kiểm soát, kìm kẹp vừa làm lá chắn cho chúng¹.

Chúng gom được dân bắt được lính. Từ lực lượng đó, chúng đôn quân bổ sung các quân binh chủng. Đặc biệt các lực lượng địa phương, quân số năm 1969 tăng gấp đôi so với năm 1968. Bọn bình định được bổ sung hoàn chỉnh bộ máy hành chính địa phương.

Gom dân vào áp chiến lược, địch bắt dân phải đào hầm hào, làm rào quanh ấp, chúng cài lựu đạn, cài mìn, cắm chông, rải bùng nhùng kềm gai quanh rào. Chúng bắt lính đôn quân tập luyện quân sự, trang bị súng cho dân vệ, phòng vệ dân sự, tổ chức phòng vệ xung kích, tăng cường canh giữ chống lực lượng cách mạng xâm nhập, kìm chặt dân bên trong. Bọn bình định thực hiện việc phân vùng, lập liên gia, phân loại quần chúng, làm lại giấy căn cước, lập hộ khẩu có ảnh từng người, kiểm tra hộ tịch hộ khẩu từng ngày, từng đêm. Chúng dùng nhiều thủ đoạn thâm độc: Bắt bố, thủ tiêu, tù đày, quản thúc những người tình nghi là cơ sở cách mạng, buộc người thân của các chiến sĩ cách mạng đang hoạt động bên ngoài phải làm việc theo lệnh của chúng. Có nhiều trường hợp chúng cưỡng bức, mua chuộc, biến người tình nghi thành tay sai cho chúng.

Để lừa mị công nhân các đồn điền cao su, chúng gài tay chân vào các tổ chức nghiệp đoàn. Bằng các chương trình cải cách nông thôn, đồng tiến xã hội, lập hiệp hội nông dân, lập tổ chức mua bán chung, quy định điều kiện cho nông dân ra ngoài áp chiến lược vài ba cây số làm rẫy... để lừa mị, mua chuộc quần chúng. Chúng kiểm soát gắt gao mọi sự giao lưu hàng hóa, ban bố lệnh cấm dự trữ, mua bán lương thực; gạo, muối, thuốc tây và các loại nhu yếu phẩm ai mang hơn tiêu chuẩn cá nhân ra khỏi cổng áp chiến lược mà chúng bắt được là quy tội tiếp tế cho cộng sản và tra tấn, tù đày... Chúng cấu kết

1. Tổng hợp báo cáo các huyện, các K trong những tháng đầu 1969 (tài liệu đồng chí Bảy Châu cung cấp).

với các chủ đồn điền cao su, rút mức ăn của công nhân từ 700 gram gạo/ngày xuống còn 500 gram gạo/ngày để khỏi có thừa tiếp tế ra ngoài.

Phần gạo bị rút bớt, đời sống bị bóp nghẹt trên tất cả các lĩnh vực, thanh niên bị bắt lính, gia đình mất sức lao động, nội bộ dân bị kích động nghi kỵ lẫn nhau. Lính hành quân vào áp cướp bóc, ban đêm phải đi canh gác, quản thúc, ban ngày ra lô đi làm qua cổng áp chiến lược bị kiểm soát gạo, mắm, muối... Phần cơm ra lô bị xăm, bị lục. Trở về vào cổng bị lục soát vũ khí truyền đơn, có lúc lợi dụng lục soát, con gái bị xâm phạm thân thể... nên quần chúng vô cùng căm phẫn.

Đồng bào các dinh điền bị gom vào áp chiến lược phần lớn đã có trình độ giác ngộ cách mạng, nhưng trước tình hình ác liệt họ phải chịu. Trước cảnh nhà cửa, vườn tược nương rẫy cũ bao năm đổ mồ hôi tạo lập đã bị tàn phá, con cái bị bắt đi lính cầm súng ra trận, cầm chắc cái chết vô nghĩa... trong lòng sục sôi căm thù, song chưa có điều kiện để thoát, họ phải sống tạm và luôn tìm đến với cách mạng, tin tưởng cách mạng sẽ thắng lợi.

Riêng đối với các dinh điền tập trung dân miền Bắc theo đạo Thiên Chúa di cư năm 1954, Diệm đã bố trí cấm chốt ở các nơi xung quanh thị xã, thị trấn và ven các trục lộ nên không bị gom xức đi nơi khác. Dinh điền cũ nay là áp chiến lược, cuộc sống tương đối ổn định, tuy vậy, người dân vẫn phải chịu thân phận “chim lồng, cá chậu”. Quần chúng hoan nghênh ta đánh Mỹ, nhưng sợ hai bên đánh nhau trong áp lại khiến tan cửa, nát nhà. Cha cố tìm mọi cách hạn chế ta thâm nhập vào quần chúng. Địch lợi dụng điều này làm chỗ dựa, nên ta đột áp gặp khó khăn và tổn thất máu xương không ít.

Đồng bào các dân tộc trước sống theo buôn, sóc, quen sống tự do nay bị chúng gom vào áp chiến lược, cuộc sống ngột ngạt, đói rét, bệnh tật. Ngay từ những ngày đầu tập trung ở Hòa Đồng, Sơn Trung có 200 người chết vì bệnh kiết lỵ và trái rạ.

Cách kiến tạo địa bàn áp chiến lược và cách thức cai trị dân trong áp của địch với quy mô, hình thức chặt chẽ, có hệ thống hoàn chỉnh, toàn diện làm cho phong trào quần chúng khó vượt lên. Tuy nhiên, những thủ đoạn của địch đều mâu thuẫn với quyền lợi của quần chúng, phục vụ cho âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ. Mâu thuẫn đó ngày càng gay gắt, lòng dân ngày càng phẫn nộ, căm thù. Do vậy, các đội công tác của ta mỗi khi móc nối, gặp được quần chúng hoặc đột nhập vào áp là có thể xây dựng được cơ sở cách mạng. Một số nơi quần chúng đào hầm bí mật, sẵn sàng che giấu và giúp đỡ cán bộ hoạt động ngay bên trong áp chiến lược.

Trước tình hình kẻ thù phản kích quyết liệt, bom pháo chất độc hóa học tàn phá dữ dội, gay gắt, dày đặc, kéo dài, bộ binh càn quét liên miên và mỗi ngày một tăng, quân chúng bị gom vào ấp chiến lược và bị kìm kẹp chặt, phong tỏa, các lực lượng ta đều gặp khó khăn.

Cái khó lớn nhất lúc bấy giờ là cán bộ ta chưa móc nối được với cơ sở cách mạng và quân chúng bên trong ấp chiến lược. Bởi sau trận Mậu Thân, tại nhiều ấp, tổ chức đảng, tổ chức quần chúng, đảng viên cơ sở cách mạng bị lộ, bị thủ tiêu, bị tù đày, bị quản thúc..., nhiều ấp trắng, nhiều ấp mặc dù còn cơ sở đơn tuyến nhưng bị đứt liên lạc. Cả 3 nguồn tiếp tế đều bị cắt đứt, tiếp tế từ trong ấp chiến lược không ra được, mua bán qua cửa khẩu bị địch phong tỏa, sản xuất tự túc bị chất độc, bom pháo phá hủy. Các cơ quan trong căn cứ phải thường xuyên di chuyển. Lực lượng vũ trang bảo vệ cơ quan phải liên tục chống càn để bảo vệ căn cứ và lo bữa ăn thường ngày, có những lần đi tải gạo bị địch phục kích, có đồng chí đã hy sinh.

Trong lúc đó, số thương bệnh binh ngày càng tăng. Người khỏe mạnh phải ăn củ rừng, rau rừng thay cơm, ưu tiên gạo cho anh em đi chiến đấu và thương binh, bệnh binh. Cuộc sống và chiến đấu trong điều kiện kham khổ, nên nhiều anh em ốm đau điều trị rất lâu khỏi, có một số trường hợp tử vong do thiếu thuốc men và chữa trị không kịp. Đồng bào Kinh, Thượng trong vùng giải phóng Bù Đăng, Bù Gia Mập cũng chịu cảnh khó khăn, thiếu đói như cán bộ, chiến sĩ thoát ly.

Trong bối cảnh đó, một số người dao động, có người chạy sang vùng địch, cá biệt có kẻ ra đầu hàng, đầu thú, chỉ điểm bắt bố cơ sở mật của ta trong ấp chiến lược, hoặc dẫn đường cho địch đánh phá căn cứ, phục kích các con đường bí mật, từ trên máy bay phát loa gọi hàng địch danh cán bộ, chiến sĩ cùng đơn vị... Tình hình đó đã tác động không nhỏ đến quần chúng, đến cơ sở cách mạng bên trong. Họ lo sợ kẻ đầu hàng khai báo nên phải nằm im để chờ cán bộ tin cậy.

Nói tóm lại, sau Tổng tấn công và nổi dậy tết Mậu Thân (1968), tương quan ta - địch trên chiến trường Bình Long, Phước Long diễn biến phức tạp. Ta tuy thắng lớn, nhưng lực lượng vũ trang, đội công tác qua nhiều đợt tấn công đã bị tiêu hao nặng, sức chiến đấu giảm sút nghiêm trọng. Địch bị đánh đau, tuy có thiệt hại nặng, nhưng tiềm lực chiến tranh còn lớn, quân số đông, mạnh hơn ta nhiều lần. Chúng tăng cường đánh phá, càn quét gây cho ta nhiều khó khăn. Ta mất phần lớn dân vùng giải phóng. Hầu hết, các chi bộ vùng yếu bị đánh rã hoặc bị xáo trộn, đứt liên lạc trong - ngoài, tình hình ngày càng ác liệt.

Tuy nhiên, bộ đội địa phương, dân quân du kích, các đội công tác, các cơ quan Đảng, đoàn thể vẫn kiên định, vững vàng, thể hiện quyết tâm chiến đấu cao, bám trụ địa bàn, tiếp tục tấn công địch. Các cơ quan lãnh đạo luôn luôn nghiêm túc giữ liên lạc, báo cáo thỉnh thị với cấp trên, kịp thời bàn bạc, sáng tạo và chỉ đạo cụ thể với cấp dưới, chăm lo công tác tổ chức và chính trị, tư tưởng, triển khai mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng đến cán bộ, chiến sĩ và quần chúng. Các lực lượng vũ trang, các đội công tác, mặc dù bị tổn thất, mất sức, nhưng vẫn quyết tâm giữ vững địa bàn, bám dân, bám cơ sở, bảo tồn lực lượng, phát huy nội lực đánh trả các cuộc càn quét của địch, giữ thế và lực để từng bước khôi phục lực lượng, tiến lên giành thắng lợi trong giai đoạn tới.

II. ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, LIÊN TỤC CHỐNG ĐỊCH CÀN QUÉT, LẤN CHIẾM, TỪNG BƯỚC KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN ĐỂ CỨNG CỐ LỰC LƯỢNG, KHÔI PHỤC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG

Trước tình hình địch phản kích ác liệt và khó khăn của ta sau Mậu Thân 1968, nhiều cuộc Hội nghị của Khu ủy Khu 10, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đã đề ra các biện pháp kịp thời nhằm củng cố lực lượng, bám sát địa bàn, tăng cường sức chiến đấu, khắc phục khó khăn, khôi phục phong trào, mặc dù vẫn còn nhiều vướng mắc trong bước đi cụ thể.

Đầu năm 1969, Khu ủy Khu 10 đã họp ra Nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ trước mắt, sau đó triệu tập Hội nghị Khu ủy mở rộng, học tập quán triệt tinh thần các chỉ thị cuối năm 1968 của Trung ương Cục, trực tiếp là Chỉ thị số 71/CT-TWC của Trung ương Cục tháng 01/1969 về công tác binh vận, công tác chính trị năm 1969, đồng thời bàn biện pháp, bước đi thích hợp trong tình hình cụ thể của từng địa phương.

Tại Hội nghị này, trên cơ sở quán triệt tư tưởng tiến công chiến lược của Trung ương Đảng, Trung ương Cục và Nghị quyết của Khu ủy, các Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long xây dựng kế hoạch toàn diện, quyết tâm động viên lực lượng quân dân trong tỉnh khắc phục khó khăn, khôi phục lực lượng, khôi phục phong trào cách mạng của quần chúng; phối hợp với quân chủ lực tấn công địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược, quyết tâm đến hết năm 1969 phải khắc phục được những khó khăn trước mắt.

Kế hoạch của Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long được Khu ủy Khu 10 tham gia ý kiến điều chỉnh, bổ sung chấp thuận và thông qua tại Hội nghị. Vấn đề được nêu lên hàng đầu là khẩn trương dồn sức xây dựng lực lượng chính trị vũ trang trong vùng yếu để làm cơ sở cho phong trào đấu tranh của quần chúng,

kết hợp chặt với hoạt động vũ trang phá ấp, giành dân, mở rộng vùng tranh chấp và vùng giải phóng.

Sau đó trở về địa phương, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đều triệu tập Hội nghị mở rộng bàn bạc phương pháp thực hiện Kế hoạch. Mặc dù trong tình hình thực tế chiến trường còn vô cùng khó khăn, lực lượng vũ trang chưa có nguồn bổ sung, đói cơm, lạt muối đau ốm, bệnh tật thiếu thuốc men điều trị, quân số chiến đấu ngày càng hao hụt, trong - ngoài chưa liên lạc được, nhưng tất cả cán bộ, chiến sĩ đều nhất trí cao, coi Kế hoạch là nghị quyết của Đảng bộ để quyết tâm thực hiện.

Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đều chủ trương phối hợp chặt chẽ với lực lượng chủ lực Miền để đánh địch trên địa bàn, hỗ trợ cho các đội công tác làm nhiệm vụ tuyên truyền giác ngộ quần chúng, xây dựng lực lượng cách mạng trong ấp chiến lược địch đang kìm chặt.

Triển khai Chỉ thị số 71/CT-TWC của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền chủ trương mở đợt tiến công mùa Xuân năm 1969 nhằm đánh bại bước đầu âm mưu “phi Mỹ hóa chiến tranh” của Giôn-xơn. Vừa tận dụng khí thế, vừa phát huy nội lực, Bình Long - Phước Long mở đợt tấn công nhằm hỗ trợ cho phong trào chống “bình định cấp tốc” của địch. Trong 3 tháng đầu năm 1969, Phước Long đã đánh 268 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, hơn 1.000 dân dinh di tản trong các ấp chiến lược quanh thị xã Phước Long và quận lỵ Phước Bình nổi dậy, bung về làng cũ¹.

Đêm ngày 22 rạng ngày 23/02/1969, cơ sở cách mạng bên trong phối hợp với các đội công tác đột nhập quận lỵ và các ấp quanh Phước Bình rải 21.500 tờ truyền đơn, dán 3.000 khẩu hiệu bướm, treo 20 cờ Mặt trận. Hôm sau địch đã man bắn pháo bừa bãi vào các ấp, khu dân cư giết hại nhiều người và làm thiệt hại nhiều tài sản của Nhân dân. Được cán bộ ta tổ chức, ngày 24/02/1969, hơn 4.000 lượt đồng bào, chia thành 18 đoàn để hình thành 18 cuộc biểu tình đấu tranh trực diện với địch đòi bồi thường thiệt hại, đòi tự do đi lại, chống bắn pháo bừa bãi, chống càn quét gom dân. Trước sức mạnh của quần chúng, địch phải chấp nhận bồi thường 7 triệu đồng cho 128 gia đình bị thiệt hại. Đồng thời, ta tổ chức giải thích chính sách của Mặt trận, giáo dục 200 gia đình binh sĩ lôi kéo được 265 binh lính ngụy bỏ ngũ².

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ Phước Long: *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ, quân và dân Phước Long*, 1994, tr.201, 200.

Đêm ngày 7 và đêm ngày 15/3/1969, theo hướng dẫn của đội công tác, đồng bào các khu gom Thủ Bồn, Sóc Ru, An Lộc đồng loạt nổi dậy đốt 285 căn nhà, đòi trở về làng cũ.

Ở Bình Long, ngày 27 đêm ngày 28 và rạng ngày 29/3/1969, du kích vùng ven thị xã An Lộc tấn công tiêu diệt 1 trung đội dân vệ, 1 tiểu đội bảo an làm chủ nhiều ngày tại sở nhất Xa Cát. Được du kích và đội công tác hỗ trợ, công nhân cao su nổi dậy. Nhiều ngày sau, địch mới ổn định lại được¹.

Từ tháng 4/1969, địch tiến hành gặt gao hơn công cuộc “bình định cấp tốc”. Chúng huy động các đơn vị lính ngự ác ôn cùng lực lượng Sư đoàn 1 “Kỵ binh bay” của Mỹ vây ráp hốt dân. Nhiều nơi, dân không chịu đi, địch đánh phá và thả bom san bằng nhà cửa vườn tược. Điển hình những làng mạc bị tàn phá là Phú Lạc, Tàn Hách, Phú Lố, Lộc Hòa, Trà Thanh (Bình Long), Phước Quả, Nhơn Hòa, Tứ Sơn (Phước Long). Không còn sống nổi ở đó, dân phải chịu xúc vào khu gom, cuộc sống hết sức nghẹt thở.

Mặc cho địch tăng cường đàn áp, khống chế, dội bom đạn ác liệt, đồng bào trong các ấp chiến lược Phú Hòa, Bò Com, Xa Cô 2, Sóc Trào, Chơn Thành, Minh Hòa, Quản Lợi vẫn luôn giúp đỡ, hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ ta vào ấp diệt ác ôn, phá kim kẹp. Nhiều nơi tự cất rào đưa bộ đội vào ấp đánh địch, ủng hộ tiền, lương thực, thực phẩm. Các khu gom dân: Sóc Mới, Đông Phát, Hưng Long, Minh Thạnh, Sóc Tranh, Xa Cô 28, đồng bào đấu tranh liên tục đòi hủy bỏ lệnh cấm rừng, đòi bung ra phát rẫy làm mùa, đòi cứu đói, đòi nhà ở, nước uống.

Nhìn chung, trên toàn chiến trường miền Nam, địch đã bộc lộ rõ những mặt yếu không thể cứu vãn, nhưng tại địa phương, lực lượng quân sự của chúng vẫn được tăng cường, mở rộng càn quét và từng bước đẩy lực lượng quân sự của ta ra khỏi các vùng thị trấn, thị xã và các căn cứ lồi. Địch tổ chức liên tục các cuộc lùng soát trong ấp chiến lược để tìm bắt cán bộ cốt cán, cơ sở cách mạng. Chúng tăng cường trang bị, huấn luyện dân vệ và phòng vệ dân sự, chuyển thế đánh ta quyết liệt. Về phía ta, nhìn chung, trên chiến trường, chủ lực ta đã đánh tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, vừa đánh vừa lo củng cố để tiến lên đánh lớn. Các lực lượng địa phương của ta đã rất cố gắng phát huy mọi khả năng, quyết tâm bám trụ địa bàn, đặc biệt là các đội công tác, các đội biệt động bám đánh địch, phát động quần chúng diệt ác,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bình Long: *Lịch sử truyền thống cách mạng của quân dân huyện Bình Long*, 1988.

phá kìm làm cho bọn bình định và tề ngụy hoang mang, dao động. Các Tiểu đoàn 368, 168, các đại đội, trung đội vũ trang của huyện đánh địch nhiều trận có tiếng vang, song hoạt động không đều, hỗ trợ cho phong trào quần chúng chống bình định chưa đủ nên địch vẫn còn lấn tới. Cục diện chiến trường trên địa bàn vẫn ở thế giằng co quyết liệt.

Trên cơ sở tình hình thực tế, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long chủ trương kiên cường bám trụ, giành đất, giành dân, ra sức củng cố tăng cường các đội, các mũi công tác, sắp xếp bố trí lực lượng và chuẩn bị tư tưởng theo tinh thần nghị quyết mới của Trung ương Đảng và Chỉ thị số 81 của Trung ương Cục (ban hành đầu mùa Hè năm 1969 - BT): “tiếp tục đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định cấp tốc của địch”.

Đội công tác được sắp xếp lại theo địa bàn có khả năng dân bung ra, tiếp cận được với nhiều quần chúng. Một mũi có thể hoạt động được ở nhiều ấp quanh địa bàn đứng chân. Một ấp có thể có nhiều mũi hoạt động theo sự phân công khu vực. Nơi đứng chân được tổ chức bí mật, an toàn, cơ động chống trả được địch, đồng thời có nhiều thuận lợi trong việc tổ chức đột áp.

Mỗi đội có khoảng 5 đến 10 người hoặc hơn tùy theo địa bàn và khả năng cán bộ. Đội công tác có nhiệm vụ thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về vùng yếu, bảo đảm thực hiện phương thức, phương châm 2 chân 3 mũi, móc nối, tuyên truyền, giáo dục giác ngộ quần chúng, nắm bắt tình hình địch, tình hình quần chúng phục vụ cho lực lượng vũ trang đánh địch, tổ chức vượt rào, đột áp diệt ác, phá kìm, tổ chức quần chúng bên trong đấu tranh chính trị, binh vận, xây dựng các đoàn thể quần chúng, du kích, an ninh mật, xây dựng cơ sở hậu cần tiếp tế cho bên ngoài. Đội công tác vận động quần chúng bung ra ngoài sản xuất, giành quyền làm chủ từ thấp đến cao, tiến lên phá ấp chiến lược, giải phóng ấp, giải phóng xã. Chủ trương trên được thực hiện với quyết tâm cao, các đội công tác tiếp tục bám địa bàn, từng bước phát động phong trào quần chúng tiến lên.

Trên địa bàn các đồn điền cao su, dù tổ chức kìm kẹp gắt gao, nhưng hàng ngày, địch vẫn phải cho công nhân trong ấp chiến lược ra lô cao su cạo mủ và cho quần chúng ra ngoài làm nương rẫy. Với tinh thần đùm bọc, dám hy sinh cho cách mạng, nên mặc dù địch bố trí kiểm soát từ công ấp chiến lược, kiểm soát bìa rừng, bìa lô cao su, kiểm soát từng bước đi, từng hành vi, quần chúng vẫn tìm cách tiếp xúc được với đội công tác để tiếp tế được ít nhiều lương thực, thực phẩm, thuốc men. Đời sống cán bộ, chiến sĩ dần dần được cải thiện, công tác xây dựng lực lượng bên trong ngày càng được phát triển.

Ở những nơi dân không làm nghề cao su, không làm nương rẫy bên ngoài, không có điều kiện ra ngoài áp chiến lược, các đội công tác phải cắt rào, gỡ mìn, lựu đạn mở đường đột nhập vào ấp. Nhiều đồng chí đã hy sinh ngay giữa các hàng rào của địch, cũng có lúc vào được, nhưng bị địch phát hiện ngay trong ấp. Nhiệm vụ đột ấp, tìm gặp được quần chúng, xây dựng được cơ sở cách mạng bên trong lúc này là nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu, nên cán bộ, chiến sĩ các đội mũi công tác quyết tâm rất cao, bất chấp mọi hy sinh. Một số đồng chí trước khi đi đột ấp đã bàn giao nhiệm vụ cho người khác thay thế và gửi lại kỷ vật của mình cho đồng đội. Các tháng đầu năm 1969, số cán bộ đội mũi hy sinh rất lớn. Hớn Quán đã hy sinh 32 người, có mũi bị thương và hy sinh gần hết, như đội biệt động thị xã An Lộc “phải thay” 3 lần.

Nhiều đảng viên, cán bộ chính trị phải luôn lách vào ấp nằm hầm bí mật dài ngày, thiếu ánh sáng nên da xanh, mắt mờ, tóc rụng... như đội công tác An Lộc trắng đêm đi tiếp xúc với quần chúng, ngày đối phó với kẻ thù lòng sục. Đội công tác Bà Rá đứng giữa lưng chừng núi, trên đỉnh là địch, chung quanh chân núi cũng là địch. Đội công tác Phước Bình phải sống giữa rừng thưa, giữa các ấp chiến lược. Nhiều đội vừa khôn khéo, nguy trang giỏi và ý chí cao, kiên trì hoạt động bất kể những đêm mưa gió.

Nhờ sự hy sinh lớn lao của tất cả các đội công tác và lực lượng vũ trang hỗ trợ mà tất cả các ấp chiến lược ở các địa bàn đều từng bước xây dựng được cơ sở cách mạng bên trong. Số lượng đảng viên mới, các đoàn viên, hội viên, du kích mật, tổ chức chính trị bên trong ngày càng phát triển.

Bước vào tháng 5/1969, các đơn vị chủ lực đứng chân trên địa bàn Bình Long, Phước Long, cùng với bộ đội địa phương, tỉnh, huyện, dân quân du kích, các đội công tác, các cơ quan Đảng, đoàn thể đều tổ chức ký kết giao ước thi đua lập công mừng sinh nhật Bác Hồ.

Đêm ngày 11/5/1969, các lực lượng vũ trang chính thức bước vào đợt hoạt động lập công dâng Bác, đồng thời cũng vào đợt hoạt động quân sự Hè 1969.

Chiến trường Bình Long, Phước Long là chiến trường dừng chân của chủ lực miền Nam, nên các cụm cứ điểm của địch đều bị tấn công mãnh liệt, bị tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực. Phối hợp chiến trường, Tiểu đoàn 168, 368, các lực lượng vũ trang huyện, du kích xã, các đội biệt động và công tác đều thi đua hoàn thành chỉ tiêu đánh địch, hoàn thành nhiệm vụ được cấp trên giao.

Sau những trận bị đánh đau ở Bình Long, Phước Long và những thất bại ở Chiến khu Dương Minh Châu - Tây Ninh, địch phải điều 8 tiểu đoàn

thủy quân lục chiến ngụy lên khu vực Hớn Quản, đưa Lữ đoàn 1 Sư đoàn 25 Mỹ sang Tây Ninh, đưa Trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ lên tuyến trên thị xã An Lộc và Lộc Ninh. Đồng thời, chúng tăng cường phương tiện chiến tranh, tiếp sức tối đa cho quân ngụy và quân Mỹ trên chiến trường. Như được lên giây cót, bọn lính Mỹ và ngụy ở Bình Long, Phước Long tỏ ra hung hăng hơn. Chúng tổ chức nhiều trận càn quét đánh phá ác liệt vào các vùng giải phóng, gây cho ta nhiều khó khăn. Tuy nhiên, lực lượng các địa phương vẫn quyết tâm bám địa bàn đánh địch. Phong trào du kích chống địch càn quét được mở rộng.

Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số 5 xã Đồng Nai Thượng - Bù Đăng, các lực lượng ta phải liên tục chiến đấu chống địch càn quét. Mặc dù quân địch mạnh hơn nhiều lần, nhưng với tinh thần quả cảm, quyết giữ buôn làng, có đảng viên làm nòng cốt, du kích các xã không hề lùi bước trước quân thù. Hơn 3 tháng địch đổ quân càn quét, du kích xã đã đánh 46 trận, diệt 408 tên (có 92 tên Mỹ), bắn rơi và bắn bị thương 6 máy bay, phá hủy 1 khẩu pháo 105 ly và một xe ủi đất. Có ngày các đội du kích diệt 29 tên (có 19 tên Mỹ). Có lần, chỉ có 2 nữ du kích nhưng vẫn anh dũng cùng nổ súng tấn công vào đội hình quân Mỹ, diệt 10 tên. Ở xã 3, chi bộ có 8 đảng viên đã lãnh đạo 100 dân kiên quyết bám trụ đánh địch liên tiếp 6 trận, đã diệt 20 tên địch (có 12 tên Mỹ). Trong một tháng chống càn, 4 bí thư chi bộ, xã đội trưởng người trước ngã xuống, người sau lên thay chỉ huy chiến đấu. Đồng chí Điều Mo - Bí thư chi bộ trong trận đầu đã hy sinh, đồng chí Đố lên thay. Rồi đồng chí Đố hy sinh, đồng chí Đài lên thay. Đồng chí Đài hy sinh, vợ là đồng chí Điều Thị Hơn tiếp tục thay chồng, vẫn kiên định lập trường cùng đồng chí Điều Xon lãnh đạo chi bộ, chỉ huy du kích đánh địch, đẩy lùi cuộc càn quét¹. Tháng 7/1969, du kích 2 xã Phú Văn và Đức Hạnh chống 2 tiểu đoàn Mỹ - ngụy càn quét, có máy bay, phi pháo yểm trợ. Qua 10 ngày chiến đấu, du kích 2 xã quần nhau với 2 tiểu đoàn Mỹ - ngụy 15 trận ác chiến, diệt 250 tên, phần lớn là Mỹ, trong đó có Bộ Chỉ huy hành quân của chúng, phá hủy 2 súng cối 81 ly, 2 đại liên, bắn bị thương 4 máy bay lên thẳng.

Phát huy chiến thắng của 2 xã Phú Văn, Đức Hạnh, tranh thủ thời cơ bộ đội chủ lực nã pháo vào sân bay và trận địa pháo Phước Bình, đêm 11 rạng ngày 12/8/1969, lực lượng vũ trang địa phương Phước Long đồng loạt tấn công vào nhiều vị trí quân sự và áp chiến lược ở Phước Bình, Hồ Long Thủy, đồng thời đánh một loạt áp chiến lược Phước Lộc, Sơn Trung, An Lương, Nhơn Hòa, Sơn Giang, pháo kích vào thị xã Phước Long, đánh cụm Mỹ ở Đức Bồn - đánh

1. Theo *Truyền thống cách mạng của quân và dân huyện Bù Đăng*, 1994, tr.124.

chi khu quân sự Bù Đăng, ấp Hòa Đồng, trung tâm biệt kích Vĩnh Thiện, phá banh ấp chiến lược Bù Môn...

Ở Sơn Giang, từ ngày 11/8/1969, địch bắt buộc quần chúng dồn hết lên thị xã Phước Long ngủ. Ta đã móc nối cơ sở hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Sau 5 ngày giằng co với địch, đến đêm ngày 18/8/1969, đã có 2/3 số gia đình tối ngủ lại nhà, bất chấp sự đe dọa khủng bố của địch.

Cũng trong thời gian đó, lực lượng vũ trang Đồng Xoài tập kích đồn dân vệ tại Phước Thiện 2.

Ở Bình Long, hiệp đồng theo tiếng súng với bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương đã đánh vào các ấp chiến lược, khu gom Xa Cát, Xa Trạch, Văn Hiến, Bò Com, Sóc Bé, làng 2, Xa Cô 2, thị trấn Chơn Thành; làng 2, làng 5 Lộc Ninh, phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh, chống lại các luật lệ hà khắc của địch, đòi bung ra xa làm ăn, đòi giải quyết khó khăn đời sống. Tề cơ sở Xa Trạch, Văn Hiến, Bò Com, Xa Cô 2 bị phá lỏng, phá rã. Tại Chơn Thành, tề cơ sở bỏ việc. Trong 300 phòng vệ dân sự đã có 146 liên lạc và chịu sự giáo dục, giác ngộ của ta. Tại ấp Phú Hòa, đơn vị biệt động và đội công tác đã vào nằm trong ấp 2 ngày tuyên truyền, giác ngộ quần chúng diệt ác, phá kìm xong rút ra an toàn.

Ở Lộc Ninh, tuy địch tập trung đông, nhưng các đội du kích vẫn thọc sâu vào thị trấn diệt ác, phá kìm, xây dựng cơ sở ở làng 2, 3, 5 và vận động phòng vệ dân sự, nhiều người đem nộp súng cho ta. Sau đó địch phải tước hết vũ khí của phòng vệ dân sự ở làng 5 và dinh điền Tích Thiện. Ở Bù Gia Mập, bộ đội địa phương bám và đánh địch ở Puprăng bung ra, bảo vệ an toàn đường hành lang chiến lược.

Chiến thắng quân sự Xuân - Hè 1969 tuy chưa lớn, nhưng đã tác động, tạo niềm tin cách mạng nhất định thắng trong quần chúng. Phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ ở các đồn điền cao su được nâng lên. Chủ sở và ngụy quyền phải chấp nhận những yêu sách trong đấu tranh của công nhân. Ách kìm kẹp trong ấp chiến lược có lỏng hơn. Các ấp Sơn Giang, Phước Bình, Xa Cát, Xa Trạch, An Lộc, Sóc Bé trước kia là những ấp mà các đội công tác tổn nhiều xương máu thì nay đã xây dựng được cơ sở chính trị bên trong.

Để phát huy ảnh hưởng của hoạt động quân sự Xuân - Hè, chuẩn bị cho bước phát triển sắp tới, các đội công tác đã xem xét kiểm tra lại tình hình thực lực cách mạng bên trong ấp chiến lược, nhất là đội ngũ đảng viên, kể cả số đảng viên bị đứt liên lạc nay móc nối lại được. Mỗi đảng viên đều có "rễ" và "chuối", hình thành các tổ chức mật trong quần chúng.

Ở đâu có đảng viên, có chi bộ, ở đó có phong trào đấu tranh mạnh. Song nhìn chung thực lực cách mạng trong vùng yếu còn quá ít, quá mỏng. Trước tình hình đó, Đội công tác bên ngoài đã hỗ trợ tích cực đưa phong trào đấu tranh của quần chúng đi lên. Tính từ ngày 01/4/1969 đến ngày 15/6/1969, ở Bình Long, ta đã thực hiện được 26 cuộc đấu tranh chính trị với 8.594 lượt người tham gia. Ở Phước Long, ta thực hiện được 17 cuộc đấu tranh chính trị với 5.720 lượt người tham gia. Trong công tác binh vận, cũng trong thời gian này đã xây dựng được ở Bình Long 10 cơ sở, Phước Long 12 cơ sở. Bước đầu các cơ sở binh vận đã tuyên truyền, giáo dục 624 gia đình binh sĩ, kêu gọi được 223 binh sĩ ngụy đào, rã ngũ.

Cuộc đấu tranh của quần chúng ở một số nơi tuy có kết quả, nhưng còn yếu. Chiến trường Bình Long, Phước Long vẫn trong tình trạng rất căng thẳng, giằng co. Mặc dù, lực lượng vũ trang và đội công tác ở vùng ven vẫn đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh nhưng vẫn bình tĩnh gan dạ, mưu trí đối phó, duy trì liên lạc với bên trong, móc nối, tuyên truyền, vận động quần chúng xây dựng thực lực cách mạng.

Trong lúc các lực lượng ta bung ra đánh địch, xây dựng và phát động quần chúng đấu tranh ở phía trước, Tỉnh ủy Bình Phước, Phước Long đều rất quan tâm lãnh đạo Nhân dân quyết tâm giữ vững vùng giải phóng và căn cứ kháng chiến ở phía sau, đối phó với những trận càn quét dài ngày của địch, mặc cho địch huy động cả bộ binh, xe tăng, thiết giáp, pháo tầm xa, máy bay oanh tạc và đổ chụp hốt dân di tản ra ác liệt, đồng thời chống phá âm mưu bao vây kinh tế gắt gao, hòng xóa vùng giải phóng và căn cứ ta của chúng.

Chủ trương của hai Tỉnh ủy lúc này là tổ chức các cơ quan đoàn thể, lực lượng vũ trang vùng giải phóng và căn cứ lại thành hai bộ phận. Một bộ phận bám địch chiến đấu chống càn, một bộ phận lo giải quyết khó khăn về kinh tế, cái ăn, chăm lo người già, trẻ em và sản xuất. Hai bộ phận tích cực chi viện cho nhau, tất cả đều tham gia chiến đấu và giải quyết cuộc sống. Ngày tham gia chống càn, đối phó với phi pháo, tránh thương vong, chạng vạng và ban đêm tổ chức sản xuất.

Nhớ lại đầu Xuân 1969, Bác Hồ đã gửi đến toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thư chúc mừng năm mới. Bác kêu gọi quân dân ta nỗ lực:

*“Vì độc lập vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào...”*¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.532.

Bài thơ có tính chất vạch chiến lược, củng cố lòng tin tất thắng và cổ vũ rất lớn đối với lực lượng vũ trang và Nhân dân ta. Đồng bào vùng giải phóng và căn cứ đã hăng hái xông lên, khắc phục mọi khó khăn. Ngược lại với dự tính của kẻ thù, vùng giải phóng và căn cứ của ta chẳng những tồn tại mà càng thêm vững chắc, bẻ gãy tất cả những cuộc càn quét đánh phá, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Qua thử thách trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống địch, nhiều nhân tố tích cực xuất hiện. Đối tượng được kết nạp Đảng tăng nhanh. Công tác phát triển Đảng trong vùng giải phóng và căn cứ ngày càng thuận lợi, các đoàn thể quần chúng cách mạng ngày càng vững mạnh. Về Đảng, tính đến ngày 30/6/1969, không kể lực lượng thoát ly thì ở Phước Long có 33 chi bộ (273 đảng viên), trong đó có 19 chi bộ dân tộc (140 đảng viên), 2 chi bộ đồn điền (13 đảng viên), 12 chi bộ dinh điền (120 đảng viên). Ở Bình Long, có 3 chi bộ dân tộc (22 đảng viên), 1 chi bộ dinh điền (3 đảng viên). Tuy số lượng chưa nhiều, nhưng đảng viên đều làm được vai trò nòng cốt, gắn liền hoạt động ở ấp xã giải phóng, tư tưởng chính trị vững vàng, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng.

Trước yêu cầu mới của cuộc đấu tranh, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời. Được sự chỉ đạo của Trung ương Cục, Bình Long, Phước Long đã nhanh chóng thành lập bộ máy chính quyền các cấp. Ở Bình Long, ngày 8, 9/6/1969, Đại hội đại biểu nhân dân toàn tỉnh đã thay mặt cho các dân tộc Kinh, Thượng, các lực lượng cách mạng, các cấp bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời cấp tỉnh do đồng chí Nguyễn Khắc Thành (Năm Thành) làm Chủ tịch. Ở Phước Long cũng thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, đồng chí Trần Ngọc Khanh (Ba Khanh) được chỉ định làm Chủ tịch. Sau đó cấp huyện, xã đều tổ chức Ủy ban nhân dân cách mạng.

Trong tình hình chiến tranh còn ác liệt, phải tập trung đối phó với kẻ thù trong khi chưa có đủ cán bộ nên các Đảng bộ chủ trương ưu tiên xây dựng Ủy ban nhân dân cách mạng xã và ban ấp đủ người chuyên trách, vì xã ấp là nền tảng của cách mạng - là nơi trực tiếp chăm lo đời sống của Nhân dân, động viên Nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện - xây dựng vùng giải phóng. Chính quyền cấp huyện và tỉnh trước mắt do các ban chuyên môn của Đảng cùng cấp đảm trách.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các cấp đều được xác định là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Trong thời kỳ

trước mắt, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời có nhiệm vụ tổ chức và lãnh đạo, toàn dân, toàn quân trong địa phương mình đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; kiên quyết trừng trị và trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự, an ninh trong vùng giải phóng, phát triển sản xuất, cải thiện và nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng một nếp sống lành mạnh, tươi vui trong vùng giải phóng.

Sự kiện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp ra đời đã hình thành 2 chính quyền song song tồn tại ở miền Nam Việt Nam, là một đòn chính trị đánh vào mưu đồ chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Trước tình hình đang diễn ra gay gắt, quyết liệt ở miền Nam, ngày 20/7/1969, Bác Hồ ra lời kêu gọi quân dân cả nước quyết tâm chống Mỹ, cứu nước. Bác kêu gọi: “Quân và dân cả nước ta, triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, quyết chiến quyết thắng, đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ hết, giải phóng hoàn toàn miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”¹.

Hưởng ứng lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 7/1969, Trung ương Cục đã tổ chức Hội nghị lần thứ chín đề ra nhiệm vụ: “phát triển thế tiến công chiến lược một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ trên cả ba vùng chiến lược “quét và giữ”, chính sách bình định và các mục tiêu, biện pháp phòng ngự của địch, đánh bại âm mưu kết thúc chiến tranh trên thế mạnh”².

Quán triệt tinh thần trên, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long chỉ đạo các đơn vị vũ trang của địa phương tiếp tục phối hợp với bộ đội chủ lực mở đợt hoạt động mùa Thu. Đợt 1 cuộc tấn công đồng loạt bắt đầu từ ngày 11/8/1969.

Trong khi quân và dân Bình Long, Phước Long cùng với cả chiến trường miền Nam đang đẩy mạnh cuộc tiến công thì ngày 03/9/1969 được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc qua đời.

Tin Bác mất gây xúc động mạnh mẽ, sâu sắc và rộng khắp trong cả nước. Bác ra đi để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta bản Di chúc lịch sử. Người khẳng định “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, sđd*, t.15, tr.593.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, sđd*, t.30, tr.340.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, sđd*, t.15, tr.621.

Trước đau thương mất mát vô cùng lớn lao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Ủy ban liên minh các lực lượng dân tộc và hòa bình Việt Nam đã quyết định toàn quân, toàn dân ngừng bắn 3 ngày để tổ chức lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh và ra lời hiệu triệu quân và dân miền Nam biến đau thương thành sức mạnh dốc hết tinh thần và lực lượng đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Hưởng ứng lời hiệu triệu và quyết định ngừng bắn để tang Bác, tất cả các đơn vị cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị lực lượng vũ trang trong 2 tỉnh Bình Long và Phước Long... đều quây quần bên bàn thờ Bác, học tập Di chúc của Người, có đồng chí lấy máu viết quyết tâm gửi lên Đảng ủy. Tất cả đều một quyết tâm tự vượt qua khó khăn, thiếu thốn, vượt qua gian khổ, hy sinh, tự tìm cách khắc phục với ý chí và nghị lực kiên trung, bất khuất để đánh thắng Mỹ - ngụy.

Lễ truy điệu Bác được tổ chức ở từng đơn vị, cơ quan trang nghiêm, trọng thể và đầy xúc động. Không một người nào cầm được nước mắt khi cài dải băng tang. Trong vùng giải phóng, quần chúng thành kính tổ chức những ngày lễ tang Bác. Quần chúng sống trong vùng địch vô cùng thương tiếc Bác.

Trong lúc ta ngừng bắn tổ chức lễ tang Bác, Mỹ - ngụy vẫn rải bom B52 dày và liên tục. Đồng thời, trên địa bàn Phước Long, chúng tiếp tục cuộc hành quân càn quét quy mô lớn đã bắt đầu từ ngày 20/8/1969.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, hết ngày ngừng bắn, ta mở ngay đợt hoạt động quân sự cao điểm 2 mùa Thu 1968. Cả 3 thứ quân trên chiến trường Bình Long, Phước Long phối hợp chặt chẽ, dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ huy thống nhất giữa Khu ủy Khu 10 và chỉ huy bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn.

Cuộc tấn công mạnh, đồng loạt diễn ra trong ngày 4 và ngày 11/9/1969 làm cho địch bị động, lúng túng, không ứng cứu cho nhau được. Có điểm bị ta đánh bồi, đánh nhồi gây cho địch tổn thất nhiều sinh lực, hoang mang sa sút tinh thần. Đặc biệt trong đợt phản kích cuộc càn quét lớn của địch ở Phước Long, ta tập kích mãnh liệt vào căn cứ dã chiến Bộ Chỉ huy hành quân của chúng, đồng thời chặn đánh tất cả các cánh quân càn quét, buộc chúng phải rút lui.

Trong lúc bộ đội chủ lực miền, khu, tỉnh tấn công địch khắp nơi, bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích các xã đã dũng cảm, mưu trí đánh các đồn bót và nhiều nơi phát động quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, bung về làng cũ.

Sau cả 2 đợt hợp đồng đánh địch mùa Thu 1969, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đều có nhận định: Ta tiến công mạnh, nhưng chưa đều. Trong đợt, ta có tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, phá được một số ấp chiến lược, đưa quân chúng trở về làng cũ làm ăn; tinh thần binh lính địch, bọn bình định, bọn tề ấp xã có hoang mang, dao động; song khi hết đợt, địch lại bung ra hoạt động phản kích, gom dân, lập lại ấp chiến lược. Một phần do lực lượng vũ trang địa phương, kể cả du kích phối hợp bị lôi cuốn theo hoạt động cao điểm của chủ lực, hỗ trợ trực tiếp cho các đội công tác. Lực lượng chính trị, đội mũi công tác cũng bị lôi cuốn vào địa bàn thị xã, thị trấn, xem các ấp chiến lược vùng nông thôn là mục tiêu dễ đột nhập nên có phần lơ lửng. Khi bị địch đánh bật ra, có nơi ta không giữ được đầu mối. Công tác diệt ác nhiều nơi đánh chưa đúng đối tượng, công tác binh vận chưa chú trọng đầy đủ. Do đó, quân chúng tiếp tục bị kìm kẹp, phong trào đấu tranh bị lắng xuống, công tác tiếp tế, giải quyết hậu cần tại chỗ bị ngưng trệ, khó khăn vẫn tiếp tục gay gắt.

Tháng 9/1969, Níchxơn công bố rút thêm 35.000 quân (cuối tháng 7/1969 Mỹ đã rút 23.000 quân). Rút quân Mỹ nhưng chúng vẫn càn quét bắt lính đôn quân, huấn luyện trang bị mạnh cho quân ngụy. Ở chiến trường Bình Long, Phước Long, Mỹ vẫn còn là chỗ dựa của quân ngụy, chúng quyết giành thế mạnh trong việc xuống thang chiến tranh.

Tháng 10/1969 Mỹ - ngụy đưa bọn “Thiên Nga”, “Phượng Hoàng” kéo về Bình Long, Phước Long. Chúng mang danh nghĩa dân sự đi làm từ thiện, phát triển xây dựng nông thôn xã ấp. Thực chất đây là lực lượng tình báo cơ sở, có nghiệp vụ do C14 huấn luyện và tài trợ hoạt động. Chúng được đặt dưới sự chỉ huy của phân chi cảnh sát, phối hợp với bảo an, dân vệ và bọn bình định nhằm tăng cường phát hiện, thanh lọc bộ máy tề ngụy, đánh phá cơ sở cách mạng. Chúng dùng nhiều thủ đoạn thâm độc kể cả dùng mỹ nhân kế để xúc tiến việc chiêu hồi, chiêu hàng.

Tuy nhiên, Mỹ - ngụy vẫn lấy sức mạnh quân sự làm thế chủ công. Chúng tiếp tục đưa quân, tăng sức chiến đấu đánh phá ác liệt chiến trường Bình Long, Phước Long.

Tính chung trong những tháng cuối 1969, quân cơ động chiến đấu của Mỹ - ngụy ở chiến trường Bình Long, Phước Long đã lên đến 31 tiểu đoàn, trong đó có 15 tiểu đoàn Mỹ với số quân lên đến 33.000 tên và nhiều phương tiện chiến tranh.

Đi đôi với tăng cường lực lượng quân cơ động chiến đấu, chúng còn tăng

cường lực lượng nghĩa quân, phòng vệ dân sự trang bị đầy đủ theo sắc lệnh địa phương. Chúng tăng cường củng cố bộ máy bình định, đưa sĩ quan cấp úy về làm xã trưởng, ấp trưởng; tăng cán bộ bình định, cảnh sát, do thám, gián điệp “Thiên Nga”, “Phượng Hoàng” mang danh nghĩa từ thiện về thôn, xã. Với lực lượng đó chúng mở đợt tấn công mùa khô 1969-1970 khắp các nơi trên chiến trường Bình Long, Phước Long, đồng thời chúng cưỡng bức Nhân dân bầu cử Hội đồng xã, Hội đồng tỉnh, thành lập lại bộ máy hành chính đến xã, ấp.

Trong càn quét đánh phá, địch tiếp tục bài bản cũ: bộ binh, pháo, xe tăng, thiết giáp, máy bay trực thăng, máy bay B52, máy bay chiến đấu, chất độc hóa học và toàn bộ hệ thống tổ chức bộ máy bình định. Với cường độ ác liệt cao, nhịp độ khẩn, thời gian dài, quân số đông hơn nhằm đánh phá, vây ráp, hốt dân, bắt lính, phá nguồn tiếp tế và kìm kẹp Nhân dân. Diễn biến chiến trường ác liệt chưa từng có, chỉ trong 2 tháng 9 và 10/1969, trên địa bàn Khu 10 mà phần lớn là vùng biên giới Bình Long, Phước Long, Mỹ đã dội 220.000 tấn bom B52.

Những hoạt động tăng cường của địch vào mùa khô 1969-1970 này gây cho ta nhiều tổn thất, khó khăn. Tình hình đói cơm, lạt muối thiếu thốn trong đời sống đã kéo dài từ lâu, nay lại gay gắt thêm.

Nhân dân vùng giải phóng và vùng căn cứ phải chịu đựng cảnh khó khăn đến mức, nhiều nơi quần áo cũ lâu ngày vá chùm, vá đụp cũng đã rách, bà con phải tìm bao cát làm vải, vót lồ ô làm kim, tước giầy rừng làm chỉ để may vá. Nhiều em bé ốm yếu, bệnh tật không có thuốc điều trị đã chết trong vòng tay cha mẹ. Người lớn nhiều nơi phải chịu đói, chịu đau không thuốc. Có người chết ngay bên rẫy mì hay chết trên miệng hố củ chụp vì bị nhiễm chất độc hóa học. Gia đình anh Chín My - Bí thư Chi bộ xã Phú Văn có 2 con lần lượt chết vì suy dinh dưỡng và bệnh. Vợ chồng chỉ có một bộ quần áo bao cát, ở nhà phải mặc quần áo vá nhiều lớp, lúc giặt phơi có khách đến vợ phải ngồi trong buồng, nhờ tấm liếp lồ ô che thân để tiếp chuyện, bàn việc đánh giặc giữ làng. Cán bộ xuống xã công tác bản thân cũng thiếu thốn, còn một bộ quần áo bỏ bông để thay đổi, nhưng cảm động trước tình cảnh đó đã lấy biểu. Và nhiều cán bộ, chiến sĩ đi công tác về xã ấp cũng làm như vậy để ủng hộ bà con. Còn lon gạo cũng dốc ra nấu cháo cùng ăn. Nhiều tháng thiếu muối, bà con phải ăn nước tro tranh thay muối. Cán bộ, chiến sĩ còn chút ít muối cũng chia sẻ cho dân.

Trước tình hình đó, Khu ủy Khu 10 chủ trương tạm thời đưa một số dân, chủ yếu là người già, trẻ em và phụ nữ một số ốm đau, bệnh tật ở vùng giải

phóng ra vùng yếu hoặc sang vùng biên giới Campuchia để giảm bớt khó khăn tồn thất, nhưng đa số không chịu ra vùng địch, thà gian khổ, đói rét vẫn ở vùng giải phóng một lòng kiên trung với cách mạng.

Ở Bình Long, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng tổ chức đưa được một số dân về vùng sông Măng - biên giới Campuchia.

Ở Bù Đăng, Huyện ủy đã tổ chức lập thế hợp pháp, đưa một số đồng bào dân tộc thiểu số vùng giải phóng K29 ra Bù Na. Tình cảm không muốn, song tình thế bức bách và theo chủ trương của Đảng, đồng bào chấp hành. Một số người quyết sống chết ở lại trong vùng căn cứ giải phóng với cách mạng, thề không đội trời chung với giặc. Số chấp nhận tạm lánh vào vùng địch, đi nhưng rơi nước mắt, họ hứa sẽ sẵn sàng làm nhiệm vụ cách mạng giao phó. Địch gom số dân này lập thành ấp mới gồm 299 người, lấy tên là “ấp ty nạn Cộng sản”. Lời hứa trước khi rời căn cứ đồng bào vẫn giữ, từ bên trong đã liên lạc với bên ngoài, bán lúa gạo, cung cấp tin tức địch, củng cố tổ chức cách mạng chặt chẽ. Cái tên “ấp ty nạn Cộng sản” bà con xóa chữ “ty nạn” thành “ấp Cộng sản” ngay trước mũi quân thù. Bên trong có 2 chi bộ, 1 chi bộ 8 đảng viên và một chi bộ mật 3 đảng viên. 2 chi bộ đã lãnh đạo Nhân dân và cùng các đoàn thể quần chúng trong ấp đấu tranh với địch. Do đó, tuy gom được dân nhưng chúng không bắt được lính, không thành lập được đội dân phòng cho ấp, không phát hiện được đảng viên cốt cán trong quần chúng.

Ở vùng giải phóng Bù Gia Mập, ta tạm thời đưa một số dân, chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số và một số dân người Kinh, một số cán bộ sang vùng biên giới Campuchia. Nhiều người trong diện đi nhưng xin ở lại, một số ra đi nhưng chỉ trong 1 thời gian ngắn lại trở về với rừng núi, với cách mạng, kiên quyết bám trụ, vượt mọi khó khăn cùng với các lực lượng cách mạng và du kích xây dựng làng chiến đấu, sẵn sàng đánh địch bảo vệ vùng căn cứ cách mạng. Tình nghĩa quân dân đậm đà sâu sắc. Lực lượng chiến đấu thiếu gạo, đồng bào sẵn sàng đào củ rừng, hái rau rừng chống đói, nhường phần gạo ít ỏi góp phần cho bộ đội đi đánh giặc.

Một số đồng bào vùng giải phóng Phước Long có con 8, 9 tuổi trở lên đã đề nghị gửi cho cơ quan nuôi dưỡng, đào tạo để 5, 7 năm sau tiếp tục sự nghiệp cách mạng. Chia sót nỗi khó khăn của quần chúng, các cơ quan thuộc Khu ủy Khu 10, mỗi nơi nhận 5, 7 em, có cơ quan như cơ quan an ninh nhận 15 em, cơ quan Ban Tuyên huấn nhận 8 em nhỏ 5, 3 tuổi cha mẹ đã hy sinh không còn ai nuôi dưỡng.

Dù khó khăn, gian khổ, hy sinh, nhưng phong trào du kích chiến tranh vẫn được giữ vững. Địch càn quét vào vùng giải phóng đến đâu cũng bị đánh, bị tiêu hao, tiêu diệt, tất cả các trận càn quét đều bị bẻ gãy.

Tinh thần sống chết, gắn bó với cách mạng của quần chúng vùng giải phóng đã cổ vũ, củng cố thêm quyết tâm trụ lại, bám đánh địch của cán bộ, chiến sĩ ta ở cả 3 vùng.

Để đối phó với tình hình trước mắt Khu ủy đề ra chủ trương: Đánh địch để tồn tại. Tồn tại để xây dựng lực lượng cách mạng trong quần chúng, tồn tại để phát triển ta. Đánh địch để tồn tại và phát triển vững vàng bằng ý chí và trên thế tấn công địch. Chỉ có đánh địch trên nhiều mặt, dồn địch vào thế thất bại ngay trên địa bàn mới phát triển được thế và lực của ta.

Ở vùng yếu, đội công tác và các lực lượng vũ trang hỗ trợ cũng vượt muôn vàn khó khăn, vật lộn với kẻ thù, quần bám, móc nối cơ sở, tổ chức đột áp, diệt ác, phá kìm.

Trong nhiệm vụ giữ vững địa bàn, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long luôn luôn theo sát chỉ đạo lực lượng vũ trang và đội công tác đánh địch, phá âm mưu của địch xóa vùng tranh chấp, lập vành đai trắng, ngăn cách giữa vùng giải phóng và vùng chúng kiểm soát. Ta chủ trương lấy vùng giải phóng làm hậu thuẫn, dù bị địch chà xát, nhưng vẫn là điểm tựa sống còn, vùng tranh chấp là bàn đạp để từng bước tấn công vào vùng bị kìm, tạo thế cài răng lược, phát triển thế da beo, xôi đậu tiến lên phá mảng, phá vùng.

Ở Bình Long, tổng số dân có 77.515 người; vùng giải phóng không còn dân, nhưng vùng tranh chấp phát triển mạnh, chiếm 20.125 người gần 1/3 số lượng dân đang bị kìm. Lực lượng cách mạng phải đứng chân ở vùng giải phóng không có dân, móc nối vùng tranh chấp, làm chủ ban đêm.

Ở Phước Long, tổng số dân hơn 45.000 người, vùng giải phóng kể cả K28 còn 7.373 người, vùng tranh chấp chỉ còn 1.300 người, nhưng 2 vùng tranh chấp và giải phóng hỗ trợ cho nhau chặt chẽ.

Cuộc chiến đấu giằng co diễn ra ở vùng tranh chấp cho ta nhiều bài học sinh động về thực hiện phương châm phương thức 3/3¹. Nếu đánh mạnh, càng đánh càng mất vùng tranh chấp - hoặc địch kéo mất dân, hoặc sẽ trở thành vùng giải phóng - Nếu đánh yếu, nhân nhượng, quần chúng sẽ không giữ được thế làm chủ, ta không giữ được bàn đạp. Từ những bài học đó, ta quyết tâm phải giữ bàn đạp để tấn công vùng kìm nên phải vừa đánh địch, vừa tổ chức và lãnh đạo quần chúng thích hợp, gắn bó giữa đánh địch và phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng. Các lực lượng đánh địch có điểm, không để cho địch nghi ngờ và đánh phá phong trào quần chúng đấu tranh -

1. 3 mũi, 3 vùng, 3 thứ quân.

Không để mất bàn đạp, muốn mở rộng vùng giải phóng phải tạo vùng tranh chấp mới. Nhờ đó, ta đã phá được âm mưu tạo vùng trắng của địch. Tình hình đòi hỏi phải khẩn trương và có biện pháp đối phó thích hợp. Mặc dù khó khăn, nhưng với quyết tâm cao, tạo cơ sở vật chất bảo đảm, cuối tháng 10/1969, Khu ủy Khu 10 đã triệu tập Hội nghị tập huấn công tác vùng yếu cho cán bộ toàn Đảng bộ (cả quân, dân, chính, đảng). Hội nghị tập huấn vừa giúp cấp ủy tỉnh, huyện và cán bộ công tác vùng yếu nắm sát tình hình, rút kinh nghiệm thực tế trong xây dựng thực lực cách mạng; tìm ra biện pháp sát hợp chuyển phong trào đấu tranh chống phá bình định bằng những khẩu hiệu sát hợp, thiết thực với quần chúng trong đánh phá bình định.

Đồng thời, Hội nghị tập huấn còn nghiên cứu học tập Nghị quyết 9 của Trung ương Cục, chỉ thị và công tác thông tin tuyên truyền của Thường trực Khu ủy.

Tại Hội nghị, Khu ủy đã giải quyết tư tưởng lo ngại trước tình hình khó khăn trước mắt khi địch còn tập trung quân đông trên chiến trường - chỉ rõ thế của địch là thế không cứu vãn nổi, nhưng tuyệt đối không trông chờ ảo tưởng, phải kiên quyết vượt qua khó khăn, xốc tới, vận dụng sáng tạo phương châm, phương thức đấu tranh, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch.

Sau Hội nghị, Thường vụ Khu ủy điều đồng chí Ba Phước về làm nghiên cứu viên Khu 10, cử đồng chí Năm Bé làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Long thay đồng chí Ba Phước; đưa đồng chí Tư Nam đi ra Bắc điều trị bệnh, bổ sung đồng chí Chín Chúc, Hai Lễ, Hai Thành vào Tỉnh ủy Bình Long; điều đồng chí Ba Vinh về làm Trưởng Ban An ninh tỉnh Phước Long, cử đồng chí Ba Anh làm Bí thư huyện Bù Đăng thay đồng chí Ba Vinh. Sau khi đồng chí Ba Anh hy sinh, đồng chí Ba Vinh (Nguyễn Đức Tùng) thay làm Bí thư Bù Đăng.

Được trên chi viện, các đơn vị vũ trang của Quân khu, các Tiểu đoàn 168, 368, các đại đội, trung đội của huyện đều được bổ sung quân số; đặc biệt bổ sung chất lượng cho các đội công tác nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động.

Để hoàn thành mục tiêu năm 1969 và thực hiện Nghị quyết 9 của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền mở đợt tấn công địch trong mùa Đông. Những trận đánh lớn trên chiến trường toàn Miền có tác động mạnh đến chiến trường Bình Long, Phước Long. Các lực lượng vũ trang địa phương liên tục tấn công địch, đơn vị nào cũng ra quân và đánh được nhiều trận. Nổi bật nhất là những trận tập kích, phản kích đánh các đơn vị thuộc Sư đoàn kỵ binh bay Mỹ ở Phước Long trong tháng 11/1969.

Sau tập huấn vùng yếu, chủ trương đánh địch để tồn tại của Khu ủy Khu 10, sau đợt bổ sung củng cố đội ngũ và được hỗ trợ do lực lượng chủ lực Miền đánh mạnh trên chiến trường, các lực lượng vũ trang địa phương liên tục tấn công địch. Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long chủ trương đưa các đội công tác đi sâu hơn vào vùng tranh chấp và quyết tâm mở rộng vùng tranh chấp, bám sát hơn các địa bàn, bám dân, bám cơ sở, nâng cao hiệu quả công tác. Ở các vùng đồn điền cao su, nơi có phong trào quần chúng công nhân mạnh, cơ sở cách mạng tốt, ta tiếp tục tấn công địch ở mức cao hơn. Ngày 17/11/1969, toàn thể công nhân tại đồn điền Quản Lợi đã nhất loạt đình công, đòi địch phải giải quyết những yêu sách cao hơn như: Phát bù phần gạo trong những tháng bị cúp, tăng 20% lương, hạ giá gạo và giá hàng, hủy bỏ thuế “kiệm ước”; đổi tên Trường ty lao động Nguyễn Văn Như ăn hối lộ, tăng tiền công đồ mủ, cấp tiền thưởng trong dịp tết. Tên tỉnh trưởng Bình Long phải đến gặp đại diện của công nhân hứa sẽ giải quyết. Quyết không cho địch hứa suông, quần chúng lại siết chặt vòng vây, siết chặt hàng ngũ đòi hỏi thực hiện yêu sách đến thắng lợi.

Qua thời gian dài địch càn quét liên miên, gom dân đã gây xáo trộn lực lượng Đảng, đoàn thể, cốt cán bị đứt liên lạc. Sau Hội nghị tập huấn, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long, các đội công tác đã tiến hành kiểm tra lại thực lực cách mạng trong quần chúng để xác định khả năng chuẩn bị cho các bước đi sắp tới, đồng thời, cũng để phục vụ cho Đại hội các Đảng bộ tỉnh theo chủ trương của Khu ủy Khu 10.

Do hoàn cảnh xáo trộn và bị địch kìm chặt, nên đợt kiểm tra nắm được cụ thể danh sách từng cơ sở là một thử thách đáng kể. Tuy là kiểm tra nắm lại danh sách, nhưng tự nó đã thành một đợt chỉnh đốn Đảng bên trong. Các đảng viên, chi bộ bên trong phải tiến hành móc nối lại với nhau, họp mặt xem xét ai còn ai mất, giáo dục thuyết phục nhau trong tình hình khó khăn, phức tạp và cuối cùng là loại ra những đảng viên cầu an, tiêu cực hoặc tổ chức chuyển vùng những đảng viên bị lộ.

Kết quả kiểm tra cho thấy:

Ở Bình Long, phong trào quần chúng mạnh, ta vẫn giữ được phong trào đấu tranh chính trị, binh vận và tinh thần bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng nên lực lượng đảng viên và cơ sở cách mạng được duy trì và phát triển. Trong các ấp chiến lược vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ta vẫn duy trì được 11 chi bộ, 46 đảng viên sinh hoạt ở các cơ sở: Sóc Dầm, Sóc Ruộng, Sóc Đek Xu, Xóc Gòn, Sóc Xiêm, Sóc Xoài, Sóc Quả, Sóc Xạc Lây, Sóc Tranh 1, 2, 3.

Ở các đồn điền, ta đã móc nối, xây dựng lại và phát triển thêm thành 14 chi bộ, 52 đảng viên, trong đó có 10 đảng viên sinh hoạt đơn tuyến, sinh hoạt ở các ấp chiến lược, làng, sở: Làng 2, làng 5, làng 9, làng 10 và 11, Brêlin (đồn điền Lộc Ninh), làng 4, làng 7 và 8 (đồn điền Xa Cát), Phú Miêng, Xa Cô 1 và 2, Xa Cô Sud, trung tâm Quản Lợi (đồn điền Xa Trạch) và đồn điền Minh Hòa, đồn điền Xa Cam. Các thị trấn, thị xã có 3 chi bộ, 12 đảng viên, trong đó có 2 đảng viên sinh hoạt đơn tuyến, chốt ở các cơ sở Hưng Long (thị trấn Chơn Thành), Phú Đức, Phú Thịnh (thị xã An Lộc), thị trấn Lộc Ninh và làng 3 (Lộc Ninh). Trong các ấp chiến lược nông thôn và dinh điền có 4 chi bộ, 15 đảng viên sinh hoạt ở Đồng Xa, Tân Khai (Chơn Thành), Tích Thiện (Lộc Ninh).

Tổng cộng ở Bình Long có 32 chi bộ, 125 đảng viên, so với 3 tháng trước tăng 25 đảng viên, trong đó có 28 đảng viên mới kết nạp, tăng 12 chi bộ do tổ chức lại cho phù hợp với tình hình và địa bàn sinh hoạt.

Ở Phước Long, địch đánh phá căng thẳng, quyết liệt hơn, diễn biến chiến trường phức tạp, ác liệt, kéo dài trên diện rộng, đội công tác, đội biệt động bị tổn thất nên bị giảm 2 chi bộ và 2 đảng viên so với 3 tháng trước. Chỉ còn 4 chi bộ 23 đảng viên, trong đó có 7 đảng viên sinh hoạt đơn tuyến. Chi bộ và đảng viên sinh hoạt ở các cơ sở Nhơn Hòa 1, 2, 3, Phước Bình, Sơn Giang, Hòa Đồng, Bù Nam Thượng, Tư Hiền 1 và 2, Sơn Hà, Phước Hưng, Phước Thiện.

Ở đâu có đảng viên, có chi bộ, ở đó có các tổ chức quần chúng có cơ sở mật. Nơi chưa có chi bộ, chưa có đảng viên, đội công tác đã từng bước xây dựng cơ sở mật và các đoàn thể quần chúng để làm nòng cốt đấu tranh và chọn lọc quần chúng ưu tú để tuyên truyền phát triển Đảng.

III. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH LONG, PHƯỚC LONG QUYẾT TÂM GIÀNH THẾ CHỦ ĐỘNG CHIẾN TRƯỜNG

Cuộc chiến đấu giằng co gay gắt, khó khăn dồn dập, khốc liệt, đòi hỏi phải có chủ trương biện pháp, tổ chức và lãnh đạo sát đúng. Vào những ngày cuối tháng 11/1969 tại buôn Dinh Tân (xã 4) vùng giải phóng huyện Bù Đăng (gần sông Đồng Nai), Đảng bộ tỉnh Phước Long tiến hành Đại hội Đại biểu. Đại hội đã dành nhiều thời gian xem xét, nhận định, đánh giá tình hình và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho thời gian tới.

Tinh thần chung của Nghị quyết là căn cứ vào tình hình chính trị, quân sự, lực lượng hợp pháp, bất hợp pháp, 3 mũi 3 vùng trong toàn tỉnh mà định bước đi thích hợp, giải quyết tốt đời sống cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân vùng

giải phóng. Về công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết nêu: “tích cực đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, đoàn viên khắp 3 vùng, đặc biệt chú ý đến vùng ven, vùng tạm chiếm. Nhanh chóng hình thành các cơ sở đảng ở địa bàn vùng yếu”. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành 15 đồng chí do đồng chí Trần Ngọc Khanh làm Bí thư¹.

Để chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh Phước Long, liên tiếp trong tháng 12/1969, bộ đội địa phương đã tập kích, phục kích, đột kích pháo kích... diệt và làm bị thương trên 500 tên Mỹ - ngụy. Nổi bật nhất là trận đánh ngày 03/12/1969 tập kích cụm quân Mỹ ở Đa Kia. Ngày 11 và 12/12/1969 đánh đồng loạt: pháo kích vào cụm quân Mỹ ở Đức Hạnh, đột kích vào quận lỵ, chi phu Phước Bình; pháo kích vào sân bay Phước Bình; lực lượng vũ trang của huyện Bù Đăng tiến công địch ở Bù Na. Trong vùng căn cứ, du kích các xã Đak O, Đức Hạnh, Bù Xia tổ chức chống càn quyết liệt.

Tháng 12/1969, Đại hội lần thứ I Đảng bộ tỉnh Bình Long được triệu tập. Đánh giá các mặt mạnh và yếu của địch, của ta, Đại hội đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh vào giai đoạn sắp tới là: “... khẩn trương phát động phong trào quần chúng trên các địa bàn trong tỉnh (vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồn điền nông thôn, thị trấn, thị xã) nổi dậy liên tục tấn công địch với phương thức 2 chân 3 mũi tại chỗ, kết hợp chặt chẽ lực lượng trong - ngoài (lực lượng trong quần chúng và lực lượng thoát ly), trên dưới (lực lượng quận, tỉnh và lực lượng du kích), ra sức xây dựng thực lực cách mạng và cơ sở đảng trong quần chúng, giữ vững quyền lãnh đạo ở xã ấp, tấn công địch đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần... củng cố thế và lực, sẵn sàng khi có thời cơ thì phát động quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, kết hợp chặt chẽ với tấn công quân sự và cao trào binh vận, thực hiện yêu cầu cao nhất là làm chủ đại bộ phận vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 15 đồng chí: Đồng chí Trần Ngọc Khanh - Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Đình Kính - Ủy viên Thường vụ, Chính trị viên Tỉnh đội; đồng chí Nguyễn Huệ - Ủy viên Thường vụ, Tỉnh đội trưởng; đồng chí Trần Quang Minh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban An ninh; đồng chí Nguyễn Tấn Chiến - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận; đồng chí Phan Thành Đông - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức; đồng chí Nguyễn Thiệu - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên huấn; đồng chí Nguyễn Đông Anh - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kinh tài; đồng chí Nguyễn Tấn Lực - Tỉnh ủy viên, Bí thư K11; đồng chí Điều Va Răng - Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư huyện Bù Đưng; đồng chí Tạ Quang Lộc - Tỉnh ủy viên, Bí thư K14; đồng chí Huỳnh Văn Điền - Bí thư K28; đồng chí Nguyễn Đức Tùng - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Chánh văn phòng Tỉnh ủy; đồng chí Lê Văn Mạo - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Trưởng ban Binh vận; đồng chí Phạm Văn Tiến - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Bí thư huyện Bù Đốp.

đồn điền và một phần thị xã, thị trấn, góp phần giành thắng lợi quyết định và sẵn sàng đối phó với bất kỳ tình huống chiến tranh nào xảy ra”.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 17 đồng chí do đồng chí Nguyễn Khắc Thành làm Bí thư¹.

Thành công của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Phước Long tháng 11/1969 và của tỉnh Bình Long tháng 12/1969 là cơ sở tư tưởng, chính trị động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh đương đầu với những khó khăn thử thách trước âm mưu và thủ đoạn mới của kẻ thù.

Các đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành mới là những đồng chí đã từng sống và lãnh đạo Nhân dân địa phương đấu tranh với kẻ thù ngay từ những ngày đầu cuộc kháng chiến.

Tình hình, phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện lâu dài và trước mắt của 2 tỉnh đã được đề ra rõ ràng. Nhưng để thực hiện thắng lợi những nghị quyết của Đại hội, Đảng bộ còn phải trải qua cuộc chiến đấu đầy gay go và quyết liệt.

Đầu năm 1970, trên địa bàn Bình Phước, tuy địch có rút bớt một số chốt trong căn cứ ta, song chúng tiếp tục tăng cường càn quét, đánh phá dữ dội. Đây là thời kỳ gian khổ ác liệt nhất, nhưng cũng là thời kỳ chiến đấu kiên cường, anh dũng, quyết liệt nhất của quân và dân Bình Long, Phước Long. Thực hiện chủ trương “đánh địch để tồn tại và phát triển” của Khu ủy Khu 10 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, bộ đội địa phương tiếp tục phối hợp với bộ đội chủ lực đứng chân trên địa bàn phải bằng nghị lực, bằng quyết tâm bám chắc chiến trường, vừa giải quyết khó khăn về hậu cần, vừa tổ chức chiến đấu. Các lực lượng vũ trang của tỉnh đã đánh phản kích đạt hiệu quả cao.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm các đồng chí: Đồng chí Nguyễn Khắc Thành - Bí thư; đồng chí Lê Văn Hai - Phó Bí thư; đồng chí Lê Hùng - Ủy viên Thường vụ - Tỉnh đội trưởng; đồng chí Nguyễn Thành Bình - Ủy viên Thường vụ - Chính trị viên Tỉnh đội; đồng chí Lê Văn Sẻ - Ủy viên Thường vụ - Phụ trách công tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng chí Huỳnh Thu Phong - Tỉnh ủy viên - Chính trị viên phó (sau Đại hội một thời gian ngắn đồng chí làm Bí thư huyện Chơn Thành); đồng chí Lê Cho - Tỉnh ủy viên - Tỉnh đội phó (sau Đại hội một thời gian ngắn đồng chí về làm Bí thư huyện Hớn Quản); đồng chí Huỳnh Công Hùng - Tỉnh ủy viên Tỉnh đội phó kiêm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 368; đồng chí Cao Văn Chi - Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Tỉnh ủy; đồng chí Trần Huỳnh - Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Kinh tài; đồng chí Nguyễn Hoạt - Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Dân vận; đồng chí Ba Vinh - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban An ninh; đồng chí Hai Lễ - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Phó ban An ninh; đồng chí Lê Thành Công - Tỉnh ủy viên - dự khuyết Trưởng ban Tổ chức; đồng chí Sáu Sơn - Tỉnh ủy viên dự khuyết - Hội trưởng Hội Phụ nữ; đồng chí Nguyễn Văn Chúc - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Bí thư Lộc Ninh.

Ở Phước Long, địch tiếp tục càn quét sâu vào vùng giải phóng, nhưng bị du kích chặn đánh quyết liệt và đều khắp. Các xã Bù Xia, Đức Hạnh, Phú Văn, 7 xã vùng căn cứ (1, 7, 8, 9, 10, 11, 13) và đường 10 đã chống càn trên trăm trận, diệt địch bằng vũ khí thô sơ, hầm chông, cạm bẫy, bắn tỉa bằng súng trường, kết hợp với 50 trận tập kích, phục kích đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch. Riêng 7 xã vùng căn cứ, du kích đã diệt 228 tên (có 75 tên Mỹ). Du kích đường 10, Bom Bo đã đánh 10 trận, diệt nhiều sinh lực Mỹ - nguy, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng. Đặc biệt ở Đak Nhau, dựa vào thế trận chông bẫy, giao thông hào, ụ chiến đấu ở đồi Núi Keo, chỉ 1 tổ du kích 3 người đã chiến đấu với 1 tiểu đoàn Kỵ binh không vận Mỹ, diệt 25 tên, làm bị thương nhiều tên khác, bẻ gãy cuộc càn quét ngay từ đầu.

Ở Bù Đăng, du kích và C290 phối hợp đã 2 lần đột kích vào Bù Na. Cũng trong mấy tháng đầu năm 1970, mặc dù gian khổ, ác liệt, du kích Bình Long đã đánh 75 trận, trong đó nổi bật nhất là các trận đội biệt động Hớn Quản phối hợp với cơ sở mật tập kích trụ sở tề xã Tân Lập Phú, cư xá công chức và phá trại giam giải thoát được tù chính trị.

Ở Lộc Ninh, từ ngày 15/2 đến ngày 15/3/1970, du kích mật của các đồn điền áp chiến lược Bắc Dinh, Tích Thiện, Lộc An, Lộc Tấn đã đẩy mạnh công tác trừ gian, diệt ác. Ngày 26/02/1970, vượt qua khó khăn, du kích Lộc Ninh đột nhập thị trấn, bắt bọn do thám, tổ chức mít tinh. Du kích còn phục kích đánh địch trên đường 13 đoạn Lộc Ninh - Hớn Quản và liên tiếp bao vây tập kích những đồn bót khác.

Để tăng cường công tác chống bình định, phá ấp chiến lược, đầu năm 1970 Tỉnh ủy Bình Long liên tiếp mở 2 hội nghị chuyên đề về công tác vùng yếu, tập huấn cho hơn 70 cán bộ, chiến sĩ đội công tác. Đồng thời, Tỉnh ủy đã tiến hành công tác tổ chức, sắp xếp lại lực lượng, phân công cán bộ xuống địa bàn trọng điểm, bổ sung cho những xã cán bộ còn yếu và thiếu, chuyển số cán bộ mất sức về hậu cứ sông Măng, chia sẻ một phần các đơn vị vũ trang về cơ sở tăng cường hoạt động du kích chiến tranh, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng.

Đồng bào dân tộc Bình Long, Phước Long trong các ấp chiến lược đều đấu tranh đòi bùng ra sản xuất. Trong thế bị quân chủ lực đánh chặn đường tiếp tế, địch phải để cho đồng bào ra ngoài sản xuất, chúng hứa không rải chất độc hóa học, không bắn pháo vào nương rẫy.

Vào vụ mùa năm 1970, đồng bào vùng bị kìm, vùng giải phóng và các cơ quan trong vùng căn cứ đều hằng hái sản xuất trên nương rẫy cũ. Các đội

công tác bám dân bắt rết sâu chuỗi, xây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng du kích mật, tổ chức các đoàn thể quần chúng hoạt động bí mật thuận lợi hơn trước.

Trong lúc đó, lực lượng du kích các địa phương liên tiếp đánh nhỏ lẻ, gài mìn chống tăng trên đường 13, 14 và 14 bis, ta tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, gây cho chúng nỗi lo sợ bị du kích trừng phạt. Có lúc, lực lượng du kích phối hợp với bộ đội huyện, tinh tấn công các cứ điểm lớn, đánh cả vào chi khu quân sự Đồng Xoài, Chơn Thành, các trại biệt kích Lộc Ninh, Bù Đốp, Vĩnh Thiện.

Ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Minh Hòa, Minh Thạnh, công nhân phát huy truyền thống đấu tranh, hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hiệp Công đoàn giải phóng Bình Long chống bọn Thiệu - Kỳ - Khiêm, đấu tranh với những yêu sách chính đáng. Đợt đấu tranh phát triển thuận lợi, các chủ sở và ngục quyền đều chấp nhận và giải quyết những yêu sách của công nhân.

Tháng 01/1970, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 18 đã đề ra cho Cách mạng miền Nam nhiều vấn đề lớn để đi đến giành thắng lợi quyết định trong kháng chiến chống Mỹ. Trong đó, Hội nghị nhấn mạnh phải kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công toàn diện; vừa tiến công địch vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự, chính trị của ta ngày càng lớn mạnh, đánh bại âm mưu xuống thang trong thế mạnh của Mỹ; phải vận dụng phương châm tấn công cả quân sự, chính trị, kinh tế kết hợp với tấn công ngoại giao, tấn công trên cả 3 vùng, trong đó nông thôn là hướng tấn công chính; quán triệt phương châm đánh lâu dài, trên cơ sở đó tranh thủ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn.

Để thực hiện Nghị quyết Hội nghị 18, Trung ương Cục và Quân ủy Miền hạ quyết tâm mở đợt tấn công Xuân - Hè 1970, thực hiện tấn công đồng loạt, mở mảng, mở vùng ở nông thôn.

Trong lúc ta đang chuẩn bị vào đợt tấn công, đế quốc Mỹ thực hiện kế hoạch chiến lược mở rộng chiến tranh, nhằm tạo ra liên minh giữa các tập đoàn tay sai: Việt Nam - Lào - Campuchia, tăng sức chống phá cách mạng 3 nước Đông Dương, cắt hành lang tiếp vận của ta vào chiến trường miền Nam qua đường bộ và qua cảng Sihanúc Vin ở Campuchia.

Mở đầu cho kế hoạch, ngày 18/3/1970, Mỹ giật dây Lonnon, lật đổ Sihanúc, lập bộ máy ngục quyền ở Phnôm Pênh. Dưới sự lãnh đạo của lực lượng cách mạng Campuchia, Nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ - Lonnon. Đế quốc Mỹ đã huy động lực lượng Mỹ - ngục ở miền Nam tấn công ồ ạt, mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược sang Campuchia.

Ở Phước Long - Bình Long, một bộ phận binh lính Mỹ - ngụy cũng bị điều sang chiến trường Campuchia, do đó chúng phải rút bớt chốt trong vùng căn cứ ta, giảm mức độ càn quét, đánh phá. Tình hình căng thẳng trên chiến trường Bình Long, Phước Long dần dần dịu bớt, nhưng chúng vẫn hành quân càn quét và phong tỏa đường biên giới gây cho ta nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Khu ủy Khu 10 chủ trương và chỉ đạo các Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long, các huyện, các lực lượng vũ trang, các đội công tác, căn cứ vào thực tế tại chỗ chấn chỉnh lại kế hoạch tấn công địch, xây dựng lực lượng ta; khai thác nguồn tiếp tế từ các cửa khẩu, nội địa, nhận vũ khí, đạn dược từ đường dây 559.

Lúc này các đơn vị chủ lực của Miền phải bám sát các đơn vị sừng sỏ của địch và giúp bạn Campuchia. Bình Long tuy gặp khó khăn hơn trước, nhưng đã cùng với Phước Long tiếp tục phong trào giết giặc lập công.

Ở Phước Long, các đơn vị chiến đấu đều ra quân đánh các đồn bót nhỏ, lẻ, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng, đánh địch trên đường 14, pháo kích vào chi khu Bù Đăng, du kích đánh mìn trên các nẻo đường trong tỉnh. Ở Bình Long, lực lượng tỉnh thường xuyên phân tán từng đại đội hỗ trợ cho các địa bàn K1, K3 - K4, có lúc cơ động cả Tiểu đoàn 368 tấn công các đồn bót phía nam thị trấn Lộc Ninh; hợp đồng với một bộ phận Sư đoàn 7 và Đoàn hậu cần 70 tiến hành mở đợt tấn công địch từ ngày 10/4/1970. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1970, Tiểu đoàn 368 đã loại khỏi vòng chiến đấu 178 tên địch, có 50 tên Mỹ.

Bước vào mùa khô năm 1970, tình hình chung trên chiến trường chuyển biến có lợi cho ta. Song sau bị thất bại ở Campuchia, ngày 30/6/1970, Mỹ - ngụy rút quân về chốt ở chiến trường Bình Long, Phước Long, tiếp tục tăng cường đánh phá ta. Nhất là ở Lộc Ninh, huyện biên giới tiếp giáp với huyện Snoul, có đường 13 nối liền, Mỹ - ngụy lấy Lộc Ninh làm nơi tập kết quân. Để bảo đảm an toàn nơi đứng chân, chúng sử dụng trực thăng đổ quân càn quét vào rừng núi biên giới Lộc Ninh và tung biệt kích ra sức hoạt động. Nhưng do tâm lý thất bại nặng nề nên chúng hoang mang không dám bung ra rộng. Các lực lượng vũ trang của địa phương liên tục tổ chức đánh tiêu hao, tiêu diệt chúng ngay trên đường 13 - 14 bis, buộc chúng phải co lại tại chỗ.

Trước tình hình mới, Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long đều chủ trương đẩy mạnh các phong trào đấu tranh công khai và bán công khai của quần chúng. Ngoài khẩu hiệu chung đấu tranh vì hòa bình, Mỹ về nước, đánh đổ Thiệu-Kỳ-Khiêm, chống càn quét vào xóm làng... còn có các khẩu hiệu riêng cho từng

đối tượng, từng vùng. Vùng đồn điền đòi tăng lương, phát đủ gạo, đòi nhà ở... Vùng dân tộc đòi về sóc cũ ở rẫy, cứu đau, cứu đói, chống cấm trại, làm ăn xa. Các tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ đòi tự do buôn bán, tự do đi lại. Các tầng lớp học sinh, công chức, binh lính yêu cầu không cầm súng phòng vệ dân sự, không càn quét xóm làng, không đi chết thay cho Thiệu-Kỳ-Khiêm, chống đàn áp khủng bố; chống quân sự hóa học đường, chống bầu cử hạ viện và bầu cử tổng thống.

Để đối phó với phong trào chống bầu cử hạ viện và tổng thống, từ đầu tháng 7/1970, địch tăng thêm 1 chiến đoàn quân ngự lên Lộc Ninh, 1 chiến đoàn và 1 lữ đoàn dù lên Bù Đăng, Đồng Xoài, tăng cảnh sát dã chiến xuống xã, kết hợp với bảo an, dân vệ hành quân lùng sục, bắt phụ nữ vào phòng vệ dân sự, tiếp tục củng cố tế xã, ấp, không cho dân ngủ rẫy, binh lính chốt ở đâu kiểm soát ngặt ở đó.

Tuy địch hùng hổ, nhưng vẫn tiếp tục sa sút. Lực lượng vũ trang của ta tiếp tục đánh có hiệu quả cao. Quân chúng tiếp tục phong trào đấu tranh công khai, bán công khai, mũi tiến công binh vận được chú trọng. Phong trào đấu tranh chống bầu cử của các tầng lớp nhân dân liên tiếp, sôi nổi cho đến ngày bầu cử. Ngày 16/9/1970, học sinh Trường Trung học Bình Long nghỉ học toàn bộ để hội thảo và sau đó tỏa ra đi xé hết các bích chương cổ động bầu cử bọn tề đã dán khắp nơi. Cuộc bầu cử chúng tiến hành gian lận. Bọn thất cử tố cáo âm ỉ. Tên Nguyễn Đắc Vân thất cử ở Phước Long về Sài Gòn đã tự thiêu trước hạ nghị viện để phản đối. Ta chưa tận dụng được tình hình trên để phát động quần chúng đấu tranh mạnh mẽ, để vạch mặt bọn cầm quyền một phần do cơ sở chính trị bên trong chưa đủ mạnh, một phần do ta chưa theo sát diễn biến tình hình để chỉ đạo kịp thời.

Tháng 8/1970, phần lớn quân Mỹ rút khỏi Bình Long. Tuy được trang bị mạnh, nhưng mất chỗ dựa, quân ngự hoang mang, chúng rút các bót lẻ tập trung thành đồn lớn, co cụm lại.

Tình hình chuyển biến nhanh, Khu ủy Khu 10 ra chỉ thị cho các lực lượng vũ trang, các đội công tác đẩy mạnh đánh phá bình định trong tình hình mới. Về phương thức hoạt động, Chỉ thị nêu rõ: Ở các cấp, xã vùng sâu, vùng tôn giáo, dân tộc, đồng bào dinh điền chưa có cơ sở hoặc còn quá yếu cần tổ chức thống nhất đội công tác với lực lượng vũ trang địa phương, cùng có nhiệm vụ bám sát quần chúng, tuyên truyền, tổ chức quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị, vũ trang mật... Bộ đội địa phương tỉnh cũng như huyện, tập trung phân tán linh hoạt nhanh chóng, tấn công tiêu diệt từng đồn bót địch, hỗ trợ cho đánh phá bình định.

Thực hiện Chỉ thị của Khu ủy và các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các Tỉnh ủy Bình Long, Phước Long tổ chức Hội nghị chỉn huấn cho toàn bộ cán bộ, đảng viên, các lực lượng thoát ly, các đội công tác...; rà soát kiện toàn các đội công tác, phân công cụ thể nhằm bám các địa bàn áp chiến lược địch đang kìm chặt để xây dựng lực lượng bên trong, đồng thời liên hệ chặt chẽ với các cơ sở mật đã có để phối hợp tấn công địch.

Ở Bình Long, mũi công tác Hớn Quản tổ chức thêm các đội du kích mới ở Văn Hiến, Sóc Tranh, Xa Tranh. Các đội du kích làng 4 (Xa Cát), Xa Cam, Xa Trạch, Quản Lợi, An Ninh, An Thạnh, An Lợi, Tân Hưng được củng cố, nâng dần chất lượng tác chiến. Phong trào du kích vừa độc lập tác chiến vừa hỗ trợ cho quân chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm phát triển rộng mạnh ở khắp các nơi. Phong trào đó đã có tác động lớn làm cho địch bị động chống đỡ liên tục.

Địch quyết tâm thực hiện kế hoạch bình định, tăng cường đánh phá ác liệt vẫn không thể thực hiện được các ý đồ của chúng. Tháng 7/1970, chúng phải bổ sung chương trình “bình định đặc biệt” trong vòng 4 tháng.

Cuộc chiến đấu tuy có trở lại giằng co, nhưng tình hình Bình Long, Phước Long đã khác trước. Những tháng cuối năm 1970, lực lượng bên trong đã đánh được địch bằng mìn, lựu đạn, gây hoang mang trong hàng ngũ địch. Lực lượng bên ngoài đã được tổ chức nhanh chóng tập trung đánh điểm, linh hoạt phân tán đánh diện; đánh bằng lực lượng đặc công, biệt động, pháo binh; đánh nhỏ, đánh vừa sức và chắc thắng; vừa đánh vừa vận động binh lính đào ngũ, kết hợp diệt ác ôn, gây rối loạn, hoang mang, phá lỏng, phá rã bộ máy kìm kẹp.

Ở Phước Long, nổi bật những trận của lực lượng vũ trang tỉnh đánh các đơn vị thuộc Sư đoàn kỵ binh không vận Mỹ trong tháng 11 và tháng 12/1970; đánh phục kích 1 đơn vị thuộc Tiểu đoàn 1 ở phía tây thị xã; đánh tập kích tiêu diệt cụm địch đóng quân ở Suối Cát (ngày 5/12/1970); kết hợp với Đại đội pháo binh 568 bộ đội chủ lực tấn công cụm quân ở điểm cao 205 (phía bắc Phước Bình) khi máy bay địch vừa hạ cánh (ngày 02/12/1970); tập kích cụm đóng quân ở Đa Kia (ngày 03/12/1970); bắn rơi 3 máy bay trực thăng và 2 máy bay phản lực (ngày 06/12/1970).

Ở Bình Long, nổi bật là các lực lượng vũ trang đánh địch hỗ trợ cho phong trào quần chúng đấu tranh chính trị đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ. Công nhân các đồn điền đã đấu tranh buộc chủ sở phải tăng 85% lương chính, 30% tiền thưởng mủ, 100% tiền thâm niên, phụ cấp gạo 6 lạng/ngày, xây cất nhà cửa cho công nhân. Đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào người Kinh trong dinh điền đòi bung ra sản xuất xa, buộc địch phải chấp nhận. Cuộc đấu tranh

vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị đã làm cho bọn tề điệp trong các đồn điền cao su phân hóa: 25% đầu thú với chính quyền cách mạng, 15% lưu vong, 25% làm việc lấy lệ, bộ máy kìm què quặt, xộc xệch, mất hiệu lực¹.

IV. THÀNH LẬP PHÂN KHU BÌNH PHƯỚC, THAM GIA CHIẾN DỊCH NGUYỄN HUỆ MÙA HÈ NĂM 1972, GIẢI PHÓNG LỘC NINH - BÙ ĐÓP

Tình hình chiến trường phát triển và có nhiều thuận lợi cho ta. Để chỉ đạo sát phong trào, ngày 31/01/1971, Trung ương Cục chủ trương giải thể Khu 10, tách huyện Kiến Đức của tỉnh Quảng Đức giao về tỉnh Phước Long; quyết định thành lập Đảng bộ và Phân khu Bình Phước gồm 2 tỉnh Bình Long, Phước Long, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục².

Tháng 5/1971, theo Nghị quyết của Trung ương Cục, Khu ủy Khu 10 điều động cán bộ thành lập phân khu Bình Phước³. Các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy Phước Long, Bình Long và một số đồng chí trong Khu ủy Khu 10 hợp thành Ban Chấp hành Đảng bộ phân khu. Đồng chí Nguyễn Khắc Tính (Ba Ban) làm Bí thư, đồng chí Tư Nguyễn - Phó bí thư. Các tỉnh ủy viên 2 tỉnh, một số rút về trên, một số bố trí về địa bàn trọng điểm để chỉ đạo phong trào, một số phụ trách ban ngành của phân khu. Bộ phận tiền phương của Tỉnh ủy Bình Long do Phân Khu ủy chỉ đạo.

Nhiệm vụ hàng đầu của Phân Khu ủy là tổ chức và lãnh đạo cuộc chiến đấu nhằm đánh bại âm mưu bình định của địch; giành dân, giành quyền làm chủ, kiên quyết đánh thắng các cuộc càn quét của địch trong bất cứ tình huống nào, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng và vùng căn cứ kháng chiến trên địa bàn Bình Phước.

Tình hình trong phân khu lúc này đã trải qua nhiều biến động, dân số so với trước đây bị giảm nghiêm trọng. Do chiến tranh ác liệt, một số chạy về Sài Gòn, một số di tản đi nơi khác. Số còn lại trong và ngoài ấp chiến lược trong phân khu còn khoảng 150.000 người.

Dân vùng đồn điền cao su (chủ yếu là ở Lộc Ninh, Hớn Quản) còn 30.800 người. Đời sống khó khăn, dân có số được hưởng 130đ và 700gr gạo mỗi ngày.

1. Số liệu do đồng chí Ba Phước tổng hợp trong thời điểm giữa năm 1970.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé: *Lịch sử Đảng bộ Sông Bé (1930-1954)*, 1995, t.2, tr.186 và Ban Chấp hành Đảng bộ Phước Long: *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ, quân và dân Phước Long*, 1994, tr.231.

3. Đồng chí Nguyễn Huệ - Tỉnh đội trưởng Phước Long cung cấp tại Hội thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ 3, ngày 23/6/2000.

Dân không số¹ chỉ được 180đ/ngày. Công nhân ngày lao động mệt nhọc, đêm phải đi canh gác, sống trong vất vả, thiếu thốn, nhiều lúc nguy quyền còn cúp gạo, chủ sở còn nợ lương. Do đó họ liên tục đấu tranh. Trong đấu tranh họ đã tranh thủ được sự đồng tình của binh lính, chủ yếu của phòng vệ dân sự và dân vệ, đã hạn chế được sự kìm kẹp của địch. Cuộc đấu tranh tuy liên tục, mạnh mẽ và thắng lợi nhưng chưa phát huy hết khả năng tích cực, chưa thành mũi tấn công chính trị và binh vận. Chỉ có một số nơi cơ sở bên trong mạnh mới kết hợp được với bên ngoài tổ chức diệt ác ôn, giải quyết tốt vấn đề tiếp tế cho bên ngoài, nắm chắc phòng vệ dân sự và dân vệ, làm chủ xã ấp. Tuy tình hình đó chưa phải là phổ biến nhưng đang phát triển trong vùng công nhân cao su.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số bị kìm kẹp, kể cả huyện Kiến Đức có tổng cộng 42.000 người. Do sống trong áp chiến lược hết sức bế tắc, mệt mỏi, ốm đau... đồng bào dân tộc thiểu số đã đấu tranh, bung ra sản xuất tự cứu đói, cải thiện đời sống. Họ phá cả luật lệ, phép tắc của địch. Ví dụ: Chúng cho đi 2 km, họ đi 10km, ngủ lại nhiều đêm ở rẫy.

Được sự đồng tình của binh lính, cả tầng lớp trên trong đồng bào dân tộc thiểu số cũng tham gia vì điều đó phù hợp với quyền lợi của mọi tầng lớp. Số đồng bào bung ra được trên 25.000 người. Bung ra, nhưng đồng bào vẫn giữ thế hợp pháp bằng cách để lại ông già, bà lão, trẻ em làm đại diện gia đình. Họ ra sản xuất rồi lại về, phong trào chống lập phòng vệ dân sự, chống bắt lính đi xa, tình hình dào ngũ, rã ngũ tập thể đã xuất hiện. Sống trong áp chiến lược bị đau ốm, đi lính chết dần chết mòn và bị ăn gian, ăn hiếp (bắt nạt) nên đại đa số đồng bào hướng về cách mạng và địch không khống chế được các phong trào đấu tranh của đồng bào. Có nơi trước đây ta có sai lầm trong chính sách diệt ác, bị địch xuyên tạc, đồng bào sợ nên khi gặp ta họ bỏ chạy, nhưng khi ta tiếp xúc được, đồng bào hiểu rõ chính sách của cách mạng và đã hết lòng ủng hộ.

Dân các vùng dinh điền kể cả lương, giáo bị gom khoảng 17.200 người. Tất cả đều sống với tinh thần tạm bợ, hy vọng chiến tranh sớm chấm dứt để trở về vườn ruộng cũ. Họ có 2 yêu cầu đối với địch: *Một là*, đòi công ăn việc làm, cho trở về vườn đất cũ, hoặc cho ra ngoài tìm đất khai hoang sản xuất. *Hai là*, đấu tranh cho các ông già, bà lão có quá trình tham gia cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, hiện nay có con em tham gia cách mạng, thì đêm đêm không phải trình diện, lúc động không phải tập trung. Đại đa số đồng bào vẫn hướng về cách mạng.

1. Dân “có số”, hay “không số” là những người công nhân chính thức hay không chính thức.

Dân vùng thị trấn, thị xã có 26.500 người, đa số là dân lao động làm thuê. Tiểu thương, tiểu chủ, tư sản, gia đình binh lính, công chức, học sinh chiếm số ít. Tuy là thị xã, thị trấn, bộ mặt của quận, tỉnh nhưng hằng ngày bọn cảnh sát, bọn ác ôn luôn luôn theo dõi, rình rập, không khí sống rất căng thẳng. Mặc dù vậy, tin tức các nơi dội về nhanh nên quần chúng vẫn bàn bạc tin tức đã đưa trên báo chí rất sôi nổi. Lộc Ninh, Hớn Quản là nơi địch phải mang xác xe, xác lính từ Campuchia về, trở thành tâm điểm cho dư luận bàn tán xôn xao. Qua đó quần chúng nhận thức rõ cách mạng nhất định thắng. Tuy nhiên, ngoài Chơn Thành ra, thì các thị xã, thị trấn còn lại phong trào quần chúng phát triển chưa đáng kể.

Đồng bào vùng giải phóng bao gồm cả Kinh - Thượng còn 3.852 người. Họ đã bị địch tàn sát đánh phá nhiều năm, đặc biệt là trong 2 năm 1969-1970. Tuy gặp khó khăn chưa từng có, nhưng có núi rừng nuôi sống, che chở, đồng bào vẫn vững một lòng tin vào Đảng. Phong trào du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu phát triển đều khắp. Buôn, sóc giải phóng nào cũng có đảng viên, có tổ chức đảng trực tiếp tổ chức và lãnh đạo chống địch tàn sát và chăm lo đời sống cho Nhân dân.

Qua thử thách, đồng bào đã cùng với cán bộ, chiến sĩ ta trưởng thành, thương yêu, đoàn kết, đùm bọc nhau. Lúc này, tuy vẫn còn phải cứu đói, song cuộc sống trong căn cứ đã bắt đầu ổn định¹.

Đó là những nét nổi bật của các đối tượng quần chúng trong phân khu khi mới thành lập. Tình hình sinh hoạt, tình cảm thiết tha với cách mạng, với niềm tin cách mạng tất thắng của quần chúng giúp cho ta nhiều thuận lợi trên mặt trận chống phá bình định của địch. Tổ chức bộ máy cấp huyện vẫn giữ ổn định. Một số cán bộ, chiến sĩ các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh bổ sung về biên chế các cơ quan phân khu. Lực lượng này ưu tiên phần lớn bố trí cho các đội công tác, các đại đội, trung đội vũ trang các địa phương. Các Tiểu đoàn 168, 368 và các đơn vị vũ trang trực thuộc giao cho địa bàn xung yếu. Bình Long giao Tiểu đoàn 368 cho Hớn Quản, Phước Long giao Tiểu đoàn 168 cho Phước Bình. Lực lượng vũ trang Quân khu 10 thì một số chuyển giao cho Miền, một số lượng lớn về Phân khu Bình Phước. Đồng chí Ba Kính cán bộ quân sự của Bộ Chỉ huy Miền về làm Phân khu trưởng, Bộ Chỉ huy Quân sự Phân khu.

Chiến trường Bình Phước, lúc bấy giờ về phía địch là 2 tỉnh, nhưng về phía ta đã được thống nhất dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Phân khu ủy Bình Phước.

1. Trích báo cáo tình hình khi thành lập phân khu Bình Phước.

Để thực hiện tốt chính sách cán bộ, đồng thời để ổn định, tinh chế bộ máy chiến đấu, tổ chức gọn nhẹ, nâng cao hiệu suất công tác, giảm bớt phần công kênh, Phân khu ủy chủ trương thành lập Đảng ủy hậu cứ trực thuộc Phân khu ủy do đồng chí Sáu Thanh làm Bí thư, đồng chí Sáu Mai làm Phó Bí thư, đồng chí Mười Suôn là Ủy viên Thường vụ cùng 5 đảng ủy viên lãnh đạo.

Đảng ủy có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng, điều trị bệnh phục hồi sức khỏe, tổ chức cuộc sống vật chất, văn hóa tinh thần, thực hiện chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ già yếu, ốm đau, mất sức chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, quân dân chính đảng của phân khu. Đảng ủy lấy vùng phía tây nam cầu Hoàng Diệu (Phước Long) làm căn cứ và xây dựng theo phương hướng ngày càng ổn định. Trực thuộc Đảng ủy có bệnh xá và bộ phận kinh tài chăm lo sức khỏe và đời sống. Sau khi hình thành và tiếp nhận được hơn 400 người trong danh sách đưa đến. Đảng ủy thành lập 2 đảng ủy và 11 chi bộ trực thuộc. Mỗi đơn vị đóng cách nhau một khoảng cách vừa phải để bảo đảm bí mật, an toàn đồng thời phân tán nương rẫy sản xuất. Đây là một tổ chức hợp lý, đáp ứng được tình hình nội bộ lúc bấy giờ. Vì sức khỏe tuổi tác anh chị em không bảo đảm hoạt động chiến đấu và công tác như trước, đã tự giác xây dựng, đạt kết quả rất tốt, góp phần giảm bớt khó khăn cho chiến trường lúc bấy giờ.

Sau Tết Tân Hợi (tháng 02/1971), để chuẩn bị cho vụ mùa, ở các ấp chiến lược đồng bào dân tộc thiểu số và dinh điền dấy lên cao trào đấu tranh đòi bung ra khai hoang, phục hóa sản xuất cứu đói. Nhờ khẩu hiệu đấu tranh phù hợp quyền lợi thiết thân của quần chúng, nên cao trào đã tranh thủ được sự đồng tình của tầng lớp trên trong đồng bào dân tộc thiểu số, của lực lượng phòng vệ dân sự và dân vệ. Tuy phải giữ thế hợp pháp để tránh bom đạn và chất độc hóa học của địch phá nương rẫy, nhưng đồng bào cũng đã phá bỏ, bất chấp luật lệ của địch, phong trào quần chúng bung ra sản xuất ngày càng đông. Tính chung cả ở Bình Long, Phước Long, vụ mùa 1971 đã có hơn 40.000 người, riêng khu vực đường 14 (Bù Đăng) đã có 8.000 người bung về buôn, sóc cũ làm ăn. Địch không ngăn cản nổi phong trào, chúng cài tay chân cùng đi theo để giát sát, theo dõi, kìm chế quần chúng. Biết được âm mưu chúng, cốt cán của ta trong quần chúng đã bí mật theo dõi phát hiện bọn tay sai và phối hợp với đội mũi công tác trừng trị chúng, bảo đảm an toàn cho dân.

Ở Bình Long, từ khi Mỹ rút quân (tháng 8/1970), ngục mất chỗ dựa nên co cụm vào các cứ điểm lớn và các đồn bót kiên cố trong ấp chiến lược. Các lực lượng vũ trang địa phương thường tổ chức đánh địch trên đường, đột áp diệt

bọn bình định, đánh bọn kìm dân bùng ra sản xuất. Nổi bật nhất là những trận đánh ở Sóc Mói, Xa Cô 1, Xa Cô Suýt, diệt bọn bảo an dân vệ, bọn tê ác ôn. Du kích và đội công tác đột nhập Bò Com, Văn Hiên, Sóc Tranh làm tan rã hệ thống kìm kẹp nhiều lần. Địch cố xây dựng đi xây dựng lại bộ máy kìm kẹp, nhưng ban ngày chúng mới dám có mặt tại ấp.

Ở Phước Long, phát huy thuận lợi, bộ đội địa phương và du kích liên tiếp tấn công địch: Đánh mìn ở Sơn Giang (ngày 09/02/1971), chống càn, tấn công đồn bảo an, gồm cả chi khu Phước Bình (ngày 20/02/1971), tấn công bọn ngụy đang tập họp tại chợ Phước Bình (ngày 26/02/1971), tập kích chốt Sơn Hà (ngày 10/3/1971), Phước Quả (ngày 07/4/1971), đồn cảnh sát Phước Quả (tháng 4/1971), đồn cảnh sát cao điểm 301 (tháng 5/1971)... Qua 6 tháng đầu năm 1971, quân và dân Phước Long đã đánh 75 trận diệt 643 tên (trong đó có hơn 223 tên Mỹ).

Đối phó với tình hình bị động, sa sút, từ tháng 5 đến tháng 8/1971, địch phải hốt hơn 1.000 dân ở Phước Long, gần 2.000 dân ở An Lộc, Hớn Quản đưa vào khu tập trung Gò Đậu (Bình Dương), căn cứ 4 (Bình Tuy) để ổn định và bắt lính đôn quân.

Đến giữa năm 1971, quân Mỹ lần lượt rút khỏi Phước Long. Quân ngụy lại mất chỗ dựa như ở Bình Long, tình hình Phước Long tiếp tục chuyển biến có lợi cho ta.

Trong lúc đó, quân đội ta và quân dân các nước bạn Campuchia và Lào giành thắng lợi lớn ở Đường 9 Nam Lào và chiến trường Đông Bắc Campuchia. Thất bại này đã thổi động đến kế hoạch bình định của địch, buộc chúng phải kéo dài thêm 4 tháng nữa.

Bị thiệt hại nặng trên chiến trường Campuchia và Lào, ngày 20/10/1971, địch rút về phòng thủ tuyến biên giới nội địa. Chiến trường Bình Phước lại trở thành chiến trường trọng điểm, nhưng chúng không làm được gì hơn là co cụm phòng thủ.

Mũi binh vận của ta có điều kiện phát huy tác dụng, Ban Binh vận phân khu, các huyện đều được củng cố và tăng cường, ra sức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động quần chúng tuyên truyền, giáo dục binh lính địch, đặc biệt là các gia đình binh sĩ ngụy; kết hợp tin chiến thắng của các chiến trường bạn và các trận đánh của lực lượng địa phương trên địa bàn, để tuyên truyền tác động giáo dục, hù dọa, cảnh cáo, tranh thủ tê điệp và binh lính địch.

Cuộc vận động đạt kết quả cao, nhiều đơn vị bảo an, dân vệ chống lệnh hành quân, án binh bất động, hơn 400 binh sĩ bỏ súng, bỏ ngũ về nhà làm ăn, dấy lên phong trào trốn lính và lính trốn. Lính trốn được đồng bào che giấu. Anh em binh sĩ người dân tộc đi càn thấy dấu vết của ta nhưng họ xóa đi, bắn chỉ thiên để vừa không gây tác hại vừa báo động cho ta. Số binh lính địch bị bắt và đầu hàng trong các trận đánh được giáo dục, một số giác ngộ xin lập công chuộc tội, tham gia cùng lực lượng ta chiến đấu chống Mỹ - ngụy.

Tình hình phát triển thuận lợi, ta cho phép các đồn điền cao su tư nhân ở Phước Bình, Đồng Xoài hoạt động trở lại. Suối Minh, Bửu Hiệp, Việt Xuân, Xuân Tiến, Hồng Tám, Bửu Lộc, Bù Én và Thuận Lợi đều được khai khác. Tất nhiên các chủ đồn điền phải xin ngụy quyền cấp phép và chúng lập lại đồn bót kiểm soát, kìm kẹp công nhân, nhưng ta đặt điều kiện chính trị và buộc các chủ đồn điền phải đóng thuế, tạo điều kiện vận chuyển hàng hóa lương thực, thực phẩm tiếp tế cho ta. Tỉnh đội, Ban Binh vận tỉnh cùng Huyện ủy, Ban Binh vận Đồng Xoài đã vận động thuyết phục binh lính và mua chuộc được cả quận trưởng Đồng Xoài nên cửa khẩu được duy trì, hàng hóa tiếp tế cho ta ngày càng phong phú.

Trước đây việc mở cửa khẩu ở Thuận Lợi tuy đã có đầu mối nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng từ cuối năm 1970, gạo, thuốc men, văn phòng phẩm được đơn vị tiếp phẩm chở từ Đồng Xoài về Thuận Lợi trước mặt bọn lính ngụy và chuyển ra lô cao su làng 9 giao cho cách mạng. Từ đó đến ngày giải phóng, đơn vị này đã tiếp tế cho cách mạng hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, và hàng hóa khác. Cách mạng cần gì đặt hàng, đơn vị đáp ứng bằng con đường chở máy bay từ Sài Gòn lên Đồng Xoài. Rồi từ Đồng Xoài dùng xe tải chở ra làng 2, làng 9 trao cho các đội công tác cửa khẩu. Rút kinh nghiệm công tác binh vận ở Đồng Xoài, cuộc vận động binh lính và sĩ quan được nhân rộng và đạt kết quả cao. Các huyện, thị xã đều mở cửa khẩu để mua hàng từ vùng địch chuyển ra.

Lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm đủ ăn, đủ dùng, có dự trữ cho các lực lượng địa phương và góp phần cung cấp cho bộ đội chủ lực đứng chân trên địa bàn. Đời sống của Nhân dân vùng giải phóng được cải thiện.

Những tháng cuối năm 1971, các đơn vị bộ binh, các đại đội đặc công, các đơn vị hỏa lực, trinh sát, hậu cần của phân khu..., các đại đội, trung đội trực thuộc huyện, du kích các xã trong phân khu đều được củng cố, bổ sung. Tất cả đều bám trụ vững chắc trên cả 3 vùng chiến lược và liên tục tấn công địch hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị binh vận trong vùng yếu. Những

tháng 10 và 11/1971, Nhân dân thu hoạch vụ mùa, các lực lượng vũ trang địa phương kết hợp hình thành các mũi chống địch càn quét thu gom lúa của dân.

Không kể các trận tấn công của bộ đội chủ lực Miền, trong năm 1971 các lực lượng vũ trang địa phương Bình Phước đã loại khỏi vòng chiến đấu 2.780 tên địch trong đó có nhiều binh lính, sĩ quan Mỹ; diệt 22 trung đội, hơn 20 tiểu đội, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội chủ lực ngụy và nhiều trung đội khác, bắn rơi 11 máy bay lên thẳng, phá hủy 51 xe quân sự, 3 khẩu pháo và súng cối hạng nặng đánh sập 20 hầm ngầm, lô cốt và 54 nhà lính, đánh sập 2 cầu, đốt cháy 1 kho xăng 1 kho đạn cỡ lớn, thu 140 súng và nhiều đồ dùng quân sự.

Cùng với mũi tấn công quân sự, mũi tấn công chính trị cũng phát triển có chiều sâu. Sôi nổi nhất là phong trào đấu tranh của công nhân cao su Lộc Ninh - Bình Long. Cùng với phong trào chung, học sinh các trường ở Bình Long cũng đấu tranh chống quân sự hóa học đường, đòi giảm học phí. Các cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc, đồng bào người Kinh ở các dinh điền cũ đã nhanh chóng trở thành một phong trào rộng lớn và mạnh mẽ đòi về ruộng vườn, nương rẫy cũ. Tuy hình thức vẫn như những cuộc đấu tranh trước đây, nhưng phong trào đã mang sắc thái nổi dậy của quần chúng. Hầu hết các ấp chiến lược đã có lực lượng mật, lực lượng làm nòng cốt cho các phong trào quần chúng. Ở Bình Long, quần chúng đã giành quyền làm chủ ở 47 ấp trong số 104 ấp chiến lược.

Ở vùng giải phóng, sản xuất đã có ăn, đời sống vùng giải phóng và vùng căn cứ được nâng lên. Phần dư ăn được bán cho cách mạng để mua vải vóc, thuốc men. Vùng căn cứ của Phước Long đã đóng góp gần 50 tấn lương thực cho cách mạng.

Phong trào giáo dục được tổ chức và duy trì từ năm 1966, qua khói lửa chiến tranh các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, các lớp dân tộc nội trú nay còn mai mất. Nay ngành giáo dục mới được phát triển, các trường lớp được xây dựng từ cơ sở xã ấp. Và cũng trong thời kỳ này, lần đầu tiên phân khu Bình Phước triển khai 2 đội chiếu bóng máy 16 ly phục vụ rộng rãi cho dân. Hai đội chiếu bóng hồ hởi, phấn khởi nhận thêm biên chế bảo vệ, đi chiếu lưu động khắp các vùng trong căn cứ và phục vụ đồng bào vùng ven, thu hút cả binh lính địch, ngụy cùng xem. Đoàn văn công các lực lượng vũ trang phân khu và đoàn văn công giải phóng thuộc Ban Tuyên huấn Bình Phước được tăng cường diễn viên và cán bộ tổ chức biểu diễn đã hoạt động phục vụ bộ đội chủ lực, cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân. Các đội tuyên truyền lưu động có thêm phương tiện amply, loa công suất 35w, có trang bị đèn chiếu, có máy phát điện

gọn nhẹ, v.v. đã đi lưu động tuyên truyền trong vùng giải phóng kết hợp với các đội công tác phát loa vào đồn bót địch làm công tác binh vận...

Tháng 7/1971, Trung ương Cục mở Hội nghị chuyên đề đánh phá bình định. Trên cơ sở tổng kết tình hình, Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ: “tiếp tục mở các đợt tiến công. Kết hợp 3 thứ quân, 3 mũi giáp công trên 3 vùng chiến lược rộng mạnh hơn nữa, kết hợp tiến công để mở rộng quyền làm chủ ở các vùng nông thôn, rừng núi và có vị trí chiến lược quan trọng”.

Tháng 8/1971, trên cơ sở phân tích tình hình, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương “nắm lấy thời cơ lớn”, đẩy mạnh tiến công giành thắng lợi quyết định trong năm 1972. Ngày 20/9/1971, Thường vụ Trung ương Cục gửi riêng cho Phân Khu ủy Bình Phước một chỉ thị quan trọng, gồm 6 điểm cần khẩn trương thực hiện.

Trước hết Thường vụ Trung ương Cục xác định đặc điểm dân cư, vị trí chiến lược quan trọng của Bình Phước trong toàn bộ chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Tiếp theo là các vấn đề cấp bách: dân bung ra, phòng vệ dân sự, chuyển thế và lực, ra sức hoàn thành yêu cầu bước 1, chuẩn bị tốt bước 2 trong đánh phá bình định, một số vấn đề trong tổ chức chỉ đạo và động viên toàn Đảng bộ đoàn kết nhất trí dốc tâm, dốc sức hoàn thành nhiệm vụ.

Thường vụ Trung ương Cục đã nêu những quan điểm cần thống nhất, những ưu điểm cần phát huy, những khuyết điểm, thiếu sót cần uốn nắn và phương châm, phương thức thực hiện các vấn đề cấp bách đó. Chỉ thị đã thể hiện sự quan tâm chỉ đạo sát sao, gần gũi của Thường vụ Trung ương Cục đối với phân khu Bình Phước trên lĩnh vực đánh phá bình định nhằm làm chuyển biến nhanh kịp với tình hình sẽ diễn biến trong giai đoạn mới.

Qua những chuyển biến mới của phong trào đánh phá bình định và tương quan ta địch tại chỗ, Thường vụ Phân khu ủy chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang cấp huyện tiến hành đánh nhỏ, đánh lẻ, đánh theo lối đặc công, biệt động, đánh vào bọn bảo an, dân vệ. Các đội công tác tập trung vào cuộc vận động dân bung ra, từng bước trang bị và nâng cao biện pháp tấn công địch bằng 3 mũi giáp công cho quần chúng. Mặt khác, ta tập trung vận động nắm phòng vệ dân sự, thuyết phục giáo dục các đối tượng quần chúng và phòng vệ dân sự nhận rõ âm mưu của địch, để sống đúng với tình làng nghĩa xóm, với đạo lý truyền thống dân tộc. Từ đó, ta đã tác động mạnh đến các đối tượng binh lính tề ngụy. Phân khu ủy cũng chủ trương cho lực lượng vũ trang dựa vào quần chúng xử lý, trừng trị bọn tề và bọn chỉ huy ác ôn, trung lập hóa đồn bót. Ta cài thế ngược trở lại, phá âm mưu địch, phá lỏng phá rã từng phần hay

toàn bộ, tiến tới mở mảng mở vùng. Thường vụ Phân Khu ủy lấy Hón Quán, Lộc Ninh, Phước Bình làm điểm, rút kinh nghiệm mở rộng diện.

Sau khi tổ chức học tập rộng rãi Chỉ thị 6 điểm và chủ trương của Thường vụ Phân khu ủy, phong trào đánh phá bình định phát triển sôi nổi và đạt hiệu quả cao. Vấn đề nắm phòng vệ dân sự, dân vệ theo quan điểm của Chỉ thị 6 điểm được thực hiện, đã trở thành ngọn đòn đánh vào bộ máy kìm kẹp ở cơ sở, địch không chống đỡ nổi.

Tiếp theo, tháng 10/1971, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 11 ra Nghị quyết mới. Nghị quyết nêu rõ: Mặc dù địch và ta còn giằng co quyết liệt nhưng tình hình nông thôn đã vượt qua thời kỳ khó khăn nghiêm trọng nhất. Ta đã chặn địch lại được, đã đánh cho chúng ở nhiều nơi và đang tạo ra những điều kiện hết sức cơ bản, đòi hỏi phải tiếp tục củng cố một cách khẩn trương, vững chắc để chuyển sang bước 2 đánh phá bình định. Đồng thời, Nghị quyết cũng đề ra chủ trương mở đợt tấn công chiến lược giành thắng lợi quyết định trong năm 1972. Thực hiện quyết tâm của trên, Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ ở miền Đông Nam Bộ. Hướng chủ yếu là đường 13, khu vực quyết chiến là Lộc Ninh (đợt 1), Hón Quán, Chơn Thành (đợt 2) và các hướng thứ yếu nghi binh, phối hợp thu hút, cầm chân địch ở các chiến trường Tây Ninh, Long An, Biên Hòa, Long Khánh.

Thực hiện ý đồ chỉ đạo của trên, tháng 11/1971, Phân khu ủy tổ chức Hội nghị kiểm điểm việc triển khai tinh thần các chỉ thị, nghị quyết của trên, vạch kế hoạch hành động cho toàn phân khu trong thời gian trước mắt. Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: “toàn Đảng bộ ra sức nắm lấy thời cơ thuận lợi trước mắt... Quyết tâm đánh bại về cơ bản chương trình bình định của địch. Quyết tâm giành thắng lợi lớn nhất”. Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng vùng, từng đơn vị trực thuộc, nhấn mạnh phương châm vừa đánh tiêu diệt địch, vừa hỗ trợ quần chúng phá ấp, phá kìm làm tan rã, sụp đổ lực lượng kìm kẹp và hệ thống phòng thủ của chúng.

Để chuẩn bị cho đợt tấn công mùa hè 1972, ngoài công tác trọng tâm đánh phá bình định, mở rộng vùng giải phóng và phá lỏng, phá rã hệ thống kìm kẹp ở tất cả các ấp chiến lược trên địa bàn, tạo thế và lực mới, Phân khu ủy còn chuẩn bị phục vụ chiến trường. Một tiểu đoàn thanh niên xung phong được thành lập để phục vụ Chiến dịch giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự Phân khu chỉ đạo, điều hành. Ngoài ra, các địa phương xã, huyện huy động dân công vận chuyển lương thực, thực phẩm, đạn dược về nơi tập kết theo kế hoạch chung, bố trí lực lượng vũ trang địa phương hợp đồng tấn công...

Cuối tháng 3/1972, ta đánh lớn ở Đông Hà, Quảng Trị, Tây Nguyên. Trên chiến trường Đông Nam Bộ, ngày 31/3/1972, ta tấn công cụm cứ điểm Xa Mát (đường 22 Tây Ninh) để nghi binh thu hút địch. Trong khi đó tại Lộc Ninh, các đơn vị chủ lực của Miền, lực lượng vũ trang của phân khu, các đại đội huyện, du kích áp sát mục tiêu được giao, hình thành thế bao vây quân địch. Các đội công tác bố trí các mũi chuẩn bị thực hiện bước 2 phát động quần chúng nổi dậy phá banh áp chiến lược.

Đúng 5 giờ 30 phút ngày 05/4/1972, Bộ Chỉ huy Chiến dịch phát lệnh nổ súng tấn công. Lực lượng ta từ các mũi tấn công đều đồng loạt nổ súng.

Trong lúc bộ đội chủ lực vây hãm cụm cứ điểm Lộc Ninh, Đại đội 31 của huyện phối hợp với du kích các xã đánh chiếm đồn bảo an làng 2, Lộc Khánh, Lộc Thắng, Lộc Bình, Lộc Hưng, Lộc Tấn. Bọn tề điệp, phòng vệ dân sự hoang mang, hốt hoảng. Chớp lấy thời cơ, Nhân dân 11 làng cao su, các dinh điền, các ấp trong thị trấn, các buôn, sóc của đồng bào dân tộc thiểu số cùng các đội công tác đã chuẩn bị sẵn sàng đồng loạt nổi dậy, truy tìm diệt bọn có nợ máu, tước súng phòng vệ dân sự, đánh sập hoàn toàn bộ máy tề điệp kìm kẹp, treo cờ Mặt trận giải phóng, kêu gọi binh lính địch ra hàng.

Tại khu vực ngã 3 Lộc Tấn, bộ đội chủ lực phục kích chốt chặn kết hợp với đánh vận động đang chờ sẵn. Hốt hoảng trước sức tấn công và nổi dậy như vũ bão của quân và dân ta, Trung đoàn thiết giáp số 1, Tiểu đoàn 2 thuộc Chiến đoàn 9, Tiểu đoàn biệt động biên phòng số 74 và một đại đội bảo an ở căn cứ Hoa Lư tháo chạy về phía nam. Đến ngã ba Lộc Tấn, chúng lọt vào trận địa phục kích và bị ta tiêu diệt toàn bộ, 950 tên bị tiêu diệt và bị bắt sống, trong đó bắt sống 490 tên, 104 xe bị phá hủy, trong đó có 64 xe tăng, xe bọc thép, bị bắt sống 36 xe, ta thu toàn bộ vũ khí (có 4 khẩu pháo lớn) và 57 máy thông tin.

14 giờ ngày 07/4/1972, ta giải phóng hoàn toàn Lộc Ninh, từ chi khu quân sự, quận lỵ đến tất cả vùng nông thôn, đồn điền do ta làm chủ.

Cùng thời gian tấn công Lộc Ninh, ở Bù Đốp, Trung đội 16 bộ đội địa phương huyện cùng với các tiểu đoàn của phân khu, bao vây chi khu quân sự, sân bay, các ấp chiến lược chung quanh và các chốt, các cụm đóng quân ở Hoàng Diệu, Bầu Sen, ngã ba Công Chánh, cắt đứt liên lạc giữa chi khu với các cứ điểm trong địa bàn khiến bọn chúng rất hoang mang. Được tin Lộc Ninh thất thủ, tên tỉnh trưởng Phước Long vội vã cho máy bay trực thăng đến hốt bọn nguy quân, nguy quyền cùng một số giáo dân về cao điểm 296 phía nam Phước Tín, lập căn cứ mới gọi là “Bù Đốp lưu vong”. Quần chúng

các áp chiến lược đã đồng loạt nổi dậy giải phóng hoàn toàn huyện Bù Đốp. Ngay sau tiếng súng giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp vừa chấm dứt, Ủy ban Phân khu phụ trách được công bố và bắt tay ngay vào việc quản lý địa bàn mới giải phóng.

Đồng thời với tiếng súng Lộc Ninh, quân ta đồng loạt tiến công vào toàn bộ các mục tiêu dự định trên tuyến phòng thủ dọc đường 13 của địch. Ở căn cứ ngã ba Đồng Tâm, Chiến đoàn 52 và 2 tiểu đoàn của Chiến đoàn 48 tăng cường đã bị tiêu diệt, bị bắt sống hơn 300 tên, ta phá hủy và thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh. Ở thị xã An Lộc, bộ đội địa phương liên tục pháo kích vào các khu hành chính, ty cảnh sát chiêu hồi... giam chân địch.

Ở Túc Ninh, phía đông Hớn Quản, ta nổ súng tấn công đồng thời với Lộc Ninh.

Ở Chơn Thành, quân ta pháo kích vào chi khu, vào sở Chỉ huy Sư đoàn 21, Sư đoàn 25 ngụy, lực lượng du kích lộ và mật đã tự lực làm nhiệm vụ đánh địch, gây rối loạn hoang mang trong hàng ngũ địch. Đảng ủy xã Hưng Long, Minh Hòa, Minh Thạnh và các mũi công tác trên địa bàn đều dồn sức đánh địch và phát động quần chúng nổi dậy.

Ngày 11/4/1972, Nhân dân Minh Hòa, Minh Thạnh, sóc số 5 đã nổi dậy phá ấp chiến lược, giải phóng khu vực phía tây thị trấn Chơn Thành. Sau thắng lợi, Huyện ủy Chơn Thành quyết định rút một số du kích các xã, thành lập Đại đội huyện (C29), nhằm tổ chức đánh địch bảo vệ vùng giải phóng.

Ở Phước Long, tuy là chiến trường phối hợp nhưng các lực lượng của ta cũng tiến công địch với khí thế của chiến dịch. Bộ đội địa phương phối hợp với một bộ phận của quân chủ lực, đã tiến công vào tiểu khu Phước Long, chi khu quân sự Phước Bình, Bù Đăng, Đồng Xoài, trung tâm truyền tin trên đỉnh Bà Rá, đánh phục kích trên các tuyến giao thông quan trọng, tấn công vào các đồn bảo an Đức Bồn, Hiếu Phong, Long Điền, Phước Quả, v.v..

Ở Bù Gia Mập, đồng bào các ấp chiến lược được tin tức ta đang đánh lớn, cơ sở chính trị của ta liên tranh thủ sự đồng tình của phòng vệ dân sự, trưởng ấp, già làng, tất cả cùng tự nổi dậy phá banh các ấp chiến lược rồi cùng kéo nhau trở về buôn, sóc cũ làm ăn, ổn định cuộc sống. Số phòng vệ dân sự đã được giáo dục trở thành du kích bảo vệ buôn làng, bảo đảm an toàn cho vùng căn cứ và vùng giải phóng Minh Hòa, Minh Thạnh.

Tiểu đoàn 97 biệt động quân biên phòng chốt ở cứ điểm Bù Gia Mập bị bộ đội địa phương và du kích bao vây, bắn tỉa. Các áp chiến lược làm lá chắn

không còn, chúng hoang mang, hốt hoảng phải bỏ Bù Gia Mập, âm thầm phá cứ điểm rút chạy về Phước Long.

Trong lúc Chiến dịch phát triển khắp nơi, một bộ phận bộ đội chủ lực triển khai tuyến ngăn chặn của Chiến dịch đã kết hợp hỗ trợ các lực lượng vũ trang địa phương tấn công tiêu diệt, bức rút, bức hàng một loạt đồn bót, giải phóng Tân Khai, Đức Vinh, Xa Trạch, Xa Cát, Văn Hiên, Phú Miêng, Phú Lố, Phú Lạc, Đồng Đế... và các cứ điểm độc lập Cần Lê, Cần Đâm.

Ngày 13/4/1972, lực lượng chủ lực bắt đầu nổ súng tấn công địch ở thị xã An Lộc. Từ trong hệ thống hầm ngầm liên hoàn, địch quyết tử thủ. Bom đạn Mỹ, kể cả B52 ném vào thị xã bừa bãi, xối xả, ác liệt chưa từng có. Nhà cửa của dân đổ nát, tài sản tiêu tan, hàng ngàn người bị chết. Dã man nhất là trận địch ném bom B52 vào Bệnh viện Bình Long giết chết gần 3.000 người, gồm thường dân chạy đến bệnh viện chen chúc nhau để tránh bom đạn và toàn bộ bệnh nhân, kể cả binh lính địch bị thương đang chữa trị. Khu mộ tập thể 3.000 người gần Bệnh viện Bình Long mãi mãi còn đó là chứng tích tội ác của Mỹ - ngụy ở An Lộc.

Trước hành động dã man, điên cuồng của Mỹ - ngụy, đồng bào thị xã kể cả dân các vùng chiến sự ác liệt bị gom về thị xã phải bồng bế nhau chạy ra ngoài. Đoàn người dồn ứ ở cổng phía nam thị xã đã bị máy bay Mỹ bắn xối xả, chặn lại giết chết nhiều người. Số thoát được ra ngoài thị xã phải sống cảnh màn trời chiếu đất và đói khát.

Trước tình cảnh đó, Phân khu ủy đã nhanh chóng thành lập đoàn cán bộ tổ chức rước đồng bào về nơi an toàn... cứu tế tạm thời. Với số lượng đông hơn 20.000 người, không thể tiếp tế lâu dài, đoàn cán bộ phải dìu dắt đưa về vùng mới giải phóng, tạo điều kiện cho dân tổ chức lại cuộc sống.

Qua 32 ngày đêm, ta tấn công lần 2 vào An Lộc nhưng không dứt điểm được. Bộ Chỉ huy Chiến dịch chủ trương chuyển sang bao vây, diệt địch bên ngoài và đánh ngăn chặn. Tại chốt Tàu Ô, ta khống chế suốt 90 ngày đêm buộc địch phải bỏ kế hoạch giải tỏa đường 13 và tiếp tế cho tiểu khu Bình Long bằng đường không.

Sau một thời gian, để thay cho Ủy ban Quân quản, được sự chấp thuận của Trung ương Cục, Phân khu ủy quyết định tách Lộc Ninh thành 2 đơn vị: thị trấn Lộc Ninh vừa lo củng cố xây dựng vùng giải phóng, vừa chuẩn bị điều kiện để làm chức năng, nhiệm vụ địa phương, nơi Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ chọn làm thủ phủ. Đồng chí Lê Văn Hai (Năm Béo) được chỉ định làm Bí thư Thị ủy. Huyện Lộc Ninh nông thôn vừa

chú trọng làm trong sạch địa bàn vừa lo sản xuất ổn định đời sống cho dân và tạo điều kiện cho thị xã Lộc Ninh ổn định đời sống. Đồng chí Lê Thành Công được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy.

Mặc dù sau Chiến dịch mùa Hè năm 1972, nhiều công việc phải giải quyết khẩn trương kịp thời nhưng vấn đề thực hiện chính sách tù hàng binh đặt ra rất nghiêm túc. Với tinh thần nhân đạo, ta tiến hành điều trị lành các vết thương trên cơ thể cho tù binh bị thương, tổ chức đời sống vật chất, tinh thần, đề phòng bom pháo và giáo dục để họ nhận rõ âm mưu, tội ác của Mỹ - Thiệu, lỗi lầm của bản thân để tự họ thấy và ăn năn hối cải... Tuy công việc rất bề bộn và phải giải quyết đồng thời nhưng bộ phận chuyên trách đã lo chu đáo. Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang phân khu Bình Phước lấy danh nghĩa là Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang tỉnh Bình Long đã tổ chức lễ phóng thích tù hàng binh ngụy. Thế theo yêu cầu nguyện vọng 300 anh em làm đơn tự nguyện xin tham gia công tác cách mạng để góp phần vào cuộc chiến đấu chính nghĩa đã được chính quyền cách mạng chấp nhận. Về với cách mạng, anh em được sắp xếp công việc thích hợp với khả năng, hoàn cảnh từng người, thiết thực góp phần cùng toàn dân chống Mỹ, cứu nước, cứu nhà. Còn 400 anh em có nguyện vọng trở về đoàn tụ với gia đình, ta đã tổ chức đường dây liên lạc để đưa anh em về tận quê hương xứ sở.

Cuộc tấn công mùa Hè năm 1972, mặc dù chưa dứt điểm ở thị xã Bình Long như ý định, nhưng ta đã mở ra một vùng giải phóng rộng, làm thay đổi cục diện chiến trường có lợi cho cách mạng miền Nam cả thế và lực. Buộc Mỹ - ngụy phải nghiêm chỉnh thương lượng để đi đến ký kết Hiệp định Pari. Các huyện Lộc Ninh - Bù Đốp, Bù Gia Mập liên hoàn được hoàn toàn giải phóng cũng là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Cùng với thắng lợi vùng biên giới Tây Ninh, ta đã đập tan tuyến phòng thủ biên giới phía bắc Sài Gòn, tạo thế và lực cho quân chúng trong vùng địch đấu tranh, làm lỏng rã bộ máy kìm kẹp của địch.

Thắng lợi to lớn này đã tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân Bình Phước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, củng cố xây dựng vùng giải phóng, mặc dù rất nặng nề và cấp bách.

Trước mắt, phải quét sạch bọn tàn binh địch còn lẩn trốn, thiết lập chính quyền cách mạng các cấp, tổ chức cứu đói, cứu đau, ổn định cuộc sống gần 30.000 đồng bào Bù Đốp - Lộc Ninh mới giải phóng. Sau đó, phải lo cứu tế cho 20.000 dân ở Bình Long mới thoát ra khỏi vùng chiến sự ác liệt. Cùng thời gian này đồng bào Việt kiều ở Campuchia lánh nạn chiến tranh Mỹ - ngụy

được hội Việt kiều yêu nước tổ chức đưa về nước. Bình Phước là nơi duy nhất có vùng giải phóng rộng nên đã tiếp nhận gần 30.000 người đã và đang trong cảnh màn trời chiếu đất để giúp đồng bào ổn định cuộc sống.

Dân mới về phải trải ra hai xã Thiện Hưng - Hưng Phước và sắp xếp thành lập thêm 2 xã Tân Tiến, Thanh Hòa. Một số đưa về vùng giải phóng Phước Bình - Đồng Xoài, Hớn Quản. Trước tình hình cấp bách, Phân khu ủy Bình Phước chỉ đạo các huyện ủy tiến hành công tác củng cố, xây dựng Đảng, hình thành các cơ sở đảng ở các ấp các xã, xây dựng lực lượng cách mạng trong quần chúng mới giải phóng.

Dựa vào cốt cán cơ sở chính trị đã được xây dựng từ trong thời kỳ địch tạm chiếm, một số cán bộ cơ sở ở các cơ quan tỉnh, huyện được biệt phái về, chỉ sau hơn 1 tháng, ở tất cả các xã trong vùng mới giải phóng đều có tổ chức đảng, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông hội và lực lượng du kích.

Vừa kiện toàn tổ chức vừa phát động quần chúng sản xuất rau màu, lương thực chống đói, vừa đào hầm, hào chống bom đạn, sẵn sàng đánh trả kẻ thù khi chúng xâm phạm. Song song với những công việc cấp bách đó các Đảng bộ còn tổ chức giúp đỡ Nhân dân xây dựng nhà cửa, xây dựng trạm xá, nhà thương, trường học, tổ chức chiếu bóng, biểu diễn văn nghệ để phục vụ đồng bào sau một thời kỳ khó khăn, đói khổ, bom đạn chết chóc và bị kìm kẹp.

Cuộc vận động quần chúng sản xuất tự túc gặp rất nhiều khó khăn: thiếu dụng cụ, thiếu giống, thiếu kinh nghiệm sản xuất. Đa số dân Lộc Ninh, Bù Đốp và các vùng chiến sự ác liệt mới thoát ra là công nhân cao su, gạo được bán cung cấp. Đồng bào Việt kiều mới đón nhận là dân chuyên đánh cá trên dòng sông Mê Kông, tất cả đều chưa quen sản xuất nông nghiệp lại trải qua một cuộc hành trình lưu lạc, ốm đau, đói khổ bị mất sức lao động.

Để giải quyết bớt phần khó khăn, Trung ương Cục gửi 1.000 tấn gạo kèm theo là thuốc men, muối mắm để cứu đói, cứu đau. Phân khu tổ chức và lãnh đạo các huyện, xã ngành thương nghiệp, y tế vận động các cơ quan chính quyền, đoàn thể phân phối từng đợt gạo muối mắm, đồng thời chăm sóc sức khỏe, hướng dẫn trồng trọt chăn nuôi để ổn định cuộc sống lâu dài.

Nhận bát gạo, viên thuốc, giống má gieo trồng, nông cụ cầm tay của cách mạng trao cho trong lúc này, Nhân dân thấm thía ơn Đảng, Bác Hồ, thăm so sánh 2 chế độ và tin tưởng vào cách mạng là chính nghĩa và nhất định sẽ thắng. Sự phấn khởi, tin tưởng đã thể hiện thành hành động tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng. Trước hết, đồng bào lo ổn định

cuộc sống gia đình, tham gia vào tổ chức các đoàn thể cách mạng, hưởng ứng tích cực việc đào hầm hào chống bom đạn máy bay địch đánh phá. Tiếp theo là lo sản xuất, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, cho con cái đến lớp, đến trường, phòng gian bảo mật, bảo vệ vùng giải phóng...

Bị thất bại, địch rất cay cú, nhất là cả vùng rộng lớn trên tuyến phòng thủ vòng ngoài vững chắc của chúng trước đây, nay thuộc về cách mạng mà chúng chẳng làm gì được, chỉ còn hần học cho máy bay ném bom, bắn phá. Dã man nhất là ngày 03/6/1972, chúng ném bom xuống chợ Lộc Ninh giết hại và làm bị thương trên 300 người dân vô tội. Thực tế đó đã cho Nhân dân càng thấy rõ bộ mặt gian ác của Mỹ - Thiệu, mãi mãi ghi sâu mối thù này trong lòng.

Mặc dù, địch đánh phá nhưng nhờ được chuẩn bị tư tưởng và hầm hào chống bom đạn nên Nhân dân trong vùng giải phóng vững dạ và quyết tâm bám trụ xây dựng quê hương mới. Trong khi đó, ở phía trước, các lực lượng vũ trang, các đội công tác vẫn tiếp tục tấn công địch bằng 3 mũi. Đặc biệt mũi binh vận phát triển mạnh.

Trước tình hình mới, Trung ương Cục quyết định chuyển Phân khu Bình Phước thành tỉnh Bình Phước, tách phần đất Kiến Đức giao về khu 6. Tỉnh Bình Phước bao gồm 2 tỉnh Phước Long và Bình Long cũ. Về tổ chức tỉnh Bình Phước trực thuộc Khu 1. Về nhân sự do yêu cầu công tác, Tỉnh ủy Bình Phước được sắp xếp lại do đồng chí Đỗ Văn Nướng (Tư Nguyễn) làm Bí thư Tỉnh ủy¹. Các K thống nhất, tổ chức lại, toàn tỉnh có 7 huyện: Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Phước Bình, Bù Đăng, Bù Gia Mập.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 19 đồng chí: đồng chí Đỗ Văn Nướng - Bí thư Tỉnh ủy - Chính trị viên Tỉnh đội; đồng chí Huỳnh Văn Tố - Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Trần Ngọc Khanh - Ủy viên Thường vụ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh; đồng chí Lê Văn Hai - Ủy viên Thường vụ - Bí thư Thị ủy Lộc Ninh; đồng chí Trần Quang Minh - Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban An ninh; đồng chí Nguyễn Huệ - Ủy viên Thường vụ - Tỉnh đội trưởng; đồng chí Lê Hùng - Tỉnh ủy viên - Tỉnh đội phó (sau khi đồng chí Nguyễn Huệ đi học đồng chí Lê Hùng bổ sung vào Thường vụ Tỉnh ủy làm Tỉnh đội trưởng); đồng chí Phạm Văn Nhường - Tỉnh ủy viên - Chính trị viên phó Tỉnh đội; đồng chí Nguyễn Đình Kính - Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Binh vận; đồng chí Lê Thành Công - Tỉnh ủy viên - Bí thư Lộc Ninh nông thôn; đồng chí Phạm Thành Đông - Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Tổ chức; đồng chí Nguyễn Thiệu - Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Tuyên huấn; đồng chí Trần Huỳnh - Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Kinh tài; đồng chí Lê Văn Sẻ - Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Dân tộc; chị Tư Cương - Tỉnh ủy viên - Hội trưởng Hội Phụ nữ; đồng chí Nguyễn Hoạt - Tỉnh ủy viên - Phụ trách Công vận; đồng chí Nguyễn Tấn Lực - Tỉnh ủy viên - Bí thư huyện Phước Bình; đồng chí Huỳnh Văn Điền - Tỉnh ủy viên - Bí thư huyện Bù Đăng; đồng chí Nguyễn Tấn Chiến - Tỉnh ủy viên.

Về chủ trương công tác, song song với việc tiếp tục tăng cường các mặt hoạt động tấn công địch ở vùng yếu và xây dựng bảo vệ vùng giải phóng ngày càng vững mạnh, Tỉnh ủy Bình Phước phải ra sức chuẩn bị mọi điều kiện để phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Hội nghị Pari về Việt Nam tiến hành đã gần 4 năm luôn luôn bị bế tắc. Lúc này, Mỹ - ngụy bị thất bại nặng nề trên mặt trận quân sự và trên mặt trận bình định nên phải chấp nhận văn bản dự thảo của Phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra. Phía Mỹ hứa sẽ ký Hiệp định Pari vào 31/10/1972 nhưng ngày 23/10/1972 chúng lật lọng. Một mặt, tranh thủ tăng cường viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh, trang bị cho ngụy Sài Gòn mạnh lên, chúng đòi xét lại văn bản Hiệp định, ép ta ký Hiệp định do Mỹ đưa ra.

Phát huy thắng lợi Xuân - Hè 1972, ta liên tiếp tấn công địch. Tháng 10/1972, ta mở tiếp cao điểm hoạt động quân sự, quyết giành thắng lợi có ý nghĩa cả về quân sự và chính trị hỗ trợ cho tấn công ngoại giao. Tất cả quân chủ lực, các lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng trong vùng bị kìm kẹp đều quyết tâm chồm lên, xốc tới tấn công địch. Tỉnh ủy Bình Phước chủ trương đưa bộ đội địa phương về địa bàn phối hợp với du kích và cơ sở đảng lãnh đạo phong trào diệt ác, phá kìm, đấu tranh chính trị, binh vận... Phong trào quần chúng, thực lực cách mạng trong vùng tiếp tục phát triển nhanh, những nơi địch còn dăm nống ra càn quét, lập tức chúng bị đánh, phải co lại, buộc chúng phải cố thủ, nằm im. Quần chúng khắp các địa phương đã tranh thủ nắm sử dụng trưởng ấp, một số lớn tề xã, cảnh cáo bọn bình định ác ôn, diệt bọn ngoan cố. Nhiều nơi, bọn sĩ quan ngụy chịu sự chi phối của ta, trung lập hóa các đồn bót. Ta mở mảng, mở vùng, đồng thời mở các khu giải phóng lõm, tạo hình thế da beo, áp sát thị xã, thị trấn. Bọn tề điệp và cả guồng máy đặc trách tình báo đều phải trốn chui, trốn nhủi.

Trước tình hình xấu đi không thể cứu vãn nổi ở miền Nam, ngày 17/12/1972, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược bằng không quân, chủ yếu là B52 ra miền Bắc. Bằng trí thông minh và lòng dũng cảm, bộ đội phòng không của miền Bắc đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không". Cả miền Nam, trong đó có quân dân Bình Phước, quyết tâm xốc tới tiêu diệt địch, trả thù cho quân dân Hà Nội.

Bị thua đau, thua đậm, Mỹ phải cay đắng trở lại bàn Hội nghị Pari. Chấp nhận thương lượng trên cơ sở nội dung văn bản do ta đưa ra và ký kết

Hiệp định Pari về Việt Nam ngày 27/01/1973, rút hết quân Mỹ và chư hầu, chấm dứt dính líu vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Sau Hiệp định Pari, Lộc Ninh đã trở thành “thủ phủ” của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tỉnh ủy Bình Phước đã được chuẩn bị đón nhận trọng trách và huy động cán bộ vùng hậu cứ, kể cả một số đang an dưỡng phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt do Trung ương Cục giao phó. Ngày 01/02/1973, một đoàn trực thăng do một trung tá ngụy chỉ huy đã bay đúng đường bay, tầm cao do ta quy định và lần lượt hạ cánh tại sân bay Lộc Ninh. Theo Hiệp định, chúng phải rước Phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ủy ban Liên hợp 4 bên vào Sài Gòn. Thay mặt quân và dân miền Nam, hàng ngàn đồng bào Lộc Ninh đã ra tận sân bay trọng thể tiễn đồng chí Trần Văn Trà cùng phái đoàn lên máy bay với niềm tự hào của người chiến thắng.

Những ngày sau đó, Nhân dân Bình Phước được thay mặt đồng bào cả nước đón tiếp các vị đại sứ, các trưởng phó đoàn, các thành viên trong Ủy ban Quốc tế về Kiểm soát và Giám sát đình chiến tại Việt Nam, các sĩ quan trong Ban Liên hợp Quân sự bốn bên tại vùng giải phóng Lộc Ninh.

Ngày 12/02/1973, cuộc trao trả tù binh đầu tiên được tổ chức tại sân bay Lộc Ninh. Cuộc trao trả diễn ra dưới sự chứng kiến của các sĩ quan trong Ủy ban Quốc tế về Kiểm soát và Giám sát đình chiến tại Việt Nam (ICCS), các sĩ quan trong Ban Liên hợp Quân sự bốn bên.

Đồng bào tỉnh Bình Phước đã thay mặt Nhân dân cả nước nồng nhiệt và xúc động đón những người con chiến thắng từ các nhà tù Mỹ - ngụy trở về với tất cả tấm lòng khâm phục, quý mến. Sự chăm sóc đầy tình nghĩa của đồng bào Lộc Ninh, Bù Đốp đã gây xúc động đầy nước mắt đối với anh chị em mới tự do trở về với đồng đội.

Những sự kiện lịch sử lớn lao của đất nước, của miền Nam trong những ngày vừa ký kết Hiệp định Pari đã đem đến cho Bình Phước một không khí rộn ràng, tấp nập, khẩn trương chưa từng có. Nhân dân phấn khởi tiếp tục sản xuất, dựng lại nhà cửa. Dân công và thợ mộc, thợ nề lo tu sửa nhà cửa làm nơi đón tiếp các phái đoàn quốc tế, làm lán trại, đào hầm hào chống bom đạn địch, đề phòng bọn ngụy quyền Sài Gòn phản trắc. Cán bộ, chiến sĩ và đồng bào vận tải lương thực, thực phẩm, bếp núc phục vụ cho hàng ngàn người từ các nhà tù Mỹ - ngụy mới được trở về. Mặc dù công việc bề bộn nhưng với đội ngũ cán bộ từng trải, hết lòng vì dân, vì nhiệm vụ Đảng giao phó, quân và dân Bình Phước đã nhanh chóng hoàn thành chu đáo nhiệm vụ.

Trong bối cảnh đó, Thường vụ Tỉnh ủy chọn các ngày 10, 20, 30 hàng tháng được quy định như ngày chủ nhật, nhưng là ngày chủ nhật vẫn còn trong chiến tranh.

*
* *

Trải qua 4 năm “Việt Nam hóa chiến tranh” trên chiến trường Bình Phước, Mỹ thực hiện kế hoạch “quét và giữ” kết hợp với các chương trình bình định, càn quét đánh phá ác liệt, gom dân vào ấp chiến lược, đánh phá vùng căn cứ và vùng giải phóng vô cùng ác liệt. Chúng dùng đủ loại phương tiện giết người, tàn phá làng mạc, rừng núi, bao vây kinh tế, triệt tiêu nguồn sống. Dân trong ấp chiến lược sống cuộc đời cơ cực “Cá chậu chim lồng”. Cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân vùng giải phóng phải sống, chiến đấu trong cảnh đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh dưới tầm mưa bom, bão đạn và chất độc màu da cam. Thế nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Bình Phước đã đoàn kết một lòng quyết tâm cùng toàn dân, toàn quân miền Nam kiên cường chịu đựng, tìm mọi cách khắc phục khó khăn để sống và chiến đấu. Lực lượng vũ trang địa phương, các đội công tác, đảng viên và Đảng bộ cơ sở vẫn liên tục duy trì bám trụ tại địa bàn, giữ vững thế tiến công chiến lược trên cả 3 vùng, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh, vượt lên trên sức mạnh vũ khí, phương tiện chiến tranh và những sư đoàn sừng sỏ của Mỹ - ngụy để từng bước khôi phục phong trào, lấy công tác đánh phá bình định làm công tác trọng tâm tạo thế, tạo lực ngày càng mạnh đưa Bình Phước tiến lên tham gia Chiến dịch Nguyễn Huệ.

Mùa Hè năm 1972, cùng với quả đấm của chủ lực, quân và dân Bình Phước đã giải phóng hoàn toàn Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập và những mảng ấp chiến lược khác, mở rộng vùng căn cứ thành hậu phương vững chắc của chiến trường B2 và là bộ mặt của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Trải qua những năm tháng cực kỳ khó khăn, chịu nhiều hy sinh tổn thất, bám trụ vươn lên, từng bước kiên toàn, hoàn thiện tổ chức, Đảng bộ Bình Phước luôn luôn vững vàng, kiên định, năng động và sáng tạo trong vận dụng đường lối, phương châm, phương pháp cách mạng của Đảng, lãnh đạo toàn dân, toàn quân địa phương làm nên chiến thắng, góp phần cùng cả nước giành thắng lợi quyết định buộc Mỹ - ngụy phải ký kết Hiệp định Pari, Mỹ phải chịu thất bại, cuốn cờ về nước. Mỹ rút nhưng ngụy chưa nhào. Cuộc chiến đấu còn tiếp diễn, quân và dân Bình Phước cùng cả nước tiếp tục bước vào cuộc chiến đấu mới.

Chương V

CHỦ ĐỘNG, KIÊN QUYẾT TRỪNG TRỊ ĐỊCH LẤN CHIẾM, PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH PARI, TÍCH CỰC CHUẨN BỊ, ĐÓN THỜI CƠ GIẢI PHÓNG TỈNH NHÀ (1973 - 1975)

I. TRỪNG TRỊ ĐỊCH PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH PARI, XÂY DỰNG VÀ CƯỜNG CỐ VÙNG CĂN CỨ GIẢI PHÓNG VÙNG MẠNH (1973)

1. Trừng trị địch phá hoại Hiệp định Pari

Dù đã ký kết Hiệp định Pari, nhưng Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới. Mỹ đã viện trợ nhiều vũ khí, tiền của, lên dây cót tinh thần cho ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn; hiện đại hóa quân ngụy; vạch “kế hoạch Hùng Vương” thực hiện âm mưu “tràn ngập lãnh thổ”, lấn chiếm vùng giải phóng, thực hiện chương trình bình định nông thôn.

Trên chiến trường Bình Phước, trong những tháng đầu sau khi Hiệp định Pari được ký kết, địch ra sức củng cố lực lượng, bố trí lại đội hình, tiếp tục phản kích giành dân, lấn đất, nhổ cờ giải phóng, đóng “cờ quốc gia”, nống ra lấn chiếm, ra sức tuyên truyền xuyên tạc Hiệp định Pari, thực hiện nhiều âm mưu, thủ đoạn o ép quần chúng.

Về quân sự, lực lượng có mặt ở Bình Phước có giảm so với năm 1972, nhưng từng lúc, địch lại tăng thêm quân để mở đường vận chuyển tiếp tế. Chúng ra sức chiếm giữ những chi khu, tiểu khu còn lại, nống ra đánh phá căn cứ, hành lang và biên giới của ta, ra sức giành và giữ số dân đã gom xúc để làm chỗ dựa, cướp bóc nhân tài, vật lực, phục vụ cho yêu cầu bình định nông thôn của chúng. Phần lớn bộ máy tề xã, ấp đã uể oải, ngao ngán trước tình thế bất lợi, nhưng bọn chỉ huy ác ôn còn ngoan cố. Chúng tăng cường và cảnh sát hóa bộ máy kìm kẹp, ráo riết đánh phá, tiêu diệt cơ sở cách mạng và đàn áp phong trào quần chúng; vừa điều chỉnh, củng cố lực lượng vừa đẩy binh lính

đi càn quét lẫn chiếm, đóng chốt trái phép trên các trục lộ giao thông quan trọng. Địch đã chiếm một số nơi ta đã giải phóng trong thời kỳ trước Hiệp định Pari như Quản Lợi, Xa Trạch, Bò Cam, Đức Bồn, Liễu Đức, Hồng Tâm, Sơn Hà; hốt dân, lập mới 2 ấp (vẫn lấy tên cũ Sơn Hà, Đak Sơn) ở Phước Bình. Ngoài ra, chúng còn tung gián điệp, thám báo vào vùng dân bung ra và vùng giải phóng để theo dõi, ngăn chặn ta xâm nhập, tăng cường phi pháo bắn ra chung quanh cứ điểm, tạo nên tình hình căng thẳng, ngăn chặn phong trào quần chúng bung ra. Ngày 08/3/1973, địch bắn hơn 1.000 quả pháo lớn vào vùng giải phóng huyện Chơn Thành.

Địch dùng máy bay ném bom bắn phá, gây thiệt hại lớn ở các ấp do dân làm chủ ở ven thị trấn Phước Bình, Bù Gia Phúc, Sơn Hà, Bù Đốp, Thuận Kiệm. Đặc biệt, ngày 12/5/1973, chúng ném bom xuống Lộc Ninh, Lộc Tấn là vùng đặt trụ sở liên lạc và triển khai các hoạt động của các tổ chức quốc tế, gây thương vong và thiệt hại lớn. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã gửi công hàm tố cáo. Ngày 25/5/1973, Tổ Quốc tế và Giám sát thi hành Hiệp định Pari đã đến Lộc Ninh. Đại diện Ủy ban nhân dân Lộc Ninh đưa Tổ Quốc tế và Giám sát thi hành Hiệp định Pari đến xem xét hiện trường và gặp nạn nhân tại Bệnh viện Lộc Ninh. Đồng bào Lộc Ninh, Lộc Tấn đã gửi hàng trăm đơn tố cáo tội ác Mỹ - ngụy vi phạm Hiệp định Pari. Bằng chứng địch cố tình vi phạm, phá hoại Hiệp định Pari đã được công bố cho cả thế giới.

Ban đêm, địch gài mìn, lựu đạn ở thôn xóm để chống nổi dậy và ra lệnh giới nghiêm, bắt phòng vệ dân sự thay nhau canh gác phòng vệ, gài mìn, phục kích các nẻo đường vào ấp, vào chốt hoặc quanh cứ điểm. Chúng liên tục thay đổi vị trí đóng quân của bảo an, dân vệ để chống trung lập hóa và đào rã ngũ, tiếp tục bắt lính và truy tìm lính trốn. Hành động tranh chấp ranh giới, cấm cò của địch, sau nhiều lần bị ta đánh, đã phải hủy bỏ.

Về chính trị, địch ra sức bưng bít, nghiêm cấm dân bàn tán về Hiệp định Pari. Ai nói đến sẽ bị quy tội mà không cần tra hỏi. Chúng cấm trại 100%, không cho sĩ quan tiếp xúc với dân, không phổ biến văn bản Hiệp định. Địch ra sức xuyên tạc Hiệp định Pari là mới chỉ ngừng bắn, chứ chưa có hòa bình, chiến tranh sẽ trở lại, bom đạn ác liệt sẽ xảy ra ở vùng giải phóng. Ủy ban Kiểm soát và Giám sát quốc tế sẽ đến phân ranh giới vùng chúng kiểm soát và vùng giải phóng, hòa hợp dân tộc sẽ chỉ có miền Nam, Bắc-Nam sẽ chia thành 2 nước. Chúng tổ chức mítting tố cáo ta vi phạm Hiệp định Pari, xuyên tạc rằng vùng giải phóng đói khổ, chết chóc, ác liệt; lôi kéo đồng bào ra vùng chúng kiểm soát và hứa sẽ bồi thường tài sản, giúp đỡ mọi điều kiện làm ăn, sinh sống.

Địch tiếp tục bắt dân vẽ cờ ba que trên mái nhà tôn, phóng lớn hộ khẩu, tô đậm cờ ba que, viết to khẩu hiệu chống cộng trước cửa nhà, buộc ngụ quân, ngụ quyền đều phải vào Đảng Dân chủ, tổ chức lại các đoàn thể phản động, củng cố và mở rộng tổ chức sắc tộc, thúc đẩy phát triển giáo phái Tin lành, nhất là ở Phước Long, và lũng đoạn các giáo phái khác... nhằm làm hậu thuẫn cho mưu đồ chính trị.

Về kinh tế, địch bao vây, gom lúa gạo của dân ở vùng chúng kiểm soát, tiếp tục phong tỏa không để dân tiếp tế cho lực lượng của ta ở bên ngoài và lừa mị dân bằng những thủ đoạn gọi là kinh tế phát triển nông thôn. Chúng ngăn cấm dân bung ra xa làm rẫy mới, lén lút cho bọn tay sai đốt rẫy mới phát ở vùng dân bung ra, buộc dân phải trở về rẫy cũ bên trong áp chiến lược. Hàng trăm hécta rẫy mới phát của dân Bù Đăng, Đồng Xoài, Hớn Quản... đều bị địch đốt nên phải bỏ.

Những hoạt động về quân sự, chính trị, kinh tế của địch đã gây nhiều tác động trong quần chúng ở vùng yếu. Người dân chưa phân biệt được phải trái, chưa tin Hiệp định Pari là thắng lợi to lớn của cách mạng, sợ bom đạn ác liệt, chết chóc, đói khổ, hơn nữa còn bị ràng buộc giữa dân và binh lính, ràng buộc trong thế ăn ở, sợ mất thế hợp pháp, sợ bị phát hiện, sợ bị khủng bố tù đày... nên không dám phá áp chiến lược bung ra, nghi ngờ chính sách của ta đối với gia đình binh sĩ ngụ và nhiều phân vân khác. Điều này đã hạn chế sức đấu tranh của quần chúng.

Sở dĩ có tình hình đó, ngoài sự ngoan cố của địch còn có thiếu sót của ta. Trước tiên, là do tư tưởng thỏa mãn, chủ quan, mất cảnh giác. Một số cán bộ, chiến sĩ cho rằng với văn bản Hiệp định Pari, địch đã thua trận trên pháp lý, còn đau hơn thua trận trên chiến trường; Mỹ không còn dùi dất, hỗ trợ cho quân ngụ đối đầu với lực lượng ta; binh sĩ ngụ nhất định sẽ ngao ngán, rệu rã, dân sẽ bung ra, ta sẽ thắng. Nổi rõ hơn là ta đánh giá chưa hết bản chất ngoan cố, xảo quyệt, thâm độc của kẻ thù, nhất là chưa đánh giá hết tình hình thực tế. Một số nơi mất cảnh giác, khi bị địch lấn chiếm mới tổ chức phản kích. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chuyển biến chậm, chưa kịp thời vận dụng những nhân tố, những tiềm năng sẵn có và những khả năng mới xuất hiện ở địa phương để đẩy phong trào quần chúng đấu tranh lên một bước mới, chưa thật sự tin tưởng vào khả năng đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng. Trong tình hình phức tạp và chuyển biến nhanh, lực lượng cơ sở bên trong vẫn còn yếu, vận dụng phương thức đấu tranh “hai chân, ba mũi” chưa phù hợp với tình hình. Một số nơi xuất hiện tư tưởng câu an, co thủ, giảm sút ý chí, mất cảnh giác, mơ hồ về địch trong khi thi hành Hiệp định.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Bình Phước đã triệu tập hội nghị mở rộng. Cuộc họp kéo dài 6 ngày (từ ngày 03/4 đến ngày 08/4/1973), nhằm quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Cục, xem xét, đánh giá tình hình địa phương và đề ra phương hướng, nhiệm vụ đến hết năm 1973.

Sau 3 tháng thi hành Hiệp định Pari, hội nghị của Tỉnh ủy mở rộng đã rút ra được nhiều bài học quý giá. Về nhiệm vụ trước mắt, Nghị quyết hội nghị nêu rõ: Động viên toàn Đảng, quân, dân tập trung mọi cố gắng phát huy ưu điểm, nhanh chóng khắc phục nhược điểm trong thời gian qua, tích cực chuyển hướng phương châm, phương thức chỉ đạo, đẩy mạnh phong trào chính trị, binh vận, kết hợp với pháp lý, với lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn, củng cố và phát huy thế chiến thắng đã giành được, liên tục tấn công địch, bẻ gãy các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, kiên trì bám, phát động và giữ vững thế khối dân bùng ra, nâng cao quyền làm chủ, nhanh chóng phát triển thực lực, hướng dẫn phong trào đấu tranh của quần chúng ở vùng sâu, vùng yếu, khẩn trương xây dựng vùng căn cứ giải phóng về các mặt chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hóa - xã hội, khẩn trương xây dựng và phát triển thực lực tại chỗ, từng bước đánh bại âm mưu phá hoại hiệp định, giữ vững hòa bình, sẵn sàng đánh bại địch nếu chúng liều lĩnh, ngoan cố gây chiến trở lại.

Với tinh thần đó, Tỉnh ủy sắp xếp tăng cường lực lượng cho các đội công tác, các xã ủy nâng cao chất lượng chính trị trong các lực lượng vũ trang.

Các lực lượng, kể cả đội vũ trang bám vùng yếu, đều được quán triệt về tình hình kháng chiến thắng lợi của cả miền Nam, ý nghĩa thắng lợi của việc ký kết Hiệp định Pari, những vấn đề pháp lý của Hiệp định, chính sách hòa hợp dân tộc, chính sách binh vận, chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc... của Đảng nhằm nâng cao chất lượng tuyên truyền giáo dục quần chúng, động viên các tầng lớp nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối cách mạng. Từ đó, lực lượng vũ trang tổ chức, lãnh đạo quần chúng hăng hái đấu tranh chống địch và tham gia mọi công tác của cách mạng, kiên quyết đập lại luận điệu chiến tranh tâm lý của địch, buộc địch phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari.

Lực lượng vũ trang phấn khởi chấp hành mệnh lệnh, ra quân với khí thế cao và đã giành được những thắng lợi giòn giã. Chưa đầy 2 tháng đã hoàn thành việc thu hồi toàn bộ vùng giải phóng bị địch lấn chiếm trái phép sau Hiệp định Pari; đồng thời chặn đánh địch, bẻ gãy các cuộc hành quân nống ra lấn đất của chúng; tiến hành “vây, lấn, tấn, ép” kết hợp giải thích pháp lý

của Hiệp định Pari cho binh lính địch; vừa đánh vừa hỗ trợ cho phong trào quần chúng tiêu diệt bọn bình định, tề điệp ác ôn, ngoan cố, tiêu diệt các đơn vị kìm kẹp, khủng bố quần chúng; mở rộng vùng giải phóng và vùng tranh chấp.

Qua 6 tháng đầu năm 1973, chủ yếu là 2 tháng cuối, lực lượng vũ trang toàn tỉnh đã đánh 144 trận, tiêu diệt và làm bị thương 700 tên địch, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, dồn địch vào thế bị động đối phó.

Được lực lượng vũ trang hỗ trợ đắc lực, mặt trận đấu tranh chính trị phát triển thuận lợi và rộng khắp. Cái mới là, ta có Hiệp định làm vũ khí tiến công, là chủ đề tập hợp quần chúng, là nội dung đấu tranh hợp pháp, lý lẽ xác đáng. Ở những nơi chưa có cơ sở chính trị hay với phong trào quần chúng vùng yếu, ta cũng gây được dư luận bàn tán về hòa bình, đòi địch thi hành Hiệp định. Xuất phát từ quyền lợi thiết thân, quần chúng đi vào hành động đấu tranh, từ đấu tranh đòi địch cấp phát đủ gạo, không thu gom thóc, cho ra ngoài ấp làm rẫy cứu đói đến đấu tranh bỏ lệnh cấm nghiêm, chống bắn phá bừa bãi, đòi địch thi hành ngừng bắn, không đi càn quét. Đồng bào đã bớt nỗi lo bị địch khủng bố và đã đấu tranh giành thắng lợi từng bước, từ hành động không thi hành các luật lệ của địch đến xé rào bung ra, tiếp xúc với các lực lượng ta để hiểu biết về cách mạng. Đó là những thắng lợi mới của ta trong quá trình vận động cách mạng ở vùng bị kìm chặt.

Đặc biệt là, trong phong trào đấu tranh bung ra xa làm ăn, khẩu hiệu “Hòa bình, bung ra ngoài sản xuất, tự do đi lại làm ăn”... đã thu hút, lôi kéo được đông đảo quần chúng hưởng ứng. Nổi bật nhất là phong trào bung ra ở các xã: Bù Nho, Đakia, Sơn Giang, thị trấn Phước Bình và các ấp chiến lược xung quanh Phước Bình. Quần chúng đã tạo được thế và lực mới nên đấu tranh mạnh. Các cuộc đấu tranh chính trị luôn được gắn liền với binh địch vận. Một số phòng vệ dân sự, dân vệ, tề đã trả súng, bỏ về, cùng quần chúng và gia đình ra ngoài xa ấp chiến lược sản xuất hợp pháp. Các cơ sở đảng đã đưa cốt cán bám theo quần chúng bung ra để tổ chức, hướng dẫn quần chúng sản xuất, ổn định đời sống, phát triển du kích chiến tranh, phòng gian bảo mật, phát hiện do thám, gián điệp do địch cài theo, vận động quần chúng đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong sản xuất, giải quyết các khó khăn trong đời sống nhân dân. Bộ đội, cơ quan đã tận tình giúp đỡ quần chúng bung ra, không đụng chạm tài sản của quần chúng, hết lòng chăm lo cho quần chúng. Ở những nơi ổn định được việc ăn ở, ta đều xây dựng chi bộ, du kích mật và các đoàn thể quần chúng.

Ở vùng thị xã, thị trấn, vùng dân công giáo di cư, địch bung bít, che giấu thất bại, không phổ biến Hiệp định Pari. Thông qua cơ sở mật liên hệ với gia đình binh sĩ, ta đã phát tán văn bản Hiệp định và Chương trình 10 điểm của Mặt trận, chính sách tôn giáo, chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng. Ban đầu, quần chúng và binh lính, sĩ quan còn đút giấu, xem lén, nhưng sau đã phát triển thành cuộc đấu tranh với bọn chỉ huy đòi tự do tìm hiểu Hiệp định. Qua cuộc đấu tranh, ta đã xây dựng được 35 cơ sở nội tuyến và 66 cơ sở binh vận trong binh sĩ nguy.

Cuộc tấn công binh địch vận tiến hành đồng thời lồng ghép chặt chẽ với cuộc đấu tranh vũ trang và chính trị đã tác động mạnh vào hàng ngũ địch. Binh lính, sĩ quan nguy nắm được Hiệp định Pari và tinh thần của các chính sách của ta nên đã chống lại bọn chỉ huy bên trên. Bọn chỉ huy thúc ép phải đi hành quân, vi phạm Hiệp định thì họ đi, nhưng không bắn vào dân, tâm trạng sợ chết trận vô nghĩa đã tạo nên phong trào phản chiến ngày càng lan rộng, từ co thủ trong đồn bót, chống lệnh hành quân đến đào rã ngũ phát triển nhanh. Trong 6 tháng đầu năm 1973, ở Bình Long có 383 lính bỏ ngũ, một số trốn ra được vùng giải phóng. Từ tháng 4/1973 đến tháng 10/1973, ở Phước Long có gần 500 lính đào ngũ, một số được đưa ra vùng giải phóng Đồng Xoài, Phước Bình, Bù Đăng sinh sống ổn định.

Những thắng lợi trên cả 3 mũi tấn công tiếp tục phát triển. Được sự tiếp sức của bộ đội chủ lực, các lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục tổ chức nhiều trận tập kích, phục kích tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, thu hẹp dần phạm vi địch kiểm soát, mở rộng vùng giải phóng và vùng tranh chấp. Các đội công tác tiếp tục xây dựng thực lực cách mạng bên trong, tổ chức các phong trào quần chúng đấu tranh tấn công địch, nâng mức độ dân làm chủ trong áp chiến lược ngày càng cao, sẵn sàng chuẩn bị đón thời cơ phá banh áp chiến lược.

2. Ra sức xây dựng và củng cố vùng căn cứ giải phóng vững mạnh, phục vụ chung cho toàn Miền

Vùng giải phóng của tỉnh bao gồm toàn bộ 2 huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, 10 xã giải phóng cũ thuộc huyện Bù Gia Mập (K28), 14 xã giải phóng cũ thuộc huyện Bù Đăng (K29). Rừng già và rừng cao su chạy dọc hai bên quốc lộ 14 kéo dài là vùng giải phóng, tiếp giáp với một số xã giải phóng An Khương, An Quy, Minh Hòa, Minh Thạnh. Ở các đồn điền Xa Cát, Xa Cam, Xa Trạch, các thị xã, thị trấn có một số ấp được giải phóng chen giữa các ấp, các xã còn bị địch kiểm soát, địch gọi là vùng “da beo”, ta gọi là vùng giải phóng lốm.

Vùng giải phóng đã mở đến hơn nửa số dân và gần hết đất đai của tỉnh liên hoàn từ bắc xuống nam, từ đông sang tây. Những vùng thị xã, thị trấn địch còn tạm thời kiểm soát đều nằm trong vòng vây của vùng giải phóng.

Ngay sau khi có Hiệp định Pari, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã có chủ trương mở rộng căn cứ cho phù hợp với tình hình mới. Cuộc hội nghị tổ chức từ ngày 04 đến ngày 07/3/1973 của Trung ương Cục với Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước đã xác định Bình Phước có đủ lợi thế để xây dựng thành căn cứ vững mạnh phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, đồng thời phục vụ chung cho toàn Miền trong giai đoạn cách mạng sắp tới. Những lợi thế đặc thù của tỉnh Bình Phước là:

- Vùng giải phóng Bình Phước hoàn chỉnh, rộng lớn, nằm ở vị trí chiến lược quan trọng, tiếp giáp với các vùng căn cứ Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Campuchia, có đường hành lang thông suốt nối liền với hậu phương miền Bắc. Có rừng núi liên hoàn, nhiều tài nguyên phong phú, đất đai màu mỡ, có đường giao thông thuận lợi, có sân bay mang tính chất quốc tế.

- Xây dựng vùng giải phóng Bình Phước vững mạnh làm căn cứ phục vụ chung cho toàn Miền là yêu cầu cấp bách tạo thuận lợi để Bình Phước tiến nhanh, vững chắc, đáp ứng nhu cầu mới của giai đoạn chiến lược cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam; tạo thế và lực, tạo địa bàn đứng chân vững để tấn công, buộc địch phải thi hành Hiệp định Pari. Nhưng nếu địch liều lĩnh tấn công ở đây thì ta có đủ sức quật ngã chúng, giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược.

- Đội ngũ cán bộ Bình Phước tích cực, năng động đã trải qua nhiều thử thách trong gian khổ khó khăn, bom đạn ác liệt, quần chúng có trình độ giác ngộ cách mạng. Đây là điều kiện bảo đảm cho công cuộc xây dựng, phát triển nhanh, đồng bộ và đều ở các vùng thị trấn, đồn điền, nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển đều các ngành nghề nông, lâm nghiệp, công nghiệp cao su... phát triển văn hóa, giáo dục, y tế... nâng cao mọi mặt của đời sống nhân dân.

Do yêu cầu cấp bách nên việc xây dựng vùng căn cứ giải phóng Bình Phước không phải theo tốc độ bình thường mà phải hết sức khẩn trương, xem như đây là một chiến dịch tấn công địch để vùng giải phóng Bình Phước trở thành ngọn cờ hiệu triệu Nhân dân trong vùng địch tạm thời kiểm soát. Trước mắt, tỉnh tập trung toàn lực xây dựng 3 huyện giải phóng hoàn chỉnh, trong đó, Lộc Ninh - thủ phủ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam - là trọng điểm.

Nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh Bình Phước lúc này hết sức nặng nề, một mặt, phải giữ vững và phát triển thế và lực ở phía trước; một mặt, cần huy động mọi khả năng thực hiện nhiệm vụ xây dựng vùng căn cứ giải phóng, đáp ứng yêu cầu cấp bách đã được cấp trên giao phó.

Để có cán bộ và lực lượng xây dựng vùng căn cứ giải phóng, Tỉnh ủy đã huy động một số cán bộ thuộc các cơ quan dân, chính, Đảng và một số cán bộ huyện. Tỉnh ủy huy động 79 cán bộ, đảng viên thuộc Đảng ủy hậu cứ, đưa số thương bệnh binh tạm phục hồi sức khỏe hưởng chế độ về sinh sống, làm nông cốt ở các địa phương; giải thể Đảng ủy hậu cứ, gom số còn phải an dưỡng lập trại an dưỡng và trại nuôi dưỡng, giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý. Tỉnh còn huy động 78 y bác sĩ; 15 giáo viên cấp II, III; 5 cán bộ trường đại học kinh tế - tài chính; 6 kỹ sư và trung cấp nông lâm nghiệp và 26 anh chị em tù chính trị là cán bộ cũ của địa phương mới được trao trả lại Lộc Ninh. Số cán bộ đó được tổ chức thành nhiều đoàn có nhiệm vụ vừa phát động quần chúng vừa kết hợp xây dựng ngành.

Tháng 10/1973, cấp trên điều đồng chí Huỳnh Văn Điển - Bí thư huyện Bù Đăng và đồng chí Nguyễn Tấn Chiến đi xây dựng căn cứ Tân Phú. Ở Bù Đăng, đồng chí Võ Đình Tuyền thay làm Bí thư.

Để tiếp sức với địa phương, Trung ương Cục chi viện thêm nhiều đoàn cán bộ buổi đầu giúp đỡ xây dựng kế hoạch, góp sức chăm lo đời sống, chữa bệnh cho Nhân dân. Tất cả đều hồ hởi, phấn khởi nhận nhiệm vụ, hăng hái cống hiến hết khả năng của mình với tinh thần ra quân chiến dịch tấn công địch.

Việc trước tiên là tiến hành phát động, giáo dục quần chúng nhận thức đúng đắn vai trò của vùng căn cứ giải phóng. Tùy đối tượng quần chúng mà làm công tác chính trị tư tưởng. Đối với quần chúng ở vùng mới giải phóng, ta phải tiến hành từ những vấn đề cơ bản về phân biệt hai chế độ, chính quyền, làm cho người dân thấy được bản chất của chính quyền ngụy Sài Gòn, từ những nhận thức bước đầu đó dần nâng thành giác ngộ cách mạng, thương yêu gắn bó nhau, xóa bỏ những mâu thuẫn nghi kỵ, xóa bỏ lối sống sa đọa, ích kỷ do Mỹ - ngụy đầu độc trong quần chúng, đưa quần chúng vào các hoạt động cách mạng.

Đồng thời với công tác chính trị - tư tưởng, tỉnh nhanh chóng tiến hành xây dựng bộ máy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể; xây dựng lực lượng du kích, động viên thanh niên tòng quân; xây dựng kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Sau khi có nghị quyết chung, Tỉnh ủy ban hành những nghị quyết chuyên đề, những chỉ tiêu xây dựng và phát triển, những chính sách, chế độ và chỉ đạo sâu sát những biện pháp vận động quần chúng. Từ đó, chủ trương, chính sách thấm vào quần chúng, làm cho quần chúng thêm tin tưởng và ra sức thực hiện. Quần chúng đã hiểu biết về Đảng, về cách mạng; tin yêu những đảng viên đã ngày đêm chăm lo cứu đói, cứu đau, vận động người dân sản xuất ổn định đời sống vì cuộc sống của Nhân dân. Từ đó, người dân sẵn sàng nhận nhiệm vụ và động viên, thúc đẩy nhau tích cực hoạt động trong các phong trào cách mạng.

Qua các phong trào quần chúng, các nhân tố tích cực được bồi dưỡng và kết nạp vào Đảng. Qua đợt phát động, đến cuối năm 1973, tỉnh đã kết nạp được 146 đảng viên mới, trong đó có 9 đảng viên nữ và 24 đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số, nâng tổng số đảng viên ở vùng giải phóng lên 575 đảng viên, sinh hoạt trong 51 chi bộ. Đi đôi với phát triển lực lượng đảng viên, các đoàn thể quần chúng cũng được xây dựng. Tất cả đoàn viên, hội viên đều hoạt động tích cực và gây được tác động tốt trong các tầng lớp quần chúng.

Từ những nhân tố tích cực, Tỉnh ủy đã lãnh đạo xây dựng bộ máy chính quyền. Trước đây trong tình hình chưa có chính quyền, các mặt công tác quản lý xã hội được các ban chuyên môn của tổ chức cơ sở đảng đảm nhiệm. Khi cần lấy danh nghĩa chính quyền, các cấp ủy chỉ định người đại diện. Từ khi giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp, vấn đề xây dựng chính quyền được đặt ra một cách bức thiết. Xã, ấp là nền tảng, nên chính quyền xã, ấp phải được xây dựng trước, giải phóng đến đâu xây dựng chính quyền xã, ấp đến đó. Đến cuối năm 1973, 3/4 số xã đã có bộ máy chính quyền hoàn chỉnh, trong đó có 1/6 số xã đã bầu cử Hội đồng nhân dân cách mạng. Hội đồng nhân dân cách mạng bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng. Các ban chuyên môn, cơ quan tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước của tổ chức đảng từng bước chuyển giao trách nhiệm cho chính quyền. Bộ máy chính quyền từng bước hoàn thiện, phát huy hiệu lực quản lý nhà nước.

Để xây dựng căn cứ vững mạnh, tỉnh Bình Phước đẩy mạnh xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và đạt được nhiều kết quả tốt. Ngành nông nghiệp đã động viên quần chúng ra sức sản xuất với phương châm lấy ngắn nuôi dài. Từ số lúa và mì giống được chi viện cho vụ mùa năm 1972, qua sản xuất, quần chúng đã dự trữ được giống, tương trợ lẫn nhau để cung cấp đủ cho diện tích gieo trồng vụ mùa trong năm 1973. Để giải quyết khó khăn về giống ngắn ngày, cấp trên chi viện thêm 8 tấn đậu phộng (lạc), 31 tấn khoai lang,

2 tấn củ chuối nước và 9,3 tấn bắp (ngô) vàng. Cán bộ nông nghiệp đã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn chu đáo kỹ thuật gieo trồng, thực hiện theo kế hoạch và đúng thời vụ.

Đầu tháng 6/1973, người dân đã gieo cấy được 6.669ha rẫy và 475ha ruộng, đạt 82,2% kế hoạch vụ mùa năm 1973. Mì trồng sau mưa đầu mùa được 6.739.600 gốc, đạt 42,8% kế hoạch. Bắp đã tủa 9.362 lít giống, đạt 84% kế hoạch, khoai lang đạt 5m bình quân đầu người. Ngoài ra, người dân còn sản xuất các loại rau, hoa màu, các loại đậu...; chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhờ đó, từng bước vượt qua cảnh khó khăn, thiếu đói. Cùng với sự phát triển sản xuất trong Nhân dân, các cơ quan, ban ngành của tỉnh, huyện cũng thực hiện kế hoạch sản xuất tự túc.

Năm 1973, mưa thuận gió hòa, tỉnh Bình Phước được mùa. Thu nhập quy thóc đạt 312kg/người/năm. Người dân còn có lương thực dư để bán. Chỉ trong tháng 01/1974, ngành thương nghiệp đã thu mua 550 tấn lương thực, đạt 56% kế hoạch thu mua lương thực cả năm.

Trên cơ sở vụ mùa 1973, ngành nông nghiệp chuẩn bị kế hoạch phát triển sản xuất năm 1974 hoàn chỉnh và toàn diện hơn, trong đó có kế hoạch khai thác hơn 200ha cánh đồng Gia Ray, Bù Đốp, hơn 200ha bàu Thuận Kiệm, phục hóa 400ha cánh đồng Lộc Khánh và 1.100ha ở huyện Đồng Xoài.

Để có được phát triển đó, ngành kinh tài của tỉnh đã góp phần đắc lực, dù nhiệm vụ kinh tài tăng lên gấp bội. Trước đây, ngành kinh tài có nhiệm vụ tạo nguồn vật chất cung ứng phục vụ đời sống cho các lực lượng quân, dân, chính, Đảng; tạo điều kiện cho các cơ quan, ban ngành các cấp sản xuất tự túc. Từ ngày giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp, ngoài nhiệm vụ thường xuyên, ngành kinh tài còn phải thực hiện cứu tế cho dân vùng mới giải phóng, chăm lo bữa ăn cho hàng vạn người, lo cung cấp giống vật nuôi, cây trồng, dụng cụ sản xuất, ổn định đời sống cho quần chúng. Bước vào thời kỳ xây dựng vùng giải phóng, ngành kinh tài phải quán xuyên toàn bộ sự nghiệp phát triển kinh tế, tài chính của tỉnh; về vấn đề cân đối thu chi, nâng cao đời sống cho toàn bộ cán bộ biên chế. Ngành kinh tài đã cung ứng cứu tế cho 22.000 dân trong tổng số 54.000 dân mới giải phóng trong thời gian 9 tháng với tiêu chuẩn mỗi tháng là 10kg gạo, 0,6kg muối, 320 đồng tiền thuốc trị bệnh cho mỗi người; tạo cơ sở vật chất cho toàn bộ dân mới về vùng giải phóng sản xuất, ổn định đời sống; cứu tế cho Việt kiều từ Campuchia mới về nước năm 1973 ở Phước Bình, Đồng Xoài và khu vực An Lợi (Hớn Quản).

Ngoài ra, trước yêu cầu của quần chúng, ngành kinh tài đã tổ chức cho vay vốn sản xuất, cung ứng dụng cụ lao động, cung ứng cả trâu bò, heo làm vốn sản xuất, nâng tổng số đàn trâu lên 1.234 con ở 5 huyện, đàn bò lên 169 con ở 2 huyện, 1.265 heo giống ở 7 huyện. Ngành kinh tài đã mở nhiều cửa hàng bán lẻ, bán khoảng 50 mặt hàng thiết yếu, trong đó, mặt hàng chủ lực là gạo, mắm, muối, mỡ, vải, dầu hôi, đường, sữa, dụng cụ sản xuất. Chỉ tính trong 1 tháng (từ ngày 15/8 đến ngày 15/9/1973), doanh số bán ra đạt 6.985.615 đồng (tiền Sài Gòn), giá bán rẻ hơn bên ngoài từ 10% đến 30%.

Tuy nhiệm vụ nặng nề, khối lượng công việc lớn, nhưng nhờ Thường vụ Tỉnh ủy luôn quan tâm, động viên các giới cùng chăm lo, tiếp nhận đầy đủ sự chi viện của cấp trên, phân bổ đều cho các đối tượng, nhờ đó, Nhân dân đã vượt qua thời kỳ đói, đau và có điều kiện ổn định, phát triển sản xuất, đóng góp vào sự phát triển vùng giải phóng.

Để hạn chế nạn phá rừng, ảnh hưởng đến môi trường sống lâu dài, ngành lâm nghiệp đã lập quy hoạch bảo vệ và khai thác rừng. Lâm nghiệp phối hợp với kinh tài tận thu số gỗ ở các đêô và gỗ còn nằm rải rác trong rừng; ở những vùng rừng có thể khai thác, lập trạm kiểm soát, thu thuế hoặc trao đổi gỗ lấy lương thực, thực phẩm... phục vụ đời sống trong vùng giải phóng. Đặc biệt, ngành lâm nghiệp đã thu được một khúc gỗ nu thuộc loại quý hiếm để Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh thay mặt cho Nhân dân Bình Phước trân trọng gửi ra miền Bắc góp phần xây lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tỏ lòng nhớ ơn Người.

Sau khi giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp, ngành cao su của tỉnh đã có kế hoạch và bắt tay vào phục hồi sản xuất. Số công nhân đã trở lại vườn cây. Nhà máy điện, nhà máy nước, nhà máy chế biến mủ tờ, mủ crepe đã được phục hồi. Tính đến tháng 7/1973, ngành cao su Bình Phước đã gửi ra miền Bắc 17.000 tấn mủ crepe, sau đó tiếp tục gửi ra 25 tấn. Ngành cao su của tỉnh vừa phải bảo đảm sản xuất vừa chuẩn bị mọi điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng sản phẩm để bàn giao cho Ban cao su Đông Nam Bộ quản lý.

Ngành công nghiệp tỉnh bước đầu đã xây dựng được xưởng cơ khí, sửa chữa xe, máy móc, sản xuất thủ công các phụ tùng thay thế cần thiết; thành lập xưởng cửa, xẻ gỗ; tổ chức xưởng kem, nước đá phục vụ đời sống nhân dân.

Song song với việc phát triển kinh tế, ổn định đời sống vật chất, các hoạt động giáo dục, y tế, thông tin - văn hóa cũng được đẩy mạnh toàn diện.

Năm 1973, ngành giáo dục tỉnh có bước tiến đáng kể. Mùa hè năm 1973, ngành đã đào tạo và bồi dưỡng chính trị cho 159 giáo viên, trong đó có 38 giáo viên là người dân tộc thiểu số. Có giáo viên tuổi đời mới 15, trình độ văn hóa

lớp 3 đã đứng lớp dạy lớp 1 phổ thông. Bước vào niên khóa 1973-1974, tỉnh đã mở được 132 lớp cấp I với 3.513 học sinh, 5 lớp cấp II với 161 học sinh. Số con em đồng bào dân tộc thiểu số được đi học tăng nhanh, cuối niên khóa 1972-1973, chỉ có 300 em thì đến đầu niên khóa 1973-1974, đã có 502 em tự giác đến trường. Các lớp học mở đến tận thôn xã, buôn sóc. Phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cũng phát triển nhanh. Các địa phương đã mở 47 lớp, thu hút 750 cán bộ, du kích và người lớn theo học. Tỉnh có trường tập trung, nội trú và đào tạo cho 70 cán bộ Kinh - Thượng để đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ mới. Các cơ quan cấp tỉnh, huyện tổ chức bổ túc văn hóa cho 300 cán bộ, nhân viên (chưa kể hệ quân sự). Sự phát triển của ngành giáo dục đã đem đến niềm phấn khởi, khí thế học tập sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân và cán bộ chiến sĩ của tỉnh.

Về văn hóa - thông tin, Phân xã Thông tấn xã giải phóng được tổ chức lại, đài Minh Ngũ tăng cường thu phát tin hằng ngày. Trước yêu cầu mới, Tiểu ban Tuyên truyền văn hóa - văn nghệ trực thuộc Ban Tuyên huấn được thành lập. Tiểu ban đã hoạt động sôi nổi, đặc biệt là khâu in ấn phát hành, cung cấp tài liệu, thông tin tuyên truyền thường xuyên thay thế cho tờ *Nam Tây Nguyên* và các tờ thông tin, tờ tin tức đã ấn hành trước đây. Tiểu ban tích cực xây dựng mạng lưới thông tin - văn hóa cơ sở; phối hợp với các đơn vị bộ đội, kể cả với lực lượng chủ lực Miền đứng chân trên địa bàn, để tập hợp thanh thiếu niên dạy ca hát, tổ chức các trò vui chơi giải trí; phục hồi các hình thức văn nghệ dân gian trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là hát đối đáp quanh ché rượu cần, phục hồi nền văn hóa công chiêng. Để nâng cao chất lượng biểu diễn, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh chỉ đạo hợp nhất đoàn văn công của tỉnh đội với đoàn văn công giải phóng thuộc Ban Tuyên huấn thành đoàn văn công tổng hợp ca múa nhạc; tăng cường cán bộ tổ chức biểu diễn; đưa đoàn đi phục vụ những vùng đông dân cư. Tỉnh xây dựng mới 2 đội chiếu bóng 35 ly ở Bàn Đóp, Lộc Ninh. Hai đội chiếu bóng 16 ly của tỉnh tiếp tục phục vụ các nơi xa xôi trong vùng giải phóng và vùng ven của tỉnh. Năm 1973, 2 đội chiếu 16 ly đã phục vụ được 489 buổi chiếu cho 391.870 người xem. Hai đội chiếu tự sản xuất ảnh, vẽ tranh, viết thuyết minh. Đội thông tin lưu động được trang bị lại ampli, loa cỡ lớn, trang bị ô tô chuyên dùng để tổ chức các điểm tuyên truyền cổ động tại các xã ven trục lộ. Bộ phận sản xuất ảnh triển lãm làm được 28 bộ ảnh, thời sự phản ánh tình hình đổi mới trong vùng giải phóng. Đội thông tin lưu động, các huyện giải phóng, các sư đoàn chủ lực đứng chân trên địa bàn được cung cấp nhiều bộ ảnh, đã tổ chức nhiều điểm triển lãm. Đặc biệt,

Sư đoàn 7 tổ chức được điểm triển lãm Bàu Trư phục vụ Nhân dân, đạt kết quả tốt. Tiếng lành đồn xa, người dân ở vùng kìm, kể cả Nhân dân Sài Gòn cũng háo hức thuê xe đi Đồng Xoài để được qua Bàu Trư tìm hiểu cuộc sống mới trong vùng giải phóng.

Trong phong trào xây dựng vùng căn cứ giải phóng vững mạnh, ngành y tế của tỉnh đã phấn đấu tổ chức được mạng lưới y tế cơ sở đều khắp; đào tạo thêm được 86 y tá hộ sinh, được tá và 6 bác sĩ đông y; tập huấn 738 nhân viên y tế làm việc tại chỗ; xây dựng 2 trạm xá khu vực; lập 32 ban y tế xã, đưa Bệnh xá Bù Đốp, Lộc Ninh ra thị trấn, lấy bệnh viện đồn điền cao su Viễn Đông nâng cấp thành Bệnh viện tỉnh Bình Phước. Ngành y tế tỉnh tăng cường bác sĩ xuống huyện, y sĩ xuống xã thực hiện phương châm “cấp cứu tại chỗ, điều trị tại nhà”. Ngành y tế tỉnh đã cứu tế thuốc cho dân với tổng trị giá 2.730.311 đồng (tiền Sài Gòn); tuyên truyền và giúp đỡ Nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh; vận động đồng bào dân tộc thiểu số dùng bát, đĩa, muỗng trong bữa ăn, thực hiện ăn chín uống sôi, bỏ tập quán ăn bốc, đưa chuồng gia súc ra xa nhà, đào cầu tiêu hoặc làm hố xí hai ngăn. Bên cạnh sự nỗ lực của ngành ở địa phương, Bộ Y tế của Chính phủ cách mạng lâm thời cũng cử nhiều đoàn cán bộ tây y, đông y về giúp đỡ phát triển ngành, chăm lo sức khỏe cho Nhân dân. Hoạt động của ngành y tế đã góp phần nhanh chóng nâng cao sức khỏe cho Nhân dân, tạo sức sản xuất và công tác ngày càng phát triển trong vùng giải phóng.

Trong các mặt hoạt động quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội, các đoàn thể quần chúng đều phát huy được vai trò tích cực của mình, nổi bật nhất là Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng và Hội Phụ nữ giải phóng.

Ngày 08/02/1974, Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng của tỉnh đã tổ chức đại hội Đoàn lần thứ nhất. Nhiều báo cáo điển hình được cơ sở giới thiệu đến đại hội Đoàn về thành tích xuất sắc của tập thể và cá nhân năm 1973 trong các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ vùng giải phóng và trong phong trào giết giặc lập công. Đoàn xứng đáng là cánh tay đắc lực, là đội hậu bị của Đảng.

Ngày 08/3/1974, Hội Phụ nữ đã tổ chức lễ kỷ niệm ngày Phụ nữ quốc tế khắp nơi trong vùng giải phóng. Buổi lễ đã biểu dương những thành tích xuất sắc trong năm 1973 của các chị em trong các hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội, xứng đáng với 8 chữ vàng Bác tặng “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”. Nhiều chị em đã được kết nạp vào Đoàn, vào Đảng.

Phong trào thi đua “việc nhỏ, chí lớn” của Đội Thiếu niên Tiên phong cũng diễn ra sôi nổi, liên tục, lập nên nhiều thành tích xuất sắc. Ngày 11/9/1973

nhân dịp tết Trung thu, thiếu niên tỉnh Bình Phước được long trọng đón cờ Đảng trao cho Đội. Đại hội Thiếu niên được tổ chức trang nghiêm, vui tươi, phấn khởi, 90 em lập thành tích xuất sắc về dự đại hội là những đóa hoa tươi thắm, đại diện cho 772 em đạt danh hiệu Thành đồng và hơn 2.000 đội viên trong tỉnh. Đại hội đã cổ vũ lớp thiếu nhi trong các phong trào “việc nhỏ, chí lớn”, làm theo “5 điều Bác Hồ dạy”.

Tuy nhiên, việc xây dựng vùng giải phóng vẫn còn là một quá trình lâu dài, gian khổ, vừa không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vừa phục vụ nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa cho toàn miền Nam.

Tháng 11/1973, Bù Bông, Tuy Đức được giải phóng, con đường hành lang chiến lược vận tải bằng cơ giới được mở rộng và thông suốt từ hậu phương lớn miền Bắc đến vùng giải phóng Bình Phước. Cũng trong tháng 11/1973, Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch xây dựng nhiều tuyến của con đường Trường Sơn xuyên qua Bù Gia Mập vào đến Lộc Ninh.

Cuối năm 1973, Bình Phước đã đủ sức đảm đương nhiệm vụ bảo vệ vùng giải phóng được Trung ương Cục giao phó. Đến cuối tháng 11/1973, số lượng dân quân, du kích chiếm tỷ lệ 13,4% dân số. Ngoài Tiểu đoàn 203 đã thành lập trước đây, tỉnh thành lập thêm Tiểu đoàn bộ binh 208, 1 đại đội hỏa lực và 2 đại đội đặc công; các huyện thị đều tăng quân số và đơn vị. Mỗi huyện đã có từ 1 đến 2 đại đội bộ binh, 1 trung đội trợ chiến, 1 trung đội trinh sát... Các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh gắn bó với du kích xã ấp và du kích tự vệ các cơ quan tỉnh, huyện, gắn bó với bộ đội chủ lực đứng chân trên địa bàn. Tất cả đều sẵn sàng chiến đấu, tiêu diệt địch nếu chúng liều lĩnh trở lại vùng giải phóng này. Lực lượng vũ trang bảo vệ mặt đất cũng là lực lượng bảo vệ vùng trời. Tất cả đều được bộ đội phòng không của cấp trên giúp đỡ huấn luyện chiến - kỹ thuật, tổ chức trận địa dùng súng bộ binh bắn máy bay địch, tổ chức báo động khi có máy bay địch xuất hiện từ xa. Trận địa phòng không được bố trí ở các nơi có lợi thế và ở trận địa pháo cao xạ của Quân đoàn 4 khổng chế tầm cao. Các lực lượng vũ trang địa phương có trận địa 12,7 ly, đại liên, trung liên và các loại súng bộ binh khác khổng chế tầm trung và tầm thấp, ngày đêm sẵn sàng khép kín lưới lửa trên bầu trời vùng giải phóng. Tuy nhiên, Tỉnh ủy vẫn đề cao cảnh giác, chỉ đạo mở cuộc vận động lớn đào hầm trú ẩn tránh bom đạn, chuẩn bị túi thuốc phòng không ở đều khắp các đơn vị, các địa bàn; phân tuyến cấp cứu, bố trí lực lượng khắc phục hậu quả nếu máy bay địch đánh phá.

Để bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Tỉnh ủy đã đưa lực lượng an ninh ra công khai từ tỉnh đến cơ sở làm nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng vững mạnh. Trong chiến tranh ác liệt, lực lượng an ninh đã có mặt và phần lớn đóng vai trò chủ chốt ở các đội mũi công tác; tích cực xây dựng lực lượng an ninh mật trong vùng địch kìm; tổ chức diệt bọn tề điệp ác ôn đã gây nhiều nợ máu, tạo điều kiện cho quần chúng giành quyền làm chủ ở xã ấp. Ở vùng giải phóng, bộ phận lực lượng an ninh hoạt động công khai đã mở lớp đào tạo an ninh cơ sở, xây dựng lực lượng an ninh nhân dân ở hầu hết các xã trong vùng giải phóng; xây dựng lực lượng an ninh vũ trang ở xã điểm để rút kinh nghiệm; mở lớp trinh sát bảo vệ chính trị; tiến hành phát động, tổ chức phong trào quần chúng làm công tác an ninh. Qua đó, quần chúng đã phát hiện, cung cấp cho ta nhiều tin tức về tình hình và nhiều hiện tượng nghi vấn, giúp ta kịp thời tìm ra, tấn công trấn áp. Lực lượng an ninh đã phá 19 chuyên án gián điệp và biệt kích địch cài lại làm dân khi giải phóng, cài vào tù chính trị khi trao trả tù binh, bằng con đường đào rã ngũ, dân bung về, xung phong đi bộ đội... Những toán gián điệp, tình báo “trường sơn”, “lôi hổ”, “biệt đội sâu tâm”; những toán gián điệp cải trang giả bộ đội ta và nhiều toán gián điệp hoạt động theo con đường hợp pháp khi xâm nhập vào vùng giải phóng đều bị ta tóm gọn. Có toán bắt được với đầy đủ vũ khí, tài liệu và điện đài. Ngoài ra, ngành còn làm tốt công tác chấp pháp, đấu tranh chống tội phạm hình sự, cải tạo tệ nạn xã hội, làm cho đời sống ở giải phóng an toàn, ổn định và lành mạnh.

Trong 9 tháng đầu năm 1973, hàng chi viện từ miền Bắc đưa vào tập kết ở trạm “Đầu cầu” (Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh) tăng gấp 4 lần so với năm 1972. Để tăng nhanh hơn nữa mức độ tiếp nhận số lượng hàng hóa, vũ khí, trạm “Đầu cầu” đã xây dựng thêm kho tàng. Đường vận chuyển bộ và đường xe thô được mở ra nhiều cánh. Những chiếc cầu treo bằng song mây, cây rừng vượt qua suối sâu, vực thẳm, nối liền hai sườn núi dốc đứng cho xe thô và bộ đội nối nhau ra tiền tuyến. Các binh chủng công binh và hậu cần của Miền kết hợp chặt chẽ với dân công, thanh niên xung phong của tỉnh đã ra sức xây dựng mạng đường giao thông vận tải lớn cho ô tô đi về.

Từ trạm “Đầu cầu”, đường dọc, đường ngang, đường về phía sau, đường ra phía trước, đường đến các đoàn hậu cần, các quân khu được hình thành. Những tuyến đường dài: Từ Lộc Ninh, Bù Đốp xuống Đoàn hậu cần 814 (đông và đông nam Sài Gòn) nối với Quân khu 6, Quân khu 7. Từ Lộc Ninh qua Đoàn hậu cần 220 xuống Đoàn hậu cần 230 (tây nam Sài Gòn). Từ Đoàn

hậu cần 220 xuống Đoàn hậu cần 235 (bắc và tây bắc Sài Gòn), áp sát vùng ven Sài Gòn... được thông suốt. Cũng trong năm 1973, đường ống dẫn xăng dầu do Liên Xô chi viện đã lắp đặt đến Lộc Ninh, với tổng số chiều dài 1.399km. Chiến trường B2 được xây dựng 5 trạm xăng dầu, thì trên đất Bình Phước đã có 3 trạm: VK94 ở ngã ba Lộc Tấn vào, VK96 ở cách trung tâm Bù Gia Mập 3km, VK98 ở sóc Bù Nôm xã Lộc Quang. VK98 là trạm chính gồm 7 bồn chứa nối liền với nhau, mỗi bồn có dung tích 250.000 lít, đủ bảo đảm cho các binh chủng cơ giới, xe tăng tiến về Sài Gòn.

Đường điện thoại hữu tuyến từ Hà Nội cũng vào tới Lộc Ninh để Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền liên hệ trực tiếp với Trung ương Đảng và Bộ Tổng Tham mưu.

Do nhu cầu hoạt động của chiến trường ngày càng phát triển, cần có lực lượng và phương tiện để bổ sung, nên các xưởng quân trang, quân giới, đại tu xe máy, mộc, chế biến thực phẩm (làm lương khô), sản xuất thuốc, y cụ, các trạm sửa chữa điện, cơ khí, trường dạy lái xe, trường trung cấp kỹ thuật, trường sĩ quan cao xạ, trường thiếu sinh quân... đã được xây dựng trong vùng căn cứ địa Bình Phước, chủ yếu là ở ven trục lộ từ xã Thanh Hòa, Bù Đốp đến Lộc Thành, Lộc Ninh.

Cũng trong năm 1973, quân dân Bình Phước còn tham gia phục vụ các hội nghị quan trọng như: Hội nghị quân chính toàn Miền (9/1973) ở làng 2 (Lộc Ninh); Hội nghị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng của toàn thể cán bộ cấp cao toàn Miền (10/1973) và Đại đội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn Miền (03/11/1973) tại rừng Lộc Khánh. Những đại hội và hội nghị quan trọng của toàn Miền được tổ chức tại Lộc Ninh đều thành công tốt đẹp. Đây là thắng lợi của cách mạng miền Nam, đồng thời cho thấy vùng giải phóng tỉnh Bình Phước đã phát triển, bảo đảm điều kiện xây dựng thành khu căn cứ địa rộng lớn, an toàn của Trung ương Cục và Quân ủy Miền.

II. PHÁT TRIỂN THỰC LỰC CÁCH MẠNG, HUỖNG ỨNG CÁC CHIẾN DỊCH ĐÁNH ĐỊCH CÙNG CHỦ LỰC MIỀN, GIẢI PHÓNG TỈNH NHÀ (1974-1975)

1. Tình hình Bình Phước năm 1974

Ở Bình Phước, địch tại chỗ còn mạnh về quân số và trang bị binh khí kỹ thuật, hỏa lực. Một số bọn chỉ huy còn hung hăng hiếu chiến, bắt buộc binh lính phải thực hiện mệnh lệnh. Chúng tăng lương lên cao (lương tháng loại

6.000 đồng tăng lên 9.000 đồng, loại 9.000 đồng tăng lên 11.000 đồng), ràng buộc gia đình binh sĩ... để giữ nguyên trạng vùng chúng kiểm soát, gây tâm lý sợ hãi, lừng chùng trong quần chúng.

Tuy nhiên, ngay từ sau Hiệp định Pari được ký kết, địch đã rơi vào tình trạng bị động, cô lập. Chúng phải co cụm, củng cố các tiểu khu Bình Long, Phước Long, các chi khu Chơn Thành, Đồng Xoài, Phước Bình, “Bù Đốp lưu vong”, Bù Đăng, yếu khu Bù Na và một số chốt trên đường 14. Vùng địch tạm thời kiểm soát bị thu hẹp và bị bao vây như những hòn đảo giữa vùng giải phóng. Tại những nơi đó, dân không có đất sản xuất, không có công ăn việc làm. Tiếp tế bằng máy bay không đủ cung cấp cho binh sĩ và thị trường. Giá sinh hoạt đắt đỏ chưa từng có, cuộc sống bấp bênh, đói khổ, không có ngày mai. Con gái, thậm chí đến người có chồng có con cũng phải đi bán thân cho bọn sĩ quan và binh lính để kiếm tiền. Trong lúc đó, chính quyền ngụy tham nhũng, hối lộ, bắt bớ tràn lan. Mâu thuẫn giữa Nhân dân và toàn bộ bộ máy ngụy quân, ngụy quyền ngày càng gay gắt. Phong trào đấu tranh đòi bung ra ngoài sản xuất, làm ăn ngày càng mạnh. Cuộc đấu tranh lên cao đến mức dân tự xé rào, phá luật lệ kìm kẹp; binh lính ngụy đồng tình, làm mất ổn định trong vùng chúng kiểm soát. Ngoài ra, nội bộ địch cũng ngày càng lục đục, mâu thuẫn nhau. Binh lính mâu thuẫn với sĩ quan, chống lệnh hành quân; sĩ quan có xu hướng hòa hoãn mâu thuẫn với bọn hiếu chiến. Mặc dù lực lượng còn khá đông, trang bị mạnh, nhưng địch rất lúng túng, bị động giữ chốt và nổ súng ra, co cụm giữ chốt trong lúc dân bung ra nên càng mất dân, mất đất và càng bị vây ép, cô lập, bị đánh chiếm lúc nào không hay; nổ súng ra lấn chiếm kiểm soát dân thì không đủ sức, liên tiếp bị tiêu hao, nhiều mũi hành quân đã bị tiêu diệt. Tinh thần binh lính ngụy xuống dốc, bộ máy kìm kẹp rã rệu, lỏng lẻo, dân được đà bung mạnh, ta có điều kiện thuận lợi phát triển thực lực cách mạng trong quần chúng hơn bao giờ hết.

Với khí thế cách mạng sôi nổi ở tiền tuyến và hậu phương, Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị mở rộng để học tập Nghị quyết số 227-NQ/TW ngày 13/10/1973 Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Cục, kiểm điểm, đánh giá lại tình hình trong tỉnh sau 1 năm thi hành Hiệp định Pari. Hội nghị đã được tiến hành từ ngày 01 đến ngày 20/12/1973. Tất cả cán bộ chủ chốt của tỉnh dự hội nghị đều đánh giá những thành tích đã đạt được trong năm 1973 là chưa từng có.

Vùng giải phóng Bình Phước đã vững mạnh, hình thành một khu vực hoàn chỉnh tiếp giáp với vùng giải phóng Tây Ninh, Nam Tây Nguyên, Khu 6,

tạo thành một thế mới vững chắc nối liền với chiến trường Đông Dương, bảo đảm giành thắng lợi trong mọi tình huống.

Vùng địch tạm thời kiểm soát bị thu hẹp, song cuộc đấu tranh giữa ta và địch còn diễn ra khá gay go. Lực lượng địch còn mạnh. Với bản chất rất ngoan cố, chúng tiếp tục hành quân mở đường tiếp tế, lấn chiếm; củng cố bộ máy kìm kẹp cả nổi lẫn chìm, cả hình thức lẫn tư tưởng nên một phần đã ngăn chặn được sự tan rã hàng ngũ, giành và giữ được dân, bổ sung được lực lượng. Song chúng nằm trong tình trạng bị bao vây, cô lập, rất bất lợi về quân sự, chính trị lẫn kinh tế. Trong khi lực lượng ta ngày càng phát triển, phong trào quần chúng bùng nổ ngày càng mạnh, giành quyền làm chủ ngày càng cao.

Hội nghị đã nhất trí đề ra nhiệm vụ năm 1974 là: “động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân với nghị lực mới tập trung sức, phá cho được chỗ mạnh của địch, khoét cho được chỗ yếu của chúng. Bằng cuộc tấn công “hai chân, ba mũi”, nhất là lực lượng vũ trang bẻ gãy cho được âm mưu lấn chiếm, triệt hạ một số lớn bộ máy kìm kẹp của địch, buộc chúng từng bước lùi, tạo thế cho lực lượng quần chúng vùng lên đấu tranh phá lỏng thế kìm kẹp của địch, giành quyền lợi chính đáng, đấu tranh đòi tự do đi lại làm ăn, bùng nổ ra xa, giành quyền làm chủ. Thông qua đó, quần chúng được tổ chức lại. Vùng giải phóng sắp xếp lại thế ăn ở cho thích hợp với tình hình mới, vừa bảo đảm sản xuất vừa chiến đấu, hạn chế thiệt hại tối đa cho quần chúng, tiếp tục công cuộc xây dựng”.

Sau Hội nghị, bộ phận xây dựng và củng cố vùng căn cứ giải phóng tiếp tục đẩy mạnh mọi mặt công tác đã đạt được trong năm 1973. Căn cứ vào nghị quyết chung, các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, các ban ngành, đoàn thể các cơ quan chính quyền, các lực lượng vũ trang đều tập trung ra sức thực hiện đạt các yêu cầu, chỉ tiêu trong xây dựng, nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng.

Ở vùng yếu, Tỉnh ủy đã nhanh chóng triển khai sâu rộng nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng; phấn đấu đưa 2/3 dân ở vùng kìm chuyển lên thế tranh chấp, nâng vùng tranh chấp lên vùng làm chủ mạnh; tranh thủ đưa một số dân bùng nổ về vùng giải phóng, đưa lực lượng vũ trang tiến hành “vây, lấn, tấn, chiếm”, hỗ trợ cho phong trào tấn công địch.

Bước vào năm 1974, quân và dân Bình Phước thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy với khí thế chiến thắng, hăng hái đẩy mạnh hoạt động toàn diện về quân sự, chính trị, binh vận, tận dụng điều kiện, củng cố xây dựng thực lực cách mạng từ bên trong.

Trong lúc bộ đội chủ lực tập trung đánh địch những đòn thối động ở các chiến trường trọng điểm thì bộ đội địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích các xã tận dụng khí thế chiến thắng tự lực tổ chức tấn công địch theo lối đánh “đặc công”, “biệt động”, “vây, lấn, tấn, chiếm” vừa tấn công vừa vây giữ, chống địch lấn chiếm, luôn luôn bám sát chiến trường.

Ở Chợ Thành, trong không khí phấn khởi, hồ hởi, Đại đội huyện (C29) và du kích các xã quanh thị trấn liên tiếp đánh địch, tiếp tục giữ vững cột cờ ông Phán, cách thị trấn Chợ Thành 1km (phía sau cột cờ là vùng giải phóng Minh Hòa, Minh Thạnh), bao vây, cô lập trường biệt kích ở phía tây thị trấn; pháo kích vào các cụm cứ điểm chi khu. C29 đã đào hầm xuyên từ ngoài vào sát đến bờ rào, vây ép chi khu quân sự; vây ép và đánh chốt ngã ba Xóm Ruộng.

Đồn Nha Bích bị ta vây chặt hơn 1 năm, đường từ Chợ Thành xuống bị quân ta kiểm soát. Ngày 05/4/1974, địch phải liều lĩnh mở đường tháo chạy về Chợ Thành. Chúng vừa ra khỏi đồn đã bị bộ đội chủ lực của ta đánh tiêu diệt, đồng thời tấn công san bằng luôn cả đồn Nha Bích, giải phóng khu cầu Sông Bé.

Ở Hớn Quán, địch đóng quân thành nhiều cụm cứ điểm, bộ đội địa phương kết hợp với 1 bộ phận Trung đoàn 201 của Miền, siết chặt vòng vây, bó khoanh từng cụm giải phóng vùng Xa Trạch và một số ấp ở Quán Lợi.

Ngày 14/4/1974, ta tấn công tiêu diệt cứ điểm Tống Lê Chân, một cứ điểm xung yếu nằm ở phía tây nam An Lộc.

Ở Phước Bình, bộ đội tỉnh liên tiếp mở những đợt hoạt động: Tháng 2/1974, đánh vào khu hành chính quận; tháng 3/1974, đánh trên trục đường Phước Tín đi Đức Bồn; tháng 4/1974, vây ép khu Hồng Tâm - Long Điền. Sau đó, ta duy trì các hoạt động nhỏ lẻ, thọc sâu vào hậu phương địch trong thị xã Phước Long, sân bay Phước Bình; pháo kích, khống chế sân bay Phước Bình, khống chế trận địa pháo của địch, làm chủ lộ 2 từ ngã ba Công Chánh đi Đa Kia đến chốt Hồng Tâm.

Ở Bù Đăng, bộ đội huyện kết hợp với 1 đại đội bộ binh và 1 trung đội công binh của tỉnh vây ép, nhỏ 5 chốt địch, cắt đứt con đường 14 thành nhiều đoạn. Ta làm chủ đoạn Bù Đăng - Kiến Đức, đoạn từ đồi 105 (cách Đồng Xoài 5km) đến Bù Na và đoạn từ Đức Liễu đến cầu 38, làm gián đoạn các hoạt động quân sự, vận chuyển tiếp tế của địch giữa các cụm cứ điểm chi khu và yếu khu.

Cuộc chiến đấu diễn ra liên tục, quyết liệt. Trong 10 tháng đầu năm 1974, lực lượng vũ trang địa phương đã đánh 87 trận, tiêu diệt 387 tên địch, bắn rơi 2 máy bay, thu nhiều súng đạn và phương tiện chiến tranh khác. Đặc biệt, du kích mật đã đánh được 7 trận, diệt một số cảnh sát ác ôn. Công tác diệt ác phá kìm đánh đúng đối tượng nên đã gây thối động, làm lỏng bộ máy kìm kẹp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng cơ sở cách mạng.

Lực lượng du kích các xã, các đội mũi công tác đều bám vững được các địa bàn, vận động quần chúng thực hiện khẩu hiệu “bung ra ngoài sản xuất, tự do đi lại làm ăn”. Cuộc vận động phù hợp với thực tế, nguyện vọng của Nhân dân nên đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp quần chúng, trong đó có cả tề ấp, dân vệ, phòng vệ dân sự. Mặt trận liên hiệp hành động rộng rãi đã chống được bọn cảnh sát và bọn tề ác ôn. Nổi nhất là trong các thị xã, thị trấn các khu đông dân cư: Chơn Thành, Quản Lợi, Xa Cát, Xa Cam, Xa Trạch, người dân liên tục đấu tranh đòi tự do đi lại làm ăn, chống chế độ áp bức hà khắc, chống nạn tham nhũng, bắt công, đút lót, hối lộ, chống gài mìn ở các tuyến giáp ranh làm cho dân bị chết, đòi bồi thường nhân mạng. Việc che chở cho lính trốn và thanh niên trốn lính cũng trở thành phong trào rộng rãi.

Tổng số dân vùng địch kiểm soát toàn tỉnh là 59.780 người. Qua cuộc vận động và đấu tranh ba mũi tại chỗ, Nhân dân đã phá luật lệ, bung ra được 32.000 người, trong số đó ta đã tổ chức đưa lên làm chủ là 14.000 người, 668 người về sinh sống trong vùng giải phóng. Thông qua phong trào đấu tranh của quần chúng, ta đã xây dựng được thực lực cách mạng tương đối đều khắp. Toàn tỉnh có 17 xã vùng yếu nhưng trong đó 10 xã đã thành lập được Đảng bộ, 7 xã thành lập được Chi bộ. Trong năm 1974, số đảng viên mới kết nạp trong áp chiến lược có 23 đồng chí. Trong hoạt động, các cấp ủy đảng đã chú trọng xây dựng các đoàn thể quần chúng và cơ sở mật để làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh rộng rãi, đặc biệt là du kích và an ninh mật.

Công tác binh vận được gắn chặt với các cuộc vận động quần chúng đấu tranh và phong trào bung dân. Từ người dân, ta móc nối, gặp mặt hàng ngàn người thuộc gia đình binh sĩ, tuyên truyền phổ biến Hiệp định Pari, chính sách 10 điểm, chính sách hòa hợp dân tộc, tin chiến thắng của ta..., qua đó, ta gửi thư tay, truyền đơn vào vùng yếu cho từng đối tượng binh sĩ. Trong 6 tháng đầu năm 1974, ta đã xây dựng được 467 nhân mối binh vận, trong đó có 422 người được tổ chức thành 35 tổ vận động binh sĩ và có 4 mật giao. Qua tuyên truyền, giáo dục, bọn bảo an, dân vệ đã sớm có hành động trung lập, đồng tình ủng hộ quần chúng bung ra làm ăn. Ở Phước Bình, khi bọn chỉ huy ra lệnh hành quân đi suốt Nang đốt phá kho lúa, lính ra ngoài trụ lại, chiều kéo về

báo cáo đã thực hiện. Nhận lệnh hành quân chiếm lại Hồng Tâm, lính hành quân rồi về báo cáo đã chiếm được, nhưng thực sự ta vẫn làm chủ Hồng Tâm. Số binh lính nguy đào, rã ngũ ngày càng đông. Trong 6 tháng đầu năm 1974, đã có 379 lính đào rã ngũ, trong đó có 200 người mang cả súng đạn, tự nguyện tham gia vào hàng ngũ cách mạng để lập công chuộc tội.

Ngày 27 và ngày 28/9/1974, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức họp, xem xét tình hình và đề ra kế hoạch hoạt động mùa khô 1974-1975. Về nhiệm vụ tấn công địch ở tiền tuyến, Thường vụ Tỉnh ủy đã nêu: “trước mắt giữ cho được và phát triển thế quần chúng bung ra hiện nay, chống địch gom trở lại... bảo đảm giành thắng lợi lớn trong việc giành dân khi có thời cơ diễn ra đột xuất... con đường giành dân, giành quyền làm chủ cho dân, trong tỉnh ta là tấn công vào bộ máy kìm kẹp, bao vây địch đi đôi với kéo trái dân ra thoát ly đồn bót, áp chiến lược, phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ...”.

Nhiệm vụ đó được triển khai nhanh chóng. Cuộc chiến đấu giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển lực lượng cách mạng tấn công địch sôi nổi và từng bước đi lên. Tháng 10/1974, Tỉnh ủy Bình Phước được Trung ương Cục và Quân ủy Miền phổ biến kế hoạch chuẩn bị cho đợt tiến công mùa khô 1974-1975. Đường 14 - Phước Long là hướng chủ yếu của chiến dịch ở miền Đông Nam Bộ và sau đó Đảng bộ Bình Phước được giao nhiệm vụ chuẩn bị chiến trường và kế hoạch hiệp đồng tác chiến chiến dịch.

2. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long, tiến tới hoàn toàn giải phóng Bình Phước (1974-1975)

Để phối hợp hành động trên chiến trường, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, các cơ quan, dân, chính, Đảng của tỉnh đều cử bộ phận đi tiền phương. Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ huy tiền phương do đồng chí Đỗ Văn Nuống (Tư Nguyễn) - Bí thư Tỉnh ủy làm Chánh ủy. Ban Chỉ huy tiền phương trực tiếp phối hợp với quân chủ lực Miền, chỉ đạo các lực lượng vũ trang, các đơn vị phục vụ chiến trường và hậu phương của toàn tỉnh. Các mặt công tác có liên quan được điều động, triển khai hết sức khẩn trương, kịp thời đáp ứng yêu cầu chiến dịch.

Thực hiện nhiệm vụ trên giao, ở vùng tiếp giáp với địch, các đội công tác, các đoàn cán bộ tiền phương được giao trọng trách ngày đêm bám địa bàn, đẩy mạnh 3 mũi giáp công, kìm chân, tiêu hao, tiêu diệt địch, ngăn cách địch, giữ gìn bí mật an toàn cho các lực lượng triển khai kế hoạch tấn công; mặt khác, ra sức củng cố thực lực cách mạng bên trong, tạo thế cho quần chúng sẵn sàng nổi dậy phá áp chiến lược với tinh thần áp giải phóng áp, xã giải phóng xã.

Đối với vùng căn cứ, giải phóng, toàn Đảng, toàn dân phải khẩn trương thu hoạch vụ mùa, chuẩn bị hậu cần tại chỗ, thô tải đến nơi tập kết, huy động dân công phục vụ hỏa tuyến... Ngoài Tiểu đoàn Thanh niên xung phong, Tỉnh ủy còn huy động hàng ngàn đồng bào, sử dụng hàng chục con voi mở đường, làm cầu, thô tải lương thực, đạn dược, thuốc men và phục vụ các yêu cầu khác của chiến trường; phối hợp với hậu cần của Miền và của các sư đoàn chủ lực, xây dựng kho tàng, hầm chống bom pháo, chuẩn bị căn cứ cho các đội phẩu, các trạm xã cứu chữa quần chúng và bộ đội bị thương; xây dựng, chuẩn bị vùng an toàn ở tây nam Phước Bình, tây nam Bù Đăng và dọc sông Đồng Nai để đón dân bung ra, chuẩn bị các trại tạm thời giam giữ tù binh, hàng binh... Công tác chuẩn bị rầm rộ, nhưng suốt hơn 2 tháng, ta vẫn che mắt được kẻ thù, bảo đảm an toàn, bí mật.

Ngoài nhiệm vụ chuẩn bị phục vụ chiến trường, Trung ương Cục và Quân ủy Miền còn giao nhiệm vụ cho lực lượng bộ đội địa phương Bình Phước tấn công, tiêu diệt gọn chi khu quân sự “Bù Đốp lưu vong” để mở màn chiến dịch và sau đó phối hợp với quân chủ lực tiếp tục tiến công.

Đêm 12 rạng ngày 13/12/1974, ta tiến công chi khu Bù Đăng và tuyến án ngữ gồm 25 đồn bót chung quanh do 1 tiểu đoàn bảo an và cảnh sát, 1.200 phòng vệ dân sự chốt giữ. Sau 27 giờ chiến đấu, ta đã tiêu diệt quân địch và làm chủ hoàn toàn trận địa. Gần 10 ngàn dân thuộc huyện Bù Đăng, không kể đồng bào Kinh hay Thượng, trong các ấp chiến lược Bình Lộc, Bình Thọ, Bù Nguôi, Bù Môn, Hòa Đồng, Long Cơ, Bom Ría, Buk'ra, ấp mới Bù Na đã nổi dậy phá banh ấp chiến lược, kéo về buôn làng cũ. 17 giờ ngày 14/12/1974, ta hoàn toàn giải phóng huyện Bù Đăng. Sau đó, quân chủ lực phát triển lên vùng ngã ba Liễu Đức, nhiệm vụ quản lý địa bàn giao lại cho Ủy ban Quân quản Bù Đăng.

Cũng trong thời gian đó, bộ đội chủ lực Miền tấn công yếu khu Bù Na, gồm 7 đồn bót và 1 yếu khu do 1 tiểu đoàn bảo an và 500 dân vệ chốt giữ. Đồng bào trong các ấp chiến lược cùng với bộ đội địa phương đã nổi dậy tấn công địch, truy lùng bọn ác ôn, phá banh ấp chiến lược. Ngày 15/12/1974, ta dứt điểm toàn bộ yếu khu Bù Na và giải phóng toàn bộ vùng Bù Na, Nghĩa Trung. Sau đó, bộ đội bắt liên lạc với cánh quân từ Bù Đăng lên, tiến về phía Đồng Xoài.

Cũng trong đêm 12 rạng ngày 13/12/1974, Tiểu đoàn 208 và các đơn vị U11, U13 lực lượng vũ trang Bình Phước nổ súng tiêu diệt chi khu quân sự “Bù Đốp lưu vong” trên khu đồi phía nam Phước Tín, án ngữ đoạn đường

Phước Bình - Liễu Đức. Sau 1 giờ chiến đấu, tấn công quyết liệt, ta diệt nhiều địch, phá hủy 2 khẩu pháo 105 ly, địch tháo chạy, ta làm chủ trận địa. Ta bố trí 3 đại đội (1 đại đội của Tiểu đoàn 208, 1 đại đội của Bù Đốp và 1 Đại đội cối 82mm) chiếm giữ chống địch quay lại phản kích, các đơn vị khác truy tìm bọn tháo chạy. Mất “Bù Đốp lưu vong”, tuyến phòng thủ phía nam Phước Long bị hở, địch điều thêm 2 đại đội bảo an hỗ trợ cho lực lượng Bù Đốp. Ngày 17/12/1974, địch phản kích chiếm lại. Ngày 22/12/1974, lực lượng tỉnh phối hợp với lực lượng trên tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm “Bù Đốp lưu vong”, quét sạch tất cả các đồn bót trên tuyến đường từ Phước Bình đi Liễu Đức và cả mảng đồn bót phía nam núi Bà Rá.

Ở trên đường 14, ta đang có nhiều thuận lợi để tấn công tiêu diệt chi khu Đồng Xoài, Bộ Chỉ huy Miền xin ý kiến Bộ Chính trị và được chấp thuận. 5 giờ sáng ngày 26/12/1974, bộ đội chủ lực nổ súng tấn công cụm cứ điểm và chi khu quân sự Đồng Xoài. Đến 8 giờ 35 phút sáng, ta tiêu diệt địch và làm chủ chi khu, triển khai, truy quét quân địch. Các ấp chiến lược Phước Thiện 1, 2, 3; Đồng Xoài 1, 2 và các xã Thuận Lợi, Phú Riêng đều đồng loạt nổi dậy. Đến 15 giờ cùng ngày, ta giải phóng hoàn toàn huyện Đồng Xoài.

Mất đường 14 từ Nha Bích đến Bù Đăng, trong đó có 3 cụm cứ điểm lớn là chi khu Bù Đăng, Đồng Xoài và yếu khu Bù Na, tàn quân địch luôn rùng, kéo về Phước Long, với tinh thần hốt hoảng, hoang mang khiến đồng bọn ở tiểu khu Phước Long cũng náo loạn. Tên Nguyễn Tống Thành - Đại tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Phước Long, một mặt phải ra sức củng cố tinh thần binh sĩ, mặt khác phải tổ chức lại đội ngũ, tăng cường lực lượng cho chi khu Phước Bình, cao điểm Bà Rá; củng cố vững chắc thế kiềng 3 chân liên hoàn giữa thị xã Phước Long, núi Bà Rá và chi khu Phước Bình; tăng quân cho các cụm tiền tiêu án ngữ cho Phước Bình; củng cố các chốt chặn Phước Yên, Phước Vĩnh, Phước Lộc, Thác Mơ, Tư Hiền và hệ thống đồn bót: Sân bay Phước Bình, Sơn Giang, Nhơn Hòa, An Lương, Tư Lập và tuyến phòng thủ phía nam thị xã.

Kế hoạch tiến công giải phóng Phước Long được Bộ Chính trị Trung ương Đảng chuẩn y. Bộ Tư lệnh Miền và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 hạ quyết tâm tranh thủ thời cơ tiến hành ngay cuộc tấn công giải phóng Phước Long. Bộ quyết định thành lập Sở Chỉ huy tiền phương do đồng chí Hoàng Cầm làm Tư lệnh. Các mặt trận theo Chỉ thị của Bộ Tư lệnh Miền cùng hợp đồng nổ súng. Tình hình rất khẩn trương, bộ đội không kịp điều nghiên, trinh sát, Ban Chỉ huy tiền phương của tỉnh tuyển chọn, huy động một số đồng chí thuộc các đơn vị C10, C15, C đặc công, C568 của tỉnh đã từng bám đánh địch, biết rõ thế trận

địch bố trí trên địa bàn, thông thạo địa hình, biết những con đường bí mật để dẫn đường cho các đơn vị chủ lực hành quân áp sát mục tiêu.

5 giờ 30 phút ngày 31/12/1974, quân ta đồng loạt nổ súng tiến công ở hai khu vực chi khu Phước Bình và đỉnh Bà Rá. 15 giờ 30 phút cùng ngày, ta làm chủ chi khu Phước Bình và hệ thống đồn bót chung quanh, diệt toàn bộ quân địch tại chỗ, bức rút các đồn Hiếu Phong, Phước Lộc, Phước Yên.

6 giờ sáng ngày 01/01/1975, ta tấn công đánh chiếm được đỉnh cao Bà Rá, phá hủy toàn bộ phương tiện đài thông tin, trung tâm liên lạc viễn thông Bà Rá. Tên Trung tá Mã Viết Bằng hô hào tử thủ ở yếu khu Bù Na thất trận chạy về Phước Long, được bố trí về dinh Bà Rá cũng thế tử thủ Bà Rá, nhưng hắn đã bị binh lính hỗn loạn tháo chạy giẫm đạp đến chết.

Cũng trong ngày 01/01/1975, quân ta tấn công tiêu diệt các cụm địch quanh Thác Mơ, Hiếu Phong, Long Điền; hỗ trợ cho đồng bào phá các ấp chiến lược... Mũi Phước Lộc, Thác Mơ đã áp sát đến ngã ba Tư Hiền và chỉ trong ngày hôm đó toàn bộ đồn bót kể cả sân bay Phước Bình, ấp chiến lược ngoại vi thị xã Phước Long, Phước Bình đã bị ta phá sập. Bọn địch tháo chạy về án ngữ cửa ngõ phía nam thị xã, củng cố tuyến phòng thủ Cây Đa, phía bắc cầu Suối Dung.

Ngày 02/01/1975, ta vượt cầu Suối Dung, địch dựa vào tuyến phòng thủ Cây Đa đánh trả quyết liệt. Mặc dù chịu nhiều thương vong, nhưng với quyết tâm cao, ngày 03/01/1975, ta phá vỡ tuyến phòng thủ, vượt qua ngã ba Tư Hiền, đột nhập khu chợ, sân vận động, bến xe, hồ Long Thủ, tiêu diệt từng cụm quân địch, đột kích vào trung tâm thị xã. Địch cho máy bay ném bom, chở quân ứng cứu, nhưng lưới lửa phòng không của ta đánh quyết liệt, buộc chúng phải rút khỏi chiến trường.

7 giờ sáng ngày 05/01/1975, quân ta tiến công vào tiểu khu mới Phước Long. Cánh cửa phía nam đã mở tung, xe tăng chở bộ đội thọc sâu và trụ lại chiến đấu suốt cả ngày. Được cơ sở cách mạng trong nội thị hướng dẫn, bộ đội ta chiến đấu quyết liệt, tiêu diệt nhiều tên địch.

Sáng ngày 06/01/1975, Trung đoàn 2, Sư đoàn 9 (lực lượng tăng cường được điều từ vùng ven Sài Gòn) đã nhanh chóng triển khai tiến công từ phía nam, phối hợp với lực lượng vào trước, đánh tiêu diệt từng cụm cố thủ. Đến 16 giờ, ta mở hai gọng kìm, siết chặt và tiêu diệt tiểu khu Phước Long. 17 giờ, lá cờ chiến thắng đã cắm trên tòa thị chính Phước Long. 19 giờ ngày 06/01/1975, thị xã Phước Long được hoàn toàn giải phóng.

Sau 25 ngày đêm chiến đấu, bộ đội chủ lực và quân dân Bình Phước đã tiêu diệt hoàn toàn các cụm cứ điểm chi khu Bù Đăng, Đồng Xoài, Phước Bình, yếu khu Bù Na, điểm cao Bà Rá và thị xã Phước Long. Kết thúc thắng lợi chiến dịch Đường 14 - Phước Long, ta diệt và bắt sống toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền tại đây, thu 5.000 súng các loại, 10.000 quả đạn đại bác, bắn rơi 5 máy bay và phá hỏng nhiều phương tiện chiến tranh. Tỉnh Phước Long với hơn 50.000 dân, là tỉnh đầu tiên ở miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tuyến phòng thủ của địch ở phía bắc Sài Gòn đã bị ta chọc thủng.

Sau giải phóng Phước Long, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh ban hành quyết định thành lập Ban Quân quản thị xã Phước Long nhằm giải quyết ngay những vấn đề cấp bách. Trước hết, Ban Quân quản đề cao cảnh giác, chống địch tái lấn chiếm; sơ tán dân ra vùng giải phóng bảo đảm an toàn, bố trí chỗ ăn ở, bệnh xá dã chiến chữa bệnh cho dân; truy quét bọn tàn quân trong và ngoài thị xã; phá hủy các hệ thống hầm ngầm cố thủ, các trụ sở kiên cố. Các trận địa phòng không sẵn sàng đánh thắng địch ngay từ loạt đạn đầu. Lực lượng vũ trang địa phương và Nhân dân tổ chức gài mìn trong sân bay Phước Bình, cắm công cao ở các vùng phụ cận, đào hầm trú ẩn hai bên đường đi lại. Công việc thu dọn chiến trường cũng được đặt ra rất cấp bách, triển khai tháo gỡ bom mìn, chôn xác chết, dọn vệ sinh, bảo đảm an toàn môi trường, bố trí trận địa đánh địch.

Phước Long thất thủ làm cho Mỹ và ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn bàng hoàng, bối rối. Thiệu lên đài truyền hình kêu gọi “Dành 3 ngày để làm lễ truy điệu và cầu nguyện cho tỉnh Phước Long” và hăn học tuyên bố kiên quyết tái chiếm Phước Long. Ngay sau đó, địch cho 11 tiểu đoàn dùng máy bay đổ quân xuống Phước Long, nhưng khi vừa đổ được 1 đại đội từ máy bay xuống đội 230, chúng lập tức bị bộ binh ta diệt gọn. Pháo phòng không của ta chằng lưới lửa, máy bay địch không dám vào trận địa, phải chở quân trở về. Ở các cánh khác, chúng chưa đổ quân đã bị ta bắn rơi 2 chiếc, buộc phải bỏ cuộc, cút thẳng. Không phản kích tái chiếm được, địch cho máy bay dội bom bừa bãi, giết chết hàng trăm dân thường.

Ngày 13/01/1975, đoàn đại biểu của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bình Phước do đồng chí Đỗ Văn Nướng - Bí thư Tỉnh ủy dẫn đầu đã đến thăm đồng bào Phước Long, Phước Bình, dự lễ mừng Phước Long giải phóng. Tại buổi lễ này, đồng chí Đỗ Văn Nướng đã thay mặt Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bình Phước nhiệt liệt biểu dương những chiến công của các lực lượng vũ trang và cống hiến to lớn

của Nhân dân Phước Long góp phần làm nên chiến thắng. Đồng chí chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Phước Long không ngừng cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống địch phản kích, giữ vững thành quả cách mạng vừa giành được; kêu gọi Nhân dân tích cực tham gia mọi hoạt động nhằm ổn định đời sống, đóng góp nghĩa vụ, cùng cả nước tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Tháng 4/1975, đoàn đại biểu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát dẫn đầu, đã đến thăm Phước Long, Đồng Xoài, Bù Đăng, cổ vũ Nhân dân các địa phương phát huy thắng lợi, đưa khí thế chiến thắng vào công cuộc xây dựng vùng giải phóng, làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc tấn công địch, giải phóng miền Nam.

Chiến thắng Đường 14 - Phước Long đã đi vào lịch sử của dân tộc. Lần đầu tiên, quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn một tỉnh ở miền Nam. Đảng ta nhận định: Ngụy không làm gì được trong kế hoạch tái chiếm Phước Long, nếu Mỹ không trở lại chiến trường. Lúc đầu, Mỹ cho một lực lượng đặc nhiệm của hải quân gồm 1 tàu sân bay chạy bằng năng lượng nguyên tử, 1 tuần dương hạm gắn tên lửa hạt nhân, 4 tàu khu trục và nhiều tàu đổ bộ rời căn cứ Xubich của Mỹ ở Philippin chạy về phía Việt Nam, đặt Sư đoàn 4 thủy quân lục chiến Mỹ ở Okinawa (Nhật Bản). Nhưng trước sức ép dư luận của các tầng lớp nhân dân và Quốc hội Mỹ cùng dư luận các nước trên thế giới, Mỹ đành phải bỏ qua sự kiện thất thủ Phước Long. Điều đó chứng tỏ Mỹ khó có khả năng can thiệp bằng lực lượng quân sự trở lại Việt Nam, quân ngụy Sài Gòn suy yếu, không thể phản kích được.

Tỉnh Phước Long cùng với một vùng biên giới tỉnh Tây Ninh được giải phóng đã mở ra một vùng căn cứ địa rộng lớn, tạo bàn đạp đứng chân cho các lực lượng lớn của ta áp sát Sài Gòn, mở ra vùng hậu phương trực tiếp tiếp tế cho cả chiến trường miền Nam. Chiến thắng Phước Long là ngọn cờ hiệu triệu cho phong trào cách mạng của Nhân dân trong tỉnh Bình Phước cũng như cho cả miền Nam, là một đòn trinh sát chiến lược giúp Bộ Chính trị củng cố quyết tâm, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam.

Trong khí thế chiến thắng, Nhân dân Bình Phước đã thúc đẩy các phong trào sản xuất, nâng cao đời sống, tham gia dân công phục vụ chiến trường, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, tổ chức chiến đấu bảo vệ vững chắc vùng giải phóng. Từ ngày 01/02 đến 15/3/1975, phong trào tòng quân diễn ra sôi nổi khắp nơi, 800 nam nữ thanh niên đã xung phong vào các lực lượng vũ trang địa phương, trực tiếp cầm súng bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ quê hương.

Nhân dân vùng Phước Long mới giải phóng, từ các ấp chiến lược bung về hầu như tay trắng, nhà cửa, rẫy bãi đều bị bom đạn tàn phá. Phong trào giúp đỡ với tinh thần “lá lành đùm lá rách” được phát động. Với tình thân ái, đoàn kết Kinh - Thượng gắn bó mật thiết, nhiều gia đình hăng hái trực tiếp đến giúp dân vùng mới giải phóng xây dựng lại chỗ ở, chăm sóc người bệnh, đặc biệt là chuẩn bị giống lúa, bắp mang đến tận nương rẫy.

Để phục vụ chiến trường chung, từ đầu tháng 3/1975, Tỉnh ủy Bình Phước tiếp tục huy động dân công. Hàng ngàn người từ các làng đồn điền cao su, các xã, các buôn sóc sẵn sàng, hăng hái tham gia vào các đoàn dân công hỏa tuyến, tốp phục vụ công binh mở đường làm cầu, tốp phục vụ thô tải vũ khí đạn dược, lương thực, thuốc men... theo yêu cầu của chiến dịch. Nhiều thanh niên mãi đọt vẫn chưa chịu về, xin ở lại phục vụ chiến trường cho đến ngày toàn thắng.

Ở vùng yếu, chủ yếu là thị xã An Lộc, Hớn Quản, Chơn Thành, địch còn chốt giữ kiên cố với lực lượng lớn. Địch gom lại số đồn bót nhỏ lẻ thành cụm đóng quân lớn hơn. Thế tấn công của quân chúng chưa vững, nên vẫn còn bị kìm, nhưng các ấp chiến lược ngoại vi đều đã đẩy lên mức tranh chấp mạnh. Ban đêm, cán bộ, bộ đội địa phương, du kích thường xuyên ra vào ấp chiến lược để tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, tiếp tục xây dựng lực lượng chính trị trong quần chúng. Bọn bảo an, dân vệ không dám ngủ trong đồn bót, hoang mang lo sợ. Bọn tề điệp, ác ôn bị ta cảnh cáo đều lần lượt trốn khỏi địa phương. Nhiều lính bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự rã ngũ; bộ máy tề ấp, xã không dám hoạt động, có một số bỏ việc. Quần chúng một số ấp dân tộc thiểu số đã tự bung ra, bất chấp quy định của địch.

Phát huy thắng lợi đợt 1 của chiến dịch mùa khô 1974-1975, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền chủ trương mở tiếp đợt 2. Trung đoàn 201, quân chủ lực Miền được lệnh rút khỏi Bình Long, giao địa bàn Hớn Quản cho Tiểu đoàn 203 Bình Phước và du kích Hớn Quản. Tỉnh ủy, Tỉnh đội Bình Phước tập trung tăng cường cán bộ xuống Hớn Quản chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng tiếp tục củng cố xây dựng vùng giải phóng, đồng thời tổ chức bao vây, tiêu diệt cụm cứ điểm của địch ở thị xã An Lộc - Hớn Quản.

Ngày 23/3/1975, thị xã An Lộc và huyện Hớn Quản được hoàn toàn giải phóng. Lực lượng các đội công tác không đủ để phân bổ cho 9 xã và 4 đồn điền. Huyện ủy phải huy động một số cán bộ cơ quan, đoàn thể và lực lượng vũ trang của huyện về thành lập các Ủy ban Quân quản làm nhiệm vụ giúp dân ổn định cuộc sống.

Năm 1972, binh sĩ ngụy còn cạo đầu thề tử thủ, thì khi Phước Long đã thất thủ, địch hoang mang cực độ. Bộ Chỉ huy tiểu khu Bình Long, các cụm quân thuộc tiểu khu, liên đoàn biệt động quân số 31 cùng với các binh chủng hợp thành của địch đều bị cô lập, không được tiếp cứu. Ngày 23/3/1975, địch rút chạy về Chơn Thành. Bộ đội địa phương ta truy kích bao vây cứ điểm Chơn Thành.

Quân lính địch từ Bình Long tháo chạy, tập trung quân tạo thành một cụm cứ điểm lớn tại chi khu Chơn Thành, do Tiểu khu trưởng Bình Long chỉ huy. Ngoài lực lượng tại chỗ được phòng thủ kiên cố, Chơn Thành còn được chi viện từ Lai Khê khi cần. Địch coi Chơn Thành là trận địa tiền tiêu án ngữ trên đường 13, một cửa ngõ trấn giữ vùng tây bắc Sài Gòn. Do đó, chúng bố trí ở đây một chiến đoàn, một liên đoàn biệt động quân, 3 pháo đội, 4 chi đội tăng thiết giáp, 2 tiểu đoàn bảo an (số 364 và 366) và toàn bộ lực lượng nghĩa quân Bình Long chưa rã ngũ. Quân số thực tế còn nhiều hơn quân số của Tiểu khu Phước Long trước ngày giải phóng. Tuy nhiên, cụm cứ điểm Chơn Thành đã bị cô lập về đường bộ, lại tiếp nhận một liên đoàn biệt động quân thất trận từ Bình Long về, nên tư tưởng của sĩ quan, binh lính ngụy càng sa sút, nặng nề.

Được lệnh bao vây, tiêu diệt cụm cứ điểm Chơn Thành, tinh đội Bình Phước phải dùng xe tải điều thêm quân từ Lộc Ninh, Bình Long gấp rút triển khai đội hình, bao vây và tiến công địch từ phía bắc và phía tây cứ điểm. Bộ đội chủ lực khẩn trương bao vây phía nam cứ điểm, đồng thời chặn tiếp viện từ Lai Khê lên.

6 giờ sáng ngày 24/3/1975 các hướng quân ta đều nổ súng, địch chống trả quyết liệt, cuộc chiến đấu kéo dài. Ngày 25/3/1975, ta bắt đầu vây ép chặt. Bộ đội địa phương đánh các chốt bảo an ở Chơn Thành 2, Ngọc Lâu tiến về phía bắc chi khu, đánh lực lượng biệt động ở phía đông. Hướng chủ yếu tuy mở được rào, nhưng không phát triển vào trong được. Bộ đội chủ lực dùng pháo 85mm bắn thẳng, tập trung đánh chia cắt các vị trí phía nam sân bay, đánh chiếm được một số chốt trung đội và đại đội của địch. Ngày 31/3/1975, bộ đội chủ lực được tăng cường thêm lực lượng, mở đợt tấn công mới vào chi khu, tuy nhiên, ta vẫn chưa chiếm được các mục tiêu.

Địch sử dụng pháo rải thảm chung quanh cứ điểm và không quân ném bom dữ dội vào đội hình của ta. Tuy bị tổn thất, nhưng ta vẫn tiếp tục vây hãm địch. Chiều ngày 01/4/1975, địch điều Trung đoàn 1 thiết giáp từ Lai Khê lên chi viện, chúng mới đến Bầu Lồng đã bị ta đánh tơi tả.

Trước tình hình đó, bộ đội đặc công của tỉnh khắc phục mọi khó khăn, bố trí mìn, chông quanh bờ rào của địch, mưu trí thọc sâu tiêu diệt trận địa pháo của liên đoàn biệt động quân, sau đó phối hợp với một cánh quân chủ lực mở công chi khu.

Được tin Trung đoàn 1 thiết giáp cứu viện đã bị đánh nát ở Bầu Lồng, địch không còn hy vọng chống đỡ nổi, nên tháo chạy. Phát hiện được hướng địch rút quân, bộ đội chủ lực đã vận động phục kích. Sáng ngày 02/4/1975, địch tháo chạy khỏi Chơn Thành, quân ta phục sẵn lập tức chia cắt địch ra từng đoạn để tiêu diệt. Trên đường 13 từ Chơn Thành về Suối Thôn (cầu Tham Rót), cuộc chiến đấu ngoài công sự diễn ra thần tốc, nhưng ta tiêu diệt địch không được gọn. Vừa đánh địch, ta vừa giải thoát cho 500 đồng bào bị địch cưỡng ép di tản. Đồng bào được giải thoát đã chạy về Thủ Chánh - Bầu Lồng và được Nhân dân, các lực lượng cách mạng cứu tế.

Chiều ngày 02/4/1975, cuộc chiến đấu kết thúc, Chơn Thành được hoàn toàn giải phóng. Đó là cứ điểm cuối cùng của địch bị quân và dân Bình Phước xóa bỏ. Ngày huyện Chơn Thành được giải phóng cũng là ngày giải phóng hoàn toàn tỉnh Bình Phước.

Tiếp tục thế tiến công, quân ta tràn về giải phóng các căn cứ quân sự của địch trên đường 13, sau đó quân dân Bình Phước vừa tích cực khẩn trương ra sức bảo vệ và xây dựng Bình Phước mới được giải phóng, vừa đóng góp vật chất, vũ khí và hàng ngàn thanh niên gia nhập quân giải phóng phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần vào chiến thắng vĩ đại ngày 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

*

* *

Hiệp định Giơnevơ là cột mốc lịch sử quan trọng, đánh dấu thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp đấu tranh của dân tộc ta sau gần một thế kỷ chống thực dân Pháp xâm lược. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhưng Mỹ - nguy trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, chúng thẳng tay đánh phá cách mạng miền Nam, giết hại dã man cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ và tàn sát Nhân dân vô tội.

Lực lượng cách mạng và Nhân dân miền Nam nói chung, Bình Phước nói riêng chịu nhiều hy sinh, tổn thất tàn khốc, nặng nề. Từ khi có Nghị quyết

Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (tháng 01/1959) đề ra đường lối phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam với phương châm đấu tranh chính trị, vũ trang song song kết hợp, tấn công địch bằng cả quân sự, chính trị, binh vận 3 mũi giáp công, cách mạng miền Nam chuyển từ thế bị động, giữ gìn lực lượng sang thế chủ động tiến công địch, Nhân dân Bình Phước cùng với Nhân dân miền Nam từng bước khôi phục cơ sở, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, phát động quần chúng đấu tranh, tiến hành thành công phong trào Đồng khởi.

Là địa bàn nằm trong vùng căn cứ chiến lược của cách mạng, được sự chi viện của Trung ương và các tỉnh bạn về người và của, quân dân Bình Phước đã nỗ lực, vượt qua mọi hy sinh, khó khăn, gian khổ, ác liệt, từng bước phát huy được sức mạnh tổng hợp; nâng dần thế chủ động tấn công địch bằng chiến lược “hai chân, ba mũi” trên khắp các vùng đồn điền, dinh điền, nông thôn rừng núi, thị trấn, thị xã, vùng bị tạm chiếm và vùng tranh chấp; kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với phát động quần chúng phá ấp chiến lược và chương trình bình định của địch. Quá trình đấu tranh cũng là quá trình xây dựng và phát triển lực lượng chính trị vũ trang. Tỉnh đã mở rộng và xây dựng vùng căn cứ giải phóng ngày càng vững chắc, tạo địa bàn đứng chân cho quân chủ lực, làm bàn đạp tấn công địch.

Trải qua cuộc kháng chiến vô cùng ác liệt, chịu nhiều hy sinh, tổn thất, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, lực lượng cách mạng của quân và dân Bình Phước ngày càng lớn mạnh, cùng chiến đấu và trưởng thành, góp phần cùng quân và dân toàn miền Nam làm nên những chiến công lịch sử như: Làm sụp đổ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy; chiến thắng Phước Long, Đồng Xoài, góp phần đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ 1965-1966 và 1966-1967; cùng quân, dân toàn Miền thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Từ năm 1969 và đến nửa đầu năm 1970 là thời kỳ khó khăn, gian khổ và ác liệt nhất của chiến trường Bình Phước trước sự phản kích quyết liệt của Mỹ - ngụy. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Bình Phước càng tỏ rõ tinh thần, ý chí cách mạng kiên cường, quyết tâm bám trụ chiến trường, từng bước khôi phục cơ sở, khôi phục phong trào, tạo thế tạo lực, phối hợp cùng với quân chủ lực của Miền trong chiến dịch Nguyễn Huệ, đợt tiến công hè năm 1972; tấn công giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, mở ra vùng căn cứ giải phóng rộng lớn, trở thành hậu phương trực tiếp cho chiến trường B2, tạo ra cục diện mới trên chiến trường miền Nam.

Khi Hiệp định Pari được ký kết, Lộc Ninh trở thành “thủ phủ” của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Quân và dân Bình Phước tiếp tục đẩy mạnh thế tấn công, trừng trị Mỹ - ngụy vi phạm Hiệp định Pari. Cuối năm 1974, được sự chi viện của chủ lực Miền, quân dân Bình Phước lần lượt tấn công giải phóng Đồng Xoài, Bù Đăng; đánh chiếm Phước Bình. Ngày 06/01/1975, ta tấn công đánh chiếm thị xã Phước Long. Lần đầu tiên, ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh ở miền Nam. Chiến thắng Phước Long là một đòn trinh sát chiến lược, tạo tiền đề cho Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngày 02/4/1975, tỉnh Bình Phước sạch bóng quân thù. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân, dân Bình Phước đã góp phần cùng toàn Miền giành thắng lợi vĩ đại trong ngày 30/4/1975 lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc 30 năm chiến tranh, giành thắng lợi trọn vẹn sự nghiệp giải phóng dân tộc.

PHẦN THỨ TƯ

**KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH,
THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1975-1996)**

Chương I

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986)

I. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, ỔN ĐỊNH KINH TẾ - XÃ HỘI, GIỮ VỮNG AN NINH - QUỐC PHÒNG (1975-1980)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc ta chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, quân dân Bình Phước cùng quân dân miền Nam và cả nước đã kiên cường đấu tranh, vượt qua gian khổ, ác liệt và hy sinh, giành được chiến thắng vẻ vang, oanh liệt, góp phần viết tiếp trang sử anh hùng của dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Nghị quyết số 247-NQ/TW ngày 29/9/1975 Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu những đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam: “Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ một nửa nước bị chủ nghĩa thực dân mới chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất, từ hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước”¹.

Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ chiến lược của nước ta trong giai đoạn mới là: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”².

Bước vào thời kỳ mới, Đảng bộ, quân và dân Bình Phước có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng không ít khó khăn.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.394, 2.

Thuận lợi lớn và cơ bản nhất là đất nước được hoàn toàn giải phóng, Nhân dân phấn khởi, đồng lòng xây dựng lại quê hương sau nhiều năm bị chiến tranh tàn phá. Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước có truyền thống đoàn kết, đấu tranh anh dũng, được rèn luyện, thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng. Đội ngũ cán bộ được tăng cường từ nhiều nguồn trong cả nước. Bình Phước có vị trí địa lý thuận lợi, có nhiều tiềm năng. Bên cạnh những thuận lợi, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Đó là hậu quả rất nặng nề của 30 năm chiến tranh để lại. Điểm xuất phát của nền kinh tế còn thấp, sản xuất công nghiệp hầu như chưa có gì, sản xuất tiểu thủ công nghiệp rất manh mún, nông nghiệp kém phát triển, chăn nuôi còn phân tán, nhỏ lẻ, kỹ thuật lạc hậu. Bình Phước có vị trí chiến lược quan trọng, nên chính quyền Mỹ - ngụy tập trung các lực lượng tinh nhuệ nhất đến vùng đất này, hậu quả chiến tranh rất khốc liệt đã để lại sự tàn phá nghiêm trọng. Ngoài ra, trình độ dân trí còn thấp; hàng vạn người thất nghiệp; cùng với hàng vạn ngụy quân, ngụy quyền tan rã tại chỗ; hệ thống tổ chức của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể cách mạng mới thành lập, chưa được củng cố, kiện toàn; đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu, năng lực quản lý, điều hành chưa đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Ngay sau ngày tiếp quản, Tỉnh ủy đã chỉ thị các cấp ủy, chính quyền và ban ngành của địa phương có kế hoạch bố trí lại lực lượng lao động, giải quyết nạn thất nghiệp, cứu trợ Nhân dân bị đói, bảo đảm thuốc men để điều trị bệnh, phối hợp với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đón nhận trên 100.000 người đến xây dựng vùng kinh tế mới, đón trên 30.000 Việt kiều từ Campuchia trở về nước... Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nhường cơm, sẻ áo, hết lòng giúp đỡ đồng bào từ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh bạn đến địa phương ổn định nơi ăn ở, tổ chức sản xuất...

Giai đoạn này, Bình Phước đứng trước hàng loạt vấn đề phải giải quyết nhanh chóng: Tiếp tục truy quét, trấn áp các phần tử phản động, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; giải quyết những yêu cầu cấp bách về khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân và lực lượng vũ trang; quét sạch tàn dư của chế độ cũ trên các lĩnh vực; đồng thời xây dựng bộ máy chính quyền cách mạng ở khắp nơi. Ngày 01/5/1975, các địa phương trong tỉnh đã khôi phục hoạt động bình thường, thu gom các loại xe quân sự, vũ khí của địch bỏ rải rác trên đường, cứu chữa người bị thương, cứu trợ đồng bào bị đói, tạo điều kiện đưa đồng bào ở Bình Long bị

địch gom vào khu tập trung ở Gò Đậu - Thủ Dầu Một trở về quê cũ. Các huyện trong tỉnh tổ chức mítting trọng thể mừng chiến thắng.

Khi mới giải phóng, trên địa bàn tỉnh có trên 50.000 ngụy quân, ngụy quyền và gần 1 vạn phòng vệ dân sự tan rã tại chỗ. Thực hiện chính sách của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức cho gần 200 cán bộ quân sự và công an cùng các địa phương phân loại, xử lý, tổ chức cải tạo tàn quân chế độ cũ theo đúng sự chỉ đạo của Trung ương. Quán triệt Chỉ thị số 218-CT/TW ngày 18/4/1975 và 219-CT/TW ngày 19/4/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chính sách đối với tù hàng binh, ngụy quân, ngụy quyền và công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng, thiết lập trật tự ở vùng giải phóng, đến tháng 9/1975, tỉnh đã tổ chức hai đợt tập trung học tập cải tạo cho gần 49.000 ngụy quân, ngụy quyền, thực hiện đúng chính sách khoan hồng của Đảng, đối xử nhân đạo, có lý, có tình, thực hiện giáo dục cải tạo là chính; đồng thời nghiêm trị những kẻ ngoan cố chống lại chính quyền cách mạng, Nhân dân. Ở Bình Long, nhóm ngụy quân, ngụy quyền có vũ trang nổi lên đã bị lực lượng ta tiêu diệt. Để trấn áp bọn phản cách mạng, triệt phá ngăn chặn những tệ nạn xã hội, Ủy ban quân quản ở các huyện đã phát động phong trào quần chúng tố giác tội phạm và bọn ngụy quân, ngụy quyền lẩn trốn ở các nơi hoặc ẩn nấp trong dân không chịu ra trình diện.

Ngoài ra, quân và dân Bình Phước vẫn tiếp tục tham gia chiến đấu chống tổ chức phản động FULRO. Ở Phước Bình, Phước Long, chính quyền cách mạng đã phát hiện và xử lý nhiều tên cầm đầu lực lượng FULRO. Chúng ra sức xây dựng cơ sở và tiến hành các hoạt động chống đối ở khu vực tập đoàn 5, thôn 1; những phần tử thuộc tổ chức phản cách mạng mang tên “Hắc long phục quốc” cũng bắt đầu nhen nhóm hoạt động trở lại. Ở xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, bọn FULRO phản động đã thâm nhập vào ấp Đồng Tiến để tuyên truyền, kích động, chia rẽ đồng bào dân tộc thiểu số với người Kinh và hoạt động chống phá cách mạng. Chúng bắt đồng bào phải vào rừng ở như trước đây, không được ở gần người Kinh. Chúng còn làm kho trong rừng để cất giấu lương thực, bắt mỗi người phải nộp cho chúng 4kg gạo. Mặt khác, chúng còn bày trò phong cấp, phong chức để dụ dỗ, lôi kéo đồng bào, đồng thời xây dựng bộ máy để hoạt động chống phá cách mạng.

Đối với nhiệm vụ chống bọn FULRO, ta đã nắm chắc số cốt cán (trong đó có 2 đảng viên) và tiến hành bắt một số tên đầu sỏ đưa ra giáo dục trước dân, yêu cầu chúng phải nhận lỗi và hứa trước dân sẽ không làm tay sai cho bọn FULRO. Mặt khác, ta tìm cho được nơi ở của bọn chỉ huy, cho trinh sát bám sát và tìm hiểu quy luật hoạt động của chúng. Khi đã nắm được quy luật

và địa bàn hoạt động của chúng, lực lượng dân quân, du kích ở địa phương đã phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Đồng Phú do đồng chí Phạm Thành Khi (Điều Khi) - Phó Chỉ huy quân sự huyện chỉ huy, tiến hành tập kích vào sào huyệt của bọn FULRO do tên Đại úy Y Đại Cương (Y Ba Liêm) chỉ huy. Ta tiêu diệt 12 tên, thu toàn bộ vũ khí.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình mọi mặt sau giải phóng.

Chính quyền cách mạng các cấp kịp thời hỗ trợ và vận động người dân có điều kiện giúp người nghèo, gia đình khó khăn, khắc phục hậu quả do chiến tranh. Đồng bào giúp nhau sửa chữa, xây lại nhà cửa, sửa lại ruộng vườn, khôi phục sản xuất. Đơn vị công binh của tỉnh đã mở lớp huấn luyện cho mỗi huyện một trung đội công binh làm nhiệm vụ tháo gỡ bom mìn còn sót lại sau chiến tranh, giải phóng hàng ngàn hécta đất để đưa vào sản xuất. Người dân gieo trồng những loại cây lương thực ngắn ngày để giải quyết tình trạng khó khăn về lương thực.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, các cấp ủy và chính quyền địa phương đã phát động quần chúng tiến hành chiến dịch xóa bỏ tàn tích văn hóa thực dân, xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Trong các ngày lễ lớn, các địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ sôi nổi, vui tươi. Đồng bào tự nguyện thiêu hủy hoặc giao nộp cho chính quyền các sách báo, văn hóa phẩm đồi trụy, xóa các khẩu hiệu, hình ảnh phản động nơi trụ sở, trường học và ở các nơi công cộng. Để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, các xã, các nông trường cao su trong tỉnh đã thành lập các đội ca, múa, kịch do những diễn viên quần chúng đảm nhiệm.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng đời sống văn hóa mới là công tác xóa mù chữ cho người dân. Nhân dân tích cực xây dựng trường lớp, những người có trình độ văn hóa được đào tạo nghiệp vụ sư phạm cấp tốc để về dạy với phương châm “Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, người biết chữ nhiều dạy cho người biết chữ ít”.

Về chính sách xã hội đối với thương binh, liệt sĩ và các gia đình cách mạng, tuy lúc này chưa có đội ngũ cán bộ chuyên trách, nhưng ở các địa phương những cán bộ kiêm nhiệm công tác này đã rất tích cực, bước đầu tập hợp số liệu, xác nhận hồ sơ thương binh, liệt sĩ, tổ chức thăm hỏi gia đình chính sách, cứu trợ kịp thời các gia đình neo đơn, đặc biệt là các thương bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân cũng được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, triển khai mạng lưới y tế xuống các xã, ấp. Các xã phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, tổ chức các tuần lễ làm vệ sinh đường làng, xóm, ấp được Nhân dân hưởng ứng nhiệt tình. Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân tuy bước đầu còn khó khăn do khan hiếm thuốc, nhưng đã đạt nhiều kết quả tích cực.

Như vậy, trong gần một năm sau giải phóng, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với tinh thần đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước đã thu được những thành quả bước đầu tốt đẹp trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể và bảo vệ chủ quyền biên giới.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Bình Phước và tỉnh Thủ Dầu Một và một số xã của Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh) được sáp nhập thành tỉnh Sông Bé. Trung ương chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Sông Bé. Đồng chí Đỗ Văn Nuông (Tư Nguyễn) giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tỉnh Sông Bé trải dài từ nam Tây Nguyên đến Thành phố Hồ Chí Minh, phía đông giáp tỉnh Đồng Nai (lấy sông Đồng Nai làm ranh giới), phía tây giáp huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh) và tỉnh Tây Ninh (ranh giới là sông Sài Gòn), chiều dài bắc - nam gần 200km, chiều rộng đông - tây khoảng 80km, có đường biên giới giáp với Campuchia dài 260,433km. Sông Bé là một tỉnh có diện tích rộng so với các tỉnh miền Đông Nam Bộ nhưng dân số lúc mới sáp nhập tỉnh chỉ có trên 558.018 người, trong đó có khoảng 62.000 người là đồng bào dân tộc thiểu số.

Hai tỉnh Bình Phước và Thủ Dầu Một hợp nhất thành tỉnh Sông Bé đã tạo nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội: Gần Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố lớn nhất cả nước, có hệ thống đường bộ, đường sông thuận lợi nối liền các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, miền Tây Nam Bộ và Campuchia. Đất đai vùng này rất tốt, thích hợp với cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như tiêu, điều, cà phê, cao su và với nhiều loại cây hoa màu khác.

Sông Bé có những khu rừng nối liền nhau, trải dài từ bắc đến nam tỉnh. Vào những năm đầu của thế kỷ XX, diện tích rừng chiếm 40% diện tích toàn tỉnh, trong đó trên địa bàn thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay có những khu rừng già, những khu rừng nguyên sinh. Khi bọn tư bản Pháp tiến hành phá rừng để lập đồn điền cao su thì diện tích rừng bị thu hẹp. Trong chiến tranh chống

Mỹ, địch đã rải chất độc hóa học để hủy diệt rừng, nên rừng nguyên sinh bị tàn phá nhiều.

Đảng bộ, quân và dân tỉnh Sông Bé cũng phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức như: Bom đạn còn sót lại nhiều sau chiến tranh ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; chất độc hóa học do đế quốc Mỹ rải trong chiến tranh với liều lượng lớn ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân; bệnh sốt rét hoành hành khắp nơi trong tỉnh, gây tử vong cho nhiều người dân; lương thực, thực phẩm thiếu thốn; cơ sở vật chất lạc hậu và bị chiến tranh tàn phá, cơ sở y tế, giáo dục thiếu thốn; tình hình dọc tuyến biên giới bất ổn. Về chủ quan, bộ máy tổ chức, lề lối làm việc và trình độ quản lý nhà nước của các cấp chính quyền chưa đáp ứng với yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới, đội ngũ cán bộ vừa thiếu, vừa yếu, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện Bình Long, Phước Long, Đồng Phú; nguồn lao động phân bố không đều, tư liệu sản xuất và vật tư còn thiếu thốn; bọn phản động ra sức phá hoại cách mạng.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng với các cấp ủy, chính quyền các địa phương đã động viên tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết các dân tộc, đức tính cần cù, sáng tạo của người dân để cùng vượt qua khó khăn, thử thách, từng bước ổn định cuộc sống, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tỉnh ủy đã triển khai, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân toàn tỉnh. Đồng thời, Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 03, xác định nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ, quân dân trong tỉnh với 4 nhiệm vụ trọng tâm trước mắt: Tiếp tục củng cố, xây dựng chính quyền các cấp, nhất là cơ sở; kiên quyết đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng; đấu tranh xóa bỏ tư sản mại bản và tàn dư phong kiến; khôi phục và phát triển kinh tế, giải quyết nạn thất nghiệp.

Học tập nghị quyết của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành nhận thức rõ hơn những khó khăn trước mắt, tính gay go, phức tạp của địa phương trong tình hình mới. Do đó, các cấp ủy không ngừng chăm lo xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong cơ quan, đơn vị... Để thực hiện tốt các công tác trọng tâm, Tỉnh ủy đã sắp xếp, bố trí cán bộ chủ chốt các ban, ngành của tỉnh, các huyện và cơ sở. Đến cuối nhiệm kỳ, toàn tỉnh Sông Bé có 332 chi bộ, 3.524 đảng viên, trong đó có 138 chi bộ xã với 1.429

đảng viên (có 102 đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số). Các Huyện ủy Bình Long, Phước Long, Đồng Phú (thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay) đã tích cực chăm lo công tác xây dựng chi bộ, đặc biệt quan tâm đến công tác đảng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và căn cứ kháng chiến cũ. Đa số các đảng viên đều tích cực, gương mẫu, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên cũng có một bộ phận đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống, tự tư, tự lợi, vun vén cá nhân, xa rời quần chúng, mang tâm lý nghỉ ngơi sau nhiều năm chiến tranh gian khổ; trình độ văn hóa thấp nên xử lý công việc còn chậm, chưa hợp tình hợp lý. Do đó, các cấp ủy, chính quyền tổ chức các lớp bổ túc văn hóa, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và có kế hoạch đưa cán bộ trẻ đi các trường của tỉnh và Trung ương đào tạo.

Về nông nghiệp, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh mở nhiều hội nghị triển khai thực hiện các chỉ tiêu về khai hoang phục hóa đẩy nhanh sản xuất lương thực. Các huyện, thị liên tục phát động phong trào thi đua lao động sản xuất ổn định đời sống nhân dân. Phong trào khai hoang, phục hóa và làm thủy lợi nhỏ phát triển mạnh trên toàn tỉnh. Các cơ sở quốc doanh như sản xuất cao su, điện, nước, vật liệu xây dựng... đã phát huy tác dụng của nền kinh tế quốc doanh trên địa bàn các huyện. Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh phát triển đến tận xã, kể cả một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lộc Ninh, Phước Long. Công tác thu mua nông phẩm được chú trọng, phục vụ sản xuất ở địa phương và Trung ương. Đặc biệt, trong thời kỳ đầu mới thành lập tỉnh Sông Bé, các huyện thuộc Bình Phước ngày nay là địa bàn cung ứng lương thực cho cả tỉnh Sông Bé, Nhân dân đã tích cực thực hiện phong trào tăng gia sản xuất. Ở vùng Phước Long, Bù Đăng, người dân chủ yếu là trồng mì.

Hoạt động giáo dục, thông tin - tuyên truyền, văn hóa - xã hội của tỉnh đạt một số kết quả bước đầu. Ngành giáo dục đã mở lại tất cả các trường phổ thông, các lớp bổ túc văn hóa và các lớp bình dân học vụ, đào tạo từ cấp I đến cấp III với 120.000 người theo học. Ngành y tế xây dựng được phong trào vệ sinh phòng bệnh nhất là chiến dịch phòng chống sốt rét, đặc biệt ở các huyện phía bắc của tỉnh như Đồng Phú, Bình Long, Phước Long...; tiến hành phun thuốc chống muỗi cho trên 4 vạn hộ gia đình, tập trung ở những ổ dịch. Ngành y tế tỉnh đã bước đầu bảo đảm chăm lo sức khỏe cho Nhân dân.

Quán triệt Chỉ thị số 228-CT/TW ngày 03/01/1976 của Bộ Chính trị về lãnh đạo tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước, Đảng bộ tỉnh Sông Bé đẩy mạnh công tác chỉ đạo, tuyên truyền, động viên mọi người dân tích cực tham gia bầu cử, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân. Ngày 25/4/1976,

cuộc bầu cử Quốc hội thống nhất được tổ chức trên toàn quốc. Tại Sông Bé, tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt 98,3%.

Ngày 02/7/1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kỳ thứ nhất, quyết định đặt tên nước, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, Thủ đô... Cũng vào ngày này, Quốc hội đã chính thức chuẩn y việc sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Thủ Dầu Một thành tỉnh Sông Bé.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, từ tháng 4 đến tháng 11/1976, tỉnh Sông Bé chấn chỉnh địa giới hành chính các huyện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các quyết định chỉ định cấp ủy lâm thời các huyện Bình Long, Phước Long, Đồng Phú (nay là địa bàn tỉnh Bình Phước). Huyện ủy Bình Long gồm 29 ủy viên, do đồng chí Cao Văn Chi làm Bí thư và đồng chí Lê Văn Dư làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Huyện ủy Phước Long gồm 29 ủy viên, do đồng chí Nguyễn Đình Kính làm Bí thư, đồng chí Võ Đình Tuyến làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Huyện ủy Đồng Phú gồm 18 ủy viên, do đồng chí Lê Thành Công làm Bí thư, đồng chí Lê Văn Mai làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ I (vòng 1) diễn ra từ ngày 10 đến ngày 20/11/1976, với 291 đại biểu chính thức về dự. Đại hội đã nghiên cứu, thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Đồng thời, các đại biểu đã góp ý cho bản tham luận của Đảng bộ tỉnh trong Đại hội Đảng toàn quốc.

Đại hội cũng đã đề xuất với Trung ương những vấn đề cụ thể như: Phát triển ngành cao su mạnh hơn trên vùng đất miền Đông Nam Bộ; quy hoạch, xây dựng thủy điện trên dòng Sông Bé, sông Đồng Nai; xây dựng tỉnh Sông Bé theo hướng phát triển công - nông - lâm nghiệp...

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ I (vòng 1) bầu 11 đồng chí đại diện cho toàn thể đảng viên trong tỉnh dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Luông, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Chí, Huỳnh Văn Điển, Đỗ Văn Nguyên, Nguyễn Thị Liên, Trần Ngọc Khanh, Bùi Xuân Thiệu, Lê Văn Hai, Nguyễn Thị En, Trần Quang Minh.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV họp tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 14 đến 20/12/1976. Báo cáo chính trị của Đại hội đã xác định đường lối chung và đường lối kinh tế của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đường lối chung là: “*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*”¹.

Trên cơ sở đường lối chung, Báo cáo chính trị đã nêu lên đường lối xây dựng kinh tế trong giai đoạn cách mạng mới với nội dung cơ bản là: “*Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng...*”².

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã được các cấp ủy triển khai, quán triệt đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân toàn tỉnh.

Thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của Nhân dân”, phong trào thi đua lao động sản xuất đã được Nhân dân các huyện thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay hưởng ứng mạnh mẽ, kết quả bước đầu đạt tương đối tốt.

Về sản xuất nông nghiệp, năm 1976, diện tích gieo trồng của tỉnh đạt 95.297ha, tăng 70,96% so với diện tích năm 1975, trong đó có 80.493ha cây lương thực. Tình hình sản xuất phát triển mạnh ở các huyện Bình Long,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.37, tr.523-524, 524.

Phước Long, Đồng Phú. Tỉnh đã tổ chức khai hoang, làm rẫy, đặc biệt là trồng mì (sắn) và chuẩn bị điều kiện để trồng cây công nghiệp. Tổng diện tích đã khai hoang là 25.000ha.

Để phục vụ cho phát triển nông nghiệp, phong trào làm thủy lợi được đẩy mạnh ở Bình Long, Phước Long, Đồng Phú... Toàn tỉnh có 46 công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho 10.830ha đất.

Về chăn nuôi, đàn heo có 40.530 con, đàn trâu, bò có 46.370 con đáp ứng một phần sức kéo của nông dân trong tỉnh. Nghề nuôi cá bắt đầu phát triển. Phước Long là điển hình trong phong trào nuôi cá hồ ao và được nhân rộng cho các huyện bạn học tập.

Việc khai thác mủ cao su được mở rộng. Các nông trường quốc doanh cao su trên địa bàn Bình Long, Phước Long, Đồng Phú đều có kế hoạch mở rộng diện tích trồng mới.

Ngành công nghiệp và thủ công mỹ nghệ phát triển. Các xí nghiệp tư nhân đã học tập chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và đăng ký hành nghề, bước đầu các nhà tư sản công nghiệp, tiểu chủ đã chấp nhận sản xuất theo hướng chỉ đạo của Nhà nước.

Trên địa bàn huyện Bình Long, Phước Long, Đồng Phú, ngành thương nghiệp bao gồm lực lượng quốc doanh và hợp tác xã mua bán được xây dựng từ huyện đến xã, thị trấn, hạn chế nạn đầu cơ tích trữ. Ngành tài chính, ngân hàng bước đầu phát huy chức năng quản lý, thu chi ngân sách và chức năng tín dụng, tiền tệ và thanh toán, thúc đẩy sản xuất và lưu thông phát triển.

Các hoạt động thông tin - văn hóa, y tế, giáo dục đã đạt được một số kết quả bước đầu. Các cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục được khôi phục, sửa chữa. Phong trào bài trừ văn hóa phản động do địch để lại, phát triển văn hóa - văn nghệ cách mạng; phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa được đẩy mạnh trong Nhân dân. Phong trào vệ sinh phòng dịch đã được chính quyền các cấp quan tâm, nhờ đó, dịch sốt rét đã được khống chế, giảm được nhiều ca tử vong.

Tuy nhiên, trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh vẫn còn nhiều khuyết điểm: Khai thác đất đai chưa tốt, đất hoang còn nhiều nhưng chưa khai thác hết; sản xuất lương thực, thực phẩm chưa đủ để cung cấp cho Nhân dân; hoạt động lưu thông phân phối chưa trở thành động lực phát triển sản xuất; công tác phân vùng quy hoạch nông, lâm nghiệp và cao su triển khai chậm nên chưa phát huy được nguồn lực lao động...

Những khuyết điểm trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan: Do hậu quả chiến tranh để lại quá lớn, trình độ của cán bộ còn nhiều hạn chế. Cán bộ chưa nhận thức đầy đủ tính chất đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong tình hình mới. Công tác tư tưởng chưa thật sự làm chuyển biến tư duy của cán bộ và Nhân dân trong tình hình mới, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ chống giặc ngoại xâm sang chống đói nghèo, lạc hậu bằng ba cuộc cách mạng, bằng kế hoạch hóa, đưa sản xuất phát triển theo con đường sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Về mặt địa giới và tổ chức hành chính, ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 55/CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện của tỉnh Sông Bé, trong đó đối với các huyện thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay việc điều chỉnh địa giới như sau: Hợp nhất huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Chơn Thành thành huyện Bình Long; hợp nhất huyện Bù Đốp, Phước Bình và huyện Bù Đăng thành huyện Phước Long; hợp nhất huyện Đồng Xoài và huyện Phú Giáo thành huyện Đồng Phú.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ I (vòng 2) được tiến hành từ ngày 29 đến ngày 30/4/1977, tại thị xã Thủ Dầu Một. Trên cơ sở đánh giá, phân tích sâu sắc tình hình mọi mặt của tỉnh, đánh giá những thuận lợi và khó khăn, những mặt làm được, chưa làm được, Đại hội đã khẳng định tiềm năng to lớn của tỉnh về ba thế mạnh công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp. Đó là những thuận lợi cơ bản để tỉnh giải quyết vấn đề lương thực, phát triển trồng cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao. Đại hội Đảng bộ tỉnh đã tổ chức học tập, quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và thống nhất bản Báo cáo chính trị về tình hình, nhiệm vụ của Đảng bộ. Đại hội đã xác định nhiệm vụ cấp bách và lâu dài là không ngừng nâng cao sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân, tổ chức nền kinh tế - xã hội của tỉnh theo yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Đại hội khẳng định quyết tâm thực hiện tốt một số công tác sau đây: Trấn áp bọn phản cách mạng; thực hiện cải tạo ngụy quân, ngụy quyền; giải quyết cứu đói, cứu đau cho đồng bào, nhất là đồng bào ở các khu tập trung của ngụy trước đây và giải quyết khó khăn trước mắt cho đồng bào đi xây dựng vùng kinh tế mới ở huyện Phước Long, Bình Long, Đồng Phú...

Đại hội Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ I (vòng 2) xác định kế hoạch 5 năm (1976-1980) là: Kiện toàn thêm một bước tổ chức chính quyền nhân dân

các cấp, nắm vững và thực hiện tốt ba cuộc cách mạng, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội; phát động phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, cần kiệm xây dựng nước nhà, lấy sản xuất nông nghiệp làm trung tâm, hoàn thành căn bản việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại lao động, bố trí lại cơ cấu cây trồng và các vụ lúa, cải tạo và phát triển các cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, trang bị một bước cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác nhằm khai thác hợp lý các vùng đất đã quy hoạch và xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế cơ bản kết hợp chặt cơ cấu nông - công nghiệp hoặc nông - lâm - công nghiệp. Đồng thời, trấn áp bọn phản cách mạng còn sót lại, ra sức củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cả nội địa và biên giới. Trên cơ sở tuyển chọn một đội ngũ cốt cán mới xuất hiện trong phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa của quần chúng mà đào tạo cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên... xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể ngày càng vững mạnh về số lượng cũng như chất lượng.

Mục tiêu phấn đấu của hai năm 1977-1978 là giải quyết đủ lương thực cho địa phương bằng cách vận động quần chúng phát huy nội lực, ra sức sản xuất lương thực, coi trọng cả lúa và hoa màu, tiếp tục giải quyết nạn thất nghiệp, tổ chức lại sản xuất và lưu thông phân phối, ổn định thêm một bước đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân và hoàn thành 4 nhiệm vụ sau đây:

Một là: Sản xuất nông nghiệp đạt 34 vạn tấn lương thực đủ để nuôi dân trong tỉnh. Đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, làm tốt nghề rừng, phát triển tiểu thủ công nghiệp, mở rộng mạng lưới giao thông, vận dụng đúng chính sách giá cả, thuế, tiền lương, tiền thưởng...

Hai là: Thực hiện cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp... tạo việc làm cho Nhân dân. Ở thị xã, thị trấn, hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, xóa bỏ tư sản thương nghiệp.

Ba là: Tăng cường lực lượng quốc phòng toàn dân và lực lượng công an nhân dân, đề cao cảnh giác, đập tan bọn phản cách mạng, giữ vững vùng biên giới.

Bốn là: Xây dựng Đảng, chính quyền về chính trị, tư tưởng, tổ chức, xây dựng các đoàn thể vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ I (vòng 2), nhiệm kỳ 1976-1979 bầu 38 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ (37 chính thức, 1 dự khuyết). Ngày 30/4/1977, Ban Chấp hành tổ chức phiên họp đầu tiên, bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí và bầu đồng chí Đỗ Văn Nướng (Tư Nguyễn) giữ chức Bí thư

Tỉnh ủy; đồng chí Lê Văn Thâm (Chín Sanh) giữ chức Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) giữ chức Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí, do đồng chí Lê Văn Trọng (Sáu Trọng) làm Trưởng ban.

Đối với các huyện Phước Long, Bình Long, Đồng Phú (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay), sau Đại hội, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các huyện, thị, các đảng bộ trực thuộc tiến hành Đại hội Đảng bộ vòng 2, lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân, đại hội các đoàn thể, quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh thành phong trào cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đề ra. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy cùng những nỗ lực lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân các huyện Phước Long, Bình Long, Đồng Phú, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ I (vòng 2) nhiệm kỳ 1977-1978 của các huyện Bình Long, Phước Long, Đồng Phú được tổ chức. Đại hội đã đánh giá thắng lợi của cách mạng từ sau ngày giải phóng, đánh giá những thành tích trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng trong 2 năm 1975-1976 và 6 tháng đầu năm 1977, nêu đặc điểm tình hình, nhiệm vụ, phương hướng trong hai năm 1977-1979 và những mục tiêu, biện pháp chủ yếu trong năm 1977.

Đại hội Đảng bộ huyện Phước Long đã bầu 21 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết; đồng chí Nguyễn Đình Kính - Tỉnh ủy viên làm Bí thư huyện ủy, đồng chí Võ Đình Tuyến làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đồng chí K'Va Răng làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. Đại hội Đảng bộ huyện Bình Long đã bầu ra 27 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết; đồng chí Cao Văn Chi làm Bí thư huyện ủy, đồng chí Lê Văn Dư làm Phó Bí thư Thường trực huyện ủy, đồng chí Lê Văn Mạo làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Phú đã bầu ra 21 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết; đồng chí Lê Văn Mai làm Bí thư, đồng chí Giang Thái Sơn làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đồng chí Lê Văn Thuyết làm Phó Bí thư Thường trực.

Trong nông nghiệp, trọng tâm hàng đầu là đẩy mạnh sản xuất lương thực. Đây là vấn đề cơ bản, vừa nhằm giải quyết khó khăn trước mắt về lương thực, vừa tạo cơ sở phát huy thế mạnh ở địa phương. Biện pháp cụ thể đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp lúc này, trước hết là khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích và làm tốt công tác thủy lợi. Đến năm 1979, huyện Phước Long đã tự túc được lương thực với mức lương thực bình quân đầu người đạt 650kg/người, cao hơn chỉ tiêu đề ra (621kg/người). Huyện Đồng Phú trong 2 năm 1977-1978

đã đưa tổng diện tích gieo trồng lên 15.993ha, với tổng sản lượng quy thóc là 23.236 tấn lương thực, khai hoang được 4.533ha. Năm 1978, huyện Bình Long đưa tổng diện tích gieo trồng đạt 12.387ha, tăng diện tích gieo trồng lên 11%, toàn huyện hình thành được 150 tập đoàn sản xuất và xây dựng một số hợp tác xã thí điểm. Xã Lộc Khánh¹ là xã tổ chức sớm và duy trì được “tổ đổi công” trở thành điển hình tiên tiến về hợp tác xã của toàn tỉnh. Hợp tác xã Quyết Thắng trở thành điển hình của toàn tỉnh, đồng chí Lâm Búp - Chủ nhiệm hợp tác xã, người dân tộc Khmer - đã được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lao động. Hoạt động lâm nghiệp cũng có những đóng góp đáng kể, nhất là khai thác gỗ tròn, gỗ xẻ và lâm sản phụ. Tuy nhiên, công tác bảo vệ rừng, trồng rừng còn chưa được chú ý đúng mức, việc khai thác rừng còn thiếu tổ chức chặt chẽ. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện trên địa bàn các huyện phía bắc của tỉnh bắt đầu đi vào kế hoạch và đến năm 1978 đã có những bước chuyển biến.

Căn cứ vào yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trên vùng biên giới của tỉnh, tháng 3/1978, tỉnh Sông Bé có sự thay đổi hành chính: các xã của Lộc Ninh cũ tách khỏi huyện Bình Long và các xã của Bù Đốp cũ tách ra khỏi huyện Phước Long để hợp lại thành huyện Lộc Ninh mới². Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Ninh do đồng chí Lê Hùng làm Bí thư. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh đã tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ cho Đảng bộ, quân và dân Lộc Ninh vừa đẩy mạnh củng cố xây dựng chính quyền cơ sở, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vừa sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ biên giới.

Về công tác xây dựng Đảng, chính quyền các cấp, để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, hệ thống tổ chức đảng của huyện Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long, Đồng Phú được kiện toàn theo hướng chặt chẽ và khoa học. Tất cả các cơ quan, các xã, các cơ sở đều có đảng viên và tổ chức đảng. Đảng bộ các huyện đã lãnh đạo sâu sát bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã, ấp. Các Đảng bộ tăng cường cán bộ ưu tú cho cơ sở, có nhiều huyện ủy viên trực tiếp làm Bí thư xã. Các huyện ủy phân công một ủy viên Thường vụ chịu trách nhiệm theo dõi chỉ đạo trực tiếp tại các xã. Cùng với kiện toàn tổ chức, công tác chính trị - tư tưởng được các huyện

1. Tháng 3/1978, các xã của Lộc Ninh (cũ) tách ra khỏi huyện Bình Long và các xã của Bù Đốp (cũ) tách ra khỏi huyện Phước Long để hợp nhất thành huyện Lộc Ninh mới, trong đó có xã Lộc Khánh.

2. Huyện Lộc Ninh gồm các xã: Thiện Hưng, Hưng Phước, Tân Hòa, Tân Tiến, Lộc Hiệp, Lộc Thành, Lộc Hưng, Lộc Quang, Lộc Khánh, Lộc Tấn và Lộc Thắng.

rất chú trọng. Trong nhiệm kỳ 1977-1979, có hàng ngàn lượt đảng viên, cán bộ được cử đi học tập, bồi dưỡng ở các trường của huyện, tỉnh và Trung ương để nâng cao nhận thức chính trị, trình độ nghiệp vụ và năng lực chuyên môn. Công tác kiểm tra cũng được tiến hành thường xuyên, phát hiện những sai sót, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, xử lý nghiêm những vụ vi phạm kỷ luật, có tác dụng gìn giữ sự trong sáng và ý thức tổ chức kỷ luật trong nội bộ Đảng. Công tác nâng cao trình độ cán bộ được tỉnh đặc biệt chú ý, trường Đảng tỉnh đã mở nhiều lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý về chuyên môn, chính trị cho trên 1.000 cán bộ. Qua các lớp học tập, trình độ cán bộ đã được nâng lên.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ I (vòng 2) và xuất phát từ tình hình cơ sở trong tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tiến hành củng cố cơ sở đảng ở tất cả các xã và cơ sở sản xuất kinh doanh.

Ngày 05/8/1978, Tỉnh ủy Sông Bé ban hành Chỉ thị số 13/CT-TU về tăng cường củng cố cơ sở bảo đảm làm tốt nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, trong đó chỉ thị nhấn mạnh: Trên cơ sở thông suốt tình hình và nhiệm vụ mới, nhanh chóng tạo ra một sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức, tác phong và lề lối làm việc từ tỉnh xuống đến huyện, xã, trọng tâm là củng cố xã, ấp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, bảo đảm lãnh đạo quần chúng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống và sản xuất trong toàn tỉnh. Chỉ thị yêu cầu quán triệt đầy đủ tinh thần Thông tri số 22-TT/TW ngày 05/9/1977 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 228-NQ/TW ngày 12/01/1974 của Bộ Chính trị, làm trong sạch nội bộ trong việc củng cố tổ chức; trước hết phải mở đợt sinh hoạt chính trị quán triệt sâu rộng chỉ thị của Tỉnh ủy cả trong nội bộ Đảng và quần chúng.

Sau khi quán triệt Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên, Tỉnh ủy điều động 378 cán bộ xuống các huyện, thị, các ty, ban ngành, đoàn thể, quân đội, công an để củng cố và phát triển tổ chức ở cơ sở; chống tiêu cực trong Đảng và chính quyền; cải tạo nông nghiệp; thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ lương thực ở các địa phương.

Ngoài ra, Tỉnh ủy quan tâm đến việc xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng các cấp trong tỉnh về số lượng và chất lượng. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền các cấp có bước trưởng thành rõ rệt. Giai đoạn từ 1975-1979, tình hình ở biên giới Tây Nam và phía Bắc có nhiều diễn biến phức tạp, thiên tai xảy ra một số nơi, nền kinh tế còn nhiều khó khăn, đòi hỏi công

tác chính trị, tư tưởng phải được tăng cường một cách thường xuyên, liên tục. Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy phối hợp với các cấp, các huyện, nhất là các huyện biên giới Lộc Ninh, Phước Long tổ chức tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân, qua đó nâng cao ý thức cảnh giác, tinh thần cách mạng cho Nhân dân, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất giữa Đảng và Nhân dân. Đội ngũ đảng viên ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, hạn chế một số biểu hiện tiêu cực của đảng viên, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng ngày càng được củng cố. Đội ngũ cán bộ được bồi dưỡng cả về chính trị và nghiệp vụ. Ủy ban Kiểm tra các huyện, xã phối hợp với các ngành có liên quan tiến hành công tác kiểm tra, xác minh, xử lý các vụ việc đảng viên vi phạm kỷ luật.

Nhìn chung, các chi bộ cơ sở ở Bình Long, Phước Long, Đồng Phú đã lãnh đạo cơ sở đạt được một số thành tích trong việc ổn định đời sống nhân dân và phát triển sản xuất. Chính quyền cơ sở được củng cố nhiều lần. Cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất đạo đức, nhiệt tình với cách mạng, khắc phục khó khăn, chấp hành tốt sự phân công của chi bộ. Đa số đồng chí trong cấp ủy làm việc tận tụy, cống hiến với phong trào, được Nhân dân tin yêu.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn hạn chế. Có nhiều chi bộ không bảo đảm sinh hoạt theo định kỳ, không có nghị quyết, thậm chí có chi bộ 2 năm không sinh hoạt, mỗi kỳ sinh hoạt không đủ một nửa số đảng viên. Có đảng bộ có 462 đảng viên, nhưng chỉ có 112 đồng chí tham gia công tác, 190 đảng viên xếp loại yếu kém. Ở các công ty liên doanh và xí nghiệp chưa hiểu rõ chức năng lãnh đạo toàn diện của các chi bộ; đấu tranh nội bộ ở một số đơn vị, địa phương còn yếu... Tỉnh ủy chỉ đạo khẩn trương khắc phục những khuyết điểm, yếu kém, củng cố tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể ở các địa phương để đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ cách mạng mới.

Về cải tạo công thương nghiệp, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã xác định: "... Xây dựng kinh tế quốc doanh lớn mạnh nhanh chóng, chiếm ưu thế trong sản xuất và lưu thông, phân phối. Đối với xí nghiệp tư bản tư doanh, phải cải tạo xã hội chủ nghĩa chủ yếu bằng con đường công tư hợp doanh... Xóa bỏ ngay thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất. Đại hội đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 1980 hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các tỉnh phía Nam"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.1017-1018.

Đến tháng 3/1977, Ban Bí thư chủ trương: “*Hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa trong hai năm 1977-1978*”¹.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I đã chỉ rõ nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh là việc làm cần thiết. Trung ương cũng có phương án cải tạo và đã phổ biến, hướng dẫn các tỉnh phía Nam thực hiện. Ngày 09/5/1977, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Cải tạo công thương nghiệp tư doanh của tỉnh: Đồng chí Trần Ngọc Khanh - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Đồng chí Nguyễn Ngọc Chấn - Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty Thương nghiệp làm Phó trưởng ban và 2 ủy viên chuyên trách cùng 11 ủy viên không chuyên trách gồm các đồng chí công tác ở các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh. Ban Cải tạo công thương nghiệp tư doanh là cơ quan tham mưu giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp.

Ngày 01/6/1977, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 14/CT-TU hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh. Chỉ thị nêu rõ: “Cải tạo phải gắn với xây dựng nhằm phát triển được sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao và tích lũy, trong đó các thế mạnh của tỉnh được phát huy mạnh mẽ để sau này tỉnh ta trở thành một tỉnh có công - nông - lâm nghiệp hoàn chỉnh, trước mắt phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nhất là lương thực, thực phẩm... Phương hướng, chính sách cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở tỉnh ta phải theo phương hướng, chính sách mà Trung ương nêu ra là: Sử dụng có lợi cho quốc kế dân sinh, hạn chế bóc lột, từng bước đẩy lùi và xóa bỏ giai cấp tư sản, trước hết là tư sản thương nghiệp”.

Phương châm chỉ đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh của tỉnh đã được Chỉ thị của Tỉnh ủy chỉ rõ: “Kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng” nhằm “mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng quan hệ sản xuất mới, mở đường cho sức sản xuất phát triển”. Chỉ thị xác định phải thực hiện theo tinh thần cách mạng tiến công, kết hợp chặt chẽ và tiến hành đồng bộ các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục, đồng thời chỉ rõ phương pháp kế hoạch và mối quan hệ giữa các ngành của tỉnh với các huyện, thị trong quá trình thực hiện công tác cải tạo công thương nghiệp.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.38, tr.61.

Sau ngày miền Nam giải phóng, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh đã tiến hành đợt X2, X3, đánh tư sản mại bản, tiến hành đổi tiền, trưng mua nhiều mặt hàng của các hộ tư doanh, đồng thời xây dựng được một số cơ sở kinh tế trong tỉnh và quản lý một số mặt hàng quan trọng. Về thương nghiệp, tỉnh đã xây dựng 4 công ty cấp II, mỗi huyện có một công ty cấp III và 38 hợp tác xã mua bán.

Ngành thương nghiệp bước đầu đã phát huy tác dụng, lấy việc phục vụ Nhân dân làm mục đích, trong phân phối chú ý quan tâm tầng lớp nhân dân nghèo, gia đình chính sách. Mặc dù ngành thương nghiệp có nhiều cố gắng trong việc thu mua nông sản và các mặt hàng khác trên thị trường, nhưng nhìn chung đây là công việc khó khăn, phức tạp do giá cả của Nhà nước quy định thấp hơn nhiều với giá cả bên ngoài, cho nên ngành thương nghiệp quốc doanh chỉ nắm gần 30% sản phẩm của nông dân và thợ tiểu thủ công nghiệp, còn lại 70% sản phẩm do tư sản, tư thương tranh mua để đầu cơ tích trữ, nên đời sống quần chúng còn gặp nhiều khó khăn.

Năm 1977, ngành thương nghiệp ở các huyện Bình Long, Phước Long, Đồng Phú, Lộc Ninh đã tổ chức xây dựng hàng chục hợp tác xã mua bán, củng cố lại các cửa hàng quốc doanh, tổ chức công ty cấp III; đồng thời cải tiến kinh doanh, cố gắng vươn lên nắm các nguồn hàng nông, lâm, công nghiệp ở địa phương, phục vụ đời sống, sản xuất và xuất khẩu. Ngành chế biến lương thực, thực phẩm đã xây dựng và đưa vào sử dụng 3 xưởng chế biến mỳ ở Phước Long, Bình Long và Bù Đăng.

Công tác xây dựng cơ bản đã triển khai thực hiện một số công trình phục vụ sản xuất với vốn đầu tư trên hàng chục triệu đồng, bằng 69% kế hoạch. Các ngành công nghiệp, thương nghiệp, bưu điện, cao su, y tế, thương binh - xã hội đều đạt từ 82% đến 90% chỉ tiêu kế hoạch.

Thực hiện Quyết định 100/CP ngày 12/4/1977 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị số 115/CT-TTg ngày 16/02/1978 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển nhanh lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh, thành phố phía Nam, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung tiến hành cải tạo đối với các hộ thương nghiệp kinh doanh vật tư kỹ thuật, kinh doanh 13 mặt hàng công nghệ phẩm thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý và những hộ bán buôn nông sản thực phẩm, kinh doanh dược phẩm. Sau thời gian tập trung chỉ đạo, các huyện đã tiến hành cải tạo hàng trăm hộ kinh doanh lớn, nhỏ. Tổng giá trị hàng hóa trưng mua lên đến hàng triệu đồng.

Đầu tháng 4/1978, ngành giao thông - vận tải tiến hành vận động các chủ xe vào xí nghiệp công tư hợp doanh. Đến ngày 01/5/1978, tỉnh đã thành lập được xí nghiệp công tư hợp doanh ô tô với 420 xe, 789 công nhân. Thông qua hình thức này, tỉnh đã nắm được phương tiện và phục vụ tốt nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới, phục vụ các nhiệm vụ chính trị xây dựng phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 1978, quán triệt các nghị quyết của Trung ương và chỉ thị của Chính phủ về việc hoàn thành cải tạo, củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất đối với công thương nghiệp tư doanh, Tỉnh ủy chủ trương: Đối với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, căn cứ vào tình hình thực tế của từng ngành nghề ở địa phương (huyện, thị) mà có hình thức cải tạo thích hợp: Xí nghiệp công tư hợp doanh, xí nghiệp hợp tác xã và hình thức tư nhân (đối với một số cơ sở sản xuất gốm mỹ nghệ). Ngành thương nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn, chú trọng khâu tổ chức thu mua, phân công phân cấp giữa công ty cấp II và cấp huyện trong thu mua nông sản, thực phẩm và hàng công nghệ phẩm tiêu dùng; làm tốt công tác hợp đồng hai chiều; mở rộng cửa hàng hợp tác xã mua bán, đại lý bán lẻ cho thương nghiệp quốc doanh để phục vụ Nhân dân.

Chủ trương của tỉnh đã nhanh chóng đi vào cuộc sống với sự phát triển mạnh của các ngành nghề sản xuất. Đến năm 1980, toàn tỉnh đã xây dựng 39 cơ sở công nghiệp quốc doanh, 5 cơ sở công tư hợp doanh, 17 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và 46 tổ hợp tác sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu phục vụ Nhân dân trong tỉnh.

Nhìn chung, công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trên địa bàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành, bảo đảm đúng chủ trương do Bộ Chính trị đề ra, góp phần phục vụ đời sống nhân dân, góp phần tích cực bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế: Việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới còn chậm, chưa gắn chặt giữa cải tạo và xây dựng, nhiều chính sách cải tạo và xây dựng không được chấp hành nghiêm chỉnh và triệt để, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và lưu thông phân phối; khu vực quốc doanh và tập thể còn ít và yếu kém, giá cả tăng vọt, đời sống của cán bộ và Nhân dân còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt khác trong đời sống xã hội. Việc tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất, phân phối lưu thông không có mục đích rõ ràng cho nên cải tạo không tận dụng được những cơ sở hiện có, chưa phát huy được thế mạnh của lực lượng hiện có. Trong cải tạo, còn có biểu hiện chủ quan, nóng vội, thiếu kế hoạch xây dựng, làm ồ ạt, nặng về biện pháp hành chính.

Một số huyện trong tỉnh tuy đã rất cố gắng, nhưng chưa giải quyết dứt điểm nhiệm vụ công tác cải tạo và xây dựng.

Về cải tạo nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 19/8/1977 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) tập trung cao độ lực lượng cả nước thực hiện nhiệm vụ thắng lợi phát triển nông nghiệp, căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I xác định rõ: “Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng bộ và công tác quản lý của chính quyền nhân dân các cấp, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, đẩy lên một phong trào thi đua lao động, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn, tận lực khai hoang và ra sức thâm canh tăng vụ nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, đặc biệt là phát triển hết mức khả năng trồng hoa màu lương thực đi đôi với chế biến, phấn đấu đưa nhanh chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, nông, lâm với công nghiệp và các ngành thủ công, mỹ nghệ, bảo đảm đầy đủ và có dự trữ lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và nguồn hàng xuất khẩu”.

Nghị quyết cũng đề ra một số chủ trương, biện pháp thực hiện như: Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, không ngừng mở rộng diện tích đất nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bằng con đường hợp tác hóa nông nghiệp và xây dựng các nông trường; đẩy mạnh công tác nghiên cứu và áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật, tăng cường công tác tư tưởng và văn hóa, làm cho quần chúng nhân dân hiểu thật đầy đủ nội dung đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Để thực hiện Nghị quyết trên, Tỉnh ủy thành lập Ban Cải tạo nông nghiệp của tỉnh gồm 13 đồng chí, do đồng chí Lê Văn Thâm (Chín Sanh) - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

Đến ngày 29/5/1978, Tỉnh ủy Sông Bé ra Nghị quyết số 01 về công tác cải tạo nông nghiệp. Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 1978-1980 là: “Phải căn bản hoàn thành phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, trước mắt trong năm 1978 phải khẩn trương, tích cực, tập trung tuyên truyền, giáo dục, vận động đưa đại bộ phận nông dân vào các hình thức tập dượt, nơi nào còn làm ăn cá thể thì tổ chức tổ nông dân đoàn kết sản xuất hoặc tập đoàn sản xuất; nơi nào đã có các hình thức làm ăn tập thể chất lượng còn yếu thì tích cực củng cố và nâng cao, nơi nào có đủ điều kiện thì đưa lên hợp tác xã. Tích cực khẩn trương xây dựng thành công huyện điểm, hợp

tác xã thí điểm ở các huyện, thị, tổ chức thật tốt việc tiếp nhận và xây dựng hợp tác xã kinh tế mới tạo ra những điều kiện thuận lợi và vững chắc để mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp vào năm 1979, tiến tới hoàn thành căn bản vào năm 1980”.

Từ đầu năm 1978, Tỉnh ủy chỉ đạo phân cấp đào tạo (tỉnh đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã; các ngành của tỉnh đào tạo cán bộ nghiệp vụ; huyện, thị đào tạo cán bộ tập đoàn sản xuất). Trong năm 1978, hàng trăm cán bộ ở các huyện phía bắc được đào tạo về kỹ năng vận động, thuyết phục Nhân dân vào làm ăn tập thể. Đây là công tác khó khăn vì Nhân dân ta quen tập quán làm ăn riêng lẻ, chưa thấy hết lợi ích của việc làm ăn tập thể. Mặc dù gặp nhiều thử thách trong công tác thuyết phục, vận động nhưng các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể kiên trì đeo bám, thuyết phục bằng nhiều biện pháp nên phong trào làm ăn tập thể có chuyển biến. Sau ba tháng, các huyện thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay đã xây dựng thêm hàng chục tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp và hàng trăm tổ nông dân đoàn kết sản xuất.

Năm 1978, tỉnh bắt đầu xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, lấy xã Phú An, huyện Bến Cát làm thí điểm. Sau một thời gian hoạt động, hợp tác xã này đã làm ăn khá, đời sống gia đình các xã viên được nâng lên, tạo điều kiện cho các nơi khác như Phước Long, Bình Long, Đồng Phú học tập. Toàn tỉnh xây dựng được 251 hợp tác xã và 2.160 tập đoàn sản xuất, 80% số hộ nông dân vào hợp tác xã.

Nhìn chung, cuộc vận động thực hiện công tác cải tạo nông nghiệp chuyển biến khá nhanh ở nông thôn trong toàn tỉnh. Huyện nào cũng có tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, phong trào luôn xuất hiện những nhân tố mới đã góp phần thúc đẩy phong trào của tỉnh.

Về sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội, những năm đầu mới giải phóng tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng ngành văn hóa - thông tin đã thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngành đã tích cực hoạt động bằng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục, giải thích đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát động bài trừ văn hóa phẩm phản động, các tàn dư của chủ nghĩa thực dân, phát triển các hoạt động văn nghệ trong cơ quan, xí nghiệp, trường học. Công tác văn hóa - thông tin đã tập trung vào các nhiệm vụ chính trị trọng tâm như: Tuyên truyền Đại hội Đảng bộ tỉnh, bầu cử Hội đồng nhân dân, phục vụ tiễn đưa thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự, động viên Nhân dân thực hiện nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Phong trào thể dục - thể thao, văn hóa -

văn nghệ đã trở thành phong trào của quần chúng vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần cho Nhân dân, vừa nâng cao sức khỏe để phục vụ chiến đấu và sản xuất.

Đến năm 1976, các huyện đã có Phòng Văn hóa - Thông tin, một số huyện đã có Đài Truyền thanh. Các thị trấn đều có tổ phát hành sách báo, tỉnh đã có nhà in. Năm 1977, tỉnh đã phát hành 350.000 tờ báo, tờ tin, sách các loại. Thư viện tỉnh đã được xây dựng với 13.850 quyển sách các loại, hằng năm phục vụ khoảng 17.204 lượt người. Tỉnh hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Đài Phát thanh tỉnh, củng cố 14 đội chiếu phim lưu động. Các huyện Bình Long, Phước Long, Đồng Phú đều có Đài truyền thanh và Đội chiếu phim lưu động. Đến năm 1980, tỉnh đã cơ bản nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền động viên quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tỉnh xuất bản 6 đầu sách với 40.000 bản; phát triển 21 đơn vị chiếu phim, 2 đoàn văn công chuyên nghiệp; nâng cấp các đài truyền thanh ở các huyện, thị. Phong trào thể dục - thể thao được đẩy mạnh nhất là trong trường học, cơ quan, xí nghiệp, công - nông - lâm trường đã tạo khí thế sôi nổi trong Nhân dân.

Sự nghiệp giáo dục được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chăm lo, Nhân dân tham gia đóng góp xây dựng hệ thống trường lớp nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Nhiều xã gặp khó khăn nhưng cấp ủy, chính quyền ở địa phương đã vận động Nhân dân dựng trường tạm bằng tranh tre, nứa lá. Tuy nhiên, ở nhiều nơi học sinh vẫn phải học ba ca.

Dù khó khăn như vậy, nhưng tỷ lệ trẻ em ở độ tuổi đi học trong từng năm học đều tăng. Năm học 1979-1980, toàn tỉnh có 312 trường, 3.425 lớp với 123.300 học sinh, so với năm 1976 tăng 345 lớp, 7.470 học sinh. Từ sau giải phóng, các huyện thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay cùng Nhân dân trong tỉnh đẩy mạnh công tác xóa mù chữ, bổ túc văn hóa, coi đó là nhiệm vụ cấp thiết trong công tác giáo dục. Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TU của Tỉnh ủy về công tác xóa mù chữ và đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa, các huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo xóa mù chữ và đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa từ huyện đến cơ sở. Đến cuối năm 1979, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành công tác xóa nạn mù chữ.

Tuy nhiên, việc chăm lo cho giáo dục ở một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ, cơ sở giáo dục còn quá nghèo nàn, đời sống của giáo viên còn khó khăn, nhất là đối với vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện Đồng Phú, Bình Long, Phước Long.

Để nâng cao được chất lượng của ngành giáo dục, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung giải quyết hai việc: *Một là*, chăm lo cơ sở vật chất cho các trường học, trước hết là các trường lớn, bảo đảm điều kiện cho con em có chỗ học, thực hiện phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. *Hai là*, chăm lo tốt chất lượng đội ngũ giáo viên, trong điều kiện khó khăn, phải cùng với Nhân dân chăm lo đến đội ngũ giáo viên.

Về y tế, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng ngành đã có nhiều cố gắng giáo dục, động viên cán bộ, nhân viên phục vụ ở các tuyến; cải tiến công tác điều trị tại cơ sở; phong trào 5 dứt điểm được đẩy mạnh. Tổng số giường bệnh trong tỉnh là 2.062 giường. Hội Chữ thập đỏ của tỉnh đã kết hợp chặt chẽ với y tế và ngành thương binh xã hội mở rộng tuyên truyền việc phòng, chữa bệnh trong Nhân dân, cứu trợ cho những gia đình gặp khó khăn. Tuy nhiên, thuốc men còn thiếu nhiều, nhất là những loại thuốc đặc trị, thuốc cho trẻ em và người già. Do đó, ngành y tế quản lý chặt chẽ, bảo đảm thuốc đến tay người bệnh; tích cực đào tạo nhân viên để phục vụ các trạm y tế xã.

Thực hiện chính sách “đền ơn đáp nghĩa”, đối với liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng, cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã phát động phong trào giúp đỡ cho gia đình chính sách gặp khó khăn; làm tốt công tác hậu phương quân đội như: Công tác xác nhận, tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; giải quyết tiền tuất, chính sách hưu trí, trợ cấp mất sức; giúp đỡ gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình gặp khó khăn do thiên tai, tổ chức trường nuôi dạy con em liệt sĩ; tạo điều kiện cho thương binh tham gia lao động cải thiện đời sống mang lại nhiều kết quả tốt.

Về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, bảo vệ biên giới và giữ vững ổn định chính trị, từ năm 1976 đến năm 1979, ta đã phá hơn 80 tổ chức chính trị phản động, bắt 600 tên, tự ra đầu thú 37 tên; thu hàng trăm súng các loại, 96 con dấu và nhiều máy móc, phương tiện hoạt động chống phá cách mạng. Ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại Bù Đăng, Phước Long, Đồng Phú, tổ chức phản động FULRO móc nối hoạt động phá hoại, ta đã kịp thời phát hiện, vận động quần chúng đấu tranh bóc gỡ, truy bắt bọn cầm đầu và phá rã tổ chức phản động này, đập tan âm mưu của địch lợi dụng trong lúc ta gặp khó khăn ở biên giới để thực hiện bạo lực chống phá chính quyền.

Tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Xari độc tài, hiếu chiến đã chiếm đoạt thắng lợi của nhân dân Campuchia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Mặt khác, chúng kích động tinh thần dân tộc hẹp hòi, gây thù hằn giữa dân tộc hai nước Việt Nam - Campuchia. Trước khi phát động cuộc chiến tranh xâm

lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam, từ năm 1975, lực lượng Pôn Pốt - Iêng Xari đã tiến hành quấy rối, thăm dò, xung đột vũ trang ở biên giới nước ta. Bè lũ Pôn Pốt ráo riết chuẩn bị chiến tranh, chúng kích động nhân dân Campuchia coi Việt Nam là kẻ thù số một, xây dựng quân đội lên đến 12 vạn tên, phiên chế trong 12 sư đoàn và 30 trung đoàn địa phương.

Trên khu vực biên giới thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay, bọn phản động Pôn Pốt - Iêng Xari đã điều động lực lượng vũ trang áp sát biên giới và liên tiếp đưa trình sát xâm nhập vùng biên giới từ bắc Bù Đốp đến giáp Tống Lê Chân.

Từ tháng 5/1975 đến tháng 9/1977, lực lượng Pôn Pốt - Iêng Xari đã có 27 vụ xâm phạm chủ quyền lãnh thổ nước ta, nắm tình hình về quân sự, chính trị, kinh tế... Đặc biệt, chúng chú ý đến những khu vực trọng điểm như Hoa Lư, Tà Nốt, Hoàng Diệu.

Ngày 16/6/1976, Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé có Chỉ thị số 14-CT/76 về tăng cường công tác biên giới kịp thời bắt và trấn áp bọn phản cách mạng từ nội địa vượt biên, giữ vững an ninh chính trị, chủ quyền quốc gia tại biên giới. Chỉ thị nhận định: “Từ đầu tháng 5 đến nay, tình hình chính trị ở biên giới trong tỉnh có nhiều vấn đề phức tạp. Tại khu vực Hòa Lợi, Cầu Trắng (Lộc Ninh), ngã ba đường 10 (Bù Đốp) đã xảy ra mấy vụ vượt biên, để từ đó đi sang Thái Lan. Lực lượng vũ trang và du kích đã bắt được 29 tên... Mặt khác, lực lượng Pôn Pốt tổ chức một số vụ sang đất ta để thăm dò tình hình. Thậm chí trắng trợn đưa lực lượng xuống đứng sát biên giới, đem theo dân và máy cày để lấn sang đất ta tại vùng cây số 0, phía bên phải ở Lộc Ninh”.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các địa phương như Lộc Ninh, Bù Đốp, Phước Long, Phước Bình, Chơn Thành... triển khai các nhiệm vụ sau: Phải uốn nắn lại việc kiểm soát trên dọc đường, phát hiện kịp thời kẻ gian; các huyện có biên giới phải tăng cường tuần tra cảnh giác trên dọc biên giới. Tỉnh đội và công an tăng thêm lực lượng chi viện cho lực lượng công an, biên phòng để kịp thời đối phó với tình hình xấu xảy ra; cử cán bộ xuống các xã phát động quần chúng cảnh giác, sớm phát hiện những hoạt động của bọn phản cách mạng và các phần tử xấu. Đối với Campuchia, cần thi hành đúng các chỉ thị trước đây là giữ tình đoàn kết giữa hai nước nhưng phải tôn trọng chủ quyền của nhau. Về phía ta, phải có thái độ kiên quyết khi phía Campuchia không tôn trọng, xâm lấn lãnh thổ ta, dưới bất cứ hình thức nào. Các cấp ủy có biên giới phải tăng cường sự chỉ đạo của mình đối với vùng biên giới. Khi có tình hình xảy ra phải kịp thời chỉ đạo và báo cáo ngay bằng phương tiện nhanh nhất cho Thường vụ Tỉnh ủy để góp ý chỉ đạo.

Sau khi có Chỉ thị của Tỉnh ủy, ngày 20/7/1976, Ban Liên lạc Kratié và tỉnh Sông Bé đã có một cuộc họp chung ở tọa độ 23 - 68 cách quốc lộ 13 khoảng 100m. Kết quả, hai bên tạm thời nhất trí không tuần tra theo đường Trần Lê Xuân, không ra cày ruộng, không đóng quân trên đồi 102, về quan hệ hai bên vẫn lấy trục lộ 13 để qua lại báo tin cho nhau. Từ cuộc họp đó, tình hình biên giới Hoa Lư ổn định, trên trục lộ 13 mọi quan hệ diễn ra bình thường.

Ngày 20/8/1976, theo đề nghị của tỉnh Kampong Cham (vùng 21), ta đã có cuộc họp với Kampong Cham tại đồn Snoul, lộ 13 phía bên đất Campuchia. Trong cuộc họp này phía Kampong Cham đã thừa nhận đường biên giới cũ theo tọa độ của ta nên nhận đào cột mốc biên giới để lại chỗ cũ. Ở khu vực đồn Tà Nốt nhất là đường biên giới Tà Nốt đi Prek Chrieu, ta chưa tìm thấy trụ mốc chính nên phía lực lượng Pôn Pốt - Iêng Xari có ý đồ chiếm khu tam giác này.

Ngày 30/4/1977, Pôn Pốt sử dụng lực lượng quân sự tiến công vào 14 xã thuộc tỉnh An Giang, đốt phá nhà cửa, tàn sát dã man đồng bào ta. Sau đó, chúng còn bắn pháo vào thị xã Châu Đốc làm chết và bị thương hàng trăm đồng bào ta.

Lập trường của Đảng và Chính phủ ta trước sau như một là: “Ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, lòng tin cậy, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt giữa nước ta với hai nước anh em trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau; làm cho ba nước vốn đã gắn bó với nhau trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sẽ mãi mãi gắn bó với nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, vì độc lập và phần vinh của mỗi nước”¹.

Thực hiện các chỉ thị của Trung ương, của Thường vụ Quân khu và Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có cuộc họp với lãnh đạo các huyện Bình Long, Phước Long, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ty Công an và Đảng ủy Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 đứng chân tại Phước Long, thống nhất phương án chiến đấu, phối hợp lực lượng nhằm chủ động đối phó với tình huống xấu xảy ra.

Cùng với việc xây dựng, củng cố bộ máy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo chặt chẽ lực lượng vũ trang, các ngành,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.1041.

các đoàn thể và các địa phương phát động phong trào quần chúng tham gia xây dựng chính quyền cách mạng, hăng hái tham gia lao động sản xuất, phát động thu mua hàng hóa, chấp hành lệnh gọi thanh niên nhập ngũ, phát động truy quét bọn FULRO và tàn binh ngụy trốn cải tạo, bọn lưu manh trộm cướp đồng thời xây dựng lực lượng tại chỗ để bảo vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc. Đến đầu năm 1977, lực lượng vũ trang của tỉnh Sông Bé đã được kiện toàn: Sắp xếp lại các cơ quan huyện, thị để củng cố Tiểu đoàn 1; sáp nhập Tiểu đoàn 208 với Tiểu đoàn Bà Rá; củng cố dân quân, du kích hai huyện Bình Long, Phước Long...

Cuối tháng 4/1977, lực lượng vũ trang của tỉnh có 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội trinh sát và 7 đại đội của các huyện, thị với số quân trên 3.000 cán bộ, chiến sĩ; lực lượng dân quân du kích có 5.766 người.

Ngày 04/5/1977, trước tình hình biên giới ngày càng phức tạp, Tỉnh ủy tiếp tục ra Chỉ thị số 12-CT/TU về việc tăng cường bảo vệ an toàn biên giới. Trong chỉ thị, Tỉnh ủy nhắc lại: “Phải hết sức nâng cao cảnh giác, tăng cường lực lượng, bố phòng thật nghiêm ngặt, chủ động đối phó có hiệu quả khi có tình huống xấu xảy ra, bảo vệ tuyệt đối an toàn biên giới, bảo vệ và giữ trọn vẹn từng tấc đất thuộc phạm vi lãnh thổ của ta không để bạn xâm lấn đồng thời tôn trọng chủ quyền của bạn. Mặt khác, hết sức đề phòng bọn phản động, bọn xấu lợi dụng tình hình phức tạp này chạy ra nước ngoài”.

Chỉ thị được các huyện, thị quan tâm đặc biệt là các huyện biên giới Bình Long, Phước Long. Các huyện Bình Long, Phước Long đã đưa cán bộ các ngành xuống phối hợp với lực lượng vũ trang, bộ đội biên phòng tăng cường công tác giáo dục, phát động quần chúng, nêu rõ ý đồ xấu do Pôn Pốt cầm đầu; xác định rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta đối với Campuchia, đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Công tác chuẩn bị của hai huyện Bình Long (gồm Bình Long, Lộc Ninh, Chơn Thành ngày nay), Phước Long đã có gần 200 ngàn lượt quần chúng, đào đắp được trên 10 ngàn hầm, hào, cắm 200 ngàn cây chông, trên 1.000 hầm chông, hơn 700 quả mìn...

Ngày 16/12/1977, Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương của tỉnh, do đồng chí Đặng Ngọc Sỹ - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh Đội trưởng làm Trưởng ban.

Ban Chỉ đạo tiền phương của tỉnh cùng các cấp ủy, chính quyền các huyện và chỉ huy các lực lượng vũ trang của Quân khu 7 thực hiện tốt các chỉ thị của

Trung ương, của Quân khu và của Tỉnh ủy Sông Bé. Ban Chỉ đạo tiền phương của tỉnh tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và Nhân dân, đặc biệt là Nhân dân sinh sống ở khu vực biên giới; nâng cao lòng yêu nước, yêu độc lập tự do, thực hiện đúng đắn đường lối đối ngoại của Đảng ta: “hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau”¹.

Quan điểm đối ngoại của ta, trước sau như một, đều tỏ thiện chí muốn giải quyết vấn đề biên giới bằng thương lượng, hòa bình nhưng tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xari đã khước từ mọi đề nghị hợp tình, hợp lý của ta, ngoan cố duy trì và mở rộng cuộc chiến tranh biên giới, chống Việt Nam thống nhất. Từ giữa năm 1976 đến cuối năm 1977, trên địa bàn biên giới thuộc tỉnh Sông Bé, lực lượng phản động Pôn Pốt - Iêng Xari đã vi phạm: 14 vụ tổ chức vượt biên xin cư ngụ chính trị ở Việt Nam; 11 vụ lấn đất, xâm canh trái phép; 22 vụ cho người sang đất ta để phục kích, gài mìn và trinh sát; 5 vụ bắt bố trái phép Nhân dân ta làm ăn gần biên giới; 55 vụ bắn giết Nhân dân ta ở khu vực biên giới; 28 vụ tập kích bằng xung lực kết hợp hỏa lực vào các đồn biên phòng. Chúng bắn, giết 9 người, bị thương 3 người và bắt đem đi 4 người (trong đó có 2 du kích, 1 dân thường và 1 em bé); đốt cháy trên 200 nhà, trong đó có 3 nhà bộ đội và 1 nhà làm việc của Ủy ban nhân dân xã Lộc Hoà; chặt và đốt cháy 15 tấn mía, 18 tấn mì,...

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của cấp trên nhằm đánh bại âm mưu lấn chiếm của địch trên toàn tuyến biên giới Tây Nam, từ ngày 22 đến ngày 28/12/1977, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh tham gia đánh chiếm một số bàn đạp tiến công của địch trên dọc tuyến biên giới của tỉnh. Các lực lượng vũ trang của tỉnh và Quân khu đã gây nhiều thiệt hại cho địch và làm tan rã một phần lực lượng địch đứng chân trên tuyến biên giới. Nhưng khi lực lượng vũ trang của ta vừa rút khỏi địa bàn tác chiến thì địch lại áp sát tuyến biên giới ở khu vực Hoa Lư, Tà Nốt, Hoàng Diệu... nên vùng biên giới ở thời điểm này rất phức tạp. Những tháng đầu năm 1978, lực lượng phản động Pôn Pốt - Iêng Xari tiếp tục có nhiều hoạt động gây mất ổn định ở vùng biên giới như: Ngày 06/01/1978, cho quân thọc sâu vào đất ta để trinh sát; ngày 13/01/1978, cho lực lượng thọc sâu vào xã Lộc Hoà đốt cháy 2 nhà dân; ngày 23/01/1978, cho quân vào áp Hoà Tân, xã Lộc Tấn bắn chết một cụ già gần 70 tuổi; ngày 23/01/1978, cho lực lượng vào sâu trong xã Lộc Hoà 4km, đốt cháy 200 nhà dân và phá nhiều tài sản, hoa màu khác; ngày

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.1041.

24/01/1978, lúc 7 giờ sáng cho 1 trung đội càn vào xã Lộc Hoà, Lộc Ninh bắn chết hai cụ già người dân tộc thiểu số; ngày 04/02/1978, tại đồn Hoàng Diệu, cho quân phục kích bắn bị thương 1 đồng chí. Cũng vào đầu năm 1978, chúng huy động một lực lượng lớn bao gồm nhiều trung đoàn, sư đoàn thuộc Quân khu Đông Bắc cùng lực lượng địa phương của chúng, áp sát xuống biên giới, gây ra tình trạng chiến tranh trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia. Lực lượng Pôn Pốt đã cho bộ binh tràn qua biên giới lấn chiếm cao điểm 100 và 102 đồng thời dùng pháo tầm xa liên tục bắn phá các làng xóm, buôn sóc của đồng bào dân tộc thiểu số. Sau đó, chúng triển khai lực lượng tấn công đánh chiếm các đồn biên phòng Hoa Lư, Hoàng Diệu, phát triển theo trục lộ 13 xuống đến làng 7, làng 9 xã Lộc Tấn, đe dọa cắt đường 14 trên đoạn Cầu Trắng đi ngã ba Công Chánh. Đặc biệt, đêm 15 rạng ngày 16/3/1978, chúng tràn vào Hưng Phước, Thiện Hưng gây ra vụ thảm sát hết sức dã man đối với các đồng bào dân tộc thiểu số. Bọn Pôn Pốt - Iêng Xari đã giết hại 247 đồng bào, thiêu rụi gần 300 nóc nhà, biến nhiều phum sóc thành tro bụi. Vụ thảm sát ở hai xã Thiện Hưng và Hưng Phước cùng với những trận đánh phá trên vùng biên giới Bình Phước đã bộc lộ bộ mặt phản bội, tàn ác, dã man của Pôn Pốt - Iêng Xari. Trước những tội ác dã man của chúng, Nhân dân Sông Bé cùng cả nước phải chiến đấu, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và tính mạng của mình. Các huyện thuộc địa bàn Bình Phước trở thành một trọng điểm của chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về chủ động bảo vệ biên giới cùng với nhiệm vụ tổ chức chiến đấu, Đảng bộ và Nhân dân Sông Bé đã xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ biên giới, tích cực đấu tranh chống bọn phản động, giữ vững an ninh chính trị; tập trung phòng thủ biên giới trên một số khu vực trọng điểm. Tỉnh đã huy động sức người, sức của cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, nhiệm vụ tác chiến và xây dựng biên giới. Quân số các đơn vị được tăng cường, cụ thể: Trung đoàn 316 (Quân khu 7) được tăng cường 2 đại đội thanh niên xung phong (có 300 người) của 2 huyện Bình Long và Thuận An, cùng bộ đội biên phòng Tà Vát xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ biên giới khu vực đồn Tà Vát (khoảng 10km). Trung đoàn 205 được tăng cường 2 đại đội thanh niên xung phong (có 300 người) của huyện Bến Cát và Đồng Phú, xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ biên giới từ tọa độ 685 - 232 đến tọa độ 794 - 240. Đồn công an (bộ đội) biên phòng Hoa Lư cùng lực lượng bộ đội biên phòng xây dựng tuyến phòng thủ từ lộ 13 sang phía tây 4km... Các huyện Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long sử dụng lực lượng địa phương xây dựng ấp chiến đấu...

Mặc dù thiếu thốn về lương thực, thực phẩm, dụng cụ lao động... nhưng lực lượng xung phong xây dựng tuyến phòng thủ biên giới vẫn hăng hái thi đua lao động, bảo đảm hoàn thành các công trình. Trong một tháng từ ngày 15/4 đến ngày 15/5/1978, trên tuyến phòng thủ dài 60km ở các khu vực trọng điểm sát biên giới ta đã phát quang, đặt hầm hố chông, gài mìn, xây dựng hệ thống vật cản, giao thông hào, ụ chiến đấu...

Góp sức cùng Nhân dân tỉnh Sông Bé, từ năm 1978, theo thỏa thuận giữa hai tỉnh và sự chỉ đạo của Quân khu 7, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã điều động 1 tiểu đoàn bộ binh, 600 dân công, 5 xe ủi đất đến Lộc Ninh để cùng với Nhân dân Sông Bé xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ biên giới. Kết quả: Tỉnh đã huy động được 950.000 ngày công, đào đắp 27.641m giao thông hào, 40.709m đê, 1.421 ụ chiến đấu, 237 lô cốt, 873 hầm chống phi pháo...

Thắng lợi trong nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ biên giới đã góp phần làm thất bại âm mưu của các nhóm phản động trong nội địa, tăng cường khả năng bảo vệ công cuộc lao động xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của Nhân dân Sông Bé, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 15/5/1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở Hội nghị triển khai kế hoạch bố phòng và xây dựng xã, ấp chiến đấu bảo vệ biên giới, do đồng chí Đỗ Văn Nuông (Tư Nguyễn) chủ trì Hội nghị. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận Hội nghị và xác định phải tập trung lực lượng xây dựng tuyến xã, ấp chiến đấu trước, sau đó xây dựng các điểm tựa và củng cố bổ sung tuyến vòng ngoài. Mỗi huyện, thị có trách nhiệm xây dựng một xã chiến đấu.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy, các ban ngành, đoàn thể của tỉnh và các cấp ủy, chính quyền các huyện, thị đã tập trung huy động lực lượng, kinh phí, dụng cụ, phương tiện, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm... tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng dân công hăng hái thi đua hoàn thành nhiệm vụ. Sau một thời gian ngắn, tỉnh đã huy động và đáp ứng yêu cầu cho việc phục vụ 10.000 dân công trong tỉnh.

Ngày 17/4/1978, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 04-CT/TU về tăng cường lãnh đạo các cấp ủy đảng đối với công tác quân sự địa phương. Chỉ thị xác định: "Phải tăng cường công tác quân sự địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ biên giới, tăng cường công tác an ninh chính trị, trật tự xã hội, đập tan mọi mưu đồ ngóc đầu dậy và hành

động phá hoại, bạo loạn của bọn phản động giai cấp ở nội địa, đập tan mọi âm mưu cấu kết của bọn phản động bên trong với bọn phản động bên ngoài, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân, xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang địa phương, nhất là xây dựng dân quân, du kích, dân quân tự vệ ngày càng mạnh mẽ, vững chắc và rộng khắp; đưa công tác quân sự địa phương phát triển lên một bước mới, vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa chuẩn bị điều kiện để đẩy mạnh việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang trong những năm tiếp theo...”.

Quán triệt chỉ thị của Tỉnh ủy, các cấp ủy quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Tính đến cuối tháng 9/1978, tỉnh có 2 trung đoàn và một số đơn vị trực thuộc, các huyện có từ 1 đến 3 đại đội, hơn 14 ngàn dân quân tự vệ, riêng các xã biên giới đã đẩy mạnh phát triển lực lượng dân quân tự vệ tăng cường cho tuyến phòng thủ biên giới, bước đầu hình thành thế trận chiến tranh nhân dân.

Trên tuyến biên giới của tỉnh, địch ra sức tập trung tập kích đánh vào các chốt của ta, quấy rối phá hoại địa bàn các xã biên giới. Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy và trước tình hình thực tế, lực lượng vũ trang của ta đã chủ động tổ chức truy quét dọc theo biên giới, trên những cao điểm 95, 102, 155, đồn biên phòng Hoa Lư. Tại cao điểm 102, cao điểm 95, đồi Củ Lạc, các đơn vị Trung đoàn 205, Tiểu đoàn Phú Lợi, Đại đội 31 Lộc Ninh, Đại đội 61 Bến Cát, cùng bộ đội biên phòng thay nhau chốt giữ... Tại cao điểm 102 do Tiểu đoàn Phú Lợi chốt giữ, chỉ trong 10 ngày, Tiểu đoàn này đã tiêu diệt trên 120 tên địch.

Thực hiện chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Phước Long chỉ đạo các xã Tân Hòa, Thiệu Hưng, Hưng Phước tổ chức sơ tán người già yếu, trẻ em, phụ nữ có con nhỏ, người tàn tật. Đặc biệt, Nhân dân thị trấn Bù Đốp, Bù Tam, Tân Lập, Tân Hưng được sơ tán khẩn cấp. Đồng thời yêu cầu an ninh xã tăng cường tuần tra canh gác, chú ý quản lý, kiểm soát người lạ mặt; cán bộ, đảng viên tích cực giải quyết giúp đỡ quần chúng đi sơ tán, làm hầm trú ẩn. Ban Thường vụ Huyện ủy Phước Long đề ra các biện pháp lớn như: Liên hệ với Sư đoàn 3, bộ đội địa phương tỉnh cùng với bộ đội huyện, công an biên phòng thống nhất quyết tâm bảo vệ biên giới; ngăn chặn việc di chuyển tài sản, nhà cửa; kêu gọi những người bỏ chạy trở về thu hoạch vụ mùa; xây dựng căn cứ dự bị, đào hầm... nếu tình hình có động thì rút ngay vào căn cứ...

Tỉnh ủy đã chỉ thị một số yêu cầu nhiệm vụ cụ thể đến các cấp, các ngành trong tỉnh để cùng với Nhân dân tổ chức bố phòng và xây dựng các xã chiến đấu¹. Quán triệt tư tưởng tiến công và chủ động tiến công địch, lực lượng vũ trang ba thứ quân của tỉnh trên tuyến biên giới đã kết hợp các hình thức tác chiến với quy mô thích hợp.

Kết quả trong 5 tháng đầu năm 1978, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 611 tên, thu 101 súng. Bên ta hy sinh 114 đồng chí, bị thương 301 đồng chí, phần lớn thương vong do mìn, lựu đạn... của địch gài.

Sáu tháng cuối năm 1978, thực hiện nghị quyết của Trung ương, Quân khu, Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang ta tiếp tục tiến công tiêu diệt địch, mở rộng tuyến phòng thủ biên giới, tham gia chiến dịch phản công và tiến công địch.

Từ ngày 12 đến ngày 14/6/1978, trên hướng vu hồi, ta đã thọc sâu đánh chiếm cầu số 1 Sông Chiêu, đánh chiếm khu vực Dốc Lu, cắt ngang lộ 7... Bộ đội ta đã chiếm giữ trận địa. Sau đó, lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với lực lượng của quân khu đã mở nhiều đợt tiến công vào cụm, chốt địch ở hướng bắc, đông bắc Hoa Lư; tây bắc Bù Đốp. Các đơn vị lần lượt đánh chiếm các chốt tam giác, cây số 0, cao điểm 95,75, 107, 102...

Đến ngày 17/7/1978, các lực lượng vũ trang của tỉnh trên hướng chủ yếu (Lộc Ninh) đã đánh chiếm các mục tiêu và truy quét địch, làm chủ các cao điểm 102, 107, đông lộ 13 A, cùng các lực lượng Sư đoàn 5 của Quân khu mở thông lộ 13A từ cây số 0 đến ngã ba Snoul.

Ở Bù Đốp, Trung đoàn 4 và Tiểu đoàn bộ binh Đồng Nai phối hợp với bộ đội biên phòng, lực lượng vũ trang địa phương cùng dân quân du kích xã đã kịp thời phát hiện địch và chặn đánh ở bắc Hoàng Diệu, ngã ba đường 10, bắc thôn Xa Trạch, ngã ba Công Chánh... làm thất bại ý đồ thọc sâu vào nội địa ta.

Lúc này, công tác Đảng, công tác chính trị đã quán triệt tốt nhiệm vụ, nắm bắt thời cơ, quán triệt phương châm, phương thức, tư tưởng chỉ đạo tác chiến,

1. Mỗi huyện, thị trong tỉnh xây dựng một xã chiến đấu:

- Huyện Bình Long xây dựng điểm Tà Thiết.
- Huyện Đồng Phú xây dựng điểm làng 1, 4, 10.
- Huyện Phước Long xây dựng điểm xã Đăk Ô.
- Huyện Lộc Ninh xây dựng điểm làng 5, 2.
- Huyện Thuận An xây dựng điểm xã Lộc Hiệp.
- Huyện Bến Cát xây dựng điểm xã Tân Tiến.
- Huyện Tân Uyên xây dựng điểm xã Thanh Hòa.
- Thị xã Thủ Dầu Một xây dựng điểm xã Thiện Hưng, Hưng Phước.

xây dựng quyết tâm liên tục tiến công địch, thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Quân khu, của Tỉnh ủy: Phải làm cho mỗi cán bộ, chiến sĩ thấy rõ tình hình nội bộ kẻ thù đang rối ren, suy yếu, là thời cơ thuận lợi thực hiện nhiệm vụ đánh bại kẻ thù, bảo vệ Tổ quốc ta và tạo điều kiện cho cách mạng Campuchia giành thắng lợi. Kết hợp tiến công quân sự với công tác binh vận, kết hợp vừa tác chiến vừa xây dựng để càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng. Trong từng cấp ủy, chỉ huy đến mọi cán bộ, chiến sĩ, khí thế quyết tâm rất cao, nhất là ở các đơn vị chiến đấu trên tuyến biên giới thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay.

Được tin có phong trào nổi dậy ở Campuchia, từ đầu tháng 5/1978, Quân khu đã chỉ đạo các đơn vị trinh sát của ta và bạn bí mật luôn sâu các khu vực: Đầm Be, Rum Chêk, Bắc Phum Lô, Phum Nâu, Cay Mê... để tìm liên lạc với lực lượng nổi dậy, kết quả ta đã bắt được liên lạc với vùng 21. Giữa tháng 7/1978, tại Quân khu 7, cuộc họp giữa ta và lực lượng nổi dậy Campuchia được Việt Nam giúp đỡ được diễn ra do đồng chí Lê Đức Anh chủ trì. Theo đó, Quân khu đã tổ chức Đoàn 778 để xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang cho bạn thay Đoàn 477.

Đầu tháng 10/1978, ta bắt liên lạc với lực lượng nổi dậy vùng 20 tại Krabao, Kông Chai Xun, cùng thời gian ta tổ chức cho hàng ngàn dân Campuchia lánh nạn sang đất ta. Lúc đầu ta gặp nhiều khó khăn về chỗ ăn, chỗ ở cho bạn và tuyên truyền giải thích cho bạn để tạo cơ sở xây dựng lực lượng ban đầu. Ta đã vạch trần tội ác của bọn Pôn Pốt - Iêng Xari và giác ngộ cho dân nắm được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Từ giữa tháng 11/1978, các lực lượng vũ trang của tỉnh đã tham gia chiến dịch tiến công của Quân khu, đánh địch mở rộng địa bàn, đứng chân sang đất Campuchia trên đường 14 K từ ngã ba Con Ton tới ngã ba Sum, quét sạch địch từ biên giới lên phía bắc, sâu 18km, dài gần 60km và chốt giữ.

Đến cuối tháng 11/1978, ta và bạn đã chọn lọc số dân lánh nạn sang ta được 9.368 người, tổ chức thành 15 tiểu đoàn, 75 đội công tác và đội văn công...

Có thể nói trong giai đoạn này, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Sông Bé, trực tiếp là các huyện giáp biên giới Campuchia đã góp phần rất quan trọng vào việc đưa đón và bảo vệ các lãnh tụ đương thời của Campuchia như Hun Xen, Heng Samrin và góp sức thành lập Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia.

Sự kiện Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia ra đời tại vùng giải phóng Snoul ngày 02/12/1978 do Chủ tịch Heng Samrin đứng đầu là bước ngoặt lịch sử của nhân dân Campuchia. Mặt trận đã tuyên bố: Đoàn

kết toàn dân, nổi dậy đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt - Iêng Xari, bẻ gãy độc tài quân phiệt trong nước làm tay sai cho bọn phản động nước ngoài, xóa bỏ chế độ tàn ác, đẫm máu của chúng, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân. Phát huy truyền thống Ăng Co, làm cho nước Campuchia thực sự là nước hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung cho hòa bình, ổn định khu vực ở Đông Nam Á.

Cũng thời điểm này, đáp lại lời kêu gọi tha thiết của Ủy ban Trung ương Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, để trừ họa diệt chủng đối với nhân dân Campuchia, đồng thời tiêu diệt tận gốc họa xâm lược biên giới Tây Nam Tổ quốc, nối tiếp truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời giữa hai dân tộc láng giềng, quân tình nguyện Việt Nam, trong đó có sự tham gia của lực lượng vũ trang tỉnh Sông Bé, và lực lượng nhân dân Campuchia thực hiện tổng tiến công mãnh liệt và thần tốc, giải phóng Phnôm Pênh.

Ngày 07/01/1979, Thủ đô Phnôm Pênh của Campuchia được hoàn toàn giải phóng. Ngày 08/01/1979, Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia do ông Heng Samrin làm Chủ tịch, công bố chính sách đối ngoại, đối nội, quyền đại diện chân chính, hợp pháp của nhân dân Campuchia. Ngày 12/01/1979, chính quyền mới ở Campuchia được thành lập. Đây là một bước ngoặt lịch sử đối với nhân dân Campuchia. Đất nước Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, toàn dân Campuchia tích cực xây dựng lại đất nước.

Ở Sông Bé, lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với Quân khu giải phóng tỉnh Kratié, giúp bạn tiếp quản và thực hiện nhiệm vụ truy quét địch, xây dựng vùng giải phóng, giải quyết cứu đau, cứu đói cho nhân dân. Nhân dân Campuchia hết sức vui mừng, tiếp nhận sự giúp đỡ của lực lượng cách mạng chân chính Campuchia và bộ đội Việt Nam.

Sau giải phóng, đất nước Campuchia phải tiến hành một cuộc đấu tranh toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao nhưng thực lực cách mạng của Campuchia nói chung và của tỉnh Kratié nói riêng còn rất non yếu về số lượng và chất lượng. Nhân dân tỉnh Kratié vừa thoát khỏi họa diệt chủng lại đang đứng trước nguy cơ nạn đói, dịch bệnh hoành hành, các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội đều bị chế độ Pôn Pốt phá hủy hoàn toàn. Cuộc chiến tranh do Pôn Pốt gây nên đã tàn phá tỉnh Kratié nặng nề: Hơn một nửa diện tích đất bị bỏ hoang, các cơ sở kinh tế, trường học, bệnh viện bị phá hủy nghiêm trọng. Với chính sách tàn bạo của Pôn Pốt, các nhà máy, xí nghiệp, chùa chiền, trường học đã trở thành nơi hành quyết tập thể những người dân vô tội;

những người dân còn sống sót thì cũng kiệt sức vì đói, vì chế độ cưỡng bức lao động. Tỉnh Kratié có khoảng 130.000 người thì một nửa đã trốn sang các địa phương khác hoặc bị bọn Pôn Pốt lừa đi trước ngày giải phóng.

Tỉnh ủy đã hết sức quan tâm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp tỉnh Kratié xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng. Nhân dân tỉnh Sông Bé tiếp tục giúp tỉnh bạn giải quyết nạn đói, xây dựng thực lực cách mạng từ tỉnh tới cơ sở, từng bước giúp tỉnh bạn tự đảm nhiệm sự nghiệp cách mạng của mình. Đó là nhiệm vụ hoàn toàn mới mẻ và khó khăn, phức tạp, trong khi Đảng bộ, quân và dân của tỉnh cũng có nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước những âm mưu của các thế lực thù địch. Xác định việc giúp bạn là tự giúp mình, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Sông Bé khắc phục khó khăn, nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Đảng và Nhà nước, hết lòng giúp đỡ nhân dân tỉnh Kratié. Lãnh đạo và Nhân dân tỉnh Sông Bé đã giúp tỉnh bạn về lương thực để giải quyết nạn đói, giúp thuốc men để cứu chữa kịp thời những người bị thương, bị suy dinh dưỡng vì đói khát trong thời gian dài, giúp họ làm lại nhà ở, khai hoang phục hóa sản xuất...

Song song với công tác giúp dân, công tác truy quét tàn quân của địch đã được cơ quan chỉ huy tiền phương của tỉnh (đóng tại thị xã Kratié) quan tâm. Chỉ tính những tháng đầu năm 1979, ta đã diệt 2.433 tên, bắt sống 846 tên (trong đó có 3 tên tỉnh ủy viên Pôn Pốt, 2 tên quận trưởng, 1 cán bộ cấp trung đoàn), bắn bị thương 58 tên, gọi hàng 73 tên; thu gần 700 súng các loại, 65 tấn lúa, 100 tấn muối... Đồng thời, ta tổ chức giúp tỉnh bạn đào tạo cán bộ khung huấn luyện xây dựng lực lượng vũ trang.

Quán triệt chủ trương của trên, ta giúp bạn xây dựng chính quyền xã, ấp, các đoàn công tác bám cơ sở, tổ chức cho nhân dân học tập về mục đích, nhiệm vụ của chính quyền cách mạng, tiêu chuẩn người được bầu vào chính quyền xã... Thông qua học tập, quần chúng đã giúp đỡ các đoàn công tác nắm chắc địa bàn, xây dựng chính quyền, xây dựng thực lực cách mạng, bóc gỡ những phần tử xấu do địch cài cắm. Kết quả, những tháng đầu năm 1979, ta đã nắm hầu hết các hộ dân trong tỉnh, bầu chính quyền ở 35/43 xã với 159 ấp.

Chính quyền cơ sở của tỉnh bạn mới thành lập nên lực lượng còn mỏng, trình độ còn yếu trong khi địch ra sức phá hoại bằng các hoạt động quân sự và tuyên truyền kích động tâm lý. Đầu tháng 6/1979, địch mở chiến dịch chống phá chính quyền cách mạng Campuchia, một số xã và nhân dân hoang mang, dao động, thậm chí có nơi thấy địch không dám nổ súng. Từ thực trạng trên, ta đã bố trí các phân đội kết hợp chặt chẽ với các đội công tác ở cơ sở phát động

quần chúng tố cáo thủ đoạn của kẻ địch, thanh lọc, truy bắt những phần tử phản động còn ẩn nấp trong dân, trong du kích.

Chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước ta, tỉnh Sông Bé đã cử một đoàn cán bộ chuyên gia hơn 30 đồng chí, do đồng chí Trần Ngọc Khanh - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là trưởng đoàn chuyên gia của tỉnh sang giúp tỉnh Kratié xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể để khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội. Đoàn chuyên gia của ta đã hỗ trợ 950 tấn gạo, 337 tấn bột mì, cùng nhiều nhu yếu phẩm khác cho nhân dân Kratié; đồng thời giúp bạn hàng trăm tấn thóc giống phục vụ kịp thời cho vụ sản xuất mùa mưa năm 1979. Ngành Y tế giúp bạn sửa chữa bệnh viện tỉnh với 120 giường bệnh cùng nhiều loại thuốc men để điều trị cho binh sĩ và nhân dân. Đến tháng 8/1979, các đơn vị quân tình nguyện tỉnh Sông Bé làm nhiệm vụ giúp tỉnh bạn Kratié bàn giao địa bàn hoạt động, bàn giao các đơn vị, cơ quan cho Quân khu 5 thuộc phía bạn quản lý. Cũng từ đây, quân và dân tỉnh Sông Bé đã hoàn thành nhiệm vụ trên đất bạn theo tinh thần Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia. Tỉnh chỉ để lại những cán bộ, chuyên gia (kể cả chuyên gia quân sự) giúp bạn đến năm 1989.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, quân và dân tỉnh Sông Bé, nhất là các huyện biên giới thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay đã trực tiếp chiến đấu, đứng mũi chịu sào, vượt qua nhiều hy sinh, gian khổ, giành được những thắng lợi rất oanh liệt. Đó là thắng lợi của sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân của Đảng vào hoàn cảnh của địa phương, tạo ra sức mạnh mới với những biện pháp tổ chức thực hiện cụ thể, thiết thực, có hiệu quả trong chiến tranh. Đó cũng là thắng lợi của ý chí và quyết tâm của Đảng bộ và toàn thể quân dân trong tỉnh, thắng lợi của tình đoàn kết, gắn bó giữa các huyện vùng biên giới với các huyện, thị tuyến sau và các địa phương nước bạn.

II. CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TÍCH CỰC XÂY DỰNG KINH TẾ - XÃ HỘI, GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ THAM GIA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUỐC TẾ (1980-1983)

Sau thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy ở Campuchia, một bộ phận quan trọng lực lượng Pôn Pốt bị tiêu diệt. Song lực lượng Pôn Pốt tiếp tục tập hợp, củng cố tàn quân, xây dựng lực lượng, lợi dụng địa hình, rừng núi ẩn náu trong nội địa và biên giới, hoạt động đánh phá cách mạng Campuchia, âm mưu trở lại thống trị Campuchia lần nữa.

Tuy đất nước được giải phóng, nhưng thực lực cách mạng Campuchia còn rất non yếu cả về số lượng và chất lượng. Trước âm mưu các thế lực phản động, mặt khác, do tính chất nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ quốc tế thống nhất gắn bó với nhau, đặc biệt là thể theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho bộ đội Việt Nam tiếp tục đứng chân ở Campuchia để giúp bạn truy quét tàn quân địch, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chính quyền và xây dựng thực lực cách mạng cho bạn.

Nhiệm vụ của Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh nói chung và các huyện biên giới thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay lúc này rất nặng nề và phức tạp khi phải đảm nhiệm hoạt động bảo vệ tuyến biên giới dài 240km đối diện với Campuchia. Để hoàn thành được nhiệm vụ, tỉnh phải xây dựng thêm nhiều đầu mối củng cố, điều chỉnh lực lượng tiền tuyến và hậu phương, giữ vững thế trận quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc, cải tạo xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội.

Từ ngày 28/12/1979 đến ngày 01/01/1980, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ II được tổ chức tại Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh, tham gia Đại hội có gần 400 đại biểu thay mặt cho hơn 6.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Sau bốn ngày làm việc khẩn trương, sôi nổi và nghiêm túc, Đại hội đã giành nhiều thời gian thảo luận về tình hình trong tỉnh những năm qua và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu hai năm 1980-1981 của Đảng bộ.

Đánh giá tình hình trong nhiệm kỳ trước, Đại hội khẳng định Đảng bộ và quân dân toàn tỉnh đã đem hết tinh thần và sức lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, giành được những thắng lợi to lớn trên các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xây dựng và kiện toàn từng bước các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản. Đồng thời, Đại hội nghiêm khắc chỉ rõ những yếu kém để có biện pháp khắc phục, đưa sự nghiệp cách mạng ngày càng phát triển.

Với tinh thần tập trung dân chủ, Đại hội vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu trong giai đoạn 1980-1983 của Đảng bộ với triển vọng phát triển khá thuận lợi. Xét trên phạm vi toàn quốc, đất nước ta đã giành nhiều thắng lợi hết sức quan trọng cả về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, hoàn thành kế hoạch 5 năm 1976-1980, tạo được những tiền đề vững chắc để bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 1981-1985. Xét trên địa bàn, tỉnh có tiềm năng lớn về đất đai, tài nguyên, lao động. Toàn tỉnh đã có sự chuyển biến mới, Nhân dân đã phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các cây

công nghiệp dài ngày với khí thế sôi nổi, hăng hái. Căn cứ vào tình hình thực tế đó, Đại hội xác định nhiệm vụ, mục tiêu hàng đầu là đẩy mạnh phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, tích cực làm tốt nghĩa vụ với Trung ương và tích cực thực hiện nghĩa vụ quốc tế với các tỉnh bạn của Campuchia. Cùng với phát triển kinh tế, tỉnh đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao lên một bước mới, đồng thời kết hợp chặt chẽ xây dựng, phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng - an ninh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự trong nội địa, mặt khác kiên quyết đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, úc hiếp quần chúng. Đại hội cũng chỉ rõ để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu trên vấn đề quyết định là phải ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố tăng cường các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, coi trọng công tác chính quyền, công tác quản lý kinh tế và quản lý xã hội, công tác dân vận và các đoàn thể quần chúng nhất là Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Nông hội, đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng bộ về mọi mặt.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II gồm 43 đồng chí, Ban Thường vụ có 13 đồng chí, đồng chí Đỗ Văn Nuông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Nguyễn Văn Luông, Lê Văn Thâm làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã mở đầu cho một chặng đường mới tuy gặp không ít khó khăn phức tạp, nhưng cũng đầy triển vọng với những thành tích đáng tự hào của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh.

Ngày 21/10/1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22-TB/TW, trong đó ghi nhận những ưu điểm của cơ chế khoán và cho phép các địa phương thí điểm hình thức khoán sản phẩm đối với cây lúa. Tháng 12/1980, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) quyết định mở rộng việc thực hiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Chỉ thị của Ban Bí thư đã tạo điều kiện cho người nông dân có quyền chủ động trong sản xuất nông nghiệp, thực sự gắn bó với đồng ruộng; mở ra một giai đoạn mới của quá trình nhận thức và đổi mới về con đường phát triển của nông nghiệp nước ta, là mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang hạch toán tự chủ; tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh có bước phát triển mới.

Một trong những nội dung quan trọng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II xác định là phải tập trung đẩy mạnh hơn nữa sản xuất lương thực, thực phẩm để bảo đảm đời sống của Nhân dân. Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư, phong trào khai hoang phục hóa, thâm canh tăng vụ tiếp tục phát triển. Từ năm 1980 đến năm 1982, mặc dù đã chuyển giao cho các nông trường cao su của Trung ương trên 23.700 lao động và hàng ngàn hécta đất, nhưng đến năm 1982, các huyện thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay vẫn bảo đảm giữ vững diện tích gieo trồng, đạt mức xấp xỉ năm 1979. Việc bố trí và ổn định cơ cấu cây trồng theo hướng đi vào thâm canh, tăng vụ lúa nước có trọng điểm, đồng thời mở rộng vùng sản xuất tập trung các loại cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày có thế mạnh của tỉnh, làm nguyên liệu cho công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu đã thu được kết quả và kinh nghiệm bước đầu. Năng suất lúa có nơi đạt 4 tấn, 5 tấn/ha một vụ. Diện tích trồng đậu phộng được 15.580ha, đạt mức cao nhất từ sau giải phóng; cây mía phục hồi được 3.515ha; cây tiêu, cà phê, điều, đậu nành được chú trọng phát triển ở các huyện phía bắc như Lộc Ninh, Bình Long, Phước Long, Bù Đăng, Đồng Phú. Tỉnh bố trí lại sản xuất ở các nông trường, chú trọng phát triển cây mía ở nông trường Cây Trường, cây sả ở nông trường Nha Bích, cây lương thực phục vụ chăn nuôi ở nông trường Phước Sang; khai hoang được 3.879ha. Trong đó, hoàn chỉnh 736ha đồng ruộng, năng lực tưới tiêu tăng thêm 2.000ha do mở thêm được một số công trình thủy lợi ở các địa phương. Bước vào sản xuất vụ đông - xuân 1982-1983, tỉnh đã xây dựng được phương án kinh tế, kỹ thuật thâm canh vùng lúa năng suất cao cho diện tích 3.660ha. Tuy còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại việc giải quyết giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu và thủy lợi chưa kịp thời và đồng bộ, nhưng qua triển khai thực hiện tỉnh đã thu được một số kinh nghiệm, thiết thực nâng cao trình độ chỉ đạo thâm canh các vụ sản xuất tiếp theo.

Đến cuối nhiệm kỳ, số lượng đàn trâu, bò, heo, gia cầm tuy chưa đạt chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II nhưng nhìn chung vẫn tăng, đàn trâu tăng 47%, bò tăng 35%, heo tăng 21,3%, gia cầm tăng 16%. Diện tích hồ nuôi cá tăng từ 120ha năm 1979 lên 300ha, vùng chuyên canh cây cao su của Trung ương đã phục hồi và phát triển được 37.000ha, riêng trồng mới được 12.000ha trong thực hiện chương trình hợp tác với Liên Xô và Bungari tiến hành liên doanh với các tỉnh Nam Bộ nhằm phát triển nhanh vùng cao su theo phương châm Trung ương và địa phương cùng làm. Về hợp tác xã nông nghiệp đến năm 1982 có 116 hợp tác xã, 268 tập đoàn sản xuất, chiếm 24,4% số hộ nông nghiệp và 22,8% diện tích đất canh tác nông nghiệp.

Hai huyện Phước Long, Lộc Ninh và 32 xã ở các huyện khác trong tỉnh đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất khác ở Phước Long, Lộc Ninh, Bình Long vẫn giữ được ổn định và có mức phát triển. Sau khi tổ chức thí điểm việc khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, tỉnh đã sơ kết và nhân rộng đến 95% hợp tác xã và 64% tập đoàn sản xuất áp dụng hình thức khoán này. Qua phân phối thu nhập vụ mùa 1982 đã có nhiều hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đạt chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, năng suất và sản lượng, nhiều hộ xã viên đã phấn đấu vượt mức khoán. Một số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất yếu kém, nhờ thực hiện khoán sản phẩm đã ổn định lại và từng bước đi lên. Những nơi cơ bản hoàn thành hợp tác xã hóa nông nghiệp và áp dụng hình thức khoán mới, năng suất tăng lên, thu nhập của quần chúng có khá hơn, việc quản lý thị trường có tiến bộ, hoạt động văn hóa xã hội có điều kiện phát triển, từng bước đẩy lùi được hiện tượng tiêu cực. Đến cuối năm 1982, tỉnh xây dựng được 530 tổ gồm 6.140 hộ với 3.729ha, đây là một hình thức tổ chức thích hợp trong từng bước thực hiện sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch và hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, thuận lợi cho việc thâm canh và chuyên canh cây trồng, tạo điều kiện để phát triển rộng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp.

Song song với việc đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ tỉnh tiếp tục chỉ đạo phát triển lâm nghiệp, trồng được 641ha rừng tập trung và hàng triệu cây phân tán trong Nhân dân, bước đầu giao đất, giao rừng cho một số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số chăm sóc. Về khai thác, tỉnh đã tập trung lực lượng của tỉnh và của các huyện, cộng với lực lượng của Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khai thác gỗ, củi hưởng tỉ lệ trên khu vực khai thác ở địa bàn Công ty cao su Phú Riềng và nhiều nơi khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay. Sản lượng gỗ, song mây khai thác được rất lớn sau khi hoán đổi hoặc bán đi đã tạo được một khoản kinh phí để đầu tư cho các huyện phía nam Sông Bé thuộc địa bàn tỉnh Bình Dương ngày nay. Tuy nhiên, do quản lý khai thác không chặt chẽ, tình trạng phá rừng làm rẫy, làm củi, đốt than bừa bãi của quần chúng nên rừng và tài nguyên rừng bị thiệt hại lớn.

Giá trị sản lượng cây công nghiệp trong năm 1982 đạt 57,7 triệu đồng, bằng 98% kế hoạch, trong đó quốc doanh ước đạt 17,7 triệu. Các công ty cao su trên địa bàn các huyện phía bắc thuộc Bình Phước ngày nay có nhiều đóng góp tích cực vào giá trị sản lượng cây công nghiệp của tỉnh.

Trong tình hình nguồn điện và vật tư, nhiên liệu nhà nước không đủ bảo đảm, thực hiện các Quyết định số 25/CP ngày 21/01/1981 của Hội đồng Chính phủ, nhiều ngành và cơ sở công nghiệp quốc doanh đã chủ động xem xét lại

khả năng thực tế, xác định cụ thể nhiệm vụ sản xuất của từng đơn vị cơ sở, bố trí lại lao động, khai thác nguồn vật tư nguyên liệu sẵn có trong tỉnh, trao đổi với các tỉnh bạn, tăng cường nhập khẩu vật tư, thiết bị cần thiết, áp dụng rộng rãi hình thức khoán và trả lương theo sản phẩm, tổ chức bữa ăn giữa ca, thiết thực nâng cao thu nhập thực tế cho công nhân, viên chức nên đã động viên được tinh thần thi đua yêu nước và thực hành tiết kiệm, vươn lên hoàn thành kế hoạch được giao. Tuy phát triển sản xuất còn chậm so với tiềm năng, nhưng một số sản phẩm chủ yếu như nông cụ cầm tay, khai thác gỗ, củi, nguyên liệu giấy... ở các huyện phía bắc đều đạt hoặc vượt mức kế hoạch.

Ngành tiểu thủ công nghiệp ở các huyện Phước Long, Bình Long, Đồng Phú, Lộc Ninh bước đầu được củng cố và có chuyển biến tích cực, phần lớn các cơ sở sản xuất còn nhỏ lẻ nhưng đã mở rộng sản xuất, tận dụng nguồn nguyên liệu và lao động có tay nghề tại địa phương.

Cùng với sự phát triển công - nông nghiệp, trong hơn 3 năm (1980-1983), hệ thống giao thông vận tải, thủy lợi, điện lực, bưu điện của địa phương đều có những bước tiến nhanh chóng, vững chắc với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Hệ thống giao thông vận tải đã tập trung sửa chữa vừa và lớn được trên 300km đường, 4.000m cầu. Trong năm 1982, cùng với các cơ quan của Trung ương và tỉnh bạn, quốc lộ 13, quốc lộ 14 đã được tu sửa. Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bảo đảm được yêu cầu kế hoạch đề ra.

Trong xây dựng cơ bản, Đảng bộ tỉnh đã đề ra những chủ trương phù hợp với tình hình thực tế, chỉ xây dựng kiên cố một số ít công trình cần thiết. Nhờ đó, tỉnh đã nhanh chóng tăng cường được những cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết, xây dựng, tu bổ lại trường học, nhà trẻ, nhà mẫu giáo, các công trình văn hóa, bệnh viện, trạm xá và các công trình phúc lợi công cộng khác khắp các huyện, thị, phường, xã. Việc quản lý sử dụng tiền vốn, vật tư và công nhân xây dựng có nhiều tiến bộ, bảo đảm tập trung cho các công trình trọng điểm, đẩy nhanh được tiến độ thi công đưa từng công trình vào sử dụng.

Một trong những vấn đề là điểm nóng của cả nước cũng như của tỉnh Sông Bé ở thời điểm cuối thập niên 70 của thế kỷ XX là phân phối lưu thông. Trong cả nước, tuy sản xuất có phát triển nhưng tốc độ còn thấp, nhiều mặt hàng mất cân đối nghiêm trọng, lưu thông bế tắc, diễn ra tình trạng “ngăn sông cấm chợ”, Nhà nước không nắm được nguồn hàng. Ngân sách và tiền mặt bị bội chi, đời sống nhân dân lao động và công nhân viên, lực lượng vũ trang ở các huyện phía bắc tỉnh (thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay) gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù vậy, Đảng bộ tỉnh từng bước kiện toàn các công ty thương nghiệp cấp tỉnh, huyện xây dựng được hàng trăm cửa hàng, điểm bán hàng, trạm thu mua quốc doanh và nhiều hợp tác xã mua bán. Các huyện đã tổ chức thực hiện đề án phân cấp quản lý, thu mua và quản lý thị trường, thực hiện đăng ký kinh doanh hành nghề, sắp xếp lại nguồn hàng để quản lý giá ở các chợ. Tuy còn có những thiếu sót, khuyết điểm về thu thuế, thu nợ, về cải tạo và quản lý thị trường, việc chuẩn bị tiền hàng, kho tàng, bao bì và phương tiện vận chuyển từng lúc chưa tương ứng với yêu cầu kế hoạch nhưng các lực lượng thương nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã trên địa bàn Phước Long, Bình Long, Đồng Phú... cũng có những cố gắng đáng kể, doanh số mua vào, doanh số bán ra đều tăng, chiếm khoảng 30% tổng mức hàng hóa bán lẻ trên thị trường.

Cuối năm 1982, tỉnh đã quyết định cải tiến chế độ cung cấp hiện vật bằng chế độ cung cấp tiền bù giá, tổ chức cửa hàng bán đúng giá quy định. Dù còn nhiều khó khăn nhưng bằng cách cải tiến thu mua, phân phối, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa từng bước vươn lên chiếm lĩnh và chi phối thị trường đối với các mặt hàng thiết yếu của đời sống như gạo, thịt heo, đường, bột ngọt, xà bông. Tư thương giảm sự đối lập với doanh nghiệp quốc doanh. Kết quả xuất khẩu cao hơn năm trước, nhờ đó tỉnh đã chủ động nhập được một số vật tư, nhiên liệu cần thiết cho sản xuất và xây dựng. Thu ngân sách tăng lên rõ rệt, tình hình cân đối ngân sách tiến bộ hơn.

Cùng với sự nỗ lực xây dựng, cải tạo, phát triển kinh tế và bước đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trong hơn 3 năm (1980-1983), Đảng bộ tỉnh luôn tăng cường lãnh đạo các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao.

Trong lĩnh vực văn hóa, điểm nổi bật là sự tiến bộ rõ nét của lực lượng sáng tác lẫn chất lượng tác phẩm văn học - nghệ thuật. Các đợt, hội diễn văn nghệ được tổ chức thường xuyên với nhiều đề tài, ca ngợi cuộc sống lao động sản xuất, chiến đấu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo được ảnh hưởng tốt đẹp trong quần chúng nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Hoạt động thư viện, xuất bản, phát hành sách báo, câu lạc bộ, triển lãm, nhiếp ảnh, điêu khắc, hội họa, bảo tồn, bảo tàng có những đóng góp đáng kể vào việc xây dựng nền văn hóa mới, đẩy lùi văn hóa phản động, đồi trụy, lạc hậu.

Các cơ quan truyền thông đại chúng gồm báo chí, phát thanh, truyền thanh, thông tin, cổ động không ngừng mở rộng mạng lưới đến cơ sở, tích cực tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật

của Nhà nước đến mọi tầng lớp nhân dân, nêu gương người tốt việc tốt, giáo dục lòng yêu nước, bồi dưỡng kiến thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật, đấu tranh vạch trần âm mưu, thủ đoạn phá hoại và chiến tranh tâm lý của địch, thúc đẩy phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự nghiệp giáo dục ngày càng được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy và chính quyền. Hệ thống giáo dục phát triển nhanh và rộng khắp. Tính đến năm 1983, 65% số con em đến tuổi được đi học. Các huyện phía bắc của tỉnh đều đào tạo các bậc học, các loại hình khác nhau. Phong trào bổ túc văn hóa được duy trì có kết quả tốt ở một số nơi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh có sự gia tăng.

Năm 1983, các xã trong toàn tỉnh đều có trạm y tế, nhà hộ sinh. Mỗi huyện đều có bệnh viện, đội vệ sinh phòng dịch, các hiệu thuốc quốc doanh, phòng chẩn đoán y học dân tộc. Trong điều kiện còn khó khăn nhưng Đảng bộ và chính quyền tỉnh vẫn chủ trương bổ sung và mở rộng bệnh viện đa khoa, bệnh viện y học dân tộc, trạm chống lao, đồng thời đầu tư xây dựng công ty, xí nghiệp dược phẩm, trường Trung cấp y tế. Mạng lưới Hội chữ thập đỏ hình thành từ tỉnh đến huyện, xã và hoạt động có hiệu quả. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đã được thực hiện trong toàn tỉnh, công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em đạt được những kết quả tốt. Tỷ lệ phát triển dân số ở các huyện phía bắc tỉnh giảm đáng kể.

Nhằm tăng cường sức khỏe cho Nhân dân, tỉnh đã đẩy mạnh các phong trào thể dục - thể thao. Ở huyện Bình Long, Phước Long, các trung tâm thị xã, thị trấn đã có cán bộ chuyên trách thể dục - thể thao, các phong trào thể dục rèn luyện thân thể, bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, bơi lội phát triển rộng khắp và sôi nổi. Một số cơ quan huyện, thị, đơn vị, xí nghiệp, trường học đã xây dựng được các đội thể thao về các môn bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, điền kinh, thể dục - thể thao quốc phòng, trong đó có một số đội tham gia thi đấu ở khu vực và toàn quốc đạt kết quả tốt.

Đảng bộ tỉnh hết sức quan tâm đến công tác giáo dục truyền thống, thực hiện các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng bộ tỉnh phối hợp cùng cấp ủy các địa phương tiến hành viết lịch sử truyền thống, lịch sử Đảng bộ. Ngành văn hóa - thông tin tiến hành sưu tầm hiện vật, bảo tồn, bảo tàng, lập hồ sơ di tích khảo cổ, phục hồi một số loại hình nghệ thuật dân gian, phục vụ thiết thực nhiệm vụ giáo dục truyền thống.

Những hoạt động văn hóa - xã hội trên đã từng bước tạo nên nếp sống văn hóa mới trên địa bàn các huyện phía bắc tỉnh Sông Bé (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay), tạo ra những chuyển biến tích cực của Nhân dân về tư tưởng, tình cảm, xây dựng tinh thần đoàn kết, quyết tâm đóng góp năng lực, trí tuệ của mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Quán triệt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, Đảng bộ tỉnh thường xuyên phát động quần chúng nhân dân tăng cường đề cao cảnh giác, tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Việc đăng ký và gọi thanh niên nhập ngũ hằng năm có tiến bộ, năng lực chiến đấu và công tác được nâng lên. Đảng bộ tỉnh chủ trương củng cố và phát triển rộng rãi lực lượng dân quân, công an vũ trang, các tổ an ninh nhân dân, lực lượng tự vệ, cán bộ bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách ở cơ sở trong đó, các khu vực xung yếu như vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo được chọn làm trọng điểm xây dựng phong trào. Trong nội bộ các cơ quan, đơn vị đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn các vụ tham ô, móc ngoặc, lấy cắp tài sản nhà nước, từng bước làm trong sạch nội bộ, công tác quản lý thị trường chống hàng gian, hàng lậu đạt kết quả.

Ở nội địa, ta đã phát động quần chúng phá rã về cơ bản tổ chức FULRO trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, phá 46 tổ chức phản động chính trị, bắt 547 tên phản động và truy tố nhiều tên cầm đầu nguy hiểm. Ta đã ngăn chặn và trừng trị nhiều vụ trốn ra nước ngoài, hoạt động xâm nhập vũ trang, tình báo của địch. Đồng thời, ta bắt giam hàng ngàn tên tội phạm hình sự, trong đó có nhiều băng nhóm cướp của, giết người, bọn lưu manh, côn đồ, xâm phạm tài sản công. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân ở cơ sở có tiến bộ, bước đầu đã xuất hiện một số điển hình và kinh nghiệm tốt. Thông qua cuộc vận động xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh và cuộc vận động phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp của quân đội nhân dân, lực lượng quân sự và công an được củng cố thêm một bước.

Sau khi góp phần đánh bại bọn diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xari, tỉnh tiếp tục giúp tỉnh Kratié xây dựng thực lực cách mạng, truy quét bọn phản động, từng bước khôi phục và phát triển văn hóa xã hội ở vùng biên giới. Tỉnh đã củng cố được phòng tuyến an ninh, phát hiện và truy bắt được nhiều toán biệt kích xâm nhập. Để khắc phục hậu quả chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, công tác quốc phòng - an ninh trên tuyến biên giới có ý nghĩa hết sức quan trọng trên địa bàn tỉnh, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế, giúp

nhân dân Campuchia bảo vệ thành quả cách mạng. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ, tỉnh Sông Bé kết nghĩa với tỉnh Kratié, tập trung tiến hành ba nhiệm vụ chiến lược mà Bộ Chính trị đề ra là: Truy quét địch, làm cho địch không gượng dậy được mà ngày càng tàn lụi; giúp bạn xây dựng thực lực cách mạng lớn mạnh về mọi mặt, đủ sức đảm đương nhiệm vụ tự bảo vệ và xây dựng đất nước Campuchia; tăng cường liên minh chiến lược giữa hai nước Việt Nam và Campuchia. Lực lượng vũ trang tỉnh đã tổ chức tiến hành truy quét, bắt và tiêu diệt hàng trăm tên phản động và cướp vũ trang, thu nhiều súng các loại... góp phần làm cho tình hình biên giới ổn định. Đảng bộ tỉnh luôn đề cao cảnh giác, nỗ lực xây dựng tỉnh thành pháo đài quân sự vững mạnh nhằm đánh bại mọi hành động phá hoại của địch, tăng cường đoàn kết với nhân dân Campuchia và làm tròn nghĩa vụ quốc tế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, lực lượng vũ trang tỉnh chưa làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, nhiều vấn đề còn lúng túng, còn xảy ra tham ô. Đoàn kết nội bộ, đoàn kết các ngành ở địa phương có nơi có lúc chưa tốt, chất lượng công tác chính trị địa phương, nhất là công tác giáo dục chính trị, xây dựng lực lượng nòng cốt tin cậy, công tác động viên tuyển quân chưa hiệu quả. Mặc dù có mặt còn yếu kém song các lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt chức năng nòng cốt trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trước tình hình mới.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, Nhân dân làm chủ tập thể có tiến bộ. Qua học tập và thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị và Trung ương Đảng, các cấp ủy ở Bình Long, Phước Long, Đồng Phú, Lộc Ninh đều tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm để nâng cao công tác lãnh đạo của mình. Qua mỗi kỳ Đại hội Đảng, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và Đại hội các đoàn thể, các cấp ủy, chính quyền đã từng bước nâng chất lượng và kiện toàn tổ chức. Tỉnh ủy điều động thêm cho các huyện và cơ sở hàng trăm cán bộ, đảng viên, nhờ đó, nhiều Đảng bộ đã tập trung đi sâu củng cố cơ sở, nhất là những nơi yếu kém. Đặc biệt thông qua các cuộc học tập chính trị và các đợt phát động quần chúng tham gia kiểm tra tư cách đảng viên đã khai trừ 688 đảng viên. Trong cả nhiệm kỳ, Đảng bộ tỉnh kết nạp được 1.703 đảng viên mới, trong đó có 80% đảng viên được kết nạp là đoàn viên thanh niên. Trong công tác cán bộ, các cấp ủy đã chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật. Qua thực tiễn công tác, nhiều cán bộ, đảng viên đã trưởng thành, góp phần tăng cường một bước năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, chấp hành nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương, tỉnh đã chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị và tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp (đợt 2) trong toàn tỉnh.

Trong đợt sinh hoạt chính trị lần này, đảng viên cốt cán và quần chúng ở Bình Long, Phước Long, Đồng Phú, Lộc Ninh tham dự đông đủ, học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng có gắn với việc thảo luận các vấn đề cấp bách ở địa phương. Trong kiểm điểm và phân loại đảng viên, hầu hết các chi bộ và cấp ủy Đảng đều nêu lên được những ưu khuyết điểm chủ yếu của mình, thực hiện phê bình và tự phê bình. Đội ngũ đảng viên tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa đạt yêu cầu, tổ chức cơ sở đảng yếu, kém còn nhiều, đội ngũ cán bộ chậm trưởng thành. Công tác giáo dục nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng còn hạn chế, một số cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất. Chính quyền các cấp chưa vững chắc đồng bộ, nhất là chính quyền cơ sở, tề quan liêu, cửa quyền, mệnh lệnh, thiếu trách nhiệm còn khá phổ biến.

Đại hội cơ sở và cấp huyện, thị tuy thời gian họp ngắn nhưng do các vấn đề kiện dự thảo được đưa ra quần chúng và đảng viên thảo luận nhiều lần và được thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp góp ý kiến cụ thể nên khi vào Đại hội chính thức, các đại biểu chỉ tập trung thảo luận các vấn đề còn vướng mắc, bảo đảm sự nhất trí cao về nhiệm vụ, mục tiêu và các biện pháp đề ra. Riêng Đại hội cấp huyện, thị còn được tiếp thu Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 10/12/1982 (Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng), nghị quyết của Tỉnh ủy. Tính kế thừa và sức chiến đấu của mỗi cấp Đảng bộ được nâng lên do có nhiều cán bộ, đảng viên trẻ, đảng viên nữ được đào tạo từ các trường sơ, trung, cao cấp chính trị hoặc các trường trung cấp chuyên nghiệp, đại học đã qua thực tiễn công tác tại địa phương tham gia cấp ủy mới.

Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể quần chúng có những chuyển biến mới về nội dung và phương thức hoạt động, tập trung thực hiện nhiều công tác trọng tâm của Đảng bộ, nổi bật nhất là phát động được phong trào quần chúng thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia sinh hoạt chính trị, góp ý kiến xây dựng nghị quyết của Đảng bộ các cấp, thiết thực góp phần kiện toàn tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể từ cơ sở lên. Các phong trào như: Phong trào thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm của công nhân viên chức, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở nông thôn, phong trào “3 xung kích làm chủ tập thể” của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

phong trào người “phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” của Hội Phụ nữ và các hoạt động của Phân hội Hữu nghị Việt - Xô, Hội Chữ thập đỏ... đã thu được những kết quả cụ thể, thiết thực, góp phần giành được những thắng lợi đã nêu trên.

Nhìn chung trong 3 năm 1980-1983, tuy tình hình còn nhiều phức tạp, nhưng Đảng bộ và quân dân trong tỉnh đã bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định, đồng thời từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Đời sống nhân dân tuy còn nhiều khó khăn, song nhờ sản xuất phát triển, giá trị tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân mỗi năm đều tăng, đời sống của Nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng kinh tế mới và đồng bào các dân tộc thiểu số khá hơn trước.

Đạt được những thắng lợi trên là nhờ Đảng bộ các cấp bước đầu vận dụng có hiệu quả một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đã cải tiến một bước phương thức quản lý kinh tế, tăng cường công tác an ninh và quốc phòng, tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 1) và sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Đảng bộ các cấp đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị, kiểm thảo đảng viên và Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp xã, tư tưởng bảo thủ, trì trệ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, các tiêu cực trong nội bộ và ngoài quần chúng dần được khắc phục, ý thức tự lực, tự cường, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm được đề cao. Trình độ tổ chức, lãnh đạo và quản lý của các cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể có tiến bộ. Cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở nhiều đơn vị cơ sở đã phát huy được tinh thần bền bỉ, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Phương châm “Nhà nước, địa phương và Nhân dân cùng làm” bước đầu phát huy được sức mạnh tổng hợp và ý thức làm chủ tập thể của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Thực hiện chính sách đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tập hợp được các tầng lớp nhân dân, đoàn kết tôn giáo, tạo được sự nhất trí về chính trị và tinh thần, động viên trí tuệ và sức lực toàn dân trong tỉnh phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, đại đa số đồng bào, nhất là các tín đồ tôn giáo, ngày càng hiểu thêm về những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thay đổi nhận thức không đúng về cách mạng do kẻ thù xuyên tạc trước đây, kịp thời ngăn chặn và làm thất bại ý đồ của các thế lực thù địch gây chia rẽ trong Nhân dân nhằm chống phá sự nghiệp cách mạng.

Trải qua 3 năm 1980-1983, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Sông Bé, cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân Phước Long, Bình Long, Đồng Phú, Lộc Ninh (thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay) cùng Nhân dân trong tỉnh đã tích cực xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể và làm nghĩa vụ quốc tế. Các cấp ủy Đảng đã khẳng định sự trưởng thành vững chắc, phát huy tốt truyền thống đoàn kết, tự lực, tự cường của Đảng bộ và Nhân dân. Tuy vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức với những yếu kém, hạn chế nhưng Đảng bộ tỉnh với tinh thần đoàn kết nhất trí cao, luôn quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta.

III. ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT, PHÁT HUY TIỀM NĂNG KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG, TỪNG BƯỚC NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VĂN HÓA CỦA NHÂN DÂN, TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI (1983-1986)

Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đề ra nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội giai đoạn 1981-1985, đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong giai đoạn cách mạng mới là: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã phân tích những khó khăn của tình hình đất nước, phê phán tư tưởng nóng vội, bảo thủ và điều chỉnh một bước đáng kể về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, xác định chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong 5 năm 1981-1985 là: “Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý”¹. Đặc biệt, Đại hội nhấn mạnh việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, coi đó là vấn đề có ý nghĩa quyết định để hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trên.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr.190.

Tháng 4/1983, tại thị xã Thủ Dầu Một, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ III nhiệm kỳ 1983-1986 được tổ chức trọng thể tại Hội trường Tỉnh ủy trong 4 ngày từ ngày 18 đến ngày 21/4/1983. Tham gia dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này có hơn 400 đại biểu thay mặt cho hơn 7.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá đúng mức những thành tựu đạt được cùng những tồn tại, đồng thời đã nghiêm khắc tự phê bình và phê bình những sai lầm, khuyết điểm, rút ra những kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1980-1983.

Đại hội đã xác định phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm 1983-1986: Phát huy ba thế mạnh của tỉnh là lao động, đất đai và rừng, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp yêu cầu cơ bản là bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, bố trí lại mùa vụ, chú trọng xây dựng đồng ruộng cạn, mở thêm đồng ruộng bưng, thực hiện thâm canh, xen canh tăng vụ và chuyển canh các loại cây trồng, vật nuôi nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, gắn với việc bảo vệ tốt tài nguyên rừng theo quy hoạch tổng thể và cụ thể của từng địa bàn huyện, xã.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ III, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn thử thách để đạt được những thành tích quan trọng trên nhiều lĩnh vực.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn của đất nước và của địa phương, quán triệt và vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra nhiệm vụ: Ra sức ổn định và cải thiện một bước các nhu cầu về ăn, mặc, ở, trị bệnh, học hành và đi lại của Nhân dân, vừa tiến hành tổ chức và sắp xếp lại trật tự kinh tế, vừa xây dựng thêm cơ sở vật chất và kỹ thuật, bảo đảm phát triển thêm một bước cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp, tiến lên xây dựng thành tỉnh công - nông - lâm nghiệp trong nhiều năm tới, đồng thời tăng cường công tác quốc phòng và an ninh, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, góp phần bảo vệ vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tiếp tục làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với tỉnh bạn Kratié.

Từ phương hướng, nhiệm vụ tổng quát trên, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra những chỉ tiêu kinh tế chủ yếu phải đạt được đến năm 1985, đồng thời vạch rõ các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, Đại hội Đảng bộ tỉnh khẳng định cần phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với các

ngành giáo dục, văn hóa, y tế, thể dục - thể thao, chính sách thương binh xã hội, tổ chức tốt sự phối hợp của các cơ quan chính quyền, các đoàn thể, đồng thời kiên quyết dựa vào sức dân, phát động phong trào quần chúng rộng rãi xây dựng đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân. Đối với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, Đại hội Đảng bộ tỉnh chỉ rõ toàn Đảng, toàn quân, toàn dân vừa phải ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa phải không ngừng nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi thủ đoạn chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố tăng cường ban chỉ huy thống nhất các cấp từ tỉnh đến huyện, xã đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm 42 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Lê Văn Thâm, Nguyễn Như Phong làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Phương hướng nhiệm vụ được Đại hội nhất trí thông qua vừa bao quát toàn diện, vừa cụ thể thiết thực. Với một Ban Chấp hành có nhiều nhân tố mới, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đã thành công tốt đẹp, mở ra một giai đoạn phát triển mới của địa phương. Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đều có bước phát triển, đặc biệt là nông nghiệp.

Trong phát triển kinh tế, tỉnh đã căn bản hoàn thành kế hoạch tổng thể, quy hoạch lâm nghiệp và cao su, từng bước xây dựng cơ chế kinh tế nông - lâm - công nghiệp, đưa nông nghiệp phát triển toàn diện. Tỉnh đã giao 37.000ha đất cho Tổng cục Cao su Việt Nam, trong đó có một phần lớn diện tích thuộc các huyện Phước Long, Bình Long, Đồng Phú, Lộc Ninh. Ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm có tiến bộ trên cả 3 khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình. Đàn heo, đàn trâu, bò đều tăng.

Năm 1983, tỉnh đã triển khai khảo sát lại đất rừng, xây dựng quy hoạch và có kế hoạch chỉ đạo, tổ chức lại sản xuất kinh doanh lâm sản, bước đầu làm ăn có hiệu quả, ngăn chặn được nạn phá rừng. Tỉnh giao 14.400ha đất rừng cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, xây dựng thêm 7 lâm trường. Các lâm trường đã đi vào hoạt động theo hướng bảo vệ xây dựng vốn rừng và kinh doanh dựa vào rừng.

Phát huy những thành quả bước đầu đã đạt được về cải tiến phân phối và lưu thông, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nhiệm kỳ trước, Đảng bộ tỉnh đã

chú trọng chỉ đạo sâu sát lĩnh vực này trong suốt nhiệm kỳ. Tuy nhiên, giai đoạn 1983-1986 là giai đoạn có nhiều biến động phức tạp sau sự kiện đổi tiền và tổng điều chỉnh giá - lương - tiền trong cả nước. Khi chấp hành chủ trương của Trung ương, các địa phương lâm vào tình trạng khó khăn, lúng túng, việc mua bán bị chững lại, ảnh hưởng đến sản xuất và lưu thông. Trong hoàn cảnh đó, tỉnh đã nỗ lực khắc phục trở ngại, chủ động trao đổi hàng ngàn tấn phân hóa học, thuốc trừ sâu phục vụ thâm canh tăng vụ bảo đảm được những nhu cầu cơ bản cho sản xuất theo kế hoạch. Kinh doanh xuất nhập khẩu trong hai năm 1984-1985 có phần tăng hơn các năm trước, việc ký kết hợp đồng thu mua mở rộng hơn, mua theo giá thỏa thuận; hình thức liên doanh, liên kết trao đổi hàng hóa có phát triển. Năm 1985, quỹ hàng hóa luân chuyển trong xã hội tăng gấp 8 lần so với năm 1980. Đội ngũ cán bộ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã trưởng thành, cơ sở vật chất nhất là ở các huyện tăng lên đáng kể.

Song bên cạnh đó vẫn còn những vấn đề tồn tại như chưa có chính sách giá cả và phương thức mua bán hợp lý, tiền hàng lại thiếu nên các đơn vị không chủ động giao dịch và kinh doanh mua sắm, thường buông lợi mặt đầu tư cho sản xuất, nặng chạy theo mua bán trao đổi để lấy chênh lệch, không quan tâm thực hiện điều tiết thu nhập làm mất công bằng trong phân phối, do đó, trong năm 1985, hoạt động phân phối lưu thông có phần bị đình trệ.

Điều đáng ghi nhận là từ khi tiến hành cải tiến phân phối lưu thông, việc phân cấp xây dựng và quản lý ngân sách cho huyện, thị và các xã, phường đã tạo ra ngân sách địa phương giữ được thế cân bằng cần thiết, hàng năm ngân sách đều có dư, bảo đảm yêu cầu chi tiêu theo kế hoạch. Mặc dù có những khó khăn lớn do biến động của tình hình thị trường giá cả, nhưng thu ngân sách vẫn tăng. Hoạt động ngân hàng có nhiều cố gắng và tiến bộ, góp phần điều hòa quỹ tiền tệ địa phương, đáp ứng phần lớn những nhu cầu cơ bản của kinh tế và đời sống. Khối lượng tiền mặt qua quỹ ngân hàng Nhà nước mỗi năm một tăng, một số ngân hàng địa phương hoạt động có hiệu quả.

Từ sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, tỉnh hết sức chú trọng đến việc xây dựng và phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật làm nền tảng phát triển kinh tế. Trong hai năm 1983-1985, tỉnh tiếp tục phát triển các tuyến đường giao thông quan trọng trên quốc lộ 13 và quốc lộ 14, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay. Hệ số vòng quay đầu xe tăng từ 15 - 20%, đáp ứng yêu cầu vận chuyển của địa phương. Đối với hệ thống giao thông nông thôn nhất là ở vùng hẻo lánh, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới ở các huyện: Phước Long, Lộc Ninh, Bình Long đều có hệ thống cầu đường lưu thông. Hàng trăm

kilômét đường mới, hàng chục cây cầu mới được xây dựng, nhờ vậy khả năng vận tải luôn bảo đảm kế hoạch hàng năm, đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách. Mạng lưới giao thông liên tục bảo đảm thông suốt từ tỉnh xuống các huyện, các vùng trọng yếu về kinh tế quốc phòng. Đồng thời, các hệ thống kênh, mương, cống, đập, trạm bơm tưới tiêu tiếp tục được xây dựng và mở rộng. Năm 1986, vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng gần gấp ba lần so với năm 1983, nhiều công trình mới được xây dựng nhanh, đưa vào sử dụng có hiệu quả, tuy nhiên cũng có một số công trình do thiếu quy hoạch và còn yếu kém trong quản lý nên còn kéo dài gây lãng phí.

Nhìn chung, trên lĩnh vực kinh tế, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo và tạo được một số chuyển biến tích cực, làm cơ sở để phấn đấu thực hiện mục tiêu từng bước nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho Nhân dân. Tuy nhiên, còn có những bất cập như: Sự quản lý của Nhà nước nhiều lúc còn lơ là, làm nảy sinh nhiều sơ hở, tư tưởng lợi dụng sơ hở của Nhà nước để trục lợi cần chấn chỉnh lại một cách nghiêm túc.

Việc thực hiện cải cách giáo dục đạt được một số kết quả bước đầu, tỉnh đã đầu tư nhiều công sức và kinh phí cho việc đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên các cấp và xây dựng cơ sở vật chất. Tỉnh có thêm 4 trường phổ thông trung học được xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động, hơn 3.500 phòng học được tu sửa và xây mới. Ngành giáo dục tỉnh đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, phong trào thi đua giáo viên giỏi được hưởng ứng khá sôi nổi. Tuy đạt được những kết quả tương đối khá nhưng trên lĩnh vực giáo dục còn những hạn chế tồn tại. Trong giáo dục, đội ngũ giáo viên còn yếu về chuyên môn, ở một số huyện, xã vẫn còn tình trạng học sinh phải học ba ca, trang thiết bị dạy học và sách giáo khoa rất thiếu thốn.

Trong công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các phong trào vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch, củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Ngành y tế đã chủ động và tích cực ngăn ngừa dập tắt các loại dịch bệnh, đồng thời chủ động đào tạo đội ngũ bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, y tá, hộ sinh để tăng cường cho các hệ thống bệnh viện tỉnh, huyện và các trạm xá các xã. Ngành y học cổ truyền dân tộc tỉnh cũng được chú trọng, tuyên truyền và vận động quần chúng nhân dân trồng, chăm sóc và sử dụng cây thuốc nam. Nhờ có sự cố gắng trong việc khai thác nguồn dược liệu của địa phương, bù đắp cho khó khăn về thuốc chữa bệnh tân dược, ngành y tế của tỉnh đã sản xuất được 65% chỉ tiêu thuốc thông thường cho Nhân dân. Ngành cũng đã phát hiện kịp thời và xử lý có hiệu quả bệnh sốt xuất huyết và bệnh dịch tả trong hai năm 1984, 1985; tranh thủ và

sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ của tổ chức y tế thế giới để thực hiện các chương trình tiêm chủng hàng năm. Bên cạnh đó, phong trào kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tương đối tốt ở các cơ quan, xí nghiệp và trong phần lớn các thị trấn, thị xã, bước đầu có ảnh hưởng tích cực trong toàn tỉnh.

Phong trào rèn luyện thân thể trong quần chúng, nhất là trong khối trường học, cơ quan, lực lượng vũ trang được chú ý đẩy mạnh, tỉnh đã tổ chức Đại hội thể dục - thể thao lần thứ III, thiết thực thúc đẩy phong trào đối với nhiều địa phương trong tỉnh.

Về văn hóa - văn nghệ, tỉnh đã phát triển được phong trào văn nghệ quần chúng. Hàng năm, tỉnh đều tổ chức hội diễn trong đó có phát triển những đội thuộc các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đội của công nhân các công ty cao su, xí nghiệp. Tủ sách, nhà văn hóa được mở rộng, đặc biệt có sự cố gắng đáng kể ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa xôi hẻo lánh. Mức hưởng thụ phim, văn công, báo chí có bước tiến hơn trước. Hoạt động bảo tàng phát triển mạnh, có sự tham gia tích cực của quần chúng. Hội văn hóa nghệ thuật đã được hình thành và bắt đầu có hoạt động hiệu quả. Hoạt động văn hóa - thông tin được đẩy mạnh, nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, diễn ra khá thường xuyên ở các địa phương, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước đến đồng bào. Huyện nào cũng mở rộng mạng lưới hệ thống phát thanh, truyền thanh nhằm tuyên truyền và nâng cao nhận thức chính trị, trình độ dân trí cho cán bộ và Nhân dân. Các cơ sở văn hóa, rạp hát, rạp chiếu bóng, bãi xem phim, nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, công viên văn hóa, nhà truyền thống, nhà lưu niệm, bia tưởng niệm, tượng đài được xây dựng ở một số huyện. Công tác viết lịch sử địa phương và giáo dục truyền thống cách mạng đã chuyển biến khá tốt, bước đầu đã thu được hàng chục bản sơ thảo, xây dựng 15 nhà truyền thống, 11 tượng đài, bia chiến thắng. Hoạt động văn hóa, văn nghệ tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu của đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

Cùng với sự chăm lo đời sống tinh thần của Nhân dân, Tỉnh đặc biệt quan tâm đến các đối tượng chính sách, điều chỉnh các chế độ và tiêu chuẩn trợ cấp theo quy định. Các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng nhân dân, đã tổ chức chu đáo việc nuôi dưỡng thương binh nặng, gia đình liệt sĩ, gia đình có công, cán bộ hưu trí, mất sức, tổ chức xây nhà tình nghĩa, trợ cấp khó khăn, tổ chức dạy nghề cho thương binh, con liệt sĩ. Tỉnh có 1 đơn vị và 2 cá nhân được công nhận danh hiệu anh hùng, 2 chiến sĩ thi đua toàn quốc. Tỉnh thực hiện chính sách cho 8.640 thương binh, liệt sĩ; 1.620 cán bộ hưu trí;

giải quyết việc làm cho 1 vạn người đến tuổi lao động, chủ yếu là cung cấp cho các nông trường cao su, các công, nông, lâm trường của tỉnh.

Công tác quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tỉnh ngày càng được củng cố. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III về công tác quốc phòng - an ninh, các ngành quân sự, công an từ tỉnh đến cơ sở đã phối hợp mật thiết cùng các đoàn thể quần chúng nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm 1983-1986, trên địa bàn tỉnh, bọn phản động tìm mọi cách lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của ta để chui vào cơ quan nhà nước phá hoại nội bộ, mặt khác ra sức khoét sâu những khó khăn của ta về kinh tế, đời sống, nhất là sai lầm, khuyết điểm trong điều hành giá - lương - tiền cùng những mặt tiêu cực trong xã hội, kích động, làm suy giảm lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Chính vì vậy, nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự xã hội và bảo vệ Tổ quốc càng có tầm quan trọng đặc biệt. Các cấp ủy đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những chủ trương quan trọng trong mặt trận quốc phòng - an ninh, từ việc giáo dục nhận thức quan điểm đến việc thực hiện các công tác cụ thể, ngăn chặn kịp thời các hoạt động phá hoại và trấn áp phản cách mạng, chống các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch; giáo dục vận động nội bộ và Nhân dân tuân thủ pháp luật; phát triển lực lượng dự bị, tăng cường củng cố dân quân tự vệ, lực lượng an ninh thường, xã, ấp vững mạnh. Tuyến biên phòng và nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Lộc Ninh, Phước Long và một số địa bàn trọng điểm được đặc biệt quan tâm xây dựng, trên cơ sở đó an toàn xã hội được bảo đảm hơn trước.

Trong thế trận phòng và chống địch, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tỉnh đã từng bước hoàn thành tuyến biên giới vững chắc giáp Campuchia (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) và các địa bàn trọng yếu. Đảng bộ tỉnh chủ trương lấy các huyện phía sau làm chỗ dựa, đỡ đầu cho các huyện và các đồn biên phòng, các lực lượng vũ trang đóng trên tuyến biên giới phía trước, tạo thành thế trận phòng thủ vững chắc, hiệu quả. Các địa phương nắm và quản lý chặt chẽ hộ khẩu, nhân khẩu; gắn việc giữ gìn an ninh trật tự với việc tạo công ăn việc làm, góp phần làm giảm đáng kể tình trạng phạm pháp hình sự.

Thông qua hoạt động thực tiễn, lực lượng công an trong toàn tỉnh từng bước trưởng thành về nhiều mặt, gắn bó với Nhân dân, phối hợp chặt chẽ với

các ban ngành, đoàn thể; đạo đức phẩm chất và hiệu quả công tác của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên, những điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt xuất hiện ngày càng nhiều.

Cùng với lực lượng công an, các đơn vị quân đội cũng có nhiều chuyển biến tích cực, khả năng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu tăng cao. Công tác quân sự địa phương ngày càng đi vào nền nếp, việc tuyển quân ngày càng nhanh gọn và chủ động, trong đó, các huyện Bình Long, Phước Long, Đồng Phú, Lộc Ninh đạt chỉ tiêu giao quân trong liên tiếp 3 năm. Chính sách hậu phương quân đội được thực hiện tốt. Công tác bảo vệ biên giới, thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia, đặc biệt đối với tỉnh Kratié, được Đảng bộ và Nhân dân nhận thức sâu hơn. Đoàn chuyên gia và bộ đội ta thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, giúp tỉnh bạn có hiệu quả, sự hợp tác về kinh tế, văn hóa, xã hội đối với tỉnh kết nghĩa ngày càng mở rộng và đạt hiệu quả thiết thực. Bên cạnh đó, tỉnh còn thực hiện khá tốt nhiệm vụ chi viện cho tỉnh kết nghĩa Hà Tuyên ở biên giới phía Bắc và tích cực giúp đỡ, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho bộ đội làm nghĩa vụ quốc tế giúp bạn ở Campuchia.

Các ngành nội chính cũng có nhiều cố gắng, công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân có nhiều tiến bộ, đã có sự kết hợp tốt giữa chính quyền với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương. Nhiều trường hợp vi phạm pháp luật bị khởi tố, xử lý vi phạm, tịch thu, sung công quỹ Nhà nước một số lượng lớn tiền mặt, vật tư, lương thực, góp phần củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân.

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng nhằm phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và chính quyền tỉnh đã nỗ lực tiến hành các hoạt động trên mặt trận đối ngoại. Tỉnh đã đón tiếp nhiều đoàn đại biểu của Campuchia, Lào đến thăm viếng, góp phần tích cực vào việc củng cố khối liên minh đoàn kết và thắt chặt quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng anh em. Đồng chí Trần Ngọc Khanh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được cử sang Campuchia làm trưởng đoàn chuyên gia giúp tỉnh Kratié, xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo nhiều cán bộ và công nhân kỹ thuật. Sự giúp đỡ của tỉnh vừa mang tính toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu của bạn trong từng thời kỳ, tạo điều kiện thuận lợi để bạn phát huy sức mạnh nội lực về mọi mặt, góp phần ổn định tình hình ở Campuchia và vùng biên giới giữa hai nước.

Trong hơn ba năm 1983-1986, tỉnh đón tiếp hàng trăm đoàn khách quốc tế bao gồm nhiều thành phần, nhiều xu hướng chính trị với nhiều mục đích

yêu cầu khác nhau. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm của Trung ương với tinh thần hợp tác hữu nghị, tỉnh đã tiếp nhận viện trợ vật chất - kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế và tiếp thu nhiều kinh nghiệm quý báu, thiết thực trong công tác đối ngoại, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan ban ngành và đội ngũ cán bộ ở địa phương. Qua tiếp xúc, trao đổi các đoàn nước ngoài, ta tranh thủ được đầu tư nước ngoài cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng kinh tế của tỉnh. Mọi hoạt động đối ngoại của tỉnh đều bảo đảm tốt nguyên tắc, chủ trương của Đảng.

Về công tác vận động quần chúng, trong những năm 1983-1986, đông đảo nông dân vào làm ăn tập thể; thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp, làm thủy lợi nội đồng; hàng vạn công nhân ngày đêm lao động ở các nông lâm trường, xí nghiệp; hàng ngàn thanh niên làm nghĩa vụ quân sự; sự chi viện đối với tỉnh bạn Kratié và những tỉnh biên giới; những cuộc đấu tranh chống tiêu cực dưới nhiều hình thức, mức độ. Đó là những phong trào cách mạng tiêu biểu của quần chúng cho thấy tỉnh có sự chuyển biến khá mạnh mẽ về công tác lãnh đạo, quản lý của các cơ quan của Đảng, Nhà nước trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn còn không ít những vấn đề hạn chế, bất cập của Đảng bộ tỉnh trong công tác lãnh đạo các đoàn thể, các tổ chức quần chúng. Có lúc, có nơi, cấp ủy, chính quyền các cấp đã buông lỏng công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động quần chúng, ít gần gũi quần chúng nên chưa đáp ứng đúng mức nguyện vọng chính đáng của quần chúng.

Từ khi có Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 18/4/1983, Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 07/6/1984 và Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 28/11/1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 05 của Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng thì các cấp chính quyền, Mặt trận, tổ chức đoàn thể quần chúng có sự chuyển biến mới về nhận thức và cải tiến nội dung, phương pháp công tác quần chúng; đi sâu giáo dục về tình hình đất nước, về các chủ trương của Đảng và vận động quần chúng tham gia vào các công việc cụ thể như tích cực làm ăn tập thể, thực hiện việc thu mua, kiểm soát giá cả, bố trí lại lao động, đẩy mạnh sản xuất và xây dựng đoàn kết tốt. Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã thể hiện được vai trò tập hợp đoàn kết toàn dân, nhất là đối với tín đồ các tôn giáo, làm chỗ dựa tin cậy cho các tổ chức quần chúng, đóng góp được nhiều ý kiến thiết thực với Đảng và chính quyền các cấp. Tuy nhiên, hoạt động của Mặt trận chưa phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các đoàn thể, việc tuyên truyền giáo dục còn lỏng lẻo, nội dung còn có lúc chưa phù hợp, đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận còn mỏng và thiếu lực lượng kế thừa tương xứng.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh đã tổ chức nhiều đợt học tập có chủ đề về truyền thống lịch sử của đất nước, truyền thống của Đảng, Đoàn như kỷ niệm 30 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, hành quân theo bước chân người anh hùng. Tỉnh Đoàn đã huy động thanh niên tổ chức các phong trào trên các hoạt động xây dựng thủy lợi, quốc phòng - an ninh và công tác giáo dục ở các trường học. Tuy nhiên, những hoạt động của Đoàn nhìn chung còn thiếu tính năng động, sáng tạo, chưa thực sự bám sát với đời sống và sinh hoạt của đa số thanh niên, nội dung tuyên truyền giáo dục đoàn viên thanh niên chưa bắt kịp yêu cầu của tình hình mới. Tổ chức đoàn ở cơ sở sản xuất kinh doanh còn quá mỏng, việc chăm lo mọi mặt đối với thanh thiếu niên, nhi đồng ở các cấp còn nhiều thiếu sót, bất cập.

Hội Liên hiệp Phụ nữ có những đóng góp tích cực trong việc phân phối lưu thông, quản lý thị trường cũng như trong công tác văn hóa xã hội, công tác kế hoạch hóa gia đình, công tác hậu phương quân đội... Nhiều cơ sở hội quan tâm đến việc phát triển hội viên mới và đào tạo cán bộ hội ở cấp cơ sở. Bên cạnh đó, Hội vẫn còn lúng túng trong nội dung và phương thức hoạt động nên phong trào không bền, chất lượng chưa cao.

Về công tác xây dựng chính quyền, lãnh đạo tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát về nhân sự, về nội dung và phương thức hoạt động; mặt khác, nghiêm khắc vạch rõ những thiếu sót, nhược điểm để khắc phục, chấn chỉnh. Vì vậy, hệ thống chính quyền các cấp đã có những tiến bộ trong giai đoạn 1983-1986. Hội đồng nhân dân từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường thường xuyên, thường kỳ tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri, thu thập nguyện vọng và ý kiến của Nhân dân, trên cơ sở đó bàn bạc, thảo luận về các chủ trương, chính sách lớn về nhiệm vụ, kế hoạch của địa phương. Hội đồng nhân dân đã bổ nhiệm, tuyển dụng những người có năng lực, bố trí những ngày tiếp dân, thu nhận được ý kiến đóng góp của quần chúng, gần gũi với Nhân dân. Bên cạnh đó, các ban của Hội đồng nhân dân vẫn chưa phát huy đúng vai trò, vị trí của đại biểu dân cử, chưa hoạt động tích cực, năng lực của đội ngũ lãnh đạo chủ chốt còn nhiều yếu kém; ở một số nơi, tệ quan liêu, cửa quyền còn nặng, dẫn đến tình trạng ức hiếp quần chúng. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện tốt vai trò là cơ quan quản lý hành chính ở địa phương, cụ thể hóa nghị quyết của Đảng bộ, đề ra nhiệm vụ, kế hoạch kinh tế - xã hội, chương trình hành động và biện pháp thực hiện khá tốt, trong đó, tập trung ưu tiên cho sản xuất và phân phối lưu thông, trước hết là sản xuất nông nghiệp và tổ chức thu mua hàng hóa lương thực nông, lâm sản. Do vậy, tỉnh đã ổn định từng bước và giải quyết một phần khó khăn của Nhân dân và cán bộ, công nhân viên, thúc đẩy sản xuất phát

triển. Bộ máy chính quyền các cấp được chú trọng củng cố, kiện toàn, thay đổi lề lối làm việc của bộ máy chính quyền, giải quyết tốt những khó khăn, vướng mắc trong quản lý kinh tế, xã hội.

Trong nhiệm kỳ 1983-1986, Đảng bộ tỉnh nói chung, cấp ủy các cấp ở các huyện Phước Long, Bình Long, Đồng Phú, Lộc Ninh nói riêng luôn giữ vững và phát huy tinh thần tự lực tự cường, tư tưởng cách mạng tiến công với quan điểm vì dân, dựa vào dân để tạo nguồn sức mạnh vượt qua những khó khăn thử thách, kiên trì đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Về công tác tổ chức, vào đầu năm 1986, Đảng bộ đã phát triển được 2.000 đảng viên mới. Năm 1985, Đảng bộ tỉnh có 462 cơ sở đảng, trong đó, số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn vững mạnh là 139 cơ sở, chiếm 30,08%; 272 cơ sở được xếp loại khá chiếm 58,87%, cơ sở yếu kém còn 51 chiếm 11,04%. Tỉnh ủy và các huyện ủy, thị ủy tập trung củng cố cơ sở đảng ở xã, phường gắn với việc xây dựng huyện, thị và kiện toàn tỉnh. Công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ được chú trọng. Đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền không ngừng học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực tổ chức. Hệ thống trường Đảng từ tỉnh đến huyện, thị mỗi năm đào tạo, bồi dưỡng hàng ngàn cán bộ, đảng viên. Nhiều cán bộ lãnh đạo các cấp còn được cử đi đào tạo ở Trung ương, đồng thời, cán bộ từ tỉnh, huyện xuống công tác ở các cấp lãnh đạo bên dưới để đào tạo thành cán bộ lãnh đạo toàn diện cho cấp trên sau này. Nhờ vậy, trình độ đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở ngày càng được nâng cao.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 17/6/1985 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), Tỉnh ủy tăng cường lực lượng lãnh đạo toàn diện, nhất là lãnh đạo về kinh tế; lực lượng trẻ có trình độ khoa học - kỹ thuật được bổ sung vào cấp ủy, các cơ quan chính quyền, cơ sở sản xuất kinh doanh; các tổ chức quần chúng từng bước kiện toàn nhằm nâng cao chất lượng và hoạt động có hiệu quả.

Các cấp huyện thị đã trưởng thành về nhiều mặt, phát huy tính chủ động sáng tạo, tự lực, tự cường trong sản xuất kinh doanh, trong xây dựng cơ bản đồng thời tích cực sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh giản, bố trí sử dụng cán bộ phù hợp với đổi mới cơ chế quản lý. Phấn đấu vượt qua khó khăn, đa số cán bộ của tỉnh tích cực, gương mẫu, sáng tạo, đoàn kết. Mặc dù tình hình kinh tế - xã hội có nhiều biến động xấu sau cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền tháng 9/1985, nhưng đại bộ phận đảng viên đều kiên định lập trường, từng bước tháo gỡ khó khăn trước mắt.

Tóm lại, trong nhiệm kỳ 1983-1986, Đảng bộ tỉnh nói chung, các cấp ủy ở các huyện thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay đã có nhiều cố gắng cải tiến phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc, phát huy trí tuệ tập thể, đoàn kết nội bộ, sâu sát với quần chúng, phê phán nghiêm khắc những biểu hiện tiêu cực. Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số mặt chưa đạt so với chỉ tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do sự lãnh đạo của Đảng bộ chưa thật toàn diện; chưa có biện pháp giải quyết kịp thời các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh; việc đấu tranh đổi mới chưa mạnh, chưa triệt để, có lúc còn chậm trong xây dựng và tổ chức thực hiện; chưa coi trọng đúng mức xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể vận dụng chưa nhuần nhuyễn đường lối, quan điểm của Đảng; trình độ năng lực quản lý kinh tế - xã hội còn yếu, tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu của một số cán bộ, đảng viên còn thấp; việc thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phê bình, tự phê bình và công tác kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu.

Trong giai đoạn 1983-1986, tình hình đất nước nói chung, từng địa phương nói riêng có nhiều biến động phức tạp. Trước tình hình đó, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Sông Bé, trong đó các huyện phía bắc tỉnh (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay), đã phát huy tinh thần sáng tạo, tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, dám nghĩ, dám làm, từng bước đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội.

Chương II

ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-1996)

I. BƯỚC ĐẦU TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀO THỰC TẾ ĐỊA PHƯƠNG (1986-1991)

Sau hơn 10 năm, kể từ khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta giành được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng nhìn chung tình hình đất nước vẫn còn vô cùng khó khăn. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn tìm đủ mọi cách chống phá Việt Nam. Mỹ và các nước tư bản phương Tây tăng cường bao vây, cấm vận kinh tế. Trong khi đó, ta lại mắc phải một số sai lầm, chủ quan duy ý chí, quản lý kinh tế tập trung bao cấp dẫn đến kinh tế - xã hội trì trệ, kém phát triển, đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng.

Trước tình hình khó khăn trên, Đảng ta đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật để có bước đột phá đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng, từng bước phát triển, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, bắt kịp trình độ phát triển với các nước trong khu vực. Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành. Qua nhìn nhận đánh giá những thành tựu đạt được cũng như chỉ ra những yếu kém, sai lầm, khuyết điểm của Đảng ta trong thời gian qua, Đại hội đã thống nhất chủ trương, quyết tâm đổi mới, trước hết là đổi mới về tư duy phát triển kinh tế.

Đối với tỉnh Sông Bé, nền kinh tế của tỉnh vẫn còn nhiều yếu kém, mất cân đối, đời sống của đại bộ phận Nhân dân, nhất là Nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn các huyện phía bắc tỉnh Sông Bé (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) còn khó khăn. Nhờ làm tốt việc phê bình, tự phê bình và chấn chỉnh, củng cố tổ chức từ cơ sở đến tỉnh nên Đảng bộ tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu, thẳng thắn nhìn nhận ưu, khuyết điểm

và đổi mới một bước về tư duy phát triển kinh tế, phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc, từ đó tạo ra một khí thế mới.

Được sự nhất trí của Bộ Chính trị, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ IV họp từ ngày 28/10 đến ngày 01/11/1986 tại thị xã Thủ Dầu Một. Về dự Đại hội có 358 đại biểu, thay mặt cho hơn 10.500 đảng viên trong toàn tỉnh. Đến dự Đại hội có đồng chí Đỗ Văn Nguyễn - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Phan Xuân Đột - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng và một số chuyên viên của Văn phòng và các Ban Đảng Trung ương.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị, tiếp thu những ý kiến đóng góp chân thành của các cấp ủy và Nhân dân trong tỉnh, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ IV đã đánh giá đúng tình hình, nhìn thẳng vào sự thật, thấy rõ những ưu, khuyết điểm, nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm thiếu sót, đề ra phương hướng, mục tiêu thiết thực nhằm làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh theo tinh thần đổi mới về cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, đổi mới cơ chế quản lý, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới, củng cố an ninh quốc phòng, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân, tăng cường công tác xây dựng Đảng, tạo ổn định và phát triển sản xuất, dần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, nhiệm kỳ 1986-1991 gồm 58 đồng chí, trong đó có 13 đồng chí là ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 14 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Luông làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Văn Thâm làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Trần Ngọc Khanh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu trong nhiệm kỳ 1986-1991 là:

- Kiên quyết điều chỉnh, bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư theo hướng thực sự lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, gắn sản xuất với chế biến nhằm giải quyết một cách hợp lý yêu cầu lương thực, thực phẩm tại chỗ, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng phù hợp với nguồn nguyên liệu của địa phương, phấn đấu ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của Nhân dân.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt xã hội, tích cực thực hiện việc phân bổ lao động và dân cư, sắp xếp cho người lao động có việc làm, thực hiện mức sống công bằng hợp lý, giảm sự chênh lệch giàu nghèo, bảo đảm mức hưởng thụ

văn hóa giữa các nhóm dân cư. Xây dựng quan hệ xã hội và nếp sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, động viên mọi người hăng hái lao động sáng tạo, sống có văn hóa, có lý tưởng, gắn bó với Tổ quốc.

- Tạo sự tích lũy từ kinh tế địa phương và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, xây dựng thêm cơ sở vật chất, xây dựng có mục tiêu, có trọng điểm, bảo đảm đầu tư có hiệu quả, nhanh chóng thu hồi vốn.

- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và nâng cao chất lượng quan hệ sản xuất mới làm cho kinh tế xã hội chủ nghĩa thực sự chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, cải tạo và sử dụng hết khả năng các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa tạo ra sức mạnh tổng hợp, có hiệu quả cao. Hình thành đồng bộ cơ chế quản lý mới, thiết lập kỷ cương trong quản lý kinh tế xã hội.

- Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh làm cho cả hai mặt đều không ngừng lớn mạnh, trên cơ sở phong trào an ninh quốc phòng toàn dân, tích cực giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, ổn định tuyến biên giới, làm tròn trách nhiệm với đất nước và nghĩa vụ quốc tế được giao.

- Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng. Chú trọng đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý từ tỉnh xuống cơ sở, đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng; nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, đấu tranh chống biểu hiện tiêu cực trong Đảng; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tăng cường công tác tư tưởng lý luận; tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Sau Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng kế hoạch cụ thể việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội, tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được 3 chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Trong những năm đầu triển khai thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế của tỉnh vẫn còn nhiều mặt mắt cân đối lớn, những biến động lớn từ cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền cuối năm 1985 còn tác động xấu đến nền kinh tế của tỉnh. Vật tư, nguyên liệu không đáp ứng đủ yêu cầu sản xuất; tiền mặt không đủ cho trao đổi, thu mua; các cơ sở sản xuất kinh doanh chậm được sắp xếp lại; việc phân công, phân cấp giữa tỉnh, huyện và cơ sở, mối quan hệ giữa các đơn vị kinh tế Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh với địa phương còn nhiều vướng mắc.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tỉnh đã đạt được nhiều kết quả, nhất là đã từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế quản lý kinh tế hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường, bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực, đồng thời tỉnh đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ thực hiện ba chương trình mục tiêu kinh tế lớn trên địa bàn, huy động được mọi thành phần kinh tế cùng tham gia đóng góp vào việc phát triển sản xuất kinh doanh, tạo được tiền đề lớn mạnh, vững chắc cho sự phát triển của tỉnh. Đây là kết quả vô cùng to lớn, có tính chất bước ngoặt, đưa tỉnh nhà thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, từng bước phát triển đi lên.

Trước hết, trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tỉnh luôn bám sát chỉ đạo, nhất là chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương phát huy triệt để thế mạnh cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng miền; coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển một cách toàn diện nhằm tạo ra nguồn hàng lớn có giá trị cung cấp nội địa và phục vụ xuất khẩu. Quán triệt sâu sắc chủ trương phát triển nông nghiệp, các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp. So với thời kỳ 1981-1985, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp của tỉnh tăng 18,29%, trong đó trồng trọt tăng 14,98%, riêng sản lượng mủ cao su tăng 15,39%. Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, toàn tỉnh đã định hình được các vùng trồng cây công nghiệp chủ lực, trong đó có 105.000ha trồng cao su tập trung do Trung ương quản lý, 1/3 diện tích trồng mới được khai thác. Diện tích cây cao su của các doanh nghiệp do tỉnh quản lý và của Nhân dân cũng lên đến 10.000ha. Bên cạnh đó, các loại cây trồng chiến lược khác như tiêu, điều, mía, thuốc lá cũng phát triển mạnh. Đặc biệt, diện tích cây điều đạt 34.000ha, chỉ tính riêng trong mùa vụ 1990-1991, thu hoạch trên 9.000 tấn phục vụ cho xuất khẩu. Trong thời kỳ 1986-1990, bình quân mỗi năm diện tích cây cao su tăng 3,6%, cây tiêu tăng 39,8%, cây điều tăng 48,9%.

Trong chăn nuôi, đàn gia súc, gia cầm được duy trì và phát triển, tỉnh đề ra chủ trương, biện pháp chăn nuôi gia công, giao cho Liên hiệp các xí nghiệp chăn nuôi thực hiện; xây dựng đề án, khôi phục và cải tạo đàn gia súc, gia cầm, do vậy số lượng gia súc, gia cầm đã tăng đáng kể.

Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp (còn gọi là khoán 10). Thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương trong tỉnh quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là người dân sinh sống ở vùng nông thôn. Đồng thời,

tỉnh đề ra nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với từng địa phương, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình; chỉ đạo thu hồi một phần đất đai sử dụng kém hiệu quả của các nông trường quốc doanh, các đơn vị quân đội để cấp cho nông dân; cho dân mượn đất để phát triển sản xuất, giải quyết thấu tình đạt lý các tranh chấp đất đai, bước đầu giải quyết được sự trì trệ trong sản xuất nông nghiệp, phát huy năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhu cầu thiết thực của người dân. Từ đó, người nông dân tin tưởng vào những chủ trương, chính sách của Đảng và mạnh dạn đầu tư sản xuất, chú trọng thâm canh tăng năng suất, mở rộng diện tích cây trồng. Nhìn chung, nông nghiệp của tỉnh đã có nhiều khởi sắc. Các cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, sát thực tế. Từ những việc làm cụ thể hướng về cơ sở, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở, phục vụ lợi ích thiết thực của người nông dân, khắc phục tình trạng áp đặt từ trên xuống.

Công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn bà con áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi được chú trọng thực hiện; trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ cũng như trình độ kỹ thuật của người lao động từng bước được nâng lên. Ngành đã bảo đảm cân đối đủ nhu cầu lương thực, thực phẩm phục vụ Nhân dân cũng như để xuất khẩu, tạo điều kiện thúc đẩy thực hiện thắng lợi 3 chương trình mục tiêu kinh tế lớn của tỉnh về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đối với các huyện phía bắc tỉnh Sông Bé (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay), sản xuất nông nghiệp đã có bước đột phá trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng phát huy thế mạnh về diện tích đất, thổ nhưỡng, điều kiện khí hậu... đưa kinh tế nông nghiệp của địa phương tăng trưởng mạnh. Trong đó, các huyện chú trọng mở rộng diện tích trồng các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, điều, tiêu, cà phê. Điển hình là huyện Lộc Ninh, diện tích cây trồng vào năm 1990 tăng so với năm 1986, cụ thể: cây điều tăng từ 223ha lên 1.018ha; hồ tiêu tăng từ 530ha lên 1.231ha; cây cao su cho sản phẩm tăng từ 3.500ha lên 5.530ha. Huyện Bình Long, diện tích các loại cây tiêu, điều, cà phê tăng thêm 1.418ha, cao su tiểu điền tăng 850ha. Huyện Đồng Phú, trong 2 năm 1989-1990, diện tích cây cao su thuộc khu vực Nhà nước trồng mới được 1.892ha, khu vực kinh tế hộ gia đình trồng mới được 230ha; cây điều trồng mới được 3.050ha, nâng tổng diện tích trồng cây điều của huyện lên 9.550ha. Như vậy, các địa phương đã tìm được hướng đi đúng trong phát triển sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành tại các huyện những vùng chuyên canh về cây công nghiệp. Riêng diện tích trồng lúa nước, người dân đã khai hoang mở rộng, bà con nông dân đã biết áp dụng thâm canh, tăng vụ đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, hàng loạt vấn đề khó khăn, phức tạp phát sinh. Sản xuất nông nghiệp còn nhiều thiếu sót, bất hợp lý, nhiều mặt yếu kém chưa được giải quyết dứt điểm. Đó là giá cả liên tục biến động; tiền vốn, vật tư không đáp ứng đủ và kịp thời; sản lượng từng loại cây trồng có vụ tăng, có vụ giảm. Đáng chú ý, việc triển khai khoán hộ dẫn đến nhiều hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp trên thực tế không còn hoạt động, làm nảy sinh vấn đề tranh chấp đất đai. Đây là vấn đề lớn, phức tạp. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất chưa hoàn thành. Các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp như cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, giống... chưa đáp ứng kịp thời đến từng hộ nông dân, đã có lúc trở thành vấn đề rất căng thẳng. Hệ thống thủy lợi chỉ phát huy được 20% công suất. Giá cả nông sản từng mùa vụ không ổn định. Bên cạnh đó, công nghiệp chế biến chưa phát triển kịp với khả năng sản xuất nguyên liệu nông nghiệp, nên phần nào kiềm chế việc mở rộng diện tích một số loại cây trồng, như diện tích cây mì chỉ bằng 50% thời kỳ 1981-1985, diện tích đậu phộng giảm 3%/năm. Ngoài ra, nhiều hộ nông dân thiếu vốn để sản xuất, nhưng chính sách cho vay vốn còn hạn chế. Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn gia tăng. Trong chăn nuôi, do diện tích đồng cỏ bị thu hẹp, giá thức ăn tăng cao, nhiều dịch bệnh phát sinh nhưng chưa được phát hiện và chữa trị kịp thời, thị trường tiêu thụ khó khăn, nên chăn nuôi tuy có phát triển nhưng chậm.

Điểm nổi bật trong thời kỳ này là tình đề ra chủ trương phát triển mạnh phong trào trồng rừng và mượn đất trồng rừng trong Nhân dân. Qua 5 năm triển khai thực hiện (1986-1991), diện tích rừng trồng tập trung lên đến 10.128ha, chủ yếu triển khai trồng tại các huyện phía bắc tỉnh Sông Bé (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay). Ngoài ra, công tác sắp xếp lại các lâm trường; việc tổ chức khai thác, chế biến lâm sản; công tác tuần tra, xử lý các vụ vi phạm lâm luật... được tỉnh quan tâm chỉ đạo sâu sát. Tuy nhiên, hoạt động lâm nghiệp phát triển chưa mạnh, hầu hết các lâm trường quốc doanh hoạt động kém hiệu quả, bình quân lượng gỗ khai thác giảm 17%/năm, khai thác củi giảm 26%/năm, diện tích rừng trồng mới đạt thấp. Công tác quản lý, bảo vệ rừng còn nhiều thiếu sót, rừng tiếp tục bị tàn phá nghiêm trọng, lâm sản bị thất thoát lớn, môi trường, môi sinh bị phá vỡ, rừng phòng hộ đầu nguồn Sông Bé và sông Sài Gòn bị khai thác bừa bãi. Hoạt động của ngành kiểm lâm đạt hiệu quả thấp so với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, mặt khác, chưa thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng cho tập thể và hộ gia đình quản lý; công tác kiểm tra, xử lý các vụ vi phạm lâm luật chưa nghiêm minh.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 28/8/1987 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương coi

trọng các thành phần kinh tế, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thúc đẩy sản xuất, phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Từ đó, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh trong tỉnh đã chủ động mở rộng sản xuất, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đầu tư có chiều sâu, làm ăn đạt hiệu quả kinh tế cao. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp của tư nhân dần được khôi phục và phát triển mạnh. Các xí nghiệp quốc doanh nắm bắt thời cơ, nhanh chóng thay đổi cách thức hoạt động, nhiều xí nghiệp được xây dựng mới và mở rộng sản xuất, cải tiến trang thiết bị, coi trọng mẫu mã, chất lượng sản phẩm, chủ động tìm thị trường tiêu thụ. Nhiều ngành nghề truyền thống của địa phương như sản xuất sơn mài, gốm sứ... được khôi phục và phát triển khá mạnh. Tại một số huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) tuy ít có ngành nghề thủ công truyền thống, nhưng do tác động của quy luật thị trường nhiều ngành nghề mới được hình thành như sản xuất công cụ, sửa chữa cơ khí, chế biến nông, lâm sản... trong đó, điển hình là huyện Bình Long, các ngành nghề phát triển rất mạnh, có 400 hộ kinh doanh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm cho hơn 2.500 lao động.

Tuy nhiên, đối với các xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trong những năm đầu chuyển sang cơ chế mới, nhiều cơ sở làm ăn thua lỗ, phải chuyển hình thức sở hữu tư nhân hoặc chờ giải thể, như: 2/3 đơn vị quốc doanh thuộc khối công nghiệp của huyện Bình Long làm ăn thua lỗ, phải giải thể; ở huyện Lộc Ninh, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quốc doanh bình quân hàng năm giảm hơn 10%. Từ khi có Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 15/7/1988 của Bộ Chính trị, Quyết định số 76-HĐBT ngày 26/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, sản xuất quốc doanh đã vực dậy, làm ăn có hiệu quả. Đến năm 1989, toàn tỉnh tăng thêm 1.217 cơ sở so với đầu nhiệm kỳ, tiêu biểu như các xí nghiệp quốc doanh sơn mài, đưa tre xuất khẩu, may mặc, chế biến hạt điều, chế biến lâm sản..., đã tạo việc làm cho hàng chục ngàn lao động trong và ngoài tỉnh. Sau những khó khăn ban đầu, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã dần thích ứng với cơ chế mới, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực, vốn, kỹ thuật, năng lực quản lý... góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của các huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) chưa chú trọng đúng mức đến khâu chế biến tại chỗ để tận dụng, khai thác có hiệu quả nguồn nguyên liệu nông, lâm sản phong phú của địa phương. Bên cạnh đó, hiệu quả

sản xuất vẫn còn thấp; phần lớn máy móc, công nghệ đều lạc hậu; thiếu vốn, thiếu điện để sản xuất dẫn đến nhiều cơ sở còn lúng túng, chưa khẳng định được thế đứng của mình trong cơ chế thị trường. Khu vực quốc doanh có tới 70% đơn vị trong tình trạng yếu kém, nhiều cơ sở bị phá sản, giải thể; khu vực tập thể cũng giảm hàng trăm cơ sở.

Mặc dù kinh phí có hạn nhưng tỉnh đã cố gắng đầu tư cho hoạt động giao thông vận tải, với mức chi là 23% tổng mức đầu tư. Trên cơ sở đó, tỉnh chỉ đạo ngành giao thông vận tải tập trung cho việc duy tu, sửa chữa cầu đường, nâng cấp một số đoạn và tuyến đường quan trọng, bảo đảm việc đi lại của Nhân dân và thông thương hàng hóa. Trong 5 năm 1986-1991, ngành giao thông đã xây dựng được một số cầu kiên cố và tiến hành sửa chữa, nâng cấp nhiều đường, nhựa hóa ở trung tâm các huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé đến một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài ra, tỉnh cũng chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, huy động gần 5 tỷ đồng theo phương thức trên để sửa chữa và làm mới cầu, đường giao thông nông thôn. Bên cạnh đó, các công ty cao su cũng đã dành nhiều tỷ đồng đầu tư cho việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp và làm mới nhiều tuyến đường ở một số địa phương có trồng cao su. Hoạt động giao thông vận tải đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách, phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, phục vụ quốc phòng; bảo đảm nhu cầu đi lại ngày càng tăng của Nhân dân. Một trong những huyện đi đầu về hoạt động giao thông vận tải là huyện biên giới Lộc Ninh. Huyện đã bố trí được 113 đầu xe, vận chuyển hàng hóa tăng từ 14.800 tấn vào năm 1986 lên 19.000 tấn vào năm 1990, vận chuyển hành khách tăng từ 17.690.000 lượt hành khách/km năm 1986 lên 22.660.000 lượt hành khách/km năm 1990. Tuy nhiên, do thiếu vốn so với yêu cầu, nên việc sửa chữa cầu đường phần lớn mang tính tạm thời, dẫn đến xuống cấp nhanh. Công tác quản lý và chế độ bảo quản chưa tốt, chưa có biện pháp hữu hiệu trong việc thu đủ lệ phí giao thông.

Được sự quan tâm chỉ đạo của địa phương, hỗ trợ của Trung ương, mạng lưới thông tin liên lạc trong tỉnh đã không ngừng phát triển theo hướng hiện đại, trong đó, chú trọng nâng cấp phương tiện kỹ thuật, mở rộng mạng lưới thông tin liên lạc nội tỉnh, trong nước, thiết lập hệ thống thông tin liên lạc quốc tế. Đồng thời, tỉnh quan tâm xây dựng hệ thống tổng đài tự động cho một số huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé, xây mới Bưu điện Bù Đăng, trang bị máy vô tuyến liên lạc tới các xã thuộc các huyện Phước Long, Lộc Ninh, Bù Đăng để giúp cho việc nắm tình hình, chỉ đạo công tác từ huyện xuống cơ sở nhanh chóng, chính xác hơn.

Xác định nhu cầu tiêu thụ điện trong sản xuất và sinh hoạt là rất lớn và bức thiết, tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới điện ở các địa phương, đặc biệt chú trọng phát triển lưới điện phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho người dân, nhất là phục vụ các cơ sở sản xuất, chế biến. Do vậy, mặc dù kinh phí còn nhiều khó khăn, nhưng với quyết tâm của đảng ủy và chính quyền, chỉ trong thời gian ngắn nguồn điện đã đáp ứng phần nào nhu cầu bức thiết của người dân, trong đó điện cung cấp cho sản xuất chiếm 67,4%, điện phục vụ sinh hoạt chiếm 32,6% nhu cầu.

Tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về thủ tục cấp vốn, khởi công, điều chỉnh cơ cấu đầu tư..., thực hiện đúng quy trình trong xây dựng cơ bản, dành 69,18% vốn đầu tư để xây dựng cơ sở phục vụ sản xuất; 23,7% cho sản xuất nông nghiệp, thủy lợi; 17,6% cho công nghiệp. Tỉnh đã tập trung nguồn vốn để xây dựng những công trình trọng điểm, công trình văn hóa, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, hệ thống đường giao thông. Tuy nhiên, công tác quản lý xây dựng cơ bản vẫn còn yếu kém, nhiều công trình xây dựng kéo dài thời gian thi công, gây lãng phí, kém hiệu quả.

Nhằm từng bước khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo đà đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông đã nhận định: “Từ sau cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền cuối năm 1985 đến nay, tình hình kinh tế - xã hội nói chung và tình hình phân phối lưu thông nói riêng ở nước ta ngày càng xấu đi nghiêm trọng”¹. Do vậy, nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách là phải xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hoạt động của nền kinh tế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho toàn bộ hoạt động theo quy luật khách quan. Vận dụng Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) vào tình hình thực tế địa phương, Tỉnh ủy chỉ đạo kiên quyết xóa bỏ tình trạng “ngăn sông cấm chợ”, cấm đoán lưu thông, chia cắt thị trường theo địa danh hành chính; khuyến khích những tập thể, cá nhân trao đổi, mua bán hàng hóa, vật tư cũng như các tập thể, cá nhân sau khi hoàn thành kế hoạch giao nộp sản phẩm cho Nhà nước được quyền lưu thông hàng hóa; áp dụng cơ chế giá thị trường có nhiều thành phần kinh tế tham gia; giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các trục đường giao thông; ngành thương nghiệp không được nâng giá tùy tiện để hưởng chênh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.48, tr.57.

lệch... Nhờ đó, hoạt động phân phối lưu thông của tỉnh đã có bước đột phá rõ rệt, thị trường lưu thông phân phối thông suốt cả trong và ngoài tỉnh, hàng hóa của Nhân dân làm ra được tiêu thụ thuận lợi, dồi dào, góp phần điều hòa lương thực, thực phẩm, thu hẹp đáng kể về sự chênh lệch giá cả giữa các vùng, miền trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, ngành thương nghiệp quốc doanh chưa thể hiện được vai trò chủ đạo, không nắm được việc trao đổi, mua bán các mặt hàng chủ lực sản xuất tại địa phương; hợp tác xã mua bán chưa gắn kết được với sản xuất, kém năng động, sáng tạo nên sức cạnh tranh còn yếu so với tư thương. Một số mặt hàng quan trọng bị tư nhân khống chế, lũng đoạn; nhiều tư thương lợi dụng cơ chế thoáng để đầu cơ, buôn lậu, gây thiệt hại cho Nhà nước và Nhân dân nhưng chậm trong việc đưa ra biện pháp giải quyết.

Trong hoạt động kinh tế đối ngoại, tỉnh chủ trương tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư, bước đầu đã có 7 đơn vị được cấp giấy phép đầu tư với vốn pháp định 9,49 triệu USD. Các hình thức chuyển giao công nghệ, mua trả chậm, gia công, liên doanh bao tiêu sản phẩm... của các xí nghiệp may mặc, dứa tre xuất khẩu, chế biến gỗ được thực hiện có hiệu quả, đã có 16 đối tác ký kết theo danh mục gọi đầu tư vốn của tỉnh, với tổng vốn trên 100 triệu USD. Do hoạt động xuất nhập khẩu còn nhiều hạn chế, tỷ giá ngoại hối biến động liên tục, cơ chế, chính sách còn có mặt chưa phù hợp, nên tỉnh đã nhanh chóng đề ra những chính sách ưu đãi khuyến khích các ngành, các doanh nghiệp tìm hướng đi, chủ động tìm một số thị trường mới có triển vọng phát triển ổn định, lâu dài; xuất khẩu được nhiều mặt hàng chủ lực của tỉnh. Nhờ đó, tỉnh có điều kiện để mở rộng nhiều vùng cây chuyên canh tại các huyện phía bắc của tỉnh, phát triển thêm cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, tạo ra nhiều việc làm mới. Trong đó, huyện Lộc Ninh đã tăng giá trị xuất khẩu hạt tiêu từ 255 tấn vào năm 1986 lên 700 tấn vào năm 1990. Hoạt động xuất nhập khẩu phát triển với tốc độ tăng bình quân hàng năm là 18,36%, góp phần đáng kể thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh. Tổng kim ngạch xuất khẩu của địa phương trong 5 năm 1986-1990 đạt 29,14 triệu USD, nhập khẩu đạt 23,516 triệu USD. Tuy nhiên, việc xuất nhập khẩu còn bộc lộ nhiều yếu kém, kim ngạch xuất nhập khẩu còn thấp so với khả năng nguồn hàng của tỉnh và nhu cầu của thị trường ngoài nước. Hàng hóa xuất nhập khẩu chủ yếu là sản phẩm thô, chưa có sự đầu tư thích đáng để tạo nguồn hàng và tăng giá trị xuất khẩu. Việc quản lý và sử dụng ngoại tệ thiếu tập trung. Hàng nhập khẩu phục vụ yêu cầu phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ chiếm tỷ trọng thấp; nhập khẩu hàng tiêu dùng, xa xỉ còn nhiều.

Đối với hoạt động tài chính, tiền tệ, trong những năm đầu thực hiện theo đường lối đổi mới, sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, hiệu quả kém nên mức huy động vào ngân sách của tỉnh còn thấp. Do vậy, tỉnh đã tập trung chỉ đạo giải quyết các yếu kém. Trước mắt, ngành tài chính bảo đảm cân đối được các khoản thu, chi ngân sách; chống thất thu thuế; cuối năm có kết dư chủ động gối đầu cho năm sau. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn, cơ cấu nguồn thu ngân sách đã có sự thay đổi lớn, trong 3 năm 1986-1988, tỷ trọng thu ngân sách từ kinh tế quốc doanh giảm dần, thu từ kinh tế cá thể, tập thể tăng lên. Tuy vậy, tổng thu ngân sách của tỉnh vẫn còn thấp so với khả năng thực tế. Thu ngân sách ở các huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé rất khó khăn; tình trạng thất thu thuế vẫn chưa được giải quyết; thuế doanh thu đạt thấp, thuế nông nghiệp chỉ đạt 30%, thuế công thương nghiệp bị thất thu đáng kể, nhất là thu từ các hộ kinh doanh cá thể; nhiều nguồn thu chưa được chú ý khai thác. Bên cạnh đó, việc quản lý thu chi còn sơ hở, nhiều xí nghiệp, công ty đã vi phạm pháp luật về thuế. Ngành tài chính chưa đánh giá đúng hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh tế, chưa giúp đỡ các doanh nghiệp tính toán chính xác về hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, bảo toàn vốn trong tình hình lạm phát còn cao.

Bước vào thời kỳ đổi mới, hoạt động ngân hàng còn nhiều lúng túng, do vậy tỉnh chỉ đạo ngành ngân hàng chủ động thích nghi với cơ chế mới, nhất là trong việc huy động tiền mặt để đáp ứng nhu cầu vay vốn cho các hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó chú trọng khu vực sản xuất, phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn của tỉnh. Ngân hàng chủ động phát triển kinh doanh ngoại hối và hoạt động kiều hối nhằm tạo ra các khoản thu khác, chuyển sang cho các đơn vị vay để kinh doanh xuất nhập khẩu. Trong năm đầu thực hiện chức năng quản lý nhà nước, quan hệ cung cầu tiền mặt thường xuyên căng thẳng, lượng tiền mặt đưa ra lớn hơn lượng thu về, tạo áp lực thường xuyên cho các hoạt động thanh toán. Sau hai năm chuyển sang hạch toán kinh doanh, ngân hàng đẩy mạnh hoạt động tín dụng cho khu vực sản xuất, kinh doanh. Vào năm 1988, tín dụng dành cho nông nghiệp tăng từ 20% lên 30%, tín dụng cho công nghiệp tăng từ 8% lên 14,7% so với năm 1987. Tuy nhiên, hoạt động ngân hàng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và còn nhiều kẽ hở như: Còn buông lỏng khâu quản lý lượng tiền mặt, cho vay tràn lan không có thể chấp hoặc ràng buộc nhiều điều khoản phi lý, lãi suất điều chỉnh có lúc không phù hợp, nên có lúc không huy động được vốn, có lúc vốn bị ứ đọng. Ngành ngân hàng quản lý chưa chặt chẽ các hợp tác xã tín dụng, các trung tâm tín dụng tư nhân nên để xảy ra các vụ vỡ nợ lên đến hàng tỷ đồng, gây thiệt hại nặng nề cho ngành ngân hàng và người dân,

ảnh hưởng xấu đến sự tín nhiệm của Nhân dân về vai trò của quản lý nhà nước trong hoạt động ngân hàng.

Sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ được tỉnh quan tâm chỉ đạo các ngành, các địa phương thực hiện theo đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV. Công tác tuyên truyền, văn hóa - văn nghệ bảo đảm nội dung phong phú, đa dạng, thiết thực, tránh hình thức, qua loa. Các ngành phối hợp tuyên truyền chặt chẽ, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương, nhất là tuyên truyền các Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, đợt bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các sự kiện chính trị quan trọng, các ngày lễ lớn của đất nước. Tỉnh đẩy mạnh việc tuyên truyền, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương; đồng thời, tổ chức nhiều loại hình giải trí phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ về mặt tinh thần cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Riêng hoạt động văn nghệ quần chúng đã thu hút nhiều đối tượng tham gia, tạo ra sân chơi bổ ích cho mọi đối tượng, nhờ đó phong trào văn nghệ quần chúng được duy trì và phát triển ở hầu hết các địa phương. Trong các đợt liên hoan, hội thi văn nghệ cấp khu vực, toàn quốc, đội văn nghệ quần chúng của tỉnh luôn đạt được thứ hạng cao. Trên lĩnh vực văn học nghệ thuật, tỉnh thường xuyên tổ chức trại sáng tác; chủ động tổ chức các cuộc thi về âm nhạc, hội họa, văn thơ... thu hút nhiều đối tượng tham gia, qua đó phát hiện tài năng để có hướng đào tạo phát triển; duy trì và nâng cao chất lượng tập san văn nghệ.

Các cơ quan, báo, đài, nhà xuất bản chủ động tích cực tạo bước đổi mới, nâng cao chất lượng thông tin, sát cuộc sống hơn, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mọi tầng lớp nhân dân, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, qua đó phát huy dân chủ ở cơ sở. Mặc dù kinh phí còn hạn hẹp, nhưng tỉnh đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện hoạt động cho ngành văn hóa - thông tin, phát thanh truyền hình như xây dựng trạm tiếp sóng phát thanh và truyền hình Bà Rá phủ sóng cho 5 huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé, hỗ trợ cho các huyện phía bắc của tỉnh các đội chiếu phim video. Nhà xuất bản Sông Bé đã xuất bản nhiều ấn phẩm văn học, sách khoa học kỹ thuật... có nội dung ca ngợi con người, quê hương Sông Bé cũng như hướng dẫn cho bà con sản xuất, chăn nuôi. Ngoài ra, tỉnh đã hoàn thành và giới thiệu bộ phim ca ngợi truyền thống lịch sử, văn hóa, thành quả lao động trong xây dựng và phát triển quê hương Sông Bé.

Phong trào rèn luyện thể chất trong học sinh, tập luyện thể dục - thể thao phát triển mạnh mẽ. Được sự quan tâm đầu tư đúng mức của tỉnh, nhìn chung, phong trào thể dục - thể thao đã có nhiều khởi sắc, khơi dậy phong trào rèn luyện thân thể trong mọi tầng lớp nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV ban hành và được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nghiệp giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh có bước phát triển vượt bậc, nhất là hệ thống giáo dục phổ thông. Ngoài việc thực hiện tốt cải cách sách giáo khoa lớp 11, ngành giáo dục tỉnh đã tiến hành tách trường cấp II ra khỏi cấp I và đa dạng hóa các hình thức trường lớp (bán công, dân lập; bán trú...). Từ việc huy động sự đóng góp của các ngành, các cấp và Nhân dân, tỉnh đã sửa chữa và xây dựng thêm được nhiều trường lớp, trang thiết bị dạy và học; hạn chế tình trạng học ba ca. Chất lượng dạy và học được nâng lên, số lượng giáo viên giỏi, học sinh giỏi ngày càng nhiều. Những hoạt động bảo trợ tài năng trẻ được Nhân dân ủng hộ, hưởng ứng tích cực. Một số giáo viên có hoàn cảnh khó khăn, giáo viên dạy ở vùng sâu, vùng xa bước đầu được hỗ trợ một phần vật chất, thể hiện sự quan tâm sâu sát của tỉnh trong việc đầu tư cho ngành giáo dục. Các trường chuyên nghiệp dạy nghề đạt được chỉ tiêu về số lượng và chất lượng đào tạo. Công tác xóa mù chữ đạt 80% chỉ tiêu đề ra.

Về công tác khám và điều trị bệnh, đặc biệt là việc củng cố mạng lưới y tế cơ sở, tỉnh rất quan tâm, chỉ đạo ngành y tế tập trung phát triển mạng lưới y tế cơ sở; bố trí các trạm y tế có y bác sĩ phụ trách; cho xây dựng mới và sửa chữa một số bệnh viện cấp huyện; từng bước nâng cao năng lực khám và điều trị của đội ngũ y bác sĩ; xây dựng và đổi mới hoạt động các trạm vệ sinh phòng dịch, sốt rét, trạm mắt, trạm tâm thần, trạm bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, kế hoạch hóa gia đình...; nhanh chóng thành lập bệnh viện y học dân tộc cổ truyền; nâng cao năng lực hoạt động của Hội chữ thập đỏ các cấp. Tỉnh đầu tư trang thiết bị và tăng kinh phí hoạt động cho các bệnh viện, trạm xá để bảo đảm tốt việc khám và điều trị bệnh cho Nhân dân. Đến năm 1990, toàn tỉnh có 10.763 giường bệnh, tăng 2% so với năm 1985. Chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện, giảm được dịch bệnh sốt rét, kịp thời phát hiện và dập tắt các dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng vượt 15% chỉ tiêu giao, số lượng y bác sĩ tăng lên, cứ 10.000 dân có 12 y bác sĩ phục vụ, đây là một chỉ số khá so với các tỉnh, thành trong cả nước. Cán bộ, công nhân viên của ngành y tế trong toàn tỉnh nhìn chung đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ cho ba chương trình kinh tế lớn của tỉnh là nhiệm vụ hàng đầu của các cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực khoa học - công nghệ. Trên cơ sở đó, tỉnh chỉ đạo hoạt động khoa học - công nghệ phải gắn với thực tiễn ứng dụng; mở rộng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ quan khoa học. Nhờ đó, hoạt động khoa học - công nghệ của tỉnh trong thời gian qua có khởi sắc, nhiều công trình nghiên cứu khoa học được đưa vào ứng dụng trong sản xuất, đời sống và trong công tác giáo dục.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV về sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển; từng bước nâng cao trình độ dân trí; phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ về mặt văn hóa tinh thần và nâng cao các điều kiện về khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân ngày càng tốt hơn. Tuy nhiên, các ngành, các cấp chưa được thực hiện tốt một số yêu cầu, nhiệm vụ. Trên lĩnh vực văn hóa - thông tin, trước nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật, thông tin, giải trí ngày càng cao của các giai tầng trong xã hội, nhưng có lúc, có nơi hoạt động phát thanh truyền hình, báo chí, xuất bản làm chưa tốt, mức đầu tư cơ sở vật chất, phân bổ kinh phí hoạt động và mức hưởng thụ giữa các vùng miền có sự chênh lệch; chưa có những biện pháp quản lý hiệu quả và đồng bộ để ngăn chặn các loại văn hóa phẩm phản động, đồi trụy, đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc. Công tác báo chí, xuất bản còn nhiều mặt thiếu sót, thông tin các vụ việc còn thiếu chính xác, một chiều, gây ra tâm lý hoài nghi, nhất là các thông tin về tiêu cực và chống tiêu cực. Hoạt động xuất bản manh nha khuynh hướng thương mại hóa khiến cho dư luận không đồng tình. Hệ thống truyền thanh cấp xã chưa phát huy tốt việc tuyên truyền. Chất lượng dạy và học chưa được nâng lên đúng tầm, trong đó chất lượng học sinh phổ thông học lực yếu kém còn nhiều, số học sinh bỏ học tăng (tỷ lệ bỏ học ở các cấp là: cấp I là 10%, cấp II, III là 16%); lý tưởng sống, động lực học tập của một số học sinh còn mờ nhạt. Số lượng giáo viên xin nghỉ dạy còn cao, nhất là giáo viên cấp I. Cơ sở vật chất xuống cấp, trang thiết bị dùng cho việc dạy và học lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu; còn nhiều phòng học được làm bằng tranh tre, tình trạng học ba ca chưa được xoá. Công tác giáo dục càng khó khăn hơn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới trên địa bàn thuộc Bình Phước ngày nay. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế, còn thiếu thuốc chữa bệnh, nhất là ở các huyện phía bắc của tỉnh; cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình chưa đạt yêu cầu, do vậy tỷ lệ tăng dân số bình quân

hàng năm trong nhiệm kỳ còn cao (2,1%); tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng, các dịch bệnh sốt rét, sốt xuất huyết chưa được đẩy lùi. Hoạt động khoa học - công nghệ chưa tạo được động lực mạnh mẽ để chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế; chưa thúc đẩy phát triển nhanh các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao; khoa học xã hội nhân văn chưa định hình rõ nét; thiếu một hội đồng khoa học hoạt động thiết thực gắn với yêu cầu của địa phương. Bên cạnh đó, bản thân đội ngũ các nhà khoa học thiếu năng động, sáng tạo trong công tác tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp có hiệu quả. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu còn thiếu; việc bồi dưỡng, nâng cao kiến thức để tiếp cận với trình độ khoa học - công nghệ cao chưa được thường xuyên; kinh phí đầu tư cho khoa học - công nghệ còn thấp, chưa tạo được điều kiện cần thiết để triển khai ứng dụng các đề tài có hiệu quả; việc chậm đổi mới chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với cán bộ khoa học kỹ thuật cũng phần nào hạn chế sự phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ vào thực tiễn cuộc sống.

Thực hiện chính sách xã hội là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, do vậy tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp, chính quyền địa phương, Mặt trận, đoàn thể luôn quan tâm, chăm lo cho các đối tượng chính sách xã hội. Trong đó, tỉnh chú trọng vận động doanh nghiệp đóng góp thể hiện trách nhiệm xã hội của mình vào việc xây dựng nhà tình nghĩa, nhận phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách, giúp đỡ về mặt vật chất cho các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người già neo đơn, trẻ em tàn tật, cơ nhỡ... Kết quả, tỉnh đã xây dựng được 362 ngôi nhà tình nghĩa, hoàn thành việc xác nhận giải quyết chính sách đối với thương binh, thân nhân liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; quy tập mộ liệt sĩ, chỉnh trang lại nghĩa trang liệt sĩ; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện...

Điều đáng lưu ý là trong những năm 1986-1990, tỷ lệ tăng dân số ở tỉnh khá cao, chủ yếu là do tăng cơ học tạo nên áp lực rất lớn về dân số và giải quyết việc làm, bố trí đất canh tác. Nhưng với quyết tâm cao, tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp, địa phương giải quyết hợp tình, hợp lý, bố trí nơi ăn ở, đất canh tác nhằm ổn định cuộc sống cho các đối tượng trên. Hàng năm, tỉnh đã tạo việc làm cho hơn 22.000 lao động; điều động 1.237 hộ ở các khu đông dân cư lên lập nghiệp tại một số xã thuộc các huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé (thuộc địa bàn Bình Phước ngày nay); thu nhận và sắp xếp, bố trí nơi cư trú cho hơn chục ngàn người dân từ các tỉnh khác đến sinh sống lập nghiệp.

Trong giữa cuối thập niên 1980, đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh, chủ yếu sinh sống ở 52 xã thuộc các huyện Phước Long, Lộc Ninh, Bình Long,

Đồng Phú, Bù Đăng có khoảng 12.620 hộ với 67.625 người, gồm 15 dân tộc, cư trú phân tán theo từng buôn, sóc, sống đan xen với người Kinh. Công tác vận động đồng bào phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, định canh, định cư; chăm lo đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho bà con luôn được tỉnh quan tâm chỉ đạo xuyên suốt. Nhờ vậy, ở 40 xã, chủ yếu là các xã thuộc các huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé, đồng bào đã ổn định được cuộc sống; định canh, định cư với mô hình tách hộ, lập vườn. Bà con bước đầu biết áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi. Kết quả, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã trồng tủa được 1.525ha lúa nước, 4.418ha điều, 368ha tiêu, 2.016ha vườn cây ăn trái. Ở một số địa phương thuộc huyện Đồng Phú, Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh, nhiều đồng bào được tuyển vào làm công nhân cao su, đây là một chuyển biến có ý nghĩa to lớn so với tập quán làm ăn lâu đời của bà con đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài ra, tỉnh đầu tư xây dựng 17 công trình thủy lợi, 108km đường giao thông nông thôn; xây dựng nhiều trường học, trạm y tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều hộ gia đình biết tính toán làm ăn đã vươn lên khá, giàu, mua sắm được một số đồ dùng sinh hoạt. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở một số tỉnh biên giới phía Bắc của Tổ quốc đến lập nghiệp, tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi để bà con sớm ổn định cuộc sống lâu dài.

Nhìn chung, công tác chính sách xã hội luôn được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo sát sao nhằm góp phần ổn định xã hội, thực hiện chính sách, chủ trương của Đảng, bước đầu đem lại một số kết quả thiết thực. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên một số chính sách vẫn chưa được thực hiện tốt ở một số địa phương. Đời sống của phần lớn các hộ gia đình ở vùng nông thôn, gia đình cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang, hưu trí, gia đình chính sách... còn gặp không ít khó khăn. Toàn tỉnh còn trên 20.000 lao động chưa có việc làm hoặc việc làm không ổn định, chiếm khoảng 4% số người trong độ tuổi lao động. Tỉnh còn lúng túng trong việc ngăn chặn có hiệu quả tình trạng di dân không theo kế hoạch. Nạn đói giáp hạt, tình trạng du canh, sản xuất độc canh, trong đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn. Việc chăm lo sức khỏe cho đồng bào nhiều nơi làm chưa tốt; tỷ lệ mù chữ, thất học còn cao; tệ mê tín dị đoan, sinh hoạt mất vệ sinh chưa được đẩy lùi. Điều đáng quan tâm là tỉnh chưa có biện pháp tích cực để đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận có trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Về quốc phòng - an ninh, mặc dù là tỉnh có đường biên giới giáp với Campuchia khá dài, địa bàn rộng, dân di cư tự do đông, nhưng tình hình

an ninh biên giới, trật tự xã hội vẫn được giữ vững. Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ/TW ngày 30/7/1987 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 16 về công tác an ninh - quốc phòng và trật tự - an toàn xã hội trong toàn tỉnh, trên cơ sở đó chỉ đạo các huyện, thị xây dựng chương trình, kế hoạch và có nghị quyết chuyên đề trên lĩnh vực này phù hợp với tình hình địa phương, trong đó chú trọng việc củng cố các lực lượng quốc phòng - an ninh; nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và nhận thức rõ hơn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đối với cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, các địa phương và lực lượng vũ trang bắt tay ngay vào việc đổi mới phương thức tổ chức, củng cố lực lượng vũ trang, chú trọng chất lượng với quy mô, số lượng hợp lý, thành lập tổ an ninh nhân dân ở các xã và Hội đồng an ninh trật tự xã; xây dựng lực lượng dự bị, tăng cường củng cố; nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, tuy giảm về số lượng nhưng chất lượng và độ tin cậy cao hơn; công tác gọi thanh niên nhập ngũ thực hiện đúng luật, chất lượng tuyển quân ngày càng cao, liên tiếp trong nhiều năm liền giao quân đạt 100% chỉ tiêu; hệ thống chính trị viên ở cơ sở hình thành và được bồi dưỡng thường xuyên; vai trò trách nhiệm của các tổ chức cơ sở đảng được nâng cao trong lãnh đạo các lực lượng vũ trang. Thực hiện vận hành cơ chế mới thông qua tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ ở tỉnh, huyện, xã đạt kết quả tốt, rút ra nhiều bài học cho cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, Mặt trận các cấp. Lực lượng vũ trang tỉnh có bước chuyển biến trong vận động động viên quân dự bị; củng cố lực lượng và tổ chức sẵn sàng chiến đấu ở tuyến biên giới, vùng trọng điểm, vùng giáp ranh, thị trấn, thị tứ; thực hiện chính sách hậu phương quân đội ngày càng đồng bộ, hiệu quả.

Tỉnh chỉ đạo các lực lượng công an triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 135-CT ngày 14/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, ngành công an tỉnh đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời các mầm mống gây mất ổn định, các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ địch và các phần tử xấu; kịp thời xử lý các trường hợp lợi dụng tôn giáo, hoạt động trái pháp luật. Công tác phối hợp giữa lực lượng công an, quân sự và Mặt trận, đoàn thể nhằm tuyên truyền, phát hiện tội phạm, xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ trật tự an toàn xã hội ở địa bàn dân cư đạt hiệu quả cao. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc có những chuyển biến mạnh, tạo ra nhiều nhân tố mới tích cực để ổn định tình hình trên mọi mặt.

Về tuyến biên giới, tỉnh có đường biên giới dài giáp với Campuchia tại huyện Lộc Ninh và Phước Long. Đây là tuyến biên giới vô cùng quan trọng, do vậy Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn nhận thức, quán triệt sâu sắc những quan điểm chỉ đạo của Trung ương cũng như vận dụng chủ động, sáng tạo, sát với tình hình thực tế của địa phương, nhờ vậy tình hình biên giới tuy có xảy ra một số vụ việc vi phạm quy chế biên giới nhưng nhìn chung cơ bản bảo đảm ổn định, hòa bình, hữu nghị giữa hai Nhà nước Việt Nam và Campuchia. Đồng thời, tỉnh đã hoàn thành nghĩa vụ giúp nước bạn Campuchia với tinh thần quốc tế trong sáng. Ngay sau khi Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia năm 1985 có hiệu lực thi hành, tỉnh đã triển khai các công việc cần thiết, chuẩn bị sẵn sàng cho thực hiện phân vạch và cắm mốc biên giới trên thực địa, tuy nhiên do tình hình chung có những diễn biến phức tạp, nên việc phân giới và cắm mốc trên tuyến biên giới thuộc phạm vi tỉnh Sông Bé chưa thực hiện được. Trong suốt 5 năm 1986-1990, Ủy ban nhân dân tỉnh ra nhiều quyết định, chỉ thị về việc củng cố nhân sự, thành phần Ban biên giới tỉnh; chỉ đạo tổ chức triển khai công tác cắm mốc biên giới, phát quang, bảo vệ biên giới, ranh giới của tỉnh, tiến hành giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân sinh sống ở các xã biên giới không vi phạm quy chế biên giới, nâng cao ý thức cảnh giác, sẵn sàng chống mọi âm mưu của các thế lực thù địch; lập phương án tác chiến bảo vệ từng đoạn trên tuyến biên giới, chú ý các đoạn trọng điểm, kết hợp với tỉnh bạn Campuchia mở từng đợt cao điểm trấn áp tội phạm... Bên cạnh đó, lãnh đạo tỉnh thường xuyên tổ chức họp định kỳ, trao đổi với lãnh đạo các tỉnh Mondulhiri, Kratié, Kampong Cham (Campuchia) để bàn bạc về chương trình phối hợp, bảo vệ biên giới và hợp tác kinh tế giữa các tỉnh trên cơ sở cùng có lợi, phù hợp với chủ trương của hai nhà nước Việt Nam và Campuchia. Nhờ đó, việc thực hiện các quan hệ phối hợp bảo vệ an ninh biên giới và hợp tác kinh tế đã đạt nhiều kết quả khả quan, tình hình trên tuyến biên giới luôn giữ vững ổn định.

Tuy nhiên, tình hình quốc phòng - an ninh, trật tự xã hội còn một số mặt hạn chế. Công tác giáo dục quốc phòng trong Nhân dân chưa thường xuyên, tình hình an ninh trật tự một số nơi còn phức tạp nhưng chậm phát hiện, xử lý; kẻ địch trong và ngoài nước cấu kết tìm mọi cách chống phá ta bằng các thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt. An ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa, an ninh biên giới còn bộc lộ một số yếu kém. Nạn võ hụi, võ nợ của hợp tác xã tén dụng và các vụ án hình sự chậm được giải quyết làm cho quần chúng nhân dân chưa an tâm. Việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân từ các

địa bàn khu dân cư chưa tốt; việc kết hợp hoạt động kinh tế với quốc phòng của các đơn vị quân đội ở khu vực biên giới, ranh giới chưa tạo được thể trận liên hoàn. Sự phối hợp giữa các ngành trong khối nội chính, nhất là lực lượng công an và quân sự có lúc chưa chặt chẽ. Một số cấp ủy Đảng chưa trực tiếp nắm và chỉ đạo hoạt động của các lực lượng vũ trang và công an. Việc quản lý người nước ngoài vào, ra địa phương còn sơ hở; ở tuyến biên giới đã xảy ra nhiều vi phạm quy chế biên giới nghiêm trọng như vượt biên trái phép, buôn lậu, trộm cướp... Ngân sách đầu tư cho quốc phòng, an ninh còn thấp; việc bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang, công an chưa được quan tâm đúng mức.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thông qua bầu cử và công tác quản lý nhà nước của các cấp chính quyền có bước cải tiến, góp phần đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa. Từ các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân được thể chế hóa thành các quyết định, chỉ thị của chính quyền, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng quyền tự chủ cho các công ty xí nghiệp, thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh phát triển. Bộ máy chính quyền các cấp được sắp xếp tinh gọn, làm việc hiệu quả. Về công tác pháp chế, tỉnh chỉ đạo các ngành thuộc khối nội chính phối hợp với khối đoàn thể đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho Nhân dân, giải quyết nhanh các vụ việc vi phạm pháp luật, các đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân. Tuy nhiên, trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội đồng nhân dân các cấp chưa thể hiện đầy đủ vai trò là cơ quan quyền lực cao nhất. Chính quyền các cấp còn làm việc theo lối hành chính, mệnh lệnh, quan liêu. Nhiều vụ án hình sự, vụ án kinh tế chậm phát hiện, xét xử chưa kịp thời, nhưng chưa có biện pháp tháo gỡ hữu hiệu. Trình độ năng lực của một số cán bộ, nhất là cán bộ trong các cơ quan điều tra, xét xử còn thiếu, yếu về chuyên môn, về tinh thần trách nhiệm.

Quán triệt Nghị quyết số 8B-NQ/TW ngày 27/3/1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, Tỉnh ủy chỉ đạo Mặt trận, khối đoàn thể cấp tỉnh và các đảng bộ trực thuộc quan tâm sâu sát hơn trong công tác vận động quần chúng; tăng cường lực lượng cán bộ, đảng viên cho các đoàn thể; lắng nghe và cho ý kiến chỉ đạo về công tác đoàn thể, tạo thêm phương tiện hoạt động cho các đoàn thể; tạo mối quan hệ làm việc đồng bộ trong việc phối hợp thực hiện các chủ trương đổi mới về kinh tế, về thực hiện dân chủ giữa các cơ quan nhà nước với đoàn thể. Trên cơ sở tiếp thu những quan điểm, chủ trương của Đảng và thực hiện nghị quyết đại hội của đoàn thể cấp trên, Mặt trận và khối

đoàn thể đã cố gắng tìm tòi, từng bước đổi mới về nội dung, công tác tổ chức và phương thức hoạt động ngày càng hiệu quả, thiết thực. Trong hoạt động của Mặt trận, đoàn thể ở các huyện phía bắc tỉnh Sông Bé (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) đã coi trọng việc vận động hội viên, đoàn viên hăng hái tham gia thực hiện chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Các phong trào phát triển kinh tế hộ gia đình, nông dân sản xuất giỏi, phụ nữ giúp nhau trong sản xuất, phong trào bảo vệ an ninh trật tự, giúp đỡ các đối tượng chính sách, các hoạt động từ thiện, khơi dậy tình làng nghĩa xóm... thu được kết quả khả quan, bước đầu gắn được việc vận động quần chúng thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế, xã hội với việc chăm lo thiết thực đến lợi ích của hội viên, đoàn viên. Mặt trận và các đoàn thể đã cải thiện mối quan hệ phối hợp với các cơ quan thuộc khối nhà nước, thực hiện chức năng đại diện bảo vệ quyền lợi chính đáng cho quần chúng nhân dân. Trong công tác tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ khối Mặt trận và đoàn thể được sắp xếp, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung. Một số tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp mới được thành lập đã thu hút đông đảo các hội viên tham gia. Ở nhiều nơi, Mặt trận và các đoàn thể có sáng kiến tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để tạo thêm quỹ hoạt động.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và bằng nỗ lực của bản thân, Mặt trận và các đoàn thể đã có những đóng góp đáng kể vào những thành tựu chung của tỉnh, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, xây dựng tỉnh Sông Bé ngày càng giàu mạnh. Tuy nhiên, công tác vận động quần chúng vẫn chưa được đổi mới trên một số mặt. Tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể còn công kênh, kém hiệu lực; cách làm việc còn nặng tính hành chính. Nhiều tổ chức cơ sở đoàn thể, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoạt động yếu kém, thậm chí có nơi gần như không hoạt động. Số lượng, chất lượng đoàn viên, hội viên giảm sút; nhiều hội viên, đoàn viên không thiết tha, gắn bó với tổ chức của mình. Một số đoàn, hội chưa thực hiện tốt chức năng chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của hội viên, quần chúng; trong hoạt động còn lúng túng và chưa đa dạng hóa hình thức tổ chức tập hợp quần chúng. Ngoài ra, do năng lực cán bộ có hạn, việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế; một số cán bộ chưa được bố trí, đào tạo bồi dưỡng tốt, một số chưa an tâm công tác. Nguyên nhân của yếu kém là do một số nơi chưa xem trọng công tác vận động quần chúng là việc làm có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong công cuộc đổi mới. Đội ngũ cán bộ Mặt trận và đoàn thể chưa được quy hoạch đào tạo có hệ thống, chính sách, chế độ đãi ngộ còn hạn hẹp.

Về công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy luôn bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, cụ thể hóa các Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, nhất là Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 20/6/1988 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) bằng các chương trình, nghị quyết cụ thể sát với tình hình thực tế của địa phương để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đây là những vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần làm cho tình hình kinh tế, xã hội của tỉnh ổn định, phát triển.

Một trong những nghị quyết của Đảng có tầm chỉ đạo chiến lược về công tác tư tưởng trong giai đoạn 1986-1990 là Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 24/8/1989 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay được Tỉnh ủy chỉ đạo rất sâu sát, nhất là trong giai đoạn các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đứng trước nguy cơ tan rã đã tác động không nhỏ đến tư tưởng, suy nghĩ của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân, ảnh hưởng không tốt đến công cuộc đổi mới. Tỉnh đã phân tích những kết quả bước đầu đạt được trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới cũng như nhận định, đánh giá những mặt khó khăn trên nhiều lĩnh vực của tỉnh, đặc biệt phân tích sâu sắc những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, trong nước, trong tỉnh, nhất là tình hình chính trị tại các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô; các thế lực thù địch trong và ngoài nước tìm đủ mọi cách chống phá cách mạng Việt Nam cùng với một số tác động xấu của cơ chế thị trường. Các vấn đề trên đã tác động đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, một số ít cán bộ, đảng viên đã xuất hiện những tư tưởng lệch lạc, sai lầm. Từ nhận định trên, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể trong tỉnh, nhất là lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân phát huy truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, tỏ rõ lập trường tư tưởng đúng đắn, vững vàng kiên trì thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy đã nhanh chóng xây dựng chương trình hành động và tổ chức triển khai học tập nghị quyết của Trung ương Đảng (khóa VI) trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhờ đó nhận thức, niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng được nâng cao; kịp thời củng cố sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng bộ, sự đồng thuận trong toàn xã hội; làm cho đa số cán bộ, đảng viên giữ vững lập trường, quan điểm đúng đắn, theo đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng, kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội,

khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, khẳng định sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, nhưng đại bộ phận đảng viên, cán bộ công chức giữ vững phẩm chất chính trị, lối sống lành mạnh, ra sức học tập để nâng cao kiến thức, năng lực công tác, trau dồi đạo đức cách mạng.

Về mặt tổ chức cơ sở đảng, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TU về xây dựng cơ sở đảng vững mạnh, đồng thời quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ, gắn với việc kiểm điểm phân loại đảng viên định kỳ, công tác tổ chức cơ sở đảng thu được một số kết quả khả quan, từng bước củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Kết quả, bình quân hàng năm trong toàn Đảng bộ, số cơ sở đảng vững mạnh chiếm 29,42%, khá chiếm 63,14%, yếu chiếm 7,24%; số đảng viên đủ tư cách chiếm 98,38% tổng số đảng viên.

Thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 64-CT/TW ngày 10/10/1990 của Ban Bí thư về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, đa số cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình ủng hộ, bước đầu đem lại kết quả tốt, qua đó, Đảng bộ tỉnh đã xử lý kỷ luật 1.198 đảng viên (chiếm 9,2%), trong đó khai trừ 499 người, đưa một số người ra truy tố trước pháp luật; có 14 tập thể cấp ủy cơ sở bị xử lý kỷ luật.

Trong nhiệm kỳ, toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp được 2.651 đảng viên mới vào Đảng, đa số phát huy tốt vai trò của người đảng viên. Qua phê bình và tự phê bình với tinh thần chân thành, thẳng thắn, nhiều cơ sở đảng tăng cường sự đoàn kết, thống nhất, năng lực lãnh đạo, chất lượng của đảng viên được nâng lên, giữ được vai trò là hạt nhân lãnh đạo trước tình hình mới.

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 20/6/1988 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), Tỉnh ủy đã chỉ đạo tiến hành sắp xếp một số tổ chức bộ máy một cách hợp lý, thu gọn một số cơ quan, ban ngành, giảm những tổ chức trung gian; điều chỉnh và thay đổi nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan, đơn vị. Đội ngũ cán bộ được xây dựng có đủ phẩm chất và năng lực, từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính liên tục và kế thừa, xúc tiến xây dựng công tác quy hoạch cán bộ. Các chi bộ

ở nông thôn cũng được sắp xếp, chủ yếu dựa theo địa bàn dân cư để quản lý và sinh hoạt Đảng.

Tại các huyện phía bắc của tỉnh Sông Bé (thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay), công tác xây dựng Đảng đã có nhiều chuyển biến quan trọng. Các Đảng bộ đã chú trọng đổi mới tư duy về lãnh đạo và quản lý kinh tế, đặc biệt chú ý công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; bước đầu khơi dậy trong nội bộ và quần chúng tính tích cực, dân chủ, công khai, mạnh dạn nói thẳng, nói thật. Lòng tin của quần chúng đối với tổ chức đảng được nâng lên rõ rệt. Qua phân loại tiêu chuẩn cơ sở đảng, số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh chiếm tỷ lệ cao, rất ít cơ sở đảng xếp loại yếu kém. Trong đó, toàn Đảng bộ huyện Phước Long trong 2 năm 1986-1987, số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh chiếm tỷ lệ 2/3, loại khá chiếm 1/3. Năm 1990, trong Đảng bộ huyện Lộc Ninh, số cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và khá chiếm 35/48 cơ sở đảng; huyện Đồng Phú chỉ có 2 cơ sở đảng yếu. Đảng bộ huyện Bù Đăng trong những năm đầu tái lập (1988), số cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và khá chiếm tỷ lệ trên 80%. Công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên được các Đảng bộ quan tâm đúng mức, từng bước mạnh dạn tạo điều kiện cho số cán bộ trẻ có trình độ phát huy năng lực trong công tác. Điển hình như huyện Phước Long trong nhiệm kỳ V đã cử 810 cán bộ, đảng viên đưa đi đào tạo; huyện Bình Long cử 100 đồng chí, các huyện khác cũng cử phần lớn cán bộ, đảng viên đưa đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tại các trường ở Trung ương, tỉnh, huyện. Công tác phát triển đảng đạt nhiều kết quả khả quan, nhất là các huyện đã chú trọng đến chất lượng, hầu hết các đồng chí được kết nạp đều có trình độ văn hóa và chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, phần lớn phát huy được tác dụng, trong đó điển hình như Đảng bộ huyện Bình Long trong nhiệm kỳ V kết nạp được 127 đảng viên, huyện Đồng Phú trong 2 năm 1989-1990 kết nạp được 99 đảng viên mới.

Trong thời điểm các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đứng trước nguy cơ tan rã và đất nước ta đi những bước đầu tiên trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, trong công tác chỉ đạo cũng như tổ chức thực hiện còn có một số lúng túng, nhưng nhìn chung trong giai đoạn 1986-1990, công tác xây dựng Đảng của tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định, khẳng định được vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số yếu kém, nhất là trong công tác giáo dục, học tập nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và

Nhân dân chưa được thường xuyên. Một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân lo lắng, dao động, thiếu tin tưởng. Một bộ phận có tâm trạng hoài nghi, giảm sút ý chí chiến đấu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác, thấy sai không dám đấu tranh, thấy đúng không bảo vệ; một số đảng viên có chức có quyền thiếu tinh thần chí công vô tư, có lối sống thực dụng, thu vén cho cá nhân, tham ô, thoái hóa phẩm chất, đạo đức. Công tác quản lý đảng viên còn lỏng lẻo; một số cơ sở đảng yếu kém, nên không làm được chức năng là trường học, là nơi rèn luyện đảng viên; vai trò, hoạt động của một số tổ chức cơ sở đảng và đảng viên còn mờ nhạt. Tình trạng mất đoàn kết còn kéo dài ở một số tổ chức cơ sở đảng, có không ít tổ chức đảng thiếu mạnh dạn đấu tranh phê bình và tự phê bình, trong đấu tranh phê bình còn vì động cơ cá nhân, “dễ người dễ ta” hoặc đả kích, bôi xấu nhau, cũng có trường hợp mất đoàn kết do không thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Việc đánh giá cán bộ cũng chưa thật sự đổi mới quan điểm lấy hiệu quả công tác làm thước đo năng lực trình độ; bố trí cán bộ còn bị động, chấp vá. Công tác quy hoạch cán bộ chưa gắn liền với công tác bồi dưỡng, đào tạo cũng như sử dụng. Nhiều trường hợp cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ có chức, có quyền sai phạm nhưng chậm bị xử lý, xử lý chưa nghiêm minh.

Nhìn chung, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, về cơ bản, tỉnh đều hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết đề ra, làm cơ sở vững chắc cho phát triển của tỉnh trong những năm tiếp theo. Nền kinh tế của tỉnh đã vượt qua khó khăn, thử thách trên nhiều lĩnh vực, đi dần vào ổn định và phát triển đúng hướng, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Cơ sở vật chất được tăng cường, ngành hàng nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống được khôi phục và phát triển. Hoạt động xuất nhập khẩu có tiến bộ, bước đầu thu hút được vốn đầu tư nước ngoài. Các đơn vị kinh tế Trung ương và địa phương có bước kết hợp tương đối đồng bộ và hiệu quả. Tỉnh đã tạo ra được bước chuyển biến mới và bố trí lại cơ chế sản xuất và đầu tư, tăng thêm nguồn vốn của địa phương. Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội cơ bản đáp ứng yêu cầu cần thiết của xã hội. Tỉnh giải quyết tốt chính sách, chế độ đối với cán bộ hưu trí, gia đình chính sách. Đời sống của phần lớn dân cư được cải thiện. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa có bước chuyển biến vượt bậc, đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ Nhân dân ngày càng đa dạng, phong phú.

Tỉnh giữ vững được ổn định chính trị, duy trì được trật tự, trị an, an toàn xã hội trước tình hình trong và ngoài nước có nhiều diễn biến phức tạp. Hệ thống

chính trị từng bước được củng cố, đổi mới, bảo đảm thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân được tôn trọng hơn, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử và hiệu lực quản lý của chính quyền. Khối Mặt trận và đoàn thể có bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Công tác xây dựng Đảng đạt được những kết quả đáng kể, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, từng bước kiện toàn đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy, khôi phục niềm tin của Nhân dân với Đảng, tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

Đạt được những thành tựu trên, trước hết bắt nguồn từ đường lối đổi mới của Đảng được thể hiện, vận dụng sáng tạo, phù hợp vào tình hình thực tế của địa phương trong các nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI và được Nhân dân đồng tình ủng hộ; sự lãnh đạo, điều hành và triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết của các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp có hiệu quả. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đã dần đi vào cuộc sống; cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong tỉnh nêu cao truyền thống tự lực, tự cường, lao động cần cù, sáng tạo và làm theo các nghị quyết của Đảng.

Tuy nhiên, trong công tác chỉ đạo còn một số thiếu sót, dẫn đến tỉnh chưa đạt được nhiều chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra. Một mặt là do Đại hội Đảng bộ tỉnh được tiến hành trong thời điểm còn chịu ảnh hưởng của cơ chế quan liêu bao cấp, chỉ tiêu đề ra còn chủ quan, thiếu căn cứ khoa học, chưa dự kiến được hết diễn biến phức tạp của tình hình; mặt khác do sự yếu kém của các cấp ủy đảng, sự điều hành thiếu năng động của các cấp chính quyền, chưa phát huy được lợi thế của tỉnh.

Từ những khuyết điểm, yếu kém trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện, nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tuy có phát triển, nhưng còn chậm, chưa thật vững chắc, chưa đồng bộ và thiếu ổn định, thậm chí có mặt giảm sút. Tài nguyên thiên nhiên nhất là tài nguyên rừng thuộc địa bàn các huyện phía bắc của tỉnh bị thất thoát lớn. Tổng giá trị sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân tính theo đầu người chưa cao. Tích lũy từ sản xuất chưa nhiều, mức huy động vào ngân sách còn thấp, chưa tương xứng với khả năng của tỉnh. Khi chuyển sang cơ chế mới, việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa lường hết mặt trái của cơ chế thị trường, nên đã để xảy ra nhiều tiêu cực, lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

Đời sống của một bộ phận nhân dân lao động, cán bộ, công nhân viên khối hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, gia đình chính sách... còn khó khăn. Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người dân có lúc thiếu ăn; chưa giải quyết

được nhiều việc làm cho người lao động. Mức thu nhập giữa các khu vực, các tầng lớp dân cư ngày càng cách biệt lớn, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, nhưng chưa có biện pháp giải quyết thỏa đáng.

Công tác quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực còn kém hiệu lực, kỷ cương pháp luật chưa nghiêm. Tình trạng quan liêu, gây phiền hà, nhũng nhiễu cho dân còn tồn tại; việc chống tham nhũng đạt hiệu quả thấp. Tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội có chiều hướng phát triển, đạo đức trong xã hội có mặt sa sút, các mầm mống gây mất ổn định vẫn còn.

Về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng, tuy tỉnh có cố gắng, nhưng hiệu quả đạt được còn thấp. Chất lượng hoạt động của một số chi bộ, đảng bộ cơ sở giảm sút, còn nhiều đảng viên trung bình, yếu kém, thậm chí có tư tưởng lệch lạc nhưng không trao đổi, học tập, phấn đấu để vươn lên. Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở, nhất là ở các cơ sở kinh tế bị lu mờ. Bản lĩnh chính trị, kiến thức và năng lực quản lý, điều hành kinh tế, xã hội của đội ngũ cán bộ còn yếu. Công tác cán bộ thiếu quy hoạch, bố trí cán bộ còn bị động, chưa đáp ứng tốt sự nghiệp đổi mới của Đảng. Bộ máy tổ chức, cán bộ nói chung còn công kênh, hoạt động kém hiệu lực.

Xét về nguyên nhân khách quan, những khuyết điểm, yếu kém trên trước hết là do đất nước ta chưa thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, hệ thống pháp luật và nhiều chính sách không đồng bộ, thậm chí chưa phù hợp; nếp nghĩ và cách làm của nhiều cán bộ, đảng viên còn bị ảnh hưởng của cơ chế quản lý theo kiểu tập trung quan liêu, bao cấp; trong quá trình đổi mới cũng nảy sinh những khó khăn mới. Bên cạnh đó, những biến động của quốc tế, nhất là sự tan rã của các nước Đông Âu và Liên Xô đã làm đảo lộn quan hệ thị trường, ảnh hưởng đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Về mặt chủ quan, do công tác chỉ đạo của các cấp ủy, sự điều hành quản lý của các cấp chính quyền, tổ chức đoàn thể chính trị nhìn chung chưa đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới, nhất là về năng lực quản lý kinh tế, xã hội khi chuyển sang cơ chế thị trường. Các cấp lãnh đạo chưa lường hết mọi việc nên chưa thật sự tập trung cao cho những khâu trọng tâm, trọng yếu, nhiệm vụ then chốt mà còn dàn trải. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, nhân rộng điển hình trong quá trình thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng còn bị xem nhẹ, chưa được thực hiện thường xuyên. Tỉnh chưa phát huy và sử dụng tốt tiềm năng dồi dào về tài nguyên đất đai, lâm sản, nguồn nhân lực...

Từ thực tiễn lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc lãnh đạo của Đảng

bộ. Trước hết là phải giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng bộ, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từng cấp ủy và toàn Đảng bộ phải không ngừng nâng cao nhận thức, nắm vững quy luật, nắm vững đường lối, quan điểm, chủ trương đổi mới của Đảng để vận dụng sáng tạo, đúng đắn vào tình hình thực tế của địa phương, đề ra được các chủ trương, biện pháp bước đi thích hợp trên từng lĩnh vực hoạt động, phải hết sức tỉnh táo, kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý tình hình phức tạp mới phát sinh. Cần chú ý tránh cả hai khuynh hướng trì trệ, bảo thủ, không dám sáng tạo, hành động theo cái mới, ngược lại quá nóng vội, thiếu tính toán kỹ để dẫn đến hụt hẫng, thất bại.

Biết dựa vào sức dân, có các chủ trương, chính sách, biện pháp phù hợp, giải quyết hài hòa các lợi ích, khơi dậy tiềm năng và sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia phát triển kinh tế - xã hội, tự giác tham gia các phong trào hành động cách mạng, từ đó mới thực hiện được các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra, làm cho dân giàu, nước mạnh. Phải làm cho dân tin Đảng, Nhà nước bằng những việc làm cụ thể, thiết thực.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, mở rộng dân chủ đồng thời vẫn phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, không ngừng nâng cao năng lực quản lý nhà nước, giữ vững kỷ cương, pháp luật nghiêm minh. Trong quá trình đổi mới, chuyển đổi cơ chế quản lý, địa phương, ngành, đơn vị nào buông lỏng quản lý, không giữ vững nguyên tắc, nơi đó sẽ phát sinh tiêu cực, chệch hướng, dẫn đến suy thoái cán bộ, thiệt hại tài sản, tiền của của Nhà nước.

Phải thường xuyên coi trọng công tác xây dựng Đảng, nhất là xây dựng về tư tưởng và công tác tổ chức cán bộ, cơ sở đảng; đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, không bao biện nhưng cũng không buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với cơ quan nhà nước. Phải quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực được quần chúng tín nhiệm, nhất là phải chọn cán bộ vừa có tâm, vừa có tầm, có năng lực quản lý nhà nước và tư duy kinh tế để bố trí vào các chức danh chủ chốt.

II. ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1991-1996)

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, tuy tình hình còn khó khăn nhiều mặt, với những thách thức gay gắt, song Đảng ta đã khẳng định ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm đổi mới, chỉnh đốn Đảng, tăng cường đoàn kết trong nội bộ Đảng, không ngừng học tập, rèn luyện để giữ vững và nâng cao vai trò,

năng lực lãnh đạo của Đảng. Để kiểm điểm, đánh giá nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng và thực trạng tình hình giai đoạn 1986-1990, đồng thời xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước, đáp ứng yêu cầu trước tình hình mới, từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tổng kết đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI; thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ V được tiến hành trong 2 vòng. Vòng 1 họp từ ngày 24/4 đến ngày 26/4/1991 tại thị xã Thủ Dầu Một. Vòng 2 họp từ ngày 26/12 đến ngày 28/12/1991 tại thị xã Thủ Dầu Một. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh (vòng 2) vinh dự được đón tiếp đồng chí Lê Văn Kiến - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương và đồng chí Huỳnh Thọ - Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương về dự. Dự đại hội có 317 đại biểu chính thức của 15 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, đại diện cho trên 13.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ, so với Đại hội vòng 1 tăng thêm 7 đại biểu được cử từ Đảng bộ Công ty Cao su Phú Riềng và Công ty Cao su Phước Hòa. Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh khẳng định phương châm “Trí tuệ - Đổi mới - Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết”, tiếp tục củng cố và phát huy những thành quả của cách mạng mà Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Sông Bé đã giành được trong nhiệm kỳ IV; đặc biệt là sự ổn định về chính trị trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới. Đại hội tiến hành bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 1991-1996 gồm 47 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Minh Triết được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Cao Văn Chi được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Hồ Minh Phương¹ được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực nhiệm kỳ 1991-1996 như sau:

- Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, bảo đảm sự ổn định về chính trị, ổn định và phát triển kinh tế xã hội, tăng cường nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

1. Đến tháng 12/1994, đồng chí Nguyễn Minh Đức - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Hồ Minh Phương.

- Nắm vững quan điểm tư tưởng chỉ đạo là: nâng cao tinh thần tự lực tự cường, vượt qua khó khăn thử thách; lập lại trật tự kỷ cương trong nền kinh tế, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng về đất đai, khoáng sản, lâm sản về lao động và các ngành, nghề truyền thống...; mở rộng hợp tác liên doanh, liên kết ngoài tỉnh, tranh thủ hợp tác với nước ngoài theo nguyên tắc cùng có lợi, bảo đảm chủ quyền quốc gia, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển có lợi cho quốc kế dân sinh vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”. Đầu tư xây dựng phát triển kinh tế quốc doanh, xác lập vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Khuyến khích các hình thức kinh tế tập thể và tư nhân hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật.

- Đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách chủ động theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Nắm bắt những điều kiện, thời cơ thuận lợi nhằm tranh thủ mọi nguồn vốn, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; đầu tư phát triển có trọng tâm, trọng điểm.

- Đặt giáo dục và đào tạo lên hàng đầu nhằm “nâng cao dân trí, bồi dưỡng và đào tạo nhân tài”. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, xóa mù chữ, xóa lớp học 3 ca, cơ bản ngói hoặc tôn hóa các trường phổ thông; các trường cấp II, III trong tỉnh đều có dạy môn ngoại ngữ. Các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số phải có trường tập trung để dạy chữ, dạy nghề cho con em dân tộc. Phấn đấu nâng dần đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh; hạn chế, tiến đến chấm dứt tình trạng du canh, du cư và nạn đói giáp hạt của đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi và Nghị định số 72-HĐBT của ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Tăng cường giáo dục về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bảo vệ bà mẹ và trẻ em, phấn đấu đến năm 1995 hạ tỷ lệ tăng dân số xuống còn 1,95%. Xây dựng 500 căn nhà tình nghĩa, mỗi xã, phường, thị trấn đều có quỹ bảo trợ xã hội bằng nhiều nguồn để chăm lo cho các đối tượng chính sách, người già cô đơn và trẻ em mồ côi, cơ nhỡ.

- Quan tâm chăm lo xây dựng vững mạnh nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, địa bàn biên giới vững mạnh toàn diện và hữu nghị. Xây dựng lực lượng quân đội và công an vững về chính trị, mạnh về nghiệp vụ, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của Nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

- Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất về chính trị, tư tưởng, hành động tạo được niềm tin và sự gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, xây dựng cơ sở đảng trong sạch và vững mạnh là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của toàn Đảng bộ. Chống bệnh quan liêu xa rời quần chúng, kiên quyết chống tệ tham nhũng, đến năm 1995 có trên 60% cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, không còn cơ sở yếu kém, làm tốt công tác phát triển đảng viên mới.

Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V được triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ này, toàn Đảng bộ đã chủ động khắc phục khó khăn, tận dụng những thuận lợi và ưu thế sẵn có của tỉnh, từng bước đưa nghị quyết đại hội thành hiện thực trên nhiều lĩnh vực.

Trong giai đoạn 1991-1996, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh bình quân mỗi năm tăng 13,4%; tổng sản phẩm quốc nội tăng bình quân hàng năm 15%, tăng gần gấp đôi so với kế hoạch đề ra (kế hoạch 7,8%). Đến cuối năm 1995, bình quân thu nhập đầu người đạt 420 USD/năm, tăng gấp đôi so với năm 1990. Tổng thu ngân sách của tỉnh năm 1995 đạt 677 tỷ đồng, gấp 12 lần so với năm 1990. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Hầu hết các chỉ tiêu phát triển kinh tế Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra đều thực hiện đạt và vượt, đưa nền kinh tế của tỉnh đi dần vào thế ổn định.

Đối với sản xuất nông nghiệp, tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, nhất là ngành nông nghiệp chủ động tập trung bám sát thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) (Nghị quyết số 05-NQ/HNTW) về phát triển nông nghiệp, nông thôn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong đó chú ý quan tâm ưu tiên về phát triển kinh tế hộ gia đình; thực hiện tốt chính sách giao đất, giao rừng, tín dụng trong nông nghiệp; tạo điều kiện tốt cho nông nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hóa; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, theo hướng chủ động tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Nhờ sự chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ tỉnh, nên tăng trưởng bình quân hàng năm trong sản xuất nông nghiệp 10,8%; diện tích gieo trồng hàng năm tăng 4,2%, nhất là diện tích cây công nghiệp như cao su, tiêu, điều, cà phê, cây ăn trái... ngày càng được mở rộng, chiếm 75% tổng diện tích gieo trồng trong toàn tỉnh. Thế mạnh của các huyện phía bắc (thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay) là tạo ra những vùng chuyên canh trồng

cây công nghiệp dài ngày, trong đó có phải kể đến huyện Bình Long diện tích cây cao su vào thời điểm năm 1995 tăng gấp 10 lần so với năm 1990, cây điều tăng 203,7%, cây tiêu tăng 16,79%; huyện Bù Đăng diện tích trồng cây công nghiệp tăng gấp 10 lần kể từ khi tái lập huyện vào năm 1988; huyện Lộc Ninh giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 117,7%. Trong chăn nuôi, tỉnh chỉ đạo tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm với quy mô vừa và nhỏ; áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào chăn nuôi, nên đàn gia súc, gia cầm trong tỉnh tăng lên đáng kể¹. Đặc biệt, từ năm 1993 tỉnh đã chỉ đạo ngành nông nghiệp, các địa phương trong tỉnh phát động mô hình VAC² trong nông dân, được các hộ gia đình ở nông thôn hưởng ứng mạnh mẽ, đem lại hiệu quả thiết thực; nhiều hộ nông dân đã vươn lên khá, giàu, trở thành chủ trang trại có quy mô vốn và tài sản lớn nhờ áp dụng mô hình VAC.

Sông Bé là một trong những tỉnh có diện tích rừng tự nhiên khá phong phú, đa dạng, đem lại nhiều nguồn lợi về tài nguyên rừng cho tỉnh, mặt khác việc quản lý bảo vệ rất phức tạp, do đó, tỉnh chỉ đạo ngành lâm nghiệp tập trung cho việc chuyển cơ cấu từ khai thác sang trồng và bảo dưỡng rừng; xây dựng và bảo vệ rừng đầu nguồn, tổ chức bảo vệ rừng phòng hộ thủy điện Thác Mơ và các loại rừng bảo tồn thiên nhiên ở các huyện phía bắc của tỉnh gắn với phân bố định canh, định cư, giao đất, giao rừng cho người dân; triển khai Dự án 327 của Chính phủ về phủ xanh đất trống đồi trọc; tận dụng khai thác lâm sản ở các vùng ngập nước lòng hồ thủy điện. Từ năm 1993-1995, toàn tỉnh đã thực hiện được 70 dự án lâm nghiệp bằng vốn Dự án 327 với số tiền trên 27 tỷ đồng, trồng mới hơn 1.500ha rừng, ổn định cuộc sống cho gần 500 hộ dân trong vùng dự án. Riêng tại các huyện phía bắc của tỉnh trong giai đoạn 1991-1996, huyện Bình Long đã trồng mới được 313ha rừng, giao khoán cho các doanh nghiệp nhận trồng và chăm sóc hơn 3.000ha rừng; huyện Lộc Ninh trồng mới hơn 1.070ha rừng (gấp 5 lần giai đoạn 1986-1990); huyện Phước Long trồng mới 1.111ha rừng tập trung, 90ha rừng phân tán, khoanh nuôi, bảo vệ 19.615 ha rừng; huyện Bù Đăng đã chủ trương phát triển rừng bằng nhiều mô hình tiến bộ, đó là mô hình phát triển kinh tế từ đất rừng kết hợp với dịch vụ hai đầu cho Nhân dân và các đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện, mô hình này đã huy động được nhiều tiềm năng như quỹ đất, lao động, tiền vốn... và

1. Chỉ tính riêng tại các huyện: huyện Bình Long năm 1995 số lượng đàn trâu, bò tăng 24,5% so với năm 1991, đàn heo tăng 16,7%; huyện Phước Long giá trị sản lượng ngành chăn nuôi năm 1995 tăng 45,81% so với năm 1991; huyện Lộc Ninh đàn trâu bò năm 1995 là 10.600 con, heo 24.240 con, gia cầm 184.250 con.

2. VAC là tên viết tắt của mô hình vườn, ao, chuồng về phát triển nông nghiệp.

kết hợp được nhiều lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động tạo đà cho một vùng kinh tế phát triển... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do nhiều nguyên nhân khác nhau tác động nên mô hình giao đất, giao rừng cho người dân quản lý chưa đem lại hiệu quả thiết thực, thậm chí, diện tích rừng mất dần, đời sống của đa số người dân trong vùng dự án còn nhiều khó khăn.

Nếu năm 1990 tỷ trọng công nghiệp của tỉnh chỉ chiếm 10,35% (nông - lâm nghiệp chiếm 63,84%, dịch vụ chiếm 25,81%), thì đến năm 1995, tỷ trọng công nghiệp tăng 25,5%, nông lâm nghiệp giảm còn 49%, dịch vụ 25,5%. Trong từng ngành sản xuất kinh doanh có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tận dụng và phát huy các thế mạnh, tiềm năng của ngành, vùng sản xuất. Giá trị tổng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh năm sau luôn cao hơn trước. Các sản phẩm chủ lực như gỗ xẻ, đũa tre, hạt điều, đá xây dựng... năm sau tăng gấp 2-3 lần so với năm trước, tỉnh đã chủ trương từng bước đưa dần công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp lên các vùng nguyên liệu tại các huyện phía bắc của tỉnh, đặc biệt tại các huyện Đồng Phú, Bù Đăng từ khi đường quốc lộ 14 được trải nhựa đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở chế biến nông, lâm sản, nhất là chế biến đũa tre xuất khẩu, bột giấy, hàng thủ công mỹ nghệ... phát triển mạnh tại các địa phương này, góp phần thúc đẩy nguồn nguyên liệu phát triển, hạ giá thành sản phẩm, giải quyết thêm công ăn việc làm cho người dân địa phương, tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu. Bên cạnh đó, các ngành nghề truyền thống tiếp tục phát triển, sản phẩm đa dạng, mẫu mã phong phú, nhiều mặt hàng có giá trị cao, xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới.

Quán triệt các văn bản của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, đăng ký doanh nghiệp, tỉnh tập trung chỉ đạo sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh, giải thể các đơn vị làm ăn thua lỗ, trong đó phần lớn là các xí nghiệp quốc doanh ở các huyện, thị, riêng các doanh nghiệp của tỉnh được yêu cầu rà soát, chấn chỉnh lại; cho sáp nhập và mạnh dạn giao vốn cho các đơn vị làm ăn năng động, đồng thời tập trung đầu tư cho các ngành mũi nhọn và có trọng tâm, trọng điểm. Do vậy, tuy nhiều đơn vị quốc doanh giải thể, nhưng số ít còn lại làm ăn có hiệu quả đã góp phần tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế chung của tỉnh, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, tạo nhiều sản phẩm mới có chất lượng, mở rộng được thị trường, phát triển được mạng lưới làm ăn với nước ngoài ngày càng rộng lớn.

Công nghiệp ngoài quốc doanh giữ vị trí quan trọng trong công nghiệp địa phương, chiếm tỷ trọng lớn và phát triển với tốc độ nhanh, năm sau cao hơn năm trước, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư trong Nhân dân, kể cả người

từ ngoài tỉnh đến đầu tư và người có thân nhân ở nước ngoài gửi về,...; hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 15.000 lao động đã thể hiện chủ trương đúng đắn và bước tiến bộ mới của tỉnh trong công tác chỉ đạo phát triển công nghiệp ngoài quốc doanh giai đoạn này.

Được sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nên mối quan hệ giữa tỉnh với các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, nhất là các Công ty Cao su ngày càng thắt chặt hơn. Với thực lực lớn về vốn, tài sản và được đầu tư kỹ thuật khá tiên tiến, các đơn vị kinh tế này luôn đứng vững trước sóng gió cạnh tranh, phát huy được hiệu quả kinh doanh trong cơ chế mới đã góp phần đóng góp nguồn thu cho ngân sách địa phương, tạo việc làm cho trên 50.000 lao động và giải quyết một phần cho nhu cầu xã hội bức thiết như hệ thống giao thông, điện, trường học, y tế, chính sách đền ơn đáp nghĩa, với tổng trị giá bình quân hàng năm trên 2 tỷ đồng.

Giai đoạn 1991-1996, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển và đạt hiệu quả cao hơn so với thời kỳ 1986-1990, bình quân mỗi năm tăng 37,3%. Tại địa bàn các huyện phía bắc của tỉnh xuất hiện nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn như sản xuất đũa tre xuất khẩu, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, khai thác đá xây dựng, thủy điện... Ngoài ra, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp bước đầu áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất bằng công nghệ cao.

Điều đáng quan tâm trong giai đoạn này là tỉnh đã nhất quán chủ trương tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, hệ thống quản lý nhà nước về kinh tế được sắp xếp lại, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành... nhờ vậy trên địa bàn các huyện Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh, Đồng Phú, Bù Đăng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đã hình thành và phát triển nhanh, kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh, năng động với nhiều loại hình hoạt động đã huy động được nhiều vốn và tập hợp được nhiều người có tay nghề cao, góp phần giải quyết nhu cầu hàng hóa cho tiêu dùng và xuất khẩu; giải quyết số đông việc làm, tăng nguồn thu nhập cho doanh nghiệp, người lao động, góp phần vào tăng ngân sách của địa phương. Kinh tế hộ gia đình đã trở thành đơn vị kinh tế tự chủ có vai trò tích cực ở nông thôn, nhiều hộ nông dân, chủ trang trại mạnh dạn đầu tư vốn trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn trái; đẩy mạnh thâm canh sản xuất các loại cây lương thực; xây dựng công xưởng, trang thiết bị chế biến các loại nông sản, góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, lao động nông nhàn, lao động thời vụ, nhiều hộ gia đình nông dân biết kinh doanh, sản xuất giỏi, biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã vươn lên khá, giàu.

Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế được tinh chỉ đạo sắp xếp lại, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, sử dụng hiệu quả trong điều hành, quản lý, giám sát, đôn đốc các công cụ về pháp luật, tài chính, thuế, ngân hàng; vai trò quản lý và điều tiết của Nhà nước được phát huy, can thiệp kịp thời trên một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh quan trọng; sự phối hợp của các cơ quan chức năng đồng bộ hơn, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ngày càng trưởng thành, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh còn bộc lộ một số tồn tại, yếu kém, đó là: Tuy kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo nhưng chưa hiệu quả; kinh tế ngoài quốc doanh phát triển còn mang tính tự phát; kinh tế hộ gia đình phát triển mạnh nhưng thiếu sự hỗ trợ vốn, kỹ thuật, kinh tế hợp tác hoạt động còn lúng túng; đầu tư nước ngoài tiến triển chậm so với tiềm năng của tỉnh; hoạt động của các đoàn thể trong các đơn vị liên doanh với nước ngoài phát triển chậm. Trong quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều thủ tục phiền hà, gây khó khăn cho các doanh nghiệp; trình độ quản lý của cán bộ còn thấp so với yêu cầu.

Với chủ trương đúng đắn của Đảng là tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia phát triển kinh tế - xã hội làm cho lượng hàng hóa ngày càng trở nên phong phú và đa dạng, cung cầu hàng hóa bớt căng thẳng, khan hiếm giả tạo. Đến năm 1993, việc lưu thông hàng hóa cơ bản ổn định và ngày càng được mở rộng, đã vươn lên đáp ứng khá phong phú các nhu cầu về tư liệu sản xuất và tiêu dùng phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của mọi tầng lớp nhân dân. Kim ngạch xuất nhập khẩu có sự chuyển biến quan trọng, phát triển với tốc độ nhanh, trong đó có thể kể đến những mặt hàng tăng nhanh như gỗ xẻ, mủ cao su, đũa tre... Sau khi quan hệ hợp tác kinh tế với các nước Đông Âu và Liên Xô giảm sút, tỉnh đã chỉ đạo cho các ngành chức năng tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường, nhất là các nước trong khu vực; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh tìm bạn hàng mới, tập trung nguồn vốn hỗ trợ cho thu mua và sản xuất hàng xuất khẩu. Tính đến năm 1995, tỉnh đã có mối quan hệ xuất nhập khẩu với 34 nước trên thế giới, trong đó có mối quan hệ chặt chẽ và đạt kim ngạch xuất khẩu cao với các quốc gia Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Pháp... Hàng năm, bình quân kim ngạch xuất khẩu đạt trên 130 triệu USD, trong đó có đóng góp rất lớn của các đơn vị cao su đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay; về nhập khẩu đạt 90 triệu USD. Riêng mặt hàng xuất khẩu có sự chuyển dần về cơ cấu: sản phẩm sơ chế thay dần sản phẩm thô, tăng sản phẩm công nghiệp, nâng dần giá trị sản phẩm hàng hóa xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu năm 1995 đạt trên 81 triệu USD, bình quân mỗi năm tăng 74%. Đồng thời,

tỉnh cũng giảm nhập hàng tiêu dùng, tăng nhập hàng thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất, chế biến.

Vận dụng phù hợp các chính sách phát triển kinh tế theo đường lối đổi mới của Đảng, tỉnh đã đề ra các chính sách ưu đãi, “trái thăm đở” mời gọi, thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước, trên cơ sở đó, từng bước định hình, quy hoạch các khu công nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước đăng ký hoạt động và nhóm kinh doanh nhỏ đăng ký kinh doanh. Phải khẳng định rằng, Sông Bé là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước bứt phá trong việc mời gọi, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, do đó, đã hình thành tại tỉnh nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất quy mô lớn, hoạt động hiệu quả đem lại nguồn thu đáng kể cho địa phương.

Trong xây dựng cơ sở hạ tầng, tỉnh đã chỉ đạo tập trung nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, riêng nguồn vốn từ ngân sách của tỉnh đã tăng lên 406,6 tỷ đồng; chú trọng xây dựng các công trình trọng điểm của tỉnh tại các huyện phía bắc như hồ thủy lợi Đắc Tôn, đường điện hạ thế Phước Long, điện lưới 15kV tại thị trấn Đồng Xoài, lưới điện trung thế huyện Bù Đăng, xây dựng các Trung tâm kế hoạch hóa gia đình liên xã, các trường học dân tộc nội trú, đường nhựa Phú Giáo - Đồng Xoài, đường nông thôn tại các xã Lộc Hòa, Lộc Hưng, Tà Thiết, Đức Hạnh, Đắc Ô..., mở rộng hệ thống thông tin liên lạc qua điện thoại đến 105/141 xã, phường, thị trấn, bình quân 100 người dân/1,15 máy; 85/141 xã, phường, thị trấn có thư báo đến trong ngày; đưa vào sử dụng các loại hình dịch vụ mới như máy Fax..., bảo đảm thông tin liên lạc chất lượng hơn trước, đầu tư mạng lưới điện quốc gia ở tất cả các huyện, thị trong tỉnh, hoàn thành chỉ tiêu kéo điện về 97/141 số xã, phường, thị trấn; cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải, thiết lập trạm hạ thế và các đường điện phục vụ khu công nghiệp mới hình thành; cải tạo mạng lưới cung cấp điện ở một số địa phương, có 33% số hộ có điện sử dụng; đầu tư xây dựng có hiệu quả các công trình thủy lợi đưa vào phục vụ sản xuất, như công trình Suối Giai, An Khương, đê bao sông Sài Gòn... Nâng cấp nhiều bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế xã; hoàn chỉnh hệ thống phát thanh các cấp; xây mới nhiều trường học; xây dựng và nâng cấp hàng trăm cây số đường bộ và các cầu quan trọng trên các trục lộ huyết mạch, nối liền tỉnh lỵ với các huyện phía bắc và các xã vùng biên giới. Trong giai đoạn 1991-1996, được sự chấp thuận của tỉnh, huyện Lộc Ninh đã áp dụng mô hình dùng quỹ đất để trao đổi xây dựng mới các công trình phúc lợi công cộng, trường học và trụ sở làm việc, đã xây dựng được 26 công trình lớn nhỏ khác nhau với tổng giá trị quyết toán trên 5 tỷ đồng.

Tài chính, tín dụng là một yếu tố quan trọng có tính then chốt để chống lạm phát, tạo sự ổn định nền kinh tế ở trong tỉnh, đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất. Do vậy, tỉnh đã tập trung chỉ đạo làm rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong nhiệm vụ tạo nguồn thu, chi; tăng cường kiểm tra, kiểm soát để hạn chế dần tình trạng thất thu, tồn đọng công nợ; khai thác các nguồn thu mới góp phần đưa ngân sách của tỉnh từ chỗ thu không đủ chi phải nhờ vào sự trợ giúp của Trung ương đến năm 1994, đã thực hiện tiết kiệm chi theo nghị quyết của Quốc hội để điều tiết về Trung ương, giảm bội chi ngân sách cả nước. Chi ngân sách đã đáp ứng được việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng và đã dành phần đáng kể cho đầu tư xây dựng cơ bản. Trong điều hành chi, tỉnh đã đặc biệt tiết kiệm và quản lý chặt chẽ, chống các hiện tượng phô trương hình thức. Đến năm 1995, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh thực hiện được 677,528 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tỉnh chỉ đạo ngành ngân hàng tích cực huy động vốn bằng nhiều hình thức, chú ý huy động từ các tổ chức kinh tế và trong Nhân dân để tăng nhanh doanh số cho vay nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chính sách xã hội là một trong những vấn đề vừa cấp bách vừa lâu dài, do vậy, tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, thực hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn đối với gia đình chính sách; quan tâm giúp đỡ cho các hộ gia đình gặp khó khăn; tăng cường giải quyết việc làm cho người lao động; ổn định cuộc sống cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào di dân tự do... Với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng lo” các ngành, địa phương đã chú trọng hơn trong công tác đền ơn đáp nghĩa như đẩy mạnh việc xây dựng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm; tổ chức thăm hỏi, tặng quà trong các ngày lễ, tết; giải quyết đủ, kịp thời lương, phụ cấp cho các đối tượng chính sách; đẩy mạnh công tác tu sửa nghĩa trang liệt sỹ và tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ; thực hiện chủ trương khen thưởng cho các bà mẹ có thành tích trong kháng chiến, đề nghị Trung ương phong tặng cho các bà mẹ đạt danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Tính đến năm 1995, toàn tỉnh có 666 bà mẹ được Trung ương xét tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, trong đó có 242 bà mẹ còn sống.

Quỹ xóa đói giảm nghèo được huy động từ nhiều nguồn, ngoài nguồn vốn ngân sách cũng đã huy động trong Nhân dân, vận động các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp, các hội bảo trợ, các tổ chức từ thiện trong và ngoài nước giúp đỡ. Chương trình “giải quyết việc làm” được thực hiện tốt theo các quy định của Chính phủ..., trên cơ sở đó đã điều động giãn dân từ các vùng thị xã,

thị trấn đông dân cư lên các huyện phía bắc của tỉnh lập nghiệp, thành lập hàng trăm dự án nhỏ vay vốn từ quỹ quốc gia, hình thành khu kinh tế mới tại một số xã thuộc huyện Bù Đăng, Phước Long... Chương trình “phát triển kinh tế xã hội miền núi” cũng được triển khai thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị và Hội đồng Bộ trưởng về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, trong đó tập trung đầu tư phát triển toàn diện cho các huyện phía bắc của tỉnh và vùng đồng bào dân tộc thiểu số như: Bố trí vốn đầu tư vùng miền núi, tiếp tục đẩy mạnh công tác định canh định cư, nhân rộng mô hình tách hộ lập vườn trong đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, nhanh chóng chuyển đổi vật nuôi, cây trồng, hình thành một số vùng chuyên canh cây điều, cao su đã đem lại hiệu quả thiết thực. Kết quả, trong giai đoạn 1991-1996, các huyện phía bắc của tỉnh đã xây dựng và bàn giao hàng ngàn căn nhà tình nghĩa, tặng nhiều sổ tiết kiệm, nhận phụng dưỡng suốt đời các bà mẹ Việt Nam anh hùng; quyên góp, hỗ trợ cho hàng chục ngàn lượt hộ dân nghèo vay vốn; hằng năm giải quyết việc làm cho phần lớn người lao động; đầu tư nhiều tỷ đồng xây dựng các công trình trọng điểm phục vụ đồng bào ở các xã khó khăn; vận động đồng bào dân tộc thiểu số chuyển dần tập quán canh tác lúa rẫy sang canh tác lúa nước, tăng vụ và trồng cây công nghiệp dài ngày; giải quyết cơ bản nạn đói giáp hạt trong đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài ra, tỉnh đã giải quyết cho hơn 100 ngàn nhân khẩu di dân ngoài kế hoạch dân ổn định và thích nghi với cuộc sống mới.

Đối với lĩnh vực văn hóa - thông tin, Tỉnh ủy chỉ đạo ngành văn hóa thông tin và các huyện, thị tổ chức quán triệt sâu rộng tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư (khóa VII) về một số nhiệm vụ văn hóa - văn nghệ, phải xem văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, do vậy cần phải xây dựng con người Việt Nam về trí tuệ, đạo đức tâm hồn, lối sống, nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, tỉnh đã tập trung chỉ đạo khơi dậy phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng, làm tốt công tác quản lý nhà nước về văn hóa văn nghệ; kiện toàn bộ máy văn hóa thông tin từ tỉnh đến cơ sở; tiếp tục hoàn thiện các công trình văn hóa công cộng; động viên mọi tập thể, cá nhân tham gia hoạt động văn hóa thể thao theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chú ý đẩy mạnh việc trùng tu các di tích lịch sử văn hóa; xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân vận động tại các huyện, thị; tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí phục vụ Nhân dân trong các dịp lễ, tết; khôi phục và tổ chức các lễ hội truyền thống, nhất là các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tập trung thực hiện tốt 6 chương trình y tế quốc gia; đẩy mạnh phòng chống các dịch bệnh sốt rét, sốt xuất huyết; hưởng ứng cuộc vận động của Bộ trưởng Bộ Y tế về “nâng cao tinh thần phục vụ, chống gây phiền hà cho người bệnh”; củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nâng chất lượng khám chữa bệnh tại chỗ; tăng cường thiết bị chuyên dùng cho y tế; thực hiện mô hình sắp xếp lại ngành dược nhằm tránh tranh mua tranh bán; tổ chức quản lý thị trường thuốc, quản lý hành nghề y tế tư nhân; phát động hiến máu nhân đạo, mở rộng bảo hiểm y tế; đẩy mạnh việc nuôi trồng, khai thác dược liệu sẵn có phục vụ nhân dân; tăng cường công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh tuyên truyền giảm tỷ lệ sinh con lần thứ ba, nhất là đối với các cặp vợ chồng sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện phía bắc của tỉnh, giảm dần tăng dân số tự nhiên; củng cố mạng lưới y tế nông thôn; gắn y học cổ truyền với y tế cộng đồng tham gia chăm sóc sức khỏe nhân dân. Năm 1992, ngành y tế của tỉnh được Trung ương xếp thứ 3 về chăm sóc sức khỏe ban đầu và thứ 2 về kế hoạch hóa gia đình trong cả nước; duy trì tiêm chủng 6 bệnh thường gặp ở trẻ em đạt trên 90%; hằng năm số người mắc bệnh sốt rét giảm 13%, sốt ác tính giảm 27%, chết do sốt rét giảm 33%; một số chương trình khác như phòng chống bấu cổ, bệnh phong... đạt được mục tiêu đề ra; mô hình y tế quân dân y kết hợp, nhất là ở Bộ đội Biên phòng được thực hiện tốt.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo bám sát triển khai thực hiện theo tinh thần các văn bản chỉ đạo của Đảng. Riêng về việc giải quyết tình trạng thiếu giáo viên ở các vùng sâu, vùng xa, ngành giáo dục tỉnh nhà chủ động bố trí số giáo viên cấp II, cấp III đưa đi bồi dưỡng để dạy ở cấp II hoặc cấp I, cho mở các lớp sư phạm ở các huyện nghèo, huyện biên giới thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước ngày nay. Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ, phổ cập cấp I, đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học, xây mới các phòng học, trường, hỗ trợ mua sắm sách vở cho con em các gia đình chính sách, gia đình gặp khó khăn, gia đình đồng bào dân tộc thiểu số; mở các trường dân tộc nội trú tại các huyện phía bắc của tỉnh; tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; xây dựng quỹ bảo trợ tài năng trẻ, giúp đỡ học sinh nghèo hiếu học; nhân rộng học môn tin học và ngoại ngữ ở các cấp học. nâng dần tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp hằng năm; mỗi năm toàn tỉnh tăng 10.000 học sinh; 100% số xã trong tỉnh có trường tiểu học, các lớp chuyên, trường điểm đã hình thành, chất lượng dạy và học có nhiều tiến bộ; giáo viên vùng sâu được quan tâm hỗ trợ nhiều hơn về vật chất và tinh thần. Ngoài ra, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, công tác báo chí, xuất bản cũng được chấn chỉnh, hướng mạnh về cơ sở.

Tuy nhiên, sự nghiệp văn hóa, thể dục - thể thao, y tế, giáo dục, báo chí, phát thanh truyền hình còn một số hạn chế như mức hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vẫn còn thấp, nhất là Nhân dân ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tệ mê tín dị đoan, văn hóa phẩm xấu, độc hại chưa được đẩy lùi, nếp sống văn minh trong việc cưới, hỏi, tang ma, vệ sinh ăn ở, sinh hoạt còn kém; nhiều nơi, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ y tế phục vụ nhân dân chưa tốt, hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân chưa được quan tâm đúng mức; tình trạng ô nhiễm ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số báo động; thiết bị y tế chuyên ngành còn lạc hậu, chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân. Tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban chưa giảm; ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ sở vật chất, chất lượng học tập còn yếu; tình trạng thiếu giáo viên, nhất là giáo viên tiểu học còn phổ biến. Tính đến năm 1995, toàn tỉnh còn 35 xã chưa đạt chuẩn về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Năm 1991 là năm mà tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp khó lường, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, độc lập chủ quyền của một số quốc gia đang bị thách thức bởi chính sách cường quyền, áp đặt của Mỹ và một số nước thân Mỹ; các thế lực thù địch ra sức hoạt động chống phá, trước tình hình đó công tác an ninh quốc phòng và nội chính đặc biệt được chú trọng. Về mặt quốc phòng, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức triển khai quán triệt học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, chống “diễn biến hòa bình” cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng tiếp tục củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Mặt khác, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục phát huy cao độ tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng trong các tầng lớp nhân dân, đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ an ninh, độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ. Các đơn vị vũ trang đã ra sức xây dựng và nâng cao sức chiến đấu, tăng cường công tác bảo vệ biên giới, tăng kinh phí đầu tư cho các hoạt động an ninh quốc phòng; nắm chắc lực lượng vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng chính quy, hiện đại có chất lượng và độ tin cậy cao. Chú ý xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân gắn liền với các khu vực phòng thủ; đẩy mạnh vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong

các đơn vị vũ trang; hoàn thành chỉ tiêu về công tác gọi thanh niên lên đường nhập ngũ.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh có nơi, có lúc diễn biến phức tạp, trong đó các vụ phạm pháp hình sự, cướp của, giết người, các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông còn cao. Trước diễn biến trên, Tỉnh ủy chỉ đạo ngành công an, quân sự, Bộ đội biên phòng phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các huyện, thị và các ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra, quản lý địa bàn và truy quét xử lý các đối tượng vi phạm; hằng năm, tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm về phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; duy trì và củng cố phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Triển khai và thực hiện tốt Chỉ thị số 406/TTg ngày 08/8/1994 của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo và Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ về bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị. Các cấp ủy Đảng quan tâm chỉ đạo, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ tụ tập đông người gây rối, bạo loạn, không để xảy ra “điểm nóng”.

Trên lĩnh vực nội chính, tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng chấp hành luật pháp, tạo điều kiện cho các cơ quan pháp luật thực thi nhiệm vụ; xét xử kịp thời các vụ án điểm, trọng án nhằm góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm; đẩy mạnh hoạt động đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu.

Công tác biên giới được tỉnh quan tâm chỉ đạo ngày càng tốt hơn. Ngày 14/11/1991, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 03/CT về một số nhiệm vụ cấp bách ở biên giới Việt Nam - Campuchia trước tình hình mới. Chỉ thị yêu cầu các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, các lực lượng vũ trang ở dọc biên giới Việt Nam - Campuchia cần thực hiện tốt việc tăng cường quản lý biên giới, bảo vệ biên giới quốc gia theo đúng đường biên giới đã cắm mốc... đồng thời, giáo dục nhân dân và các tổ chức phía Việt Nam chấm dứt các hoạt động tùy tiện xâm canh, xâm cư, đánh cá, khai thác gỗ... trên đất Campuchia, sẽ tạo cơ hội cho kẻ thù tuyên truyền, chia rẽ, xuyên tạc. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương, ngày 22/4/1992, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 04/TU về xây dựng tăng cường bảo vệ biên giới trong tình hình mới, chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương, nhất là các lực lượng công an, quân sự, biên phòng tăng cường cảnh giác, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, bảo vệ an toàn lãnh thổ, giữ gìn an ninh biên giới của Tổ quốc; xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, láng giềng giữa hai nước, phát triển kinh tế, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân,

bảo vệ các mục tiêu kinh tế, chính trị, các vùng dân cư, xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh vững mạnh. Đồng thời, Tỉnh ủy đã sơ kết đánh giá tình hình trên các lĩnh vực, nhất là công tác xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; công tác xây dựng lực lượng, công tác kết hợp nhiệm vụ kinh tế với quốc phòng, công tác thực hiện chương trình kinh tế đối ngoại của Tỉnh ủy, công tác chống buôn lậu trên tuyến biên giới rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác chỉ đạo sau này.

Song song với việc tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 03/CT ngày 14/11/1991 của Ban Chấp hành Trung ương, tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai quán triệt Nghị định số 42/HĐBT ngày 29/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia, theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 358/QĐ về việc ban hành quy định thực hiện Nghị định số 42/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và Quyết định số 359/QĐ về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị định số 42/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng gồm 11 thành viên do ông Phạm Văn Hòa - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai khảo sát vành đai biên giới, tổ chức phổ biến học tập sâu rộng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Nghị định số 42/HĐBT, đặc biệt có xã tổ chức học tập cho dân 5 - 6 lần, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan đẩy mạnh các hoạt động nhằm ổn định tình hình biên giới...

Sau 5 năm thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy chỉ đạo về tăng cường công tác an ninh, quốc phòng, giữ vững tuyến biên giới trong giai đoạn mới, tình hình an ninh, quốc phòng, nội chính trên địa bàn tỉnh đã có bước chuyển biến tích cực, đã xây dựng được thế trận an ninh, quốc phòng toàn dân; xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng tinh nhuệ; trật tự trị an xã hội được bảo đảm; chống bạo loạn gắn với đấu tranh chống bọn tội phạm được tổ chức diễn tập bài bản; đạt 100% chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ. Triển khai tuyên truyền giáo dục trong các tầng lớp nhân dân về thực hiện các luật, pháp lệnh; một số vụ án nổi cộm làm rõ được dư luận đánh giá cao; giải quyết tốt các vụ tranh chấp về đất đai, nhà cửa, tài sản; giải quyết nhanh các đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện các cuộc thanh tra tài chính trên diện rộng, triển khai có hiệu quả công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu và chống thất thu ngân sách; chấn chỉnh lại trật tự trong sản xuất và lưu thông, ngăn chặn kịp thời một số trường hợp vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; đẩy lùi một bước tình trạng buôn gian bán lận, làm hàng giả, phát hiện và xử lý nghiêm các vụ án tiêu cực, tham nhũng thu hồi cho

nhà nước hàng chục tỷ đồng; giữ vững được tuyến biên giới, từng bước ngăn chặn các vụ vi phạm quy chế biên giới, giữ mối quan hệ tốt đẹp, tình hữu nghị láng giềng với các tỉnh bạn của nước Campuchia có chung đường biên giới với tỉnh lên một tầm cao mới, góp phần duy trì tốc độ phát triển kinh tế, xã hội.

Tuy nhiên, trong công tác an ninh, quốc phòng, nội chính vẫn còn bộc lộ một số yếu kém. Tội phạm hình sự có nơi, có lúc gia tăng, công tác phối hợp giữa các lực lượng vũ trang để đối phó với các tình huống xấu chưa thường xuyên, chưa tạo được thế liên hoàn phòng thủ trong phát triển kinh tế và quốc phòng. Công tác phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng đạt kết quả thấp. Công tác phát động quần chúng tham gia bảo vệ tuyến biên giới, thực hiện quy chế biên giới ở một số nơi chưa tốt; tình trạng vi phạm quy chế biên giới, hoạt động của bọn tội phạm cướp của giết người còn diễn biến phức tạp, chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Trên tinh thần quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, nhất là chỉ đạo về nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng trong quá trình đổi mới, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo trên cả ba mặt về công tác tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ và công tác kiểm tra Đảng. Về công tác tư tưởng, các cấp ủy ở các huyện Phước Long, Lộc Ninh, Bình Long, Đồng Phú, Bù Đăng chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, làm cho cán bộ, đảng viên tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trước sự biến động mạnh và dẫn đến sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô cũng như tác động xấu của mặt trái cơ chế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là lớp thanh niên có nhận thức lệch lạc và sùng bái lối sống hưởng thụ, ích kỷ cá nhân, đạo đức xuống cấp. Do vậy, vai trò của công tác tư tưởng trong giai đoạn này là hết sức quan trọng, các ngành, các cấp, các địa phương đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá đúng bản chất sự việc, tìm ra nguyên nhân kết quả đạt được và những tồn tại yếu kém, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo điều hành của đơn vị, địa phương mình. Đặc biệt, Đảng bộ tỉnh đã chú trọng chỉ đạo các tổ chuyên môn tham mưu cho Tỉnh ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng. Riêng về công tác tư tưởng, lý luận chính trị chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các đồng chí báo cáo viên cấp tỉnh tiến hành tổ chức triển khai học tập, quán triệt sâu Nghị quyết số

09-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VII) về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân theo phương châm đổi mới về cải tiến nội dung, phương thức triển khai học tập dễ hiểu, dễ tiếp thu, phù hợp với từng đối tượng. Đồng thời, thường xuyên phổ biến những thông tin mới về thời sự và lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; nâng cao chất lượng các bản thông tin nội bộ, phát hành đều đặn định kỳ hàng tháng dùng cho sinh hoạt ở chi bộ một cách thiết thực.

Công tác tổ chức cán bộ và đảng viên được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo từng bước xóa dần các thôn, ấp trống đảng viên; sắp xếp, kiện toàn các ban chức năng của tỉnh, huyện, nâng 4 đảng bộ ở các Công ty cao su thành các đảng bộ cấp trên cơ sở; tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của các cơ quan Đảng; rà soát công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ và ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác quy hoạch, đào tạo và bố trí cán bộ; các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh thực hiện tốt về công tác quy hoạch và từng bước đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ dự nguồn. Theo đó, trong nhiệm kỳ toàn tỉnh đã có hơn 4.430 cán bộ, đảng viên được đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có 3.947 đồng chí tham gia học tại các trường mở trong tỉnh. Ngoài ra, tỉnh cũng đã phối hợp với Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và một số trường đại học để mở các lớp trung cấp, cao cấp, cử nhân chính trị cho cán bộ, ưu tiên cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nguồn cho cấp xã, đồng thời phát động phong trào tự học văn hóa, ngoại ngữ, tin học trong cán bộ, đảng viên.

Song song đó, Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra thường xuyên tổ chức kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và kiểm tra việc thực hiện theo quy chế làm việc của các cấp ủy. Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã xử lý kỷ luật 928 đảng viên, trong đó khiển trách 273 trường hợp, cảnh cáo 397 trường hợp, cách chức 78 trường hợp, khai trừ 180 trường hợp và xóa tên 454 trường hợp.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn này đã có chuyển biến tích cực, lập trường tư tưởng chính trị của đa số cán bộ, đảng viên vững vàng, đã dần giải toả những băn khoăn, lo lắng trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên, đồng thời củng cố niềm tin, nâng cao ý thức cảnh giác đối với các thủ đoạn đa nguyên, đa đảng, diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Hằng năm, chất lượng, số lượng đảng viên được nâng lên; việc bình xét, đánh giá chất lượng đảng viên và cơ sở đảng chặt chẽ, khoa học hơn với chương trình lượng hóa bằng điểm số các tiêu chuẩn; số cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ngày càng tăng, chỉ tính riêng trong năm 1995 số cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt 69,35%, tăng 39,4% so với năm 1991, số cơ sở đảng yếu,

kém 1,43% giảm 5,8% so với năm 1991, số đảng viên đủ tư cách đạt 99%, trong đó phát huy tác dụng tốt 79,8%. Toàn tỉnh đã cơ bản thành lập xong Ban cán sự đảng, đoàn cấp tỉnh và cấp huyện, thị. Trong 5 năm, kết nạp 3.048 đảng viên mới, tiến độ phát triển đảng viên hàng năm đều tăng và làm đúng quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định. Hầu hết các cấp ủy xây dựng được quy chế làm việc và thực hiện hoạt động, kiểm tra theo quy chế đã góp phần nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức đảng.

Công tác xây dựng Đảng tại các huyện phía bắc thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay đã có những bước tiến rõ rệt, trước hết là có sự nhất trí, đoàn kết nội bộ trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ từng cấp; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân chấp hành tổ chức; thực hiện nghiêm quy chế công tác, phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường công tác tư tưởng, những cơ sở có vướng mắc được kịp thời tháo gỡ giải quyết; trong công tác phát triển cơ sở đảng và đảng viên cũng được các đảng bộ quan tâm đúng mức. Điển hình như đảng bộ huyện Bù Đăng từ khi được tái lập chỉ có 4 đảng ủy, 15 chi bộ với 362 đảng viên sau 10 năm, toàn đảng bộ có 11 đảng ủy, 23 chi bộ với gần 1.000 đảng viên. Về kết quả phân loại tiêu chuẩn cơ sở đảng, số cơ sở đảng loại trung bình, yếu kém rất ít, trong đó Đảng bộ huyện Bù Đăng trong năm 1997 có 46,8% số cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, không có cơ sở đảng yếu kém; Đảng bộ huyện Phước Long năm 1994 có 39 cơ sở đảng đạt loại khá trở lên, chỉ có 1 cơ sở đảng xếp loại yếu; Đảng bộ huyện Lộc Ninh năm cuối nhiệm kỳ 1991-1996 số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt tỷ lệ 75% (tăng 2,8 lần so với năm 1991), không có cơ sở yếu kém; Đảng bộ huyện Bình Long năm 1995 có 50% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh (tăng 10% so với các năm trước); Đảng bộ huyện Đồng Phú năm 1995 có 25,6% cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh (tăng gấp 6 lần so với năm 1991). Trong công tác phát triển đảng đạt hiệu quả cao, chất lượng ngày càng được nâng lên, trong đó: Đảng bộ huyện Phước Long trong nhiệm kỳ kết nạp được 159 đảng viên, Đảng bộ huyện Lộc Ninh kết nạp 150 đảng viên, Đảng bộ huyện Bình Long kết nạp 214 đảng viên, Đảng bộ huyện Đồng Phú kết nạp 156 đảng viên.

Mặc dù đạt được một số kết quả đáng trân trọng, nhưng trong công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số tồn tại, yếu kém, nhất là về mặt nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về cơ chế thị trường còn phiến diện; công tác giáo dục lý luận chính trị còn yếu, chưa kịp thời giải đáp những băn khoăn, vướng mắc trong nhận thức của cán bộ, đảng viên. Công tác tư tưởng còn nặng về lý thuyết, thiếu thực tiễn thuyết phục;

nguyên tắc tập trung dân chủ và tổ chức kỷ luật trong Đảng có lúc còn bị vi phạm, vẫn còn tình trạng mất đoàn kết kéo dài ở một số đảng bộ; vai trò của tổ chức đảng ở một số đơn vị kinh tế còn thiếu và yếu, nhất là các đơn vị liên doanh kinh tế với nước ngoài còn mờ nhạt. Cán bộ chủ chốt ở các đơn vị là nữ, người dân tộc thiểu số còn thấp và có chiều hướng giảm. Công tác thanh tra, kiểm tra theo định kỳ để kịp thời phát huy những nhân tố tích cực hoặc uốn nắn sai trái của cơ sở chưa làm tốt; một số cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức. Nhìn chung, tình vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa ngang tầm với nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, Hội đồng nhân dân các cấp đã có bước cải tiến về tổ chức và nội dung hoạt động. Cơ cấu của Hội đồng nhân dân các cấp hợp lý và có chất lượng cao hơn. Số lượng đại biểu nữ và đại biểu trí thức tăng. Các ban của Hội đồng nhân dân phát huy tốt vai trò, chức năng của mình. Tỉnh ủy tiến hành nghiên cứu cải tiến nội dung, phong cách và lề lối làm việc của các cấp ủy đảng, vừa tránh bao biện làm thay, vừa không buông lỏng vai trò lãnh đạo đối với cơ quan thuộc khối Nhà nước. Dân chủ xã hội được phát huy gắn với thực hiện có kết quả một bước về cải cách hành chính; các văn bản hành chính ban hành đúng luật và sâu sát, thực tế hơn. Bộ máy tổ chức cán bộ được giảm theo hướng tinh gọn, đề ra được quy chế làm việc. Cấp xã, phường, thị trấn được cải tiến về chế độ phụ cấp và biên chế. Cán bộ quản lý nhà nước các cấp đã từng bước được sắp xếp, bố trí, đào tạo theo quy hoạch. Tuy nhiên, việc cải cách hành chính còn chậm, còn nhiều thủ tục hành chính rườm rà dẫn đến tình trạng sách nhiễu, gây phiền hà cho các doanh nghiệp và Nhân dân.

Vận động quần chúng là một trong những nhiệm vụ cốt lõi được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo thường xuyên đã góp phần khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần yêu nước và truyền thống cách mạng, phấn đấu vượt qua khó khăn, tự ổn định cuộc sống, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững ổn định an ninh chính trị ở địa phương. Qua công tác vận động quần chúng nhiều phong trào cách mạng trong Nhân dân diễn ra sôi nổi, tư tưởng và nhận thức của Nhân dân ngày càng tiến bộ. Đội ngũ công nhân phát triển nhanh về số lượng, kiến thức, tay nghề và kỹ thuật. Lực lượng nông dân phấn khởi phát triển kinh tế hộ gia đình, hăng hái tham gia sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, đời sống của đa số hộ nông dân khá lên, hộ đói nghèo giảm. Tầng lớp trí thức phát huy được trí tuệ, tích cực tham gia xây dựng quê hương, đất nước. Lực lượng thanh niên nhạy bén với cơ chế mới, có chí tiến thủ, năng động hơn trong học tập và lao động. Riêng đối với tầng lớp phụ nữ, trên cơ sở

thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương tổ chức quán triệt sâu sắc quan điểm trên của Đảng, phát huy sức mạnh của toàn hệ thống chính trị trong công tác vận động phụ nữ, chú ý đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; các cấp hội phải thật sự trở thành một mặt trận vận động, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp phụ nữ tích cực lao động sản xuất, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo, chăm lo bảo vệ quyền lợi bà mẹ trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình; chủ động phối hợp tham gia giải quyết việc làm, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, xây dựng nguồn cán bộ kế thừa, tạo điều kiện cho chị em tham gia sinh hoạt hội cũng như trong học tập,... Cựu chiến binh, cán bộ hưu trí đều có tâm huyết vì sự nghiệp cách mạng, quan tâm xây dựng Đảng, chính quyền ngày càng vững mạnh, quan tâm đến việc giáo dục rèn luyện lớp cán bộ trẻ. Giới công thương gia, tiểu chủ, tiểu thương yên tâm trước chủ trương phát triển nền kinh tế có nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia, mạnh dạn đầu tư sản xuất, kinh doanh, số đông thành đạt, giàu có. Đồng bào tín đồ các tôn giáo, các dân tộc thiểu số ngày càng gắn bó với cộng đồng, hướng về lợi ích chung của dân tộc, hưởng ứng phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Qua 5 năm triển khai công tác vận động quần chúng đem lại nhiều kết quả thiết thực, các giai tầng trong xã hội ngày càng quan tâm hơn đến giữ vững ổn định chính trị, vận mệnh quốc gia, dân tộc; tin tưởng và tích cực hưởng ứng đường lối đổi mới của Đảng; công tác tôn giáo và công tác vận động đồng bào các dân tộc đạt được nhiều thành tựu; Mặt trận và khối đoàn thể đã phối hợp thực hiện vận động rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư, công tác xóa đói giảm nghèo, các hoạt động từ thiện. Tổ chức và hoạt động của các đoàn thể, quần chúng ở cơ sở được củng cố và phát triển; nhiều hội viên, đoàn viên được kết nạp nâng tổng số các đối tượng quần chúng tham gia vào các tổ chức lên hơn 40% góp phần tích cực vào việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, trong công tác vận động quần chúng cũng còn một số tồn tại, yếu kém như một số tâm tư, nguyện vọng chính đáng của quần chúng chậm được xem xét, giải quyết; việc tuyên truyền phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho các tầng lớp nhân dân chưa thường xuyên và kịp thời; vẫn còn một bộ phận nhân dân đứng ngoài các tổ chức đoàn thể nhân dân.

Như vậy, qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đạt được nhiều kết quả to lớn trên tất cả các lĩnh vực, các nghị quyết đã dần đi vào cuộc sống, đây cũng là kết quả của sự tiếp nối quá trình phấn đấu liên tục của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Sông Bé trong suốt 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới của Đảng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nhìn nhận, đánh giá khách quan còn một số mặt tồn tại, yếu kém trong quá trình chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, khối mặt trận, đoàn thể, đặt ra yêu cầu cần phải tiếp tục khắc phục.

Bước sang năm 1996¹, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2000) tuy còn nhiều khó khăn, song tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn tiếp tục ổn định, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ đều tăng trưởng mạnh. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp. Thế ổn định của sản xuất quốc doanh từng bước hình thành. Các vấn đề xã hội đạt được những tiến bộ quan trọng; đời sống việc làm được chú ý giải quyết có hiệu quả. Văn hóa, giáo dục, y tế có chuyển biến về chất lượng phục vụ. Tình hình an ninh trật tự tuyến biên giới được tiếp tục giữ vững; công tác xây dựng Đảng đạt được một số kết quả quan trọng.

Trước tiên, trên lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu vật nuôi và cây trồng theo hướng tăng dần diện tích các loại cây công nghiệp, nhất là cây cao su, điều... tại các huyện phía bắc của tỉnh; áp dụng tiến bộ khoa học vào quá trình sản xuất để tăng năng suất các loại cây trồng; đẩy mạnh công tác trồng và bảo vệ, chăm sóc rừng; nhân rộng mô hình chăn nuôi bò sữa và nuôi gà công nghiệp tập trung. Về sản xuất công nghiệp, tỉnh đã tăng cường ưu tiên cho công nghiệp khai thác và chế biến; phát huy hiệu quả các khu công nghiệp sẵn có, đồng thời tiếp tục đề ra những chính sách, cơ chế “thoáng” để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến đầu tư, trong đó chú trọng định hướng hình thành khu công nghiệp tại Chơn Thành, huyện Bình Long. Đẩy mạnh các hoạt động trên lĩnh vực thương mại, nhất là ưu tiên phát triển dịch vụ và hoạt động xuất nhập khẩu. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản, chú trọng nâng cấp sửa chữa một số cầu và các tuyến đường giao thông liên huyện, liên tỉnh thuộc các huyện phía bắc của tỉnh.

1. Ngày 24/4/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sông Bé lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996-2000) tiến hành họp. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Trung ương Đảng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Minh Đức giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Hồ Minh Phương giữ chức Ủy viên Thường vụ - Thường trực.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các ngành, địa phương đã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, do vậy, tốc độ tăng trưởng trên một số lĩnh vực trong năm 1996 tiếp tục duy trì tăng trưởng khá so với năm 1995. Trong đó, diện tích gieo trồng tăng 4%; chăn nuôi tăng 2%; sản xuất công nghiệp tăng 51%; thương mại, dịch vụ về mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ xã hội tăng 14,7%; kim ngạch xuất khẩu tăng 34,3%; đầu tư xây dựng cơ bản tăng 141,6%, trong đó tỉnh đã đầu tư gần 12% vốn đầu tư ngân sách của địa phương để nâng cấp, sửa chữa một số cầu và các tuyến đường liên huyện, liên tỉnh như Quốc lộ 13, ĐT741, ĐT747..., phát triển thêm 6.000 máy điện thoại chủ yếu trang bị cho các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới thuộc các huyện phía bắc của tỉnh. Quy hoạch tổng thể 6 khu công nghiệp với tổng diện tích đầu tư xây dựng lên đến 2.729,8ha.

Qua 1 năm tổ chức triển khai thực hiện, các hoạt động văn hóa thông tin, giáo dục, y tế và công tác chính sách xã hội trên địa bàn các huyện phía bắc của tỉnh có chuyển biến tích cực. Về lĩnh vực văn hóa thông tin, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư được các cấp ủy Đảng, chính quyền chỉ đạo triển khai đến tận thôn ấp và từng hộ gia đình; phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao hoạt động khởi sắc; phát thanh truyền hình chú trọng nhiều hơn về cơ sở; công tác giáo dục - đào tạo ngày một nâng lên, nhất là trong vận động học sinh dân tộc thiểu số đến trường ngày càng nhiều, chủ yếu các em học tại các trường dân tộc nội trú của các huyện phía bắc của tỉnh; một số xã hoàn thành căn bản xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học. Hoạt động y tế ngày càng tiến bộ, đã hoàn thành tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia về tiêm chủng mở rộng, phòng chống sốt rét; phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, giảm sinh con thứ ba... Công tác đền ơn đáp nghĩa, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm hơn; việc cung cấp cây giống, hỗ trợ điện thắp sáng, trợ cước, trợ giá một số mặt hàng thiết yếu cho bà con đồng bào dân tộc thiểu số bước đầu triển khai thực hiện tốt.

Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện tốt các văn bản của Chính phủ về tăng cường công tác an ninh - quốc phòng. Đặc biệt, trong công tác biên giới, tỉnh chỉ đạo các lực lượng vũ trang tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 03/CT-TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ cấp bách ở biên giới Việt Nam - Campuchia trước tình hình mới và Nghị định số 42/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về Quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia. Trong đó, các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ thường xuyên tập luyện, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu; gọi thanh niên nhập ngũ đạt 100%

chỉ tiêu đề ra; từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Cuối tháng 01/1996, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã xây dựng kế hoạch về khảo sát biên giới của tỉnh bằng đường bộ, thành phần gồm đại diện Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh Quân khu, các cục, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ đội Biên phòng, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và một số cơ quan, đơn vị của huyện Lộc Ninh. Tiếp đó, ngày 08/02/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành công văn chỉ đạo về việc ngăn chặn qua biên giới trái phép, nghiêm cấm tất cả các hoạt động bất hợp pháp qua biên giới, nhất là khai thác lâm sản và buôn bán trên đất Campuchia, yêu cầu xử lý thật nghiêm đối với những người vi phạm. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến chỉ đạo của tỉnh, các cơ quan tham mưu đã ban hành hướng dẫn xử lý về việc vi phạm trên tuyến biên giới, do vậy tình hình biên giới tiếp tục được củng cố. Tuy nhiên, do tính chất, địa hình phức tạp của tuyến biên giới, kẻ xấu đã lợi dụng tổ chức vượt biên trái phép qua biên giới, mua bán hàng lậu, khai thác lâm sản và gây tội ác, phạm pháp hình sự.

Tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, phát hiện các vụ việc nổi cộm, nhanh chóng hoàn thành thủ tục đưa ra xét xử đúng người, đúng tội, lập lại trật tự kỷ cương, thu hồi tài sản cho Nhà nước. Trong năm, ngành đã phát hiện vi phạm về tài chính trên 22 tỷ đồng. Ngoài ra, đã xây dựng nghị quyết chuyên đề về công tác tiếp dân; theo đó, các huyện phía bắc của tỉnh đã chỉ đạo đổi mới và tăng cường giải quyết các đơn thư khiếu kiện, tố cáo, phản ánh của dân, yêu cầu các phòng, ban chức năng, cơ sở tổ chức giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo nhanh chóng, dứt điểm, trả lời cho dân hợp tình hợp lý, tránh tình trạng đơn thư ứ đọng nhiều năm.

Cải cách thủ tục hành chính được tỉnh chỉ đạo quyết liệt, nhằm giảm bớt phiền hà cho Nhân dân, trong đó đặc biệt chú trọng chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện cơ chế “một cửa”, nhiều địa phương triển khai thực hiện tốt. Về công tác tổ chức, bộ máy, đào tạo cán bộ, tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo phương án quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh. Trong năm, các huyện phía bắc của tỉnh đã cử một số cán bộ, công chức tham gia học các lớp tại Học viện Hành chính Quốc gia và các lớp trung cấp, đại học. Ngoài ra, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp cán bộ ở cấp huyện và cấp cơ sở.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong năm 1996, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì tốc độ phát triển khá; quốc phòng, an ninh được giữ vững; sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, các

chính sách xã hội hoạt động khởi sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, yếu kém như trên lĩnh vực nông nghiệp, một số loại cây trồng đạt năng suất thấp, giá cả không ổn định, chăn nuôi còn hạn chế, lúng túng trong việc định hướng phát triển. Hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, trong đó chương trình đưa điện về nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn chậm. Tình trạng thất thu, trốn thuế vẫn xảy ra nhiều; các chính sách đối với người lao động chưa được quan tâm nhiều dẫn đến nạn đình công, lãn công xảy ra thường xuyên tại một số doanh nghiệp. Tình trạng phá rừng làm rẫy, di dân tự do vẫn chưa được kiểm soát tốt. Đời sống của một bộ phận người dân còn nhiều khó khăn, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện phía bắc của tỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Nhìn lại chặng đường sau 10 năm (1986-1996) thực hiện đường lối đổi mới, bối cảnh chung của cả nước đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, nhưng Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Sông Bé đã vận dụng sáng tạo đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương phù hợp với hoàn cảnh địa phương, từng bước tháo gỡ khó khăn để ổn định, phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định tuyến biên giới; cải thiện sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế; thực hiện tốt các chính sách xã hội; củng cố bộ máy tổ chức, chính quyền, mặt trận các đoàn thể và hội các cấp; nâng cao công tác xây dựng Đảng; có chính sách thông thoáng thu hút nguồn cán bộ từ nhiều nơi trong và ngoài tỉnh về chung tay góp sức xây dựng quê hương Sông Bé ngày càng giàu đẹp. Chặng đường 10 năm, cũng là thời gian để từng cán bộ, đảng viên và người dân tự nhìn nhận kiểm điểm, rút kinh nghiệm, qua đó từng bước thích nghi dần với cơ chế mới, cuộc sống mới, ngày càng cống hiến xứng đáng công sức, trí tuệ của mình vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Đánh giá tổng quát tình hình sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, có thể rút ra một số nhận định lớn sau:

Thứ nhất, cùng với cả nước, tỉnh Sông Bé trong đó có các huyện thuộc tỉnh Bình Phước ngày nay từ một tỉnh nghèo, kém phát triển đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội, liên tục phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng khá, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp là chủ yếu đã chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện. Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng

ngày một nâng lên. Từ một tỉnh Trung ương phải hỗ trợ ngân sách đã trở thành địa phương hằng năm có đóng góp ngân sách cho Trung ương.

Thứ hai, tạo ra môi trường phát triển ngày càng thuận lợi, đã khẳng định được những định hướng cơ bản, lâu dài cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích, động viên và chân thành hợp tác đã thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, ngoài nước tham gia hợp tác đầu tư sản xuất, kinh doanh. Chính môi trường thông thoáng đó cùng với sự xác định rõ những định hướng cơ bản, lâu dài về phát triển kinh tế đã vượt qua đình đốn, tạo thế và lực mới, đưa tỉnh phát triển với tốc độ nhanh hơn, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh, đặc biệt tuyến biên giới của tỉnh trở thành một pháo đài vững chắc, sẵn sàng đập tan và làm thất bại mọi âm mưu lấn chiếm, phá hoại biên giới của các thế lực thù địch, từng bước đẩy lùi các vụ phạm pháp hình sự, vi phạm quy chế biên giới; đồng thời thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến vấn đề biên giới, góp phần tạo môi trường ổn định với nước bạn Campuchia nói chung và Nhân dân, chính quyền địa phương và lực lượng vũ trang các tỉnh Mondulakiri, Kampong Cham¹ và Kratié nói riêng, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển cùng có lợi, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

Thứ tư, hệ thống chính trị hoạt động ngày càng hiệu quả; tổ chức đảng, đoàn thể, bộ máy chính quyền có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Đội ngũ cán bộ phát triển nhanh về lượng và chất; đa số đảng viên giữ vững lập trường, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, không dao động nghiêng ngả ngay cả thời điểm chính trị trong và ngoài nước diễn biến gay go, phức tạp nhất. Tinh thần dân chủ được phát huy, góp phần đoàn kết trong Đảng, trong dân và giữa các thành phần, dân tộc, tôn giáo.

Bên cạnh những thành quả đạt được trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, các mặt công tác của tỉnh vẫn còn một số khuyết điểm, yếu kém. Do điểm xuất phát về cơ sở, vật chất, kỹ thuật của tỉnh vừa thấp, vừa phân tán và không đồng bộ, nên mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt khá, nhưng chưa thật sự bền vững. Trình độ lực lượng sản xuất của tỉnh còn yếu kém, còn lúng túng trong định hướng phát triển các thành phần kinh tế.

1. Sau ngày 31/12/2013, tỉnh Kampong Cham được tách thành 2 tỉnh: Kampong Cham ở phía tây và Tbong Khnum ở phía đông.

Khả năng quản lý và điều hành của Nhà nước về kinh tế trong cơ chế thị trường còn hạn chế. Văn hóa - xã hội chưa theo kịp đà với phát triển của kinh tế. Đời sống hưởng thụ về mặt tinh thần của đông bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; các biến tướng tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn hiệu quả. Hệ thống chính trị còn bộc lộ một số mặt yếu kém; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, tác phong làm việc của một số cán bộ, đảng viên chưa ngang tầm với nhiệm vụ mới. Bộ máy tổ chức còn công kênh kém hiệu quả. Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trên một số lĩnh vực còn lúng túng. Một số cán bộ, đảng viên giảm sút lý tưởng cách mạng và tha hóa trong lối sống; công tác quy hoạch, đào tạo, nâng tầm cho cán bộ, đảng viên chưa được quan tâm đúng mức; an ninh biên giới còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp...

Mặc dù còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa để khắc phục những hạn chế, thiếu sót, nhưng thành tựu đạt được trong 10 năm là nền tảng vững chắc tạo nên những chuyển biến quan trọng về chất, hình thành những tiền đề cần thiết cho thời kỳ phát triển mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao so với các tỉnh thành trong cả nước, xứng đáng là một tỉnh phát triển mạnh và năng động của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Đạt được những kết quả trên, trước hết là do tỉnh đã vận dụng sáng tạo, thực hiện tốt đường lối đổi mới toàn diện, theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII của Đảng, phù hợp trong cụ thể hóa hướng đi, bước đi và quy mô phát triển của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi, chỉ ra phương hướng đưa công cuộc đổi mới phát triển sâu rộng, đồng bộ và vững chắc, phù hợp với lòng dân, được Nhân dân đồng tình và tích cực ủng hộ.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn tạo được sự đoàn kết, thống nhất. Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước, tổ chức và hoạt động của mặt trận và các đoàn thể từng bước có sự đổi mới, đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, tỉnh cũng thừa hưởng được thành quả trên tất cả các lĩnh vực của những năm trước, phát huy truyền thống cách mạng cùng với sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, sự giúp đỡ nhiệt tình của các tỉnh bạn¹.

1. Ngày 06/11/1996 tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội (khóa IX) quyết định điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Sông Bé thành 2 tỉnh là Bình Phước và Bình Dương. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới.

PHẦN THỨ NĂM

**ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
(1997-2020)**

Chương I
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC CHỈ ĐẠO
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
SAU NGÀY TÁI LẬP TỈNH
(1997-2005)

I. NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, BƯỚC ĐẦU ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA SAU KHI TÁI LẬP TỈNH (1997-2000)

Những năm cuối thế kỷ XX, tình hình thế giới với xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ. Các mâu thuẫn trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố xảy ra nhiều nơi. Các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã và đang phát triển năng động với tốc độ cao, đồng thời tiềm ẩn một số nhân tố gây mất ổn định.

Công cuộc đổi mới đất nước trải qua hơn 10 năm và thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng về mọi mặt, tạo ra những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn tiếp theo. Trong bối cảnh, tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn vững vàng kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục sự nghiệp đổi mới. Từ ngày 28/6/1996 đến ngày 01/7/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp tại Hà Nội thành công rực rỡ. Đại hội đã đánh giá thành tựu 10 năm đổi mới (1986 -1996), đề ra phương hướng, nhiệm vụ đổi mới toàn diện trong giai đoạn tiếp theo. Đại hội khẳng định tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Căn cứ vào yêu cầu khách quan đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, căn cứ vào nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh,

ngày 06/11/1996 kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX quyết định điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Trong đó, tỉnh Sông Bé tách thành 2 tỉnh là Bình Phước và Bình Dương. Sau 20 năm hợp nhất, tỉnh Bình Phước được tái lập và ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới.

Sau khi tái lập, tỉnh Bình Phước có diện tích tự nhiên 6.853,9 km², dân số 581.802 người, mật độ dân số 84,9 người/km², gồm 5 huyện phía bắc tỉnh Sông Bé: Đồng Phú, Bù Đăng, Phước Long, Bình Long và Lộc Ninh, với 64 xã, thị trấn¹.

Ngày 01/9/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 90/NĐ-CP thành lập thị xã Đồng Xoài trên cơ sở các xã và thị trấn của huyện Đồng Phú. Tiếp đó, ngày 20/02/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/NĐ-CP về việc thành lập huyện Chơn Thành và Bù Đốp trên cơ sở tách một số xã, thị trấn các huyện Bình Long và huyện Lộc Ninh. Đến năm 2005, Bình Phước đã có 8 huyện, thị và 94 xã, phường, thị trấn.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ tỉnh Bình Phước được tái lập với 8.200 đảng viên thuộc 5 Đảng bộ huyện và 7 đảng ủy trực thuộc². Ngày 12/12/1996, Bộ Chính trị quyết định thành lập Tỉnh ủy lâm thời gồm 29 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí: Bùi Thanh Phong, Nguyễn Hữu Luật, Bùi Huy Thống, Huỳnh Nga, Nguyễn Văn Thỏ, Nguyễn Đình Chi, Nguyễn Phương Nam, Lê Tính và đồng chí Nguyễn Chí Cường. Đồng chí Bùi Thanh Phong được Bộ Chính trị chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Hữu Luật làm Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Huy Thống làm Phó bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi tách tỉnh, Bình Phước là một trong những tỉnh nghèo của cả nước; đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, GDP bình quân đầu người chỉ gần 180USD; cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu, cán bộ các ngành ở tỉnh thiếu trầm trọng; nhân sự các sở, ban, ngành rất khó khăn, chủ yếu là các phó phòng ban, phó giám đốc các sở ngành của Sông Bé (cũ) chuyển lên, vừa thiếu về số lượng, vừa chưa ngang tầm nhiệm vụ. Kinh tế

1. Theo Cục Thống kê, qua các lần đo đạc của ngành Địa chính, diện tích tự nhiên được điều chỉnh lại là 6.857,35 km².

2. Bảy Đảng bộ trực thuộc là: Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đảng bộ Đảng ủy khối cơ quan tỉnh, Đảng bộ Công ty cao su Bình Long, Đảng bộ Công ty cao su Phú Riềng, Đảng bộ Công ty cao su Đồng Phú.

chủ yếu là nông - lâm nghiệp chiếm hơn 70%, còn công nghiệp, thương mại dịch vụ chiếm tỉ trọng thấp; cơ sở hạ tầng thấp kém, chưa đồng bộ; di dân tự do ngày càng đông, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 20% với trình độ dân trí còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Tỉnh có 240 km đường biên giới giáp với Campuchia, tình hình diễn biến khá phức tạp.

Bên cạnh những khó khăn, Bình Phước cũng có những thuận lợi như: Việc tái lập tỉnh đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, tạo không khí hồ hởi, phấn khởi để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Tỉnh có tiềm năng phát triển tốt, lại nằm trong khu vực kinh tế năng động ở miền Nam, với nhiều tỉnh thành có tốc độ tăng trưởng cao, có lợi thế về vị trí, cơ sở hạ tầng, môi trường đầu tư hấp dẫn như Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh... Đó là lợi thế giúp cho tỉnh có thể hòa nhập, kêu gọi đầu tư. Sự phát triển nhanh của các tỉnh, thành bạn có tác dụng thúc đẩy, kích thích kinh tế - xã hội Bình Phước phát triển nhanh. Ngoài ra, tỉnh còn có nguồn lao động dồi dào gần 300.000 lao động, Đảng bộ và Nhân dân có bề dày lịch sử, trải qua các cuộc kháng chiến, có nhiều kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo chiến đấu và xây dựng. Tỉnh Bình Phước là nơi hội tụ nhiều nguồn cán bộ và dòng người di cư khắp Bắc, Trung, Nam đến Bình Phước gồm nguồn cán bộ Trung ương tăng cường sau giải phóng, nguồn cán bộ tại chỗ, nguồn tập kết về và tăng cường cán bộ từ Bình Dương lên.

Ngay sau khi tỉnh tái lập, Hội nghị Tỉnh ủy lâm thời lần thứ nhất đã phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí ủy viên Thường vụ và Tỉnh ủy viên; nhanh chóng ổn định trụ sở làm việc của các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; tập trung sức chỉ đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân. Ngày 31/01/1997, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 01/NQ-TU về phương hướng, nhiệm vụ năm 1997 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác trọng tâm và trước mắt của một tỉnh mới tái lập:

Một là, tập trung mọi lực lượng, mọi cố gắng nhanh chóng ổn định tư tưởng, tổ chức, bố trí cán bộ, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc để các cơ quan sớm đi vào hoạt động có hiệu quả. Thực hiện nhanh chóng việc điều tra, khảo sát nắm chắc đặc điểm, tình hình, những khó khăn và thế mạnh của tỉnh để xác định đúng đắn phương hướng phát triển. Trên cơ sở đó, tỉnh huy động mọi nguồn lực, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế và ổn định theo yêu cầu của thời kỳ mới. Đồng thời với việc nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, cần giải quyết tốt những vấn đề văn hóa - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân.

Hai là, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng và an ninh, tăng cường các hoạt động đối ngoại, bảo vệ vững chắc tuyến biên giới.

Ba là, trọng tâm công tác lãnh đạo trong năm là soát xét, từng bước củng cố, bổ sung đội ngũ cán bộ làm việc có hiệu quả, tổ chức tốt Đại hội Đảng bộ tỉnh, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Vừa hoạch định xây dựng cơ sở hạ tầng trong toàn tỉnh, vừa sâu sát nắm bắt tâm tư tình cảm của Nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời giải quyết, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, tạo sự phấn khởi của tỉnh mới được tái lập.

Sau gần một năm triển khai thực hiện, tỉnh đã tập trung, củng cố, sắp xếp, xây dựng hình thành bộ máy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh. Do còn thiếu một số ngành khi chia tách từ tỉnh Sông Bé, tỉnh đã thành lập 15 đơn vị cấp tỉnh (3 đảng bộ trực thuộc tỉnh, 5 ban cán sự Đảng, 2 cơ quan hành chính, 4 doanh nghiệp nhà nước địa phương, 1 doanh nghiệp Trung ương); bổ nhiệm, đề bạt 5 cấp trưởng, 15 cấp phó ngành trong tỉnh và tương đương; kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ ở 5 huyện do việc điều chuyển cán bộ về tỉnh; lực lượng vũ trang cũng được sắp xếp, củng cố cho phù hợp với yêu cầu xây dựng tỉnh mới.

Đồng thời, với việc ổn định tổ chức bộ máy và cơ sở làm việc, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chú trọng chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, làm nền tảng cho sự phát triển toàn diện của tỉnh mới, tập trung những mặt công tác lớn: đẩy mạnh sản xuất, thu ngân sách, đẩy nhanh nhịp độ xây dựng cơ bản nhằm tạo cơ sở vật chất cho tỉnh mới. Nhìn chung, sản xuất giữ được ổn định và có mặt phát triển, các mục tiêu phát triển kinh tế cơ bản đạt được yêu cầu nghị quyết của Tỉnh ủy đề ra. Một số ngành, lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm nội địa của tỉnh (GDP) tăng 9,1% so với năm 1996, GDP bình quân đầu người đạt 2,2 triệu đồng, tăng 5,6%. Nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ có tốc độ phát triển khá so với năm 1996. Cơ cấu kinh tế trong GDP bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 1,28 lần so với năm 1996; tỷ trọng công nghiệp chiếm 3,9% trong GDP. Thu ngân sách đạt 172.861 tỷ đồng, đồng thời tranh thủ nguồn chi viện của Trung ương, tập trung đầu tư các công trình sản xuất và đời sống như đầu tư các công trình thủy lợi, làm đường giao thông, cải tạo mạng lưới điện, hiện đại hóa thông tin liên lạc, xây dựng trường học, bệnh viện... Đáng chú ý là tỉnh đã bảo đảm được cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan cấp tỉnh làm việc.

Các ngành giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội được triển khai kịp thời bảo đảm hoạt động thường xuyên và bước đầu có kết quả rõ rệt. Tỉnh đã đầu tư thích đáng cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo, tỷ lệ đầu tư ngân sách lên gần 25%, đã xây mới gần 200 phòng học, bổ sung thêm 700 giáo viên bị thiếu; chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt là đời sống nhân dân và các đối tượng chính sách đã được chăm lo tốt hơn, tất cả Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống đều được phụng dưỡng bảo đảm cuộc sống; đã xây mới 33 căn nhà tình nghĩa, tặng hàng trăm sổ tiết kiệm, phong trào xóa đói giảm nghèo cho Nhân dân vay vốn để phát triển sản xuất được quan tâm, chú ý. Nhờ tỉnh có chính sách trợ cấp hàng tháng, cấp đất và hỗ trợ nhà ở nên số đông cán bộ, công nhân viên của tỉnh ổn định được tư tưởng, yên tâm công tác. Đời sống cán bộ, công nhân viên và các tầng lớp nhân dân ổn định, một bộ phận có cải thiện; tình hình an ninh biên giới, nội và ngoại biên ổn định, an ninh trật tự xã hội được giữ vững, các hoạt động văn hóa lành mạnh, văn hóa dân tộc được đẩy mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân.

Kết quả bước đầu cho thấy chủ trương tái lập tỉnh phù hợp với nguyện vọng của cán bộ và Nhân dân, phù hợp với năng lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ. Các chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra là đúng đắn, bao quát được các mặt công tác, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực, ổn định tư tưởng, ổn định tổ chức bộ máy đồng thời tập trung vào các nhiệm vụ chính như sản xuất, thu chi tài chính, xây dựng cơ bản... Quá trình chia tách tỉnh bảo đảm được quan hệ đoàn kết hỗ trợ giữa hai tỉnh. Sự chỉ đạo và chi viện, giúp đỡ của Trung ương tạo thuận lợi cho tỉnh Bình Phước khắc phục được những khó khăn ban đầu.

Tuy nhiên, do tập trung giải quyết những công việc cấp bách trước mắt nên việc thực hiện các mặt công tác chưa sâu, chưa toàn diện. Hiệu quả nền kinh tế còn thấp, phát triển chưa vững chắc, nguồn thu ngân sách không đủ chi, nguồn hàng xuất khẩu còn chưa tương xứng với khả năng thực tế của tỉnh; còn nhiều khó khăn về kết cấu hạ tầng, đội ngũ cán bộ, sự mất cân đối trong cơ cấu kinh tế, công nghiệp chưa phát triển; việc định canh định cư và cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; giao đất giao rừng, giao quyền sử dụng đất lâu dài cho Nhân dân còn chậm. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tiếp cận cơ chế thị trường còn hạn chế.

Với yêu cầu xây dựng và phát triển toàn diện của một tỉnh mới tái lập đòi hỏi cần nhanh chóng có một bộ máy lãnh đạo và quản lý chính thức, vững mạnh thống nhất từ cơ sở đến tỉnh, có khả năng đề ra những quyết sách lớn

nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Nhận thức sự cần thiết đó, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh vừa tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, vừa khẩn trương tập trung chuẩn bị các công việc của Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần VI - Đại hội Đảng bộ đầu tiên của tỉnh mới tái lập.

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy sớm thành lập các tiểu ban chuyên trách và có kế hoạch hướng dẫn Đại hội Đảng bộ các cấp. Đến đầu tháng 10/1997, tất cả các đảng bộ huyện và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đều hoàn thành việc tổ chức Đại hội Đảng bộ và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Sau thời gian chuẩn bị khẩn trương và chỉ đạo chặt chẽ, 12 Đảng bộ trong tỉnh và các Đảng bộ cơ sở, toàn thể đảng viên, các tổ chức quần chúng tham gia tích cực đóng góp ý kiến vào Dự thảo văn kiện Đại hội.

Thực hiện Điều lệ Đảng và Hướng dẫn số 06-HD/TC-TW ngày 23/7/1997 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tổ chức Đại hội Đảng bộ ở một số tỉnh, thành mới chia tách, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI được tổ chức từ ngày 20 đến 22/11/1997 tại thị trấn An Lộc, huyện Bình Long. Về dự Đại hội có 225 đại biểu đại diện cho hơn 8.200 đảng viên của 5 huyện và 7 đảng bộ trực thuộc. Đây là sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Bình Phước. Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời; tập trung phân tích những thuận lợi, khó khăn, thách thức và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, chủ trương, giải pháp chủ yếu của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1997-2000. Đại hội cũng thừa kế và phát huy tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sông Bé khóa VI và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Nghị quyết Đại hội đã nêu rõ mục tiêu tổng quát đến năm 2000 gồm:

- Chuyển dịch một bước về cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2000 cơ cấu kinh tế của Tỉnh là: Nông - lâm nghiệp chiếm tỉ lệ: 57-58%, dịch vụ chiếm tỉ lệ: 34-35%, công nghiệp chiếm tỉ lệ: 8-10%.

- Phấn đấu GDP bình quân đầu người vào năm 2000 đạt: 250-260 USD, bằng mức trung bình so với các tỉnh miền Đông Nam Bộ (không tính các tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam).

- Phấn đấu đưa nhịp độ tăng trưởng kinh tế tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) hằng năm thời kỳ 1997-2000 khoảng 10%. Trong đó nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm ngành nông-lâm nghiệp thời kỳ 1997-2000 là 5%, ngành công nghiệp - xây dựng là 30% và dịch vụ là 24%.

- Đẩy mạnh công nghiệp chế biến như phát triển các nhà máy sản xuất sản phẩm cao su, nhà máy chế biến hạt điều; chế biến bột giấy; chế biến tinh bột mỳ; nhà máy chế biến cà phê hòa tan; chế biến nước trái cây; nhà máy đường, xây dựng nhà máy xi măng Tà Thiết... Tập trung mọi nguồn lực nhằm khai thác những tiềm năng, thế mạnh hiện có của tỉnh, nắm bắt mọi thời cơ và vận hội, tạo môi trường thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng hệ thống kinh tế mở, gắn với thị trường trong nước và trong vùng, đặc biệt là thị trường các tỉnh phía Nam.

- Xây dựng nông, lâm trường vững mạnh để thực sự trở thành trung tâm kinh tế, trung tâm văn hóa - xã hội nơi mình đứng chân. Phân loại và sắp xếp lại các lâm trường để cùng với nông trường vừa đẩy mạnh phát triển sản xuất, vừa giúp đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế gia đình, nâng cao đời sống.

- Phấn đấu đến năm 2000, xóa đói, giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường các nguồn vốn và đầu tư có trọng điểm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển các mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, ưu tiên, tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả, cung ứng những mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số và thu mua hàng hóa nông sản của nông dân làm ra. Chú ý phát triển chăn nuôi, nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phấn đấu đến năm 2000, trồng hết cây cao su trên diện tích đất còn trống có điều kiện ở vùng sát biên giới; đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững quốc phòng - an ninh trên tuyến biên giới. Xây dựng và kiện toàn phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và chống tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc tuyến biên giới và nội địa của tỉnh.

- Song song với việc đầu tư vào các vùng trọng điểm ở thị xã, thị trấn; các khu công nghiệp, vùng tập trung cây công nghiệp dài ngày... để làm động lực phát triển kinh tế; cần quan tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các công trình phúc lợi công cộng ở các vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm sự công bằng trong các chính sách xã hội, nhằm trước hết tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp dân cư. Phát triển kinh tế đi đôi với việc bảo vệ tốt môi trường sinh thái trong toàn tỉnh

cũng như từng khu vực. Bảo vệ và tôn tạo các công trình văn hóa, di tích lịch sử, cảnh quan thiên nhiên.

- Tăng cường năng lực quản lý, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và cán bộ; đưa sự lãnh đạo, điều hành của bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể đi vào hoạt động đồng bộ, có kỷ cương, đúng pháp luật và hiệu lực cao. Tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính; giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Để lãnh đạo Nhân dân trong tỉnh phấn đấu đạt được các chỉ tiêu đó. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; về công tác quốc phòng, an ninh; về công tác xây dựng Đảng và đổi mới hoạt động chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về kinh tế, chính trị và xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra là những định hướng quan trọng giúp Ban Chấp hành khóa mới và các cấp ủy Đảng trong lãnh đạo, điều hành và chỉ đạo thực tiễn.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước gồm 41 đồng chí. Ngày 22/11/1997, Ban Chấp hành Đảng bộ lần thứ VI họp lần thứ nhất bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bầu Bí thư, các Phó bí thư, bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và phân công nhiệm vụ cho các ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ VI, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: Bùi Thanh Phong, Nguyễn Hữu Luật, Bùi Huy Thống, Huỳnh Nga, Nguyễn Văn Thỏa, Nguyễn Đình Chi, Nguyễn Đắc Khải, Lê Tính, Nguyễn Chí Cường, Nguyễn Việt Cường, Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Văn Lợi và Bùi Thế Thành. Đồng chí Bùi Thanh Phong được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Hữu Luật được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Đồng chí Bùi Huy Thống được bầu làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 6 đồng chí, đồng chí Nguyễn Việt Cường được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI thành công tốt đẹp, đánh dấu một thời kỳ mới: Thời kỳ Đảng bộ Bình Phước lãnh đạo Nhân dân trong tỉnh thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, các cấp ủy Đảng và chính quyền tập trung chỉ đạo khai thác mọi nguồn lực, thế mạnh, tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vận dụng linh hoạt các chính sách của Trung ương, tỉnh quyết định đầu tư đúng hướng, chủ động xây dựng cơ chế, huy động được nhiều nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng nhất là các công trình trọng điểm, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trong 4 năm cuối cùng của thế kỷ XX (1997-2000), tình hình thế giới và khu vực có những biến động lớn, khó lường. Đặc biệt cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ bùng nổ, ảnh hưởng đến nhiều nước ở châu Á và thế giới. Tình hình đó ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế của Bình Phước, mặc dù vậy kinh tế - xã hội tỉnh nhà tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng. Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng bình quân 9,26% năm, GDP bình quân đầu người tăng 11,3%/năm. Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến đáng kể theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, thu hút các nguồn vốn đầu tư bên ngoài đạt khá. Kết cấu hạ tầng, đô thị, nông thôn, miền núi được đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải thiện rõ nét, hiệu quả kinh tế - xã hội từng bước được nâng lên.

Nông nghiệp và lâm nghiệp Bình Phước trong những năm 1997-2000 phát triển tương đối ổn định. Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn được đẩy mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần VI của tỉnh đã nêu rõ: “Tạo sự chuyển biến mới trong đầu tư và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến... Kinh tế nông nghiệp của tỉnh có vai trò hết sức quan trọng, là điều kiện để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh, nhất là công nghiệp chế biến từ sản phẩm nông - lâm nghiệp. Hướng phát triển chính của ngành là sản xuất nông nghiệp toàn diện và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của nền kinh tế thị trường”¹. Đến năm 2000, diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm thực hiện 53.487 ha, diện tích các loại cây lương thực như lúa, bắp, khoai mì đều giảm. Cây công nghiệp, nhất là diện tích cây mía giảm mạnh do nhà máy đường Bình Dương không ứng vốn trước cho người sản xuất nên nông dân chuyển đổi cây trồng khác. Các loại cây lâu năm đều tăng, diện tích đạt 196.983 ha. Giai đoạn 1997-2000 bình quân mỗi năm: Diện tích cà phê tăng 29,7%; cao su tăng 5,3%; cây điều tăng 6,8%; cây tiêu tăng 31,9%. Trong đó hai huyện Bình Long và Lộc Ninh có diện tích cây tiêu tăng rất mạnh, Bình Long trồng mới 689,3ha, Lộc Ninh trồng mới 300ha. Sản lượng cây công nghiệp tăng mạnh, thời kỳ 1997-2000 bình quân mỗi năm: Sản lượng cà phê tăng 90%; cao su tăng 21,31%; điều tăng 9,32%, hồ tiêu tăng 14,96%. Cây điều góp phần quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo cho hàng ngàn hộ nông dân các dân tộc Bình Phước trong giai đoạn 1997-2000: Diện tích từ 63.620ha (năm 1997) lên 70.524ha (năm 2000), trong đó tập trung nhiều nhất ở

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI (1997-2000)*, tr.31.

các huyện: Phước Long (29.947ha), Bù Đăng (17.791ha), Bình Long (9.865ha), ngoài ra còn ở rải rác các huyện, thị như Đồng Phú (7.044ha), Lộc Ninh (3.961ha), Đồng Xoài (1.916ha). Nhờ đầu tư tích cực, sản lượng điều tăng lên hằng năm, năm 1997 sản lượng là 10.594 tấn, năm 2000 lên 19.214 tấn tăng gần gấp đôi so với năm 1997.

Cây cao su có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu ở Bình Phước, đã hình thành những vùng chuyên canh cao su rộng lớn đem lại nhiều nguồn lợi cho tỉnh. Năm 2000, diện tích trồng cao su toàn tỉnh là 86.961 ha, sản lượng đạt 67.000 tấn. Bình Long, Phước Long là hai huyện có diện tích trồng cao su nhiều nhất tỉnh, trong đó: 37.742ha với sản lượng 23.740 tấn ở Bình Long, 20.552ha với sản lượng 19.508 tấn ở Phước Long. Công ty cao su Bình Long là điểm sáng ở tỉnh về khai thác, chế biến và trở thành đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2005.

Những con số trên đây cho thấy, trong 4 năm từ năm 1997-2000, diện tích gieo trồng các loại cây có những biến động, nhưng nhìn chung diện tích cây công nghiệp đều tăng và vượt chỉ tiêu đề ra, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp giữ vững 5,7%. Trong tỉnh đã hình thành những vùng chuyên canh lớn, có tỷ suất hàng hóa cao như: cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, chiếm vị trí quan trọng trong sự tăng trưởng của nền kinh tế và thu nhập quốc dân của tỉnh.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển, giá trị tăng bình quân hằng năm 4,4% (đàn trâu tăng 5,2%, đàn bò tăng 13,3%, đàn heo tăng 9,4%, gia cầm tăng 4,4%). Gia súc phát triển khá nhanh và xuất hiện ngày càng nhiều trang trại chăn nuôi tập trung, hằng năm đưa ra thị trường hàng chục ngàn thịt hơi các loại. Năm 2000, tỉnh đã đạt 12.023 tấn thịt các loại. Về dịch bệnh, tỉnh đã kịp thời dập tắt, không để xảy ra hiện tượng lây lan.

Về kinh tế trang trại, toàn tỉnh có 3.111 trang trại với tổng diện tích là 20.768ha. Kinh tế trang trại phát triển thúc đẩy nhanh quá trình phủ xanh đất trống, đồi trọc, bảo vệ môi sinh, môi trường và góp phần giải quyết việc làm cho 18.115 lao động. Ước tính tổng thu nhập năm 2000 của các trang trại là 171,5 tỷ đồng, bình quân mỗi trang trại đạt 55,13 triệu đồng.

Về lâm nghiệp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI xác định rõ: “Tổ chức điều tra, quy hoạch và thực hiện tốt các biện pháp khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ vốn rừng hiện có, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng lớn, rừng đặc dụng. Tăng nhanh tốc độ phủ xanh đất trống, đồi trọc bằng phương thức nông - lâm kết hợp, nâng độ che phủ thực vật trên toàn tỉnh từ khoảng

45 - 50% hiện nay lên 60 - 65% vào năm 2000"¹. Triển khai Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, công tác giao đất giao rừng được tiến hành khẩn trương, các hộ nông dân rất phấn khởi mạnh dạn nhận đất, nhận rừng để trồng và bảo vệ rừng. Vấn đề quản lý, bảo vệ rừng được tỉnh đặc biệt coi trọng; các vụ vi phạm lâm luật, phá rừng làm nương rẫy giảm dần. Trong 3 năm (1998-2000), sử dụng các nguồn vốn của Chương trình 327, định canh, định cư... toàn tỉnh có diện tích rừng trồng mới đạt 6.757ha, bảo vệ các khu rừng cấm, rừng đặc dụng, rừng bảo tồn thiên nhiên. Sắp xếp lại hệ thống quản lý bảo vệ rừng, bố trí lại quy hoạch đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp; gắn các dự án kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế; gắn bảo vệ rừng, đất rừng, đất nông nghiệp giữa ngành với địa phương; tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động, góp phần chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp dư thừa sang lao động lâm nghiệp.

Những thành quả về nông - lâm nghiệp trong 4 năm 1997-2000 đã khẳng định những chủ trương của Tỉnh ủy là hoàn toàn đúng đắn, vận dụng linh hoạt các Nghị quyết của Trung ương vào hoàn cảnh thực tế của Bình Phước; khẳng định sự chỉ đạo chặt chẽ, sát sao của các cấp ủy và chính quyền trong tỉnh; khẳng định tinh thần lao động cần cù và ý thức tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc trong tỉnh đang được phát huy. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp thiếu tính ổn định, thị trường tiêu thụ nông sản và các mặt hàng xuất khẩu bấp bênh, công nghệ sau thu hoạch thiếu đối tác, thiếu vốn để thực hiện. Năng suất cây trồng còn ở mức thấp do thiếu tác động của khâu giống và các biện pháp kỹ thuật liên quan khác. Thực hiện giao đất giao rừng chậm nên công tác quản lý, bảo vệ rừng kém. Vai trò điều tiết của Nhà nước trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp còn hạn chế, sản xuất còn có mặt mang tính tự phát. Khu vực kinh tế hợp tác xã chậm được tổng kết và chưa có biện pháp hữu hiệu chỉ đạo phát triển đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Với sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành chức năng, cùng những nỗ lực phấn đấu của các doanh nghiệp và Nhân dân, trong 4 năm (1997-2000) giá trị sản xuất công nghiệp tăng khá bình quân đạt 74,38%/năm. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống được đầu tư hoàn thiện và mở rộng. Sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp là hạt điều nhân, dừa tre, bột giấy, vật liệu xây dựng, tinh bột mì, gỗ lâm sản; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI (1997-2000)*, tr.32.

công nghiệp từ 3,89% năm 1997 lên 12,4% năm 2000¹. Đến năm 2000, toàn ngành có 1.891 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 497,3 tỷ đồng (so với năm 1997 tăng 385 cơ sở sản xuất và tăng 374,8 tỷ đồng), thu hút 9.576 lao động. Công nghiệp địa phương đã từng bước lấy công nghiệp hóa nông thôn làm bước đi đầu tiên để công nghiệp hóa. Tỉnh đã vận dụng các chính sách ưu đãi của Trung ương vào thực tiễn để khuyến khích nhiều thành phần kinh tế đầu tư vốn xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Đến cuối năm 2000, toàn tỉnh có 36% số hộ được dùng điện lưới quốc gia, 100% số xã có điện đến trung tâm (80 xã so với 39 xã năm 1997). Tỉnh tập trung sửa chữa nâng cấp, làm mới nhiều tuyến đường trọng yếu phục vụ dân sinh, kinh tế và an ninh quốc phòng như ĐT 741, 748, 750, 751; hệ thống đường nội ô thị xã Đồng Xoài... mở thêm các tuyến đường mới vào trung tâm các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và đi lại của Nhân dân.

Hệ thống bưu chính viễn thông được chú trọng đầu tư phát triển, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt từ tỉnh đến hầu hết các xã; tổng số máy đến năm 2000 đạt 2,1 máy/100 dân, đã xây dựng 21 nhà bưu điện văn hóa xã, thực sự là tụ điểm sinh hoạt văn hóa bổ ích ở cơ sở; ưu tiên vốn đầu tư xây dựng bệnh viện tỉnh, nâng cấp các trung tâm y tế huyện, xây dựng trạm xá xã; các dự án nước sạch nông thôn được quan tâm. Hằng năm tỉnh đã dành 20% vốn đầu tư để xây dựng phòng học nên đã cơ bản xóa lớp học ca ba, hoàn chỉnh xây dựng trường sư phạm tỉnh và các trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện.

Song song với việc tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh đã bố trí vốn thích hợp để kiến thiết trung tâm hành chính tỉnh. Năm 2000, trụ sở các cơ quan: Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và nhiều sở, ngành cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng; số còn lại đồng loạt khởi công và hoàn thành vào những năm tiếp theo. Đây là điều kiện để các cơ quan Đảng, Nhà nước ở địa phương ổn định nơi làm việc, phát huy tốt hơn quyền hạn, trách nhiệm của mình.

Ngành công nghiệp - xây dựng có nhịp độ tăng trưởng khá, song tỷ trọng thấp trong GDP, sự phát triển ngành thiếu yếu tố bền vững. Sản phẩm kém cạnh tranh do chất lượng chưa cao, chưa phải là sản phẩm hàng hóa có lợi thế. Môi trường đầu tư chưa thật sự hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

1. Cục Thống kê Bình Phước: *Niên giám thống kê năm 2007*, Bình Phước, 2008.

Trong xây dựng còn trì trệ, thiếu năng động, tiến độ xây dựng các công trình chậm; việc quản lý xây dựng các công trình cho các xã nghèo còn lỏng lẻo, một số công trình chất lượng kém. Các ngành, các địa phương chưa thực sự phát huy tốt nội lực, còn trông chờ ỷ lại cấp trên. Cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã nghèo, xã biên giới, các hộ nghèo đói còn nhiều vấn đề bức xúc nhưng chưa đáp ứng kịp thời. Cơ cấu đầu tư chậm chuyển đổi, kế hoạch đầu tư hàng năm còn bị động do nhiều yếu tố phát sinh dẫn đến phân tán thiếu tập trung.

Các ngành thương mại - dịch vụ, tài chính - tín dụng ngày một phát triển khá đa dạng và có những chuyển biến phục vụ tích cực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Về thương mại - dịch vụ, quan điểm lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ thể hiện rõ trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI là: cần quy hoạch cụ thể các khu thương mại, du lịch của tỉnh để có kế hoạch đầu tư, phát triển mạnh các loại hình dịch vụ sản xuất, khoa học - công nghệ và các dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ. Tại khu vực thị xã, hình thành trung tâm thương mại đủ sức trao đổi, mua bán nhiều mặt hàng theo nhu cầu ngày càng tăng của các khu vực trong tỉnh. Ở các huyện, hình thành các trung tâm thương mại vừa và nhỏ làm đầu mối thu mua các loại nông sản được sản xuất ra trên địa bàn... Đẩy mạnh phát triển xuất khẩu và phát triển các ngành công nghiệp chế biến như mủ cao su, hạt điều nhân, cà phê, hồ tiêu, trái cây... Đây đều là những mặt hàng xuất khẩu chính của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI, ngành thương mại - dịch vụ tổ chức giải quyết được nhu cầu thiết yếu của sản xuất và tiêu dùng, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, thiết lập kỷ cương trong kinh doanh thương mại, dịch vụ trên toàn tỉnh, qua đó, tạo điều kiện thuận lợi trong việc trao đổi hàng hóa, đáp ứng nhu cầu ngày càng tốt hơn của Nhân dân. Thị trường nhỏ ở Bình Phước chưa phát triển, sức mua chỉ tập trung ở thị xã, thị trấn, còn các vùng sâu, vùng xa còn rất hạn chế. Với chủ trương của Tỉnh ủy và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngành thương mại - dịch vụ giữ vị trí quan trọng, chủ đạo trong hoạt động thương mại. Các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn ngày càng tăng. Đến năm 2000, có hơn 10.061 cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ, trong đó có 9.922 hộ kinh doanh cá thể, giải quyết việc làm cho 12.872 lao động, tiêu thụ phần lớn nông sản hàng hóa cho nông dân. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 4% mỗi năm, trong 4 năm (1997-2000) xuất khẩu đạt 159 triệu USD, trong đó xuất khẩu trực tiếp đạt 67,419 triệu USD. Doanh nghiệp nhà Nước tuy còn gặp khó khăn về vốn, thị trường và một số doanh nghiệp mới thành lập nhưng đã đóng góp

hơn 30% tổng số kim ngạch xuất khẩu. Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có quan hệ xuất nhập khẩu với nhiều bạn hàng của 17 nước trên thế giới và khu vực. Ngoài ra, dịch vụ cung ứng hàng trợ cước, trợ giá cho đồng bào vùng sâu, vùng xa được quan tâm chỉ đạo thực hiện và hàng năm đều đạt kế hoạch Trung ương giao. Mặt bằng giá tương đối ổn định, không có sự chênh lệch lớn giữa các vùng trong tỉnh.

Ngành tài chính - tín dụng có nhiều cố gắng trong việc quản lý thu, chi ngân sách, huy động nguồn vốn cho vay đầu tư phát triển. Trong điều kiện biến động về tài chính và tiền tệ của khu vực và thế giới đã ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu trong nước và của tỉnh. Trong 2 năm 1997-1998, giá mủ cao su giảm mạnh, cộng với thiên tai mất mùa, nên thu ngân sách không đạt kế hoạch giao. Năm 1998, thu ngân sách của tỉnh chỉ đạt 155 tỷ đồng. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo khai thác các nguồn thu, điều chỉnh lại kế hoạch, nên 2 năm tiếp theo (1999-2000) thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu Trung ương giao. Năm 2000, tổng thu ngân sách vượt kế hoạch, đạt 195,7 tỷ đồng, các nhu cầu chi cơ bản được bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi cho sự vận hành của nền kinh tế. Tuy vậy, ngân sách tỉnh hàng năm vẫn còn mất cân đối, Trung ương phải trợ cấp trên 50% trong tổng chi. Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách rất thấp, chỉ bằng 50% mức bình quân chung của cả nước. Điều này đặt ra nhiệm vụ cho tỉnh cần có những giải pháp quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế của Bình Phước tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo tiền đề để thu ngân sách đạt tốc độ và quy mô ngày càng cao hơn.

Hoạt động ngân hàng trong những năm 1998-2000 đã bám sát chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng đã làm tốt việc huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong mọi tầng lớp dân cư để cho vay. Về cơ bản, đã giải quyết được nhu cầu vốn cho người sản xuất và nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Tổng dư nợ tăng 3,4 lần so với năm 1997, đã giải quyết được gần 65% hộ nông dân vay vốn, chất lượng tín dụng luôn được bảo đảm, nợ quá hạn dưới mức cho phép.

Cùng với việc tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng rất coi trọng phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ... Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã chỉ rõ: phải tạo sự chuyển biến quan trọng trong giáo dục, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chăm lo bồi dưỡng sức khỏe cho Nhân dân, thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và thực hiện tốt chính sách xã hội.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, ngày 26/4/1997, Tỉnh ủy đã ban hành chương trình hành động theo nghị quyết, nêu rõ những thành tựu và tồn tại của giáo dục - đào tạo Bình Phước trong thời gian qua; đồng thời, nhấn mạnh phải quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương: Thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều chủ trương, nhiều biện pháp tích cực để triển khai công tác giáo dục - đào tạo một cách khẩn trương, hiệu quả đến các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh. Ngành giáo dục đã cụ thể hóa và tổ chức thực hiện với quyết tâm, nỗ lực lớn. Sau nhiều năm phấn đấu tích cực, đến năm 2000, Bình Phước đã có 6/6 huyện, thị và 80/80 xã, phường, thị trấn trong tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu đến năm 2006 công nhận đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ người đi học phổ thông trong tổng số dân tăng từ 24,26% năm 1997 lên 25,15% năm 2000. Chất lượng học tập và hạnh kiểm của học sinh có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp hàng năm cao. Số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp tăng, trong đó có một số em là người dân tộc thiểu số; có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và huyện. Từ việc thiếu giáo viên trầm trọng trong thời điểm tách tỉnh, đến năm 2000, bằng sự cố gắng trong đào tạo tại chỗ, có chính sách phù hợp thu hút giáo viên từ nơi khác đến nên vấn đề thiếu giáo viên không còn là vấn đề bức xúc của tỉnh. Nhiều giáo viên đã tình nguyện về công tác vùng sâu, vùng xa, con em các khu vực này càng có nhiều điều kiện đến trường hơn. Mạng lưới trường học được quy hoạch và xây dựng khá tập trung, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh. Tính đến năm 2000, hầu hết các cụm dân cư trong tỉnh đều có trường lớp, không có điểm trắng đối với tiểu học, mỗi xã hoặc liên xã, phường đều có trường trung học cơ sở. Các mục tiêu, chương trình phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh đến năm 2000, mà chương trình hành động của Tỉnh ủy theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) cơ bản hoàn thành.

Cùng với công tác giáo dục - đào tạo, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm chỉ đạo và đề ra một số chủ trương, chính sách đồng bộ: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm chuyển biến

nhận thức về lĩnh vực này, tăng cường đầu tư của Nhà nước với khai thác mọi nguồn lực phát triển sự nghiệp y tế, bảo vệ sức khỏe nhân dân; làm tốt công tác phòng bệnh, kết hợp đông và tây y; nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, nâng cao chất lượng, đẩy mạnh xã hội hóa, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tốt hơn.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác chăm sóc sức khỏe của Nhân dân được các cấp, ngành và các địa phương coi trọng. Tổ chức y tế được xây dựng và củng cố từ tuyến tỉnh đến thôn ấp, trang thiết bị y tế, cơ sở vật chất được tăng cường, đội ngũ cán bộ y tế được bổ sung và nâng dần chất lượng chuyên môn. Đến năm 2000, 100% trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, 100% thôn ấp có nhân viên y tế cộng đồng. Các cấp, các ngành đã đặc biệt chú ý, quan tâm đến việc triển khai và thực hiện có hiệu quả cao các chương trình quốc gia về y tế. Việc tiêm chủng mở rộng đạt kết quả cao, công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, phòng chống sốt rét và các bệnh truyền nhiễm, ngăn ngừa dịch bệnh, tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân ngày một nâng lên. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tốt. Tỷ lệ sinh giảm từ 28,33% năm 1997 xuống còn 25,86% năm 2000, mức giảm tỷ lệ sinh hằng năm đạt trên bình quân chung cả nước. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 47% năm 1997 xuống còn 37%; 83,2 % trẻ em trong độ tuổi được đi học, 95% trẻ em được tiêm chủng phòng 6 bệnh nguy hiểm. Tuy vậy, so với cả nước tỷ lệ sinh, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng của tỉnh còn ở mức cao.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, ngày 30/10/1998, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 05-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII). Đến năm 2000 và những năm tiếp theo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành văn hóa thực hiện tốt Nghị quyết. Các hoạt động văn hóa đã hướng về cơ sở khơi dậy và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Sở Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao tổ chức tốt các ngày hội văn hóa như: thể thao - văn hóa các dân tộc, lễ hội giao thừa, Hội khỏe Phù Đổng, Tiếng hát mừng Xuân mừng Đảng, Tiếng hát truyền hình... Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấp xã văn hóa ngày càng phát triển. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” phát triển tương đối rộng và đi vào cuộc sống được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Đến năm 2000, đã đạt được một số kết quả có

58,1% số hộ được công nhận và 348 khu đạt khu văn hóa. Các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia được trùng tu, xây dựng và phát huy tác dụng giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ. Các cơ quan thông tin đại chúng đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Báo, Đài đã mở được nhiều chuyên mục với những nội dung khá phong phú, thiết thực, tăng thời lượng phát sóng, phạm vi phát hành của báo đã đến được từng chi bộ. Hệ thống truyền thanh các huyện, thị xã, xã - phường được củng cố, phát huy có hiệu quả; góp phần tích cực trong việc thông tin, tuyên truyền chính sách của Đảng, Nhà nước; nêu gương tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến, đấu tranh phê phán những biểu hiện tiêu cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phong trào thể dục thể thao có bước phát triển khá, đặc biệt là phong trào thể dục thể thao quần chúng được quan tâm. Tuy cơ sở vật chất còn rất nhiều thiếu thốn, nhưng Tỉnh đã có cố gắng cử các đoàn vận động viên tham gia các giải thể thao khu vực và toàn quốc đạt được một số kết quả khả quan.

Bình Phước là một tỉnh mới tái lập, kinh tế chưa phát triển, chất lượng lao động thấp, nên giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo luôn là vấn đề cơ bản và bức xúc, liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội, bảo đảm cho phát triển bền vững. Do đó, Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng đặc biệt quan tâm và chọn việc phát triển nội lực, tiềm năng lợi thế của tỉnh là giải pháp cơ bản nhất được tập trung ưu tiên để trực tiếp tạo ra việc làm, giảm dần đói nghèo cho xã hội. Trong những năm 1997-2000, chủ trương xóa đói giảm nghèo của tỉnh được triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Bước đầu đã lồng ghép chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo với các chương trình kinh tế - xã hội khác như chương trình 327, 120, giáo dục, y tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, mở rộng ngành nghề... tập trung nhiều nguồn vốn cho người nghèo. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ngân hàng phục vụ người nghèo. Hằng năm tỉnh đã giải quyết việc làm cho từ 10.000 - 12.000 người. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,26% (năm 1997) xuống còn 4,2% (năm 2000). Các chương trình xã hội: đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế, khuyến học, khuyến tài... được Nhân dân ủng hộ, mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Tỉnh đã huy động hàng chục tỷ đồng cho các hộ nghèo vay vốn sản xuất, kinh doanh, cơ bản giảm hộ đói kinh niên. Trong 3 năm (1998-2000) tỉnh đã giảm 8.622 hộ nghèo đói (bình quân 2,54% năm); đã xây dựng 174 căn nhà tình nghĩa, tặng 310 sổ tiết kiệm, phụng dưỡng suốt đời 22 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và nhiều đối tượng chính sách, là cha, mẹ, vợ liệt sỹ neo đơn, khó khăn trong cuộc sống. Quy tập 313 hài cốt liệt sỹ về các nghĩa trang, xây dựng 13

nhà bia ghi danh liệt sỹ ở các xã anh hùng, căn cứ kháng chiến. Đời sống nhân dân các vùng trong tỉnh được cải thiện rõ rệt, tuy nhiên đời sống đại bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn, lao động qua đào tạo nghề còn thấp so với mặt bằng chung cả nước.

Tuy nhiên, các lĩnh vực văn hóa, xã hội vẫn còn những bất cập nhất định như: cơ sở vật chất nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển; công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, thể thao thực hiện còn chậm; chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo nhìn chung còn thấp so với yêu cầu; tỷ lệ người thiếu việc làm còn cao; các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn đẩy lùi; đời sống nhân dân còn khó khăn, bình quân thu nhập đầu người còn thấp so với bình quân của cả nước; tỷ lệ nghèo đói tuy đã giảm, nhưng nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, với vị trí địa lý và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh mới tái lập, Đảng bộ tỉnh đã quan tâm lãnh đạo củng cố quốc phòng - an ninh. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã đề ra nhiệm vụ chung công tác quốc phòng - an ninh và công tác nội chính: “Nhiệm vụ trọng tâm của công tác quốc phòng - an ninh nội chính từ nay đến năm 2000 là giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đề cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh nhằm làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch, thường xuyên thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng và bảo vệ an toàn tuyến biên giới hòa bình hữu nghị. Bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, bảo vệ Đảng, chính quyền, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hoạt động phá hoại, tăng cường quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội”¹.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, ngày 17/01/1998, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 01/NQ-TU “Về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của tỉnh trong những năm tới”; các cấp, các ngành và các địa phương quán triệt và lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự cho địa phương, đơn vị mình. Lực lượng vũ trang trong tỉnh đã chú trọng tổ chức triển khai các chủ trương của Đảng và Nhà nước về quốc phòng - an ninh, nâng cao cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, củng cố xây dựng khu vực phòng thủ, thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ và Pháp lệnh dự bị động viên. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt kế hoạch được giao. Cơ quan quân sự các cấp có sự phối hợp với các cơ quan

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI (1997-2000)*, tr.43.

chức năng, đoàn thể thường xuyên làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, khen thưởng và giải quyết những tồn đọng sau chiến tranh. Tỉnh ủy đã tiến hành sơ kết Nghị quyết số 03-NQ/TU về “Xây dựng và tăng cường bảo vệ an ninh biên giới trong tình hình mới”, sơ kết rút kinh nghiệm lãnh đạo công tác quân sự địa phương và tổ chức hoạt động của chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn. Tổng kết 5 năm thực hiện Pháp lệnh về dự bị động viên và tổng kết 3 năm công tác dân vận trong đồng bào dân tộc thiểu số của lực lượng vũ trang tỉnh. Cùng với tổng kết thực tiễn, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện tốt việc kết hợp chặt chẽ thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân; phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với quốc phòng an ninh; trọng tâm là xây dựng cơ sở xã phường vững mạnh toàn diện, lấy chính trị làm then chốt, kinh tế làm nền tảng, quốc phòng an ninh là trọng yếu.

Công tác an ninh biên giới luôn được giữ vững, các lực lượng vũ trang thường xuyên tổ chức, phối hợp truy quét bảo vệ biên giới, chống xâm nhập, buôn lậu, khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, góp phần giữ vững trong sạch địa bàn. Ngoài ra, tỉnh luôn duy trì tốt mối quan hệ và phối hợp có hiệu quả với tỉnh Kratié, Kampong Cham và Mondulhiri (Campuchia) trên một số lĩnh vực như trao đổi kinh nghiệm về phát triển kinh tế, về công tác an ninh biên giới... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới theo đường lối đối ngoại của Trung ương và đạt nhiều kết quả. Tình đoàn kết hữu nghị giữa địa phương và các tỉnh Campuchia có biên giới giáp Bình Phước được tăng cường, củng cố và phát triển phù hợp với thời kỳ mới.

Lực lượng Công an đã làm tốt chức năng tham mưu và hoàn thành tốt nhiệm vụ với mục tiêu giữ vững ổn định chính trị. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được triển khai sâu rộng ở tất cả các xã, phường, thị trấn và trong các cơ quan, đơn vị kinh tế theo yêu cầu của tình hình mới. Các âm mưu và hành động lợi dụng dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc, chống phá cách mạng được ngăn chặn kịp thời, không để xảy ra hậu quả xấu; phát hiện xử lý nhiều vụ phạm pháp hình sự, các hoạt động buôn lậu, tham nhũng; ngăn chặn các loại văn hóa phẩm độc hại... góp phần có hiệu quả vào công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Với hiệu quả hoạt động nêu trên, công tác quốc phòng - an ninh nội chính đã phát huy được sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống nhân dân được cải thiện, niềm tin của đồng bào các dân tộc Bình Phước với Đảng được củng cố vững chắc.

Tình hình tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia trong giai đoạn này tuy có ổn định, nhưng an ninh biên giới từng nơi từng lúc vẫn còn vi phạm. Công tác quản lý nhân hộ khẩu, quản lý xuất nhập cảnh, số di dân tự do còn nhiều sơ hở. Tai nạn giao thông và tệ nạn ma túy, mại dâm có chiều hướng gia tăng gây lo lắng trong Nhân dân.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh, Đảng bộ và chính quyền các cấp tỉnh Bình Phước đã tập trung đẩy mạnh đổi mới công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực cho công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội.

Đảng bộ luôn coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, tập trung mở các đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng khóa VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Hệ thống tuyên giáo từ tỉnh đến huyện, thị và cơ sở được củng cố, đồng thời duy trì sự phối hợp giữa các đơn vị làm công tác tuyên truyền như Văn hóa thông tin, Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình. Báo Bình Phước tăng số kỳ phát hành, Đài phát thanh truyền hình tăng số giờ phát sóng, thông tin nội bộ phục vụ sinh hoạt chi bộ và thông tin ra dân được xuất bản hàng tháng góp phần định hướng kịp thời tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cơ sở. Công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được quan tâm và đầu tư ngày càng nhiều. Những sự kiện lớn trong nước, quốc tế, những ngày kỷ niệm lịch sử trọng đại của đất nước được chú trọng tuyên truyền. Đặc biệt, qua triển khai thực hiện cuộc vận động “xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, nhận thức của cán bộ, đảng viên về vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng, về ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng lên. Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng được củng cố. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định về việc tổ chức biên soạn “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930-1975)”, “Lịch sử kháng chiến Bình Phước (1945-1975)” và “Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bình Phước”. Cả ba cuốn sách đều được tổ chức nghiên cứu, biên soạn công phu và được xuất bản vào năm 2000, đáp ứng yêu cầu giáo dục truyền thống cách mạng địa phương cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và Nhân dân trong tỉnh.

Tuy nhiên, vẫn còn biểu hiện xem nhẹ công tác tư tưởng ở một số cấp ủy; việc nắm bắt, phân tích, dự báo tình hình tư tưởng có lúc chưa nhanh, nhạy, công tác tuyên truyền có mặt thực sự chưa đổi mới, hiệu quả chưa cao, việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đến Nhân dân còn lúng túng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, một

bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí, suy thoái về đạo đức, lối sống làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng.

Công tác tổ chức và cán bộ cũng được Đảng bộ tỉnh chú trọng, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày 23/02/1998, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 01/CTHD-TU về công tác cán bộ đến năm 2005. Tỉnh ủy nhấn mạnh: “Phấn đấu đến năm 2005 trở đi thực hiện chuẩn hóa cán bộ để từng bước trẻ hóa và tri thức hóa đội ngũ cán bộ. Trọng tâm là việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ, thích ứng với cơ chế thị trường, hội nhập với sự phát triển chung”¹. Tính đến năm 2000, hệ thống tổ chức đảng trong tỉnh bao gồm 13 đảng bộ huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc, với 402 tổ chức cơ sở đảng. Việc thực hiện dân chủ trong Đảng có nhiều tiến bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt, giữ được sự đoàn kết trong Đảng; việc sắp xếp đội ngũ cán bộ dân chủ hơn; công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ được chú trọng, chính sách cán bộ được quan tâm, lấy hiệu quả công việc và phẩm chất chính trị làm thước đo, tuân thủ quy trình quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng, đánh giá cán bộ, tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, tạo nên sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Trình độ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao cả về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Trong nhiệm kỳ 1997-2000, Đảng bộ đã kết nạp được 2.418 đảng viên mới (đạt 161% chỉ tiêu), đưa tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ vào năm 2000 lên 10.407 người; việc phát triển Đảng trong trường học đã có chuyển biến tích cực khi có Chỉ thị số 16-CT/TU về phát triển Đảng trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, một số tổ chức cơ sở đảng giảm sút năng lực lãnh đạo, lúng túng về nội dung, phương thức lãnh đạo, hình thức sinh hoạt tế nhật, uy tín giảm sút. Trình độ, năng lực của một số cán bộ, đảng viên chưa ngang tầm nhiệm vụ, công tác đào tạo chưa gắn với quy hoạch. Việc quy hoạch cán bộ nguồn ở một số nơi còn mang tính hình thức. Chính sách cán bộ chưa thực sự tạo được sự động viên, khuyến khích, tinh sáng tạo, tinh thần nhiệt tình của cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp cơ sở.

Công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng bộ tỉnh được tăng cường, Tỉnh ủy đã ban hành chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Chương trình hành động số 01-CTr/TU về công tác cán bộ đến năm 2005*, tr.3.

Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng tới năm 2000, công tác kiểm tra của Đảng bộ Bình Phước được đổi mới nội dung và phương pháp công tác; đã có 117 tổ chức đảng được kiểm tra việc chấp hành theo điều lệ Đảng, 566 đảng viên, 144 tổ chức đảng được kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết được trên 90% đơn, thư tố cáo đối với đảng viên. Việc kiểm tra chấp hành của các cấp ủy cùng với việc thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp đã góp phần đôn đốc việc chấp hành Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại các địa phương, đơn vị; giáo dục, ngăn ngừa tiêu cực, xử lý nghiêm đối với những vi phạm, phục vụ thiết thực cho bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Đại hội Đảng các cấp và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Công tác kiểm tra còn một số hạn chế như: một số cấp ủy nhận thức chưa đầy đủ về công tác kiểm tra; việc kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm còn hạn chế, có nơi chưa tập trung vào đối tượng, lĩnh vực trọng điểm. Công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng một số cơ sở còn lỏng lẻo, một số vụ việc giải quyết chưa dứt điểm, thiếu kịp thời. Điều đáng lưu ý là số đảng viên có vi phạm phải xử lý kỷ luật phần lớn là cán bộ chủ chốt ở cơ sở, làm ảnh hưởng đến vai trò và uy tín lãnh đạo của Đảng.

Đảng bộ tỉnh Bình Phước thường xuyên quan tâm xây dựng và củng cố hệ thống chính trị. Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khóa X ngày 20/7/1997 và bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp tỉnh Bình Phước ngày 14/11/1999; bầu 5 đại biểu đại diện cho cử tri toàn tỉnh tham gia vào Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Hội đồng nhân dân các cấp đã từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, tổ chức tốt các kỳ họp theo luật định, quyết định kịp thời những vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội của địa phương. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thể hiện quan điểm đường lối của Đảng, phù hợp với tình hình thực tế, được đông đảo Nhân dân đồng tình ủng hộ. Hội đồng nhân dân đã tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và nhiệm vụ kinh tế - xã hội, kiến nghị nhiều vấn đề bức xúc mà Nhân dân quan tâm để cơ quan có chức năng giải quyết.

Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh nỗ lực trong việc thể chế hóa, chỉ đạo và điều hành thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ lần thứ VI của tỉnh, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương đề ra. Trong nhiệm kỳ, công tác quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có chuyển biến, dần đi vào nền nếp theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện tốt chỉ đạo

của Trung ương về xây dựng Nhà nước pháp quyền và để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, trong quá trình hoạt động, Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế dân chủ trong cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, đồng thời ban hành nhiều văn bản pháp quy nhằm tăng cường chức năng quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Năm 2000, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội thi đua toàn tỉnh lần thứ nhất, tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc.

Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên nhận được sự quan tâm, lãnh đạo của Tỉnh ủy, định kỳ nghe cấp ủy trực thuộc và Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể báo cáo kết quả công tác. Trên cơ sở đó, ngày 09/6/1997, Tỉnh ủy ra chỉ thị về tổ chức cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, kịp thời chỉ đạo thống nhất việc tổ chức triển khai cuộc vận động. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... có nhiều chuyển biến về hình thức và nội dung hoạt động. Hội viên, đoàn viên được tập hợp rộng rãi, phát huy quyền làm chủ, tích cực tham gia mọi hoạt động xã hội. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đóng vai trò nòng cốt trong các chương trình xã hội. Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, giúp nhau làm kinh tế gia đình, hoạt động từ thiện, thúc đẩy phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, giữ gìn an ninh trật tự... góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Nhằm tạo điều kiện cho Đồng Xoài trở thành trung tâm hành chính - kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước, tỉnh đề nghị với Trung ương cho thành lập thị xã Đồng Xoài. Ngày 01/9/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 90/1999/NĐ-CP thành lập thị xã Đồng Xoài trên cơ sở điều chỉnh địa giới huyện Đồng Phú. Các ban, ngành của thị xã nhanh chóng ổn định về tổ chức và đi vào hoạt động.

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (1997-2000) trong điều kiện tỉnh mới tái lập còn nhiều khó khăn, song dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội Bình Phước đã đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng: tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) hàng năm tăng 9,26%. Tuy nhiên, chưa đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra 10% nhưng so với tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước là đạt. Kinh tế vẫn phát triển, kết cấu hạ tầng được chú trọng đầu tư xây dựng;

sự nghiệp giáo dục y tế và các chính sách xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện; chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được bảo đảm, hệ thống chính trị từng bước đổi mới, Nhân dân ngày tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đây chính là điều kiện, tiền đề thuận lợi để Đảng bộ và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh vững bước trên con đường đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, kinh tế phát triển chưa vững chắc, một số chỉ tiêu do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra chưa đạt. Vai trò quản lý của cơ quan nhà nước trong tỉnh chưa thật chủ động trong việc điều tiết, hướng dẫn các thành phần kinh tế phát triển theo kế hoạch và quy hoạch, thực hiện công nghiệp hóa nông thôn đạt kết quả chưa cao, công nghiệp chế biến tuy phát triển nhưng thiếu cân đối, khả năng huy động GDP vào ngân sách thấp, thiếu chính sách thu hút vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh, kinh tế hợp tác chậm tổng kết, nhiều doanh nghiệp nhà nước kinh doanh kém hiệu quả; đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chậm cải thiện, thiếu những giải pháp hữu hiệu để giải quyết tình trạng di dân tự do; tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, cải cách hành chính chậm.

II. VỮNG BƯỚC ĐI LÊN TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (2001-2005)

Sau 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước vượt lên mọi khó khăn, thử thách do thiên tai, những biến động kinh tế thế giới, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở một số nước Đông Nam Á, Châu Á, giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh... Đời sống của đa số Nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao. Những kết quả đã đạt được, tuy còn có mặt chưa cao, nhưng nếu nhìn lại xuất phát điểm về kinh tế - xã hội từ khi tái lập tỉnh mới thấy càng trân trọng những kết quả mà Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đã đạt được. Tuy nhiên, Bình Phước vẫn còn là tỉnh nghèo, kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội còn nhiều mặt yếu kém, đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu. Những khó khăn này sẽ là thách thức lớn đối với Đảng bộ trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Trong bối cảnh đó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp, từ ngày 09 đến ngày 11/01/2001, Đại hội đại

biểu lần thứ VII Đảng bộ tỉnh Bình Phước được tổ chức trọng thể tại thị xã Đồng Xoài. Tham dự Đại hội có 298 đại biểu, trên tổng số 300 đại biểu được triệu tập, đại diện cho 10.047 đảng viên tại 105 cơ sở đảng của 13 đảng bộ trực thuộc về dự Đại hội. Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị về dự và chỉ đạo Đại hội. Đây là sự thể hiện quan tâm sâu sắc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đối với Đảng bộ tỉnh Bình Phước. Đại hội có nhiệm vụ:

- Thảo luận và tham gia ý kiến đóng góp vào các văn kiện của Trung ương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

- Thảo luận thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, bàn định các mục tiêu và quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 5 năm (2001-2005).

- Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VII và bầu đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Đại hội diễn ra trong bối cảnh đất nước đứng trước những thời cơ và vận hội mới. Những thắng lợi của 15 năm đổi mới đất nước đã tạo ra thế và lực cho cách mạng Việt Nam, tạo ra điều kiện, tiền đề rất quan trọng để dân tộc ta bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh những thuận lợi, nước ta cũng còn gặp khó khăn như: thiên tai liên tiếp xảy ra, nền kinh tế phát triển chưa vững chắc. Bốn nguy cơ: tụt hậu xa hơn về kinh tế; chênh lệch xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; “diễn biến hòa bình” vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau. Do đó, đòi hỏi Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước phải phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phát huy mọi tiềm năng và lợi thế sẵn có, khai thác tốt mọi nguồn lực, tận dụng mọi thời cơ để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Với tinh thần dân chủ, đoàn kết, trí tuệ và trách nhiệm cao, Đại hội đã tập trung thảo luận Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành khóa VI và nhất trí cao với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong 4 năm 1997-2000. Đánh giá khó khăn, thuận lợi, những ưu khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, trên cơ sở đó Đại hội đề ra nhiệm vụ, mục tiêu đến năm 2005 là: “Thực hiện có hiệu quả công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, khắc phục những yếu kém của nền kinh tế, duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế bằng hoặc cao hơn mức bình quân 5 năm qua; phát huy nội lực của địa phương, đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, thu hút vốn đầu

tư từ bên ngoài; nâng cao hiệu quả nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, chú trọng sự nghiệp giáo dục đào tạo, sử dụng tốt nhân tài; tập trung giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân; đầu tư từng bước cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh và an toàn xã hội, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra”¹.

Đại hội đã đề ra mục tiêu cụ thể trong 5 năm (2001-2005): Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9,5 - 10%; GDP bình quân đầu người đến năm 2005 đạt 300 USD/năm. Điều chỉnh một cách cơ bản cơ cấu đầu tư nhằm tập trung cho công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn. Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, năm 2005 tỷ trọng trong GDP của các ngành: công nghiệp: 20%; nông nghiệp: 54%; dịch vụ: 26%. Đến năm 2005, cơ bản nhựa hóa hệ thống đường tỉnh quản lý, đưa số hộ sử dụng điện đạt 60 - 65%. Nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư công nghệ từ bên ngoài, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt 200 triệu USD, trong đó xuất khẩu trực tiếp 50%. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát huy nhân tố con người, ưu tiên xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ cho các ngành giáo dục - đào tạo, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh - truyền hình. Tăng cường đầu tư cho vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kháng chiến cũ nhằm nâng cao dân trí, mức sống vật chất, tinh thần, giải quyết có hiệu quả những bức xúc của xã hội; giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống còn 3,5%; về cơ bản xóa hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 6 - 7%; tỷ suất sinh giảm từ 0,7 - 0,8%; hạn chế và xử lý có kết quả số dân di cư tự do từ tỉnh khác đến. Củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, bảo đảm trật tự, kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tiếp tục thực hiện cuộc vận động, xây dựng chính đốn Đảng; phấn đấu toàn Đảng bộ tỉnh không có tổ chức đảng yếu kém. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, năng động đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra những nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng... trong đó chú trọng: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VII (2001-2005)*, tr.45.

hóa, hiện đại hóa nông thôn; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; phát triển kinh tế đối ngoại; phát triển khoa học và công nghệ; đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ và du lịch; lãnh mạnh hóa các hoạt động tín dụng, tài chính, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, văn hóa, xã hội... Cơ cấu kinh tế của tỉnh được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII tiếp tục khẳng định rõ đó là: nông - lâm, dịch vụ, công nghiệp, đó là định hướng, phát triển kinh tế hoàn toàn đúng đắn nhằm khai thác triệt để tiềm năng và thế mạnh đất đai, lao động dồi dào, điều kiện tự nhiên, địa lý,... của Bình Phước - một tỉnh miền núi đất rộng người thưa, có vị trí quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Đại hội nhấn mạnh các giải pháp: công tác chính trị, tư tưởng phải nhanh nhạy, kịp thời; tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện quy hoạch; thực hành tiết kiệm và chống tham nhũng, tham ô, lãng phí; xây dựng Đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh và quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ.

Đại hội đã bầu đoàn đại biểu gồm 11 đồng chí dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước khóa VII gồm 45 ủy viên. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: Nguyễn Hữu Luật, Nguyễn Việt Cường, Nguyễn Tấn Hưng, Lê Tính, Nguyễn Đắc Khải, Trịnh Lương Sơn, Nguyễn Chí Cường, Nguyễn Văn Thỏa, Nguyễn Văn Lợi, Bùi Thế Thành, Võ Đình Tuyền, Huỳnh Nga và Trương Tấn Thiệu. Đồng chí Nguyễn Hữu Luật được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Việt Cường được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Tấn Hưng được bầu làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đã bầu 7 đồng chí vào Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Đắc Khải được bầu là chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Từ ngày 12 đến ngày 22/4/2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hội trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội. Trong bối cảnh loài người đã kết thúc thế kỷ XX và bước sang thế kỷ XXI với xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Đại hội đã tổng kết 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới. Kinh tế tăng trưởng khá, văn hóa xã hội có những tiến bộ, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng - an ninh được tăng cường, hệ thống chính trị được củng cố. Đại hội đã nghiêm túc đánh giá những thành tựu và chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, trên cơ sở đó hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đầu thế kỷ XXI. Đại hội

thông qua “chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010)”. Đại hội khẳng định quyết tâm, phát huy truyền thống vẻ vang và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên trong thế kỷ XXI.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh tập trung chỉ đạo khai thác mọi nguồn lực, thế mạnh, tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với những thuận lợi rất cơ bản: Đường lối đúng đắn của Đại hội IX của Đảng là cơ sở và định hướng để Đảng bộ Bình Phước xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Những thành tựu đạt được sau 15 năm đổi mới của đất nước và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển với tốc độ cao, có sự tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt thành tựu sau 4 năm tái lập tỉnh là rất quan trọng, tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước bước vào thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (2001-2005), Bình Phước vẫn còn nhiều khó khăn vì vẫn còn là tỉnh nghèo, kinh tế tuy có phát triển nhưng chưa vững chắc, một số chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội VI đề ra chưa đạt, điểm xuất phát kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, trình độ dân trí còn ở mức thấp so với cả nước và khu vực. Nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế cho nên phụ thuộc rất lớn vào thời tiết và thị trường. Tình hình hạn hán liên tiếp trong nhiều năm, dịch cúm gia cầm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất. Tình hình di dân tự do dẫn đến tăng dân số cơ học rất nhanh, ảnh hưởng đến quản lý an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội. Tình hình bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên, khủng hoảng chính trị ở Campuchia có ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo và điều hành trên địa bàn tỉnh. Kinh tế vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, cải cách hành chính còn chậm.

Quán triệt các Nghị quyết của Đảng và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các Đảng bộ trực thuộc và các lĩnh vực; kịp thời ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết và nhiều văn bản xác định phương hướng, giải pháp phát triển ở các huyện, thị và các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị... trên địa bàn tỉnh.

Kinh tế Bình Phước trong những năm 2001-2005 liên tục tăng trưởng với tốc độ khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, thu ngân sách và tỷ trọng động viên tăng nhanh, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, thu hút đầu tư có sự chuyển biến. Các chỉ tiêu kinh tế đều đạt nhịp độ tăng trưởng nhanh, một số chỉ tiêu đã đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VII đề ra.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) liên tục tăng trưởng, bình quân mỗi năm GDP tăng 13,97% (chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là 9,5 - 10%). Đến năm 2005, GDP bình quân đầu người đạt 476 USD tăng 250 USD so với năm 2000 (cả nước là 638 USD), đạt 158,7% so với mục tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Năm 2000 công nghiệp - xây dựng chỉ chiếm 12,42%, dịch vụ chiếm 23,89%, nông nghiệp chiếm 63,69%, đến năm 2005, trong cơ cấu kinh tế của tỉnh thì cơ cấu ngành công nghiệp - xây dựng đã được nâng lên chiếm 18,04%; ngành dịch vụ chiếm 25,30% và ngành nông lâm - thủy sản giảm xuống còn: 56,66%. Tuy nhiên, công nghiệp chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là 20%, so với cả nước là 41%.

Ngành sản xuất nông nghiệp Bình Phước trong những năm 2001-2005 phát triển tương đối ổn định, cơ cấu nông, lâm và kinh tế nông thôn gắn với công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ tạo việc làm tại chỗ, từng bước xây dựng mô hình nông thôn mới có kinh tế phát triển, văn hóa xã hội lành mạnh. Việc chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, cơ cấu kinh tế được đẩy mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa VII đã nêu rõ: “Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa trong thời kỳ 2001 - 2005 duy trì mức độ tăng trưởng từ 5,5 - 6%. Điều chỉnh lại quy hoạch đất nông, lâm nghiệp, đẩy mạnh các dịch vụ cung ứng vật tư. Phát huy vai trò công tác khuyến nông, khuyến lâm để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi. Huy động mọi nguồn vốn đầu tư để xây dựng các công trình thủy lợi”¹.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đảng bộ lần thứ VII của tỉnh, Bình Phước đã tạo được sự chuyển biến đáng kể trong nông nghiệp, giá trị sản xuất nông nghiệp liên tục tăng qua các năm: Năm 2001 tăng 7,99% so với năm 2000, năm 2003 tăng 15,35% so với năm 2002, năm 2004 tăng 15,81% so với năm 2003, bình quân thời kỳ 2001 - 2005 tăng 14,00% (chỉ tiêu Nghị quyết là 7,1%). Diện tích gieo trồng tăng nhanh, đến năm 2005 tổng diện tích gieo trồng là

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VII (2001-2005)*, tr.49.

308.059ha, bình quân mỗi năm tăng 4,22%. Hằng năm, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chặt chẽ ngành khoa học và công nghệ phối hợp với các đoàn thể, huyện, thị trong tỉnh từng bước đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, áp dụng giống mới có năng suất cao, tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ thực vật nên đã góp phần tăng năng suất sản lượng cây trồng, vật nuôi. Sản lượng lương thực có hạt năm 2005 đạt 63.951 tấn, bình quân tăng mỗi năm 7,19%; đạt bình quân từ 67kg/người (năm 2000) tăng lên 79kg/người (năm 2005). Sản xuất nông nghiệp đã hình thành các vùng trồng cây chuyên canh có thế mạnh với quy mô lớn như tiêu, điều, cao su, cây ăn trái... Năm 2005 diện tích cây lâu năm là 250.677ha. Tỉnh đã đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại với mô hình chủ yếu là cây cao su, cây tiêu, cây điều, cây ăn trái... không những đem lại hiệu quả cao về kinh tế mà còn góp phần giải quyết công ăn việc làm cho số lao động dôi dư, đến năm 2005, toàn tỉnh đã có 5.527 trang trại, với vốn đầu tư 1.815,4 tỷ, sử dụng 36.725ha, giải quyết việc làm 38.040 lao động. Sau hơn 10 năm hình thành, phát triển kinh tế trang trại đã góp phần từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành vùng chuyên canh tập trung cây công nghiệp nguyên liệu, tạo điều kiện cho công nghiệp chế biến phát triển, sử dụng lao động dư thừa ở nông thôn. Hệ thống thủy lợi được quan tâm đầu tư, đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng nhiều công trình, góp phần nâng diện tích cây hoa màu được tưới nước lên 37.200ha, hạn chế thiệt hại do hạn hán gây ra. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng đóng góp lớn vào giá trị sản xuất nông nghiệp, trong đó chăn nuôi đại gia súc có chiều hướng phát triển tốt. Tính đến năm 2005, toàn tỉnh có 21.280 con trâu, 53.123 con bò và 164.174 con heo vượt xa mục tiêu đề ra, bình quân mỗi năm thời kỳ 2001 - 2005 đàn trâu tăng 4,17% (năm 2005 tăng 7,14%), đàn bò tăng 15,15% (năm 2005 tăng 20,38%), đàn heo tăng 4,07%. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống dịch cúm gia cầm rất chặt chẽ, nhờ đó dịch cúm bùng phát ở một số xã trong tỉnh đã được dập tắt kịp thời không để lây lan, không để phát sinh ổ dịch mới.

Việc tận dụng diện tích ao, hồ và nhất là mặt nước ở hồ Thác Mơ vào nuôi trồng thủy sản mang hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra, nhằm tăng thu nhập của nhiều hộ gia đình đã áp dụng mô hình vườn ao chuồng để tận thu những sản phẩm của nông nghiệp để nuôi cá và nuôi các loại thủy sản khác như baba... Giá trị sản xuất thủy sản bình quân mỗi năm tăng 19,71%, năm 2005 diện tích nuôi trồng thủy sản là 2.064ha và 95 lồng nuôi cá với thể tích lồng nuôi là 3.325m³. Sản lượng thủy sản không ngừng tăng lên, năm 2001 là 2.060 tấn, năm 2005 là 4.175 tấn.

Về lâm nghiệp, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII về trồng mới 13.000ha rừng, bằng mọi biện pháp ngăn chặn lấn chiếm rừng, chặt phá rừng, giữ cho được 165 ngàn ha rừng tự nhiên hiện có. Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 23/12/2002 về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp. Thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cấp, các ngành đã có kết quả tốt trong tổ chức quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên, rừng trồng, khai thác tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp, đã thu được một số kết quả nhất định. Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện chủ trương đóng cửa rừng để bảo vệ và phát triển vốn rừng, các lâm trường đã chuyển sang làm nhiệm vụ trồng và bảo vệ rừng. Giá trị sản xuất lâm nghiệp liên tục giảm qua các năm, năm 2001 giảm 44,8% so với năm 2000, năm 2004 giảm 17,3% so với năm 2003, bình quân mỗi năm giảm 18,61%. Sản xuất lâm nghiệp đã tập trung cho bảo vệ vốn rừng hiện có, trồng rừng phủ xanh đất trống, nâng độ che phủ được coi trọng. Sử dụng các nguồn vốn của chương trình 327, định canh, định cư... toàn tỉnh trồng được 11.562ha rừng, đạt 88,93% kế hoạch đề ra của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VII, trong đó quốc doanh trồng được 10.365ha, đạt 136,4% kế hoạch, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động, góp phần chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp dư thừa sang lao động lâm nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng phá rừng trái phép thời gian qua không giảm, tình trạng xâm canh, lấn chiếm, sang nhượng trái phép đất lâm nghiệp rất nghiêm trọng; phát triển kinh tế rừng chưa hiệu quả với việc giải quyết di dân tự do, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc. Để tháo gỡ vấn đề này, ngày 12/5/2005, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 33-CT/TU về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, đất lâm nghiệp. Kết quả bước đầu thực hiện Chỉ thị này có khả quan, thu hồi lại số diện tích bị lấn chiếm rất lớn.

Với sự quan tâm lãnh đạo điều hành, Tỉnh ủy đề ra các chủ trương và định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng. coi những nhóm ngành này là bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, có vai trò tác động trở lại hỗ trợ cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về đổi mới doanh nghiệp Nhà nước; Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, Tỉnh đã thực hiện chính sách ưu đãi khuyến khích, thu hút đầu tư, phát huy nội lực các

thành phần kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong giai đoạn này, công nghiệp bước đầu khởi sắc và tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá cả về quy mô lẫn giá trị sản xuất, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2001 thực hiện được 521,1 tỷ đồng đến 2005 tăng lên 1.659,4 tỷ đồng (giá cố định 1994), đạt 91,77% mục tiêu kế hoạch đề ra, tăng bình quân 27,25%/năm. Đến năm 2005, toàn ngành có 2.267 cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp hoạt động thu hút 20.168 lao động; thu hút được 745 doanh nghiệp trong nước với số vốn đăng ký 1.529,2 tỷ đồng; cấp phép đầu tư cho 9 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đầu tư 23,12 triệu USD. Hầu hết các sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp đều tăng nhanh về khối lượng như: đá xây dựng các loại (32,2%/năm), hạt điều nhân (38,1%/năm), bột giấy (10,45%/năm), may mặc (21,2%/năm), ngói nung (8,45%/năm)... Đặc biệt là các sản phẩm nông sản và lâm sản đạt nhịp độ tăng cao, tạo ra khối lượng sản xuất hàng hóa lớn cho xuất khẩu.

Chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh từng bước được khẳng định, nhất là doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ngày càng có quy mô lớn, trang thiết bị ngày càng hiện đại. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số mặt hàng công nghiệp mũi nhọn như: cao su, hạt điều nhân, tinh bột mì... Những sản phẩm này từng bước chiếm ưu thế trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Trong sản xuất công nghiệp, cơ cấu sản xuất hàng hóa có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu, hàng tiêu dùng và hàng có chất lượng cao.

Tuy nhiên, sản phẩm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở địa phương chưa phong phú, các ngành công nghiệp sản xuất có hàm lượng công nghệ cao chưa phát triển. Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp còn rất hạn chế. Năm 2005, giá trị sản xuất công nghiệp thuộc khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 203 tỷ đồng chiếm 12,26% so với tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Sản phẩm duy nhất của ngành công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là chế biến tinh bột mì.

Các khu, cụm công nghiệp ở Bình Phước tuy còn nhỏ lẻ nhưng đã bắt đầu hình thành và đi vào hoạt động như: khu công nghiệp Chơn Thành, khu công nghiệp Tân Khai, khu công nghiệp Nam Đồng Phú, khu công nghiệp Tân Thành... và các cụm công nghiệp Nam thị xã Đồng Xoài, Tà Thiết, Đức Liễu I...

Công tác quản lý nhà nước về xây dựng được tỉnh chú trọng, tập trung hoàn thành các dự án quy hoạch trọng điểm. Trong 5 năm (2001-2005), đã có

hàng trăm, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại, các cụm kinh tế xã hội, khu dân cư được quy hoạch và phê duyệt làm cơ sở đầu tư xây dựng. Nhiều công trình xây dựng trọng điểm được hoàn thành như Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trường Cao đẳng sư phạm, Trường Dân tộc nội trú, Trường Phổ thông trung học chuyên Quang Trung, Trường Trung học y tế, Trung tâm văn hóa tỉnh, Trường chính trị tỉnh... Việc tiến hành đền bù, giải phóng mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ và các tuyến đường giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh bảo đảm tiến độ thi công.

Từ năm 2000 - 2005, được sự hỗ trợ của Trung ương, nguồn vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý tăng lên khá nhanh, từ 219,2 tỷ đồng năm 2000 lên 574,2 tỷ đồng năm 2005, nhịp độ tăng bình quân hàng năm là 21,2%. Nguồn vốn ngân sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đã khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng từ 760 tỷ đồng năm 2000 lên 2.236 tỷ đồng năm 2005, chiếm 36,5% tổng số GDP. Các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tăng nhanh làm cho giá trị tăng thêm của ngành xây dựng tăng bình quân hàng năm là 15,6%. Đồng thời, năng suất lao động của ngành xây dựng không ngừng tăng lên so với công nghiệp và nông nghiệp.

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn tỉnh không ngừng được nâng cấp và đầu tư mới như ĐT741, 752, 756, 759, 760, đường Sao Bông - Đăng Hà, đường nội ô thị xã, trung tâm hành chính của các huyện..., 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó trên 90% là đường nhựa. Tính đến 2005, toàn tỉnh có 3.709,39 km đường các loại, trong đó đường nhựa chiếm 24,4%, góp phần giao thương thông suốt phục vụ sản xuất, đi lại của Nhân dân. Ngành điện đã quan tâm đầu tư, mạng lưới điện ngày càng được mở rộng đến các xã, các khu trung tâm đến các vùng sâu, đến nay đã có 72% hộ dân đã được sử dụng điện. Mạng lưới bưu chính - viễn thông từng bước được hiện đại hóa, thông tin liên lạc được thông suốt, trung tâm 8 huyện, thị đã được phủ sóng điện thoại di động; bình quân đạt 9,56 máy điện thoại/100 dân. Việc phát triển mạnh kết cấu hạ tầng với hệ thống điện, đường, trường, trạm tạo ra bước thay đổi căn bản các vùng nông thôn của Bình Phước.

Các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp có bước tăng trưởng với nhịp độ cao đã tạo điều kiện cho hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch... có những chuyển biến mạnh mẽ hơn. Tỉnh chủ trương xây dựng phát triển các trung tâm thương mại, các chợ nhằm thúc đẩy và lưu thông hàng hóa trên địa bàn, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống. Tỉnh đã xây dựng xong quy hoạch phát triển thương mại đến năm 2010, đã hoàn thành quy hoạch kinh doanh

xăng dầu, quy hoạch chợ đến năm 2010; từng bước triển khai xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư, chợ đầu mối nông sản Chơn Thành; quy hoạch một số trung tâm thương mại và chợ triển lãm, từng bước theo kịp với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong những năm 2001-2005, hoạt động thương mại nội địa và các loại hình dịch vụ phát triển khá sôi động, đáp ứng nhu cầu cung ứng vật tư sản xuất, hàng tiêu dùng cho Nhân dân các địa phương trong tỉnh, đến cuối năm 2005, với sự tham gia của các thành phần kinh tế toàn tỉnh đã có 19.822 cơ sở thương mại và dịch vụ, giải quyết việc làm cho 33.145 lao động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh, năm 2001 là 1.500 tỷ đồng, năm 2003 là 2.118 tỷ đồng, năm 2005 là 3.271 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 19,76%. Hoạt động xuất nhập khẩu 5 năm qua có sự tăng trưởng ổn định như: năm 2001, xuất khẩu đạt 41,3/40 triệu USD; năm 2002, xuất khẩu đạt 83,9/80 triệu USD; năm 2004, xuất khẩu đạt 152,5/150 triệu USD và năm 2005, kim ngạch xuất khẩu thực hiện 176.4 triệu USD, đạt 88,2% so với mục tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra là 200 triệu USD, bình quân tăng 30,28%/năm. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là mủ cao su, hạt điều nhân, tinh bột mì... Để đạt được kết quả này, tỉnh luôn quan tâm nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách, cơ chế quản lý hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng tự do hóa thương mại, khuyến khích doanh nghiệp tìm mở rộng thị trường... Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã thiết lập quan hệ xuất nhập khẩu với trên 37 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các thị trường chủ yếu mà hàng hóa Bình Phước thâm nhập là Trung Quốc, Đài Loan, Nga, Nhật, Hoa Kỳ, Campuchia. Kim ngạch nhập khẩu đã có nhiều bước cải thiện đáng kể theo hướng giảm nhập nguyên liệu, tăng nhập máy móc và thiết bị kỹ thuật cao. Tổng kim ngạch nhập khẩu qua các năm là 6,3 triệu USD năm 2001; 12 triệu USD năm 2002; 17 triệu USD năm 2003; 25,751 triệu USD năm 2004 và năm 2005 là 24 triệu USD. Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách đều tăng khá, đáp ứng yêu cầu về lưu thông hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Đặc biệt các mặt hàng chính sách, thực hiện các chương trình trợ cước, trợ giá..., từ năm 2001 đến 2005 đạt 12,4 tỷ đồng. Đồng thời mạng lưới kinh doanh thương mại tiếp tục được mở rộng tới các địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa và thu hút nhiều thành phần kinh tế với nhiều loại hình tổ chức khác nhau. Cơ cấu phân bố mạng lưới thương mại chuyển biến theo hướng tăng dần các điểm kinh doanh ở thị trường nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thường xuyên đẩy mạnh các hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý thị trường ổn định. Tổng số nộp ngân sách trong 5 năm đạt khoảng 5,8 tỷ đồng.

Hưởng ứng chương trình du lịch quốc gia “Việt Nam điểm đến của thiên niên kỷ mới”, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII chỉ rõ cần có quy hoạch, kế hoạch để khai thác tiềm năng du lịch của tỉnh, phát triển đa dạng các loại hình du lịch. Hàng loạt các dự án về du lịch, dịch vụ được triển khai trên địa bàn của tỉnh như: Hoàn thiện quy hoạch phát triển du lịch đến năm 2010, triển khai quy hoạch, trùng tu, tôn tạo khu căn cứ Bộ Chỉ huy Miền, khu du lịch Bà Rá - Thác Mơ, khu du lịch Suối Cam, khu du lịch Trảng cỏ Bù Lạch và cụm thác trên sông Đồng Nai. Vốn đầu tư cho du lịch của các thành phần kinh tế trong địa phương đạt hàng chục tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương hỗ trợ đã giải ngân 20 tỷ đồng. Doanh thu du lịch năm 2001 đạt 1,1 tỷ đồng, năm 2005, doanh thu du lịch đạt 8 tỷ đồng. Tuy nhiên, ngành du lịch Bình Phước còn nhiều yếu kém so với các tỉnh xung quanh, chưa khai thác được thế mạnh và tài nguyên du lịch của tỉnh, hiệu quả kinh tế và lợi nhuận thấp. Công tác quy hoạch và lập các dự án để kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước triển khai còn chậm.

Ngành tài chính - tín dụng có nhiều cố gắng trong việc quản lý thu chi ngân sách, huy động các nguồn vốn cho vay phát triển. Trong điều kiện cụ thể của Bình Phước, tỉnh mới tái lập, yêu cầu chi cho sự nghiệp xây dựng, phát triển rất lớn, ngân sách hằng năm thu trên địa bàn chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu chi. Do đó, vấn đề khai thác, bồi dưỡng nguồn thu, tiết kiệm chi là những nội dung luôn luôn đặt ra hằng năm cho toàn ngành. Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh trong những năm 2001-2005 luôn đạt và vượt kế hoạch, năm sau thu cao hơn năm trước, từ 238,7 tỷ đồng năm 2001 lên 417,9 tỷ đồng năm 2003, năm 2004 đạt 750,5 tỷ đồng và năm 2005 đạt 893,5 tỷ đồng, bình quân thu ngân sách giai đoạn tăng hằng năm 35,5% . Cơ cấu nguồn thu bảo đảm và hợp lý, trong đó nguồn thu từ doanh nghiệp nhà nước và khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng nhanh đã thể hiện sự phát triển của nền kinh tế tỉnh nhà. Tỷ lệ động viên vào ngân sách từ 9,1% năm 2000 tăng lên 14,6% năm 2005. Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mọi nhu cầu chi rất lớn, do vậy, tốc độ chi năm sau cao hơn năm trước, có năm mức chi cao hơn mức thu ngân sách, đạt chỉ tiêu do Trung ương giao, bảo đảm kinh phí cho hoạt động thường xuyên của các đơn vị, chi cho đầu tư phát triển hằng năm chiếm 29%, chi ngân sách địa phương, các lĩnh vực chi theo nghị quyết của Trung ương như giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ được cân đối bảo đảm theo quy định. Công tác chi đã bám sát các chương trình mục tiêu về kinh tế - xã hội của địa phương, tổng chi ngân sách năm 2004 là 1.239,1 tỷ đồng, năm 2005 là 1503,2 tỷ đồng. Việc điều hành ngân sách được tiến hành chủ động, ưu tiên

chọn lựa các mục tiêu đầu tư nhằm thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa như phát triển đô thị, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng...

Kết quả hoạt động thu - chi ngân sách và phát triển kinh tế đạt được trong giai đoạn 2001-2005 đã kế thừa những định hướng, chủ trương đúng đắn của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời. Ngay sau khi tái lập tỉnh, Tỉnh ủy đã có hàng loạt định hướng tập trung ổn định và phát triển sản xuất. Chủ trương tiết kiệm được đặt lên hàng đầu, hai năm đầu tỉnh không xây dựng trụ sở mà tất cả các cơ quan, ban ngành đều ở tạm, mượn hoặc thuê để tập trung phát triển sản xuất, khi có ngân sách và được sự hỗ trợ của Trung ương mới xây dựng hàng loạt công trình. Tỉnh có cơ chế thoáng, huy động sức dân trồng rừng và cao su nhanh chóng phủ xanh đất trống, đồi trọc và được Chính phủ công nhận là tỉnh phủ xanh đất trống, đồi trọc nhanh nhất trong cả nước. Những định hướng đúng của Tỉnh ủy ngay sau tái lập tỉnh đã tác động tốt và tạo đà phát triển của tỉnh nhà trong những giai đoạn sau.

Hoạt động tín dụng - ngân hàng và quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia có bước cải tiến, tích cực huy động vốn trong dân cư bằng nhiều hình thức nên hoạt động tín dụng liên tục tăng trưởng, đạt bình quân 32%/năm. Mạng lưới hội sở, chi nhánh ngân hàng và các tổ chức tín dụng tăng nhanh, vững chắc, đến 2002, có 120 trụ sở, chi nhánh tăng 114 hội sở, chi nhánh khi mới tái lập tỉnh. Hệ thống thanh toán chuyển tiền điện tử được nối mạng thông suốt trong cả nước. Các hoạt động dịch vụ tiện ích ngân hàng bảo đảm chất lượng phục vụ tốt cho nền kinh tế.

Song song với việc lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế, Tỉnh ủy và các cấp cùng chính quyền thực sự coi trọng phát triển giáo dục, văn hóa, y tế. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã chỉ rõ: “Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát huy nhân tố con người, ưu tiên xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ cho các ngành giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình. Đầu tư hơn nữa cho vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kháng chiến cũ nhằm nâng cao dân trí, mức sống vật chất, tinh thần của Nhân dân lên một bước mới”¹.

Ngày 28/10/2002, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành chương trình hành động thực hiện kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về giáo dục - đào tạo, chỉ rõ Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh “tiếp thu quán triệt các quan điểm chỉ

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (2001-2005)*, tr.47.

đạo về giáo dục - đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII); quan tâm đầu tư tài chính, đầu tư cán bộ, chính sách ưu tiên, tổ chức quản lý, tập trung phát triển giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa nhằm đào tạo có chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều chủ trương lớn, nhiều biện pháp tích cực để triển khai công tác giáo dục - đào tạo một cách khẩn trương hiệu quả như: thành lập Ban chỉ đạo chống mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở do đồng chí Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách, ban hành Chỉ thị số 16-CT/UB về thực hiện chống mù chữ phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác chống mù chữ phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; triển khai đề án phổ cập trung học cơ sở giai đoạn 2001-2006, với mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn vào cuối năm 2006... Ngành giáo dục cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh với quyết tâm nỗ lực lớn. Sau nhiều năm phấn đấu, 100% xã, phường, thị trấn đã được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học về xóa mù chữ; 74/94 xã, phường, thị trấn và 2/8 huyện đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở. Mạng lưới trường lớp, học sinh các cấp đều tăng. Tính đến năm 2005, 100% số xã, thị trấn đều có một đến hai trường cấp tiểu học và phần lớn có trường phổ thông trung học cơ sở, 20% xã, thị trấn có trường phổ thông trung học; đã xây dựng mới 898 phòng học, xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng trường Phổ thông trung học nội trú tỉnh, trường Phổ thông trung học chuyên Quang Trung, trường Cao đẳng sư phạm. Năm học 2004-2005 toàn tỉnh có 247 trường phổ thông, 5.528 lớp học, 7.502 giáo viên và 179.381 học sinh phổ thông. So với năm học 1999-2000 số trường, học sinh, giáo viên đã tăng đáng kể: trường tăng 35,7%, lớp tăng 20,9%, học sinh tăng 12,2%, giáo viên tăng 54,3%. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2001-2005 học sinh phổ thông tăng 2,3%. Tỉnh đã khắc phục cơ bản tình trạng thiếu giáo viên, trình độ chuyên môn lý luận chính trị của đội ngũ giáo viên từng bước nâng cao, chất lượng đào tạo, học sinh khá giỏi tăng lên qua các năm, tỷ lệ đậu tốt nghiệp phổ thông, đậu vào các trường đại học, cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp và đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia ngày càng tăng. Cùng với hệ thống giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục thường xuyên và đào tạo nghề

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Chương trình hành động số 12-CTHĐ/TU “thực hiện kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về giáo dục - đào tạo”, tr.6.*

tại tỉnh ngày càng được chú trọng đầu tư. Toàn tỉnh có một trường công nhân kỹ thuật, một trường trung học y tế và một trường cao đẳng sư phạm. Ngoài ra, tỉnh phối hợp với các trường đại học ngoài tỉnh tổ chức các lớp đào tạo đại học tại chức, đại học đào tạo từ xa; đã nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2004 đạt 15%. Phong trào toàn dân chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục bước đầu có chuyển biến và có hiệu quả thiết thực như thành lập quỹ khuyến học, Hội khuyến học từ tỉnh xuống cơ sở. Nhiều nơi làm tốt việc phối hợp ba môi trường giáo dục: gia đình - nhà trường - xã hội để giáo dục học sinh. Nhìn chung, công tác giáo dục - đào tạo giai đoạn 2001-2005 được triển khai khá tốt, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trước sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ và nền kinh tế tri thức, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm đầu tư vào phát triển khoa học, công nghệ để phục vụ đời sống và sản xuất. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) và Chương trình hành động số 06-CT/TU về khoa học - công nghệ, tỉnh đã triển khai Luật Khoa học và công nghệ, ban hành quy định tạm thời việc tổ chức triển khai, quản lý các đề tài, dự án khoa học - công nghệ, quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, ngày 28/10/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 13-CTHĐ/TU “Thực hiện kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về khoa học - công nghệ”, chương trình nêu rõ phương hướng đến năm 2010: “Gắn kết khoa học với sản xuất, tăng cường việc lựa chọn ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trên mọi lĩnh vực để góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Phát triển kinh tế gắn với quản lý khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường”¹.

Thực hiện chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học - công nghệ và môi trường chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, tích cực đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật. Nội dung các đề tài chủ yếu là nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp trên một số cây trồng vật nuôi của tỉnh như: cây tiêu, điều, cây ăn trái, trâu, bò, heo, gà... Qua thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, công tác ứng dụng và chuyển giao những kỹ thuật tiến bộ về khoa học kỹ thuật vào sản xuất với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đạt kết quả tốt, hàm lượng khoa học và công nghệ trong sản phẩm nông nghiệp tăng lên rõ rệt thể hiện qua phương thức canh

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Chương trình hành động số 13-CTHĐ/TU “Thực hiện kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về khoa học - công nghệ”*, tr.6.

tác tiến bộ, năng suất, chất lượng cây trồng vật nuôi tăng lên đáng kể, đã từng bước ứng dụng khoa học và công nghệ góp phần xóa đói giảm nghèo các xã khó khăn trong tỉnh. Đặc biệt, việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao những thành tựu về khoa học - công nghệ và sản xuất cây điều đạt kết quả tốt, năng suất bình quân cây điều tại tỉnh Bình Phước từ 4 - 5 tạ/ha vào những năm 1997 đã tăng lên 12,35 tạ/ha vào năm 2005. Các đề tài khoa học xã hội mang lại nhiều hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý, hoạch định các cơ chế chính sách, chủ trương của Đảng bộ, chính quyền, các cấp, các ngành. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các cơ quan tỉnh, nhất là ngành bưu điện, ngân hàng. Chương trình tin học hóa được triển khai trong các cơ quan Đảng, Nhà nước bước đầu thu được một số kết quả tích cực. Ngân sách chi cho khoa học - công nghệ tăng lên hằng năm.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh tiếp tục chú trọng đến sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình và có những bước phát triển mới. Mạng lưới y tế được củng cố và phát triển cả về quy mô, cơ sở vật chất trang thiết bị và đội ngũ cán bộ chuyên môn nên công tác khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế đã được nâng lên. Tính đến năm 2005, tổng số cán bộ công viên chức toàn ngành y tế là 1.475 người, đạt tỷ lệ 13,31 giường và 4,02 bác sĩ/1 vạn dân, 80% trạm xá có bác sĩ, 100% trạm xá có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong việc khám và điều trị bệnh. Cơ sở vật chất đa số các đơn vị tuyến tỉnh được đầu tư xây dựng mới và đưa vào sử dụng như Bệnh viện đa khoa tỉnh, trường Trung học y tế, Trung tâm y tế dự phòng, Trung tâm phòng chống các bệnh xã hội, Trung tâm bảo vệ sức khỏe sinh sản... Một số trung tâm y tế huyện đang được đầu tư xây dựng mới. Đội ngũ cán bộ y tế thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, ngày càng đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Trang thiết bị khám chữa bệnh từng bước được đầu tư, nâng cấp nhất là ở Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện đa khoa các huyện, thị. Bệnh viện đa khoa tỉnh đã hình thành tương đối đầy đủ các khoa, triển khai tốt công tác hồi sức, cấp cứu, chấn thương và một số chuyên khoa. Các trung tâm y tế huyện cơ bản giải quyết được ca cấp cứu và một số bệnh thông thường. Tỉnh đã xây dựng và phát huy tốt vai trò của đội ngũ y tế thôn bản. Cả nước chỉ có tỉnh Bình Phước đã chi phụ cấp cho y tế thôn bản đạt mức 200.000đ/nhân viên y tế thôn bản/tháng.

Các chương trình y tế quốc gia được triển khai sâu rộng và đạt kết quả khá. Tỷ lệ trẻ em tiêm chủng đủ 6 loại Vắcxin và độ phủ muối iốt trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ cao. Công tác vệ sinh, phòng dịch được các cấp chính quyền, các

địa phương và ngành y tế quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt nên trong vòng 5 năm (2001-2005) trên địa bàn tỉnh không có dịch. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều bất cập và yếu kém. Điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, tình trạng vi phạm đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ, nhân viên y tế vẫn còn xảy ra. Trước tình hình đó, ngày 09/8/2005, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 35-CT/TU về thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

Để bảo đảm sự phát triển bền vững và thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình do Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VII của tỉnh đề ra, Tỉnh ủy xác định, công tác dân số, gia đình và trẻ em cần được quan tâm thường xuyên, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ phát triển dân số, duy trì ổn định mức sinh thay thế. Do đó, công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai rộng khắp và đạt hiệu quả tốt.

Trên lĩnh vực dân số, sau khi có Pháp lệnh dân số, để giúp Nhân dân hiểu đúng những quy định mới của pháp lệnh, các cấp, các ngành, các địa phương đã tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân về chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình của Nhà nước và tỉnh. Vì thế tình trạng dân số tăng đột biến không xảy ra trong tỉnh. Tỷ lệ sinh hàng năm giảm bình quân là: 0,77%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm tương ứng từ 2,01% xuống còn 1,65% năm 2005. Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ) giảm từ 3,8 con năm 1997 xuống còn 2,6 con năm 2004. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được quan tâm thường xuyên. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi năm 2001 là 37,80%, năm 2005 còn 26,50%, giảm 11,30%. Để đẩy mạnh công tác dân số, gia đình và trẻ em hiệu quả cao hơn nữa nhằm duy trì ổn định mức sinh thay thế, ngày 14/7/2005, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 34-CT/TU “Về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình” và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31/8/2005 “Về việc ban hành chương trình hành động thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và công tác gia đình giai đoạn 2005-2010”.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra nhiệm vụ cơ bản cho công tác văn hóa - thông tin, phát thanh truyền hình, thể thao là: “Đẩy mạnh cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Hướng các hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục thể thao về nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kháng chiến cũ... khôi phục và phát huy truyền

thống bản sắc văn hóa dân tộc, lành mạnh môi trường văn hóa, rút ngắn khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa vùng đô thị và nông thôn, giữa các dân tộc”¹.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, đơn vị văn hóa phát triển rộng khắp. Đến năm 2005, có 90% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa và 60,48% ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa và 305 cơ quan được công nhận “Văn minh - An toàn - Sạch đẹp”, đạt 97,75% số cơ quan trong toàn tỉnh. Các thiết chế văn hóa được tăng cường một bước; đời sống văn hóa cơ bản có nhiều khởi sắc; hoạt động văn hóa thông tin, có bước hoạt động mới với hệ thống truyền thanh phủ sóng gần 90% địa bàn tỉnh, truyền hình phủ sóng được 70% địa bàn tỉnh; xây dựng được chương trình phát sóng tiếng Xiêng (phát hình 30 phút/tuần, phát thanh 90 phút/tuần/2 buổi); hệ thống Đài truyền thanh huyện, trạm truyền thanh xã từng bước được củng cố. Đến năm 2005, 94/94 xã, phường, thị trấn có trạm truyền thanh, có cán bộ chuyên trách, 8/8 đài truyền thanh huyện, thị phát sóng FM, 5 đài huyện có trạm phát lại truyền hình. Báo Bình Phước ra 2 số/tuần với số lượng 2.956 tờ/kỳ và tờ Tin ảnh dành cho đồng bào dân tộc thiểu số là 900 tờ/kỳ. Công tác giao ban báo chí được duy trì thường xuyên đã góp phần quan trọng việc định hướng tuyên truyền, nâng cao chất lượng thông tin, khắc phục sơ hở, lệch lạc. Thư viện tỉnh, thư viện huyện, thị, các xã, phường, thị trấn được củng cố một bước. Hoạt động sưu tầm, nghiên cứu văn hóa truyền thống được các cấp ủy Đảng và ngành văn hóa quan tâm, đến 2005 đã sưu tầm được 9.760 hiện vật. Trong đó, có nhiều hiện vật quý hiếm như Trống Đồng, Đàn Đá; thực hiện nghiên cứu nhiều đề tài khoa học: Thành Tròn, Đàn Đá, Trống Đồng..., các di tích trên địa bàn tỉnh không xảy ra tình trạng xuống cấp nghiêm trọng, bước đầu đáp ứng cho sinh hoạt về nguồn của các đoàn du khách đến tham quan, nghiên cứu học tập. Trung tâm văn hóa tỉnh và Trung tâm văn hóa các huyện, thị phối hợp tích cực với các ngành tổ chức nhiều cuộc liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng trong tỉnh và tham gia các đợt liên hoan ở Trung ương. Tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội Hội văn học nghệ thuật lần thứ nhất. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa thông tin được chú trọng hơn trước nhằm lập lại trật tự trên lĩnh vực văn hóa như quản lý các dịch vụ karaoke, khai thác mạng internet, bán và cho thuê băng đĩa...

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (2001-2005)*, tr.60, 61.

Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao quần chúng ngày càng phát triển khắp trên địa bàn tỉnh, số người tham gia luyện tập, rèn luyện sức khỏe thường xuyên đạt 14% dân số tỉnh, 6% số hộ gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, 100% trường học thực hiện giáo dục thể chất và 100% cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đạt chiến sĩ khỏe; Phong trào thể dục - thể thao trong công nhân viên chức diễn ra ngày càng sôi nổi. Cơ sở vật chất trang thiết bị cho hoạt động văn hóa, thể thao được tăng cường thường xuyên. Tỉnh đã hoàn thành xây dựng nhà thi đấu thể thao đa năng, nhiều công trình đang tiến hành xây dựng như sân vận động tỉnh, trung tâm hoạt động văn hóa thể thao thanh thiếu nhi... Đáng chú ý là, thể thao thành tích cao bước đầu chú ý quan tâm, một số môn thể mạnh của tỉnh được duy trì và đạt kết quả cao tại các giải thi đấu như Đội tuyển Việt dã leo núi “Chinh phục đỉnh cao Bà Rá” đã đạt được nhiều thành tích cao tại các giải cấp cụm, khu vực và toàn quốc; bộ môn Taekwondo đã giành được 29 huy chương vàng tại các giải trong nước và 10 huy chương (3 Huy chương vàng, 5 Huy chương bạc, 2 Huy chương đồng) ở các giải quốc tế. Để phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao của tỉnh tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 24-KH/TU “Về phát triển thể dục - thể thao đến năm 2010”.

Song song với việc tập trung phát triển kinh tế, văn hóa, Đảng bộ tỉnh Bình Phước thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đền ơn đáp nghĩa và nâng cao đời sống nhân dân. Trong 5 năm (2001-2005), tỉnh đã thực hiện đồng bộ nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần giảm 12.572 hộ nghèo, đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 4% năm 2005, hỗ trợ cho vay vốn xóa đói giảm nghèo 240,3 tỷ đồng, khám chữa bệnh miễn phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo; thực hiện chính sách ưu đãi trong giáo dục, cứu đói giáp hạt, hỗ trợ định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, lâm, ngư nghiệp; hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, tiêu thụ sản phẩm; giải quyết việc làm cho 90.734 lao động. Đồng bào dân tộc được quan tâm nhiều hơn, Tỉnh đã xây dựng 4.514 căn nhà tình thương cho đồng bào dân tộc thiểu số; mỗi thôn, ấp dân tộc xây dựng một nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Thực hiện chính sách trợ cước, trợ giá các mặt hàng thiết yếu cho các xã đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, vùng đặc biệt khó khăn với 8 loại mặt hàng và trợ cước vận chuyển nông sản với tổng kinh phí 16 tỷ 275 triệu đồng; hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn 3 tỷ 6 triệu đồng, giao khoán 4.974ha rừng cho 155 hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Các huyện và tỉnh có trường dân tộc nội trú hàng tháng mỗi học sinh được hưởng định xuất 160.000 đồng đối với học sinh học ở

huyện và 210.000 đồng đối với học sinh học ở trường của tỉnh. Hằng năm tỉnh chỉ đạo thực hiện chế độ cử tuyển học sinh dân tộc vào học ở các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc.

Quan tâm thực hiện tốt công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công và các mục tiêu chăm sóc đời sống các đối tượng chính sách, giải quyết tương đối tốt các hồ sơ tồn đọng sau chiến tranh; xây dựng và bàn giao 601 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 254 căn nhà, tặng 356 sổ tiết kiệm, chăm sóc phụng dưỡng suốt đời các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống, 100% gia đình chính sách có mức sống bằng mức sống trung bình trở lên so với đời sống dân cư nơi cư trú, thường xuyên tổ chức thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng chính sách trong các dịp lễ, tết hằng năm. Xây dựng hoàn chỉnh nghĩa trang liệt sỹ tỉnh, quy tập được 1.034 bộ hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh từ chiến trường Campuchia, đưa về an táng tại nghĩa trang. Đã hoàn thành cơ bản việc khen thưởng và giải quyết chính sách đối với người tham gia kháng chiến theo quy định của Nhà nước.

Các vấn đề dân tộc được tỉnh ủy xác định có vai trò hết sức quan trọng, nên đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào các dân tộc như các chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị; Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX “về công tác dân tộc”, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 20/5/2003 “về công tác dân tộc, Chỉ thị số 02-CT/TU về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nêu rõ mục tiêu đến năm 2010 “tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Giai đoạn 2003-2005 giảm tỷ lệ nghèo xuống còn 9% đến năm 2010 còn 5%; số hộ sử dụng điện đạt 50% vào năm 2005, 75% vào năm 2010; số hộ sử dụng nước sạch đạt 80% vào năm 2003; đạt 85% vào năm 2010; giải quyết cơ bản nhu cầu về đất sản xuất”¹ được triển khai thực hiện có hiệu quả. Sau thời gian thực hiện về chính sách hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn; về thực hiện chương trình 135; về chính sách trợ cước trợ giá... nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số biết thay đổi tập quán sản xuất, dựa vào lợi thế từng vùng để phát triển kinh tế hộ, tạo thu nhập khá. Truyền thống văn hóa các dân tộc được khuyến khích, bảo tồn và phát triển. Công tác vận động đoàn kết dân tộc được thực hiện tốt

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Chương trình hành động số 20-CTHĐ/TU thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về công tác dân tộc*, tr.5.

nên đã hòa giải kịp thời những mâu thuẫn nội bộ. Nhờ vậy, đời sống vật chất và tinh thần các dân tộc trong tỉnh không ngừng được cải thiện, đồng bào ngày càng gắn kết với cộng đồng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của tỉnh.

Bước vào thế kỷ XXI, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, với đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý và tình hình kinh tế - xã hội sau 5 năm tái lập tỉnh, Tỉnh ủy và các cấp chính quyền rất coi trọng lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ công tác quốc phòng - an ninh. Tỉnh ủy Bình Phước đã xây dựng Chương trình hành động số 07-CTHD/TU ngày 27/6/2000 để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới; chương trình hành động số 23-CTHD/TU ngày 21/10/2003 thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết số 09-NQ/CP của Chính phủ về chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU để cụ thể hóa 5 chương trình quốc gia thành chương trình mục tiêu 5 giảm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 01-KH/UBND để tổ chức thực hiện. Đây là sự quán triệt nghiêm túc và thể hiện tinh thần phấn đấu rất cao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện các chương trình quốc gia của Đảng và Chính phủ, nhằm giữ vững an ninh chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong nhiệm vụ phát triển của tỉnh. Do đó, giai đoạn 2001-2005 công tác quốc phòng, an ninh tuyến biên giới và tuyến nội địa được giữ vững, tình hình tội phạm đã được kìm chế.

Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác an ninh, quốc phòng, các cấp ủy Đảng, chính quyền các ngành và các địa phương lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác an ninh, quốc phòng; tập trung chỉ đạo xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở, kết hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh trên khu vực biên giới và vùng trọng điểm của tỉnh, tạo thành thế trận phòng thủ vững chắc, tổ chức các phương án phòng thủ vững chắc, tổ chức diễn tập các phương án phòng thủ, chống gây rối, bạo loạn, lật đổ đạt kết quả tốt. Đi đôi với chính quy, hiện đại hóa lực lượng quân sự chuyên nghiệp, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng trận địa quốc phòng toàn dân và thực hiện pháp lệnh về dân quân tự vệ, công tác giáo dục, huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ được quan tâm. Các địa phương triển khai có hiệu quả nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chuẩn

bị đủ nguồn dự bị động viên. Công tác tuyển quân hàng năm thực hiện đúng luật, bảo đảm chỉ tiêu, chất lượng và đúng thời gian quy định. Công tác đối ngoại đã tăng cường đoàn kết hữu nghị với các tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia. Trong giai đoạn này, từ chính quyền, lực lượng vũ trang đến Nhân dân giữa tỉnh Bình Phước và các tỉnh giáp biên giới Campuchia đã có sự nỗ lực chung phát huy tốt mối quan hệ đoàn kết hữu nghị - hòa bình và tôn trọng phát luật mỗi nước, tạo tiền đề cho sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực, thúc đẩy phát triển về đời sống kinh tế, xã hội góp phần giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới. Nổi bật nhất là chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân của các tỉnh giáp biên giới nước bạn Campuchia đồng tình ủng hộ công tác tìm kiếm, cất bốc hài cốt các chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã hy sinh qua các thời kỳ kháng chiến trên chiến trường Campuchia.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh và có bước phát triển mới, lực lượng công an nhân dân các cấp đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/CP của Chính phủ về “chương trình quốc gia phòng chống tội phạm”. Chương trình mục tiêu 5 giảm làm chuyển biến sâu rộng về nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức và cộng đồng dân cư. Các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm đến công tác giữ vững an ninh chính trị, gắn kết chương trình mục tiêu 5 giảm với chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong 5 năm (2001-2005), lực lượng công an nhân dân đã phát hiện, tập trung khám phá nhiều vụ án hình sự, kinh tế phức tạp, bảo đảm an ninh, chính trị, an toàn xã hội, giữ gìn an ninh văn hóa, an ninh nông thôn, từng bước kiềm chế và giảm tai nạn giao thông. Những thắng lợi trên mặt trận quốc phòng - an ninh trong giai đoạn 2001-2005 có ý nghĩa chiến lược quan trọng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, chính trị ổn định, trật tự an toàn được giữ vững, đời sống nhân dân được cải thiện, lòng tin của Nhân dân các dân tộc Bình Phước với Đảng được củng cố.

Trong nhiệm kỳ 2001-2005, Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng trong tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chính quyền vững mạnh, xây dựng khối đoàn kết, củng cố các đoàn thể nhân dân. Vì vậy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể: Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, góp phần to lớn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hội đồng nhân dân các cấp được củng cố một bước, hoạt động ngày càng hiệu quả, phát huy vai trò là cơ quan quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, là cơ quan giám sát các hoạt động của Ủy ban nhân dân và hoạt

động các cơ quan, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân. Trong hoạt động Hội đồng nhân dân đã chú trọng nâng cao chất lượng các kỳ họp, hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn được thực hiện và truyền hình trực tiếp trên đài phát thanh - truyền hình tỉnh; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát, phát huy dân chủ, bàn và quyết định nhiều chủ trương, chính sách quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, ngày 19/5/2002, cử tri Bình Phước hăng hái tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI và ngày 25/4/2004 bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009, bảo đảm dân chủ, đúng luật, an toàn và tiết kiệm với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đều đạt trên 98%; đã bầu 6 đại biểu đại diện cho cử tri toàn tỉnh tham gia vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước gồm là các đồng chí: Đỗ Nguyên Phương, Nguyễn Kim Khanh, Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Nghiễm, Trịnh Thị Nga và Điều Điều. Sau bầu cử, Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh nhanh chóng được củng cố kiện toàn và đi vào hoạt động theo luật định. Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2004-2009, đồng chí Nguyễn Hữu Luật với sự tín nhiệm cao đã được bầu lại, tiếp tục giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Tấn Hưng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân các cấp được kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý, điều hành có nhiều chuyển biến, hoạt động theo đúng quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, bảo đảm tính hành chính thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng đề án sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn trực thuộc các cấp theo Nghị định số 12-CP của Chính phủ, gắn chặt với chương trình sắp xếp bộ máy, nâng cao hiệu quả năng lực quản lý của bộ máy chính quyền các cấp. Tỉnh ủy đã chỉ đạo từng bước sáp nhập Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em thành Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp; điều chỉnh chức năng Sở Khoa học - Công nghệ môi trường và Sở Địa chính thành Sở Khoa học - công nghệ và Sở Tài nguyên - Môi trường; thành lập Sở Bưu chính Viễn thông; thành lập Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội; thành lập Văn phòng Hội đồng nhân dân; tách Ban Dân tộc - Tôn giáo thành Ban Dân tộc và Ban Tôn giáo... Tiến hành rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ một số phòng, ban chuyên môn thuộc các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường và mở rộng phạm vi phân cấp quản lý, tăng tính chủ động và nâng cao trách nhiệm, phát huy tính năng động, sáng tạo của các ngành địa phương; đồng thời đã chủ động xây dựng kế hoạch, quy hoạch, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh; ban hành

nhiều cơ chế, chính sách để huy động các nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư và sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là về đất đai, thu chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép đầu tư được tăng cường. Trong quản lý, điều hành đã tích cực chỉ đạo thực hiện chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Hoạt động chính quyền các cấp được đổi mới theo hướng gần dân, sát dân hơn, quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu tố của công dân có nhiều tiến bộ, đã có sự phối kết hợp tốt giữa Ủy ban nhân dân với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã có nhiều đổi mới, đóng góp tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Mặt trận Tổ quốc đã phát huy vai trò trung tâm khối đại đoàn kết, cùng với các tổ chức thành viên tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đồng thời phối hợp chặt chẽ với chính quyền thực hiện có hiệu quả cuộc vận động do Đảng và Nhà nước phát động, đặc biệt là các phong trào: “xóa đói giảm nghèo”, “đền ơn đáp nghĩa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”... Hưởng ứng chủ trương của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc ủng hộ “Quý vì người nghèo”. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bình Phước đã phát động phong trào toàn dân ủng hộ quỹ vì người nghèo của tỉnh và đã quyên góp được hàng tỷ đồng.

Công đoàn các cấp thực hiện tốt công tác vận động, tập hợp, đào tạo, bồi dưỡng giai cấp công nhân, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động. Hội Nông dân các cấp đã tích cực vận động nông dân thi đua lao động sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở nông thôn. Hội Liên hiệp phụ nữ tổ chức nhiều phong trào thi đua, vận động hội viên tích cực tham gia các hoạt động xã hội, thực hiện quyền bình đẳng giới, xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Đoàn Thanh niên phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo, đi đầu trong hoạt động sản xuất, chiến đấu, công tác, học tập; tổ chức nhiều phong trào thi đua yêu nước đặc biệt là phong trào “Thanh niên tình nguyện” và “Tuổi trẻ giữ nước”... Từ trong các phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình tiên tiến lao động trong sản xuất, học tập, chiến đấu phòng chống tội phạm, cũng như phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Hội Cựu chiến binh đã phát huy truyền thống Bộ đội Cụ Hồ tham gia tích cực các

phong trào phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng ấp văn hóa, ông bà, cha mẹ mẫu mực... đồng thời, tham gia các công việc chính trị, xã hội của địa phương, tham gia hòa giải và giải quyết các vụ việc phức tạp ở cơ sở. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp có nhiều đổi mới, vận động hội viên tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và các nghị quyết, chuyên đề, trong giai đoạn 2001-2005, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tập trung đẩy mạnh đổi mới công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực cho công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác xây dựng Đảng được Tỉnh ủy chú trọng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác chính trị, tư tưởng được đánh giá có vai trò đặc biệt quan trọng. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”, ngày 12/7/2002, Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Chương trình hành động số 6-CTr/TU “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”. Chương trình hành động chỉ rõ “công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong thời gian qua đạt được những thành tựu quan trọng, có sự đóng góp to lớn của chính quyền các cấp, mặt trận, đoàn thể và hoạt động các cơ quan chuyên trách, đã cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo các Nghị quyết của Đảng vào thực tế cuộc sống”¹.

Để nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên chăm lo giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Công tác tuyên truyền học tập nghị quyết của Đảng, đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng đi vào cuộc sống được thực hiện nghiêm túc, ngày càng được đổi mới, hiệu quả hơn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các tài liệu thông tin nội bộ, thông tin đến Nhân dân, thông tin của đội ngũ báo cáo viên. Công tác giao ban an ninh tư tưởng, giao ban khoa giáo, giao ban báo chí được duy trì thường xuyên và ngày càng hiệu quả hơn, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng được cụ thể hóa thành các chương trình hành động, đề án cụ thể; có sự phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng, kiểm tra thường xuyên, nhiều Đảng bộ thành lập ban quản lý

1. Tỉnh ủy Bình Phước: *Chương trình hành động số 6-CTHĐ/TU về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*, tr.6.

lớp học, có sổ theo dõi kết quả học tập của cán bộ, đảng viên nên nhanh chóng đưa nghị quyết vào cuộc sống. Các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ và các đợt học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đã được tổ chức tốt. Đặc biệt tổ chức thành công lễ đón nhận danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Phước. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 29/4/2005 “về tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương”, trực tiếp chỉ đạo biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước giai đoạn 1975-2005; xuất bản công trình về Bình Phước những tập thể và cá nhân anh hùng. Nhiều huyện ủy, thị ủy và đơn vị biên soạn đã xuất bản lịch sử Đảng bộ, lịch sử ngành, đoàn thể và truyền thống cách mạng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và nghị quyết Đại hội các cấp nhiệm kỳ 2001-2005, từ ngày 16 đến ngày 17/9/2003, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh Bình Phước được tổ chức. Hội nghị đã đánh giá và khẳng định những thành tựu đạt được: tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, bình quân GDP mỗi năm trong thời kỳ 2001-2002 tăng 13,1% so với mục tiêu cả giai đoạn 2001-2005 đề ra là từ 9,5%-10%, cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ; cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường; các ngành sản xuất chủ yếu nông, lâm, công nghiệp vẫn duy trì ở mức tăng trưởng khá; sự nghiệp giáo dục, y tế, giải quyết việc làm, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân đều có bước phát triển mới; quốc phòng - an ninh được giữ vững; nội bộ Đảng đoàn kết thống nhất. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá song chưa ổn định, nội lực của nền kinh tế còn yếu, đời sống của Nhân dân còn thấp so với mặt bằng chung cả nước.

Công tác tổ chức, cán bộ được củng cố, kiện toàn từng bước cải tiến; đội ngũ đảng viên phát triển mạnh về số lượng, chất lượng được nâng lên. Thành lập mới hai Đảng bộ huyện Bù Đốp và Chơn Thành và 46 tổ chức cơ sở đảng. Tỉnh ủy đã ban hành các quy định về phân cấp quản lý, bổ nhiệm, đánh giá, điều động, luân chuyển cán bộ, nhờ vậy, công tác cán bộ ngày càng bảo đảm đúng quy trình, dân chủ và hiệu quả. Công tác đào tạo, quy hoạch và đề bạt cán bộ đã đi vào nền nếp hơn. Công tác luân chuyển cán bộ được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, cán bộ được luân chuyển đã phát huy tốt ở vị trí công tác mới. Công tác đảng viên được các cấp quan tâm, đã phát triển mới 4.342 đảng viên vượt 73,63% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra; trình độ của đảng viên ngày càng được nâng cao; số chi, đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tăng từ 78,64% năm 2001

lên 80,70% năm 2003 và năm 2005 là 80%; tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ tăng từ 82,76% năm 2002 lên 85% năm 2005.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng của tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh, trọng tâm là nâng cao nhận thức của các cấp ủy về tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng Đảng với nhiệm vụ củng cố hệ thống chính trị. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường giáo dục, rèn luyện, nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục củng cố, kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương (lần 2). Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác đổi thể Đảng, trong năm 2004-2005, Tỉnh ủy Bình Phước chỉ đạo các tổ chức đảng làm tốt công tác đổi thể đảng viên vào các dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/2, ngày sinh nhật Bác 19/5 và Quốc khánh 2/9, đồng thời tiến hành tổng kết công tác đổi thể Đảng.

Công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng được tăng cường, góp phần tích cực đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở xây dựng ủy ban kiểm tra và đội ngũ kiểm tra Đảng ngày càng có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất và bản lĩnh đấu tranh với các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực. Ủy ban Kiểm tra Đảng các cấp tập trung giải quyết các điểm phức tạp, các vụ vi phạm pháp luật có liên quan đến cán bộ, đảng viên. Hàng năm, Đảng bộ xử lý hàng trăm đảng viên vi phạm kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ khỏi Đảng. Trong 5 năm (2001-2005), Đảng bộ tỉnh xử lý kỷ luật 750 đảng viên, trong đó khiển trách 369 đảng viên, cảnh cáo 291 đảng viên, cách chức 54 đảng viên, khai trừ khỏi Đảng 36 đảng viên. Ngoài ra, công tác kiểm tra đã tập trung vào kiểm tra chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy chế của Trung ương, của tỉnh; giải quyết kịp thời các thư khiếu nại, tố cáo, có kết luận rõ ràng và có chủ trương xử lý đúng đắn đối với đảng viên vi phạm pháp luật, vi phạm quy định 19 của Bộ Chính trị.

Công tác vận động quần chúng đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm tốt hơn. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận từ tỉnh đến cơ sở không ngừng được củng cố và nâng cao trình độ. Sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong công tác vận động quần chúng ngày càng hiệu quả hơn, tạo được sự hưởng ứng của đông đảo nhân dân trong quá trình thực hiện Nghị quyết. Nổi bật là thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “phong trào giúp nhau xóa đói giảm nghèo”

đã được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) “Về công tác dân tộc”, “Về công tác tôn giáo”, Tỉnh ủy đã chỉ đạo kiên toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ các cấp, đồng thời chú trọng tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp đối với công tác dân vận nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương.

Cùng với việc đổi mới công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, Đảng bộ Bình Phước chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, trọng tâm là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Các cấp ủy Đảng từng bước hoàn thiện quy chế làm việc và xây dựng cơ chế giám sát, đồng thời đề ra những quy định cụ thể để kiểm tra việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong các cơ quan nhà nước.

Để tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp theo tinh thần Chỉ thị số 46 của Bộ Chính trị, từ năm 2004, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức Đại hội các huyện, xã và tương đương. Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo Đại hội Đảng các cấp, các ban xây dựng Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy trực tiếp hướng dẫn, theo dõi diễn biến, kết quả Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2005-2010. Đến tháng 9/2005, đã có 15/15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh hoàn thành việc tổ chức Đại hội; Đại hội các cấp đã nghiêm túc đánh giá những ưu khuyết điểm, đồng thời đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Đại hội 15 đảng bộ trực thuộc tỉnh đã bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VIII. Kết quả đạt được từ Đại hội Đảng bộ các cấp tạo tiền đề để tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VIII.

Sau khi hoàn thành Đại hội Đảng bộ các cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các tiểu ban hoàn thành công tác chuẩn bị để tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 12 đến ngày 15/12/2005, tại thị xã Đồng Xoài, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VIII được tiến hành trọng thể. Tham dự Đại hội có 300 đại biểu từ 15 Đảng bộ trực thuộc, đại diện cho 15.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đến dự Đại hội còn có các đồng chí đại diện cho các Ban Xây dựng Đảng của Trung ương; đại diện lãnh đạo: Quân khu 7, Tổng Công ty cao su Việt Nam; các đồng chí nguyên là lãnh đạo chủ chốt của tỉnh qua các thời kỳ; các Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng...

Đại hội nêu bật những thành tựu đạt được trong 5 năm giai đoạn 2001-2005: Kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, thu ngân sách và tỷ lệ động viên tăng nhanh, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, thu hút đầu tư có sự chuyển biến. Các chỉ tiêu kinh tế đều đạt nhịp độ tăng trưởng nhanh, một số chỉ tiêu đã đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) liên tục tăng trưởng, bình quân mỗi năm GDP tăng 13,97% (chỉ tiêu đề ra là 9,5 - 10%). GDP bình quân đầu người đạt 476 USD/năm, đạt 158,7% so với mục tiêu đến năm 2005. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Cuối năm 2005, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng lên 18,04%, dịch vụ tăng 25,3% và nông lâm nghiệp giảm xuống còn 56,66%. Hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Chính quyền các cấp được kiện toàn, từng bước nâng cao năng lực quản lý, điều hành. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có nhiều đổi mới, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Công tác xây dựng Đảng được tăng cường, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng được nâng lên.

Đạt được những thành tựu trên là do Đảng bộ tỉnh, trước hết là Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII đã tạo được sự đoàn kết thống nhất cao, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với địa phương. Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, sự tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã được Trung ương ban hành; sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và sự hỗ trợ ngày càng có hiệu quả của các tỉnh bạn; sự lãnh đạo năng động, sáng tạo, sâu sát của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cấp ủy các cấp, thể hiện bằng việc các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra đều có cơ sở và tính khả thi cao; sự điều hành kiên quyết, ngày càng hiệu quả của chính quyền các cấp, thể hiện trong việc đầu tư đúng hướng, đúng trọng tâm các chương trình, dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội; sự cố gắng, nỗ lực của Mặt trận, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Bên cạnh đó là công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã được các cấp ủy tập trung chỉ đạo, dân chủ, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Bên cạnh việc khẳng định những thành tựu đạt được, Đại hội nghiêm túc kiểm điểm và rút ra một số hạn chế: Nền kinh tế của tỉnh từ 2001 đến 2005 tuy phát triển nhanh nhưng chưa thực sự vững chắc, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Nông - lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao và có ý nghĩa quyết định đến tăng trưởng kinh tế nhưng luôn phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, thời tiết, giá cả, thị trường tiêu thụ nông sản; tỷ trọng chăn nuôi còn thấp. Việc tiêu thụ nông sản theo hợp đồng chưa thực hiện tốt. Công tác quản lý bảo vệ rừng vẫn còn lỏng lẻo, tình trạng phá, lấn chiếm đất rừng, sang nhượng mua bán, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn rất phức tạp. Công nghiệp chưa phát triển mạnh theo chiều sâu, phần lớn sản phẩm còn ở dạng sơ chế, hàm lượng công nghệ thấp. Kết cấu hạ tầng mặc dù có tập trung đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng cho sự phát triển, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp còn chậm, chất lượng xây dựng một số công trình, công tác quản lý quy hoạch, giải tỏa đền bù còn yếu. Một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, chưa thể hiện vai trò chủ đạo. Việc xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư chưa được quan tâm... Kim ngạch xuất nhập khẩu tuy tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm có tăng nhưng vẫn còn ở mức thấp. Thu ngân sách và cơ cấu các nguồn thu chưa thật bền vững, thu chưa đủ chi, phải dựa vào bổ sung của Trung ương. Hoạt động văn hóa - xã hội còn một số mặt bất cập; an ninh trật tự ở một số địa phương, cơ sở còn tiềm ẩn yếu tố bất ổn định. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa cao, nội dung sinh hoạt còn chậm đổi mới.

Từ thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005, Đại hội rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Thứ nhất: Phải xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện cả về Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể; mạnh đồng đều ở cấp tỉnh, huyện và cơ sở; mạnh cả lập trường tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và phương thức hoạt động.

Thứ hai: Nội bộ phải đoàn kết nhất trí trên nguyên tắc tập trung dân chủ. Nơi nào đoàn kết thống nhất, tôn trọng nguyên tắc sẽ vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ngược lại, nơi nào mất đoàn kết thì diễn biến nội bộ xấu, nhiệm vụ không hoàn thành hoặc hiệu quả không cao.

Thứ ba: Khi đã có Nghị quyết đúng, định hướng đúng thì quan trọng là chỉ đạo điều hành phải nhạy bén, kịp thời; phải toàn diện về kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại; phải biết xác định đúng trọng tâm, trọng điểm từng thời kỳ; phải biết phát huy sức mạnh tổng hợp trong từng nhiệm vụ.

Thứ tư: Là một tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc cùng sinh sống nên nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GDP của tỉnh Bình Phước, dân trí còn thấp. Việc quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: xây dựng đường, điện, nước, bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình... là tiền đề quan trọng để phát triển nhanh và bền vững.

Thứ năm: Quan tâm chăm lo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ chiến lược, là trọng tâm thường xuyên, bao gồm chăm lo ngày càng tốt hơn về chăm sóc sức khỏe, việc học hành, chính sách đào tạo, chính sách thu hút phát triển nguồn nhân lực.

Thứ sáu: Làm tốt công tác đối ngoại là điều kiện tốt để bảo đảm quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những ưu, khuyết điểm và rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, phân tích nhận định thuận lợi, khó khăn của tình hình thế giới và trong nước những năm tiếp theo, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ 5 năm (2005-2010) gồm:.

Mục tiêu tổng quát là: Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, giữ vững nhịp độ tăng trưởng, phấn đấu giai đoạn 2005-2010 đạt tốc độ tăng trưởng (GDP) bình quân hàng năm đạt 14-15%.

Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng trong sáng, tận tụy với công việc, gắn bó mật thiết với Nhân dân, đoàn kết thống nhất; xây dựng Đảng bộ cơ sở bảo đảm vai trò hạt nhân lãnh đạo, đủ sức thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới và các nghị quyết của Đảng.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thu hút nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống văn hóa cho các tầng lớp nhân dân; thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Bảo đảm quốc phòng - an ninh, tăng cường công tác đối ngoại với các tỉnh bạn.

Để lãnh đạo hoàn thành các mục tiêu đề ra, Đại hội đề ra 10 chính sách và giải pháp mũi nhọn:

Một là: Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, chi tiết từng khu vực một cách khoa học, tiếp cận những chuẩn mực hiện đại, phát triển bền vững về môi trường

sinh thái, có chính sách tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như đường, điện, nước sạch, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin; đầu tư xây dựng các khu dân cư đô thị mới ở thị xã, thị trấn.

Hai là: Rà soát lại quỹ đất quy hoạch và có biện pháp sử dụng đất có hiệu quả; chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ không còn hiệu quả qua rừng kinh tế; đầu tư giống cây trồng, vật nuôi. Ứng dụng khoa học - kỹ thuật, thâm canh, tăng năng suất cây trồng, nâng cao chất lượng sản phẩm, có sức cạnh tranh với thị trường, trước hết là cây cao su, điều... Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, trước hết là trâu, bò, dê, đà điểu...

Ba là: Có chính sách thông thoáng, ưu đãi các nhà đầu tư nhằm thu hút mạnh đầu tư phát triển nhanh các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở chế biến để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

Bốn là: Đầu tư xây dựng, phát triển các trung tâm thương mại ở thị xã, thị trấn, thị tứ, chợ nông thôn, kinh tế cửa khẩu biên giới. Củng cố, sắp xếp, cổ phần hóa các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế hợp tác, các thành phần kinh tế kinh doanh có hiệu quả.

Năm là: Xây dựng quy hoạch phát triển giáo dục dài hạn để chủ động nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, thí nghiệm thực hành, đào tạo đội ngũ giáo viên theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng dạy và học; đào tạo nguồn nhân lực, nhân tài; chuẩn bị nguồn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ, có tri thức. Có chính sách đầu tư xây dựng mạng lưới y tế đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, từng bước hiện đại chất lượng khám, chữa bệnh của y bác sĩ. Có chính sách khuyến khích mở phòng khám bệnh tư nhân. Phối hợp tốt các cơ sở quân y, các cơ sở ngành cao su đóng trên địa bàn, tạo thành một hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân đồng bộ và có hiệu quả.

Sáu là: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ và Chỉ thị số 15-CT/TU của Tỉnh ủy về mục tiêu 5 giảm. Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp; nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhằm tổ chức triển khai, thực hiện tốt Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo tinh thần Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Bảy là: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giải quyết công việc nhanh gọn, hiệu lực, hiệu quả, xử lý nghiêm cán bộ gây phiền hà, nhũng nhiễu Nhân dân; rà soát lại cơ chế chính sách để có cơ chế chính sách thông thoáng hơn thu hút các doanh nghiệp; liên kết chặt chẽ các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trên các lĩnh vực công nghiệp, du lịch, dịch vụ; tăng cường công tác xã hội hóa thu hút các nguồn vốn đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội.

Tám là: Các cấp ủy Đảng đổi mới mạnh mẽ và tạo bước đột phá trong công tác cán bộ. Quy hoạch, đào tạo, đánh giá, sử dụng cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chế, quy trình, dân chủ, khách quan để đội ngũ cán bộ ngày càng tăng cường phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Có chính sách thu hút, đào tạo đội ngũ cán bộ có đức, có tài; quan tâm đào tạo cán bộ dân tộc, cán bộ nữ, chuyên gia trên các lĩnh vực; đồng thời, kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ kém phẩm chất, năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân.

Chín là: Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy các nguồn lực trong dân để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh.

Mười là: Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng ủy trong việc ban hành nghị quyết, chương trình hành động, bảo đảm ngắn gọn, thiết thực, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương, đơn vị; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hội nghị; dành nhiều thời gian đi sâu sát cơ sở, củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; tăng cường công tác kiểm tra, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện dân chủ trong Đảng, phát huy trí tuệ của từng cá nhân, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Đồng thời tập trung chỉ đạo 5 chương trình đột phá là:

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả nền kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp.

- Chương trình giải quyết di dân tự do, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc.

- Chương trình phát triển thương mại, dịch vụ du lịch và xuất khẩu.

- Chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

- Chương trình đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực.

Cùng với việc tập trung kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và đề ra phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2005-2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Phước lần thứ VIII còn kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng. Các đại biểu tham dự Đại hội cũng đóng góp nhiều ý kiến vào bản dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và bầu 12 đồng chí đi dự Đại hội. Đây là những đồng chí đại diện cho toàn Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, có trách nhiệm đem hết trí tuệ và phản ánh ý nguyện của Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước, góp phần vào sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005-2010 gồm 49 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII họp phiên đầu tiên thảo luận và bỏ phiếu bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí là: Nguyễn Hữu Luật, Nguyễn Tấn Hưng, Võ Đình Tuyền, Trương Tấn Thiệu, Nguyễn Văn Lợi, Bùi Thế Thành, Nguyễn Chí Cường, Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Văn Trăm, Phạm Văn Tòng, Nguyễn Thắng, Nguyễn Huy Phong, Bùi Văn Danh. Đồng chí Nguyễn Hữu Luật được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Nguyễn Tấn Hưng, Võ Đình Tuyền được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thắng được bầu giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Sau bốn ngày làm việc khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VIII đã thành công tốt đẹp. Đây là Đại hội trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới vì sự nghiệp phát triển bền vững, thể hiện ý chí nguyện vọng của toàn Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh. Đại hội mở ra chặng đường mới cho sự phát triển của tỉnh những năm tiếp theo - chặng đường đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đưa Bình Phước sớm trở thành một tỉnh giàu có, phồn vinh.

Sau 10 năm tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và 9 năm tái lập tỉnh, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, VII, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong điều kiện có nhiều thuận lợi cũng không ít khó khăn và thách thức, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước đã có nhiều nỗ lực phấn đấu, vượt qua thách thức khó khăn, phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất, ý thức tự lực tự cường, nắm bắt thời cơ, khai thác tốt các tiềm năng sẵn có để phát triển và đạt được những thành tựu quan trọng. Về kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ khá,

GDP năm 2005 tăng gấp 2,72 lần năm 1996, thời kỳ 1997-2005 bình quân mỗi năm tăng 11,78%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, các ngành sản xuất đều phát triển, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm sau cao hơn năm trước, GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 7,52 triệu, bình quân mỗi năm tăng 15,34%, đời sống của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện. Cơ sở hạ tầng gồm đường giao thông, điện, trường học, bệnh viện, thủy lợi, nước sinh hoạt và các công trình phúc lợi đầu tư, phát triển mạnh. Bình Phước có nhiều thay đổi, trong đó, nhanh chóng nhất là thị xã Đồng Xoài, các thị trấn, trung tâm xã. Văn hóa - xã hội có những bước tiến dài. Chính trị được ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng - an ninh được củng cố; quan hệ đối ngoại với các tỉnh của nước bạn Campuchia ngày càng phát triển tốt; khối đại đoàn kết các dân tộc anh em trong tỉnh được tăng cường. Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể Nhân dân ngày càng trong sạch, vững mạnh. Niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ được khẳng định rõ nét, tất cả đang chuyển mình vươn tới hòa nhập với phong trào phát triển của cả nước.

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn những hạn chế, Bình Phước vẫn là tỉnh nghèo trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với bình quân chung của cả nước; sự tăng trưởng kinh tế thật sự chưa bền vững, còn phụ thuộc vào thiên nhiên và thị trường. Cơ cấu kinh tế chưa được cải thiện rõ nét, nông nghiệp phát triển chưa cân đối, vẫn chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế; công nghiệp và dịch vụ tuy có phát triển nhanh nhưng xuất phát điểm thấp nên vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ; thu hút đầu tư chưa được nhiều. Tình trạng di dân tự do, chặt phá rừng còn diễn biến phức tạp, chưa có biện pháp ngăn chặn hiệu quả. Lĩnh vực văn hóa - xã hội còn có mặt bức xúc như tệ nạn ma túy, mại dâm. Đời sống của Nhân dân vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới và đồng bào dân tộc thiểu số còn rất khó khăn. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số mặt chưa đạt yêu cầu đề ra; tinh thần đấu tranh phê bình, tự phê bình và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng chưa cao. Trình độ lãnh đạo và năng lực quản lý của cán bộ còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Mặc dù còn một số hạn chế song những thành tựu đạt được sau 9 năm tái lập tỉnh cùng với những kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới và những quyết sách tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII là hành trang để Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước cùng cả nước tiến bước vững chắc trong thế kỷ XXI.

Chương II

ĐẢNG BỘ TỈNH CHỈ ĐẠO TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TỐC ĐỘ NHANH, BỀN VỮNG (2005-2020)

I. TẬP TRUNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC (2005-2010)

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001-2005, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân tỉnh Bình Phước đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, vượt qua những khó khăn, thách thức không ngừng phấn đấu giữ vững ổn định chính trị, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao; bảo đảm quốc phòng - an ninh; xây dựng hệ thống chính trị ngày càng tiến bộ; từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Những kết quả đạt được đã tạo ra thế và lực mới cho tỉnh nhà, tạo tiền đề quan trọng cho Đảng bộ, dân và quân tỉnh Bình Phước cùng cả nước phát triển sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, tỉnh cũng gặp không ít khó khăn, thách thức, đó là điểm xuất phát kinh tế - xã hội thấp, kết cấu hạ tầng kém, trình độ dân trí thấp so với cả nước và khu vực. Nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; tình hình dịch bệnh, hạn hán xảy ra liên tiếp trong nhiều năm đã tác động không nhỏ đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Tình trạng di dân tự do chưa được kiểm soát tốt, dẫn đến tăng dân số cơ học nhanh, ảnh hưởng đến quản lý an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trước tình hình đó, Đảng bộ, chính quyền các cấp phải tập trung chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn để đưa tỉnh phát triển nhanh và bền vững. Đại hội lần thứ VIII nhiệm kỳ 2005-2010, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đứng trước yêu cầu là cùng với cả nước thực hiện đồng bộ những nhiệm vụ mang tính chiến lược, tập trung cao độ mọi nguồn lực, lấy phát triển kinh tế, làm cho kinh tế

tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để đáp ứng yêu cầu trên, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VIII có trách nhiệm tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001-2005, đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, phân tích nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm, xác định phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu cho giai đoạn 2005-2010.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Với tinh thần nghiêm túc, nhìn thẳng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005-2010 được tiến hành từ ngày 12/12 đến ngày 15/12/2005, tại thị xã Đồng Xoài. Tham dự Đại hội có 300 đại biểu của 15 đảng bộ trực thuộc, đại diện cho hơn 15.000 đảng viên trong toàn đảng bộ tỉnh. Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã tập trung thảo luận và thông qua những nội dung chính sau: Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001-2005 và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, đề ra những giải pháp căn cơ cùng những chương trình đột phá để đưa tỉnh phát triển nhanh và bền vững trong nhiệm kỳ VIII (2005-2010); kiểm điểm sự lãnh đạo của cấp ủy nhiệm kỳ qua, đánh giá cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (lần 2); đóng góp ý kiến vào dự thảo các Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII và bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Với tinh thần “đổi mới, trí tuệ, dân chủ và đoàn kết”, qua 4 ngày làm việc khẩn trương, có trách nhiệm, Đại hội nghiêm túc đánh giá những thành tựu cũng như những hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ VII. Đại hội khẳng định:

Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước đã có nhiều nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thử thách, phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, ý chí tự lực, tự cường, nắm bắt thời cơ, khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh sẵn có của tỉnh để phát triển và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Kinh tế - xã hội có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục tăng, đạt mức cao so với cả nước, thu ngân sách vượt chỉ tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra. Các chính sách xã hội được quan tâm tốt hơn, đời sống của

Nhân dân không ngừng được cải thiện. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giữ ổn định. Quan hệ đối ngoại với các tỉnh của nước bạn Campuchia có đường biên giới chung với tỉnh và một số tỉnh của nước bạn Lào ngày càng phát triển tốt đẹp.

Công tác xây dựng Đảng và cuộc vận động xây dựng chính quyền Đảng đã có chuyển biến trên nhiều lĩnh vực. Đã tích cực tuyên truyền đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước từng bước đi vào cuộc sống. Công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên được củng cố, ngày càng hoàn thiện. Công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng được tăng cường. Phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới. Tuy nhiên, Bình Phước vẫn còn là tỉnh nghèo nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thu nhập bình quân đầu người còn ở mức thấp so với bình quân chung của cả nước; tăng trưởng kinh tế chưa thật sự bền vững. Cơ cấu kinh tế chưa được cải thiện rõ nét, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế; thu hút đầu tư chưa nhiều.

Từ nhận định trên, Đại hội đã đề ra mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ 2005-2010 là tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của quê hương Bình Phước anh hùng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường công tác đối ngoại. Thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005-2010 đánh dấu bước trưởng thành của Đảng bộ tỉnh, mở ra giai đoạn phát triển mạnh và đi vào chiều sâu của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đưa Bình Phước ngày càng phát triển.

Theo đánh giá, dự báo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII bên cạnh những thuận lợi cơ bản là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có điều kiện tự nhiên thuận lợi, có tiềm năng về đất đai, các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao, bên cạnh đó vẫn còn đan xen những khó khăn, thách thức không nhỏ, nhất là quy mô sản xuất nhỏ, trình độ công nghệ còn lạc hậu; khả năng hội nhập kinh tế quốc tế của các doanh nghiệp chưa cao, dân trí thấp, những khó khăn này sẽ tác động đến sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Từ nhận định trên, tỉnh đã tập trung chỉ đạo ưu tiên phát triển cho các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh, quan tâm thu hút đầu tư, chính sách khuyến khích đầu tư được bổ sung kịp thời, kết cấu hạ tầng cơ sở được ưu tiên đầu tư.

Kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản ổn định và có chiều hướng phát triển tốt; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) bình quân giai đoạn 2005-2010 đạt 13,2% là mức tăng trưởng cao trong điều kiện kinh tế thế giới suy giảm. GRDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 7,52 triệu đồng/người/năm (tương đương 470 USD), đến năm 2010 đạt 18,512 triệu đồng/người/năm (tương đương 1.028 USD). GRDP năm 2010 tăng 2,2 lần so với năm 2005, cụ thể năm 2005 đạt 8.416,64 tỷ đồng, tăng lên 17.759,07 tỷ đồng năm 2010. Trong đó, khu vực nông - lâm nghiệp từ 3.820,42 tỷ đồng tăng lên 7.884,48 tỷ đồng; khu vực công nghiệp xây dựng từ 1.825,81 tỷ đồng tăng lên 4.555,66 tỷ đồng; khu vực dịch vụ từ 2.764,77 tỷ đồng tăng lên 5.141,66 tỷ đồng; thuế nhập khẩu từ 5,65 tỷ đồng lên 177,27 tỷ đồng. Cơ cấu chuyển dịch kinh tế năm 2005 đối với nông, lâm nghiệp và thủy sản là 56,66%; công nghiệp và xây dựng là 18,04%; thương mại dịch vụ là 25,12%; thuế nhập khẩu là 0,17%. Năm 2010, đối với nông, lâm nghiệp và thủy sản là 47,21%; công nghiệp và xây dựng là 25,73%; thương mại dịch vụ là 26,80%; thuế nhập khẩu là 0,26%. Đặc biệt, trong từng ngành đã có sự chuyển dịch cơ cấu, gắn sản xuất với thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trên lĩnh vực nông lâm, thủy sản tăng trưởng khá cao và ổn định, có sự chuyển dịch mạnh sang các ngành nghề khác như thủy sản, chăn nuôi. Mặc dù có nhiều biến động bất lợi trong nửa cuối nhiệm kỳ, nhưng nhờ đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nên tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm vẫn đạt 9,1% vượt mức chỉ tiêu đề ra. Trong đó, tốc độ tăng trưởng lâm nghiệp là 5,3%/năm, thủy sản là 17,4%/năm; cơ cấu nội bộ ngành nông lâm, thủy sản có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt và tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ, trong đó chăn nuôi tốc độ phát triển là 12,5%/năm và dần chuyển sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn; hàm lượng khoa học - công nghệ và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp tăng lên. Tỉnh đã hoàn thành quy hoạch ba loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) kết hợp với việc sắp xếp lại các ban quản lý rừng. Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển, mở rộng quy mô, tính đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh đã hình thành 5.600 trang trại, tăng 671 trang trại so với năm 2005, với tổng vốn đầu tư khoảng 3.000 tỷ đồng, thu hút trên 46.000 lao động, tạo việc làm thường

xuyên cho 20.900 lao động, với mức thu nhập bình quân 1 triệu đồng/tháng/người. Kết cấu cơ sở hạ tầng nông thôn như: điện, đường, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt được tăng cường và phát triển, có 85% hộ nông thôn được sử dụng điện lưới quốc gia và nước hợp vệ sinh.

Giai đoạn 2005-2010, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt trung bình 27,3%/năm. Trong đó, năm 2005 đạt 1.659,445 tỷ đồng, năm 2010 đạt 4.461,244 tỷ đồng. Đối với việc thực hiện chương trình đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả nền kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 08/01/2007 về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả nền kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp đến năm 2010. Để thực hiện Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả nền kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp giai đoạn 2005-2010. Chương trình đã được các ngành, các cấp quán triệt sâu rộng và triển khai đến đảng viên, cán bộ, công chức trong toàn tỉnh. Nhiều địa phương, đơn vị trên cơ sở nội dung của chương trình đã chỉ đạo thực hiện đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần thực hiện thành công chương trình đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả nền kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp của tỉnh.

Tiểu thủ công nghiệp của tỉnh tập trung khai thác mọi tiềm năng và nguồn lực để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Tính đến năm 2010, số cơ sở hoạt động tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh là 4.306 cơ sở, trong đó có 255 doanh nghiệp ngoài nhà nước, 4.051 cơ sở kinh tế cá thể, thu hút 35.801 lao động, tạo ra 2.495,9 tỷ đồng; bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2005-2010 số cơ sở tăng 13,80%, lao động tăng 14,04%, giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp tăng 20,44%.

Các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp đã có sự chuyển biến rõ nét, phát triển cao hơn trước đã tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính, ngân hàng tiếp tục phát triển. Thương mại, dịch vụ tăng trưởng bình quân hàng năm là 16,1%, đạt mục tiêu đề ra. Kim ngạch xuất khẩu thực hiện giai đoạn 2005-2010 đạt 1.828,54 triệu USD, trong đó năm 2010 đạt 509,188 triệu USD, đạt 124,2% so với nghị quyết đề ra (mục tiêu là 1.579 triệu USD). Tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2005-2010 là 23,62%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2005-2010 đạt 39.896,6 tỷ đồng. Lượng khách du lịch tăng bình quân

hàng năm là 29,3%, trong đó khách quốc tế tăng 33,7%, khách nội địa tăng 28,9%. Bên cạnh đó, hoạt động tài chính - tín dụng có nhiều tiến bộ, thu ngân sách mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt mục tiêu đề ra, tốc độ tăng thu bình quân hàng năm đạt 13,9%. Năm 2010, số thu đạt 1.960 tỷ đồng (bằng 122,5% chỉ tiêu đề ra). Tổng chi ngân sách năm 2010 đạt 3.267,6 tỷ đồng. Tuy còn khó khăn, nhưng tỉnh đã tập trung ưu tiên cho đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm chi thường xuyên và tăng chi cho an sinh xã hội. Hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, đã khai thác tốt các nguồn vốn nhân rỗi trong Nhân dân, từ đó đáp ứng kịp thời cho các doanh nghiệp và người dân có nhu cầu vay để phát triển sản xuất, kinh doanh. Về chương trình của Chính phủ cho vay hỗ trợ lãi suất chống suy giảm kinh tế trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt. Tổng nợ tín dụng đến hết năm 2010 là 12.300 tỷ đồng; tốc độ huy động vốn tăng bình quân hàng năm là 29,1%, tốc độ tăng dư nợ tín dụng bình quân hàng năm đạt 29,5%.

Việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo đúng kế hoạch và lộ trình đề ra. Các doanh nghiệp nhà nước đã hoàn thành việc chuyển đổi thành Công ty cổ phần hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và hoạt động theo pháp luật doanh nghiệp. Tỷ trọng thành phần kinh tế quốc doanh, đáng chú ý là kinh tế tập thể tiếp tục phát triển, đến năm 2010, toàn tỉnh có 80 hợp tác xã hoạt động với tổng vốn đăng ký 58.785 triệu đồng. Thu nhập bình quân mỗi hộ xã viên đều tăng qua các năm, trong đó lĩnh vực nông nghiệp tăng từ 200.000đ - 300.000đ/tháng tăng lên 800.000đ - 1.000.000đ/tháng; lĩnh vực phi nông nghiệp tăng từ 500.000đ - 950.000đ/tháng tăng lên 1.000.000đ - 2.000.000đ/tháng. Tỷ lệ huy động vào ngân sách trên GRDP tăng ở mức khá so với thời kỳ trước 2005 là 1,7%; thu ngân sách kịp thời đáp ứng một số nhiệm vụ cơ bản, nhất là chi cho đầu tư phát triển.

Giai đoạn 2005-2010, tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn tỉnh tăng 3,54 lần, từ 2.236 tỷ đồng năm 2005 tăng lên 7.908 năm 2010. Trong cơ cấu tổng nguồn vốn đầu tư kinh tế - xã hội, nguồn vốn từ khu vực ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn, cụ thể năm 2005 chiếm 70,21%, năm 2010 chiếm 67,9%. Số doanh nghiệp đang hoạt động phân theo loại hình doanh nghiệp tăng đáng kể, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2005, tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là 520 doanh nghiệp, trong đó có 25 doanh nghiệp nhà nước, 492 doanh nghiệp ngoài nhà nước, 03 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đến năm 2010 tổng số doanh nghiệp là 1.364, trong đó có 20 doanh nghiệp nhà nước, 1.307 doanh nghiệp ngoài nhà nước, 37 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Nhận thấy đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là động lực, ưu tiên hàng đầu, tạo điều kiện cho các lĩnh vực kinh tế khác phát triển, Tỉnh ủy đề ra chương trình đột phá về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Ngày 08/01/2007, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/TU về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả nền kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2006-2010. Để triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kết cấu hạ tầng, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách nhằm huy động vốn đầu tư trong toàn xã hội, vận dụng đa dạng các hình thức huy động vốn đầu tư từ quỹ đất, đầu tư theo hình thức BT, BOT..

Phát huy những thành tựu của 20 năm đổi mới và những kết quả đạt được qua hơn 10 năm kể từ khi tỉnh Bình Phước được tái lập, chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2005-2010 với tổng vốn đầu tư được huy động là 28.842,9 tỷ đồng, đạt 178,3% so với mục tiêu đề ra. Tuy kinh tế của tỉnh bị tác động và ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới, song tỉnh đã có những chỉ đạo kịp thời, giải pháp tích cực nên vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế, sản xuất công nghiệp tiếp tục có chiều hướng phát triển khá tốt. Tính đến cuối năm 2010, số doanh nghiệp đang hoạt động công nghiệp đã tăng lên 37 đơn vị (trong đó có 33 đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài), thu hút 7.251 lao động. Nhằm khai thác tốt các tiềm năng và lợi thế trên, tỉnh đã xác định mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế là phải đẩy nhanh tiến độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế “Tăng dần tỷ trọng công nghiệp dịch vụ trong cơ cấu GRDP của tỉnh”. Để thực hiện được điều này phải khẳng định vai trò của khu công nghiệp, khu kinh tế là một trong những nền tảng quan trọng để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 tỉnh Bình Phước phải cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của cả nước. Thực hiện Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số khu công nghiệp lớn như: Khu công nghiệp Chơn Thành I rộng 682ha do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành làm chủ đầu tư; Khu công nghiệp Đồng Xoài I có diện tích là 162,6ha; Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2453/QĐ-UBND

ngày 01/9/2009; Khu công nghiệp Minh Hưng III được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 21/5/2008; Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chung tại Quyết định số 61/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 với tổng diện tích quy hoạch là 28.364ha.

Ngoài ra, cấp ủy các cấp đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng góp phần thúc đẩy phát triển kinh - tế xã hội. Trong giai đoạn 2005-2010, việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng luôn được ưu tiên, tổng vốn đầu tư phát triển được huy động 24.842,9 tỷ đồng, đạt 178,3% so với mục tiêu đề ra (từ 13.937 tỷ đồng - 14.332 tỷ đồng). Công tác thu hút đầu tư của tỉnh có nhiều chuyển biến, các chính sách thu hút đầu tư được ban hành kịp thời. Số doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tăng gấp 2,7 lần, số vốn đầu tư tăng gấp 8,3 lần. Thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tính từ 2006 đến tháng 6/2010 là 61 dự án, với tổng số vốn đăng ký 521,2 triệu USD, tăng gấp 3,8 lần về số dự án và tăng gấp 8 lần về số vốn đầu tư đăng ký so với giai đoạn 1997-2005. Đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bước đầu đạt được một số kết quả nhất định, tính đến năm 2010, tỉnh có 77 dự án đầu tư ra nước ngoài, với tổng số vốn đầu tư là 586,7 triệu USD.

Bình Phước là tỉnh dân tộc, miền núi, diện tích đất rừng còn khá nhiều, địa bàn rộng, địa hình phức tạp, gây khó khăn trong việc quản lý, do đó, người dân từ các tỉnh khác đến Bình Phước lập nghiệp ngày càng đông, xuất hiện tình trạng lấn chiếm đất rừng. Đứng trước thực trạng trên, cần có sự chỉ đạo phù hợp để giải quyết tốt vấn đề di dân tự do một cách thấu tình, đạt lý cũng như việc quản lý về đất lâm phần và tài nguyên rừng đạt hiệu quả. Trong giai đoạn 2005-2010, Đảng bộ tỉnh đề ra chương trình đột phá về giải quyết di dân tự do, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc. Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 08/01/2007 về giải quyết di dân tự do, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1927/2007/QĐ-UBND ngày 17/9/2007 về giải quyết di dân tự do, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc giai đoạn 2007-2010. Qua quá trình thực hiện, kết quả đạt được trên một số lĩnh vực rất đáng ghi nhận. Việc giải quyết dân di cư tự do vào các lâm phần, thực hiện di dời dân di cư tự do ra khỏi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bước đầu thực hiện tốt. Tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị chức năng cương quyết thu hồi đất xâm canh, lấn chiếm trái phép, hạn chế tình trạng phá rừng và di dân tự do đến các lâm phần, số lượng hộ dân di cư

tự do sống xâm cư trong các lâm phần giảm đáng kể, năm 2005 hộ dân di cư tự do sống xâm cư trong các lâm phần là 8.791 hộ, năm 2006 là 8.792 hộ, năm 2008 chỉ còn 6.330 hộ, giảm 2.461 hộ so với năm 2005. Để chủ động di dời dân di cư tự do đang cư trú bất hợp pháp ven rừng tự nhiên để bị tác động trong các lâm phần rừng phòng hộ, rừng đặc dụng các đơn vị như, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các huyện Bù Đăng, Phước Long thực hiện nhiều giải pháp quy hoạch, đề án giải phóng mặt bằng thiết thực, tiến hành triển khai thực hiện 07 dự án ổn định sắp xếp dân di dân tự do, xây dựng 83 km đường giao thông nông thôn, 1.984 m² phòng học, góp phần ổn định cho 15.349 hộ di dân tự do.

Ngăn chặn tình trạng phá rừng lấy đất sản xuất, tỉnh chỉ đạo tập trung thực hiện nghiêm Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 12/5/2005 của Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp. Tình trạng phá rừng lấy đất sản xuất, xâm canh, lấn chiếm trái phép được ngăn chặn tương đối hiệu quả, số vụ phá rừng giảm đáng kể về số vụ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại. Chỉ tính riêng năm 2006, số vụ phá rừng là 1.349 vụ, diện tích thiệt hại 2.330ha, năm 2007 số vụ phá rừng giảm còn 646 vụ, diện tích thiệt hại là 456 ha.

Nhằm lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý sử dụng đất lâm nghiệp, đất có rừng, nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp, các ngành và năng lực quản lý bảo vệ rừng của các chủ rừng, góp phần tăng cường hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp được thực hiện quyết liệt. Tỉnh đã hoàn thành rà soát việc quy hoạch 3 loại rừng, đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện mục tiêu rừng và đất lâm nghiệp có chủ đích thực; hoàn thành sắp xếp các ban quản lý rừng và các lâm trường theo đúng Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị.

Phát triển trồng rừng là một trong những biện pháp khả thi nhằm nâng cao độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh cũng như tăng thu nhập cho người dân. Chủ trương này được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, cụ thể từ năm 2008 công tác trồng rừng tiếp tục được đẩy mạnh, tỉnh đã kiện toàn lại các Ban Quản lý dự án 661, phê duyệt đề án trồng cây phân tán giai đoạn 2008-2010. Thực hiện chủ trương giao đất lâm nghiệp cho các doanh nghiệp, đẩy mạnh liên doanh, liên kết trồng rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm trên đất rừng sản xuất, đất chuyển ra khỏi đất lâm nghiệp; từ đó làm gia tăng đáng kể diện tích rừng trồng, diện tích cây lâu năm, nâng tỷ lệ che phủ của rừng tự nhiên, rừng trồng và cây công nghiệp trên đất lâm nghiệp lên 24,48% năm 2010, tăng 5,08% so với năm 2005; độ che phủ tính cả diện tích cây công nghiệp trên

đất nông nghiệp đạt 69,7% so với diện tích đất tự nhiên. Diện tích rừng trồng và sản lượng gỗ khai thác năm 2005 là 629ha, khai thác 7.125m³ gỗ, đến năm 2010 tăng lên 927ha, khai thác 25.610m³ gỗ. Kinh tế rừng phát triển mạnh đã thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia sản xuất, chế biến nguyên liệu gỗ từ gỗ cao su, gỗ điều để sản xuất đồ gỗ nội thất, gỗ ván ép, gỗ xuất khẩu.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005-2010 đề ra nhiều chính sách, giải pháp liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, trong đó chú trọng rà soát lại quỹ đất quy hoạch và có biện pháp sử dụng đất hiệu quả; đầu tư giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng; ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh, tăng năng suất cây trồng, nâng cao chất lượng sản phẩm, có sức cạnh tranh với thị trường. Thực hiện chủ trương trên, tính đến năm 2010 toàn tỉnh có 5.657 trang trại, với tổng vốn đầu tư trên 271 tỷ đồng, thu hút 24.369 lao động; thu nhập bình quân của một trang trại đạt 532 triệu đồng/năm. Diện tích cây trồng hằng năm và lâu năm trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, năm 2005 đạt 308.059ha, năm 2010 tăng lên 402.748ha. Trong đó, diện tích và năng suất một số cây chủ lực của tỉnh như: cây lúa năm 2005 là 14.448ha, đạt sản lượng 39.506 tấn, năng suất 27,3 tạ/ha, đến năm 2010 diện tích 14.645ha, đạt sản lượng 46.044tấn, năng suất 31,4 tạ/ha; khoai mì năm 2005 diện tích là 22.152ha, đạt sản lượng 493.810 tấn, năng suất 222,9 tạ/ha, đến năm 2010 diện tích 20.395ha, đạt sản lượng 464.213 tấn, năng suất 227,6 tạ/ha; cây điều năm 2005 diện tích là 116.029ha, đạt sản lượng 114.958 tấn, năng suất 12,4 tạ/ha, đến năm 2010 diện tích 155.746ha, đạt sản lượng 139.982 tấn, năng suất 139.982 tạ/ha; cây cao su năm 2005 diện tích 99.178ha, diện tích cho sản phẩm 77.489ha, đạt sản lượng 110.562 tấn, năng suất 14,27 tạ/ha, đến năm 2010 diện tích 164.179ha, diện tích cho sản phẩm 98.262 ha, đạt sản lượng 191.837 tấn, năng suất 19,52 tạ/ha; cây hồ tiêu năm 2005 diện tích 11.085 ha, diện tích cho sản phẩm 9.368 ha, đạt sản lượng 22.680 tấn, năng suất 24,21 tạ/ha, đến năm 2010 diện tích 9.967ha, diện tích cho sản phẩm 9.181ha, đạt sản lượng 26.155 tấn, năng suất 26,54 tạ/ha.

Về phát triển chăn nuôi, các đàn gia súc liên tục phát triển với tốc độ cao, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 16,11% trong giai đoạn 2005-2010. Đàn trâu và bò trên địa bàn tỉnh phát triển tương đối ổn định, giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu vật nuôi. Nhu cầu sức kéo của trâu, bò trong sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm, do được thay thế bởi các phương tiện cơ giới, nhất là ở những vùng kinh tế phát triển. Năm 2005, toàn tỉnh có 21.280 con trâu, 53.123 con bò, đến năm 2010 giảm còn 18.977 con trâu và 63.961 con bò. Đàn heo năm 2005 có 164.174 con đến năm 2010 tăng lên

200.763 con. Gia cầm năm 2005 có 820.000 con, năm 2010 tăng lên 2.631.000 con. Nuôi trồng thủy sản năm 2005 đạt diện tích 2.064ha, sản lượng đạt 4.175 tấn, năm 2010 diện tích mở rộng lên 2.294ha, sản lượng đạt 6,926 tấn

Công tác thủy lợi có bước phát triển mạnh, đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống các công trình thủy lợi Hưng Phú, Đăk Liên, Đa Bo, trạm bơm Đăng Hà huyện Bù Đăng; thủy lợi Ba Veng huyện Hớn Quản; hệ thống kênh Cần Đơn huyện Bù Đốp; hệ thống thủy lợi Đồng Xoài huyện Đồng Phú và thị xã Đồng Xoài; hồ Suối Phèn huyện Lộc Ninh; hồ Suối Cam 2 thị xã Đồng Xoài; thủy lợi Bù Ca huyện Bù Gia Mập, ngoài ra đã đầu tư nâng cấp 11 hồ chứa trên địa bàn tỉnh. Các công trình thủy lợi đã góp phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước sinh hoạt, hạn chế lũ, lụt, phòng chống thiên tai...

Như vậy, trong giai đoạn 2005-2010, kinh tế của tỉnh Bình Phước có những chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế nhất định, đó là tăng trưởng kinh tế chưa phát huy hết khả năng hiện có của địa phương; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra. Giai đoạn 2005-2010, tỷ trọng nông, lâm, thủy sản bình quân mỗi năm chỉ giảm 1,9% (mục tiêu 2,3%). Tỷ trọng công nghiệp xây dựng, bình quân mỗi năm chỉ tăng 1,2% (mục tiêu 1,8%), trong đó tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 21% (kế hoạch 30%), nhiều nhà máy trọng điểm, khu công nghiệp chậm đưa vào sử dụng (nhà máy xi măng, đầu tư hạ tầng khu công nghiệp...), công nghệ sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp chậm đổi mới, khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chưa cao, việc phát triển công nghiệp chế biến và phát triển các vùng nguyên liệu chưa có sự gắn kết chặt chẽ, chưa phát huy được tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

Thu ngân sách còn thấp, hằng năm chỉ mới cân đối được khoảng 40-50% nhiệm vụ chi. Cơ cấu thu ngân sách chưa bền vững và chưa thật sự ổn định. Công tác dự báo và xây dựng dự toán chưa sát thực tế. Chỉ tiêu dự toán hằng năm đều vượt so với dự toán ban đầu, gây bị động trong khâu bố trí, cân đối ngân sách. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm, dẫn đến thất thu thuế và khó khăn trong công tác quản lý đất đai.

Xây dựng cơ bản có nơi thực hiện còn chậm, công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch chưa đáp ứng yêu cầu như bố trí tái định cư, có lúc còn chồng chéo, gây khó khăn cho Nhân dân. Kết cấu hạ tầng tuy có được quan tâm đầu tư bằng nhiều hình thức, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển để nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, nhất là việc đầu tư hệ thống điện ở khu vực nông thôn, đầu tư hệ thống cấp nước, đầu tư hạ

tầng ở các khu công nghiệp, khu kinh tế. Một số công trình xây dựng có quy mô lớn, trọng tâm còn thiếu nguồn lực đầu tư. Thu hút đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; vốn FDI thực hiện còn chậm so với đăng ký. Tình trạng gian lận thương mại, trốn thuế, nợ thuế chưa được khắc phục hiệu quả.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng và thực hiện các dự án ổn định dân cư còn nhiều khó khăn; việc xử lý vi phạm trong quản lý, bảo vệ rừng có lúc, có nơi chưa kịp thời và thiếu kiên quyết. Hoạt động du lịch chưa khai thác được tiềm năng hiện có của địa phương; cơ sở vật chất, nguồn nhân lực trong hoạt động du lịch chưa đáp ứng nhu cầu, nên chưa thu hút được nhiều du khách. Kinh tế tập thể chưa được quan tâm đúng mức, nên còn gặp không ít khó khăn trong phát triển.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành luôn coi phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ là nhiệm vụ rất quan trọng. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đã nêu rõ: Xây dựng quy hoạch phát triển giáo dục dài hạn để chủ động nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, thí nghiệm thực hành, đào tạo nguồn nhân lực, nhân tài; chuẩn bị nguồn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ, có tri thức. Có chính sách đầu tư xây dựng mạng lưới y tế đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của y bác sỹ. Có chính sách khuyến khích mở phòng khám tư nhân. Phối hợp tốt cơ sở quân y, các cơ sở y tế ngành cao su đóng trên địa bàn, tạo thành một hệ thống chăm sóc sức khỏe Nhân dân đồng bộ, hiệu quả.

Triển khai thực hiện nghị quyết đề ra trong nhiệm kỳ, lĩnh vực văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ và môi trường tiếp tục phát triển tương đối toàn diện và tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo sự cân đối trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã có sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong đó, việc phát triển quy mô và mạng lưới trường học, xóa xã trắng về mầm non và tiểu học đạt mục tiêu đề ra. Chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học được nâng lên; số học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước; tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm. Chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy và học tập từng bước được đổi mới. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục được kiện toàn, đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục từng bước được đầu tư, hàng năm các trường lớp được xây mới theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, bình quân trên 200 phòng học để xóa

phòng học tạm, phòng tranh tre. Công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Phổ cập trung học cơ sở ở 108/111 xã, phường, thị trấn, đạt 97,3% chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Chi cho giáo dục đạt 22,51% tổng chi ngân sách của tỉnh (chỉ tiêu là 20%).

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm đầu tư phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Mạng lưới y tế ở cơ sở, y tế thôn bản, chiến lược y tế được củng cố, phát triển, kiện toàn theo hướng chuẩn quốc gia. Triển khai tốt, kịp thời công tác phòng chống các loại dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng bảo hiểm y tế, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách khác. Mức giảm tỷ suất sinh hằng năm là 0,7%, đạt mục tiêu đề ra. Số giường bệnh đạt 20 giường/vạn dân. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn khoảng 20%; tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh là 0,1%, giảm so với nhiệm kỳ trước. Tỉnh đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng bệnh viện đa khoa ở các huyện Chợ Thành, Đồng Phú, Lộc Ninh, thị xã Bình Long, đã thiết lập dự án nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho bệnh viện đa khoa tỉnh. Các hoạt động xã hội hóa về y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân bước đầu huy động nhiều nguồn lực cho phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) và Chương trình hành động số 05-CTr/TU của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đời sống văn hóa ở cơ sở, môi trường văn hóa, chất lượng các hoạt động văn hóa, thể thao ngày càng khởi sắc, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa có bước phát triển mới, bình quân hằng năm có 96% số hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, 85% khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa, khu dân cư tiên tiến, 98% cơ quan, công sở đạt chuẩn “Văn minh, an toàn, sạch đẹp”. Hoạt động văn hóa ở cơ sở được tổ chức rộng khắp, 100% thôn ấp có đồng đồng bào dân tộc thiểu số có nhà văn hóa cộng đồng. Hoạt động văn học, nghệ thuật ngày càng tiến bộ, nhiều tác phẩm có giá trị về tính nghệ thuật, tư tưởng, giáo dục phản ánh chân thực đời sống xã hội, phục vụ tốt công chúng yêu nghệ thuật. Để hoạt động văn học, nghệ thuật ngày càng tốt hơn, ngày 31/7/2007, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU về việc tăng cường công tác tư tưởng chính trị; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn hiện nay; ngày 20/10/2008, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 52-KH/TU về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của

Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Đây là những chỉ đạo quan trọng, định hướng hoạt động văn học, nghệ thuật thực hiện đúng đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Công tác bảo tồn, bảo tàng, phát huy giá trị di sản văn hóa, nhất là văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số sống lâu đời trên địa bàn tỉnh được quan tâm duy trì, một số lễ hội được phục dựng.

Vấn đề an sinh xã hội, công tác đền ơn, đáp nghĩa, trợ cấp khó khăn, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo là mục tiêu quan trọng mà tỉnh quan tâm triển khai thực hiện tốt. Trong giai đoạn 2005-2010, các phong trào chăm sóc thương bệnh binh, gia đình thân nhân liệt sĩ và người có công, nhận phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, địa phương đã tiến hành quy tập đưa về Nghĩa trang Liệt sĩ được 1.038 hài cốt liệt sĩ. Các chương trình bảo đảm an sinh xã hội được triển khai thực hiện có hiệu quả, giai đoạn 2006-2010, toàn tỉnh xây dựng được 5.916 căn nhà tình thương với tổng kinh phí là 68.365.000.000 đồng cấp cho hộ nghèo; Chương trình 167 hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở được 2.705 căn; cấp cho 9.691 học sinh, sinh viên vay vốn chương trình tín dụng với tổng số dư nợ là 106.558 triệu đồng; trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng cho 32.592 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, với tổng số tiền là 55.573 triệu đồng; nuôi dưỡng tập trung 193 lượt đối tượng; cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho 32.785 lượt đối tượng; cứu trợ đột xuất cho 106.555 lượt người, với số tiền là 20.460 triệu đồng.

Các mô hình tạo việc làm cho người lao động được chú trọng phát triển phong phú và đa dạng, tỉnh đã hoàn thành mục tiêu tạo việc làm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định xã hội. Số lao động được giải quyết việc làm trong giai đoạn 2005-2010 là 131.562 lao động, vượt 5,2% chỉ tiêu nghị quyết đề ra; duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị mức 3,5% và duy trì tỷ lệ sử dụng hiệu quả thời gian lao động ở nông thôn trên 90%. Công tác đào tạo nghề từng bước được gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường lao động, nhờ đó đã thu hút được nhiều lao động tham gia học nghề, tính đến năm 2010 đã đào tạo nghề cho 26.737 lao động, đạt 190,2% kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt tỷ lệ 28%, đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Hệ thống mạng lưới cơ sở dạy nghề được quy hoạch lại một cách bài bản, hiệu quả, đến năm 2010 toàn tỉnh có 14 cơ sở dạy nghề, tăng 3 cơ sở so với giai đoạn 2001-2005. Chương trình xóa đói, giảm nghèo được các ngành, các cấp quan tâm triển khai, thực hiện tốt, đạt nhiều kết quả tích cực. Qua 5 năm, toàn tỉnh giảm được 17.371

hộ nghèo, đạt 131,1% so với kế hoạch, đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,9% từ đầu nhiệm kỳ, xuống còn 4% vào cuối nhiệm kỳ, về đích trước 1 năm so với kế hoạch đề ra.

Bình Phước là tỉnh có 41 thành phần dân tộc và có đông đồng bào theo đạo sinh sống, chiếm khoảng 20% dân số trong toàn tỉnh, do đó vấn đề dân tộc, tôn giáo được tỉnh đặc biệt quan tâm. Thực hiện các nghị quyết của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và về công tác dân tộc, tôn giáo, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 19-CTr/TU về công tác tôn giáo, Chương trình hành động số 20-CTr/TU về công tác dân tộc và Chương trình hành động số 22-CTr/TU về phát huy đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, các huyện, thị, các ngành liên quan đã xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện, chú trọng tổ chức quán triệt cho cán bộ, công chức cấp huyện, cán bộ chủ chốt cấp xã và chức sắc, chức việc, tu sỹ của các tôn giáo; tổ chức cho cán bộ, đảng viên cấp xã học tập nghị quyết và chương trình hành động, kế hoạch của tỉnh, của huyện. Đối với công tác dân tộc, tỉnh đã ưu tiên tập trung mọi nguồn lực đầu tư thực hiện tốt các Chương trình 134, 135, Chương trình định canh định cư, Chương trình trợ giá, trợ cước và Chương trình dạy nghề, giải quyết việc làm cho con em đồng bào dân tộc thiểu số. Từ hiệu quả thực hiện các chương trình trên đã thúc đẩy nhanh việc xây dựng hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội, đầu tư phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, qua đó nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới. Đến năm 2010, đã có 25/43 xã thoát ra khỏi danh sách các xã đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo giảm từ 23,6% năm 2005 xuống còn 16,5% năm 2010. Công tác tôn giáo được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, đã phát huy được những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo, giáo dân sống trên địa bàn tỉnh. Từng bước đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động tôn giáo trái phép, mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hoạt động của Ban chỉ đạo về công tác tôn giáo đạt hiệu quả ở cả 2 cấp tỉnh, huyện và một số Ban chỉ đạo cấp xã. Ban chỉ đạo luôn theo sát tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh từ cơ sở; vận động đoàn kết lương giáo, đoàn kết dân tộc; thực hành phương châm “Kính Chúa, yêu nước”, “Tốt đời, đẹp đạo”, “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Nhìn chung, cơ bản đồng bào theo đạo tích cực tham gia

vào các tổ chức cơ sở Hội, có những đóng góp cụ thể, thiết thực vào các hoạt động, phong trào do địa phương phát động.

Tình hình hoạt động trên lĩnh vực khoa học - công nghệ, môi trường trên địa bàn tỉnh đạt được một số kết quả nhất định, góp phần tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ cho các tầng lớp nhân dân ngày càng được đẩy mạnh. Việc chuyển giao ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất đã được chú trọng và mang lại hiệu quả thiết thực, tính đến năm 2010, tỉnh có từ 60 đến 70% đề tài nghiên cứu khoa học được chuyển giao và ứng dụng hiệu quả vào sản xuất và đời sống. Công tác quản lý, bảo vệ môi trường được tỉnh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị cũng như cụ thể hóa Chương trình hành động của Chính phủ về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về ý thức bảo vệ môi trường sống, môi trường sinh thái. Hằng năm, ngành tài nguyên môi trường đều xây dựng báo cáo lưu trữ thông tin, dữ liệu về môi trường công nghiệp và đô thị, môi trường nông nghiệp, hiện trạng rừng, thiên tai và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh, thường xuyên cập nhật, theo dõi, tiến hành thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Tuy đạt được những kết quả tích cực trên lĩnh vực văn hóa - xã hội nhưng vẫn còn một số vấn đề đặt ra cần được quan tâm khắc phục. Trong đó, hiệu quả, chất lượng đối với công tác giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa chưa cao; phương pháp giảng dạy, học tập chậm đổi mới, một bộ phận giáo viên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa đạt yêu cầu; thiếu đội ngũ giáo viên ở các môn khoa học tự nhiên. Đầu tư cho giáo dục chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế đặt ra, nhất là ở ngành học mầm non. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia chỉ đạt tỷ lệ 6,3%, trong khi đó mục tiêu đề ra của nhiệm kỳ là 30%. Chưa có huyện, thị nào trong tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học phổ thông mà mục tiêu đề ra là 2/8 huyện, thị đạt chuẩn. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động ra lớp ở bậc tiểu học đạt 94%, thấp so với mục tiêu là 98,5%. Tỷ lệ học sinh bỏ học hằng năm tuy có giảm, nhưng vẫn cao so với các tỉnh, thành trong khu vực và cả nước.

Chất lượng khám chữa bệnh tuy đã được nâng lên nhưng mới chỉ giải quyết được một phần nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của Nhân dân. Tinh thần phục vụ bệnh nhân của một số y, bác sĩ, nhân viên y tế chưa tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn thấp. Hoạt động của hệ thống y tế dự phòng

còn hạn chế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí có lúc, có nơi còn buông lỏng. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình chưa được quản lý tốt, dân số có xu hướng tăng nhanh, tình trạng sinh con thứ 3 trở lên vẫn còn nhiều, đã xuất hiện tình trạng mất cân bằng giới tính. Ngân sách chi cho sự nghiệp y tế vẫn còn ở mức thấp chỉ 4,29% trên tổng chi ngân sách của tỉnh. Số bác sỹ trên 1 vạn dân dừng ở mức 5,7 trong khi mục tiêu đề ra là 7,5/vạn dân; tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt 53%, mục tiêu là 100%.

Hệ thống thiết chế văn hóa, nhất là thiết chế văn hóa ở cơ sở còn nhiều bất cập cả về cơ sở vật chất, công tác quản lý, điều hành nên việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương và phục vụ việc hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần, thể dục - thể thao còn gặp nhiều khó khăn. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” một số nơi còn hình thức. Hoạt động nhà văn hóa cộng đồng thôn, ấp, khu phố chưa được phát huy tốt. Việc xây dựng và triển khai Đề án phát triển thể dục - thể thao xã, phường, thị trấn đến năm 2010 chậm được thực hiện. Một bộ phận cán bộ quản lý, hoạt động chuyên môn thiếu năng động, sáng tạo; cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao ở cơ sở thiếu ổn định, nhất là khi địa phương tổ chức đại hội, nhiệm kỳ có sự thay đổi. Nhiều chỉ tiêu trên lĩnh vực văn hóa, thể thao chưa đạt theo Nghị quyết đề ra như chỉ tiêu hoàn thành việc xây dựng công viên văn hóa tỉnh, nhà bảo tàng, trung tâm văn hóa, thể thao, nhà thiếu nhi, thôn ấp, xã, phường, thị trấn có mặt bằng để luyện tập thể dục - thể thao.

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin, truyền thông còn hạn chế, nhất là việc quản lý hoạt động internet, các trang mạng xã hội. Kế hoạch phát triển dịch vụ mới, các dịch vụ giá trị gia tăng đến các bưu cục cấp 3, bưu điện văn hóa xã, đại lý bưu điện chưa được đầu tư đúng mức; cơ sở hạ tầng phục vụ bưu chính còn lạc hậu, việc triển khai các công nghệ mới, ứng dụng khoa học - công nghệ vào khai thác các dịch vụ bưu chính chưa nhiều; dự án đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin triển khai chậm.

Công tác dân tộc, tôn giáo còn hạn chế. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số đời sống còn gặp nhiều khó khăn, nhất là về việc làm, thu nhập nhưng chưa có ý thức tự vươn lên, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, trình độ dân trí còn ở mức thấp. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo nhìn chung còn thiếu, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn về quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc, tôn giáo.

Các hình thức và giải pháp về huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo hướng xã hội hóa để giải quyết các vấn đề xã hội chưa xây dựng được. Đời sống một bộ phận đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, người già cô đơn, người tàn tật, trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và một số lao động trong các doanh nghiệp, trang trại, lao động ở vùng nông thôn, các hộ gia đình trong vùng đất đai giải tỏa còn khó khăn. Công tác phối hợp lồng ghép các hoạt động của các ngành, đoàn thể với các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch hoạt động hằng năm chưa tốt. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm, khả năng tiếp cận thị trường và cạnh tranh của lao động còn yếu, thiếu lao động có kỹ thuật, lao động lành nghề. Thông tin về thị trường lao động, việc làm chưa bắt kịp với xu thế chung, số lao động nhàn rỗi và thiếu việc làm vẫn còn nhiều. Hoạt động bảo trợ trực tiếp tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu, vẫn còn ách tắc về vốn, một số nơi cho vay sai đối tượng. Việc xã hội hóa trong công tác dạy nghề chậm so với tiềm năng, nhu cầu của tỉnh; chất lượng đào tạo nghề còn thấp, chưa đáp ứng được tình hình sản xuất và thị trường lao động, chưa đào tạo được đội ngũ lao động có năng lực, có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt thấp so với khu vực và cả nước. Công tác xóa đói giảm nghèo chưa thật sự bền vững, khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng gia tăng giữa khu vực thành thị và nông thôn, khu vực xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chưa có biện pháp hữu hiệu hướng dẫn người dân, hộ nghèo sử dụng vốn vay có hiệu quả. Việc lồng ghép một số chương trình, dự án tham gia mục tiêu giảm nghèo thiếu đồng bộ, còn lúng túng dẫn đến việc triển khai thực hiện hiệu quả thấp.

Công tác triển khai ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học còn chậm, hiệu quả thấp. Chất lượng nguồn nhân lực trên lĩnh vực khoa học, công nghệ, chưa đủ sức đáp ứng nhu cầu phát triển; hạ tầng khoa học và công nghệ còn lạc hậu. Thiếu sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa Nhà nước, Nhà khoa học, Nhà nông và Nhà doanh nghiệp trong sản xuất. Nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư nói chung và đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nói riêng chưa cao. Công tác quản lý nhà nước về môi trường còn nhiều khó khăn; kinh phí dành cho sự nghiệp quản lý môi trường thấp. Một số nhà máy, trang trại chăn nuôi vẫn còn ở xen kẽ trong các khu dân cư, trong các khu công nghiệp; việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường chưa nghiêm túc; tình trạng ô nhiễm môi trường gia tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống và sức khỏe của người dân.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ luôn quan tâm đến việc củng cố quốc phòng, an ninh ở địa phương, nhất là tỉnh Bình Phước có đường biên giới với một số tỉnh của nước bạn Campuchia tương đối dài, địa hình phức tạp. Nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác quốc phòng, an ninh, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường quán triệt, phổ biến những nội dung cơ bản, cốt lõi các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương về chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ của tỉnh, huyện; chú trọng thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nhằm tăng cường các hoạt động củng cố quốc phòng, an ninh, ổn định tuyến biên giới, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 21/10/2003 của Tỉnh ủy về triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể, thống nhất thực hiện trong toàn Đảng bộ về những vấn đề liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh; gắn kết có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, từng bước đi vào chiều sâu, vững chắc. Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tiềm lực quân sự và thế trận quốc phòng của tỉnh được củng cố, tăng cường; xây dựng các cụm dân cư trên tuyến biên giới gắn với tổ chức lực lượng nắm địch từ xa, hệ thống đồn biên phòng, chốt dân quân, đại đội bộ binh ở các huyện biên giới của tỉnh đã tạo được thế phòng thủ liên hoàn; kho tàng, trạm xưởng được nâng cấp và điều chỉnh thể bố trí phù hợp với các phương án tác chiến. Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng cán bộ, công chức và học sinh, sinh viên đạt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; việc bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở một cách bài bản để cán bộ nắm được tình hình và có kiến thức về quốc phòng, an ninh, nhất là trong tình hình mới. Việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, thanh niên lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự ở cả 3 cấp hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu đề ra, chất lượng thanh niên nhập ngũ ngày càng cao, đảng viên nhập ngũ đạt tỷ lệ 2% trở lên. Công tác nắm tình hình địa bàn, triển khai thực hiện đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng quân báo, lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ thực hiện tốt. Công tác diễn tập phòng thủ và diễn tập chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai được chú trọng. Hoạt động phối hợp, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của các lực lượng

vũ trang trên địa bàn tỉnh được nâng cao, qua đó kịp thời nắm chắc tình hình ngoại biên, nội địa và giáp ranh để tập trung xử lý kịp thời, không để bị động, bất ngờ, không để phát triển thành những điểm nóng, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn. Công tác quản lý, phương pháp huấn luyện các lực lượng có bước phát triển. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; công tác xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang được chú trọng. Lực lượng vũ trang của tỉnh không ngừng được củng cố, kiện toàn cả về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về quân sự, trưởng thành về mọi mặt.

Công tác đối ngoại giữa chính quyền, lực lượng vũ trang của tỉnh với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia được tăng cường; sự phối hợp với các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn tỉnh để bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn - xã hội tại địa phương chặt chẽ; tinh thần cảnh giác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trước âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch được nâng cao. Nhận thức của các cấp, các ngành về củng cố, phát triển nền quốc phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, khu vực phòng thủ luôn được nâng lên.

Trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp. Công an tỉnh chủ động tham mưu Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện tốt việc giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn; từng bước xử lý có hiệu quả các đối tượng cầm đầu, kích động chống người thi hành công vụ, bóc lột, giám sát, giáo dục phòng ngừa đối tượng FULRO tái hoạt động; xử lý tốt vấn đề đồng bào dân tộc thiểu số bị dụ dỗ, lôi kéo sang Campuchia; giải quyết tốt tình hình tranh chấp, khiếu kiện đông người, vượt cấp, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân. Với vai trò là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm, lực lượng công an phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đoàn thể, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trên mặt trận đấu tranh, xử lý các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, qua đó đã kéo giảm đáng kể các loại tội phạm hình sự, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để Bình Phước hội nhập và phát triển. Thế trận an ninh nhân dân được củng cố, trong đó chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, kịp thời phát hiện,

giải quyết tốt các vụ việc, mâu thuẫn từ cơ sở. Các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh đều được bảo vệ tuyệt đối an toàn.

Hoạt động phòng, chống tham nhũng và công tác đấu tranh xử lý các loại tội phạm về tham nhũng luôn được quan tâm. Việc quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí được Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí đã có nhiều chuyển biến và đạt kết quả tích cực trên cả hai mặt phòng và chống, trong đó chú trọng ở một số lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng như quản lý tài sản công, chi tiêu thường xuyên bằng vốn ngân sách, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cấp quyền sử dụng đất... Các cơ quan tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác phối hợp với chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị, xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Ngành tư pháp tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Việc xét xử, kiểm sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp dân được coi trọng; công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người yếu thế trong xã hội và thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới được quan tâm.

Tuy đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, phòng chống tham nhũng, nhưng vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc. Ý thức cảnh giác của một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa cao trước âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Kết quả thực hiện mục tiêu “5 giảm” tuy được tìm chế và giảm ở một số mặt nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; tệ nạn cờ bạc, ma túy, tai nạn giao thông có chiều hướng gia tăng; công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ chưa chặt chẽ. Một số ngành, địa phương quán triệt chưa sâu việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và hoạt động đối ngoại. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tuy được đẩy mạnh nhưng hiệu quả còn thấp. Công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với một số vụ án hình sự, vụ án kinh tế chưa kịp thời; việc giải quyết và thi hành án dân sự còn nhiều vụ việc tồn đọng. Đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

tuy đã được quan tâm giải quyết đạt tỷ lệ cao nhưng vẫn còn nhiều vụ phức tạp chưa được giải quyết dứt điểm.

Hoạt động đối ngoại có nhiều tiến bộ, nhất là trong quan hệ hợp tác, hoạt động giao lưu hữu nghị với chính quyền và Nhân dân ở các tỉnh giáp biên giới thuộc Campuchia và một số tỉnh phía nam của nước bạn Lào. Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương tăng cường giữ mối quan hệ hữu nghị, ký kết hợp tác, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Nhờ có mối quan hệ tốt đẹp trong công tác đối ngoại thời gian qua mà tình hình đối ngoại của tỉnh đã có những thành công nhất định, nhất là trong việc tìm kiếm, quy tập hài cốt Liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trên chiến trường Campuchia đưa về nước an táng; thực hiện nhiệm vụ về phân giới cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc địa bàn tỉnh; đầu tư trồng cao su trên đất Campuchia và Lào; hoạt động của các cửa khẩu. Hoạt động giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thế mạnh về kinh tế, du lịch của tỉnh thông qua các chuyến viếng thăm, chào xã giao và xúc tiến hợp tác kinh tế của các đoàn khách quốc tế, các nhà đầu tư được tăng cường; tiếp nhận, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích các nguồn vốn ODA, FDI trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, công tác hỗ trợ về xây dựng đường, điện, nước sạch giúp Nhân dân nước bạn ở khu vực biên giới giáp tỉnh Bình Phước phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo được tỉnh quan tâm thực hiện, tạo ấn tượng tốt đẹp của người dân Campuchia với Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động đối ngoại của tỉnh có một số mặt hạn chế như: công tác người Việt Nam ở nước ngoài tại tỉnh chưa phát huy vai trò là “cầu nối” tình hữu nghị để chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người dân của tỉnh đang sinh sống ở nước ngoài, chưa làm tốt công tác vận động kiều bào hướng về quê hương, đóng góp xây dựng tỉnh nhà, chưa phát huy tốt công tác đối ngoại nhân dân với các tỉnh thuộc Campuchia giáp biên giới với tỉnh Bình Phước; việc thực hiện một số thủ tục hành chính cho người đi nước ngoài có nơi, có lúc chưa được giải quyết tốt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII, giai đoạn 2005-2010, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tập trung đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo về công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ngày càng tiến bộ. Đại hội đã xác định mục tiêu xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, tận tụy với công việc, gắn bó mật thiết với Nhân dân, đoàn kết, thống nhất; xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở bảo đảm là vai trò hạt nhân lãnh đạo, đủ sức thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới và các nghị quyết của Đảng từ cơ sở.

Đối với công tác tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh xác định: Đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của Đảng trong ban hành nghị quyết, chương trình hành động, bảo đảm ngắn gọn, thiết thực, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương, đơn vị; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hội nghị, giành nhiều thời gian đi sâu, đi sát cơ sở, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, tăng cường công tác kiểm tra, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngành tuyên giáo đã chủ động tham mưu cho cấp ủy đổi mới việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện; trong học tập nghị quyết, chú trọng tăng cường vai trò, trách nhiệm của đội ngũ báo cáo viên, nhất là đồng chí bí thư cấp ủy trong việc triển khai quán triệt, truyền đạt nghị quyết cho cán bộ, đảng viên, phải tập trung làm rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của tinh thần nội dung nghị quyết, xác định trọng tâm, trọng điểm, những vấn đề mới, quan trọng, thiết thực, phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của địa phương, ngành, đơn vị để thực hiện. Đồng thời, cấp ủy chỉ đạo thành lập các đoàn kiểm tra để kiểm tra việc tổ chức, triển khai thực hiện nghị quyết của đơn vị, địa phương mình. Công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân được chú trọng, từng bước đổi mới về nội dung và phương pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục lý luận chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sâu sắc, biên soạn lịch sử Đảng, giáo dục truyền thống cách mạng được tăng cường, đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn, phù hợp với từng nhóm đối tượng, gắn lý luận với thực tiễn, góp phần quan trọng trong việc xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức và trình độ lý luận chính trị, tạo sự đoàn kết và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Việc nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện, ngăn chặn kịp thời sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thông qua Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện nghiêm túc từ tỉnh đến cơ sở. Qua đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, sự cần thiết phải học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được nâng lên. Những hành động làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong xã hội có sự chuyển biến tích cực, đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên

bước đầu được phát huy tốt theo phương châm “trong trước, ngoài sau, trên trước, dưới sau”.

Công tác khoa giáo của Đảng được quan tâm đúng mức. Bộ máy làm công tác khoa giáo được củng cố, kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở. Ở cấp xã đã thành lập được Tổ khoa giáo. Do đó, việc tham mưu hướng dẫn, quán triệt, tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ, tài nguyên môi trường ngày càng đi vào chiều sâu và nâng cao về chất lượng, đưa đường lối, chủ trương của Đảng đi vào cuộc sống một cách nhanh chóng, thiết thực.

Công tác tổ chức cán bộ được quan tâm củng cố kiện toàn, tạo bước đột phá trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ cán bộ trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Tổ chức đảng, đảng viên phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tính đến cuối năm 2010, toàn Đảng bộ có 21.251 đảng viên, với 20 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và 668 tổ chức cơ sở đảng. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng hằng năm được đánh giá, xếp loại đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 78,12%; có 84,4% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã phát triển được 6.522 đảng viên mới, vượt 63,1% chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Công tác luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ thực hiện đúng quy trình, công khai, minh bạch, đa số cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển đều phát huy tốt năng lực, sở trường của mình. Công tác quy hoạch, đào tạo bảo đảm đúng quy trình, chất lượng, ngày càng đi vào nền nếp. Công tác cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số được quan tâm nhiều hơn, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, chính quyền các cấp đạt 14%. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chính sách cán bộ được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng nguyên tắc, quy định.

Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII của tỉnh giai đoạn 2005-2010 cũng đã đề ra chương trình đột phá về công tác đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực. Theo đó, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 10/CTr/TU ngày 08/01/2007 về công tác đào tạo cán bộ, thu hút nguồn nhân lực đến năm 2010; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 21/5/2007 về chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, địa phương tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng năm để thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở địa phương, đơn vị mình. Qua 10 năm kể từ tỉnh được tái lập, toàn tỉnh có 17.675 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó khối Đảng, đoàn thể là 798 người, khối nhà nước

là 16.877 người. So với năm 1997 khi mới tái lập, cán bộ, công chức, viên chức tăng 149%. Về trình độ chuyên môn, sau đại học chiếm 0,34%; đại học, cao đẳng chiếm 48,9%; trung cấp chuyên nghiệp chiếm 43,57%; sơ cấp và chưa qua đào tạo chiếm 7,19%. Về trình độ lý luận chính trị, cử nhân và cao cấp chiếm 2,86%; trung cấp chiếm 4,27%; chưa qua đào tạo chiếm 92,87%.

Từ thực trạng trên, Tỉnh ủy chỉ đạo công tác đào tạo, chuẩn hóa cho đội ngũ cán bộ, công chức sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị và đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Giai đoạn 2005-2010, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã đào tạo về trình độ chuyên môn từ đại học trở lên được 106 đồng chí (chỉ tiêu là 100 đồng chí), đạt 106% so với chỉ tiêu đề ra; đào tạo cao cấp lý luận chính trị trở lên được 466 đồng chí (chỉ tiêu là 220 đồng chí), đạt 212% so với chỉ tiêu đề ra. Cán bộ trưởng, phó phòng ban, ngành, tỉnh, huyện đã đào tạo về trình độ chuyên môn từ đại học trở lên được 917 đồng chí (chỉ tiêu là 211 đồng chí), đạt 434,6% so với chỉ tiêu đề ra; đào tạo trung cấp lý luận chính trị trở lên được 294 đồng chí (chỉ tiêu là 211 đồng chí), đạt 139,3% so với chỉ tiêu đề ra. Cán bộ chủ chốt cấp xã đã đào tạo về trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên được 996 đồng chí (chỉ tiêu là 1.000 đồng chí), đạt 99,6% so với chỉ tiêu đề ra; đào tạo trung cấp lý luận chính trị trở lên được 1.738 đồng chí (chỉ tiêu là 1.068 đồng chí), đạt 162,73% so với chỉ tiêu đề ra.

Đối với công tác đào tạo nghề, thu hút và giải quyết việc làm, hằng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu xây dựng dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, học sinh dân tộc thiểu số, người tàn tật và phân bổ chỉ tiêu đào tạo cho các huyện, thị. Giai đoạn 2005 - 2010, bình quân hằng năm số lao động được đào tạo nghề trên 5.000 người, đạt 110,2% so với chỉ tiêu đề ra. Lao động theo học các nghề, chủ yếu là may công nghiệp, may dân dụng, sửa chữa xe máy, chăm sóc và khai thác mủ cao su, điện tử, thú y, bảo vệ thực vật... Về các cơ sở dạy nghề, toàn tỉnh có 13 cơ sở, gồm 11 cơ sở công lập, 02 cơ sở tư thực, trong đó có 01 trường trung cấp nghề, 04 trung tâm và 08 cơ sở khác có đăng ký dạy nghề.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên ngành giáo dục được thực hiện tốt. Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý một cách toàn diện trong giai đoạn 2005-2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Theo đó, đội ngũ cán bộ, giáo viên ở các cấp học hằng năm đều tăng, cơ bản đáp ứng về trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định của ngành giáo dục, đạt tốc độ phát triển bình quân giai đoạn 2005-2010 là 102,7%.

Như vậy, chương trình đột phá về công tác đào tạo cán bộ, phát triển nguồn nhân lực và việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị của tỉnh cơ bản đáp ứng nhiệm vụ công tác trong giai đoạn 2005-2010. Trong đó, việc xét tuyển, cử tuyển luôn bám sát tiêu chuẩn, nguồn quy hoạch; việc phối hợp với các cơ quan Trung ương, các cơ sở đào tạo ngày càng chặt chẽ và đồng bộ, thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, đúng đối tượng, tiêu chuẩn chiêu sinh, việc quản lý học viên trong quá trình đào tạo chặt chẽ. Trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nguồn nhân lực của tỉnh nâng lên rõ rệt cả về mặt lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ; công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo được thực hiện tốt đã góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống còn 3,2%, duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn ở mức 90%, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo là 20%.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được xác định là nhiệm vụ quan trọng của các cấp ủy và đảng viên. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa để làm cơ sở hàng năm triển khai thực hiện không bị động. Ngành kiểm tra của Đảng thường xuyên quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, Điều lệ Đảng và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng cho cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng. Nội dung kiểm tra, giám sát luôn bám sát chương trình kiểm tra, giám sát của Trung ương, các nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và được xây dựng phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị. Trong đó, trọng tâm là kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, củng cố hệ thống chính trị, công tác xây dựng Đảng. Trong nhiệm kỳ, các cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thực hiện giám sát 13.197 đảng viên và 1.459 tổ chức đảng, kiểm tra chấp hành đối với 3.674 đảng viên và 1.035 tổ chức đảng cấp dưới, xử lý 10 tổ chức đảng và 676 đảng viên vi phạm kỷ luật, trong đó số đảng viên vi phạm là 152 trường hợp do chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không nghiêm; 147 trường hợp do thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, 119 trường hợp do vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống; 103 trường hợp do cố ý làm trái quy định và 18 trường hợp do tham nhũng. Các cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra cấp trên đã kiểm tra 348 đảng viên và 22 tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra

588 tổ chức đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; kiểm tra 184 tổ chức đảng cấp dưới trong việc thi hành kỷ luật trong Đảng; giải quyết đơn tố cáo 290 trường hợp. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng đã góp phần thực hiện hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn ngừa vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên, giáo dục đảng viên phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao.

Sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với Nhân dân ngày càng được thắt chặt, nếu làm tốt công tác vận động quần chúng. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII chỉ rõ: phải thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy dân chủ cơ sở, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy các nguồn lực trong dân để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh. Công tác dân vận đã bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa VIII, đã tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vai trò tham mưu của hệ thống dân vận ngày càng hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở, đến với từng địa bàn dân cư để nắm bắt tình hình, tham mưu giải quyết kịp thời những bức xúc và giải quyết nhanh quyền lợi chính đáng của Nhân dân. Qua thực tiễn, ngày càng xuất hiện nhiều cách làm hay, mô hình mới, có sức lan tỏa, tạo được sự tin tưởng, đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chất lượng các cuộc vận động, phong trào hành động cách mạng của quần chúng có sự chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận trưởng thành về mọi mặt, ngày càng thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được kiện toàn, từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân được ban hành đều bảo đảm tính cụ thể hóa theo nghị quyết của cấp ủy Đảng; nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các nghị định, quyết định, chỉ thị của Chính phủ, sát với tình hình thực tế ở địa phương, mang tính khả thi cao và được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường hơn, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Công tác lãnh đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều chuyển biến tích cực, bộ máy hành chính được củng cố, hoàn thiện. Công tác cải cách thủ tục hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực; thực hiện tốt việc cải cách thủ tục hành chính theo Đề án 30 và các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của Chính phủ. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực; công khai các thủ tục hành chính, thực hiện tốt các dịch vụ hành chính công để tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quán triệt kịp thời đến với người dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân đã có nhiều chuyển biến tốt, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh. Bằng nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, nhất là các phong trào hành động cách mạng ở địa phương. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và việc đưa các nghị quyết, chương trình hành động đi vào cuộc sống đã được phát huy tốt; vai trò tham mưu cho cấp ủy và tham gia công tác xây dựng Đảng, chính quyền bằng hình thức cụ thể hóa các nội dung của nghị quyết, chương trình hành động đến với đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân; tích cực triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, bước đầu phát huy được vai trò phản biện xã hội.

Với phương châm hướng về cơ sở, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng của đoàn viên, hội viên, phân công cán bộ bám sát địa bàn, phụ trách khu dân cư để cùng với cơ sở tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà thực tiễn cuộc sống đặt ra. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ngày càng trở thành lực lượng đáng tin cậy, ưu tú trong các phong trào cách mạng và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Năng lực công tác, trình độ chuyên môn và chất lượng đội ngũ cán bộ của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân được nâng lên; vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã được khẳng định và không ngừng phát huy. Tính đến năm 2010, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã vận động được 78,2% lực lượng

quần chúng tham gia vào các tổ chức đoàn thể và có 90,2% tổ chức cơ sở đạt từ loại khá trở lên.

Mặc dù công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị ngày càng được củng cố, nhưng vẫn còn một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân vẫn còn bần khoăn, lo lắng trước những vấn đề bức xúc của xã hội, đặc biệt là tình trạng tham nhũng, lãng phí, sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên. Chuyển biến về hành động làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở một số địa phương, đơn vị chưa thực sự rõ nét, chưa có những mô hình thực sự tốt, cách làm hay để nhân rộng. Việc đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ mới. Công tác phát triển đảng viên trong vùng nông thôn, trong doanh nghiệp tư nhân còn nhiều khó khăn, có nơi chưa chú trọng đến chất lượng; công tác quản lý đảng viên, chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số cơ sở đảng chưa cao. Công tác quy hoạch cán bộ còn khép kín, chưa bảo đảm phương châm “động và mở”, chưa gắn kết chặt chẽ giữa khâu quy hoạch và đào tạo trong công tác cán bộ. Việc chuẩn hóa cán bộ theo Quyết định số 132-QĐ/TU của Tỉnh ủy chưa đạt yêu cầu, nhất là đối với cán bộ cấp xã; chế độ cho cán bộ luân chuyển, điều động thực hiện còn chậm. Công tác đánh giá cán bộ ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa phản ánh đúng thực chất về năng lực, trình độ, phẩm chất của cán bộ và đảng viên. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý các cấp còn thấp, chưa bảo đảm theo cơ cấu quy định, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ, nguồn cán bộ nữ còn hụt hẫng ở một số lĩnh vực. Một số cấp ủy, nhất là cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, chưa xác định rõ nội dung trọng tâm, trọng điểm. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, thiếu tính chiến đấu, tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn diễn ra ở một số đơn vị, nhất là trong công tác quản lý đất đai, bảo vệ rừng. Một số cấp ủy đảng chưa quan tâm sâu sắc công tác dân vận, còn xem nhẹ hoặc hành chính hóa công tác dân vận.

Công tác xây dựng chính quyền tuy có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn những mặt hạn chế nhất định. Hoạt động quản lý nhà nước ở một số nơi, nhất là ở cấp xã còn nhiều bất cập, kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm. Công tác cải cách thủ tục hành chính còn chậm, việc tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo vẫn còn tồn đọng. Một số cán bộ, công chức còn thiếu tinh thần trách nhiệm trước dân, gây phiền hà, sách nhiễu dân; năng lực chuyên môn hạn chế. Đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc

ngành tòa án, kiểm sát còn thiếu, chưa đáp ứng tốt yêu cầu về cải cách tư pháp trong tình hình mới; số vụ án đưa ra xét xử lưu động để răn đe vẫn còn ít; việc xử lý và thi hành án dân sự còn nhiều vụ tồn đọng. Điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân còn thấp, nhất là đại biểu ở cấp huyện và cấp xã.

Công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện các phong trào, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước chưa thường xuyên. Nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở một số nơi chưa thật sự hiệu quả, thiếu tính chủ động, vai trò giám sát và phản biện xã hội chưa được phát huy.

Trong giai đoạn 2005-2010, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, thống nhất, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách, mặc dù do tác động của suy thoái kinh tế thế giới, tình hình thiên tai, dịch bệnh và những hạn chế của một nền kinh tế trình độ thấp, nhưng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh đã phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đề ra. Việc thực hiện đồng bộ 5 chương trình đột phá đã thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh có bước phát triển mới và chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao hơn so với nhiệm kỳ trước. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, chất lượng tăng trưởng trong nhiều ngành, lĩnh vực đã có sự cải thiện. Văn hóa - xã hội có tiến bộ trên nhiều lĩnh vực và phát triển tương đối toàn diện. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trong tỉnh tiếp tục được cải thiện và nâng cao. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được tăng cường và phát huy. Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố, chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, công tác xây dựng Đảng gắn với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” có nhiều chuyển biến tích cực. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng tiếp tục được nâng cao. Công tác xây dựng Đảng có nhiều tiến bộ, việc thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội ngày càng được mở rộng, vai trò lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được phát huy tốt. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, việc xử lý đảng viên vi phạm được thực hiện nghiêm túc.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa thật sự tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Các chương trình đột phá là động lực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhưng việc tổ chức thực hiện một số chương trình chưa thật sự hiệu quả. Một số chỉ tiêu, nhiệm

vụ trong 5 chương trình đột phá thực hiện còn chậm hoặc chưa đạt yêu cầu đề ra. Năng suất chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của một số ngành, lĩnh vực trong sản xuất, kinh doanh còn hạn chế, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, trình độ phát triển khoa học và công nghệ còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết kịp thời, hiệu quả; đầu tư phát triển văn hóa, y tế, giáo dục chưa đúng mức. Cải cách thủ tục hành chính tuy có nhiều tiến bộ nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu về trình độ và năng lực, nhất là đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo của một số tổ chức đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong hình mới.

Mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng những thành tựu đạt được vẫn là cơ bản và đáng khích lệ. Đó là kết quả của sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, của Quốc hội, Chính phủ; sự hỗ trợ, giúp đỡ có hiệu quả của các bộ, ngành Trung ương, của các tỉnh, thành bạn và sự kế thừa những thành quả của những giai đoạn trước. Đặc biệt, đó là kết quả của sự đoàn kết, thống nhất trong ý chí và hành động của cả hệ thống chính trị, sự năng động, sáng tạo, chỉ đạo hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cấp ủy các cấp. Hội đồng nhân dân đã kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội được tập trung triển khai, thực hiện khá hiệu quả đã có tác động tốt đến sự phát triển của tỉnh và đáp ứng được nguyện vọng của Nhân dân. Các cấp chính quyền điều hành năng động, sáng tạo, kiên quyết, chặt chẽ, đúng chủ trương, đường lối, chính sách và tình hình thực tế của địa phương. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tích cực xây dựng và phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân. Đặc biệt, thành tựu đó có những đóng góp to lớn của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong toàn tỉnh trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tỉnh đã phát huy được thế mạnh, tiềm năng trên các lĩnh vực ở mức độ nhất định, nhất là các tiềm năng trong lĩnh vực nông nghiệp, đất đai và nguồn nhân lực.

Nhìn thẳng vào nguyên nhân của những hạn chế yếu kém, trước hết là do tác động của mặt trái cơ chế thị trường, cùng với sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa đã tác động nhiều mặt đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ các năm 2008, 2009, suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế cả nước nói chung và của tỉnh Bình Phước nói riêng. Mặt khác, do xuất phát điểm kinh tế của tỉnh thấp,

lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế (đến năm 2010, tỷ lệ ngành nông, lâm, thủy sản chiếm đến 47,1%) nên phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và giá cả thị trường. Bên cạnh đó có những nguyên nhân chủ quan là do việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng mặc dù được chú trọng, nhưng nguồn lực của tỉnh có hạn nên chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Việc đầu tư phát triển hệ thống y tế, giáo dục, văn hóa, khoa học - công nghệ chưa đồng bộ, còn manh mún, thiếu quy hoạch; một số cơ chế chính sách chậm được triển khai. Công tác xã hội hóa ở một số lĩnh vực chưa được quan tâm, chú trọng đẩy mạnh nên các hình thức và giải pháp về huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội còn thấp.

Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng, nên việc tổ chức triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, nhất là các chỉ thị, nghị quyết về công tác tư tưởng để tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiệu quả chưa cao, chưa đi vào cuộc sống. Công tác cán bộ chưa mang tính đột phá; công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, sự phối hợp trong kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên, đồng bộ; còn có tình trạng buông lỏng trong công tác quản lý và giáo dục đảng viên, chậm phát hiện vi phạm của đảng viên để giáo dục, xử lý. Chất lượng sinh hoạt chi bộ một số nơi đạt thấp. Một số tổ chức, đơn vị chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ, chưa phát huy vai trò quần chúng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, việc tổ chức thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng lãng phí chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Những hạn chế cũng có phần do hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân ở một số nơi chưa cao, một số đại biểu kém nhiệt tình, tâm huyết, chưa làm tốt vai trò của người đại biểu. Trong quá trình chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp chính quyền đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, nội chính có lúc chưa theo kịp tình hình. Ý thức chấp hành, bám sát sự chỉ đạo của một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân chưa thực sự nghiêm túc. Lãnh đạo một số sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã chưa nhận thức đúng và đầy đủ về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” nên chưa có biện pháp hữu hiệu trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa thường xuyên quan tâm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để thu hút đoàn viên, hội viên. Công tác phối hợp trong tổ chức thực hiện các phong trào, các cuộc vận động chưa chặt chẽ, đồng bộ. Kinh phí hoạt động, chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân còn nhiều khó khăn.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên do trình độ năng lực hạn chế, thiếu rèn luyện, tu dưỡng, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao để trục lợi, chưa thực sự gần gũi, gắn bó mật thiết với Nhân dân. Một bộ phận công chức, viên chức còn nặng tư duy hành chính quản lý, chậm chuyển sang tư duy hành chính phục vụ. Đội ngũ giáo viên, thầy thuốc còn mất cân đối giữa khu vực trung tâm và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ còn mỏng, thiếu các chuyên gia có uy tín, trình độ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ trẻ kế cận có trình độ cao, chuyên sâu.

Qua 5 năm tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, nhiệm kỳ 2005-2010 của Đảng bộ tỉnh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, sự sáng suốt trong việc đề ra nghị quyết đúng đắn và tổ chức thực hiện nghị quyết, sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ đảng, trước hết là trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy các cấp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là những nhân tố đặc biệt quan trọng, quyết định đến việc thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp đề ra.

Thứ hai, sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy; sự điều hành năng động, sáng tạo của chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân; sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành và việc phát huy tối đa các nguồn lực trong Nhân dân, trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để đầu tư phát triển, sản xuất kinh doanh nhằm góp phần giải quyết tốt việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm lo sức khỏe, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân cùng với các chính sách, giải pháp phù hợp là những yếu tố quyết định hiệu quả thực hiện thắng lợi nghị quyết.

Thứ ba, trong điều kiện là một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều thành phần dân tộc, kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh. Để phát triển nhanh và bền vững phải luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội. Phải coi trọng và bảo vệ môi trường ngay trong từng bước phát triển, nhất là trong quá trình phát triển công nghiệp. Phải ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông, cấp thoát nước theo quy hoạch, kế hoạch, đầu tư tập trung vào các công trình trọng điểm, không dàn trải, phân tán. Hạ tầng cơ sở phát triển mạnh mẽ là tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, nâng cao đời sống nhân dân.

Thứ tư, thường xuyên quan tâm chăm lo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực về khoa học - công nghệ có trình độ cao; các chính sách đào tạo, thu hút, đãi ngộ, trọng dụng người có tài phải được cụ thể hóa, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, có tính chiến lược của địa phương.

Thứ năm, các cấp ủy đảng phải đặc biệt chăm lo xây dựng tổ chức đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn để hoàn thành nhiệm vụ. Cán bộ, đảng viên phải là người đi đầu, nêu gương sáng cho Nhân dân, luôn gần dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích, đời sống của Nhân dân.

Thứ sáu, cấp ủy, chính quyền các cấp cần coi trọng và thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng kết thực tiễn, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2005-2010 cùng với những thành tựu qua gần 10 năm xây dựng và phát triển kể từ ngày tỉnh được tái lập là nền tảng quan trọng và tạo niềm tin phấn khởi cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh đề ra. Việc phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về nông nghiệp, dịch vụ, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, thế mạnh về đất đai, lao động, sự năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong sản xuất, kinh doanh, phát huy truyền thống cách mạng và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn để xây dựng Bình Phước phát triển nhanh và bền vững, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị ngày càng tiến bộ.

II. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII giai đoạn 2005-2010, tình hình chính trị, xã hội ổn định; lĩnh vực kinh tế, văn hóa đạt được những thành tựu quan trọng. Bộ mặt của tỉnh từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng có sự thay đổi rõ nét. Tuy nhiên, tình hình đất nước nói chung, tỉnh Bình Phước nói riêng cũng còn một số khó khăn, thách thức trước những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng trong tình hình mới,

đòi hỏi không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sức mạnh của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh phát triển hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách toàn diện và bền vững.

Cùng với cả nước, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước hăng hái tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực công tác và đời sống xã hội, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010-2015 nhằm tạo đà cho công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đối mặt với không ít khó khăn, đó là cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng còn yếu kém, đời sống nhân dân nhiều nơi còn khó khăn; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn thấp. Ngoài ra, các thế lực thù địch lợi dụng tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá quyết liệt, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, từ ngày 26/9 đến ngày 28/9/2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015 được tiến hành tại thị xã Đồng Xoài. Tham dự Đại hội có 350 đại biểu, đại diện cho 21.257 đảng viên của 15 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tham dự Đại hội. Đây là những đảng viên ưu tú đại diện cho sức mạnh đoàn kết, ý chí, nguyện vọng và niềm tin của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh. Đại hội rất vui mừng và vinh dự được đồng chí Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Bộ Chính trị về dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần nghiêm túc, nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX có đánh giá, kiểm điểm khách quan, toàn diện những thành tựu và hạn chế; chỉ rõ những nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, gắn với kết quả triển khai thực hiện 5 chương trình đột phá. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định và lựa chọn đúng các nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp tích cực, sát với tình hình thực tế của tỉnh để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực đời sống xã hội của địa phương trong 5 năm tới. Đại hội đã tiến hành kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII gắn với việc lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo.

Trong giai đoạn 2005-2010, nhiều chỉ tiêu Nghị quyết thực hiện đạt và vượt. Kinh tế tăng trưởng liên tục với tốc độ khá cao so với bình quân cả nước

(bình quân 5 năm đạt 13,2%). Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư và có bước phát triển, nhất là hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc. Tiềm năng, thế mạnh của tỉnh được khai thác và phát huy có hiệu quả, nhiều mô hình kinh tế năng động, sáng tạo, hiệu quả xuất hiện. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện. Thu nhập đầu người của người dân tỉnh Bình Phước gần bằng với bình quân thu nhập đầu người của cả nước. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, an ninh biên giới được bảo đảm, mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh biên giới nước láng giềng Campuchia phát triển tốt đẹp. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố. Có thể nói, Bình Phước là một tỉnh vươn lên trong khó khăn, có bước phát triển nhanh và tương đối toàn diện.

Khẳng định những thành tựu, phấn khởi, tự hào về những kết quả đạt được, nhưng Đại hội cũng đã thẳng thắn đánh giá: Bình Phước vẫn còn là một tỉnh nghèo, công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển tương xứng, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển. Một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết kịp thời và hiệu quả, nhất là các vấn đề liên quan đến đất đai, công tác quản lý bảo vệ rừng. Đời sống của một bộ phận Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở vùng sâu, biên giới còn khó khăn. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có cố gắng, nhưng chuyển biến chậm, còn một số mặt hạn chế. Tình hình an ninh - trật tự trên địa bàn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Đại hội đã thảo luận sâu sắc, đánh giá đúng mức những thành tựu cũng như những tồn tại, yếu kém, phân tích rõ nguyên nhân, chủ yếu là nguyên nhân chủ quan và tìm ra giải pháp tích cực để khắc phục.

Về định hướng phát triển trong giai đoạn 2010-2015, Đại hội đã xác định mục tiêu tổng quát là: Tiếp tục phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế đi đôi với bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ và công bằng xã hội, an sinh xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho Nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, tăng cường công tác đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng gắn với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, xây dựng đảng bộ, chính quyền các cấp hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả,

giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo tiền đề vững chắc để tỉnh phát triển trong những năm tiếp theo.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2010-2015, gồm 55 đồng chí. Trong kỳ họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã bầu Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Tấn Hưng tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Võ Đình Tuyền, Trương Tấn Thiệu được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, đồng chí Nguyễn Tấn Hưng tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Bước sang giai đoạn 2010-2015, tình hình thế giới, trong nước và trong tỉnh có những diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn, thách thức do hậu quả của suy thoái kinh tế. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh còn thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội tuy được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; giá cả và thị trường tiêu thụ, đặc biệt là thị trường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh như mùn cao su, hạt điều, hồ tiêu còn nhiều biến động. Trong khi đó, yêu cầu về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm ngày càng cao trong quá trình hội nhập. Cùng với sự phát triển công nghiệp, ô nhiễm môi trường sẽ ngày càng gia tăng ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe Nhân dân. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động có khả năng dẫn đến mất cân đối về lao động giữa các vùng dân cư, nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Những khiếm khuyết phát sinh trong quá trình đền bù, giải tỏa, thu hồi đất để thực hiện các dự án còn nhiều khó khăn. Những hạn chế, bất cập trong phát triển giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đầu tư phát triển văn hóa cùng với tình hình tội phạm, các tệ nạn xã hội có những diễn biến phức tạp; sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. Bên cạnh đó, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường có khả năng tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế và đời sống của người dân. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ và nhân quyền để tăng cường các hoạt động chống phá.

Từ những nhận định trên, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã đề ra mục tiêu tổng quát cho giai đoạn 2010-2015, đó là: Phát huy truyền thống cách mạng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế đi đôi với bảo đảm môi trường sinh thái, bảo đảm tiến bộ và

công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho Nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, tăng cường công tác đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng gắn với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; xây dựng bộ máy chính quyền các cấp ngày càng hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, tạo tiền đề vững chắc để đến năm 2020 cơ bản hoàn thành mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội thảo luận đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể sau:

Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế:

- Phấn đấu bảo đảm tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) bình quân giai đoạn 2010-2015 là 13% - 14%. Trong đó, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5 - 6%; công nghiệp xây dựng tăng 22 - 23%; dịch vụ tăng 16 - 17%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015 là công nghiệp xây dựng chiếm 35%; nông, lâm, thủy sản chiếm 33%; dịch vụ chiếm 32%, phấn đấu tỷ trọng của ngành chăn nuôi chiếm 15% trong cơ cấu của ngành nông, lâm, thủy sản. Tổng sản phẩm nội địa (GRDP) bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 38-40 triệu đồng. Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 1 tỷ USD, nhập khẩu đạt 500 triệu USD, thu ngân sách tăng bình quân 15 - 17%/năm. Dự kiến đến năm 2015, thu ngân sách đạt khoảng 4.900 tỷ đồng. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 50.000 - 55.500 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khoảng 17 - 18%.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện đạt 95%; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm là 60%. Mỗi huyện, thị xã chọn 2 xã để xây dựng nông thôn mới theo chỉ thị của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ.

Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ và môi trường:

- Tập trung nguồn lực của Nhà nước, xây dựng các chính sách cụ thể và vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các chính sách xã hội hóa trên các lĩnh vực, tạo thêm nhiều nguồn lực đầu tư phát triển sự nghiệp khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tạo động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững và toàn diện của xã hội. Đồng thời, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chính sách an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

- Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập, bảo đảm tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100% vào năm 2012 và tỷ lệ trên chuẩn bình quân 20% vào năm 2015. Nâng cao chất lượng dạy tin học và ngoại ngữ trong nhà trường; 100% xã, phường, thị trấn giữ vững kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, tiến tới phổ cập trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện; 98% trẻ em trong độ tuổi được huy động ra lớp ở bậc tiểu học. Đến năm 2015, có từ 10% - 15% số trường ở các bậc học đạt chuẩn quốc gia. Quan tâm đầu tư phát triển giáo dục mầm non; thực hiện có hiệu quả chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Nâng cao hiệu quả ứng dụng và tính khả thi của các đề tài nghiên cứu khoa học vào các lĩnh vực cụ thể. Từng bước thực hiện đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp. 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và huyện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO theo Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai thực hiện quy hoạch báo chí in; mở rộng diện phủ sóng phát thanh truyền hình ra các tỉnh, thành trong nước và nước ngoài, góp phần quảng bá hình ảnh của tỉnh Bình Phước.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc, công tác tôn giáo trên cơ sở cụ thể hóa Chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp. Phấn đấu đến năm 2015, giảm hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn 8 - 10%.

- Nâng cao chất lượng công tác phòng chống dịch bệnh và khám khám chữa bệnh cho Nhân dân, mức giảm tỷ suất sinh 0,7%, 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; đạt 25 giường bệnh/vạn dân; đạt tỷ lệ 8 bác sĩ/vạn dân; còn 15% trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng.

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đi đôi với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, không ngừng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân. Phấn đấu 100% huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 90% thôn, ấp, khu phố có Nhà văn hóa. Đến năm 2015, 95% các xã, thị trấn có mặt bằng luyện tập thể dục - thể thao.

- Phấn đấu giải quyết việc làm cho 151.000 lao động, duy trì tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới mức 3,5% và duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn ở mức 90%; đào tạo nghề cho 30.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%. Phấn đấu hằng năm giảm bình quân 1,3% tỷ lệ hộ nghèo.

- Tăng chi ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới phải có công nghệ tiên tiến, xử lý các loại chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường. 100% doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu có yêu cầu chứng nhận môi trường đều áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. Đến năm 2015, tất cả các khu công nghiệp, bệnh viện được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, 85% hộ gia đình có hố xí, chuồng trại hợp vệ sinh. 100% các mỏ khai khoáng áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường. Phấn đấu 90% dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm quốc phòng - an ninh, đối ngoại:

- Giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh, bảo đảm an ninh tuyến biên giới. Tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh. Tiếp tục lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Tỉnh ủy; các đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; chương trình Quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ, chỉ thị của Tỉnh ủy về mục tiêu 5 giảm và công tác phòng chống tội phạm về môi trường. Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp; nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Tiếp tục đổi mới tư duy, quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng; tăng cường tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong công tác đối ngoại, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại nhân dân, đối ngoại quốc phòng, an ninh để tạo ra sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đề ra. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới, đặc biệt với các tỉnh của Campuchia giáp biên giới với tỉnh Bình Phước và một số tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng hệ thống chính trị:

- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy Đảng; đổi mới và nâng cao hiệu quả của công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát và vận động quần chúng của Đảng. Đẩy mạnh việc thực hiện “Làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ,

đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất, bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên mới, kết nạp mới 6.000 đảng viên, phấn đấu 100% thôn, ấp, khu phố, trường học, tổ, đội sản xuất trong doanh nghiệp nhà nước, trạm y tế có đảng viên; giảm tối đa tỷ lệ thôn, ấp, trường học chưa có chi bộ. Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổ chức đảng đạt trong sạch, vững mạnh, hằng năm đạt 80% trở lên. Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đúng quy trình, sát yêu cầu thực tiễn, gắn với luân chuyển cán bộ đạt 40 - 50% trong nguồn quy hoạch. Xây dựng quy hoạch chiến lược cán bộ cho cả hệ thống chính trị, đặc biệt quan tâm cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là người dân tộc thiểu số và cán bộ cấp cơ sở. Phấn đấu 100% cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định; tiếp tục thực hiện chủ trương trẻ hóa đội ngũ cán bộ các cấp.

- Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tiếp tục phát huy dân chủ cơ sở, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, từng bước nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, kỹ năng giải quyết công việc của cán bộ, công chức trong các cơ quan công quyền, nhất là cấp cơ sở. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp, tăng cường chức năng quyết định và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp.

Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm về công tác Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể:

- Phấn đấu có 92% tổ chức cơ sở đạt khá trở lên, vận động 85% lực lượng quần chúng tham gia vào các tổ chức đoàn thể. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Hướng về cơ sở, tập trung củng cố tổ chức và phát triển đoàn viên, hội viên, đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao khoa học - kỹ thuật, hỗ trợ vốn để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào hành động cách mạng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Sau Đại hội nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ tỉnh Bình Phước chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã đề ra. Tỉnh ủy chỉ đạo ưu tiên phát triển cho các ngành, lĩnh vực là thế mạnh

của tỉnh; đẩy mạnh thu hút đầu tư, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng cơ sở; xem trọng công tác thu ngân sách phải đạt mục tiêu đề ra. Nhờ đó, trong nhiệm kỳ, kinh tế của tỉnh phát triển tương đối toàn diện và liên tục tăng trưởng với nhịp độ cao. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng bình quân hàng năm 11%, tổng giá trị GRDP năm 2015 đạt 10.159 tỷ đồng, tăng 1,67 lần so với năm 2010; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 24 triệu đồng/người năm 2010 tăng lên 39,8 triệu đồng/người năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng giữa các khu vực năm 2010 tương ứng là nông lâm nghiệp chiếm 47,2%, công nghiệp xây dựng chiếm 26,3%, thương mại dịch vụ chiếm 26,5%, đến năm 2015 chỉ số cơ cấu là nông lâm nghiệp chiếm 38,5%, công nghiệp xây dựng chiếm 32,2%, thương mại dịch vụ chiếm 29,3%.

Nhằm phát triển nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015 đã xác định: “Tiếp tục phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững... Ưu tiên phát triển chăn nuôi công nghiệp quy mô lớn. Tiếp tục phát triển lâm nghiệp toàn diện, sử dụng hiệu quả ba loại rừng. Tận dụng tối đa diện tích mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên của tỉnh”. Đồng thời, để tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” đạt mục tiêu đề ra, Tỉnh ủy chỉ đạo các chủ trương, giải pháp thực hiện phát triển đồng bộ về nông nghiệp. Ngày 06/12/2013, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020, trong đó xác định giai đoạn 2011-2015 xây dựng 20 xã nông thôn mới. Ngày 26/9/2014, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 188-KH/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, trong đó xác định 9 nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện.

Giai đoạn 2010-2015, sản xuất nông nghiệp của tỉnh diễn ra trong điều kiện diễn biến thời tiết không thuận lợi, giá cả các sản phẩm chủ lực của tỉnh như hạt điều, mủ cao su xuống thấp, trong khi đó giá các mặt hàng vật tư nông nghiệp phục vụ cho sản xuất không ổn định đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của bà con nông dân. Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nên kết quả trong lĩnh vực trồng trọt trong giai đoạn này đã đạt được những kết quả nhất định, nhịp độ phát triển nông nghiệp giai đoạn 2010-2015 tăng bình quân hàng năm là 6,4%.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị và hiệu quả cao, từng bước giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi. Cơ cấu giống cây trồng và trình độ sản xuất của nông dân được nâng lên rõ rệt, nhiều tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới được áp dụng vào sản xuất như công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới đã giúp nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng. Các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao đã được áp dụng hầu hết trên các loại cây trồng chủ yếu của tỉnh như cây cao su, hồ tiêu, điều và rau. Lĩnh vực chăn nuôi nâng lên đáng kể nhờ thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp giúp năng suất và chất lượng giống gia súc, gia cầm tăng. Nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật cao trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển nhất định, nhiều nông hộ, trang trại đã ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp như: canh tác trong nhà lưới, trồng rau thủy canh, sử dụng hệ thống chuồng lạnh trong chăn nuôi, góp phần giảm chi phí công lao động, đáp ứng nhu cầu nước và dinh dưỡng của cây trồng cho từng giai đoạn sinh trưởng. Cây loại cây lâu năm và mô hình chăn nuôi tập trung tiếp tục là thế mạnh đối với ngành nông nghiệp của tỉnh, tính đến cuối năm 2015 tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm đạt 54.498ha, cây hàng năm đạt 706ha; chăn nuôi phát triển vượt bậc về số lượng và chất lượng. Ngành chăn nuôi đã chuyển đổi mạnh từ chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô lớn, theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, đặc biệt là đàn heo, gà phát triển mạnh. Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 234 cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại, với 13.098 con trâu, 27.980 con bò, 284.581 con heo, 4.380.000 con gia cầm. Tỷ trọng cơ cấu ngành nông nghiệp, trồng trọt 87,34%, chăn nuôi 11,68%, dịch vụ 0,97%.

Việc quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất rừng sản xuất cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế được quan tâm. Tỷ lệ rừng che phủ chung (rừng tự nhiên, rừng trồng và cây đa mục đích) của toàn tỉnh nâng lên. Diện tích rừng trồng tăng mạnh nhờ chính sách chuyển đổi từ rừng tự nhiên nghèo kiệt sang rừng trồng các loại cây đa mục đích, chính sách thuê đất rừng sản xuất trồng cao su, và các loại cây kinh tế khác thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm trên địa bàn tỉnh năm 2015 đạt 65,71%. Tỉnh đã giao diện tích đất lâm nghiệp cho các chủ rừng là các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các doanh nghiệp nhà nước để tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Bình Phước có vườn quốc gia Bù Gia Mập nằm trên địa bàn huyện Bù Gia Mập là nơi bảo tồn các nguồn gen quý hiếm của hệ động, thực vật phong phú ở khu vực miền Đông Nam Bộ.

Công trình thủy lợi được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng, phục vụ tốt việc cấp thoát nước cho các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn nông thôn. Tỉnh đã hoàn thành các dự án thủy lợi ở 59 hồ chứa và một số công trình thoát nước, cấp nước cho khu công nghiệp và đô thị. Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 66 công trình thủy lợi bảo đảm cung cấp nước tưới cho diện tích 54.200ha. Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn được thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 90%.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư, cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ, thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn tăng lên. Đến cuối năm 2015, tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh, số tiêu chí đạt bình quân là 10,73 tiêu chí/xã. Trong đó, có 03/92 xã đạt 19 tiêu chí; 11/92 xã đạt từ 15-18 tiêu chí; tỉnh tiếp tục tập trung đầu tư cho 45/92 xã đạt từ 10/14 tiêu chí.

Qua 20 năm xây dựng, phát triển và hội nhập kể từ khi tỉnh Bình Phước được tái lập, lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Cùng với việc chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, tỉnh đã tạo cơ chế thông thoáng, ban hành nhiều chương trình, đề án quan trọng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt đường lối phát triển nông nghiệp của tỉnh. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ, góp phần hình thành bộ mặt nông thôn mới; công tác bảo vệ quản lý rừng, đất rừng có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, tỷ trọng chăn nuôi tăng chậm và đạt thấp; việc nuôi trồng thủy sản tuy có đầu tư nhưng hiệu quả không cao, sản lượng nuôi trồng thủy sản có xu hướng giảm, từ 5.729.000 tấn năm 2014 xuống còn 5.697.000 tấn năm 2015. Công tác quản lý, bảo vệ rừng còn bộc lộ một số hạn chế, giá trị sản xuất lâm nghiệp có xu hướng giảm, từ 109,293 tỷ đồng năm 2013 xuống 102,275 tỷ đồng năm 2015.

Tỉnh ủy đã quán triệt quan điểm phát triển lĩnh vực công nghiệp, đầu tư và xây dựng là “chìa khóa” cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thông qua phát triển công nghiệp sẽ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế tỉnh nhà; phát triển công nghiệp sẽ tác động làm thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo đảm cho các ngành khác phát triển, tăng trưởng ổn định, nâng cao năng suất, tạo việc làm mới cho xã hội và thu hút nguồn vốn, nguồn nhân lực có tay nghề cao, qua đó

nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ những định hướng có tính chiến lược trên cùng với việc khai thác hiệu quả các nguồn lực có lợi thế của tỉnh, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo phát triển lĩnh vực công nghiệp một cách đồng bộ. Từ đó, giá trị sản xuất công nghiệp tăng đều hằng năm, năm 2012 thực hiện 24.412,50 tỷ đồng, năm 2014 là 32.593,97 tỷ đồng, đến năm 2015 tăng lên 40.845,19 tỷ đồng. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng cao đã phản ánh khái quát toàn ngành công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2010-2015 có bước phát triển mạnh, tăng bình quân 15,3%/năm. Các khu, cụm công nghiệp dần được hoàn chỉnh về kết cấu hạ tầng, đến năm 2015 có trên 530 ha diện tích khu công nghiệp được đầu tư hạ tầng.

Vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý được bảo đảm. Trên cơ sở thực hiện chương trình đột phá về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cũng như quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, Tỉnh ủy chỉ đạo việc sử dụng nguồn vốn nhà nước cho đầu tư phát triển bảo đảm tính hiện đại, đồng bộ, có phân kỳ đầu tư hợp lý cho từng giai đoạn, sắp xếp thứ tự ưu tiên, trong đó ưu tiên các dự án quan trọng để tạo sự đột phá và có sức lan tỏa lớn; bảo đảm tính hài hòa về trách nhiệm và lợi ích, coi phát triển kết cấu hạ tầng là động lực, là cơ sở để phát triển các lĩnh vực khác; bảo đảm tính kết hợp chặt chẽ việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh. Qua quá trình thực hiện, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội có sự phát triển vượt bậc, liên tục qua các năm, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 10,7%, đầu tư tổng cộng 148 dự án thuộc các lĩnh vực giao thông, y tế, khoa học - công nghệ, giáo dục... Việc sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia đem lại hiệu quả cao, năm 2015 tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh đạt 15.705,77 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng dần theo từng năm và chiếm tỷ trọng cao, ổn định, điều này đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, giai đoạn 2011- 2015, tổng số dự án đầu tư trực tiếp vào tỉnh tăng đáng kể về số dự án cũng như vốn đầu tư, với 115 dự án. Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 2.258 doanh nghiệp hoạt động, trong đó có 2.166 doanh nghiệp ngoài nhà nước, 75 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, 17 doanh nghiệp nhà nước, tạo việc làm cho 106.793 lao động.

Công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công đạt yêu cầu đề ra, đã khai thác và đưa vào sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, góp phần giải quyết kịp thời

về nhu cầu đất ở, đất xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai giai đoạn 2011-2015 ở cấp tỉnh, huyện và cấp xã cơ bản được hoàn thành sớm. Các cơ chế, chính sách, pháp luật về đất đai được điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp với tình hình mới. Tỉnh có 08 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, với diện tích 5.244 ha, chủ yếu là đất công do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam quản lý giao về cho tỉnh. Tuy nhiên, diện tích đất phân tán, không tập trung nên 08 khu công nghiệp được chia nhỏ thành 19 khu công nghiệp, với diện tích thực tế chỉ có 5.192 ha. Trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư, một số nhà đầu tư không triển khai thực hiện dự án nên tỉnh đã thu hồi đất và thu hồi chủ trương dự án ở 7 khu công nghiệp, với diện tích 1.167 ha, còn lại 12 khu công nghiệp, trong đó có 7 khu công nghiệp đã đầu tư hạ tầng và cho nhà đầu tư thứ cấp thuê lại. Đối với đất cụm công nghiệp, tỉnh đã phê duyệt đến năm 2030 là 33 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 1.244 ha. Công tác quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên, khoáng sản chặt chẽ, hiện trên địa bàn tỉnh có 91 điểm mỏ, trong đó có 31 điểm mỏ được cấp giấy phép hoạt động. Công tác quy hoạch xây dựng đô thị, đất trồng cây công nghiệp, đất xây dựng và các khu cụm công nghiệp được quản lý tốt, đến năm 2015, tỷ lệ đô thị hóa đạt 16,79%, đất sản xuất nông nghiệp trên 444 ngàn ha, diện tích đất các khu công nghiệp 5.244 ha, cụm công nghiệp là 1.082 ha.

Thương mại, dịch vụ là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, nhất là đẩy mạnh việc trao đổi hàng hóa, xây dựng các trung tâm thương mại ở khu vực đô thị và tiến tới mở rộng đến các vùng sâu, vùng xa đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Tính đến năm 2015, giá trị thương mại, dịch vụ đạt 5.820 tỷ đồng, tăng gấp 1,84 lần so với năm 2010; tổng mức lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 30.500 tỷ đồng, tăng 2,49 lần. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra, hoạt động xuất khẩu tập trung vào các mặt hàng có giá trị kinh tế cao và chủ lực của tỉnh như hạt điều nhân, mủ cao su thành phẩm, hàng nông sản, hàng dệt may, hàng điện tử, giày dép, đồ gỗ. Năm 2015, giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 1.161,127 triệu USD, tăng gấp 2 lần so với năm 2010. Về kim ngạch nhập khẩu chủ yếu là hạt điều thô, bột mì, sợi dệt, vải may mặc, hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng. Năm 2015, giá trị hàng hóa nhập khẩu đạt 374,776 triệu USD. Đối với hoạt động kinh tế 04 cửa khẩu của tỉnh giáp biên với nước láng giềng Campuchia, năm 2011 trao đổi giá trị hàng hóa đạt tổng kim ngạch trên 3 triệu USD, đến 2015 đạt trên 40 triệu USD.

Từ một tỉnh mới tái lập với cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, lạc hậu, Tỉnh ủy chỉ đạo đầu tư đúng hướng, chú ý tập trung đầu tư xây dựng cơ bản vào những công trình thiết yếu phục vụ đời sống, sản xuất, nhất là về kết cấu hạ tầng đường giao thông, điện, nước, thủy lợi. Nhờ đó, đến năm 2015 hệ thống giao thông của tỉnh phát triển tương đối hoàn thiện, đã mở rộng, trải đều khắp từ các huyện, thị đến trung tâm các xã vùng sâu, vùng xa; quốc lộ 13, 14 được nâng cấp mở rộng đạt quy mô đường cấp 2, cấp 3; hệ thống đường tỉnh, đường đến trung tâm xã được nhựa hóa 100%; nhiều tuyến đường giao thông nông thôn được nâng cấp, xây dựng mới phục vụ nhu cầu đi lại thuận tiện hơn cho người dân. Về điện, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của Nhân dân trên toàn địa bàn tỉnh. Tính đến năm 2015, tỉnh đã hoàn thiện 708 km đường dây điện trung thế, 540 km đường điện hạ thế, số hộ trong tỉnh được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 97,32%. Tỉnh đã hoàn thành 2 công trình thủy lợi Bà Ka và Ba Veng tang, dung tích chứa nước đạt 1,8 triệu m³, triển khai giai đoạn hai một số cụm hồ, thủy lợi thuộc huyện Đồng Phú, Lộc Ninh và Bù Đốp.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên lĩnh vực kinh tế là đáng phấn khởi, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Đó là việc đầu tư và xây dựng trên lĩnh vực công nghiệp. Tính đến năm 2015, chỉ có khoảng 530 ha diện tích khu công nghiệp được đầu tư. Đó là tỷ lệ khá thấp so với diện tích quy hoạch được Thủ tướng phê duyệt. Giá trị sản xuất công nghiệp chưa tương xứng so với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Việc huy động, quản lý sử dụng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chưa nhiều, tổng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý chiếm tỷ lệ nhỏ, chỉ đạt 16%, trong đó vốn đầu tư xây dựng cơ bản chỉ chiếm 13%; việc huy động nguồn vốn từ trái phiếu Chính phủ và vốn chương trình mục tiêu quốc gia chưa cao. Cơ sở hạ tầng của tỉnh còn bất cập, thiếu đồng bộ, nhất là về hệ thống giao thông, viễn thông, cải cách hành chính, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế còn yếu kém nên chưa thu hút được nhiều các nhà đầu tư.

Lĩnh vực thương mại dịch vụ chưa đủ mạnh, chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh, chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Trình độ phát triển khoa học, công nghệ, kỹ năng quản lý còn yếu là trở ngại chính kìm hãm sự phát triển của thị trường và các hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh. Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh ít, quy mô các chợ cấp huyện chỉ vừa và nhỏ, nhiều chợ chưa phát huy hết công năng, gây lãng phí. Các chính sách khuyến khích xuất khẩu, chính sách ưu đãi với các ngành công nghiệp chế biến, nhất là về phát triển nguồn nguyên liệu cung ứng cho xuất khẩu chưa đầy đủ. Bên cạnh đó, một số

huyện, thị xã chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan của tỉnh để xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu nông sản đạt chất lượng cao phục vụ cho xuất khẩu, ngoài ra diện tích cây cao su đang có chiều hướng bị thu hẹp, ảnh hưởng tới khả năng xuất khẩu mủ cao su của tỉnh. Các khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh chưa đáp ứng tốt nhu cầu phát triển, nhất là việc đầu tư cơ sở hạ tầng chưa nhiều, kim ngạch trao đổi hàng hóa qua khu kinh tế cửa khẩu có tăng, nhưng vẫn chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Hạ tầng kinh tế xã hội chưa được hoàn thiện, trong đó hệ thống giao thông nông thôn đầu tư chưa đúng mức; nguồn điện sinh hoạt, điện phục vụ sản xuất cung cấp cho các hộ dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế còn đang trong giai đoạn kêu gọi đầu tư, đầu tư vẫn còn dàn trải. Hầu hết các dự án đầu tư triển khai chậm, việc đầu tư kết cấu hạ tầng cũng như việc quản lý, duy tu các công trình kết cấu hạ tầng chưa được thường xuyên, thi công kéo dài, còn nhiều vướng mắc trong giải phóng mặt bằng.

Nguyên nhân của các hạn chế nêu trên là do việc triển khai thực hiện chương trình đầu tư phát triển kinh tế trong bối cảnh ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế thế giới và trong nước, nên các nhà đầu tư gặp khó khăn không thể triển khai các dự án đầu tư theo dự kiến; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc có lúc chưa thường xuyên, chưa thật sự phát huy trí tuệ và nâng cao trách nhiệm trong việc đóng góp, đề xuất các giải pháp để phát triển; trong chỉ đạo, giải quyết, quản lý, điều hành của chính quyền chưa theo kịp tình hình. Chưa huy động tốt được nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, chưa chú trọng đến việc huy động nguồn lực xã hội hóa, sử dụng nguồn lực từ chương trình mục tiêu quốc gia chưa hợp lý, còn lãng phí. Năng lực quản lý của các doanh nghiệp còn yếu kém, chậm tiếp thu khoa học - công nghệ để áp dụng vào sản xuất, kinh doanh, chính sách thu hút đầu tư còn có mặt hạn chế, thủ tục hành chính còn rườm rà.

Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tỉnh ủy luôn chú trọng chỉ đạo xây dựng gương “Người tốt, việc tốt” và các điển hình tiên tiến trở thành những nét đẹp văn hóa, tạo thành những hạt nhân tích cực trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xuất phát từ nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng gia đình văn hóa là hạt nhân của cộng đồng dân cư văn hóa, nên phong trào xây dựng gia đình văn hóa được Nhân dân ủng hộ và có sức lan tỏa rộng trong cộng đồng.

Cuộc vận động xây dựng “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” và xây dựng “Nếp sống văn minh cá nhân” trên địa bàn tỉnh được các cấp công đoàn tích cực triển khai có sự phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành. Phong trào “Xóa đói, giảm nghèo” đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau ổn định và phát triển kinh tế. Trong giai đoạn 2011-2015, Ban vận động ở khu dân cư đã vận động Nhân dân trên địa bàn hỗ trợ giúp cho hàng chục ngàn lượt hộ nghèo được vay vốn không tính lãi để phát triển kinh tế hộ gia đình. Việc xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh được thực hiện nghiêm theo đúng tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Công tác hòa giải cơ sở, khai thác tử sách pháp luật, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước được thực hiện tốt.

Ngày 09/6/2014, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Ngày 23/7/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 183-KH/TU về tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết. Ngày 13/11/2014, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 42-CT/TU về thực hiện Nghị quyết, trong đó đánh giá tình hình và nguyên nhân sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) trên địa bàn tỉnh, đồng thời đề ra mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và 6 nhiệm vụ, 4 giải pháp để thực hiện nghị quyết. Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc, trong đó chú trọng tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước, tự lực tự cường, xây dựng đạo đức lối sống lành mạnh cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; quan tâm xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, cơ quan, doanh nghiệp văn hóa; đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn, bảo tàng và phát huy giá trị di tích lịch sử, di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh, giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc; tổ chức phục dựng, bảo tồn một số lễ hội truyền thống đặc trưng; nghiên cứu sưu tầm, bảo quản truyền dạy và giới thiệu văn hóa phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ. Thông qua các hoạt động văn hóa gắn với phát triển du lịch, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cộng đồng, chú trọng xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao phục vụ công nhân lao động, Nhân dân vùng sâu, vùng xa. Thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và các phong trào thi

đua yêu nước khác. Quan tâm đẩy mạnh việc tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa như Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Xtiêng, sóc Bom Bo, Khu Căn cứ Quân ủy Bộ Chỉ huy Miền Tà Thiết, các di tích thuộc đoạn cuối đường Hồ Chí Minh, Mộ tập thể 3.000 người tại thị xã Bình Long, Núi Bà Rá, Thác Mơ, tăng cường các hoạt động phát triển du lịch.

Qua thời gian thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, việc xây dựng và phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Năm 2010, toàn tỉnh có 183.477 gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 92,29%, đến năm 2015, có 197.396 gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 92,36%, tính bình quân hàng năm toàn tỉnh có trên 92% gia đình được công nhận gia đình văn hóa. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp kế thừa và nâng cao trong tình hình mới, khơi dậy và phát huy tinh thần đoàn kết ở các cộng đồng dân cư giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái, đền ơn đáp nghĩa, thực hiện và phát huy dân chủ ở cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Năm 2011, toàn tỉnh có 179/864 khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa, khu dân cư tiên tiến, đạt tỷ lệ 21,15% là tương đối thấp, đến 2015 có 556/866 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa, khu dân cư tiên tiến, đạt tỷ lệ 64,20% vươn lên gấp 3 lần. Năm 2012, toàn tỉnh có 1.199 cơ quan, đơn vị được công nhận đạt chuẩn văn hóa, năm 2015 có 1.268 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 96,10%. Đối với công tác hòa giải ở cơ sở, đến năm 2015 toàn tỉnh đã xây dựng được 887 tổ hòa giải và có 3.776 hòa giải viên; có 98% số xã, phường, thị trấn xây dựng được tủ sách pháp luật, có 842/861 thôn, ấp, khu dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước. Đổi mới lĩnh vực văn hóa, thể thao, tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 10/10 huyện, thị xã đã thành lập Trung tâm Văn hóa Thể thao cấp huyện, 111/111 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao, hội trường cấp xã; có 851/861 thôn, ấp, khu phố có nhà văn hóa.

Tỉnh cũng đã xây dựng đề án tổng thể quy hoạch phát triển thể dục - thể thao đến năm 2020. Trong đó, chú trọng xây dựng và thực hiện phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học; duy trì nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện sức khỏe theo gương Bác Hồ vĩ đại”; quan tâm công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất cho thể dục - thể thao quần chúng; xây dựng quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp. Tỉnh đã nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và tư nhân tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên, trọng

tài, cán bộ quản lý. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực các cơ quan quản lý nhà nước về thể dục - thể thao, đặc biệt là năng lực triển khai các chính sách, kế hoạch thể dục - thể thao, cải cách thủ tục hành chính, phân cấp quản lý thể dục - thể thao. Kết quả trong giai đoạn 2010-2015 có 60% huyện, thị có sân vận động, 100% xã, phường, thị trấn, trường học có mặt bằng tập luyện thể dục, thể thao, trong đó có khoảng 60% xã, phường, thị trấn có các đội, nhóm tập luyện thể dục - thể thao, 80 câu lạc bộ thể dục - thể thao hoạt động thường xuyên. Hằng năm, tỉnh tổ chức được hơn 30 giải thể thao cho các nhóm đối tượng khác nhau, số người tham gia tập luyện thể dục - thể thao thường xuyên trong giai đoạn 2010-2015 tăng 5%, từ 20% lên 25%; tỷ lệ gia đình tập luyện thể dục - thể thao tăng từ 11% lên 14,3%, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên tập luyện 01 môn thể thao tăng từ 25% lên 30%; tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực tăng từ 90,5% lên 98%. Thể thao thành tích cao có bước phát triển vượt bậc, số huy chương giành được tại các giải khu vực, quốc gia, quốc tế hằng năm đạt trên 100 huy chương các loại, có 05 vận động viên tham gia các đội tuyển quốc gia dự SEA Games 26; đội tuyển bóng chuyền nữ Cao su Phú Riềng được duy trì tham dự giải đội mạnh cấp quốc gia; đội tuyển bóng đá nam được thăng hạng Nhất mùa bóng năm 2015; đội ngũ các vận động viên năng khiếu, đội trẻ, đội tuyển được nâng lên cả về số lượng và chất lượng.

Xác định giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu, Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo ngành giáo dục tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, qua đó nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài; vận động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục, mở rộng quy mô đào tạo phù hợp với tình hình mới trong xu thế hội nhập sâu rộng với khu vực và quốc tế; xem trọng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ đó, sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh trong những năm 2010-2015 từng bước được đổi mới và phát triển. Các trường lớp tiếp tục được mở rộng, huy động học sinh đến lớp tăng, giảm học sinh bỏ học, học sinh lưu ban, học sinh yếu kém, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục. Chăm lo đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ giáo viên giỏi. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, giải quyết vấn đề xây dựng trường học thân thiện, xây dựng phát triển hội khuyến học các cấp, quỹ khuyến học các cấp. Xây dựng và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường học, quy mô giáo dục ổn định và phát triển ở tất cả các cấp học, chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy được đổi mới. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư, tăng cường. Năm học 2015-2016, toàn tỉnh có 314 trường học

phổ thông, với 6.344 lớp học, có 10.617 giáo viên và 187.300 học sinh. Trong đó, có 77 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phát triển cả về số lượng và chất lượng, số giáo viên đạt chuẩn ở tất cả các cấp học đạt trên 95%. Công tác quản lý giáo dục từng bước đổi mới, phong trào hưởng ứng học tập suốt đời được phát động và duy trì.

Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo ngành y tế tập trung mở rộng phát triển mạng lưới y tế, nhất là y tế tuyến cơ sở, chú trọng tăng cường đội ngũ y, bác sĩ đến các trạm y tế xã, phường, thị trấn; cải tạo, nâng cấp, đổi mới trang thiết bị y tế; kiện toàn, tăng tỷ lệ chi ngân sách cho y tế, xây dựng quỹ đất dành cho xây bệnh viện, trạm y tế; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, quân dân y kết hợp. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ y, bác sĩ; có chính sách ưu đãi hợp lý để thu hút bác sĩ về cơ sở. Khuyến khích hợp tác công tư để đầu tư phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị và cung ứng các dịch vụ y tế phù hợp với quy hoạch của tỉnh. Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 128 cơ sở y tế, với 2.525 giường bệnh, toàn ngành có 2.826 cán bộ, nhân viên, y bác sĩ, với tỷ lệ 6,2 bác sĩ/vạn dân.

Tỉnh chỉ đạo ngành y tế triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Từ đó, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, chỉ số sức khỏe của người dân trong tỉnh được cải thiện; công suất sử dụng giường bệnh, trung bình mỗi năm đạt trên 80%, đạt tỷ lệ 26,6 giường bệnh/vạn dân. Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi hằng năm đạt tỷ lệ trên 95%, riêng năm 2015 đạt tỷ lệ 99,6% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 14%; mức giảm tỷ suất sinh giai đoạn 2010-2015 đạt 0,6 - 0,7‰. Ưu tiên củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tính đến năm 2015, 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế, với 67,57% trạm y tế có bác sĩ, trong đó, trên địa bàn huyện Bù Đăng có 100% xã, thị trấn có bác sĩ; mạng lưới y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 97,30%. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh bảo hiểm cho đối tượng bảo hiểm y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng, việc khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách được quan tâm nhiều hơn; công tác quản lý nhà nước về y tế được chặt chẽ, tổ chức nghiêm túc đấu thầu cung ứng thuốc chữa bệnh đúng quy định; công tác xã hội hóa y tế được chú ý, các cơ sở khám bệnh tư nhân ngày càng phát triển và được quản lý chặt chẽ.

Cùng với việc tập trung phát triển văn hóa, sự nghiệp giáo dục, đào tạo và y tế, Tỉnh ủy quan tâm và đánh giá cao vị trí, vai trò của khoa học - công nghệ

trong quá trình phát triển của tỉnh, trong đó chú trọng nâng cao về nhận thức trong cấp ủy, chính quyền các cấp đối với phát triển khoa học - công nghệ ở địa phương, đơn vị mình, đổi mới tổ chức và quản lý khoa học - công nghệ một cách bài bản, tăng cường kiểm soát, giám định công nghệ và chất lượng sản phẩm, từng bước hình thành thị trường công nghệ. Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ, thể chế hóa các nội dung liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học - kỹ thuật. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế, đẩy mạnh xã hội hóa khoa học - công nghệ bằng mô hình gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2010-2015, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có chiều hướng phát triển, chỉ tính riêng từ năm 2011 đến năm 2014 có 23 đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt, nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ cấp tỉnh và được cấp với tổng kinh phí trên 12 tỷ đồng. Nhiều đề tài, dự án đã cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của tỉnh. Đổi mới hoạt động công nghệ được mở rộng, tỉnh có chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ cho 07 doanh nghiệp với tổng kinh phí trên 3 tỷ đồng. Các cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, hội thi sáng tạo kỹ thuật của tỉnh, huyện được duy trì và ngày càng nâng cao chất lượng. Tính đến năm 2015, tỉnh đã đầu tư được 87 điểm khai thác thông tin khoa học và công nghệ với cơ sở dữ liệu lên 60.000 tài liệu và 3.000 địa chỉ của các chuyên gia tư vấn khoa học và công nghệ.

Công tác bảo vệ môi trường là vấn đề nóng được toàn xã hội quan tâm, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế quản lý nhà nước về môi trường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, tạo thói quen và ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho Nhân dân và doanh nghiệp, gắn công tác bảo vệ môi trường sinh thái với chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hợp tác quốc tế trong sự nghiệp bảo vệ môi trường sinh thái được tăng cường, ngăn ngừa, hạn chế đến mức tối đa việc ô nhiễm môi trường. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên được khai thác và sử dụng hợp lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Tổ chức bộ máy các cấp trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường được kiện toàn. Hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường được hoàn thiện. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được chú trọng, bố trí kinh phí hợp lý cho công tác bảo vệ môi trường, xây dựng được các nhà máy xử lý rác thải. Tuy nhiên, kinh phí dành cho hoạt động môi trường vẫn còn thấp, khoảng hơn 1% trong tổng số chi ngân sách hằng năm của tỉnh.

Hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông, thông tin được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả, từng bước đổi mới tổ chức quản lý,

phát triển các cơ quan báo chí trong tỉnh để trở thành đơn vị hoạt động lớn mạnh, từng bước tự chủ về tài chính. Các thành phần kinh tế được tạo điều kiện tham gia phát triển dịch vụ bưu chính, cung cấp dịch vụ viễn thông trong môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch. Tỉnh ủy cũng chỉ đạo việc định hướng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chú trọng đưa hoạt động thông tin, truyền thông góp phần quan trọng trong việc thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, phục vụ việc nắm bắt thông tin kịp thời cho Nhân dân trong tỉnh. Năm 2015, toàn tỉnh có 99,1% đài phát thanh cấp xã tiếp sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam và 96,5% xã tiếp sóng đài phát thanh địa phương, 84% số xã, phường, thị trấn có tín hiệu truyền hình tỉnh. Công tác quản lý xuất bản, in ấn và phát hành được tăng cường. Mạng lưới bưu chính tiếp tục hoạt động ổn định, mở rộng vùng phục vụ đến tận nông thôn, vùng sâu, vùng xa. 100% Ủy ban nhân dân các xã có máy điện thoại bàn, cổng thông tin điện tử của tỉnh và hơn 100 trang thông tin điện tử chuyên ngành của các địa phương, cơ quan, đơn vị hoạt động có hiệu quả. Các hội nghị bước đầu được truyền hình trực tuyến đến các điểm cầu huyện, thị và một số điểm cầu cấp xã đã góp phần giảm bớt chi phí, thời gian trong quá trình tổ chức hội họp; hệ thống một cửa điện tử đã được trang bị tại một số đơn vị cấp huyện đã mang lại thành công bước đầu trong chiến lược cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề lồng ghép với chương trình xóa đói giảm nghèo được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, cho chủ trương để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp theo hướng người bị thu hồi đất được hỗ trợ dạy nghề và giới thiệu việc làm, được ưu tiên vay vốn và xuất khẩu lao động. Năm 2015, số nhân lực qua đào tạo ở bậc trung cấp nghề chiếm 4,55%, bậc cao đẳng chiếm 2,5% đối với tổng số người trong độ tuổi lao động. Trong giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã giải quyết việc làm cho 140.444 lao động, đạt 118,21% kế hoạch đề ra và đào tạo nghề cho 32.241 lao động, đạt 140,17% kế hoạch đề ra; kim chế tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị mức dưới 3,5% và nâng tỉ lệ qua đào tạo từ 30% vào năm 2011 lên 38% vào năm 2015, giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 13.066 lao động. Chương trình mục tiêu quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phổ biến pháp luật lao động được thực hiện có hiệu quả, giải quyết

kịp thời các tranh chấp lao động. Các ngành chức năng triển khai kịp thời đẩy mạnh phát triển nhà ở cho công nhân. Đối với phát triển thị trường lao động, xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa luôn được ổn định; công tác quản lý lao động là người nước ngoài trên địa bàn tỉnh chặt chẽ; vấn đề bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội... được triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Chỉ tính riêng từ năm 2008 đến năm 2012, tiền lương thực tế của công chức, viên chức bình quân tăng 12,5%/năm; tiền lương của người lao động tăng bình quân hàng năm 15-17%/năm. Tỉnh cũng đã có chính sách miễn giảm thuế đối với các hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ, cung ứng suất ăn cho công nhân trong các khu công nghiệp.

Đối với công tác giảm nghèo bền vững, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 03/7/2013 về việc tăng cường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Trong đó, chỉ tiêu đề ra phấn đấu đến năm 2020, hộ nghèo thu nhập bình quân đầu người tăng lên 3,5 lần so với năm 2010, giai đoạn 2016-2020 giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5 - 2%/năm. Để làm được điều này, cần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong công tác giảm nghèo; vận động người nghèo có ý thức tự giác phấn đấu, vươn lên thoát nghèo; tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh tốc độ giảm nghèo, đặc biệt là ở 05 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 15%; ưu tiên nhóm hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách, diện bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số. Qua quá trình thực hiện, công tác giảm nghèo đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, giai đoạn 2010-2015, toàn tỉnh giảm được 12.014 hộ nghèo, tương đương bình quân mỗi năm giảm được 1,3% tỷ lệ hộ nghèo, tính đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh là 6%. Việc cấp đất sản xuất cho các hộ dân theo chính sách an sinh xã hội từ khi triển khai Chương trình đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh đã cấp đất sản xuất cho 3.758 hộ, với tổng diện tích 3.783,813ha, trong đó có 3.260 hộ đang sử dụng.

Tỉnh quan tâm bố trí kịp thời kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh cho công tác giảm nghèo, vận động đa dạng hóa các phương thức huy động nguồn lực, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng nghèo, xã nghèo và nhận người nghèo vào làm việc; lồng ghép mục tiêu giảm nghèo bền vững vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Một điểm mới, nổi bật trong quá trình chỉ đạo thực hiện chính sách an sinh xã hội của tỉnh là Tỉnh ủy đã cho chủ trương thực hiện việc trồng cây cao su tạo quỹ an sinh xã hội và cấp đất sản xuất theo chương trình an sinh xã hội cho các hộ nghèo. 06 công ty cao su đứng chân trên địa bàn tỉnh trồng 4.000 ha cao su từ nguồn quỹ đất của tỉnh,

đến thời điểm khai thác sẽ thu lợi nhuận đưa vào quỹ an sinh xã hội của tỉnh để thực hiện các mục tiêu về an sinh xã hội. Đối với việc liên kết trồng cao su thuộc Chương trình 134, được phía công ty cao su đầu tư chi phí, các hộ dân đóng góp bằng quyền sử dụng đất thuộc Chương trình 134 được cấp, đến khi có thu hoạch thì chia lợi nhuận, hết thời gian liên doanh trả đất lại cho các hộ thụ hưởng Chương trình 134. Đồng thời, các hộ dân được công ty ưu tiên thuê mướn để trồng, chăm sóc vườn cây ngay trên mảnh đất của chính mình, qua đó góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho đồng bào. Việc liên kết trồng cao su trên đất thuộc Chương trình 134 do Công ty cao su Phú Riêng và các hộ dân được thụ hưởng Chương trình tại huyện Bàn Gia Mập và huyện Bàn Đăng đã thực hiện thí điểm nội dung liên kết này, thời gian liên doanh là 26 năm bao gồm 06 năm kiến thiết cơ bản và 20 năm khai thác. Công ty cao su Phú Riêng đầu tư 100% chi phí, huyện Bàn Gia Mập và Bàn Đăng là tư cách pháp nhân đại diện các hộ thụ hưởng Chương trình 134 góp vốn bằng quyền sử dụng đất thực hiện theo phương án chia lợi nhuận là 50% - 50%. Mô hình này bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao đời sống cho người dân.

Chính sách ưu đãi người có công là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nhằm tri ân sự cống hiến, hy sinh của người tham gia giúp đỡ cách mạng cũng như khơi dậy phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” trong toàn xã hội. Quán triệt sâu sắc quan điểm này, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công năm 2005; đẩy mạnh phong trào “xã phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công”, huy động mọi nguồn lực trong xã hội cùng Nhà nước chăm lo đối với người có công. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản xuất, việc làm, nhà ở, giáo dục, y tế... ưu tiên cho người có công; đẩy mạnh việc tìm kiếm, cất bốc hài cốt liệt sĩ; đầu tư xây dựng, tôn tạo nâng cấp các công trình tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ; bảo đảm 100% các xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, gia đình thân nhân liệt sĩ, người có công, thực hiện 100% gia đình chính sách có cuộc sống vật chất, tinh thần cao hơn mức sống trung bình ở khu dân cư nơi cư trú. Chính sách ưu đãi người có công đã được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị và Nhân dân trong và ngoài tỉnh quan tâm thực hiện tốt bằng những việc làm cụ thể, thiết thực như hỗ trợ về nhà ở, tặng sổ tiết kiệm, chăm sóc sức khỏe... Giai đoạn 2010-2015, các chế độ, chính sách đối với người có công được giải quyết kịp thời, đầy đủ, tỉnh lập hồ sơ đề nghị các cấp giải quyết cho 3.749 trường hợp, vận động xây dựng, sửa chữa và bàn giao 395 căn nhà tình nghĩa với tổng số tiền trên 13 tỷ

đồng; tặng 144 số tiết kiệm với tổng giá trị hơn 176 triệu đồng; nhân các ngày lễ, tết các cấp, các ngành đều tổ chức các đoàn đi thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách với tổng kinh phí gần 20 tỷ đồng. Ngoài ra, tỉnh đã tổ chức đưa 3.584 người có công đi điều dưỡng tập trung và hỗ trợ điều dưỡng tại gia đình cho 2.667 người.

Về trợ giúp xã hội, tỉnh chỉ đạo thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho đối tượng yếu thế trong xã hội. Trong đó, chú trọng tạo điều kiện cho các đối tượng còn khả năng lao động tiếp cận nguồn vốn, dịch vụ công thiết yếu, tạo sự bình đẳng về cơ hội trong học tập, đào tạo, dạy nghề, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, hưởng thụ văn hóa tinh thần, bảo đảm cho các đối tượng chính sách có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt với cộng đồng. Phát động phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ những người thiệt thòi trong xã hội; phát triển và sử dụng có hiệu quả các quỹ từ thiện, nhân đạo. Mục tiêu phấn đấu của tỉnh là đến năm 2020 có khoảng 24.000 người thuộc diện bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp thường xuyên. Thực hiện chỉ đạo trên, các chính sách trợ giúp xã hội, cứu trợ xã hội được triển khai đồng bộ, đầy đủ; các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức từ thiện quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho người thiệt thòi, người yếu thế trong xã hội vươn lên hòa nhập cộng đồng. Tỉnh giải quyết trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng cho 51.416 lượt đối tượng, với tổng kinh phí trên 129 tỷ đồng; cứu trợ đột xuất cho 22.523 đối tượng, với tổng kinh phí là 10,2 tỷ đồng.

Chương trình Quốc gia về bảo vệ trẻ em, Chương trình Quốc gia vì trẻ em ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, Chương trình Quốc gia phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em được tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt. Đề án về chính sách hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em bị khuyết tật tim bẩm sinh, bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện đầy đủ, lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ phúc lợi xã hội dành cho trẻ em, tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn, bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên các phương tiện truyền thông đại chúng được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đạt kết quả tích cực, các mục tiêu về sức khỏe, học tập, vui chơi, giải trí được các cấp, các ngành quan tâm đưa vào chương trình, kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện có hiệu quả. Giai đoạn 2011-2015, có 94% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí; trên 6.500 trẻ em được khám sàng lọc bệnh và cấp thuốc miễn phí;

hơn 300 trẻ em được phẫu thuật phục hồi chức năng, trong đó có 150 trẻ em bị khuyết tật tim bẩm sinh, có 6.889 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp thường xuyên.

Bình Phước có 41 thành phần dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 19,7% dân số toàn tỉnh, Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền có cơ chế chính sách đột phá về giảm nghèo nhanh và bền vững trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên nguồn lực đầu tư, xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh tập trung hoàn thành công tác định canh, định cư gắn với giải quyết nhanh việc giao đất sản xuất; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh ủy chỉ đạo các ban, ngành quan tâm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc; làm tốt công tác khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, Tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền và có biện pháp thiết thực, cụ thể giúp cho đồng bào dân tộc thiểu số cùng hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; động viên đồng bào chủ động vươn lên, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, sự giúp đỡ của dân tộc anh em đồng bào Kinh để phát triển. Giai đoạn 2010-2015, tỉnh đã xây dựng và đưa vào sử dụng 235 km đường giao thông nông thôn, 02 công trình cầu, 86 km đường điện trung và hạ thế, hỗ trợ đất sản xuất cho 569 hộ, đất ở cho 379 hộ, nhà ở cho 750 hộ; bố trí định canh cho 518 hộ, với diện tích 478ha; trợ cước, trợ giá, hỗ trợ trực tiếp số tiền 18.561,48 triệu đồng cho các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, bình quân 2%/năm. Mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển rộng khắp, đa dạng các loại hình trường học, thực hiện chính sách ưu tiên cử tuyển nhiều con em các dân tộc thiểu số học ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trường dự bị đại học. Đến năm 2015, có 100% số xã có trạm y tế, 50% số trạm y tế có bác sĩ, 100% thôn, ấp, sóc có nhân viên y tế cộng đồng; tỉnh thực hiện tốt chế độ miễn giảm viện phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo. Các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số thông qua các lễ hội được duy trì. Các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình đã đến được với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số được tăng cường cả về thời lượng và chất lượng. Công tác xây dựng, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm, số lượng quần chúng ưu tú là đồng bào dân tộc thiểu số được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng, tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 1.118 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 4,48% cán bộ, công chức của tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh có 08 tôn giáo được tỉnh công nhận tư cách pháp nhân, số tín đồ các tôn giáo chiếm khoảng 23% dân số toàn tỉnh. Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đẩy mạnh việc quán triệt các chính sách về tôn giáo cho cán bộ, đảng viên nhận thức rõ yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tôn giáo; duy trì và phát huy tốt vai trò của Ban chỉ đạo các cấp về công tác tôn giáo; có kế hoạch bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác tôn giáo cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong vùng đồng bào có đạo; làm tốt công tác xây dựng lực lượng cốt cán trong các tôn giáo, tuyên truyền, vận động các chức sắc, nhà tu hành, tín đồ sống tốt đời đẹp đạo, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tỉnh ủy cũng chỉ đạo hướng dẫn các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật; phát huy những giá trị văn hóa đạo đức lành mạnh, hướng thiện của các tôn giáo phù hợp với văn hóa truyền thống dân tộc. Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật và các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để kích động, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đồng bào có đạo thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Từ việc bám sát thực hiện các nhiệm vụ trên, đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh có 306 người thuộc lực lượng cốt cán trong các tôn giáo tham gia ủy viên ban chấp hành, là cán bộ, công chức của các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Tỉnh cũng đã chấp thuận thành lập mới 52 cơ sở tôn giáo, mở 56 lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo, 91 công dân đi học tại các trường đào tạo của các tôn giáo nhằm bổ sung đội ngũ chức sắc còn thiếu; 118 trường hợp phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử. Thực hiện Quy định số 123-QĐ/TW ngày 28/9/2004 của Bộ Chính trị về kết nạp đảng viên có đạo và đảng viên có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo, tính từ năm 2010 đến năm 2014, Đảng bộ tỉnh đã kết nạp được 69 đảng viên. Công tác tôn giáo đã góp phần tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân và tín đồ tôn giáo.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội còn bộc lộ nhiều yếu kém. Việc đào tạo nguồn nhân lực cho giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu; công tác giáo dục chính trị cho cán bộ, giáo viên và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên chưa được quan tâm đúng mức; việc phân luồng và giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế; phương pháp giáo dục có nơi chưa phù hợp, thiếu thực chất; công tác giáo dục toàn diện cho học sinh ít được quan tâm. Chất lượng khám chữa bệnh và thái độ phục vụ của một số cán bộ, nhân viên y tế chưa tốt; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế

chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của Nhân dân; các chỉ tiêu về quy mô dân số, mức giảm tỷ lệ sinh sản đạt được chưa bền vững; nguồn lực y tế còn thiếu, nhất là các y, bác sĩ có trình độ, năng lực. Toàn tỉnh thiếu 384 bác sĩ. Việc đầu tư kinh phí cho sự nghiệp khoa học - công nghệ vẫn còn ở mức thấp. Cơ chế, chính sách tài chính chưa tạo được động lực và điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học - công nghệ; việc bố trí ngân sách cũng như huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho khoa học - công nghệ còn hạn chế; những quy định về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ chưa khuyến khích được việc nghiên cứu các đề tài khoa học; thiếu cơ chế, biện pháp cụ thể để xây dựng và nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ làm khoa học - công nghệ đầu ngành và các tập thể khoa học - công nghệ. Ý thức bảo vệ môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng còn hạn chế, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; năng lực cán bộ quản lý môi trường còn thiếu và yếu.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển chưa đồng đều, còn mang tính hình thức, chạy theo thành tích. Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, nhất là Nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, công nhân ở các khu công nghiệp còn nhiều hạn chế; việc quản lý và đầu tư xây dựng các cơ sở văn hóa chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển; công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số còn ít, một số di tích có biểu hiện xuống cấp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể dục - thể thao còn thiếu, chất lượng chưa bảo đảm; phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển chưa đồng đều, chưa đa dạng; chất lượng giáo dục thể chất trong trường học hiệu quả không cao; thể thao thành tích cao chưa có bước phát triển đột phá. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin, truyền thông còn hạn chế. Mức độ và cơ hội thụ hưởng và cập nhật thông tin của Nhân dân ở các khu vực không đồng đều; cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu để giúp đội ngũ phóng viên thuận tiện trong tác nghiệp; kinh phí hoạt động của trạm truyền thanh cơ sở còn thấp; hệ thống kết cấu hạ tầng mạng thông tin của tỉnh chưa đồng bộ, các thiết bị an ninh, bảo mật và các thiết bị phụ trợ khác lạc hậu và hư hỏng nhiều.

Hệ thống chính sách xã hội còn chồng chéo, thiếu sự liên kết. Nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước; công tác tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến pháp luật, chính sách tại các địa phương

còn yếu, chưa thường xuyên; tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế còn thấp; công tác giảm nghèo chưa thực sự bền vững; mức trợ cấp ưu đãi xã hội còn thấp; tình trạng trẻ em bị ngược đãi, bạo hành, bị lạm dụng tình dục, trẻ em vi phạm pháp luật, bị tai nạn thương tích, trẻ em tham gia lao động sớm vẫn còn. Việc cấp đất sản xuất cho các hộ dân theo chính sách an sinh xã hội gặp khó khăn, nhất là về trình tự, thủ tục. Một số địa phương không còn quỹ đất để cấp, trong khi số hộ dân thiếu hoặc không có đất sản xuất nhiều; một số hộ sau khi được cấp đất sản xuất đã sang nhượng, cầm cố, một số diện tích nằm trong vùng ngập, xấu không sản xuất được, một số hộ được cấp đất nhưng ở xa nơi cư trú nên gặp nhiều khó khăn trong việc canh tác. Đối với hoạt động liên kết trồng cao su trên đất thuộc Chương trình 134 được phê duyệt tối đa mỗi hộ được nhận 01ha đất sản xuất, nhưng nhiều hộ cấp chưa đủ diện tích 01ha, do diện tích nhỏ nên việc khai thác không hiệu quả; ngoài ra, khả năng quản lý, chăm sóc vườn cây cao su sau giai đoạn khai thác cơ bản của nhiều hộ dân còn hạn chế nên gặp không ít khó khăn.

Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm; việc tổ chức chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc còn những hạn chế, yếu kém, nguồn lực đầu tư còn dàn trải, kéo dài, thiếu trọng tâm, trọng điểm; việc áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả thấp. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, chất lượng và hiệu quả giáo dục cũng thấp; trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Đảng, Nhà nước, chưa thực sự tự vươn lên thoát nghèo, phương thức sản xuất, tập quán canh tác còn lạc hậu. Các thế lực thù địch luôn tìm cách kích động, chia rẽ các dân tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định an ninh chính trị, một bộ phận đồng bào nhẹ dạ, cả tin nên dễ bị kẻ xấu lừa gạt, xúi giục, kích động khiêu khích vượt cấp. Công tác tôn giáo còn bị động nên việc hướng dẫn về công tác tôn giáo còn chậm, chưa cụ thể, thiếu đồng bộ. Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo còn yếu kém về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, không ổn định, thường xuyên thay đổi; công tác vận động, tuyên truyền các chức sắc, tín đồ, bộ phận đồng bào có đạo về hiểu đúng, đầy đủ chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước chưa hiệu quả; một số địa phương còn thụ động, né tránh, thiếu chủ động phát hiện, xử lý kịp thời các hoạt động tôn giáo trái phép.

Nguyên nhân chính của các hạn chế trên, trước hết là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy Đảng, chính quyền đối với lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa thật sự đầy đủ, sâu rộng. Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị

chưa đáp ứng yêu cầu, công tác xã hội hóa chưa cao, một số cơ chế, chính sách chưa đồng bộ; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng đúng mức; công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho Nhân dân hiệu quả chưa cao. Một số cán bộ, đảng viên chưa phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện các phong trào ở địa phương; đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội còn thiếu và yếu so với yêu cầu thực tiễn.

Bình Phước là tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đồng bào theo tôn giáo nhiều và tỉnh có đường biên giới tương đối dài với Campuchia, là địa bàn giáp ranh với khu vực Tây Nguyên nên việc bảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Trong tình hình hội nhập, mở cửa, các phần tử phản động, tổ chức trá hình lợi dụng danh nghĩa tôn giáo, dân tộc, nhân quyền đẩy mạnh các hoạt động chống đối. Trước tình hình phức tạp trên, Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương về quốc phòng - an ninh, nhất là Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và các nghị quyết, chương trình về xây dựng và tăng cường bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới trong tình hình mới. Trong đó, tập trung triển khai việc củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị và toàn vẹn lãnh thổ; chủ động phát hiện từ xa, từ sớm, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh; tăng cường sức mạnh quốc phòng cả về tiềm lực và thế trận; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới và vùng trọng điểm, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh, huyện, xã tạo thành thế trận khu vực phòng thủ vững chắc.

Tỉnh ủy cũng tập trung chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân trên địa bàn tỉnh; tập trung quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng quân sự, công an chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, là lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, bảo vệ địa bàn.

Tỉnh ủy cũng tập trung chỉ đạo chú trọng công tác kiểm tra, thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2011, đẩy mạnh các biện pháp phòng cháy, chữa cháy triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm giảm vi phạm, giảm thiểu tai nạn giao thông; xây dựng nền

công nghiệp quốc phòng an ninh, bảo đảm cho lực lượng vũ trang được trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật tiên tiến; tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với Quân đội, Công an; giữ vững ổn định chính trị, kiên quyết đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch; nắm bắt mọi diễn biến tình hình ngoại biên, biên giới, tình hình an ninh chính trị nội địa.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo duy trì tăng cường quan hệ hữu nghị với các tỉnh Campuchia giáp biên giới với tỉnh, mở rộng các hình thức đối ngoại trên tinh thần giữ vững nguyên tắc độc lập, dân tộc, chủ quyền của mỗi quốc gia, tạo mối quan hệ tốt, thuận lợi cho công tác bảo vệ an ninh tuyến biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia. Tập trung nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân, nhất là người dân sinh sống ở khu vực biên giới, khu vực giáp ranh trên địa bàn tỉnh về quốc phòng, an ninh và chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng cần được quan tâm.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về bảo đảm quốc phòng - an ninh và công tác đối ngoại, các cấp ủy, chính quyền, nhất là cấp ủy, chính quyền các huyện biên giới, huyện giáp ranh với khu vực Tây Nguyên, đã phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với bộ đội biên phòng, các lực lượng quân sự, công an tăng cường củng cố hệ thống chính trị tại các xã biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời gắn với chương trình “Xây dựng nông thôn mới”. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ lãnh thổ quốc gia của người dân sinh sống ở khu vực biên giới, vùng sâu được chú trọng. Công tác an sinh xã hội, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho người dân vùng biên giới được thực hiện tốt. Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh luôn chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với thế trận quốc phòng an ninh ở các khu vực phòng thủ; xây dựng căn cứ hậu phương trong khu vực phòng thủ. Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên, công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên ngày càng vững mạnh được thực hiện tốt. Công tác nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và lực lượng vũ trang được quan tâm, tạo được sự chuyển biến tích cực trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, củng cố niềm tin, giữ vững trận địa chính trị, tư tưởng trong lực lượng vũ trang. Việc thực hiện hiện đại hóa lực lượng vũ trang có sự chuyển biến rõ rệt so với giai đoạn trước.

Với vai trò nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, lực lượng công an đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân vào sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng,

chống tội phạm, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để Bình Phước hội nhập và phát triển. Thế trận an ninh nhân dân được củng cố, nhất là ở những địa bàn trọng điểm, phức tạp. Việc xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có chuyển biến tích cực. Các vụ việc nổi cộm, mâu thuẫn từ cơ sở được phát hiện và giải quyết kịp thời. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm trong tình hình mới cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ của lực lượng công an được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và bọn tội phạm. Trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, lực lượng công an thường xuyên rà soát, theo dõi, quản lý các đối tượng chính trị trọng điểm, các đoàn nước ngoài, Việt kiều đến địa phương; chủ động tấn công, răn đe, giáo dục số đối tượng có thái độ chính trị không tốt, không để phần tử xấu, phản động bên ngoài lôi kéo, móc nối xâm phạm an ninh quốc gia. Nhờ chủ động nắm tình hình, các vấn đề nổi lên trong tôn giáo được phát hiện kịp thời, đấu tranh ngăn chặn. Các vấn đề trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng được giải quyết, ngăn chặn kịp thời, nhất là tình trạng bán điều non, cầm cố đất. Đặc biệt, tình đã ngăn chặn, vô hiệu hóa, bóc gỡ thành công một số đối tượng là người dân tộc thiểu số bị lôi kéo, bị kích động tham gia các tổ chức phản động, vượt biên sang Campuchia.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, các cấp nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, xác định công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng đẩy mạnh. Đặc biệt, Tỉnh ủy còn chỉ đạo thực hiện tuyên truyền Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 9 (khóa X); Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các kế hoạch, chương trình của Tỉnh ủy gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử được tăng cường, nên đã kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng. Cơ chế phối hợp giữa Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng của tỉnh với các ban, ngành, đoàn thể và các cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống tham nhũng được hoàn thiện. Trên cơ sở nội dung, kế hoạch và chương trình hành động của Tỉnh ủy,

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện. Cấp ủy các cấp thường xuyên quan tâm chỉ đạo chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản trong Nghị quyết của Trung ương và các quy định của Chính phủ về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng, nhất là đối với các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Cấp ủy các cấp luôn quan tâm đôn đốc các ngành chức năng khẩn trương giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng nổi cộm, tồn đọng, không để kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Các giải pháp phòng ngừa công khai, minh bạch đã được triển khai thực hiện tương đối đồng bộ như: thực hiện tốt quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức; minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức có chức danh; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Kết quả, trong nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra, phát hiện, xử lý 34 đảng viên vi phạm liên quan đến tham nhũng, lãng phí, chiếm tỷ lệ 4,98% so với tổng số đảng viên được kiểm tra; thi hành kỷ luật 81 đảng viên vi phạm liên quan đến tham nhũng, chiếm tỷ lệ 5,57% số đảng viên bị kỷ luật. Ngành thanh tra Bình Phước đã thực hiện 231 cuộc thanh tra kinh tế, xã hội trên các lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, tài chính ngân sách, y tế, giáo dục, bảo hiểm... Trong đó, số cuộc thanh tra trách nhiệm về giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng là 39 cuộc. Qua thanh tra đã phát hiện 19 đối tượng có hành vi tham nhũng, thu hồi trên 26 tỷ đồng và 21.173,746m² đất. Cơ quan cảnh sát điều tra đã điều tra, khởi tố 32 vụ với 71 bị can; kết thúc điều tra, chuyển Viện Kiểm sát đề nghị truy tố là 26 vụ với 65 bị can. Viện kiểm sát thụ lý, giải quyết và chuyển Tòa án xét xử 24 vụ với 61 bị can.

Các hoạt động đối ngoại, hợp tác với các tỉnh có đường biên giới chung với tỉnh Bình Phước thuộc Campuchia được tăng cường, mở rộng trên tất cả các lĩnh vực nhằm bảo đảm an ninh biên giới, phòng chống tội phạm, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định trên tuyến biên giới. Đặc biệt, tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Campuchia để phân giới, cắm mốc biên giới và quy tập hài cốt liệt sĩ hy sinh ở Campuchia đưa về nước an táng. Hoạt động hợp tác để phát triển thương mại, trao đổi hàng hóa; đấu tranh, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên tuyến biên giới với các tỉnh Kratié, Kampong Cham, Mondulkiri, Stung Treng (Campuchia) ngày càng hiệu quả.

Thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 06/7/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới và Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 37-KH/TU ngày 12/10/2011 và Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 18/11/2011, trong đó chú trọng tập trung chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức quán triệt và cụ thể hóa thành kế hoạch, chương trình hành động của từng địa phương. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn chỉ đạo phải tuyên truyền, phổ biến đến Nhân dân về công tác lãnh sự và bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg ngày 06/06/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Các công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam; mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước, coi trọng phát triển quan hệ có chiều sâu với Nhân dân các nước láng giềng, củng cố mối quan hệ với bạn bè truyền thống được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo kịp thời. Tỉnh đã thành lập nhiều đoàn công tác trao đổi, giao lưu, hợp tác trên tất cả các lĩnh vực với các tỉnh bạn giáp biên ở Campuchia và ở Nam Lào. Công tác tổ chức và quản lý các thỏa thuận quốc tế do địa phương ký kết được thực hiện tốt. Tỉnh luôn tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, làm tốt công tác vận động các nguồn lực và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của tổ chức với lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Phát triển kinh tế của khẩu với các tỉnh giáp biên của Campuchia được chú trọng, được xem là động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhà, góp phần quan trọng bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh biên giới. Các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại quốc tế được tăng cường. Đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 115 dự án FDI hoạt động với tổng vốn đăng ký là 968 triệu USD; có 2 dự án ODA (hoạt động từ năm 2011 đến năm 2015) với tổng số vốn đầu tư là 101,834 triệu USD. Tính đến năm 2015, các doanh nghiệp ở địa phương đã đầu tư 4 dự án sang Campuchia với tổng vốn đăng ký là 148,22 triệu USD, lĩnh vực đầu tư chủ yếu là trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su, cây điều. Công tác vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài được thực hiện chặt chẽ. Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 17 dự án của các tổ chức phi chính phủ hoạt động trên các lĩnh vực xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ y tế, giếng nước sạch, cải thiện an sinh xã hội, cho vay tín dụng, sử dụng máy vi tính...

Các dự án này đã góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm bớt khó khăn về nhà ở, nước sinh hoạt, nâng cao cuộc sống cho một bộ phận dân cư.

Tỉnh ủy chủ trương tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc. Các tổ chức và Nhân dân trong tỉnh được huy động tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước ta. Chiến lược về hội nhập quốc tế đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh. Tỉnh ủy rất chú trọng vấn đề thu hút và bồi dưỡng nguồn nhân lực. Tỉnh thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, ngoại ngữ, nghiệp vụ và các quy định của nhà nước về công tác phi chính phủ nước ngoài cho cán bộ làm công tác đối ngoại. Hằng năm, tỉnh còn tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức đối ngoại, kinh tế đối ngoại theo đề án của Bộ Ngoại giao và định kỳ tổ chức hội nghị báo cáo viên theo vùng về “Hội nhập quốc tế vì phát triển bền vững và vai trò của địa phương”.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quốc phòng an ninh, đối ngoại vẫn còn một số hạn chế, nhất là hạn chế trong nhận thức về tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và về âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Nhận thức về đối tượng, đối tác của một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa thật sự sâu sắc, đầy đủ, còn tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác. Việc phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân hiệu quả chưa cao. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng an ninh chưa thực sự chặt chẽ. Tình trạng buôn lậu, vận chuyển, mua bán, sử dụng các chất ma túy, vật liệu cấm còn diễn biến phức tạp. Việc đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu, căn cứ hậu phương còn chậm. Các cụm dân cư trên tuyến biên giới chưa được đầu tư xây dựng hiệu quả. Các công trình phòng thủ, bảo vệ biên giới và các trang thiết bị kỹ thuật còn thô sơ. Ý thức trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn hạn chế. Các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa thật sự tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Công tác tuyên truyền còn nặng về hình thức, chủ yếu tập trung tuyên truyền vào các đợt cao điểm, các dịp lễ, tết, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa tập trung vào đối tượng, địa bàn cụ thể. Các giải pháp đấu tranh chống âm mưu, hoạt động phá hoại, chống đối của các thế lực thù địch và đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm có lúc còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực chưa đạt yêu cầu đề ra. Chuyển biến về nhận thức, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với công tác phòng, chống tham nhũng còn thấp. Một số vụ án tham nhũng vẫn còn tồn đọng kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm. Tình trạng tiêu cực, sai phạm, tham nhũng, lãng phí vẫn diễn biến phức tạp ở nhiều lĩnh vực, nhiều đối tượng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng chưa cao; đội ngũ cán bộ còn mỏng, chủ yếu vẫn là phải kiêm nhiệm thêm những công việc khác. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên cũng phần nào ảnh hưởng tiêu cực đến công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nhận thức về hội nhập quốc tế của một số cán bộ, đảng viên, công chức, doanh nghiệp và Nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ. Các hoạt động thu hút du lịch còn đơn điệu, chưa tạo được sự khác biệt để thu hút và phát triển các dự án nước ngoài. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình cạnh tranh, hội nhập quốc tế; năng lực nắm bắt thông tin chưa tốt. Những dự báo mang tính chiến lược, làm cơ sở để đề ra những chính sách hợp lý thu hút đầu tư nước ngoài còn thiếu.

Những hạn chế nói trên bắt nguồn từ một số nguyên nhân chủ yếu sau: Bình Phước là một tỉnh miền núi, biên giới, mặt bằng kinh tế, văn hóa, xã hội còn thấp; đời sống của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn. Tỉnh có đường biên giới dài, địa bàn rộng nên công tác quản lý biên giới và phòng, chống tội phạm gặp nhiều khó khăn. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, cũng như tầm quan trọng của hoạt động đối ngoại; dẫn đến, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện còn thiếu kiên quyết. Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa sâu rộng. Công tác thanh tra, kiểm tra còn lỏng lẻo, yếu kém.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015 xác định công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, quan trọng. Đại hội đã chỉ rõ: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy Đảng; đổi mới và nâng cao hiệu quả của công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát và vận động quần chúng của Đảng. Đẩy mạnh việc

thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất, bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, giai đoạn 2010-2015, công tác xây dựng Đảng của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, làm tiền đề, cơ sở để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tạo được sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội. Việc quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng được Tỉnh ủy quan tâm, bám sát. Tỉnh ủy chỉ đạo phải xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập nghiêm túc. Chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Đảng có sự đổi mới, đã thành lập tổ xây dựng chương trình hành động. Trong quá trình xây dựng chương trình luôn lắng nghe, tiếp thu những ý kiến đề xuất, kiến nghị xác đáng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt. Công tác theo dõi kết quả học tập của cán bộ, đảng viên ngày càng được quan tâm, khắc phục được tình trạng học tập nghị quyết chưa nghiêm. Kết quả, trên 98% cán bộ, đảng viên đã tham dự học tập nghị quyết; tỷ lệ đoàn viên, hội viên và Nhân dân được phổ biến nghị quyết là 60-70%. Tỉnh đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập nghị quyết, kết quả tổ chức được 4 hội nghị theo hình thức truyền hình trực tiếp từ hội nghị cán bộ chủ chốt tỉnh đến các điểm học tập khác, có sự giám sát, theo dõi của cán bộ ngành tuyên giáo trong quá trình học tập.

Công tác tuyên truyền, định hướng tư tưởng, định hướng báo chí được quan tâm. Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 4 cơ quan báo chí, gồm các loại hình báo in, báo nói, báo hình và báo điện tử. Các cơ quan báo chí đã bám sát thực tiễn của đời sống xã hội, thực hiện đúng sự lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng thông tin của Đảng; thông tin nhanh nhạy, đầy đủ, toàn diện tất cả các lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế - xã hội ở trong nước, quốc tế và địa phương trong tỉnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu và quyền được thông tin của Nhân dân. Việc dự báo, phát hiện, phân tích, xử lý các vấn đề về tư tưởng được triển khai với chất lượng ngày càng được nâng cao. Ngành tuyên giáo của tỉnh đã tổ chức được mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội đa dạng, gồm cán bộ đang công tác ở ban tuyên giáo các cấp và cán bộ các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh. Hoạt động của đội ngũ báo cáo viên ngày càng tiến bộ, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 5 báo cáo

viên cấp trung ương, 37 báo cáo viên cấp tỉnh, 237 báo cáo viên cấp huyện và tương đương, 1.300 báo cáo viên cấp cơ sở. Ngoài ra, tỉnh còn có hàng ngàn tuyên truyền viên ở cơ sở là những đảng viên, hội viên, đoàn viên, cán bộ hưu trí, già làng, trưởng thôn, ấp, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Đội ngũ tuyên truyền viên ở cơ sở tăng cường thực hiện tuyên truyền miệng, hiệu quả ngày càng cao. Công tác phối hợp thực hiện tuyên truyền giữa ban, ngành các cấp ngày càng chặt chẽ. Hoạt động phối hợp giữa Ban tuyên giáo với Ủy ban nhân dân cùng cấp đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội gắn với giải quyết các vấn đề bức xúc của Nhân dân.

Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh. Nội dung, hình thức vận dụng về phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương, nêu cao trách nhiệm gương mẫu ngày càng đa dạng, phong phú. Cán bộ, công chức ngày càng chú trọng nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm; chủ động khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm, cán bộ, đảng viên đều đăng ký các nội dung làm theo Bác bằng những công việc gắn với nhiệm vụ được phân công. Đa số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong tỉnh luôn chú trọng thực hiện nêu gương, thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Qua 3 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, toàn tỉnh đã có 5 đồng chí lãnh đạo cấp sở, ngành; 146 đồng chí lãnh đạo cấp huyện, thị xã và 82 đồng chí lãnh đạo cấp cơ sở được biểu dương, khen thưởng. Ngày càng xuất hiện nhiều tấm gương điển hình với những việc làm cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Một số địa phương có nhiều mô hình mới, tiêu biểu đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng. Song song với việc triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 03-CT/TW, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện chặt chẽ việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung học tập làm theo đã đăng ký. Giai đoạn 2011-2014, Tỉnh ủy đã tổ chức 7 đợt kiểm tra đối với các địa phương, sở, ngành, qua đó đã phát hiện và nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay, giúp cho các địa phương, cơ quan, đơn vị thấy được những hạn chế trong quá trình thực hiện để cùng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Công tác cán bộ của tỉnh được đổi mới. Tổ chức đảng, chính quyền các cấp đã nhận thức rõ tầm quan trọng của dân chủ, công khai trong công tác cán bộ. Từng khâu của công tác cán bộ được triển khai thực hiện đồng bộ và theo đúng phân cấp quản lý; cấp nào quản lý cán bộ, đảng viên thì cấp đó cho ý kiến, xếp loại và đánh giá cán bộ. Đội ngũ cán bộ, công chức trong tỉnh cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn ngày càng cao, nhất là ở cấp tỉnh và cấp huyện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, trực tiếp quyết định đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, huyện, thị và các đảng ủy trực thuộc. Theo đó, Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 360-QĐ/TU ngày 25/10/2011 quy định về phân cấp quản lý cán bộ; Quyết định số 359-QĐ/TU ngày 25/10/2011 về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; Quyết định số 900-QĐ/TU ngày 03/7/2013 về việc ban hành quy chế tuyển chọn cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng. Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hầu hết đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Từ năm 2011 đến đầu năm 2015, tỉnh đã đưa đi đào tạo sau đại học 128 trường hợp; đại học 927 trường hợp; trung cấp, cao cấp lý luận chính trị 2.890 trường hợp. Kết quả, 100% cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã có bằng đại học hoặc trên đại học, 99,56% đạt chuẩn trình độ cao cấp lý luận chính trị; 100% cán bộ trong nguồn quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đạt chuẩn về chuyên môn, 99,35% đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị; 92,72% trưởng, phó phòng cấp tỉnh, huyện có trình độ chuyên môn đại học trở lên, 100% đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

Về công tác tổ chức đảng, đến đầu năm 2015, toàn Đảng bộ tỉnh có 20 đảng bộ cấp huyện và tương đương trực thuộc Tỉnh ủy, 757 tổ chức cơ sở đảng, 28.988 đảng viên. Các tổ chức cơ sở đảng đã phát huy tốt vai trò là hạt nhân chính trị lãnh đạo ở cơ sở. Việc phát triển đảng viên mới được coi trọng về chất lượng. Qua kết quả đánh giá phân loại đảng viên hàng năm, phần lớn đảng viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc tập trung làm tốt công tác tra cứu hồ sơ, rà soát chính trị nội bộ để phục vụ kịp thời cho công tác cán bộ và công tác đảng viên, đặc biệt là công tác nhân sự đại hội đảng các cấp, nhân sự trong nguồn quy hoạch cán bộ chủ chốt các cấp.

Về công tác kiểm tra, giám sát, Tỉnh ủy luôn quan tâm, chỉ đạo quán triệt và xây dựng chương trình kế hoạch một cách nghiêm túc. Các quy định của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng được cụ thể hóa. Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cùng cấp, quy chế phối hợp

thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giữa Ủy ban Kiểm tra với các ban xây dựng Đảng và các cơ quan, đơn vị liên quan được ban hành. Chương trình, kế hoạch kiểm tra toàn khóa được xây dựng để làm cơ sở xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể hằng năm của cấp mình và các cấp ủy trực thuộc. Tỉnh thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá những kết quả đã đạt được, nêu những khó khăn, vướng mắc, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác kiểm tra, giám sát. Việc tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được chú trọng, góp phần giáo dục, định hướng dư luận, răn đe những việc làm sai trái của cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng, từ đó nâng cao được uy tín của Đảng. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời nhắc nhở, cảnh tỉnh, yêu cầu các đối tượng thực hiện đúng, không để khuyết điểm trở thành vi phạm, vi phạm nhỏ trở thành vi phạm lớn; khi tiến hành kiểm tra và xử lý những trường hợp vi phạm kỷ luật, không để vi phạm diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và chính quyền. Kết quả, trong nhiệm kỳ, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 2.271 tổ chức đảng và 4.061 đảng viên, kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 54 đảng viên, tỷ lệ đảng viên phải xử lý kỷ luật tăng 28,4% so với nhiệm kỳ trước. Nội dung kiểm tra liên quan đến những vấn đề nổi cộm, những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm như đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài chính, xây dựng cơ bản, công tác chính sách, công tác cán bộ... Công tác giải quyết đơn thư tố cáo được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo thực hiện. Đối với tổ chức đảng, số đơn tố cáo đã nhận là 3 đơn, trong đó tố cáo phải giải quyết là 2 đơn, lưu 1 đơn. Đối với đảng viên, số đơn tố cáo là 203 đơn; trong đó tố cáo không phải giải quyết là 93 đơn, tố cáo không thuộc thẩm quyền phải chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết là 101 đơn, tố cáo phải giải quyết là 9 đơn. Qua kiểm tra, giám sát không chỉ làm sáng tỏ các thông tin mà dư luận phản ánh để minh oan cho các đối tượng bị oan, có hình thức kỷ luật thích đáng với đối tượng vi phạm, mà còn góp phần xóa bỏ tâm lý hoài nghi của dư luận; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, ngăn ngừa vi phạm trong cán bộ, đảng viên; củng cố lòng tin, nâng cao uy tín của Đảng.

Công tác Mặt trận và các đoàn thể luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, không ngừng đổi mới phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, gần dân, để nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của dân; kịp thời tham mưu và phối hợp thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giải quyết những vấn đề bức xúc, kiến nghị của Nhân dân. Các nghị quyết của Trung ương về công tác dân vận của Mặt trận, đoàn thể được Tỉnh ủy kịp thời cụ thể hóa thành các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện tốt từ tỉnh đến cơ sở. Thông qua các hoạt động phong trào, công tác

phát triển đoàn viên đạt 85% chỉ tiêu đề ra; phát triển hội viên mới đạt 100% chỉ tiêu đề ra. Đội ngũ cán bộ Mặt trận, đoàn thể các cấp (kể cả khu dân cư) từng bước được trẻ hóa, thường xuyên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị. Bên cạnh đó, Mặt trận và các đoàn thể còn tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể từ cấp tỉnh đến cơ sở thường xuyên được củng cố và kiện toàn.

Công tác dân vận của lực lượng vũ trang từng bước được chú trọng đổi mới về nội dung, hình thức, biện pháp, cơ chế phối hợp thực hiện, đặc biệt tập trung hướng ưu tiên cho các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số, những cơ sở yếu kém hoặc có tình hình an ninh chính trị phức tạp. Tỉnh thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm theo các nhiệm vụ, chuyên đề để thực hiện công tác dân vận phù hợp với từng loại hình đơn vị, từng địa bàn khu dân cư. Các đơn vị bộ đội chủ động tham gia giúp Nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, xóa mù chữ, khám chữa bệnh, bảo vệ môi trường, đồng thời luôn làm tốt vai trò nòng cốt, đi đầu trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Qua các phong trào hành động cách mạng ở địa phương đã xuất hiện nhiều mô hình tiêu biểu trong các hoạt động đoàn thể như: “Đội tình nguyện trong chiến dịch Mùa hè xanh”, “Câu lạc bộ nông dân”, “Chi hội tương trợ giúp nhau phát triển sản xuất”, “Hũ gạo tình thương”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Vận động xây cầu, làm đường giao thông nông thôn” theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, “Hộ gia đình giúp nhau phát triển kinh tế”, “Hướng về phụ nữ và trẻ em nghèo”, “Mái ấm tình thương”, “5 không, 3 sạch”, “Thu gom rác thải, bảo đảm vệ sinh môi trường”, “Hiến đất xây dựng cơ sở hạ tầng”. Đặc biệt, trong phát động các phong trào, tỉnh luôn chú trọng phát huy vai trò của Hội đồng Già làng và những người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Qua bình xét, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công nhận 1.023 già làng tiêu biểu.

Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở có nhiều tiến bộ. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã cụ thể hóa những nội dung thực hiện quy chế dân chủ thành các quy định, chính sách phù hợp với tình hình ở địa phương, góp phần phát huy được quyền làm chủ của Nhân dân, khơi dậy được nội lực trong Nhân dân cả về vật chất và tinh thần. Qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, tình đoàn kết trong thôn, ấp, cộng đồng dân cư được củng cố. Tất cả khu dân cư trong tỉnh đều có tổ hòa giải cơ sở và xây dựng quy ước, hương ước được Nhân dân đồng tình ủng hộ, tích cực thực hiện.

Các cơ quan, đơn vị đều thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, công khai hóa các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, lấy ý kiến khi đề bạt, bổ nhiệm hay kỷ luật cán bộ, công chức. Cán bộ, công chức, viên chức ngày càng đổi mới tác phong, lề lối làm việc, cách thức giải quyết công việc đã theo hướng gần dân, sát dân, tôn trọng dân. Tỉnh ủy luôn coi trọng việc cụ thể hóa và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tập thể lãnh đạo. Trong khi thảo luận, quyết định các vấn đề, Tỉnh ủy đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy dân chủ, tập hợp được trí tuệ của tập thể. Việc xây dựng và thực hiện các quy chế theo hướng mở rộng, dân chủ, công khai, minh bạch tiếp tục được đẩy mạnh, bảo đảm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương được tăng cường, từ đó chuyển thành sự tin tưởng giữa cấp trên với cấp dưới, giữa Nhân dân và chính quyền. Nguyên tắc tập trung dân chủ còn được thực hiện qua việc thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết, quy định của Đảng thành các quy chế, quy định của cấp ủy, bảo đảm thực hiện theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tập thể. Phương pháp công tác, lề lối làm việc có sự đổi mới theo hướng quy định rõ hơn về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy. Việc phân công, phân cấp xử lý công việc giữa Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy, giữa tập thể và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách từng lĩnh vực được cụ thể, rõ ràng hơn. Vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy. Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng chủ động trong quản lý điều hành.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng cũng đã bộc lộ một số hạn chế nhất định. Việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng càng xuống cấp dưới thì thời gian càng rút ngắn, dẫn đến những thông tin cung cấp cho người nghe bị hạn chế. Vì vậy, cán bộ, đảng viên không có điều kiện đi sâu, tìm hiểu kỹ những vấn đề cốt lõi liên quan đến tình hình của địa phương. Việc tổ chức trao đổi, thảo luận những nội dung của nghị quyết chưa thường xuyên, đa số vẫn là thông tin một chiều. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nắm vững tinh thần, nội dung, chưa chủ động nghiên cứu các nghị quyết của Đảng, vì vậy chưa tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động. Việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết ở một số cấp ủy cấp huyện, cấp cơ sở còn lúng túng, chung chung, mang tính rập khuôn, chưa sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, còn sao chép của cấp trên. Công tác tuyên truyền chủ yếu tập trung phản ánh những vấn đề mang

tính thời sự, chưa tập trung tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị một cách quy mô, bài bản, nhất là về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Các cơ quan báo chí trong tỉnh chậm đổi mới về nội dung và hình thức tuyên truyền, chưa làm chủ thông tin, một số thời điểm định hướng dư luận xã hội còn lúng túng. Một số tin bài của các cơ quan báo chí còn thiếu chính xác. Đội ngũ làm báo chưa đủ mạnh, thiếu những nhà báo giỏi, thiếu những bài viết có tính chiến đấu cao để đấu tranh phê phán, phản bác những thông tin xuyên tạc, sai trái, phản động, thù địch. Nhận thức về mục đích, ý nghĩa của việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở một số ngành, địa phương chưa đầy đủ, sâu sắc nên việc triển khai thực hiện còn mang tính hình thức, hiệu quả thấp. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa xác định đây là nội dung quan trọng, nên chưa đưa vào chương trình, kế hoạch công tác năm, quý, tháng để thực hiện. Trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên nhiều nơi chưa tốt. Công tác kiểm tra, đôn đốc của một số cấp ủy chưa được quan tâm đúng mức.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ ở một số địa phương, đơn vị chưa có tính đột phá, chưa thực hiện nghiêm quy định về độ tuổi đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận mang tính chiến lược, lâu dài. Trong đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức vẫn còn tình trạng nể nang. Chế độ, chính sách đãi ngộ, thu hút người tài, hỗ trợ học tập nâng cao trình độ còn thấp. Đội ngũ cán bộ, công chức trẻ có kiến thức, trình độ học vấn cao nhưng còn thiếu kinh nghiệm, một số trường hợp có trình độ, năng lực nhưng chậm được phát hiện để bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm vào các vị trí tương xứng. Số lượng cán bộ, công chức là nữ, người dân tộc thiểu số giữ vị trí chủ chốt ở các cấp, các ngành còn ít. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên có lúc, có nơi thực hiện chưa tốt, dẫn đến một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ở một số cấp ủy chưa thực chất. Một số cấp ủy đảng chưa thật sự quan tâm thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ chủ yếu tập trung thực hiện vấn đề lịch sử chính trị, chưa tập trung vào các vấn đề về bảo vệ quan điểm tư tưởng, đường lối, chủ trương, chính sách, bảo vệ bí mật của Đảng, của Nhà nước.

Công tác kiểm tra, giám sát chủ yếu tập trung vào cấp ủy, tổ chức đảng, chưa chú ý đến việc kiểm tra, giám sát đảng viên, nhất là cấp ủy viên cùng cấp. Chất lượng kiểm tra theo chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm chưa phát huy hiệu quả, công tác hậu kiểm tra chưa làm tốt. Công tác tham mưu

cho cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao còn thiếu tính chủ động, chưa kịp thời tham mưu, đề xuất để giải quyết những vấn đề cấp bách, nổi cộm. Trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra vẫn còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm. Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi còn chậm, chưa hiệu quả, một số vụ việc còn kéo dài thời gian xem xét, giải quyết.

Việc tập hợp, vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số nơi còn máy móc, một chiều, chưa có sự hợp tác, phản hồi, chưa nắm bắt được đặc điểm tâm lý, tình cảm, trình độ, nhận thức và thái độ chính trị của từng đối tượng để vận động, giáo dục phù hợp. Năng lực thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận và các đoàn thể còn hạn chế. Tỷ lệ tập hợp quần chúng vào tổ chức ở một số đoàn thể còn thấp. Đặc biệt, trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, việc tập hợp quần chúng vào các đoàn thể còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng hoạt động của hệ thống dân vận chưa thực sự đồng đều; chưa năng động, sáng tạo; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để làm công tác dân vận. Việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận chưa được các cấp ủy Đảng chú trọng đúng mức. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chưa thật sự phát huy quyền làm chủ của Nhân dân theo nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước chưa gần gũi, gắn bó với Nhân dân, còn biểu hiện quan liêu, đặc quyền, đặc lợi.

Thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 01-Ctr/TU ngày 03/11/2010 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW. Trong đó, Tỉnh ủy quan tâm tăng cường củng cố và đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật để Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật ngày càng thể hiện được vai trò đại diện cho đội ngũ trí thức ở địa phương và là thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc tỉnh; là nhân tố quan trọng trong khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn ban hành Quyết định số 640-QĐ/TU ngày 08/08/2012 về thành lập Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật nhiệm kỳ 2012-2017; Quyết định số 880-QĐ/TU ngày 12/6/2013 về quy chế phối hợp công tác giữa Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật với Ban Xây dựng Đảng Tỉnh ủy,

Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn và các huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, góp phần tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật hoạt động ngày càng hiệu quả. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy cũng ban hành Hướng dẫn số 07-HĐ/TU ngày 06/11/2014 về xét chọn, tuyên dương, khen thưởng những thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp loại xuất sắc và tôn vinh trí thức tiêu biểu của tỉnh. Theo đó, hằng năm, các thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp loại xuất sắc được Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, biểu dương. Trong nhiệm kỳ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật đã thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội Dự án về quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025 và 3 dự án có liên quan đến đời sống của các hộ dân, bảo vệ môi trường và điều chỉnh phát triển kinh tế xã hội huyện Chơn Thành đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật còn tích cực, chủ động trong việc nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách đối với trí thức và các vấn đề lớn liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật có lúc, có việc còn chưa tốt. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết liên quan đến đội ngũ trí thức và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật chưa kịp thời. Sự liên kết, phối hợp hoạt động giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật với một số hội thành viên chưa thường xuyên, do đó chưa tập hợp được sức mạnh của cả hệ thống. Công tác đoàn kết, tập hợp trí thức trong tỉnh chưa thật sự rộng rãi. Mô hình hoạt động của Câu lạc bộ Trí thức có đổi mới, nhưng chưa thu hút được đông đảo trí thức tham gia. Hoạt động kết nối với trí thức ngoài nước và mở rộng hợp tác với cộng đồng quốc tế chưa thực hiện được. Hoạt động tư vấn, phản biện và giám sát xã hội triển khai còn chậm.

Về xây dựng, củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh, Tỉnh ủy xác định nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của chính quyền các cấp là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, đề án, chương trình tập trung vào lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội để từ đó bám sát chỉ đạo đáp ứng được yêu cầu phát triển của địa phương. Việc đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh chú trọng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành bộ thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” công khai, minh bạch giúp cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận và hoàn thành các thủ tục hành chính một cách nhanh chóng. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan, sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng thông tin điện tử để chỉ đạo,

điều hành, trao đổi thông tin. 100% thủ tục hành chính đã được công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ngành, huyện, thị xã, đồng thời được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến năm 2015, 10/10 đơn vị hành chính cấp huyện, 111/111 đơn vị cấp xã đã thực hiện cơ chế “một cửa”; 4 đơn vị và địa phương¹ đã thực hiện mô hình “một cửa điện tử” hiện đại. Nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cấp huyện ngày càng đi vào nề nếp, giải quyết công việc ngày càng hiệu quả. Tác phong làm việc, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức có nhiều tiến bộ, tình trạng những nhiễu từng bước được khắc phục, góp phần tạo dựng niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp ngày càng được chú trọng về chất lượng, nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa thành kế hoạch, chương trình công tác hằng tháng, hằng quý và năm, từ đó tổ chức thực hiện đạt được kết quả khả quan trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo lập và phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các huyện, thị xã; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại 92 xã. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách về thu hút đầu tư, bồi thường, giải tỏa, hỗ trợ tái định cư cho các dự án phát triển nông nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an sinh xã hội; đẩy mạnh giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, xử lý các khiếu kiện phức tạp; tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế để thu hút đầu tư phát triển. Qua quá trình tổ chức thực hiện, kinh tế của tỉnh tiếp tục có bước phát triển khá, phát huy tốt nội lực, tạo bước chuyển mới trong quản lý và điều hành ngân sách. Thu ngân sách hằng năm đều tăng, đạt 100% dự toán của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thu nhập bình quân đầu người tăng 2,1 lần so với năm đầu nhiệm kỳ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư; bộ mặt nông thôn, đô thị ngày càng đổi mới.

Tỉnh ủy luôn chú trọng lãnh đạo kiện toàn tổ chức, bộ máy hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. Căn cứ Hướng dẫn số 01-HĐ/BTCTW ngày 14/02/2011 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội

1. Gồm Sở Kế hoạch - Đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp, thành phố Đồng Xoài và huyện Chơn Thành.

khóa XIII và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện tốt quy trình xét duyệt nhân sự, giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm đúng nguyên tắc, quy định. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đã xây dựng và ban hành chương trình kiểm tra, giám sát cho cả nhiệm kỳ, trong đó có nội dung kiểm tra, giám sát đối với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy. Đồng thời, trong chương trình còn tiến hành kiểm tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành quy chế, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức, lối sống, phong cách làm việc của cán bộ, đảng viên giữ chức danh lãnh đạo chủ chốt trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Thông qua kiểm tra, giám sát, Tỉnh ủy kịp thời phát hiện những thiếu sót trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước, của cá nhân cán bộ, đảng viên cũng như những hạn chế, yếu kém để từ đó có những biện pháp chấn chỉnh, khắc phục, điều chỉnh.

Từ năm 2011 đến đầu năm 2015, với 11 kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 142 nghị quyết, gồm 40 nghị quyết chuyên đề và 102 nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật. Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh đã có sự đổi mới. Công tác chuẩn bị cho nội dung kỳ họp sát với yêu cầu và tình hình thực tiễn, nhiều đề án, dự thảo nghị quyết chuyên đề có sự tham vấn ý kiến Nhân dân và các đối tượng liên quan; chất lượng văn bản trình ra hội đồng biểu quyết được nâng cao, việc bố trí thời gian và tổ chức thảo luận ở tổ và tại phiên họp toàn thể phù hợp với nội dung kỳ họp. Hoạt động giám sát tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện tốt. Các cuộc giám sát được thực hiện theo chuyên đề, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực thu chi ngân sách, đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý đất đai, bảo vệ và phát triển rừng, giảm nghèo, phòng chống các tệ nạn xã hội... Từ năm 2011 đến đầu năm 2015, Hội đồng nhân dân các cấp đã thực hiện được 1.967 cuộc giám sát, trong đó cấp tỉnh 105 cuộc, cấp huyện 530 cuộc, cấp xã 1.332 cuộc. Nội dung giám sát tập trung vào việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp. Hội đồng nhân dân các cấp đã có sự phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc các tổ chức thành viên, các ban, ngành cùng cấp tham gia đoàn để tiến hành các cuộc giám sát một cách nghiêm túc, hiệu quả. Hoạt động chất vấn cũng được quan tâm thực hiện. Tính từ năm 2011 đến đầu năm 2015, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đã có 2.728 lần chất vấn, trong đó cấp tỉnh 88 lần, cấp huyện 420 lần, cấp xã 2.320 lần, qua đó trách nhiệm của lãnh đạo, các

thành viên, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đối với việc triển khai các chương trình, dự án được nâng cao hơn.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIII) tại công văn số 435/BCTĐBQH ngày 29/11/2011 về đánh giá thực trạng hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã, qua phân tích nguyên nhân của những hạn chế, bất cập, nhất là trong việc thực hiện chức năng thẩm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân cấp xã, Tỉnh ủy có Thông báo số 849-TB/TU ngày 25/4/2012 thống nhất chủ trương triển khai thực hiện thí điểm việc thành lập các ban của Hội đồng nhân dân cấp xã. Đồng thời, Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 511-QĐ/TU ngày 10/5/2012 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện “Đề án thí điểm thành lập ban Hội đồng nhân dân xã”. Tại kỳ họp cuối năm 2012, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND thông qua đề án thí điểm thành lập các ban Hội đồng nhân dân xã. Trong năm 2013, việc thực hiện thí điểm được tiến hành tại 10 xã của 5 huyện, thị xã; năm 2014 mở rộng thêm 10 đơn vị cấp xã của 5 huyện, thị xã còn lại. Theo đó, tại các Hội đồng nhân dân cấp xã thành lập 2 ban gồm Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế. Ngay sau khi được thành lập, các ban Hội đồng nhân dân xã đã nhanh chóng ổn định tổ chức, triển khai hoạt động. Đánh giá sau 2 năm thực hiện cho thấy việc thành lập các ban đã tác động tích cực đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã.

Tuy nhiên công tác xây dựng chính quyền còn có một số hạn chế. Công tác triển khai xây dựng quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển hạ tầng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại các huyện, thị xã còn chậm. Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, cải cách hành chính chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chính quyền có lúc còn thiếu sâu sát, thậm chí buông lỏng kiểm tra, giám sát nên đã xảy ra một số sai phạm trong quản lý nhà nước. Một số ngành, chính quyền cấp cơ sở chưa chủ động và chặt chẽ trong điều hành, quản lý, kiểm tra đôn đốc để xử lý kịp thời những vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết.

Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ tỉnh đã đề ra nhiều biện pháp sáng tạo, vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh được duy trì ổn định và có bước phát triển khá trên tất cả các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp, xây dựng; tài chính, ngân hàng; thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu. Cơ sở vật chất của nền kinh tế và cơ sở hạ tầng xã hội được củng cố. Văn hóa - xã hội có nhiều khởi sắc. Quốc phòng - an ninh

được bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể có nhiều tiến bộ. Những thành tựu đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bình Phước tiếp tục phát triển mạnh, bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

III. TẬP TRUNG MỌI NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH (2015-2020)

Sau 30 năm (1986-2015) cùng Nhân dân cả nước thực hiện công cuộc đổi mới, đời sống của Nhân dân Bình Phước không ngừng nâng lên. Tỉnh Bình Phước, sau gần 20 năm tái lập, đã không ngừng thay da đổi thịt. Diện mạo của Bình Phước ngày càng khang trang. Đời sống vật chất, tinh thần của phần lớn người dân được cải thiện rõ rệt. Nhờ khai thác hiệu quả các thế mạnh về tài nguyên, quy mô nền kinh tế của tỉnh ngày càng được mở rộng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được nâng cao theo hướng bền vững. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Các yếu tố sản xuất được phát huy, khai thác hiệu quả, tạo điều kiện thúc đẩy và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Vai trò của các doanh nghiệp, các mô hình kinh tế hợp tác cùng với các thành phần kinh tế khác tiếp tục khẳng định được vị trí của mình trong nền kinh tế. Đầu tư công được cơ cấu lại. Việc phát triển nông nghiệp được thực hiện gắn kết với xây dựng nông thôn mới. Hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước được nâng lên. Cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kỷ cương kỷ luật, phòng chống tham nhũng, lãng phí đạt được nhiều kết quả tích cực. Quốc phòng - an ninh được củng cố; tuyến biên giới quốc gia được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại được chú trọng góp phần quan trọng bảo đảm an ninh và phát triển kinh tế. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có nhiều đổi mới. Vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng lên. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác dân vận và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội cũng đóng góp tích cực vào thành tựu chung của tỉnh. Dân chủ được phát huy, quyền và nghĩa vụ của công dân được tôn trọng.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng các cấp trong tỉnh tiến hành đại hội. Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ trực tiếp chỉ đạo Đại hội đảng các cấp. Ban xây dựng Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy trực tiếp hướng dẫn, theo dõi diễn biến, kết quả. Toàn bộ 777 tổ chức cơ sở đảng (đến ngày 01/7/2015) và 22 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (đến ngày 11/9/2015) đã tổ chức Đại hội thành công

tốt đẹp. Với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm”, Đại hội Đảng bộ các cấp đã nghiêm túc đánh giá những ưu điểm, chỉ ra những khuyết điểm, đồng thời đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đại hội các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Tỉnh đã bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X.

Sau khi hoàn thành Đại hội Đảng bộ các cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước tập trung chỉ đạo công tác chuẩn bị để tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trung ương và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 21 đến ngày 23/10/2015, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 được tổ chức trọng thể tại thị xã Đồng Xoài. Tham dự Đại hội có 350 đại biểu từ 22 đảng bộ trực thuộc thay mặt cho 29.425 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đến dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Phạm Quang Nghị - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. Tham dự Đại hội còn có đồng chí Nguyễn Minh Triết - nguyên Chủ tịch nước cùng lãnh đạo của các ban đảng; các đồng chí nguyên Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Thường vụ qua các thời kỳ; các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động.

Với tinh thần đoàn kết, đổi mới, nêu cao tinh thần trách nhiệm, Đại hội đã nghiêm túc đánh giá những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015. Đại hội đã đề ra phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ 5 năm 2015-2020; kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 03-CT/TW; thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào các dự thảo Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020; bầu đoàn Đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Đồng thời, Đại hội cũng kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Đại hội khẳng định những thành tựu nổi bật là: Kinh tế tăng trưởng liên tục qua các năm, thực hiện được một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của chính quyền các cấp được tăng cường. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ngày càng có hiệu quả. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đạt được những thành tựu

trên là do Đảng bộ tỉnh, trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) đã tạo được sự đoàn kết, thống nhất cao, huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với địa phương; tranh thủ thời cơ, khai thác tiềm năng, lợi thế, vượt qua khó khăn, thách thức để tập trung phát triển kinh tế - xã hội; kịp thời đề ra mục tiêu chiến lược cho sự phát triển của tỉnh; xác định hướng đi đúng, bước đi thích hợp, tìm ra các giải pháp đột phá và tổ chức triển khai quyết liệt, có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội.

Bên cạnh việc khẳng định những thành tựu đạt được, Đại hội nghiêm túc kiểm điểm và chỉ ra một số hạn chế. Việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch còn chậm và thiếu đồng bộ, do đó hiệu quả ở một số lĩnh vực chưa cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy ở mức cao nhưng không đạt chỉ tiêu đề ra. Tiềm năng, thế mạnh của tỉnh chưa được phát huy tối đa. Chính sách thu hút và quảng bá đầu tư chưa tốt. Hệ thống kết cấu hạ tầng tuy được quan tâm đầu tư phát triển nhưng còn chậm. Các công trình, dự án quan trọng của tỉnh triển khai thiếu đồng bộ và kéo dài. Chất lượng một số công trình kém, gây bức xúc trong Nhân dân. Đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định, còn dễ xảy ra tình trạng khiếu nại kéo dài, có tổ chức. Tình hình vi phạm an toàn giao thông; hoạt động lôi kéo, móc nối của các tổ chức phản động; hoạt động trái phép của các tà đạo và đạo lạ trên địa bàn tỉnh còn diễn biến phức tạp. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn triệt để. Công tác dự báo diễn biến tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội chưa kịp thời. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng, luân chuyển, đánh giá cán bộ chưa thực sự hiệu quả. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn hạn chế. Chất lượng sinh hoạt chi bộ còn thấp. Công tác kiểm tra giám sát chưa thường xuyên, thiếu thiết thực, nên số đảng viên phải xử lý kỷ luật tăng 28,4%, so với nhiệm kỳ trước. Công tác tập hợp, vận động quần chúng có lúc, có nơi chưa kịp thời; chưa phối hợp tốt giữa các cơ quan trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân; chưa phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế. Năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ cương hành chính tuy được chấn chỉnh, nhưng chưa nghiêm,

còn tình trạng những nhiều trong thi hành công vụ. Công tác tham mưu, xây dựng chính sách ở một số lĩnh vực còn chậm và thiếu phù hợp. Thủ tục hành chính còn phiền hà, chưa bảo đảm công khai, minh bạch. Việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy có lúc chưa kịp thời.

Từ kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ IX, Đại hội rút ra những kinh nghiệm sau: *Thứ nhất*, phát huy và tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; vai trò gương mẫu của từng đảng viên, tinh thần trách nhiệm, kỷ cương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp. *Thứ hai*, phát huy dân chủ và tăng cường đoàn kết, tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong xã hội, có quyết tâm chính trị cao, với giải pháp thiết thực, toàn diện và đồng bộ. *Thứ ba*, trong mọi nhiệm vụ phải luôn nắm chắc thực tiễn, bản chất sự việc để thống nhất về chủ trương, phối hợp đồng bộ trong triển khai thực hiện phòng chống suy thoái về chính trị, tư tưởng, chống quan liêu, lợi dụng, tham nhũng trong từng lĩnh vực, đề cao tinh thần tự chủ, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo. *Thứ tư*, coi trọng công tác tuyên truyền, vận động, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt với mục tiêu chiến lược lâu dài, giữa lợi ích chung và lợi ích riêng của Nhân dân, doanh nghiệp; bảo vệ và đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết và trước hết; phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực trong Nhân dân. *Thứ năm*, công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết rút kinh nghiệm phải được tiến hành thường xuyên ở mọi cấp, mọi ngành; nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường mối quan hệ mật thiết với Nhân dân.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu tổng quát giai đoạn 2015-2020 là: “Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới. Tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ; đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh; tạo động lực đưa Bình Phước phát triển nhanh, bền vững nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân”¹.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát trên, bảo đảm cho Bình Phước phát triển nhanh và bền vững, Đại hội đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm là:

1. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X, tr.66.

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Ưu tiên đầu tư vào 6 lĩnh vực: điện; đường giao thông; trường học; cơ sở y tế; trạm, trại; thủy lợi.

- Tái cơ cấu nền kinh tế trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Triển khai thực hiện 6 chương trình kinh tế sau: (1) Chương trình phát triển công nghiệp - xây dựng; (2) Chương trình phát triển nông, lâm nghiệp; (3) Chương trình phát triển du lịch; (4) Chương trình phát triển thương mại - dịch vụ; (5) Chương trình đô thị hoá; (6) Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các dự án trọng điểm gồm: (1) Dự án khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Đồng Phú; (2) Dự án Becamex Bình Phước; (3) Dự án đường Đồng Phú - Bình Dương; (4) Dự án đường Minh Hưng - Đồng Nơ; (5) Dự án Tà Thiết - Hoa Lư; (6) Dự án nâng cấp đường ĐT759; (7) Dự án nâng cấp đường tuần tra biên giới; (8) Dự án Khu du lịch sinh thái Bù Gia Mập; (9) Dự án Khu du lịch tâm linh Bà Rá; (10) Dự án Khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái căn cứ Bộ Chỉ huy Miền - Tà Thiết; (11) Dự án Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Xtiêng, sóc Bom Bo.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư công, hoạt động của các tổ chức tín dụng, bảo hiểm; đẩy mạnh huy động vốn. Nâng cao năng suất lao động, tạo sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Chú trọng xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội dung quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Tập trung nâng cao chất lượng, đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, theo hướng thiết thực. Phát động phong trào “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt”. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, trước hết là xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan Nhà nước, trong các doanh nghiệp với ý thức thượng tôn pháp luật, giữ gìn chữ tín, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

- Tiếp tục ưu tiên phát triển giáo dục - đào tạo. Tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, tạo bước chuyển biến từ giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

- Coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã gắn liền với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch bệnh; tăng cường thực hiện đồng bộ các biện pháp để kiểm soát tốc độ tăng dân số; bảo đảm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân.

- Tạo chuyển biến căn bản chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo; quan tâm tốt hơn đối với bộ phận người yếu thế trong xã hội. Tập trung giảm nghèo ở các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công và thân nhân của liệt sĩ. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và cả hệ thống chính trị để bảo vệ vững chắc tuyến biên giới của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh trong từng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Xây dựng khu vực phòng thủ từng bước đi vào chiều sâu, vững mạnh. Chủ động phát hiện, xử lý kịp thời những tình huống phức tạp ngay từ cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả của các hoạt động đối ngoại, củng cố quan hệ với các tỉnh giáp biên. Bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý của Nhà nước về công tác quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, tạo niềm tin và sự đồng thuận trong Đảng và trong toàn xã hội. Xác định công tác cải cách thủ tục hành chính là trọng tâm. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tập hợp và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân với trọng tâm là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn

thể chính trị - xã hội; đổi mới phương thức tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân theo hướng thiết thực, gắn quyền lợi với trách nhiệm, kết hợp hài hòa lợi ích của tổ chức với lợi ích chung và lợi ích của từng đoàn viên, hội viên; đẩy mạnh dân chủ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2020 như sau:

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP (theo giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2015-2020 là 7,5%/năm. Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 61,1 triệu đồng (tương đương 2.848 USD). Cơ cấu giá trị sản xuất (tính theo giá thực tế) đến năm 2020 là: Nông - lâm - thủy sản: 32,4%; công nghiệp - xây dựng: 30%; thương mại - dịch vụ: 37,6%. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2015-2020 là 100.000 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách Nhà nước đến năm 2020 đạt 4.850 tỷ đồng. Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 2 tỷ USD. Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm đến năm 2020 đạt 74,8%. 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 98% dân số nông thôn và 99% dân số đô thị sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Về văn hóa - xã hội: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 50% trên tổng số xã. Phấn đấu 25% trường học đạt chuẩn quốc gia, 100% đề tài sau nghiên cứu được đưa vào ứng dụng hiệu quả. Phấn đấu đạt 8,5 bác sĩ và 30,5 giường bệnh/1 vạn dân; mức giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,2‰; 95% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo tiêu chí mới); 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế; 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng; khống chế tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dưỡng là 13,5%. Phấn đấu hàng năm có từ 80% trở lên hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”; có từ 60% trở lên thôn, ấp, khu phố và tương đương được công nhận và giữ vững danh hiệu “thôn/ấp/khu phố văn hóa”; có từ 50% trở lên xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; có từ 50% trở lên phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; có từ 80% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Giải quyết việc làm cho 150.000 lao động; khống chế tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị ở mức dưới 3%. Duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn trên 90%. Đào tạo nghề cho 30.000 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 1,0% (theo tiêu chí hiện hành).

- Về xây dựng hệ thống chính trị: Hàng năm có từ 80% trở lên tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; kết nạp mới khoảng 6.000 đảng viên. Mỗi tổ chức đoàn thể chính trị, hàng năm có trên 90% tổ chức cơ sở được xếp loại khá trở lên; thu hút 80% đối tượng quần chúng vào tổ chức.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước, nhiệm kỳ 2015-2020, gồm 55 đồng chí. Đồng thời, Đại hội cũng bầu 6 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Ngày 23/11/2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước (khóa X), nhiệm kỳ 2015-2020 tiến hành kỳ họp thứ nhất, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các chức danh Bí thư, Phó Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 16 thành viên. Đồng chí Nguyễn Văn Lợi được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Nguyễn Văn Trăm, Lê Văn Châu, Trần Tuệ Hiền được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ủy ban Kiểm tra gồm 11 đồng chí. Đồng chí Phạm Phước Hải - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được bầu giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 là đại hội thể hiện ý chí quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức của toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân Bình Phước nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết của nhân dân các dân tộc, tạo ra những tiền đề cơ bản để Bình Phước phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo.

Để tạo chuyển biến mạnh mẽ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X đề ra, Tỉnh ủy xác định cần phải có chiến lược phát triển nhanh, toàn diện và mang tính bền vững. Từ đó, Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành nghiên cứu tình hình, đặc điểm và thực trạng kinh tế nông - lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của tỉnh, trên cơ sở đó đề xuất các phương hướng, mục tiêu và giải pháp để phát triển kinh tế trong tình hình mới. Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục hoàn chỉnh và triển khai quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 cũng như quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch các huyện, thị xã, thành phố đã được thông qua. Các quy hoạch phải được công bố rộng rãi cho Nhân dân biết để thực hiện. Tính đồng bộ giữa các quy hoạch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP phải được bảo đảm; đồng thời tạo nguồn thúc phát triển lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Công tác quản lý, đầu tư theo quy hoạch phải được chú trọng.

Với mục tiêu chủ động hội nhập, tăng tốc phát triển, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước đã tích cực triển khai thực hiện các các mục tiêu về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị. Nhờ có sự chỉ đạo kịp thời của Trung ương, quyết

tâm cao của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, Nhân dân, cùng với sự chủ động, sáng tạo của cộng đồng các doanh nghiệp trên địa bàn, toàn tỉnh đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, đạt được nhiều thành tựu quan trọng và khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh bước đầu thu được kết quả tích cực, từng bước tạo chuyển biến về chất trong cơ cấu theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành có giá trị kinh tế và hàm lượng khoa học - công nghệ cao.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá, bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt 7,25%, tăng 0,15% so với nhiệm kỳ trước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 20,5%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 43%; ngành dịch vụ chiếm 36,5%. Quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng, ước đến cuối năm 2020 đạt 68.000 tỷ đồng, tăng 1,64 lần so với năm 2015. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân đầu người cao hơn mức bình quân cả nước, ước đến cuối năm 2020 đạt 67,3 triệu đồng (tương ứng 3.000 USD), tăng 1,54 lần so với năm 2015. Thu ngân sách có bước tiến vượt bậc. Riêng năm 2019, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 5.054 tỷ, tăng 9,36% so với năm 2018. Tổng thu ngân sách ước đến cuối năm 2020 đạt 10.000 tỷ đồng, tăng gấp đôi chỉ tiêu mà Nghị quyết đề ra. Cơ cấu chi cho đầu tư phát triển tăng mạnh, tăng từ 19% năm 2016 lên 52% năm 2019.

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có sự chuyển biến theo chiều sâu. Nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh cây trồng lâu năm. Ngành chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Công nghiệp - xây dựng đã gắn kết hạ tầng các khu công nghiệp với phát triển đô thị, sản phẩm công nghiệp phụ trợ đa dạng, tín hiệu tốt cho phát triển cụm ngành.

Trong nhiệm kỳ, tỉnh tập trung phát triển hạ tầng giao thông, bảo đảm lưu thông thuận lợi trên các tuyến giao thông huyết mạch như quốc lộ 13, quốc lộ 14, ĐT741; triển khai thực hiện dự án đường sắt xuyên Á kết nối giữa Tây Nguyên với các nước Campuchia, Lào, Thái Lan qua cửa khẩu quốc tế Hoa Lư. Tỉnh cũng hoàn thành xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới kết nối lưu thông giữa tỉnh Bình Phước với hai tỉnh Đắk Nông, Tây Ninh. Tỉnh đã kêu gọi và huy động vốn của doanh nghiệp đầu tư theo các hình thức BOT, BT; hoàn thành một số dự án trọng điểm như: Dự án BOT quốc lộ 13 đoạn An Lộc - Chiu Riu, Dự án BOT đường ĐT741 đoạn Đồng Xoài - Phước Long giai đoạn I, Dự án BT đường Minh Hưng - Đồng Nơ kết nối giao thông liên vùng trong tỉnh. Giai đoạn 2015-2020, tỉnh xây dựng được 6.900km đường giao thông, trong đó giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư mạnh mẽ với trên 3.900km

đường bê tông được triển khai theo cơ chế “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Đặc biệt từ năm 2019, Tỉnh ủy đề ra chỉ tiêu mỗi năm xây dựng được 1.000km đường nông thôn theo cơ chế đặc thù, góp phần chuyển biến tích cực đời sống của người dân vùng nông thôn.

Giao thông vận tải cũng được quan tâm đầu tư, phát triển. Đường giao thông trong các khu công nghiệp, khu đô thị được xây dựng nâng cấp, tạo thành mạng lưới giao thông kết nối các địa phương trong tỉnh và vùng trọng điểm kinh tế phía Nam. Hoạt động vận tải, nhất là vận tải chuyên dùng phát triển khá mạnh. Các tuyến xe buýt được mở rộng trong nội tỉnh và kết nối với tỉnh Bình Dương, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân. Phong trào giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị thực hiện đạt mục tiêu đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 10/6/2012 của Bộ Chính trị. Đến năm 2020, giao thông từ xã đến tất cả các trung tâm hành chính của huyện, thị xã, tỉnh đã được kết nối khá hoàn chỉnh.

Hạ tầng điện lưới trong tỉnh phát triển có bước đột phá; mạng lưới điện được đầu tư cải tạo nhằm tăng công suất, nâng cao chất lượng phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Đến đầu năm 2020, tỷ lệ sử dụng điện đạt 99%, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Các dự án điện năng lượng mặt trời được triển khai khẩn trương đồng bộ. Năm 2020, điện mặt trời được đưa vào vận hành với công suất ban đầu 450MWh. Tỉnh đã hoàn thành vận hành đường dây 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2 để đấu nối các nhà máy điện mặt trời trên địa bàn huyện Lộc Ninh hòa vào hệ thống điện lưới quốc gia.

Mạng lưới viễn thông được phủ sóng rộng, chất lượng bảo đảm. Hệ thống cấp nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, rác thải đã được chú ý đầu tư xây dựng. Phát triển đô thị được chú trọng thực hiện đồng bộ ở tất cả các khâu từ lập, quản lý đến thực hiện quy hoạch. Nhiều khu dân cư đô thị đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, khang trang bằng nhiều nguồn vốn khác nhau. Hệ thống giao thông, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, công viên, vườn hoa, cây xanh trong các đô thị được quan tâm đầu tư chỉnh trang, nâng cấp. Công tác quản lý, xây dựng nếp sống văn minh đô thị được chú trọng và có chuyển biến tích cực. Năm 2018, thành phố Đồng Xoài được thành lập trên cơ sở nâng cấp thị xã Đồng Xoài, có vai trò là trung tâm hành chính, kinh tế, chính trị của tỉnh.

Trong quá trình thực hiện phát triển đô thị, Đảng bộ và chính quyền tỉnh luôn quán triệt quan điểm phát triển đô thị phải gắn với phát triển kinh tế - xã

hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng và an sinh xã hội; gắn quy hoạch sản xuất nông nghiệp vùng ven đô thị theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời, tăng cường phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch. Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng hạ tầng cơ sở một cách đồng bộ và thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động và cơ cấu dân cư đô thị. Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật vững chắc được thực hiện phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội ở từng giai đoạn của từng đô thị.

Những giải pháp phát triển đô thị mà Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh tập trung thực hiện đã góp phần làm cho bộ mặt đô thị của Bình Phước “thay da, đổi thịt” từng ngày. Trong 5 năm 2015-2020, công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được chú trọng. Tỉnh đã lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh của các huyện, thị; thực hiện quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Công tác quy hoạch xây dựng chung, quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn được tăng cường, nhất là xây dựng quy hoạch của các đô thị hạt nhân như: thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long. Công tác quản lý quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, quản lý đầu tư đã được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức thực hiện, bước đầu đã có nhiều đổi mới.

Các chương trình phát triển thương mại - dịch vụ, xuất - nhập khẩu được tỉnh chủ động triển khai với quyết tâm chính trị cao, dù gặp nhiều khó khăn và chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan, song cơ bản đã hoàn thành tốt. Mạng lưới chợ, trung tâm thương mại, siêu thị được đầu tư mở rộng, tạo thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Kim ngạch xuất, nhập khẩu đều hoàn thành vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Trong giai đoạn 2015-2020, kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 10.782,5 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân là 14,7% (chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là 12,4%); kim ngạch nhập khẩu ước tính đạt 6.707 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 18,7% (chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là 10%). Trong nhiệm kỳ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng bình quân ước đạt 21,3%. Sàn giao dịch nông sản Bình Phước được thành lập. Tỉnh đã quy hoạch và kêu gọi được các nhà đầu tư lớn tham gia xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, phát triển dịch vụ biên mậu...

Về phát triển công nghiệp - xây dựng, Tỉnh ủy chỉ đạo chú trọng phát triển các khu công nghiệp gắn với đô thị - dịch vụ và bảo vệ môi trường; phát triển

công nghiệp phải bảo đảm theo các quy hoạch đã được phê duyệt; từng bước thực hiện chuyển đổi cơ cấu ngành, tạo sự phát triển toàn diện, vừa tăng cường về quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, bảo đảm hiệu quả, ổn định và phát triển bền vững. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm; phát triển có chọn lọc các ngành nghề; chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các nhà đầu tư có năng lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Tỉnh kiên quyết không tiếp nhận các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; hạn chế tối đa việc đầu tư bên ngoài các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Các ngành có hàm lượng công nghệ, hàm lượng chất xám và các ngành có giá trị tăng thêm cao được khuyến khích đầu tư, và đã có đóng góp lớn vào tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (chiếm 43% giá trị trong cơ cấu kinh tế). Cơ cấu ngành công nghiệp đã chuyển dịch tích cực, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 95%) trong toàn ngành công nghiệp. Trên địa bàn tỉnh có 13 khu công nghiệp với tổng diện tích 4.686ha, trong đó có 5 khu đã lấp đầy, các khu khác đã có 70 doanh nghiệp thuê 1.236ha đất và đang tiếp tục thu hút đầu tư. Để chuẩn bị điều kiện cho thu hút đầu tư phát triển công nghiệp giai đoạn tới, tỉnh đã ban hành chỉ tiêu đất quy hoạch phát triển khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030 tăng thêm 9.992ha để mở rộng 4 khu công nghiệp hiện có và phát triển mới 4 khu công nghiệp tại hai huyện Đồng Phú, Phú Riêng. Môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh tiếp tục được cải thiện. Tỉnh tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước. Nhờ có chính sách đúng đắn, giai đoạn 2015-2020, giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh tăng bình quân 12,7%/năm.

Cùng với sự phát triển của các khu công nghiệp, vấn đề bảo vệ môi trường trở thành một trong những tiêu chí quan trọng trong việc xét duyệt cấp phép các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Để phát triển các khu công nghiệp, bảo vệ môi trường, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đưa một số giải pháp như: Nâng cao chất lượng quy hoạch mạng lưới các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, quy hoạch các khu công nghiệp phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và theo hướng mở rộng đầu tư, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa quy hoạch ngành, quy hoạch địa phương với quy hoạch vùng và yêu cầu bảo vệ môi trường; hoàn thiện mô hình tổ chức khu công nghiệp theo hướng chuyển từ khu công nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực nhằm khai thác lợi

thế về tài nguyên, lao động sang khu công nghiệp sản xuất, chế biến và dịch vụ với trình độ chuyên môn hóa cao; thực hiện chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ khu công nghiệp theo hướng phát triển các ngành công nghệ sạch.

Hoạt động du lịch và dịch vụ du lịch có bước phát triển nhanh. Hạ tầng du lịch được đẩy mạnh đầu tư. Tỉnh đã có 7 dự án trọng điểm về phát triển du lịch với tổng số vốn thu hút đầu tư hơn 10.000 tỷ đồng, trong đó 2 dự án đã hoàn thành là Khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái căn cứ Bộ Chỉ huy Miền - Tà Thiết, Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Xtiêng, sóc Bom Bo; 5 dự án đang triển khai gồm: Khu du lịch tâm linh núi Bà Rá; Khu du lịch Hồ Suối Cam; Khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bù Gia Mập; Khu du lịch sinh thái Trảng Cỏ - Bù Lạch; Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án Bình Phước. Hoạt động quảng bá du lịch Bình Phước được chú trọng đẩy mạnh. Lượng du khách đến Bình Phước ngày càng tăng, đặc biệt là giai đoạn cuối nhiệm kỳ. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã thu hút gần 3 triệu lượt khách du lịch, trong đó có hơn 125.000 lượt khách quốc tế, tổng doanh thu đạt trên 2.119 tỷ đồng.

Thu hút đầu tư của tỉnh có bước phát triển nhảy vọt. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã thu hút đầu tư trong nước được 800 dự án với tổng số vốn đăng ký là 50.000 tỷ đồng, tăng hơn 4 lần về số dự án và hơn 3 lần về số vốn đăng ký so với giai đoạn 2011-2015. Thu hút đầu tư nước ngoài được 146 dự án với tổng số vốn đăng ký là 1 tỷ 440 triệu USD, tăng hơn 2 lần về số dự án và gần 3 lần về tổng số vốn đăng ký so với nhiệm kỳ trước. Giai đoạn 2016-2020, số doanh nghiệp thành lập mới là 4.850 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 44.440 tỷ đồng, tăng gấp 1,65 lần về số doanh nghiệp và hơn 3 lần về tổng số vốn so với nhiệm kỳ trước; 246 hợp tác xã thành lập mới, tăng gần 2,8 lần so với nhiệm kỳ trước. Sự phát triển vượt bậc của thu hút đầu tư là nhờ các chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh và sự quyết liệt trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, sẵn sàng hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn của tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh còn quan tâm đầu tư cho hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp (như thành lập quỹ khởi nghiệp), tạo tiền đề để hình thành một thể hệ doanh nghiệp mới năng động trong tiếp cận thị trường, kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tỉnh đã tiến hành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối 2016-2020; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, thị xã, thành phố theo lộ trình hàng năm. Đến đầu năm 2020, tỷ lệ diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt hơn 98% trên tổng số cần cấp giấy chứng nhận.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường được tăng cường, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp; các cơ sở chế biến mù cao su, tinh bột mì, các trang trại chăn nuôi heo... Chất lượng môi trường sống tại khu đô thị và nông thôn được cải thiện. Công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường được đẩy mạnh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Nhiều mô hình tự quản bảo vệ môi trường được xây dựng, thu hút đông đảo người dân tham gia. Đến năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý đạt 95%; tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 85%.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế, việc tổ chức chỉ đạo thực hiện còn một số hạn chế, khuyết điểm. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra. Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch còn chậm. Hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh chưa cao; môi trường kinh doanh và đầu tư tuy có cải thiện song chưa đủ sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư lớn có công nghệ sản xuất hiện đại. Năng suất chất lượng sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình chưa cao. Dịch vụ tuy có chuyển biến nhanh nhưng tập trung cơ cấu kinh tế còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và chưa tương xứng tiềm năng của tỉnh. Một số chương trình, công trình trọng điểm về phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ đô thị triển khai chậm, thiếu đồng bộ. Năng lực quản lý đô thị, quản lý xây dựng các khu dân cư theo quy hoạch còn yếu kém. Công tác quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch là điểm yếu của nhiều ngành và địa phương.

Là tỉnh có trên 76% là dân số phụ thuộc vào nông - lâm nghiệp, cùng với mục tiêu phát triển đô thị, xây dựng thương mại - dịch vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục xác định nông - lâm nghiệp, nông thôn và nông dân có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội của tỉnh. Tỉnh ủy quán triệt tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Ngày 25/4/2017, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020.

Trên cơ sở nghị quyết, chương trình của Tỉnh ủy, chính quyền các cấp đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách đầu tư để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nhằm hỗ trợ xây dựng nông thôn, cải thiện và nâng cao đời sống nông dân. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, sản xuất nông - lâm nghiệp tiếp tục phát triển, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, chuyển dịch cơ

cấu nông - lâm nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được đẩy nhanh. Ngành trồng trọt phát triển theo hướng thâm canh, chuyên canh, chuyển dịch từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết sản xuất quy mô lớn. Việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất được quan tâm, tạo nguồn nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp chế biến. Đến đầu năm 2020, tổng diện tích cây trồng đạt 466.300ha, đạt 98% chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Trình độ sản xuất, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm nông nghiệp được nâng lên đáng kể. Liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm ngày càng mở rộng; từ đó hình thành Nhãn hiệu tập thể hồ tiêu Lộc Ninh, Chỉ dẫn địa lý hạt điều Bình Phước...

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch được chú trọng đầu tư, bước đầu có kết quả khả quan, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị tăng và phát triển bền vững. Tỉnh đã thành lập 5 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ ứng dụng cao, phát triển quy hoạch vùng an toàn sinh học tiêu chuẩn quốc tế. Tỉnh tổ chức nghiên cứu, triển khai thí điểm mô hình trồng trọt, trong đó một số mô hình thử nghiệm đã thành công như: ứng dụng công nghệ thông minh chăm sóc tự động để trồng các giống hoa lan nhiệt đới, dưa lưới, rau thủy canh trong nhà màng. Bên cạnh đó, tỉnh cũng thực hiện chuyển giao các mô hình lồng ghép, ghép cải tạo vườn điều già cỗi, xây dựng vườn rau an toàn... Các mô hình hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp tác gắn với chuỗi sản xuất, chế biến ngày càng được đổi mới, hiệu quả được nâng lên. Riêng đối với cây điều đã hình thành 4 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gồm: 1 khu tại thành phố Đồng Xoài có diện tích 50ha, 1 khu tại huyện Đồng Phú có diện tích 51ha, 1 khu tại huyện Lộc Ninh có diện tích 300ha và 1 khu tại huyện Hớn Quản có diện tích 500ha. Việc hợp tác với tập đoàn PAN thực hiện chương trình sản xuất hạt điều sạch với quy mô 10.000ha được đẩy mạnh.

Trong lĩnh vực trồng trọt, tỷ lệ giống mới từng bước được nâng lên. Nhiều tiến bộ công nghệ sinh học đã được áp dụng vào công tác chọn và nhân giống, góp phần nâng cao năng suất của các loại cây trồng. Một số tiến bộ mới trong canh tác đã được nông dân áp dụng rộng rãi vào sản xuất, góp phần làm giảm chi phí lao động. Nhờ đó, giá trị sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn 2015-2020 tăng bình quân hàng năm 5,95%.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư. 100% số xã đã có đường ô tô tới trung tâm. Mạng lưới điện quốc gia đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn. Hệ thống giao thông nông thôn với tổng chiều dài

là 5.478,462km, đã cứng hóa được 25,4% (1.391,53km). Tỉnh có 60/90 xã đạt chuẩn theo các tiêu chí nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 66,6%; có 5/11 đơn vị cấp huyện (gồm huyện Đồng Phú, Chơn Thành, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, thành phố Đồng Xoài) đạt chuẩn nông thôn mới, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là đến năm 2020 có 50% xã và 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Thành công này góp phần thay đổi rõ nét diện mạo, đời sống xã hội vùng nông thôn, tạo sự lan tỏa đến các địa phương còn lại trong tỉnh. Thiết chế văn hóa nông thôn được tăng cường, ngày càng đáp ứng nhu cầu của người dân, góp phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở vùng nông thôn trong tỉnh được cải thiện. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố, tăng cường. Dân chủ cơ sở được phát huy. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, việc thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp đã giúp năng suất và chất lượng giống gia súc gia cầm được nâng lên đáng kể. Chăn nuôi heo, gà có sự phát triển khá nhanh, bảo đảm cung ứng cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Đàn heo phát triển nhanh, năm 2019 có 353.970 con, tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,9%/năm. Tổng đàn gia cầm có 7.801.000 con, tăng trưởng bình quân là 4,6%/năm. Tổng đàn gia súc có 937.950 con, đạt 117% chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Chăn nuôi heo, gà quy mô công nghiệp, bán công nghiệp chiếm tỷ lệ trên 90%. Nhiều trang trại chăn nuôi đã phát triển quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại. Tổng đàn trâu, bò giảm so với giai đoạn 2010-2015 do diện tích đồng cỏ giảm qua các năm. Tình hình dịch bệnh được kiểm soát kịp thời, không để xảy ra dịch bệnh trên diện rộng. Hoạt động giết mổ được kiểm soát tương đối tốt. Toàn tỉnh có 4 cơ sở giết mổ gia cầm, 28 cơ sở giết mổ gia súc tập trung. Chăn nuôi trang trại tập trung theo chuẩn khép kín. Việc ứng dụng khoa học tiên tiến, công nghệ cao vào chăn nuôi được mở rộng. Nhiều mô hình chăn nuôi khép kín đã hình thành, và được phổ biến và nhân rộng. Vùng chăn nuôi được tái cơ cấu theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang quy mô lớn, theo chuỗi và chăn nuôi nông hộ áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ. Nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi đã tích cực áp dụng công nghệ cao hoặc chăn nuôi theo khép kín từ con giống, vật tư đầu vào đến sản xuất và chế biến, tiêu thụ như Tập đoàn DANACO, Tập đoàn CP... Giai đoạn 2015-2020, giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi đã chiếm tỷ trọng 20% ngành nông nghiệp.

Về lâm nghiệp, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chương trình trồng rừng tập trung, lựa chọn những cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu,

thổ nhượng... của tỉnh, có giá trị cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Tỉnh ủy đã ban hành những chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái. Pháp luật về rừng được tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Tổ chức bộ máy lực lượng quản lý bảo vệ rừng được kiện toàn. Phương thức quản lý, xử lý hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng; buôn bán vận chuyển lâm sản trái phép tiếp tục đổi mới. Diện tích rừng đặc dụng phục vụ du lịch sinh thái được bảo vệ nghiêm ngặt, khai thác hợp lý. Lĩnh vực chế biến lâm sản đạt được nhiều kết quả tích cực, cung cấp phần lớn gỗ nguyên bản cho ngành công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất ván nhân tạo, đồng thời tạo ra nhiều loại lâm đặc sản phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu qua các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ...

Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư được Đảng bộ tỉnh chú trọng chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh. Tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao trình độ năng lực chuyên môn cho lực lượng cán bộ ngành nông - lâm nghiệp, đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến ngư của tỉnh. Lực lượng khuyến nông viên và cộng tác viên khuyến nông tiếp tục duy trì, ngày càng phát triển. Nhiều hình thức đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhận thức trong việc đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, kỹ năng canh tác, kiến thức sản xuất mới cho nông dân được triển khai. Bên cạnh đó, cấp ủy và chính quyền các cấp còn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nhân rộng kết quả các chương trình khuyến nông, khuyến lâm và các mô hình nông nghiệp công nghệ cao... Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phải đổi mới cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để công tác khuyến nông, khuyến lâm phát triển đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, việc quản lý, khai thác các loại tài nguyên, khoáng sản của tỉnh được đẩy mạnh. Ngành nông, lâm nghiệp duy trì mức tăng trưởng cao, tạo ra nhiều nông, lâm sản hàng hóa, đáp ứng tốt cho tiêu dùng và xuất khẩu. Ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản từng bước phát triển, nhất là vật liệu xây dựng. Đối với nguồn tài nguyên nước, dựa vào vận hành các công trình thủy điện, nhiều hồ chứa lớn trong tỉnh đã hình thành, góp phần điều tiết nước vào mùa mưa lũ, tăng lượng nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và phát triển du lịch. Tuy nhiên, trên thực tế tài nguyên rừng đang bị suy giảm. Diện tích đất đỏ bazan chưa được khai thác hợp lý. Nguồn nước có xu hướng cạn kiệt, gây tình trạng thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất vào mùa khô. Hạ tầng cơ sở kỹ thuật còn yếu kém. Chất lượng ứng dụng khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực tham gia khai thác, sử dụng các

nguồn tài nguyên còn nhiều bất cập. Công tác quản lý, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nhiều nơi còn hạn chế.

Vấn đề về nông nghiệp, nông thôn của tỉnh trong nhiệm kỳ có nhiều tiến bộ nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế, yếu kém. Sử dụng đất đai chưa hợp lý. Nông nghiệp phát triển chưa cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, nông nghiệp công nghệ cao phát triển chưa nhiều. Trồng trọt tuy chiếm tỷ trọng cao, phát huy được lợi thế cạnh tranh, hình thành được các vùng chuyên canh với các loại cây trồng thế mạnh như cao su, hồ tiêu nhưng chưa bền vững, chưa đúng quy hoạch, vẫn xảy ra tình trạng trồng, chặt theo giá. Năng suất và khả năng cạnh tranh các mặt hàng nông sản chủ lực còn thấp. Năng suất nhiều loại cây trồng trên nhiều diện tích chưa được nâng cao tương xứng với tiềm năng, còn thiếu đồng đều giữa các chủ thể sản xuất (trên địa bàn tỉnh có khoảng 8% diện tích cây cao su trồng trên đất không thích nghi). Do thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp, nông dân trong tỉnh chưa quan tâm đến thực hành sản xuất nông nghiệp theo các tiêu chuẩn cao như GlobalGap, VietGap... Trong nhiệm kỳ, chăn nuôi quy mô công nghiệp, bán công nghiệp tỷ trọng ngày càng cao; tuy nhiên, tỷ trọng chăn nuôi trong kinh tế nông nghiệp còn thấp. Chăn nuôi còn thiếu chủ động, chủ yếu là gia công cho các công ty nước ngoài hoặc cho thuê chuồng trại; giống và thức ăn chăn nuôi phụ thuộc hoàn toàn vào các công ty nước ngoài. Công nghiệp, dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu của sản xuất nông nghiệp. Nông nghiệp phát triển chưa thực sự bền vững, sản phẩm nông nghiệp đa số còn ở dạng thô. Quy hoạch nông thôn mới còn chậm; hạ tầng nông thôn còn hạn chế; đường giao thông chỉ mới đầu tư tới trung tâm xã. Mạng lưới điện phục vụ sản xuất, bơm tưới còn thiếu, công suất chưa cao. Kết cấu hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến như nhà kho, sân phơi, bến bãi... còn kém phát triển, lạc hậu. Môi trường nông thôn có xu hướng bị ô nhiễm do lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và thuốc diệt cỏ. Chăn nuôi tập trung nhưng chưa giải quyết tốt chất thải.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh Bình Phước cũng luôn chú trọng để các hoạt động văn hóa - xã hội.

Trên lĩnh vực giáo dục đào tạo, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X chỉ rõ: Tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả về đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, tạo bước chuyển biến từ giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học; học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn. Mục tiêu được xác định là: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện tất cả bậc học các ngành học theo hướng tiếp cận

với trình độ tiên tiến, phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; hướng tới một xã hội học tập; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học sơ sở và trung học phổ thông.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết, trong nhiệm kỳ 2015-2020, sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh đã phát triển tương đối đồng bộ về quy mô, chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Hệ thống giáo dục đã phát triển khá ổn định và phân bố đều khắp từ thành phố, thị xã, thị trấn đến các vùng sâu, vùng xa. Toàn tỉnh có 474 trường mầm non, phổ thông, bổ túc văn hóa và các trường chuyên nghiệp, dạy nghề. Quy mô hệ thống trường lớp được mở rộng và đa dạng với nhiều loại hình như: công lập, tư thục, dân lập, chuyên nghiệp dạy nghề... đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao dân trí của Nhân dân.

Bên cạnh nguồn lực huy động từ các thành phần kinh tế và nguồn viện trợ của quốc tế cho giáo dục đào tạo, hằng năm, nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục đào tạo luôn được duy trì ở mức 25% tổng chi ngân sách của tỉnh. Nhờ đó, cơ sở vật chất của ngành giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Phước đã được tăng cường và phát triển mạnh. Tính đến hết năm học 2019-2020, toàn tỉnh có 127/474 trường đạt chuẩn quốc gia, tăng 50 trường so với đầu nhiệm kỳ, đạt tỷ lệ 32,3% so với tổng số trường; trong đó, mầm non có 34 trường; tiểu học có 55 trường; trung học cơ sở có 25 trường; trung học phổ thông có 13 trường. Riêng năm 2019, toàn tỉnh có 9.106 thí sinh đỗ tốt nghiệp phổ thông trung học, đạt tỷ lệ 96,06%. Về công tác phổ cập giáo dục có 11/11 huyện, thành phố và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 110/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục tiểu học; duy trì 111/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 14/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập trung học phổ thông. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ngày càng có hiệu quả, đạt nhiều kết quả tốt trong các cuộc thi ở trong nước, khu vực và quốc tế.

Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng có hiệu quả. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh, nhà trường và hội phụ huynh đã kêu gọi, vận động được nhiều tổ chức xã hội, cá nhân, mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh đóng góp về của cải vật chất xây dựng trường học, phòng học chức năng; mua sắm trang thiết bị dạy và học trong nhà trường; trao hàng ngàn suất học bổng cho học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tặng sách giáo khoa, xe đạp, áo quần, gạo tiền cho các em thuộc gia đình chính sách, hộ nghèo. Tổng số tiền ủng hộ, đóng góp cho hoạt động xã hội hóa giáo dục lên tới nhiều tỷ đồng. Một số huyện, thị xã đã thực hiện

rất tốt công tác xã hội hóa giáo dục, như huyện Đồng Phú đã vận động được hơn 31 tỷ đồng phục vụ công tác giáo dục trong giai đoạn 2015-2020.

Quy mô và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các ngành học, cấp học tiếp tục được củng cố theo hướng đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo và có một bộ phận trên chuẩn. Công tác điều động bổ nhiệm được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm đúng quy định, quy trình. Chế độ phụ cấp thâm niên và các chế độ chính sách khác đối với nhà giáo được thực hiện theo đúng quy định. Tổng số cán bộ, giáo viên của tỉnh hiện có 18.083 người; trong đó cán bộ, giáo viên là người dân tộc thiểu số có 1.229 người (chiếm tỷ lệ 6,7%); cán bộ, giáo viên là đảng viên có 5.123 người (chiếm tỷ lệ 28,3%); số cán bộ, giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn 7.736 người (chiếm 42,8%). Nhìn chung, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ công chức, viên chức toàn ngành đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn đào tạo khá cao, không có giáo viên giảng dạy có trình độ dưới chuẩn.

Việc thực hiện chính sách đãi ngộ, tôn vinh và thu hút đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Hằng năm, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp ngành giáo dục và Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh tổ chức tôn vinh những trí thức tiêu biểu trong học tập, công tác nghiên cứu khoa học. Ủy ban nhân dân tỉnh luôn chú trọng thực hiện các chính sách thu hút và đãi ngộ đối với người tài, người có trình độ cao.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X đề ra phương hướng phát triển về lĩnh vực y tế những năm 2016-2020 là: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới kinh tế cơ sở; thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã gắn liền với chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, tăng cường công tác đào tạo bác sĩ và cán bộ chuyên khoa. Thực hiện chuẩn quốc gia y tế dự phòng. Từng bước bảo đảm cân đối nhân lực giữa các tuyến và các chuyên ngành. Nâng cao y đức và quy tắc ứng xử của ngành y tế. Bảo đảm hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường thực hiện đồng bộ các biện pháp để kiểm soát tốc độ tăng dân số. Tiếp tục giảm chênh lệch giới tính khi sinh và từng bước nâng cao chất lượng dân số; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe vị thành viên và sức khỏe người cao tuổi. Bảo đảm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Tăng cường công tác quản lý khám chữa bệnh theo quy định của pháp luật. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân, quan tâm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, kết hợp tốt giữa y học cổ truyền với y học hiện đại trong điều trị. Thực hiện tốt cơ chế tài chính trong lĩnh vực y tế. Bảo đảm mức chi cho sự nghiệp

y tế tương đương mức trung bình trong cả nước. Đẩy mạnh việc thực hiện tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế; xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; tăng cường quân dân y kết hợp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của tỉnh, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh tiếp tục chú trọng đến sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường về vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ; đặc biệt Bệnh viện đa khoa tỉnh được nâng cấp từ 300 lên 600 giường bệnh. Đến đầu năm 2020, toàn tỉnh có 15 bệnh viện (13 bệnh viện Nhà nước, 2 bệnh viện tư nhân), 1 nhà hộ sinh, 111 trạm y tế xã, phường, thị trấn, 4 trạm y tế cơ quan, xí nghiệp, 4 phòng khám đa khoa khu vực; mỗi khu ấp đều có nhân viên y tế cộng đồng. Số giường bệnh ở 3 tuyến trong toàn tỉnh năm 2015 là 2.525 giường, năm 2019 là 3.141 giường; đến năm 2020, tỷ lệ giường bệnh đạt 29 giường/1 vạn dân; số bác sĩ trên 1 vạn dân là 8,5 bác sĩ, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; toàn ngành có 627 bác sĩ, 1.344 điều dưỡng, hộ sinh. Người có trình độ trên đại học, y sĩ, kỹ thuật viên là 648. Trang thiết bị chẩn đoán, điều trị được đầu tư từ tuyến tỉnh đến huyện gồm: máy chụp Xquang, máy siêu âm chẩn đoán, máy xét nghiệm hóa sinh tự động, bán tự động, máy xét nghiệm huyết học tự động, máy xét nghiệm miễn dịch, máy nội soi, máy thở, máy tạo nhịp tim, máy gây mê, máy CT - Scanner, các dụng cụ chuyên khoa mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt... Nhờ có máy móc hiện đại, việc chẩn đoán, điều trị ngày càng nhanh, chính xác, chất lượng chuyên môn được nâng cao. Chất lượng điều trị cũng được nâng lên, tuyến tỉnh đã thực hiện được nhiều ca phẫu thuật mà trước đây phải chuyển lên tuyến trên. Hầu hết các bệnh viện tuyến huyện đã tổ chức được các loại phẫu thuật thông thường như: phẫu thuật ngoại tổng quát, mổ lấy thai. Số ca trung phẫu, đại phẫu tăng dần qua các năm.

Trong công tác khám chữa bệnh, tỉnh đã từng bước triển khai mở rộng các dịch vụ y tế kỹ thuật cao, đặc biệt đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được khám, chữa bệnh miễn phí, góp phần thực hiện công bằng xã hội. Công tác xã hội hóa y tế bước đầu đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Trên lĩnh vực văn hóa, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra nhiệm vụ cơ bản cho công tác phát triển văn hóa là: Tập trung triển khai Chương trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, thiết thực; giáo dục, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình; gắn phát triển

văn hóa với xây dựng nông thôn mới. Phát động phong trào người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với phong tục, tập quán tốt đẹp trong từng gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, trường học... Tiến tới xây dựng bộ quy tắc ứng xử chung để mọi hành vi của mỗi công dân đều được điều chỉnh tích cực; trước hết là xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, trong doanh nghiệp với ý thức thượng tôn pháp luật, giữ gìn chữ tín.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, các cấp, các ngành tập trung đầu tư hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp; nâng cao chất lượng chuyên nghiệp hóa thể thao thành tích cao. Các thiết chế văn hóa, thể thao ở các khu công nghiệp được xây dựng để phục vụ công nhân. Công tác xã hội hóa đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, di sản văn hóa có chuyển biến mạnh mẽ. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được xây dựng ngày càng nhiều. Đến đầu năm 2020, có 851/861 thôn có nhà văn hóa (trong đó có 372/851 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định). Các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt” ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất hơn. Phong trào thể thao quần chúng phát triển nhanh với nhiều hình thức. Nhân dân tham gia luyện tập thể thao ngày càng nhiều. Thể thao chuyên nghiệp được chú trọng đầu tư và đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, số giải đạt được trong các kỳ thi đấu thể thao trong nước và quốc tế hàng năm đều tăng.

Công tác tuyên truyền cổ động, biểu diễn nghệ thuật quần chúng và nghệ thuật chuyên nghiệp đều được chú trọng. Nhiều sự kiện văn hóa lớn được tổ chức, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Hoạt động thông tin, tuyên truyền được đổi mới cả nội dung và hình thức, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Mạng lưới bưu chính, viễn thông ngày càng hiện đại; việc ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh và tạo ra bước đột phá trong điều hành, quản lý của chính quyền các cấp. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng, phản ánh sinh động về truyền thống đấu tranh cách mạng, lao động sáng tạo của người dân; góp phần tích cực trong đấu tranh phê phán những tiêu cực, lạc hậu, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Đội ngũ văn nghệ sĩ được rèn luyện, ngày càng trưởng thành và tâm huyết với nghề.

Hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình tiếp tục phát triển, có nhiều đổi mới trong tiếp cận, phân tích; nội dung ngày càng phong phú phản ánh kịp

thời những vấn đề của xã hội; góp phần phục vụ tốt nhu cầu nâng cao nhận thức, trình độ dân trí của Nhân dân, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được hoàn thiện. Chất lượng các chương trình được nâng cao. Chương trình truyền hình của tỉnh Bình Phước đã được đưa lên sóng vệ tinh Vinasat. Sóng phát thanh và truyền hình đã phủ khắp toàn tỉnh. Tỉnh đã phát hành báo điện tử, báo tiếng dân tộc thiểu số.

Khoa học và công nghệ có những bước phát triển mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vai trò của khoa học - công nghệ ngày càng được khẳng định. Công tác quản lý hoạt động khoa học có nhiều đổi mới. Việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu các đề tài khoa học cấp tỉnh được thực hiện đúng quy định, quy trình, bảo đảm tính khoa học và tính ứng dụng. Các chương trình chuyển giao khoa học - kỹ thuật, chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ đã và đang tác động đến các doanh nghiệp đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất từ đó tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao. Ngành khoa học, công nghệ đã góp phần đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu cho các mặt hàng chủ lực của tỉnh như: Nhãn hiệu tập thể “Hồ tiêu Lộc Ninh”, Chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước” cho sản phẩm hạt điều, Nhãn hiệu chứng nhận “Cao su Bình Phước”... Việc đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học - công nghệ mới, tiên tiến vào quản lý sản xuất, nhất là ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp ngày càng hiệu quả. 100% đề tài sau nghiệm thu được đưa vào ứng dụng. Tỉnh Bình Phước ngày càng chú trọng nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Tiềm lực khoa học và công nghệ từng bước được tăng cường, củng cố. Tỉnh đã ban hành một số chính sách thu hút nguồn nhân lực trên lĩnh vực khoa học và công nghệ, nhờ vậy, đội ngũ trí thức không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng.

Chính sách an sinh xã hội được chú trọng triển khai toàn diện. Công tác giảm nghèo được quan tâm. Các chính sách đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ xã hội của tỉnh được điều chỉnh bổ sung kịp thời, phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, bảo đảm an sinh xã hội. Tỉnh đã thực hiện đồng bộ đề án giảm nghèo theo các hướng tập trung nguồn lực, xây dựng các giải pháp cụ thể, đầu tư có trọng điểm nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững; đặc biệt đối với các địa bàn còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện Chương trình xóa 1.000 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, kết quả đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo còn 2,55%, giảm 3,6% so với đầu nhiệm kỳ, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Tỉnh đã xây dựng quỹ an sinh xã hội trên cơ sở

khai thác 3.500ha diện tích trồng cây cao su. Công tác đào tạo nghề ngày càng được chú trọng về chất lượng, gắn với giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo. Hệ thống các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư hoàn thiện, chất lượng đào tạo nghề được nâng lên. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động đạt kết quả tốt, khống chế tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới mức 3%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Phong trào “đền ơn đáp nghĩa” được chú trọng. Tỉnh đã thực hiện tốt chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Giai đoạn 2015-2020, tỉnh đã giải quyết hơn 4.874 hồ sơ cho đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 1.034 căn nhà cho các hộ gia đình khó khăn về nhà ở với tổng số tiền hơn 60 tỷ đồng.

Đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được nâng cao. Các dân tộc ngày càng đoàn kết, giúp nhau vươn lên xóa đói, giảm nghèo, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế. Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng được quản lý theo pháp luật, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng. Các chức sắc, tín đồ tôn giáo luôn hoạt động theo pháp luật và giáo luật. Đồng bào có đạo ngày càng tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, lĩnh vực văn hóa - xã hội của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020 vẫn còn một số hạn chế. Mạng lưới các trường học ngoài công lập phát triển chậm. Chất lượng giáo dục toàn diện còn thấp so với yêu cầu. Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ học sinh yếu kém còn cao; việc huy động học sinh ra lớp và duy trì tỷ lệ đi học chuyên cần vẫn còn khó khăn. Năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu; đầu tư cho sự nghiệp giáo dục chưa hợp lý; cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chưa đồng bộ. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục giải quyết. Nguồn nhân lực y tế còn thiếu và yếu, đặc biệt là thiếu bác sĩ cho tuyến xã, thiếu cán bộ chuyên khoa đầu ngành cho tuyến tỉnh, một bộ phận cán bộ y tế sa sút về đạo đức nghề nghiệp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tuyến xã còn nghèo nàn, lạc hậu; chất lượng các dịch vụ y tế còn thấp, công tác quản lý nhà nước về hoạt động y tế còn yếu. Một số cơ sở văn hóa đã xuống cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân. Công tác quy hoạch và xây dựng hạ tầng phục vụ văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao còn chưa kịp thời, đồng bộ. Nhiều chỉ tiêu văn hóa đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Chất lượng của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu

dân cư” chưa cao. Hoạt động khoa học và công nghệ phát triển chậm, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, đời sống còn rất hạn chế. Nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chưa quan tâm đầu tư cho khoa học và công nghệ. Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng kỹ thuật còn nghèo nàn, lạc hậu; đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật còn thiếu và yếu. Kết quả của công tác giảm nghèo chưa bền vững. Đời sống của một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn vay cho người nghèo và các đối tượng chính sách chưa thật tốt. Chủ trương cai nghiện tại cộng đồng còn nhiều bất cập, không hiệu quả.

Quán triệt chủ trương của Đảng, Đảng bộ tỉnh Bình Phước luôn xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Phước lần thứ X đã chỉ rõ phải tiếp tục tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp cụ thể nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cơ sở. Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn tiến hành củng cố, kiện toàn và đổi mới phương thức hoạt động. Đổi mới phương thức lãnh đạo được bắt đầu từ khâu ban hành các quy chế hoạt động và điều hành theo quy chế, thực hiện chế độ phân công, phân nhiệm rõ ràng, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, bao biện hoặc làm thay chính quyền. Tỉnh ủy chỉ đạo phải xây dựng đội ngũ cấp ủy viên các cấp có trình độ, năng lực để đảm nhiệm các nhiệm vụ được Đảng giao phó.

Công tác xây dựng Đảng bám sát cơ sở xác định trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), Tỉnh ủy đã cụ thể hóa thành Đề án 999 với mục tiêu trọng tâm “4 giảm, 4 tăng”. Tỉnh đã tổ chức triển khai quyết liệt, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tính đồng thuận cao. Sau hai năm thực hiện, toàn tỉnh đã giảm được 138 đầu mối cấp phòng, 210 lãnh đạo các cấp và 1.845 biên chế. Các đơn vị sự nghiệp công lập giảm 3 đơn vị cấp tỉnh, 21 đơn vị thuộc sở, 40 đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cụ thể: Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện phục vụ chung cho Tỉnh ủy và các cơ quan

tham mưu, giúp việc; Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phục vụ chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; hợp nhất Báo Bình Phước và Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Phước, 3 ban quản lý dự án cấp tỉnh, Đảng bộ Khối cơ quan và Đảng bộ Khối doanh nghiệp; sáp nhập 3 trường cao đẳng thành Trường Cao đẳng Bình Phước; bố trí cán bộ kiêm nhiệm nhiều chức danh lãnh đạo quản lý từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; sắp xếp tinh gọn các chức danh cán bộ thôn, ấp, khu phố. Về kết quả giảm chi thường xuyên, ước đến cuối năm 2020, tỉnh giảm được trên 120 tỷ đồng.

Các cơ quan, đơn vị sau khi được sắp xếp đã nhanh chóng ổn định, từng bước chuyển biến tích cực theo hướng tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp, đúng với mục tiêu của Đề án.

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện bằng nhiều nội dung, mô hình sáng tạo, trở thành công việc thường xuyên của nhiều tổ chức và cá nhân. Việc “làm theo” từng bước đã đi vào chiều sâu, phát huy được vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Nhờ vậy, nhiều tấm gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu trong các cấp, các ngành đã xuất hiện, tạo sự lan tỏa tích cực trong xã hội. Ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức lối sống, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu có nhiều chuyển biến tích cực; hạn chế được những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chất lượng các cuộc họp được nâng cao, đổi mới. Tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các cơ quan Đảng. Tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh ổn định. Nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền. Tỉnh ủy chỉ đạo tích cực đấu tranh phòng chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chủ động nắm bắt tình hình và kịp thời định hướng dư luận, xã hội, phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà Nước.

Chất lượng tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân được chú trọng đổi mới, nâng cao. Tỉnh đã kịp thời tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập trung

bình đạt trên 95%. Nét mới trong nhiệm kỳ này là công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc được triển khai hiệu quả bằng việc tổ chức lực lượng chuyên trách hoạt động trên mạng xã hội. Công tác nghiên cứu lý luận, quản lý báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ được tăng cường. Công tác khoa giáo có nhiều chuyển biến tích cực.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được Tỉnh ủy quan tâm. Tỉnh ủy chủ trương phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết nội bộ, nâng cao chất lượng sinh hoạt ở từng chi bộ. Công tác phân loại, đánh giá, khen thưởng cơ sở đảng, đảng viên hàng năm bảo đảm chặt chẽ đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương, chú trọng về chất lượng. Kết quả đánh giá cơ bản sát với thực tế tình hình. Hệ thống tổ chức cơ sở đảng bảo đảm về chất lượng. Đến năm 2020, Đảng bộ tỉnh có 21 đảng bộ (giảm 1 do hợp nhất); 764 tổ chức cơ sở đảng (2.417 chi bộ trực thuộc cơ sở); 100% thôn, ấp, khu phố, trường học có tổ chức đảng. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm thường xuyên. Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã phát triển được gần 7.000 đảng viên (vượt chỉ tiêu 16%), nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ đến năm 2020 lên gần 37.000 đảng viên, trong đó tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là đoàn viên, nữ, trí thức, người dân tộc thiểu số tăng khá, góp phần thay đổi cơ cấu đảng viên. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ được thực hiện đúng quy hoạch và đạt nhiều kết quả tốt. Từ năm 2015 đến năm 2020, gần 4.000 cán bộ được đưa đi đào tạo lý luận chính trị và nâng cao trình độ chuyên môn; hơn 30.000 lượt cán bộ được cử đi học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng được lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Các văn bản của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát được tổ chức học tập, quán triệt đầy đủ từ tỉnh đến cơ sở. Nhận thức về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát trong các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên ngày một nâng cao. Các quy chế phối hợp, quy trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng được ban hành. Cấp ủy viên các cấp được phân công nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cụ thể. Các cuộc kiểm tra, giám sát theo chương trình hàng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được triển khai thực hiện đầy đủ, có chất lượng và hiệu quả, góp phần tích cực vào việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị về công tác xây dựng Đảng trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời

phát hiện, xem xét, xử lý các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, tỉnh đã thực hiện giám sát chuyên đề 2.908 lượt tổ chức đảng và 2.099 đảng viên; kiểm tra 2.698 tổ chức đảng và 4.333 đảng viên. Việc đôn đốc, theo dõi thực hiện kết luận sau các cuộc kiểm tra, giám sát được chú trọng. Việc thông báo kết quả các kỳ họp Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện nghiêm túc.

Công tác dân vận, Mặt trận và các đoàn thể đã có bước đổi mới về nội dung, phương thức, đề cao dân chủ, tạo sự đồng thuận trong xã hội; phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị bảo đảm nguyên tắc, bám sát chức năng nhiệm vụ, quy chế, có nhiều đổi mới, đi vào nền nếp và ngày càng hiệu quả. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; tiếp tục bám cơ sở, đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững. Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã vận động được gần 83 tỷ đồng, xây dựng 1.707 căn nhà đại đoàn kết cho người nghèo; nhân rộng mô hình, điển hình “Dân vận khéo”, thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền. Chất lượng giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được nâng lên. Việc thực hiện đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân đã có những kết quả bước đầu.

Công tác phòng, chống tham nhũng được tăng cường. Các cấp ủy và Ban Nội chính Tỉnh ủy đã triển khai 26 đoàn kiểm tra, rà soát về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế của các địa phương, đơn vị. Công tác tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy các cấp được thực hiện nghiêm túc. Tỉnh ủy ban hành và tổ chức thực hiện Đề án về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2015-2020. “Đường dây nóng” của Bí thư Tỉnh ủy được đưa vào vận hành có hiệu quả. Tỉnh ủy cũng đề ra nhiều giải pháp để phòng ngừa tham nhũng. Việc rà soát các cuộc thanh tra về kinh tế - xã hội và các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước cũng được thực hiện nghiêm túc. Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng tồn đọng, phức tạp, kéo dài; tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Cùng với quá trình đổi mới của hệ thống chính trị, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đã có nhiều đổi mới. Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật, nhất là trong việc quyết định những vấn đề quan trọng, đáp ứng được cơ bản yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế. Trong giai đoạn 2015-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành trên 200 nghị quyết, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng, giúp các cơ quan chịu sự giám sát tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được nâng cao, phát huy tốt tinh thần trách nhiệm, được Nhân dân ngày càng tín nhiệm.

Chính quyền các cấp trong tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của địa phương trong từng thời gian, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành; thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, Hội đồng nhân dân cùng cấp và của cấp trên, quyết định những vấn đề mới phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của yêu cầu hội nhập và đổi mới của xã hội, tạo sự chuyển biến trong nhiều lĩnh vực. Ủy ban nhân dân tỉnh luôn có những giải pháp tích cực để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực, giải quyết các vấn đề lớn, quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai xây dựng chính quyền điện tử. Đặc biệt, việc thực hiện hiệu quả mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh là một bước tiến quan trọng, thực chất trong cải cách hành chính của tỉnh, góp phần phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Quy chế dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan Nhà nước và nhiều địa phương tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, đồng thời gắn chặt với công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đặc biệt là thực hành tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách.

Công tác cải cách tư pháp được lãnh đạo, chỉ đạo một cách thường xuyên, sâu sát, đạt được nhiều kết quả tích cực. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ngày càng nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của công tác cải cách tư pháp. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử được nâng lên. Tỷ lệ trả hồ sơ, án bị hủy và số bị can được

tuyên không phạm tội hàng năm đều giảm. Tỷ lệ giải quyết án của các cơ quan tố tụng hai cấp được cải thiện. Công tác xét xử được xem xét một cách thận trọng, đúng pháp luật. Hàng năm, công tác hỗ trợ tư pháp được quan tâm thực hiện đồng bộ. Đặc biệt, vai trò của luật sư ngày càng được khẳng định rõ nét. Công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ tư pháp được thực hiện đúng quy định pháp luật, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc nhất là ở cấp huyện được quan tâm đầu tư. Sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp, hoạt động tư pháp được đổi mới cả về nội dung và phương thức, ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả hơn.

Quốc phòng - an ninh được giữ vững, an ninh biên giới được tăng cường, thế trận chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân từng bước được xây dựng vững chắc. Các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện được thực hiện tốt. Lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết có hiệu quả các vấn đề tiềm ẩn phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thành lập tổ rà soát các vụ án, vụ việc phức tạp kéo dài trên địa bàn tỉnh để tập trung giải quyết dứt điểm; không để xảy ra hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Trong nhiệm kỳ, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được bảo đảm, không xảy ra điểm nóng, biểu tình, bạo loạn. Các loại tội phạm cơ bản được kìm chế, không để hình thành các băng nhóm tội phạm. Tai nạn giao thông hàng năm đều giảm trên cả ba tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương. Tỉnh đã hoàn thành toàn bộ công tác phân giới, cắm mốc biên giới với 353 mốc phụ; xây dựng được 184km đường tuần tra biên giới, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh biên giới.

Sự phối hợp giữa các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng với lực lượng vũ trang trong đấu tranh giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ngày càng chặt chẽ, thống nhất và có hiệu quả. Công tác bồi dưỡng, giáo dục quốc phòng, gọi công dân nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm quân số. Lực lượng vũ trang của tỉnh tiếp tục củng cố, xây dựng vững mạnh. Tỉnh tập trung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; lực lượng dự bị động viên vững mạnh, hùng hậu, sẵn sàng chiến đấu. Chính sách hậu phương quân đội nhân dân và công an nhân dân được quan tâm thực hiện. An ninh kinh tế cơ bản được bảo đảm, tập trung giải quyết những tồn đọng về các vụ việc, dự án kinh tế; xây dựng chính sách bảo đảm môi trường thông thoáng cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh đúng quy định của pháp luật.

Hoạt động đối ngoại được chú trọng, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn hỗ trợ phi chính phủ trên nhiều lĩnh vực. Tỉnh đã mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài nhất là hợp tác với các tỉnh, các doanh nghiệp của Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan... Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Bình Phước với các tỉnh giáp biên của Campuchia và các tỉnh Nam Lào ngày càng phát triển tốt đẹp.

Giai đoạn 2015-2020, tình hình chung có những diễn biến bất lợi, song Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực sự cầu thị, quyết tâm lãnh đạo của Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành nhiều chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy chưa đạt chỉ tiêu đề ra nhưng cũng ở mức khá cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Hạ tầng kỹ thuật được cải thiện đáng kể, nhất là giao thông, giáo dục, y tế. Nhiều dự án sản xuất kinh doanh lớn được triển khai, tạo động lực tăng trưởng kinh tế cho những năm tới. Đời sống nhân dân được cải thiện nhanh chóng, thu nhập bình quân đầu người tăng khá. Bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều thay đổi, tiến bộ. Chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản và việc thực hiện các chính sách xã hội được cải thiện đáng kể. Quốc phòng - an ninh được củng cố, tăng cường ngày càng vững chắc. Hệ thống chính trị các cấp được giữ vững. Trong nhiệm kỳ, một số nghị quyết chuyên đề đã dần đi vào cuộc sống và đạt kết quả cao như: Phát triển hạ tầng cơ sở và đô thị hạt nhân; phát triển nguồn nhân lực; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... Đây là những bài học kinh nghiệm quan trọng để Đảng bộ tỉnh tiếp tục áp dụng, triển khai trong nhiệm kỳ tiếp theo. Những thành tựu đạt được trong giai đoạn 2015-2020 là kết quả của sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ; của ý chí tự lực, tự cường và quyết tâm phấn đấu của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh; của sự quan tâm lãnh đạo và hỗ trợ tạo điều kiện của Trung ương và sự hợp tác giúp đỡ của các địa phương khác trong cả nước.

*

* *

Nhìn lại chặng đường hơn 20 năm kể từ khi tỉnh Bình Phước được tái lập, có thể khẳng định, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bình Phước đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để đạt được những thành tựu quan trọng và khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, trong đó, đặc biệt là lĩnh vực

công nghiệp xây dựng và dịch vụ tăng nhanh. Kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư và phát huy tác dụng. Thu hút đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài tăng khá, công nghệ ngày càng hiện đại. Phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn được thực hiện gắn với quá trình đô thị hóa. Thành phần kinh tế thay đổi theo hướng gia tăng khu vực tư nhân và khu vực có đầu tư nước ngoài. Nhờ chính sách đầu tư thông thoáng, mở rộng thu hút đầu tư trong và ngoài nước, trong những năm gần đây, tỷ trọng vốn đầu tư/GDP của tỉnh Bình Phước đã tương đương với tỷ trọng chung của cả nước. Công tác mở rộng thị trường xuất khẩu và quảng bá kêu gọi đầu tư luôn được thực hiện một cách tích cực, chủ động, tạo được dấu ấn tốt với nhà đầu tư và đối tác. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa ngày càng khởi sắc. Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng có nhiều tiến bộ. Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên ổn định. Cán bộ, đảng viên luôn tin tưởng vào đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn, hoạt động ngày càng nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Phương thức lãnh đạo tiếp tục được đổi mới; ngày càng năng động, sáng tạo. Việc xây dựng quy chế, chương trình, kế hoạch công tác ngày càng cụ thể, sát thực. Việc giám sát, kiểm tra được thực hiện một cách nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm. Những vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách, giải quyết giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của người dân, doanh nghiệp, tạo được sự đồng thuận cao giữa Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Từ một tỉnh nghèo, trình độ dân trí thấp, kết cấu hạ tầng yếu kém, đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, Bình Phước đã vươn lên thành một tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thu ngân sách đạt hơn 10.000 tỷ đồng, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện đáng kể. Điều này đã chứng tỏ được năng lực lãnh đạo và sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn Đảng bộ tỉnh Bình Phước.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt và chống giặc ngoại xâm, Nhân dân tỉnh Bình Phước đã trải qua những năm tháng chiến đấu hào hùng đầy thử thách, vượt qua bao thăng trầm, khó khăn, gian khổ để viết lên những trang sử truyền thống cách mạng vẻ vang. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc M'Nông, Xtiêng, Khmer do các ông Điều Dố, Điều Môn, Điều Mốt, nghĩa quân N'Trang Long lãnh đạo chống thực dân Pháp vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là minh chứng sống động cho buổi đầu đấu tranh chống quân xâm lược của Nhân dân trên mảnh đất Bình Phước.

Những năm đầu của thế kỷ XX, khi thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa, Bình Phước là một trong những nơi có đội ngũ công nhân được hình thành sớm nhất tại các đồn điền cao su. Đội ngũ công nhân cao su ở Bình Phước đã tiến hành đấu tranh từ tự phát đến tự giác. Bình Phước cũng là một trong những nơi có tổ chức đảng sớm nhất. Ngày 28/10/1929, Chi bộ đồn điền Phú Riềng được thành lập. Tháng 02/1930, Chi bộ Phú Riềng đã lãnh đạo công nhân cao su làm nên sự kiện “Phú Riềng Đỏ”, đây là một mốc son trong lịch sử đấu tranh cách mạng của công nhân cao su. Từ khi có Đảng lãnh đạo, Nhân dân Bình Phước đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí trung kiên bất khuất, tự lực tự cường vượt qua mọi gian khổ hy sinh, quyết tâm đấu tranh vì nền độc lập tự do của Tổ quốc. Tháng 02/1944, Chi bộ Lộc Ninh ra đời, đã lãnh đạo và rèn luyện công nhân liên tục tiến hành các cuộc đấu tranh có tổ chức nhằm chống lại chế độ hà khắc của bọn chủ đồn điền Pháp, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Mặc dù các cuộc đấu tranh bị đàn áp dã man nhưng đội ngũ công nhân cao su vẫn đoàn kết và ngày càng lớn mạnh, từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ngày 24/8/1945, với giáo, mác, xà beng, tầm vông vạt nhọn, đồng bào các dân tộc cùng công nhân các làng, sở cao su ở Lộc Ninh, Hớn Quản, Bà Rá đã vùng lên giành chính quyền. Cuộc khởi nghĩa toàn thắng, chính quyền đã về tay Nhân dân. Lộc Ninh là một trong những nơi giành được chính quyền sớm nhất trong tỉnh Thủ Dầu Một.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đánh dấu cuộc biến đổi vĩ đại trong lịch sử dân tộc; đưa Việt Nam từ một nước nô lệ trở thành một nước độc lập, tự do. Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lần đầu tiên, Nhân dân trên địa bàn Bình Phước cùng Nhân dân cả nước được làm chủ vận mệnh của mình.

Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cho âm mưu trở lại xâm chiếm nước ta lần thứ hai. Nhân dân Sài Gòn, Nhân dân Nam Bộ và Nhân dân Bình Phước nhất tề đứng lên, bằng vũ khí thô sơ, quyết tâm ngăn chặn âm mưu xâm lược của thực dân Pháp. Ở Bình Phước, các “đội quân áo nâu”, “đội quân cung tên” được Nhân dân nuôi dưỡng đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài. “Hũ gạo nuôi quân”, “Mặt trận cao su chiến” rồi đến phong trào du kích chiến tranh ngày càng phát triển mạnh và rộng rãi. Chịu đựng bao hy sinh và gian khổ, đói cơm lạt muối, bom đạn ác liệt, quân và dân Bình Phước vẫn kiên cường vượt qua để chiến thắng thực dân Pháp xâm lược. Những địa danh như Chiến khu Đ, căn cứ Truong Ba Trường, Đường 14... đã góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi, mãi là niềm tự hào của người dân Bình Phước. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) đã buộc thực dân Pháp phải chịu thất bại, ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Giơnevơ, công nhận độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Thực dân Pháp rút quân về nước, đánh dấu thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta sau 9 năm kháng chiến chống quân xâm lược Pháp.

Sau Hiệp định Giơnevơ, cách mạng Việt Nam chuyển từ cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, đấu tranh vũ trang là chủ yếu sang đấu tranh chính trị đơn thuần, đòi thi hành Hiệp định, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tuy nhiên, Mỹ - Diệm trắng trợn phá hoại Hiệp định, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta thành hai miền Nam - Bắc, thôn tính và biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Với chính sách “tố cộng, diệt cộng”, đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, chính quyền Ngô Đình Diệm đưa ra Luật 10/59 rất tàn bạo, dã man để thẳng tay trả thù, sát hại những người dân yêu nước và những người kháng chiến cũ. Đây là thời kỳ đen tối của cách mạng miền Nam. Trong thời kỳ này, hai tỉnh Bình Long, Phước Long bị tổn thất về cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng rất nặng nề. Nhiều chi bộ hầu như bị xóa sổ. Nhiều đảng viên, cán bộ bị giết, bị bắt tù đày, tra tấn cực hình. Dù vậy, phần lớn đảng viên, cán bộ, quần chúng cơ sở cách mạng vẫn kiên cường, kiên trì, nghiêm túc thực hiện đường lối đấu tranh

của Đảng, một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, dựa dân và bám vào dân để xây dựng lực lượng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh, chống lại kẻ thù. Mặc dù tổ chức đảng bị đánh phá ác liệt, nhưng bằng mọi cách cả bí mật và công khai, hệ thống lãnh đạo của Đảng vẫn được duy trì. Hớn Quản là một trong những địa phương tiếp thu nhạy bén “Đề cương cách mạng miền Nam” và Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ, từ đó sớm có tổ chức và hoạt động vũ trang để hỗ trợ cho phong trào quần chúng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (khóa II) ra đời, là nguồn cổ vũ lớn lao, đáp ứng nguyện vọng và đề ra cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân phương pháp đấu tranh cách mạng mới, từ thế giữ gìn lực lượng, đấu tranh chính trị đơn thuần chuyển sang thế tiến công, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh bằng vũ trang với phương châm ba mũi giáp công (quân sự, chính trị và binh vận). Nghị quyết 15 chính là ánh sáng soi đường cho cách mạng miền Nam tiến lên.

Trong giai đoạn này, Đảng bộ hai tỉnh Bình Long, Phước Long ra đời, cùng với hệ thống cấp ủy các cấp và việc khai thông đoạn cuối hành lang chiến lược Bắc - Nam trên địa bàn tỉnh có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của tỉnh. Nằm trong vùng căn cứ chiến lược của cách mạng, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục và các Khu ủy Khu 1, Khu 6, Khu 10 và sự chi viện về người, vật chất, vũ khí, khí tài của Trung ương, của các chiến trường bạn cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ và Nhân dân hai tỉnh Bình Long, Phước Long, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn hai tỉnh đã từng bước hình thành và phát triển. Đảng bộ và Nhân dân hai tỉnh đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, nâng dần thế chủ động tấn công địch cả về quân sự, chính trị, binh vận trên khắp các vùng đồn điền, dinh điền, nông thôn rừng núi, thị trấn, thị xã, vùng bị tạm chiếm, vùng tranh chấp; làm tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch; làm thất bại chương trình bình định, càn quét gom dân, lập ấp chiến lược của địch. Hoạt động của các lực lượng vũ trang đã hỗ trợ cho phong trào của quần chúng. Phối hợp chặt chẽ lực lượng bên trong với bên ngoài, quân và dân trên địa bàn Bình Phước đã nổi dậy phá ấp chiến lược, mở mảng, mở vùng và xây dựng vùng giải phóng, mở rộng vùng căn cứ kháng chiến, tạo địa bàn đứng chân cho quân chủ lực theo nhiệm vụ chính trị của Trung ương Cục giao, góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, xây dựng vùng bàn đạp tấn công vào Sài Gòn - cơ quan đầu não của địch.

Bên cạnh đó, lực lượng chính trị trên địa bàn tỉnh cũng ngày một lớn mạnh, tập hợp được đông đảo quần chúng vào các tổ chức cách mạng. Trải qua quá trình chiến đấu, lực lượng vũ trang của tỉnh ngày càng trưởng thành

lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, không ngừng nâng cao chất lượng chiến đấu, từ đánh nhỏ lẻ, hỗ trợ phong trào phá ấp chiến lược, tiêu hao địch đến phối hợp ba thứ quân đánh những trận lớn vào cơ quan đầu não địch. Nổi bật có chiến dịch Phước Long - Bình Long mùa hè năm 1965, trọng điểm là Phước Long - Đồng Xoài. Đây là chiến dịch lớn nhất của chiến trường B2. Chiến thắng Phước Long - Đồng Xoài cùng với chiến thắng ở Bình Giả, Ba Gia và nhiều nơi khác trên chiến trường miền Nam, đã góp phần làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy, buộc đế quốc Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ô ạt đưa quân đội Mỹ và quân chư hầu vào tham chiến trên chiến trường miền Nam.

Sau hơn ba năm đương đầu với địch trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Đảng bộ và Nhân dân hai tỉnh Bình Long, Phước Long luôn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi tất yếu của cách mạng miền Nam, quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Với niềm tin đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cùng quân và dân miền Nam, quân và dân hai tỉnh Bình Long, Phước Long ra sức xây dựng lực lượng cả về quân sự và chính trị, vượt qua mọi hy sinh ác liệt, giữ vững thế tiến công, bẻ gãy hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 của Mỹ - ngụy. Những chiến thắng Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh, Đường 13 là những trang sử vẻ vang của quân và dân Bình Phước.

Bước vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, quân và dân Bình Long, Phước Long tấn công vào hai tiểu khu Bình Long, Phước Long và các chi khu khác, phát động quần chúng nổi dậy, đồng loạt tiến công vào sào huyệt và căn cứ của địch, giành thắng lợi vang dội, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ - ngụy tập trung đánh phá ác liệt hòng chiếm lại những vùng đã mất, tiếp tục thực hiện âm mưu xâm lược miền Nam. Mỹ chuyển chiến lược “Chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với kế hoạch “quét và giữ” kết hợp các chương trình bình định cấp tốc, bình định đặc biệt. Để thực hiện âm mưu đó, ở Bình Long - Phước Long, địch tăng cường càn quét, đánh phá sâu vào vùng căn cứ, vùng giải phóng, ráo riết gom dân lập ấp chiến lược bằng nhiều phương tiện và hành động cực kỳ tàn bạo. Có thể nói, năm 1969 và những tháng đầu năm 1970 là thời kỳ ác liệt, khó khăn, gian khổ nhất, nhưng đồng thời cũng là thời kỳ quân và dân hai tỉnh Bình Long, Phước Long tỏ rõ tinh thần cách mạng, anh dũng kiên cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách,

bám trụ chiến trường, tiếp tục thế tiến công đánh địch, duy trì cơ sở, khôi phục phong trào, từng bước tạo thế, tạo lực cho cách mạng đi đến thắng lợi. Mùa hè năm 1972, chiến dịch Nguyễn Huệ thắng lợi, đã giải phóng hoàn toàn các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, giúp cho vùng căn cứ nối liền biên giới Campuchia được mở rộng, trở thành hậu phương trực tiếp của chiến trường B2, góp phần mở ra cục diện mới trên chiến trường, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Pari.

Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari được ký kết. Theo đó, Mỹ phải rút hết quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Lúc này, Lộc Ninh trở thành thủ phủ của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Nhân dân Bình Phước được vinh dự thay mặt Nhân dân miền Nam và cả nước đón những người con từ các nhà tù của Mỹ - ngụy trở về.

Sau đó, để đánh bại âm mưu phá hoại Hiệp định Pari của chính quyền ngụy Sài Gòn, được sự chi viện của Trung ương và của Miền, quân và dân Bình Phước đã tấn công giải phóng hoàn toàn các chi khu, cứ điểm trên đường 14, đánh chiếm chi khu quận lỵ Phước Bình. Ngày 06/01/1975, ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Chiến thắng Phước Long có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng. Lần đầu tiên trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, một tỉnh của miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Đây là đòn trinh sát chiến lược, tạo tiền đề giúp cho Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định và hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời gian sớm. Ngày 02/4/1975, với trận đánh cuối cùng ở Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã sạch bóng quân thù. Ngày 30/4/1975, quân và dân các tỉnh miền Nam và các binh đoàn chủ lực giải phóng Sài Gòn, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới, mở ra bước ngoặt vĩ đại thiết lập quyền làm chủ của Nhân dân trên toàn bộ đất nước, đưa cả nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau giải phóng, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước bắt tay ngay vào công cuộc khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế, xã hội. Buổi đầu còn bộn bề khó khăn. Hậu quả của cuộc chiến tranh để lại rất nặng nề. Trình độ phát triển kinh tế của tỉnh rất thấp. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là thủ công lạc hậu, manh mún. Các cơ sở công nghiệp rất nhỏ bé, sản xuất bị đình đốn, máy móc bị hư hỏng, thiếu nguyên liệu. Mạng lưới y tế, giáo dục, văn hóa lạc hậu. Nhiều người không có việc làm. Nhân dân Bình Phước, nhất là Nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn bị đói ăn,

hay bị ốm đau bệnh tật. Trật tự an toàn xã hội chưa ổn định. Các thế lực phản động, nhất là lực lượng FULRO tiếp tục hoạt động lén lút để chống phá cách mạng.

Phát huy truyền thống hào hùng trong kháng chiến, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, thách thức từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phục hồi sản xuất. Tình hình trật tự xã hội và đời sống nhân dân từng bước được ổn định. Để bảo đảm việc thống nhất lãnh đạo phù hợp với tình hình mới, tháng 8/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) quyết định sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh. Ngày 02/7/1976, hai tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bình Phước sáp nhập thành tỉnh Sông Bé.

Những năm 1975-1985, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong tỉnh tập trung lãnh đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, củng cố xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Giai đoạn này, Đảng bộ tỉnh đã động viên Nhân dân toàn tỉnh tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc; tăng cường tuyên truyền, giáo dục Nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó với những âm mưu phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Đảng bộ và Nhân dân tỉnh còn phải đương đầu với rất nhiều khó khăn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp và cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở trong nước. Qua các kỳ Đại hội lần thứ I, II, III, Đảng bộ tỉnh Sông Bé đã tập trung trí tuệ để tìm con đường phát triển đi lên cho tỉnh nhà. Trước yêu cầu của thực tiễn cuộc sống và thực hiện chủ trương của Trung ương, lĩnh vực nông nghiệp được xác định là mặt trận hàng đầu. Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị đã tạo bước đột phá mới trong nông nghiệp, làm chuyển biến nhận thức và tư duy về cơ chế quản lý, tạo ra hiệu quả lớn về kinh tế nông nghiệp. Đảng bộ tỉnh Sông Bé ngày càng trưởng thành về nhận thức, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào điều kiện cụ thể của tỉnh nhà, khắc phục những biểu hiện chủ quan, nóng vội để phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân. Quá trình nghiên cứu thực hiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp đã mang lại những kết quả thiết thực trong sản xuất, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Những năm 1986-1996, với đường lối đổi mới toàn diện mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra, được Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ VII của Đảng bổ sung và phát triển, Đảng bộ tỉnh Sông Bé đã nhanh chóng nắm bắt, đề ra được các nghị quyết sát hợp với tình hình của địa phương, lãnh đạo tổ chức lại sản xuất, từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý mới. Kinh tế của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh. Nông nghiệp, công nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Từ một tỉnh nghèo, kém phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh liên tục đạt mức khá, năm sau cao hơn năm trước. Những giải pháp, quyết sách mà Đảng bộ tỉnh đề ra đã đưa kinh tế - xã hội của tỉnh đi vào ổn định và tăng trưởng. Đời sống nhân dân được cải thiện về nhiều mặt. Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể ngày càng tiến bộ. Đảng bộ tỉnh cũng luôn chú trọng lãnh đạo bảo đảm giữ vững các nguyên tắc đổi mới, luôn luôn cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại với quốc tế.

Trước nhu cầu phát triển, đổi mới, năm 1997, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX đã ban hành Nghị quyết về việc chia tách tỉnh Sông Bé thành hai tỉnh mới là Bình Dương và Bình Phước. Ngay sau khi được tái lập, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ tỉnh Bình Phước tập trung chỉ đạo thực hiện kiện toàn và ổn định tổ chức bộ máy các cấp, chăm lo đời sống nhân dân. Kế thừa và phát huy những thành quả đạt được trong 20 năm xây dựng và phát triển của tỉnh Sông Bé. Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước đã nỗ lực tạo dựng nền tảng, chuẩn bị tăng tốc để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã phát huy trí tuệ, tài năng tham gia thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị địa phương theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và các tỉnh, thành bạn là điều kiện thuận lợi để tỉnh Bình Phước khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nhiều chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, nhiều nghị quyết chuyên đề và chủ trương lớn phù hợp với thực tế địa phương đã được xây dựng và triển khai. Những vấn đề trọng tâm, trọng điểm được lựa chọn đúng và tập trung thực hiện tốt gồm: Điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, thu hút đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng; nghiên cứu, quyết định một số cơ chế, chính sách tạo vốn, huy động vốn cho phát triển; tập trung chuẩn bị

các điều kiện kinh tế hội nhập; tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế, hợp tác với các địa phương.

Diện mạo kinh tế - xã hội của Bình Phước đã có nhiều thay đổi tích cực. Tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt 6,5-7,5%. Vừa phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, vừa tận dụng được môi trường, vị thế của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Phước luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, quy mô nền kinh tế phát triển nhanh. Kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh được củng cố và mở rộng. Quá trình đô thị hóa đã đáp ứng tốt yêu cầu tăng tốc phát triển. Bình Phước đã có được những sản phẩm tạo được dấu ấn trên thị trường, trở thành “thủ phủ” của cây điều và cây cao su. Thành phần kinh tế thay đổi theo hướng gia tăng khu vực kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trong những năm gần đây, nhờ chính sách mở rộng thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, Bình Phước đã đạt tỷ trọng vốn đầu tư/GDP tương đương với tỷ trọng chung của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người được cải thiện.

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã phát triển khá ổn định và phân bố đều khắp từ thành phố, thị xã, huyện đến xã, phường, thị trấn, các vùng sâu, vùng xa với hệ thống trường ở các cấp học. Toàn tỉnh đã có 1/3 tổng số trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả tốt, giành được nhiều thành tích trong các cuộc thi ở khu vực và quốc tế. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường cả về vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ. Công tác khám, chữa bệnh đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh còn từng bước triển khai mở rộng các dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Tỉnh thực hiện đồng bộ đề án giảm nghèo theo các hướng tập trung nguồn lực, xây dựng các giải pháp cụ thể, đầu tư có trọng điểm nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững; đặc biệt đối với địa bàn còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao. Các dân tộc ngày càng đoàn kết, giúp nhau vươn lên xóa đói, giảm nghèo, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế.

Quốc phòng - an ninh được tăng cường. An ninh quốc gia được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tỉnh luôn chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh và trật tự an toàn xã hội thực hiện tốt. Thế trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn tỉnh được xây dựng gắn với thế trận an ninh nhân dân. Từ tỉnh, huyện đến xã, thị trấn, ấp, sóc, khu phố đã hình thành thế trận phòng thủ vững chắc, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Sự phối hợp hiệp đồng

giữa các ban, ngành, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng với lực lượng vũ trang trong đấu tranh giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ngày càng chặt chẽ, thống nhất và hiệu quả.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã lớn mạnh và trưởng thành cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ luôn giữ vững vai trò lãnh đạo thực sự các nhiệm vụ cách mạng của địa phương. Số lượng đảng viên tăng nhanh; bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng ở các địa phương, cơ quan, đơn vị. Các đảng viên luôn giữ vững lập trường tư tưởng, thực sự là hạt nhân nòng cốt trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Bên cạnh những thành tựu vẫn còn một số yếu kém, khuyết điểm cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của tỉnh như: Nền kinh tế tuy phát triển khá nhanh nhưng chưa thật sự vững chắc, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, nông - lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao. Công nghiệp chưa phát triển theo chiều sâu; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng cho sự phát triển, thu hút đầu tư còn chậm. Nguồn thu ngân sách và cơ cấu nguồn thu chưa thật bền vững, thu chưa đủ chi. Văn hóa, y tế, giáo dục phát triển chưa tương xứng so với tiềm năng của tỉnh. Cải cách thủ tục hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Bên cạnh mặt năng động, dám nghĩ, dám làm thì quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, đền bù giải tỏa, xây dựng cơ bản... có lúc, có nơi chưa thực hiện tốt. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện đạo đức, sa sút ý chí phấn đấu, bản thân thiếu gương mẫu.

Từ trong khói lửa cuộc chiến tranh vệ quốc và thực tiễn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu, chứa đựng những nét truyền thống tiêu biểu của Bình Phước.

- Trong kháng chiến chống quân xâm lược (1930-1975)

Một là, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh cùng cả nước đứng lên không ngại gian khổ, giành thắng lợi quyết định.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã đề ra được cương lĩnh cách mạng cho nước ta là độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội. Trên tinh thần liên tục tấn công địch để giành thắng lợi từng bước tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn, Đảng ta đã đưa những chủ trương, quyết sách đúng đắn phù hợp với từng thời kỳ cách mạng. Trong quá trình, Đảng ta luôn theo sát tình hình, chỉ đạo linh hoạt, toàn diện, kịp thời

và cụ thể. Công tác tư tưởng của Đảng luôn nhất quán, sắc bén. Đảng bộ tỉnh đã biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của mỗi đảng viên, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, bám sát và tích cực vận động quần chúng kiên trì mục tiêu, lý tưởng của Đảng, khi thời cơ đến thì cùng cả nước đứng lên, vượt mọi gian khó, giành thắng lợi quyết định trong sự nghiệp kháng chiến chống quân xâm lược.

Hai là, nhận thức được sức mạnh của quần chúng Nhân dân là sức mạnh vô địch, từ đó khơi dậy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa quân với dân, tạo nên sức mạnh to lớn, góp phần vào thắng lợi của cả dân tộc.

Trải qua bao thăng trầm, Nhân dân Bình Phước luôn một lòng theo Đảng, đoàn kết xung quanh Đảng và Mặt trận, hành động theo lời kêu gọi của Đảng. Nhờ có chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, Đảng bộ tỉnh Bình Phước luôn bảo đảm sự đoàn kết giữa các tầng lớp công nhân cao su, thị dân, người Kinh, người dân tộc thiểu số, đồng thời vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh của địa phương để đưa ra những hình thức phù hợp như tổ chức đại hội già làng, chủ sóc các dân tộc thiểu số, xóa mặc cảm kỳ thị dân tộc với mục đích vừa nâng cao giác ngộ chính trị, vừa hướng dẫn phát triển sản xuất, phát triển cách đánh giặc giữ làng, qua đó nắm chắc quần chúng. Đảng bộ tỉnh cũng chú trọng đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số để bố trí vào các cương vị chủ chốt ở buôn, sóc, vào các cấp ủy đảng và cấp chỉ huy quân sự từ cơ sở đến tỉnh. Được giác ngộ cách mạng, Nhân dân vùng bị chiếm không ngại tù đầy tra tấn của địch, tham gia nuôi giấu cho cán bộ hoạt động nằm vùng, đưa con em thoát ly tham gia lực lượng vũ trang; khi có thời cơ thì tập hợp xung quanh đảng viên, chi bộ mật để đấu tranh chống địch khủng bố, đàn áp, bảo vệ quyền lợi dân sinh, dân chủ, diệt ác phá kìm, kêu gọi binh sĩ ngụy đào ngũ, rã ngũ, tiến lên giải phóng đất nước. Đặc biệt trong muôn vàn khó khăn ấy, Đảng bộ và Nhân dân vùng giải phóng ở Bình Phước vẫn đoàn kết, nhường cơm sẻ áo, đùm bọc hàng ngàn Việt kiều từ Campuchia trở về và hàng ngàn đồng bào thị xã Bình Long. Với sự chi viện của Miền, Nhân dân trong tỉnh đã có ăn, có mặc, có chỗ ở, được chữa trị bệnh, được hướng dẫn sản xuất cứu đói. Khó khăn chồng chất nhưng kết quả đạt được rất đáng tự hào.

Ba là, nắm chắc và vận dụng sáng tạo phương châm đấu tranh, phát động và tổ chức quần chúng hành động cách mạng giành thắng lợi.

Đảng bộ tỉnh đã nắm chắc và vận dụng sáng tạo phương châm đấu tranh hai chân ba mũi giáp công, xây dựng các đội, mũi công tác bám sát địa bàn, luồn sâu vào các ấp chiến lược, thị trấn, thị xã, phát động và tổ chức quần chúng tiến hành đấu tranh cách mạng. Đảng bộ tỉnh đã xây dựng được lực lượng

vũ trang ba thứ quân phối hợp nhau hoạt động có hiệu quả: Tỉnh có tiểu đoàn tập trung cơ động; huyện có đại đội hoặc trung đội bộ đội địa phương; xã có du kích vũ trang, dân quân tự vệ, du kích mật. Công tác binh vận được quán triệt từ Tỉnh ủy đến tận người dân. Ngoài việc kêu gọi anh em binh sĩ đứng về phía Nhân dân, công tác binh vận còn vận động sĩ quan, binh sĩ ngụy đào ngũ, rã ngũ, không đi càn quét, mang súng ra vùng giải phóng. Nhiều mũi công tác còn xây dựng được cơ sở mật trong lực lượng dân vệ, phòng vệ dân sự để nắm tình hình địch. Hoạt động của lực lượng vũ trang và cốt cán binh vận đã hỗ trợ cho quân chúng diệt ác, phá kìm, chống địch càn quét, bảo vệ được vùng căn cứ giải phóng, hình thành ba mũi cùng tấn công địch giành thắng lợi, từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Bốn là, củng cố và phát triển tổ chức đảng, đoàn kết chặt chẽ quân với dân là một ý chí.

Từ Tỉnh ủy đến từng đảng viên luôn thương yêu đùm bọc lẫn nhau, đấu tranh chống tư tưởng và chủ nghĩa cơ hội, hữu khuynh, nóng vội, xa rời quần chúng, đồng thời giúp nhau ổn định chính trị, tư tưởng trong mọi tình huống. Từng đảng viên không kể là đảng viên lâu năm hay đảng viên mới trưởng thành, đảng viên tại chỗ, đảng viên từ nơi khác đến hay đảng viên tập kết trở về đều tự rèn luyện, phát huy vai trò là đầu tàu, gương mẫu chấp hành nghiêm các nghị quyết của cấp trên, bám sát quần chúng, bám sát địa bàn không ngại gian khổ hy sinh. Các cấp ủy đảng luôn thể hiện sự đoàn kết, nhất trí cao trong mọi chủ trương, sâu sát cơ sở, nhạy bén nắm tình hình, dân chủ bàn bạc công việc kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh vừa bảo đảm nguyên tắc, vừa phù hợp với tình hình địa phương. Từng cấp ủy viên đã tỏ rõ được quyết tâm, tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và luôn cố gắng làm tốt phần việc mà mình phụ trách. Đảng bộ tỉnh luôn luôn chăm lo công tác giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng cho đảng viên và Nhân dân, xây dựng lòng tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng được sự gắn bó, đoàn kết giữa Nhân dân và đảng viên. Từ đó, Đảng bộ và Nhân dân đã đùm bọc nhau, chia ngọt, sẻ bùi để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, giữ vững được tinh thần chiến đấu và niềm tin tất thắng.

Năm là, vấn đề xây dựng vùng căn cứ cách mạng có ý nghĩa chiến lược trong suốt hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, vì vậy phải được quan tâm thường xuyên, đúng mức.

Căn cứ cách mạng là nơi cung cấp sức người, sức của cho cách mạng; là nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy; là địa bàn xây dựng

và xuất phát tiến công của các lực lượng. Xây dựng vùng căn cứ vững chắc là nhân tố quyết định thắng lợi cho từng địa phương. Kinh nghiệm ở Bình Phước cho thấy, mặc dù đất rộng, người thưa, kinh tế khó khăn nhưng nếu Đảng biết dựa vào dân, chăm lo xây dựng mọi mặt về chính trị, kinh tế, vũ trang, khi quần chúng giác ngộ sẽ trở thành sức mạnh to lớn, bảo đảm thắng lợi của cách mạng trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, ác liệt và gian khổ do kẻ thù đánh phá ác liệt nhất.

Sáu là, sự chi viện của Trung ương, Trung ương Cục miền Nam và các chiến trường bạn là vô cùng quan trọng đối với Đảng bộ tỉnh Bình Phước.

Từng thời kỳ, Trung ương đã điều động nhiều cán bộ từ các tỉnh Nam Bộ, Khu 6, Khu 10, đặc biệt là điều động hàng loạt cán bộ tập kết trở lại chiến trường, trong đó có cán bộ dân vận, an ninh, kinh tài; bác sĩ; kỹ sư; cán bộ khoa học - kỹ thuật nhiều ngành nghề được đào tạo chính quy. Nguồn chi viện to lớn và quý báu ấy đã góp phần tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước. Hoạt động của quân chủ lực Trung ương và Miền đánh thẳng vào các cơ quan đầu não các tỉnh lỵ, tiểu khu nguy giúp cho hoạt động vũ trang, chính trị, binh vận của lực lượng vũ trang và Nhân dân Bình Phước ngày càng mạnh, tiến tới có thể tự chủ động tiêu diệt nhiều cứ điểm địch.

- Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Một là, chủ động nghiên cứu, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của địa phương.

Kinh nghiệm này luôn được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng quán triệt sâu sắc. Tùy vào hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, Tỉnh ủy luôn sáng tạo trong việc vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng một cách sáng tạo, phù hợp sẽ giúp cho địa phương chủ động đưa ra những cơ chế, chính sách sát hợp phát huy tiềm năng, thế mạnh của mình trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh. Muốn thực hiện có hiệu quả thì trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết phải gắn liền với việc xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể, có tính khả thi; có sự phân công cho từng tổ chức, cá nhân phụ trách; đồng thời chú trọng việc kiểm tra, đôn đốc và thực hiện sơ kết, tổng kết, bổ sung kịp thời góp phần đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Cần hết sức quan tâm, xây dựng các quy chế, quy định để giải quyết tốt mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng - Nhà nước - Mặt trận và các đoàn thể theo hướng bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân thông qua nội dung hoạt động của các đoàn thể chính trị xã hội.

Hai là, xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc và tôn giáo, tự lực tự cường vượt qua khó khăn, thách thức

Đoàn kết và tự lực tự cường là truyền thống quý báu, lâu đời của dân tộc ta nói chung, của Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước nói riêng. Phát huy truyền thống cách mạng, sau ngày giải phóng, Đảng bộ tỉnh Bình Phước không ngừng tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đảng bộ tỉnh nhận thức sâu sắc đoàn kết là sức mạnh, là nhân tố quan trọng bảo đảm cho sự thành công của mọi nhiệm vụ cách mạng. Vì vậy, giai đoạn 1975-2020, trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Bình Phước thường xuyên coi trọng vấn đề đoàn kết nhất trí trong Đảng và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Trên con đường đổi mới, nhất là sau khi tái lập tỉnh, trước những khó khăn thách thức, Đảng bộ tỉnh luôn suy nghĩ, tìm tòi hướng phát triển phù hợp với thực tế địa phương, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho Nhân dân.

Bình Phước là một tỉnh có nhiều thành phần dân tộc và đồng bào có đạo. Trong mọi hoàn cảnh và thời điểm, Đảng bộ tỉnh vẫn kiên trì thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và tự do tôn giáo của Đảng và Nhà nước bằng những biện pháp linh hoạt, khôn khéo, tranh thủ sự đồng tình trong Nhân dân, góp phần làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Đảng bộ tỉnh đã phát huy tinh thần làm chủ, ý chí tự lực tự cường của cán bộ và Nhân dân các dân tộc, các tôn giáo để xây dựng đường lối phát triển, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giúp cho đời sống của Nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao cả về tinh thần và vật chất. Từ đó, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh ngày càng tin tưởng và gắn bó với Đảng.

Ba là, lãnh đạo kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người và củng cố an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Đảng bộ tỉnh Bình Phước luôn năng động, sáng tạo trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội. Các ngành kinh tế được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư phát triển như: đường, điện, nước, bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình... Đây là

tiên đề quan trọng để một tỉnh miền núi, dân tộc có thể phát triển nhanh, bền vững. Các chương trình phát triển kinh tế chuyên sâu như xây dựng các khu công nghiệp tập trung được chú trọng. Tỉnh đã có những cơ chế, chính sách thông thoáng, cởi mở, thu hút các thành phần kinh tế trong nước, ngoài nước tham gia đầu tư. Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh còn có chủ trương để phát triển nguồn nhân lực, thu hút người tài để đội ngũ này trở thành một trong những động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bình Phước ngày nay được biết đến như một trung tâm trồng và chế biến cao su, hạt điều, tiêu, chăn nuôi đại gia súc... của cả nước. Những chủ trương thúc đẩy kinh tế phát triển đã góp phần tạo đà cho các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... phát triển, là cơ sở để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bốn là, thường xuyên coi trọng và làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác cán bộ. Chủ động nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

Từ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các Đảng ủy, Chi ủy cơ sở trong tỉnh thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nhiệm vụ then chốt là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng bộ trong hệ thống chính trị. Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng công tác chính trị, tư tưởng; công tác kiểm tra giám sát; công tác vận động quần chúng. Việc thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình là cơ sở để Đảng bộ tỉnh kịp thời sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo trong tình hình mới.

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất là rất quan trọng. Cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, có tính quyết đoán, dám chịu trách nhiệm sẽ dễ dàng lôi cuốn, động viên được mọi người tin theo, phấn khởi làm việc. Thực tiễn của tỉnh nhà trong những thập kỷ qua đã khẳng định rằng cán bộ đóng vai trò quyết định trong công việc. Cả thành tựu và khuyết điểm, hạn chế đều phản ánh chất lượng của đội ngũ cán bộ. Tỉnh ủy luôn xác định công tác cán bộ chính là chìa khóa để quyết định việc ổn định và phát triển của tỉnh. Do đặc thù là địa phương hội tụ nhiều cán bộ của cả nước từ thời kỳ kháng chiến đến thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước nên Đảng bộ tỉnh rất chú trọng đến việc chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong cấp ủy, trong đội ngũ cán bộ chủ chốt. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh còn chú trọng đến việc tăng cường giáo dục phẩm chất cho cán bộ, đảng viên; kiên quyết chống các biểu hiện gây mất đoàn kết nội bộ như

tư tưởng bè cánh, cục bộ địa phương, cá nhân chủ nghĩa...; và trên cơ sở đó để đánh giá, bố trí và sử dụng đúng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và các đơn vị kinh tế trọng yếu.

Năm là, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Giai đoạn 1975-2020, đặc biệt là giai đoạn sau khi tái lập tỉnh, với ý chí tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, không trông chờ, ỷ lại, Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước đã vượt qua mọi khó khăn trở ngại, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả, gắn phát triển kinh tế - xã hội bền vững với tiến bộ và công bằng xã hội; coi trọng bảo vệ môi trường sinh thái; giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Tỉnh đã huy động được tiềm lực của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào địa phương; khai thác có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, tăng cường hợp tác với các địa phương trong cả nước và hợp tác kinh tế quốc tế. Tỉnh chú trọng công tác vận động Nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, giải quyết kịp thời các khiếu kiện của Nhân dân. Đó chính là yếu tố quyết định đưa Nhân dân các dân tộc Bình Phước thoát khỏi tình trạng đói nghèo để từng bước vươn lên giàu mạnh.

Sáu là, thường xuyên quan tâm lãnh đạo giữ vững quốc phòng - an ninh, làm tốt công tác đối ngoại ở địa bàn một tỉnh biên giới.

Là một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng của vùng biên giới Tây Nam Tổ quốc, tỉnh Bình Phước phải luôn chú trọng đến công tác an ninh chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, biên phòng nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược. củng cố vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; phòng chống có hiệu quả âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội luôn được quan tâm xây dựng, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh. Tỉnh luôn chú trọng bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với an ninh quốc phòng, đối ngoại; huy động cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đi đôi với tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng an ninh, đối ngoại. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải gắn liền với bảo đảm giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia. Tỉnh tăng cường xây dựng

tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện với các tỉnh giáp biên giới thuộc Vương quốc Campuchia, thực hiện tốt hiệp định về quy chế biên giới quốc gia để bảo đảm an ninh - quốc phòng với củng cố quan hệ hợp tác hữu nghị Việt Nam - Campuchia.

Với bề dày truyền thống chiến đấu, xây dựng và trưởng thành qua 90 năm (1930-2020), Đảng bộ và Nhân dân Bình Phước tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân. Tập thể cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân Bình Phước không ngừng phấn đấu, học tập và rèn luyện để xứng đáng với truyền thống vẻ vang của lớp cha anh đi trước; thực hiện tốt nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, hướng tới mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

PHỤ LỤC

Phụ lục I

PHẦN THƯỞNG, DANH HIỆU CAO QUÝ

- Huân chương Sao Vàng: 01
- Huân chương Độc lập (Nhất, Nhì Ba): 538
- Huân chương Lao động (Nhất, Nhì, Ba): 521
- Huân chương Chiến sĩ vẻ vang: 8.000
- Huân chương Chiến công: 5.000
- Huân chương Quân công: 95
- Huân chương kháng chiến chống Pháp (Nhất, Nhì, Ba): 7.128
- Huân chương kháng chiến chống Mỹ (Nhất, Nhì, Ba): 33.162
- Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: 364
- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: 49
- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ: 412
- Cờ thi đua của Chính phủ: 114 đơn vị
- Anh hùng Lao động: 01
- Chiến sĩ thi đua toàn quốc: 15 cá nhân
- Nhà giáo ưu tú: 24
- Thầy thuốc ưu tú: 26

* Ngoài ra, còn nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý khác Đảng, Nhà nước, Chính phủ phong tặng cho các tập thể, cá nhân tỉnh Bình Phước và tỉnh Sông Bé trước đây.

Phụ lục II

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY BÌNH LONG, PHƯỚC LONG, PHÂN KHU BÌNH PHƯỚC, BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 1960-1975

1. Đồng chí Phạm Thuận (Ba Thu) - Bí thư Tỉnh ủy Phước Long (1960-1962)
2. Đồng chí Bùi Đoàn (Ba Nghệ) - Bí thư Ban Cán sự Đảng Bình Long (1961-1962),
Bí thư Tỉnh ủy Bình Long (1964-1965)
3. Đồng chí Trần Quang Sang (Ba Phước) - Bí thư Tỉnh ủy Bình Long (1962-1964)
4. Đồng chí Nguyễn Văn Thâm (Bảy Cổ) - Quyền Bí thư Tỉnh ủy Phước Long (1963)
5. Đồng chí Đỗ Văn Nướng (Tư Nguyệt) - Bí thư Tỉnh ủy Phước Long (1963-1969) và
Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước (1972-1975)
6. Đồng chí Trần Ngọc Khanh (Ba Khanh) - Bí thư Tỉnh ủy Phước Long (1969-1971)
7. Đồng chí Nguyễn Khắc Thành (Năm Thành) - Bí thư Tỉnh ủy Bình Long (1965-1971)
8. Đồng chí Nguyễn Khắc Tính (Ba Ban) - Bí thư Phân khu Bình Phước (1971-1972)

Phụ lục III
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SÔNG BÉ, BÌNH PHƯỚC
QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI GIAI ĐOẠN 1977-2020

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SÔNG BÉ KHÓA I
NHIỆM KỲ 1976-1979

*Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 37 đồng chí chính thức, 1 đồng chí dự khuyết.
Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí*

1. Đỗ Văn Nuống - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2. Lê Văn Thâm - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Nguyễn Văn Luông - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Võ Văn Đợi - Ủy viên Thường vụ, Phụ trách khối Dân vận - Mặt trận
5. Trần Minh Dương - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Nguyễn Văn Hữu - Ủy viên Thường vụ, Bí thư thị xã Thủ Dầu Một
7. Đặng Ngọc Sỹ - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
8. Hà Minh Cảnh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên huấn
9. Nguyễn Long Đức - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch
10. Nguyễn Thị Xưởng - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức
11. Nguyễn Văn Theo - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ty Công an
12. Tiêu Như Thủy - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
13. Phạm Thành Đông (Tạ Tôn) - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
14. Nguyễn Văn Thạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15. Nguyễn Văn Rành - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Nông nghiệp
16. Nguyễn Ngọc Chấn - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Thương nghiệp
17. Lê Tuệ (Ba Minh) - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ty Công an
18. Nguyễn Đình Kính - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phước Long
19. Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bến Cát
20. Nguyễn Hoạt - Tỉnh ủy viên, Chánh Thư ký Công đoàn tỉnh
21. Cao Thiện Nghệ (Năm Chi) - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
22. Huỳnh Điển - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Dân vận - Mặt trận
23. Mai Sơn Việt - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Xây dựng
24. Nguyễn Thị Rẽ - Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Thanh tra
25. Trương Văn Nghĩ - Tỉnh ủy viên, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
26. Lê Văn Trọng - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
27. Trần Văn Thanh - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Tài chính

28. Trần Quới - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thuận An
29. Ngô Quang Ngọc - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
30. Mai Sang - Tỉnh ủy viên, Chánh Thư ký Ngân hàng tỉnh
31. Nguyễn Ngọc Diệp - Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh
32. Phan Hồng Nghĩa - Tỉnh ủy viên, Ủy viên Trung ương Đoàn, Bí thư Tỉnh Đoàn
33. Lưu Hồng Thoại - Tỉnh ủy viên, Ủy viên Thường vụ Trung ương, Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh
34. Nguyễn Văn Tri - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kinh tế mới
35. Nguyễn Văn Khá - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Giáo dục
36. Nguyễn Văn Phú - Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng Trường Đảng
37. Lương Minh Đệ - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Công nghiệp
38. Nguyễn Đình Tục - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Phó Bí thư Huyện ủy Bến Cát

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SÔNG BÉ KHÓA II
NHIỆM KỲ 1980-1983**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 43 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí

1. Đỗ Văn Nướng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2. Lê Văn Thâm - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Nguyễn Văn Luông - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nguyễn Đức Hà - Ủy viên Thường vụ
5. Lê Văn Hai - Ủy viên Thường vụ
6. Nguyễn Văn Hữu - Ủy viên Thường vụ
7. Nguyễn Đình Kính - Ủy viên Thường vụ
8. Nguyễn Thị Liên - Ủy viên Thường vụ
9. Hà Minh Nghĩa - Ủy viên Thường vụ
10. Nguyễn Như Phong - Ủy viên Thường vụ
11. Đặng Ngọc Sĩ - Ủy viên Thường vụ
12. Nguyễn Chí Thành - Ủy viên Thường vụ
13. Nguyễn Bá Thọ - Ủy viên Thường vụ
14. Mai An - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Cải tạo nông nghiệp
15. Nguyễn Thanh Bình - Tỉnh ủy viên, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
16. Nguyễn Ngọc Bích - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
17. Nguyễn Văn Bờ - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
18. Trương Văn Cao - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bến Cát
19. Lê Tấn Cương - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Đài Phát thanh tỉnh
20. Nguyễn Ngọc Chấn - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Thương nghiệp
21. Cao Văn Chi - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
22. Lê Quốc Duy - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
23. Ngô Tuấn Đạt - Tỉnh ủy viên, Thường vụ Huyện ủy Bình Long

24. Trần Văn Đăng - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ty Tài chính
25. Lương Minh Đệ - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Công nghiệp
26. Huỳnh Văn Điền - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tỉnh
27. Phạm Thành Đông - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Lâm nghiệp
28. Lê Hùng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
29. Nguyễn Thanh Hùng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thuận An
30. Phan Văn Hiếu - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
31. Trần Văn Huỳnh - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Tài chính
32. Trần Văn Khá - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Giáo dục
33. Trần Thị Ký - Tỉnh ủy viên, Phó Hội trưởng Phụ nữ tỉnh
34. Trần Quang Minh - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ty Công an
35. Trần Xuân Minh - Tỉnh ủy viên, Phó Thư ký Công đoàn tỉnh
36. Hồ Văn Nam - Tỉnh ủy viên, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
37. Ngô Quang Ngọc - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
38. Hồ Minh Phương - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn
39. Nguyễn Văn Tân - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
40. Huỳnh Văn Tấn - Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư Thị ủy Thủ Dầu Một
41. Nguyễn Ngọc Thắng - Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Giao thông vận tải
42. Bùi Việt Trì - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Xí nghiệp Vận tải đường sông
43. Lê Văn Trọng - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SÔNG BÉ KHÓA III
NHIỆM KỲ 1983-1986**

*Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 41 đồng chí chính thức và 1 đồng chí dự khuyết.
Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí*

1. Nguyễn Văn Luông - Bí thư Tỉnh ủy
2. Lê Văn Thâm - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Nguyễn Như Phong - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Lê Văn Hai - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Cao Văn Chi - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Trần Bình - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7. Nguyễn Bá Thọ - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8. Phan Văn Hiếu - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận
9. Nguyễn Đình Kính - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Phước Long
10. Nguyễn Thị Liên - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
11. Trần Quang Minh - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
12. Hà Minh Nghĩa - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
13. Trần Ngọc Khanh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng đoàn chuyên gia tại tỉnh Kratié (Campuchia)

14. Nguyễn Ngọc Chấn - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15. Nguyễn Thanh Bình - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thuận An
16. Nguyễn Ngọc Bích - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên huấn
17. Lê Tấn Cương - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
18. Lê Quốc Duy - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
19. Trần Văn Đăng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính
20. Phạm Thành Đông - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
21. Lê Hùng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lâm nghiệp
22. Trần Xuân Minh - Tỉnh ủy viên, Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
23. Ngô Quang Ngọc - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
24. Hồ Minh Phương - Tỉnh ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh
25. Nguyễn Văn Tân - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp
26. Huỳnh Văn Tấn - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Thủ Dầu Một
27. Nguyễn Ngọc Thắng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Xây dựng
28. Bùi Việt Trì - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp
29. Nguyễn Minh Đức - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thương nghiệp
30. Phan Hồng Đoàn - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn
31. Nguyễn Hào Đức - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp
32. Nguyễn Thị Én - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Thương nghiệp
33. Nguyễn Thị Kỳ Hương - Tỉnh ủy viên, cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy
34. Nguyễn Văn Inh - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy Phó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
35. Võ Kỳ - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch
36. Võ Sĩ Lâm - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh
37. Điểu Mun - Tỉnh ủy viên, Phó trưởng Công an huyện Phước Long
38. Nguyễn Thế Phương - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giao thông vận tải
39. Trần Trọng Phương - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
40. Bùi Thanh Phong - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
41. Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên, Quyền Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
42. Nguyễn Thành Nhơn - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SÔNG BÉ KHÓA IV
NHIỆM KỲ 1986-1991**

*Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 đồng chí chính thức và 13 đồng chí dự khuyết.
Ban Thường vụ gồm 14 đồng chí*

1. Nguyễn Văn Luông - Bí thư Tỉnh ủy
2. Lê Văn Thâm - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Trần Ngọc Khanh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Cao Văn Chi - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Trần Bình - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

6. Nguyễn Thị Liên - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
7. Nguyễn Bá Thọ - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
8. Lê Văn Hai - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy
9. Ngô Quang Ngọc - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Liên hiệp xuất nhập khẩu
10. Trần Văn Châu - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
11. Võ Sĩ Lâm - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
12. Huỳnh Văn Tấn - Ủy viên Thường vụ, Thư ký Liên hiệp Công đoàn
13. Phan Văn Hiếu - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
14. Hồ Minh Phương - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Thuận An
15. Lê Văn Cúc - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
16. Lê Tấn Cương - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
17. Nguyễn Bảo Đức - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
18. Nguyễn Thị Phương Lan - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
19. Nguyễn Ngọc Bích - Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng Trường Đảng
20. Nguyễn Ngọc Cảnh - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
21. Trương Văn Cao - Tỉnh ủy viên, Chủ nhiệm Liên hiệp Xí nghiệp cao su Dầu Tiếng (Trung ương)
22. Nguyễn Văn Cậy - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Thủ Dầu Một
23. Nguyễn Ngọc Chân - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kinh tế Kế hoạch
24. Lê Quốc Duy - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp
25. Huỳnh Văn Điền - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Dân vận - Dân tộc
26. Phan Hồng Đoàn - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
27. Nguyễn Minh Đức - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
28. Phạm Văn Hòa - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
29. Võ Ký - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
30. Nguyễn Văn Lẹ - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phước Long
31. Huỳnh Nga - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tập thể
32. Nguyễn Thành Nhơn - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
33. Bùi Thanh Phong - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
34. Nguyễn Thế Phương - Tỉnh ủy viên, Sở Giao thông vận tải
35. Trần Trọng Phương - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
36. Bùi Văn Tám - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lâm nghiệp
37. Nguyễn Quốc Thái - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
38. Nguyễn Văn Thỏa - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn
39. Huỳnh Văn Thu - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bến Cát
40. Bùi Việt Trì - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp
41. Ngô Thanh Tuyền - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy

42. Nguyễn Thị Hồng Vân - Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
43. Nguyễn Hữu Ý - Tỉnh ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
44. Nguyễn Ngọc Thắng - Tỉnh ủy viên, Trưởng đoàn chuyên gia Đảng ủy khối cơ quan
45. Nguyễn Văn Bình - Tỉnh ủy viên, Chủ nhiệm Thanh tra tỉnh
46. Trần Trung An - Tỉnh ủy viên dự khuyết
47. Nguyễn Trọng Dũng - Tỉnh ủy viên dự khuyết
48. Lê Văn Đàn - Tỉnh ủy viên dự khuyết
49. Phan Thanh Nam - Tỉnh ủy viên dự khuyết
50. Huỳnh Kim Oanh - Tỉnh ủy viên dự khuyết
51. Nguyễn Huỳnh Phụng - Tỉnh ủy viên dự khuyết
52. Bùi Đức Xuân - Tỉnh ủy viên dự khuyết
53. Đặng Thành Phương - Tỉnh ủy viên dự khuyết
54. Nguyễn Đông Phương - Tỉnh ủy viên dự khuyết
55. Bùi Minh Quân - Tỉnh ủy viên dự khuyết
56. Đoàn Văn Thái - Tỉnh ủy viên dự khuyết
57. Võ Trung Thành - Tỉnh ủy viên dự khuyết
58. Bùi Huy Thống - Tỉnh ủy viên dự khuyết

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SÔNG BÉ KHÓA V
NHIỆM KỲ 1991-1996**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí

1. Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2. Cao Văn Chi - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Hồ Minh Phương - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Phan Văn Hiếu - Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
5. Nguyễn Thị Phương Lan - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Phạm Văn Hòa - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7. Nguyễn Minh Đức - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
8. Nguyễn Minh Đức - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
9. Võ Sĩ Lâm - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
10. Nguyễn Văn Phê - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
11. Bùi Thanh Phong - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Bình Long
12. Nguyễn Văn Thỏa - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
13. Bùi Huy Thống - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
14. Nguyễn Ngọc Ánh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh
15. Nguyễn Ngọc Bích - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Trường Đảng tỉnh
16. Lê Văn Bình - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Công ty cao su Phú Riềng
17. Nguyễn Văn Bình - Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra tỉnh

18. Phạm Văn Cành - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
19. Nguyễn Ngọc Cảnh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính Vật giá
20. Bùi Kim Dung - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng
21. Lê Minh Diệu - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
22. Lê Văn Đàn - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
23. Phan Hồng Đoàn - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thương mại và Du lịch
24. Huỳnh Văn Điển - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Dân vận tỉnh
25. Phan Văn Đương - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Thủ Dầu Một
26. Phạm Văn Sơn Khanh - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn
27. Võ Ký - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
28. Nguyễn Văn Không - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bến Cát
29. Nguyễn Văn Lạ - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phước Long
30. Nguyễn Văn Minh - Tỉnh ủy viên, Tổng Giám đốc Liên hiệp xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu
31. Nguyễn Văn Minh - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
32. Phan Thanh Nam - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thuận An
33. Huỳnh Nga - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
34. Huỳnh Thị Kim Oanh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
35. Đặng Thành Phương - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
36. Nguyễn Đông Phương - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh
37. Nguyễn Huỳnh Phụng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo
38. Bùi Minh Quân - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
39. Nguyễn Hoàng Sơn - Tỉnh ủy viên, Thư ký Hội đồng nhân dân tỉnh
40. Nguyễn Thị Hà Sinh - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Bệnh viện tỉnh
41. Đoàn Văn Thái - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh
42. Nguyễn Quốc Thái - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin - Thể dục thể thao
43. Ngô Thanh Tuyên - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Đài Phát thanh Truyền hình
44. Võ Trung Thành - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
45. Trương Tấn Thiệu - Tỉnh ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
46. Nguyễn Thị Hồng Vân - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
47. Bùi Đức Xuân - Tỉnh ủy viên, Tổng Giám đốc Liên hiệp Xí nghiệp gốm sứ

Từ ngày 10/3/1994 đến ngày 12/3/1994, tại thị xã Thủ Dầu Một, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ (khóa V) họp và bầu bổ sung một số đồng chí làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, gồm:

1. Nguyễn Việt Cường - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
2. Nguyễn Văn Lợi - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn

3. Nguyễn Hữu Luật - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
4. Nguyễn Văn Nam - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
5. Trần Thị Kim Vân - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SÔNG BÉ KHÓA VI (1996)

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí

1. Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2. Nguyễn Minh Đức - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3. Hồ Minh Phương - Ủy viên Thường vụ Trực
4. Nguyễn Quốc Thái - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Đặng Thành Phương - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
6. Phan Thanh Nam - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
7. Bùi Thanh Phong - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
8. Bùi Huy Thống - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
9. Nguyễn Hữu Luật - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
10. Phan Văn Đương - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Thủ Dầu Một
11. Nguyễn Văn Thỏa - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
12. Huỳnh Nga - Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
13. Trần Văn Lợi - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
14. Nguyễn Ngọc Ánh - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
15. Nguyễn Văn Bình - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp
16. Phạm Văn Cảnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
17. Nguyễn Ngọc Cảnh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
18. Nguyễn Đình Chi - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
19. Nguyễn Tất Chiến - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Công ty cao su Phước Hòa
20. Lê Thanh Cung - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
21. Nguyễn Chí Cường - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
22. Nguyễn Việt Cường - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
23. Bùi Kim Dung - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng
24. Lê Văn Đan - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
25. Phan Hồng Đoàn - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
26. Võ Thành Đức - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh
27. Nguyễn Minh Giao - Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra tỉnh
28. Quách Văn Lai - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phước Long
29. Nguyễn Thị Đào - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
30. Trịnh Thị Kim Liên - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
31. Nguyễn Văn Lợi - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn

32. Nguyễn Văn Nam - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
33. Lê Hoàng Nghĩa - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bến Cát
34. Huỳnh Thị Kim Oanh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
35. Nguyễn Huỳnh Phụng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo
36. Lê Tính - Tỉnh ủy viên, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
37. Mai Thế Trung - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
38. Trần Thanh Sơn - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thuận An
39. Nguyễn Hoàng Sơn - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
40. Nguyễn Thị Hà Sinh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Y tế
41. Đoàn Văn Thái, Tỉnh ủy viên, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh
42. Võ Đức Thành - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy
43. Ngô Thanh Tuyên - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
44. Võ Trung Thành - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
45. Trương Tấn Thiệu - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
46. Trần Thị Kim Vân - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
47. Bùi Đức Xuân - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
(do Trung ương chỉ định ngày 12/12/1996)

Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh gồm 29 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí

1. Bùi Thanh Phong - Bí thư Tỉnh ủy
2. Nguyễn Hữu Luật - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Bùi Huy Thống - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nguyễn Văn Thỏa - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Huỳnh Nga - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
6. Nguyễn Phương Nam - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
7. Nguyễn Đình Chi - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
8. Nguyễn Chí Cường - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
9. Lê Tính - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
10. Nguyễn Đắc Khải - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
11. Bùi Thế Thành - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
12. Nguyễn Văn Lợi - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
13. Nguyễn Tấn Hưng - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
14. Trương Tấn Thiệu - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15. Đỗ Thị Thanh Bình - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh

16. Nguyễn Việt Cường - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
17. Nguyễn Văn Hiền - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan
18. Võ Đình Tuyền - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
19. Nguyễn Huy Phong - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp
20. Đoàn Văn Thái - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh
21. Phạm Văn Tòng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
22. Bùi Kim Dung - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng
23. Nguyễn Thị Đào - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
24. Nguyễn Thanh Lâm - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
25. Nguyễn Thị Kim - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục - đào tạo
26. Phan Hữu Nghĩa - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh
27. Quách Văn Lai - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phước Long.
28. Phạm Thế Sương - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
29. Trần Ngọc Trai - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA VI
NHIỆM KỲ 1997-2000**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 41 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí

1. Bùi Thanh Phong - Bí thư Tỉnh ủy
2. Nguyễn Hữu Luật - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Bùi Huy Thống - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nguyễn Tấn Hưng - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Nguyễn Văn Thỏa - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Nguyễn Văn Lợi - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
7. Nguyễn Việt Cường - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
8. Bùi Thế Thành - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
9. Huỳnh Nga - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
10. Nguyễn Đắc Khải - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Đồng Xoài
11. Nguyễn Đình Chi - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
12. Nguyễn Chí Cường - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
13. Lê Tính - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
14. Đỗ Thị Thanh Bình - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
15. Nguyễn Thị Kim - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo
16. Nguyễn Văn Năm - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
17. Nguyễn Minh Được - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
18. Võ Đình Tuyền - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy

19. Nguyễn Huy Phong - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp
20. Đoàn Văn Thái - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh
21. Phạm Văn Tông - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
22. Bùi Kim Dung - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng
23. Nguyễn Thị Đào - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
24. Nguyễn Thanh Lâm - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
25. Trương Tấn Thiệu - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
26. Nguyễn Nghiễm - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
27. Phạm Thành Khi - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
28. Phạm Văn Hảo - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Kho bạc tỉnh
29. Bùi Văn Danh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Địa chính
30. Nguyễn Thắng - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
31. Lê Thái Hòa - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
32. Huỳnh Văn Tiến - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh
33. Quách Văn Lai - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phước Long
34. Phạm Thế Sương - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
35. Nguyễn Văn Nguyên - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
36. Trần Ngọc Trai - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
37. Nguyễn Văn Hiền - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh
38. Nguyễn Phương Nam, Tỉnh ủy viên
39. Phan Hữu Nghĩa - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
40. Nguyễn Viết Nghĩa - Tỉnh ủy viên, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
41. Nguyễn Nam Yên - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA VII
NHIỆM KỲ 2001-2005**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí

1. Nguyễn Hữu Luật - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2. Nguyễn Việt Cường - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3. Nguyễn Tấn Hưng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nguyễn Văn Thỏa - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Trương Tấn Thiệu - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Võ Đình Tuyền - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
7. Nguyễn Đắc Khải - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
8. Bùi Thế Thành - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
9. Huỳnh Nga - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy

10. Nguyễn Văn Lợi - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Đồng Xoài
11. Trịnh Lương Sơn - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
12. Nguyễn Chí Cường - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
13. Lê Tính - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
14. Đỗ Thị Thanh Bình - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
15. Nguyễn Huy Phong - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
16. Nguyễn Văn Năm - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
17. Nguyễn Minh Được - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
18. Bùi Văn Danh - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
19. Nguyễn Thắng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
20. Đoàn Văn Thái - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh
21. Phạm Văn Tòng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
22. Phạm Hùng Sơn - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng
23. Nguyễn Thị Đào - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
24. Lâm Văn Phúc - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
25. Lê Thái Hòa - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
26. Nguyễn Nghiễm - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
27. Phạm Thành Khi - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân tộc - Tôn giáo
28. Trần Ngọc Thuận - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Công ty cao su Bình Long
29. Võ Thành Công - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Địa chính
30. Nguyễn Hồng Trà - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn
31. Vũ Sỹ Thắng - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
32. Đồng chí Huỳnh Văn Tiến - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh
33. Quách Văn Lai - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phước Long
34. Phạm Thế Sương - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
35. Nguyễn Văn Nguyễn - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
36. Trần Ngọc Trai - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
37. Nguyễn Văn Hiền - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh
38. Nguyễn Phương Nam - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Quản lý Khu công nghiệp
39. Phan Hữu Nghĩa - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
40. Nguyễn Viêt Nghĩa - Tỉnh ủy viên, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
41. Nguyễn Nam Yên - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp
42. Hồ Văn Hữu - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp
43. Trần Văn Gôm - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
44. Nguyễn Đình Chiến - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Y tế
45. Nguyễn Thanh Vân - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giao thông vận tải

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA VIII
NHIỆM KỲ 2005-2010

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, gồm 49 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí

1. Nguyễn Hữu Luật - Bí thư Tỉnh ủy
2. Nguyễn Tấn Hưng - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3. Võ Đình Tuyến - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
4. Trương Tấn Thiệu - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Đồng Xoài
5. Bùi Thế Thành - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
6. Nguyễn Văn Lợi - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
7. Nguyễn Văn Trăm - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
8. Nguyễn Chí Cường - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh
9. Phạm Văn Tòng - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10. Nguyễn Thị Lan Hương - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
11. Nguyễn Huy Phong - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
12. Nguyễn Thắng - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
13. Bùi Văn Danh - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Phước Long
14. Võ Quyết Chiến - Tỉnh ủy viên, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
15. Võ Văn Chương - Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra Nhà nước tỉnh
16. Võ Thủy Cúc - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
17. Đỗ Anh Dũng - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
18. Đoàn Tấn Dũng - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
19. Nguyễn Minh Được - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
20. Phan Sỹ Giản - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo
21. Nguyễn Văn Giới - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
22. Trần Văn Gôm - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
23. Nguyễn Thị Thu Hà - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
24. Điều Hôn - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân tộc - Hội đồng nhân dân tỉnh
24. Lê Hùng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
26. Bùi Mạnh Hùng - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
27. Hồ Văn Hữu - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp
28. Giang Văn Khoa - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh
29. Nguyễn Thế Lịch - Tỉnh ủy viên, Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh

30. Vũ Thành Nam - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
31. Nguyễn Văn Năm - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng
32. Trịnh Thị Nga - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
33. Nguyễn Thị Pha - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
34. Lâm Văn Phúc - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
35. Trần Phụng - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) Tỉnh ủy
36. Đỗ Văn Quang - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ
37. Đỗ Quốc Quýt - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Công ty cao su Sông Bé
38. Trần Thị Kim Sang - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Y tế
39. Phạm Hùng Sơn - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy
40. Hà Văn Thành - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đốp
41. Vũ Sỹ Thắng - Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng Trường Chính trị
42. Huỳnh Văn Tiến - Tỉnh ủy viên, Phó giám đốc Công an tỉnh
43. Nguyễn Văn Tính - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Chơn Thành
44. Nguyễn Bá Tòng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Công ty cao su Lộc Ninh
45. Nguyễn Văn Tới - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
46. Nguyễn Hồng Trà - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn
47. Trần Ngọc Trai - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính
48. Nguyễn Thanh Vân - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giao thông vận tải
49. Bùi Quang Việt - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh

** Trong nhiệm kỳ, Đồng chí Bùi Văn Thạch được Trung ương chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII và giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.*

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX NHIỆM KỲ 2010-2015

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 55 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí

1. Nguyễn Tấn Hưng - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2. Võ Đình Tuyền - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh
3. Trương Tấn Thiệu - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (2010-2013)
4. Nguyễn Văn Lợi - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (2010-9/2014); Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh 10/2014-2015)

5. Nguyễn Huy Phong - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Phạm Văn Tòng - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
7. Bùi Văn Danh - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Đồng Xoài
8. Nguyễn Phi Hùng - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
9. Trần Văn Gôm - Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (2010-2013); Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (2013-3/2014)
10. Trịnh Thị Nga - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy (2010-02/2013); Ủy viên Thường vụ, Bí thư Đảng ủy Khối dân chính đảng (3/2013-2015)
11. Giang Văn Khoa - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
12. Nguyễn Văn Tính - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
13. Nguyễn Văn Giới - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
14. Hoàng Văn Huệ - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh; tháng 6/2015 đồng chí chuyển công tác về Bộ Công an (cơ quan phía Nam)
15. Nguyễn Thanh Vân - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh (2010-2014); Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy (2014-2015)
16. Nguyễn Văn Dũng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Chơn Thành (2010-6/2014); Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (7/2014-2015)
17. Trần Tuệ Hiền - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Công ty cao su Phú Riềng (2010-02/2014); Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy (3/2014-2/2015); Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Đồng Xoài (từ tháng 3/2015)
18. Trần Ngọc Trai - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú (2010-6/2014); Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Sở Tài chính (7/2014-12/2014); Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (từ tháng 01/2015)
19. Huỳnh Thị Hằng - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (2010- 9/2014); Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy (10/2014-8/2015); Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Bình Long (từ tháng 8/2015)
20. Huỳnh Quang Tiên - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2010-2/2011); Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng (03/2011-3/2014); Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (4/2014-02/2015); Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (từ tháng 3/2015)
21. Võ Thành Công - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hớn Quản (2010-3/2013); Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Khu đô thị, dịch vụ, công nghiệp tỉnh Bình Phước (4/2013-6/2015); Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (từ tháng 7/2015)
22. Phạm Công - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính (2010-11/2013); Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (12/2013-2015)

23. Dương Văn Dũng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bàn Gia Mập
24. Đoàn Tấn Dũng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan dân chính đảng (2010-3/2014); Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bàn Đóp (4/2014-2015); Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy (từ năm 2015)
25. Hà Anh Dũng - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy (2010-10/2014); Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bàn Đóp (11/2014-2015)
26. Nguyễn Tiến Dũng - Tỉnh ủy viên, Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Ngân sách - Kinh tế, Hội đồng nhân dân tỉnh (2010-11/2015); Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (từ tháng 12/2015)
27. Nguyễn Minh Được - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng tỉnh
28. Tôn Ngọc Hạnh - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh đoàn
29. Nguyễn Minh Hợi - Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối doanh nghiệp (2010-4/2015); Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy (từ tháng 5/2015)
30. Điều Hơn - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân tộc - Hội đồng nhân dân tỉnh
31. Hồ Văn Hữu - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công thương
32. Bùi Mạnh Hùng - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh
33. Nguyễn Văn Hùng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
34. Nguyễn Văn Liên - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy - Chính ủy Bộ đội biên phòng tỉnh
35. Trần Tuyết Minh - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
36. Vũ Thành Nam - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư
37. Nguyễn Văn Năm - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
38. Huỳnh Văn Nước - Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư, Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
39. Nguyễn Thị Kim Nga - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
40. Lâm Văn Phúc - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
41. Ma Ly Phước - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
42. Nguyễn Thanh Quang - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Bình Long
43. Huỳnh Văn Sách - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh
44. Phạm Hùng Sơn - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Phước Long (2010-11/2014); Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy (12/2014-10/2015)
45. Lê Hoàng Thanh - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
46. Hà Văn Thành - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy (2010-3/2014); Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú (4/2014-2015)
47. Bùi Văn Thạch - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

48. Nguyễn Hồng Trà - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đốp (2010-3/2013); Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Quản lý dự án phát triển kinh tế và du lịch sinh thái Bù Gia Mập (4/2013-2015)
49. Nguyễn Hữu Trí - Tỉnh ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
50. Lê Thị Xuân Trang - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Tỉnh ủy
51. Nguyễn Quang Toàn - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
52. Nguyễn Thị Tâm - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
53. Trần Thị Ánh Tuyết - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy (2010-10/2014); Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh (11/2014-2015)
54. Bùi Quang Việt - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (2010-5/2014); Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp (6/2014-2015)
55. Nguyễn Văn Tới - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đại hội đã bổ sung 3 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

1. Nguyễn Văn Trăm được Trung ương chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (từ tháng 3/2013)
2. Lê Văn Châu được Trung ương chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 4/2014)
3. Trần Thắng Phúc được bầu vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh (từ tháng 6/2015)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X NHIỆM KỲ 2015-2020

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 55 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 16 đồng chí

1. Nguyễn Văn Lợi - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh
2. Trần Tuệ Hiền - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (2015-11/2019); Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (từ tháng 12/2019)
3. Nguyễn Văn Trăm - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (2015-11/2019)
4. Lê Văn Châu - Phó Bí thư Tỉnh ủy (2015-8/2018)
5. Nguyễn Quốc Bình - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
6. Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy

7. Huỳnh Thị Hằng - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Bình Long (2015-3/2016); Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (4/2016-01/2020); Ủy viên Thường vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (từ tháng 02/2020)
8. Phạm Phước Hải - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
9. Nguyễn Tấn Hải - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Chơn Thành
10. Trần Tuyết Minh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (2015-12/2019); Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (từ tháng 01/2020)
11. Trần Thắng Phúc - Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh; đến tháng 5/2019, đồng chí chuyển công tác về Bộ Công an
12. Huỳnh Quang Tiên - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Đồng Xoài
13. Trần Ngọc Trai - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (2015-6/2016); Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (từ tháng 7/2016)
14. Lê Thị Xuân Trang - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
15. Lê Văn Uy - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy
16. Trần Thị Ánh Tuyết - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh (2015-02/2020); Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Sở Nội vụ (từ tháng 3/2020)
17. Lê Trường Sơn - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy (2015-5/2019); Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thành ủy Đồng Xoài (6/2019-12/2019); Ủy viên Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Lộc Ninh (từ tháng 01/2020)
18. Tôn Ngọc Hạnh - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn (2015-7/2016); Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (8/2016-5/2019); Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (6/2019-12/2019); Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thành ủy Đồng Xoài (từ tháng 01/2020)
19. Nguyễn Thanh Bình - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh
20. Võ Thành Công - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
21. Phạm Công - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (2015-5/2016); Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (từ tháng 6/2016)
22. Trần Văn Chung - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đăng
23. Nguyễn Tiến Dũng - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (2015-6/2016); Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (từ tháng 7/2016)
24. Hà Anh Dũng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bù Đốp (2015-7/2018); Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ (8/2018-10/2019); Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (11/2019-02/2020); Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (từ tháng 3/2020)
25. Vũ Tiến Điền - Tỉnh ủy viên, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
26. Nguyễn Văn Giúp - Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra tỉnh

27. Giang Thị Phương Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
28. Nguyễn Anh Hoàng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công thương
29. Nguyễn Phúc Hậu - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh
30. Nguyễn Quốc Hiệp - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giao thông vận tải
31. Nguyễn Thị Xuân Hòa - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
32. Nguyễn Minh Hợi - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy (2015-01/2016); Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Bình Long (từ tháng 02/2016)
33. Nguyễn Văn Khánh - Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
34. Đào Thị Lanh - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
35. Lê Hoàng Lâm - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hớn Quản
36. Trần Văn Lân - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phú Riềng
37. Nguyễn Văn Liên - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh
38. Trần Văn Lộc - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
39. Trần Văn Mi - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính (2015-02/2020); Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (từ tháng 3/2020)
40. Huỳnh Anh Minh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
41. Nguyễn Thị Minh Nhâm - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
42. Ma Ly Phước - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân tộc - Ủy ban nhân dân tỉnh
43. Huỳnh Văn Sách - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh
44. Điểu Huỳnh Sang - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Tỉnh ủy
45. Hà Văn Thành - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Phú
46. Nguyễn Hoàng Thái - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Phước Long
47. Huỳnh Hữu Thiết - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
48. Nguyễn Hồng Trà - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
49. Huỳnh Thị Thùy Trang - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé (2015-12/2019); Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc phụ trách Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (từ tháng 01/2020)
50. Nguyễn Hữu Trí - Tỉnh ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
51. Nguyễn Quang Toàn - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
52. Trần Quang Ty - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
53. Lê Văn Vui - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy - Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV cao su Bình Long
54. Võ Sá - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư
55. Lê Đức Xuân - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Đại hội đã bầu bổ sung 8 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X), gồm:

1. Bùi Xuân Thắng - Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc phụ trách Công an tỉnh (tháng 6/2019); Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh (từ tháng 7/2019)
2. Đoàn Văn Bắc - Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (từ tháng 6/2019)
3. Vũ Lương - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (từ tháng 6/2019)
4. Lý Thanh Tâm - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (từ tháng 6/2019)
5. Trần Quốc Duy - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn (từ tháng 6/2019)
6. Nguyễn Thị Hương Giang - Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (từ tháng 6/2019)
7. Bùi Minh Soái - Tỉnh ủy viên, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh (từ tháng 8/2019)
8. Phạm Thị Bích Thủy - Tỉnh ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh (từ tháng 3/2020)

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời giới thiệu</i>	9

Phần mở đầu

BÌNH PHƯỚC - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG	11
---	----

Chương I

ĐẶC ĐIỂM VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ	13
I. Đặc điểm tự nhiên	13
II. Kinh tế	16
III. Sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ	17
IV. Dân cư và văn hóa	18

Chương II

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở BÌNH PHƯỚC TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI	22
I. Chính sách khai thác thuộc địa và sự ra đời của ngành cao su	22
II. Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Bình Phước trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời	28

Phần I

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BÌNH PHƯỚC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	37
--	----

Chương I

SỰ RA ĐỜI CỦA CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THÀNH LẬP ĐẢNG (1930-1939)	39
I. Chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời và lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng (1929-1930)	39

II. Đấu tranh chống khủng bố trắng, khôi phục và phát triển lực lượng cách mạng (1930-1935)	45
III. Đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ trong cao trào cách mạng 1936-1939	50

Chương II

THỰC HIỆN CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945)	56
---	----

I. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng và ảnh hưởng của khởi nghĩa Nam Kỳ đối với phong trào cách mạng ở Bình Phước (1939-1940)	56
II. Chuẩn bị lực lượng cho khởi nghĩa giành chính quyền (1941-1945)	59
III. Cao trào kháng Nhật, cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945	64

Phần II

**LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN BÌNH PHƯỚC
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(9/1945-7/1954)**

73

Chương I

XÂY DỰNG, Củng cố CHÍNH QUYỀN VÀ TÍCH CỰC KHÁNG CHIẾN TRONG NĂM ĐẦU TIÊN SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (9/1945-12/1946)	75
--	----

I. Xây dựng chính quyền cách mạng, tham gia chi viện cho mặt trận Sài Gòn - Gia Định và chuẩn bị trực tiếp chiến đấu	75
II. Quân và dân Bình Phước buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp	80

Chương II

TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN TIẾN LÊN MẠNH MẼ (1947-1950)	88
---	----

I. Phát triển lực lượng, từng bước làm chủ chiến trường	88
II. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang, tham gia chiến dịch Bến Cát	100

Chương III

VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, CÙNG CẢ NƯỚC TIẾN HÀNH CUỘC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI (1951-7/1954)	103
---	-----

I. Tổ chức lại chiến trường, củng cố lực lượng, làm thất bại kế hoạch “bình định gấp rút, phản công quyết liệt” của địch (1951-1952)	103
--	-----

II. Phục hồi, phát triển cơ sở quần chúng, tăng cường lực lượng vũ trang (1952-1953)	114
III. Phối hợp cùng quân và dân cả nước trong chiến dịch Đông - Xuân 1953-1954, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp	116

Phần III

ĐẢNG LÃNH ĐẠO QUÂN DÂN BÌNH PHƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

121

Chương I

LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI (tháng 7/1954 đến cuối năm 1960)

123

I. Sắp xếp lực lượng, lãnh đạo đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, thi hành Hiệp định Giơnevơ	123
II. Kiên quyết chống chính sách “tố cộng, diệt cộng”, giữ gìn và phát triển lực lượng, tạo thế, tạo lực tiến lên Đồng khởi	134

Chương II

XÂY DỰNG THỂ TRẬN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY (1961-1965)

157

I. Hình thành thể trận chiến tranh nhân dân sau Đồng khởi	157
II. Kết hợp 3 mũi giáp công, đấu tranh chống phá âm mưu bình định gom dân, lập ấp chiến lược của địch	167
III. Chiến thắng Phước Long - Đồng Xoài, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - nguy	186

Chương III

QUYẾT TÂM ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC, GÓP PHẦN LÀM PHÁ SẢN CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ - NGUY (1965-1968)

192

I. Giữ vững thế tiến công, góp phần đánh bại các cuộc hành quân “tìm diệt và bình định” của địch trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967	192
II. Thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ	212

Chương IV

**KIÊN CƯỜNG VƯỢT QUA GIAN KHỔ, BẮM SÁT ĐỊA BÀN
KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG
GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH”
(CUỐI 1968 - 27/01/1973)**

- I. Tình hình Bình Long - Phước Long sau Mậu Thân 1968 226
- II. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, liên tục chống địch càn quét, lấn chiếm, từng bước khắc phục khó khăn để củng cố lực lượng, khôi phục phong trào cách mạng 231
- III. Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Long, Phước Long quyết tâm giành thế chủ động chiến trường 248
- IV. Thành lập Phân khu Bình Phước, tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ mùa hè năm 1972, giải phóng Lộc Ninh - Bù Đốp 256

Chương V

**CHỦ ĐỘNG, KIÊN QUYẾT TRỪNG TRỊ ĐỊCH LẤN CHIẾM,
PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH PARI, TÍCH CỰC CHUẨN BỊ,
ĐÓN THỜI CƠ GIẢI PHÓNG TỈNH NHÀ
(1973-1975)**

- I. Trừng trị địch phá hoại Hiệp định Pari, xây dựng và củng cố vùng căn cứ giải phóng vững mạnh (1973) 274
- II. Phát triển thực lực cách mạng, hưởng ứng các chiến dịch đánh địch cùng chủ lực Miền, giải phóng tỉnh nhà (1974-1975) 289

Phần thứ tư

**KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH,
THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG
VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1996)**

305

Chương I

**KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, THỰC HIỆN THẮNG LỢI
NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986)**

307

- I. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, vượt qua khó khăn, ổn định kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng (1975-1980) 307
- II. Chủ động, sáng tạo lãnh đạo nhân dân tích cực xây dựng kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh và tham gia thực hiện nghĩa vụ quốc tế (1980-1983) 341
- III. Đẩy mạnh sản xuất, phát huy tiềm năng kinh tế địa phương, từng bước nâng cao đời sống vật chất văn hóa của Nhân dân, tăng cường công tác quốc phòng - an ninh và đối ngoại (1983-1986) 353

Chương II

**ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG**

(1986-1996)

365

I. Bước đầu triển khai đường lối đổi mới của Đảng vào thực tế địa phương
(1986-1991)

365

II. Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, từng bước xây dựng công nghiệp hóa,
hiện đại hóa (1991-1996)

391

Phần thứ năm

**ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH
SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**

(1997-2020)

417

Chương I

**ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA SAU NGÀY TÁI LẬP TỈNH**

(1997-2005)

419

I. Nâng cao năng lực lãnh đạo, bước đầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện
đại hóa sau khi tái lập tỉnh (1997-2000)

419

II. Vững bước đi lên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
(2001-2005)

442

Chương II

**ĐẢNG BỘ TỈNH CHỈ ĐẠO TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TỐC ĐỘ NHANH, BỀN VỮNG**

(2005-2020)

477

I. Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết
toàn dân tộc (2005-2010)

477

II. Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định chính trị -
xã hội

510

III. Tập trung mọi nguồn lực phát triển kinh tế xã hội, tăng cường xây dựng
Đảng trong sạch, vững mạnh (2015-2020)

557

Kết luận

589

Phụ lục

605

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập nội dung: TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA
PHẠM VĂN THÔNG
NGUYỄN VĂN TUÂN
LÊ THỊ THU HỒNG
Trình bày bìa: TRẦN QUYẾT THẮNG
Chế bản vi tính: NGỌC NAM
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP CHI NHÁNH TP.HCM
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

In 1.500 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty Cổ phần in Khuyến học phía Nam, địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Số đăng ký xuất bản 3574-2020/CXBIPH/8-330/CTQG. Quyết định xuất bản số 5269-QĐ/NXBCTQG ngày 15/9/2020. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-6008-6.